

**Phật Thuyết
Quán Vô Lượng Thọ Phật
Kinh Giảng Ký**

佛說觀無量壽佛經

講記

Chủ giảng: Lão cư sĩ Từ Tỉnh Dân (徐醒民)

Địa điểm: Đài Trung Liên Xã

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Minh Tiến, Đức Phong và Huệ Trang

(blank page)

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

佛說觀無量壽佛經講記

Chủ giảng: Lão cư sĩ Từ Tỉnh Dân (徐醒民)

Địa điểm: Đài Trung Liên Xã

Khởi giảng từ ngày Hai Mươi tháng Sáu năm 1997

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Minh Tiến, Đức Phong và Huệ Trang

Giới thiệu sơ lược về cư sĩ Từ Tỉnh Dân

Lão cư sĩ Từ Tỉnh Dân, tên thật là Tự Minh, một biểu hiệu khác là Tự Dân, sanh năm 1928 tại huyện Lô Giang, tỉnh An Huy. Cụ theo học giảng kinh với lão cư sĩ Lý Bình Nam tại Đài Trung, những bạn cùng khóa ấy về sau đều trở thành những vị giảng sư tích cực và nổi danh của Tịnh Tông như hòa thượng Tịnh Không, nữ cư sĩ Lý Khán Tri, lão cư sĩ Châu Gia Lân v.v... Cụ đặc biệt tâm đắc chủ trương hoằng dương Nho học theo cách nhìn của nhà Phật. Sau khi cụ Lý vãng sanh, cụ Từ đã kế tục di chí của thầy, hoằng dương không mệt mỏi suốt hai mươi năm. Cụ đã hoạt động hoằng pháp tại Đài Trung Liên Xã suốt ba mươi năm, giữ chức Bí Thư của Đài Trung Đồ Thư Quán mãi cho đến năm 1993 mới xin nghỉ. Cụ cũng là người giữ vai trò biên tập viên chính yếu và tổng phát hành của tờ tạp chí Phật học Minh Luân. Cụ thường được hòa thượng Tịnh Không mời đến diễn giảng trong các khóa bồi huấn dành cho các pháp sư và giảng sư của Tịnh Tông Học Hội.

Tập 1

I. Lược thuyết nhân duyên (giới thiệu đại lược nhân duyên)

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu! Hôm nay, chúng tôi bắt đầu cùng mọi người nghiên cứu Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Hôm nay là buổi giảng đầu tiên. Trước hết, xin mọi người xem phần một của đề cương bài giảng. Trong biểu đồ, điều thứ nhất là “*I. Lược thuyết nhân duyên*”. Chúng ta làm bất cứ chuyện gì

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cũng đều có nhân duyên. Vạn pháp sanh từ nhân duyên; nhà Phật cũng vậy, tổ chức một pháp hội, giảng một bộ kinh, đều có nhân duyên. Nhân duyên nếu nói cạn kẽ, sẽ rất tốn thời gian; ở đây, chỉ là nói tóm tắt.

Tuần trước, chúng ta vừa giảng viên mãn bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Trong phần Lưu Thông của bộ kinh ấy, đã nói rất rõ ràng: Từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, mãi cho đến hiện thời, thế giới Sa Bà của chúng ta là thế giới gì? Là ngũ trược ác thế. “*Ngũ trược ác thế*” chẳng cần phải nói tường tận; chúng ta nhìn vào thời đại hiện tại, trên thế giới này, bất luận trong nước hay ngoài nước, đối với tâm lý của nhân loại trên toàn cầu, nghiên cứu, quan sát tỉ mỉ đôi chút, sẽ cảm thấy lòng người hiện thời toàn là ô trược, chẳng có một người nào tâm thanh tịnh! Trong thời đại rất ô trược như vậy, tâm mọi người đều chẳng thanh tịnh dường ấy. Giữa con người với nhau, lại còn là “*ngươi tranh, ta đoạt*”, tạo thành trạng huống hiện thời, chúng ta sống trong thời đại này, có gì là tự do tự tại? Chẳng thể nói được! Từ nội tâm cho đến hoàn cảnh bên ngoài, nơi nơi đều tạo cho chúng ta cảm xúc tầng tầng áp bức, chẳng có tự do thật sự; còn gì nữa đâu! Điều căn bản nhất là loài người chúng ta, tuy thế gian này chẳng tốt đẹp, mọi người vẫn cứ hy vọng sống lâu hơn một chút, nhưng chẳng thể được! Dầu sống đến một trăm tuổi, hoặc một trăm hai mươi tuổi, thậm chí sống đến hai trăm tuổi (hiện thời, tìm chẳng ra kẻ sống đến hai trăm tuổi), rốt cuộc, vẫn phải chết. Đó chính là vấn đề sanh tử. Có phải chết rồi là hết chuyện hay chẳng? Chẳng hết chuyện! Sau khi đã chết, sẽ lại chuyển thế, chuyển tới đường nào? Chẳng dám nói [dứt khoát]. Trong thời đại hiện tại, tâm địa mọi người xấu xa dường ấy; tuy tâm địa chúng ta chẳng xấu xa, nhưng chịu ảnh hưởng từ mọi người, tâm sẽ tự nhiên bị nhiễm ô theo! Trong tương lai, chuyển sang đời khác, có ai nắm chắc đời sau [chính mình] vẫn sanh trong nhân gian hay không? Người trong xã hội hiện thời dưới tình huống như vậy, chắc chắn sẽ đọa trong tam đồ, mong sanh trong nhân gian sẽ là chuyện chẳng thể nắm chắc, chỉ còn cách là ắt phải học Phật.

1.1. Kiên định tín tâm

Phật là gì? Phật là một loại giác ngộ. Bất cứ loại học vấn nào trong thế gian cũng đều chẳng rốt ráo, chỉ có học vấn của nhà Phật mới là triệt để rốt ráo, nó có thể giải quyết vấn đề sanh tử. Đầu tiên, chúng ta phải hiểu rõ (khi giảng kinh A Di Đà, trong khi giảng chánh kinh, chúng tôi đã nói nhiều lần): Tuy học Phật có thể liễu sanh tử, nhưng Phật pháp

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhieu ngàn ấy, nếu học theo các pháp môn thông thường, sẽ chẳng kịp! Mong liễu sanh tử, giải thoát lục đạo luân hồi bằng pháp môn thông thường, tuyệt đối là chẳng thể làm được trong một đời này! Nay chúng ta học các pháp môn bình thường, sẽ cần phải có thời gian khá dài, chẳng thể giải quyết vấn đề thực tế. Chúng ta mong giải quyết vấn đề ngay trong một đời này, ắt phải học Tịnh Độ Tông, tu pháp môn Niệm Phật. Từ quá khứ cho đến hiện thời, khá nhiều liên hữu ở Đài Trung đã chịu ân giáo hóa của lão ân sư Tuyết Công (Lý Bình Nam), bao nhiêu vị lão liên hữu đã vãng sanh! Đã có những chứng minh thực tiễn, [chúng tôi] chỉ có tu pháp môn Tịnh Độ thì mới có thể thành tựu ngay trong một đời. [Do vậy], trước hết là phải có tín tâm đối với pháp môn này!

Cũng có lẽ chúng ta sẽ nghĩ như thế này: “Chúng ta ở Đài Trung đã nghe lão ân sư Tuyết Công giảng dạy mấy chục năm rồi. Thầy giảng kinh, thuyết pháp ở nơi đây, đã giảng về các pháp môn bình thường rất rành rẽ, rõ rệt, mà đối với pháp môn đặc biệt, cũng giảng rành mạch, đương nhiên là chúng ta có tín tâm”. Tín tâm đương nhiên là có, nhưng sợ rằng cái tín tâm đã có ấy chẳng thể chịu nổi khảo nghiệm! Khảo nghiệm gì vậy? Tôi nêu ra một chuyện để quý vị tham khảo. Trước khi thầy chúng ta vãng sanh mấy năm, có một nhà Phật học từ ngoại quốc trở về (pháp Niệm Phật vốn thuộc loại pháp môn đặc biệt. Căn cơ và năng lực của chúng ta quá mỏng, chẳng thể đoạn Hoặc. Xét theo pháp môn thông thường, [để liễu thoát] thì nhất định là phải đoạn Hoặc. Đoạn hết Kiến Tư Hoặc thì mới có thể liễu sanh tử, nhưng pháp môn đặc biệt chẳng cần đoạn Hoặc, chỉ cần đở nghiệp vãng sanh là có thể liễu sanh tử. Tới thế giới Cực Lạc là có thể liễu thoát), nhà Phật học ấy đưa ra ý kiến phản đối chuyện “đở nghiệp vãng sanh”. Ông ta bảo: “Trong kinh luận Tịnh Độ, chẳng có chuyện ấy, đở nghiệp vãng sanh là giả!” Quý vị nghĩ xem! Cách nói ấy được truyền bá thì có thể nói là toàn thể pháp môn Tịnh Độ Tông đã bị sỗ toẹt hết sạch! Tịnh Độ Tông có thể thành tựu ngay trong một đời, điều đặc biệt nhất chính là đở nghiệp vãng sanh. Chẳng thể đở nghiệp vãng sanh, chỉ có thể từ từ tiêu trừ tất cả tội nghiệp, đoạn trừ Kiến Tư Hoặc từng tầng một, tới khi nào mới có thể đoạn hết? Tu theo pháp Tiểu Thừa, từ Sơ Quả đến Tứ Quả, qua lại trong cõi trời và nhân gian, tu tập như thế phải mất bảy lượt sanh tử. Đối với Đại Thừa Phật pháp, để thành Phật càng phải lâu xa hơn! Từ đoạn Kiến Hoặc cho tới khi thành Phật, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp; đó là [xét theo] pháp môn thông thường! Trong thời đại hiện tại, người tu theo pháp môn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thông thường, chẳng có một ai có thể thành tựu. Nói theo kiểu ông ta, hồng bát! Toàn thể pháp môn đặc biệt đều chẳng còn nữa!

May mắn là thầy chúng ta đã dùng thời gian nhiều năm để phá trừ tà thuyết ấy, khiến cho các liên hữu ở Đài Trung ổn định tín tâm, chẳng tin theo cách nói của gã ấy! Hẳn ta chủ trương “*tiêu nghiệp vãng sanh*”, chẳng phải là “*đổi nghiệp vãng sanh*”. “*Tiêu nghiệp*” có nghĩa là tội nghiệp đã tạo từ vô thủy tới nay, tiêu trừ từng tầng một, tiêu hết sạch rồi mới vãng sanh. Lý này nói chẳng suông! Thầy chúng ta dẫn chứng lý luận từ kinh văn và lý luận của lịch đại tổ sư để bác bỏ, đã phá tà thuyết ấy. Lão nhân gia quá từ bi! Tâm mọi người đã ổn định rồi, lão nhân gia mới vãng sanh. Nếu như chúng ta gặp phải tình huống ấy, mà thầy chẳng còn tại thế để nói rõ hồng kiên định tín tâm của chúng ta, phá trừ tà thuyết, tín tâm của chúng ta sẽ chẳng dám bảo đảm! Người ta từ ngoại quốc trở về, lại còn lãnh đạo một tiêu tổ chuyên môn tra cứu kinh văn của kinh điển Tịnh Độ, sau đây mới công bố “*học thuyết*” đó, quý vị nghĩ xem! Chúng ta được thầy chỉ bảo như vậy mới ổn định [tín tâm], chuyện ấy mới giải quyết xong xuôi! Thầy chúng ta vãng sanh đến nay đã là năm năm. Trong năm năm qua, chúng ta hãy nghĩ xem, đừng chỉ nhìn riêng trong vùng Đài Trung, hãy nhìn ra tình huống bên ngoài: Các thứ tà thuyết trong học vấn thế gian mỗi ngày một rất nhiều, đối với nhà Phật thì sao? Mỗi tông có cách giảng giải riêng. Nếu chúng ta nay nghe pháp này, ít lâu sau lại nghe pháp khác. Nghe pháp bên Thiên Tông, Thiên Tông có phương pháp của Thiên Tông. Nghiên cứu giáo lý thì họ cũng có cách nói theo kiểu nghiên cứu. Mật Tông lại có cách nói của Mật Tông. Các tông có phương pháp tu hành riêng của mỗi tông. Mỗi tông nêu ra lý luận và phương pháp đều hay, đều là thành tựu rất nhanh chóng, nhưng chúng ta nghe thấy êm tai lắm, rốt cuộc phải làm sao? Nhất là trong hiện thời, có những kẻ nói: “*Quý vị chẳng cần chờ đến khi mạng chung mới vãng sanh, nay tôi dạy quý vị dạy một pháp ngay lập tức có hiệu quả rất tốt đẹp. Tôi sẽ hiển thị cho quý vị thấy*”. Chúng ta ngẫm xem: Gặp phải cách nói ấy, tín tâm của chúng ta đối với pháp môn Niệm Phật có bị dao động hay chẳng? Đó là một tầng.

Lại xét đến vấn đề nơi hành vi của con người: Do có rất nhiều người tu đạo làm những chuyện này nọ, hoặc trong cách cư xử giữa con người với nhau, xét theo các khía cạnh, đều có những chỗ chẳng đúng pháp, cũng gây ảnh hưởng đến tín tâm tu đạo của chúng ta. Do có các thứ hiện tượng ấy, sau khi thầy chúng ta đã lìa khỏi thế giới Sa Bà, lại

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhìn ra tình huống bên ngoài, chúng tôi cảm thấy: Chúng ta vẫn phải tăng cường kiên định tín tâm.

Trong các thí dụ như tôi vừa mới nhắc tới, nếu như có kẻ nói: “Hãy ngay lập tức đưa ra thành quả cho các vị xem thử”. Đối với điều này, tôi vẫn phải giải thích đôi chút. Kẻ nói kiểu ấy chẳng phải là người học Phật thuần chánh! Người học Phật thuần chánh, bất luận thuộc tông phái nào, đều ăn nói đúng quy củ, chẳng thể nói năng như vậy. Phạm là những cách nói giống như thế, chẳng phù hợp kinh điển, chẳng phải là Phật pháp thuần túy, chẳng biết là từ đâu ra, chúng ta chẳng bàn tới. Phải hiểu rõ điều này! Lại còn như thế nào nữa? Chúng ta biết là phải có tín tâm, nhưng tín tâm được kiến lập như thế nào? Sau khi đã kiến lập, vẫn phải thường xuyên vun bồi. Sau khi tín tâm đã bén rễ vững chắc, sẽ sanh ra sức mạnh. Do vậy, có Ngũ Căn, Ngũ Lực, những thứ này đều ắt cần phải có. Muốn cho tín tâm có căn cội rất sâu, cũng như có sức mạnh rất lớn, phải cấy vào đâu? Cấy vào hiểu lý, [tức là] thông hiểu Phật lý. Chẳng thông hiểu Phật lý, sẽ chẳng có sức mạnh, chẳng có căn cội!

Lý phát xuất từ chỗ nào? Đương nhiên là phải hiểu rõ Phật lý trong các pháp môn thông thường, và cũng phải hiểu rõ lý đặc biệt trong Tịnh Độ Tông. Về cơ bản, lý được nói trong Tịnh Độ Tông và lý trong pháp môn thông thường chẳng khác nhau, đều nhằm hiển lộ bản tánh sẵn có của chúng ta. Đó là Chân Ngã. Chân Ngã chẳng có sanh tử, chẳng có hết thảy các hiện tượng hư giả. Cái Ngã thật sự chính là tự do tự tại lớn nhất. Hết thảy Phật lý đều nhằm dạy chúng ta hiển lộ Chân Ngã. Ngoài điều này ra, Tịnh Độ Tông có phương pháp đặc biệt [để hiển lộ Chân Ngã]. Dùng ba kinh Tịnh Độ để nói, một bộ là Đại A Di Đà Kinh, cũng chính là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Bộ kinh này nói trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện như thế nào, sau đó tu hành như thế nào. Cuối cùng, dạy chúng ta: Muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải tu hành như thế nào? Phải thực hiện các việc phụng sự, phải tu các thứ phước báo. Một bộ nữa là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tức Tiểu Bản A Di Đà Kinh, phương pháp là trì danh niệm Phật. Kế đó là bộ Quán Kinh mà hiện thời chúng ta sắp bắt đầu nghiên cứu. Quán Kinh dạy chúng ta dùng phương pháp tu Quán, trong phần cuối cùng của kinh cũng có phương pháp Trì Danh, giảng giải hết sức hoàn thiện: Từ hạng căn khí tối thượng tu Quán, cho đến cuối cùng nói về Trì Danh, toàn bộ [các pháp tu tập thích hợp mọi căn cơ] đều có. Đây là xét theo khía cạnh phương pháp.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Nếu nói theo phương diện lý luận, trong ba kinh Tịnh Độ, chỉ có Quán Kinh. Bộ kinh này giảng những điều gì? Đối với hết thầy Đại Thừa Phật pháp, hễ nói đến Lý, đều nói: *“Hết thầy chỉ do tâm tạo”*. Bất cứ một pháp môn nào, hoặc một pháp nào, đều do tự tâm của chúng sanh tạo ra. Lũ phàm phu chúng ta mê hoặc, điên đảo, nên tạo thành thế giới ngũ trược ác thế trong hiện tại. Đây là một thế giới sanh sanh diệt diệt, sanh tử chẳng ngừng. Bọn phàm phu chúng ta đã tạo ra thế giới ấy. Sau khi chúng ta đã hiểu rõ tâm tánh của chính mình, chúng ta có thể tạo ra một thế giới, tạo ra thế giới như thế nào? A Di Đà Phật tạo ra Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta có thể tạo giống hệt như vậy. Phải hiểu rõ lý này! Chỉ cần tâm chúng ta hiểu rõ phương pháp, hiểu rõ đạo lý, chúng ta có thể dựa theo lý tưởng của chính mình để tạo ra hết thầy các thế giới. Chúng ta liễu sanh tử, thành Phật, đều cậy vào lý luận này! Bất luận là tông nào, ngay như Thiên Tông nói đến chỗ cao tột nhất thì cũng là đại nguyên tắc này! Hoa Nghiêm Tông lấy kinh Hoa Nghiêm làm chủ, có một bài kệ: *“Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ung quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”* (Nếu ai muốn rõ biết, ba đời hết thầy Phật, nên quán tánh pháp giới, đều chỉ do tâm tạo). Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy, chẳng có lý gì cao hơn nữa! Nhưng lý được giảng trong bộ Quán Kinh này hoàn toàn nhất trí với lý ấy. Trong phần sau, khi giảng đến kinh văn, quý vị sẽ tự nhiên nhận biết. Vì thế, hễ nói đến các pháp môn thông thường, Thiên Tông, Mật Tông, Duy Thức, Thiên Thai, hay Hoa Nghiêm, lý trong bất luận tông nào cũng đều chẳng thể vượt ra ngoài lý luận của Quán Kinh!

Đã hiểu rõ lý luận, lại còn có phương pháp đặc thù, sau khi đã thông hiểu, tín tâm của chúng ta chắc chắn được kiên định. Trong thí dụ tôi vừa mới nêu, kẻ đòi đưa ra thành quả ngay lập tức, chính là kẻ chẳng hiểu Phật pháp mà cứ nói bừa, đương nhiên là chẳng đáng cho chúng ta bận tâm! Đối với các lý luận thuộc các tông phái chân chánh trong nhà Phật, chúng ta phải phân định rành mạch: Bất cứ lý luận của tông nào, bất cứ phương pháp của tông nào, đều thuộc trong phạm vi lý luận và phương pháp như chúng tôi vừa nói. Sau khi đã hiểu rõ lý luận, đối với phương pháp tu tập trì danh niệm Phật của chúng ta, bất cứ sức mạnh nào cũng đều chẳng thể lôi kéo khiến cho chúng ta thoái chuyển! Đây chính là nhân duyên trọng yếu để chúng ta khởi sự nghiên cứu bộ kinh này, tìm hiểu lý này, hòng kiên định tín tâm. Sau khi tín tâm đã kiên định, nguyện lực mới mạnh mẽ, mới có thể phát nguyện. Sau đây lại trì danh,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phương pháp tu tập mới chẳng bị thoái chuyển, ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh mới có thể trông cậy!

I.2. Hoằng truyền Tịnh pháp

Sau khi chúng ta đã trọn đủ tín tâm, trên đường tu hành, có thể nói là chính mình đã nắm chắc. Sau khi đã nắm chắc, phải hiểu rõ Tịnh Độ Tông là Đại Thừa Phật pháp. Riêng chính mình đã đạt được lợi ích, vẫn chưa đủ, vẫn phải làm cho tất cả mọi người trong thiên hạ, thậm chí tất cả chúng sanh, đều được hưởng lợi ích. Vì thế, phải nói điều thứ hai cùng quý vị: Phải hoằng truyền Tịnh pháp! Chúng ta phải hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Để hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, Lý đương nhiên là trọng yếu. Như tôi vừa mới nói, Lý được giảng trong bộ Quán Kinh hết sức thấu triệt. Chúng ta đã hiểu rõ Lý, không chỉ là như chúng tôi vừa mới nói, tà tri tà kiến bên ngoài chẳng thể ảnh hưởng chúng ta, chúng ta còn phải tiến thêm một bước nữa: Căn cứ trên những lý luận ấy để truyền bá, hòng chuyển biến tình huống thế gian trong hiện thời, tức là phải hoằng truyền Tịnh pháp. Hoằng truyền Tịnh pháp thì nhất định phải hiểu lý luận được giảng trong bộ kinh này.

Hoằng truyền pháp môn Tịnh Độ có ý nghĩa hết sức rộng rãi. Nói theo phương diện “liễu sanh tử”: Phạm là người tu đạo, nếu người ấy quyết tâm liễu sanh tử ngay trong một đời này, chúng ta truyền cho họ pháp môn này, ngay lập tức, họ sẽ đạt được lợi ích. Còn như đối với người hiện thời vẫn chưa tiếp xúc Phật pháp, chúng ta truyền bá pháp môn này, họ sẽ dựa trên học lý của pháp môn Tịnh Độ để xem xét tất cả các thứ học vấn trong thế gian. Khoa học cũng thế, mà triết học cũng thế, đối với hết thảy học vấn, đều có thể thấy thấu suốt. Vì sao? Vì bất luận loại học vấn nào trong thế gian, bất luận môn triết học cao nhất nào, khi nói đến rốt ráo, cũng đều chẳng thể nói thấu triệt ngàn ấy. Vì thế, khi quý vị đã hiểu rõ pháp này, sẽ có thể nắm vững tất cả học thuyết xưa nay trong thế gian, đều có thể thấy rõ ràng, rành rẽ, mà cũng có thể phá trừ hết thảy các tà thuyết trong thế gian. Đối với lòng người trong thế gian, đều có năng lực chuyển biến, đều có thể khiến cho họ từ các học thuyết mà hiểu rõ học thuật nào là tốt đẹp, học thuật nào chẳng tốt đẹp, đều có thể nói rõ và chuyển biến được. Chúng ta thấy hết thảy các học thuyết trên thế giới hiện thời đều nhằm dạy chúng sanh truy cầu nơi danh, nơi lợi, tăng thêm tâm lý tham cầu cho con người, toàn là tranh quyền đoạt lợi! Chẳng có một loại học vấn nào khiến cho quý vị tận hết sức thoái

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thác danh lợi, nhường cho người khác, hoặc dạy quý vị đừng tham lam. Trong các học thuyết trên thế gian hiện thời, chẳng hề có tư tưởng ấy.

Nếu quý vị chạy theo những học thuyết trong thế gian hiện thời, chỉ có ngày càng đọa lạc, tuyệt đối chẳng có lợi ích. Tuy trước mắt tranh giành với kẻ khác, chính mình còn có một chút năng lực để giành phần thắng. Chúng ta có thể tranh đoạt tiền tài, cũng như tranh đoạt quyền lực, nhưng [những thứ đó] quá hữu hạn, quá ít ỏi! Dù quý vị giành được ngôi vị Tổng Thống nước Mỹ đi nữa! Lại là như thế nào? Làm được mấy năm, chẳng thể làm thêm nữa! Dầu nói quá lên là quý vị có thể làm mãi, giống như đại hoàng đế thuở xưa, làm suốt đời rồi vẫn có lúc phải thôi, vẫn phải chết mà! Sau khi đã chết, mọi thứ kể như thôi rồi! Tạo một thân đầy tội nghiệp, có ý nghĩa gì chẳng? Vì vậy, suy nghĩ như thế, quý vị thấy học thuyết thế gian nếu suy xét cặn kẽ, rốt cuộc là gì? Chúng cổ vũ, khích lệ người ta truy cầu những gì? Không gì chẳng nhằm miệt mài nơi sanh tử, bươn bả trong tam đồ! Vì thế, chúng ta truyền bá lý luận và phương pháp của pháp môn Tịnh Độ, ngõ hầu tâm lý của người đời sẽ dần dần chuyển biến, đối với tất cả mọi người đều có lợi ích.

Nói theo Phật pháp, sẽ có biệt nghiệp và cộng nghiệp; tạo nghiệp bèn có thiện nghiệp và ác nghiệp. Nghiệp do cá nhân chúng ta đã tạo là biệt nghiệp, tức là nghiệp thiện hay ác cá biệt, còn nghiệp lực do toàn thể mọi người trong xã hội hoặc người trên toàn thể thế giới cùng tạo thì là cộng nghiệp. Đối với cộng nghiệp trong hiện thời, mọi người hãy ngẫm xem! Cộng nghiệp toàn là hướng tới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ đạo. Đã tạo nghiệp thì nó bèn có sức mạnh, chẳng thể nào không đi theo nó! Cái được gọi là Nghiệp, chính là một thứ thói quen. Chúng ta làm chuyện gì đó, lần thứ nhất chẳng quen, lần thứ hai bèn quen. Lấy kẻ trộm vặt để nói, lần thứ nhất lấy trộm đồ của người khác, tim đập thành thịch, cảm thấy hết sức miễn cưỡng, rất sợ bị người ta phát hiện, thòp cổ. Lần thứ hai, an tâm, trong lòng rất ổn định, chẳng có nỗi bất an như vậy. Trộm tới lần thứ ba, khi ăn trộm, chủ nhân có mặt tại đó, kẻ đó to gan lớn mật trộm lấy, chủ nhân hỏi kẻ đó vì sao lấy cắp đồ đạc. Khi đó, nó chẳng ăn trộm nữa, mà từ trộm biến thành cướp đoạt, chẳng còn quan tâm nữa!

Thói quen do từng bước dưỡng thành. Sau khi đã dưỡng thành, chính mình mong chuyển biến, cũng chẳng thể chuyển biến được! Sở dĩ chúng sanh vào trong tam đồ, là do nghiệp lực tạo thành sức mạnh, tự nhiên lôi họ vào trong tam đồ. Chúng ta phải làm cho người hiện thời hiểu biết đạo lý này, biết nghiệp lực lợi hại, khiến cho họ mau chóng thay đổi nghiệp lực, mỗi cá nhân biến đổi biệt nghiệp của chính họ. Ai

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

này đều có thể thay đổi biệt nghiệp, sẽ biến đổi cộng nghiệp. Do đó, chúng ta hoằng truyền pháp môn này, vừa có lợi cho người tu đạo, mà cũng có lợi cho lòng người trong xã hội. Do tâm lý biến đổi, cho nên tiến hơn bước nữa là đối với Phật pháp cũng có thể nghe lọt tai. Nếu tâm lý chẳng trải qua một phen biến đổi như vậy, cứ nghĩ thế gian nhân mạnh chuyện tranh quyền đoạt lợi là đúng, nhân mạnh sự hưởng thụ vật chất là đúng, quý vị giảng Phật pháp cho họ, họ nghe chẳng lọt tai, chẳng thể cứu vãn được! Trước hết, họ phải nhận biết: Tranh quyền đoạt lợi chẳng đúng. Đã có nhận thức như vậy, sau đây lại giảng giải Phật pháp cho họ, họ sẽ nghe lọt tai, tâm lý có thể tiếp nhận. Hễ tiếp nhận, ngay lập tức bèn có thể trực tiếp tu tập đại pháp liễu sanh tử, có thể liễu sanh tử ngay trong một đời này. Vì vậy, nhân duyên thứ hai là mong hoằng truyền Tịnh pháp. Hoằng truyền pháp môn này, đối với người tu đạo và kẻ chẳng tu đạo đều có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chúng tôi giảng bộ kinh này để mọi người có cùng một nhận thức. Đó là nhân duyên thứ hai.

1.3. Khi mạng chung chẳng có chướng ngại

Nói đến điều thứ ba là “lâm chung chẳng có chướng ngại”. Nay chúng ta đối với Tín, Hạnh, Nguyện, cần phải đạt đến bất thoái, lại còn tận hết sức mình để hoằng dương pháp môn này, đó chính là “hóa độ chúng sanh”. Trong tương lai, khi lâm chung, có ai là chẳng mạng chung? Kẻ chẳng học Phật, chẳng học pháp môn đặc biệt, tới khi lâm chung sẽ khổ lắm! Tiền đồ mờ mịt, chẳng biết sẽ đi về đâu, đến cửa ải sanh tử, sẽ đi theo đường nào? Họ cảm thấy mờ mịt. Nhưng tu trì pháp môn đặc biệt, điều quan trọng nhất là hiểu rõ Lý. Lúc bình thời, chính mình đã có tu dưỡng, lại còn dùng lý luận để khuyên hóa kẻ khác. Đã có những công đức ấy, sẽ tự nhiên chẳng có chướng ngại. Tới khi lâm chung, do đã có phước đức, xét theo phương diện trí huệ, do lý luận cũng đã hiểu rõ, cho nên sẽ tuyệt đối chẳng có chướng ngại!

Khi lâm chung, chướng ngại do đâu mà có? Chính là vì chẳng hiểu Lý! Điều này có mối quan hệ với sự chẳng hiểu Lý. Bình thời, chuyện chẳng hiểu rõ Lý không tỏ lộ rõ rệt, chứ đến cửa ải sanh tử, trong tâm vừa kinh hoảng, vừa nghi hoặc; đã thế, bình thời cũng chẳng có công phu gì, càng thêm hồng bút! Tới khi ấy, ai cũng chẳng có cách nào giúp được, cho dù có người trợ niệm bên cạnh. Phải biết Trợ là giúp, vẫn phải cậy vào chính mình làm chủ. Chính mình có thể làm chủ, người khác ở bên cạnh trợ niệm thì mới có thể giúp cho quý vị một phần sức

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

manh! Nếu chính mình chẳng thể làm chủ, người khác ở bên cạnh trợ niệm [vẫn rất khó giúp đỡ]. Phải biết: Có rất nhiều người bình thường niệm Phật, về sau, tới khi sắp lâm chung, thân thể có bệnh, bảo họ niệm Phật, họ chẳng chịu niệm. Vì sao? Chính là vì chẳng hiểu Lý, cũng trở thành chướng ngại. Tập khí từ vô thủy đến nay (khi thầy Lý còn tại thế có nói, khi con người sắp chết, các chủng tử sanh tử từ trong tám thức điên đảo dấy lên), giống như quay xổ số, quay tới, quay lui, rốt cuộc số nào ra trước? Khi đó, trong tâm phiền muộn, bồi rối hơn lúc nào hết, đây là lúc then chốt trong sanh tử mà! Do vậy, chúng ta có thể nghiên cứu bộ kinh này, hiểu Lý này, hiểu những phương pháp này, phân định Sự và Lý rành rẽ. Lúc bình thời, chúng ta còn tự mình làm như vậy, và cũng khuyên người khác làm như vậy, tức là có huệ, có phước, tới khi lâm chung, sẽ chẳng có hiện tượng [kinh hoảng, thất thố] ấy, nhất định là có thể chánh niệm phân minh, có thể nhất tâm bất loạn. Do vậy, lâm chung chẳng có chướng ngại. Đây là nhân duyên thứ ba khiến cho chúng tôi giảng bộ kinh này.

Trên đây, chúng tôi đã nói xong nhân duyên [vì sao] phải nghiên cứu bộ kinh này. Hạng mục lớn thứ hai tiếp theo đây chính là phần Ngũ Trùng Huyền Nghĩa.

II. Ngũ Trùng Huyền Nghĩa

Tại Trung Hoa, hễ giảng giải hoặc chú giải kinh Phật:

1) Một là như trong học phái Hoa Nghiêm Tông: Trước khi [giảng giải] kinh văn, đem những điểm trọng yếu nhất trong kinh văn chia thành mười điều để nói, gọi là Thập Huyền Môn (十玄門).

2) Hai là như Thiên Thai Tông, khi nghiên cứu kinh Pháp Hoa, đã nêu ra những ý nghĩa trọng yếu nhất trong kinh văn của kinh Pháp Hoa, chia thành năm điều để nói, gọi là Ngũ Trùng Huyền Nghĩa (五重玄義).

Lịch đại cao tăng và các vị tại gia cư sĩ giảng kinh, đều chẳng ra ngoài hai cách thức chánh yếu ấy. Cũng có vị chẳng chọn dùng hai cách thức ấy, tùy thuộc mỗi cá nhân làm như thế nào, chỉ giảng đại ý trước khi bước vào kinh văn thì cũng được!

Nay chúng tôi dựa theo Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai để giới thiệu đơn giản cùng mọi người, chẳng thể nói tỉ mỉ. Bộ Quán Kinh này được Thiên Thai Tông Trí Giả đại sư chú giải. Sau đó, tới đời Tống, có Tri Lễ đại sư soạn Diệu Tông Sao. Diệu Tông Sao là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chú thích lời chú giải của Trí Giả đại sư. Tác phẩm ấy có tên là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao. Nếu dựa theo phần Ngũ Trùng Huyền Nghĩa trong sách Diệu Tông Sao để giảng, tôi thiếu phải mất mấy tháng thì mới có thể giảng giải tình hình đại khái. Đạo tràng của chúng ta chẳng thể giảng theo cách thức như vậy, chúng tôi tối đa là giới thiệu [phần này] qua một hai buổi giảng, tiếp đó bèn bắt đầu giảng vào kinh văn.

Ngũ Trùng Huyền Nghĩa: Ngũ Trùng (五重) là chia thành năm môn, cũng chính là năm điều; Huyền Nghĩa (玄義) là nghĩa lý rất thâm áo, ý nói đạo lý rất sâu trong kinh văn. Trước hết, nêu ra năm điều để giới thiệu. Nay chúng ta bắt đầu xem xét Ngũ Trùng Huyền Nghĩa.

II.1. Thích Danh

Đây là tầng thứ nhất trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, cũng là điều thứ nhất, tức Thích Danh. Thích (釋) là giải thích, Danh (名) là danh xưng của bộ kinh này. Trước hết, giải thích đề mục của bộ kinh này, tức là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Xét theo cách thức giảng giải thông thường, kinh đề (經題, tên kinh) có đề mục đặc biệt (Biệt Đề, 別題) và đề mục thông thường (Thông Đề, 通題). Đề mục thông thường là Kinh (經), tức là chữ Kinh trong Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Bất luận bộ kinh nào cũng đều có chữ Kinh này. Ví như Hoa Nghiêm Kinh, Lăng Nghiêm Kinh, Pháp Hoa Kinh đều có chữ Kinh, đó là tên gọi chung. “*Biệt*” (別) là đặc biệt, nói riêng về tên gọi của bộ kinh này.

II.1.1.1. Biệt Đề, Phật

Danh xưng của bộ kinh này có mấy chữ là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh (佛說觀無量壽佛經). Trước hết, nói đến chữ Phật. Phật cũng có hai ý nghĩa Thông và Biệt:

1) Thông (通) là nói chung. Chữ Phật trong tiếng Ấn Độ là Phật Đà Da (Buddhaya), nói đơn giản là Phật, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác. Phật là gì? Phật là bậc giác ngộ. Đó là Thông.

2) Biệt (別) là đặc biệt nói đến Thích Ca Mâu Ni Phật.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Phật Thuyết*” nghĩa là Thích Ca Mâu Ni Phật nói pháp môn này, bộ kinh này. Chữ Phật có hai tầng ý nghĩa Thông và Biệt.

Chúng ta xét theo ý nghĩa Thông, tức là xét theo ý nghĩa Giác. Phàm những vị đã thành Phật, đều là giác; bất giác sẽ chẳng thể thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là giác, A Di Đà Phật là giác, Đông Phương Dược Sư Phật là giác, bất cứ vị Phật nào cũng đều là giác. Giác là gì? Nay chúng ta đều chưa thành Phật, đều là phàm phu, đều là bất giác. Mọi người bất giác, làm sao hiểu ý nghĩa của giác cho được? Vì thế, đức Phật thuyết pháp rất thiện xảo, có rất nhiều phương tiện, khiến cho bọn phàm phu bất giác chúng ta có thể hiểu ý nghĩa Giác. Ngài dùng phương pháp so sánh để chúng ta hiểu rõ, lại còn chia thành tầng lớp cho chúng ta thông hiểu.

Cái Giác thứ nhất là Tự Giác. Chúng ta chẳng biết Tự Giác là gì, hiện thời mọi người đều tưởng chúng ta đều hiểu Tự Giác. Phải biết: Các vị hiểu Tự Giác là do nghe thầy chúng ta giảng kinh, nghe đã mấy chục năm, mới biết Tự Giác là gì? Nếu chúng ta chưa từng nghe kinh, chẳng tiếp xúc Phật pháp, vừa nghe nói đến Giác, [sẽ ngơ ngác] “Giác là gì?” Cũng có người còn tưởng là đang ngủ tỉnh giấc, bèn gọi là Giác, sai lệch quá xa! Chữ Giác trong Tự Giác chỉ điều gì? Trước tiên, nói theo phía lũ phàm phu mê hoặc, điên đảo trong thế gian. Lũ phàm phu chúng ta ở trong cõi đời, bất luận là người có học hay thất học, đều là bất giác. Người có học bất luận đọc bao nhiêu sách vở, là nhà khoa học cỡ lớn trên thế giới như ông Ái Nhân Tư Thản (Einstein), hoặc các nhà vật lý hiện thời, là những tiến sĩ khoa học hay triết học từng đoạt giải Nặc Bôi Nhĩ (Nobel), đều là mê hoặc, điên đảo, chẳng hiểu Giác. Những chính khách đắc thời trên chánh trường, thắng bao nhiêu người, giành được vị trí tối cao, tranh cử thành công, vẫn là mê hoặc, điên đảo, bất giác! Vì sao? Những bậc đại học vấn, có sự nghiệp to tát ấy, đều coi tiền tài, danh lợi, của cải, địa vị trong thế gian là thật sự tồn tại, chấp trước chúng là chân thật, chẳng giả tí nào. Đó là bất giác.

Phật pháp nói vạn pháp trong pháp thế gian đều là nhân duyên, nhân duyên luôn biến động, sanh đó rồi diệt đó. Lũ chúng sanh phàm phu như bọn chúng ta, ai có thể giác ngộ điều này? Nếu quý vị giác ngộ, tuyệt đối sẽ chẳng tranh danh đoạt lợi cùng kẻ khác, tức là kẻ tu đạo mà vẫn chẳng buông xuống được thì vẫn chưa phải là Tự Giác. Vì sao chẳng thể buông xuống? Chẳng thể buông danh xuống, chẳng thể buông lợi xuống thì chính mình vẫn chưa tự giác. Tự giác là gì? Chuyển biến toàn thể tri kiến thế gian, phá trừ toàn thể mê hoặc, điên đảo, chẳng còn là tri

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

kiến phàm phu nữa! Tự Giác như vậy là đối ứng với phàm phu mà nói. Phàm phu hoàn toàn bất giác, Phật là tự giác. Tự giác là giác gì vậy? Giác ngộ hết thấy các pháp thế gian đều là sanh sanh, diệt diệt, chẳng có một pháp nào là chân thật. Chẳng chấp trước các giả pháp ấy, tự mình hướng về nội tâm và tự tánh của chính mình để truy cầu. Sau đây, do chẳng chấp trước giả pháp, chân pháp bèn hiển lộ, chính mình đã giác, đó là Tự Giác. Giác gì vậy? Giác ngộ chính mình có Chân Như bản tánh. Tự Giác là thấy rõ ràng hết thấy, tất cả phàm phu chẳng làm được điều này. Chẳng làm được sẽ không hiểu ý nghĩa của Tự Giác. Chỉ có từ bất giác hiển lộ Tự Giác. Đó là tầng thứ nhất: Phật là Tự Giác. Tự Giác là đối ứng với phàm phu mà nói.

Tiếp đó là Giác Tha. Sau khi đã tự giác, còn phải khuyến hóa những kẻ bình phàm; điều này gọi là “*độ chúng sanh*”. Đây là nói với kẻ Nhị Thừa. Người học Tiểu Thừa chẳng chịu độ chúng sanh; Giác Tha là khiến cho tất cả mọi người đều có thể giác ngộ. Thực hiện Tự Giác và Giác Tha hết sức viên mãn, thực hiện hết sức triệt để, đến cuối cùng thành Phật, bèn là Giác Hạnh Viên Mãn. Giác Hạnh Viên Mãn là hai đẳng Tự Giác và Giác Tha đều thực hiện hết sức viên mãn. Khi ấy bèn thành Phật. Phàm hết thấy những vị đã thành Phật đều có đủ ba ý nghĩa này; Thích Ca Mâu Ni Phật đã trọn đủ ba ý nghĩa này. Hôm nay, tôi đã nói rõ ràng chữ Phật. Nếu nói đơn giản hơn đôi chút, thì Tự Giác chẳng giống như phàm phu, do nói đối ứng với phàm phu. Giác Tha là chẳng giống Nhị Thừa, Giác Hạnh Viên Mãn là chẳng giống hết thấy các vị Bồ Tát. Nói tới ba ý nghĩa ấy là được rồi, hôm nay tôi chỉ nói đến chỗ này.

Tập 2

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu. Hôm nay, xin quý vị hãy xem đề cương bài giảng. Trong buổi giảng trước, đã nói phần thứ nhất là Lược Thuyết Nhân Duyên. Phần thứ hai là Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, tầng thứ nhất [trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa] là Thích Danh, nhằm giải thích đề mục của bộ kinh này. Trong đề mục của kinh, có Biệt Đề và Thông Đề. Phần Biệt Đề là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong buổi trước, tôi đã giảng chữ Phật. Hiểu theo ý nghĩa thông thường, chỉ cần đã thành Phật, bất cứ vị Phật nào cũng đều như nhau: Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh Viên Mãn. [Hiểu theo] ý nghĩa đặc biệt thì [chữ Phật] chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, là đáng Thích Tôn. Bộ kinh này do

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Hôm nay, chúng tôi giảng tiếp chữ Thuyết trong Phật Thuyết.

II.1.1.2. Biệt Đề, Thuyết

Chữ Thuyết (說), nói thông thường là nói năng; nhưng đối với chữ Thuyết trong bộ kinh do đức Phật đã thuyết này, cần phải giải thích đôi chút. Cổ đại đức giải thích chữ Thuyết này có nghĩa là “*duyệt sở hoài*” (悅所懷). “*Duyệt sở hoài*” là gì? Duyệt (悅) là hỷ duyệt (喜悅), [nghĩa là] trong tâm rất vui thỏa. Vui thỏa điều gì? “*Sở hoài*” [nghĩa là] đức Phật nói ra những điều thường ấp ủ trong tâm nên rất vui thỏa. Ngài ấp ủ trong lòng những gì? Chính là đạo lý và phương pháp tu trì trong bộ kinh này, đối với chúng sanh, [đạo lý và phương pháp tu trì ấy] có tâm lợi ích hết sức trọng yếu. Tuy là hết sức trọng yếu hữu ích đối với chúng sanh, nhưng chưa đến nhân duyên, sẽ chẳng có cách nào nói được! Nhất định là phải có nhân duyên trọn đủ thì mới có thể nói ra!

Nói theo cách hiện thời cho dễ hiểu: Ví như tổ chức một buổi diễn giảng ở bên ngoài, cũng cần phải có bao nhiêu điều kiện. Các điều kiện đều trọn đủ thì mới có thể tổ chức diễn giảng thành công. Điều kiện chẳng trọn đủ, chẳng có cách nào diễn giảng! Giảng học hoặc diễn giảng thông thường còn cần có điều kiện; pháp môn trọng yếu trong Phật pháp mà nếu chẳng trọn đủ các điều kiện, đức Phật sẽ chẳng có cách nào nói được! Vì thế, khi đức Phật giảng bộ kinh này, các thứ nhân duyên đã đều chín muồi thì mới có thể giảng. Tâm đức Phật hết sức từ bi, Ngài có thể nói ra pháp môn này, khiến cho tất cả chúng sanh đều đạt được lợi ích, tâm đức Phật hết sức vui sướng. Dựa trên ý nghĩa này để giải thích chữ Thuyết, nên bảo là “*duyệt sở hoài*”: Trong tâm đức Phật hết sức vui sướng, vui sướng vì có thể nói pháp môn này, khiến cho người nghe đều có thể đạt được lợi ích. Đó là ý nghĩa của chữ Thuyết.

II.1.1.3. Biệt Đề, Quán

Kế đó, xem tới chữ Quán (觀). Quán ở đây đặc biệt trọng yếu, vì bộ kinh này có tên là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, do nội dung trong ấy bao gồm mười sáu phép Quán, nên còn gọi là Thập Lục Quán Kinh. Nếu nói đơn giản thì gọi là Quán Kinh. Do vậy, chữ Quán này quan trọng. Ở đây, trước hết nói về chữ Quán. Nói đến Quán, hiểu theo ý

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nghĩa văn tự thì là “*quan sát*” (觀察). Đối với chuyện gì đó, chúng ta bỏ công quan sát thì gọi là Quán. Ngoài quan sát ra, còn phải vận dụng tâm tư, tưởng tượng sự vật đã được quan sát thì cũng gọi là Quán. Đó là “*quan sát, tưởng tượng*”.

Nếu nói cụ thể hơn, quý vị quan sát điều gì? Lại tưởng tượng điều gì? Tiếp đó, bèn nói là “*dĩ tâm duyên chi*” (dùng tâm để duyên theo). “*Dĩ tâm duyên chi*” (以心緣之) là gì? “*Dĩ tâm*” là nói người tu Quán pháp dùng cái tâm của chính mình. “*Duyên*” là tiếp xúc, nói theo danh từ nhà Phật, sẽ là “*phan duyên*” (攀緣). Chữ “*chi*” (之) biểu thị cảnh giới được quán. Chẳng hạn như nói quán Phật, quán A Di Đà Phật, dùng cái tâm chúng ta tiếp xúc A Di Đà Phật, đặt tâm nơi A Di Đà Phật thì gọi là “*dĩ tâm duyên chi*”. Đây là giải thích ý nghĩa của chữ Quán.

Đối với phương pháp để quán thì chính là hai câu được viết trong đầu ngoặc [trong đề cương bài giảng]: “*Nhất Tâm Tam Quán, Tam Trí thật tại nhất tâm trung đắc*” (Nhất Tâm Tam Quán, Tam Trí thật sự là từ nhất tâm mà đạt được). Đây chính là lý luận Phật học của tông Thiên Thai, hết sức trọng yếu. Có nói ra, cũng hết sức khó hiểu. Tuy phương pháp của tông Thiên Thai khó hiểu, Quán Kinh có một bản chú giải trọng yếu, tức là bản chú giải của Thiên Thai Tông Trí Giả đại sư. Bản chú giải của Trí Giả đại sư dùng học lý của tông Thiên Thai Tông để giải thích. Bất quá, ở đây, tôi phải nói rõ: Pháp môn Chỉ Quán của tông Thiên Thai Tông thuần túy là pháp môn phổ biến. Dùng phương pháp Chỉ Quán để giải thích Quán Kinh của Tịnh Độ Tông thì học lý vẫn giống như hệt, nhưng phương pháp dụng công khác nhau! Chúng ta phải phân biệt điều này!

Phương pháp dụng công có gì khác biệt? Tông Thiên Thai cũng nói đến Nhất Tâm Tam Quán, nhưng Tam Quán được nói thuần túy theo tông Thiên Thai chính là hoàn toàn dùng sức của chính mình (Tự Lực) để đoạn Kiến Tư Hoặc, đoạn Trần Sa Hoặc, đoạn Căn Bản Vô Minh, [tức là] dùng pháp môn Chỉ Quán để đoạn Hoặc theo từng tầng một. Trong Quán Kinh của Tịnh Độ Tông, nói theo lý thì Nhất Tâm Tam Quán vẫn giống y hệt, nhưng vận dụng pháp Quán bèn có đối tượng để quán, tức là trong ấy có đối tượng của mười sáu phép Quán. Do đó, chẳng giống Nhất Tâm Tam Quán của tông Thiên Thai, [bởi lẽ], đây là pháp môn đặc biệt!

Tôi lại phải giới thiệu cùng mọi người Nhất Tâm Tam Quán là gì. Trước khi nói tới Nhất Tâm Tam Quán (一心三觀); trước hết, phải giải

thích Thứ Đệ Tam Quán (次第三觀). Thứ Đệ Tam Quán là gì? Chúng ta làm bất cứ chuyện gì, hoặc là nghiên cứu bất cứ loại học vấn nào, đều phải tiến hành từng bước một, có thứ tự. Nếu quý vị chẳng lần lượt nghiên cứu theo thứ tự, sẽ chẳng thể nghiên cứu được. Nói đến pháp Quán thì cũng như vậy, nếu trước đó, chẳng hiểu rõ Thứ Đệ Tam Quán, sẽ chẳng hiểu Nhất Tâm Tam Quán! Nay trước hết, tôi sẽ thưa rõ cùng quý vị Thứ Đệ Tam Quán là gì.

II.1.1.3.1. Không Quán

Bước đầu tiên trong Thứ Đệ Tam Quán là tu Không Quán (空觀). Tu Không Quán như thế nào? Bọn phàm phu chúng ta đều là chấp trước dữ dội, coi những thứ ở ngoài thân thể của chính mình, hết thấy những gì mắt thấy, những âm thanh tai nghe được, hết thấy mọi thứ, cho đến núi, sông, đại địa, thấy đều chấp trước, đều coi những thứ ấy là thật sự tồn tại, chấp trước chúng là thật sự có. Ví như địa cầu, ai nấy đều nghĩ địa cầu là một thứ có thật, thân thể của chúng ta cũng là thân thể rất thật, cuộc sống này hết sức hiện thực. Chúng ta sống trong xã hội từ bé đến già, từ thuở bé đi học cho đến trong tương lai, học vấn thành tựu, ra làm việc trong xã hội, đạt được tiền của, tiếng tăm, quyền lực, địa vị; đối với những thứ ấy, chẳng có ai không coi chúng là những thứ chân thật. Nếu có ai bảo chúng là giả, chẳng thật sự tồn tại, mọi người đều phản đối: Rõ ràng là rất hiện thực, giả làm sao được? Chẳng thừa nhận chúng là giả, coi những thứ ấy đều là thật sự tồn tại. Đây chính là tri kiến phàm phu. Phàm phu có sanh tử; sống sống, chết chết chính là phàm phu. Chấp trước những thứ ấy chẳng chịu buông xuống, coi chúng là thật, ngỡ giả là thật!

Ngỡ giả là thật thì sẽ chẳng đạt được cái thật sự. Lấy ngay thân người chúng ta để nói, coi thân người là Chân Ngã, đối với những thứ khác như Chân Như bản tánh (Chân Ngã thật sự), Đại Ngã bèn mê hoặc. Chính mình chẳng thông hiểu, coi giả là thật, đối với Chân Ngã bị mê hoặc, chẳng thể thọ dụng. Đó là phàm phu. Khi tu Không Quán, sẽ thấy thấu suốt những thứ giả dối ấy, phải thừa nhận những thứ ấy đều là giả, sau đấy, quý vị mới có thể thấy những thứ hư giả ấy là Không. Sau khi hết thấy các thứ hư giả đều là không rồi, cái chân thật mới hiện lộ. Đã vứt bỏ Giả Ngã thì Chân Ngã mới hiện lộ. Nguyên tắc trọng yếu của Không Quán là như vậy.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Để thấy hết thấy các giả pháp đều là Không, chẳng đơn giản! Trước hết, phải phân tích từ học lý. Một học lý đơn giản, mà cũng là một học lý rất quan trọng, chính là điều được dạy trong kinh Phật: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không*” (Các pháp do nhân duyên sanh ra, ta nói chúng chính là không). Hết thấy các pháp đều là các hiện tượng do nhân duyên hòa hợp mà có. Lấy ngay thân thể loài người chúng ta để nói, thân thể chúng ta cũng chẳng phải là bỗng dưng mà có! Chúng ta sanh vào nhân gian, đương nhiên là thức thứ tám vốn sẵn có, nói thông tục là “*linh hồn*”. Linh hồn đến nhân gian, khi đến đây, chỉ là một linh hồn, chẳng có thân thể, phải đầu thai, nương gá thai mẹ, cấy vào cha mẹ làm duyên, cộng thêm linh hồn của chính mình làm nhân. Đã có nhân và có duyên, sau đây, ở trong thai mẹ mới dần dần hình thành một đứa bé. Đứa bé ở trong thân mẹ hấp thụ các chất dinh dưỡng (vẫn là nhân duyên), dần dần trưởng thành, sau đây mới lọt lòng mẹ. Sau khi đã được sanh ra, bé tí tẹo như thế, chính mình chẳng thể sống sót, phải cấy vào cha mẹ nuôi nấng mới dần dần khôn lớn. Sau khi đã lớn lên, còn phải được giáo dục thì mới có năng lực phân biệt sự lý. Lại nói đến thân thể ấy, vẫn phải tiếp tục cấy vào nước uống và thức ăn bên ngoài, phải bổ sung hằng ngày. Nếu chẳng được bổ sung, thân thể của chúng ta sẽ chẳng thể tồn tại. Có thể thấy thân thể này, sanh mạng này là giả, do nhân duyên hòa hợp. Bất cứ duyên nào biến động, thân thể của chúng ta nhẹ thì sanh bệnh, nghiêm trọng bèn tử vong. Nhìn từ nhân duyên, nhân duyên chuyển biến trong mọi lúc. Các bộ phận vật chất nơi thân thể như nước, hơi ẩm, thức ăn, thực phẩm, những thứ ấy được hấp thụ vào trong thân thể của chúng ta; có các thành phần mang theo chất calcium bổ sung cho xương, luôn bổ sung. Hễ thiếu thốn một nguyên tố nào, thân thể sẽ có vấn đề. Có thể thấy là thân thể luôn biến động, đó là Giả Pháp.

Đối lập với nó, Chân Ngã là gì? Chân Ngã chẳng giống như vậy! Chân Ngã bất biến. Chân Ngã là Chân Như bản tánh. Trong phần Biện Thể được nói trong đoạn sau, Thật Tướng chính là Chân Ngã. Thật Tướng vĩnh hằng chẳng biến hóa. Giả Ngã biến đổi, nhưng bản thân chúng ta chẳng nhận biết. Từng phút, từng giây, trong bất cứ thời gian ngắn ngủi như một cái khảy ngón tay, thân thể luôn biến hóa. Phàm phu một mực biến hóa đến chết mới thôi. Sau khi đã tử vong, vẫn biến hóa! Chân Ngã thì sao? Chẳng có chết, bất sanh, bất diệt, tồn tại vĩnh hằng. Vì thế, có tử, có sanh; đó là biến. Biến hóa, có sanh có tử chính là một loại khổ não, một loại thống khổ. Khi thân thể chúng ta mắc phải bất cứ bệnh gì, có đau khổ hay không? Rất đau khổ! Chúng ta và người nhà

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chia ly, có đau khổ hay không? Đó cũng là một nỗi thống khổ. Chân Ngã chẳng có những sự biến hóa ấy. Chân Ngã là Chân Như bản tánh, vĩnh cửu bất biến, tồn tại vĩnh cửu. Nhìn từ khía cạnh này, phàm những gì biến hóa chẳng ngừng, có nhân duyên hòa hợp với nhau, lại còn thời thời khắc khắc biến hóa, sanh diệt chẳng ngừng, đều là giả pháp.

Không chỉ thân thể là như vậy, ở ngoài thân thể, cái được mọi người công nhận là chân thật nhất là đại địa cũng giống hệt như thế! Đại địa có sanh mạng giống hệt như thân thể chúng ta. Những người nghiên cứu khoa học đã biết: Địa cầu vào thuở ban sơ, bao nhiêu ức năm trước có tình huống như thế nào, cho đến sau này, địa cầu mới dần dần có sinh vật, dần dần lại có thêm động vật. Chúng ta là động vật bậc cao, con người xuất hiện hết sức muộn màng. Trong tương lai, địa cầu đến tuổi lão niên, lại là một trạng huống khác. Hiện thời, địa cầu vẫn đang biến hóa, kể cả khí quyển. Con người chính là nhân tố phá hoại “*xú khí tầng*” (tầng khí ozone). Kết quả sau khi bị phá hoại là khí hậu mất cân bằng: Hoặc là rất lâu trời không mưa, tức là bị hạn hán; hoặc có nơi đổ mưa, chẳng mưa thì thôi, hễ mưa bèn dồn hết nước lại, lại biến thành nạn lụt. Đó là địa cầu biến hóa. Tại Trung Hoa, vào thời đại Nghiêu Thuấn xa xưa, mưa hòa, gió thuận, chẳng phải như tình trạng hiện thời. Địa cầu luôn biến đổi. Đó là xét theo phương diện các tầng khí thuộc khí quyển.

Bản thân địa cầu lại có núi lửa. Thí dụ như tại Nhật Bản, núi lửa bùng nổ, Phi Luật Tân cũng có núi lửa bùng nổ. Vì sao núi lửa bùng nổ? Bản thân địa cầu biến đổi! Khi nó vận động, dung nham từ miệng núi lửa trào ra. Lại còn có núi lở, động đất, những thứ ấy đều là biến động. Vì sao nó biến động? Khi bản thân địa cầu đang chuyển biến, hễ hơi bị bên ngoài quấy nhiễu, góc độ [chuyển động] của bản thân [địa cầu] biến thành chẳng tự nhiên như vậy, tốc độ biến động lớn hơn đôi chút, hoặc là nhanh hơn một chút, góc độ sẽ hơi bị chẳng thông thuận, bản thân nó liền biến đổi. Vì thế, kinh Phật bảo là: “*Vạn pháp vô thường*”.

Xét tới lãnh thổ quốc gia (bản đồ), mỗi quốc gia có biên giới. Đây là quốc gia của ta, kia là quốc gia của bọn họ, phân chia rành mạch, toàn là giả lập! Kinh Phật bảo “*quốc độ nguy thuy*” (國土危脆, cõi nước mong manh). Lãnh thổ của mỗi quốc gia đều hết sức nguy hiểm, mà cũng hết sức mong manh, chẳng phải là kiên cố, vững vàng, không gì phá hoại được, đều là tạm thời duy trì hiện trạng mà thôi. Chúng đều là pháp nhân duyên.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Duyên có rất nhiều loại, bất cứ duyên nào hễ biến động, sẽ dẫn đến toàn thể đều bị biến động. Vì thế, phải hiểu rõ tầng [ý nghĩa] này. Sau khi đã hiểu rõ tầng này, chúng ta chớ nên chấp trước, đừng nên coi những sự vật do nhân duyên sanh ra là chân thật. Chẳng chấp trước, chúng ta sẽ chẳng bị khốn đốn bởi giả pháp, sẽ có cái nhìn trí huệ, tức là Quán Không: Thấy hết thấy giả pháp đều là Không. Sau khi đã thấy là Không thì mới đạt được chân tướng, thấy được Chân Ngã, mới có đại trí huệ thật sự hiển lộ, như vậy thì mới có thể liễu sanh tử. Đó là Lý ắt cần phải hiểu rõ khi hành Quán.

Chúng ta niệm Phật, vì sao phải thông hiểu Lý này? Chẳng phải là chúng ta thường nói [như thế này] hay sao? “Niệm Phật chẳng thể dụng công được. Bình thường thì vẫn có thể thông thả niệm. Hễ gặp chuyện trái ý, hoặc gặp chuyện rất vui thích, chẳng thể niệm Phật hiệu nữa”. Đó là vì chẳng hiểu rõ pháp nhân duyên! Vui thích ư? Vì sao quý vị vui thích? Vì “phát tài”, kiếm được một món tiền lớn, hoặc được lên chức, vì những chuyện đó mà vui thích ư? Chẳng hiểu rõ “tài” cũng là thứ giả, chức vị được thăng tấn càng là thứ giả trá hơn, chẳng đáng để vui thích! Chẳng hiểu rõ những thứ ấy là giả trá. Hễ vui thích bèn quên bẵng Phật hiệu, bị giả pháp dẫn đi mất rồi! Lại nói đến lúc phiền não, trong lòng buồn bực, chẳng ngoài chuyện bị kẻ khác lừa mất tiền tài, [tức là] “phát tài”, hoặc là mất chức, chẳng giữ được quyền lực, địa vị, những điều ấy đều dẫn tới phiền não. Chỉ cần hiểu rõ những thứ ấy chẳng đáng để hao tâm tổn trí, chẳng đáng để phiền não, chúng ta sẽ chẳng bị khốn đốn bởi chúng nó. Chẳng bị khốn đốn bởi chúng nó, Phật hiệu sẽ chẳng bị ảnh hưởng, sẽ có thể niệm mãi. Vì thế, thông hiểu Lý này rất trọng yếu. Đó là lý do hành Quán, ắt phải hiểu rõ đạo lý.

Không Quán là thấy thấu suốt hết thấy các giả pháp đều là Không, chẳng chấp trước giả pháp, bèn khai trí huệ. Khai trí huệ gì vậy? Chính là đoạn trừ Kiến Tư Hoặc. Đoạn trừ Kiến Tư Hoặc bèn khai Nhất Thiết Trí.

Như La Hán chứng đắc quả La Hán, tức là đã chứng đắc Nhất Thiết Trí (一切智). Nhất Thiết Trí là bất cứ thứ gì hư giả trong thế gian (những thứ do nhân duyên hòa hợp) đều chẳng thể dẫn dụ Ngài. Ngài vừa nhìn bèn thấy thấu suốt, trọn chẳng bị chúng vây khốn, trí huệ đã khai phát, được gọi là Nhất Thiết Trí. Đây chính là trí huệ được thành tựu bởi Không Quán. Nay chúng ta chẳng đạt đến trình độ ấy, nhưng thông hiểu Lý rất quan trọng. Phải biết: Hiện nay là thời kỳ Mạt Pháp,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhất là trong hiện thời, ở bên ngoài có rất nhiều kẻ tà tri tà kiến. Bọn chúng diễn giảng bên ngoài, có bao nhiêu kẻ nghe theo! Bọn chúng thật sự chẳng có thần thông gì hết, nhưng giả vờ có thần thông, cho nên gạt gẫm rất nhiều người. Bọn chúng cũng bảo chính mình đang giảng nói Phật pháp! Chúng ta thông hiểu Lý, sẽ chẳng bị bọn chúng lừa gạt. Quý vị nói có thần thông chi đó ư? Trong nhà Phật, đối với thần thông, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo các vị đại đệ tử, người thật sự có thần thông cũng chẳng cho phép tỏ lộ, hiển thị thần thông, đức Phật tuyệt đối cảm ngạt, chẳng cho phép.

Thần thông chẳng đáng tin cậy! Đừng nói là giả, đâu là thật, cũng là thần thông của ngoại đạo, chẳng phải thần thông chân chánh trong nhà Phật, chẳng đáng tin cậy! Hiểu rõ đạo lý này, đối với thần thông, ngoại trừ Lộ Tận Thông (đoạn phiền não mới là Lộ Tận Thông, mới là Phật gia), còn những thứ khác như Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông, Tha Tâm Thông đều chẳng đáng tin! Ngoại đạo Ấn Độ cũng có thần thông. Hiện thời, có rất nhiều người nói họ học thần thông từ ngoại quốc, đừng nghe theo họ! Cái chúng ta cần học là Lộ Tận Thông. Lộ Tận Thông là gì? Hết thấy những thứ thuộc ngoại giới chẳng thể dẫn dụ, thời thời khắc khắc phải học tập sao cho phiền não mỗi ngày một giảm nhẹ, chẳng bị phiền não vây khốn. Đừng nói là thần thông, đâu là hai mươi tám tầng trời, chúng ta đã thông hiểu Lý này thì cũng chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc. Tiểu Thừa chứng đắc quả La Hán, cũng chẳng lên cõi trời. Vì thế, thông hiểu Lý này, tâm chúng ta có thể định, niệm Phật bằng tín tâm kiên định. Bất luận hiện thời kẻ bên ngoài nói như thế nào đi nữa, quý vị vừa nghe bèn biết là kẻ đó đang nói điều gì, ngay lập tức biện định kẻ đó là chánh hay tà, ngay lập tức phân biệt được kẻ đó là tà ma ngoại đạo, tuyệt đối chẳng bị gã đó lừa phỉnh! Vì thế, thông hiểu Lý này đặc biệt trọng yếu.

II.1.1.3.2. Giả Quán

Sau khi đã thành tựu Không Quán, chứng đắc Nhất Thiết Trí, chính mình đã giải quyết xong sanh tử, Phật pháp lấy từ bi làm hoài bão: Bản thân chúng ta đã giải quyết xong sanh tử, nhưng hãy còn có nhiều chúng sanh dưng ấy đang luân hồi trong lục đạo. Vì thế, phải độ chúng sanh. Chẳng độ chúng sanh tức là chẳng có tâm từ bi, chẳng đúng! Muốn độ chúng sanh thì phải tu Giả Quán (假觀). Trong phần trước, chúng tôi

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đã nói: Khi tu Không Quán, phải thông hiểu giả pháp, chớ nên chấp trước giả pháp; nhưng khi muốn độ chúng sanh, vẫn phải tu Giả Quán. Lại phải từ Không Quán thoát ra, vẫn phải thông hiểu vạn sự vạn vật trong thế gian. Tuy chúng là giả, cũng đều là nhân duyên. Phải thông hiểu đó là nhân gì? Duyên gì? Thông hiểu bất cứ sự vật được hình thành như thế nào? Trong tương lai, nó sẽ diệt mất như thế nào? Quý vị thông hiểu những điều này, thấy đều phải biết. Học vấn thế gian và những đạo lý được giảng trong kinh Phật, quý vị đều phải hiểu rõ. Tuy những thứ ấy đều là pháp nhân duyên, là giả, nhưng quý vị phải học. Làm như vậy, dùng công phu ấy tức là tu Giả Quán.

Giả Quán, trong quan niệm Phật pháp, rõ ràng chỉ là một danh từ, là giả. Ví như nói Ngã, rõ ràng Ngã ấy chính là giả, nhưng vì sao vẫn phải nói tới Ngã? Tuy là giả, nhưng trong khi nói năng, hoặc viết lách, quý vị chẳng dùng Ngã sẽ không được. Chẳng dùng Ngã thì quý vị sẽ chẳng thể thốt lên lời, chẳng có cách nào trao đổi ý kiến cùng kẻ khác, vẫn phải dùng danh từ giả tướng! Các thứ danh tướng như “nhân, ngã” đều phải thông hiểu. Triết học, khoa học, văn học, các thứ học thuyết của thế gian, học lý trong Tam Tạng của nhà Phật đều phải thông hiểu. Chẳng thông hiểu những thứ học vấn ấy, sẽ chẳng có cách nào hóa độ chúng sanh! Do vậy, vì độ chúng sanh mà phải tu Giả Quán. Tu Giả Quán nhằm phá trừ Trần Sa Hoặc. Chúng ta do mê hoặc, điên đảo, nên mới chẳng thông hiểu pháp nhân duyên trong thế gian, chẳng hạn như: Địa cầu hình thành như thế nào? Trong tương lai sẽ biến đổi như thế nào? Sau khi đã biến đổi, kết quả sẽ là như thế nào? Chúng ta đều không biết, ắt phải là người chuyên môn nghiên cứu ngành khoa học địa cầu mới biết. Tuy họ biết, nhưng cũng chẳng rớt ráo! Vì thế, ắt phải dùng Phật pháp để nghiên cứu, nghiên cứu đạo lý thành, trụ, hoại, không của địa cầu theo từng tầng một. Thông hiểu một đạo lý, sẽ trừ một phần mê hoặc nơi kiến giải. Hoặc (惑) có bao nhiêu thứ? Nhiều như trần sa (cát, bụi)! Tu Giả Quán nhằm trừ khử Trần Sa Hoặc. Vì thế, đã thành tựu Không Quán, lại phải tiếp tục tu Giả Quán, học [Giả Quán] để hóa độ chúng sanh. Tu Giả Quán thành công, sẽ chứng trí huệ gì? Chính là Đạo Chung Trí (道種智). Đạo Chung Trí là trí huệ do hàng Bồ Tát đạt được. Hết thấy học vấn thế gian đều thông hiểu, Ngài độ chúng sanh, đối với bất cứ chúng sanh thuộc loại căn khí nào, biết họ học vấn như thế nào, Ngài sẽ vận dụng loại học vấn nào [thích hợp] để dẫn dắt họ học Phật. Đây chính là Đạo Chung Trí.

II.1.1.3.3. Trung Quán

Tu Giả Quán thành công, đã biết là Không, lại biết là Giả, sau đây, sẽ học Trung Quán (中觀). Trung Quán là Trung Đạo, dung hợp cả hai đấng Không và Giả, tức là chẳng trụ Không, chẳng trụ Giả. Hai đấng đều có thể vận dụng. Đó là Trung Quán. Tu Trung Quán sẽ chứng quả là Nhất Thiết Chủng Trí (一切種智). Nhất Thiết Chủng Trí bao gồm cả [sở chứng của] Không Quán lẫn Giả Quán, [tức là bao gồm cả] Nhất Thiết Trí đạt được từ Không Quán và Đạo Chủng Trí đạt được từ Giả Quán. Nhất Thiết Trí đạt được từ Không Quán trong phần trước chẳng triệt đề, Đạo Chủng Trí đạt được từ Giả Quán cũng chẳng triệt đề. Nhất Thiết Chủng Trí được chứng bởi Trung Quán là triệt đề nhất, cho nên gọi là Nhất Thiết Chủng Trí.

Thứ Đệ Tam Quán như đã được nhắc đến trong phần trước chính là: Trước hết, tu Không Quán, sau đây tu Giả Quán. Tu Giả Quán thành công rồi lại tu Trung Quán. Từng bước một theo thứ tự. Sau khi đã hiểu rõ Thứ Đệ Tam Quán, bây giờ, xin quý vị hãy xét tới Nhất Tâm Tam Quán.

II.1.1.3.4. Nhất Tâm Tam Quán

Nhất Tâm Tam Quán là gì? Là tu tập cùng một lần, vận dụng công phu Tam Quán Không, Giả, Trung cùng một lúc. Nhất tâm bèn trọn đủ Tam Quán Không, Giả, Trung, chẳng cần phải trải qua từng bước một, viên dung nhất, nhanh chóng nhất, nên gọi là Nhất Tâm Tam Quán. Trí được chứng do vận dụng Nhất Tâm Tam Quán sẽ được gọi là Tam Trí. Tam Trí chính là Nhất Thiết Trí, Đạo Chủng Trí, và Nhất Thiết Chủng Trí đã nói trong phần trước. Thật ra, Tam Trí là trong Nhất Tâm Tam Quán đồng thời đắc Tam Trí, cho nên gọi là Nhất Tâm Tam Quán. Đối với trình độ của chúng ta [mà bàn đến] Nhất Tâm Tam Quán thì vẫn là quá sớm! Đối với Không Quán, trong hiện thời, chúng ta còn chưa thể buông thế gian xuống được! Không Quán mà còn chưa làm được, huống hồ Giả Quán và Trung Quán! Nay nói đến Nhất Tâm Tam Quán, chúng ta đúng là chẳng có cách nào làm được. Bất quá, nhắc đến để thông hiểu Lý mà thôi. Nói là Nhất Tâm Tam Quán, tức là như tôi vừa mới nói, chính là thực hiện Tam Quán ngay trong một lần. Thực hiện như thế nào?

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Ví như khi nhập Không Quán, chỉ cần khởi lên Không Quán thì Giả Quán và Trung Quán đều ở ngay trong Không Quán; một thứ Không, hết thấy đều Không. Nếu khởi lên Giả Quán thì Không Quán cũng thế, mà Trung Quán cũng thế, hết thấy đều là Giả Quán, đều viên dung trong Giả Quán. Nếu dậy khởi Trung Quán thì Không Quán cũng thế, mà Giả Quán cũng thế, cũng là viên dung trong Trung Quán. Các vị tổ sư thời cổ nói là: “*Một thứ không, hết thấy đều không. Một thứ giả, hết thấy đều giả. Một thứ trung, hết thấy đều trung*”. Đây chính là Nhất Tâm Tam Quán.

Hiểu rõ chữ Quán này, biết có Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán, đều là sử dụng phương pháp Quán. Trong phần kinh văn ở phía sau, khi nói đến mười sáu phép Quán, bất luận là thực hiện phép Quán nào, đều chẳng lìa khỏi phương pháp Tam Quán.

II.1.1.4. Biệt Đề, Vô Lượng Thọ Phật

Lại nói tới Vô Lượng Thọ Phật. Danh xưng trong tiếng Ấn Độ (thời cổ gọi xứ này là Thiên Trúc) sẽ là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Thọ Phật. Quán Kinh lấy Vô Lượng Thọ Phật là đối tượng để quán. Chúng ta là người dụng công tu Quán, bèn gọi là Năng Quán (能觀), tức là tâm chúng ta có thể quan sát, quán tưởng, nên gọi là Năng Quán. Đối tượng để chúng ta quán (Sở Quán, 所觀) là gì? Chính là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là cảnh giới sở quán. Dùng Vô Lượng Thọ Phật làm đối tượng hoặc cảnh giới để quán, sẽ chẳng phải là pháp môn thông thường! Nhất Tâm Tam Quán và Thứ Đệ Tam Quán được nói trong phần trước chính là cách quán của tông Thiên Thai; bộ kinh này dùng Vô Lượng Thọ Phật, tức A Di Đà Phật, để làm cảnh giới quán tưởng, nên là một pháp môn đặc thù!

Pháp môn thông thường dùng sức của chính mình để quán Kiến Tu Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc từng tầng một, phá trừ từng tầng một, đã quán trọn hết toàn bộ thì mới thành công. Còn pháp môn đặc thù thì sao? Có một đối tượng để phỏng theo, quán thành công hết sức mau chóng, có thể giúp chúng ta dễ định tâm. Đã có một khuôn mẫu, phỏng theo khuôn mẫu ấy để quán tưởng, sẽ hết sức nhanh chóng. Pháp môn thông thường chẳng có đối tượng để phỏng theo. Giống như chúng ta viết chữ hoặc vẽ vờ. Trước khi viết chữ, phải có bảng chữ làm mẫu thì mới có thể mô phỏng. Vẽ vờ thì cũng phải trước hết là phỏng theo cách

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vẽ của người khác như thế nào, sẽ học được cách vẽ nhanh chóng! Chẳng có một đối tượng để mô phỏng, vừa khởi đầu quý vị liền tự vẽ! Vẽ đến khi nào thì mới vẽ đẹp được? Hiệu quả quá chậm! Ở đây, chúng ta nói đến Quán Kinh, tức là quán Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là cảnh để chúng ta quán; trong tâm chúng ta dùng cảnh ấy để chuyên theo, tâm chúng ta đặt nơi A Di Đà Phật. Tiếp xúc A Di Đà Phật, tâm chẳng lìa khỏi A Di Đà Phật, tâm đặt nơi Phật, chẳng cần cố ý đoạn Kiến Tư Hoặc và Trần Sa Hoặc mà tự nhiên tâm của quý vị hợp cùng Phật, tâm chính là Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Hay khéo là ở chỗ này!

Biệt Đề của kinh, tức là đề mục đặc biệt của kinh này, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói xong!

Tôi lại giải thích đôi chút về học lý trong cách đặt tên kinh Phật. Tên gọi của hết thầy các kinh Phật có bảy phương pháp để đặt tên. Chẳng hạn như dùng nhân (tên người) để đặt tên là một cách, dùng pháp để đặt tên là một cách nữa, dùng tỷ dụ để đặt tên là một cách. Đó là ba cách. Lại còn có nhân và pháp, pháp và tỷ dụ, nhân và tỷ dụ là ba cách nữa, hợp thành sáu loại. Lại gộp toàn bộ nhân, pháp, và dụ với nhau thành một loại, nên có tất cả bảy loại [đặt tên kinh]. Nói đơn giản, Phật trong bộ kinh này là Thích Ca Mâu Ni Phật cùng với Vô Lượng Thọ Phật đều là danh tự của Nhân, chữ Quán là Pháp. Gộp chung Nhân và Pháp để định ra danh xưng cho bộ kinh này.

II.1.2. Thông Đề, Kinh

Thông Đề chính là chữ Kinh trong danh xưng của hết thầy các bộ kinh Phật, chẳng hạn như Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Bất luận đức Phật giảng bộ kinh nào, đều có chữ Kinh này, đó là đề mục thông thường. Đối với kinh tại Trung Hoa, Nho gia có Ngũ Kinh và Thập Tam Kinh¹, cũng gọi là Kinh. Đó là ý nghĩa xét theo tiếng Hán. Trong tiếng Ấn Độ (tiếng Phạn) bèn gọi là Tu Đa La (Sūtra), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Khế Kinh (契經). Khế Kinh là gì? Khế (契) là rất phù hợp, phù hợp như thế nào? Bất cứ bộ kinh Phật nào cũng đều một mục khế hợp chân lý do đức Phật đã nói, lại còn như thế nào? Khế hợp căn cơ

¹ Thập Tam Kinh là mười ba bộ sách chính yếu bắt buộc phải học của Nho sĩ, bao gồm Châu Dịch, Thượng Thư, Thi Kinh, Châu Lễ, Nghi Lễ, Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Nhĩ Nhã và Mạnh Tử. Thập Tam Kinh được quy định hoàn chỉnh vào đời Minh.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

của chúng sanh! Chúng sanh thuộc căn cơ nào? Tâm lý như thế nào? Bộ kinh này đều nói ra, đặc biệt phù hợp với điều mong cầu trong tâm chúng sanh. Họ nghe xong sẽ hết sức vui thích. Đó là Khế Kinh, tức là vừa khế hợp Phật lý, vừa khế hợp căn cơ của chúng sanh. Do vậy gọi là Kinh, hay còn gọi là Khế Kinh.

Phần đề mục của bộ kinh này đã được nói xong, quý vị hãy nghĩ xem: Đối với đề mục của một bộ kinh phải tốn nhiều thời gian mới giảng xong. Vì sao? Phải hiểu rõ: Trong học vấn của nhà Phật, hết thấy các bộ kinh Phật chẳng đơn giản, chẳng giống như những bài văn hay các quyển sách do kẻ bình phàm soạn ra, tùy tiện đặt cho một cái tựa là được rồi. Há [danh xưng của kinh Phật] đơn giản dường ấy? Đề mục của một bộ kinh Phật bao hàm nội dung và ý nghĩa chánh yếu trong bộ kinh ấy. Người hiện thời nói tới khoa học, quý vị nghiên cứu bất cứ một môn khoa học nào, hễ đem so sánh với kinh Phật, đều là “*tiểu vu kiến đại vu*” (thầy bùa tay mơ gặp đại phù thủy). Khoa học do người hiện thời nghiên cứu đúng là một phần nhỏ của kinh Phật, là một phần quá ư nhỏ bé! Do vậy, phải hiểu rõ: Nhất định là phải có phần nào nhận thức kinh Phật, học vấn trong kinh Phật chẳng đơn giản đâu nhé! Chớ nên nghĩ là nó quá đơn giản! Sau đây, khi chúng ta nghiên cứu, mới dùng tâm lòng thành khẩn, cung kính để tìm tòi thì mới có sở đắc. Nếu chúng ta nghĩ [kinh Phật] rất đơn giản, vừa xem liền hiểu rõ, hễ có tâm lý ấy, dầu cho xem từ đầu đến cuối, mỗi chữ đều nhận biết, cũng đều xem trọn, vẫn là chẳng đạt được gì hết! Phật pháp huyền diệu ở chỗ này. Vì thế, Ấn Quang đại sư đã bảo: “*Phật pháp phải từ cung kính mà cầu*”. Quý vị chẳng cầu thì thôi, hễ cầu thì phải cung kính mà cầu. Đề mục là như vậy, mà mỗi chữ, mỗi câu trong kinh văn cũng đều chẳng đơn giản. Hiện thời, ở bên ngoài, lũ tà ma ngoại đạo mạo nhận họ cũng giảng Phật pháp. Quý vị bảo bọn họ giảng giải đề mục, hoặc bảo họ giảng bất cứ chữ nào trong kinh văn, hễ họ giảng giải, bèn nói đến “*pháp ở ngoài tâm*”, nói đến chuyện quỷ thần, [nghĩa lý trong kinh Phật] chẳng phải là chuyện như vậy!

Do vậy, nay chúng ta nghiên cứu, ắt phải hiểu rõ đạo lý này, đặc biệt là trong thời đại hiện tại, tà ma ngoại đạo đông lúc nhúc. [Có thấu hiểu đạo lý] thì chúng ta mới chẳng bị lừa, mới có tri kiến của chính mình. À! Hôm nay tôi giảng đến chỗ này mà thôi!

Tập 3

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu! Hôm nay xin mời quý vị xem tiếp đề cương bài giảng, trong buổi trước tôi đã nói phần đề mục của kinh trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa.

II.2. Biện Thể

Hôm nay, tôi bắt đầu nói về phần Biện Thể (辨體). Biện Thể là chỉ ra chủ thể của bộ kinh này là gì? Chủ thể của bộ kinh này là hai chữ Thật Tướng (實相). Chúng ta phải hiểu: Thật Tướng hoàn toàn chẳng phải là một thứ gì thật sự hiện hữu, có thể lấy ra cho mọi người thấy, chẳng phải là nói theo kiểu đó. Rốt cuộc, Thật Tướng là gì? Trước hết, phải hiểu rõ Tướng. Những tướng do lỗ bình phàm chúng ta trông thấy, đều chẳng phải là Thật Tướng. Những cái trông thấy đều chẳng phải là Thật Tướng thì đó là tướng gì? Toàn là giả tướng! Những gì chúng ta thấy, kể cả thân thể của chính mình, nhà cửa, toàn thể đại địa... hết thấy mọi thứ, cho đến các tinh cầu trong hư không, những tướng mà chúng ta có thể trông thấy có phải là Thật Tướng hay không? Tôi mượn dùng hai câu kinh Kim Cang để mọi người tham khảo. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Như tôi vừa mới nói, từ thân thể cho đến hết thấy những thứ trên đại địa mà ta tiếp xúc hoặc trông thấy, ngay cả đại địa, cho đến tất cả các tinh cầu trong hư không, đều là “*có hình tướng*”. Những cái có hình tướng ấy có phải là thật sự tồn tại hay không? Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: “*Đều là hư vọng*”, thấy đều là tướng hư vọng! Vì sao những thứ ấy đều là tướng hư vọng? Vì hết thấy các tướng ấy đều do nhân duyên hòa hợp mà hiển hiện. Đã là do nhân duyên hòa hợp, hễ nhân duyên tách lìa, tướng ấy có còn nữa chẳng? Chẳng tồn tại! Đó là một tướng do nhân duyên hòa hợp mà tạm thời hiển hiện. Chúng ta ngỡ đại địa tồn tại rất thật; thật ra, đại địa thời thời khắc khắc luôn biến hóa, thành, trụ, hoại, không, trải qua những giai đoạn ấy, có thể thấy nó chẳng phải là vĩnh cửu bất biến. Phàm những thứ gì có thể biến đổi thì đều là giả tướng.

Thật Tướng bất biến, vĩnh hằng bất biến. Nói theo phương diện thời gian, nó là bất biến; nói theo phương diện không gian, sẽ là “*không đâu chẳng tồn tại*”. Quý vị nói lấy nó cho quý vị xem thử, phần thể tích có thể lấy được sẽ là quá nhỏ. Dầu lấy cả địa cầu cho quý vị xem, vẫn là quá nhỏ! Địa cầu có ngần hạn, Thật Tướng chẳng có ngần hạn, không nơi nào chẳng tồn tại, bất cứ nơi đâu cũng đều là Thật Tướng. Nói như

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vậy, có sao chúng ta chẳng thông hiểu? Vì sao chẳng thấy được? Do tâm lượng của bọn phàm phu chúng ta quá nhỏ, chỉ thấy chút ít, hết sức hữu hạn. Tâm lượng của chúng ta chẳng mở rộng, cho nên chỉ có thể thấy những thứ hư giả, chẳng thấy Thật Tướng rộng lớn vô biên, vĩnh hằng, bất biến. Vì sao chẳng trông thấy? Vì bọn phàm phu chúng ta có Kiến Tư Hoặc, các thứ tâm lý mê hoặc, điên đảo, đè ép, khiến cho tâm lượng của ta quá nhỏ hẹp, cho nên chẳng thấy! Muốn đạt được Thật Tướng, trước hết, chúng ta phải thừa nhận hết thấy các tướng đều là hư giả, cũng là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Do cái tâm của chúng ta hư vọng, chấp trước, cho nên chẳng nhìn thấu suốt những tướng hư vọng ấy, chẳng thấy tướng hư vọng là hư vọng, lại ngược ngạo coi tướng hư vọng là chân thật. Do coi hư vọng là chân thật, cho nên chẳng thấy Thật Tướng chân thật. Vì thế, muốn thấu hiểu Thật Tướng, ắt là phải lìa khỏi hết thấy các tướng hư vọng.

Để lìa khỏi tướng hư vọng, trước hết, phải chuyển biến cái tâm hư vọng, phân biệt của chính mình. Tâm hư vọng là gì? Cái tâm ấy chẳng phải là lý trí, hề gặp hoặc thấy thứ gì bèn chấp trước thứ ấy, xử sự theo tình cảm. Chúng ta gặp mặt bất cứ một người nào, gặp mặt lần đầu còn thấy xa lạ; gặp lần thứ hai bèn thành quen thuộc. Sau khi đã quen thuộc, biến thành bạn bè. Sau khi đã biến thành bạn bè, hình ảnh của kẻ đó bèn tạo thành một tướng trong tâm chúng ta, chúng ta chấp trước giả tướng ấy! Rất nhiều lý tánh chân thật đã bị các giả tướng che lấp, rất nhiều chuyện là như vậy. Chúng ta làm bất cứ chuyện gì trong xã hội, giao tiếp với người khác, đều bị cái tâm hư vọng [chi phối] mà chấp trước, giữ lấy tướng, nhận giả, chẳng nhận thật. Nếu quý vị “nhận giả, chẳng nhận thật”, sẽ chẳng nhận biết cái chân thật của chính mình. Đạo lý ở chỗ này! Trước hết là phải thông hiểu, phải phá trừ tâm lý chấp trước của chính mình. Bộ kinh này giảng về Thật Tướng, khiến cho chúng ta hiểu rõ Thật Tướng.

Trong kinh văn, đã giảng về Thật Tướng rất nhiều. Nay tôi xin quý vị hãy xem những điều được ghi trong đề cương bài giảng. Nói đến Thật Tướng:

1) Điều thứ nhất, Thật Tướng là “*bất sanh, bất diệt*”. Vì sao bất sanh, bất diệt? Tôi vừa mới giới thiệu cùng quý vị: Thật Tướng là vĩnh hằng bất biến, chẳng có biến hóa, chẳng giống những thứ có thành, trụ, hoại, không. Phàm những thứ có sanh mạng, như hoa, cỏ, cây cối trên đại địa, mùa Xuân nảy mầm đâm lộc, mùa Thu điều tàn, tới tiết Đông bèn khô héo. Đó là có sanh, có diệt. Sanh mạng của loài người chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cũng giống như thế. Một đứa trẻ được sanh ra từ thân thể mẹ, dần dần trưởng thành. Sau khi đã trưởng thành, vẫn dần dần chuyển biến, biến thành già nua. Tới cuối cùng, sẽ có lúc diệt mất. Vì thế, con người có sanh, lão, bệnh, tử. Có sanh, ắt có diệt; những tướng biến hóa này đều rất nhỏ, nhưng lúc nào cũng là “hễ có sanh, bèn có diệt”. Thật Tướng chẳng có khi nào diệt. Nếu là chẳng có lúc nào diệt, há có lúc nào sanh? Nó tồn tại vĩnh hằng, nên bảo là “*bất sanh, bất diệt*”. Chúng ta học Phật nhằm mục đích giải quyết vấn đề sanh diệt, cũng như giải quyết vấn đề sanh tử. Giải quyết vấn đề sanh diệt như thế nào? Phải thông hiểu Thật Tướng. Chúng ta vốn chẳng biết Thật Tướng, chấp trước giả tướng, chấp trước thân thể giả tạm, ngỡ nó là chính mình. Có thể nắm chắc thân thể này hay không? Chẳng thể nắm chắc! Trong tương lai, thân thể này nhất định sẽ tử vong. Muốn giải quyết vấn đề sanh tử, phải nhận thức, thông hiểu Thật Tướng. Thật Tướng là Chân Ngã thật sự. Thân thể này là Giả Ngã. Giả Ngã bèn có sanh, có tử, Chân Ngã há có sanh, có tử? Do vậy, hiểu rõ Thật Tướng, sẽ có thể giải quyết vấn đề sanh tử, có thể bất sanh, bất diệt. Ý nghĩa thứ nhất là nói đến sự bất sanh bất diệt. Thật Tướng bất sanh bất diệt, còn gọi là Vô Sanh.

2) Thứ hai, Thật Tướng không chỉ là bất sanh bất diệt, mà còn là “*vạn đức vạn năng*”. Vạn đức: Thật Tướng bao hàm hết thảy các đức. Vạn năng: Tất cả các năng lực đều ở trong Thật Tướng. Cũng có thể nói Thật Tướng đại diện cho hết thảy các năng lực. Nó còn gọi là Phật Tánh. Đã thành Phật thì điều gì cũng đều làm được! Phạm phu há có thể sánh bằng Phật đức? Bất cứ phạm phu nào, dầu là kẻ rất có đạo đức, [đức hạnh] của kẻ ấy vẫn quá nhỏ. Đức hạnh chân thật là nói đến Thật Tướng. Dùng chữ Vạn để hình dung Thật Tướng, Vạn chẳng phải là một con số đếm được, chẳng phải là từ một, đến mười, đến trăm, đến ngàn, đến vạn. Vạn là sự biểu thị, biểu thị sự toàn năng, hoàn thiện, vô cùng, vô tận. Đức là vô cùng, vô tận, Năng cũng là vô cùng, vô tận. Những Đức và Năng ấy đều là Thật Tướng.

3) Ý nghĩa thứ ba, phải hiểu rõ Thật Tướng bất sanh bất diệt, vạn đức vạn năng ở nơi đâu? “*Nhân nhân bốn cụ*” (Ai nấy đều sẵn có). Ai nấy vốn sẵn có. Tôi có Thật Tướng, quý vị có Thật Tướng, kẻ khác có Thật Tướng. Bất luận ai cũng đều có Thật Tướng bất sanh, bất diệt, vạn đức, vạn năng. Vì sao chúng ta phải hiểu rõ điều này? Đã hiểu rõ thì mới biết chúng ta vốn chẳng biết Chân Ngã, luôn [có tâm nhìn] rất hẹp nhỏ, ngỡ sanh mạng mấy chục năm ngắn ngủi trong thế gian là Ngã, [tức là] coi Giả Ngã là Chân Ngã, cho nên có sanh tử. Đã thấu hiểu bất sanh, bất

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

diệt, vạn đức, vạn năng thì chuyện gì cũng đều có thể làm được, chuyện gì cũng đều hiểu rõ, đây mới là Chân Ngã, mỗi người chúng ta đều có. Sau khi đã thông hiểu Chân Ngã, tu đạo để làm gì? Tu đạo nhằm hiển thị Chân Ngã. Chúng ta vốn chẳng biết [chính mình] có Chân Ngã; nay học Phật, kinh Phật dạy chúng ta có Chân Ngã, có Thật Tướng. Sau đây lại dạy chúng ta dùng phương pháp gì để đạt được Thật Tướng, chứng đắc Thật Tướng.

4) Câu cuối cùng là “*duy Phật chứng tri*” (chỉ có Phật chứng biết). Tuy mỗi người chúng ta đều sẵn có Thật Tướng, nhưng chúng ta đều chẳng hiểu rõ. Vì sao? Vì mỗi người chúng ta đều ngỡ giả là thật, mê hoặc đối với Chân Ngã chân thật, chẳng nhận biết! Người thật sự thông hiểu chỉ có Phật. Chỉ có sau khi đã thành Phật thì mới có thể triệt để hiểu rõ Thật Tướng. Chỉ có Phật mới có thể chứng minh Ngài biết Thật Tướng! Nay chúng ta đều là dựa theo kinh văn mới biết là có Thật Tướng. Để thông hiểu Thật Tướng, phải nghiêm túc dụng công tu trì. Bước công phu đầu tiên là liễu sanh tử, thoát khỏi lục đạo luân hồi, cuối cùng là thành Phật, sẽ triệt để hiểu rõ Thật Tướng. Nay chúng ta không biết, chỉ có đức Phật biết. Nay chúng ta tuy vẫn chưa chứng, vẫn chưa hiểu rõ Thật Tướng, nhưng tìm hiểu danh từ này từ kinh văn thì cũng có lợi. Có lợi ở chỗ nào?

Trước hết, chúng ta ở trên thế gian sẽ chẳng giống những kẻ bình phàm, họ chuyên môn dùng đủ mọi thủ đoạn để truy cầu những thứ hư giả. Những thứ hư giả ấy chẳng ngoài tài vật, tiền bạc, chẳng ngoài tranh đoạt quyền lực, hoặc địa vị chính trị, chúng ta chẳng cần những thứ hư giả ấy! Hiểu rõ Thật Tướng của chính mình hoàn toàn đầy đủ, quá giàu có! Địa vị trong thế gian, dầu quý vị làm được như Tần Thủy Hoàng, tiêu diệt tất cả các quốc gia trong bốn biển, trở thành một vị đại hoàng đế, thống nhất thiên hạ, có ích gì đâu? Bất quá là sau chừng đó năm, chính mình sẽ chết ngắc. Đã chết rồi, những thứ ấy còn có thể mang theo hay không? Suy nghĩ như thế, chúng ta chẳng cần phải tranh giành những thứ đó với người khác. Chúng ta đi theo con đường cầu Thật Tướng, lúc nào, chỗ nào, tâm địa cũng đều an ổn, đều thỏa mãn. Kẻ thật sự bàn cùng là kẻ chẳng hiểu rõ Thật Tướng, chẳng hiểu rõ chính mình có Thật Tướng, nghĩ trọn đủ mọi cách để làm chuyện thương thiên hại lý, tổn người, lợi mình, những thứ giành giật được không gì chẳng là danh lợi hư giả. Đã nắm được trong tay, sẽ ngay lập tức tiêu mất. Có ích chi đâu? Đó chính là kẻ bàn cùng, thật sự đáng thương, chẳng hiểu đạo! Do vậy, sau khi đã hiểu rõ, chúng ta chẳng giống kẻ bình phàm, trong tâm sung

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mãn, sống cuộc đời hết thảy an định, hết thảy đều thỏa mãn. Vì sao? Trong Thật Tướng thứ gì cũng có. Đó là một tầng [ý nghĩa].

Thêm một tầng nữa, nay chúng ta học Phật, niệm Phật. Niệm Phật mà hiểu Thật Tướng, cái tâm của chúng ta vốn là vô cùng, vô tận, chẳng có ngăn mé, mở rộng ra ngoài, vạn pháp đều ở trong tâm chúng ta. Nếu có những kẻ hỏi: “Chúng ta niệm Phật, niệm đến lúc mạng chung, đối với thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, chúng ta đến đó bằng cách nào?” Đây là chẳng hiểu rõ đạo lý! [Nếu đã] hiểu rõ chúng ta vốn có Thật Tướng, chúng ta niệm Phật đạt đến nhất tâm bất loạn, ở trong Định sẽ nhận biết: Tịnh Độ ở ngoài vạn ức cõi Phật cũng bất quá ở trong Thật Tướng. Vãng sanh quá dễ dàng! Vì thế, đã hiểu rõ Thật Tướng, chúng ta tu đạo, niệm Phật, tín tâm tuyệt đối chẳng bị thoái chuyển. Bất luận kẻ nào nói pháp môn gì, chúng ta cũng đều chẳng tin tưởng. Chiếu theo phương pháp ấy để hành, chúng ta chẳng cần truy cầu những thứ mà người thế gian theo đuổi, tuyệt diệu thay! Đó là người hữu đạo.

Những điều được nói trong bộ kinh này nhằm làm cho chúng ta hiểu rõ bản thân mỗi người trong bọn chúng ta đều có Thật Tướng. Nói cách khác, khiến cho chúng ta biết có Thật Tướng, dạy chúng ta tìm lại Chân Ngã chân thật. Đã tìm được Chân Ngã, thứ gì cũng đều có, bất sanh, bất diệt, vạn đức, vạn năng, toàn bộ đều trọn đủ. Suy nghĩ như vậy, chúng ta học Phật phải hiểu rõ: Trong thời đại hiện tại, tà thuyết rất nhiều. Rêu rao những tà thuyết thế gian còn chưa thỏa sức, những kẻ tà tri tà kiến còn giả mạo Phật pháp để đi nói khắp nơi. Những điều bọn họ đã nói không gì chẳng phải là chuyện thần bí, quý quái, khiến cho quý vị thoát nghe, cảm thấy rất hiếm lạ, rất mới mẻ, bèn học theo họ. [Vì thế], một điều rất quan trọng là chúng ta phải học hiểu chú giải của tổ sư! Hiểu rõ Thế là Thật Tướng, chúng ta học bộ kinh này, những điều kinh dạy sẽ khiến cho chúng ta đối với hết thảy đều hiểu rõ Thật Tướng. Đây mới là ý nghĩa chân thật do đức Phật đã nói. Ngoài việc hiểu rõ Thật Tướng ra, chúng ta còn thường hướng theo Thật Tướng để truy cầu hòng lãnh ngộ. Nếu chẳng phải là như vậy, truy cầu nơi khác để mong lãnh ngộ thì là tà ma, thường gọi là ngoại đạo! Ngoại đạo chẳng hiểu rõ Thật Tướng, thường cầu cạnh từ bên ngoài, cầu thần, cầu quý, cầu những thứ giả trá. Hiện thời, ở bên ngoài có những kẻ giả mạo là người nhà Phật để thuyết pháp, thật ra đều là ma thuyết. Chúng nó nói những chuyện thuộc về ma pháp. Làm thế nào để phân biệt Phật và ma? Bọn chúng ăn nói chẳng khế hợp Thật Tướng, bảo mọi người hãy hướng ra ngoài cầu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tìm những thứ giả trá, đó là ma thuyết. Dạy mọi người hãy thu hồi cái tâm, hướng vào trong nội tâm của chính mình để cầu Thật Tướng; đây là Phật thuyết, là Phật pháp. Thế là Thật Tướng, đã nói xong!

II.3. Minh Tông

Tiếp đó là nói đến Minh Tông (明宗). Minh (明) là hiểu rõ, [Minh Tông] là hiểu rõ tông chỉ, tông chỉ gì vậy? Tông chỉ của bộ kinh này là nói về chuyện tu Quán, tu pháp Quán nào? Tu cái tâm của chúng ta, dùng tâm để tu diệu quán. Diệu quán là gì? Trong phần trước, khi luận về đề mục của Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, nói đến chữ Quán, đã nói [quán tướng] gồm có Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán. Nhằm hiểu rõ Nhất Tâm Tam Quán, cho nên trước đó phải nói tới Thứ Đệ Tam Quán.

Trong phần trước, tôi đã nhắc tới Tam Quán Không, Giả, Trung; trong nhất tâm có trọn đủ Tam Quán. [Nhất Tâm Tam Quán là] dụng công đồng thời, chẳng phải theo thứ tự [như trong Thứ Đệ Tam Quán. Thứ Đệ Tam Quán thì phải là]: Trước hết là quán Không, đã thành tựu bèn lại quán Giả. Giả đã thành tựu, lại quán Trung. Chẳng phải là như vậy! Nhất Tâm Tam Quán chẳng cần tuân theo thứ tự. Quán một thứ bèn là quán hết thay. Tam Quán được quán cùng một lúc, bèn gọi là Nhất Tâm Tam Quán, hay khéo thay! Người căn khí thông minh nhất, nói theo Tạng, Thông, Biệt, Viên của tông Thiên Thai, thì là người có căn khí Viên Giáo. Vì sao căn khí Viên Giáo là người thông minh nhất? Do trong đời quá khứ đã học Phật, cũng chẳng biết họ đã học bao nhiêu đời, thông hiểu Phật lý hết sức thấu triệt, công phu cũng hết sức tốt đẹp, đời này tiếp tục học Phật. Vì thế, người ấy “*nghe một, ngộ cả trăm*”, ngộ hết sức nhanh chóng, sức lãnh ngộ hết sức mạnh mẽ. Đó là người thuộc căn khí Viên Giáo. Người ấy có thể tu diệu quán, có thể cảm Tịnh Độ. Người ấy sử dụng Nhất Tâm Tam Quán khác với [cách sử dụng trong] pháp môn thông thường.

Trong pháp môn thông thường, tu Nhất Tâm Tam Quán bèn dùng sức của chính mình để trừ sạch sanh sanh Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc từng tầng một. Tới cuối cùng, trừ khử chẳng còn sót chút Hoặc nào, bèn thành Phật. Đó là dùng sức của chính mình, là tự lực! Tịnh Độ Tông chẳng giống như vậy, Tịnh Độ Tông phải dùng một đối tượng, cậy vào việc quán tướng, mô phỏng đối tượng ấy, hòng cảm vờ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Tịnh Độ. Rất nhiều người học nghệ thuật đã biết: Học vẽ cũng thế, mà học viết chữ (học thư pháp) cũng thế, cần phải có đối tượng để mô phỏng. Nói theo phía người học vẽ, nếu trước hết chẳng có bản vẽ mẫu cho quý vị học, cứ chính mình vẽ suông, sẽ vẽ chẳng được! Nếu là viết chữ mà chẳng có bảng chữ mẫu để quý vị phỏng theo, cũng chẳng học được!

Phép Quán trong Tịnh Độ Tông có hiệu quả tốt đẹp nhất! Trước hết, dạy quý vị quán mặt trời lặn, sau đó là quán từng bước, cuối cùng là quán A Di Đà Phật. Dạy quý vị dùng phương pháp ấy, quán thành công, sẽ có thể cảm ứng Tịnh Độ; Tịnh Độ ở đây chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới Tịnh Độ. Trong khi chúng ta nghiên cứu kinh Di Đà, tôi đã có nói về Tây Phương Tịnh Độ. Thế giới Cực Lạc bao gồm bốn loại Tịnh Độ. Thô thiển, bình phàm nhất là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, Tịnh Độ rất ráo nhất là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Người đã thành Phật ngự trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Nói đến chuyện “*có thể cảm vờ Tịnh Độ*” thì chính là có thể cảm ứng bốn loại Tịnh Độ. Nói cách khác, dùng phương pháp này không chỉ có thể vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trên cõi Phạm Thánh Đồng Cư, còn có cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, và Thường Tịch Quang Tịnh Độ, đều có thể cảm ứng. Chỗ trọng yếu nhất trong tông chỉ là ở ngay chỗ này, bộ kinh này nói đến những chuyện ấy!

II.4. Luận Dụng

Luận Dụng (論用) là nói đến tác dụng của bộ kinh này, chuyện này cũng rất trọng yếu. Nói đến tác dụng của bộ kinh này, xét theo chú giải của các vị tổ sư: “*Dụng*” (用) có nghĩa là có sức mạnh và công dụng. Tức là xét theo sức mạnh của bộ kinh này, đối với phương pháp trong kinh này, dùng Quán sẽ có thể diệt tất cả tội ác. Mặt khác là nói đến Dụng, nó có thể phát sanh hết thảy những thiện sự. Nói đơn giản là “*sanh thiện, diệt ác*”, sanh ra hết thảy các điều thiện, diệt tất cả các chuyện ác. Đây là Lực Dụng của bộ kinh này, có sức mạnh, có công dụng lớn lao!

Nếu chúng ta hỏi: Sanh thiện là sanh điều thiện gì? Diệt ác là diệt điều ác gì? Chư vị xem đề cương bài giảng, trong ấy đã nói rõ: “*Năng linh Ngũ Nghịch tội diệt*”, [nghĩa là] có thể khiến cho đại tội Ngũ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Nghịch tiêu diệt. Tội Ngũ Nghịch là gì? Tội nghịch có năm thứ, chẳng cần phải nói chi tiết. Ví như giết cha mẹ, làm đức Phật bị thương tích, đều là tội đại nghịch. [Sở dĩ có] bộ kinh này là do trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật, có một vị quốc vương, thái tử của vị vua ấy bất hảo, muốn làm vua ngay lập tức, toan sát hại phụ vương. Ông ta vẫn còn đang làm thái tử, còn chưa làm vua! Vốn là phải chờ sau khi phụ vương đã chết thì mới có thể kế vị; ông ta chờ chẳng nổi, làm như thế nào? Muốn làm vua ngay lập tức, mà cha chưa chết, làm thế nào đây? Nghĩ cách bắt giữ cha để sát hại. Giết cha là đã tạo thành một tội trạng lớn trong tội Ngũ Nghịch. Hãy ngẫm xem! Con người chúng ta do đâu mà có? Chẳng có cha mẹ, làm sao chúng ta có sanh mạng cho được? Cổ nhiên, nói đến sanh mạng trước khi đâu thai thì bản thân chúng ta có thức thứ tám, có linh hồn của chính mình, nhưng chẳng có cha mẹ làm duyên, linh hồn của chúng ta nương gá vào đâu? Linh hồn ấy dật dờ khắp chốn, làm sao có thể trở thành người cho được? Do vậy, có cha mẹ thì mới có thân thể chúng ta, mới có sanh mạng. Sau khi được sanh ra, là một đứa trẻ bé tẹo, chẳng thể làm gì, vẫn phải khiến cho cha mẹ từ ái tốn bao nhiêu tâm huyết, hao tổn bao nhiêu sức lực tinh thần, từ từ chăm bẵm, săn sóc, mới trưởng thành, ân đức ấy vĩ đại thay! Nghiễm nhiên toan sát hại cha mẹ, tội ấy có to lớn hay chẳng? Phạm tội đó, mắc phải kết quả, quý vị vẫn chưa biết ư? Tội ấy chẳng thể nào không đọa địa ngục! Năm thứ tội nghịch đều phải đọa địa ngục. Có thể biết là do kinh này, tu pháp môn này, ngay cả tội đọa địa ngục cũng đều có thể trừ diệt, hãy nghĩ xem! Tác dụng của kinh to lớn ngàn ấy!

Chúng ta biết vào thời cổ, bất luận là ai nghe thấy chuyện có kẻ giết cha mẹ, trong tâm đều chấn động khôn cùng! Ai nghe chuyện đó mà không bàng hoàng, chua xót? Nhưng nhìn vào thời đại này, nếu quý vị để ý xem báo, hoặc coi tin tức trên TV, sát hại cha mẹ là chuyện thường thấy, chẳng hiếm hoi gì, thường xuyên xảy ra! Thường là một đứa thiếu niên bất lương vòi tiền cha mẹ, cha mẹ không cho nó tiền, nó bèn sát hại cha mẹ. Hoặc là cha mẹ mắng nó mấy câu, nó liền dấy lên ý niệm giết cha mẹ! Hãy nghĩ xem! Vì sao thời đại này có kẻ nhẫn tâm làm chuyện đại nghịch bất đạo? Phong khí thời đại là như vậy. Trong thời đại Mạt Pháp, lòng người trở thành hung ác đã đến mức ấy, nghiễm nhiên gây tạo tội ác. Đã tạo tội ác mà mong trong tương lai chẳng đọa địa ngục, có được hay không? Hãy nghĩ xem! Trong thế gian này, nếu chẳng học Phật, không học pháp môn đặc biệt là pháp môn Niệm Phật, mà mong liễu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

sanh tử, mong chẳng đọa tam đồ, chẳng có cách nào hết! Chỉ có tu pháp môn này! Pháp này có thể diệt tội ấy.

Tuy nói như vậy, nhưng tu pháp này đâu có đơn giản như thế. Trước hết là phải chuyên biến tâm lý. Nếu hỏi vì sao kẻ đó muốn sát hại cha mẹ? Vì trong tâm kẻ đó, tâm tham quá nặng, tâm sân hận quá nặng! Còn có những kẻ ngu si nhất, Phật pháp gọi tham, sân, si là Căn Bản phiền não. Một kẻ có Căn Bản phiền não nặng nề, sẽ có thể phạm trọng tội Ngũ Nghịch. Nhưng trong thời đại hiện nay, kẻ tham, sân, si nặng nề rất đông. Còn chưa kể là nền giáo dục trong thế gian hiện thời luôn cổ vũ, khích lệ người ta tăng thêm tham, sân, si! Vốn đã tham, sân, si nghiêm trọng, thế mà giáo dục vẫn cứ cổ vũ, khích lệ con người hãy tận hết sức tham lam, tận hết sức sân hận, tận hết sức ngu si. Phong khí giáo dục là như vậy, kẻ bình phạm cũng là như vậy. Quý vị ngẫm xem, thế giới này tương lai sẽ đi đến nông nổi nào? Từng bước một đẩy chúng sanh vào trong tam đồ! Chẳng học Phật, chẳng học pháp môn Niệm Phật đặc biệt, sẽ nguy hiểm dường ấy!

Lại nói đến “*sanh thiện*”, thì sanh những điều thiện nào? “*Vãng sanh Tịnh Độ*”. Trong thế giới Sa Bà, chúng ta sanh những điều thiện gì, đều là “*thiện có thiện báo*”. Trong phần trước, nói đến tội ác, tội Ngũ Nghịch đọa địa ngục là khổ báo lớn nhất. Sanh thiện thì đương nhiên là đạt được phước báo. Chúng ta ngẫm xem, ở trong thế giới Sa Bà, bất cứ phước báo nào cũng sẽ hưởng hết. Phước báo lớn nhất là sanh lên trời, sanh lên Dục Giới Thiên, phước báo ấy tuyệt vời lắm! Muốn gì có nấy, nhưng có ý nghĩa gì đâu? Vẫn ở trong sanh tử! “*Sanh thiện*” là có thể vãng sanh Tịnh Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tác dụng “*sanh thiện*” của bộ kinh này là làm cho chúng ta vãng sanh, tốt đẹp hơn bất cứ thiện nghiệp hoặc phước báo nào trên thế giới! Bất cứ thiện nghiệp, phước báo nào, cũng đều chẳng sánh bằng vãng sanh Tịnh Độ!

Về phương diện “*diệt ác*”, lại phải nói bổ sung. Chúng ta xem kinh phải hiểu rõ: Bộ kinh này dạy tu Quán có thể diệt trọng tội Ngũ Nghịch, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vãng sanh vào chỗ nào trong thế giới Cực Lạc? Đương nhiên là vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Người học Phật phạm tội (ai nấy đều có tội nghiệp, nhưng chẳng đến nỗi là đại tội Ngũ Nghịch). Tội Ngũ Nghịch mà còn có thể diệt, có thể vãng sanh, nhưng chúng ta vẫn chưa đến mức độ nghiêm trọng như vậy, tội nghiệp nhẹ ít, vật vãnh, chẳng đến nỗi là trọng tội Ngũ Nghịch, cậy vào một câu Phật hiệu, lẽ nào chẳng thể vãng sanh ư? Sau khi chúng ta đã thông hiểu, bèn an tâm, chỉ cần chúng ta chịu một mực

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thọ trì một câu Phật hiệu, nhất định là sẽ nắm chắc vãng sanh! Đòi quá khứ, chúng ta đã tạo các ác nghiệp nào? Chúng ta không biết, nhưng tội nghiệp đã tạo trong đời này thì vẫn chưa đến nỗi phạm tội Ngũ Nghịch. Tội [nặng nề như thế] ấy mà có thể chuyển, lẽ nào tội thông thường chẳng thể chuyển? [Điều này] có thể khiến cho chúng ta tăng tấn tín tâm!

II.5. Phán Giáo

Cuối cùng nói tới Phán Giáo. Phán Giáo (判教) là nói bộ kinh này thuộc về giáo nào? Chiếu theo cách nói thông thường của người nghiên cứu Giáo, Tam Tạng mười hai bộ có Tiểu Thừa (bao gồm Trung Thừa trong đó), Thanh Văn Thừa là Tiểu Thừa; có Đại Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát Thừa, tức là pháp môn tu tập của hàng Bồ Tát. Tiểu Thừa chẳng thể thành Phật, họ có thể liễu thoát sanh tử trong lục đạo, nhưng nếu muốn thành Phật, vẫn phải chuyển sang học Đại Thừa thì mới được. Bộ kinh này là kinh điển Đại Thừa. Trong kinh Đại Thừa, lại chia ra hai loại là Tiệm và Đốn. Tiệm (漸) là dần dần, khai ngộ từng bước một. Bộ kinh này là Đốn (頓), Đốn là viên đốn, thuộc loại pháp môn viên đốn trong Viên Giáo, chẳng cần phải theo từng bước một như trong Tiệm Giáo, có thành tựu rất nhanh chóng. Kinh này thuộc loại Đại Thừa Đốn Giáo. Nếu hỏi vì sao bộ kinh này là Đốn Giáo ư? Vì bộ kinh này do Thích Ca Mâu Ni Phật chuyên giảng cho phu nhân Vi Đề Hy là mẹ của Thái Tử [A Xà Thế]. Phu nhân Vi Đề Hy vừa nghe đức Phật giảng pháp môn này xong, bèn chiếu theo pháp môn này để dụng công tu trì, đắc Nhẫn ngay trong đời này. Đắc môn Nhẫn nào vậy? Đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Vô Sanh Pháp Nhẫn là địa vị rất cao. Học pháp Đại Thừa, sau khi đã đạt đến Thập Tín, bèn học Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, đó là Tam Hiền vị. Tam Hiền vị phải mất một A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể tu viên mãn. Sau khi đã tu viên mãn, bèn tiếp tục tu thì mới có thể “đăng địa”, tức là dự vào hàng Địa Thượng Bồ Tát (từ Sơ Địa trở lên). Địa Thượng Bồ Tát mới có thể đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trước kia đạt đến Địa Thượng Bồ Tát, phải tu hành một A-tăng-kỳ kiếp. Phu nhân Vi Đề Hy đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn ngay trong một đời, bà thuộc vào địa vị Sơ Địa. [Vì thế], nói theo phương diện phán giáo, kinh này là Viên Đốn Giáo.

Chẳng nói Ngũ Trùng Huyền Nghĩa rất cận kề, thế mà cũng tốn chẳng ít thời gian, kể như là đã nói xong. Hôm nay, nói đến đây là ngừng.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lần sau có thể nói đến người phiên dịch bộ kinh này. Nói xong người dịch kinh, sẽ có thể chánh thức giảng giải kinh văn.

Tập 4

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu. Trước hết, xin quý vị mở xem kinh bản, mở trang thứ nhất. Tôi đọc trước hai hàng kinh văn mở đầu như sau: “*Như thị ngã văn, nhất thời, Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại tỳ-kheo chúng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Bồ Tát tam vạn nhị thiên, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử nhi vi Thượng Thủ*” (Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Phật ngự tại thành Vương Xá, ở trong núi Kỳ Xà Quật, cùng với các vị đại tỳ-kheo, một ngàn hai trăm năm mươi vị nhóm họp, Bồ Tát ba vạn hai ngàn. Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử làm Thượng Thủ).

Sau khi đã đọc kinh văn, lại xin quý vị hãy mở tìm trong đề cương bài giảng lần trước, trang thứ nhất đã nói xong, hãy lật sang trang thứ hai. Trước hết, nói đến người phiên dịch. Sau khi nói xong người phiên dịch, sẽ chánh thức bắt đầu giảng giải kinh văn.

III. Dịch nhân (người dịch)

Lưu Tống Tây Vực Tam Tạng pháp sư Cương Lương Da Xá dịch.

劉宋西域三藏法師疆良耶舍譯。

(Đời Lưu Tống, Tam Tạng pháp sư Cương Lương Da Xá người xứ Tây Vực dịch).

“*Dịch nhân*” (譯人) là người phiên dịch. Người phiên dịch bộ kinh này là ai? Chúng ta biết nguyên văn kinh Phật chép bằng tiếng Phạn của Ấn Độ cổ đại, cũng là tiếng Ấn Độ. Sau khi kinh văn được truyền đến Trung Hoa, phải qua phiên dịch văn tự, dịch sang tiếng Hán. Phiên dịch vào thời cổ chẳng giống như chúng ta hiện thời: Từ ngôn ngữ ngoại quốc dịch sang tiếng Hán, ai hiểu tiếng Hán và ngoại ngữ đều có thể phiên dịch ngoại ngữ, cá nhân có thể phiên dịch. Kinh Phật chẳng đơn giản như vậy. Vào thuở đó, phiên dịch một bộ kinh Phật chẳng phải chỉ là một người! Đương nhiên, điều quan trọng nhất là phải hiểu tiếng Phạn, lại còn phải thông hiểu kinh Phật. Dịch giả từ ngoại quốc tới, là những vị

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

xuất gia đến từ Ấn Độ, hoặc từ những nước ở phía Tây Bắc Trung Hoa, hoặc Tây Vực, cũng hiểu tiếng Hán. Ngoài ra, còn có những vị có học thức tại Trung Hoa, đang làm việc trong triều đình thuở ấy, họ hết sức thông thạo văn chương Trung Hoa. Lại còn có các vị cao tăng xuất gia người Hoa. [Tất cả những người ấy] hợp lại, cùng nhau nghiên cứu, dịch thành một bộ kinh. Sau khi đã dịch ra, nói chung là một bộ kinh chẳng thể ghi hết tên của tất cả mọi người, cho nên chỉ nêu tên một vị đại diện, tức là vị giữ vai trò trọng yếu nhất. Người tham dự phiên dịch bộ kinh này rất nhiều, nhưng chỉ nêu tên vị pháp sư xuất gia đến từ Tây Vực, nay tôi sẽ giới thiệu vị pháp sư này.

Người dịch bản kinh này sống vào thời đại Lưu Tống. Chúng ta biết Trung Hoa có Đường, Tống (đời Đường, đời Tống), nhà Lưu Tống chẳng phải là triều đại Tống (tức Triệu Tống) sau nhà Đường. Lịch sử Trung Hoa rất lâu, Phật pháp được truyền vào [Trung Hoa] dưới đời Hán. Sau nhà Hán là thời Tam Quốc (Tào Ngụy, Tây Thục, Đông Ngô). Sau thời Tam Quốc là nhà Tấn, sau nhà Tấn, [vương triều cai trị] bèn chia thành hai bộ phận là Nam Bắc (tức Nam Bắc Triều) [gồm nhiều triều đại tồn tại song song]. Xuất hiện sau nhà Đông Tấn chính là các triều đại Tống, Tề, Lương, Trần, thuộc về Nam Triều. Lưu Tống ở đây chính là nhà Tống trong năm triều đại Tống, Tề, Lương, Trần. Vì sao thêm vào chữ Lưu? “*Lưu*” là Lưu Dự (劉裕), [Lưu Tống] là triều đại do Lưu Dự khai quốc².

Vị pháp sư này từ đâu đến? Ngài đến từ Tây Vực. Nay chúng ta biết rõ Tây Vực vào thuở ấy, chính là từ vùng Đôn Hoàng thuộc tỉnh Cam Túc của Trung Hoa Đại Lục hiện thời trở về phía Tây, cho đến tận Ấn Độ, thấy đều gọi chung là Tây Vực. Thuở ấy, khu vực này có rất nhiều quốc gia. Những quốc gia ấy được gọi chung là Tây Vực. Vị pháp sư này rốt cuộc là người thuộc quốc gia nào? Chẳng có cách nào để tra cứu! Vào thời cổ, phiên dịch kinh Phật chẳng phải là bất cứ ai cũng đều

² Gọi là Lưu Tống để phân biệt với Triệu Tống tức là nhà Tống do Triệu Khuông Dẫn sáng lập sau nhà Đường. Nhà Lưu Tống (420-479) thuộc Nam Triều, chỉ truyền được sáu đời vua, trong khi nhà Triệu Tống (960-1279) gồm hai giai đoạn Bắc Tống (960-1127) và Nam Tống (1127-1279), tổng cộng mười tám đời vua. Sở dĩ có nhà Nam Tống là vì sau khi cha con Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông bị quân Kim bắt về giam lỏng tại thành Ngũ Quốc, quân Kim chiếm trọn miền Hoa Bắc. Khang Vương Triệu Cấu chạy thoát về phương Nam, được triều thần tôn lên làm vua, tức là Tống Cao Tông. Sau nhiều lần bị truy đuổi, phải chạy về Giang Nam, Tống Cao Tông lấy Hàng Châu làm kinh đô, đặt tên là Lâm An phủ, mở ra triều đại Nam Tống.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

có thể phiên dịch. Trong phần trên đã nói, nhất định phải thông đạt Tam Tạng. Tam Tạng là gì? Trong cả bộ Đại Tạng Kinh, kinh Phật thuộc về Kinh Tạng, lại còn có Luận Tạng (Luận là giải thích kinh văn; cũng có khi chỉ giải thích Phật lý cũng được gọi là Luận), cùng với giới luật do đức Phật chế định, gọi là Luật Tạng. Tam Tạng Kinh, Luật, Luận hết sức nhiều. Vị pháp sư tinh thông Kinh, Luật, Luận Tam Tạng được gọi là “*Tam Tạng pháp sư*”. Bất luận người học Phật hay không đều biết đời Đường có một vị là Huyền Trang đại sư, thường được gọi là Đường Tam Tạng. [Ngài có danh xưng là] Đường Tam Tạng vì Ngài tinh thông Tam Tạng [và sống vào đời Đường]. Ngoại trừ ngài Huyền Trang tinh thông Tam Tạng ra, còn có rất nhiều vị đại pháp sư tinh thông Tam Tạng. Vị Tam Tạng pháp sư này có tên là Cương Lương Da Xá. Cương Lương Da Xá (Kalayāsa)³ là phiên âm từ tiếng ngoại quốc, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thời Xung (時稱). Trong niên hiệu Nguyên Gia nhà Lưu Tống (triều đại nhà Tống do Lưu Dụ sáng lập), Ngài phiên dịch bộ kinh này tại Dương Châu.

Chúng ta biết: Vào thời cổ, phiên dịch một bộ kinh là một chuyện thận trọng như thế đó, ắt phải là người tinh thông Tam Tạng thì mới có thể chủ trì việc phiên dịch. Lại còn chẳng phải là do một người phiên dịch, mà là có rất nhiều người tham dự. Hiện thời, có những kẻ do thấy có rất nhiều người chẳng đọc hiểu Tạng Kinh (Tạng Kinh toàn dùng thể loại Văn Ngôn để viết), họ đã nghĩ tới chuyện tìm người dịch Tạng Kinh từ Văn Ngôn sang văn Bạch Thoại. Hiện thời, có chẳng ít người chủ trương như vậy. Chúng ta phải hỏi: “Người phiên dịch có tinh thông Tam Tạng hay không?” Nếu chẳng tinh thông Tam Tạng, muốn dịch một bộ kinh [từ thể loại Văn Ngôn] sang văn Bạch Thoại, chẳng biết sẽ dịch bộ kinh ấy thành tình trạng như thế nào? Đừng nói là chẳng tinh thông Tam Tạng, cũng có thể nói là [những kẻ ấy] chẳng thông hiểu văn tự Văn Ngôn trong bộ kinh đó! Thật sự thông hiểu văn tự của một bộ kinh, người ấy sẽ chẳng dám dịch sang văn Bạch Thoại. Vì sao nói như vậy? Trong văn chương Văn Ngôn, một chữ bao hàm rất nhiều ý nghĩa, trọn

³ Cương Lương Da Xá: Theo Cao Tăng Truyện, Ngài tánh tình cương trực, thông minh, mẫn tiệp, chuyên nghiên cứu A Tỳ Đàm Bà Sa Luận, thông thuộc giáo nghĩa của nhiều tông phái. Ngài thường nhập Định cả tuần. Ngài đến Trung Hoa trong niên hiệu Nguyên Gia, Tống Văn Đế rất hâm mộ, bèn thỉnh Ngài đến kinh đô, trụ tại Đạo Lâm Tinh Xá. Sư đã dịch các kinh như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Quán Dược Vương Dược Thượng Kinh v.v...

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chẳng thể nói là từ một câu viết bằng Văn Ngôn mà có thể thay thế bằng một câu văn Bạch Thoại, thay thế chẳng được! Thậm chí từ một câu theo thể loại Văn Ngôn, tìm vài câu theo lối Bạch Thoại để diễn đạt vẫn chẳng được, uổng công phí sức! Chúng ta quản chẳng được chuyện người ta dịch kinh Phật từ Văn Ngôn sang Bạch Thoại, nhưng chúng ta chớ nên xem kinh văn đã dịch sang văn Bạch Thoại. Kinh văn bằng Bạch Thoại thoát nhìn thì dễ hiểu, nhưng chẳng phải là ý nghĩa do đức Phật đã giảng, chớ nên xem! Muốn xem, hãy nên xem nguyên bản trong Tạng Kinh. Xem không hiểu, đã có chú giải của tổ sư đại đức. Nếu vẫn xem không hiểu, đọc nguyên bản kinh văn cũng đỡ hiểu hơn xem văn Bạch Thoại rất nhiều. Mọi người phải hiểu rõ điều này! Hiện thời, ở bên ngoài, kinh điển được dịch sang văn Bạch Thoại rất nhiều, không được đâu! Chúng ta chớ nên xem những văn bản ấy.

IV. Ba phần của kinh văn (Tự, Chánh, Lưu Thông)

Trong văn tự của mỗi bộ kinh, đều chia thành ba bộ phận. Ba bộ phận gì vậy? Bộ phận đầu tiên được gọi là Tự Phần, ví như hiện thời có rất nhiều người viết sách, tự mình viết một bài tựa, hoặc cậy người khác viết lời tựa. Đó gọi là Tự (序). “Tự” trong kinh Phật chẳng phải là một phần khác biệt, mà thuộc ngay trong kinh văn. Vừa mở đầu, bèn có bộ phận này, gọi là Tự Phần (序分). Tự Phần nhằm nói lên điều gì? Chính là nêu nhân duyên khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này, [tức là lý do] vì sao giảng bộ kinh này. Sau Tự Phần, kế đó là chánh thức giảng giải những đạo lý trong bộ kinh này, [phần này] gọi là Chánh Tông Phần. Đến cuối Chánh Tông Phần, khi sắp kết thúc, đạo lý trong bộ kinh này đã được nói xong xuôi, phương pháp tu hành cũng có, đức Phật sẽ dạy người nghe phải chiếu theo lý đó và phương pháp ấy để tu hành. Bộ phận mang tính chất dẫn dò ấy được gọi là Lưu Thông Phần. Bất cứ bộ kinh nào cũng đều có ba bộ phận này. Người Hoa viết văn, viết một quyển sách cũng giống như thế! Chương pháp (章法, kết cấu và mạch lạc hành văn) hết sức nghiêm mật, có quy củ nhất định. Nhưng kinh Phật vào thời kỳ đầu, tức là khi mới vừa truyền đến Trung Hoa, thưở đó, người giảng kinh đều chẳng giới thiệu rõ ràng: Tự Phần là gì? Chánh Tông Phần là gì? Lưu Thông Phần là gì? Chẳng giới thiệu như vậy. Giống như người ta thường nói là văn chương chẳng có chương

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

pháp, chẳng nêu rõ kết cấu khởi, thừa, chuyển, hợp⁴, chỉ là từ đầu đến cuối, chiếu theo từng câu trong văn tự mà trình bày ý nghĩa là được rồi!

Từ khi nào, [giảng giải] kinh Phật bắt đầu có ba phần? Tại phương Bắc, vào thời Ngũ Hồ Loạn Hoa⁵, cũng tức là sau đời Tấn, tại vùng Trường An của tỉnh Thiểm Tây có nước Tần. Nước Tần này chẳng phải

⁴ Đây là những thuật ngữ chỉ các phần trong một tác phẩm văn chương, dù là một bài viết ngắn ngủi, cũng phải có đủ bốn phần như sau:

- 1) Khởi (起): Giới thiệu chủ đề, nêu tóm tắt bối cảnh của sự kiện và mối quan hệ giữa các nhân vật.
- 2) Thừa (承): Tiếp nối ý đã nêu, dẫn dắt đến trình tự phát triển cho câu chuyện.
- 3) Chuyển (轉): Nêu lên những điều mâu chốt trong diễn biến, phát triển tính cao trào trong quá trình diễn biến.
- 4) Hợp (合): Tổng kết sự kiện, đưa đến kết luận.

⁵ Ngũ Hồ Loạn Hoa (304-439) là một giai đoạn rối ren nhất trong lịch sử Trung Hoa, kể từ khi tám vị vương gia gây loạn (291-306) khiến cho nhà Tây Tấn suy yếu cùng cực, khiến cho năm dân tộc không phải là Hán tộc (Hung Nô, Tiên Ty, Yết, Khương, Đê) thừa cơ xâm nhập Trung Hoa, chia Trung Hoa thành nhiều vương quốc nhỏ. Nếu chỉ kể những nước chánh yếu thì có đến mười sáu nước, nên sử thường gọi là Ngũ Hồ Thập Lục Quốc. Giai đoạn này thường được coi là chính thức bắt đầu khi Lưu Uyên và Lý Hùng kế tiếp nhau thành lập các vương triều Hán Triệu và Thành Hán mãi cho đến khi Bắc Ngụy Thác Bạt Đào diệt nhà Bắc Lương mới chấm dứt. Nhưng sau đó, lại hình thành một giai đoạn khác là Nam Bắc Triều. Để dễ nhớ, Sử thường có một câu nói như sau: “Ngũ Lương, Tứ Yên, Tam Tần, Nhị Triệu, Thành Hán, Hồ Hạ”. Ngũ Lương là các nhà Tiền Lương (do Trương Thật người Hán sáng lập), Hậu Lương (do Lữ Quang người Đê sáng lập), Nam Lương (do Thốc Phát Ô Cô người Tiên Ty sáng lập), Tây Lương (do Lý Cao người Hán sáng lập), Bắc Lương (do Đoàn Nghiệp người Lô Thủy Hồ sáng lập). Tứ Yên là Tiền Yên (do Mộ Dung Hoảng người Tiên Ty sáng lập), Hậu Yên (do Mộ Dung Thùy người Tiên Ty sáng lập), Bắc Yên (do Mộ Dung Vân người Tiên Ty sáng lập), Nam Yên (do Mộ Dung Đức người Tiên Ty sáng lập). Tam Tần là Tiền Tần (còn gọi là Phù Tần, do Phù Kiên người Đê sáng lập), Hậu Tần (còn gọi là Diêu Tần, do Diêu Trành người Khương sáng lập), và Tây Tần (do Khất Phục Quốc Nhân người Tiên Ty sáng lập). Nhị Triệu là Tiền Triệu (còn gọi là Hán Triệu do Lưu Uyên người Hung Nô sáng lập) và Hậu Triệu (do Thạch Lặc người Yết sáng lập). Tên các triều đại thường dựa theo lãnh thổ của nước ấy thuộc địa bàn của nước chư hầu nào trong thời Chiến Quốc. Chẳng hạn, Phù Kiên chiếm vùng Thiểm Tây và Cam Túc vốn thuộc lãnh thổ nước Tần thời Chiến Quốc, nên đặt quốc hiệu là Tần.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

là nước Tần của Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng họ Doanh⁶, nên triều đại Tần ấy gọi là Doanh Tần. Nước Tần ở đây là nước Tần về sau của Phù Kiên. Mọi người đọc lịch sử đều biết Phù Kiên chuẩn bị [tấn công] xuống phương Nam. Ông ta mang quân tấn công Đông Tấn thuộc Nam Triều, kết quả là vừa giao tranh bèn thua trận. Trận đánh ấy được gọi là “*Phi Thủy chi chiến*” (cuộc chiến nơi sông Phi⁷), rất nổi tiếng. Vào thời Phù Kiên, kinh đô [nước Phù Tần] là một giải Trường An hiện thời. Ông ta thỉnh pháp sư giảng kinh, pháp sư bèn cứ chiếu theo kinh văn để giảng liên tục [chẳng phân tích cấu trúc]. Vua Tần bèn nói: “Trong văn hóa Trung Hoa của chúng tôi...” (Thật ra, vua Tần là người Hồ. Phù Tần là một quốc gia được kiến lập bởi Ngũ Hồ. Tuy là người Hồ, nhà vua ưa chuộng văn hóa Trung Hoa, tự cho mình là người Hoa. Hiện thời, khác hẳn! Cố nhiên là người ngoại quốc khinh thường văn hóa Trung Hoa, mà ngay cả người Trung Hoa cũng coi thường văn hóa Trung Hoa. Khi đó, người Hồ coi trọng văn hóa Trung Hoa và cũng đọc sách của Trung Hoa). Vua Tần nói: “Đối với văn tự của Trung Hoa, bất cứ quyển sách nào, bất cứ một bài văn nào, cũng đều có chương pháp, đều có kết cấu. Văn tự của một bộ kinh Phật hay dường ấy, chẳng thể nói là không có chương pháp. Mở đầu như thế nào? Danh xưng là gì? Chính giữa là gì? Sau đó lại là gì? Phải nên có văn pháp, phân chia rành mạch, rõ rệt”. Người giảng kinh khi đó, do thuở đầu [việc nghiên cứu] kinh Phật [tại Trung Hoa] chưa có Khoa Phán (Khoa (科) là khoa học, Phán là phán biệt (判別), tức là phân định ý nghĩa và kết cấu), cho nên khi vua Tần hỏi như thế, người giảng kinh chẳng thể đáp được!

Thuở đó, có một vị pháp sư tên là pháp sư Đạo An. Chúng ta biết về sau có rất nhiều vị [pháp sư] trùng tên. Chẳng hạn như ở Đài Loan cũng có một vị pháp sư tên là Đạo An; vị lão pháp sư này đã vắng sanh. Tại Đài Loan, vị lão pháp sư này cũng khá nổi tiếng. Thuở ấy, pháp sư Đạo An⁸ ở Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, nghe chuyện này. Vua Tần hỏi

⁶ Tần Thủy Hoàng tên là Doanh Chính, là con trên danh nghĩa của Tần Trang Tương Vương (Doanh Tử Sở) vì mẹ ông đã có mang với Lã Bất Vi trước khi được Lã Bất Vi dâng cho Tần Trang Tương Vương.

⁷ Phi Thủy (肥水) bắt nguồn từ rừng núi Tương Quân giữa hai huyện Phi Tây và Thọ Huyện, chia làm hai nhánh, nhánh chảy theo hướng Tây Bắc đổ vào sông Hoài, nhánh chảy theo phía Đông Nam đổ vào Sào Hồ.

⁸ Ngài Đạo An (312-385) họ Vệ, người xứ Phù Liễu, huyện Thường Sơn (nay là huyện Ký, tỉnh Hà Bắc). Ngài là bậc cao tăng thời Ngụy Tấn, và là thầy của Tịnh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

như thế, đích xác là người giảng kinh phải nên chú ý. Văn tự trong kinh văn hay như thế, phải nên có kết cấu, phải nêu ra rõ ràng. Ngài liền bắt tay vào nghiên cứu. Sau đấy, Ngài nghiên cứu thấy: Bát luận là một bộ kinh lớn cũng thế, mà một kinh nhỏ ngắn cùn cũng thế, đều có Tự Phần ở trước, chính giữa là Chánh Tông Phần, sau đó là Lưu Thông Phần. Sau khi Ngài nghiên cứu, hiểu rõ văn tự, phát hiện [kinh nào] cũng đều có ba bộ phận ấy. Sau đấy, Ngài tự mình giảng kinh, chánh thức công bố: Bát

Tông Sơ Tổ Huệ Viễn. Ngài là người đi tiên phong trong việc nghiên cứu Trung Quán Bát Nhã tại Trung Hoa. Ngài La Thập đọc trước tác của Sư, rất khâm phục, dâng tặng Sư mỹ hiệu Đông Phương Thánh Nhân. Ngài thông minh, mẫn tiệp, do cha mẹ mất sớm, anh chị nuôi dưỡng, đến bảy tuổi mới cho đi học, nhưng đọc sách nào cũng sau hai lượt bèn nhớ không sai một chữ. Ngài xuất gia năm mười hai tuổi. Do Ngài tướng mạo xoàng xĩnh, thô kệch, vị thầy thế độ quá chấp vào hình tướng, coi thường Ngài, sai đi làm ruộng suốt ba năm. Ba năm sau, Sư xin học kinh tạng, sư phụ bèn tùy tiện lấy Biện Ý Kinh dài năm ngàn chữ cho xem. Chỉ học trong lúc nghỉ giữa trưa, Ngài đã đọc thuộc và thông hiểu ngay trong hôm ấy. Tối về, xin thầy đổi bộ khác, sư phụ trách mắng. Sau khi nghe Ngài đọc thuộc, sư phụ bèn đưa bộ kinh khác là Thành Cụ Quang Minh dài đến một vạn chữ. Tối về, Sư lại đem kinh trả cho thầy; thầy rất tức, Sư bèn đọc lầ lầ chẳng sai một chữ. Vị thầy sững sờ, mới biết Sư chẳng phải là phạm nhân. Do đó, không lâu sau, cho Sư thọ Cụ Túc Giới, rồi cho Sư đi tham học. Năm 310, ngài Phật Đồ Trừng đến Trung Hoa. Tổ nhận biết Sư là bậc danh tài, nhưng do tướng mạo chẳng đẹp đẽ, thường bị đại chúng coi rẻ; do đó, sau mỗi buổi giảng kinh, Tổ đều bảo Sư trùng tuyên một lượt. Ngài lại có biện tài mẫn tiệp, đả phá những nghi nan của quần chúng rất thiện xảo, nên mọi người hết sức tin phục Sư. Sau khi ngài Phật Đồ Trừng viên tịch, Sư đi khắp nơi giảng dạy, không có trụ xứ nhất định. Lúc ấy Sư có đến năm trăm đồ đệ thường theo học, nổi tiếng nhất là hai vị Pháp Thái và Huệ Viễn. Năm Thái Nguyên thứ tư (379), tướng Phù Phi của nhà Tiền Tần vây hãm Tương Dương, bắt Sư về kinh đô Trường An. Vua Tần là Phù Kiên đã nói: *“Ta dùng mười vạn quân công hãm Tương Dương, kết quả chỉ được một người rười. Một người là ngài Đạo An, nửa người là Tập Tạc Xi”*. Ngày mùng Tám tháng Hai năm Thái Nguyên thứ 10 (385), Sư đột nhiên bảo đệ tử: *“Ta sắp ra đi”*. Thọ trai xong, Sư đoan nhiên thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi. Điểm đặc biệt là ngài Đạo An tu pháp môn Di Lạc Tịnh Độ, từng phát nguyện vãng sanh Đâu Suất nội viện và từng được một vị dị tăng hiển lộ thần thông cho thấy cung điện nơi Sư sẽ sanh về sau khi mất. Đối với Phật giáo Trung Hoa, Ngài có công lao to lớn trong việc chỉnh lý kinh điển, chế định oai nghi, tăng phục thống nhất, đề xướng tăng sĩ dùng chữ Thích trước pháp danh, quy định tăng sĩ phải đắp y ca-sa ngoài áo hậu khi lễ Phật, tụng kinh, thuyết pháp. Sư chú trọng hoàng dương tư tưởng Bát Nhã, phản đối lối *“cách nghĩa”* (格義, vận dụng các từ ngữ Đạo gia để giải thích kinh Phật). Ngài cũng được coi là người đi tiên phong trong việc hoàng dương Di Lạc Tịnh Độ.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cứ bộ kinh nào cũng đều có ba bộ phận ấy. Dẫu Ngài giảng kinh hoặc chú giải kinh, đều chia [thành ba phần] như vậy, các vị cao tăng đại đức thuở đó vẫn giữ thái độ hoài nghi: “Có phải là có ba bộ phận đó hay không?” Mọi người vẫn hoài nghi. Về sau, kinh luận được truyền sang Trung Hoa ngày càng nhiều. Có một bộ luận tên là Phật Địa Luận (Buddhabhūmi Sūtra Śāstra). Sau khi Luận Tạng Phật Địa Luận được truyền đến Trung Hoa, bộ luận ấy do Thân Quang Bồ Tát người Ấn Độ soạn. Tại Ấn Độ, Thân Quang Bồ Tát rất có địa vị. Ngài đã dựa trên các bộ đại kinh để soạn ra Phật Địa Luận. Trong Phật Địa Luận có nói mỗi bộ kinh đều có ba bộ phận: Bộ phận đầu tiên là đức Phật nói nhân duyên của bộ kinh ấy, do nhân duyên gì mới nói bộ kinh ấy. Phần trung gian là chánh thức nói về lý luận và phương pháp, phần cuối cùng giảng về cách y giáo phụng hành, tức là nương theo đạo lý và phương pháp do đức Phật đã giảng để phụng hành. Trong bộ luận ấy, đã nói rõ: Mỗi bộ kinh đều có ba bộ phận ấy. Một bộ Phật Địa Luận được truyền sang Trung Hoa, mọi người đều biết, đem so với phát hiện “*một bộ kinh có ba phần*” của pháp sư Đạo An hoàn toàn phù hợp. Từ đây trở đi, tại Trung Hoa, bất luận là giảng kinh trong chôn tùm lâm cũng thế, mà cao tăng đại đức chú giải kinh sách cũng vậy: Xét theo phương diện Khoa Phán, đều chia thành ba bộ phận ấy. Đó là nói đến nguyên do của ba phần trong kinh văn.

IV.1. Tự Phần (Chứng Tín, Phát Khởi)

Bắt đầu xem Tự Phần. Trong Tự Phần, chia thành hai phần: Phần đầu gọi là Chứng Tín Tự, phần sau gọi là Phát Khởi Tự. Chứng Tín Tự là gì? Chứng Tín Tự nhằm ghi chép nhân duyên giảng kinh, chứng minh bộ kinh này do chính đức Phật nói, tuyệt đối có thể tin tưởng. Phát Khởi Tự nhằm nói bộ kinh này do nhân duyên gì mà phát khởi. Trong Tự Phần, có hai phần này.

IV.1.1. Chứng Tín Tự (Thông Tự), Lục Thành Tự

Trước hết, giới thiệu Chứng Tín Tự (證信序). Như trong đề cương bài giảng có ghi, trong Chứng Tín Tự có Lục Thành Tự (六成就), tức là sáu loại điều kiện. Đầy đủ sáu loại điều kiện thì bộ kinh này mới có thể thuận lợi khai giảng. Lục Thành Tự: Thứ nhất là Tín Thành Tự, thứ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

hai là Văn Thành Tự, tiếp đó là Thời Thành Tự, Chủ Thành Tự, Địa Thành Tự, và Chúng Thành Tự. Phối hợp với kinh văn (đoạn kinh vừa niệm trên đây) để xem: Tín là hai chữ Như Thị, Văn là “ngã văn”, Thời là “nhất thời”, Chủ là nói đến Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài giảng bộ kinh này, lấy Ngài làm chủ. Địa là “bộ kinh này được giảng ở chỗ nào”: Thành Vương Xá, núi Kỳ Xà Quật. Chúng [Thành Tự] là thính chúng đang hiện diện, đại tỳ-kheo chúng là một ngàn hai trăm năm mươi vị, Bồ Tát là ba vạn hai ngàn vị; vừa khéo ứng với đoạn kinh văn mở đầu. Lục Thành Tự chính là Chúng Tín Tự, còn gọi là Thông Tự (通序).

Vì sao gọi là Thông Tự? Theo như Đại Trí Độ Luận (Đại Trí Độ Luận là một bộ đại luận) đã nói, khi Thích Ca Mâu Ni Phật sắp diệt độ (chẳng còn trụ trên thế gian này nữa, sắp lìa khỏi), tôn giả A Nan thỉnh vấn đức Phật: “Sau khi đức Phật chẳng còn tại thế, trong tương lai, hàng đệ tử chúng con dùng văn tự để ghi chép những pháp môn do đức Phật đã giảng thở tại thế, để mở đầu mỗi bộ kinh, phải dùng những câu chữ nào để đặt trước kinh văn?” Đức Phật bảo tôn giả A Nan: “Hãy nên ghi chép ‘như thị ngã văn, nhất thời, Phật ở nơi nào, đại chúng dự hội v.v...’ (tức là đoạn kinh văn này), đức Phật bảo ngài A Nan: “Để mở đầu, đều phải nên ghi chép như thế”. Sau khi đã nói xong, đức Phật lại nhấn mạnh lần nữa: Không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ông phải ghi chép một bộ kinh [theo cách thức] như vậy, mà trong thời quá khứ, các kinh do bất cứ vị Phật nào đã nói, cũng đều phải ghi chép như thế. Do vậy, phần này lại gọi là Thông Tự.

(Kinh) Như thị ngã văn, nhất thời, Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại tỳ-kheo chúng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Bồ Tát tam vạn nhị thiên, Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử nhi vi Thượng Thủ.

(經)如是我聞，一時，佛在王舍城，耆闍崛山中，與大比丘眾，千二百五十人俱。菩薩三萬二千，文殊師利法王子而為上首。

(Kinh: Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Phật ngự tại thành Vương Xá, ở trong núi Kỳ Xà Quật, cùng với các vị đại tỳ-kheo, một ngàn hai trăm năm mươi vị nhóm họp, Bồ Tát ba vạn hai ngàn. Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử làm Thượng Thủ).

Bây giờ chúng ta xem kinh văn, mỗi chữ đều có ý nghĩa trọng yếu. Từ Tự Phần cho đến Lưu Thông Phần đều hết sức trọng yếu. Trước hết, hãy xem phần Tín [Thành Tự], bao gồm hai chữ Như Thị.

Như là gì? Như (如) bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Dựa theo chú giải của tổ sư, tôi giới thiệu hai ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất, Như: Bất cứ chúng sanh nào cũng đều có Chân Như bản tánh. Vì sao gọi là Chân Như (真如)? Trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa đã nói ở phần trước, khi giảng về kinh thể (bản thể của kinh), đã có giới thiệu. “Như” là nói tới Thật Tướng. Bất cứ pháp nào cũng đều có bản thể, chúng sanh có bản thể. “Bản thể” là nói tới bản tánh. Tánh là Thể, Như là nói tới bản thể. Bản thể từ xưa đến nay, cho đến tận vị lai, là vĩnh hằng, bất biến, cũng chẳng có gì khác biệt. Từ đầu đến cuối, bản tánh là tánh vốn như vậy. Chúng sanh mê hoặc, điên đảo trong lục đạo, có kẻ ở trên cõi trời, có người ở trong nhân gian, có kẻ ở trong tam đồ, bất luận là ở trong đường nào, Chân Như bản tánh chẳng biến hóa. Chẳng thể nói bản tánh của chúng sanh trong địa ngục và bản tánh của chúng sanh trên thiên đường bất đồng, chẳng có chuyện đó! Không chỉ là bản tánh của chúng sanh trong địa ngục và bản tánh của chúng sanh trên thiên đường hoàn toàn như nhau, mà cũng còn hoàn toàn giống như bản tánh của bất cứ một vị Phật nào! Điều này được gọi là Như. Đức Phật giảng kinh, giảng đạo lý, đều nhằm dạy người ta tin tưởng mỗi cá nhân đều có Chân Như bản tánh. Chiếu theo Lý này để nói, hoàn toàn phù hợp Lý này, đó là Thị (是).

Đối với hai chữ Như Thị, đức Phật giảng bất cứ bộ kinh nào, không gì chẳng nhằm khiến cho người nghe thông hiểu “chính mình và Phật có Thật Tướng hoàn toàn giống hệt như nhau”, đó cũng là bản tánh. Nhằm nói rõ đạo lý này, cho nên lấy hai chữ Như Thị đặt ở đầu kinh văn. Vì thế, vừa nhìn, bèn thấy [kinh Phật] khác hẳn những kinh được nói bởi bất cứ ngoại đạo nào! Ngoại đạo chẳng hiểu rõ bản tánh của chính mình, cầu đạo ngoài tâm, cho nên mới gọi là “ngoại đạo”. Chúng ta thấy phía trước kinh Phật có câu “*như thị ngã văn*”, chứng tỏ kinh ấy thuộc về nhà Phật, là kinh Phật. Đó là Chứng Tín Tự, bắt đầu bằng hai chữ Như Thị.

2) Sau khi đã tìm hiểu ý nghĩa này, lại giới thiệu một ý nghĩa nữa. Đức Phật giảng mỗi bộ kinh đều có nhân duyên nhất định. Chúng sanh đang hiện diện nơi ấy để nghe giảng, trong tâm họ có nhu cầu, đều hy vọng đạt được Phật lý tốt đẹp. Đức Phật là bậc tuyệt diệu, trong tâm

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng sanh có những mong mỗi gì, đức Phật đều biết. Sau khi đã hiểu rõ những chuyện mong mỗi trong tâm chúng sanh, Ngài sẽ thuận theo ý nghĩ trong tâm chúng sanh mà nói ra một pháp môn nhằm hóa độ chúng sanh. Đức Phật nói pháp môn ấy, phù hợp khít khao hy vọng của chúng sanh. “*Như*” là phù hợp khít khao ý nguyện trong tâm chúng sanh. Trong tâm chúng sanh có ý nguyện gì, đức Phật nói ra, hoàn toàn phù hợp ý nguyện của chúng sanh, đó gọi là *Như*. Khi đức Phật nói, bất luận nói như thế nào, chúng sanh đang hiện diện nghe giảng, [đều là] nghe đức Phật nói rõ ràng, rành mạch, chúng sanh trong khi ấy nghe rõ ràng, rành mạch, cũng chẳng hiểu lầm tí nào! Đức Phật và chúng sanh trong pháp hội ấy, bất luận là đức Phật nói, bất luận là chúng sanh nghe, thật sự là “*sư tư đạo hợp tương ứng*” (thầy trò hợp đạo tương ứng). Nghe rành mạch, dạy rành mạch. Đó là *Thị*. Vì thế, trong phương diện Tín của bộ kinh này, đức Phật đã dựa theo tâm lý của chúng sanh, giảng rõ ràng, rành rẽ, chúng sanh nghe rõ ràng, rành rẽ. Đó là *Như Thị*.

Chúng ta lại tìm hiểu đôi chút, những điều chúng sanh mong mỗi trong tâm có nhiều thứ khác nhau. Cùng [hiện diện] trong một đạo tràng như nhau, nghe đức Phật giảng một bộ kinh, tâm người nghe bất đồng, căn cơ bất đồng, có người thích hợp học pháp Đại Thừa, có kẻ thích hợp học pháp Tiểu Thừa, mỗi người khác nhau. Tuy tâm lý mỗi người mỗi khác, lời đức Phật giảng đều có thể thích ứng nhu cầu trong tâm mỗi người. Đức Phật giảng pháp Đại Thừa, người nghe thuộc căn cơ học pháp Đại Thừa; giảng pháp Tiểu Thừa, người nghe là căn cơ học pháp Tiểu Thừa. Đức Phật nói tới những nỗi đau khổ mà chúng sanh trong thế gian phải hứng chịu, những khổ báo ấy đều là thực tại. Đối với những nỗi khổ do đức Phật đã nói, có chúng sanh nào trong thế giới Sa Bà có thể phủ nhận những điều ấy chẳng phải là khổ? Khô đúng là khổ. Nếu nói đến vui, đức Phật bảo niềm vui trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là chân lạc. Nói đến thanh tịnh, Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới thanh tịnh. Ngài nói thế giới Sa Bà là ô uế, là một thế giới ô uế. Mỗi câu do đức Phật đã nói đều là “*như Lý*”, đúng như chân lý, hết thảy những lời Ngài đã nói đều đúng như chân lý. Thêm vào một chữ *Thị*, nhằm hoàn toàn khẳng định, hãy nên tin tưởng lời ấy. *Như Thị* bao hàm nhiều ý nghĩa như thế đó!

Trong kinh văn có nói “*ngã văn*”. Phật pháp vốn dạy chớ nên chấp trước Ngã, Ngã là giả, nhưng người bình phàm trong thế gian nói năng, viết lách, nếu chẳng nói đến Ngã, sẽ chẳng có cách nào nói được. Vì thế, thuận theo cách nói của người thế tục, ngô hầu nói và nghe đều

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thuận tiện, bèn giả nói một cái Ngã. Chữ Ngã ở đây là nói tới ai? Chính là nói tới tôn giả A Nan. Chúng ta biết tôn giả A Nan là tòng đệ (從弟, em họ)⁹ của đức Phật. Ngài là con của một người chú đức Phật. Vị tôn giả này thân cận đức Phật một thời gian dài. Sau khi đức Phật diệt độ, kinh Phật đều do Ngài ghi chép lại. Chữ Ngã ở đây chỉ tôn giả A Nan. “Ngã văn” là tôn giả A Nan nói: Chính tôi nghe từ đức Phật! Ý nghĩa này nhằm chứng tỏ đích thân tôn giả A Nan đã nghe bộ kinh này từ chỗ đức Phật, chẳng phải là gián tiếp nghe từ nơi khác, đáng tin!

Vẫn phải bổ sung đôi chút về “ngã văn”. Tôi vừa mới nói “tôn giả A Nan ghi chép lại”, chẳng phải là đơn giản như vậy. Chẳng phải là một mình Ngài ghi chép. Thuở ấy, ghi chép kinh Phật là do những vị đại đệ tử của đức Phật [thực hiện], là những vị giống như tôn giả Đại Ca Diếp. Những vị đại đệ tử ấy đều rất lỗi lạc! Mọi người mở cuộc họp, nhóm lại, rất nhiều đại chúng tụ hội cùng một chỗ. Vốn [đại chúng] chẳng chấp thuận cho ngài A Nan tham gia, một mực đợi cho đến sau khi ngài A Nan thật sự chứng quả A La Hán, mới lại mời Ngài tham gia, cử Ngài nhắc lại những ý nghĩa do chính miệng đức Phật đã nói. Vì Ngài có trí nhớ hết sức tốt, [những bộ kinh luận do] Ngài đọc ra để đại chúng dự hội chứng minh đức Phật có nói như thế hay không. Đại chúng hiện diện đều chứng minh, tán thành, câu nói ấy mới được ghi chép lại. Mỗi bộ kinh đều do tôn giả A Nan chính miệng thuật lại, mọi người chứng minh xong mới được chép lại, thậm trọng dường ấy! Chúng ta phải hiểu kinh văn được ghi chép như thế đó.

“Nhất thời” là nói tới lúc đức Phật giảng bộ kinh này. Vì sao không ghi chép là năm nào, tháng nào, ngày nào đó, giờ nào đó? Vì thời gian là giả pháp, thời gian là một thứ giả huyễn. Đã thế, cách tính một năm của Ấn Độ trong thuở ấy chẳng giống lịch pháp Trung Hoa, nhưng lịch pháp Trung Hoa cổ đại và hiện đại lại khác nhau, chẳng bằng kinh

⁹ Theo cách phân biệt nội ngoại thì bên nội sẽ gọi là “đường” (堂, trong cùng một gia tộc), hay tòng (從, gần giống). Chẳng hạn như anh họ con anh trai của cha sẽ gọi là “tòng huynh”, hoặc “đường huynh”, chú còn được gọi là “tòng phụ” (gần giống như cha) hoặc thúc phụ, nhưng bác luôn gọi là “bá phụ”. Trong khi đó, bên ngoại sẽ gọi là “biểu” (表, bên ngoài), như anh họ bên ngoại sẽ gọi là “biểu ca” hoặc “biểu huynh”, em gái họ được gọi là “biểu muội”, anh hay em của mẹ sẽ gọi là “cữu cữu” (cậu), không gọi là “bá phụ”.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

văn nói “*nhất thời*”, hàm ý: Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật nói bộ kinh này, vào chính lúc đó. Chúng ta có cách nhìn như vậy!

Chủ [Thành Trụ] là Phật. Vị chủ giảng là đức Phật. Chữ “*Phật*” [ở đây] chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là vị Phật nào khác.

Địa [Thành Trụ] (Xứ Thành Trụ) là nơi chốn. Bộ kinh này được nói ở nơi đâu? “*Tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung*”. Thành Vương Xá và núi Kỳ Xà Quật là hai nơi, đều ở trong cùng một nước. Tại Ấn Độ, vào thuở ấy, đều thuộc về nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Vương thành được gọi là thành Vương Xá (Rāja-grha), ở ngay dưới chân núi. Núi Kỳ Xà Quật (Gr̥dhra-kūṭa) là ở trên núi. Khi ấy, đức Phật dẫn rất nhiều đệ tử sống trên núi. Đức Phật thuyết pháp tại nơi ấy, đại bộ phận đệ tử là đệ tử xuất gia. Có lúc đức Phật cũng ngự đến thành Vương Xá, đến thành Vương Xá nhằm giáo hóa dân chúng bình phàm. Ở trong núi Kỳ Xà Quật, giáo hóa người xuất gia là chủ yếu. Đó là hai nơi.

Danh xưng thành Vương Xá bắt nguồn như thế nào? Bất luận tại Trung Hoa hay ngoại quốc, phàm là những nơi có lịch sử nổi tiếng, đều có rất nhiều truyền thuyết cổ đại. Thành Vương Xá cũng có rất nhiều truyền thuyết. Ở đây, chẳng cần phải nói nhiều, chỉ nêu ra một ý nghĩa trong ấy. Thời cổ, có một nơi mà dân chúng sống trong thành xây nhà thường bị hỏa hoạn. Nhà cửa xây xong bèn bị lửa đốt trụi; sau đây, người trong thành cảm thấy nơi ấy chẳng tốt, đi tìm nơi khác, tìm đến chỗ thành Vương Xá [hiện thời]. Nơi ấy, phía sau có núi Kỳ Xà Quật. Núi Kỳ Xà Quật gồm năm tòa núi cao. Phong cảnh trên núi hết sức tốt đẹp. Xây thành gần núi. Xây xong, xây cất nhà cửa trong ấy cho quốc vương cư trú, nên gọi là Vương Xá Thành, nhà cửa để vua ở được gọi là Vương Xá. Vây quanh là nhà của các vị đại thần và dân chúng. Nơi ấy, phủ khắp mặt đất là hoa, cỏ, cây cối, phong cảnh hết sức ưu mỹ. Khi xây xong thành ấy, từ đó trở đi, chẳng có hỏa tai, thành ấy được gọi là thành Vương Xá. Trong thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, thành ấy là tòa đại thành lớn nhất Ấn Độ.

Núi Kỳ Xà Quật, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Linh Thú Sơn. Núi có hình dạng giống như chim Linh Thú (靈鷲, chim kên kên), gọi tắt là Linh Sơn. Mọi người đều biết [diễn tích] “*Linh Sơn nhất hội*” của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa ngay tại Linh Sơn, tức là giảng tại núi Kỳ Xà Quật. Về sau, Ngài truyền y bát cho tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Chánh pháp nhãn tàng truyền Tổ Sư Thiên cũng là “*Linh Sơn nhất hội*”. “*Niêm hoa thị chúng*” (拈花示眾,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cầm cành hoa dạy đại chúng) cũng ở trên núi này. Tiếng Ấn Độ gọi là “Kỳ Xà Quạt sơn”, nghĩa tiếng Hán gọi tắt là Linh Sơn.

“Chúng” (眾) là đại chúng dự hội. “Dữ đại tỳ-kheo chúng” (Cùng với các vị đại tỳ-kheo), nghĩa là Thích Ca Mâu Ni Phật và các vị đại tỳ-kheo. “Đại tỳ-kheo chúng” chỉ những vị xuất gia, có tất cả “nhất thiên nhị bách ngũ thập nhân câu” (một ngàn hai trăm năm mươi người cùng hợp lại), đều nghe đức Phật giảng pháp tại đó. Một ngàn hai trăm năm mươi vị ấy, khi giảng kinh A Di Đà, tôi đã giới thiệu, chẳng cần phải nói tường tận. Còn có “Bồ Tát tam vạn nhị thiên” (Bồ Tát ba vạn hai ngàn vị), đông ngàn ấy! Bồ Tát lấy ai làm Thượng Thủ? Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là “pháp vương tử”, tức là vị Bồ Tát lớn nhất trong các vị Bồ Tát. Phật là đấng Pháp Vương. Ngài Văn Thù Sư Lợi có thể trực tiếp gánh vác pháp của đấng Pháp Vương, hoằng dương phổ biến khắp nơi, nên là “pháp vương tử”. Ngài là “thượng thủ” của chúng sanh trong pháp hội này, mà cũng là thủ tọa của hội chúng.

Trên đây là Chứng Tín Tự, còn gọi là Thông Tự; từ mấy điều này, chứng tỏ bộ kinh này là của Phật gia. Tiếp theo đây, sẽ bắt đầu nói về Phát Khởi Tự, tức là nhân duyên phát khởi của bộ kinh này, lần sau lại nói.

Tập 5

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, và các đồng học tham dự buổi giảng hôm nay. Bây giờ, xin mời các vị mở kinh bản, trang thứ nhất, bắt đầu từ hàng thứ ba. Trước hết, đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Nhĩ thời Vương Xá đại thành, hữu nhất Thái Tử, danh A Xà Thế, tùy thuận Điều Đạt ác hữu chi giáo, thâm chấp phụ vương Tần Bà Sa La, u bế trí u thất trùng thất nội, chế chư quần thần, nhất bất đắc vãng.

(經)爾時王舍大城，有一太子，名阿闍世。隨順調達惡友之教，收執父王頻婆娑羅，幽閉置於七重室內，制諸群臣，一不得往。

(Kinh: Khi ấy, trong đại thành Vương Xá, có một Thái Tử tên là A Xà Thế, tùy thuận lời dạy của bạn ác là Điều Đạt, bắt giam phụ vương Tần Bà Sa La, u bế trí u thất trùng thất nội, chế chư quần thần, nhất bất đắc vãng.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Tần Bà Sa La, chốt kín sau bảy tầng cửa, cấm các quân thân, không ai được đến đó).

IV.1.2. Phát Khởi Tự (Biệt Tự) - nghịch sự phát khởi

Bắt đầu nghiên cứu từ chỗ này. Phần kinh văn vừa mới đọc, nói theo Khoa Phán, vẫn là Tự Phần. Theo thông lệ, một bộ kinh có ba bộ phận: Tự Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần. Trong Tự Phần, có Chứng Tín Tự nhằm chứng minh bộ kinh này là do đức Phật giảng, cần phải tin sâu; nói thông thường là sáu thứ thành tựu, trong lần trước, tôi đã nói rồi. Đoạn kinh văn vừa mới niệm chính là Phát Khởi Tự. Chứng Tín Tự còn gọi là Thông Tự, Phát Khởi Tự còn gọi là Biệt Tự. Thông Tự là những điều kiện cần phải hội đủ của bất cứ một bộ kinh nào, Biệt Tự là nhân duyên phát khởi, các kinh khác nhau. Đoạn kinh niệm khi mới bắt đầu [buổi giảng hôm nay] là Biệt Tự, chính là nhân duyên phát khởi của bộ kinh này.

Trước hết, chúng ta tìm hiểu văn tự đôi chút. “*Nhĩ thời*” (爾時) là nói tới lúc nào? Nói tới những điều được nêu trong phần Chứng Tín Tự trước đó: [“*Nhĩ thời*”] là lúc Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, cùng với các vị đại tỳ-kheo, còn có các vị đại Bồ Tát nhóm họp. Khi đó, trong “*Vương Xá đại thành*” (Vương Xá đại thành là trong thành thị. Núi Kỳ Xà Quật là ở trên núi. Đức Phật và hàng đệ tử xuất gia giảng kinh, phần lớn là giảng trên núi. Có lúc Ngài cũng đến thành thị để giảng cho người trong thành).

“*Hữu nhất Thái Tử, danh A Xà Thế*”, có một vị Thái Tử tên gọi là A Xà Thế. Chữ Xà (闍) có hai cách đọc, một là A Đồ (âm đọc giống như chữ Đốc, 督) Thế, hai là A Xà (âm Xà, 蛇) Thế. Đối với núi Kỳ Xà Quật trong phần trước, đọc là âm Đốc chẳng sao (tức là đọc thành Kỳ Đồ Quật), chứ với tên người thì thường đọc là Xà. Nhưng còn có cách nói khác: Tại Ấn Độ giống như ở Trung Hoa, tại Trung Hoa có giọng Bắc Bình (giọng Bắc Kinh), tức khẩu âm phương Bắc, và cũng có khẩu âm phương Nam. Những nơi khác nhau, sẽ có cách nói và ngữ âm khác nhau. Chữ Xà này, ở Trung Ấn Độ đọc là Đốc, Bắc Ấn Độ đọc là Xà. Có lúc đọc theo cả hai kiểu đều được. Tra trong kinh sách [sẽ thấy] cũng có nói theo mấy kiểu. Chiếu theo âm đọc trong nguyên văn, sẽ gồm rất nhiều chữ. Đồi Đường, có một quyển sách tên là Nhất Thiết Kinh Dịch

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Âm (cách phiên âm trong hết thầy các kinh)¹⁰, trong đó, A Xà Thế (Ajātasātru) được phiên âm thành A Xà Đa Thiết Đốt Lộ, sáu chữ, nay chúng ta đơn giản hóa thành A Đà Thế hoặc A Xà Thế đều được.

“*Tùy thuận Điều Đạt ác hữu chi giáo*” (Tùy thuận lời dạy của bạn ác Điều Đạt), “*tùy thuận*” (隨順) là nghe lời. Điều Đạt là cách phiên âm trong bộ kinh này, một cách phiên âm khác là Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), thật ra là cùng một người. Kinh vẫn nói “*Điều Đạt ác hữu*”. Hai chữ “*ác hữu*” (惡友) hoàn toàn chẳng phải nói đến những bạn bè xấu ác của Điều Đạt, mà “*ác hữu*” là đề hình dung Điều Đạt, Điều Đạt là bạn ác! Sau khi bị ông ta xúi giục, A Xà Thế “*thâu chấp phụ vương Tần Bà Sa La*”, [nghĩa là] A Xà Thế liền bắt giữ phụ vương của mình (bản thân ông ta là Thái Tử. Thái Tử có thể kế thừa ngôi vua. Hiện thời, ông ta còn chưa nối ngôi làm quốc vương, nghe theo lời bạn ác, tức bạn bè chẳng tốt, nghe lời hấn), phụ vương tên là Tần Bà Sa La (Bimbisara), “*thâu chấp*” (收執) là bắt giữ. Sau khi đã bắt giữ thì sao? “*U bế trí u thất trùng thất nội*” (Giam kín trong nhà sau bảy lớp cửa), “*u*” (幽) là rất sâu. “*U bế*” (幽閉): Nhốt ở nơi rất sâu, ở trong “*thất trùng thất nội*”, tức là từng tầng một, giam trong một căn nhà có bảy tầng cửa. “*Chế chư quần thân, nhất bất đắc vãng*” (Cấm ngặt quần thân, không ai được đến đó), “*chế*” (制) là ngăn cấm. Cấm ngặt thân tử trong triều, nhất loạt chẳng cho phép đến nơi đó. Trước hết, hãy đọc hiểu văn tự trong đoạn này có ý nghĩa như vậy đó.

Nhốt phụ vương lại, không cho phép bất cứ ai đến thăm, lại còn nhốt trong nhà có bảy lớp cửa. Đó là muốn cho cha mình phải chết đói dần dần, có ý nghĩa giết cha. Vì sao? Sau khi cha ông ta đã bị giết, chính mình có thể chánh thức làm vua. Thật ra, sau khi ông ta bắt giữ phụ vương, đã làm vua trên thực tế. Vì sao phải làm như vậy? Do bạn ác là Điều Đạt xúi giục. Mỗi người bọn họ đều có mưu toan riêng. Điều Đạt

¹⁰ Bộ sách này, có tên gọi thật sự là Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa. Thật ra, đó là hai bộ từ điển Phật giáo cùng tên, đều được trước tác vào thời Đường. Bản thứ nhất do ngài Huyền Ứng (?-661) soạn, gồm hai mươi lăm quyển, thường gọi là Đại Đường Chúng Kinh Âm Nghĩa. Bản thứ hai do ngài Thích Huệ Lâm (737-820) biên soạn, thường gọi là Huệ Lâm Âm Nghĩa, gồm một trăm quyển. Nội dung sách ghi những âm đọc từ các bộ kinh Phật giáo, tham chiếu các bộ sách về âm vận trước đó như Tự Thư, Vận Thư v.v... để chỉ ra cách đọc những chữ đặc biệt trong kinh Phật, khó tra cứu trong tự điển thông thường, cũng như những chữ đặc biệt được sáng tạo trong quá trình dịch kinh.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

bảo ông ta giết cha là có dụng ý, ông ta bèn nghe lời Điều Đạt! (Một người có tâm tham sẽ kinh khủng lắm).

Đại thành Vương Xá lớn đến cỡ nào? Thuở ấy, tại Trung Ấn Độ, có thể nói đây là một ngôi thành lớn bậc nhất. Khi ấy, nước Ma Kiệt Đà (còn gọi là nước Ma Già Đà, thường gọi là “Ma Kiệt Đà quốc”, phiên âm hơi khác nhau), kinh đô là thành Vương Xá. To cỡ nào? Thông thường, theo các bản chú giải cổ, cư dân có đến chín ức người, số lượng ấy quá lớn! Hiện thời, tại Trung Hoa Đại Lục cũng chưa tới mười một ức dân cư, thành Vương Xá có chín ức. Con số này tính theo cách nào? Tại Ấn Độ thuở ấy, “Ức” có tới mấy cách nói [khác nhau], tối thiểu là có bốn cách tính. Kinh văn cũng nói bốn loại:

1) Một loại là coi mười vạn là một Ức, mười vạn dễ hiểu. Đơn vị, mười, trăm, ngàn, vạn, mười vạn, mười vạn là Ức. Đó là một cách.

2) Theo cách nói thứ hai, một trăm vạn là một Ức.

3) Cách nói thứ ba, một ngàn vạn là một Ức.

4) Cách nói thứ tư, một vạn vạn là một Ức.

Nay chúng ta chọn phương thức tính toán coi Ức là một vạn vạn. Dân số ở Trung Hoa Đại Lục tính theo kiểu một vạn vạn là một Ức. Mười một ức dân cư quá đông! Cư dân trong thành Vương Xá là chín ức, nếu tính theo kiểu “một vạn vạn là một Ức”, sẽ lớn khôn cùng, hết sức chẳng tương xứng! Nếu tính “một ngàn vạn là một Ức”, con số cũng quá to. Kinh điển tính Ức theo nhiều cách khác nhau, kinh Hoa Nghiêm coi một ngàn vạn là một Ức, Đại Trí Độ Luận coi mười vạn là một Ức. Cổ nhân chú giải kinh này, quá nửa trích dẫn cách nói trong Đại Trí Độ Luận. Chúng tôi cũng theo cách nói của Đại Trí Độ Luận, coi mười vạn là một Ức, “chín Ức” là chín mươi vạn người. Vào thời đó, chín mươi vạn người sẽ là đại thành. Thành phố Đài Trung còn chưa đến chín mươi vạn, chúng ta chọn con số ít nhất để nói. Nếu chọn lựa chiết trung, coi một trăm vạn là Ức, cũng là khá nhiều! Chín Ức là chín trăm vạn người, chẳng thể xác định! Đây chỉ là giới thiệu con số, hòng tìm hiểu đôi chút. Bất luận là chín mươi vạn hoặc chín trăm vạn, thành ấy đích xác là rất to. Ngoài tòa đại thành ấy còn có quốc gia.

Làm quốc vương một nước lớn như vậy, rất có quyền uy, quá tốt đẹp! Do vậy, Điều Đạt vừa xúi giục, Thái Tử ngay lập tức làm theo, bắt giam cha mình, để chính mình lên làm quốc vương. Làm vua thì cứ làm, vì sao phải giết cha? Từ xưa đến nay đều là như vậy, phụ vương có thần tử cũ của phụ vương; chính mình làm quốc vương, sử dụng toàn là người mới của chính mình. Nếu chẳng giết chết cha, lỡ cha thoát ra, còn có

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

những thần tử cũ nhất loạt ra tay, chính mình lại bị lật đổ. Nhất định là phải sau khi đã giết chết phụ thân, chính mình mới ổn thỏa, vững vàng. Quý vị nghĩ xem, mục đích của ông ta là muốn cho cha chết đói, muốn giết cha!

Trong đề cương bài giảng đã phát ra ngày hôm nay, đầu tiên là nói tới “*ngịch sự phát khởi*”. Nghịch sự (逆事) là tội giết cha, giết mẹ trong Ngũ Nghịch đại tội. Giết cha là một tội lớn trong Ngũ Nghịch. Lấy chuyện giết cha để làm Phát Khởi Tự cho bộ kinh này, vì lẽ nào? Đặc biệt lắm! Trong các bộ kinh khác, đều chẳng có tình hình này. Vì sao dùng chuyện ấy để phát khởi? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này, được gọi là Quán Kinh, Quán Kinh dạy người ta quán từng bước. Khi đã quán thành công, có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói chung, kẻ bình phàm cảm thấy thế giới này cũng rất tốt đẹp! Cần gì phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới? Lại nói: “Học Phật thì cứ ở trong thế giới này, chiếu theo Phật pháp để học, cũng có thể thành Phật. Cần gì phải đến thế giới Cực Lạc?” Vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, đã có những kẻ nghĩ như vậy; cho đến thời Mạt Pháp hiện tại, kẻ nghĩ như vậy càng nhiều hơn. Vì thế, đức Phật dùng chuyện ngộ nghịch để khiến cho chúng ta biết: Học Phật trong thế gian này muốn có thành tựu (đừng nói là thành Phật. Quý vị mong lìa khỏi lục đạo luân hồi, giải quyết vấn đề sanh tử cũng chẳng dễ dàng), trọn chẳng phải là có thể làm được trong một đời này, ắt phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Muốn tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, trước hết phải hiểu rõ thế giới Sa Bà là thế giới gì? Quý vị thấy đó, con cái do chính mình nuôi nấng, vì tham cầu quyền lợi, tham cầu ngôi vua, nó nhẫn tâm sát hại cha, những kẻ khác chẳng cần nói nữa! Quý vị ngắm xem! Thế giới này xấu xa, hèn kém đến mức độ nào? Hoàn cảnh xấu xa, hèn kém như thế, lòng người bại hoại như thế, mong tu đạo trong cõi này, khi tu hành tiến tới trước một bước, hoàn cảnh xấu ác sẽ lùi chúng ta lui lại hai bước! Do vậy, dạy chúng ta phải hiểu rõ tình huống ấy, nhận biết thế gian này hết sức xấu xa, hèn kém, ắt phải lìa khỏi thế gian này, đến thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm.

Tới cõi kia, tu hành hết sức mau chóng! Trong thế giới ấy, chẳng có ba ác đạo; địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba loại ác đạo. Vì sao trong cõi kia chẳng có ba ác đạo? Phạm những ai sanh về đó, đều là người niệm Phật. Người niệm Phật nguyện lực phù hợp với A Di Đà Phật thì mới có thể đến sống trong hoàn cảnh ấy. Thế giới của chúng ta có ba ác

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đạo, chẳng cần đợi đến sau khi chết sẽ đọa lạc trong tam đồ. Rất nhiều kẻ còn đang sống sờ sờ, mà tâm họ đã ở ngay trong tam đồ. Tu đạo trong thế giới này quá khó khăn! Do vậy, dùng chuyện thuộc đại tội ác Ngũ Nghịch để làm Phát Khởi Tự cho bộ kinh này, hòng khiến cho chúng ta là người học Tịnh Độ Tông sẽ nhàm lìa, sẽ chán ngán, ghét bỏ thế gian này, sẽ phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì thế, trong đề cương bài giảng, sau chữ “*ngịch sự phát khởi*” có ghi “*chương cực ác*” (彰極惡), [nghĩa là] phô bày chuyện đại ác cùng cực ấy, khiến cho mọi người đều hiểu rõ. Sau khi đã hiểu rõ, “*linh yếm khí*” (令厭棄, khiến cho chán bỏ), dạy người học Phật đừng nên tham luyến thế gian này. Tham luyến thế gian này, sẽ chẳng thể vãng sanh, nhất định là phải nhàm bỏ thế giới này thì mới có thể vãng sanh thế giới kia. Do có dụng ý này, cho nên mới dùng chuyện này để làm Phát Khởi Tự.

Chúng ta học Phật, bất luận là người sơ học, hay người đã học lâu năm, điều quan trọng nhất là phải hiểu rõ nhân quả. Nhân quả chẳng phải là nói đến nhân quả trong một thời gian ngắn ngủi trước mắt. Nhất định là phải nói tới nhân quả ba đời. Nhân quả ba đời: Đối với bất cứ chúng sanh nào, đời này là đời hiện tại. Trước đời này là đời trước, trước đời trước lại có đời trước nữa, tức đời quá khứ. Bất cứ đời nào, thọ mạng của chúng sanh đều là [có hạn lượng] nhất định. Sau khi đã chết, sẽ lại chuyển sang đời khác, tức đời vị lai. Quá khứ, hiện tại, vị lai là “*tam thế*”. Kẻ bình phàm phủ định đời quá khứ, họ cũng phủ định đời vị lai, chỉ thừa nhận sanh mạng trong khoảng thời gian ngắn ngủi vài chục năm; đó là tà tri tà kiến. Có tà kiến ấy, học Phật sẽ chẳng có cách nào học được, chẳng thể nhập môn. Do vậy, học Phật thì ắt là phải có quan niệm “*tam thế*”. Đã có quan niệm tam thế, sau đây mới có thể hướng tới Phật pháp nghiên cứu. Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ chuyện này. Đối với bất luận kẻ sơ học hay người tu lâu, đều phải nghiên cứu tam thế nhân quả.

Nếu nghiên cứu tam thế nhân quả, sẽ tin tưởng có tam thế nhân quả. Vì chúng ta học Phật nhằm giải quyết vấn đề sanh sanh tử tử từ vô thỉ tới nay. Để giải quyết vấn đề sanh tử, ắt phải tìm tòi, hiểu rõ đường hướng của nó. Người ta thường nói: Sanh mạng của loài người chúng ta giống như con sông lớn Trường Giang, nguồn xa, dòng dài. Nếu dùng Trường Giang và Hoàng Hà để nói, muốn giải quyết vấn đề lũ lụt của Trường Giang và Hoàng Hà, nhất định là phải nghiên cứu tận nơi bắt nguồn của Trường Giang và Hoàng Hà, chúng có những chi lưu chảy

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

qua những nơi nào, trong tương lai sẽ hợp lưu ở nơi đâu để tuôn ra biển. Phải hiểu rõ toàn bộ, sau đây, quý vị mới có thể thật sự điều hòa sông ngòi. Nếu nói quý vị chỉ nhìn một đoạn trung du của Hoàng Hà, hoặc một đoạn trung du của Trường Giang, không cần biết đến thượng du, ta chẳng quan tâm tới nó, hạ du chảy đến nơi nào, ta cũng mặc kệ, chỉ quan tâm đoạn sông này. Quý vị nghiên cứu kiểu đó, làm thế nào cũng chẳng có cách nào giải quyết vấn đề lũ lụt! Nói theo tỷ dụ ấy, chúng ta mong giải quyết vấn đề sanh tử, mà chẳng quan tâm tới quá khứ, cũng như bất cần vị lai (phủ định quá khứ lẫn vị lai), ta chỉ thừa nhận đời này, làm sao có thể giải quyết vấn đề sanh tử cho được? Ngay cả những hiện tượng sự thật như chính mình do đâu mà có, trong tương lai sẽ ra đi như thế nào, đều chẳng khảo sát rõ ràng! Giống như bác sĩ chữa bệnh, vẫn chưa biết rõ bệnh trạng, làm sao có thể ra toa cắt thuốc cho được? Làm sao có thể trị liệu được? Đúng là chuyện chẳng thể làm được! Do đó, muốn giải quyết vấn đề sanh tử, ắt phải hiểu rõ chuyện sanh tử của mỗi người chúng ta. Chuyện quá khứ, hiện tại, vị lai, hiểu càng nhiều càng tốt. Biết càng nhiều, quý vị càng nắm được nhiều tài liệu. Quý vị nghiên cứu bất cứ loại học vấn nào, trong tay nắm giữ tài liệu càng nhiều càng tốt! Chẳng giới hạn trong một thời gian hay không gian nào! Đối với vấn đề sanh tử của chính mình, chúng ta nắm giữ tài liệu càng nhiều, càng dễ giải quyết vấn đề sanh tử của chính mình. Dựa trên các lý do này, chúng ta phải đổ công dốc sức nơi tam thế nhân quả. Môn học vấn này chẳng phải là như những kẻ bình phàm đã nói. Có những kẻ phản đối nhân quả, có ý bảo nhân quả là chuyện rất nông cạn!

Chính mình đối với nhân quả có thể hiểu rõ hết thảy, chẳng cần đắc Túc Mạng Thông. Do đâu mà có Túc Mạng Thông? Túc Mạng Thông là do nhập Định mà có, hiểu rõ toàn bộ học vấn và kinh văn, tri kiến đều giống như nhau. Dưới đây, sẽ nói tới tiền nhân của Thái Tử, tức là những chuyện trong quá khứ. Nhất định là phải chẳng có thành kiến đối với tam thế nhân quả thì mới thể tiến nhập tình huống được nói sau đây!

IV.1.2.1. A Xà Thế

Bây giờ hãy nhìn vào đề cương bài giảng. Thái Tử A Xà Thế, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vị Sanh Oán (未生怨), [nghĩa là] khi còn chưa sanh ra, đã mang nổi oán hận. Có thể thấy là người trong thế gian này

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mong có con cái mà chẳng hiểu nhân quả. Nếu hiểu nhân quả, quan hệ giữa cha và con, một là quan hệ ân, tức báo ân; một là quan hệ oán, tức báo oán. Người thế gian chúng ta bất quá là ân ân oán oán. Chẳng có ân oán, sẽ không thể ở cùng một chỗ! Vị Sanh Oán là còn chưa sanh ra mà đã kết oán. Một ý nghĩa khác nữa là Chiết Chi (折指), tức là ngón tay gãy một đốt (lóng). Vì sao gọi là Vị Sanh Oán, lại còn gọi là Chiết Chi? Theo chú giải của tổ sư thời cổ, phụ vương của ông ta vốn chẳng có con cái, nghĩ “ta có một quốc gia to lớn như vậy. Trong tương lai, sau khi đã chết, chẳng có con cái, quốc gia sẽ giao cho ai kế thừa?” Đi khắp nơi cầu thần, thần cũng chẳng thể ban cho nhà vua một đứa con! Về sau, có một người thầy bói xem tướng, tâu với lão vương: “Ở trong núi nọ, có một người tu thần tiên (người Ấn Độ tu thần tiên rất đông, Trung Hoa cũng có kẻ tu thần tiên), chẳng bao lâu sẽ qua đời, xả mạng. Sau khi tiên nhân mạng chung, trong tương lai, sẽ chuyển sanh vào nhà Ngài, làm con của bệ hạ”. Quốc vương nghe nói rất vui thích, hỏi thầy bói: “Vị tiên nhân ấy còn phải bao lâu nữa mới chết?” Thầy tướng nói: “Còn phải ba năm nữa!” Quốc vương nói: “Úi chào! Thời gian ba năm quá dài”. Khi một người mong cầu thứ gì, ước sao cầu được ngay lập tức! Nhà vua cảm thấy thời gian quá dài, ngay lập tức, sai sứ giả lên núi tìm. Quả nhiên có một vị tiên nhân ở đấy, [sứ giả] liền đem ý của nhà vua nói với người ấy: “Ba năm nữa, ông sẽ chết, sẽ làm Thái Tử trong hoàng cung. Nay lão vương đợi chẳng kịp, chẳng cần chờ ba năm, bây giờ, hãy chết ngay lập tức đi thôi!” Chết làm sao được? Tiên nhân bảo: “Thọ mạng của ta đáng nên sống ba năm nữa, ta sẽ sống ba năm. Người kêu ta chết bây giờ, ta chẳng làm được!” Sứ giả quay về, tâu lên lão vương. Lão vương phán: “Chuyện ấy chẳng do hấn [quyết định]! Ta là quốc vương một nước, ta muốn làm như thế nào thì làm như thế ấy! Người lại sai người đến bảo hấn, hấn nhận lời là tốt nhất. Nếu chẳng nhận lời, cứ giết phứt hấn đi. Sau khi đã giết chết, đương nhiên là hấn sẽ chuyển thế”. Lại sai người đến, tiên nhân vẫn chẳng nhận lời. Người phụng mạng đến [khuyên dụ] lần thứ hai bèn làm theo lệnh vua, muốn giết chết tiên nhân. Tiên nhân chẳng có cách nào, bèn nói: “Nay người hạ lệnh kết thúc sanh mạng của ta trước thời gian. Trong tương lai, ta chuyển thế làm Thái Tử của người, ta cũng sẽ dùng phương thức này, hạ lệnh giết hại người!” Sau khi nói xong, [tiên nhân] bị sứ giả giết chết. Sau khi bị giết, quả nhiên chuyển thế, chuyển sanh vào nhà quốc vương. Lúc đó, bên kia vừa giết, bên này, phu nhân của quốc vương bèn cần thai!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Người hiểu rõ nhân quả sẽ được thọ dụng rất lớn. Tỷ như nói tới vị quốc vương ấy, đã được người khác cho biết, sau ba năm, tiên nhân sẽ chuyển thế, sanh vào nhà quốc vương, [tiên nhân] có chạy thoát đi đâu hay không? Thoát chẳng được! [Thế mà] nhà vua chẳng chờ được! Do chờ chẳng nổi, bèn tạo nghiệp sát nhân! Do vậy, chúng ta là người hiểu nhân quả, sẽ thân nhiên, chẳng cần phải cưỡng cầu. Chuyện đáng tới bèn tới, chuyện chẳng tới thì cưỡng cầu cũng chẳng được! Nhà vua chẳng hiểu đạo lý này bèn kết oán. Phu nhân hoài thai, quốc vương rất vui sướng, mời thầy tướng số đến xem: “Xin coi thử phu nhân mang thai là nam hay nữ?” Thầy tướng số xem thấy là nam. Quả nhiên là tuyệt diệu quá! Sẽ có người thừa kế, quốc vương hết sức hoan hỷ. Thầy tướng số ngay lập tức tâu với vua: “Bệ hạ đừng vội mừng. Đứa trẻ này sanh ra có nhiên là Thái Tử của bệ hạ, là con trai. Trong tương lai, nó sẽ gây hại cho cha mẹ, rất bất lợi!” Quốc vương nói: “Có hại chi đâu! Nhiều lắm là ta đem tất cả hết thảy mọi thứ trong nước nhường cho nó, mục đích sanh ra nó là để cho nó kế thừa ngôi vua, chẳng hại chi cả”. Thầy tướng số nói: “Không chỉ là như vậy! Bệ hạ trao quyền vị cho nó, trong tương lai, nó còn muốn lấy mạng của bệ hạ, chuyện ấy chẳng tránh được đâu!” Nói như vậy, nhà vua sanh lòng kinh hoảng, trong tâm sợ hãi, chẳng cần đưa nhỏ này nữa. Chẳng dám nói với thầy tướng số, mà cũng chẳng dám nói với bất cứ ai, bí mật thương lượng với phu nhân, họ muốn chết già trong tương lai. Chẳng cần đến thai nhi này nữa, làm như thế nào đây? Sanh thì vẫn phải sanh, trong tương lai, khi đã sanh ra, nghĩ cách cho nó từ trên cao ngã xuống, vừa sanh ra đã bị ngã chết, ai biết? Thương lượng xong xuôi, đến khi sanh nở, phu nhân cố ý đến chỗ cao để sanh nở, quả nhiên đứa bé rớt xuống, úi trời! Nhưng mạng Thái Tử chẳng đáng chết, rớt xuống mà chẳng chết! Chỉ là ngón tay bị gãy một lóng ở ngón út. Vì thế, cũng gọi là Chiết Chi.

Do tên gọi ấy chẳng dễ nghe, sau khi lớn lên, người trong cung đình lại đặt cho ông ta một tên nữa, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thiện Kiến (善見, Thiện là rất tốt, Kiến là chữ Kiến trong “*tri kiến*”). Thiện Kiến có nghĩa là người rất thông minh, thấy rất nhiều sự việc, vừa trông thấy bèn hiểu ngay. Thái Tử cũng đích xác là như vậy! Đầu óc suy nghĩ rất khẩn tiếp, rất nhanh chóng, vì kiếp trước, ông ta đã học đạo thần tiên. Do vậy, hết sức thông minh. Vì thế, có tên gọi khác là Thiện Kiến.

IV.1.2.2. Điều Đạt

Lại xem tới Điều Đạt. Một cách phiên âm khác là Đề Bà Đạt Đa (mọi người quen thuộc với tên gọi này hơn). Ông ta là tòng đệ (em họ) của Thích Ca Mâu Ni Phật; cùng ông nội, khác cha mẹ thì gọi là “*tòng đệ*” (從弟). Điều Đạt hết sức ganh tỵ đức Phật, tạo rất nhiều chuyện tội ác hết sức to lớn. Ông ta là em họ đức Phật, tức là con ai? Là con của Học Phạm Vương (Dhotodana), ông ta cũng là anh của tôn giả A Nan. Chúng ta biết: Tôn giả A Nan theo Thích Ca Mâu Ni Phật để học Phật, học rất khá. Vị này là người hết sức thông minh, có trí nhớ tốt nhất, nghe bất cứ pháp gì cũng đều vĩnh viễn chẳng quên mất. Kinh điển Phật giáo đều do Ngài đọc thuộc lòng ra, sau đây mới được ghi chép lại. Điều Đạt là anh của tôn giả A Nan; nói cách khác, tôn giả A Nan và Điều Đạt đều là con của Học Phạm Vương. Học Phạm Vương là anh em của Tịnh Phạm Vương (Śuddhodana). Anh em Tịnh Phạm Vương gồm bảy người, Học Phạm Vương là một trong số đó. Ông ta (Điều Đạt) và đức Phật có quan hệ anh em họ.

Điều Đạt là phiên âm từ tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thiên Nhiệt (天熱, hai chữ Nhiệt Thiên đảo ngược lại sẽ là Thiên Nhiệt). Có thuyết nói ông ta sanh nhằm lúc khí trời rất nóng. Có thuyết nói khi ông ta sanh ra, chư thiên đều cảm thấy nóng bức. Trong nhân gian, vào mùa Hè, chúng ta cảm thấy nóng bức, trên cõi trời vì sao mà cảm thấy nóng bức? Khí hậu trên cõi trời tốt nhất, nhưng khi Điều Đạt sanh ra, ngay cả người trên cõi trời cũng đều cảm thấy nóng bức, có thể thấy là người này chẳng phải là thiện nhân. Vì thế, có tên là Điều Đạt.

Sau khi đã trưởng thành, ông ta cũng xuất gia học đạo, học đến mức độ nào? Ông ta hết sức thông minh, học Phật pháp rất nhiều. Ngoài Phật pháp ra, tại Ấn Độ vào thuở đó, có kinh điển của Bà La Môn giáo, ông ta đều ghi nhớ, học rất u là nhiều. Sau đó, ông ta xin Thích Ca Mâu Ni Phật dạy thần thông. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo: “Ông chẳng cần học thần thông vội, trước hết hãy tu Quán”. Quán gì? Quán pháp thế gian, quán vạn sự vạn vật trong thế gian. Tu Vô Thường Quán: Bất cứ sự vật nào trong thế gian cũng đều chẳng tồn tại vĩnh hằng, đều là sanh sanh diệt diệt. Phật pháp thường nói “*vạn pháp vô thường*”. Nói tóm lại, ông phải thật sự thể nghiệm, chuyển biến cảnh giới, phải dùng công phu, hành Vô Thường Quán. Đức Phật bảo ông ta: “Ông hãy tu Vô Thường Quán”, đó là hảo ý của đức Phật. Đức Phật biết ông chẳng thể học thần thông. Học thần thông sẽ có hại cho bản thân ông ta trong tương lai,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhưng ông ta đâu có nghe! Đức Phật dạy ông ta học Vô Thường Quán, ông ta không học. Đức Phật không dạy ông ta thần thông, nhưng đức Phật còn có rất nhiều đại đệ tử. Ông ta tìm đến những vị đại đệ tử ấy. Đại đệ tử của đức Phật có rất nhiều vị có thần thông, như tôn giả Mục Kiền Liên là vị có thần thông [bậc nhất]; nhưng những vị đại đệ tử ấy đều chẳng dạy ông ta thần thông, cũng là do đều biết sau khi ông ta học thần thông, trong tương lai, sẽ chẳng biết sử dụng vào chỗ chánh đáng! Cuối cùng, làm như thế nào? Ông ta là anh ngài A Nan, A Nan có thần thông. Tuy có thần thông, nhưng [ngài A Nan] chẳng có Tha Tâm Thông, chẳng biết chuyện vị lai của Điều Đạt, mà cũng chẳng hiểu tâm lý ông ta. Họ lại là anh em, có tình cảm anh em. Anh đã yêu cầu, ngài A Nan liền nói cho ông ta biết phương pháp.

Sau khi đã được dạy, ông ta bèn lên núi, chiếu theo phương pháp ấy để tu tập, kết quả là tu thành công. Các thứ thần thông như Thân Túc Thông v.v... đều học được. Sau khi học hiểu, ông ta bèn ganh tỵ. Theo chú giải kinh văn, đức Phật thành Phật có ba mươi hai tướng. Điều Đạt có bản lãnh rất lớn, ông ta có ba mươi tướng, đức Phật có ba mươi hai tướng, [tức là] ông ta chỉ ít hơn hai tướng, lỗi lạc lắm! Ông ta chỉ kém Phật có hai tướng, [cứ tướng] tiến thêm bước nữa là có thể thành Phật. Tự mình cảm thấy ta vừa có thần thông, vừa có tướng hảo, tuyệt vời quá! Ông ta thấy đức Phật đến chỗ quốc vương, được quốc vương tôn kính, cúng dường đủ thứ, trong tâm [Điều Đạt] chẳng buông xuống được, tâm tham dấy lên! Đức Phật có thể được cúng dường như vậy, ta cũng có bản lãnh ấy, vừa có thần thông, vừa có tướng hảo, gần như là sắp thành Phật, ta cũng phải nên có những thứ cúng dường ấy. Ông ta dấy lên chủ ý, tới thuyết phục Thái Tử A Xà Thế, dùng thần thông để thuyết phục Thái Tử. Thuyết phục như thế nào? Đương nhiên là dùng rất nhiều thần thông, nói cho Thái Tử động tâm. Sau khi đã thuyết phục thành công, Thái Tử nhận lời, phụ vương dùng lễ vật cúng dường đức Phật như thế nào, Thái Tử cũng dùng những thứ giống hệt như vậy để cúng dường Điều Đạt.

Vừa được cúng dường, trong tâm bèn dấy lên kiêu ngạo. Có một lần, Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong đại pháp hội, rất nhiều người đến nghe đức Phật giảng pháp, ông ta đi tới bảo đức Phật: “Lão nhân gia đã già rồi, hãy nên nghỉ hưu. Hãy giao những thỉnh chúng này cho tôi! Tôi chịu cực thay cho Ngài, tôi ra lãnh chúng.” Thích Ca Mâu Ni Phật quở trách ông ta một chập. Điều Đạt chẳng đạt được mục đích, bèn xúc xiểm Thái Tử, bảo Thái Tử: “Ngài tới khi nào mới làm quốc vương? Chẳng thà ngay bây giờ giết quách quốc vương đi, còn thần thì sao? Thần cũng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chờ không nổi! Thần sẽ giết Thích Ca Mâu Ni Phật. Thần làm tân Phật, Ngài làm tân vương. Hai người chúng ta như vậy, một là tôn giáo, một là chính trị, chúng ta hợp tác với nhau”. Thái Tử vừa nghe nói phải giết cha, cảm thấy làm chuyện này chẳng được. Thái Tử chẳng tin lời ông ta nói. Điều Đạt nói: “Điện hạ chẳng tin hả? Thần nói cho điện hạ nghe nhé. Vì sao điện hạ bị gọi là Vị Sanh Oán? Vì sao ngón tay của điện hạ bị gãy?” Bèn đem nguyên nhân trong quá khứ, nói từng chuyện cho Thái Tử nghe. Vừa bị xúc xiểm, Thái Tử bèn động tâm. “*Tùy thuận Điều Đạt ác hữu chi giáo*” là như thế đó.

IV.1.2.3. Tham tâm thoái đạo

Đã nói xong nhân duyên. Các vị thấy trong đề cương bài giảng, điều kế tiếp là “*tham tâm thoái đạo*”. Chúng ta bắt luận là ai, chớ nên có tâm tham! Như Điều Đạt đã đạt tới mức độ đắc Ngũ Thông, kết quả ra sao? Phải hiểu rõ “chúng sanh vốn có tâm tham”, bất cứ chúng sanh nào cũng đều vốn sẵn có tham, sân, si, Điều Đạt cũng chẳng phải là ngoại lệ. “*Đắc nhi tri túc giả thiếu*” (Người đã đạt được mà biết đủ thì ít), tâm tham là dù đã đạt được vẫn chẳng tri túc, vĩnh viễn chẳng biết đủ! “*Đắc nhi tăng tham giả đa*” (Kẻ đã đạt được mà lòng tham tăng thêm thì nhiều): Sau khi đã có được, [vẫn mong có thêm] càng nhiều càng tốt, kẻ bình phàm đều là như vậy!

Cổ nhân có một tỷ dụ, trong Tứ Thiếp Sớ, tức bản chú giải [Quán Kinh] của Thiện Đạo đại sư có viết: “*Dĩ trượng đả ác cầu ty*” (Dùng gậy đập mũi chó dữ). Có một người dùng gậy chống để đập vào mũi một con chó dữ, “*chuyển tăng cầu ác*” (khiến chó dữ hơn). Chẳng đập vào mũi con chó đó thì thôi. Vừa đập vào mũi nó, chó càng nổi tánh hung dữ hơn! Điều này tỷ dụ gì? “*Lợi dưỡng dụ trượng*”, nghĩa là danh tiếng, lợi dưỡng ví như cái gậy đó. “*Tham tâm dụ cầu ty*”: Tâm tham ví như cái mũi của con chó dữ. Càng dùng lợi dưỡng để cung phụng, bồi dưỡng cái tâm tham, tâm tham vĩnh viễn chẳng đủ, càng tham nhiều hơn! Điều Đạt bị hại là do đạt được lợi dưỡng từ Thái Tử. “*Điều Đạt đắc lợi*”, do được hưởng nhiều quá nên mới “*bối đạo khởi ác*” (nghịch đạo, dấy lòng làm ác). Càng về sau, càng tạo tội ác khôn cùng! Ông ta muốn hại Phật, còn phá sự hòa hợp của Tăng đoàn, kết quả là “*sanh hãm địa ngục*” (生陷地獄), tức là đọa hãm trong địa ngục ngay trong khi còn sống!

Thấy những nhân duyên ấy, nhân quả và tâm tham, hãy ngẫm xem thế gian này là gì? Thời kỳ Mật Pháp trong thế gian này càng dữ dội. Hiện thời, chúng ta chẳng học Tịnh Độ, chẳng cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, mong thành tựu ngay trong đời này nơi thế gian này, đừng nằm mơ! Đó là chuyện chẳng thể thực hiện được! Ngày nay, mong thành tựu liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, chỉ có học pháp môn Tịnh Độ. Hôm nay, tôi giảng đến chỗ này thì ngừng!

Tập 6

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, các vị đồng học trong giảng tòa, xin mọi người mở kinh bản, trang thứ nhất. Xem từ hai chữ cuối ở phần sau trong hàng thứ tư. Trước hết, đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Quốc thái phu nhân, danh Vi Đề Hy, cung kính đại vương, tháo đục thanh tịnh, dĩ tô mật hòa sao, dụng đồ kỳ thân, chư anh lạc trung, thịnh bô đào tương, mật dĩ thượng vương. Nhĩ thời đại vương, thực sao ẩm tương, cầu thủy thấu khẩu. Thấu khẩu tất dĩ, hiệp chưởng cung kính, hướng Kỳ Xà Quật sơn, dao lễ Thế Tôn, nhi tác thị ngôn: “Đại Mục Kiền Liên, thị ngô thân hữu, nguyện hưng từ bi, thọ ngã bát giới”. Thời Mục Kiền Liên, như ưng chuẩn phi, tạt chí vương sở. Nhật nhật như thị, thọ vương bát giới. Thế Tôn diệc khiển tôn giả Phú Lô Na, vị vương thuyết pháp. Như thị thời gian, kinh tam thất nhật, vương thực sao mật, đắc văn pháp cố, nhan sắc hòa duyệt.

(經)國太夫人，名韋提希。恭敬大王，澡浴清淨，以酥蜜和麩，用塗其身。諸瓔珞中，盛蒲萄漿，密以上王。爾時大王，食麩飲漿，求水漱口。漱口畢已，合掌恭敬，向耆闍崛山，遙禮世尊，而作是言：大目犍連，是吾親友，願興慈悲，授我八戒。時目犍連，如鷹隼飛，疾至王所。日日如是，授王八戒。世尊亦遣尊者富樓那，為王說

法。如是時間，經三七日，王食麩蜜，得聞法故，顏色和悅。

(Kinh: Quốc thái phu nhân tên là Vi Đề Hy, cung kính đại vương, tắm gội thanh tịnh, lấy tô mật hòa với bột rang để bôi lên thân. Trong các chuỗi ngọc, đựng nước nhỏ, ngâm dâng lên vua. Lúc bảy giờ, đại vương, ăn bột rang, uống nước ép, xin nước súc miệng. Súc miệng xong xuôi, chắp tay cung kính, hướng về núi Kỳ Xà Quật, bái vọng đức Thế Tôn, bạch như thế này: “Ngài Đại Mục Kiền Liên là thân hữu của con, nguyện dấy lòng từ bi, truyền cho con Bát Quan Trai Giới”. Khi ấy, ngài Mục Kiền Liên như chim ưng, chim cắt bay liệng, nhanh chóng đến chỗ nhà vua, mỗi ngày đều như thế, truyền Bát Quan Trai Giới cho nhà vua. Đức Thế Tôn cũng sai tôn giả Phú Lâu Na thuyết pháp cho nhà vua. Hằng ngày như thế, trải qua hai mươi một ngày, vua do ăn bột rang và mật, được nghe pháp, nên vẻ mặt ôn hòa, vui sướng).

Lần trước đã nói: Em họ đức Phật là Điều Đạt xúi giục Thái Tử A Xà Thế giết cha, còn chính ông ta sẽ giết hại Thích Ca Mâu Ni Phật. Hai người bọn họ giao ước: Một người làm tân quốc vương, một người làm tân Phật. Do đó, hai người bèn chia nhau tạo đại tội Ngũ Nghịch. Thái Tử A Xà Thế làm theo ý của Điều Đạt, nhốt chặt phụ vương!

Còn Đề Bà Đạt Đa (tức là Điều Đạt) hãm hại Phật như thế nào? Ông ta bảo Thái Tử A Xà Thế thả năm trăm con voi. Ấn Độ có rất nhiều voi, thả voi tấn công Thích Ca Mâu Ni Phật, mong giết chết Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Định, nhập từ bi đại định. Trong khi nhập Định, Ngài duỗi năm ngón tay phải, năm trăm con voi bèn thấy là năm con mãnh sư (猛獅, sư tử hung bạo) hiện ra. Sư tử là vua các loài thú; năm trăm con voi thấy năm con sư tử hiện ra, bèn ngay lập tức quỳ xuống. Không chỉ là chẳng sát hại Thích Ca Mâu Ni Phật, mà ngược lại, hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật quỳ lạy. Sau đây, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo các đệ tử: “Ngón tay của ta há có sư tử? Chỉ bắt quạ là ngón tay mà thôi!” Đức Phật dùng lòng từ bi, duỗi ngón tay, trong mắt voi thấy là sư tử. Vì thế, có thể thấy là sức mạnh tà ác to cỡ nào, chẳng thể chống nổi từ bi. Hễ tâm từ bi phát ra, có thể vượt trội hết thấy sức mạnh tà ác. Đó là một chuyện. Sau đó, Điều Đạt vẫn chưa từ bỏ ý định. Có một lần, ông ta nghĩ cách dùng thuốc độc rất mạnh giấu trong móng tay của chính mình, chuẩn bị đến chỗ đức Phật để lễ bái Phật. Chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

biết lay Phật thì thông thường dùng hai bàn tay ôm chân đức Phật. Ông ta nghĩ khi hai tay ôm chân đức Phật, sẽ thừa cơ hội trút thuốc độc giấu trong móng tay ra, mong hạ độc giết chết Thích Ca Mâu Ni Phật. Dụng tâm này hết sức độc dữ! Ông ta còn chưa đến chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, đang đi nửa đường, đất ngay lập tức nứt ra, cả người liền sụp xuống đất. Kinh Phật nói là ông ta đọa trong địa ngục ngay trong khi còn sống. Địa ngục Hỏa Triệt là kết quả của ông ta.

Nói tới chỗ này, tổ sư tông Thiên Thai có chú giải một điều rất quan trọng. Tổ sư rất sợ người học kinh chúng ta thấy chỗ này, sẽ nảy sinh thái độ nghiêm khắc chỉ trích Điều Đạt và Thái Tử A Xà Thế, ngỡ họ sai trái. Ngài bèn chú giải, chú giải như thế nào? Những người ấy đều chẳng phải là phạm nhân, mà đều là bậc đại quyền thị hiện. Nói là “*đại quyền thị hiện*” (大權示現), nghĩa là họ đều là bậc đại Bồ Tát biểu diễn cho phạm phu chúng sanh trông thấy. Chẳng biểu diễn như vậy, phạm phu chúng sanh chẳng thấy nhân quả rõ rệt như thế! Lại nữa, Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, có rất nhiều phương pháp. Chẳng hạn như khi giảng bộ kinh này, chẳng phải là chỉ dùng miệng để giảng, mà còn sắp đặt chu đáo các thứ sự thật, hòng khiến cho người nghe pháp trông thấy rõ ràng, tăng thêm ấn tượng cho họ, khiến họ nghe xong, [có cảm nhận] hết sức sâu xa. Do vậy, khởi đầu bằng phần Phát Khởi Tự có nghịch tử, có Điều Đạt là đồ chúng đại nghịch bất đạo ([những hành vi, biểu hiện của] đồ chúng theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật đều là một thứ phương tiện thị hiện hết sức thiện xảo để thuyết pháp của đức Phật), chúng ta phải tìm hiểu tầng [ý nghĩa] này. Hai điểm trên đây nhằm bổ sung cho lần giảng trước.

Hôm nay, bắt đầu bằng đoạn kinh văn này. “*Quốc thái phu nhân*” là nói tới thái phu nhân, bà ta vốn là phu nhân của quốc vương. Do Thái Tử đã giam kín phụ vương, chính mình làm tân vương, bản thân quốc vương có phu nhân. Mẹ của tân vương bèn được gọi là thái phu nhân (太夫人). Quốc thái phu tên là Vi Đề Hy. Vi Đề Hy (Vaidehi) cũng là phiên âm từ tiếng Ấn Độ, ý nghĩa theo tiếng Hán là Tư Duy. Tư Duy là gì? Một người rất giỏi sử dụng năng lực tư duy, có nghĩa là sức tư duy, suy xét của bà ta rất mạnh, cũng có nghĩa là hễ gặp bất cứ chuyện gì, bà đều suy nghĩ rất chu đáo. Tiếng Ấn Độ là Vi Đề Hy.

Bà ta “*cung kính đại vương*”, cô nhân đọc chữ Đại (大) trong “*đại vương*” là Thái (太), [lý do là vì] về sau, người ta nghĩ chữ Đại chẳng đủ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tôn kính, thêm một chấm nữa ở phía dưới, cho nên mới có chữ Thái. Thật ra, vào thời cổ, chữ Đại là chữ Thái, âm đọc cũng là Thái. Hiện thời, do có chữ Thái riêng biệt, nên thường đọc là Đại, chẳng đọc là Thái. Thậm chí có người đọc thành Đãi (待), chúng tôi không đọc là Đãi, chúng tôi đọc theo cách đọc hiện thời [là Đại]. Chữ Đại Vương chỉ chồng của phu nhân Vi Đề Hy, vốn là quốc vương. Bà ta hết sức cung kính nhà vua. Trung Hoa vào thời cổ cũng giống như thế, bất luận là bình dân cũng thế, mà người có địa vị cũng thế. Vợ chồng “*trương kính*” (相敬), tức là cung kính lẫn nhau. Chẳng giống như vợ chồng hiện thời, đem chữ Yêu đặt ra trước. Ví như tại Đại Lục hiện thời, vợ chồng gọi nhau, chồng gọi vợ là “thái thái”, vợ gọi chồng là “tiên sinh”, đều là nói đến người mến yêu, người yêu, coi Yêu là tiền đề. Thời cổ thì nói đến chuyện tôn kính lẫn nhau. Phu nhân Vi Đề Hy đối với chồng bà ta, cũng chính là đại vương, hết sức cung kính. Trong sự cung kính, đương nhiên là có bao gồm tình cảm vợ chồng trong đó.

Lúc đó, đại vương bị đưa con không ra gì giam cầm, chẳng cho ăn, cho nên bà nghĩ cách đưa thứ gì đó cho đại vương hòng duy trì cuộc sống. Quốc thái phu nhân nghĩ: Xét theo tình hình này, chẳng đầy vài ngày, đại vương sẽ chết đói trong đó. Bà ta suy nghĩ rất nhanh, bất luận ai cũng chẳng được phép vào, đương nhiên bất luận là ai cũng chẳng thể đem thức ăn vào. Nếu bản thân bà ta công khai mang thức ăn vào, do cửa ngõ nơi đó bị cấm đoán nghiêm ngặt, phải trải qua kiểm tra, [lính gác] cũng sẽ chẳng cho bà đem vào. Làm như thế nào đây? Bà ta đã nghĩ ra cách. Dưới đây là cách thức của bà.

“*Tháo dục thanh tịnh*” (Tắm gội thanh tịnh), trước hết, bà tắm gội sạch sẽ, “*tháo dục*” (洗浴) là tắm rửa, rửa ráy chân tay v.v... rửa rất thanh tịnh. Sau đây mới “*dĩ tô mật*” (dùng tô¹¹ và mật) bôi lên thân mình. Tô và mật có đặc tánh dính, có thể dán dính thứ khác, sau đây mới “*hòa sao*” (hòa với bột rang). Chữ Sao (麩) theo chú giải thời cổ, có thuyết nói là dùng bột mì để làm, có thuyết nói là dùng bột gạo để làm. Chú giải khác nhau, nhưng nói chung, chẳng ngoài hai thứ trên đây. “*Sao*” là chất khô, đem trộn với mật, sau đây dán lên người. “*Dụng đồ kỳ thân*” (Dùng bôi lên thân), tức là dùng tô mật trộn “*sao*”, sau đây trét lên thân. Trét lên thân, nó sẽ dính sát vào người, sau đây mới mặc quần áo vào,

¹¹ Tô (酥) là chất béo trích từ sữa, tức bơ.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phương pháp này hết sức hay! “*Chư anh lạc trung*” (Trong các chuỗi ngọc), anh lạc (瓔珞) làm bằng ngọc thạch. Thuở ấy, tại Ấn Độ, hễ là quý tộc, hoặc thuộc vương tộc, nhất là đồ trang sức của phụ nữ, đeo giắt trên thân rất nhiều! Trong [mỗi hạt] anh lạc có bong rỗng, hai đầu trống không. Đã có bong rỗng, bà ta nghĩ ra một cách. Bà nghĩ lão vương chỉ ăn bột rang khô và tô mật, khát nước thì làm cách nào? “*Thịnh bồ đào tương*” (Đựng nước nho ép), “*bồ đào tương*” (葡萄漿) là nước trái nho. Nước nho là chất lỏng, chứa trong hạt anh lạc. Trước đó, đã dùng sáp bịt kín một đầu hạt anh lạc, sau đây, đổ nước nho vào; đổ xong, dùng sáp bịt nốt đầu kia. Trên thân bà ta đeo rất nhiều anh lạc, mỗi hạt trong chuỗi anh lạc đều đựng nước nho, đem khoác trên thân. Trên thân, dưới lớp y phục, có bột rang trộn mật, anh lạc đeo trên người toàn là đựng nước nho, “*mật dĩ thượng vương*” (ngâm dâng lên vua) như vậy. Bà ta là quốc thái phu nhân, tân vương tuy căn dặn chẳng cho bất cứ ai tiến vào, nhưng quốc thái phu nhân có thể vào. Bà ta chẳng nói muốn đem thức ăn hay đồ uống vào, những vệ sĩ canh giữ mỗi tầng cửa đều cho bà ta vào. Vào bên trong, liền tháo anh lạc và quần áo ra, ngâm dâng lên vua, rất bí mật dâng cho quốc vương ăn bột rang, sau đó uống nước ép.

Quốc thái phu nhân đã vào bên trong (từng tầng một, từng nút chặn đều vượt qua), vào đến bên trong, bèn lấy thức ăn giấu trong thân thể ra. “*Nhĩ thời đại vương*”, [nghĩa là] ngay trong lúc ấy, quốc vương đang bị giam cầm, “*thực sao ẩm tương*”, [nghĩa là] ăn tô mật và bột rang, ăn xong lại uống nước nho. Ăn no và cũng uống đủ, sau đây mới “*câu thủy thấu khẩu*”, [tức là] bảo quốc thái phu nhân tìm chút nước để súc miệng. “*Thấu khẩu tất dĩ*”: [Nghĩa là] sau khi đã súc miệng xong, “*hiệp chưởng cung kính*”, lễ tiết thường dùng nhất là chấp tay, rất cung kính chấp tay, “*hướng Kỳ Xà Quật sơn*” (hướng về núi Kỳ Xà Quật) là nơi Phật thuyết pháp, tức Linh Sơn. “*Dao lễ Thế Tôn*”: Hướng về núi Kỳ Xà Quật ở nơi xa lễ Phật, Thế Tôn là Phật. “*Nhi tác thị ngôn*” (Mà nói như thế này): Sau đây, thưa cùng đức Phật.

“*Đại Mục Kiền Liên*”: Tôn giả Đại Mục Kiền Liên là đại đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, thần thông bậc nhất, là vị có thần thông nhất trong các đệ tử của đức Phật. Câu “*thị ngô thân hữu*” (là thân hữu của tôi) có hai cách giải thích:

1) Cách giải thích thứ nhất, trước khi tôn giả Mục Kiền Liên xuất gia là người trong gia tộc của quốc vương, là một thân thích khác [của nhà vua]. Nói “*thân*” (親) ở đây có nghĩa là họ có quan hệ thân thích.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Sau khi tôn giả Mục Kiền Liên xuất gia, theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật. Thông thường, quốc vương cũng theo học Phật với Thích Ca Mâu Ni Phật, họ là đồng môn, biến thành đồng môn. Chí đồng đạo hợp là Hữu (友). Đây là cách giải thích thứ nhất, Thân là thân thích, Hữu là bè bạn.

2) Còn có cách giải thích thứ hai, chữ Thân trong Thân Hữu là thân cận, Hữu là đạo hữu. Đạo hữu này chẳng phải là đạo hữu thông thường, mà là người rất gần gũi, là đạo hữu thường thân cận. Đó là cách giải thích thứ hai.

Tuy có cách giải thích sau, nhưng cách giải thích trước là do tổ sư thời cổ chú giải, đương nhiên là các Ngài có căn cứ, chúng ta bèn tuân theo cách giải thích trước, tức là “tôn giả Đại Mục Kiền Liên đã là thân thích của tôi, lại cũng là đồng tu đạo hữu trong tu đạo”, mối quan hệ này chẳng tầm thường!

“*Nguyện hưng từ bi*”: Hy vọng tôn giả Đại Mục Kiền Liên đầy lòng từ bi, phát khởi tâm từ bi, “*thọ ngã bát giới*”, [nghĩa là] truyền dạy tám giới điều cho tôi. Thông thường, những ai thọ Bồ Tát Giới đều biết: Khi thọ Bồ Tát Giới, phải trì Bát Quan Trai Giới, “*bát giới*” chỉ Bát Quan Trai Giới. Lão vương sau khi ăn bột rang, uống nước trái cây ép xong, bèn nghĩ: Tuy chẳng chết đói, nhưng ở nơi đây chẳng phải là chỗ an toàn. Nghĩ đến [tình cảnh] sanh mạng sẽ gặp nguy hiểm bất cứ lúc nào; đã ở trong cảnh ngộ ấy, phải nhanh chóng thọ Bát Giới, tức là thọ Bát Quan Trai Giới. Đã thọ Bát Quan Trai Giới, học Phật bèn đặc đạo, sẽ chẳng sợ nữa! Chết cũng chẳng sợ, có dụng ý này!

Trong kinh vẫn có nói đến chuyện “*cầu thủy thấu khẩu*” (xin nước súc miệng). Vốn là chúng ta ăn cơm xong, chà răng, súc miệng là chuyện bình thường; vì sao trong kinh phải đặc biệt nhắc tới? Có ý nghĩa đặc biệt! Trước khi lễ Phật, ba nghiệp thân khẩu ý đều phải thanh tịnh. Do vậy, vừa mới ăn xong thứ gì đó, bèn súc miệng, nhằm biểu thị khẩu nghiệp thanh tịnh; sau đây chấp tay, tức là thân nghiệp thanh tịnh. Khẩu nghiệp và thân nghiệp phát xuất từ tâm địa, nhất tâm cung kính, tức là ý nghiệp thanh tịnh. “Súc miệng” biểu thị ba nghiệp thanh tịnh, như vậy thì mới nói là “*cung kính lễ Phật*”.

IV.1.2.4. Tám giới

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lão vương cầu tôn giả Đại Mục Kiền Liên trao truyền Bát Quan Trai Giới. Bát Quan Trai Giới là gì? Đương nhiên là những vị lão Bồ Tát đã thọ Bồ Tát Giới đang hiện diện ở đây đều biết, nhưng do có những vị chưa thọ Bồ Tát Giới, cho nên chúng tôi nói đôi chút. Xin các vị xem đề cương bài giảng, Bát Giới chính là Bát Quan Trai Giới, “*bát giới*” trong kinh văn chính là Bát Quan Trai Giới. Chữ Quan (關) trong Bát Quan Trai Giới hiểu như thế nào? Quan là “đóng chặt cửa lại”. Đóng cửa để làm gì? Nhằm tránh khỏi bị lũ trộm vặt hoặc cường đạo bên ngoài tiến vào, có dụng ý này! Khi thọ giới, chữ Quan trong Bát Quan hàm nghĩa “*ngăn đóng hết thảy chuyện tà ác*”. Hết thảy những chuyện tội ác đều bị đóng lấp, chẳng để cho bất cứ chuyện tội ác nào phát sanh thì gọi là Quan.

Trai giới: Trai (齋) là giữ tâm trong sạch, Giới (戒) là giới điều. Trước hết, nói về Giới thì Giới có tám điều. Năm điều đầu chính là Ngũ Giới mà chúng ta thường thọ, nhưng phải đem “*không tà dâm*” trong Ngũ Giới sửa thành “*chẳng dâm*”. Còn có “*không tự nghe, xem ca múa*”. Trong ngày giữ Bát Quan Trai Giới, từ sáng sớm đến khuya, bất luận là có chuyện gì hay không, chẳng thể ca hát. Dẫu là những bài hát tốt lành cũng chớ nên hát, càng chẳng thể nhảy múa. Chính mình chẳng ca, chẳng múa, mà cũng chẳng đến nơi khác nghe kẻ khác ca hát, hoặc xem người ta nhảy múa. Chính mình chẳng thể ca múa, cũng chẳng thể ra ngoài nghe người khác biểu diễn. Đây là một điều. Lại còn “*bắt đồ hương, hoa man*” (chẳng bôi hương, đeo tràng hoa), “*đồ hương*” (塗香) là gì? Thuở ấy, tập tục Ấn Độ là trên thân mình luôn đeo đồ trang sức, bôi một ít hương liệu thơm tho. “*Hoa man*” (華鬘) là phong tục của Ấn Độ, dùng dây kết thật nhiều hoa, kết xong bèn gọi là Man (鬘, tràng, chuỗi). Dùng hoa xâu lại để trang điểm chính mình, khoác trên thân, hoặc đội lên đầu, gọi là Hoa Man. Khiến cho toàn thân của chính mình vừa là hoa, vừa là hương, người bình thường làm như vậy. Người giữ tám giới chẳng được phép! Vừa chẳng thể bôi hương, mà cũng chẳng thể đeo hoa man. Còn có “*bắt tọa cao quảng đại sàng*” (chẳng ngồi giường to, cao, rộng), “*bắt tọa*” bao gồm ý nghĩa “*chẳng nằm*”. Bất luận ngồi hay ngủ, chẳng thể sử dụng giường vừa cao, diện tích vừa rộng, vừa lớn! Chẳng thể dùng giường to cao lớn, vì những kẻ có tiền bèn trang hoàng giường nằm rất đẹp đẽ, rất lộng lẫy, vừa cao, vừa rộng. Chẳng thể sử

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

dụng cái giường cao rộng ấy. Gộp chung lại thì có tất cả tám điều, gọi là Bát Giới.

Giới luật gồm tám điều, Trai (giữ tâm trong sạch) là một điều, “*bất trung quá thực*” (chẳng ăn sau giữa trưa), nói thông thường sẽ là “*quá Ngọ chẳng ăn*”. Thời cổ không có đồng hồ, lấy ánh nắng mặt trời làm tiêu chuẩn: Dùng gậy trúc cắm thẳng để xem bóng nắng. Bóng mặt trời đã xế thì là “*quá trung*” (vượt quá giữa trưa). Chớ nên [ăn] sau giữa trưa, nói theo hiện thời, đừng ăn sau giữa trưa chính là quá mười hai giờ trưa, ăn cơm trước mười hai giờ trưa, gọi là Ngọ Trai. Sau mười hai giờ trưa, chẳng thể ăn gì nữa, đó gọi là “*bất quá trung thực*”, điều này được coi là Trai.

Bát Quan Trai Giới có khi nói là tám điều, có khi nói là chín điều. Cách tính như thế nào? Có một cách nói, trong Tiểu Thừa có một phái gộp hai điều cuối trong tám giới, tức là “*chẳng đeo tràng hoa, bôi hương*” và “*không ngồi giường lớn cao rộng*” thành một điều, nội dung tương tự, trang nghiêm y hết! Tính ra con số sẽ là bảy giới, cộng thêm một điều về Trai là “*chẳng ăn quá trưa*” bèn thành Bát Quan Trai Giới, hợp thành con số tám. Nếu chẳng nói như vậy, tám giới là tám điều giới, lại ghép thêm một điều về Trai vào, sẽ thành chín điều. Do vậy, phía sau Trai điều “*chẳng ăn quá trưa*”, có nói rõ: “*Giới bát trai ngoại, giới thất trai nội*”, [nghĩa là] nếu tính giới là tám điều thì Trai được tính riêng. Nếu giới gồm bảy điều, tính gộp Trai điều vào trong ấy. Tám điều giới biến thành bảy điều, Tiểu Thừa có một tông phái tên là Câu Xá Tông nói theo kiểu ấy. Một tông khác là Thành Thật Tông nói có tám điều; nói theo kiểu Đại Thừa thì cũng là tám điều, hơi khác nhau đôi chút.

Đối với năm giới trong ấy, tôi nói rõ đôi chút. Chúng ta biết tại gia học Phật, đầu tiên là Quy Y. Có khi trong lúc quy y, đồng thời thọ Ngũ Giới. Có người sau khi quy y một thời gian, nhận thấy chính mình có thể giữ năm giới mới thọ Ngũ Giới. Điều thứ nhất trong tại gia Ngũ Giới là không sát sanh, thứ hai là không trộm cắp (chẳng trộm cắp đồ vật của người khác), thứ ba là giới tà dâm, thứ tư là không vọng ngữ (chẳng nói dối), thứ năm là không uống rượu, tổng cộng năm điều. Trong năm điều, đặc biệt phải nói tới giới điều “*chẳng tà dâm*”, vì người tại gia thọ Ngũ Giới, bất luận là nam hay là nữ, sau khi đã kết hôn, giữ Ngũ Giới là giới “*chẳng tà dâm*” mà thôi! Vợ chồng vì phải nói dòng truyền giống, chẳng ngăn cấm chánh dâm. Bất quá, mỗi tháng cũng có những ngày đặc thù, vợ chồng phải kiêng chánh dâm (chẳng phải là thường xuyên), còn thông thường là phải kiêng tà dâm. Bát Quan Trai Giới thì không chỉ là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chẳng tà dâm, mà còn là trực tiếp kiêng hành dâm. Là tại gia cư sĩ, bất luận là nam hay nữ cư sĩ, tuy kết hôn, trong ngày thọ trì Bát Quan Trai Giới đều kiêng hành dâm, không chỉ là tà dâm! Phải đặc biệt nói rõ điều này!

Vì sao quốc vương bị giam cầm bèn nghĩ đến chuyện thọ giới? Đối với giới, người bình thường chẳng thông hiểu, nghĩ giữ giới rất phiền phức, rất khó tiếp nhận: Điều này chẳng thể làm, điều kia chẳng thể làm. Thật ra, người hiểu biết Phật pháp bèn biết: Giới là một loại pháp thanh lương. Giữ giới tốt đẹp, trong tâm là một bầu thanh lương. Thanh lương sẽ có thể trừ khử phiền não. Đối với chữ Phiền (煩) trong phiền não, hãy hiểu biết phương pháp tạo chữ trong tiếng Hán sẽ biết: Bên trái là Hỏa (火), bên phải là chữ Hiệt (頁). “Hiệt” là gì? Chữ Hiệt là chữ tượng hình, Hiệt chính là đầu người. Quý vị chiếu theo chữ tượng hình để vẽ ra, hoặc chiếu theo lối chữ Triện để viết, sẽ [thấy chữ Hiệt] là đầu người. Vì thế, trong tâm hãy phiền muộn, trên đầu bốc đầy lửa! Nói thông thường là đầu bốc lửa. Giữ giới nhằm trừ não hỏa, khiến cho hỏa khí chẳng còn, chẳng có phiền não. Giáng trừ từng tầng phiền não, trong tâm có thể đạt được một bầu thanh lương.

Hiểu Lý của giới, khi giữ giới, sẽ là một loại hưởng thụ. Do đó, phương pháp trong Phật pháp rất nhiều, gộp chung lại, chẳng ngoài ba chữ Giới, Định, Huệ. Giới (戒) là giữ giới, công phu trì giới tốt đẹp, có thể giúp chúng ta nhập Định. Nhập Định bèn có công năng định lực, có thể khai phát trí huệ. Chúng ta vốn có trí huệ ấy; tuy vốn sẵn có, nhưng tâm phàm phu suốt ngày từ sáng đến tối rồi bời, hành vi cũng chẳng ước thúc, cho nên chẳng có Định. Chẳng có Định, trí huệ sẵn có bèn bị phong kín, chẳng thể phát huy tác dụng, há có trí huệ trong ấy? Vì thế, ba chữ trọng yếu nhất trong học Phật là “trì Giới, đắc Định, khai Huệ”. Chúng ta hiểu rõ Giới hết sức trọng yếu. Chúng ta đã học Phật, có thể trì Bát Quan Trai Giới, đương nhiên là tốt đẹp. Chẳng thể thọ Bát Quan Trai Giới, trì Ngũ Giới cũng tốt, đặc biệt là xét theo phương diện tâm lý, khi thường giữ Ngũ Giới, hoặc khi thọ Bát Quan Trai Giới, trong tâm càng thanh tịnh. Trong khi giữ giới, nội tâm là một bầu thanh tịnh, ngay trong khi ấy chính là một loại hưởng thụ lớn nhất!

Chúng ta còn phải hiểu rõ một điều: Chúng sanh từ vô thủy kiếp tới nay, tạo thiện nghiệp và ác nghiệp rất nhiều. Tạo bất cứ nghiệp gì, nó cũng đều biến thành chủng tử của sanh tử, là cái nhân của sanh tử. Trừ sanh tử ra, còn có những thứ khác kèm theo. Chẳng hạn như chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

sống trong thế gian, đủ mọi cảnh ngộ đều là do đã gieo nhân trong quá khứ. Nhưng để nhân biến thành quả, nếu chỉ có mình nhân, nó sẽ chẳng thể biến thành quả, trong ấy còn phải có các thứ duyên. Duyên có rất nhiều thứ, trong chốc lát, chẳng có cách nào nói nhiều như vậy được, chỉ cần biết có các loại duyên là được rồi. Đã có nhân và có duyên, sau đây, chúng hòa hợp với nhau thì mới có thể kết thành quả. Nếu chỉ có nhân, chẳng có duyên trọn đủ, sẽ không thể kết thành quả! Ví như các vật dụng chạy bằng điện, điện là do công ty điện lực truyền tải, vẫn là phải có duyên. Nếu muốn dùng quạt điện cho mát, phải có quạt điện. Muốn sử dụng đèn điện để chiếu sáng, phải có đèn ống (đèn néon, đèn tube). Những thứ ấy đều là duyên. Chẳng có những thứ ấy, sẽ chẳng có gió, mà cũng chẳng có ánh sáng. Chúng ta là người sống trong thế gian, giống như hiện thời vừa bị thiên tai vừa bị nhân họa, đủ mọi vụ án giết chóc hung tợn, bị kẻ khác trộm cắp, cướp đoạt, những chuyện ấy đều là do nhân duyên hòa hợp. Giả sử nói: Trong khi chúng ta đang trì giới, đoạn tuyệt những duyên ấy. Lấy việc giữ giới chẳng sát sanh để nói, trì giới sát sanh thanh tịnh, tất cả các sát nghiệp trong thiên hạ chẳng dính dáng đến ta, bất luận là trong quá khứ đã gieo rất nhiều cái nhân sát nghiệp, hiện thời duyên đã tuyệt, chẳng tiếp tục có điện truyền tới nữa. Vì thế, những tai nạn ấy chẳng dính líu gì đến chúng ta. Từ điều này, có thể chiêm nghiệm, lãnh hội rất nhiều điều. Nếu trì giới luật càng thanh tịnh, tuy chúng ta vẫn ở trong ngũ trược ác thế, [thế mà] có thể đạt được thanh tịnh, bình an, trong phương diện tu đạo bèn có thể tinh tấn tu đạo. Có những điều tốt đẹp ấy.

IV.1.2.5. Ý nghĩa của việc trì tám giới

Chúng ta hãy xem dụng ý của việc trì Bát Quan Trai Giới hoặc Ngũ Giới. Các thứ giới rất nhiều, vì sao quốc vương mong thọ trì Bát Quan Trai Giới? Bát Quan Trai Giới chính là người tại gia trì giới xuất gia. Trì giới xuất gia hết sức thanh tịnh, [sẽ có] lợi ích hết sức to lớn! Xin các vị xem đề cương bài giảng, phần “*ý nghĩa trì tám giới*”. Trì tám giới “*dụng tâm khởi hạnh cực tế, cực cấp*” (dụng tâm, khởi hạnh, tốt bậc vi tế, tốt bậc gấp rút). Nói theo phía quốc vương, nhà vua mong cầu trì tám giới, tức là Bát Quan Trai Giới. Nói theo phía cái tâm trì giới của chính mình thì hết sức vi tế. Bất cứ chuyện gì dứt bật tội ác trong thế gian đều phải trì sạch lâu, hết sức triệt để, tốt bậc kín nhiệm. Nếu nói đến

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thời cơ trì Bát Quan Trai Giới, thì cũng là hết sức khẩn cấp. Thường là trong khi hết sức nguy cấp, phải trì Bát Quan Trai Giới.

Chúng ta đều biết, đức Phật thường nói: “*Mạng người trong hơi thở*”, một người bất luận tuổi tác đã già cũng thế, mà chưa già cũng thế, ai có thể bảo đảm: Trước mắt, chính mình thở ra một hơi, hơi kế tiếp sẽ hít vào được chăng? Chẳng dám nói! Một hơi chẳng hít vào được, thọ mạng trong đời này đã xong rồi. Thọ Bát Quan Trai Giới là thọ trong tình trạng hết sức khẩn cấp. Đã là hết sức kín nhiệm, lại hết sức khẩn cấp, thời gian để kể tại gia chúng ta trì giới chẳng thể quá dài. Nếu quá dài, sẽ chẳng trì tốt đẹp; vì thế, “*duy hạn nhất nhật, nhất dạ*” (chỉ hạn định một ngày, một đêm). Chỉ có thể thọ trong thời gian một ngày! Một ngày một đêm là gì? Là từ sáng sớm hôm nay thọ giới trở đi, mãi cho đến lúc bình minh ngày mai, tự nhiên có thể coi là giới thể của Bát Quan Trai Giới đã hoàn thành. Đến ngày mai, quý vị cảm thấy chưa đủ, vẫn phải thọ giới lại. Nếu chẳng thọ lại, giới đã thọ trong ngày hôm nay đã hoàn thành, chỉ hạn định trong một ngày một đêm.

Khi thọ Bát Quan Trai Giới, vị thầy truyền giới hỏi từng điều một. Đầu tiên là hỏi về chuyện không sát sanh: “*Này Phật tử! Có thể như chư Phật không sát sanh hay chăng?*” (Giống như chư Phật chẳng sát sanh như vậy, quý vị có thể thọ trì hay không?). Người thọ giới thưa: “Có thể trì”, điều ấy bèn hoàn thành. Tiếp đó, lại hỏi [các giới] chẳng trộm, chẳng dâm... tổng cộng tám điều. Mỗi điều đều phải nói “*như chư Phật*”; vì sao phải nói là “*như chư Phật*”? Nói thật ra, bọn phàm phu chúng ta trì giới nói chung là chẳng đủ triệt để, Phật là toàn bộ hết thảy phiền não vô minh đều chẳng có, sạch lầu lầu, thật sự thanh tịnh. Quý vị thọ Bát Quan Trai Giới là mong thanh tịnh như chư Phật. Vì thế, “*dẫn Phật vi chứng*” (dẫn Phật làm chứng). Đối với mỗi điều, đều bảo quý vị gìn giữ giống như Phật vậy! Vì sao? “*Dĩ Phật tập tận cố*”, [nghĩa là] do đức Phật đã trừ hết sạch hết thảy các tập khí (“*tập khí*” là nói tới những chuyện phải đoạn trừ để giữ giới), hoàn toàn chẳng có. Vì thế, thọ Bát Quan Trai Giới, phải dẫn Phật làm chứng. Trong tình huống ấy, sanh mạng của lão vương khó giữ nổi trong sớm tối, hết sức nguy cấp! Trong trạng huống khẩn cấp ấy, nhà vua thỉnh cầu tôn giả Mục Kiền Liên truyền trao Bát Quan Trai Giới. Bát Quan Trai Giới đã là dẫn Phật làm chứng, công đức như thế nào? “*Công đức siêu quá nhân thiên, Nhị Thừa*” (Công đức vượt trội người, trời và Nhị Thừa). Không chỉ là vượt trội kẻ bình phàm, mà còn vượt trội chư thiên trên cõi trời, cũng vượt

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trởi Nhị Thừa, tức là Tiểu Thừa và Trung Thừa. Trì Bát Quan Trai Giới một ngày có công đức to lớn như vậy!

Xin quý vị lại xem kinh văn. Quốc vương hướng vọng về phía đức Thế Tôn thỉnh cầu như vậy, thỉnh cầu tôn giả Mục Kiền Liên đến truyền giới. Đức Phật và tôn giả Mục Kiền Liên đều có thần thông. Khi ấy, đức Phật cũng biết, bèn bảo tôn giả Mục Kiền Liên hãy đến. “*Thời Mục Kiền Liên, như ưng chuẩn phi*”, nghĩa là khi đó, tôn giả Mục Kiền Liên giống như chim ưng, chim chuẩn (Ưng (鷹) là chim ưng, Chuẩn (隼)¹² cũng là một loại ưng) bay lượn trên trời. “*Tật chí vương sở*” (Nhanh chóng tới chỗ vua), “*tật*” (疾) là nhanh chóng, hết sức mau lẹ, rất nhanh chóng đến chỗ quốc vương bị giam trong căn nhà có bảy lớp cửa. [Kinh nói là] “*như ưng chuẩn phi*”, thật ra, tôn giả Mục Kiền Liên bay nhanh hơn chim ưng, chim cắt rất nhiều. Bất quá, ở đây chẳng có cách nào để hình dung, đành mượn loài ưng, loài cắt là những loài chim bay nhanh nhất để hình dung. Tôn giả Mục Kiền Liên vận dụng thần thông bay nhanh hơn chim ưng, chim cắt, lập tức đến chỗ quốc vương đang bị giam cầm. Sau khi đã đến, liền truyền giới. Hằng ngày đều truyền giới, “*nhật nhật như thị*” (ngày nào cũng như thế). Thọ giới hôm nay, đến ngày mai, giới thể đã hoàn thành, lại phải thọ giới. Ngày mai lại đến, hằng ngày đều là như vậy. Tôn giả Mục Kiền Liên đều bay tới chỗ đó để “*thọ vương bát giới*”, tức là truyền dạy Bát Quan Trai Giới cho nhà vua.

“*Thế Tôn*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, “*diệc khiến tôn giả Phú Lô Na, vị vương thuyết pháp*” (cũng sai tôn giả Phú Lô Na thuyết pháp cho nhà vua): Đồng thời, Thích Ca Mâu Ni Phật lại sai tôn giả Phú Lô Na (ngài Phú Lô Na (Pūrna) tên là Mãn Từ Tử (Maitrayani-putra)¹³, thuyết

¹² Chúng ta thường gọi là chim Chuẩn là Cắt (Falco). Chim Cắt có cánh mỏng và nhọn, có thể lao xuống từ trên cao với một tốc độ rất nhanh. Có những loài như cắt Peregrine có thể lao xuống với tốc độ lên đến 320 cây số một giờ!

¹³ Đúng ra, tên vị này gọi đầy đủ sẽ là Pūrna Maitrayani-putra. Vì thế, kinh Pháp Hoa phiên âm tên Ngài là Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử. Maitryani (từ bị) là tên mẹ Ngài. Phú Lô Na là viên mãn. Cha Ngài chính là con của vị quốc sư nước Ca Tỳ La Vệ. Ngài thông minh từ nhỏ, trước khi theo Phật đã tinh thông kinh Vệ Đà, từng vào núi Tuyết học đạo, tu khổ hạnh với tiên nhân Ba Lê Bà Giá Ca. Sau khi đức Phật thành đạo, Ngài nghe tin, đến hỏi đạo, vô cùng khâm phục bèn xuất gia theo Phật. Không những là người có khả năng thuyết pháp đệ nhất, mà Ngài còn là bậc chân tu nhẫn nhục chẳng kém tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Ngài mong truyền đạo Phật sang xứ Thâu Lô Na nổi tiếng hung tợn, tàn độc, sẵn sàng chấp nhận bị chửi rủa, đánh đập, tra tấn,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

pháp hết sức hay) đến giảng Phật pháp cho lão vương. Tôn giả Phú Lô Na cũng có thân thông; nếu không, làm sao Ngài vào được? “*Như thị*” (Như thế), một vị là ngài Mục Kiền Liên, vị kia là Phú Lô Na, hai vị tôn giả như vậy đến đó mỗi ngày, một vị truyền giới cho nhà vua, một vị thuyết pháp. “*Thời gian kinh tam thất nhật*” nghĩa là trải qua ba lần bảy tức hai mươi một ngày! “*Vương thực sao mật, đắc văn pháp cố, nhan sắc hòa duyệt*”, [nghĩa là] lão vương do ăn bột rang và mật, lại có thể nghe Phật pháp, không chỉ chẳng chết đói, ngược lại về mặt hết sức bình thân, vui sướng. Đến đây là thôi, chuyện Thái Tử muốn giết cha đã nói xong. Sau đó sẽ là chuyện Thái Tử toan giết mẹ, tôi sẽ giảng tiếp trong lần sau.

Tập 7

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu! Xin mở kinh bản trang thứ hai, bắt đầu từ hàng thứ hai ở phía dưới. Trước hết là niệm kinh văn.

(Kinh) Thời A Xà Thế, vấn thủ môn giả: “Phụ vương kim giả, do tồn tại da?” Thời thủ môn nhân bạch ngôn: “Đại vương! Quốc thái phu nhân, thân đồ sao mật, anh lạc thịnh tương, trì dụng thượng vương. Sa-môn Mục Liên, cập Phú Lô Na, tòng không nhi lai, vị vương thuyết pháp, bất khả cấm chế!”

(經)時阿闍世，問守門者：父王今者，猶存在耶？時守門人白言：大王，國太夫人，身塗麩蜜，瓔珞盛漿，持用上王。沙門目連，及富樓那，從空而來，為王說法，不可禁制。

(Kinh: Khi ấy, A Xà Thế hỏi người canh cửa: “Nay phụ vương vẫn còn sống ư?” Lúc đó, kẻ giữ cửa tâu rằng: “Tâu đại vương, quốc thái phu nhân, thân bôi bột rang và mật, chuỗi đeo đựng nước trái cây ép, đem dâng lên vua. Sa-môn Mục Liên và Phú Lô Na từ trên hư không hiện tới, thuyết pháp cho nhà vua, chẳng thể ngăn cấm”).

từ đây, thậm chí hy sinh tánh mạng. Vì thế, đức Phật tán thán Ngài là bậc “*thiện học nhãn nhục*” (khéo học nhãn nhục).

“Thời” (Khi ấy) là vào lúc nào? “*A Xà Thế vấn thủ môn giả*” (A Xà Thế hỏi người canh cửa), ông ta biết đã qua ba lần bảy ngày, tức hai mươi một ngày như đã nói trên đây. Ông ta nghĩ: Đã qua hai mươi một ngày, lâu như thế, cha mình nhất định đã chết đói trong đó. Do vậy, vào lúc ấy, ông ta đến xem thử. Trước hết, hỏi kẻ “*thủ môn*”, tức là người canh cửa: “*Phụ vương kim giả do tồn tại da?*” nghĩa là phụ vương (chỉ lão vương) nay vẫn còn sống ư? Câu này mang ý nghĩa hỏi xem đã chết hay chưa? Câu hỏi có ý nghĩa ấy.

“*Thời thủ môn nhân bạch ngôn*” (Khi đó, kẻ giữ cửa thưa rằng), “*Bạch*” (白) là người dưới thưa trình với người trên, có ý nghĩa “bẩm báo”. “*Đại vương*”, lúc đó, A Xà Thế đã làm quốc vương, nên gọi ông ta là “đại vương”. Trên đây, ông ta đã hỏi: “Nay phụ vương vẫn còn sống hay không?” Vì nói theo lẽ thông thường, một người bảy ngày chẳng ăn gì, sẽ chẳng thể cầm cự được. Sau bảy ngày, nói chung là không thể sống nổi! Đã sau hai mươi một ngày, chẳng biết phụ vương đã chết hay chưa? Trong tâm đại vương mong vua cha lẽ ra là đã chết, cho nên mới hỏi lời ấy. Người canh cửa biết vua cha chưa chết, vì sao chưa chết? Cần phải nói ra đạo lý. Do nguyên nhân nào? “*Quốc thái phu nhân*” là mẹ của đại vương, nay trở thành thái phu nhân, bà ta “*thân đồ sao mật*” (thân bôi bột rang và mật), trong phần trước đã nói rồi, dùng bột rang hòa mật trét lên thân thể. Sau đây, “*anh lạc thịnh tương*”, [nghĩa là] chuỗi anh lạc đựng nước nho, “*trì dụng thượng vương*” (đem dâng lên vua), đem đồ ăn, thức uống vào dâng cho lão vương, tức là phụ vương của Ngài, khiến cho ông ấy không đến nỗi chết đói. Còn có “*sa-môn Mục Liên cập Phú Lô Na*”, tức là đệ tử Phật, tôn giả Mục Liên lại còn có tôn giả Phú Lô Na, hai vị ấy “*tùng không nhi lai*”, tức là từ trên hư không mà tới nơi đây, “*vị vương thuyết pháp*”, nghĩa là thuyết pháp cho phụ vương của Ngài. Câu kể đó là “*bất khả cấm chế*”, “*cấm*” (禁) là như trong phần trước, vua đã căn dặn cấm ngặt bất cứ kẻ nào tiến vào. “*Chế*” (制) là khống chế, chẳng cho phép bất cứ kẻ nào vào. Nhưng người canh cửa thưa: Một người là quốc thái phu nhân, chẳng có cách nào cấm đoán, ngăn chặn, hai người khác là hai vị sa-môn, các Ngài từ hư không tiến đến, cũng chẳng có cách nào cấm đoán, ngăn chặn.

Kinh văn trước sau đều có sự tương ứng, “trước sau tương ứng” là như thế nào? Trong phần trước, vương tử A Xà Thế “*ché chư quần thần, nhất bất đắc vãng*” (ngăn cấm quần thần, chẳng có ai được phép đến đó).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Vua đã căn dặn quần thần trong triều đình, các vị thần tử lớn nhỏ, bất luận kẻ nào cũng đều chẳng thể tiến vào, nhưng chẳng nhắc tới quốc thái phu nhân. Vì thế, người giữ cửa nói quốc thái phu nhân muốn tiến vào, do đại vương chẳng căn dặn, người giữ cửa chẳng chịu trách nhiệm. Mặt khác, những sa-môn từ hư không bay đến, ông ta cũng chẳng có cách nào ngăn cấm, nên cũng chẳng có trách nhiệm đối với chuyện ấy. Nếu chẳng nói rõ như vậy, kẻ giữ cửa chẳng thể thoái thác trách nhiệm được! Người giữ cửa nói “*chẳng thể cấm chế*”, hai chuyện ấy có ý nghĩa tương ứng với phần trước.

Hai chữ “*sa-môn*” (Śramaṇa) là tiếng Ấn Độ được phiên âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Cần Tức (勤息, Cần trong cần lao (勤勞, siêng năng, nhọc nhằn), Tức trong Diệt Tức (息滅, diệt mất). Theo chú giải thông thường, Sa-môn là người tu hành. Tu hành như thế nào? [*“Cần”* là] siêng tu Giới, Định, Huệ, tu Giới, tu Định, sau đây khai trí huệ. “*Tức*” là diệt trừ tham, sân, si. Làm một vị sa-môn, ý nghĩa chủ yếu là siêng tu Giới, Định, Huệ, nhắm tới mục đích diệt dứt tham, sân, si. Ở đây, “*sa-môn*” là nói tới hai vị tôn giả Mục Liên và Phú Lô Na, các Ngài đều là đại đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật. Hai vị đại đệ tử này, tôn giả Mục Liên là bậc thần thông đệ nhất, Ngài tới truyền trao Bát Quan Trai Giới cho lão vương; tôn giả Phú Lô Na là vị thuyết pháp bậc nhất. Ngài thuyết pháp có phương tiện hết sức thiện xảo. Hễ Ngài thuyết pháp, người nghe bèn dễ hiểu, dễ tiếp nhận. Hai vị ấy đến, một vị truyền Bát Quan Trai Giới cho lão vương, một vị giảng đạo lý Phật pháp cho lão vương nghe. Ở trong ấy, lão vương vừa có cái để ăn, vừa có Phật pháp, cho nên trải qua thời gian dài như vậy mà vẫn còn sống!

Kẻ giữ cửa tâu trình như thế xong, tiếp đó, quốc vương liền nói.

(Kinh) Thời A Xà Thế vẫn thử ngữ dĩ, nộ kỳ mẫu viết: “Ngã mẫu thị tặc, dữ tặc vi bạn. Sa-môn ác nhân, huyễn hoặc chú thuật, linh thử ác vương, đa nhật bất tử”. Tức chấp lợi kiếm, dục hại kỳ mẫu.

(經)時阿闍世，聞此語已，怒其母曰：我母是賊，與賊為伴。沙門惡人，幻惑咒術，令此惡王，多日不死。即執利劍，欲害其母。

(Kinh: Khi ấy, A Xà Thế nghe lời ấy, giận mẹ nói: “Mẹ ta là giặc, kết bè đảng với giặc. Sa-môn là kẻ ác, chú thuật huyễn hoặc, khiến cho

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ác vương đã nhiều ngày chẳng chết”. Liền cầm gươm bén, toan hại mẹ mình).

Nhà vua khởi lên ý niệm tội ác, toan giết hại mẹ mình. “*Thời A Xà Thế, vãn thử ngữ dã*”, [nghĩa là] lúc đó, vua A Xà Thế nghe kẻ canh cửa vừa tâu, đương nhiên là kẻ canh cửa chẳng có trách nhiệm. Vua chẳng có cách nào trừng phạt kẻ canh cửa, cho nên bực tức. “*Nộ kỳ mẫu viết*” (Giận mẹ bèn nói). “*Nộ*” (怒) là nổi cáu, phẫn nộ; phẫn nộ vì ai? Phẫn nộ với mẹ mình. Đã phẫn nộ bèn chửi mẹ: “*Ngã mẫu thị tặc*” (Mẹ ta là giặc). Vì sao gọi mẹ mình là giặc? Tiếp đó liền nói: “*Dữ tặc vi bạn*” (Kết bè đảng với giặc). Dù bà ta chẳng phải là giặc, cũng coi như là giặc, vì bầu bạn với giặc. Kết bạn với giặc như thế nào? Chữ “*tặc*” (賊) tiếp đó nhằm chỉ phụ vương. Vì phụ vương của ông ta làm quốc vương, ông ta giam cầm cha, nhằm mục đích muốn cho cha chết đói trong đó. Một ngày chưa chết thì là lão tặc, đã già khú mà chẳng chết! Chẳng phải là hiện thời cũng có rất nhiều người nói như vậy ư? Già khom mà chưa chết, tức là lão tặc! Chửi cha mình là giặc, vì sao cũng coi mẹ như giặc? Mẹ mỗi ngày mang đồ ăn, thức uống cho cha, đó là kết bạn với giặc. Hai người ấy (cha và mẹ) đều bị ông ta coi là giặc!

Tiếp đó nói: “*Sa-môn ác nhân*” (Sa-môn là kẻ ác), hãy suy nghĩ câu này. Trong phần trước, chúng ta đã hiểu rõ: Sa-môn là người chuyên tu Giới, tu Định, tu Huệ. Hết thấy tội ác của chúng sanh phạm phu do đâu mà có? Đều là từ tham, sân, si; nhưng sa-môn chuyên dứt diệt tham, sân, si. Tiêu diệt tham, sân, si là người tốt lành, vĩ đại nhất. Ông ta ngược ngạo bảo sa-môn là “*ác nhân*”, chẳng được rồi! Vừa thốt lời ấy khỏi miệng, tội lỗi khôn cùng! Chúng ta xem kinh A Di Đà, thấy tôn giả Ngưu Ty (Kiều Phạm Ba Đề) do trong đời quá khứ, thấy một vị lão nhân tu hành đang tụng kinh, trong miệng chẳng còn răng, khi người ấy đang [trệu trạo] niệm từng câu, bèn giễu cợt vị lão tu hành ấy giống như trâu đang nhoi cỏ. Đó vẫn là vô tâm chọc gheo, kết quả là phải chịu ác báo bao nhiêu đời! Hậu quả đáng sợ lắm! Vua tự mình chửi sa-môn là kẻ ác, như hai vị tôn giả Mục Kiền Liên và Phú Lâu Na là những bậc lỗi lạc. Ông ta chửi các Ngài là ác nhân, hãy tưởng tượng xem, tội lỗi ấy to đến cỡ nào! Vì sao bảo sa-môn là ác nhân? “*Huyền hoặc chú thuật*”, ý nói hai vị sa-môn chẳng biết dùng huyền pháp gì, dùng phương thuật và chú thuật gì để dụ dỗ, mê hoặc người ta. Do những thứ ấy, “*linh thử ác vương, đa nhật bất tử*” [nghĩa là] khiến cho gã ác vương như thế, đã

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhều ngày vẫn chẳng chết, đáng kinh hãi quá! Chửi cha mình là ác vương!

Nói lời ấy xong, “*tức chấp lợi kiếm, dục hại kỳ mẫu*” (liền cầm gươm bén, toan hại mẹ mình); vô lấy thanh gươm rất sắc bén, mong một kiếm giết mẹ chết tươi! Quý vị hãy xem đoạn này, chửi cha mẹ là giặc, lại chửi sa-môn là ác nhân, lại chửi phụ vương là ác vương; sau đấy, chop lấy một thanh gươm bén, toan tự mình giết chết mẹ. Đây là tạo khẩu nghiệp, tạo thân nghiệp, tạo ý nghiệp; ba nghiệp thân khẩu ý đều tạo nghiệp tội ác cực đại! Vào lúc đó, trong đoạn kinh văn kế tiếp có cho biết:

(Kinh) Thời hữu nhất thần, danh viết Nguyệt Quang, thông minh đa trí, cập dữ Kỳ Bà, vị vương tác lễ, bạch ngôn: “Đại vương! Thần văn Tỳ Đà Luận Kinh thuyết, kiếp sơ dĩ lai, hữu chư ác vương, tham quốc vị cố, sát hại kỳ phụ, nhất vạn bát thiên. Vị tăng văn hữu vô đạo hại mẫu. Vương kim vị thử sát nghịch chi sự, ô Sát-lợi chủng, thần bất nhãn văn. Thị Chiên Đà La, ngã đẳng bất nghi phục trụ u thử!”

(經)時有一臣，名曰月光，聰明多智，及與耆婆，為王作禮。白言：大王，臣聞毗陀論經說，劫初以來，有諸惡王，貪國位故，殺害其父，一萬八千。未曾聞有無道害母。王今為此殺逆之事，汙刹利種，臣不忍聞。是旃陀羅，我等不宜復住於此。

(Kinh: Khi ấy, có một người bày tôi tên là Nguyệt Quang thông minh, lắm trí huệ, cùng với Kỳ Bà, hướng về vua làm lễ, tâu rằng: “Tâu đại vương! Thần nghe kinh luận Tỳ Đà có nói, từ kiếp ban sơ đến nay, có các vua ác vì tham ngôi vua, giết hại cha mình có đến một vạn tám ngàn kẻ. Chưa từng nghe nói có kẻ nào vô đạo hại mẹ. Nay bệ hạ làm chuyện giết chóc ngỗ nghịch này, khiến dòng Sát-đế-lợi bị ô uế. Thần chẳng nỡ nghe. Đó là [hành vi của] Chiên Đà La, bọn thần không nên ở chỗ này nữa”).

“*Thời hữu nhất thần, danh viết Nguyệt Quang, thông minh đa trí, cập dữ Kỳ Bà*” (Khi ấy, có một người bày tôi tên là Nguyệt Quang thông minh, lắm trí huệ, cùng với Kỳ Bà): Lúc đó, có hai vị đại thần ra mặt

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

khuyên can nhà vua chớ nên giết hại mẹ. Một vị tên là Nguyệt Quang (Candraprabhā). Vì sao tên là Nguyệt Quang? Vì người này hết sức thông minh, có rất nhiều trí huệ. Vị kia là Kỳ Bà (Jivaka). Kỳ Bà là anh em của vua A Xà Thế. Có tổ sư chú giải ngài Kỳ Bà là em vua A Xà Thế, cũng có vị chú giải ông ta là anh; có hai cách nói như vậy. Có một bộ kinh tên là Nại Nữ Kỳ Bà Kinh (奈女耆婆經), theo bộ kinh ấy, tuổi của Kỳ Bà phải lớn hơn vua A Xà Thế đến mười tuổi.

Kỳ Bà lớn hơn vua A Xà Thế mười tuổi, vì sao chẳng làm Thái Tử? Trong ấy có nhân duyên: Vì Kỳ Bà chẳng phải là do đại phu nhân của quốc vương sanh ra. Mẹ của Kỳ Bà là ai? Mẹ của Kỳ Bà tên là Nại Nữ (奈女), Nại (奈) là tên một loài cây. Tại Ấn Độ, vào thuở ấy, có một tiểu quốc. Tiểu quốc ấy có một người ngoại đạo, là ngoại đạo tu phạm hạnh. Ông ta có một hoa viên lớn, trong đó, có rất nhiều cây Nại. Trong những cây Nại ấy, có một cây nhìn rất lạ lùng. Về sau, [từ cây đó] sanh ra một người con gái (Nại Nữ Kỳ Bà Kinh nói cây sanh ra một người con gái). Người con gái ấy trưởng thành, hết sức xinh đẹp, tuổi vừa mười lăm, tiếng đồn khắp cõi Ấn Độ. Rất nhiều vị quốc vương của các đại quốc đều biết, đều tới tiểu quốc ấy, muốn cưới cô gái đó làm vương phi. Về sau, có tất cả bảy vị quốc vương đồng thời đến cầu hôn. Cha cô ta là Phạm Chí, tức người tu đạo, liền nói rõ sự thật: “Đứa con gái này chẳng phải là con gái của ta. Nó từ cây Nại sanh ra”. Sau đấy, dựng một tòa lầu cao, bảo: “Ai có thể lên được lầu này, đứa con gái Nại Nữ này sẽ thuộc về người đó”. Về sau, cha của vua A Xà Thế lên ngôi lầu ấy trước; do đó, cưới [Nại Nữ] làm vương phi. Lúc đó, vua chẳng cưới bà ta về nước mình, mà thành thân ngay trong tiểu quốc đó. Sau này, sanh nở một đứa con, đứa con ấy được đặt tên là Kỳ Bà. Sau khi được sanh ra, đến năm lên tám, Kỳ Bà mới đến chỗ phụ vương. Khi ấy, phụ vương và đại phu nhân vẫn chưa có con, bèn lập Kỳ Bà làm Thái Tử. Nhưng hai năm sau, sanh ra vua A Xà Thế, vị đại phu nhân của quốc vương được nhắc tới trong phần trước hạ sanh Thái Tử thật sự. Sau khi đứa bé ấy được sanh ra, Kỳ Bà đã mười tuổi, rất hiểu chuyện. Ông ta biết mẹ ruột của mình chẳng phải là đại phu nhân, bèn nhường ngôi Thái Tử cho A Xà Thế được sanh sau, chẳng làm Thái Tử nữa. Có một đoạn nhân duyên như vậy. Ông ta không làm Thái Tử, nhưng là một y sĩ nổi tiếng, y thuật hết sức cao minh. Hai chữ Kỳ Bà dịch sang nghĩa tiếng Hán là Cố Hoạt (固活), Cố là chữ Cố trong Kiên Cố (堅固), Hoạt là chữ hoạt trong Hoạt

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Mạng (活命, sống sót). Vì sao gọi là Cố Hoạt? Phàm bất luận kẻ nào, mắc phải tuyệt chứng¹⁴ cũng thế, hoặc mắc bệnh gì cũng thế, chỉ cần ông ta trị liệu, tất nhiên sẽ đều được cứu sống. Vì thế, ông ta có tên là Cố Hoạt.

IV.1.2.6. Tỳ Đà

Khi ấy, hai vị đại thần này đều hết sức lừng danh trong nước. Nguyệt Quang tuyệt diệu lắm, vừa thông minh, lại vừa lắm trí huệ. Kỳ Bà thì sao? Đã là anh của Thái Tử, y thuật lại hết sức cao minh. Do vậy, trong nước, ai nấy đều kính nể hai vị đại thần này. Thuở ấy, hai vị đại thần này nghe đại vương toan sát hại mẫu thân, vội chạy đến: “*Vị vương tác lễ*” (Làm lễ đối với vua). Khi hai người ấy muốn khuyên cáo nhà vua, trước hết, phải hướng về vua hành lễ. Hành lễ xong, bèn nói, “*bạch ngôn*” (白言) là thưa bẩm, trước hết nói: “*Đại vương*”, thưa thốt với nhà vua, hai vị thần tử bèn nói: “*Thần văn Tỳ Đà Luận Kinh thuyết*”, [nghĩa là] chúng tôi có nghe kinh luận Tỳ Đà nói.

Đối với chữ Tỳ Đà Luận, xin các vị xem đề cương bài giảng. Hai chữ Tỳ Đà (Vedas) còn đọc là Vi Đà, phiên âm theo lối mới¹⁵ là Phệ Đà (吠陀), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Minh Trí (明智), [tức là] dạy người ta phát khởi trí huệ. Đó là kinh điển gì vậy? Chính là kinh điển rất trọng yếu của hàng Bà La Môn. Tỳ Đà Luận của Bà La Môn phân lượng rất nhiều, tổng cộng có một ngàn hai trăm sáu mươi sáu loại, bao hàm hết sức nhiều ý nghĩa. Vì sao nêu lên kinh điển Bà La Môn? Vì trong thuở ấy, các nước tại Ấn Độ chẳng chú trọng ghi chép lịch sử cho lắm. Điều này chẳng giống Trung Hoa. Tại Trung Hoa, sau khi đã có văn tự, luôn chú trọng ghi chép lịch sử. Do vậy, tại Trung Hoa, có rất nhiều người nói: “*Lục kinh giai sử dã*”. [Ý nói], Nho gia có sáu kinh¹⁶, những điều được

¹⁴ Tuyệt chứng (絕症): Chứng bệnh không thể chữa được, chỉ còn chờ chết.

¹⁵ “Phiên âm theo lối mới” ở đây có nghĩa là tuân theo cách phiên âm của ngài Huyền Trang.

¹⁶ Lục Kinh là Thi, Thư, Lễ Ký, Châu Dịch, Nhạc Kinh và Xuân Thu. Theo cổ thư, kinh Nhạc chính là tác phẩm ghi chép về âm nhạc của các quan trông coi âm nhạc trong triều đình nhà Châu, tức là toàn tập các thể loại nhạc vào hai triều đại Hạ và Thương, do Châu Công tu chỉnh mà thành, lại được các nhạc quan đời Châu kế thừa tu chỉnh. Có thuyết nói kinh Nhạc thật ra chỉ ghi nhạc phổ, còn lời ca nằm trong kinh Thi. Do kinh Nhạc thất truyền đã lâu, chẳng ai biết nội dung thật sự ra sao.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ghi chép trong ấy đều là lịch sử. Ở Ấn Độ, chẳng phải là như vậy, Ấn Độ tương phản với chúng ta. Họ chú trọng giảng giải đạo lý, phàm những gì thuộc về lịch sử đều chẳng chú trọng cho mấy. Vì vậy, nếu nói đến lịch sử, chỉ có cách dựa theo ngoại đạo Bà La Môn để nói, truy tìm sự thật trong thời cổ từ kinh điển. Vì thế, hai vị đại thần ấy đem kinh điển Tỳ Đà Luận của Bà La Môn ra bàn. Cũng giống như người Trung Hoa biện luận cùng kẻ khác, hễ nói đến đạo lý, đạo lý dựa theo kinh điển [để lập luận] thì sẽ có trọng lượng. Lý lẽ do chính mình tự nói sẽ chẳng có sức mạnh cho mấy. Nêu ra kinh điển Bà La Môn để bênh vực chủ trương của chính mình.

[Hai vị đại thần nói]: Chúng tôi nghe từ kinh Tỳ Đà Luận mà biết, “*kiếp sơ dĩ lai*” (từ kiếp ban sơ cho tới nay). Nói “*kiếp sơ*” (劫初) là kiểu nói của Ấn Độ, Trung Hoa thường nói là: “*Tùng khai thiên tịch địa dĩ lai*” (Từ lúc mở trời, tách đất tới nay). Nói theo ghi chép trong lịch sử Trung Hoa, vào thời viễn cổ, tìm được một người gọi là Bàn Cổ Thị (盤古氏)¹⁷. Trong thời cổ, ông ta đã tách biệt trời và đất. Mỗi dân tộc đều có một thời đại thần thoại, “*kiếp sơ*” cũng có ý nghĩa gần giống ý nghĩa này. Từ lúc dựng trời mở đất mãi cho đến khi đó, “*hữu chư ác vương*” (có các vua ác), có rất nhiều rất nhiều quốc vương rất xấu xa, đốn hèn, họ “*tham quốc vị cố*” (do tham ngôi vua), vì tham cầu muốn làm quốc vương, tham lam ngôi vua mà “*sát hại kỳ phụ*”, tức là giết hại cha ruột. Từ thuở kiếp sơ cho đến khi hai vị đại thần ấy bàn luận, có tất cả bao nhiêu gã vua ác giết hại cha mình? Có “*nhất vạn bát thiên. Vị tằng văn hữu vô đạo hại mẫu*” (một vạn tám ngàn kẻ. Chưa từng nghe nói có kẻ vô đạo hại mẹ). Chưa hề nghe nói! Trong kinh luận Tỳ Đà, chưa hề nói có quốc vương nào vô đạo đến mức toan sát hạt mẹ mình! Chẳng có chuyện ấy.

¹⁷ Theo huyền thoại Trung Hoa, Bàn Cổ là người đầu tiên khai thiên lập địa. Thuở đầu, trời đất hỗn độn, trời đất chưa tách rời, hễ trời đất tăng trưởng bao nhiêu, thân Bàn Cổ sẽ lớn chừng đó, tách rời trời và đất. Bàn Cổ thân rỗng, đầu người, mở mắt là ngày, nhắm mắt là đêm, thở ra là nóng, hít vào là lạnh, phun hơi ra bèn thành gió, mây, tắc lưỡi thành tiếng sấm. Sau khi ông chết, các phần trên thân thể biến thành các vật chất trong vũ trụ như mặt trời, mặt trăng, lông mày thành sao Bắc Đẩu, chín khiêu thành chín châu v.v... Các nhà nghiên cứu cho rằng khi người Hoa tiến vào Trung Nguyên chiếm đất của dân bản địa (thường bị gọi miệt thị là Cửu Lê, Miêu Tộc, xua đuổi họ lên vùng núi hoang vu) đã vay mượn truyền thuyết chó thần Bàn Hồ (tức thần tổ của các dân tộc Dao, Xá...), đặt ra truyền thuyết Bàn Cổ.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Điều này có nghĩa là: Từ xưa tới nay, có những gã quốc vương xấu xa, đốn hèn, giết cha để đoạt ngôi vị quốc vương. Kẻ giết cha chẳng có chi lạ, tổng cộng là có đến một vạn tám ngàn đứa, nhưng chẳng có đứa nào giết mẹ. Xét ra, câu này có nghĩa là giết cha là chuyện còn có thể du di được, chứ giết mẹ là tội đại nghịch bất đạo nhất! Nhưng điều này hoàn toàn chẳng phải là nói “có thể giết cha” đâu nhé! Chỉ là so sánh giữa hai đấng, giết mẹ là chuyện chẳng thể tha thứ nhất! Chuyện này nói như thế nào? Tại Trung Hoa, vào thời Tam Quốc, cũng có một câu chuyện nhỏ. Cuối đời nhà Hán, con Tào Tháo là Tào Phi soán vị¹⁸, trở thành Ngụy Văn Đế của nước Ngụy. Thuở ấy, cũng không nói chuyện đạo đức. Có một vị văn nhân tên là Nguyễn Tịch. Nguyễn Tịch (阮籍) là một văn nhân trong nhóm Trúc Lâm Thất Hiền¹⁹. Khi ông ta làm quan tư pháp trong triều đình của Ngụy Văn Đế, có một hôm nghe nói có kẻ giết cha, thuở ấy, giết cha cũng là chuyện đại nghịch bất đạo. Nguyễn Tịch sau khi nghe xong, bèn nói: “Tình hình giết cha còn có thể tạm dung; nếu giết mẹ, sẽ là chuyện chẳng thể dung thứ nhất”. Ngụy Văn Đế nghe nói vậy, bèn hỏi: “Giết cha là đại nghịch, đại ác, vì sao còn có thể dung thứ được?” Nguyễn Tịch liền tâu: “Nhân loại vào thời cổ là xã hội mẫu hệ. Người thời ấy sống cùng với cầm thú một chỗ. Do chẳng có chế độ hôn nhân, kẻ bình phàm chỉ biết có mẹ, chẳng biết có cha. Giống như loài thú, chỉ thuần túy biết có mẹ, chẳng biết có cha. Vì thế, nói còn có trường hợp giết cha, còn như giết mẹ thì dường như chưa hề nghe nói tới.

¹⁸ Tào Phi là con thứ hai của Tào Tháo (anh cả là Tào Ngang đã chết trận tại Uyển Thành). Em trai Tào Phi là Tào Thực, là một thi sĩ nổi tiếng thời ấy. Năm 211, Tào Phi được phong làm Phó Thừa Tướng. Năm 220, Tào Tháo chết, Tào Phi nối vị giữ chức Thừa Tướng nhà Hán và tước hiệu Ngụy Vương. Tháng Mười năm đó, Tào Phi ép Hán Hiến Đế (Luu Hiệp) nhường ngôi, trở thành hoàng đế, đổi quốc hiệu là Ngụy. Nhưng đến năm 226 thì bệnh chết, phải gọi gấm con cô (Tào Duệ) cho bọn cố mạng đại thần là Tào Chân, Tào Hưu, Trần Quân và Tư Mã Ý phù tá.

¹⁹ Trúc Lâm Thất Hiền là bảy vị danh sĩ sống vào cuối đời Ngụy đầu đời Tấn, gồm có: Nguyễn Tịch, Kê Khang, Sơn Đào, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Hương Tú, Vương Nhung. Họ sống tại vùng Sơn Dương (nay thuộc Huy Huyện tỉnh Hà Nam). Họ là những người thích nghiên cứu Huyền Học, chịu ảnh hưởng mạnh của Lão Trang, thanh tịnh vô vi, thích ở trong rừng núi, uống rượu, làm thơ. Về sau, Kê Khang, Nguyễn Tịch và Lưu Linh ra làm quan với nhà Ngụy, có quyền hành to lớn. Khi nhà Tấn cướp ngôi nhà Ngụy, Kê Khang, Nguyễn Tịch, Lưu Linh từ chối không hợp tác, nhưng Hương Tú, Nguyễn Hàm, Sơn Đào, Vương Nhung đều làm quan cho nhà Tấn. Kê Khang nổi tiếng về tài đánh đàn cầm, Nguyễn Hàm nổi tiếng về đàn Nguyễn (đàn Nguyệt phát xuất từ đàn Nguyễn), Lưu Linh nổi tiếng về tài uống rượu.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Nếu hỏi vì sao có thể giết cha mà chẳng thể giết mẹ ư? Giết cha thì trong loài cầm thú có những trường hợp như vậy. Nếu loài người mà giết cha thì giống hệt như cầm thú, chẳng thể gọi là người. Nếu giết mẹ, ngay cả cầm thú cũng chẳng bằng! Chẳng hề nghe nói cầm thú giết mẹ!” Dựa theo thí dụ như vậy để nói, cho nên Nguyễn Tịch trả lời Ngụy Văn Đê: Từ xưa tới nay, chưa từng có ai giết mẹ. Giết cha thì trong lịch sử còn có những tiền lệ, vì tham cầu quyền vị, tham cầu ngôi vua, còn có những trường hợp ấy. Nhưng giết mẹ thì không chỉ là nhân loại chẳng có, ngay cả loài súc sanh cũng chẳng có! Nếu nhân loại giết mẹ, thì nói cách khác, ngay cả súc sanh cũng chẳng bằng. Vì thế, trong đoạn kinh văn này, hai vị đại thần nói giết hại cha thì có lắm kẻ như vậy, chưa từng nghe nói có kẻ nào giết mẹ! Câu kinh văn này chứa đựng ý nghĩa rất sâu xa, hòng bảo cho vua A Xà Thế biết: Nếu người thật sự muốn giết mẹ, ngay cả súc sanh cũng chẳng bằng đâu nhé! Ý nghĩa ở chỗ này! Dùng lời lẽ nêu sự lợi hại để cho đại vương biết: “*Vương kim vi thử sát nghịch chi sự*” (Nay vua làm chuyện giết chóc, đại nghịch ấy), nay nhà vua làm chuyện đại nghịch ấy (“*vi thử*” là làm loại chuyện như thế này). “*Nghịch*” (逆) là đại nghịch, không chỉ là muốn giết cha, mà còn toan giết mẹ. Giết cha đã chẳng phải là người, mà giống như súc sanh. Nhà vua tiến thêm bước nữa, muốn giết mẹ, [thế thì] ngay cả súc sanh cũng chẳng bằng! Có ý nghĩa như vậy đó! Nay nhà vua nghiêm nhiên làm chuyện ấy. “*Ô sát-lợi chủng*”, “*ô*” (汚) là ô nhiễm, bại hoại, tức là bại hoại dòng giống Sát-lợi.

IV.1.2.6. Tứ tánh

Xã hội Ấn Độ thuở ấy có bốn đại chủng tánh (Cattāro-varṇa). Xin quý vị xem đề cương bài giảng. Trong xã hội Ấn Độ chia thành bốn chủng tánh, giống như trong xã hội có bốn loại giai cấp:

1) Một loại là Bà La Môn (婆羅門, Brāhmaṇa). Bà La Môn là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*tịnh hạnh giả*” (淨行者), là giai cấp tu hành, nhân mạnh đạo đức. Hết thấy các hành vi đều hết sức thanh tịnh, cao thượng, cũng được người trong toàn thể xã hội tôn kính.

2) Loại thứ hai là Sát-đế-lợi (刹帝利, Kṣatriya). Sát-đế-lợi là chủng tánh của vua, là chủng tánh của quốc vương, giống như chế độ quân chủ tập phong kiến tại Trung Hoa vào thời cổ. Nói là “*vương chủng*”, tức là từ thế hệ này sang thế hệ khác, hề thuộc về chủng tộc quốc vương đều

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

có thể kế thừa vương vị. Sát-đế-lợi là vương giả, sanh ra là con em trong gia đình vương giả. Đó là một chủng tánh.

3) Kế đó là Phệ Xá (吠舍, Vaiśya). Phệ Xá là chủng tánh “*thương cổ*” (商賈), tức là thương nhân, từ tổ tiên mãi cho đến con cháu các đời sau đều là những người làm nghề kinh doanh buôn bán.

4) Loại thứ tư là Thủ Đà (首陀, Sūdra). Thủ Đà là nô lệ, cũng là nông dân. Vì sao nông dân gọi là Nô Lệ? Trong bốn đại chủng tánh, địa vị của nông dân thuộc loại thứ tư. Họ giống như nô lệ làm lụng cho người khác. Vì thế, gọi là nô lệ.

Giai cấp phân chia rất rõ ràng. Con em thuộc chủng tánh nào sẽ thuộc về chủng tánh đó, chẳng thể lẫn lộn. Bà La Môn là Bà La Môn, Sát-đế-lợi là Sát-đế-lợi, Phệ Xá là Phệ Xá, Thủ Đà là Thủ Đà, chẳng thể hoán chuyển cho nhau! Phệ Xá biến thành Thủ Đà, Thủ Đà biến thành Phệ Xá, là chuyện chẳng thể nào có! Giai cấp rất nghiêm ngặt, giới hạn rành mạch. Đây là tứ đại chủng tánh.

IV.1.2.7. Chiên Đà La

Ngoài bốn chủng tánh ra, còn có một loại gọi là Chiên Đà La (旃陀羅, Caṇḍāla). Chiên Đà La là gì? Dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nghiêm Xí (嚴讖). Nghiêm Xí có nghĩa là dùng chuyện tạo tác ác nghiệp để trang hoàng cho thân phận của họ. Kẻ ấy vừa thấy liền [tạo ấn tượng] là kẻ đại diện cho người ác. Hạng người này ở ngoài bốn chủng tánh, mà cũng thấp hơn bốn chủng tánh, hạng người ấy gọi là Chiên Đà La. Họ làm nghề gì? Đồ tể. Đồ tể chuyên môn gây tạo sát nghiệp. Kẻ làm đồ tể là người tạo tội nghiệp. Cho nên đến nơi đâu, nhất là đến đô thị, chính mình phải báo hiệu. Báo hiệu gì vậy? Trước hết là lắc chuông, rồi gõ một khối gỗ, tự mình nêu rõ thân phận. Nêu rõ chính mình là một kẻ tạo ác nghiệp, gọi là Chiên Đà La. Vừa rung chuông, vừa gõ vào một khúc gỗ, nhằm nhắc nhở kẻ khác chú ý, người ác đến đó! Khiến cho người khác biết rõ kẻ đó chính là đồ tể. Kẻ tạo tội ác ở dưới bốn chủng tánh, bị người ta khinh thường nhất. Hạng người ấy gọi là Chiên Đà La.

Sau khi đã tìm hiểu thân phận của hạng người này, lại xem tiếp lời hai vị đại thần đã nói: “Đại vương! Hôm nay bệ hạ làm chuyện sát nghịch này” (“*Sát*” là giết hại, “*ngịch*” là chuyện đại nghịch giết cha, giết mẹ). Sau khi nhà vua đã làm ra chuyện ấy, sẽ ô uế dòng dõi Sát-lợi.

Dòng Sát-lợi là vương gia. Trừ Bà La Môn ra, được tôn kính nhất là Sát-đế-lợi. Nhà vua làm như vậy chính là phá hỏng chủng tánh Sát-đế-lợi, khiến cho toàn thể vương chủng bị ô nhiễm. Vì thế, “*thần bất nhẫn văn*” (thần chẳng nỡ nghe). Nói “*thần chẳng nỡ nghe*” là gì? Đại vương muốn giết cha, giết mẹ, rõ ràng là chính mắt có thể trông thấy, nhìn thấy, nhưng hiện thời nghe còn chẳng nỡ nghe. Nghe mà còn chẳng nỡ lòng nào nghe, há dám chính mắt trông thấy ư? Đã chẳng nỡ chính mắt trông thấy, đại vương tạo đại ác nghiệp này, ô uế vương chủng, chẳng xứng đáng thuộc về dòng dõi vương gia. Tuy thân phận là quốc vương, nhưng xét theo phương diện nhân cách, chẳng xứng đáng! Đừng nói là Sát-đế-lợi, ngay cả thương nhân hoặc nô lệ đều chẳng bằng! “*Thị Chiên Đà La*”: Chỉ có thể sánh ví như Chiên Đà La (hạng người chuyên môn làm đồ tể, tạo tội, gây ác nghiệp). Đó là nói theo bốn đại chủng tánh tại Ấn Độ vào thời ấy.

Tình huống thời cổ và hiện thời khác nhau. Khi chúng ta nghiên cứu, phải phân định thời đại rõ ràng. Ấn Độ hiện thời đương nhiên chẳng phải là như vậy. Ấn Độ hiện thời là xã hội công thương nghiệp. Giới thương cổ đương nhiên là phải cao minh hơn vương chủng. Hiện thời làm nông dân cũng chẳng giống như thời cổ, quan hệ thời đại bất đồng. Vào thuở ấy là như vậy. Sau khi họ đã nêu ra lẽ lợi hại, “*ngã đẳng*” (bọn thần), hai vị đại thần nói tới hai người bọn họ, “*bất nghi phục trụ u thử*” (chẳng nên ở nơi đây nữa), chẳng thích hợp để tiếp tục sống trong quốc gia này. Ở đây, có ý nghĩa như thế này: Trong đại quốc gia này, hai vị đại thần ấy là thần tử trong nước. Nói theo phía một vị đại thần, phải bảo vệ, hộ trì quốc vương, làm những chuyện lợi ích cho quốc dân, nhưng đại vương nay làm chuyện chẳng ra người, nếu bọn họ vẫn ở đây phục vụ, tức là cũng như họ giúp đỡ cầm thú, thậm chí ngay cả cầm thú vẫn chẳng bằng! Vì thế, chẳng thể tiếp tục sống ở nơi đây. Xét đến ý nghĩa của câu nói này, bao gồm rất nhiều chuyện, văn tự trong kinh văn viết rất đơn giản.

Chúng ta hãy nghĩ xem, lúc đó, sau khi đã đến nơi, trước hết, hai vị đại thần hướng về đại vương hành lễ. Đương nhiên là trước tiên dùng lời lẽ êm ái để khuyên nhủ, khuyên vua đừng nên giết mẹ. Lúc ấy, nhà vua hết sức tức giận, ai đến khuyên bảo cũng đều chẳng tiếp nhận, khuyên cáo kiêu nào cũng chẳng tiếp nhận. Vì thế, hai vị đại thần mới lấy những chuyện từ xưa tới nay, dùng các lẽ lợi hại để nói cho nhà vua nghe. Nói đến cuối cùng, thật sự là cảnh cáo: Nếu nhà vua không tiếp nhận, chẳng nghe lời khuyên can, vẫn cứ kiên trì muốn sát hại mẹ, họ sẽ

chẳng ở trong nước này nữa. Hai vị trọng thần chẳng ở lại, hãy nghĩ xem! Hậu quả nghiêm trọng lắm!

(Kinh) Thời nhị đại thần, thuyết thử ngữ cánh, dĩ thủ án kiếm, khước hành nhi thoái.

(經)時二大臣，說此語竟，以手按劍，卻行而退。

(Kinh: Bảy giờ, hai vị đại thần nói lời ấy xong, dùng tay đè kiếm, lùi chân bước ra).

“Thời nhị đại thần, thuyết thử ngữ cánh”, [nghĩa là] lúc đó, hai vị đại thần nói xong những lời lẽ trên đây. “Dĩ thủ án kiếm” (Lấy tay đè kiếm): Nhìn vào động tác của hai người đó, cũng tưởng tượng được tình huống khi ấy. Vua A Xà Thế tay cầm gươm toan giết mẹ, hai vị đại thần khuyên vua chẳng được. Sau khi đã nói xong lẽ lợi hại, trên thân hai người vốn đều đeo gươm, mỗi người tay nắm lấy kiếm đang đeo trên thân, dùng tay đè lên, chẳng xoay người, vẫn đối mặt với đại vương lùi ra sau, “khước hành nhi thoái” (lùi chân lui ra). Thông thường, lễ nghi khi gặp quân chủ (vua chúa) là như vậy. Sau khi bái kiến quân chủ, bẩm báo xong, khi từ biệt, không ngay lập tức xoay người bước đi, mà là tiếp tục đối diện với quân chủ, bước lùi dần ra sau. Lui đến một khoảng khá xa rồi mới xoay người đi ra ngoài. Nhìn bề ngoài thì là họ giữ lễ; trên thực tế, chẳng phải là như vậy. Quý vị xem nhé: Dùng tay đè kiếm, tức là trong tay nắm lấy kiếm, đề phòng đại vương nổi cáu. Vì hai vị đại thần ấy sau khi đã nói những điều lợi hại, nếu đại vương chẳng tiếp nhận, thừa cơ hội hai người bọn họ quay người bỏ đi, đại vương ở phía sau, ngay lập tức động thủ, sát hại bọn họ thì làm thế nào đây? Do vậy, họ lấy tay đè kiếm, đi lùi ra, nhằm đề phòng vua A Xà Thế thừa dịp sát hại họ. Chính mình có tác dụng đề phòng trong ấy.

(Kinh) Thời A Xà Thế, kinh bố hoảng cụ, cáo Kỳ Bà ngôn: “Nhữ bất vị ngã da?” Kỳ Bà bạch ngôn: “Đại vương! Thận mạc hại mẫu”. Vương văn thử ngữ, sám hối cầu cứu, tức tiện xả kiếm, chỉ bất hại mẫu.

(經)時阿闍世，驚怖惶懼，告耆婆言：汝不為我耶？

耆婆白言：大王，慎莫害母。王聞此語，懺悔求救，即便捨劍，止不害母。

(Kinh: Khi đó, A Xà Thế kinh hãi, hoảng sợ, bảo Kỳ Bà rằng: “Ông chẳng vì ta ư?” Kỳ Bà tâu rằng: “Tâu đại vương! Hãy thận trọng, đừng hại mẹ”. Vua nghe lời ấy, ăn năn, hối lỗi, liền buông bỏ gươm, thôi không hại mẹ).

Hai vị đại thần biểu hiện hành vi ấy, vua A Xà Thế sẽ suy xét. “*Thời A Xà Thế, kinh bố, hoảng cụ*”: Vua A Xà Thế thấy động tác ấy, hết sức kinh hoàng, sợ hãi! “*Cáo Kỳ Bà ngôn*” (Bảo Kỳ Bà rằng), Kỳ Bà là anh vua, nói với Kỳ Bà: “*Nhữ bất vị ngã da?*” (Ông chẳng vì ta sao?). Nay ông chẳng giúp đỡ, chẳng bảo vệ ta ư? Có nghĩa là ông muốn phản bội, lừa bỏ ta ư? “*Kỳ Bà bạch ngôn: Đại vương, thận mạc hại mẫu*”: Kỳ Bà liền nói: “Tâu đại vương! Ngài hãy thận trọng suy xét, chớ nên sát hại mẹ!” “*Vương văn thử ngữ, sám hối, cầu cứu*”: Sau khi nghe lời ấy, vua bèn cảm thấy ăn năn. Vì hai vị đại thần ấy bỏ đi, địa vị của nhà vua sẽ chẳng ổn; cho nên vua hoảng sợ, ăn năn, van nài. “*Tức tiện xả kiếm*”: Lập tức buông gươm trong tay xuống, “*chỉ bất hại mẫu*”: Ngung không hại mẹ nữa.

(Kinh) Sắc ngữ nội quan, bế trí thâm cung, bất linh phục xuất.

(經)敕語內官，閉置深宮，不令復出。

(Kinh: Sắc truyền nội quan, nhốt kín trong thâm cung, chẳng cho ra nữa).

Tuy chẳng hại mẹ nữa, nhưng “*sắc ngữ nội quan, bế trí thâm cung, bất linh phục xuất*”, [nghĩa là] ngay lập tức bảo quan viên trong cung đình, gọi các vệ sĩ nhốt chặt mẹ trong thâm cung, chẳng cho bà đi ra, cũng tức là giam cầm mẹ. Sau khi ông ta nhốt mẹ, mẹ ông ta thỉnh cầu như thế nào, cầu đức Phật thuyết pháp cho bà ta, lần sau sẽ nói. Hôm nay, tôi nói tới chỗ này.

Tập 8

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu! Xin mở kinh bản, trang thứ ba, bắt đầu từ phía sau hàng thứ ba. Tôi đọc mấy câu kinh văn trước:

(Kinh) Thời Vi Đề Hy, bị u bế dĩ, sầu ưu tiều tụy, dao hướng Kỳ Xà Quật sơn, vị Phật tác lễ, nhi tác thị ngôn: “Nhu Lai Thế Tôn, tại tích chi thời, hằng khiển A Nan, lai úy vấn ngã. Ngã kim sầu ưu, Thế Tôn oai trọng, vô do đắc kiến, nguyện khiển Mục Liên, tôn giả A Nan, dữ ngã tương kiến”. Tác thị ngữ dĩ, bi khắp vũ lệ, dao hướng Phật lễ.

(經)時韋提希，被幽閉已，愁憂憔悴。遙向耆闍崛山，為佛作禮，而作是言：如來世尊，在昔之時，恆遣阿難，來慰問我。我今愁憂，世尊威重，無由得見。願遣目連，尊者阿難，與我相見。作是語已，悲泣雨淚，遙向佛禮。

(Kinh: Lúc đó, bà Vi Đề Hy bị nhốt kín, sầu lo, tiều tụy, bèn hướng vọng núi Kỳ Xà Quật, kính lễ đức Phật, mà nói như thế này: “Bạch đức Như Lai Thế Tôn, xưa kia, Ngài luôn sai A Nan đến an ủi, thăm hỏi con. Con nay sầu lo, đức Thế Tôn oai đức cao trọng, không cách nào được gặp, xin hãy sai tôn giả Mục Liên và A Nan đến gặp mặt con”. Thưa lời ấy xong, buồn khóc, tuôn nước mắt như mưa, hướng vọng về phía đức Phật lễ bái).

Lần trước đã nói vua A Xà Thế tuy được hai vị đại thần khuyên bảo không giết mẹ, nhưng giam mẹ trong thâm cung, cấm bất luận kẻ nào đến gặp mẹ mình, cũng chẳng cho phép bà ta ra ngoài. Hôm nay, tôi sẽ nói tiếp: Sau khi mẹ ông ta bị giam cầm, ở trong thâm cung, cảm thấy ưu sầu, hướng về đức Phật lễ bái, cầu đức Phật sai hai vị đệ tử đến an ủi, thăm hỏi bà ta.

Sau khi phu nhân Vi Đề Hy đã bị giam kín, chúng ta hãy xem phần văn tự: “*Thời Vi Đề Hy, bị u bế dĩ, sầu ưu tiều tụy*” (Lúc đó, bà Vi Đề Hy bị nhốt kín, sầu lo, tiều tụy), chữ “*thời*” (時) ở đây là nói bà ta sau khi bị con trai nhốt trong thâm cung. Trước đó, [nhà vua] vốn muốn giết bà ta, sau đây chẳng giết, nhưng nhốt lại. Chữ “*u*” (幽) trong “*bị u bế*” (bị giam kín) có ý nghĩa rất sâu: Bị nhốt chặt trong thâm cung,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

không cho phép bất luận kẻ nào đến gặp mặt. Bị nhốt một mình trong ấy thì gọi là “*u bế*”. Bà ta cảm thấy sầu ưu, tiều tụy. Sầu ưu (Ưu (憂) là lo buồn), trong tâm cảm thấy rất khổ não. “*Tiều tụy*” (憔悴) là khi một người trong tâm khổ sở, sầu muộn, thân thể sẽ chẳng tốt, biểu hiện lộ ra vẻ mặt cũng rất khó coi, đó là “*tiều tụy*”. Nói cách khác, chúng ta thường thấy một người nếu trong lòng có chuyện chẳng vui sướng, sắc mặt trông giống như kẻ ngã bệnh, đó là “*tiều tụy*”. Vì sao? Vốn là sắp bị giết chết, nay còn giữ được cái mạng, vì sao vẫn sầu ưu, tiều tụy như vậy? Kinh văn ở đây [ghi chép] rất đơn giản, khi chúng ta nghiên cứu kinh văn, phải thể nghiệm ý nghĩa ở ngoài kinh văn, cũng chỉ từ thể nghiệm “*ý tại ngôn ngoại*” (ý ở ngoài lời) mới biết đời người trong thế gian rất khổ sở, đã nhiều lại còn sâu hơn.

Tổ sư giải thích từ ba phương diện:

1) Vì sao phu nhân Vi Đề Hy sầu ưu, tiều tụy như vậy? Trong tâm bà ta sầu ưu điều gì? Trước khi bà ta bị giam kín, chồng của bà ta, cũng là lão quốc vương, vốn nhờ vào bà ta cho ăn, cho uống mà có thể duy trì sanh mạng, có thể chẳng chết. Nay bà ta bị nhốt lại, có thể suy ra mà biết lão quốc vương còn có thể sống được bao lâu? Hơn nữa, lão quốc vương biết phu nhân cũng bị giam cầm, đã chẳng có gì ăn, nhất định sẽ không cầm cự được, lại lo cho phu nhân bị giam cầm, trong lòng lại là một tầng khổ não. Do hai tầng khổ não như vậy, lão quốc vương chẳng thể sống lâu! Vì thế, trong tâm phu nhân Vi Đề Hy chẳng có cách nào tiêu trừ nỗi ưu sầu, trong tâm hết sức khổ sở, buồn bực. Đó là điều thứ nhất.

2) Trước khi phu nhân Vi Đề Hy bị nhốt, Thích Ca Mâu Ni Phật vốn sai hai vị đại đệ tử đến an ủi lão quốc vương hằng ngày. Một vị truyền trao Bát Quan Trai Giới, vị kia thuyết pháp cho nhà vua. Phu nhân Vi Đề Hy cũng ở bên cạnh lắng nghe, cũng đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp). Nay bị nhốt chặt, khi nào mới lại thấy? Vì chuyện này bèn hết sức đau khổ. Đó là điều thứ hai.

3) Sau khi phu nhân Vi Đề Hy bị giam, những kẻ canh cửa trong cung đình canh gác hết sức nghiêm mật, giống hệt như canh giữ lão quốc vương, không cho phép bất cứ ai đến thăm viếng, đương nhiên là cũng chẳng thể có gì để ăn. Như vậy, tuy chẳng giết bà ta, sanh mạng còn có thể kéo dài được mấy bữa? Cũng là mạng sống chỉ trong sớm tối. Đó là điều thứ ba.

Bà ta vốn học Phật, học Phật thì phải học đạo, cầu đạo; nay bị giam cầm, đạo cũng chẳng có, còn phải chết đói nơi ấy, có ba tầng ý

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nghĩa như vậy, khiến cho phu nhân Vi Đề Hy sau khi bị giam, trong tâm cũng rất sầu khổ, cho nên sắc mặt hết sức tiêu tụy. Kẻ bình phàm gặp phải khổ não thì có cách gì? Ví như bộ kinh này được giảng từ hơn hai ngàn năm trước, nhằm thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, hiện thời, tuy thời đại bất đồng, nhưng thật ra, trong hiện tại, chuyện giết cha, giết mẹ đâm ra rất phổ biến. Chẳng cần nói những nơi khác trên thế giới, ngay tại Đài Loan trong hiện thời, hằng ngày chúng ta xem tin tức trên TV, đọc những chuyện đăng tải trên báo chí, [sẽ thấy] con cái giết cha, giết mẹ là những chuyện thường có! Gặp chuyện ấy, lũ bình phàm chúng ta làm như thế nào? Trong tâm suy nghĩ như thế nào? Đương nhiên là rất khổ não, nói theo văn hóa Trung Hoa, đấy chính là thảm kịch về mặt thiên luân! Quan hệ giữa cha con và mẹ con là thiên luân. Sau khi thảm kịch về mặt thiên luân phát sanh, có cách nào để giải quyết? Lũ phàm nhân chúng ta chẳng có cách nào hết! Rốt cuộc, bà ta là người học Phật, khi nghĩ chẳng ra cách nào, phần kinh văn tiếp đó cho biết: “*Dao hướng Kỳ Xà Quạt sơn, vị Phật tác lễ*”, [nghĩa là] bà ta hướng vọng về núi Kỳ Xà Quạt ở nơi xa (tức là Linh Sơn tại Ấn Độ, là đạo tràng nơi Thích Ca Mâu Ni Phật thường cùng các đệ tử thuyết pháp), hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật hành lễ, đó là “*vị Phật tác lễ*”.

Đối với kẻ bình phàm, hoặc đối với đệ tử Phật đều có thể làm lễ (hành lễ), nhưng sự lễ bái ở đây là hướng về đức Phật hành lễ, do cầu xin Phật mà hướng về đức Phật hành lễ. Khi hành lễ, “*nhi tác thị ngôn*” (mà nói như thế này), thưa bày ý niệm trong tâm. Trong tâm phu nhân Vi Đề Hy nghĩ như thế nào? “*Như Lai, Thế Tôn*”. Hai danh từ Như Lai và Thế Tôn đều là danh xưng của đức Phật. Bất cứ vị Phật nào cũng đều có mười danh hiệu, ở đây, nêu ra hai danh hiệu. Danh hiệu trước, tức Như Lai, là danh hiệu chung, hễ đã thành Phật đều gọi là Như Lai. Kế đó, đối với danh hiệu Thế Tôn, vốn dĩ, bất cứ vị Phật nào cũng đều xưng là Thế Tôn; nhưng nói theo bộ kinh này, “*Như Lai, Thế Tôn*” chuyên chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. Phu nhân Vi Đề Hy dùng hai danh từ ấy để gọi Thích Ca Mâu Ni Phật.

“*Tại tích chi thời*” (Vào lúc xưa kia), tức là khi bà ta còn chưa bị giam (trước lúc chuyện ác nghịch này chưa nảy sanh), Thích Ca Mâu Ni Phật “*hằng khiến A Nan, lai úy vấn ngã*” (thường sai A Nan đến an ủi, thăm hỏi tôi), “*hằng*” (恆) là thường xuyên, thường xuyên phái tôn giả A Nan tới an ủi, thăm hỏi tôi. Chữ “*ngã*” là phu nhân Vi Đề Hy tự xưng. Trong khi lễ bái, trong tâm bà thầm nói những lời lễ ấy. Do trong quá

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

khứ, Thích Ca Mâu Ni Phật thường sai tôn giả A Nan đến an ủi, thăm hỏi phu nhân Vi Đề Hy, bà ta bèn nói tiếp: “*Ngã kim sầu ưu*” (Con nay lo sầu), nhưng nay con lâm vào nông nổi này, trong tâm hết sức sầu muộn, lo rầu. Khi ấy, bà ta hy vọng có thể thấy Phật nhất, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật (tức là Thế Tôn), “*Thế Tôn oai trọng*”, đức Thế Tôn oai đức rất trọng, “*vô do đắc kiến*” (không cách nào được gặp), nay trong tình hình này, chẳng có cách nào gặp gỡ đức Thế Tôn. Nếu như trong quá khứ, sẽ có thể thấy đức Thế Tôn! Hoặc là cùng lão quốc vương đến bái kiến đức Thế Tôn, hoặc là chính mình thỉnh đức Thế Tôn đến vương cung nhận cúng dường đều được! Nhưng hiện thời, chẳng làm được nữa! Lão quốc vương bị nhốt tại một nơi, chính phu nhân Vi Đề Hy lại bị giam một nơi khác, nay chẳng thấy nhau! Đã chẳng có cách nào gặp gỡ, nay chẳng trông thấy, “*nguyện*” là chỉ mong Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ “*khiển*” (遣) tức là sai phái, sai phái ai? Phái tôn giả Mục Liên và tôn giả A Nan, hai vị đại đệ tử của đức Phật, “*dữ ngã tương kiến*” (cùng tôi gặp gỡ). Vì chẳng có cách nào đến bái kiến hai vị đệ tử, hy vọng hai vị đại đệ tử của đức Phật sẽ đến đây gặp gỡ tôi, đến thăm tôi!

Đệ tử của đức Phật rất đông, vì sao phu nhân Vi Đề Hy chỉ thỉnh cầu đức Phật phái hai vị đệ tử ấy?

Thứ nhất, nói đến tôn giả Mục Liên, trong phần trên đã nói tôn giả Mục Liên và lão quốc vương có mối quan hệ rất sâu, nhân duyên rất dày. Vì thế, mỗi ngày Ngài từ không trung hiện đến, truyền thọ Bát Quan Trai Giới cho lão quốc vương Tần Bà Sa La. Truyền Bát Quan Trai Giới thì chính là giới sư phụ (thầy truyền giới), Ngài là vị thầy truyền Bát Quan Trai Giới cho lão quốc vương. Nói về phía phu nhân Vi Đề Hy, nhân duyên cũng rất sâu! Giống như là đã dạy lão quốc vương thì cũng là dạy phu nhân Vi Đề Hy, có thể nói là có nhân duyên này!

Lại nói “*thỉnh tôn giả A Nan*”, tôn giả A Nan là thị giả của đức Phật. Đức Phật giảng pháp, Ngài nghe xong, một chữ cũng chẳng hề quên mất. Vì thế, thỉnh hai vị tôn giả ấy. Muôn pháp đều nói đến nhân duyên; do vậy, cậy vào nhân duyên này, sau khi thỉnh các Ngài đến, có thể chuyển những cảm nhận đau khổ trong tâm bà ta đến Thích Ca Mâu Ni Phật. Dụng ý thật sự của phu nhân Vi Đề Hy là gì? Vẫn là hy vọng đức Phật có thể hết sức từ bi, trực tiếp đến chỉ dạy bà ta. Đây là Phát Khởi Tự, nói theo phía tâm ý của phu nhân Vi Đề Hy. Sau đây, Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân tự đến [vương cung]. Vì thế, ở đây, trước hết là bà ta thỉnh hai vị tôn giả ấy.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Tác thị ngữ dĩ*” (Thưa lời ấy xong), sau khi lễ Phật xong, thưa xong những lời ấy, “*bi khắp vũ lệ*” (buồn khóc, nước mắt tuôn như mưa), trong tâm hết sức bi thương. Do bi thương liền khóc lóc, chảy nước mắt đầm đìa, giống như mưa tuôn vậy, khắp cả khuôn mặt đầm nước mắt. Một mặt là do trong tâm khổ sở, lại còn sao nữa? Do chính mình chẳng thấy đức Phật. Kế đó bèn “*dao hướng Phật lễ*” (hướng vọng về phía đức Phật lễ bái). Nói xong lại khóc, lại hướng về phía đức Phật làm lễ. Thường là người gặp phải biến cố to lớn, trong lòng chỉ là khổ sở, sầu muộn, chẳng nghĩ ra cách nào. Khi đó, phu nhân Vi Đề Hy đã nghĩ tới đức Phật. Ngay khi bà ta vừa dấy lên ý niệm, nghĩ đến đức Phật, sẽ có cơ hội chuyển biến. Vì sao? Vạn pháp duy tâm, trong tâm vừa chuyển như vậy, cảnh giới liền chuyển biến theo. Chúng ta học kinh, từ đoạn kinh văn này có thể giúp chúng ta niệm Phật. Chúng ta chẳng gặp phải chuyện ấy, người thật sự niệm Phật được Phật, Bồ Tát luôn luôn hộ niệm. Trong kinh Tiểu A Di Đà, đã nói rất rõ ràng: Chỉ cần chúng ta thật sự dụng tâm niệm Phật, sẽ có thể đạt được cảm ứng; đồng thời, sáu phương Phật đều hộ niệm. Do vậy, chúng ta nhất định sẽ bình an. Nhưng chúng ta phải hiểu rõ đạo lý, trong sự bình an, thường là có chuyện chẳng đẹp ý. Khi chúng ta gặp phải bất cứ chuyện gì không thỏa ý, trong lòng có những nỗi khổ não, đừng nghĩ tới điều gì khác, hãy chuyển ý niệm vào Phật hiệu. Hễ chuyển đến Phật hiệu, cảnh giới bên ngoài sẽ chuyển.

Từ chỗ này, chúng tôi nghĩ tới thườ thầy còn tại thế trong quá khứ, lão nhân gia thường nhắc nhở: Nếu niệm Phật mà có thể làm chủ trong giấc mộng, công phu niệm Phật của quý vị cũng khá lắm! Làm chủ trong mộng là như thế nào? Ai nấy đều nằm mơ. Vì sao quý vị nằm mơ? Chưa chắc đã hoàn toàn là hảo mộng, vẫn có những ác mộng. Trong khi quý vị đang nằm mộng, đừng nghĩ tới chi khác, hãy ngay lập tức niệm Phật, Phật hiệu từ ý niệm dấy lên, cảnh giới trong cơn ác mộng bèn lập tức chuyển biến. Lão nhân gia dạy như vậy. Nếu ban đêm chúng ta có bất cứ giấc mộng nào, chẳng ngại làm thử xem sao? Không chỉ là trong mộng bèn có thể thí nghiệm như vậy, mà trong cuộc sống thường nhật, hễ trong tâm vướng mắc chuyện gì, cảm thấy vấn đề ấy rất nghiêm trọng (thật ra, chuyện thế gian há có chuyện gì là nghiêm trọng), quý vị chỉ cần khởi lên Phật hiệu, [sẽ thấy] chẳng có gì nghiêm trọng. Đó gọi là “*vạn pháp duy tâm*”, ý niệm đặt nơi Phật hiệu, hết thảy mọi chuyện đều có thể giải quyết, cảnh giới giống như mộng cảnh, ngay lập tức có thể hóa hiểm thành lành, có thể giải quyết hoàn cảnh hèn kém, xấu ác! Chúng ta xem kinh thấy được điều này, phải hiểu rõ: Thông thường, chúng ta niệm

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật, phải biết vận dụng như vậy, sẽ đối với phương diện niệm Phật, thời thời khắc khắc đều có thể đạt được lợi ích từ niệm Phật, mà cũng có thể nói là thời thời khắc khắc, A Di Đà Phật và mười phương chư Phật đều hộ niệm chúng ta. Phu nhân Vi Đề Hy hướng về đức Phật, hai lượt làm lễ, tức là lễ Phật. Thời cô, thường là hề có điều gì thỉnh cầu người khác, cũng sẽ lễ bái nhiều lượt. Sau khi đã hướng về đức Phật làm lễ, bà ta lại lễ đức Phật lần nữa, hy vọng đức Phật có thể giải cứu tình cảnh khốn quẫn của chính mình. Tiếp đó, kinh nói:

(Kinh) Vị cử đầu khoảnh. Nhĩ thời Thế Tôn, tại Kỳ Xà Quật sơn, tri Vi Đề Hy tâm chí sở niệm. Tức sắc Đại Mục Kiền Liên, cập dĩ A Nan, tùng không nhi lai. Phật tùng Kỳ Xà Quật sơn một, ư vương cung xuất.

(經)未舉頭頃，爾時世尊，在耆闍崛山，知韋提希心之所念。即敕大目犍連，及以阿難，從空而來。佛從耆闍崛山沒，於王宮出。

(Kinh: Trong khoảng chưa ngẩng đầu lên, lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở núi Kỳ Xà Quật, biết tâm niệm của Vi Đề Hy, liền truyền Đại Mục Kiền Liên và A Nan hãy từ hư không mà đến. Đức Phật biến mất tại núi Kỳ Xà Quật, xuất hiện tại vương cung).

Chúng ta xem phần văn tự trước. Trong khi phu nhân Vi Đề Hy đang lễ Phật lần thứ hai (“tác lễ” là lễ bái), đầu đang chạm xuống đất, “vị cử đầu khoảnh” (trong khoảng chưa ngẩng đầu lên), đầu còn đang áp xuống đất, đang đau đầu cầu xin, mong mọi đức Phật thương xót chính mình, đầu vẫn còn chưa ngẩng lên. “Khoảnh” (頃) là khoảng thời gian ngắn ngủi, tạm thời. “Nhĩ thời Thế Tôn” (Lúc ấy, đức Thế Tôn), khi đó, Thích Ca Mâu Ni Phật, “trụ Kỳ Xà Quật sơn”, Ngài đang ở Linh Sơn, ngay lập tức liền “tri Vi Đề Hy tâm chí sở niệm”, tức là biết tâm niệm của phu nhân Vi Đề Hy. Những gì bà ta suy nghĩ trong tâm, Thích Ca Mâu Ni Phật đang ngự tại núi Kỳ Xà Quật đều biết, “tức sắc” (liền truyền), “tức” (即) là ngay lập tức, [“tức sắc”] là ngay lập tức sai phái ngài Đại Mục Kiền Liên. Tôn giả Đại Mục Kiền Liên là người có thần thông bậc nhất trong hàng đại đệ tử. “Cập dĩ A Nan” (Cùng với A Nan), tôn giả A Nan có trí nhớ hết sức mạnh mẽ, sức lãnh ngộ cũng hết sức tốt.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

[Đức Phật] liền phái hai Ngài “*tùng không nhi lai*” (từ theo hư không mà đến). Hai vị ứng dụng Thần Túc Thông, từ hư không đến chỗ của phu nhân Vi Đề Hy. Đức Phật sai hai vị đại đệ tử dùng thần thông, từ hư không bay tới chỗ phu nhân Vi Đề Hy, còn bản thân đức Phật thì sao? Chúng ta thấy kinh văn nói tiếp: “*Phật tùng Kỳ Xà Quật sơn một*”, [nghĩa là] bỗng dưng không thấy đức Phật ngự tại núi Kỳ Xà Quật nữa! Đức Phật vốn ở trong đạo tràng núi Kỳ Xà Quật, cùng rất nhiều đệ tử giảng pháp. Khi ấy, bỗng dưng chẳng thấy đâu nữa, gần như là đồng thời “*ư vương cung xuất*” (hiện ra tại vương cung). Vương cung là nơi phu nhân Vi Đề Hy bị giam cầm, Ngài xuất hiện ngay tại đó. Tức là ẩn mất tại Linh Sơn, xuất hiện tại chỗ phu nhân Vi Đề Hy. Quý vị thấy thần thông của đức Phật chẳng giống hai vị đệ tử. Thần thông của hai vị đệ tử là đi từ trên hư không đến, đức Phật là ẩn nơi này, hiện nơi kia, đến đi chẳng có dấu vết.

Đối với tiểu đoạn vừa mới nói, chúng ta phải chú ý hai điều. Vừa rồi tôi mới “*tiêu văn*”, tức là chỉ nêu ý nghĩa theo mặt văn tự trong kinh văn mà thôi, trong ấy còn có những ý nghĩa khác:

1) Chúng ta phải chú ý câu “*tri Vi Đề Hy tâm chi sở niệm*”, câu này rất quan trọng! Khi phu nhân Vi Đề Hy lạy Phật ở nơi đó, đức Phật ngự tại núi Kỳ Xà Quật. Ngài ở ngoài vương cung (thuộc vùng ngoại ô), mà phu nhân Vi Đề Hy ở trong vương cung (thuộc về thành thị), khoảng cách giữa hai nơi rất xa. Tuy khoảng cách xa xôi như thế, nhưng khi phu nhân Vi Đề Hy cúi lạy, tâm niệm vừa động (thốt lên lời phát xuất từ trong tâm), đức Phật biết ngay lập tức. Bình thường, chúng ta nghiên cứu kinh Phật, biết thành Phật rất tuyệt diệu! Đã thành Phật, không gì chẳng biết! “*Không gì chẳng biết*” là như thế nào? Trong quá khứ, thầy chúng ta đã từng nói một tỷ dụ: Ngoài tam thiên đại thiên thế giới, mưa bụi lất phất, hạt mưa bụi nhỏ đến mức không còn gì nhỏ hơn được nữa; trong cơn mưa bụi ấy, có bao nhiêu hạt mưa, đức Phật biết rõ ràng. Do vậy, có thể hiểu: Trong tâm phu nhân Vi Đề Hy vừa dấy niệm, đức Phật biết ngay lập tức.

Vì sao vừa động niệm, đức Phật đã biết? Tổ sư bảo: Chúng ta đều là phàm phu chúng sanh, là chúng sanh tạo nghiệp. Nói theo thực tế, trong cái nhìn của đức Phật, trong tâm Phật, thời thời khắc khắc luôn chiếu cố tất cả chúng sanh. Bởi lẽ, chúng sanh chính là chúng sanh ở trong tâm Phật (chúng ta ở trong tâm Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là ở trong tâm A Di Đà Phật). Bản thân chúng ta khởi lên bất cứ niệm nào, đức Phật đều biết. Từ điều này, quý vị có thể hiểu rõ (trong phần trước,

chúng tôi đã giới thiệu cùng quý vị): Nếu như lúc chúng ta gặp phải bất cứ vấn đề khó khăn gì, trong tâm có chuyện gì khổ não, chỉ cần chúng ta chẳng nghĩ đến chuyện gì khác, chỉ nghĩ tới Phật hiệu, A Di Đà Phật lập tức biết ngay, vì chúng ta ở trong tâm Ngài. Sau khi đã hiểu rõ điều này, đối với công phu niệm Phật, chúng ta đã hiểu rõ Lý. Đã hiểu rõ Lý của việc niệm Phật, sẽ có tác dụng rất lớn. Thông thường, chúng ta cảm thấy niệm Phật rất lâu, dường như chẳng thấy hiệu quả gì! (Chẳng phải là không có hiệu quả, mà là do có liên quan đến chuyện chính mình chẳng hiểu rõ Lý [hay không]). Đã hiểu rõ Lý, chỉ cần khi ta khởi lên Phật hiệu, trong một niệm ấy, sẽ cảm ứng với Phật, lẽ nào chẳng có hiệu quả ư? Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có ghi chép rất nhiều: Thường là có người lúc đang niệm Phật, bên ngoài phát sanh rất nhiều tai nạn trọng đại, người ấy niệm Phật tại đó, bình an vô sự. Đây là sự thật rất rõ rệt trong thực tế, chỉ cần cái tâm niệm Phật của chúng ta cảm ứng tâm Phật, đối với hết thảy mọi chuyện thuộc về vạn pháp trong thế gian, trong cái nhìn của những kẻ phàm phu, chính là chuyện nghiêm trọng khôn cùng, là chuyện lật trời ngược đất (dầu lật trời ngược đất thì cũng là pháp được sanh bởi nhân duyên), chỉ cần tâm niệm của chúng ta và Phật hiệu cùng dung hợp, cùng cảm ứng, trời long thì cứ long, đất đảo ngược cứ việc đảo ngược, tâm ta bất động, chẳng bị ảnh hưởng mảy may! Chúng ta cũng có thể liễu giải điều ấy từ đoạn kinh văn này. Đức Phật hộ niệm như thế nào? “Đức Phật hộ niệm” chính là trong tâm vừa động, Phật bèn hộ niệm chúng ta.

2) Điều thứ hai, trong đoạn kinh văn ngắn này, chúng ta cần phải chú ý là “*thần thông*”. Thần thông của đệ tử đức Phật đã là rất khó lường, có thể vận dụng Thần Túc Thông để từ không trung mà đến, tự do tự tại dường ấy! Nhưng thần thông của đức Phật là đến đi chẳng nhìn ra! Ẩn ở nơi kia, hiện ở nơi này, các vị tổ sư gọi loại thần thông này là “*vô ký thần thông*”. Nói là “*vô ký*” (無記) tức là hết sức tự nhiên, chẳng cần vận dụng một loại công phu nào để biểu hiện, đức Phật chẳng cần! Do chẳng thiện, chẳng ác, nên gọi là “*vô ký*”. Thiện là làm thiện nghiệp, ác là tạo ác nghiệp, đương nhiên là rất rõ rệt. Trong tâm muốn làm điều thiện hay điều ác rất rõ rệt. Còn những chẳng thiện, chẳng ác bèn gọi là “*vô ký*”. Ký (記) là ghi chép, tức là dùng văn tự để ghi lại, “*vô*” là chẳng có. [Vô ký] là chẳng ghi chép. Quý vị chẳng thể nói nó là thiện hay ác, nó có tánh chất trung hòa. Dùng “*vô ký*” để hình dung thần thông, chỉ riêng đức Phật mới có vô ký thần thông. Vì sao? Tiểu Thừa chứng quả A

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

La Hán, đương nhiên là có thần thông. Vì sao Ngài có thần thông? Muốn ra hóa độ chúng sanh, do có lợi cho chúng sanh, cho nên Ngài ứng dụng bản lãnh thần thông, đều là có hành vi thực hiện! Ngoại đạo cũng có thần thông. Thần thông của ngoại đạo là thiện hay ác? Rất khó nói! Đừng nghĩ: Hễ có thần thông, sẽ luôn là chuyện tốt. Vào thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, những đại ngoại đạo cũng có rất nhiều thần thông. Họ lợi dụng thần thông để làm rất nhiều chuyện chẳng chánh đáng ở bên ngoài. Ngày nay cũng có rất nhiều kẻ nói tới thần thông; nếu hỏi: “Quý vị học thần thông gì vậy? Học thần thông với ai? Có phải là học thần thông với Phật hay không? Hay là học thần thông với ngoại đạo? Quý vị học thần thông với ngoại đạo, chưa chắc đã học được. Dầu học được thần thông, chỉ có chuyện xấu xa, chẳng thể nào có chuyện tốt lành chi cả!” Vì thế, học Phật trong hiện thời, quý vị chỉ cần học Phật lý, học niệm Phật, sao cho phiền não của chính mình ngày một giảm nhẹ là được rồi, chẳng cần phải nhất tâm nhất ý học thần thông. Trong nhà Phật, thần thông là tác dụng kèm theo!

Nhà Phật nói tới “*định công*” (công phu hoặc công năng do Định). Quý vị học Định, sau khi đã học đến mức đắc Định, tự nhiên bèn kèm theo là thần thông phát khởi. Thần thông loại này là tốt, tới khi đó, quý vị chẳng hiển lộ [thần thông] thì thôi. Hễ hiển lộ, bèn tốt lành, vì [hiển lộ thần thông] nhằm hóa độ chúng sanh. Nói ngược lại, quý vị chẳng do nhập Định mà đắc thần thông. Quý vị chuyên môn cầu thần thông, phải hỏi vì sao quý vị mong có thần thông? Động cơ (motivation) ở chỗ nào? Một kẻ chuyên cầu thần thông, tất nhiên là mong biểu lộ đôi chút, thể hiện chính mình cao minh hơn kẻ khác, kẻ khác chẳng làm được! Quý vị do có thần thông, sẽ có thể làm được. Hễ có tâm lý ấy, chẳng được rồi! Đó là một loại tâm lý ngạo mạn, hiếu thắng. Tâm lý ấy chính là một thứ phiền não. Dùng tâm lý phiền não để cầu thần thông, sẽ chẳng cầu được! Dầu cầu được thần thông, cũng là thần thông của ngoại đạo, chẳng đáng tin cậy! Vì thế, ở đây, tôi nói đến chuyện này, vì kinh văn rõ ràng nói đến thần thông, [đừng vì kinh văn, bèn hiểu lầm] “mọi người chúng ta đều nên học thần thông”, chẳng phải là như vậy! Các vị đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật có thần thông, đều là do trước đó đã học nhập Định, sau đấy trừ khử phiền não; do đã có Định công, cho nên mới có thần thông hiển lộ kèm theo! Chẳng phải là vì thần thông mà học thần thông. Hiện thời, có lắm kẻ chẳng hiểu đạo lý này. Thấy kẻ nào đó, ngỡ hẵn rất có công phu, [bởi lẽ], trong tâm quý vị nghĩ như thế nào, còn chưa nói ra, đối phương đã biết, bèn ngỡ kẻ đó có Tha Tâm Thông. Chớ nên coi

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trọng chuyện này, Tha Tâm Thông chẳng có chỗ nào đáng quý! Tha Tâm Thông học từ ngoại đạo đều là chẳng đáng tin cậy. Nếu công phu học Phật của quý vị rất tốt đẹp, cũng sẽ tự nhiên có Tha Tâm Thông. Không chỉ là học Phật, quý vị học theo học vấn Nho gia, đọc kinh sách nhiều, công phu tốt đẹp, cũng sẽ có Tha Tâm Thông. Không ngại ở đây giới thiệu kèm thêm cùng quý vị: Những vị lão Nho ấy học đến một trình độ rất tốt đẹp, quý vị vừa động niệm, còn chưa nói ra, những phu tử lão Nho ấy đã sớm biết, họ cũng có Tha Tâm Thông. Vì thế, nói đến những thứ thần thông ấy để làm gì? Chẳng có tác dụng lớn lao chi cả! Điều quan trọng nhất là liễu sanh tử. Tha Tâm Thông cũng thế, mà Thần Túc Thông cũng thế, quý vị bay tới bay lui trong không trung. Nếu chưa liễu sanh tử, sẽ chẳng có tác dụng, vẫn ở trong lục đạo! Vì thế, học Phật ắt phải cầu liễu sanh tử, đặt chuyện này lên hàng đầu. Đó mới là chánh tri chánh kiến. Vì thế, học Phật thì quan trọng nhất là liễu sanh tử, mục đích cuối cùng là sẽ thành Phật. Đã thành Phật, thần thông khôn cùng! Quý vị đến đi chẳng có chút dấu tích nào! Vì thế, vô ký thần thông tuyệt diệu lắm thay!

(Kinh) Thời Vi Đề Hy, lễ dĩ cử đầu, kiến Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, thân tử kim sắc, tọa bách bảo liên hoa. Mục Liên thị tả, A Nan thị hữu. Thích Phạm hộ thế chư thiên, tại hư không trung, phổ vũ thiên hoa, trì dụng cúng dường.

(經)時韋提希，禮已舉頭，見世尊釋迦牟尼佛，身紫金色，坐百寶蓮華。目連侍左，阿難侍右。釋梵護世諸天，在虛空中，普雨天華，持用供養。

(Kinh: Khi ấy, Vi Đề Hy lễ xong, ngẩng đầu lên, thấy đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, thân màu vàng tía, ngồi trên hoa sen bằng trăm thứ báu, Mục Liên hầu bên trái, A Nan hầu bên phải. Thích Phạm hộ thế chư thiên đều ở trên hư không, mưa trồn khắp các thứ hoa trời để cúng dường).

Lại xem phần kinh văn tiếp theo: “*Thời Vi Đề Hy, lễ dĩ cử đầu*” (Khi ấy, Vi Đề Hy lễ xong, ngẩng đầu lên). Lúc đó, đức Phật đã ở trong vương cung, cũng là xuất hiện ở chỗ phu nhân Vi Đề Hy. Vốn phu nhân Vi Đề Hy còn đang áp đầu xuống đất, chưa ngẩng đầu lên; khi bà ta vừa ngẩng đầu lên, “*kiến Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật*”, [tức là] vừa

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ngẩng đầu lên, đã thấy Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện ngay trước mắt. Tiếp đó, kinh chép: Thích Ca Mâu Ni Phật “*thân tử kim sắc*”, [nghĩa là] toàn thân đều là màu vàng tía. “*Tọa bách bảo liên hoa*” nghĩa là ngồi trên hoa sen, hoa sen do trăm loại chất báu hợp thành. “*Mục Liên thị tả*”: Tôn giả Đại Mục Kiền Liên đứng ở bên trái đức Phật; “*A Nan thị hữu*”: Tôn giả A Nan đứng bên phải đức Phật, hai vị đại đệ tử. Còn có “*Thích Phạm hộ thế chư thiên, tại hư không trung*” (Thích Phạm hộ thế chư thiên ở trên không trung), Thích là Đế Thích Thiên, tức chúa cõi trời Đao Lợi. Phạm là Đại Phạm Vương. Đế Thích Thiên thuộc tầng trời thứ hai trong Dục Giới, Đại Phạm Vương thuộc Sắc Giới Thiên, là chúa trời cõi Sơ Thiên Thiên. Còn có chư thiên hộ thế, “*hộ thế*” (護世, bảo vệ thế gian) là nói tới các vị thuộc tầng trời thứ nhất trong Dục Giới, bao gồm Tứ Đại Thiên Vương trong Tứ Vương Thiên. “*Chư thiên*” bao gồm Dục Giới và Sắc Giới Thiên. Trừ những vị đã nêu [cụ thể danh hiệu] trên đây, hết thảy chư thiên đều đến, đều ở trên hư không, chẳng ở trong vương cung. “*Phổ vũ thiên hoa*” (Mưa trồn khắp các cõi trời), rưới các loại hoa trời, rải hoa xuống dưới. “*Trì dụng cúng dường*”: Dùng hoa cõi trời để cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật.

“*Thân tử kim sắc*”: Vì sao gọi là “*tử kim sắc*”? Bất cứ một vị Phật nào xuất hiện, cũng đều có ba mươi hai tướng, thoát nhìn đều giống nhau. Dùng màu tử kim (vàng tía) để hiển thị “*đấy chính là Thích Ca Mâu Ni Phật*”, tổ sư chú giải như vậy. “*Tọa bách bảo liên hoa*” (Ngồi trên tòa hoa sen bằng trăm thứ báu), tòa ngồi của đức Phật do trăm thứ báu hợp thành, đặc biệt nói về tòa ngồi của đức Phật. Chúng ta phải hiểu rõ điểm bổ sung này. Sau đó nói: “*Thích Phạm hộ thế chư thiên*” ở trong hư không, dùng hoa trời cúng dường Phật, vì sao? Các vị trời ấy đều biết: Thích Ca Mâu Ni Phật đến nơi này là có nhiệm vụ, sẽ thuyết pháp. Lại còn ở nơi đây, chẳng phải là nói pháp thông thường, mà sẽ là đại pháp đặc thù nhất, hy hữu nhất. Vì thế, họ đều dùng hoa trời đến cúng dường. Hôm nay, tôi giảng đến chỗ này thôi!

Tập 9

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu! Xin mọi người mở kinh bản, trang thứ ba, bắt đầu từ hai chữ cuối cùng trong hàng cuối cùng, Trước tiên, đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Thời Vi Đề Hy, kiến Phật Thế Tôn, tự tuyệt anh lạc, cử thân đầu địa, hào khắp hướng Phật, bạch ngôn: “Thế Tôn, ngã túc hà tội, sanh thử ác tử? Thế Tôn phục hữu hà đẳng nhân duyên, dĩ Đề Bà Đạt Đa, cộng vi quyến thuộc? Duy nguyện Thế Tôn, vì ngã quảng thuyết vô ưu não xứ, ngã đương vãng sanh, bất nhạo Diêm Phù Đề trước ác thế dã. Thử trước ác xứ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh doanh mãn, đa bất thiện tụ. Nguyện ngã vị lai, bất văn ác thanh, bất kiến ác nhân. Kim hướng Thế Tôn, ngũ thể đầu địa, cầu ai sám hối. Duy nguyện Phật nhật, giáo ngã quán u thanh tịnh nghiệp xứ”.

(經)時韋提希，見佛世尊，自絕瓔珞，舉身投地，號泣向佛。白言：世尊，我宿何罪，生此惡子？世尊復有何等因緣，與提婆達多，共為眷屬？唯願世尊，為我廣說無憂惱處，我當往生。不樂閻浮提濁惡世也。此濁惡處，地獄、餓鬼、畜生盈滿，多不善聚。願我未來，不聞惡聲，不見惡人。今向世尊，五體投地，求哀懺悔。惟願佛日，教我觀於清淨業處。

(Kinh: Lúc đó, bà Vi Đề Hy thấy đức Phật Thế Tôn, tự giật đứt chuỗi anh lạc, gieo toàn thân xuống đất, gào khóc hướng về đức Phật, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Con do tội xưa nào mà sanh ra đứa con ác này? Đức Thế Tôn, lại có nhân duyên như thế nào mà cùng với Đề Bà Đạt Đa làm quyến thuộc? Kính mong đức Thế Tôn, hãy vì con rộng nói chỗ không có ưu não, con sẽ vãng sanh, chẳng ưa thích đời trước ác trong cõi Diêm Phù Đề. Nơi trước ác này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đầy ấp, nhiều nỗi bất thiện tụ tập. Nguyện con trong tương lai chẳng nghe tiếng ác, chẳng thấy kẻ ác. Nay con hướng về đức Thế Tôn, năm vóc gieo xuống đất, cầu xin hãy thương xót cho con sám hối. Kính mong Phật nhật dạy con quán nơi nghiệp thanh tịnh”).

Hôm nay, sau khi giảng xong đoạn này là đã hoàn toàn giảng xong Tự Phần; sau đó, sẽ chánh thức nói vào Chánh Tông Phần. Trong đoạn kinh văn vừa mới đọc, có chứa đựng lời thỉnh cầu Thích Ca Mâu Ni Phật hãy nói cho bà ta một pháp. Thế gian này quá xấu xa, kém tệ, mong tìm một nơi thanh tịnh. Trong phần Chánh Tông kể đó, đức Phật bèn tìm thế

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giới Cực Lạc cho bà ta. Do vậy, đoạn này là thỉnh pháp. Trong phần trước có nói: Sau khi bà bị con trai nhốt lại, chính mình ở trong nhà, cầu đức Phật phái hai vị đệ tử của Phật đến thuyết pháp cho bà. Ngoài việc sai hai vị đệ tử đến chỗ bà ta, chính Ngài còn ẩn mắt nơi núi Kỳ Xà Quật, xuất hiện cùng lúc trong vương cung. Phu nhân Vi Đề Hy do đã trông thấy đức Phật, trên hư không còn có chư thiên rải hoa trời cúng dường đức Phật. “*Thời Vi Đề Hy, kiến Phật Thế Tôn*” (Ngay khi ấy, bà Vi Đề Hy thấy đức Phật Thế Tôn), khi Vi Đề Hy trông thấy đức Phật, bèn “*tự tuyệt anh lạc, cử thân đầu địa, hào khắp hướng Phật*” (tự giật đứt chuỗi anh lạc, toàn thân gieo xuống đất, gào khóc hướng về đức Phật), đó là phản ứng được biểu lộ khi trông thấy đức Phật.

Trước hết, hãy xem “*tự tuyệt anh lạc*”, “*anh lạc*” (瓔珞) là những món trang sức bằng bảo ngọc trên thân bà Vi Đề Hy. Những món trang sức ấy bao gồm các món đeo trên thân, hoặc giắt cài trên đầu. Sau khi bà ta trông thấy đức Phật, “*tuyệt*” (絕) là ngay lập tức giật bỏ toàn bộ, chẳng cần nữa. Vì sao viết là “*tự tuyệt*”? Điều này nhằm biểu lộ ý nghĩa: Bình thời, phu nhân Vi Đề Hy là phu nhân của quốc vương. Vào thời cổ, bất luận là y phục, thức ăn, đồ uống của quốc vương phu nhân, chẳng có chuyện gì không do người khác phục vụ. Ví như mặc quần áo, đều do cung nữ hầu hạ, đeo anh lạc cũng do cung nữ chiếu theo thứ tự mà đeo lên từng món. Lúc tháo ra, cũng do cung nữ theo thứ tự, gỡ ra từng món. Đó là nói theo tình huống thông thường. Nhưng trong lúc này, bà ta bị con trai nhốt lại, vì sao lúc trông thấy đức Phật bèn giật bỏ anh lạc, chẳng cần nữa? Nói theo người hiện thời, thông qua cách trang sức, ăn mặc, có thể biểu thị thân phận của một người, nhưng cũng có thể nói đó là một thứ chấp trước đối với bản thân (cô nhân có chú giải: “*Tham ái tự thân*”). Bất luận kẻ nào mặc y phục, đeo trang sức rất đẹp đẽ, đều nhằm bảo vệ sự tôn nghiêm của chính mình. Vì thế, cần phải trang sức! Trang sức chính là biểu thị sự chấp trước và tham ái đối với tự thân. Khi phu nhân Vi Đề Hy trông thấy Phật, bà đang ở trong cấm cung, cho nên chẳng cần những thứ anh lạc trang sức ấy, gỡ bỏ chúng. Bà ta thấy thấu suốt pháp sanh diệt, chẳng còn tham ái tự thân. Vì thế, chính mình chẳng cần theo thứ tự, mà vung tay nhất loạt tháo bỏ các thứ anh lạc trên thân, trên đầu. Điều này được gọi là “*tự tuyệt anh lạc*”.

Sau khi gỡ bỏ anh lạc, lập tức “*cử thân đầu địa*” (toàn thân gieo xuống đất), hướng về đức Phật hành đại lễ. “*Cử thân*” (舉身, toàn thân) tức là chẳng lễ Phật theo lối bình thường. Lễ Phật thông thường cũng là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

năm vóc gieo xuống đất, nhưng cách lạy có nghi thức nhất định, tức là cung kính thông thả lạy xuống. Mà lúc này, phu nhân Vi Đề Hy là “*cử thân*”, tức là sau khi đã đứng lên, bèn lập tức đổ rạp toàn thân về phía trước (giống như ngã nhào), gieo mình xuống đất, lạy xuống. Chuyện này nhằm biểu lộ hết thảy nghi thức khác đều chẳng chú trọng, vừa thấy đức Phật, toàn tâm giao phó cho đức Phật. “*Hào khắp hướng Phật*” (Gào khóc hướng về đức Phật). “*Khấp*” (泣) là chảy nước mắt, “*hào*” (號) là gào khóc, [“*hào khắp*” là] phát ra âm thanh rất lớn, tuôn nước mắt đối trước đức Phật. Có những hành động ấy, cho thấy bà ta chẳng ngờ chính mình được thấy đức Phật. Phu nhân Vi Đề Hy vốn chỉ cầu đức Phật phái hai vị đệ tử đến, chẳng ngờ đức Phật từ bi dường ấy, đích thân đến đứng ngay trước mặt mình! Ở trong hoàn cảnh hoạn nạn, được đức Phật đích thân hiện đến, trong tâm cảm thấy vừa buồn thương, vừa cảm kích, nhất thời tất cả tình tự bi thống đều phát tiết. Giống như đứa trẻ nít sau khi đã bị rất nhiều đau khổ, thấy cha mẹ của chính mình, lập tức khóc rống thất thanh. Tình tự giống như vậy đó!

“*Bạch ngôn*” (Bạch rằng), chữ “*bạch*” (白) ở đây có nghĩa là thưa bẩm. Thưa cùng đức Phật: “*Thế Tôn!*” Thế Tôn (Bhagavā) là tiếng gọi đức Phật. “*Ngã túc hà tội, sanh thử ác tử?*” (Con xưa tội gì mà sanh đứa con ác này?) “*Túc*” (宿) là đời quá khứ, trong đời trước, con rốt cuộc đã tạo tội ác gì, cho đến đời này bèn sanh ra đứa con xấu xa, đón hèn ấy? Đó là một tầng. Lại hỏi, “*Thế Tôn phục hữu hà đẳng nhân duyên, dĩ Đê Bà Đạt Đa, cộng vi quyến thuộc?*” (Đức Thế Tôn lại có nhân duyên như thế nào mà cùng với Đê Bà Đạt Đa làm quyến thuộc?) Lại hỏi đức Phật do nhân duyên gì trong quá khứ (trong quá khứ, chính mình tạo tội; đối với Phật, không tiện hỏi tội ác, nên hỏi là nhân duyên) mà cùng với Đê Bà Đạt Đa kết thành quyến thuộc? Nói theo pháp thế gian, Đê Bà Đạt Đa là em họ của đức Phật. Nói theo pháp xuất thế gian, Đê Bà Đạt Đa là đệ tử Phật, đều là quyến thuộc! Nếu chẳng phải là do có nhân duyên, Đê Bà Đạt Đa cũng chẳng đến nỗi luôn luôn nã hại đức Phật, lại càng chẳng đến nỗi xúi giục con trai phu nhân Vi Đề Hy làm những chuyện đại nghịch tội ác ấy! Do vậy, bà chẳng hiểu, phải thưa hỏi đức Phật mấy tầng nhân duyên ấy. Tội ác trong đời trước, trong phần trước đã có nói.

Đức Thế Tôn do có nhân duyên gì mà đã thành Phật rồi, vẫn còn có kế toan nã hại Ngài? Nghiên cứu Phật pháp, nơi nơi đều là nhân quả. Đức Phật và Đê Bà Đạt Đa đương nhiên là trong quá khứ có nhân duyên rất sâu! Có nhân duyên gì trong quá khứ? Trong chú giải của tổ sư có

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giải thích, trong một bộ kinh khác, đức Phật cũng có đề cập. Vào thời Đĩnh Quang Phật (錠光佛, cũng chính là Nhiên Đăng Phật), lúc đó, Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa thành Phật. Ngài là một người tu đạo, công phu tu hành rất tốt đẹp. Khi đó, Ngài cầu học với một vị học đạo thần tiên, hết thầy học vấn và biện tài đều rất khá. Về sau, có một gia đình kén rể; trong những kẻ đến cầu hôn, nhà gái nhận thấy có hai người điều kiện khá lắm. Có một người hết sức có trí huệ, thông minh, nhưng tướng mạo chẳng dễ coi cho lắm. Một vị khác chính là [tiền thân] của Phật Thích Ca. Thuở ấy, Ngài đã thông minh, lại có học vấn, tướng mạo cũng hết sức ưa nhìn. Kết quả chọn lựa là do Thích Ca Mâu Ni Phật ăn nói hết sức khéo, nên người chủ gia đình kia bèn gả tiểu thư cho [tiền thân của] Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc ấy, người kia hết sức tức giận, phẫn nộ. Vì thế, thốt lời nguyện ác độc: “Sau này, đời đời kiếp kiếp, ta sẽ luôn kiếm người gây khó dễ”. Từ đời ấy trở đi, quả nhiên là đời đời kiếp kiếp, trong rất nhiều trường hợp, người ấy luôn tìm đến Thích Ca Mâu Ni Phật gây khó dễ, khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật cảm nhận một chút quấy nhiễu. Người ấy là ai? Kinh văn nói [người ấy] chính là Đề Bà Đạt Đa trong hiện thời. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, khi Ngài đi khắp nơi hoằng pháp, Đề Bà Đạt Đa vẫn như vậy. Trong kinh khác, đức Phật có nói: Do nhân duyên trong quá khứ của Ngài, cho nên kiếp này gặp gỡ Đề Bà Đạt Đa hoàn toàn chẳng phải là ngẫu nhiên, mà là do có nhân duyên trong đời trước. Phu nhân Vi Đề Hy hỏi đức Phật trong quá khứ có nhân duyên gì, tổ sư đã chú giải nhân duyên trong quá khứ.

Từ chỗ này, có thể hiểu rõ: Người học Phật chúng ta phải chú trọng nhân quả, bất luận làm bất cứ chuyện gì, cố nhiên là cố ý gây tổn hại cho người khác, làm chuyện tổn người, lợi mình thì không được rồi (chúng ta tu đạo, tu đến một mức độ kha khá, sẽ chẳng cố ý tổn hại người khác), nhưng tuy chẳng phải là cố ý gây tổn hại cho người khác, vẫn phải thời thời khắc khắc ngăn ngừa chính mình vô tình gây tổn hại cho người ta, khiến cho họ trong tâm oán hận, sẽ rắc rối lắm! Trong tương lai, chúng ta tu đạo, ắt gặp phải chướng ngại. Sống trong thế gian này, vì sao gặp phải các nỗi khốn khổ do đủ loại người gây ra? Chỉ có người học đạo chúng ta mới hiểu rõ điều này; kẻ chẳng tu đạo sẽ không biết. Vì người không tu đạo, lúc bị kẻ khác gây tổn hại, liền giận dữ, bất bình, một lòng mong báo thù kẻ khác. Chúng ta là người học Phật, sau khi nghiên cứu kinh Phật bèn hiểu, gặp bất luận kẻ nào cố ý kiếm chuyện, hãm hại chúng ta, chẳng cần phải bận tâm đến kẻ đó! Trước tiên,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

hãy kiểm điểm chính mình, và phản tỉnh các nhân duyên của chính mình trong quá khứ. Chuyện này sẽ có thể khiến cho chúng ta giảm bớt rất nhiều chướng ngại trên thế gian. Giảm thiểu chướng ngại như thế nào? Đời quá khứ, chúng ta đã tạo nghiệp rất nhiều, chẳng tránh khỏi có khá nhiều oan gia. Nay chúng ta học Phật, tu đạo, khi gặp bất luận kẻ nào gây bất lợi cho chúng ta, phải nghĩ như thế này: Người ta chiếm tiện nghi của chúng ta, muốn hại chúng ta, hễ chúng ta chịu thua thiệt, đó chính là giải oán. Giải oán giống như tiêu một phần tội nghiệp, sẽ tiến bộ nơi đạo. Nếu có thể giữ ý tưởng ấy, chúng ta học Phật cũng rất ôn hòa, thích đáng, cũng mới chẳng bị những chuyện xấu hèn trong thế gian lôi kéo khiến cho chúng ta thoái chuyển. Có thể thấy: Hiểu rõ nhân quả là một điều rất quan trọng.

Quý vị thấy phu nhân Vi Đề Hy rất tuyệt vời! Vốn là đệ nhất phu nhân sang quý nhất nước, đột nhiên bị nhốt. Gặp phải tình cảnh xấu kém ấy, bà ta chẳng giống những kẻ bình phạm, mà có thể lập tức tự phản tỉnh: Kiếp trước đã tạo tội gì, cho nên mới sanh ra đứa con ác nghiệt ấy? Mà con bà ta xấu ác là do nghe theo Đề Bà Đạt Đa xúi giục. Do vậy, lại hỏi nhân duyên giữa Đề Bà Đạt Đa và đức Phật. Hỏi hai điều ấy rất hay! Đó chính là trọng điểm chúng ta phải hiểu rõ trong đoạn này. Gặp bất cứ chuyện gì, cũng đều phải phản tỉnh từ nhân quả; như vậy thì sẽ có thể bình tâm tĩnh khí. Một người tu đạo muốn đạt đến bình tâm tĩnh khí, phải mất bao nhiêu năm công phu mới có thể làm được? Nếu chúng ta thông hiểu nhân quả, sẽ có thể đạt đến tình trạng ấy rất nhanh chóng!

Sau khi phu nhân Vi Đề Hy đã hỏi nhân duyên của đức Phật và chính mình trong đời trước đã tạo tội gì, bèn bắt đầu thỉnh cầu đức Phật: “*Duy nguyện Thế Tôn, vị ngã quảng thuyết vô ưu não xứ*” (Kính mong đức Thế Tôn hãy vì con nói rộng về chỗ chẳng có ưu não), chỉ mong đức Thế Tôn hãy vì con quảng thuyết (廣說, nói rộng rãi) “chỗ chẳng có ưu não”. “*Quảng thuyết*” là gì? Chúng ta biết thế giới được giảng trong kinh Hoa Nghiêm là một thế giới trùng trùng vô tận; dùng cách nhìn theo khoa học hiện thời [để diễn tả, sẽ là] trong thái hư không (vũ trụ) có vô tận tinh cầu. Cho đến hiện thời, chẳng có một nhà khoa học nào có thể tính hết số lượng tinh cầu trong hư không, tinh cầu quá nhiều! Hư không rất lớn, thế giới vô biên. Phu nhân Vi Đề Hy có ý nói: Nay trong thế giới này, bà ta gặp phải cảnh giới tội tệ ấy, gặp những kẻ ác ấy, cho nên dấy lên ý niệm thay đổi hoàn cảnh. Bà ta nghĩ: Trong các thế giới rộng lớn dường ấy, thỉnh cầu Thích Ca Mâu Ni Phật tìm cho bà một “vô ưu não

xứ”, nghĩa là một thế giới chẳng có bất cứ ưu sầu, khổ não, mong vãng sanh về đó.

IV.1.2.8. Ưu não

Trong thế gian này, chẳng có lúc nào không khiến cho con người ưu não! Quý vị nhìn vào đoạn sau của phần hai trong đề cương bài giảng, sẽ thấy đối với chuyện ưu não, có nói đơn giản vài thứ. Loại thứ nhất là Biệt Ly. Phật pháp nói trong Bát Khổ có Ái Biệt Ly Khổ, mà Ái Biệt Ly bao gồm cả người lẫn vật. Nói theo phía con người, ví như nói trong gia đình, cha con, anh em, còn mong có bạn tốt ở cùng một chỗ, chẳng phải là rất tốt đẹp ư? Nhưng đâu có được! Người thế gian có chuyện khổ não này, tức là chuyện người [thân thuộc, quen biết] bị tách biệt, đó là Ái Biệt Ly. Nói theo lịch sử Trung Hoa, lịch sử Trung Hoa mới bất quá là mấy ngàn năm, [thế mà bao nhiêu] triều đại lần lượt thay đổi, lưu vực Hoàng Hà không ngừng phát sanh thiên tai, nhân họa.

Vùng Quảng Đông có người Khách Gia (客家, Hakka, người Hẹ)²⁰, vì sao gọi là người Khách Gia? Vì thoát đầu, họ sống tại lưu vực Hoàng

²⁰ Người Hakka (thường gọi là người Hẹ là do cách phát âm đặc biệt của họ đối với chữ Hak, tức “khách”). Hiện thời, người Hakka sống chủ yếu tại Quảng Đông, Giang Tây, Quảng Tây, Quý Châu, Hương Cảng, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Hải Nam, Phước Kiến và Đài Loan. Về nguồn gốc của họ, các nhà nghiên cứu chưa thống nhất, nhưng thường thiên về ý kiến: Tổ tiên người Hakka có nguồn gốc tại Trung Nguyên (tức vùng nằm giữa Hoàng Hà và Trường Giang), chủ yếu là từ các tỉnh Thiểm Tây và Hà Nam. Thậm chí, có người còn phỏng đoán họ có liên hệ huyết thống với Đông Di hoặc Hung Nô. Họ di cư xuống miền Nam trong thời loạn lạc vào cuối đời Tần. Có thuyết cho họ chính là người Xá ở phương Nam Trường Giang, nhưng phải lưu lạc khỏi quê hương do chiến tranh. Họ có tiếng nói riêng, thường gọi là Khách Gia Thoại, Thổ Quảng Đông Thoại, hoặc Ngái Thoại (do vậy, đôi khi người Khách Gia còn bị gọi là người Ngái). Đây là một sắc dân rất đặc biệt vì có nhiều nhân vật có ảnh hưởng to lớn trong lịch sử Trung Hoa và vùng Đông Nam Á, như Hồng Tú Toàn (thủ lãnh Thái Bình Thiên Quốc), Lưu Vĩnh Phúc (thủ lãnh giặc Cờ Đen từng cướp phá tại Bắc Việt, được nhà Nguyễn mua chuộc để chống Pháp. Ông này đã giết chết đại úy hải quân Francis Garnier và Henri Rivière của Pháp trong vụ xâm lược Bắc Kỳ của thực dân Pháp), Lý Quang Diệu (thủ tướng Tân Gia Ba), Lý Đăng Huy (tổng thống Đài Loan), Diệp Kiếm Anh (nguyên soái Trung Cộng, từng làm Bộ Trưởng Quốc Phòng của Hoa Lục), Chu Đức (là một nguyên soái khác, từng làm Phó Chủ tịch Trung Cộng), Hồ Văn Hổ (tổng giám đốc hãng dầu cù là con cọp)... Thủ tướng Thaksin Shinawatra đã gây nên bao nổi bất ổn cho Thái Lan gần đây cũng là người Khách Gia (ông này tên thật là Khuru Đạt Tân).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Hà. Về sau, do chính trị phát sanh động loạn, chẳng thể sống ở quê hương nữa, toàn thể mới dời xuống phương Nam làm khách. Vì thế, gọi là người Khách Gia. Ở Đài Loan cũng có người Khách Gia, người Khách Gia ở Đài Loan cũng từ nội địa đến. Nghĩ tới khi đó, người Khách Gia xa lìa quê hương, thoát đầu xuống phương Nam làm khách, có thể tưởng tượng mùi vị ấy khổ não dường nào! Thời gian lâu sau, đã qua vài đời, [con cháu] chẳng cảm nhận nỗi thống khổ “làm khách lạ” trong tâm tổ tiên. Khi biệt ly, ngoại trừ dân cư, nếu nói theo phương diện tài sản, một kẻ dẫu chẳng có tài sản, cuộc sống khổ não, mong mỗi có tài sản càng nhiều càng tốt. Đã có tài sản, chưa chắc là chính mình có thể hưởng hoàn toàn. Có khi còn bị kẻ khác cướp mất, bị kẻ trộm vặt cuỗm mất, thậm chí do chính trị trong quốc gia thay đổi, tài sản cá nhân ngay lập tức chẳng còn nữa; những thứ ấy đều chẳng đáng trông cậy! Vì thế, đối với cổ nhân, biệt ly cố nhiên là đau khổ; tài sản chẳng thể gìn giữ, phải chia lìa cũng là đau khổ! Đây là điểm thứ nhất phải hiểu rõ!

Lại nói đến Oán Táng Hội. Oán (怨) là oán gia. Bất luận người nào trong chúng ta cũng đều chẳng mong gặp gỡ kẻ oán, nhưng cứ thường phải chạm mặt! Trong nội dung của Oán Táng Hội, bao gồm cả chuyện binh đao (tức là chiến tranh). Thời cổ có chiến tranh, hiện tại vẫn có chiến tranh y hệt. Một khi chiến tranh bùng nổ, khắp nơi nhà tan, người chết! Lại còn có đạo tặc, chúng ta chẳng mong gặp đạo tặc, nhưng chuyện đạo tặc lúc nào chẳng có? Lại còn có kẻ ác, con cái ngỗ nghịch, như Thái Tử [A Xà Thế] được nói trong kinh văn, là gã nghịch tử toan giết cha, giết mẹ. Hiện thời, những đứa giết cha giết mẹ cũng chẳng ít! Còn có vợ dữ dằn; hôn nhân thời cổ chẳng giống như hiện thời. Hiện nay, bất luận là phía chồng hay phía vợ, hễ nói năng chẳng hợp nhau, hễ ở với nhau mà lục đục bèn ly hôn. Thời cổ cũng có ly hôn, nhưng hết sức thận trọng, thông thường, người ta chẳng ly hôn. Nếu gặp phải quyền thuộc hung hãn, thô bạo, chẳng ly hôn thì cũng rất khó sống. Trong quá khứ, tại Trung Hoa có một câu thành ngữ là “*Hà Đông sư hống*” (河東獅吼) là do điển cố: Tô Đông Pha có một người bạn tên là Phương Sơn Tử, trong bộ Cổ Văn Quán Chi có truyện Phương Sơn Tử. Phương Sơn Tử là một ân sĩ, vợ ông ta rất hung dữ, thường nổi giận, ra oai. Tô Đông Pha bèn dùng chữ “*sư tử hống*” để hình dung bà vợ ông ta. “*Sư tử hống*” vốn dùng để hình dung Phật pháp được nói rất oai mãnh, Tô Đông Pha

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mượn từ ngữ ấy để hình dung vợ ông ta là “*Hà Đông sư hống*”²¹. Đây là một người trong số các bà vợ hung tợn. Nếu gặp chồng dữ tợn, tình huống cũng giống như vậy. Những tình hình như thế đó đều là Oán Tảng Hội (oán ghét mà cứ phải gặp gỡ). Có thể thấy oán gia gặp gỡ là một thứ khổ não rất lớn!

Lại nói tới “*câu bất đắc*”, chúng ta sống trong thế gian này, quá nhiều thứ mong cầu! Ở đây, nêu ra vài điểm quan trọng. Một là vấn đề cuộc sống. Trên thế gian, chúng ta phải duy trì cuộc sống, có thể duy trì những chuyện như ăn, mặc, ở, đi lại. Chúng ta sống tại Đài Loan, cuộc sống tuy chẳng có vấn đề gì, nhưng ngoài Đài Loan ra, trong những quốc gia chưa phát triển trên thế giới, rất nhiều người chẳng có cơm ăn! Lấy ngay Đại Lục để nói, hễ gặp tai nạn lũ lụt, sẽ tạo thành bao nhiêu người chết đói? Để sống sót là một vấn đề xưa nay đều tồn tại! Tuy chúng ta cảm thấy cuộc sống tại Đài Loan ít có vấn đề, nhưng nếu mong cầu một hoàn cảnh thanh khiết cũng rất khó cầu được! Nếu không, vì sao khắp nơi luôn có người nói đến chuyện bảo vệ môi trường? Vì sao phải bảo vệ môi trường? Chính là do công xưởng xả khí thải hóa chất, hoặc nước phế thải phá hoại môi trường sống. Không chỉ là nước bị ô nhiễm, mà không khí cũng bị ô nhiễm. Vì thế, mong cầu môi trường sống thanh khiết cũng rất khó khăn! Điều này vẫn chưa đáng kể, chúng ta đều biết trật tự xã hội của Đài Loan chẳng tốt đẹp, vẫn là có thể trông thấy, nhưng vô hình trung, mọi người chẳng cảm nhận được! TV phát hình, chỗ nào cũng đều là dạy người ta làm những chuyện thuộc về tội ác. Vốn chẳng nghĩ làm chuyện ác, nhưng vừa bật TV, nhìn thoáng qua bèn học được một chút ấn tượng. Vì thế, muốn giữ gìn sự thanh tịnh, cũng chẳng dễ dàng! Đó là

²¹ Phương Sơn Tử tên thật là Trần Tháo (tự là Quý Thường), người huyện Vĩnh Gia, giỏi kiếm thuật, thích hành hiệp trượng nghĩa, nhưng đặc biệt sợ vợ. Về già, ăn chay niệm Phật, thích đến chùa miếu ở, xưng hiệu là Phương Sơn Tử. Vợ ông ta họ Liễu, không rõ tên thật. Theo truyền thuyết trong dân gian, bà tên là Liễu Nguyệt Nga. Bà này dễ nổi cơn ghen với những lý do rất nhỏ nhặt. Mỗi khi nổi ghen, bà đập tường, quát lên như sấm dậy, khiến khách khứa hoảng sợ, bỏ chạy tán loạn. Trần Quý Thường hết sức sợ bà Liễu. Tô Đông Pha có thơ giễu: “*Thùy dĩ Long Khâu cư sĩ hiền, đàm không, đàm hữu, dạ bất miên, hốt vấn Hà Đông sư tử hống, trụ trượng lạc thủ, tâm mang nhiên*” (Ai hiền bằng cư sĩ Long Khâu? Bàn không, bàn hữu, đêm quên ngủ. Chợt nghe sư tử Hà Đông rống, gậy rút khỏi tay, tâm bàng hoàng). Về chữ Hà Đông, có thuyết giải thích họ Liễu là một họ lớn ở Hà Đông (thuộc tỉnh Sơn Tây hiện thời), nên Tô Đông Pha dùng chữ này để ám chỉ Liễu Thị. Có người nói là xuất phát từ một câu thơ của Đỗ Phủ: “*Hà Đông nữ nhi thân tánh Liễu*” (người con gái Hà Đông họ Liễu).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Cầu Bất Đắc, cũng có nghĩa là chúng ta sống trong thế gian này, đối với vấn đề cuộc sống, cầu thanh tịnh nơi thân hay tâm đều chẳng dễ dàng. Đó gọi là Cầu Bất Đắc.

Nghiêm trọng nhất là “sanh, lão, bệnh, tử”. Bất luận kẻ nào cũng đều có lúc già, lúc bệnh. Bệnh thì ai nấy đều bị bệnh. Già thì đến lúc lớn tuổi mới hiểu. Khi đã già, mọi mặt nơi thân thể đều thoái hóa, hành động phần nhiều chẳng tự do. Chính mình chẳng thể tự chăm sóc chính mình, đúng là một nỗi đau khổ. Lại nữa, đến cuối cùng, ai nấy đều phải chết; đã chết rồi lại còn chuyển thế, hoàn toàn chẳng phải là đến đó là xong! Còn như chuyển thế đến nơi đâu? Ai biết! Luân hồi trong lục đạo, chính mình chẳng thể làm chủ tí nào; đây là lưu chuyển trong tam đồ. Nói theo tình huống hiện thời, những gì mắt thấy tai nghe, không gì chẳng phải là chuyện để học cách gây tạo tội ác. Đời sau còn mong sanh vào nhân gian, chẳng tốt đẹp như vậy đâu nhé, chỉ có đọa trong tam đồ! Tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Qua lại, lưu chuyển trong tam đồ, giống như dòng nước từ nơi đây chảy qua nơi kia, đó là chuyện khổ não nhất. Bất luận kẻ nào trong thế giới này đều gặp phải sanh, lão, bệnh, tử!

Phu nhân Vi Đề Hy rất hy vọng đức Phật sẽ từ trong vô cùng vô tận thế giới, giới thiệu cho bà ta một thế giới chẳng có ưu não, trước hết, sẽ làm cho bà ta hiểu rõ. “*Ngã đương vãng sanh*” (Con sẽ vãng sanh), bà ta mong sanh về thế giới chẳng có ưu não ấy. Sau đó, nói đến chuyện lưu chuyển trong tam đồ, phải chú ý chữ Lưu (流), vì sao nói là Lưu? Có nghĩa là sanh mạng của mỗi người, tuyệt đối chẳng phải chỉ đơn độc là sanh mạng trong một giai đoạn từ lúc sanh ra cho đến khi chết đi, hễ chết rồi bèn chẳng có gì nữa, chẳng đơn giản như thế đâu nhé! Sanh mạng con người giống như dòng nước, nguồn sâu, dòng dài, đời quá khứ còn có đời quá khứ của nó, đời vị lai còn có đời vị lai của nó, rất xa xôi. Đó gọi là “*nhân quả ba đời*”. Mọi người ắt phải hiểu chính mình có nhân quả ba đời. Chẳng hiểu rõ nhân quả, không chỉ là chẳng có cách nào học Phật, mà cũng chẳng có cách nào nghiên cứu học vấn thế gian. Đối với bất cứ môn học vấn nào trong thế gian, cũng đều phải hiểu rõ tiền nhân, hậu quả. Tiền nhân (cái nhân trước) của chuyện nhỏ thì rất gần gũi, tạm bợ, rất gần gũi, nông cạn, rất dễ truy cứu và kiểm nghiệm. Chuyện sâu xa thì tiền nhân sẽ còn có tiền nhân [của nó] nữa, rất vi tế, nhưng chỉ cần dụng tâm nghiên cứu, sẽ đều có thể hiểu rõ. Nếu hiểu tiền nhân càng thấu triệt, đối với hậu quả, sẽ càng có thể nắm vững, càng dễ hiểu rõ. Điều đó có nghĩa là đối với bất cứ loại học vấn nào trong thế gian, chỉ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cần nghiên cứu tiên nhân kỹ càng, sẽ đều là một nhà học vấn cao minh. Phật pháp nhằm giải quyết vấn đề sanh tử, nhưng muốn giải quyết vấn đề sanh tử mà chẳng nghiên cứu, chẳng hiểu rõ tiên nhân, thậm chí phủ định nhân quả đời trước, đời này, sẽ chẳng có cách nào giải quyết vấn đề sanh tử! Vì thế, muốn giải quyết vấn đề sanh tử, nhất định là phải nghiên cứu tiên nhân, nghiên cứu hậu quả. Giống như nghiên cứu học vấn trong hiện thời, thông tin rất quan trọng. Suu tập thông tin càng nhiều, sẽ giúp cho mức độ tìm hiểu càng rộng rãi, năng lực giải quyết vấn đề càng lớn hơn. Do đó, học Phật ắt phải nghiên cứu nhân quả ba đời, đó là Lưu.

“*Lưu*” (流) là hình dung sanh mạng của chúng ta ví như Trường Giang hoặc Hoàng Hà, nguồn sâu, dòng dài. Bản thân chúng ta còn chưa đạt đến cảnh giới thành Phật; từ vô thủy tới nay, lũ chúng ta do vì mê mẩn, chẳng thấy rõ Chân Như tự tánh, ắt phải dựa theo Phật pháp để nghiên cứu từng tầng một. Nghiên cứu đến một mức độ nào đó, trí huệ tự nhiên đạt tới mức độ khai phát. Nhận thức khác hơn một phần, trí huệ sẽ mở mang thêm một phần, vấn đề sanh tử cũng dần dần có thể giải quyết.

Phu nhân Vi Đề Hy thỉnh câu Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho bà một thế giới chẳng có ưu não, bà mong vãng sanh về đó. “*Bất nhạo Diêm Phù Đề trước ác thế dã*” (chẳng ưa đời trước ác trong cõi Diêm Phù Đề), “*bất nhạo*” (不樂) là chẳng ưa thích, không mến chuộng cõi Diêm Phù Đề. Chữ Diêm Phù Đề chỉ thế giới này của chúng ta, tức Nam Diêm Phù Đề (Jambudvīpa). Dưới Dục Giới Thiên là bốn đại châu, châu ở phía Nam là Diêm Phù Đề. Bà ta thật sự chán ghét thế gian trước ác trong Diêm Phù Đề. Vì sao chán ghét? “*Thử trước ác xứ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đầy ắp, nhiều thứ bất thiện tụ tập*” (Chốn trước ác này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đầy ắp, nhiều thứ bất thiện tụ tập). Trong thế giới này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, có rất nhiều loại chúng sanh bất thiện tụ tập trong ấy. “*Nguyện ngã vị lai, bất văn ác thanh, bất kiến ác nhân*” [nghĩa là] chỉ nguyện con trong đời vị lai, chẳng nghe âm thanh ác, chẳng thấy kẻ ác!

IV.1.2.9. Trước

Trong đề cương bài giảng, có đặc biệt giải thích hai chữ “*trước ác*” (濁惡), chỉ ra thế gian này là thế gian trước ác. Vì sao gọi là đời trước ác? “*Trước*” là Ngũ Trước, “*Ác*” là mười thứ ác nghiệp.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Điều thứ nhất trong Ngũ Trược là Kiếp Trược. Tiếng Ấn Độ nói là Kiếp Ba (Kalpa), nói đơn giản là Kiếp, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thời Phần (時分), tức một giai đoạn thời gian. Kiếp Trược là do bốn loại trược sau đó (Kiến Trược, Phiền Nã Trược, Chúng Sanh Trược, Mạng Trược) hợp thành. Nói cách khác, thế gian này đều là vô thường, có lúc tốt đẹp, cũng có lúc chẳng tốt đẹp. Khi tốt đẹp thì chẳng có Ngũ Trược, nhưng vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, [thế giới này] đã là Ngũ Trược ác thế.

Kiến Trược nghĩa là sự ô trược nơi kiến giải, tức là tà tri tà kiến. Nói “*tà tri tà kiến*” tức là chẳng hiểu rõ nhân quả, chẳng thấy rõ chính mình. Kiến Trược gồm có năm loại:

1) Thứ nhất là Thân Kiến. Thân thể chúng ta do bao nhiêu yếu tố vật chất, lại còn thêm tinh thần của chính mình hợp thành. Thân thể luôn biến động, chẳng đáng tin cậy, chẳng thực tại. Ai nấy đều coi nó là thật sự có. Hễ có Thân Kiến bèn bị Thân Kiến gây khổ não!

2) Thứ hai là Biên Kiến. Có người nghĩ sau khi chúng ta chết đi, thứ gì cũng đều chẳng có, sanh mạng đoạn tuyệt như vậy. Hoặc là nghĩ thân thể này sau khi đã chết, vẫn còn có [thân thể khác trong cõi người], đời sau vẫn sanh trong nhân gian. Kẻ nghĩ sau khi đã chết, chẳng còn gì nữa, chính là Đoạn Kiến. Nghĩ sau khi chết, vẫn sanh trong nhân gian làm người, chính là Thường Kiến. Chấp trước Đoạn Kiến hoặc Thường Kiến đều chẳng phải là Trung Đạo. Phật pháp nói Trung Đạo, học vấn Trung Hoa cũng nói đến Trung Đạo. Cái gọi là Trung Đạo chính là đừng nên chấp trước một bên. Như tôi vừa mới nói, Đoạn cũng thế, mà Thường cũng vậy, đều là lệch về một bên, đều chẳng hợp đạo lý, chính là một loại kiến giải sai lầm.

3) Thứ ba là Kiến Thủ Kiến. Kẻ học theo ngoại đạo cho rằng sanh lên trời là tốt ráo. Thiên đạo có phải là tốt ráo hay không? Phật pháp nói thiên đạo chẳng phải là tốt ráo. Quý vị sanh lên cõi trời, vẫn chẳng phải là viên mãn vĩnh cửu. Đã sanh trong thiên đạo, thiên đạo vẫn phải lưu chuyển. Sau khi sanh mạng đã hết, vẫn lại đọa lạc trong luân hồi, nhưng [kẻ chấp trước] Kiến Thủ Kiến coi thiên đạo là tốt ráo. Hư vọng chấp trước một thứ kiến giải, coi nó là chân lý. Đó là Kiến Thủ Kiến.

4) Thứ tư là Giới Thủ Kiến. Ngoại đạo học đạo, cũng có giới điều của họ, nhưng họ chấp trước, hành theo tà giới, lầm tưởng đó là chánh giới, chẳng đạt được kết quả lý tưởng, chịu khổ oan uổng. Đó là Giới Thủ Kiến.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

5) Thứ năm là Tà Kiến. Đối với những điều ngoài bốn điều trên đây, phạm là kiến giải chẳng chánh xác đều gọi là Tà Kiến.

Năm thứ Kiến Trược trên đây, chúng ta ai nấy đều có. Hễ có kiến giải ấy, phương diện tri kiến liền ô nhiễm. Do có Kiến Trược như vừa kể trên đây, coi thân thể hư giả này là cái Ta chân thật, sẽ vì thân thể này mà dấy lòng tham, sân, si, mạn, nghi v.v... tạo thành các nỗi phiền não. Đó là Phiền Não Trược.

Nói đến Chúng Sanh Trược, chúng ta đều là chúng sanh. Thân thể của chúng sanh chiêu cảm từ sự phiền não nơi kiến giải cũng là ô trược. Tâm Kinh đã giảng rõ thân thể này là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức Ngũ Uẩn hợp thành. Ngũ Uẩn còn gọi là Ngũ Âm, Âm (陰) có nghĩa là che lấp trí huệ, khiến cho trí huệ của chúng ta chẳng có cách nào phát huy tác dụng, cứ mơ mơ, màng màng! Vì thế, giả hòa hợp chúng sanh chẳng thể trông cậy, đó là Chúng Sanh Trược.

Cuối cùng là Mạng Trược, nhân lẫn quả đều kém cõi. Những gì là nhân và quả đều kém cõi? Vì sanh mạng của chúng ta do từ Kiến Hoặc và Phiền Não Hoặc chiêu vời. Chúng sanh là quả, mà cái nhân tạo thành chúng sanh là Kiến và Phiền Não đều là ô trược. Chúng sanh do Ngũ Âm hòa hợp tạo thành cũng là ô trược; vì thế, nhân và quả đều kém cõi, chẳng tốt đẹp. Đó là Mạng Trược. Bởi lẽ, thọ mạng rất ngắn ngủi, đời người kẻ như sống tới một trăm tuổi. Nhìn về sau này, cảm thấy một trăm năm rất lâu; nhưng khi đã sống đến một trăm tuổi, hồi tưởng từ thuở thơ ấu cho đến một trăm tuổi, cảm thấy chẳng được mấy chốc! Có thể thấy là thọ mạng hết sức ngắn ngủi. Kiếp đã được nói trong phần trên, tương đương với “thời đại”. Từ Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược và Mạng Trược mà tạo thành thời đại. Toàn thể thời đại là ô trược, cho nên gọi là “*Ngũ Trược ác thế*”.

IV.1.2.9. Ác

Đối với chữ Ác, hãy tự xem những điều được liệt kê trong đề cương bài giảng sẽ hiểu rõ. Nơi thân thể, gây tạo “giết, trộm, dâm” ba thứ ác nghiệp. Nơi miệng, “vọng ngữ” là lời lẽ hư giả, chẳng thật, “ác khẩu” là chửi bới người khác, “lưỡng thiệt” là khuấy động thị phi, “ỷ ngữ” là nói những lời tạp uế, bất chánh, dẫn dụ người khác làm chuyện xấu. Nơi ý nghiệp thì có “tham, sân, tà kiến”. Trong đề cương, nêu tổng cộng mười loại ác nghiệp, người tu đạo chúng ta thời thời khắc khắc

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phải tự phản tỉnh, nhất định phải răn dè ác nghiệp; sau đây, mới có thể học Phật pháp, mới có thể nói đến vấn đề liễu sanh tử.

Đã nói xong đoạn này, tiếp đó, phu nhân Vi Đề Hy bèn thưa: “*Kim hướng Thế Tôn ngũ thể đầu địa*”, [nghĩa là] nay con hướng về đức Phật, gieo năm vóc xuống đất, hành lễ kính cẩn nhất. “*Cầu ai sám hối*” là cầu đức Phật xót thương. Vì sao phu nhân Vi Đề Hy phải sám hối? Đây là chỗ tuyệt diệu của phu nhân Vi Đề Hy! Lũ bình phàm chúng ta thường là gặp phải tai nạn, chỉ biết oán trời, hờn người, há biết sám hối? Phu nhân Vi Đề Hy hiểu nhân quả, khi gặp hoạn nạn, bà ta biết trong quá khứ chính mình đã tạo ác nghiệp, nay mới vướng phải ác quả bất hảo này! Do vậy, sám hối: Con vốn đã tạo ác nghiệp. Lại cao hơn một tầng nữa, sợ thọ báo lần này vẫn chưa đủ để tiêu trừ hoàn toàn tội nghiệp trong quá khứ. Vì thế, càng thêm sám hối, hy vọng sẽ hoàn toàn sám hối thanh tịnh tội nghiệp ấy. Do vậy, bà ta vừa cầu Phật thương xót, vừa tự mình thật sự sám hối nghiệp đã tạo, mong rằng nhờ vào lần sám hối này, sẽ hoàn toàn tiêu trừ tội nghiệp. “*Duy nguyện Phật nhật*”: Hy vọng đức Phật giống như vầng mặt trời, chiếu soi rành rẽ. “*Giáo ngã quán u thanh tịnh nghiệp xứ*” [nghĩa là] dạy cho con tu Quán, hòng được thấy chỗ nghiệp thanh tịnh (chỗ nghiệp thanh tịnh chính là thế giới chẳng có ưu não).

Đã giảng xong toàn bộ Tự Phần, lần sau sẽ nói tới Chánh Tông Phần. Chánh Tông Phần cũng là do phu nhân Vi Đề Hy cầu xin chỉ dạy, “*dạy con quán nơi nghiệp thanh tịnh*”. Bộ kinh này có tên là Thập Lục Quán Kinh, trong lần sau sẽ nói đến Quán, chánh thức nói đến đạo lý và phương pháp dụng công.

Tập 10

Thưa các vị thầy, các vị đại đức, các vị đồng tu! Xin mở trang bốn trong kinh bốn, bắt đầu từ dòng thứ tư đếm từ dưới lên. Trước hết, tôi niệm kinh văn một lượt.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn, phóng mi gian quang, kỳ quang kim sắc, biến chiếu thập phương vô lượng thế giới, hoàn trụ Phật danh, hóa vi kim đài, như Tu Di sơn. Thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ, giai u trung hiện. Hoặc hữu quốc độ, thất bảo hợp thành. Phục hữu quốc độ, thuần thị liên hoa. Phục hữu quốc độ, như Tỳ Tại thiên cung. Phục hữu quốc độ, như pha lê kính. Thập phương quốc độ, giai

ư trung hiện. Hữu như thị đấng vô lượng chư Phật quốc độ, nghiêm hiển khả quán, linh Vi Đề Hy kiến. Thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị chư Phật độ, tuy phục thanh tịnh, giai hữu quang minh. Ngã kim nhạo sanh Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật sở. Duy nguyện Thế Tôn, giáo ngã tư duy, giáo ngã Chánh Thọ”.

(經)爾時世尊，放眉間光。其光金色，遍照十方無量世界。還住佛頂，化為金臺，如須彌山。十方諸佛淨妙國土，皆於中現。或有國土，七寶合成。復有國土，純是蓮華。復有國土，如自在天宮。復有國土，如玻璃鏡。十方國土，皆於中現。有如是等無量諸佛國土，嚴顯可觀，令韋提希見。時韋提希白佛言：世尊，是諸佛土，雖復清淨，皆有光明。我今樂生極樂世界阿彌陀佛所，惟願世尊，教我思惟，教我正受。

(Kinh: Lúc đó, đức Thế Tôn phóng quang từ giữa hai mày, quang minh ấy màu vàng, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới rồi trở về trụ trên đỉnh đầu đức Phật, hóa thành đài vàng như núi Tu Di. Các cõi thanh tịnh màu nhiệm của mười phương chư Phật đều hiện trong ấy. Hoặc có quốc độ, do bảy báu hợp thành. Lại có quốc độ, thuần là hoa sen. Lại có quốc độ như cung trời Tự Tại. Lại có quốc độ, như gương pha lê. Mười phương cõi nước đều hiện trong ấy. Có vô lượng các cõi nước Phật như vậy, trang nghiêm, rõ rệt, đáng ưa để cho Vi Đề Hy trông thấy. Lúc ấy, bà Vi Đề Hy bạch Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Các cõi Phật ấy tuy là thanh tịnh, lại còn đều có quang minh. Con nay thích sanh về thế giới Cực Lạc là chỗ của A Di Đà Phật. Kính xin đức Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con Chánh Thọ”).

IV.2. Chánh Tông Phần (Tịnh nghiệp, diệu quán, lợi ích)

Hôm nay, bắt đầu học đến đoạn này, tức là Chánh Tông Phần của bộ kinh này. Khi khởi đầu Chánh Tông Phần, vì sao đức Phật phóng quang từ giữa hai mày? Vì như trong phần trước đã nói, phu nhân Vi Đề Hy đã gặp khó khăn, bị con bà nhốt chặt, bà ta cảm thấy thế giới này rất

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

xấu hèn. Vì thế, bà thỉnh cầu Thích Ca Mâu Ni Phật: Từ nay trở đi, không mong thấy thế giới trước ác này nữa (Ngũ Trước ác thế), chẳng muốn nghe âm thanh ác nữa, đừng nên thấy những kẻ ác nữa. Do vậy, bà ta gieo năm vốc xuống đất, cầu Phật xót thương. Đồng thời, bà tự cảm thấy lần này phải nên sám hối. Vì sao sám hối? Bất cứ chuyện gì trong thế gian cũng đều có nhân quả; nay bà ta gặp phải khổ quả, tất nhiên là do đã gieo cái nhân trong đời quá khứ, hiện thời mới gặp nạn. Do vậy, bà ta phải sám hối. Sau khi đã sám hối, bèn cầu Phật dạy cho bà ta tìm một nơi nghiệp thanh tịnh, tức là nơi chẳng có các chuyện tội ác phát sanh. Lần trước, tôi đã nói đến chỗ này, đã giảng xong toàn bộ Tự Phần của bộ kinh này.

Đoạn kinh được thảo luận ngày hôm nay tiếp nối [đoạn kinh đã nói trong] lần trước: Phu nhân Vi Đề Hy thỉnh Phật dạy bà quán nơi có nghiệp thanh tịnh. Đức Phật chẳng ngay lập tức bảo bà chốn nghiệp thanh tịnh ở nơi đâu, là cõi Phật nào! Vì sao chẳng trực tiếp bảo bà ta? Chuyện này giống như thầy dạy học trò trong trường. Khi sắp dạy học trò một loại học vấn tốt đẹp, mà đưa ra ngay lập tức, cũng có lẽ trò cũng chẳng biết tốt đẹp ở chỗ nào. Trước hết, phải nêu ra rất nhiều sự vật cho học trò tự xem. Chúng nó xem xong, tự mình chọn lựa. Lúc này, Thích Ca Mâu Ni Phật (lúc Ngài đáp ứng lời thỉnh cầu của phu nhân Vi Đề Hy), trước hết phóng quang từ giữa hai mày, sau đấy mới chiếu soi vô lượng thế giới trong mười phương để cho phu nhân Vi Đề Hy tự xem, tự chọn lựa. Sau khi các vị nghe xong ý nghĩa của đoạn lớn này, sẽ biết đức Phật giảng pháp hết sức cao minh. Dưới đây, tôi sẽ giới thiệu với quý vị theo từng bước một.

“*Nhĩ thời Thế Tôn, phóng mi gian quang*”: “*Nhĩ thời*” (爾時) là lúc phu nhân Vi Đề Hy hướng về đức Phật cầu xin sám hối, thỉnh đức Phật dạy bà tìm một chốn có nghiệp thanh tịnh. Khi đó, đức Thế Tôn bèn phóng hào quang từ giữa hai mày. “*Mi gian quang*” (眉間光) là gì? Bất cứ vị Phật nào cũng đều có ba mươi hai tướng. Chúng ta thấy trên mặt tượng Phật, ở giữa hai lông mày, có mọc một sợi lông nhỏ màu trắng (thường gọi là “bach hào”, 白毫). Sợi lông nhỏ màu trắng ấy dài cỡ nào? Khi Thích Ca Mâu Ni Phật làm Thái Tử trong vương cung, sợi lông ấy dài năm thước. Đến khi Ngài thành Phật, sợi lông ấy dài một trượng năm thước. Bình thường, nó cuộn tròn giữa hai mày. Gặp khi cần phải phóng quang, sợi lông ấy duỗi ra, tỏa sáng, [ánh sáng ấy] gọi là “*mi gian quang*” (ánh sáng giữa hai mày). Chúng ta biết: Không chỉ riêng Thích

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Ca Mâu Ni Phật có thể phóng “*mi gian quang*”, [giữa hai] lông mày của A Di Đà Phật cũng thường xuyên phóng quang. Khi chúng ta niệm bài kệ Tán Phật (Di Đà tán), có niệm câu “*bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di*”, có nghĩa là sợi lông nhỏ mịn màu trắng nằm giữa hai mày cuộn tròn, to như nắm quả núi Tu Di. Suy ra có thể biết: Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là như thế, giữa hai mày có bạch hào. Hiện thời, nhằm đáp ứng lời thỉnh cầu của phu nhân Vi Đề Hy dạy bà ta quán chỗ có nghiệp thanh tịnh, trước hết, đức Phật phóng quang từ giữa hai mày.

“*Kỳ quang kim sắc*” (Ánh sáng ấy có màu của chất vàng): Tuy bạch hào màu trắng, nhưng phóng ra ánh sáng kim sắc. Chúng ta biết màu sắc có thể biến hóa tùy lúc, nhưng những màu sắc mà bọn phàm phu chúng ta có thể trông thấy hết sức hữu hạn. Trong ánh sáng ấy, thật ra, các thứ màu sắc đều có, đức Phật phóng quang như thế đó. Nói theo thế giới hiện thời, ánh sáng phát xuất từ mặt trời. Vào ban ngày, chúng ta thấy ánh sáng mặt trời trong sáng, giống như là màu trắng; thật ra, ánh mặt trời là đỏ, cam, vàng... các màu đều có, nhưng nhục nhãn của chúng ta chỉ thấy một phần nhỏ. Vì thế, trong “quang” vừa nói trên đây bao hàm ý nghĩa hết sức nhiều.

Đức Phật phóng kim sắc quang, ánh sáng kim sắc ấy “*biến chiếu thập phương vô lượng thế giới*” (chiếu trọn khắp vô lượng thế giới trong mười phương). Mỗi phương trong mười phương đều có vô lượng thế giới, quang minh từ giữa hai mày đức Phật chiếu trọn khắp vô lượng thế giới trong mười phương. Sau khi chiếu xong, “*hoàn trụ Phật đảnh*” (trở về trụ trên đỉnh đầu đức Phật), chữ “*hoàn*” (還) cũng có thể hiểu là Phóng, xoay vòng trở lại, gom về trụ trên đỉnh đầu đức Phật. Sau khi [quang minh ấy] đã trụ trên đỉnh đầu Thích Ca Mâu Ni Phật, lại khởi biến hóa: “*Hóa vi kim đài*” (Hóa thành đài vàng), biến hóa thành một cái đài kim sắc. Đài ấy to cỡ nào? “*Như Tu Di sơn*”, “*như*” là giống như, to như núi Tu Di vậy! Vì sao bảo là “*như*”? Thế giới Sa Bà là một tam thiên đại thiên thế giới. Nói “*tam thiên đại thiên thế giới*” thì một đại thiên thế giới do một ngàn trung thiên thế giới hợp thành, một trung thiên thế giới do một ngàn tiểu thiên thế giới hợp thành, một tiểu thiên thế giới do một ngàn tiểu thế giới hợp thành. Mỗi tiểu thế giới có một quả núi Tu Di. Hai chữ Tu Di (Sumeru) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệu Cao (妙高). Hết sức vi diệu chẳng thể nghĩ bàn là Diệu, cao đến mức độ nào? Kẻ bình phàm chẳng thấy đỉnh núi; vì thế gọi là núi Diệu Cao. Đài vàng cao to như núi Tu Di.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Hiện một đài vàng to ngàn ấy để làm gì? Tiếp đó, kinh nói: “*Thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ, giai ư trung hiện*” (Các cõi nước tịnh diệu của mười phương chư Phật đều hiện trong ấy). Đức Phật dùng quang minh chiếu trọn khắp mười phương vô lượng thế giới, sau đây, thâm lấy những cõi nước tịnh diệu của mười phương thế giới chư Phật (“*tịnh*” (淨) là hết sức thanh tịnh, “*diệu*” (妙) là mâu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, tốt đẹp đến tột bậc). Các quốc độ ấy, mỗi vị Phật đều có một quốc độ, cũng là một tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho những cõi nước tịnh diệu tam thiên đại thiên thế giới Phật ấy “*giai ư trung hiện*” (đều hiện trong ấy), [nghĩa là] đều xuất hiện trong cái đài vàng do quang minh của đức Phật hóa thành. Từ trên cái đài vàng do quang minh hóa thành ấy, lại hiện ra bao nhiêu cõi nước tịnh diệu, giống như chúng ta chụp ảnh. Ví như nói theo kiểu khoa học kỹ thuật của nhân loại hiện thời, sẽ là dùng máy chụp ảnh viễn vọng có độ phóng đại rất cao, chụp lấy rất nhiều tinh đầu (星斗, ngôi sao) trong hư không, nguyên lý cũng giống như vậy đó. Bất quá hiện tại [người ta phải] dùng máy chụp hình để chụp, còn đức Phật dùng quang minh phát xuất từ bạch hào giữa hai mày để chiếu.

Đoạn trước là tổng thuyết, tổng thuyết là gì? Làm cho các cõi nước tịnh diệu trong mười phương đều xuất hiện trong quang minh. Kế đó, nêu ra mấy cõi nước tiêu biểu. Trong nhiều cõi nước như vậy, “*hoặc hữu quốc độ, thất bảo hợp thành*” (hoặc có cõi nước do bảy báu hợp thành), chúng ta vốn biết bảy báu [là gì], chẳng cần phải nói chi tiết, có những quốc độ bằng bảy báu hợp thành. “*Phục hữu quốc độ, thuần thị liên hoa*”, [nghĩa là] còn có cõi nước thuần túy là một hoa sen to, đây cũng là cõi đặc biệt. Cả một tam thiên đại thiên thế giới là một tòa liên hoa, kẻ bình phàm chẳng thể tưởng tượng điều này. “*Phục hữu quốc độ, như Tự Tại thiên cung*”, [nghĩa là] còn có quốc độ giống như cung trời Tự Tại trong thế gian này. Tự Tại thiên cung là gì? Là Đại Tự Tại Thiên, hoặc Tha Hóa Tự Tại thiên cung. Trong Tự Tại thiên cung, hết thảy đều tốt đẹp đến tột cùng. Đừng nói là Tự Tại thiên cung, ngay cả hoàng cung của Trung Hoa thuở xưa cũng hết sức đẹp đẽ, kẻ bình phàm chẳng thể hiểu rõ (do chẳng thể bước vào). Ở đây, dùng Tự Tại thiên cung để tỷ dụ, toàn thể tam thiên đại thiên thế giới được trang bị như trong cung trời Tự Tại, trang nghiêm dường ấy! “*Phục hữu quốc độ, như pha lê kính*” (Lại có quốc độ như gương pha lê), “*pha lê*” chẳng phải là một loại thủy tinh do chúng ta chế tạo bằng phương pháp hóa học trong hiện thời (tức

crystal). Pha lê (Sphaṭika) ở đây dịch sang nghĩa tiếng Hán là một loại thủy tinh (水精)²² hoặc thủy ngọc (水玉, ngọc thạch trong nước), có các màu sắc khác nhau. Loại pha lê ấy có thể phát ra ánh sáng. Cả tam thiên đại thiên thế giới giống như một tấm gương pha lê to! “*Thập phương quốc độ, giai u trung hiện*” (Mười phương quốc độ đều hiện trong ấy): Tất cả các cõi nước tịnh diệu trong mười phương đều hiển hiện trong đài vàng.

Cung trời Tự Tại, xét theo những điều đã nói trong Đại Trí Độ Luận, thì cung trời Tự Tại ở chỗ nào? Tam giới có Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Dục Giới có sáu tầng trời, trên đỉnh là Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmita-vaśavartin), thuộc trong Dục Giới. Đại Tự Tại Thiên (Maheśvara) cao hơn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, nó ở chỗ nào? Trong Sắc Giới thiên. Thông thường, Sắc Giới có bốn tầng Thiên Thiên, nhưng chia tỉ mỉ thì mỗi một tầng [Thiên Thiên lại] có một số cõi trời. Chẳng hạn như Sơ Thiên Thiên có ba tầng trời, Nhị Thiên Thiên lại có ba tầng trời, Tam Thiên Thiên cũng có ba tầng trời, cho đến Tứ Thiên Thiên có chín tầng trời, gộp chung lại, Sắc Giới có mười tám tầng trời. Nếu chia tỉ mỉ hơn nữa, còn phải nhiều hơn nữa, nhưng chúng ta dựa theo cách nói thông thường: “Sắc Giới có mười tám tầng trời”. Ở chỗ cao nhất trong Sắc Giới, còn có một nơi cư trụ của hàng Bồ Tát trên đỉnh Sắc Giới Thiên gọi là Tịnh Cư Thiên của Bồ Tát. Tịnh Cư là gì? Đệ Tứ Thiên Thiên thuộc Sắc Giới Thiên có chín tầng trời, bốn tầng đầu là chỗ ở của phàm phu, năm tầng phía trên dành cho người tu Tiểu Thừa chứng Tam Quả ở, gọi chung là Ngũ Tịnh Cư Thiên. Ở chỗ cao nhất trong Ngũ Tịnh Cư Thiên, nhà Phật có một nơi dành cho hàng Bồ Tát trụ trên đỉnh Sắc Giới Thiên, gọi là Tịnh Cư Thiên của Bồ Tát. Những vị Bồ Tát ấy đạt đến địa vị gì? Đạt đến Đệ Thập Địa. Đệ Thập Địa Bồ Tát ở trong cung trời ấy, cho nên Đại Tự Tại Thiên là một nơi tuyệt diệu!

“*Hữu như thị đẳng vô lượng chư Phật quốc độ, nghiêm hiển, khả quan, linh Vi Đề Hy kiến*” (Có vô lượng các cõi Phật giống như vậy, trang nghiêm, rõ rệt, đáng ưa nhìn, cho bà Vi Đề Hy trông thấy), đặc biệt nêu ra bốn cõi nước trên đây. “*Hữu như thị đẳng*” (Có các cõi nước như thế), chữ Đẳng (等) bao gồm tất cả các cõi nước Phật trong mười phương vô lượng thế giới. Những quốc độ ấy đều được chiếu soi trong quang minh của Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Nghiêm hiển khả quan*”, “*ng nghiêm*”

²² Thủy tinh ở đây không phải là glass, mà có nghĩa là khoáng chất có độ thấu quang rất mạnh, trong suốt, thường là kết tinh của thạch anh (quartz).

(嚴) là hết sức trang nghiêm, hết thảy đều tốt đẹp. “Hiển” (顯) là rất rõ rệt, thấy hết sức rõ ràng. “Linh Vi Đề Hy kiến” [nghĩa là] khiến cho phu nhân Vi Đề Hy nhìn thấy, để bà tự xem từng cõi nước một. “Thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn” (Khi ấy, Vi Đề Hy bạch rằng), sau khi phu nhân Vi Đề Hy xem tất cả các cõi nước xong, hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thưa: “Thế Tôn”, gọi đức Phật, “thị chư Phật độ” [nghĩa là] những cõi nước ấy, ý nói những quốc độ do Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng quang minh để thâm nhiếp, đương nhiên đều là tốt đẹp. “Tuy phục thanh tịnh”, [nghĩa là] tuy những quốc độ ấy đều hết sức thanh tịnh. Thanh tịnh tuyệt vời! Quý vị ngẫm xem, toàn thể tam thiên đại thiên thế giới Phật độ đều thanh tịnh ngần ấy! Mỗi người chúng ta ở trong thế giới Sa Bà ai có thể thanh tịnh? Mong thanh tịnh cũng chẳng thể thanh tịnh được! Rất nhiều người ảnh hưởng quý vị, tâm quý vị bị loạn, chẳng có cách nào thanh tịnh. Bà ta (phu nhân Vi Đề Hy) sau khi xem xong, [nhận thấy] những quốc độ ấy đều thanh tịnh. “Giai hữu quang minh” (Đều có quang minh), không chỉ là thanh tịnh, mà còn đều có quang minh. Đây là lời khen ngợi khái quát các cõi Phật trong mười phương. Những cõi Phật tịnh diệu trong mười phương vừa được chiếu soi trên đây đều thanh tịnh, đều có quang minh.

“Ngã kim nhạo sanh Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật sở” (Con nay thích sanh về thế giới Cực Lạc là cõi của A Di Đà Phật), nhưng “con” (phu nhân Vi Đề Hy nói về chính mình) nay ưa thích (chữ “樂” trên đây phải đọc thành Nhạo, mang ý nghĩa “ưa thích”) là gì? Hy vọng vãng sanh thế giới Cực Lạc là cõi nước của A Di Đà Phật. Phu nhân Vi Đề Hy chọn thế giới Cực Lạc. Vì sao bà muốn chọn thế giới Cực Lạc? Thế giới Cực Lạc là chỗ mà hết thảy đều tốt đẹp. Trước khi chúng ta nghiên cứu bộ kinh này, khi nghiên cứu kinh A Di Đà, tôi đã có nói: Để thật sự hiểu rõ ưu điểm của thế giới Cực Lạc, nhất định là phải nghiên cứu căn cứ ba kinh Tịnh Độ. Nay chúng ta nghiên cứu Quán Kinh, còn có kinh Vô Lượng Thọ, sau khi đã nghiên cứu cả ba kinh, mới hiểu rõ vì sao thế giới Cực Lạc tốt đẹp hơn các cõi Phật trong mười phương.

Dựa theo kinh văn, chúng tôi nêu ra hai điểm để nói. Sở dĩ thế giới Cực Lạc so với những thế giới khác đều tốt đẹp hơn, là vì trước khi A Di Đà Phật chưa thành Phật, thưở ban đầu phát nguyện, Ngài đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện ấy đúng là quá tốt đẹp! Trong những nguyện ấy, đặc biệt là muốn vãng sanh vào thế giới của Ngài, chính mình có năng lực đến đó là tốt nhất. Nếu chẳng có năng lực tới đó,

đức Phật sẽ dẫn hàng đại Bồ Tát đến tiếp dẫn. Trong mười phương thế giới, chẳng có chuyện tốt đẹp này, Phật đến nghênh tiếp! Quý vị còn nghĩ đến thế giới thanh tịnh nào khác nữa ư? Thế giới Sa Bà này, trong cái nhìn của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là một thế giới thanh tịnh, nhưng vì sao chúng ta chẳng thấy là thanh tịnh? Chúng ta bị nghiệp lực của chính mình chướng ngại, cho nên chẳng nhìn thấy. Đến thế giới Cực Lạc sẽ khác hẳn, đầu chẳng đoạn Kiến Tư Hoặc, chúng ta còn có rất nhiều nghiệp tồn tại, chỉ cần chịu niệm Phật, noi theo phương pháp vãng sanh là “phát nguyện, cầu vãng sanh”, bèn có thể đời nghiệp vãng sanh. Các thế giới của chư Phật trong mười phương đều chẳng có điều tốt đẹp này! Vì thế, phu nhân Vi Đề Hy chọn đi, lựa lại, cuối cùng chọn thế giới Cực Lạc. Bà ta chọn thế giới Cực Lạc cũng là chọn lựa thay cho bọn người đời sau như chúng ta.

Do những ưu điểm này mà chúng ta phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Người đời trước đã chọn lựa [Cực Lạc, vì nhận thấy] tất cả các thế giới đều chẳng sánh bằng [thế giới Cực Lạc]. Nếu chúng ta chẳng chọn thế giới Cực Lạc, chọn thế giới nào đây? Khi chúng ta nghiên cứu bộ kinh này, phải đặc biệt chú ý tầng ý nghĩa này.

Vì sao phải đặc biệt chú ý? Có rất nhiều kẻ nói: “Chúng ta cần gì phải đi theo con đường xa xôi ngàn ấy, tìm một thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật? [Sao lại cứ khăng khăng tìm đến] chỗ xa xôi ngàn ấy! Chẳng bằng Di Lạc Nội Viện (Di Lạc Tịnh Độ) ở ngay trong thế giới Sa Bà này, đến đó chẳng phải là rất tốt ư?” Đây là chưa hoàn toàn nghiên cứu hiểu rõ lý luận trong kinh Phật. Phải biết: Di Lạc Tịnh Độ tuy tốt đẹp, nhưng Di Lạc Bồ Tát chẳng đến tiếp dẫn chúng ta; bản thân chúng ta phải có công phu thì mới có thể đến Di Lạc Nội Viện. Chính quý vị có thể đến đó, Ngài hoan nghênh. Quý vị chẳng tới, Ngài chẳng đến tiếp dẫn quý vị! Ví như lão hòa thượng Hư Vân, Ngài tới Di Lạc Tịnh Độ, đã đến rồi lại quay về. Nếu có công phu như Ngài thì cũng có thể tới Di Lạc Tịnh Độ. Thử hỏi lũ người học Phật bình phàm như chúng ta, mấy ai có thể đạt đến mức độ như lão hòa thượng Hư Vân? Chúng ta đều là phàm phu, muốn tới Di Lạc Nội Viện, chẳng dễ dàng! Dầu có thể đến, Di Lạc Nội Viện thuộc tầng trời thứ tư, tức Đâu Suất Thiên trong Dục Giới, Đâu Suất Thiên có hai viện là nội và ngoại. Di Lạc Bồ Tát ở Nội Viện, ngoại viện là chỗ ở của thiên chúng bình phàm. Trong tầng trời này của Dục Giới, ở ngoài Di Lạc Nội Viện là chỗ cư trú của chư thiên bình phàm, những chuyện thuộc ngũ dục tốt đẹp rất nhiều. Lũ phàm phu bình phàm như chúng ta đến Đâu Suất Thiên, vẫn chẳng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thể tiến vào Di Lạc Nội Viện. Vì sao? Vì vừa đến ngoại viện, thấy ngoại viện là nơi phồn hoa đẹp đẽ đường ấy, bèn tham luyện những chỗ tốt đẹp ở đó, quên khuấy là phải tới Nội Viện. Chỉ cần chần chừ nơi ngoại viện, sẽ chỉ là sanh thiên, chẳng thể tiến nhập Nội Viện, chẳng nghe Phật pháp, vẫn là không được rồi!

Bất luận nói như thế nào, nếu phát nguyện vãng sanh Di Lạc Nội Viện, thông thường, người học theo Duy Thức Tông phát nguyện như vậy. Khi thầy chúng ta còn tại thế, cũng đã từng giảng Duy Thức. Cụ học Duy Thức với Mai đại sĩ (cụ Mai Quang Hy, cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ). Mai đại sĩ dạy Duy Thức, nhưng không chủ trương vãng sanh Di Lạc Nội Viện! Cụ chủ trương phải vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chúng ta phải hiểu rõ tầng ý nghĩa này!

Còn có những người nghiên cứu giáo lý nói: “Chúng ta cần gì phải đến thế giới Cực Lạc, tu hành thành tựu ở trong thế gian này, tức là ở trong quốc độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là rất tốt ư?” Đây cũng là do không hiểu! Học Phật trong thế gian này, sẽ chẳng học thành công! Sau khi đã đoạn Kiến Hoặc, hàng Tiểu Thừa phải bảy phen sanh tử trong cõi trời và nhân gian rồi mới có thể chứng quả A La Hán. Tu Đại Thừa Phật pháp, muốn thành Phật, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thời gian quá lâu xa! Nếu chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, chỉ cần có tín tâm, có thể phát nguyện, lại còn trì danh niệm Phật, khi thọ mạng trong đời này chấm dứt, chúng ta có thể vãng sanh cõi kia, quý vị thấy: Nhanh chóng hơn bất cứ điều nào khác! Do vậy, chúng ta thấy phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa thế giới Cực Lạc, [là do] chẳng có lý do nào vững chắc để học Phật trong thế giới Sa Bà, hoặc đến những thế giới khác [để tu trì]. Những điều ấy đều không thực tế, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này.

Sau khi bà ta đã chọn lựa xong xuôi (vì bà đã xem tất cả các quốc độ, chỉ có thế giới Cực Lạc là tốt nhất), liền hỏi: “Như thế nào thì mới có thể đến thế giới tốt đẹp như vậy?” Chẳng sai! Thế giới Sa Bà của chúng ta quá tệ, là Ngũ Trược ác thế; bọn phàm phu chúng ta muốn tới thế giới Cực Lạc, cần phải hội đủ những điều kiện gì? Tiếp đó, bà ta nói: “*Duy nguyện Thế Tôn, giáo ngã tư duy, giáo ngã Chánh Thọ*” (Kính xin đức Thế Tôn hãy dạy cho con cách tư duy, dạy cho cách Chánh Thọ). Muốn đến thế giới ấy, trước hết phải thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà ta tư duy như thế nào? Chánh Thọ như thế nào? Tư duy là gì? Chánh Thọ là gì? Xin quý vị xem biểu đồ thứ ba trong đề cương bài giảng. Theo biểu đồ ấy, Chánh Tông Phần có ba phần lớn:

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

1) Phần thứ nhất là Tịnh nghiệp. Nghiệp biểu thị cái nhân. Có cái nhân Tịnh Độ thì mới có thể học Tịnh Độ Tông.

2) Phần thứ hai là diệu quán, tức là Chánh Quán, cũng chính là mười sáu phép Quán được nói trong phần sau.

3) Cuối cùng nói đến lợi ích, [do tu tập Chánh Quán sẽ đạt] được lợi ích gì.

Đó là ba phần lớn trong Chánh Tông Phần.

IV.2.1. Giảng rõ Tịnh nghiệp

IV.2.1.1. Tư duy pháp (Pháp tư duy)

Nay tôi nói đến đoạn này, trước hết là để chúng ta nhận biết Tịnh nghiệp đôi chút, những phần kinh văn kế tiếp vẫn chuyên nói tới chuyện này. Ở đây, phu nhân Vi Đề Hy thỉnh cầu đức Phật dạy bà ta tư duy. Dựa theo chú giải của cổ nhân, nếu muốn đạt được quả báo tốt đẹp, ắt phải tu nhân. Tu nhân gì vậy? Có Chánh Hạnh và Trợ Hạnh. Chánh Hạnh là Chánh Thọ, tức là mười sáu phép Quán sẽ được nói trong phần sau. Trợ Hạnh là tư duy. Bây giờ, xin quý vị xem biểu đồ, phần nói về pháp tư duy. “*Tư duy*” chẳng phải là như người ta vất óc suy nghĩ, khảo sát, suy tưởng, nghĩ ngợi một chuyện gì đó thì gọi là tư duy. Tư duy có phương pháp tư duy; tư duy ở đây là gì? Là mong đến thế giới Cực Lạc. Trước đó, phải chuẩn bị sao cho trọn đủ điều kiện đầu tiên.

Cách tư duy như thế nào? Biểu đồ bao gồm hai phần là y báo và chánh báo. Y báo là khí thể gian, tức là toàn thể thế giới Cực Lạc. Chánh báo là chúng sanh thể gian. Ngoài Phật ra, các vị đại Bồ Tát và mọi người trong thế giới Cực Lạc đều được gọi là “*chúng sanh thể gian*”. Dựa theo bộ Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát (tại Ấn Độ, Thiên Thân Bồ Tát hết sức nổi tiếng. Ngài là một vị tổ sư trọng yếu của tông Duy Thức) trước tác, trong ấy, có dạy mọi người cách quan sát Tịnh Độ của A Di Đà Phật. Cách quan sát như thế nào? Ngài nói thế giới Cực Lạc có rất nhiều sự trang nghiêm. Quy nạp lại, sẽ có tổng cộng hai mươi chín thứ trang nghiêm. Trong hai mươi chín thứ trang nghiêm ấy, thuộc loại khí thể gian y báo trang nghiêm có mười bảy loại; thuộc về chánh báo, cũng tức là chúng sanh thể gian, có tất cả mười hai thứ trang nghiêm.

Đối với mười bảy thứ trang nghiêm thuộc khí thể gian, chẳng có thời gian để giảng giải từng loại, chỉ nêu ra những điều quan trọng hòng chúng ta hiểu rõ đôi chút. Loại thứ nhất là thanh tịnh trang nghiêm; thanh tịnh là gì? Chẳng có kẻ nào trong lũ phàm phu chúng ta nơi thế

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giới Sa Bà này mà có thể thanh tịnh. Hoàn cảnh sống của chúng ta có gì thanh tịnh? Vào dịp nghỉ, mọi người đến vùng núi ngắm suối thì còn thấy thanh tịnh một chút. [Thế nhưng], nước suối làm sao có thể sánh bằng nước trong thế giới Cực Lạc (nước trong ao bảy báu)? Huống hồ, hễ chảy ra sông ngòi bên ngoài bèn bị ô nhiễm, nước trong biển cũng bị ô nhiễm. Do vậy, thế gian của chúng ta chẳng thanh tịnh; trong thế giới Cực Lạc, nơi nào cũng đều là thanh tịnh trang nghiêm, chẳng nhiễm mảy trần. Thanh tịnh trang nghiêm là một loại trong đó (trong mười bảy loại trang nghiêm thuộc về khí thế gian).

Còn có các thứ trang nghiêm, sự việc càng phức tạp hơn. Ví như trong thế giới Sa Bà, chúng ta thấy rất nhiều sự việc, bao gồm chánh trị, kinh tế, xã hội, hết thấy mọi thứ, hằng ngày chúng ta thấy quá nhiều sự việc, quý vị ngắm xem! Có chuyện gì trong thế giới này là thanh tịnh? Bất cứ quốc gia nào cũng đều loạn! Có thể nói là chẳng tìm thấy thứ gì tốt đẹp trang nghiêm trong thế gian này; nhưng trong thế giới Cực Lạc, mọi chuyện đều là trang nghiêm. Phàm những sự vật được biểu hiện như chim thuyết pháp, người vãng sanh thế giới Cực Lạc, những sự vật ở trong ao bảy báu... Bất cứ chuyện gì cũng đều là thanh tịnh trang nghiêm. Đó là điểm thứ hai để chọn lựa.

Tôi giới thiệu cùng quý vị điều cuối cùng (điều cuối cùng trong mười bảy loại), *“nhất thiết sở cầu mãn túc trang nghiêm”*, [nghĩa là] phàm những gì quý vị mong cầu đều có thể thỏa mãn. Quý vị ngắm xem, trong thế gian này, bọn phàm phu chúng ta có rất nhiều điều mong cầu, nhưng có được thỏa mãn hay không? Chưa chắc! Ai nấy đều muốn làm đại tổng thống; trên cả thế giới chỉ có mấy vị đại tổng thống, quý vị có thể cầu được hay chẳng? Không nhất định. Ai nấy đều mong phát tài, tiền tài hữu hạn mà ai nấy đều mong trở thành đại phú ông, cũng chẳng thể được! Hơn nữa, ai nấy đều mong trường sanh bất lão, một mực sống mãi, ai có thể làm được? Nhưng trong thế giới Cực Lạc, phàm những chuyện quý vị mong cầu, suy nghĩ trong tâm, đều được thỏa mãn. Lấy thọ mạng để nói, hễ vãng sanh thế giới Cực Lạc, thọ mạng sẽ giống hệt như A Di Đà Phật, đều là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Dựa trên điểm này, hãy nghĩ xem! Sau khi đã quan sát, [sẽ thấy, trong thế gian này] những thứ trang nghiêm ấy đều chẳng có. Vì thế, suy nghĩ một phen, nếu chúng ta chẳng đến thế giới Cực Lạc, cứ tiếp tục ở trong thế giới Sa Bà này, sẽ tu bằng cách nào? Hiểu điều này, Thiên Thân Bồ Tát dạy kẻ bình phàm học Phật, quán tưởng mười bảy thứ y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc. Chẳng cần giảng cặn kẽ mười bảy loại ấy, chỉ cạy vào

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ba điểm, [có thể thấy ngay là] chẳng thể nào không vãng sanh thế giới Cực Lạc!

Chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc có mười hai loại. Nói tới chánh báo, thế giới Cực Lạc có Phật, có Bồ Tát. Phật có tám thứ chánh báo trang nghiêm, Bồ Tát có bốn thứ trang nghiêm, hợp thành mười hai thứ. Cũng chẳng cần giới thiệu toàn bộ sự trang nghiêm của Phật, ở đây chỉ nêu ra mấy điều tương đối dễ nói, nghe dễ hiểu rõ. Điều thứ nhất là tọa vị của A Di Đà Phật hết sức trang nghiêm. Thông thường, chúng ta thấy tọa vị của Phật trong chùa miếu đã là khá lắm, rất trang nghiêm! Tới thế giới Cực Lạc, thấy tọa vị của A Di Đà Phật, tùy thuộc căn khí của mỗi người đạt đến mức độ nào, sẽ thấy tọa vị khác nhau. Ví như nói có Tạng, Thông, Biệt, Viên sai khác, Tiểu Thừa chẳng thấy. Những người đã đạt tới địa vị Bồ Tát, thấy tọa vị của Phật cũng có lớn, có nhỏ (tùy thuộc trình độ của Bồ Tát). Bất luận thấy như thế nào, tọa vị của Phật là trang nghiêm nhất. Lại còn ba nghiệp của Phật trang nghiêm; ba nghiệp là thân, khẩu, ý, thảy đều trang nghiêm. Trong thế gian này, ai nấy đều nghĩ chính mình tốt nhất. Nếu khách quan một chút, tự mình phản tỉnh đôi chút, thân, ý, nghiệp của chúng ta có điểm nào đáng để phô trương? Có gì là thanh tịnh? Cũng chẳng cần nói với người khác, mà cũng chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình hãy phản tỉnh đôi chút. Miệng chẳng thể nói là thanh tịnh trang nghiêm được, thân thể cũng thế, tâm cũng thế, đều chẳng làm được. Ba nghiệp của A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc đều hết sức trang nghiêm. Nêu ra vài điểm để chúng ta quán tưởng, tư duy. Cách tư duy như thế nào? Tư duy tọa vị của đức Phật, Phật thân, Phật khẩu, Phật tâm, không gì chẳng trang nghiêm.

Bồ Tát có bốn thứ trang nghiêm, bốn thứ trang nghiêm ấy cũng chẳng cần phải nói từng điều một. Loại thứ nhất là các vị đại Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc, vẫn trụ trong thế giới Cực Lạc, bất động, nhưng các Ngài có thể đến trọn khắp mười phương thế giới, cúng dường chư Phật trong mười phương thế giới, bất cứ chỗ nào cũng đều có thể biến hóa đến đó. Trong kinh, A Di Đà Phật đã nói điều này rất rõ ràng: Sáng sớm, trở dậy bèn “*thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*” (đựng các loại hoa màu nhiệm, đem cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác). Các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều có những thứ trang nghiêm ấy.

Y báo và chánh báo hợp lại, gồm tổng cộng hai mươi chín thứ trang nghiêm. Những điều này do đâu mà có? Toàn là do các đại nguyện

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

của A Di Đà Phật đã phát đều được hoàn thành, cho nên mới có những sự trang nghiêm ấy hiển hiện.

Biểu đồ này dùng một đường vạch để phân cách điều này; ngoài ra, còn có bốn hàng nữa. Bốn hàng ấy chính là đặc biệt nêu ra sự trang nghiêm của các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc:

1) Loại thứ nhất là “*trì giới, lià các điều ác*”, tức là trì giới trang nghiêm. Vì sao đại Bồ Tát phải trì giới? Hễ trì giới luật, tất cả các chuyện ác đều chẳng có. Lià khỏi hết thấy các điều ác, đó là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai là “*Chánh Định lià tà giác*”, tức là nhập Chánh Định. Vì sao Định được gọi là Chánh Định? Nhập định của Phật gia là Chánh Định. Chẳng hạn như ngoại đạo trong thế giới Sa Bà cũng nhập Định. Họ cũng nói đến chuyện giác ngộ, nhưng sự giác ngộ của họ chẳng phải là chánh giác, mà là tà giác, chẳng hợp đạo lý. Khi Bồ Tát nhập Chánh Định, hễ có công phu định lực, sẽ có thể phân biệt gì là chánh, gì là tà? Tự nhiên xa lià tà giác.

3) Loại thứ ba là “*trí huệ lià điên đảo*”. Các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều có đại trí huệ. Hễ có trí huệ bèn lià khỏi điên đảo. Trong thế giới Cực Lạc có kẻ điên đảo hay không? Chẳng có! Phàm phu trong thế gian đều là điên đảo, bất tịnh mà cứ khăng khăng nói là tịnh. Chẳng có Ngã mà cứ coi giả ngã là chân ngã. Đây đều là cội nguồn khổ não. Người trong thế giới Cực Lạc và hàng Bồ Tát đều lià điên đảo. Vì sao? Họ có trí huệ, vừa nhìn liền biết là điên đảo. Do có trí huệ, nên chẳng điên đảo.

4) Loại tổng trì thứ tư là “*chẳng đánh mất điều lành, chẳng sanh điều ác*”. Tổng Trì là gì? Tiếng Ấn Độ gọi là Đà-la-ni, nghĩa là chẳng đánh mất điều lành, chẳng sanh điều ác, gìn giữ thiện pháp chẳng để mất đi, chẳng để chuyện thuộc về tội ác phát sanh.

IV.2.1.2. Chánh Thọ cảnh (cảnh Chánh Thọ)

Tiếp đó là nói đến cảnh Chánh Thọ. Phu nhân Vi Đề Hy thỉnh đức Phật dạy cảnh Chánh Thọ. Cảnh Chánh Thọ chính là mười sáu phép Quán trong phần sau. Tôi nói “*cảnh Chánh Thọ*” ở đây nhằm để giải thích danh từ. “*Tư duy*” trong phần trước chính là quan sát hai mươi mấy thứ y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, khởi sự tư duy. Càng về sau, sự tư duy ấy càng vi tế, đạt đến cảnh Chánh Thọ. Cảnh Chánh Thọ là công phu thật sự. Công phu chân chánh chính là tư duy dần dần nhỏ nhiệm hơn, nhỏ nhiệm đến mức độ nào? Tức là cái tâm

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giác và cái tâm tưởng của chính mình đều chẳng có, đều “vong” (“vong” (亡) là tiêu mất”). Vì sao đối với giác và tưởng mà chính mình đều chẳng cảm nhận được, có thể nói là “chẳng có” hay sao? Vì định tâm đã hợp với cảnh, đã nhập Định, tâm luôn an định trong ấy. Tâm và cảnh có thể dung hợp với nhau, cũng là chẳng có khi nào phân biệt. Tuy giác và tưởng đều “vong” (“vong” là chẳng khởi tác dụng, giác cũng thế, mà tưởng cũng thế. Khi ấy, chẳng khởi tác dụng, chỉ là định trong ấy), tâm và cảnh dung hội cùng một chỗ. Phu nhân Vi Đề Hy thỉnh cầu đức Phật dạy hai điều này, tức là tư duy và Chánh Thọ. Tiếp đó, đức Phật mỉm cười; sau đây, Ngài dạy phu nhân Vi Đề Hy phương pháp dụng công. Tôi sẽ tiếp tục nói chuyện đó trong lần sau.

Tập 11

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu! Xin mở kinh bản, trang thứ năm, bắt đầu từ dòng thứ tư. Tôi đọc trước kinh văn một lượt:

(Kinh) Nhĩ thời Thế Tôn, tức tiệ̣n vi tiệ̣u, hự̃u ngũ sắc quang, tùng Phật khẩu xuất, nhất nhất quang chiếu Tần Bà Sa La vương đảnh. Nhĩ thời đại vương, tuy tại u bế, tâm nhãn vô chướng. Dao kiến Thế Tôn, đầu diện tác lễ. Tự nhiên tăng tấn, thành A Na Hàm.

(經)爾時世尊，即便微笑，有五色光，從佛口出，一一光照頻婆娑羅王頂。爾時大王，雖在幽閉，心眼無障。遙見世尊，頭面作禮。自然增進，成阿那含。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn liền mỉm cười, có quang minh năm màu từ miệng đức Phật tỏa ra, mỗi quang minh chiếu đến đỉnh đầu vua Tần Bà Sa La. Khi đó, tuy đại vương bị nhốt kín, tâm nhãn chẳng bị chướng ngại, trông thấy đức Thế Tôn từ đằng xa, bèn đầu mặt đánh lễ. Tự nhiên tăng tấn, thành A Na Hàm).

“*Nhĩ thời*” (爾時) là [từ ngữ] nhằm tiếp nối những điều đã nói trong đoạn trước, [tức là] khi phu nhân Vi Đề Hy thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà ta tư duy, dạy bà ta chánh thọ. “*Thế Tôn tức tiệ̣n vi tiệ̣u*”, nghĩa là đức Thế Tôn bèn mỉm cười, sau đây, “*hự̃u ngũ sắc quang, tùng*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật khẩu xuất” [nghĩa là] từ miệng đức Phật phóng ra quang minh năm màu. “*Nhất nhất quang chiếu Tần Bà Sa La vương đảnh*”: Mỗi một tia sáng đều chiếu vào đỉnh đầu vua Tần Bà Sa La. “*Nhĩ thời đại vương, tuy tại u bế*” (Lúc đó, đại vương tuy bị nhốt kín), lúc ấy vua Tần Bà Sa La tuy vẫn còn bị nhốt kín sau nhiều tầng cửa, “*tâm nhãn vô chướng*”, tâm nhãn của nhà vua chẳng bị chướng ngại. “*Dao kiến Thế Tôn*” nghĩa là trông thấy đức Phật từ đằng xa (khi ấy, đức Thế Tôn đang ở chỗ phu nhân Vi Đề Hy). Sau khi đã trông thấy, bèn “*đầu diện tác lễ*”, nghĩa là gieo năm vóc xuống đất, đánh lễ. “*Tự nhiên tăng tán, thành A Na Hàm*” (Tự nhiên tăng tán, thành A Na Hàm): Công phu tu hành của nhà vua tự nhiên tăng tán, chứng đắc quả thứ ba trong Tiểu Thừa, tức là quả A Na Hàm.

Lần trước, tôi đã nói từ giữa hai mày, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật phóng ánh sáng kim sắc, chiếu trọn khắp vô lượng thế giới chư Phật trong mười phương. Sau đấy, lại gom quang minh kim sắc về trên đỉnh đầu của đức Phật, hóa thành một đài vàng to như núi Tu Di. Trên cái đài vàng ấy, lại hiện các quốc độ tịnh diệu của mười phương chư Phật để phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa. Trong thời đại khoa học hiện thời, nghiên cứu kinh Phật [sẽ thấy] dễ hiểu hơn trong quá khứ rất nhiều. Trong quá khứ, tình hình giống như vậy [đối với cổ nhân] cũng rất khó hiểu; hiện thời, [cảm thấy] rất bình thường. Trong vũ trụ có rất nhiều thế giới. Kể từ khi nhân loại [nhờ vào thành tựu] khoa học, bay lên không gian, có thể dùng vệ tinh để chụp hình rất nhiều tinh cầu trong vũ trụ, khiến cho người ta có thể thấy được cảnh tượng trong không gian. Do vậy, chúng tôi nghĩ: Chúng sanh phàm phu mà còn có thể làm được, huống hồ đức Phật, lại càng là tuyệt diệu khôn cùng! Phu nhân Vi Đề Hy mong đến chỗ có nghiệp thanh tịnh nhất, đức Phật dùng quang minh giữa hai mày soi rõ các cõi nước tịnh diệu trong mười phương để cho phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa. Kết quả là phu nhân Vi Đề Hy nhận thấy tất cả các thế giới đều tốt đẹp, nhưng bà ta ưa thích nhất chính là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. Sau khi đã chọn lựa, phải tu hành như thế nào thì mới có thể đến thế giới ấy? Do đó, phu nhân Vi Đề Hy thỉnh đức Thế Tôn dạy bà ta tư duy như thế nào, chánh thọ như thế nào? Tư duy là trợ công phu, Chánh Thọ là chánh công phu. Chánh trợ song tu!

IV.2.1.3. Vi tiểu ý (hàm ý trong việc mỉm cười của đức Phật)

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Nhĩ thời*” (Khi ấy) tức là lúc phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa Cực Lạc Tịnh Độ, lại còn thỉnh đức Phật dạy bà ta phương pháp chánh trợ song tu. Nói “*vi tiếu*” (微笑, mỉm cười) chính là nụ cười thỏa ý. Đức Thế Tôn nghe xong bèn mỉm cười, nụ cười thỏa ý. Vì sao đức Phật mỉm cười? Vì bà ta chọn lựa đúng, tất cả các thế giới tốt đẹp đều chẳng chọn lựa, chỉ chọn lựa thế giới Cực Lạc, rất phù hợp tâm ý đức Thế Tôn. Chuyện mỉm cười này ngoại trừ thừa tiếp ý trong đoạn trước, [tức ý nghĩa] “phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa thế giới Cực Lạc”, còn chứa đựng một ý nghĩa khác nữa:

1) Một là lúc mở đầu bộ kinh này, do thái tử muốn hại phụ vương, chuẩn bị giam cầm cha để cho ông ta chết đói. Đó là chuyện tội ác cực đại, nhưng chuyện tội ác cực đại ấy vẫn là có nhân quả (hễ có tiền nhân, sẽ chẳng tránh khỏi hậu quả. Nhân quả rất phức tạp, trong nhân có quả, trong quả có nhân, hoàn toàn chẳng đơn thuần). Theo cái nhìn của thế tục, lão quốc vương bị giam cầm cho chết đói chính là một kết cục quá xấu, nhưng ông ta đã nhờ vào cơ hội này, chứng đắc Tam Quả của Tiểu Thừa, cũng giống như đã thoát ly lục đạo luân hồi. Đó là một thành tựu rất lỗi lạc! Vừa mở đầu, đức Phật đã thấy rõ ràng mối nhân quả rắc rối, phức tạp. Trong mối nhân quả ấy, lão quốc vương có thể nhờ vào cơ hội này, thoát lìa lục đạo luân hồi. Vì thế, đức Phật mỉm cười.

2) Nếu nói theo phía phu nhân Vi Đề Hy, lại càng tuyệt diệu! Vì bà ta gặp phải tình cảnh ấy, do bà ta thỉnh cầu, Thích Ca Mâu Ni Phật mới nói một bộ đại pháp này. Cũng có nghĩa là một bộ Thập Lục Quán Kinh này không chỉ là đối với phu nhân Vi Đề Hy, mà đối với chúng sanh đời sau đều là đại nhân duyên tuyệt diệu! Do vậy, cũng vì lẽ này mà đức Phật mỉm cười.

Sau khi mỉm cười, tiếp đó, từ trong miệng, đức Phật phóng “*ngũ sắc quang*”. Vì sao phóng quang minh ngũ sắc từ trong miệng? Xin các vị xem trong đề cương bài giảng về [ý nghĩa của chuyện] mỉm cười và quang minh. Ý nghĩa của chuyện mỉm cười vừa mới được giới thiệu đại khái. Xem lại biểu đồ, sẽ thấy rõ hơn vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật mỉm cười?

1) Một, xứng hợp bi tâm của đức Thích Tôn. Chúng ta biết Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian vì muốn hóa độ chúng sanh. Chúng sanh qua lại sanh tử chẳng ngớt trong lục đạo. Nếu chẳng được Phật hóa độ, cũng vĩnh viễn khó thể thoát ly biển khổ. Vì thế, đức Phật nhờ vào nhân duyên này, một mặt là độ lão quốc vương thoát khỏi lục đạo. Mặt khác,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

quan trọng hơn là muốn giảng cho phu nhân Vi Đề Hy nghe pháp môn này, dạy bà ta nương theo pháp môn này để tu tập. Điều ấy xứng hợp tâm từ bi của Thích Ca Mâu Ni Phật nhất. “Xứng” (稱) là hoàn toàn phù hợp tâm đại bi của đấng Thích Tôn.

2) Hai, xứng hợp bốn nguyện của Phật Di Đà: Các cõi nước tịnh diệu của chư Phật trong mười phương rất nhiều, vì sao phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới? (Đây là do căn cơ Đại Thừa lỗi lạc của phu nhân Vi Đề Hy). Vì lúc A Di Đà Phật tu nhân (vào thời đại của Thế Tụ Tại Vương Phật), Ngài đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, sau đây thành tựu thế giới Cực Lạc trang nghiêm. Nay phu nhân Vi Đề Hy cầu nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ là xứng hợp bi tâm hóa độ chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà còn xứng hợp bốn nguyện của A Di Đà Phật.

3) Ba là mở ra pháp môn Tịnh Độ: Chúng ta biết Tịnh Độ Tông chủ yếu có ba bộ kinh. Trong đó, giảng đạo lý sâu nhất và cũng viên mãn nhất chính là bộ kinh này. Cũng có thể nói: Từ thời Thích Ca Mâu Ni Phật cho đến thời đại Mật Pháp trong hiện tại, Tịnh Độ Tông một mực được hoàng dương rộng rãi, chẳng bị ảnh hưởng bởi các tông khác, bộ kinh này đã đóng một vai trò hết sức trọng yếu. Nhờ phu nhân Vi Đề Hy thỉnh cầu, Thích Ca Mâu Ni Phật truyền dạy phương pháp tu hành, mở mang pháp môn Tịnh Độ.

4) Độ nhiều chúng sanh trong tương lai: Pháp môn Tịnh Độ vừa mở ra, không chỉ là khiến cho phu nhân Vi Đề Hy cầu sanh về thế giới Cực Lạc trong thuở ấy, mà còn mãi cho đến đời sau, rất nhiều chúng sanh cũng đều do pháp môn này mà được hóa độ. Nhất là trong thời hiện tại, nếu chẳng tu pháp môn này, mà mong có thể thoát ly lục đạo luân hồi ngay trong một đời, có ai làm được hay chăng? Nếu mong thành tựu ngay trong một đời, chỉ có pháp môn này thì mới có thể thực hiện được.

Do đó, trong việc Thích Ca Mâu Ni Phật mỉm cười đã bao hàm nhiều ý nghĩa ngàn ấy.

IV.2.1.4. Phật quang ích chúng (quang minh của đức Phật lợi ích chúng sanh)

Trên thân đức Phật thường có quang minh, nhưng phóng quang nhất định là vì hữu ích chúng sanh. Mỗi bộ phận trên thân thể đức Phật đều có thể phóng quang. Trong đoạn trước, đối với phu nhân Vi Đề Hy,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Đức Phật đã phóng quang minh từ giữa hai mày; nay trong đoạn này, từ miệng Ngài phóng quang năm màu. Hai chuyện này đều biểu thị ý nghĩa nhất định. Xin các vị xem biểu đồ về phần “*Phật quang ích chúng*”. Đức Phật phóng quang có thể lợi ích những chúng sanh nào? Điều này phải xét xem đức Phật phóng quang từ bộ vị nào trên thân thể. Chẳng hạn như: Phóng quang dưới bàn chân có thể hóa độ chúng sanh trong địa ngục. Quang minh từ hai đầu gối sẽ lợi ích cho chúng sanh trong súc sanh đạo. Quang minh phóng ra từ bụng, sẽ tạo lợi ích cho A Tu La đạo. Từ nơi ngực phóng quang, sẽ hữu ích đối với loài người. Cuối cùng là hai loại quang minh được nói trong kinh văn. Ngũ sắc quang từ trong miệng phóng ra, là để hóa độ Nhị Thừa (Tiểu Thừa và Trung Thừa). Đức Phật phóng quang từ miệng, đối trước họ thuyết pháp, khiến cho họ đạt được lợi ích. Đức Phật phóng ánh sáng từ giữa hai mày nhằm dành cho những người có căn khí Đại Thừa, khiến cho họ đạt được pháp ích.

Xem hai đoạn kinh văn trước và sau, chẳng có gì khó hiểu: Đức Phật phóng quang minh từ giữa hai mày là khi sắp giảng Đại Thừa Phật pháp thì mới có [hiện tượng ấy]. Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa, cũng phóng quang từ giữa hai mày. Giảng bộ kinh này nhằm giảng trực tiếp cho phu nhân Vi Đề Hy, nhưng do phu nhân Vi Đề Hy là người phát khởi bộ kinh này, bà ta cũng là chúng đương cơ; cho nên đức Phật phóng quang từ giữa hai chân mày đối với bà ta. Vì sao Phật phóng quang minh từ giữa hai mày để biểu thị sắp giảng Đại Thừa Phật pháp? Theo như các vị tổ sư chú giải, đây là một cách biểu thị pháp: Do lông mày của con người ở hai bên, cho nên ở chính giữa hai lông mày biểu thị Trung Đạo. Bạch hào là một trong ba mươi hai tướng của đức Phật, giữa hai chân mày tỏa ánh sáng, bạch hào quang biểu thị ánh sáng của Trung Đạo. Bộ kinh này là đại pháp thuần túy. Hễ giảng kinh điển Đại Thừa, giống như kinh Pháp Hoa và bộ kinh này, đức Phật đều đối trước hàng đương cơ phóng quang minh từ giữa hai mày!

Đối với vua Tần Bà Sa La, đức Phật phóng quang từ miệng, [bởi lẽ], căn cơ của lão quốc vương chẳng to như phu nhân. Ông ta là căn cơ Tiểu Thừa, cho nên đức Phật từ trong miệng phóng quang chiếu vào đỉnh đầu nhà vua. Sau khi được chiếu, ngay lập tức nhà vua chứng đệ tam quả A Na Hàm, coi như đã thoát khỏi lục đạo. Từ miệng, đức Phật phóng quang minh năm màu, [khiến cho nhà vua] thoát khỏi lục đạo là như thế nào? Tâm Kinh nói “*Ngũ Uẩn đều không*”, phải quán Ngũ Uẩn đều là Không thì mới có thể thoát ly lục đạo. Từ miệng đức Phật phóng ra quang minh năm màu, khiến cho vua Tần Bà Sa La hiểu rõ Ngũ Uẩn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

(Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức) đều là hư giả. Sau khi đã vứt bỏ Ngũ Uẩn, mới thấy Chân Ngã thật sự, mới có thể chứng quả. Vì vậy, phóng quang minh năm màu có ý nghĩa như thế đó.

Sau khi đã hiểu rõ đạo lý, lại xem tiếp kinh văn: “*Nhĩ thời đại vương, tuy tại u bế, tâm nhãn vô chướng*” (Lúc bấy giờ, đại vương tuy bị nhốt kín, tâm nhãn chẳng có chướng ngại). “*Nhĩ thời*” là khi Phật quang chiếu tới, chiếu vào đỉnh đầu của lão quốc vương. “*Đại vương tuy tại u bế*”, nghĩa là lão quốc vương tuy bị nhốt chặt trong một căn phòng có nhiều lớp cửa (từng tầng vách tường ngăn trở, kẻ bình phàm sẽ chẳng trông thấy nơi ấy), nhưng nhà vua tâm nhãn chẳng bị chướng ngại. [Tuy] nhục nhãn bị chướng ngại, chẳng thấy, nhưng vua đã khai tâm nhãn. Tâm nhãn là gì? Trong Phật học, có một danh từ là Pháp Nhãn Tịnh (法眼淨), tức là nhờ vào pháp, có thể thấy rõ ràng, rành rẽ (chẳng cậy vào nhục nhãn, cũng chẳng nhờ vào thiên nhãn; mà do cậy vào sức Thiền Định, cho nên có thể thấy những sắc chất chướng ngại²³ ở đằng xa, chiếu rõ các pháp). Phật quang vừa chiếu tới, một đấng là sức [gia trì] của Phật quang, đấng khác là tâm nhãn của chính mình chẳng bị chướng ngại. Vì sao tâm nhãn chẳng có chướng ngại? Phải xem kinh văn trong phần trước, quốc vương thỉnh cầu đức Phật phái tôn giả Mục Kiền Liên truyền trao Bát Quan Trai Giới.

Đức Phật ngoài việc thuận theo ý muốn của nhà vua, sai tôn giả Mục Kiền Liên tới truyền trao Bát Quan Trai Giới, lại còn phái thêm đại đệ tử tôn giả Phú Lô Na cùng đến, thay Phật thuyết pháp, liên tục suốt hai mươi một ngày. Công đức thọ Bát Quan Trai Giới một ngày đã là rất lớn, huống hồ liên tục thọ trong hai mươi một ngày. Lại còn thêm tôn giả Phú Lô Na là vị đại đệ tử có thể thuyết pháp như vậy. Mỗi ngày, Ngài thuyết pháp cho nhà vua. Vua vừa trì giới, vừa nghe Phật pháp. Quý vị ngẫm xem, đây cũng chẳng phải là tình huống bình thường. Lũ bình phàm chúng ta thọ giới cũng thế, nghe pháp cũng thế, trong tâm chẳng cảm thấy gì. Chúng ta phải hiểu rõ: Trong lúc đó, lão quốc vương bị con của chính mình giam cầm, sẽ chết lúc nào, chính mình chẳng biết! Ông ta bị tình hình ấy công kích. Học Phật là phải buông xuống, giống như chúng ta niệm Phật, phải buông xuống vạn duyên thì mới niệm Phật tốt

²³ Chướng ngại (障外): Ý nói vật chất ngăn lấp cái nhìn của chúng ta. Chẳng hạn, chúng ta không thể nhìn xuyên qua tường. Vật ở sau bức tường ấy sẽ được gọi là “*chướng ngại chi sắc*”.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đẹp. Nhưng buông xuống vạn duyên chẳng dễ dàng; thế mà lão quốc vương trong tình huống ấy, thật sự có thể buông xuống vạn duyên. Vì chẳng buông xuống cũng không thể được! Mắt thấy chính mình sắp chết, há còn chẳng thể buông xuống hay không? Vì thế, nhà vua có thể triệt để buông xuống, một mặt là triệt để buông xuống, mặt khác lại thọ giới, lại nghe pháp.

Ở đây, kinh văn nói đơn giản; trong chú giải, tổ sư chú giải đã chỉ rõ: Trong lúc đó, tất nhiên nhà vua đã chứng Sơ Quả và Nhị Quả. Sơ Quả là hoàn toàn đoạn trừ Kiến Hoặc. Vì sao, nhà vua có thể chứng Sơ Quả, đoạn Kiến Hoặc? Trong tình huống ấy, nhà vua mới có thể hoàn toàn giác ngộ. Giác ngộ thân thể chẳng phải là của chính mình, chẳng phải là chân thật, bị giam cầm chẳng được tự do, mắt cũng thấy chính mình sắp chết, còn thấy thân thể này là chân thật nữa ư? Đã chẳng phải là chân thật, chớ nên chấp trước, chẳng thể nào không buông Thân Kiến Ngã Chấp xuống! Kẻ bình phàm chúng ta chẳng dễ buông xuống vì chẳng trải qua tình cảnh ấy. Lão quốc vương gặp phải tình cảnh ấy, bèn có thể buông xuống rất nhanh, chứng Sơ Quả, tiếp đó là chứng Nhị Quả. Vì thế, khi ấy, tâm nhãn của nhà vua chẳng có chướng ngại (do đã chứng Sơ Quả, Nhị Quả). Lại còn được Phật quang gia bị, cho nên ông ta có thể “*dao kiến Thế Tôn*” (trông thấy đức Thế Tôn từ xa).

Chúng ta niệm Phật có được Phật quang gia bị hay không? Chúng ta niệm Phật, không chỉ là Phật quang của A Di Đà Phật chiếu ngay trên thân chúng ta, mà thậm chí mười phương thế giới Hằng hà sa số Phật quang đều hộ niệm chúng ta. Chỉ vì chúng ta có chướng ngại, cho nên chính mình chẳng thấy. Tuy chẳng thấy, nhưng Phật quang vẫn chiếu chúng ta, chúng ta phải nên có tín niệm ấy. Khi đó, vua Tần Bà Sa La đã chứng Sơ Quả và Nhị Quả, cho nên tâm nhãn chẳng bị chướng ngại, có thể “*dao kiến Thế Tôn*”. Không chỉ là thấy Phật quang, mà còn thuận theo Phật quang, thấy đức Thế Tôn ở xa xa đang thuyết pháp trong phòng giam nơi phu nhân Vi Đề Hy đang bị nhốt giữ. Đoạn này bao hàm rất nhiều ý nghĩa trọng yếu.

IV.2.1.5. Tiểu Thừa tứ quả

Lão quốc vương thấy đức Thế Tôn, nương theo quang minh ấy để “*đâu diện tác lễ*”, tức là hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật đánh lễ, “*tự nhiên tăng tán*”. Trong phần trước đã nói, nhà vua chứng đắc Sơ Quả, Nhị Quả. Lúc đó, lại được Phật quang gia bị, nhà vua vừa đánh lễ, công

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phu tự nhiên tăng tấn, “*thành A Na Hàm*”, [tức là] chứng Tam Quả. Thành A Na Hàm bèn thoát khỏi lục đạo. Vì sao thành A Na Hàm bèn thoát lục đạo? Xin các vị xem biểu đồ. Trên biểu đồ có ghi bốn quả của Tiểu Thừa. Tiểu Thừa và Đại Thừa khác nhau. Đại Thừa chú trọng hóa độ chúng sanh, chẳng cầu chính mình liễu sanh tử trước. Tiểu Thừa coi trọng chuyện cầu liễu sanh tử cho chính mình trước. Để liễu sanh tử, phải tu từng bước một. Bước đầu tiên là chứng đắc Sơ Quả. Sơ Quả, tiếng Ấn Độ gọi là Tu Đà Hoàn (Srotāpanna), dịch sang tiếng Hán là Dự Lưu (預流), có nghĩa là tham dự, gia nhập dòng thánh nhân. Cậy vào đâu mà nhà vua chứng Sơ Quả Dự Lưu? Vì ông ta đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới (Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới), những phẩm [phiền não] ấy cũng thường được gọi là “*tám mươi tám Sứ*”.

Nói tới “*tám mươi tám Sứ*”, trong đó, nghiêm trọng nhất là Thân Kiến. Ai nấy đều coi thân thể của chính mình là chân thật. Thật ra, thân thể là do nhân duyên hòa hợp, là thứ giả dối do Ngũ Uẩn hòa hợp. Thế nhưng, bất luận là ai cũng đều chẳng thấy thấu suốt, đều ngỡ nó là chân thật, sanh khởi chấp trước đối với nó. Càng chấp trước, càng có lắm nỗi khổ não. Phật pháp nói: “*Thân vi khổ bản*” (Thân là cái gốc khổ). Chấp trước thân thể chính là căn bản của mọi nỗi thống khổ. Những thứ khác như các thứ tà tri tà kiến hủy báng nhân quả v.v... đều là Kiến Hoặc, thuộc loại điên đảo, mê hoặc nơi tri kiến, tổng cộng có tám mươi tám Sứ.

Sứ (使) là gì? Là một thứ sức mạnh, có thể khiến cho quý vị chẳng thể tự chủ, phải nghe theo sự sai khiến của nó. Bất cứ phàm phu nào cũng đều bị sức mạnh của tám mươi tám món Kiến Hoặc chỉ huy, sai khiến, thật sự chẳng tự do! Người bình phàm hiện thời cứ hờ ra bèn nhắc đến “*dân chủ, tự do*”. Thật ra, họ hoàn toàn chẳng hiểu ý nghĩa thật sự của tự do. Tự do thật sự chính là phải trừ bỏ tám mươi tám Sứ; có thể chẳng bị những sức mạnh ấy sai khiến thì mới coi là thật sự đạt được tự do. Nhanh chóng đoạn trừ tám mươi tám Sứ, chỉ cần hiểu rõ đạo lý này, thấy thông suốt đạo lý này, tám mươi tám Sứ trong tam giới liền đoạn hết, đó gọi là “*đốn đoạn*” (đoạn nhanh chóng). Đã đốn đoạn Kiến Hoặc trong tam giới, bèn chứng Sơ Quả, thật sự gia nhập dòng thánh nhân, điều này cũng được gọi là Dự Lưu. Nói chung, tu Tiểu Thừa, muốn thoát ly lục đạo luân hồi, vẫn phải trải qua bảy lần sanh tử trong nhân gian hoặc cõi trời. Bảy phen sanh tử tính như thế nào? Hoàn toàn chẳng phải

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

là bảy phen sanh tử tính từ hiện tại, mà là [kể từ] sau khi đã chứng Sơ Quả, hãy còn Tư Hoặc chưa đoạn.

Tư Hoặc dùng tam giới để tính thì tam giới có tất cả chín địa, tức là chia thành chín tầng cảnh giới. Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới có tất cả tám mươi một phẩm Tư Hoặc. Dục Giới có chín phẩm Tư Hoặc; trước hết, đoạn sáu phẩm Tư Hoặc bèn chứng Nhị Quả. Tiếng Ấn Độ gọi Nhị Quả là Tư Đà Hàm (Sakṛdāgāmin), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhất Lai (一來). Nói là Nhất Lai, tức là chỉ còn phải trở lại nhân gian một lần nữa, vì sau khi đã đoạn sáu phẩm đầu trong chín phẩm Tư Hoặc của Dục Giới, hãy còn ba phẩm chưa đoạn, cho nên vẫn phải tồn thêm một đời nữa! Vì sao chúng ta có sanh tử? Đã chết lại sanh, sanh lại chết ư? Chuyển sanh là do có mối quan hệ với Tư Hoặc nhuận sanh, khiến cho chúng ta sanh tử không ngừng. Vì còn có ba phẩm Tư Hoặc trong Dục Giới chưa đoạn, cho nên vẫn phải tới nhân gian một chuyển, gọi là Nhất Lai. Đây là chứng đắc Nhị Quả.

Vì sao Tư Hoặc khó đoạn như vậy? Tư Hoặc hoàn toàn nói về công phu tu trì, nói tới lý luận. Có lẽ cũng có kẻ vừa nghe nói bèn hiểu rõ ngay, nhưng nếu thật sự thực hiện nơi Sự, sửa đổi từ hành vi, chẳng dễ dàng đâu nhé! Trừ khử Tư Hoặc, hành vi đều là đoạn chánh. Do đó, Tư Hoặc còn được gọi là Tư Hoặc. Trên đây đã nói chứng đắc Nhị Quả. Sau khi đã chứng Nhị Quả, vẫn phải tiếp tục tu. Dục Giới có chín phẩm Tư Hoặc, chứng Nhị Quả là đã đoạn sáu phẩm Tư Hoặc, vẫn còn sót lại ba phẩm Tư Hoặc.

Sau khi đã đoạn hết ba phẩm cuối cùng, bèn chứng Tam Quả. Tam Quả trong tiếng Ấn Độ là A Na Hàm (Anāgāmi), nghĩa tiếng Hán là Bất Hoàn (不還), tức là không còn ở trong Dục Giới Thiên nữa, mà sanh vào Đệ Tứ Thiên Thiên trong Sắc Giới Thiên. Chúng ta biết Sắc Giới Thiên có bốn tầng cảnh giới (Sơ Thiên Thiên, Nhị Thiên Thiên, Tam Thiên Thiên, Tứ Thiên Thiên). Hàng Tiểu Thừa đã chứng đắc từ Tam Quả trở lên, sẽ trụ trong Ngũ Tịnh Cư Thiên của Đệ Tứ Thiên Thiên (A Na Hàm ở nơi đó), lại tiếp tục tu cho đến chứng đắc quả thứ tư.

Tư Hoặc có tất cả tám mươi một phẩm, tính theo cách nào? Chia tam giới thành chín địa, Dục Giới được coi là một địa, tức Ngũ Thụ Tạp Cư địa, Sắc Giới có bốn Thiên Thiên, tức Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên và Tứ Thiên, tổng cộng là bốn địa. Vô Sắc Giới do có bốn thứ đại định, nên cũng có bốn địa. Sắc Giới và Vô Sắc Giới có tất cả tám địa, cộng thêm một địa của Dục Giới, nên [tam giới có] tất cả là chín địa.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Trong mỗi địa, lại phải đoạn chín phẩm. Nói là “chín phẩm” vì chia thành thượng, trung, hạ, [đối với thượng, trung, hạ, lại chia thành] thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ thượng, hạ trung, và hạ hạ. Sau khi đã đoạn hết chín phẩm trong Dục Giới, hãy còn có tám địa trên đó, thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới, tức là còn có bảy mươi hai phẩm. Nói cách khác, chứng đắc quả A Na Hàm, vẫn phải ở trong Ngũ Tịnh Cư Thiên, tiếp tục tu cho đến khi đoạn hết bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc thì mới có thể chứng đắc A La Hán. A La Hán (Arahant) trong nghĩa tiếng Hán là Sát Tặc, Ứng Cúng, và Vô Sanh. Những hàm ý này trong quá khứ, khi giảng kinh A Di Đà, tôi đã nói qua, cho nên ở đây, chẳng nói cặn kẽ. Nói cách khác, đoạn sạch bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc thuộc tám địa trong hai giới (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), tức là toàn thể tám mươi một phẩm Tư Hoặc đều đoạn sạch, bèn chứng quả thứ tư, tức quả cao nhất trong Tiểu Thừa, trở thành A La Hán.

Chúng ta hiểu rõ, lão quốc vương sau khi trông thấy Phật quang, hướng về đức Phật đánh lễ, sau đấy, công phu lập tức tăng tấn khá nhiều, lập tức chứng Tam Quả. Từ biểu đồ vừa mới xem, ta biết: Ông ta không phải thọ sanh trong Dục Giới nữa, mà sẽ sanh lên Tứ Thiên Thiên. Đã sanh vào Tứ Thiên Thiên, sẽ ôn hòa, tuyệt đối chẳng bị thoái chuyển. Cũng có nghĩa là: Chứng Đệ Tam Quả sanh trong Đệ Tứ Thiên Thiên, sẽ nhất định có thể chứng Đệ Tứ Quả, vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng còn sanh tử luân chuyển nữa! Nói theo kinh Niết Bàn, vua Tần Bà Sa La sau khi đã chứng Đệ Tam Quả, sau bảy ngày sẽ chết. Quý vị ngẫm xem: Vốn do có phu nhân Vi Đề Hy đưa thức ăn mỗi ngày, nên nhà vua còn có thể duy trì thân thể. Về sau, chuyện ấy bị thái tử phát hiện, thái tử dấy lên ý muốn giết hại phu nhân Vi Đề Hy. Sau khi được hai vị đại thần khuyến cáo, tuy chẳng giết mẹ, nhưng nhốt chặt bà ta lại, chẳng ai mang thức ăn cho lão quốc vương nữa. Do đó, sau khi đã chứng Tam Quả, tới ngày thứ bảy, thân thể của nhà vua bèn chết. Theo cái nhìn của kẻ thế tục, lão quốc vương bị chết đói. Tuy đã chết, ông ta đã chứng Tam Quả, thoát ly lục đạo. Hãy tính thử xem: Sau khi chết trong sự náo nhiệt, sẽ lại lưu chuyển trong lục đạo, đó là tốt đẹp; hay là chết đói mà sanh vào Đệ Tứ Thiên Thiên, chứng quả A La Hán tốt đẹp hơn? Đương nhiên là phải nên giống như lão quốc vương, chịu đau khổ ngăn ngại, lập tức giải quyết xong đại vấn đề lưu chuyển sanh tử trong lục đạo từ vô thủy tới nay. Đó là chuyện tuyệt diệu!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Còn có một điều cần phải nói. Trong đoạn kinh văn trên đây, phu nhân Vi Đề Hy thỉnh đức Phật dạy bà ta tư duy, dạy bà ta Chánh Thọ, vì sao đức Phật chẳng dạy ngay lập tức, mà còn phải chèn thêm một đoạn này vào? Học đại pháp, bất luận là tư duy cũng thế, mà Chánh Thọ cũng thế, nhất định là phải chuyên tâm nhất trí tu tập, chẳng thể phân tâm. Hễ phân tâm, sẽ chẳng thể thành công. Vì thế, đức Phật muốn cho phu nhân Vi Đề Hy có thể chuyên tâm thọ trì, nhất định là phải giải quyết vấn đề của lão quốc vương trước. Nếu chẳng giải quyết vấn đề ấy, tất nhiên là bà ta chẳng thể tu được! Vì trong tâm bà ta nhất định nghĩ tới lão quốc vương còn đang bị giam nơi đó, chẳng có cách nào cho nhà vua ăn uống, chẳng biết tình hình ra sao? Trong lòng luôn vướng mắc. Đức Phật phóng quang khiến cho phu nhân Vi Đề Hy trông thấy: Lão quốc vương đã chứng đắc Tam Quả, sanh tử đại sự đã xong, sau bảy ngày sẽ chết. Sau khi đã chết, toàn thể vấn đề đã giải quyết, khiến cho phu nhân Vi Đề Hy sau khi đã hiểu rõ chuyện này, sẽ chẳng có mấy may phân tâm thì mới có cách tu mười sáu phép diệu quán thành công được! Sau khi đã nói xong đoạn này, trong đoạn kế tiếp, đức Phật dạy phu nhân Vi Đề Hy về phương pháp tư duy và Chánh Thọ. Điều này là ý nghĩa chánh yếu trong đoạn kinh văn này. Có thể thấy là do đọc chú giải của tổ sư [mà nhận thức ý nghĩa ấy]. Nếu kinh văn chẳng được tổ sư chú giải, không chỉ là chúng ta đọc chẳng hiểu, dầu là bậc đại văn hào tinh thông văn chương cách mấy cũng chẳng thể thấy được! Hôm nay tôi giảng đến đây thì ngưng!

Tập 12

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu! Xin mở kinh bản trang thứ năm, bắt đầu từ hàng thứ bảy. Trước hết, tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Nhữ thời Thế Tôn, cáo Vi Đề Hy: “Nhữ kim tri phủ? A Di Đà Phật, khứ thử bất viễn. Nhữ đương hệ niệm, để quán bỉ quốc Tịnh nghiệp thành giả. Ngã kim vị nhữ quảng thuyết chúng thí, diệt linh vị lai thế nhất thiết phàm phu, dục tu Tịnh nghiệp giả, đắc sanh Tây Phương Cực Lạc quốc độ”.

(經)爾時世尊，告韋提希：汝今知不？阿彌陀佛，去此不遠。汝當繫念，諦觀彼國淨業成者。我今為汝廣說眾譬，亦令未來世一切凡夫，欲修淨業者，得生西方極樂國土。

(Kinh: Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Vi Đề Hy: “Nay bà có biết hay chăng? A Di Đà Phật cách đây chẳng xa! Bà hãy nên hệ niệm, quán chắc chắn những người đã thành tựu Tịnh nghiệp trong cõi ấy. Ta nay sẽ vì bà rộng nói các thí dụ, cũng nhằm làm cho hết thầy phàm phu trong đời mai sau, nếu là người muốn tu Tịnh nghiệp, sẽ được sanh về cõi nước Tây Phương Cực Lạc”).

Lần trước, đã nói đức Phật đến phòng giam của phu nhân Vi Đề Hy. Phu nhân Vi Đề Hy thỉnh đức Phật dạy một nơi thanh tịnh nhất (chẳng bắt hảo như trong thế giới hiện tại này). Đức Phật bèn phóng quang, từ trong quang minh hiện ra mười phương vô lượng vô biên cõi nước tịnh diệu để phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa. Kết quả chọn lựa của phu nhân Vi Đề Hy là trong những thế giới tốt đẹp ngàn ấy, bà công nhận Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức thế giới của A Di Đà Phật, là cõi tốt đẹp nhất. Sau khi đã chọn xong, phu nhân Vi Đề Hy bèn thỉnh đức Phật dạy bà cách chánh trợ song tu như thế nào thì mới có thể đến thế giới ấy. Nghe xong, Thích Ca Mâu Ni Phật mỉm cười, công nhận bà ta chọn đúng, đã chọn được cõi tốt nhất. Sau đấy, từ trong miệng, Ngài phóng quang minh năm màu, trực tiếp chiếu thấu vua Tần Bà Sa La (lão quốc vương) đang ở trong phòng giam, chiếu đến đỉnh đầu lão quốc vương. Lão quốc vương vừa được Phật quang chiếu tới, công phu vốn đã khá lắm, ngay khi ấy, bèn chứng Tiểu Thừa Tam Quả (A Na Hàm), chứng Tam Quả rất lỗi lạc! Lúc đó, vua bị con mình bắt giam, sắc thân đã chẳng có cách nào tiếp tục sanh tồn. Chẳng sao cả! Sắc thân là thứ giả tạm, đã chứng Tam Quả, sau khi vứt bỏ sắc thân, sẽ sanh ngay lên trời. Sanh lên tầng trời nào trong cõi trời? Chẳng phải là Lục Dục Thiên, mà là Ngũ Tịnh Cư Thiên trong Đệ Tứ Thiên Thiên. Ở nơi ấy, có thể ổn thỏa tiếp tục chứng quả thứ tư, tức là chứng quả A La Hán. Vì thế, chứng Tam Quả có thể nói là bảo đảm, đã ra khỏi lục đạo, đã có thể giải quyết vấn đề sanh tử.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thích Ca Mâu Ni Phật giúp lão quốc vương giải thoát lục đạo luân hồi, chứng Tam Quả, sanh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên. Trong lần trước đã nói vì sao kinh văn phải chèn thêm một đoạn này? Vì đức Phật muốn truyền trao đại pháp cho phu nhân Vi Đề Hy; trong phần sau sẽ nói tới phương pháp dụng công. Dụng công thì chẳng thể phân tâm, không thể có chuyện nào khác vướng mắc trong tâm. Giả sử lão quốc vương chưa liễu sanh tử, phu nhân Vi Đề Hy thấy chồng mình vẫn đang chịu khổ, tâm sẽ không buông xuống được! Tâm không buông xuống được, chính là một thứ chướng ngại. Dẫu Phật pháp hay cách mấy, bà ta không thể chuyên tâm nhất trí dụng công thì chẳng được rồi! Vì nguyên nhân này, trước hết, Thích Ca Mâu Ni Phật giúp lão quốc vương liễu sanh tử. Vấn đề đã giải quyết; sau đó, bèn dạy phu nhân Vi Đề Hy cách dụng công như thế nào. Hôm nay, tôi giới thiệu đoạn kinh văn này.

“*Nhĩ thời*” là khi đức Phật phóng quang khiến cho vua Tần Bà Sa La chứng đệ Tam Quả. “*Thế Tôn cáo Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy: “*Nhữ kim tri phủ?*” (Chữ “*Bất*” (不) trong kinh văn có nghĩa là “*phủ*” (否), [nghĩa là] nay bà có biết hay không? Có ý nghĩa hỏi bà ta, hỏi điều gì? “*A Di Đà Phật, khứ thử bất viễn*”, nghĩa là đang giáo chủ trong thế giới Cực Lạc do bà đã chọn là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật cách thế giới Sa Bà này chẳng xa! Đức Phật hỏi phu nhân Vi Đề Hy; phu nhân Vi Đề Hy chẳng trả lời, đương nhiên là vì không biết.

Do vậy, kể đó, đức Phật tự tiếp tục bảo bà ta: A Di Đà Phật đã là cách thế giới này không xa, “*nhữ đương hệ niệm*” (chữ Hệ (繫) đọc theo lối cổ là Ký (記). Hiện thời, chia thành hai ý nghĩa: Dem thứ gì buộc ở một nơi thì đọc là Ký. Ý nghĩa khác thì đọc là Hệ, [nghĩa là] vương vấn ở chỗ nào. Trong kinh văn, hai ý nghĩa ấy đều có), hãy nên hệ niệm. “*Đế quán bỉ quốc*”: Bà hãy nên xem thế giới Cực Lạc ấy, “*Tịnh nghiệp thành giả*”, ý nói A Di Đà Phật và chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc, đều là những người đã thành tựu Tịnh nghiệp. Bà phải chuyên tâm nhất trí, quan sát rõ ràng, rành rẽ hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc, nhất là chánh báo của cõi ấy, tức là A Di Đà Phật và những người vãng sanh nơi đó.

Ở đây, có mấy danh từ cần phải nói rõ. “*A Di Đà Phật khứ thử bất viễn*” (A Di Đà Phật cách nơi này chẳng xa). Đối với danh từ “*bất viễn*” này, đầu tiên là nói theo sự thật. Kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng là thế giới trùng trùng vô tận. Trong toàn thể thế giới Hoa Tạng, nói theo chiều dọc bèn có hai mươi tầng, nói theo chiều ngang, cũng có

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

rất nhiều thế giới. Từ thế giới Sa Bà, tức là một tam thiên đại thiên thế giới thuộc quyền giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, đi về phương Tây, trải qua mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới, sẽ là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới Cực Lạc và thế giới Sa Bà đều thuộc tầng thứ mười ba, cùng thuộc một tầng. Tuy nói phải qua mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới, nhưng nói theo toàn thể trùng trùng vô tận thế giới, chẳng coi là xa! Đó là nói theo phương diện sự thật, đích xác là ngoài mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới về Tây Phương bèn có thế giới Cực Lạc.

Nói theo Lý, bất cứ chúng sanh nào cũng đều có chân tâm, còn gọi là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh rốt cuộc to cỡ nào? Trùng trùng vô tận thế giới là vô lượng vô biên, bản tánh của chúng ta cũng là vô lượng vô biên. Nói cách khác, bất luận là thế giới Cực Lạc, hay trùng trùng vô tận thế giới của Hoa Nghiêm, nay chúng ta là phàm phu, do tâm lượng của chính mình chưa mở mang, cho nên chẳng biết. Một khi tâm lượng của chúng ta đã mở rộng, những thế giới ấy đều ở trong tâm chúng ta. Nói cách khác, đều chẳng vượt ra ngoài tâm pháp, đều ở trong tâm chúng ta. Chỉ cần chúng ta hiểu rõ “*tâm*”, mở rộng tâm tánh của chính mình, đến thế giới Cực Lạc sẽ rất gần, chỉ cần một niệm là đến nơi. Nói theo phương diện Lý, tình hình đích xác là như thế!

Kinh do đức Phật giảng; đã thành Phật thì bất cứ điều gì cũng đều hiểu rõ. Không chỉ là chuyện gì trong một tam thiên đại thiên thế giới cũng đều hiểu rõ, mà trùng trùng vô tận thế giới cũng đều hiểu rõ ràng. Vì toàn thể bản tánh của Phật đều đã khai phát, đều hiểu rõ. Tương phản, lũ chúng sanh phàm phu bọn ta chẳng hiểu rõ bản tánh của chính mình, tất cả mọi người đều coi thân thể được kết hợp bởi Tứ Đại giả hợp (vật chất) và vọng tâm là chính mình. Hãy ngẫm xem! Nhục thân của chúng ta đã là do nhân duyên hòa hợp, ắt phải nên giác ngộ: Đã là nhân duyên hòa hợp, mà mong cầu nó vĩnh cửu chẳng tan hoại, sẽ chẳng thể có chuyện ấy được! Bất cứ ai trong chúng ta, từ thuở thơ ấu cho đến hiện thời, đều đã từng ngã bệnh. Vì sao sanh bệnh? Bệnh là vì thân thể và tâm lý của chúng ta chẳng thể duy trì cân bằng. Do những cái nhân hoặc duyên nào đó phát sanh biến động, biến động mà chẳng tuân theo quy tắc, sẽ nảy sanh bệnh tật, sẽ cảm thấy chẳng thoải mái. Nghiêm trọng hơn một chút là chẳng thể hành động. Càng nghiêm trọng hơn nữa là thậm chí thân thể chẳng thể tồn tại! Thuần túy là pháp nhân duyên. Bản thân của chúng ta là như thế, thế giới ở ngoài thân thể càng hư giả, kể cả tổ chức [xã hội] của loài người, núi, sông, đại địa, tài sản, địa vị

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đều luôn biến động (chẳng có một thời, một khắc nào không biến động). Mong duy trì lâu dài bất biến, chẳng thể làm được! Kể cả địa vị chánh trị, tài sản của chính mình v.v... đều là thời thời khắc khắc biến động, chẳng thật sự thuộc về chính mình! Thân thể của chính mình mà còn chẳng thể làm chủ được, huống gì những thứ khác! Vì thế, ắt cần phải hiểu rõ, phải giác ngộ. Chẳng giác ngộ điều này, chúng ta sẽ mỗi ngày một thống khổ sâu đậm hơn!

Học Phật là phải chuyên biến tri kiến phàm phu, trừ khử phàm tình (trừ khử tâm lý phàm phu), chuyên thành chánh tri chánh kiến trong sự giác ngộ của đức Phật, mở rộng tâm lượng, đừng nên chấp trước giả ngã. Chỉ cần chẳng chấp trước giả ngã, tâm nhìn sẽ khác hẳn, sẽ thấy thế giới chẳng giống như trong kiến thức của kẻ bình phàm. Kẻ bình phàm luôn chấp trước cái Ngã nhỏ nhoi của chính mình, chẳng thấy rõ ngoại giới. Do chẳng thấy rõ, sẽ chẳng tin tưởng. Chẳng hạn như nói: Ngoại trừ thế giới của chúng ta, còn có thế giới Cực Lạc, kẻ bình phàm sẽ chẳng tin tưởng. Nếu nói còn có rất nhiều thế giới khác, họ cũng chẳng tin tưởng, chuyện này trách ai đây? Chỉ trách kẻ ấy tự mình chấp trước cái giả, buông bỏ cái thật, chẳng hiểu rõ sự thật chân chánh. Do đó, học Phật ắt phải là đừng nên chấp trước giả ngã hùng hổ như vậy, hãy buông bỏ cái giả thì mới thấy rõ ràng cái thật! Đã thấy rõ sự thật thì cũng thấy rõ đạo lý. Mọi người cũng thường nói “kẻ nào đó hồ đồ”, hồ đồ là gì? Là không hiểu rõ sự lý. Chẳng hiểu rõ sự thật thì cũng chẳng hiểu rõ sự lý, đó là phàm phu. Bất luận kẻ nào cũng đều chẳng hiểu rõ sự lý; chúng ta học Phật thì phải hiểu rõ sự lý. Do đó, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo “*không xa*” chính là nói theo phương diện sự thật, mà cũng là nói theo phương diện đạo lý. Nói theo sự thật, trong toàn thể vô cùng vô tận thế giới, chúng ta cách thế giới Cực Lạc chẳng xa! Nói theo đạo lý, thế giới Cực Lạc ở ngay trong tâm chúng ta. Hai ý nghĩa của “*không xa*” xem ra dễ hiểu. Xét theo Sự và Lý thì dễ diễn tả. Tuy nay chúng ta chẳng thấy, nhưng [đã có] tri kiến chánh xác, lại vận dụng công phu, sau khi nhập Định, cái tâm trong Định có thể thấy thế giới Cực Lạc. Tu thành công các phương pháp được giảng trong mười sáu phép Quán ở phần sau, sẽ có thể thấy thế giới Cực Lạc.

Trong phần trên, đã nói về ý nghĩa “*không xa*”. Tiếp đó, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy: A Di Đà Phật đã cách chúng ta chẳng xa, phải làm như thế nào để trong tương lai có thể đến thế giới ấy? Giống như hiện thời chúng ta muốn lên mặt trăng, có thể đáp hỏa tiễn, ngồi phi thuyền, nhưng khoảng cách ấy vẫn là quá gần, đến thế giới Cực

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lạc bằng cách nào? Dùng cái tâm để đến đó. Đến bằng tâm như thế nào? Vậy thì phải dụng công! Nói theo Lý, không chỉ là thế giới Cực Lạc, mà tất cả các thế giới đều ở trong tâm chúng ta, nay chúng ta vẫn là phàm phu vọng tâm, cho dù là vọng tâm thì cũng không được! Tôi nêu ra một sự thật: Bất cứ ai, hễ nói đến mặt trời, tâm chúng ta ngay lập tức nghĩ tới mặt trời. Lại còn có Hỏa Tinh, Ngân Hà (Ngân Hà càng xa hơn), hễ nói tới Hỏa Tinh hoặc Ngân Hà, tâm bèn nghĩ tới Hỏa Tinh hoặc Ngân Hà. Có thể thấy là cái tâm của chúng ta còn nhanh hơn phi thuyền và hỏa tiễn, chẳng có cách nào tỷ dụ. Đó vẫn là vọng tâm của phàm phu đấy nhé! Trừ sạch vọng tâm, toàn thể chân tâm hiển lộ, vừa động niệm bèn tới nơi, đích xác là như thế đó! Chúng ta phải tin tưởng đạo lý do đức Phật đã dạy.

Do mối quan hệ này, tiếp đó, đức Phật bảo bà ta: “*Nhữ đương hệ niệm*” (“*niệm*” là tâm niệm), bà hãy nên hệ niệm. Vì sao phải hệ niệm? Vì ý niệm trong cái tâm của phàm phu tán loạn khôn cùng. Mọi người chúng ta đều biết ý niệm của chính mình thoát một cái ở chỗ này, thoát một cái đã đến chỗ khác, chẳng có một thời, một khắc nào có thể an định! Bách Pháp Minh Môn Luận của tông Duy Thức nói có tất cả năm mươi mốt món Tâm Sở, vẫn là nói đại khái. Nếu phân chia tỉ mỉ, sẽ càng nhiều hơn nữa! Do vậy, cái tâm của chúng ta thời thời khắc khắc chạy khắp nơi, tán loạn, chẳng thể an tĩnh được! Quý vị ngẫm xem: Làm thế nào để dụng công, nhập định? Chẳng nhập định, ắt là mặc cho vọng tâm dẫn dắt chúng ta tạo nghiệp. Đương nhiên là cũng tạo thiện nghiệp, nhưng ác nghiệp càng nhiều hơn. Ví như: Hôm nay chúng ta đến chỗ tranh chấp, chỗ giết người, phóng hỏa, hoặc xem chương trình tin tức trên TV, tâm chúng ta bèn vương vấn nơi đó, thời thời khắc khắc sẽ nghĩ đến, ấn tượng bèn in vào trong tâm, sau đây biến thành của chính mình. Trong tương lai, nhân duyên hòa hợp, chính mình cũng học theo thói ấy, cũng tạo những ác nghiệp. Vì thế, chúng ta ở trong thế giới này đáng sợ lắm! Nếu chẳng lìa khỏi, chắc chắn sẽ đọa trong tam đồ. Đọa tam đồ là do sức mạnh nào? Do bị vọng tâm của chính mình lôi tới khắp nơi, đến bất cứ nơi đâu bèn học theo nơi đó, đối với chỗ tốt bèn học theo điều tốt, đối với chỗ xấu bèn học theo thói xấu. Thế giới của chúng ta khắp nơi đều là chuyện xấu xa, đã học rồi, trong tương lai làm sao liễu sanh tử cho được? Không chỉ là chẳng thể liễu sanh tử, mà cũng chẳng đảm bảo đời sau sẽ sanh trong nhân gian. Vì thế, nhất định phải tu đạo.

Đề tu đạo, phàm phu Vi Đề Hy đã vì chính mình và lũ người đời sau như chúng ta chọn lựa thế giới Cực Lạc. Muốn tới thế giới Cực Lạc,

hãy quán chế ý niệm cho vững, tức là phải “*hệ niệm*”. Chữ Hệ (繫) trong cái gọi là “*hệ niệm*” ví như buộc chặt những thứ vốn tán loạn lại, buộc vào một chỗ, chẳng để cho chúng rời rạc nữa. Ý niệm của chúng ta tán loạn như thế, hãy tập trung ý niệm lại, hòng có thể chuyên tâm nhất trí, đó là “*hệ niệm*”. Đây là một ý nghĩa; một ý nghĩa khác là tập trung ý niệm lại. Tập trung ý niệm rồi bèn đặt chúng ở nơi đâu? Chính là vương vấn, “*hệ*” ở nơi đâu? Tức là đặt ý niệm ở nơi đâu? Đặt nơi thế giới Cực Lạc, đó là “*hệ niệm*”.

Sau khi đã hiểu rõ hai ý nghĩa của hệ niệm, phải huấn luyện sao cho ý niệm tập trung, sau đấy mới “*đế quán*” (諦觀). Quán là quan sát, dụng tâm quan sát. Quan sát như thế nào? Hoàn toàn chẳng phải là tùy tiện nhìn, mà phải “*đế quán*”. Hãy nên hiểu chữ “*đế*” là “*thẩm*” (審), tức là suy xét rất cẩn thận, thấy rõ ràng, chẳng hàm hồ chút nào thì gọi là “*đế quán*”. Xét theo “*hệ niệm*” trong phần trước, nếu chẳng thể hệ niệm, sẽ chẳng thể “*đế quán*”. Nay chúng ta ý niệm tán loạn, quan sát chuyện gì cũng chẳng cẩn kẽ. Vừa quán, tâm vừa rong ruổi nơi khác. Giống như đọc sách, xem thì xem vậy, chứ tâm rong ruổi nơi khác, hoặc vừa xem vừa ngủ gật. Vì sao ngủ gật, ngủ gật? Vì tâm đã rong ruổi mất rồi, ý niệm chẳng tập trung. Do vậy, chẳng thể được! Trước hết, phải nói tới hệ niệm, sau đấy mới dạy “*đế quán*”. Đồ công dốc sức nơi hệ niệm, khiến cho tâm niệm chẳng bị hôn trầm, chẳng tán loạn, chẳng rong ruổi lung tung. Sau đấy, “*đế quán bỉ quốc*” (quán chắc thật cõi kia), nghĩa là đối với cõi nước được quan sát mới có thể thấy rõ ràng, rành rẽ. Chẳng hệ niệm sẽ không thể làm được.

Một mặt là đế quán hoàn cảnh trong cõi ấy (thế giới Cực Lạc), tiếp theo đó là “*Tịnh nghiệp thành giả*” (do Tịnh nghiệp thành tựu). Cõi ấy do đâu mà có? Là do khi A Di Đà Phật còn là Bồ Tát, vào thời Thế Tụ Tại Vương Phật, Ngài đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Sau đó, dựa trên những nguyện ấy, trải qua nhiều đời nhiều kiếp tu hành, và cũng tham khảo các thế giới thanh tịnh trang nghiêm trong mười phương, chọn lấy những đặc điểm tốt nhất, ưu điểm đặc thù của mỗi thế giới để sau đấy tạo thành thế giới Cực Lạc. Hiện thời, thường là những ai đã học kiến trúc đều biết: Kiến trúc sư muốn xây dựng một công trình kiến trúc rất lý tưởng, rất có giá trị nghệ thuật, mà chỉ dựa vào suy tưởng của chính mình thì không đủ! Người ấy còn phải tới thăm mỗi nước, sau khi đã quan sát, chính mình lại nghiên cứu, sáng chế ra [thiết kế] tốt nhất. A Di Đà Phật cũng là như vậy, Ngài có năng lực đến thăm các thế giới,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thâu thập những ưu điểm trong tất cả các thế giới rồi mới tạo nên thế giới Cực Lạc. Vì thế, kinh Di Đà mới nói quốc độ Cực Lạc “*thành tựu như thị công đức trang nghiêm*” (thành tựu công đức trang nghiêm như thế).

Thế giới Cực Lạc có công đức trang nghiêm tốt đẹp dường ấy là do ai thành tựu? Chính là do A Di Đà Phật thành tựu, công đức trang nghiêm ấy chính là “*Tịnh nghiệp thành giả*” (do Tịnh nghiệp thành tựu). Toàn thể thế giới Cực Lạc là một Tịnh nghiệp. Cả một cõi ấy là một thế giới thanh tịnh trang nghiêm, đều do A Di Đà Phật thành tựu. Quý vị phải “*đế quán bỉ quốc Tịnh nghiệp thành giả*” (quán chắc thật những người thành tựu Tịnh nghiệp trong cõi ấy), phải thấy rõ ràng! A Di Đà Phật là giáo chủ thế giới Cực Lạc, mà cũng là một vị Phật thành tựu thế giới Cực Lạc. Ngoài A Di Đà Phật ra, trong thế giới Cực Lạc, các vị đại Bồ Tát cùng với người vãng sanh thế giới Cực Lạc rất đông. Bất luận là người bình phàm cũng thế, hoặc là đại Bồ Tát cũng thế, đều là “*Tịnh nghiệp thành giả*” (người đã thành tựu Tịnh nghiệp). Nói cách khác, phàm là người vãng sanh thế giới Cực Lạc đều phải tu Tịnh nghiệp. Đã tu thành tựu thì mới có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì thế, trừ đấng giáo chủ A Di Đà Phật ra, đối với tất cả các vị Bồ Tát và phàm nhân, quý vị cũng phải quan sát rành mạch.

Câu kinh văn tiếp theo là: “*Ngã kim vị nhữ, quảng thuyết chúng thí*” (Ta nay vì bà, nói rộng rãi các thí dụ). Hệ niệm cũng thế, mà đế quán cũng thế, chẳng phải là vừa nói bèn có thể vận dụng công phu được, nhất là “*đế quán*”. Nói theo phía người đã chứng quả vị trong thế giới Cực Lạc, hoặc người thật sự hiểu rõ bản tánh, đương nhiên là sẽ lập tức thấy ngay, nhưng chúng sanh phàm phu chẳng thể ngay lập tức thấy được. Chẳng thấy được thì làm sao đế quán? Đức Phật bảo: Ta nay sẽ vì bà mà nói rộng rãi các điều thí dụ. “*Thí*” (譬) là thí dụ. Nếu chiếu theo sự thật để nói, có thể nói là hoàn toàn nghe chẳng hiểu, mà cũng chẳng trông thấy! Nhất định là phải nói thí dụ. Không chỉ mình đức Phật nói như thế, mà ngay trong giáo dục thế gian, Khổng phu tử cũng bảo: “*Năng cận thủ thí*”, [nghĩa là] giảng đạo lý mà muốn cho người ta hiểu được thì phải dùng thí dụ gần gũi với điều ấy, “*khả vị nhân chi phương dã dĩ*” (có thể nói là phương pháp của người có lòng nhân vậy), dạy người khác cũng chẳng phải là ngay lập tức có thể làm cho người ta thông hiểu được! Nói thí dụ có thể gọi là phương pháp thực hiện lòng nhân. Nhất là Phật pháp, nếu chẳng nói thí dụ, dấu giảng cỡ nào vẫn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nghe không hiểu! Ví như A Di Đà Phật là vô lượng thọ, vô lượng quang; nói theo phía quang minh, nếu thật sự bảo đức Phật phóng quang, ai cũng chẳng hiểu! Cho nên phải nói thí dụ. Vì quý vị không hiểu Phật là vô lượng quang, cho nên phải dùng thí dụ. Quý vị chẳng hiểu vô lượng quang của Phật ư? Ánh nắng mặt trời thì biết chớ? Mặt trời vừa chiếu, chúng ta thấy ngay. Mặt thấy rõ ràng, đó là thí dụ. Nhưng ánh sáng mặt trời và vô lượng quang của Phật đâu phải là cùng một chuyện! Vô lượng quang của A Di Đà Phật do bản tánh phát ra, mỗi người chúng ta đều có bản tánh, quang minh trong bản tánh của chúng ta ở nơi đâu? Quang minh của chính chúng ta mà còn không biết, làm sao biết vô lượng quang của A Di Đà Phật? Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng thí dụ, bảo chúng ta chỉ cần biết ánh nắng mặt trời là được rồi. Ánh mặt trời vừa chiếu, bèn chẳng có tối tăm, chúng ta có thể thấy rõ ràng, rành rẽ. Ánh nắng mặt trời là vật chất, từ mặt trời phát ra, chẳng thể sánh bằng tánh quang (quang minh tỏa ra từ bản tánh), đơn giản là chẳng thể sánh ví! Nhưng nếu chẳng dùng thí dụ ấy để tiếp dẫn, ai cũng đều chẳng thể hiểu được!

Giảng kinh A Di Đà hoặc giảng phần sau của Quán Kinh đều phải dùng thí dụ. Đối với ao bầy bấu, nước tám công đức, cây báu, chim... trong thế giới Cực Lạc, nếu Thích Ca Mâu Ni Phật nói đúng theo thực tại [trong thế giới Cực Lạc], bất luận ai trong chúng ta cũng chẳng hiểu! Đức Phật dùng những thứ hiện hữu trong thế giới này, dùng những vật mà nhân loại chúng ta có thể trông thấy, hoặc đã có kinh nghiệm để làm thí dụ, nhằm bảo cho chúng ta biết: Trong thế giới kia có những thứ tốt đẹp ấy, nhưng phải hiểu rõ, chẳng thể sánh ví [khít khao] được! Đó là chỉ dẫn phương hướng, khiến cho ta dựa vào tình huống tương tự để suy đoán. Vì thế, ở đây toàn là nói thí dụ. Nói những thứ thật sự, sẽ chẳng dễ hiểu rõ. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy: Nay ta bèn vì bà nói rộng rãi rất nhiều thí dụ để bà hiểu rõ.

Các thứ thí dụ được nói trong phần sau, không chỉ là để chuyên nói với phu nhân Vi Đề Hy, “*diệc linh vị lai thế nhất thiết phàm phu*” (cũng khiến cho hết thảy phàm phu trong đời vị lai). “*Vị lai thế*” là kể từ thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật mãi cho tới hiện tại, đều là đời vị lai. “*Nhất thiết phàm phu*”: Chúng ta đều là phàm phu trong lục đạo, “*dục tu Tịnh nghiệp*” (người muốn tu Tịnh nghiệp), trong tâm bọn phàm phu chúng ta muốn tu Tịnh nghiệp, giống như muốn thỏa mãn dục vọng. Chúng ta biết người nào đó có ham muốn gì đó, sẽ vì ham muốn ấy mà nỗ lực hết sức mình, chưa đạt tới mục đích sẽ chẳng ngừng. Chữ “*dục*”

rất quan trọng! “*Vị lai thế nhất thiết phàm phu dục tu Tịnh nghiệp giả*” (Trong đời tương lai, hết thảy các phàm phu muốn tu Tịnh nghiệp): Nếu muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải tu Tịnh nghiệp. Ví như bọn phàm phu chúng ta sau khi chết, sẽ đi vào đường nào? Đi như thế nào? Nghiệp lực dẫn đi, đến nhân gian là vì trong đời quá khứ đã tạo nghiệp lực trong nhân đạo, cho nên mới vào nhân gian. Sanh lên cõi trời cũng thế, vào tam đồ cũng thế, đều do nghiệp lực đã tạo thành từ trước, sau đó mới vào trong hoàn cảnh ấy. Nay suy nghĩ, mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, đương nhiên là cũng phải cậy vào nghiệp. Nghiệp ấy chẳng phải là Thiện nghiệp bình phàm (đương nhiên là chẳng thể tạo ác nghiệp), mà là Tịnh nghiệp thanh tịnh. Tạo thành công Tịnh nghiệp ấy, “*đắc sanh Tây Phương Cực Lạc quốc độ*”, [nghĩa là] sau đây mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Nói tới “*dục tu Tịnh nghiệp giả*”, mọi người đều biết: Nay đang nhằm thời đại Mạt Pháp, kiến giải của người bình phàm đều chẳng chánh xác, kẻ tà tri tà kiến rất đông. Trong thời đại này, muốn tìm một nơi có hoàn cảnh rất tốt đẹp, có thể nói là tìm khắp hoàn cầu cũng chẳng tìm ra! Có những quốc gia tài nguyên, vật chất chẳng tốt đẹp (thiếu thốn tài nguyên, đương nhiên là chẳng tốt đẹp). Dầu cho tài nguyên vật chất rất phong phú, phương diện tinh thần vẫn là nghèo nàn, thiếu thốn. [Thí dụ] như những quốc gia công nghiệp tiên tiến tại Âu Tây, cuộc sống rất tốt đẹp, nhưng nếu nói đến đạo lý làm người thì cũng rất khó khăn. Nền văn hóa của chúng ta nói đến xã hội ngũ luân, người với người đối xử hài hòa với nhau, đối xử với người trên kẻ dưới, đối xử với những người cùng hàng đều là một niềm hòa khí. Hiện thời, đến các nơi trên thế giới, tìm đâu ra bầu không khí ấy? Vì sao? Vì trong thời đại này, kẻ tà tri tà kiến phát biểu tà thuyết, chuyên môn đề xướng “chỉ cần biết tới cá nhân, chẳng bận tâm đến kẻ khác”, [đề cao] chủ nghĩa cá nhân, thậm chí sỗ toẹt sự giáo dục của quốc gia và gia đình. Trong quá khứ, quốc gia có sự giáo dục của quốc gia, gia đình có sự giáo dục của gia đình. Cha mẹ giáo dục con cái là chuyện thiên kinh địa nghĩa; nhưng hiện thời, trẻ nhỏ khi còn bé thì còn có thể dạy, chứ [chúng nó] vừa đi học, thời Tiểu Học còn có thể dạy, lên tới Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh đều rất khó dạy! Nó có tri kiến của riêng nó, những điều này đều do chủ nghĩa cá nhân tạo thành. Đôi bên chẳng thể hài hòa, gia đình có vấn đề, xã hội có vấn đề, quốc gia có vấn đề! Nếu muốn trong đại hoàn cảnh ấy mà tu đạo thành tựu (nguyên lai, tu bất luận loại Phật pháp nào cũng đều có thể thành Phật, [pháp môn nào] cũng đều là do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhưng quý vị phải biết: Ngay thuở đức Phật tại thế, Ngài đã nói: “Ở trong đời ác Ngũ Trược, thành Phật rất khó”). Thích Ca Mâu Ni Phật mà còn cảm thấy rất khó, ngay cả thuyết pháp độ chúng sanh cũng rất khó!

Chính mình khó thành tựu, mà mong khuyên bảo kẻ khác học Phật cũng khó. Vào thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật mà đã là như thế, nay đã cách Thích Ca Mâu Ni Phật hơn mấy ngàn năm, nhằm thời Mạt Pháp, tri kiến của con người lại kém ác như thế, chỉ biết có chính mình, chẳng đoái hoài kẻ khác. Ai nấy đều là như vậy, quý vị nghĩ xem thế giới này có loạn hay chẳng? Trong thế giới loạn lạc này, nếu muốn tu đạo thành tựu trong thế giới này, cũng giống như nằm mộng! Vì thế, kinh văn dạy: Hết thầy phàm phu trong đời vị lai, nếu muốn tu Tịnh nghiệp, nhất định là phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ. Đến các thế giới khác, chẳng có nơi nào tốt đẹp bằng thế giới Cực Lạc. Ở lại thế giới Sa Bà càng chẳng được, chúng ta phải đặc biệt hiểu điều này.

Tìm hiểu điều này để làm gì? Trong thời đại này, chẳng cần nói tới kẻ không học Phật, họ vẫn chưa có nhân duyên học Phật. Người học Phật là đã có nhân duyên. Đã bắt đầu học Phật, các vị đừng tưởng nay chúng ta học rất khá! Chúng ta niệm Phật ở Đài Trung, tuy mọi người nay vẫn chưa đắc nhất tâm bất loạn, nhưng mọi người đều niệm, đều tin tưởng có thế giới Cực Lạc, đều phát nguyện sanh về nơi kia, rất tốt! Nhưng chỉ là một nơi Đài Trung này! Nếu nghe ngóng thử bên ngoài, sẽ thấy người ta viết những tác phẩm đề xưng nhân gian Tịnh Độ (chẳng cần đến Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ), từ nơi đây đến thế giới Cực Lạc phải trải qua mười vạn ức cõi Phật xa xôi như vậy để làm gì? (Cần gì phải đi xa ngàn ấy)! Chẳng bằng ở ngay trong nhân gian, quý vị chỉ cần “*tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*”. “Tâm tịnh, cõi Phật tịnh” khá lắm, nhưng làm thế nào thì tâm mới có thể tịnh? Trong thế giới rối loạn tòng phèo này, tất cả phàm phu đều đang gây tạo ác nghiệp, tâm làm thế nào tịnh cho được? Muốn biến thế giới Sa Bà này thành Tịnh Độ, chúng ta đều chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật! Thích Ca Mâu Ni Phật còn công nhận là rất khó, Ngài luôn khuyên bảo chúng ta hãy đến thế giới Cực Lạc, chúng ta còn có thể làm chuyện ấy (biến đổi Sa Bà thành Tịnh Độ) thành công ư? Do vậy, sau khi đã hiểu đạo lý này, chúng ta chớ nên nghe lời kẻ khác, nhất định là phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, phải thay đổi hoàn cảnh. Trong thế giới Sa Bà, đừng nói là chẳng thể thành Phật, ngay cả liễu sanh tử trong một đời còn chưa làm nổi! Họ nói những lời lẽ đó toàn là nói suông mà thôi, chúng ta chớ nên nghe theo. Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này thì ngưng!

Tập 13

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin hãy mở kinh bốn, trang thứ năm, dòng thứ hai đếm từ dưới lên, bắt đầu từ phần sau. Tôi đọc trước kinh văn một lượt:

(Kinh) Dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước. Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp. Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Tam giả, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Như thử tam sự, danh vi Tịnh nghiệp.

(經)欲生彼國者，當修三福。一者，孝養父母，奉事師長，慈心不殺，修十善業。二者，受持三歸，具足眾戒，不犯威儀。三者，發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。如此三事，名為淨業。

(Kinh: Muốn sanh về cõi ấy, hãy nên tu tam phước. Một là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp. Hai là thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi. Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Ba sự như thế gọi là Tịnh nghiệp).

Đoạn [kinh văn] vừa mới đọc tiếp nói ý “được sanh về Tây Phương Cực Lạc quốc độ” trong tuần trước. Đại ý của bài giảng trong tuần trước là: Thích Ca Mâu Ni Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy, cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật hoàn toàn chẳng xa xôi. Đã là chẳng xa, hãy khéo chuyên tâm nhất trí quan sát cõi nước của A Di Đà Phật, cũng như quan sát A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát là những người đã tu Tịnh nghiệp thành công. Đức Phật sẽ vì bà ta nói rất nhiều thí dụ, khiến cho bà ta hiểu rõ, đồng thời cũng khiến cho những người muốn tu Tịnh nghiệp (tức là người tu Tịnh Độ) trong đời vị lai (kể từ sau phu nhân Vi Đề Hy mãi cho đến hiện tại, thậm chí trong tương lai) có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc quốc độ. Lần trước đã giảng đến chỗ này.

Hôm nay, tôi nói tiếp. Ở đây, trước hết, phải nói rõ cùng các vị. Trong quá khứ, khi Tuyết công lão sư (thầy Lý Bình Nam) vừa mới

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giảng kinh tại Đài Trung, dạy chúng ta pháp môn Tịnh Độ thuần túy phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Mấy chục năm qua, thầy một mực giảng pháp môn này. Tuy lão nhân gia đã giảng rất nhiều kinh điển Đại Thừa khác nhau, nhưng tu tập thì chỉ có pháp môn này. Sau khi lão nhân gia trở về Tây Phương, do hiện nay là thời đại Mạt Pháp, các thứ tư tưởng đều có, phổ biến nhất là nói: “Vì sao các vị muốn tới Tây Phương Cực Lạc thế giới? Tu nhân gian Tịnh Độ ngay trong thế giới này tốt hơn nhiều! Cần gì phải đến Tây Phương Tịnh Độ ở ngoài mười vạn ức cõi Phật!” Hiện thời, cách nói này hết sức phổ biến. Thuở thầy tại thế, chúng ta theo học với thầy, có thầy chỉ dạy, chúng ta chẳng cần sợ hãi, nay thì cần phải dè chừng! Những lời lẽ ấy không chỉ nói ở nơi khác, bọn họ thậm chí cũng dần dần đến tận Đài Trung gieo rắc tư tưởng ấy, chúng ta phải đặc biệt chú ý!

Đối với cái gọi là “*nhân gian Tịnh Độ*”, lũ phàm phu chúng ta chẳng có tư cách nhắc tới! Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia thành Phật trong đời ác ngũ trược, lại độ chúng sanh trong thế gian này, chỉ có lão nhân gia mới có thể làm được! Chúng ta thấy thế giới Sa Bà này là ngũ trược ác thế, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật thấy nó là Tịnh Độ. Trong kinh A Di Đà, lão nhân gia đã nói rất rõ ràng, Ngài thấy hai chuyện ấy (thành Phật và thuyết pháp độ chúng sanh) đều là “*thậm nan*” (rất khó). Thích Ca Mâu Ni Phật còn thấy là rất khó, lũ phàm phu chúng ta [toan biến nhân gian này thành Tịnh Độ] chỉ là phùng ăn nói lớn lối mà thôi. Đừng nói là thành Phật, liễu thoát lục đạo luân hồi ngay trong một đời này mà còn chưa làm nổi, huống hồ kiến lập nhân gian Tịnh Độ! Chúng ta hiểu rõ tầng [ý nghĩa] này. Kẻ nói lời ấy, bất luận là trong tình huống nào, chúng ta đừng quan tâm tới họ, chúng ta tu pháp của chúng ta, nhất định phải phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế gian này, có kẻ giết cha, giết mẹ (trong bộ kinh này, vừa khởi đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu chứng cứ cho chúng ta thấy), học trò của Phật cũng học theo chẳng khác cho lắm, cũng muốn giết thầy. Thích Ca Mâu Ni Phật là đáng đã thành Phật, Đề Bà Đạt Đa thuộc loại đồ đệ ác, toan sát hại Ngài, những chuyện này đều nhằm nêu gương cho chúng ta thấy [tình hình tệ ác trong thuở ngũ trược ác thế]! Quả nhiên, đến thời đại Mạt Pháp trong hiện tại, tình hình ấy hết sức phổ biến, giết cha có, giết mẹ cũng có, giết thầy rất nhiều! Quý vị hãy ngắm xem! Thế gian này còn có thể chẳng tồi tệ hơn ư? Trong thế gian này, đối với sự sanh tử của chính mình mà còn chẳng có cách nào [tự lực giải quyết], há còn có thể chuyển biến thế gian này thành một cõi Tịnh Độ ư? Ai có thể làm

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

được? Chẳng làm được! Do vậy, chúng ta nhất định phải kiên trì tín niệm, nhất định phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải dụng công, phải trọn đủ rất nhiều nhân duyên. Trong kinh A Di Đà có nói: “*Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*”. Phải có rất nhiều thiện căn, phước đức và nhân duyên thì mới có thể vãng sanh.

Tiếp đó, nói: “*Dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước*”, [nghĩa là] nếu muốn sanh vào thế giới của A Di Đà Phật Cực Lạc, trước hết hãy nên tu ba loại phước. Vì sao? Phước hết sức quan trọng. Trong kinh Phật có dạy: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Được làm thân người chẳng dễ dàng! Sau khi được làm thân người, mong nghe Phật pháp, lại càng chẳng dễ dàng! Hiện thời, dân cư trên toàn thế giới có tới mấy chục ức, người học Phật được bao nhiêu? Tỷ lệ chẳng tương xứng; đã ít ỏi lại càng ít ỏi hơn! Lấy ngay Đài Loan để nói, trong hơn hai ngàn vạn người, có bao nhiêu kẻ học Phật? Nếu tính toán trong số người học Phật, người học Tịnh Độ Tông lại được bao nhiêu? Nói thật ra, trong thời đại Mạt Pháp, chẳng học Tịnh Độ Tông, mà muốn giải quyết vấn đề sanh tử ngay trong đời này, sẽ chẳng thể thực hiện được! Thật ra, người có thể tu pháp môn này, cũng chẳng phải là ngẫu nhiên. Kẻ chẳng có phước báo, đừng nói là chánh thức tu, [ngay cả] mong nghe pháp môn này cũng chẳng dễ dàng (nghe có Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại nghe danh hiệu A Di Đà Phật đều chẳng dễ dàng!) Có thể nghe [pháp môn này] tức là có đại phước báo! Do vậy, muốn sanh về Cực Lạc quốc độ, phải tu ba thứ phước!

IV.2.1.6. Ba thứ Tịnh nghiệp

Đoạn thứ nhất trong Tam Phước: “*Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp*” (Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp). Những điều này đều là thiện sự trong thế gian. Tuy là thiện sự thế gian, nếu muốn học đại pháp xuất thế gian liễu sanh tử, thành Phật v.v... vẫn phải lấy thiện pháp thế gian làm cơ sở. Chẳng có cơ sở này, vẫn là chẳng thể được! Trong thiện pháp thế gian, điều thứ nhất nói tới hiếu đạo, hiếu dưỡng cha mẹ. Nho gia Trung Hoa hẳn nói tới văn hóa, trong đạo thống và đạo đức cổ hữu, hiếu đạo hết sức trọng yếu. Phật pháp cũng giống như vậy, hiếu dưỡng cha mẹ chiếm địa vị bậc nhất trong các pháp thế gian. Hiếu dưỡng phụ mẫu: Vì sao nói là “*hiếu*

dưỡng”? Hiếu (孝) là hiếu thảo, có sao nói kèm theo dưỡng? Dưỡng là “*cung dưỡng*” (供養, cung phụng, nuôi nấng). Có nhiên, hiếu có phạm vi rất rộng rãi, nhưng cung cấp cơm áo cho cha mẹ chính là điều kiện cơ bản trong hiếu đạo. Cung cấp cơm áo cho cha mẹ, gọi là “*cung dưỡng phụ mẫu*”. Cha mẹ đã già, con cái có thể cung dưỡng phụ mẫu, đó là hiếu đạo cơ bản nhất. Trừ cung cấp áo cơm ra, trong hiếu đạo, nuôi thân cha mẹ thuộc về phương diện vật chất, lại còn phải dưỡng tâm chí của cha mẹ, khiến cho cha mẹ trong tâm rất hoan hỷ, chẳng có ưu sầu. Những điều này đều bao gồm trong Dưỡng.

Phận làm con cái, chẳng tránh khỏi câu hỏi “vì sao phải hiếu dưỡng cha mẹ?” Bất luận nói theo văn hóa Nho gia, hay nói theo giáo lý nhà Phật, đó chính là báo ân. Mỗi người chúng ta đến thế gian này, nhà Phật nói là “*pháp nhân duyên*”. Đã nói là pháp nhân duyên, nhân duyên chẳng đầy đủ, chúng ta sẽ chẳng thể sanh trong thế gian này! Lây thân thể của chúng ta để nói, sở dĩ chúng ta có thể sanh trong nhân gian, là do có nhân và duyên của cha mẹ và bản thân chúng ta. Nhà Phật nói là do thức thứ tám. Nói theo kiểu thông thường, mỗi cá nhân đều có linh hồn, chúng ta sanh trong nhân gian, chính là “linh hồn” của chúng ta đầu thai. “*Thai*” (胎) là thai mẹ. Nếu chẳng có cha mẹ, chẳng có thai bào, linh hồn của chúng ta sẽ chẳng có chỗ nương gá. Vì thế, chẳng có cha mẹ, sẽ chẳng thể trở thành một người được! Thân thể của chúng ta do từ cha mẹ mà có. Người vừa mới được sanh ra, thân thể bé tí như vậy, chẳng có gì hết, chính mình cũng chẳng thể nói năng, mà cũng chẳng hiểu chuyện, nếu chẳng được cha mẹ yêu thương, chăm sóc, chính mình có thể trưởng thành hay chẳng? Chẳng thể lớn khôn được! Đó là tầng thứ nhất.

Cha mẹ không chỉ cung cấp áo, cơm, các thứ vật chất v.v... cho cuộc sống của chúng ta, khiến cho chúng ta tăng trưởng, mà tâm cha mẹ còn từ ái, trân quý con cái nhất. Chẳng có tấm lòng từ bi ấy, nhân cách và những điều khác của con cái đều chẳng thể rất kiện toàn. Hiện thời, có rất nhiều vấn đề gia đình (gia đình tan vỡ), con cái từ những gia đình tan vỡ ấy, sau khi lớn lên, tâm hồn ít nhiều khó tránh khỏi những nỗi thiếu sót, vì họ chẳng được cha mẹ chăm sóc hoàn toàn! Đối với ân đức của cha mẹ dành cho con cái, ắt là phải đợi cho đến khi chính họ có con cái, chính mình làm cha mẹ, mới hiểu rõ tâm lý quan tâm, yêu thương con cái của cha mẹ, cũng như mới biết ân đức cha mẹ to tát dường ấy! Do hiểu rõ tầng ý nghĩa này, bất luận Nho gia hay Phật pháp, đều coi chuyện hiếu dưỡng cha mẹ là chuyện trọng yếu nhất. Mỗi cá nhân chúng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ta sanh trong thế gian, chịu ân đức của cha mẹ nặng nhất; vì thế, phải báo ân. Căn bản làm người khởi sự từ báo ân cha mẹ. Nếu có căn bản này, bản thân quý vị tu đạo, hoặc làm bất cứ chuyện gì trên thế gian, nhân cách rất kiện toàn. Do đó, Phật pháp dạy chúng ta: Người tu phước phải gieo phước điền (làm bất cứ việc lành gì, phàm là có lợi ích cho người khác, đều coi là “gieo phước điền”). Gieo phước điền quan trọng nhất, trong tương lai có phước báo lớn nhất, chính là hiếu thuận cha mẹ. Phước điền ấy cao hơn, quan trọng hơn bất cứ loại phước điền nào khác. Trong Phật pháp, chuyện này là có căn cứ, chẳng phải là chúng tôi thích nói như thế nào bèn nói như thế ấy đâu nhé!

Trong thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ấn Độ là một xã hội nông nghiệp, đã từng có lúc mùa màng thất bát, mọi người đều chẳng có cơm ăn. Thuở đó, Thích Ca Mâu Ni Phật và các đệ tử hằng ngày đến lúc ăn trưa đều ra ngoài trì bát khất thực. Gặp phải năm đói kém, chẳng khất thực được, mọi người chẳng có gì ăn. Có một vị tỳ-kheo (người xuất gia), đem quần áo mặc trên thân thể bán đi, đổi lấy một bát cơm, nhưng chính mình chẳng ăn, đem cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật liền hỏi: “Trong nhà ông còn có cha mẹ hay không?” Vị tỳ-kheo thưa: “Có ạ”. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo thầy ấy hãy đem bát cơm đó về nhà dâng lên cha mẹ. Vị xuất gia ấy thưa: “Đạo đức và công đức của Phật cao cả dường ấy! Con đem cơm cúng dường Phật, Phật bảo con đem về dâng lên cha mẹ, cha mẹ con làm sao tiếp nhận được?” Đức Phật bảo vị ấy: “Cha mẹ sanh ra ông, nói theo pháp thế gian, ân đức của cha mẹ cao thượng khôn sánh nhất. Vì vậy, ông đem cơm về dâng lên cha mẹ chẳng sai!” Do vậy, xét theo lời đức Phật dạy trong câu chuyện này, có thể thấy báo đáp ân đức cha mẹ là chuyện thiên kinh địa nghĩa, bất luận thân phận, địa vị cao đến mức độ nào, bất luận là ai, cũng đều phải hiếu dưỡng, cung phụng cha mẹ.

Còn có một tầng [ý nghĩa] nữa, Thích Ca Mâu Ni Phật sanh trong vương cung. Sau khi đức Phật sanh ra bảy ngày, mẹ đức Phật là phu nhân Ma Da qua đời. Sau khi đã khuất, bà sanh vào tầng trời thứ hai trong Dục Giới (Đạo Lợi Thiên). Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo (thành Phật), Ngài đặc biệt từ nhân gian lên cõi trời Đạo Lợi, chuyên vì mẹ thuyết pháp, thuyết pháp suốt mùa Hạ, hòng báo đáp ân mẹ hoài thai suốt mười tháng. Mẹ Ngài chẳng có ân nuôi dưỡng, đức Phật vẫn phải báo đáp. Người đã thành Phật mà còn báo đáp mẹ, huống là hạng phàm phu tầm thường? Từ hai sự thật này, có thể hiểu rõ: Bất luận nói

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

theo pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, hiếu dưỡng cha mẹ đặc biệt quan trọng.

Thứ hai là phụng sự sư trưởng. Nói tới “*su*” (師) tức là nói tới thầy. Chúng ta làm người trên thế gian, điều trọng yếu nhất là phải hiểu rõ đạo lý làm người. Bất luận học pháp thế gian hay pháp xuất thế gian (pháp thế gian là học vấn thế gian, pháp xuất thế gian là học vấn xuất thế gian), đều phải cậy vào thầy dạy bảo. Ví như nói đến chuyện cầu học vấn thế gian, chẳng có thầy giáo từ các cấp học dạy dỗ, chúng ta biết được học vấn gì chẳng? Cố nhiên, nói theo đạo lý thật sự, tất cả những gì nơi bản tánh đều là tri kiến chân thật, hết thầy đều hiểu rõ. Nhưng lũ phàm phu chúng ta chưa khai phát bản tánh, đối với học vấn thế gian, cần phải có thầy khơi gợi, phát khởi, chúng ta mới thông hiểu. Chẳng có thầy khơi gợi, phát khởi, chúng ta sẽ vĩnh viễn chẳng biết! Lại nói đến chuyện học Phật xuất thế gian. Trong Phật pháp, nếu chẳng có thầy chỉ điểm, dầu chúng ta có học vấn thế gian hết sức giỏi giang, hiểu rất nhiều đạo lý, mở kinh điển nhà Phật ra, mỗi chữ chúng ta đều nhận biết, bất cứ chữ nào trong mỗi bộ kinh cũng đều xem hiểu, nhưng do chẳng có một vị thầy trong nhà Phật chỉ dạy, dầu đọc hiểu mà cũng như chẳng xem, [bởi lẽ], toàn bộ đều là hiểu lầm, chẳng thể nhập môn! Vì thế, muốn nghiên cứu học vấn nhà Phật, ắt cần phải có một vị thầy trong nhà Phật dạy bảo. Đó là vị thầy thuộc về pháp xuất thế gian.

Xét như vậy, những người dạy chúng ta học vấn thế gian, nhất là dạy chúng ta pháp môn tu đạo trong nhà Phật, những người ấy đều là sư trưởng. Đối với sư trưởng, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy phải phụng sự. “*Phụng sự*” bao hàm rất nhiều ý nghĩa. “*Sự*” (事) là thầy có việc, chúng ta phải làm thay thầy. Điều quan trọng nhất là “*phụng*” (奉). Chẳng phải là làm việc thay cho thầy đã là xong, quý vị thật sự học với vị thầy ấy thì phải tuân chiếu học vấn do thầy đã dạy. Ví như chúng ta học Phật, đức Phật là thầy của chúng ta, chúng ta phải phụng sự đức Phật. Lại còn có những vị cao tăng đại đức, tổ sư trong Phật môn, các vị ấy đều là thầy. Chúng ta nghiên cứu Phật pháp mà chẳng làm theo những chỉ dạy trong kinh Phật và chú giải của tổ sư, còn nói đến chuyện phụng sự chi nữa! Vì thế, điều quan trọng nhất trong phụng sự là làm theo lời Phật dạy, chiếu theo pháp môn do tổ sư đã chỉ điểm để tu tập, đấy mới gọi là “*phụng sự*”. Đối với thầy trong trường học thế gian cũng thế, chẳng thể nói là cầu được học vấn rồi thôi: “Mặc kệ thầy! Ta đã đạt được học vấn, chẳng dính líu gì với thầy nữa!” Không được đâu nhé! Hiện thời rất khó

nói đến chuyện “*phụng sự*”. Trong quá khứ, thầy của Nho gia không chỉ dạy bảo quý vị tri thức và học vấn, mà còn chịu trách nhiệm dạy học trò về hành vi và nhân cách đến cùng, một mực kèm cặp, chỉ bảo quý vị, chẳng để cho quý vị đi theo con đường xấu. Hiện nay đã là xã hội công nghiệp, đương nhiên chẳng có sự thân thiết và quan tâm như vậy, nhưng đối với quan hệ thầy trò, nếu quý vị hiểu đạo lý, vẫn là chớ nên sơ sót. Tuy kinh Phật và kinh điển Nho gia đều cùng nói như thế, nhưng thế hệ hiện thời bị ảnh hưởng bởi tà thuyết, hễ nghe nói theo cách như vậy, vẫn chẳng nghĩ là đúng. Nhất là vào đầu thời Dân Quốc, phong trào Ngũ Tứ²⁴ đã hướng về kẻ bình phàm truyền bá: “Cha mẹ và ta có quan hệ gì đâu? Ta là ta, cha mẹ là cha mẹ. Sở dĩ ta được sanh ra là do cha mẹ kết hôn nên mới lòi thêm ta”. Nói kiểu ấy chính là tà tri tà kiến bậc nhất, gây hại cho đạo đức bậc nhất. Họ lại nói: “Thầy thì có quan hệ gì? Bọn họ đến trường học để lấy tiền lương, cũng giống như một nghề, ta đi học phải đóng tiền mà”.

Tà tri tà kiến ấy cũng chẳng phải là văn hóa cổ hữu của Trung Hoa. Văn hóa cổ hữu Trung Hoa nói đến Ngũ Luân, cha mẹ và anh em đều là thiên luân, bên ngoài thì nói tới vua tôi, nói tới bằng hữu. Thầy và trò là sự kết hợp với đạo nghĩa bằng hữu, thầy trò như cha con, cũng giống như thiên luân. Đạo đức Ngũ Luân xuất phát từ bản tánh của con người,

²⁴ Phong trào Ngũ Tứ là một cuộc vận động đả đảo nếp sống văn hóa và trật tự xã hội đạo đức cũ bùng nổ vào ngày mùng Bốn tháng Năm năm 1919. Nguyên nhân chánh yếu là sau khi Thế Chiến thứ nhất kết thúc, các nước thắng trận đã ký kết hòa ước Versailles, không cần tham khảo ý kiến của chính quyền Trung Hoa Dân Quốc, đã tự tiện chuyển giao tỉnh Sơn Đông là tô giới thuộc chủ quyền của Đức cho Nhật, cũng như nhiều điều kiện bất bình đẳng khác đối với Trung Hoa. Dưới ảnh hưởng tuyên truyền vận động của các giáo sư, giới sinh viên, công nhân, viên chức thành thị đều tỏ ý chống đối, quy chụp sự yếu hèn của chánh quyền Dân Quốc là do văn hóa cũ gây ra, đặc biệt là học thuyết Khổng Mạnh. Họ hô hào triệt để thay đổi văn hóa cũ bằng văn hóa Âu Tây. Các lãnh tụ chủ chốt của phong trào này là Thái Nguyên Bồi (viện trưởng đại học Bắc Kinh thuở ấy), Châu Gia Hoa (khoa trưởng khoa địa chất đại học Bắc Kinh), Trần Độc Tú, Hồ Thích, Lương Khải Siêu, Lâm Trường Dân, Lỗ Tấn... Ngày mùng Bốn tháng Năm, hơn ba ngàn sinh viên thuộc mười ba trường đại học đã họp mặt tại Bắc Kinh biểu tình thị uy, hô hào biểu ngữ phản đối chánh quyền, tẩy chay hàng hóa Nhật Bản. Phong trào Ngũ Tứ đã mở đường cho các tay trí thức khuynh tả như Trần Độc Tú, Lý Đại Chiêu v.v... thừa cơ tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản, sau đó thành lập đảng Cộng Sản Trung Hoa. Trong số đó, Lương Khải Siêu là người tích cực đả đảo Khổng Học. Về sau, ông Lương lại đột ngột thay đổi, đề cao Khổng Học thái quá, hô hào phải thay thế mọi tôn giáo bằng Khổng Học, phải coi Khổng Tử như một giáo chủ tôn giáo v.v... nên bị rất nhiều người chỉ trích.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thiên tánh là như thế. Vì sao cha mẹ yêu thương con cái như vậy? Do thiên tánh là như thế. Một cô gái lúc còn chưa kết hôn, làm một vị đại tiểu thư trong nhà, gặp phải phân chó còn sợ. Một mai kết hôn, sanh con, trẻ nhỏ đại tiện, thối tha hơn phân chó quá nhiều, [thế mà] bản thân cô ta nhìn thấy chẳng sợ, vẫn thò tay bốc, dọn. Mẹ con là một Thể, thiên tánh là như thế. Trong ấy, chẳng có quan hệ lợi hại tồn tại, thuần túy là thiên luân, là biểu hiện thiên tánh tự nhiên. Đó là đạo đức cố hữu của Trung Hoa.

Trong đoạn kinh văn này, tổ sư chú giải đã dựa theo giáo lý của tông Thiên Thai, “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng*” tuy là pháp thế gian, nhưng xét theo giáo nghĩa của tông Thiên Thai, đó chính là Viên Giáo. Viên Giáo là gì? Người căn cơ Viên Giáo học tập pháp thế gian, sẽ trực tiếp triệt để thấy bản tánh. Họ nhìn vào pháp thế gian, sẽ thấy nó cũng xuất sanh từ bản tánh, [pháp ấy] cũng là pháp xuất thế gian. Do đó, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, bất luận là Nho học hay Phật pháp, đều bảo đó là chân lý. Đã đều là chân lý, đối với những tà thuyết do phàm nhân truyền bá trong hiện thời, chớ nên nghe, văn chương do họ viết cũng đừng xem. [Những thứ đó] cũng khiến cho bọn ta hiểu rõ: Trong hiện tại, nếu chẳng nghiên cứu kinh Phật, nếu chẳng nghiên cứu văn hóa cố hữu, sẽ tự nhiên bị tà thuyết ảnh hưởng mà chính mình chẳng hay biết! Bởi lẽ, những tà thuyết ấy chẳng phải do kẻ bình phàm nói, những kẻ [tuyên truyền các tà thuyết] ấy đều là hạng người có thẩm quyền trong giới học thuật! Vào thời phong trào Ngũ Tứ, những kẻ tham gia sớm nhất đều là những học giả hữu danh thuộc đại học Bắc Kinh, là những nhà đại giáo dục, những gì họ nói toàn là sao chép rập khuôn các học thuyết của Âu Tây. Sau đây, [bằng những tà thuyết ấy, họ đã] hãm hại chúng ta, ô nhiễm các sinh viên thiện lương của Trung Hoa! Nói đến chỗ này, hết sức đau lòng! Vì thế, sau khi chúng ta đã nghiên cứu, tìm hiểu, phải biện định đúng sai rõ rệt. Phật pháp dạy kẻ học Phật chúng ta chớ nên chấp tướng (đừng chấp tướng thế gian), đừng thấy kẻ nào có địa vị rất cao trong giới học thuật, đã đoạt giải Nặc Bôi Nhĩ (Nobel), [cứ thấy] toàn thể thế giới đều sùng bái kẻ đó [mà mù quáng nghe theo]. Tuy có địa vị như vậy, nhưng nếu những gì kẻ đó nói là tà tri tà kiến, chúng ta đừng nghe theo! Chúng ta phải thật thà nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật dạy, nghe theo lời dạy của Khổng phu tử. Có vậy thì mới có thể dựa vào đó để tu đạo tốt đẹp, mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới khá ổn thỏa!

Tiếp đó, kinh văn chép: “*Từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Thập Thiện Nghiệp là gì? Tương phản của Thập Thiện Nghiệp là Thập Ác Nghiệp. Điều thứ nhất trong Thập Ác Nghiệp là sát sanh. Trong phần trước, khi nói tới ngũ trược ác thế, đã có nói tách bạch Thập Ác Nghiệp. Ở đây, đức Phật dạy phải tu Thập Thiện Nghiệp. Điều đầu tiên trong Thập Thiện Nghiệp là “*từ tâm chẳng giết*”, chẳng giết thì phải phát từ tâm. Từ tâm là gì? Giống như từ tâm yêu thương con cái của cha mẹ! Giống như Phật, Bồ Tát từ tâm yêu thương hết thảy chúng sanh chẳng có điều kiện. Vì sao phàm nhân chúng ta đối xử tốt đẹp với kẻ khác? Ất là phải xét coi người đối với ta như thế nào, ta mới đối xử với người như thế đó, tức là có điều kiện! Từ tâm của cha mẹ và Phật, Bồ Tát là vô điều kiện. Vì lẽ đó, Phật pháp nói “*vô duyên đại từ*”, chẳng cần có duyên gì, đối với kẻ xa lạ, kẻ chẳng quen biết, đều nói tới từ tâm, phải phát huy cái tâm ấy. Hễ có cái tâm ấy thì mới có thể chẳng giết! Nho học gọi từ tâm là Nhân, nhân (仁) trong “nhân nghĩa đạo đức”. Nhân do đâu mà có? Từ bản tánh mà ra. Vì sao chúng ta phải nói tới Nhân? Nhân là đối với tất cả mọi người, đối với tất cả hữu tình động vật, đều phải có cái tâm đồng cảm lớn nhất. Họ có những khó khăn hoặc đau khổ gì, chúng ta đều mong thay họ giải quyết. Họ chẳng vui sướng, chúng ta ban cho họ các thứ sung sướng, khiến cho họ sống hết sức bình an, tự tại! Đây là vô duyên đại từ, mà cũng là lòng Nhân như Nho gia đã nói. Vì thế, nhân từ hết sức quan trọng!

“*Bất sát*” là chẳng giết thứ gì? Điều quan trọng nhất là chẳng thể giết người. Chúng ta cùng là người như nhau, chẳng thể giết người! Tội giết người hết sức to lớn, nặng nề. Không chỉ là chẳng thể sát nhân, mà đối với những động vật chẳng phải là người ra, bất luận là động vật cấp cao hay cấp thấp, dẫu bé tí ti, cũng chớ nên sát hại. Vì sao chẳng thể sát hại? Trong kinh Phật cũng có nói, quý vị phải đặt mình vào địa vị của đối phương để suy nghĩ. Khi chúng ta sắp giết hại người khác, hoặc động vật nào đó, trước tiên, hãy đứng trên lập trường của đối phương, cứ nghĩ giả sử chính mình bị giết, trong tâm sẽ có cảm tưởng như thế nào? Là kinh sợ hay sung sướng? Ví như tôi biết quý vị muốn giết tôi, tôi cảm thấy rất vui thích, [vậy thì] quý vị có thể giết tôi! Nếu chẳng phải là tâm lý ấy, chính mình cảm thấy hoảng hốt, sợ hãi, làm sao có thể giết đối phương cho được? Phật pháp dạy người khác phản tỉnh như vậy. Nho học cũng dạy người ta hãy tự phản tỉnh giống hệt. Hãy tưởng tượng chính mình gặp phải tình huống y hệt, sẽ có đủ mọi nỗi sợ hãi! Nếu quý

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vị vẫn cứ làm hại đối phương, đối phương chẳng kinh hoàng, sợ hãi ư? Chẳng nghĩ như vậy, sẽ chẳng phải là Nhân, chẳng phải là Từ, chẳng nói tới nhân từ được, mà là cái tâm tàn nhẫn! Một kẻ tàn nhẫn, làm người còn chưa xong, vẫn mong tu đạo, vẫn mong sanh về Tây Phương, làm sao có thể được?

Kinh văn dạy như vậy! Sau khi chúng ta xem kinh văn của Phật pháp, hãy đối chiếu đạo lý được nói trong hôm nay với xã hội hiện thời, hãy suy nghĩ xem! Hiện thời là xã hội gì vậy? Khi thầy chúng ta còn tại thế, lúc giảng kinh hoặc giảng sách, cụ thường nhắc nhở: *“Tôi chẳng có thần thông chi hết, nhưng tôi có thể dự đoán chuyện vị lai (tôi nghĩ các vị lão đồng tu đều còn nhớ). Tôi không chỉ đoán biết chuyện vị lai, lại còn dự đoán chẳng sai cho lắm! Tôi chẳng xem báo chí, TV ngày mai, mà biết là chẳng thể thiếu chuyện sát nhân, cướp đoạt, phóng hỏa! Chắc chắn là có những chuyện ấy”*. Quý vị hãy suy ngẫm lời thầy nói! Đúng là như vậy, chúng ta xem tin tức trên TV cũng thế, mà đọc báo cũng vậy, ngày nào mà chẳng có những chuyện ấy? Không chỉ là giết người thường, mà còn giết cha mẹ, thậm chí cha mẹ giết con cái cũng có luôn! Vốn là thiên tánh chẳng nở giết, kết quả là hiện thời đều đảo lộn! Mọi người đều biết: Gần đây có một bà mẹ đem cả năm đứa con ra biển trôn nước cho chết sạch! Ngoài ra, cũng có kẻ giết chết hai đứa con gái của chính mình rồi tự sát. Cơ quan xử án nói những kẻ đó mắc bệnh tâm thần, tức là tâm lý có vấn đề. Nếu chúng ta hỏi: *“Vì sao có những kẻ mắc bệnh tâm thần? Bệnh tâm thần vì sao mà có? Vì sao quá khứ chẳng nhiều như vậy, nay lại có nhiều ngàn ấy?”* Vẫn chẳng phải là do tà tri tà kiến và tà thuyết trong thời đại hiện tại tạo thành ư?

Trong quá khứ, nói đến Ngũ Luân; hiện thời, mọi người đều chẳng nhắc tới Ngũ Luân. Nói tới Ngũ Luân, nói hiếu thuận, dạy mọi người mỗi ngày một phát lộ thiên tánh ra ngoài. Hiện thời, rao giảng tà thuyết, khiến cho mọi người mỗi ngày một che kín thiên tánh, che phủ thêm từng tầng một, kết quả là biến thành nông nổi như hiện thời! Do vậy, đối với xã hội hiện tại, hãy ngẫm xem: Trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đã nói là *“ngũ trước ác thế”*. Ngũ trước ác thế trong hiện thời so với thuở ấy, càng chẳng biết là đã ô trược đến mức độ nào! Vì thế, chúng ta phải biết: Trong thế gian này, tình hình trọn hết trong thời đại này là như vậy, cả thế giới toàn là một bầu hắc ám. Càng ở trong cảnh hắc ám, càng phải hiểu rõ điều này: Chúng ta chớ nên giống như những kẻ bình phàm. Trong hắc ám, chúng ta có thể phát ra một chút quang minh, tuyệt diệu lắm! Ví như vào ban ngày, dưới ánh sáng mặt trời, thấp

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

một ngọn nến, chẳng thấy rõ rệt, nhưng trong ban đêm không có ánh mặt trời, mà cũng là đêm tối om chẳng có ánh trăng, thắp một ngọn nến, sẽ tỏa sáng hết sức rõ rệt. Điều này có nghĩa là: Trong thời đại này, ai nấy đều chẳng nói tới hiểu đạo, đều chẳng nhắc tới chuyện phụng sự sư trưởng, mọi người tổn hại lẫn nhau, thậm chí giết người. Giết động vật lại càng chẳng cần phải nói nữa! Ăn một bữa, chẳng biết đã sát hại bao nhiêu sanh mạng! Nay chúng sanh gây tạo sát nghiệp nặng nề hơn bất cứ chi khác. Càng là trong thời đại này, chúng ta càng chẳng nên hòa theo ô nhiễm như mọi người, phải chiếu theo kinh Phật để làm. Có thể thời thời khắc khắc tỏ lộ quang minh vốn có trong tâm của chúng ta, lộ ra một chút ánh sáng, bản thân chúng ta sẽ còn có cách. Không chỉ là chính mình có cách, mà còn có thể ảnh hưởng những kẻ hữu duyên quanh ta! Chúng ta nói năng, nếu họ nghe lọt tai, sẽ có lợi cho họ!

Ở đây, nói đến chuyện từ tâm bắt sát, có những kẻ nghĩ giết người là chuyện bình thường. Giết các loài động vật lại càng cảm thấy rất bình thường. Chúng ta đừng nghĩ đó là chuyện bình thường, hãy nên biết đó là chuyện tội ác to lớn cùng cực. Bản thân chúng ta nhất định phải giữ được, nhất định phải kiêng giết. Không chỉ là chó nên sát nhân, mà đối với những động vật khác cũng chó nên sát hại, phải dưỡng thành “*từ tâm chẳng giết*”. Chỉ cần dưỡng thành từ tâm chẳng giết, tâm từ bi mỗi ngày một tăng trưởng. Một người hằng ngày vun bồi tăng trưởng cái tâm nhân từ; nói theo pháp thế gian, người có từ tâm rất nặng, thọ mạng sẽ tự nhiên tăng trưởng. Nói theo pháp xuất thế gian tu đạo, người có tâm từ bi sâu nặng, đạo sẽ tiến bộ càng nhanh hơn! Nói theo Thập Thiện Nghiệp, chỉ cần gìn giữ từ tâm bắt sát! Phải giữ hết sức tốt đẹp điều đầu tiên trong Thập Thiện Nghiệp là “*chẳng sát sanh*”. Nói “*Thập Thiện Nghiệp*” tức là chẳng làm mười ác nghiệp. Điều thứ nhất trong Thập Thiện Nghiệp là chẳng sát sanh, đó là thiện nghiệp bậc nhất.

Thứ hai là không trộm cắp, thứ ba là không dâm. “*Không dâm*” là nói với người xuất gia, người xuất gia chẳng dâm. Tại gia thì chẳng hành tà dâm (tức là trừ vợ chồng ra, chẳng cùng kẻ thứ ba nào khác phát sanh quan hệ luyến ái, thì gọi là “*chẳng tà dâm*”). Nơi thân bèn chẳng tạo ba thứ ác nghiệp giết, trộm, dâm; đó chính là ba thứ thiện nghiệp nơi thân nghiệp. Nơi miệng bèn chẳng nói dối, chẳng ác khẩu (ác khẩu là ăn nói tổn thương người khác), chẳng lường thiệt (“*lường thiệt*” là xúc xiểm thị phi), chẳng ý ngữ (tức là nói năng, viết văn, hoặc vẽ vời v.v... hướng dẫn kẻ khác tạo ác nghiệp thì gọi là “*ý ngữ*”), đó là bốn thứ thiện nghiệp nơi miệng. Thân và miệng đều nghe theo tâm lý [chỉ đạo], tâm là ý. Ý

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thức có ba loại: Chẳng tham (không tham cầu hết thảy mọi thứ), chẳng sân hận (chẳng tùy tiện nổi cáu), chẳng tà kiến (nói là “tà kiến” tức là kiến giải chẳng phù hợp đạo lý của thánh nhân). Nơi ý chẳng tham, chẳng sân, chẳng si thì ý cũng là thiện.

Thập Thiện Nghiệp có cạn và sâu, kẻ bình phàm như chúng ta chiếu theo như vậy đề tu tập, cũng là khá lắm! Tu đến chỗ rốt ráo nhất, nếu nói theo Viên Giáo, ba nghiệp thân, khẩu, ý đều thanh tịnh. Ba nghiệp đã đều thanh tịnh, tâm tánh bèn phát lộ, đạt đến cảnh giới ấy sẽ là cao sâu khôn cùng! Chúng ta đừng nên thấy Thập Thiện Nghiệp rất đơn giản, chỉ cần làm tới bên trong [nội dung thật sự của nó], cảnh giới sẽ rất cao. Hôm nay, tôi nói đến đây bèn ngừng!

Tập 14

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bôn trang thứ năm, xem hàng cuối cùng. Tôi đọc trước một lượt.

(Kinh) Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Tam giả, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Như thử tam sự, danh vi Tịnh nghiệp.

(經)二者，受持三歸，具足眾戒，不犯威儀。三者，發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。如此三事，名為淨業。

(Kinh: Hai là thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi. Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Ba sự như thế gọi là Tịnh nghiệp).

Đoạn kinh văn này tiếp tục phần Tam Phước chưa nói xong trong lần trước. Tam Phước còn gọi là “ba loại Tịnh nghiệp”. Trong bộ kinh này, mười sáu phép Quán trong phần sau chính là công phu chánh thức, được gọi là “chánh công phu”, ba thứ Tịnh nghiệp đang được nói ở đây chính là công phu phụ trợ, được gọi là “trợ công phu”. Trợ công phu hết sức quan trọng. Đối với ba loại Tịnh nghiệp, lần trước đã nói về loại thứ nhất: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp”. Điểm quan trọng trong loại Tịnh nghiệp thứ nhất là nói về thiện pháp thế gian. Các vị hãy nhìn từ kinh văn, đầu tiên là nói đến

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

hiếu đạo. Thiện pháp thế gian rất nhiều, chọn lấy pháp trọng điem, pháp quan trọng nhất thì chính là hiếu. Một điem quan trọng khác nữa là Từ, từ tâm chẳng giết. Hiếu là nói đối với người trên, từ tâm chẳng giết là nói với kẻ dưới. Giáo dục nhà Phật giống như giáo dục của Nho gia. Giáo dục Nho gia nói “*hiếu từ*”, có thể giữ vững hiếu đạo, giữ vững từ tâm, thiện pháp thế gian bèn đầy đủ.

Phần kinh văn hôm nay nói về loại thứ hai trong ba loại Tịnh nghiệp: “*Nhị giả, thọ trì Tam Quy*”, nói tới Phật pháp. Trong phần trước là nói về thiện pháp thế gian, thuộc về pháp thế gian. Dẫu tu pháp thế gian tốt đẹp cách mấy, vẫn chẳng thể vượt thoát lục đạo. Tức là tu Thập Thiện Nghiệp hết sức hoàn bị, sanh lên cõi trời, tối đa là sanh vào Lục Dục Thiên trong Dục Giới Thiên mà thôi. Nếu muốn vượt thoát thế gian, phải tu Phật pháp. Muốn xuất thế gian, đầu tiên là phải thọ trì Tam Quy. Thọ (受) là tiếp nhận. Sau khi đã tiếp nhận bèn chẳng gạt qua một bên, mà phải giữ vững, phải nắm chặt, chẳng buông, một mực chiếu theo đúng pháp để tu, đó là “*thọ trì*”. Ở đây, cần phải thọ trì những gì? Quy y. Đối với Quy (歸), chúng ta thường nói là Quy (皈), tức là bên chữ Bạch (白) có thêm chữ Phản (反), chữ Quy (皈) này và Quy (歸) giống nhau.

Quy y có ba loại, gọi là Tam Quy Y. Tôi nghĩ mọi người đều hiểu cả rồi, nhưng giảng kinh thì chẳng thể không nói. Thứ nhất là quy y Phật, thứ hai là quy y Pháp, thứ ba là quy y Tăng. Phật là đấng giáo chủ của thế giới Sa Bà, tức Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp là các pháp môn do đức Phật đã nói. Tăng là hòa hợp chúng, tâm suy nghĩ, không chẳng phải là tà tri tà kiến trong thế gian, đều chẳng chánh đáng, tức tăng đoàn (người đã thọ Cụ Túc Giới thì gọi là Tăng). Vì sao gọi là Quy? Quy (歸) là quay về. Những gì bọn phàm phu chúng ta trong thế gian đã thấy, đã nghe, trong tâm suy tưởng, không gì chẳng phải là tà tri tà kiến thế gian, đều là chẳng chánh đáng, chẳng chánh xác. “*Quy y*” (歸依) là đem những hành vi và tư tưởng chẳng chánh xác thấy đều xoay lại, quay về Phật môn, quay về Phật, Pháp, Tăng. Sau khi đã quay về, bèn nương cậy, nương cậy vào ai? Nương cậy Phật, Pháp, Tăng. Vì thế, học Phật thì điều đầu tiên là phải thọ trì Tam Quy.

Thọ trì Tam Quy tuy rất đơn giản, nhưng chúng ta phải hiểu rõ (nhất là trong thời đại Mạt Pháp), nghiên cứu Phật pháp ắt cần phải thọ trì Tam Quy. Hơn nữa, sau khi đã thọ, xác thực là phải chiếu theo đó để hành trì. Tánh chất trọng yếu của chuyện này là ở chỗ nào? Chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thường thấy có rất nhiều người, bên ngoài nói là tin Phật, cũng là học Phật, nhưng hề có chuyện gì bên tin điều khác ngay! Nghe nói chỗ nọ có chuyện chi đó rất linh cảm, rất linh nghiệm, bên ủa tới đó liền! Nơi nọ có thần, có lão tổ chi đó, biểu diễn cho thiên hạ xem ngay tại đó, bên ủa tới! Nói nghiêm ngặt, chúng ta thật sự thọ Tam Quy Y, những chuyện ấy đều chẳng thềm nghe! Vì sao? Chúng ta thọ trì, quy y Phật, Phật là chí cao vô thượng. Trí huệ của kẻ nào có thể vượt trời trí huệ của Phật? Công đức của ai có thể vượt trời công đức của Phật? Hơn nữa, nói đến Pháp do đức Phật giảng, tức pháp môn, kinh điển của bất cứ tôn giáo nào cũng đều chẳng thể vượt trời Phật pháp. Bất cứ tôn giáo nào cũng đều chẳng sánh bằng, huống hồ là quỷ thần giáo chẳng có kinh điển chi cả! Bọn họ căn bản là chẳng có kinh điển, chỉ bịa chuyện nói loạn cào cào, có gì chúng ta lại tin theo những tà thuyết tùy tiện nói lung tung ấy? Lại nói đến Tăng, Tăng là Tăng Bảo. Tăng sĩ đã thọ Cụ Túc Giới, có oai nghi, nhưng trong thời đại Mạt Pháp hiện tại, có những kẻ giả mạo. Về căn bản, chúng nó chẳng phải là Tăng, mà là giả vờ, những gì chúng nó nói chẳng phải là Phật pháp, có gì chúng ta phải đến nghe chúng nó nói để làm chi? Chúng ta tuy biết đạo lý, nhưng còn có rất nhiều người chẳng phân định rõ ràng cho lắm, vì họ vẫn chưa hiểu rõ Tam Quy! Do đó, chúng ta nghiên cứu kinh văn, tuy thấy bốn chữ “*thọ trì Tam Quy*” dường như đơn giản, nhưng nếu thật sự thọ trì Tam Quy, đối với hết thảy những tà thuyết chẳng hợp Phật pháp ở bên ngoài, sẽ không đến nghe! Dầu họ nói hay cách mấy, cũng đừng tin tưởng bọn ấy, vì chúng ta đã quy y từ lâu, chúng ta có Tam Quy.

Nghiên cứu cao hơn bước nữa, đối với cái gọi là “*quy y Phật, quy y Pháp*”, hãy nói đến Pháp! Hết thảy các kinh trong Kinh Tạng đều do Thích Ca Mâu Ni Phật nói. Ba kinh Tịnh Độ đương nhiên cũng là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói. Trong ba bộ kinh ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy rõ ràng chúng ta phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Giả sử chúng ta khuyên kẻ khác: “Quý vị cần gì phải tới Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở trong thế gian này là được rồi!” Kẻ nói lời đó, ngay cả Tam Quy cũng đều chẳng nương cậy! Chẳng tin Phật tức là chẳng quy y Phật, mà cũng chẳng quy y Pháp. Quy y Phật, quy y Pháp, sẽ tin tưởng lời đức Phật dạy, tức là sẽ tin tưởng Pháp! Đối với mỗi câu kinh văn, ta sợ nghiên cứu quá nhiều sẽ mất thời gian ư? Nếu thật sự chịu hướng nội nghiên cứu, sẽ chẳng sợ phiền phức, những ý nghĩa bao hàm trong ấy rất nhiều, nếu quý vị có thời gian, hãy luôn luôn nghiên cứu hướng nội. Càng nghiên cứu, càng hiểu nhiều đạo lý, tín tâm đối với

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật pháp càng thâm nhập, càng đạt được lợi ích to tát. Ở đây, tôi nêu ra điều này để nhất loạt khích lệ mọi người!

“Thọ trì Tam Quy” được nói ở đây chính là chuyện nhập môn để học Phật. Sau khi đã thọ Tam Quy, kế đó là “*cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*” (đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi). Đối với chữ Giới trong “*cụ túc chúng giới*”, xin thưa trước cùng quý vị: Tiếng Ấn Độ gọi Giới là Thi La (Śīla), tiếng Hán là Giới (戒), có ý nghĩa “*thanh lương*”. Thanh lương (清涼) là gì? Ví như tiết trời rất nóng, vừa mở quạt điện hoặc máy lạnh, sẽ cảm thấy rất mát mẻ; đó là “thanh lương”. Vì sao Giới là thanh lương? Lũ chúng sanh chúng ta trên thế gian, thân thể, nội tâm và khẩu (tức ba nghiệp thân, khẩu, ý), thân thể cảm nhận, miệng nói năng, trong tâm suy nghĩ, từ nội tâm phát ra ngôn ngữ, hành vi, lại còn bị bên ngoài kích thích, đều là nóng bức khôn cùng! Nóng bức giống như lửa vậy! Đối với chữ Phiền (煩) trong “*phiền não*” (煩惱), bên trái là chữ Hỏa (火), bên phải là chữ Hiệt (頁). [Chữ Hiệt] viết theo lối chữ Triện, sẽ là đầu người! Đầu người tới gần lửa, quý vị ngắm xem, người ta thường nói là “đầu bốc lửa”. Người thế gian chẳng tránh khỏi phiền não; vì sao phiền não? Thế gian này khiến cho tâm chúng ta rất phiền, nóng nảy khôn xiết! Vì sao nóng nảy? Trong thế gian này, tình huống là như vậy, toàn thể đại hoàn cảnh trong thế gian này toàn là như vậy. Nếu chúng ta có thể chuyển biến toàn thể thế gian, đương nhiên là rất tốt! Khi vẫn còn chưa có công phu chuyển biến toàn thể thế gian, trước hết, mỗi người chúng ta phải tự tránh né sự nóng bức của phiền não. Trước hết, hãy cầu sao chính mình được thanh lương. Sau khi chính mình đã thanh lương, mới có thể giúp đỡ người khác thanh lương. Chính mình còn chưa thể thanh lương, làm sao có thể giúp người khác [thanh lương] cho được? Thanh lương như thế nào? Thọ giới bèn có thể thanh lương.

Giới là thân chẳng tạo ác nghiệp, giữ gìn hành vi chánh đáng, miệng chẳng nói tùy tiện, khiến cho khẩu nghiệp rất thanh tịnh. Trong tâm đừng mong tưởng chuyện danh lợi. Phạm kẻ nào mong cầu danh lợi, tất nhiên là phải tổn người lợi mình. Nếu chúng ta tổn người lợi mình, kẻ khác cũng sẽ tổn người lợi mình. Ai nấy đều tổn người lợi mình, sẽ tạo thành hiện tượng như trong hiện thời, giống như một khối lửa, trong tâm mỗi người đều rất phiền bức. Giới là giới cái tâm! Không chỉ là thân chẳng tạo ác nghiệp, miệng chẳng tạo ác nghiệp, ngay cả trong tâm cũng đừng nghĩ! Đừng nên dấy lên cái tâm danh lợi, chớ nên tranh danh đoạt lợi cùng kẻ khác, đừng nên tổn người lợi mình! Như thế thì trong tâm sẽ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tự nhiên cảm thấy rất an nhiên! Vì sao trong tâm an nhiên? Ta chẳng tổn hại người khác, không mong chiếm tiện nghi của kẻ khác, trong tâm lúc nào cũng坦然 nhiên, và cũng rất an bình, tự tại, sợ gì cơ chứ? Do vậy, tâm chúng ta tự nhiên thanh tịnh, thanh lương. Vì thế, thọ giới, giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý tốt đẹp, tuy thế gian nóng bức ngăn ấy, chúng ta giữ gìn tốt đẹp ba nghiệp của chính mình, chính mình lập tức thanh lương. Người ta thường chẳng hiểu Giới, cứ ngỡ giữ giới sẽ khiến cho chính mình bị rất nhiều nỗi bó buộc, rất mất tự do! Thật ra, họ chẳng hiểu đạo lý này. Đã hiểu rõ đạo lý, [sẽ biết] đúng là tự do, thanh lương. Do thanh lương, có thể đạt được tự do.

Chúng ta biết học Phật, quan trọng nhất là khai trí huệ. Muốn khai trí huệ, đương nhiên là phải nghiên cứu kinh Phật. Còn có một điều rất quan trọng là phải nhập Định. Chẳng nhập Định, sẽ chẳng khai trí huệ! Nghiên cứu kinh Phật, nghiên cứu Phật lý, trong tâm cũng phải có công phu định lực kha khá thì mới có thể nghiên cứu kinh. Chẳng có công phu định lực, trong tâm bộp chộp, xáo động, có xem [kinh điển] cũng chẳng xem được! Do vậy, công phu định lực rất trọng yếu. Công phu định lực do đâu mà có? Muốn có công phu định lực, phải giữ giới; do có Giới thì mới có Định. Vì thế, Phật pháp nói ba thứ Vô Lậu Học, Giới, Định, Huệ. Đối với Tam Vô Lậu Học Giới, Định, Huệ, đầu tiên phải nói tới Giới. Giới trong nhà Phật có rất nhiều giới điều. Nhưng chuyên môn nói về Giới, sẽ chẳng thuộc phạm vi của khóa giảng này, mà cũng chẳng phải là kẻ bình phàm có thể tùy tiện nói được! Khi truyền giới, sẽ có bậc giáo thọ chuyên môn giảng giới; ở đây, chỉ có thể nhắc đến các danh từ [thuộc về giới luật].

Nói tới giới trong nhà Phật, chính là các giới do đức Phật chế định, chia thành giới tại gia và giới xuất gia. Giới tại gia thì sau khi đã thọ Tam Quy, thông thường là thọ Ngũ Giới (đối với Ngũ Giới, tôi nghĩ mọi người đang hiện diện đều biết, chẳng cần phải nói cặn kẽ). Tiến hơn nữa là thọ Bồ Tát Giới, giới điều khá nhiều. Giới xuất gia có Sa Di Giới và Cụ Túc Giới. Trong Cụ Túc Giới, còn chia thành tỳ-kheo giới và tỳ-kheo-ni giới. Thọ tỳ-kheo giới hoàn bị, sẽ có tất cả hai trăm năm mươi điều, tỳ-kheo-ni giới nhiều hơn. Chú giải của cổ nhân nói “là năm trăm điều”, tức là nói số tròn [tổng số của giới tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni]. Thật sự chiếu theo kinh văn của giới điều, [giới tỳ-kheo-ni] sẽ là ba trăm bốn mươi tám điều. Giới của tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni là giới Tiểu Thừa. Người xuất gia tại Trung Hoa, bất luận là tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni, sau khi đã thọ Cụ Túc Giới, còn phải thọ thêm Bồ Tát Giới. Nếu muốn hành Bồ Tát

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đạo, sẽ thọ Bồ Tát Giới. Người tại gia có thể thọ Bồ Tát Giới, người xuất gia cũng thọ. Phật pháp tại Trung Hoa là Đại Thừa Phật pháp, chúng ta đều là tại gia đệ tử, người bình phàm chỉ cần phát tâm hành Bồ Tát đạo, đều thọ Bồ Tát Giới. Đại khái là phân chia [các loại giới] như thế đó!

Nói thông thường, [mọi người] cảm thấy Đại Thừa Bồ Tát Giới rất dễ dãi, thoải mái, trên thực tế là nghiêm ngặt nhất. Chứng thực là nghiêm ngặt như thế nào ư? Chúng ta biết thường là trong các quốc gia Tiểu Thừa, họ thọ trì giới luật Tiểu Thừa, có thể ăn mặn, ăn thịt, các thứ ngũ tân như hành, tỏi v.v... cũng đều chẳng hạn chế. Vì sao? Vì họ chẳng thọ giới luật theo Đại Thừa Phật pháp; nhưng đệ tử nhà Phật tại Trung Hoa, bất luận tại gia hay xuất gia đều thọ giới Đại Thừa. Dầu chẳng thọ giới Đại Thừa, chỉ thọ Ngũ Giới, cũng ăn chay trường, các thứ ngũ tân như hành, tỏi... cũng chẳng ăn! Vì sao? Do căn cứ theo kinh điển Phạm Võng. Kinh Phạm Võng dạy về Bồ Tát Giới, chẳng cho phép ăn thịt chúng sanh. Ăn thịt chúng sanh tức là chôn vùi cái tâm từ bi, lại còn chẳng cho phép ăn ngũ tân, tức những thứ như hành, tỏi, chúng ta phải hiểu rõ điều này! Nếu không, sẽ có những kẻ nói: Người xuất gia tại các nước Đông Nam Á vẫn ăn mặn như thường, vì sao chúng ta chẳng ăn? Họ thọ giới Tiểu Thừa, chúng ta thọ giới Đại Thừa, phải phân biệt rõ ràng điều này!

Các giới luật thông thường đã giới thiệu xong; trong đó, chúng ta phải đặc biệt khích lệ lẫn nhau răn dè khẩu nghiệp, bản thân chúng ta hãy không chế cho tốt. Trong kinh Phạm Võng có nói mười trọng giới, năm điều đầu chính là Ngũ Giới, chúng ta đều đã biết. Đối với năm điều sau, chẳng cần phải nói mỗi điều, nhưng tội thường phạm nhất thuộc về khẩu nghiệp, cho nên phải nhắc tới đôi chút! Trong các giới điều thuộc mười giới trọng có giới “*thuyết tứ chúng quá*” (nói lỗi của bốn chúng). “*Tứ chúng*” là hai chúng tại gia (ưu-bà-tắc và ưu-bà-di) và hai chúng xuất gia (tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni). Phạm là đệ tử Phật môn, chớ nên nói lỗi của đệ tử Phật; hễ nói lỗi của tứ chúng đệ tử, bèn phạm trọng giới. Thêm nữa là “*tự tán hủy tha*” (khen mình, chê người): Chính mình tự ca ngợi bản thân có công đức chi đó cao mình hơn kẻ khác, chúng ta đã bị hoàn cảnh thời đại ảnh hưởng, cũng rất khó giữ, người bình phàm dễ phạm lắm!

“*Hủy tha*” là hủy báng người khác. Tự mình tán thán chính mình, đồng thời, hủy báng người khác, điều này cũng chẳng dễ giữ. Lại còn “*hủy báng Tam Bảo*”, chẳng cần phải nói, ba điều này đều thuộc về phương diện khẩu nghiệp. Do vậy, bất luận chúng ta đã thọ Bồ Tát Giới

cũng thế, mà chưa thọ Bồ Tát Giới cũng thế, chỉ cần chúng ta là đệ tử Phật, đối với những giới trọng ấy, chẳng cần biết là đã thọ hay chưa, hề phạm phải, đều có tội ác trọng đại! Vì thế, chúng ta ăn nói phải đặc biệt dè chừng, đừng rêu rao khuyết điểm của tứ chúng đệ tử, chớ nên tự khen mình, chê người, chớ nên hủy báng Tam Bảo. “*Cụ túc chúng giới*” (Trọn đủ các giới) nói đến đây thôi! Kế tiếp là “*chẳng phạm oai nghi*”. Oai (威) là rất có oai đức. Chúng ta thấy bậc cao tăng đại đức, bất luận đứng cũng thế, ngồi cũng thế, có oai đức trang nghiêm, chúng ta trông thấy, tự nhiên khởi lòng nghiêm túc cung kính. Vì sao? Họ có oai nghi. Nghi (儀) là nghi biểu (儀表, sự biểu lộ đúng mực). Người đã thọ giới đều phải luôn chú trọng oai nghi. Giới đã được ghi chép từng điều, do đức Phật chế định. Sau khi đã giữ giới, cũng sẽ tự nhiên chú trọng oai nghi; oai nghi phát xuất từ giới. Ví như chiếu theo sự biểu hiện của hai trăm năm mươi giới, một người đi lại, đứng bất động, hoặc ngồi, thậm chí là dáng vẻ trong khi ngủ (cũng thường nói là bốn tư thái trong khi đi, đứng, nằm, ngồi), đều có oai nghi. Trong bốn loại oai nghi, mỗi loại đều có hai trăm năm mươi oai nghi, tức là mỗi loại gồm hai trăm năm mươi điều, bốn loại hợp thành một ngàn điều, cho nên có tất cả một ngàn loại oai nghi. Đối với một ngàn loại oai nghi ấy, chẳng thể bảo: Ta nói đến oai nghi trong hiện tại, một chốc sau chẳng nói đến oai nghi nữa, hoặc chẳng cần nói tới oai nghi trước kia. Oai nghi bất luận quá khứ, hiện tại, hay vị lai, đều phải nói tới, chẳng phân biệt thời gian, mà là nói suốt tam thế (tam thế). Trong mỗi “thế”, đều có một ngàn oai nghi, quá khứ, hiện tại, vị lai, cùng hợp thành ba ngàn oai nghi. Vì thế, thật sự nói “*chẳng phạm oai nghi*” thì chẳng thể khuyết thiếu ba ngàn oai nghi. Không chỉ là phải trọn đủ các giới, mà ba ngàn oai nghi cũng chẳng thể trái phạm.

Hoàn toàn chẳng phải là học Phật pháp thì mới nói tới chuyện này! Chúng ta biết trong văn hóa Trung Hoa, Nho gia cũng tu đạo. Tuy Nho gia tu đạo chẳng nói tới giới, nhưng nói tới lễ. Lễ được nói trong Nho gia giống như giới được nói trong nhà Phật. Trong sách Trung Dung (中庸) có nói tới ba trăm lễ nghi, [đấy chính là] ba ngàn oai nghi. Ba ngàn oai nghi [trong Nho gia] được nói như thế nào? Trong kinh điển Nho gia có một bộ sách tên là Nghi Lễ (儀禮), “*nghi*” là oai nghi. Sách Nghi Lễ quy định các loại lễ, hợp chung lại thành ba ngàn điều. Lễ được nói Nghi Lễ hết sức hoàn bị, gọi là “*ba ngàn oai nghi*” cũng là nói tới điều này. Vì sao nhà Phật lẫn nhà Nho đều nói tới oai nghi? Chúng ta tu đạo nhất định là phải có thể không chế ba nghiệp thân, khẩu, ý, chính mình phải không

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ché vững vàng. Nếu chẳng không ché, ba nghiệp sẽ loạn, hễ loạn bèn chẳng có định. Chẳng có Định, làm sao tu tập tốt đẹp cho được? Oai nghi đối với bất luận Nho hay Phật đều là chuyện tất yếu phải nói. Đã là tất yếu phải nói tới, bèn biết: Nó hết sức trọng yếu!

Đối với ba loại Tịnh nghiệp, kinh văn nói là “*tu Tam Phước*”. Quý vị tu Tam Phước, trong tương lai sẽ có phước báo. Điều thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ chúng giới, chẳng phạm oai nghi*”, đây là nói tới quy y giới hoặc giới luật. Phải biết: Đối với kẻ chẳng tuân thủ giới, luôn tạo ác nghiệp, hãy nghĩ xem, kẻ đó đã tạo ác nghiệp, kẻ đó tu đạo gì vậy? Đừng nói là xuất thế gian, ngay cả Dục Giới Thiên, [kẻ đó] cũng chẳng sanh về được! Càng thọ giới nhiều, càng chẳng tạo ác nghiệp. Thọ giới mà chẳng tạo ác nghiệp, sẽ được phước báo. Thập Thiện Nghiệp do đâu mà có? Chẳng tạo mười ác nghiệp sẽ là Thập Thiện Nghiệp. Tu Thập Thiện Nghiệp sẽ có phước báo. Vì thế, phước báo của Cụ Túc Giới càng nhiều hơn tu Thập Thiện. Do vậy, chúng ta hiểu rõ: Thọ Giới rất thanh tịnh, không chỉ là thanh lương trong hiện tại, mà còn sẽ có rất nhiều phước báo trong tương lai. Tu đạo mà thiếu phước báo sẽ chẳng được! Chẳng có phước báo, đối với các pháp Quán được nói trong phần sau, hoặc học pháp môn Niệm Phật, đều chẳng thể vận dụng công phu. Chẳng có phước báo, ngay cả nghe pháp môn này cũng chẳng có cơ hội, chẳng được nghe! Được nghe pháp môn này là do có phước báo! Có thể suy ra: Phước báo rất trọng yếu!

Kẻ đó là loại phước thứ ba: “*Tam giả, phát Bồ Đề tâm*” (Ba là phát Bồ Đề tâm). Học Đại Thừa Phật pháp, trước hết phải phát tâm, phát tâm gì vậy? Phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là giác ngộ. Hành Bồ Tát đạo thì trước hết phải giác ngộ; không chỉ là chính mình giác ngộ, mà còn phải khiến cho kẻ khác giác ngộ. Do vậy, phát Bồ Đề tâm đặc biệt quan trọng. Thêm nữa là “*thâm tín nhân quả*” (tín sâu nhân quả). Tín nhân quả đã là khá lắm, lại còn phải là “*thâm*” tín. Chúng ta phải hiểu rõ nhân quả, bất cứ chuyện gì trong thế gian đều phải là “trước có nhân, sau đó mới có quả”. Nhân, nói theo tỷ dụ, giống như có hạt giống. Có hạt giống thì mới có thể nảy mầm sanh trưởng, sau đây mới kết quả. Đó là nhân quả. Nhân quả có nhân quả ngay trong đời này, tức là một người trong đời hiện tại đã gieo nhân gì, sẽ kết thành quả gì ngay trong một đời này. Thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác quả. Giả sử chỉ nói trong đời hiện tại, sẽ không đủ đâu nhé! Vì sao không đủ? Có rất nhiều người tạo rất nhiều thiện nghiệp, làm rất nhiều chuyện tốt, kết quả là gặp hoàn cảnh chẳng tốt đẹp, vận mạng từ đầu đến cuối chẳng khá, một mực gặp rất

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhieu tai nạn. Chỉ nhìn vào đời hiện tại, sẽ chẳng thể luận định nhân quả thông suốt được! Ngược lại, có rất nhiều kẻ xấu xa, tạo rất nhiều ác nghiệp, kết quả là chỗ nào cũng rất đắc ý, luôn ở trong hoàn cảnh tốt đẹp, kết quả cũng tốt đẹp. Phải giải thích điều này ra sao? Vì thế, chỉ nói đến nhân quả trong đời này sẽ chẳng đủ, phải nói tới nhân quả ba đời, có đời trước, đời này và đời sau. Nhân quả hết sức phức tạp, hết sức sâu sắc; không nói tới nhân quả ba đời, đối với nhân quả sẽ chẳng thể tin sâu. Không chỉ là nhà Phật nói nhân quả ba đời, Ngũ Kinh của Nho học cũng đều nói tới nhân quả ba đời, nói rất nhiều!

Hiểu rõ nhân quả ba đời đã là chẳng dễ dàng, nhưng chỉ hiểu rõ có nhân quả ba đời vẫn chưa đủ! Nói như thế nào? Thường nghe có người nói: “Đời này chẳng tốt, tu cho đời sau. Đời này bần cùng, tu cho đời sau làm người giàu sụ!” Kẻ ấy cũng có quan niệm nhân quả ba đời; tuy có quan niệm nhân quả ba đời, nhưng chẳng biết phải thoát ly lục đạo, chỉ biết có đời trước, đời này, và đời sau, chỉ là tu tập nhằm hồng biến cái đời sau tốt lành hơn mà thôi! Như vậy là không được, vẫn chẳng giác ngộ. Sau khi đã hiểu nhân quả ba đời, còn phải giác ngộ, giác ngộ gì? Giác ngộ lục đạo luân hồi, ví như: Đời sau, sanh trong nhân gian, rất giàu có, sẽ lại như thế nào? Dẫu đời sau làm đại tổng thống của nước Mỹ, cũng chẳng có gì tốt đẹp! Dẫu sanh lên trời cũng trọn chẳng tốt đẹp gì! Đã hết thọ mạng, vẫn phải đọa lạc. Có ý nghĩa chi đâu? Vì thế, chúng ta phải giác ngộ; sau khi đã hiểu nhân quả ba đời, vẫn phải giác ngộ: Luân hồi trong lục đạo hết sức khổ não, sanh tử không ngừng! Nhất định là phải thoát ly lục đạo luân hồi. Hễ giác ngộ như vậy, chúng ta học Phật mới có thể kiến lập chánh tri chánh kiến. Đã kiến lập quan niệm nhân quả chánh xác, sau đây học Phật thì mới học rất thuần túy. Sau khi đã giác ngộ nhân quả ba đời, tất nhiên sẽ mong cầu xuất ly tam giới, mà cũng là thoát ly lục đạo luân hồi.

Thoát ly lục đạo luân hồi là yêu cầu cơ bản trong học Phật. Nhưng đối với “*thâm tín*” được nói trong bộ kinh này, tổ sư còn chú giải sâu hơn nữa. “*Thâm tín*” được hiểu ở một mức độ cao hơn như thế nào? Nói tới nhân quả, không chỉ là thoát khỏi tam giới bèn coi là đã đạt được mục đích, giống như Tiểu Thừa chứng quả A La Hán, Trung Thừa chứng Bích Chi Phật, cũng là thoát tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi, nhưng các Ngài vẫn chưa thành Phật, vẫn là chưa được. Nói cách khác, vẫn là thâm nhập nhân quả chưa đủ! Nhân quả trong Đại Thừa Phật pháp nói đến rốt ráo nhất, bất luận là thiện hay ác, nhân quả thiện ác đều phải nói triệt để. Hễ nói tới nhân quả, sẽ thấy triệt để bản tánh của chính mình,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trực tiếp thấu hiểu tâm tánh của chính mình. Tâm tánh là đại biểu của chân lý, nhân quả kiến lập trên chân lý. Đã là kiến lập từ chân lý, kẻ làm thiện hay làm ác là ai? Ai đang làm thiện? Ai đang tạo ác? Hoàn toàn là tự tâm! Hiểu rõ cái tâm của chính mình, thiện ác chẳng do ai khác [gây tạo], chính mình có thể làm chủ. Có thể làm chủ tự tâm, sẽ có thể chuyển biến nhân quả, chuyển biến hết thảy; chuyển đến chỗ rốt ráo nhất, sẽ đạt đến cảnh giới thành Phật! Nhân quả nói đến chỗ cao thâm nhất, chính là tự mình có thể minh tâm kiến tánh, thấy thấu triệt cội nguồn tâm tánh (cội nguồn vốn sẵn có) của chính mình. Nói “*thâm tín nhân quả*” chính là sau khi đã hiểu rõ nhân quả, bèn từ sự thấu hiểu bản tánh, từ chân lý mà tu tập. Như thế thì chính mình mới có sức mạnh để chuyển biến. Nói cách khác, chuyển theo cách nào?

Kê đó là “*độc tụng Đại Thừa*”. “*Độc*” (讀) là xem đọc, “*tụng*” (誦) là đọc thuộc lòng. Vì sao phải độc tụng kinh điển Đại Thừa? Hiện thời, có những vị tu hành đã lâu, họ có một cách “*duyet tạng*” (閱藏, đọc kinh điển trong Kinh Tạng), *duyet tạng* như thế nào? Mở kinh điển Đại Thừa trong Tạng Kinh ra, xem từ đầu đến cuối từng chữ một, bất luận có nhận biết chữ ấy hay không, vẫn cứ tiếp tục xem. Chữ không nhận ra, cũng không cần phải lật tự điển ra tra. “*Duyet tạng*” là xem lần lượt từng chữ một, nhằm cầu Định. Nhờ vào *duyet tạng* để cầu Định, điều quan trọng là chẳng khởi tâm phân biệt! Một loại khác là nghiên cứu, chẳng phải là *duyet tạng*, mà là chọn lấy một bộ kinh để xem. Xem không hiểu [chữ nào], phải tra tự điển, hoặc là [biết] có người khác thông hiểu, bèn xin người ta giảng cho quý vị nghe (nhằm nghiên cứu đạo lý). “*Độc tụng Đại Thừa*” bao gồm hai phương thức *duyet tạng* và nghiên cứu. Nghiên cứu đại kinh và đại luận của Phật pháp để làm gì? Nhằm khai trí huệ, khiến cho chúng ta hiểu rõ đạo lý của Phật. Chúng ta học Phật mà chẳng hiểu rõ Phật lý, đối với phương diện tu trì, sẽ cảm thấy có những nỗi khó khăn. Vì thế, trong quá khứ, có rất nhiều người học Phật có một đoàn thể để cùng nhau nghiên cứu đương nhiên là tốt, nếu thật sự chẳng có cách nào nghiên cứu [cùng người khác], hãy tự mình *duyet* đọc, chỉ đọc theo mặt chữ cũng được! Vì thế, độc tụng Đại Thừa cũng hết sức quan trọng, hướng nội để tu, nghiên cứu lý luận. Đối với ba câu “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, độc tụng Đại Thừa*” trên đây, nếu mong hoằng pháp, nếu mong hóa độ chúng sanh, trước hết, chính mình phải trọn đủ ba điều kiện vừa nói ấy. Đầu tiên là phải phát

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tâm; sau đây, cầu tin sâu nhân quả, lại còn phải hiểu lý luận trong kinh văn.

Tiếp đó, “*khuyến tấn hành giả*”. Khuyến (勸) là khuyến cáo, dùng đủ mọi phương pháp để khuyên dạy kẻ khác. Tấn (進): Người ta chẳng học Phật, hãy khuyên họ tiến nhập Phật môn. Đối với người đã nhập môn, lại khuyên họ càng thêm tinh tấn, càng tiến bộ hơn. Đó là Tấn. Chúng ta phát tâm, khuyên kẻ chẳng học Phật hãy tin Phật. Đối với người đã tin Phật bèn khuyên càng thêm tinh tấn. “*Hành giả*” (行者) là người tu hành. Chúng ta khuyên người khác như vậy, chính là chuyện Bồ Tát nên làm, tạo lợi ích cho người khác. Ba điều trước đó đều là tự lợi. Đã có cơ sở tự lợi, sau đây mới nói đến chuyện lợi tha. Đối với những điều kinh văn đã dạy, hể lưu tâm xem, sẽ biết ngay: Ất là phải phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, hiểu rõ Phật lý; mấy điều này hết sức quan trọng. Nếu thiếu bất cứ điều nào, mà mong khuyên người khác đều rất đổi khó khăn. Quý vị hãy tự ngẫm xem: Giả sử bản thân chúng ta thiếu khuyết ba điều ấy, đừng nói chi khác, chỉ nói theo phương diện nhân quả. Chẳng có quan niệm nhân quả, chính mình vẫn chẳng tin nhân quả, làm sao chúng ta khuyên người khác cho được? Do vậy, ba điều trước đó hết sức trọng yếu. Có ba điều ấy, chánh tri chánh kiến đều đầy đủ, khuyên nhủ người ta mới có hiệu quả!

Nói xong ba điều ấy. Điều thứ nhất khởi đầu bằng hiểu, điều thứ hai khởi đầu bằng Tam Quy, điều thứ ba khởi đầu bằng phát Bồ Đề tâm, ba điều này hết sức trọng yếu. Sau đó, bèn tổng kết: “*Như thử tam sự*”, [nghĩa là] ba loại phước vừa nói trên đây, “*danh vi Tịnh nghiệp*”, gọi là “*Tịnh nghiệp*”. Nghiệp là gì? Nghiệp giống như nhân. Có cái nhân thanh tịnh ấy, trong tương lai, sẽ kết thành quả thanh tịnh; tu pháp môn Tịnh Độ được gọi là tu Tịnh nghiệp. Trước khi nói tới mười sáu phép Quán, bèn nói trước ba loại Tịnh nghiệp, khiến cho mọi người biết tu ba loại Tịnh nghiệp cũng là tu ba loại phước, hồng giúp cho công phu chánh yếu; phải là chánh trợ song tu! Chỉ nói chánh công phu mà chẳng có trợ công phu, chánh công phu sẽ chẳng dấy lên nổi! Vì thế, trước hết là giảng ba loại Tịnh nghiệp này. Hôm nay, [giảng] tới đây là kết thúc.

Tập 15

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn trang thứ sáu, bắt đầu từ câu thứ ba trong hàng thứ hai. Tôi đọc trước kinh văn một lượt.

(Kinh) Phật cáo Vi Đề Hy: “Nhữ kim tri phủ? Thử tam chủng nghiệp, nãi thị quá khứ, vị lai, hiện tại, tam thế chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân”.

(經)佛告韋提希：汝今知不？此三種業，乃是過去未來現在，三世諸佛，淨業正因。

(Kinh: Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “Nay bà có biết hay không? Ba loại nghiệp ấy chính là chánh nhân tịnh nghiệp của quá khứ, hiện tại, vị lai ba đời chư Phật”).

Trong đoạn kinh văn này, sau khi đã nói xong ba loại phước (cũng là ba loại tịnh nghiệp), bèn nêu một kết luận nhỏ. Kết luận có tất cả ba đoạn, đoạn kinh văn này là đoạn thứ nhất, trong phần sau còn có hai đoạn nữa (cho đến “*đắc Vô Sanh Pháp Nhân*” mới hết). Sau đó, kế tiếp là nói về mười sáu phép Quán.

“*Phật cáo Vi Đề Hy*”: Đức Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy: “*Nhữ kim tri phủ?*” Hiện thời, bà có biết hay không? “*Thử tam chủng nghiệp*”, ba loại nghiệp ấy (tức là ba loại phước nghiệp được nói trên đây), “*nãi thị quá khứ, vị lai, hiện tại, tam thế chư Phật, chánh nhân tịnh nghiệp*” (chính là chánh nhân tịnh nghiệp của quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời chư Phật), hết sức trọng yếu! Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật hiện tại. Không chỉ là Phật hiện tại nói như vậy, mà chư Phật trong quá khứ cũng nói như vậy, Phật trong vị lai cũng vẫn nói như vậy. Do đó, ba loại nghiệp này đều là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật!

Đã là “*tam thế chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân*” (chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật), đương nhiên là hết sức trọng yếu! Vì ba đời chư Phật ắt đều phải tu ba loại tịnh nghiệp này; cho nên, đây chính là chánh nhân để thành Phật. Vì sao ba loại tịnh nghiệp này là chánh nhân của ba đời chư Phật? Đối với chữ Tịnh trong “*tịnh nghiệp*”, trước hết, chúng tôi phải giới thiệu thêm đôi chút.

“*Tịnh nghiệp*”: “*Tịnh*” là thanh tịnh. Thanh tịnh là gì? Chuyện chẳng tạp nhiễm là thanh tịnh. Ví như chúng ta làm việc thiện trong thế gian, làm hết thấy các thiện nghiệp đều chẳng có những dụng ý khác xen

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

lẫn vào đó, thuần túy là làm việc thiện, chớ nên có bất cứ điều kiện gì. Thiện nghiệp thế gian là như thế, mà trì giới, phát Bồ Đề tâm, cho đến nhân quả v.v... ba loại nghiệp đều là thuần túy, chẳng xen lẫn bất cứ nhân tố nào khác, thì gọi là “thanh tịnh”. Không xen tạp các nhân tố khác là gì? Tôi nêu một thí dụ nhỏ, nông cạn, gần gũi: Ví như chúng ta làm sự nghiệp từ thiện trong thế gian, quý vị dùng tiền bạc giúp đỡ người khác cũng thế, mà dùng năng lực của chính mình để giúp đỡ, chăm sóc người khác cũng thế, thuần túy là giúp đỡ. Trong tâm chớ nên nghĩ: “Sau khi ta bỏ ra tiền tài hoặc sức lực, trong tương lai, đối phương sẽ báo đáp ta điều tốt đẹp chi đó!” Nếu có tâm lý ấy, sẽ chẳng được coi là thanh tịnh. Chúng tôi nêu thí dụ này, những điều khác có thể suy ra. Thật sự thanh tịnh, những tâm lý khác đều chẳng có, thuần túy làm việc thiện là làm việc thiện, chẳng có bất cứ mong mỏi nào!

Một điểm khác nữa, chúng ta phải hiểu rõ: Tịnh nghiệp đến mức rất ráo sẽ phát xuất từ trong bản tánh mà ai nấy đều sẵn có (cũng là Phật tánh thành Phật); đó là Tịnh. Dùng thí dụ để nói, ví như đối với điều phước thứ ba là “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả*”, dùng nhân quả để nói, nói đến cái nhân rất ráo nhất, sẽ là cái nhân gì? Phải hiểu rõ: Chúng ta học Phật nhằm mục đích mong thành Phật. Thành Phật là quả (kết quả). Muốn kết thành Phật quả, ắt phải hiểu rõ cái nhân để thành Phật. Nhân ấy ở chỗ nào? Cái nhân ấy chính là phải nhận thức chính mình. Có nhận thức chính mình thì mới có thể thành Phật. Chẳng nhận thức chính mình, sẽ chẳng thể thành Phật (chẳng có lẽ nào thành Phật được)! Nhận thức điều gì nơi chính mình? Nhận thức Chân Như bản tánh của chính mình. Vì thế, nói đến nhân quả, nói thấu suốt đầu đuôi, nói đến chỗ rất ráo, nhân quả hoàn toàn là Chân Như bản tánh! Do vậy, quý vị nói đến nhân, nói đến chủng tử, điều rất ráo nhất là hiểu rõ chính mình. “*Vạn pháp duy tâm*”, phải nhận thức chân tâm của chính mình. Chẳng hiểu rõ điều này, chúng ta tin nhân quả, nhưng chẳng thể coi là “*tin sâu nhân quả*” được!

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy: “*Nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc*” (Cái nhân chẳng chân thật, sẽ chiêu lấy quả cong vạy). Khi chúng ta bắt đầu học Phật, chẳng phân biệt rõ ràng cái nhân chân thật, nếu mong đắc quả, sẽ khó khăn. Khó như thế nào? Đức Phật có nói một tỷ dụ: Ví như chúng ta nấu cơm, cơm chính là thành quả của việc nấu. Trước khi nấu cơm, nhân của cơm là gì? Nhân của cơm là gạo; ắt phải lấy gạo để nấu thì mới có thể nấu thành cơm. Nếu dùng cát hoặc đá để nấu, nấu đến bao giờ mới có thể nấu thành cơm? Bất luận quý vị

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nấu kiêu nào, hễ nấu cát đá thì cũng chẳng thể nấu thành cơm được! Cái nhân đã sai trật, sẽ chẳng có quả! Chúng ta thật sự tin sâu nhân quả, vừa khởi đầu bèn hiểu rõ: Sở dĩ Phật pháp bảo các tôn giáo khác là ngoại đạo là vì ngoại đạo chẳng hiểu rõ cái nhân thành Phật, cho nên họ chẳng thể thành Phật. Thậm chí ngay cả liễu sanh tử mà còn chẳng làm được, họ chẳng nói đến chuyện tin tưởng nhân quả. Do vậy, người hiểu rõ chân quả, thật sự tin tưởng nhân quả, ắt phải hiểu cái tâm của chúng ta là “*chân tâm vạn pháp duy tâm*”. Đây mới được coi là tin sâu nhân quả. Có thể hiểu rõ nhân và quả như vậy thì tịnh nghiệp mới thanh tịnh!

Căn cứ trên hai điều trọng yếu này, sau khi đã hiểu rõ tịnh nghiệp, chúng ta hãy xem lại tam phước trên đây. Vì sao tam phước được gọi là “*Tịnh nghiệp*”? Chúng ta tu tam phước trong Phật pháp sẽ chẳng giống kẻ bình phàm. Tu tam phước trong Phật môn, cũng phải tu cho đến mức độ liễu giải Phật pháp. Quý vị dùng tâm lý khác để tu tập, sẽ đạt được kết quả khác hẳn! Ví dụ như đối với thiện nghiệp thế gian “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát*” đã nói trong phần trước, quý vị đã hiểu rõ ý nghĩa của tịnh nghiệp: Một là thuần túy, chẳng có bất cứ điều mong cầu nào; hai là nói đến chỗ rốt ráo, quý vị làm những thiện nghiệp ấy đều xuất phát từ bản tánh. Nếu không, hiếu tử trong Nhị Thập Tứ Hiếu, gặp phải cảnh hổ sắp ăn thịt cha mẹ, đã chẳng màng đến thân, dũng mãnh chống cự mãnh hổ. Kết quả là mãnh hổ đã bị người ấy dọa chạy mất! Vì sao? Khi ấy, hiếu tâm từ sức mạnh trong bản tánh của người ấy phát ra, khiến cho dã thú cảm động. Những người khác (những hiếu tử khác) [lòng hiếu] cũng phát xuất từ bản tánh, quý vị hãy nghĩ xem! Hết thầy Hiếu và Từ đều là như thế.

Đối với phần thứ hai, [tức là] Tam Quy và thọ các giới, lại càng chẳng cần phải nói nữa. Đó là pháp xuất thế gian, càng là phát xuất từ bản tánh. Đối với phần thứ ba, phát Bồ Đề tâm, khi quý vị đã hiểu rõ tịnh nghiệp, hai chữ “*tịnh nghiệp*” chính là trọng điểm của ba điều trên đây. Giống như khi làm thơ, [hai chữ ấy] là “*thi nhãn*”²⁵. Đã nắm vững “*thi nhãn*”, toàn thể ba điều trên đây đều sống động, quý vị sẽ thấy hết sức thâm nhập. Vì tông Thiên Thai nói bộ kinh này là Viên Giáo, mà trong Viên Giáo, hễ nói thì sẽ nói tới mức độ thấu triệt nhất.

Ba đời chư Phật thành Phật ắt đều phải tu ba loại tịnh nghiệp này. Ba loại tịnh nghiệp ấy có mức độ khác biệt: Điều thứ nhất là pháp thế

²⁵ Thi Nhân: Chữ chủ yếu trong một bài thơ, diễn tả ý tưởng chánh yếu của một bài thơ.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

gian, điều thứ hai là hàng Nhị Thừa tu pháp xuất thế, điều thứ ba là pháp của Đại Thừa Bồ Tát. Khi bắt đầu tu, chỉ là những thiện sự trong thế gian, không bao gồm hai điều sau. Đã tu điều thứ nhất, khi tu đến điều thứ hai, có thể bao gồm điều thứ nhất. Lúc tu đến điều thứ ba, bao gồm cả hai điều trước. Tức là từ cạn tiến đến sâu, đã trọn đủ cơ sở nông cạn, sẽ từng bước một tu đến địa vị cuối cùng. Khi tu đến điều thứ ba, sẽ bao gồm toàn thể những điều trước. Điều này có ý nghĩa như thế nào? Chúng ta phải hiểu rõ: Tuy pháp môn tu hành của chư Phật rất cao, vẫn là bắt đầu tu từ pháp thế gian, dùng Hiếu và Từ của thế gian, dùng Thập Thiện Nghiệp để đặt vững cơ sở; sau đấy, từng bước tu lên cao hơn. Khi tu đến cuối cùng, những điều trước vẫn được bao gồm trong ấy, sau đấy mới viên dung. Đoạn này là đoạn thứ nhất nhằm tán thán ba loại tịnh nghiệp trên đây.

Đoạn dưới đây chính là đoạn tán thán [chánh nhân tịnh nghiệp] thứ hai, tôi đọc kinh văn trước một lượt.

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Đế thính, đế thính, thiện tư niệm chi. Như Lai kim giả, vị vị lai thế nhất thiết chúng sanh, vị phiến não tặc chi sở hại giả, thuyết thanh tịnh nghiệp. Thiện tai, Vi Đề Hy, khoái vấn thử sự”.

(經)佛告阿難，及韋提希：諦聽諦聽，善思念之。如來今者，為未來世一切眾生，為煩惱賊之所害者，說清淨業。善哉，韋提希，快問此事。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy niệm! Như Lai nay sẽ vì hết thảy chúng sanh trong đời vị lai [là những kẻ] bị giặc phiến não làm hại, nói nghiệp thanh tịnh. Lành thay Vi Đề Hy! Bà khéo hỏi chuyện này”).

“Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy”: Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy. Trước hết, bảo hai vị ấy hãy “đế thính”. “Đế thính” là gì? Chữ Đế (諦) có nghĩa là phải vận dụng tâm tư, chuyên tâm lắng nghe. Lại còn phải nghe cho rành mạch, chẳng qua loa chút nào, chuyên tâm dốc hết tinh thần lắng nghe, gọi là “đế thính”. Lại nói “đế thính” thêm một lần nữa, hòng nhấn mạnh, tăng thêm trọng lượng cho ý nghĩa của từ ngữ ấy! Phải lắng nghe, nghe cho kỹ lưỡng!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Nghe như vậy vẫn chưa phải là xong, trong khi nghe, còn phải “*thiện tư niệm chi*”, [nghĩa là] ngoài chuyện nghe ra, còn phải khéo suy nghĩ. “*Tư*” (思) là công phu suy xét, suy lường, chữ Thiện xuyên suốt hai chữ tiếp theo, tức là “*thiện tư*” và “*thiện niệm*”. Ngoài việc khéo tư duy cặn kẽ ra, còn phải khéo niệm. Niệm là gì vậy? Niệm là chánh thức dụng công tu tập.

Trong câu “*để thính, để thính, thiện tư niệm chi*”, “*thính*” (聽) là nghe, tức là dùng tai để nghe, Tư là dùng tâm để suy nghĩ, Niệm là tu hành. Đây chính là cái được Phật gọi là Văn, Tư, Tu Tam Huệ! Vì sao gọi Văn, Tư, Tu là Tam Huệ? Huệ là trí huệ; chúng ta học bất cứ loại học vấn thế gian nào, cũng đều phải vận dụng trí huệ thông minh. Chẳng có thông minh trí huệ, học vấn thế gian sẽ chẳng học đến nơi, đến chốn! Phật pháp cao sâu như thế, cũng là học vấn rốt ráo nhất, chẳng có trí huệ, sẽ chẳng học được! Vì thế, đối với Phật pháp, bất luận là nghe pháp cũng thế, mà khi tư duy cũng thế, chánh thức dụng công tu trì cũng thế, đều phải cậy vào trí huệ! Vì thế, hai câu này là nói đến Văn, Tư, Tu Tam Huệ. Làm thế nào thì mới có thể đắc Tam Huệ? Khi nghe thì phải lắng nghe, khi tư niệm phải dùng chữ Thiện, hãy chú ý hai chữ này! Cũng có nghĩa là khi nghe, phải dốc toàn bộ tinh thần để nghe; khi Tư, khi Niệm, ắt cần phải dùng chữ Thiện.

Đối với chữ Thiện này, có khi dùng chữ Diệu (妙); Nho gia thường dùng chữ Thiện. Ở đây, [kinh Phật] cũng dùng chữ Thiện. Chữ Thiện nói tới tầng cảnh giới cao nhất, sẽ tiến nhập cảnh giới Diệu. Vậy thì trong khi chúng ta suy xét, trong khi tu trì, đều phải khéo dùng cái tâm niệm của chính mình. Chuyện này phải cậy vào sự luyện tập trong thường nhật, chẳng phải là lập tức có thể làm ngay được! Vì sao chẳng thể làm được ngay lập tức? Đối với lý luận Phật pháp, nói chung là phải có sự thấu hiểu, sau đây mới có thể vận dụng. Nếu đối với lý luận Phật pháp mà chẳng biết chút gì, vận dụng bằng cách nào? Do vậy, bước đầu tiên là phải có sự thấu hiểu lý luận kha khá! Sau khi đã thấu hiểu lý luận, trong khi suy xét hoặc dụng công, vẫn là phải chuyên tâm, chớ nên xen lẫn những tạp niệm khác. Đó là “*thuần thiện*”. Nho gia cũng nói “*thuần thiện*”, thuần túy, chẳng xen lẫn bất cứ tạp niệm nào khác. Vận dụng công phu như vậy, sẽ hợp với Định, đã có công phu định lực kha khá, có thể phát huy sức mạnh. Vì thế, bất luận trong khi chúng ta nghe, hay suy nghĩ, hay niệm, chính mình đều phải có định lực kha khá. Dùng niệm Phật để nói, niệm Phật thì phải niệm như thế nào mới là tốt đẹp? Chính

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

là ý niệm của chính mình chẳng rong ruổi tán loạn. Chẳng rong ruổi tán loạn thì phải là định lực kha khá thì mới có thể làm được. Những điều này đều phải cậy vào sự dụng công trong thường nhật. Đó gọi là “*thiện tư, thiện niệm*”. Nói “biết vận dụng công phu” nghĩa là bất luận chúng ta làm chuyện gì, đều phải tập trung tinh thần, chớ nên tán loạn, như vậy thì mới có thể nắm vững chữ Đê và chữ Thiện. Dụng công như vậy, tự nhiên trí huệ Văn, Tư, Tu sẽ phát xuất!

Nói đến sự chuyên tâm, có công phu Định lực, phải nhờ vào chúng ta đã hiểu rõ. Trong phần trước, đã nói là đối với Phật pháp, chúng ta phải hiểu rõ định lực phát xuất từ nơi đâu? Chúng ta phải thấy cho rõ ràng: Nếu thật sự thiện tư, thiện niệm, sẽ chẳng bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài. Vì sao chẳng bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài? Có không ít người học Phật, nghĩ: “Hãy nhìn vào hiện tại là thời đại gì rồi mà vẫn phải trì lẩm giới như thế?” Lấy chuyện làm lành để nói: “Hiện thời, trên khắp thế giới, có ai chẳng vì lợi ích riêng tư của cá nhân mình, nhấn mạnh quyền lợi cá nhân? Ai chịu thật sự làm việc thiện? Chỉ sợ tiền người ta chẳng lọt vào tay chúng ta! Chúng ta cầu còn chưa được, lại còn dùng rất nhiều tiền để giúp kẻ khác, làm rất nhiều thiện sự ư?” Chúng ta nhất loạt chẳng màng đến những lời lẽ đó, bất luận lòng người trong thế gian hóa thành xấu ác đến mức độ nào, cũng chẳng cần biết kẻ khác tu trì theo cách nào, tu thuần túy cũng thế, mà chẳng thuần túy cũng thế, hết thấy đều chẳng màng tới! Chúng ta y pháp, chẳng y nhân. Phật pháp dạy như thế nào, bèn làm theo đúng như thế ấy. Vì sao? Học Phật liễu sanh tử là để liễu sanh tử cho chính mình, thành Phật thì cũng là vì chính mình mà thành Phật. Còn như làm việc thiện, thọ giới, phát Bồ Đề tâm, nhân quả v.v... bất luận kẻ khác trông thấy hay không, chính mình hiểu rõ: Nếu chẳng đúng pháp, trái pháp, chính mình phải sám hối ngay lập tức. Chính mình thực hiện tốt đẹp, kẻ khác chẳng biết tới, vẫn cứ làm như vậy, chẳng cần để cho người khác biết. Vì sao? Đều nhằm tu bản tánh, khiến cho bản tánh khai phát, đối với người khác chẳng có quan hệ chi cả! Đã hiểu rõ tầng [ý nghĩa] này, chúng ta sẽ chẳng nói: “Hoàn cảnh hiện thời chẳng tốt đẹp dường ấy, chúng ta còn học Phật để làm chi?” Chính mình ngã lòng! Ngã lòng thì chính mình bị thua thiệt! Bất luận người ta như thế nào, chính chúng ta cứ tiếp tục tấn tu, tiếp tục nghiên cứu. Đó gọi là “*đế thính, đế thính, thiện tư, thiện niệm*”, chẳng bị ảnh hưởng bởi bất cứ điều gì bên ngoài. Đáng nên tu như thế nào, bèn tu như thế ấy, đó là Thiện. Có thể làm như vậy, chớ nên bị ảnh hưởng bởi thời đại, đừng bị ảnh hưởng bởi những kẻ khác đang làm những chuyện

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chẳng đúng pháp, chúng ta đã có định lực kha khá. Chúng ta Văn cũng thể, mà Tư cũng thể, Tu (niệm) cũng thể, sẽ có thể có những công phu nhỏ nhỏ hiển lộ, có trí huệ!

Tiếp đó, đức Phật bèn nói: “*Như Lai kim giả, vị vị lai thế nhất thiết chúng sanh, vị phiến não tặc chi sở hại giả, thuyết thanh tịnh nghiệp*” (Nay Như Lai sẽ vì hết thảy chúng sanh trong đời vị lai [tức là những kẻ bị] giặc phiến não làm hại mà nói nghiệp thanh tịnh). Thích Ca Mâu Ni Phật rất từ bi! Pháp này vốn do phu nhân Vi Đề Hy thỉnh cầu đức Phật nói ra: Làm thế nào để có thể đến thế giới Cực Lạc? Tuy đức Phật đáp ứng lời thỉnh cầu của phu nhân Vi Đề Hy, giảng cho bà ta, nhưng lúc này, đức Phật nói: “*Như Lai*” (ý nói chính đức Phật) nay chẳng phải chỉ vì phu nhân Vi Đề Hy mà nói, mà cũng là vì hết thảy chúng sanh trong đời vị lai, kể từ thời Thích Ca Mâu Ni Phật mãi cho đến hiện thời (cũng là lũ chúng sanh chúng ta trong thời hiện tại), hết thảy chúng sanh đều được bao gồm trong ấy.

Nay chúng tôi đang ở thành phố Đài Trung của Đài Loan giảng bộ kinh này, đức Phật quá từ bi! Trong tâm Ngài, trọn chẳng phải chỉ là vì đạo tràng của chúng ta ở Đài Trung mà giảng, mà là bao la tất cả chúng sanh! Đài Loan, Trung Hoa Đại Lục, nhân sĩ mỗi nước trên toàn cầu đều ở trong tâm đức Phật, đấy mới là “hết thảy chúng sanh”. Không chỉ là chúng sanh thuộc về nhân loại, mà còn bao gồm chúng sanh thuộc loài vật. Nếu chúng nó hiểu, có thể nghe pháp môn Niệm Phật, cũng có thể lập tức vãng sanh. Do đó, có thể nói là lòng từ bi của đức Phật vô lượng vô biên.

“*Vị vị lai thế nhất thiết chúng sanh*” (Vì hết thảy chúng sanh trong đời vị lai), đức Phật đã liệu trước tình hình của chúng sanh trong hiện tại. Nay chúng ta hãy xem, tình hình của chúng sanh trong hiện tại là như thế nào? “*Vị phiến não tặc chi sở hại giả*” (Bị giặc phiến não làm hại): Chúng ta ngẫm xem, chúng sanh thuộc nhân loại trong hiện thời, có chúng sanh nào chẳng phải bị phiến não hãm hại? Vì sao gọi phiến não là “giặc”? Phiến não giống như giặc cướp. Giặc cướp chuyên môn cướp đoạt đồ đạc của người ta, chẳng để cho chúng nó cướp, chúng nó sẽ giết chết người bị cướp. Giặc cướp là như vậy đó! Hiện thời, rất nhiều gã cường đạo đã cướp tiền còn giết người. Gã trộm vặt vào nhà trộm đồ, bị chủ nhân phát hiện, vốn là một tên trộm vặt, vừa bị phát hiện liền biến thành cường đạo, lỡ tay bèn giết chết chủ nhân. Quý vị ngẫm xem trong thời đại này, giặc là như vậy đó. Phiến não và giặc gây hại cho chúng ta y hệt. Kẻ bình phàm có tiền tài bị giặc cướp trộm, đó là từ bên ngoài đến.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Ở đây, “tác” mang ý nghĩa tử dụ, nó đến trộm cướp, tổn hại chúng ta nghĩa là gì? Bọn chúng sanh chúng ta trừ sanh mạng ra, còn có một thứ đáng quý hơn nữa là “*huệ mạng*”. Sanh mạng là thứ hư giả do nhân duyên hòa hợp, trí huệ, huệ mạng mới là Chân Ngã. Nếu nói sâu xa hơn nữa, chúng ta đều có Pháp Thân (trên thực tế, Pháp Thân là Chân Như bản tánh). Cái đáng quý nhất của bọn chúng sanh chúng ta là Chân Ngã, tức Pháp Thân huệ mạng. Trí huệ nơi huệ mạng chính là tác dụng phát khởi từ Pháp Thân. “*Pháp Thân là Thể, huệ mạng là tác dụng*”. Cái Thể và cái Dụng ấy mới là Chân Ngã thật sự.

Phiền não nếu nói cặn kẽ, sẽ rất nhiều, nói đơn giản là tham, sân, si. Tham là tham cầu hết thảy mọi thứ. Sân hận: Tham cầu chẳng được liền nổi cáu, dấy tâm sân hận. Si là ngu si, chẳng hiểu rõ chính mình, chẳng hiểu Chân Ngã, chỉ chấp trước Giả Ngã, bất cứ chuyện và đạo lý nào trên thế gian cũng đều chẳng hiểu rõ. Đó là tham, sân, si. Những phiền não khác còn có rất nhiều, trước hết, hãy nói đến ba điều này! Hãy ngẫm xem! Những thứ ấy đều là phiền não. Có những phiền não ấy, lúc bất cứ phiền não nào dấy lên, chúng cũng đều ngăn lấp huệ mạng Pháp Thân, khiến cho nó chẳng thể phát khởi tác dụng. Người bình phàm thường nói “*huệ*” là trí huệ, con người chuộng cầu lợi ích, tham luyến đủ mọi thứ danh lợi và tiện lợi đến nỗi trí óc tối tăm. Một kẻ tham lợi, do quá tham lam, khiến cho trí huệ của kẻ đó hôn trầm, chẳng thể phát khởi được, chẳng thể phát huy tác dụng. Đó gọi là “*thấy lợi tối mắt*”. Do vậy có thể biết: Hễ dính vào những phiền não tham, sân, si v.v... chúng ta há có trí huệ ư? Chẳng có trí huệ, huệ mạng đã đi về đâu mất rồi? Huệ mạng ẩn kín, chẳng phát sanh tác dụng. Vì thế, trong lục đạo, qua qua lại lại, chết nơi kia, sanh nơi đây, chết nơi đây, sanh nơi nọ, chẳng ở trong nhân gian bèn vào tam đồ, chẳng phải là súc sanh thì là địa ngục, chịu khổ dài lâu dường ấy! Ở trong nhân gian, nhân gian cũng chẳng có gì dễ chịu!

Hãy ngẫm xem: Trong thời đại này, chẳng có chuyện gì là vui! Dầu có tiền, sống ở Đài Loan, chính mình có xe, cả nhà lái chiếc xe du lịch đến nơi có phong cảnh đẹp, lên núi du ngoạn. Trời mưa to một trận, xe chạy đến nơi ấy, núi bị lở toàn bộ, chôn vùi toàn thể chiếc xe, vui quá hóa buồn! Đó là tình huống trong thế gian chúng ta, huống hồ còn có những kẻ chẳng có xe, chẳng có cuộc sống thông dong, an nhàn như vậy, vẫn phải suốt ngày đầu tắt mặt tối, bươn bả vì cuộc sống. Do vậy, hãy nghĩ xem, trong lục đạo, ngoài cõi trời ra, kể như nhân đạo cũng khá lắm, thế mà vẫn có lắm nỗi đau khổ ngàn ấy! Hãy ngẫm xem, chẳng thể nào

không thoát khỏi lục đạo! Chẳng thoát khỏi lục đạo, chẳng thể liễu sanh tử, là do bị phiền não chướng ngại. Phiền não rất giống giặc cướp, ngăn lấp huệ mạng, che lấp Pháp Thân của chúng ta, khiến cho nó chẳng thể khởi tác dụng. Phiền não giống như giặc, nó cướp đoạt tài sản của chúng ta. Do vậy, “*vị phiền não tặc chi sở hại giả*” (là người bị giặc phiền não làm hại). Hãy xem trong thế giới hiện thời, chẳng cần nói tới những người thông thường, [ngay cả] những nhà giáo dục trên toàn cầu, đều dạy kẻ khác tham cầu danh vọng, tham cầu quyền lợi cho chính mình, tất cả những nhà đại giáo dục đều dạy người khác tham danh ham lợi. Hãy ngầm xem, tham đến cùng cực, đều khiến cho giặc phiền não ngăn lấp, đánh mất huệ mạng và Pháp Thân của chính mình, vĩnh cửu qua lại trong lục đạo giống như trong tình huống hiện thời. Sau khi một đời này đã hết, có còn muốn sanh vào nhân gian nữa hay không? Dầu nhân gian không tốt, đời sau vẫn muốn sanh vào nhân gian thì cũng chẳng chắc ăn đâu nhé, nhưng sanh vào tam đồ thì có thể đảm bảo!

Tôi vừa mới nêu thí dụ: Lái xe đến một nơi có phong cảnh đẹp. Đó là sự thật, mọi người xem TV sẽ biết ngay! Trận bão lộc²⁶ lần này, trên quốc lộ Nam Hoành phát sanh núi lở, có tới mấy chiếc xe bị chôn vùi trong ấy, thê thảm như thế đó! Hết sức đáng buồn! Trước đó, Bành Hồ²⁷ phát sanh tai nạn trên biển, bao nhiêu người vùi thân trong biển! Đều vốn là chuyện vui sướng, chẳng ngờ từ chuyện vui sướng phát sanh chuyện bi thảm. Nêu lên thí dụ này, hòng nói rõ chúng ta ở trong nhân gian chẳng có chuyện vui sướng thật sự, ngộ hầu chúng ta hiểu thêm một

²⁶ Nguyên văn là “*đài phong*” (颶風) là bão lộc nhiệt đới (thường được biết dưới danh xưng Typhoon trong tiếng Anh), thường thấy ở vùng biển Thái Bình Dương, thường thấy trong vùng biển Nhật Bản, Đài Loan, Phi Luật Tân, Hương Cảng, Hawaii. Tùy theo hướng gió, có đến mười tám quốc gia bị ảnh hưởng. Cái thường được gọi một cách hết sức dị hợm là “*áp thấp nhiệt đới*” (tropical depression) trong các bản tin của Hà Nội chính là loại bão typhoon nhẹ nhất, với sức gió thấp hơn 61 cây số một giờ.

²⁷ Bành Hồ (tên thời cổ là Đảo Di, Phương Đài, Tây Doanh, Đan Châu, Bình Hồ, một mỹ danh khác là “*Bermuda phương Đông*”) là một quần đảo trong eo biển Đài Loan, thuộc vào lãnh thổ Đài Loan, cách đảo chính Đài Loan 50 km, gồm có hơn chín mươi hòn đảo lớn nhỏ, diện tích tổng cộng là 128 km², được đặt thành cấp huyện thị của Đài Loan. Do quần đảo này nổi tiếng về ngư nghiệp nên người Bồ Đào Nha đã gọi là Pescadores (đảo ngư ông). Lửa chài vào ban đêm trên Bành Hồ do rất ngoạn mục, nên đã được xếp vào một trong tám cảnh đẹp của Đài Loan. Đảo chính trong quần đảo Bành Hồ cũng có tên là Bành Hồ, các đảo nổi tiếng khác là Bạch Sa, Tây Dự, Vọng An, Thất Mỹ, Cát Bối, Mực Đầu, Điều Dự, Hồ Tinh v.v...

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chút. Càng về sau, tình hình chúng sanh bị giặc phiền não hãm hại càng sâu nặng, chướng ngại càng nặng nề! Vì sao? Thời đại càng về sau, tâm lý của mọi người càng hóa thành ác nghiệt, đó là ác tánh tuần hoàn. Tà tri tà kiến đặc biệt nhiều, những kẻ phát biểu tà tri tà thuyết xúi giục mọi người hướng theo đường hướng tranh đoạt danh lợi. Càng tranh đoạt danh lợi, phiền não càng nặng nề! Khi phiền não càng nặng nề, chướng ngại cũng càng nặng nề, càng chẳng thấy rõ chính mình, chấp trước Giả Ngã, chẳng thấy Chân Ngã nữa! Vì thế, kẻ bình phàm trong hiện thời bị giặc phiền não làm hại có thể nói là hết sức nghiêm trọng, nghiêm trọng đến mức độ nào? Chẳng cần nói tới người thế gian, người học Phật trong Phật môn thường là nhìn vào trạng huống của xã hội và thời đại, cũng học Phật không nổi nữa, mà học đòi phong khí trong xã hội! Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật nói: “*Vị vị lai thế*” (Vị đời vị lai). Ba chữ “*vị lai thế*” hết sức quan trọng, xuyên suốt từ thời đức Thế Tôn thuyết pháp cho đến hiện tại. Tổ sư chú giải hay quá! Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thấy rõ ràng, rành rẽ, người hiện thời đang bị những thứ ấy gây hại, Ngài nói ba loại tịnh nghiệp trên đây chính là vì chúng ta mà nói!

Trong một câu dài như thế, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo: Nay đức Như Lai vì hết thảy chúng sanh trong đời vị lai (tức là hết thảy các chúng sanh bị giặc phiền não làm hại. Nay chúng ta thấy rất rành rẽ, bao gồm chúng ta trong đó, đều là những kẻ bị giặc phiền não làm hại), đức Phật đối với những chúng sanh ấy “*thuyết thanh tịnh nghiệp*” (nói nghiệp thanh tịnh), tức là ba thứ tịnh nghiệp vừa nói trên đây. Tổ sư chú giải: Kể từ sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ mãi cho đến hiện tại, mãi cho đến mai sau, nếu đức Phật không nói ba loại tịnh nghiệp ấy, kẻ học Phật trong hiện thời sẽ chẳng có thành tựu. [Người hành theo] pháp môn bình phàm nếu chẳng tu ba thứ tịnh nghiệp ấy, sẽ tuyệt đối chẳng thể thành tựu, điều ấy chẳng cần phải nói nữa! [Hành nhân tu] pháp môn Niệm Phật của Tịnh Độ Tông mà chẳng tu ba thứ tịnh nghiệp ấy, đừng nói là tu các phép Quán trong Quán Kinh, tu Quán [mà chẳng tu ba thứ tịnh nghiệp ấy] chắc chắn là tu chẳng được, dấu trừ danh niệm Phật, cũng nhất định là chẳng niệm ra hồn! Quý vị nghĩ xem, chúng ta làm những chuyện như vậy, nếu chẳng có ba loại tịnh nghiệp ấy biến đổi tâm lý, sửa đổi hành vi của chúng ta, chúng ta sẽ suốt ngày làm những chuyện tham danh cầu lợi, tổn người lợi mình ở bên ngoài, trở về nhà niệm Phật (niệm A Di Đà Phật). Hôm nay ta niệm Phật đã xong, tâm ta bình an, ngày hôm nay cũng chẳng có tội lỗi gì! Ngày mai đi ra ngoài lại tạo những ác nghiệp ấy, quay về lại niệm Phật, quý vị ngắm xem! Niệm Phật kiêu đó

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

có tốt đẹp được chăng? Có thể đạt đến nhất tâm bất loạn hay không? Do vậy, nhất định là phải tu ba tịnh nghiệp. Nói cách khác, ba loại tịnh nghiệp ấy giúp chúng ta niệm Phật. Có ba loại tịnh nghiệp ấy, đã đặt vững cơ sở, mới có thể niệm Phật tốt đẹp được!

Hai câu tiếp theo chính là một đoạn tán thán, tán thán tịnh nghiệp. “*Thiện tai, Vi Đề Hy! Khoái vấn thử sự*”, vì phu nhân Vi Đề Hy trong phần trước đã chọn lựa: Thích Ca Mâu Ni Phật tỏa ánh sáng, từ trong quang minh hiện ra bao nhiêu thế giới tốt đẹp để phu nhân Vi Đề Hy lựa chọn. Phu nhân Vi Đề Hy chọn trúng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi đã chọn trúng, bèn mong muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới; sau đấy, thỉnh cầu Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho bà ta biết vãng sanh bằng cách nào, thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà ta phương pháp. Do đó, trước tiên, Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra ba loại tịnh nghiệp này. Vì thế, “*thiện tai, Vi Đề Hy*”, “*thiện tai*” chính là [đức Phật] tán thán phu nhân Vi Đề Hy, bà thật sự giỏi quá! Khá lắm! “*Khoái vấn thử sự*” (Khéo hỏi chuyện này), chữ “*khoái*” (快) trong “*khoái vấn*” có nghĩa là vui sướng, là lời hỏi [khiến người được hỏi] hết sức vui thỏa, câu hỏi hết sức tốt đẹp (bà hỏi rất hợp tâm ý ta, khiến cho tâm ta vui sướng, hỏi đúng ngay điều ta đang muốn nói). Đó gọi là “*khoái tai*” (sung sướng thay)! Sung sướng vì đã hỏi về chuyện gì? Hỏi làm thế nào để sanh về thế giới Cực Lạc? Dùng phương pháp nào hòng có thể vãng sanh? Câu hỏi này hay quá! Do vậy, gọi là “*khoái tai vấn*” (câu hỏi khiến cho người được hỏi vui sướng). “*Khoái vấn thử sự*” là tán thán phu nhân Vi Đề Hy hỏi hết sức hay!

Dưới đây là phần thứ ba của lời kết thán (kết luận, khen ngợi), mà cũng là đoạn cuối cùng khen ngợi ba loại tịnh nghiệp. Trước hết, tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) A Nan! Nhữ đương thọ trì, quảng vị đa chúng, tuyên thuyết Phật ngữ. Như Lai kim giả, giáo Vi Đề Hy, cập vị lai thế nhất thiết chúng sanh, quán ư Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dĩ Phật lực cố, đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ. Như chấp minh kính, tự kiến diện tượng. Kiến bỉ quốc độ cực diệu lạc sự, tâm hoan hỷ cố, ứng thời tức đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

(經)阿難，汝當受持，廣為多眾，宣說佛語。如來今者，教韋提希，及未來世一切眾生，觀於西方極樂世界。

以佛力故，當得見彼清淨國土。如執明鏡，自見面像。見彼國土極妙樂事，心歡喜故，應時即得無生法忍。

(Kinh: Nay A Nan! Ông hãy nên thọ trì, hãy rộng vì nhiều chúng sanh tuyên nói lời Phật. Nay Như Lai sẽ dạy Vi Đề Hy và hết thấy chúng sanh trong đời vị lai, quán Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do nhờ vào Phật lực, sẽ thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng, tự thấy mặt mình, thấy những sự vui màu nhiệm tốt bậc trong cõi nước ấy, do tâm hoan hỷ, bèn ngay lập tức đắc Vô Sanh Pháp Nhân).

Trước hết, chúng ta hãy “*tiêu văn*” (消文, giải thích văn tự). Đối với những ý nghĩa trong ấy, nếu chẳng đủ thời gian, sẽ nói bổ sung trong lần sau. Trước hết, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan: “*A Nan! Nhữ đương thọ trì*”, ông hãy nên tiếp nhận pháp môn này, tức là ba thứ tịnh nghiệp trong phần trước. “*Thọ*” (受) là tiếp nhận. Trì (持) là gì? Một mực gìn giữ, tu theo pháp môn này, chớ nên buông bỏ; đó gọi là “*thọ trì*”. Chính ông thọ trì vẫn còn chưa phải là đã hết chuyện! Vì tôn giả A Nan là người đa văn bậc nhất. Những kinh điển sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ đều cấy vào tôn giả A Nan đọc thuộc lòng, được sự chứng minh của đại chúng, sau đây, mới ghi chép thành văn tự. Đó là kinh Phật. Vì thế, đức Phật bảo Ngài: “Ông phải thọ trì”. “*Quảng vị đa chúng*” nghĩa là phổ biến cho nhiều chúng sanh (chúng sanh không chỉ là một loài! Không chỉ là một cá nhân, mà còn có khá nhiều loài chúng sanh). “*Tuyên thuyết Phật ngữ*”: Hướng về họ nói những lời lẽ của đức Phật, đó là Thánh Ngôn Lượng. Tuyên thuyết Phật ngữ chẳng đơn giản ngàn ấy! Ví như phạm nhân chúng ta khi tuyên bố, truyền đạt một chuyện gì, vẫn có thể là tuyên bố, truyền đạt sai lầm. Vì sao? Vì đây chẳng phải là chuyện của chính họ, huống hồ tuyên nói Phật ngữ [mà mong tránh khỏi, chẳng phạm sai lầm ư?] Vì sẽ tuyên nói Phật ngữ, cho nên trước đó, có nói “*nhữ đương thọ trì*” (ông hãy nên thọ trì). Nếu chẳng thọ trì mà tuyên thuyết Phật ngữ, sẽ chẳng thể thốt nên lời! Hiện thời, có khá nhiều kẻ nghĩ: Cứ xem kinh Phật (rất nhiều vị học giả cứ ngỡ chính mình chữ nghĩa rất giỏi, giở kinh điển ra xem [là thông hiểu ngay]), xem xong, cũng phát biểu hoặc sử dụng văn chương để hướng ra ngoài tuyên truyền. Thừa cùng các vị, đối với loại tuyên truyền ấy, đừng thấy họ rất có tiếng tăm [mà vội vã tin theo]! Nếu xét theo những lời họ nói, nếu xét theo hành vi của chính họ, [nhận thấy] họ chẳng hề tu trì, sẽ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chẳng thể tin cậy được! Văn chương do họ viết, lời lẽ do họ nói, đều chẳng phải là Phật ngữ, mà là lời lẽ phàm phu! Quý vị hãy ngẫm xem, tôn giả A Nan tự mình theo học với đức Phật, đức Phật vẫn bảo ngài A Nan: Chỉ nghe suông vẫn chẳng thấm vào đâu, vẫn là phải thọ trì. Sau khi đã thọ trì, có công phu, thật sự làm được, đối với Phật ngữ mới có thể thật sự thông hiểu, sau đây ghi chép lại thì mới đáng tin cậy!

IV.2.1.7. Vô Sanh Pháp Nhãn

Kể đó, Thích Ca Mâu Ni Phật nói: “*Như Lai kim giả*” (Nay đức Như Lai), nay ta, “*giáo Vi Đề Hy, cập vị lai thế nhất thiết chúng sanh*” (dạy Vi Đề Hy và hết thầy chúng sanh trong đời vị lai), dạy họ điều gì? Dạy họ “*quán ư Tây Phương Cực Lạc thế giới*” (quán Tây Phương Cực Lạc thế giới), [tức là sẽ nói nội dung của] mười sáu phép Quán trong phần sau. Quán Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng dễ gì quán được! “*Dĩ Phật lực cố*”, do sức Phật của ta, “*đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ*” [nghĩa là] cậy vào sức Phật của ta, cho nên có thể thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Như chấp minh kính*” (Như cầm gương sáng), nói tỷ dụ, giống như một người chẳng thấy mặt mình, bèn cầm gương soi, “*tự kiến diện tượng*” (tự thấy vẻ mặt), có thể thấy khuôn mặt của chính mình. “*Kiến bỉ quốc độ cực diệu lạc sự*” (Thấy những chuyện vui tốt bậc màu nhiệm trong cõi nước ấy). Chỉ cần vừa thấy sự vui màu nhiệm tốt cùng trong thế giới Cực Lạc, “*tâm hoan hỷ cố*” (do tâm hoan hỷ), trong tâm liền phát sanh niềm hoan hỷ, “*ứng thời tức đắc Vô Sanh Pháp Nhãn*” (ngay lập tức đắc Vô Sanh Pháp Nhãn). Hễ tâm hoan hỷ bèn đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Trong lần sau, sẽ nói ý nghĩa trong đoạn này. Hôm nay, tôi nói đến chỗ này là ngưng!

Tập 16

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang thứ sáu, bắt đầu từ hàng thứ sáu. Trước tiên, đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) A Nan! Nhữ đương thọ trì, quảng vị đa chúng, tuyên thuyết Phật ngữ. Như Lai kim giả, giáo Vi Đề Hy, cập vị lai thế nhất thiết chúng sanh, quán ư Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dĩ Phật lực

cổ, đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ. Như chấp minh kính, tự kiến diện tượng. Kiến bỉ quốc độ cực diệu lạc sự, tâm hoan hỷ cố, ứng thời tức đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

(經)阿難，汝當受持，廣為多眾，宣說佛語。如來今者，教韋提希，及未來世一切眾生，觀於西方極樂世界。以佛力故，當得見彼清淨國土。如執明鏡，自見面像。見彼國土極妙樂事，心歡喜故，應時即得無生法忍。

(Kinh: Nay A Nan! Ông hãy nên thọ trì, hãy rộng vì nhiều chúng sanh tuyên nói lời Phật. Nay Như Lai sẽ dạy Vi Đề Hy và hết thấy chúng sanh trong đời vị lai, quán Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do Phật lực, sẽ thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng tự thấy mặt mình, thấy những sự vui màu nhiệm tốt bậc trong cõi nước ấy, do tâm hoan hỷ, bèn ngay lập tức đắc Vô Sanh Pháp Nhân).

Trong phần trước, [quý vị đã thấy trong phần chánh kinh], sau khi nói xong ba loại tịnh nghiệp, bèn có ba tiểu đoạn tán thán phu nhân Vi Đề Hy đã thỉnh cầu Phật khai thị ba loại tịnh nghiệp. Đối với ba tiểu đoạn ấy, lần trước đã nói xong hai tiểu đoạn trước, đoạn kinh vừa mới niệm [trên đây] chính là tiểu đoạn thứ ba. Trong buổi trước, tôi cũng đã giảng xong ý nghĩa văn tự của đoạn này, nhưng đối với những nghĩa lý trong ấy, hôm nay phải nói bổ sung đôi chút.

Trong đoạn kinh văn này, chúng ta phải chú ý: Vừa khởi đầu, đức Phật liền bảo tôn giả A Nan phải “thọ trì”, sau đấy, phổ biến vì rất nhiều chúng sanh “tuyên thuyết Phật ngữ”. Đối với chuyện tuyên thuyết Phật ngữ, điểm đặc biệt cần chú ý là phải thọ trì! Chẳng thọ trì, làm sao có thể tuyên thuyết cho được? Tuy có thể ghi chép lời Phật, nhưng chính mình ắt phải có tu trì, có công phu kha khá, sau đấy mới tuyên nói, mới sẽ chẳng phạm sai lầm. Chúng ta phải biết điều này. Vì sao? Hiện thời là thời đại Mật Pháp trong Phật pháp, chúng ta ở Đài Trung thì vẫn còn khá, chứ ở những nơi khác, đạo lý này chẳng được hiểu rõ ràng cho lắm. Nhất là trong giới học thuật, cứ tưởng là chính mình xem kinh, xem sách vở nhà Phật, sau đấy [có thể] viết văn, diễn thuyết [tùy ý]. Đối với những gì họ đã viết, đã nói, chúng ta phải hỏi: “Kẻ ấy có từng thọ trì hay chưa?” [Nếu là] chưa hề thọ trì, bất luận kẻ ấy viết nhiều cách mấy, đều chẳng phải là thuần túy. Nói năng lại càng chẳng đáng để bàn tới! Vì thế, nhất

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

định là phải chính mình thọ trì! Hơn nữa, [thuở Phật tại thế], đức Phật nói với tôn giả A Nan, tôn giả A Nan tự mình tiếp nhận [pháp môn] từ đức Phật rồi tu trì, cũng chẳng phải là [ngài A Nan] tự xem xong bèn hiểu ngay! Chúng ta phải hiểu rõ điều này! “*Thọ trì*” phải tùy thuộc quý vị đang học pháp môn nào, quý vị thọ trì pháp môn ấy. Ví như nói: Ta thọ trì pháp môn này, chẳng thể tuyên truyền những pháp môn khác. Chẳng hạn như: Chúng ta chẳng thọ trì pháp môn Niệm Phật, sẽ tuyên thuyết pháp môn Niệm Phật theo kiểu nào đây? Nhất định phải là đã thọ trì pháp môn Niệm Phật. Người đã từng niệm Phật, sẽ tự biết niệm Phật có thể nảy sinh những vấn đề gì, làm thế nào thì mới có thể niệm Phật tốt đẹp? Tín - Nguyện - Hạnh được kiến lập như thế nào? Sau đây mới có thể khuyên bảo người khác tu trì pháp môn này. Điều có nghĩa là muốn tuyên thuyết một pháp môn nào, nhất định là phải đã từng thọ trì pháp môn ấy!

Đức Phật dạy tôn giả A Nan thọ trì điều gì? Tiếp đó, [đức Phật] bèn nói: “*Như Lai kim giả*” (nay Như Lai), Như Lai là chữ đức Phật dùng để tự xưng, ta nay dạy phu nhân Vi Đề Hy, “*cập vị lai thế nhất thiết chúng sanh*” (cùng hết thấy chúng sanh trong đời vị lai). “*Đời vị lai*” chẳng có hạn lượng, từ thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật mãi cho đến hiện tại, cho đến vị lai, trải qua [các giai đoạn] Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp. Nhất là trong thời đại Mạt Pháp hiện thời, hết thấy chúng sanh chẳng học Phật, chẳng cầu liễu sanh tử thì thôi. Nếu mong học Phật, nếu mong liễu sanh tử, mà chẳng học pháp môn này, tuyệt đối là sẽ chẳng thực hiện được (cái “*chẳng thể thực hiện*” ở đây chính là nói tới chuyện liễu sanh tử ngay trong đời này). Muốn liễu sanh tử và thành tựu ngay trong đời này, nhất định phải học pháp môn này. Do đó, đức Phật dạy phu nhân Vi Đề Hy và hết thấy chúng sanh trong đời vị lai “*quán*”, tức là mười sáu phép Quán trong phần sau. “*Quán u Tây Phương Cực Lạc thế giới*”: Quý vị phải đặt cái tâm nơi thế giới Cực Lạc, điểm này đặc biệt trọng yếu! Các pháp môn thông thường chẳng phải đặt tâm chặt chẽ nơi thế giới Cực Lạc, mà là chỉ ở trong thế giới Sa Bà, chiếu theo Phật pháp, dùng sức của chính mình để tu. [Tu kiểu ấy] chẳng phải là không thể thành công, nhưng thời gian thành công rốt cuộc là năm nào, đời nào? Quá xa xôi! Nếu chẳng phải là thật sự học pháp môn Niệm Phật, chính mình chẳng kiến lập tín tâm đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có nguyện lực, hề giảng [pháp môn Tịnh Độ] sẽ giảng thành pháp môn thông thường, chẳng hề dính líu gì đến sự tu trì [pháp môn Tịnh Độ]! Ở đây, [đức Phật] đặc biệt nêu ra Hạnh: “*Quán u Tây Phương Cực*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lạc thế giới”. Trong kinh văn đã nói rất rành mạch: Từ thế giới Sa Bà này, đi về phía Tây, trải qua mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới ở giữa hai cõi (vượt qua quá nhiều đại thiên thế giới như vậy) mới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Với công phu tu hành của bọn phàm nhân chúng ta, ai có thể thấy được? Hết sức khó khăn!

Tiếp đó là nói: “*Dĩ Phật lực cố*” (Do Phật lực), vì dùng Phật lực, “*đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ*” (sẽ thấy cõi nước thanh tịnh ấy), Phật lực vừa giúp đỡ, sẽ trông thấy, lập tức có thể thấy, “*bỉ*” (彼) là nói thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc hết sức thanh tịnh! Cõi nước thanh tịnh là Tịnh Độ. Ở đây, phải chú ý “*Phật lực cố*” (do Phật lực). Chẳng có Phật lực, sẽ chẳng thấy Cực Lạc Tịnh Độ. Chúng ta thường nghe thiện tri thức nói: Cái hay trong pháp môn Tịnh Độ là có rất nhiều chỗ đặc thù. Trong đó, một điểm đặc biệt chính là pháp môn Nhị Lực (sức của chính mình và còn có Phật lực). Ở đây nói tới Phật lực, khi Thích Ca Mâu Ni Phật nói [câu này], chính là nói về Phật lực của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngay trong khi chánh thức trì danh niệm Phật, Phật lực chính là sức của A Di Đà Phật. Vì sao Phật lực ở đây lại là sức của Thích Ca Mâu Ni Phật? Ngài dạy phương pháp này, quý vị tu phương pháp này, lại được Phật lực gia trì, đồng thời còn có sức mạnh của A Di Đà Phật [gia trì]. Cố nhiên là tu Quán cần thiết [Phật lực gia trì], mà niệm Phật càng cần hơn nữa! Vì thế, chúng ta biết: Tu pháp môn thông thường sẽ chẳng giống như vậy. Đối với pháp môn thông thường, sau khi đã biết phương pháp, hoàn toàn cậy vào sự dụng công của chính mình, nhưng công phu của chính mình chẳng dùng được! Vì sao công phu của chính mình chẳng dùng được? Lũ phàm phu chúng ta nghiệp lực sanh tử quá nặng nề (nghiệp lực tham, sân, si, mạn, nghi quá nặng), chính mình chẳng có sức mạnh để trong một thời gian ngắn đoạn trừ nó. Khi nào đoạn hết, khi đó mới thành tựu. Lấy Kiến Tư Hoặc để nói, nếu còn một phẩm chưa đoạn, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo. Hoàn toàn cậy vào sức của chính mình [sẽ gặp khó khăn như thế đó]! Đối với Phật lực, công phu tác quán sẽ được nói trong phần sau, [cũng như] công phu Niệm Phật được [Quán Kinh] nói cuối cùng, đều có Phật lực gia trì: Một mặt là cậy vào sự dụng công của chính mình, mặt khác là do có nguyện lực của Phật, trong tương lai sẽ được tiếp dẫn. Có Phật lực [gia trì] chính là điểm đặc thù!

“*Đương đắc kiến bỉ thanh tịnh quốc độ*” (Sẽ được thấy cõi nước thanh tịnh ấy): Do tự lực của phàm phu, sẽ chẳng thể trông thấy. Vừa được Phật lực giúp đỡ, hai thứ lực (tự lực và Phật lực) cộng lại, nhất

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

định sẽ trông thấy cõi nước thanh tịnh. Do có Phật lực giúp đỡ, nên có thể trông thấy cõi nước thanh tịnh. Phật lực giúp đỡ có tầm quan trọng như thế nào? Chỉ sợ kẻ bình phàm chẳng hiểu rõ, nên đức Phật bèn nói tỷ dụ: “*Như chấp minh kính, tự kiến diện tượng*” (Như cầm gương sáng, tự thấy vẻ mặt). Mỗi người chúng ta muốn thấy mặt của chính mình rất khó khăn, mắt nằm ngay trên mặt, làm sao mắt có thể trông thấy mặt cho được? Phàm phu cậy vào sức của chính mình để mong thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng khó khăn dường ấy! Vì sao khó khăn? Do phàm phu bị nghiệp lực ngăn chướng cho nên chẳng thấy. Chính mình chẳng thấy mặt mình, đó cũng là do bị nghiệp lực hạn chế, không thể dời mắt [ra ngoài mặt] được. Không sao hết! Chỉ cần trong tay cầm một tấm gương sáng sủa, soi vào kính, sẽ có thể thấy rõ ràng, rành rẽ diện mạo của chính mình. Đây có nghĩa là: Được Phật lực giúp đỡ, giống như chúng ta có một tấm gương, ngay lập tức có thể trông thấy. “*Tự kiến diện tượng*” (Tự thấy vẻ mặt) là tỷ dụ [hành nhân do được Phật lực gia trì] bèn trông thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Kiến bỉ quốc độ cực diệu lạc sự*” (Thấy sự vui màu nhiệm tốt bậc trong cõi nước ấy): Bèn thấy những chuyện vui màu nhiệm tốt cùng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, màu nhiệm đến mức độ nào? Vui sướng tới cỡ nào? Thêm vào một chữ Cực, tức là “*cực diệu lạc*”, [ngụ ý] có khá nhiều chuyện: Ao bảy báu, bảy lớp hàng cây, lưới mảnh, các loài chim diễm pháp. Kinh Tiểu A Di Đà vẫn là nói hết sức đơn giản, kinh Vô Lượng Thọ và trong phần sau bộ Quán Kinh này có nói nhiều hơn, đủ mọi thứ chuyện mà chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được! Nhất định là phải đích thân trông thấy những chuyện vui sướng cực diệu ấy, vừa thấy, trong tâm phát sanh niềm hoan hỷ. “*Tâm hoan hỷ cố*”, [nghĩa là] vì trong tâm hoan hỷ, “*ứng thời tức đắc Vô Sanh Pháp Nhãn*”, [nghĩa là] ngay trong khi hoan hỷ ấy, bèn đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Đắc Vô Sanh Pháp Nhãn bèn ổn thỏa!

Vô Sanh Pháp Nhãn là gì? Chúng tôi phải nói về Vô Sanh Pháp. Đầu tiên, chúng ta phải biết: Chúng sanh trong thế gian chính là phàm phu thế gian. Hết thấy các pháp được thấy trong bất luận một đường nào, bao la vạn tượng, quá ư là nhiều. Hết thấy các pháp đều là pháp sanh diệt, sanh sanh diệt diệt! Chúng ta lấy hai điểm trọng yếu để nói:

1) Một là chánh báo của chúng sanh. Chánh báo là pháp sanh diệt. Nói tới “*sanh diệt*” thì trước hết là nói về Sanh. Do từ nhân duyên hòa hợp mới có hiện tượng Sanh. Mỗi người chúng ta có cái nhân là linh hồn của chính mình (thức thứ tám), lại còn có duyên là cha mẹ. Do nhân

duyên hòa hợp, mới có thân người chúng ta. Con người sau khi được sanh ra, vẫn phải cần tới các nhân duyên. Do các duyên tiếp tục tăng thêm, tiếp tục tăng thêm như thế nào? Bất cứ ai sanh ra cũng đều phải bú sữa. Sau khi đã bú đến mức kha khá, bèn ăn những thực phẩm khác, cần phải ăn uống. Thiếu ăn, thiếu uống, sanh mạng sẽ chẳng thể sanh trưởng. Sau khi đã trưởng thành, vẫn phải tiếp tục ăn; nếu chẳng ăn uống, sẽ chẳng thể duy trì. Chẳng có những duyên ấy, quý vị ngẫm xem, thân người làm sao có thể tồn tại cho được? Luôn luôn phải dựa vào nhân duyên, chẳng ngừng ngưng tụ nhân duyên. Khi đã tới tuổi già, nhân duyên sắp tan, các thứ trạng huống bệnh tật nơi thân thể xuất hiện. Dần dần sức ngưng tụ các thứ điều kiện vật chất thuộc các phương diện tâm lý và sinh lý chẳng đủ mạnh nữa, chúng sẽ phân tán, thoái hóa, các thứ bệnh tật xuất hiện. Tới lúc mạng chung, toàn thể nhân duyên phân tán. Hãy ngẫm xem, thân người rõ ràng là một pháp sanh diệt; nhưng rất nhiều người chẳng biết pháp sanh diệt ấy, cứ tưởng đấy chính là Ngã, hết sức thực tại, hết thảy đều vì cái Ngã ấy mà vất vả, chẳng tiếc sức cãi vã, tranh chấp với kẻ khác v.v... Thậm chí làm những chuyện tội ác, đều vì cái Ngã ấy. Vì cái Ngã thuộc về pháp sanh diệt mà tạo tội nghiệp, có đáng hay không? Lũ chúng sanh phàm phu chúng ta chẳng thấu hiểu đấy là pháp sanh diệt. Chánh báo của chúng sanh là sanh mạng của chính mình. Ngoài chánh báo ra, tất cả những vật ở ngoài thân đều là y báo.

2) Y báo là cái mà chánh báo cần nương tựa vào. Trong thế gian này, đại hoàn cảnh và tiểu hoàn cảnh rất nhiều. Toàn thể đại hoàn cảnh là địa cầu. Cá nhân ta có một miếng đất, có gia đình, có căn nhà, những thứ ấy đều là tiểu hoàn cảnh. Thậm chí trong một đoàn thể, quý vị là một phần tử trong đoàn thể ấy, cũng coi như là một tiểu hoàn cảnh. Một quốc gia cũng vậy, đều gọi là y báo. Quý vị ngẫm xem, y báo có phải là thực tại hay chẳng? Y báo cũng là sanh diệt! Nhục nhãn của phàm phu nhìn chẳng thấy, cứ ngỡ đại địa (địa cầu) thật sự tồn tại, vĩnh cửu bất biến. Thật ra, địa cầu nói theo Phật pháp [cũng là pháp sanh diệt], Phật pháp nói triệt để nhất. Hiện thời, những kẻ chú trọng khoa học cũng hiểu rõ, dùng kiến thức khoa học để phân tích, họ cũng biết địa cầu thời thời khắc khắc đều biến động. Chẳng hiểu rõ điều này, sẽ chấp trước địa cầu là vĩnh cửu tồn tại. Nếu nói theo mức độ nhỏ hơn, đối với mỗi phần trên địa cầu, tức là một lãnh thổ, [nhân loại chấp trước] đây là lãnh thổ của ta, đó là lãnh thổ của họ. Đại quốc gia là đại lãnh thổ, tiểu quốc gia là tiểu lãnh thổ. Từ xưa đến nay, đều vì chuyện này mà phát sanh chiến tranh. Mỗi lần chiến tranh, đã chết biết bao nhiêu người! Toàn thể đại địa cho

đến các lãnh thổ giữa các quốc gia đều là thoát sanh, thoát diệt, chẳng phải là “kiên cố, không thể phá hoại”. Vì thế, kinh Bát Đại Nhân Giác có câu: “*Quốc độ nguy thuy*” (Cõi nước mong manh). Từ xưa tới nay, bất cứ bờ cõi của một quốc gia nào, cũng đều là rất nguy hiểm, rất mong manh. Hễ lực lượng hơi suy yếu, ngoại lực bèn xâm lược. Đại quốc gia cũng chẳng tránh khỏi. Đối với các đại quốc gia trong thế gian (từ xưa tới nay có rất nhiều đại quốc gia), quốc gia của quý vị to, quốc gia của người ta còn to hơn, lực lượng của người ta mạnh hơn quý vị, có thể tiêu diệt quý vị bất cứ lúc nào! Đại quốc gia đã chẳng ổn, tiểu quốc gia lại càng chẳng cần phải nói nữa! Quý vị xem Xuân Thu Tả Truyện²⁸ sẽ biết: Tiểu quốc gia ở giữa hai đại quốc gia, giống như bị một cái kim sắt kẹp chặt quý vị, bất cứ lúc nào cũng đều phải nín hơi kín tiếng, phải chịu sự chi phối của người ta. Chẳng hiểu pháp sanh diệt, sẽ có khổ não. Những người dân bình phàm trong nước chẳng cần phải nói tới, quốc vương của một tiểu quốc cũng rất đáng thương. Ất phải biết pháp sanh diệt, đừng vì những vấn đề ấy mà “ta tranh, người đoạt”. Nói thật ra, từ xưa đến nay, chẳng có được mấy người thật sự vì quốc gia! Trong lịch sử Trung Hoa, trừ mấy vị minh quân như Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, vua Vũ... ra, [vua chúa] sau khi độc chiếm thiên hạ đều vì chính mình, vì con cháu của họ. Thời cổ là như vậy, nói theo hiện thời, người thật sự vì dân chúng có được mấy ai? Người học Phật chúng ta nghiên cứu Phật pháp để thấu hiểu sự thật, phải nói ra tình hình này. Chúng ta phải hiểu rõ pháp sanh diệt, hết thầy y báo trong thế gian đều rất nguy hiểm, rất mong manh. Nếu mong chúng tồn tại vĩnh cửu, chẳng có chuyện ấy đâu nhé! Chúng ta phải hiểu rõ sự thật này, chánh báo và y báo đều là sanh sanh diệt diệt, chẳng đáng tin cậy!

Phàm phu chẳng hiểu rõ pháp sanh diệt, ngỡ chúng nó là pháp chân thật. Vì thế, họ có Ngã Chấp và có Pháp Chấp. Hễ có chấp trước, các chuyện thuộc về tội ác đều làm! Người học Phật trước hết phải hiểu rõ pháp sanh diệt. Sau khi đã nhận thức pháp sanh diệt, sẽ chẳng chấp trước như những kẻ phàm phu. Không chỉ là như vậy, còn phải tiến hơn bước nữa là cầu Vô Sanh Pháp.

²⁸ Xuân Thu Tả Truyện là một bộ sử chép theo lời biên niên gồm ba mươi lăm quyển do Tả Khâu Minh biên soạn. Thật ra, đây là sách chú giải kinh Xuân Thu (sử biên niên của nước Lỗ chép từ thời Lỗ Ân Công cho đến Lỗ Ai Công). Sách này cùng với Công Dương Truyện và Cốc Lương Truyện được gọi là Xuân Thu Tam Truyện. Tuy vậy, có tác giả như Vương Tiệp cho rằng đây là một sử liệu độc lập về thời Xuân Thu.

Vô Sanh Pháp là gì? Pháp sanh diệt do nhân duyên hòa hợp, chỉ là giả pháp. Hễ có nhân bèn có duyên, nhân duyên hòa hợp bèn sanh, nhân duyên phân tán bèn diệt. Vô Sanh Pháp chẳng phải là như vậy, mà tiến hơn bước nữa, sẽ là thấu hiểu bản tánh vốn sẵn có của chúng sanh. Triết học thông thường cũng nói đến các hiện tượng trong vũ trụ và nhân sinh; hiện tượng luôn luôn biến động, vũ trụ và nhân sinh có bản thể. Tuy trong triết học cũng nói tới bản thể, nhưng chẳng tìm được bản thể ở chỗ nào? “*Bản thể*” chính là cái Thể vốn có của muôn pháp. Vạn pháp sanh sanh diệt diệt, chúng ta chẳng hiểu rõ chúng. Nếu tìm được bản thể, đã đạt được bản thể, sẽ chuyển biến pháp sanh diệt, chúng chẳng còn là pháp sanh diệt nữa, mà là Vô Sanh Pháp, tức là vô sanh, vô diệt. Rốt cuộc, pháp bất sanh bất diệt ở chỗ nào? Chúng ta học Phật, mục đích quan trọng nhất là ở ngay chỗ này: Phải tìm được Vô Sanh Pháp mà chúng ta vốn có. Trong phần trước, chúng tôi đã nói tới chánh báo, nhân duyên hòa hợp, có sanh, có diệt. Hễ có sanh bèn có tử, sanh tử chẳng ngại, qua lại sanh tử trong lục đạo. Khi đã tìm được Vô Sanh Pháp, Vô Sanh Pháp là chẳng sanh, chẳng diệt, há còn có sanh tử ư? Vô Sanh Pháp chính là Chân Như bản tánh của chúng ta. Nói cách khác, sẽ là “*minh tâm kiến tánh*” (chứng được tâm tánh của chính mình), đó là đặc Vô Sanh Pháp. Cảnh giới ấy sẽ chẳng giống như trong hiện tại. Những gì chúng tôi đang nói trong hiện thời [chính là hiểu biết của hạng] phàm phu chẳng thấu hiểu pháp sanh diệt, không đáng nói đến. Dầu đã hiểu pháp sanh diệt, vẫn là vô dụng, chỉ bất quá là hiểu sự sanh diệt mà thôi, như thế nào thì mới có thể giải thoát? Vẫn phải là đặc Vô Sanh Pháp, cảnh giới có từng tầng một như thế đó.

Đã đặc Vô Sanh Pháp, sẽ có hiện tượng gì? Nói thật ra, kinh Phật truyền đến Trung Hoa, được phát huy truyền bá rộng rãi, phổ biến như thế, đích xác là do đã nhờ vào văn hóa Trung Hoa. Còn như trong các nước theo truyền thống [Phật giáo] Nam Truyền, Phật pháp đều là Tiểu Thừa Phật pháp, chẳng triệt để như vậy. Nay chúng ta đọc sách Không Tử, xem những lời dạy của Không Tử, [sẽ nhận thấy]: Ngôn từ tuy khác, nhưng chỗ nào cũng đều là Phật pháp. Sách Luận Ngữ có chép, Không Tử đứng trên bờ sông thốt lời cảm thán, cảm thán gì vậy? Ngài thấy nước sông từ thượng nguồn đổ xuống hạ lưu, chảy mãi chẳng ngừng. Thấy dòng nước cuộn cuộn chảy, có cảm tưởng gì? Đó là [cách nhìn] của bọn phàm phu chúng ta, Không phu tử là hạng người nào? Ngài là thánh nhân, là bậc Đại Bồ Tát. Ngài nhìn nước sông, lại nhìn vạn sự vạn vật trong trời đất (cũng là vạn pháp), cảm thán “chẳng có pháp nào trong

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vạn pháp mà chẳng phải là sanh diệt. Chẳng có pháp nào chẳng phải là sanh ra rồi diệt mất!” Hiện tượng thoát sanh, thoát diệt, các tinh tú trong hư không cũng thế, muôn vật trên đại địa cũng thế, thân thể của nhân loại chúng ta cũng thế, đều là như thế cả! Ngài dùng chữ Thệ (逝), chữ Thệ trong “*tiêu thệ*” (消逝, trôi đi mất). “*Thệ giả*”, ý nói vạn vật trong vũ trụ, “*thệ giả như tư phù*” (những gì đã trôi đi đều giống như thế này). “*Như*” (如) là giống như, chữ “*tư*” (斯) chỉ nước đang chảy trong dòng sông, [ý nói] vạn vật chẳng ngừng trôi như dòng nước luôn chảy mãi, “*bất xả trú dạ*” [nghĩa là] ngày đêm chảy không ngừng. Hễ đã trôi qua, vĩnh viễn chẳng quay lại. Đó là nói tới pháp sanh diệt.

Nếu kẻ bình phàm hỏi điều này có nghĩa là gì ư? Quá nhiều ý nghĩa. Những kẻ phàm phu tâm thường chẳng hiểu rõ sự khổ não của chính mình, chấp trước kiên cố chẳng thể phá. Đã hiểu rõ tầng ý nghĩa này rồi, sau đây mới có thể học đạo. Nho gia cũng là phải học đạo, cũng dạy người ta xuất thế gian, liễu sanh tử, nhất định phải thông hiểu tầng [ý nghĩa] này thì mới có thể cầu pháp “bất sanh, bất diệt”. Pháp sanh diệt trôi qua như vậy, cái chẳng trôi qua thì như thế nào? Lại nêu một thí dụ: Đời Tống, Tô Đông Pha hết sức nổi tiếng. Ông viết Xích Bích Phú (Xích Bích Phú có Tiền Xích Bích Phú và Hậu Xích Bích Phú). Mọi người đều biết Xích Bích²⁹, hễ xem Bình Kịch³⁰ là biết. Trong thời đại Tam Quốc,

²⁹ Xích Bích (赤壁) nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, nằm trên bờ Đông Nam dòng Trường Giang. Cuộc chiến Xích Bích là một trong ba trận chiến lớn thời Tam Quốc. Trận chiến này xảy ra vào năm 208 Công Nguyên, khi Tào Tháo xua quân xuống phương Nam, toan dùng thủy quân triệt hạ Đông Ngô và Lưu Bị hùng thống nhất lãnh thổ nhà Hán. Tào Tháo cho rằng để kiểm soát được Giang Nam, phải chiếm được Kinh Châu và nhất là căn cứ thủy quân Giang Lăng. Do thứ sử Kinh Châu thời đó là Lưu Biểu thường giao tranh với Tôn Quyền của Đông Ngô, lại bị hai con là Lưu Kỳ và Lưu Tông tranh chấp quyền hành, đấu đá lẫn nhau, thế lực suy yếu rõ rệt. Lúc đó, Lưu Bị đã từng bị Tào Tháo đánh bại trước đó ở Nhữ Nam, đang nương náu ở đất Phàn Thành thuộc Kinh Châu. Tào Tháo cho đây là cơ hội tốt nhất để chiếm lãnh Kinh Châu, diệt gọn tàn quân Lưu Bị. Kinh Châu thất thủ, Lưu Bị phải chạy xuống phương Nam, bị Tào Tháo truy đuổi, đánh tan tác một trận nữa tại Trường Bản. Lưu Bị rút tàn quân về Hạ Khẩu, quân sư Gia Cát Lượng được phái tới Sài Tang để thuyết phục Tôn Quyền liên minh với Thục. Phe chủ chiến trong triều đình Đông Ngô do Châu Du cầm đầu cho rằng con số tám mươi vạn quân của Tào Tháo chỉ là phóng đại, quân Tào Tháo là người phương Bắc, không thạo thủy chiến, sẽ chẳng có nhiều lợi thế. Liên quân giữa Lưu Bị và Ngô Quyền chỉ có năm mươi vạn quân, trong khi Tào Tháo có khoảng hai trăm hai mươi ngàn quân. Trận giao tranh đầu tiên

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Châu Du và Tào Tháo giao chiến ở Xích Bích (đó là một cuộc quyết chiến hết sức nổi tiếng xưa nay), cuộc chiến ấy đã đốt chết bao nhiêu người! Trong Xích Bích Phú có câu: “*Thệ giả như tư!*” (Những gì đã trôi qua đều như vậy), đây chính là [lời văn dựa theo ý] câu nói của Không Tử chép trong Luận Ngữ [vừa được nhắc đến trên đây]. Câu kế tiếp là: “*Nhi vị thường vãng dã*” (Mà cũng chưa từng qua đi). “*Thệ giả như tư phù*” là pháp sanh diệt, “*nhi vị thường vãng dã*”: Quý vị thấy nước sông chảy mãi, pháp sanh diệt luôn trôi đi. Chúng Vô Sanh Pháp Nhẫn là chứng cảnh giới bất sanh, bất diệt. Quý vị thấy nước luôn lưu động, ta chứng đắc cảnh giới [Vô Sanh Pháp Nhẫn ấy, sẽ thấy] chẳng lưu động chút nào. Chưa từng qua đi, chẳng qua đi [nghĩa là] cũng không chảy đến trước chút nào! Cảnh giới ấy là cảnh giới của sự chứng đắc Vô Sanh, thật sự thấy bản tánh. Bản tánh bất lai, bất vãng [nghĩa là] chẳng có đến hay đi, là bất động, là vô sanh. Đây là dùng văn hóa Trung

thất lợi, khiến quân Tào phải rút về Ô Lâm. Tào Tháo nghe lời xúi dục, dùng xích sắt cột chặt thuyền chiến với nhau. Sau đó, Châu Du bảo Hoàng Cái trá hàng, dùng khói nhọc kẻ giả vờ hàng Tào. Đội chiến thuyền của Hoàng Cái giả vờ theo về Tào Tháo đã được châm lửa khi đến gần và lao thẳng vào chiến thuyền của quân Tào, khiến trận địa của Tào Tháo rối loạn, buộc lòng phải phá hủy chiến thuyền, tháo chạy về Hoa Dung.

³⁰ Bình Kịch (平劇) chính là Kinh Kịch (do Bắc Kinh có thời gọi là Bắc Bình, nên Kinh Kịch còn được gọi là Bình Kịch), hay còn gọi Kinh Hý hoặc Quốc Kịch. Bình Kịch là thể loại tuồng về các chủ đề thuộc những triều đại xa xưa, các vai diễn thường hóa trang rất đậm, ăn mặc rực rỡ, sử dụng rất nhiều điệu bộ theo quy tắc ước lệ. Có thể so sánh thô thiển là Bình Kịch tương đương với hát tuồng (Bắc Việt) và hát bội của Trung, Nam Việt. Kinh Kịch hình thành từ thế kỷ mười chín chủ yếu từ cung đình nhà Thanh vào thời Càn Long, trên nền tảng những thể loại tuồng hát trước đó, đặc biệt là Hy Kịch và Hán Kịch (các loại tuồng Hồ Quảng). Kinh Kịch sử dụng nhiều lối hát khác nhau như Tần Xoang, Côn Khúc, Bang Tử, Dặc Dương Xoang v.v... Không hiểu vì sao diễn viên Kinh Kịch coi Lão Lang Thần (Đường Minh Hoàng) là tổ sư gia. So với các lối tuồng khác, Kinh Kịch hát giọng cao hơn, nhiều luyện láy hơn, ngắt câu rất đột ngột, cách chuyển giọng rất phức tạp. Nói chung, các vai nữ thường nói và hát với một âm sắc rất lạ, đến nỗi đã có người phê bình: “Các vai đàn (đào) nói và hát nghe như một con mèo hen đang kêu!” Phần nhạc đệm dùng rất nhiều loại thanh la và trống lớn, đặc biệt là luôn có kèn Tỏa Na (kèn Tàu), ngay cả đàn Kinh Hồ (đàn nhị dùng riêng trong Kinh Kịch) cũng có âm thanh cao và sắc, chất chứa hơn các loại đàn nhị khác. Vì thế, nếu nghe nhạc Kinh Kịch không quen sẽ cảm thấy âm thanh rất khó chịu. Một dàn nhạc Kinh Kịch tối thiểu phải có Kinh Hồ, Kinh Nhị Hồ, đàn nguyệt, sênh, địch, tỏa na v.v... nhiều loại trống và thanh la, cộng thêm các bộ gõ khác như mõ sừng trâu, mõ gỗ...

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Hoa làm thí dụ hòng khiến cho chúng ta hiểu Vô Sanh Pháp là gì, pháp sanh diệt là gì!

Chúng ta hiểu rõ Vô Sanh Pháp. Đối với chữ Nhẫn (Nhẫn (忍) trong Vô Sanh Pháp Nhẫn), nói thông thường, nó có nghĩa là “nhẫn nại”. Chúng ta ở trong hoàn cảnh chẳng tốt đẹp, gặp chuyện chẳng như ý trong thế gian, bất luận là do con người cũng thế, hay là về phương diện vật chất khác cũng thế, chuyện chẳng như ý rất nhiều! Chúng ta chẳng đọc sách, chẳng hiểu đạo lý, sẽ chẳng thể nhẫn. Chúng ta là người đọc sách, phải nói đến nhẫn. “*Nhẫn*” là nhẫn nại. Nhẫn nại là công phu rèn luyện của chúng ta. Có thể kiên trì chịu đựng, có năng lực kiên nhẫn, mỗi ngày một vun bồi [vững chắc] hơn; sau đây năng lực thực hiện mọi việc sẽ to lớn. Chẳng thể nhẫn nại là không được rồi. Khi bọn phàm phu chúng ta học Phật, phải nhẫn nại. Chúng ta thông hiểu Phật pháp, pháp sanh diệt là gì, Vô Sanh Pháp là gì. Chúng ta mong chuyên pháp sanh diệt thành Vô Sanh Pháp; trước hết, phải biết chính mình đang ở trong thế giới Sa Bà là một thế giới đau khổ, chúng ta phải nhẫn. Sa Bà nghĩa là Kham Nhẫn. Nhất định là phải nhẫn thì mới có thể tồn tại trong thế giới này. Chẳng thể nhẫn nại, sẽ chẳng có cách nào sanh tồn; kẻ bình phàm như chúng ta phải nói tới sự nhẫn nại!

Nói đến Vô Sanh Pháp Nhẫn, thật ra, xét theo phương diện học Phật, một ý nghĩa của chữ Nhẫn là “*nhẫn khả*” (忍可). Nhẫn là đã thấy đạo, ngoài việc hiểu rõ pháp sanh diệt ra, cũng phải hiểu rõ Vô Sanh Pháp. Thật sự khai ngộ Vô Sanh Pháp, ngộ được Vô Sanh Pháp, thì gọi là “*nhẫn khả*”. Nói theo danh từ thông tục của người hiện thời, “*nhẫn khả*” là khẳng định, khẳng định pháp này là đúng (là chân lý), chẳng bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng tà thuyết. Đó gọi là Nhẫn Khả. Nhẫn Khả tiến cao hơn nữa, sẽ là An Nhẫn (安忍). An (安) là rất bình yên, hết sức tự nhiên. Nhẫn được nói trong đoạn trước vẫn còn mang tánh chất miễn cưỡng đôi chút. Khi đã đạt tới An Nhẫn, hết thấy đều tự nhiên, đã chứng đạo. Nhẫn Khả là ngộ đạo; An Nhẫn là chứng đạo. Xác thực là chính mình đã chứng đắc Chân Như bản tánh bèn gọi là An Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn cũng có cạn và sâu, An Nhẫn được nói đến ở đây chính là chứng đắc bản tánh.

Xét theo phương diện tương quan giữa Vô Sanh Pháp Nhẫn và học lý, xin quý vị xem đề cương bài giảng thứ tư đã phát lần trước. Trang thứ nhất trong đề cương bài giảng thứ tư nói về Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nội dung của danh từ Vô Sanh Pháp Nhẫn đã được nói trong phần

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trước; nay chúng tôi căn cứ trên học lý về sự “chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn” trong Phật học để giới thiệu với mọi người đôi chút. Chúng ta học Bồ Tát đạo, nói thông thường là có địa vị Tam Hiền. “Hiền” (賢) là hiền nhân, từ hiền nhân trở lên chính là địa vị thánh nhân, tức “đăng địa”. Địa vị Tam Hiền bao gồm ba mươi địa vị hiền nhân. Thứ nhất là mười địa vị Trụ, tức Thập Trụ (chữ Trụ (住) trong “cư trụ” (居住), trụ ở trong đó). Học Đại Thừa Phật pháp, học Bồ Tát pháp, có thể đứng vững, chẳng dao động, [bèn gọi là Trụ]. Trước Thập Trụ còn có Thập Tín (Tín (信) trong tín ngưỡng). Tu mãn Thập Tín vị, tức là [tu tập hoàn tất] mười cấp bậc thuộc địa vị Tín rồi mới tiên nhập Sơ Trụ. Tu viên mãn Sơ Trụ bèn là Nhị Trụ, mãi cho đến Thập Trụ. Sau khi đã viên mãn Thập Trụ, tiến nhập Thập Hạnh vị (Hạnh (行) trong chữ “tu hành”), tự mình chiếu theo Phật pháp ([cụ thể là] Bồ Tát pháp) để tu hành, và cũng khuyên kẻ khác tu hành. Tu viên mãn địa vị Thập Hạnh sẽ là Thập Hồi Hướng vị. Do tổng cộng có ba mươi địa vị, nên gọi là Tam Hiền Vị. Đã tu viên mãn Tam Hiền Vị, sẽ đăng địa (登地), [mang ý nghĩa] đã đạt lên địa vị ấy, ổn định giống như đại địa, hết sức đáng tin cậy. Đăng địa cũng là từ Sơ Địa, Nhị Địa, cho đến Thập Địa. Hết đăng địa bèn trở thành thánh nhân.

Sau khi đã hiểu rõ danh từ, lại giới thiệu cùng quý vị mấy điều sau đây: Chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn; xét theo địa vị Bồ Tát để nói, Vô Sanh Pháp Nhẫn là địa vị gì? Nói theo giáo lý của tông Thiên Thai, chia thành Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tạng Giáo Bồ Tát trình độ nông cạn, là Tiểu Thừa. Nếu tu Bồ Tát đạt tới Thông Giáo, sẽ là Đại Thừa Phật pháp. Xét theo Biệt Giáo, phải là Đăng Địa [mới chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn]. Người tu Viên Giáo căn khí hết sức thông minh, phải là Sơ Trụ [mới chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn]. Theo chú giải của tổ sư, người chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn thuộc địa vị Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, hoặc là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Vì thế, trong chú giải, đã ghi Vô Sanh Pháp Nhẫn là “Sơ Trụ, Sơ Địa”. Nói cách khác, địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo ngang bằng địa vị Sơ Địa trong Biệt Giáo; chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn là địa vị như vậy.

Chứng đắc địa vị này là tình huống gì? Chúng ta biết phàm phu chúng sanh sanh tử chẳng dứt trong lục đạo. Do vì có Kiến Tư Hoặc, cho nên mới sanh tử chẳng ngừng. Đoạn Kiến Tư Hoặc bèn thoát luân hồi; nhưng hãy còn có Trần Sa Hoặc. Hành Bồ Tát đạo còn phải phá Trần Sa Hoặc. Cuối cùng, còn có vô minh, Vô Minh Hoặc là từng tầng một;

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trong Biệt Giáo chứng lên Sơ Địa, trong Viên Giáo là chứng lên Sơ Trụ bèn phá vô minh. Vô minh chẳng phải là phá hoàn toàn, mà là phá từng phần, đã phá một phần vô minh, tuyệt diệu thay! Bản tánh của chúng ta do bị vô minh che lấp, cho nên bản tánh của chính mình chẳng phát khởi tác dụng. Chỉ cần trừ được một phần vô minh, bèn chứng đắc Chân Như bản tánh (thấy tự tánh Phật) của chính mình. Nói theo Tạng Giáo, vị ấy có thể biểu hiện tám tướng thành đạo! Công phu “*phản phá vô minh*” (phá vô minh từng phần) vốn là nói về Sơ Trụ, hoặc Sơ Địa, tuyệt đối đáng tin cậy, hết sức ôn hòa, thích đáng! Học Phật đạt đến trình độ này, tuyệt đối chẳng thoái chuyển.

Bất Thoái cũng có ba loại, khi chúng ta nghiên cứu kinh A Di Đà, tôi đã giới thiệu cùng quý vị, có Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Vị Bất Thoái là Tiểu Thừa Sơ Quả; Hạnh Bất Thoái là Đại Thừa Bồ Tát, chẳng lui sụt xuống địa vị Nhị Thừa (Tiểu Thừa). Thứ ba là Niệm Bất Thoái. Chứng Vô Sanh Pháp Nhãn bèn chứng Niệm Bất Thoái. Niệm Bất Thoái: Phá vô minh thì mới có thể đắc Niệm Bất Thoái. Vô Sanh Pháp Nhãn là đã phá vô minh, thật sự là Niệm Bất Thoái. Niệm Bất Thoái là tâm tâm niệm niệm, chẳng khởi niệm thì thôi, hễ dấy niệm, đều xuất phát từ bản tánh, chẳng có chuyện gì không phải là do bản tánh phát sanh tác dụng. Đó là Niệm Bất Thoái.

Nội dung được nói ở đây chính là chiếu theo kinh văn và chú giải của tổ sư để nói, học lý cũng là nói như thế, nhưng chẳng thể chuyển biến cảnh giới được! Thật sự chuyển biến cảnh giới, đối với các hiện tượng sanh diệt trong thế gian và những hiện tượng trong lục đạo, người chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn là thánh nhân. Trong cái nhìn của thánh nhân, thế gian này chẳng có sanh diệt. Giống như chúng ta thấy sóng mòi nơi sông ngòi, biển cả, một con sóng chưa tan, con sóng khác đã dấy lên, dập dềnh không ngừng, sanh diệt bất định, sóng cuộn cuộn nguy hiểm vạn trạng! Quý vị ngồi trên chiếc thuyền nhỏ trong sóng cả, có chịu nổi chẳng? Trong sự cảm thọ của người chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, sẽ thấy là bình thường, ổn định, chẳng có sóng gió chập chùng bất định. Sóng cao tới mây vẫn là nước, sóng thấp vẫn là nước. Sóng to, sóng bé, hết thảy mọi thứ trong mắt người ấy không có gì chẳng phải là nước. Đối với cảnh giới ấy, tôi cũng dựa theo tỷ dụ của tổ sư, dùng tỷ dụ ấy hòng khiến cho chúng ta hiểu rõ Vô Sanh Pháp có trạng huống như thế nào. Hãy từ tỷ dụ mà suy nghĩ: Nay chúng ta nói trong lục đạo có sanh tử, sanh tử chẳng ngừng xoay vần qua lại. Khi chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, sẽ biết những điều ấy là giả tượng (hình tượng hư giả). Chẳng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thầy thấu suốt chúng là giả tượng, cho nên mới có chuyện khô não. Hễ phá được, cảnh giới sẽ chuyển, sanh tử sẽ được giải quyết; há còn có những giả tượng ấy nữa chăng? Ngay khi đó, chân lý bèn xuất hiện. Vì thế, học pháp môn Niệm Phật chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, bản tánh của chính mình và [bản tánh của] Phật, Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn cảm ứng nhất trí với nhau. Đó là Vô Sanh Pháp Nhẫn thật sự. Đạt đến cảnh giới ấy, quý vị hãy ngẫm xem: Đế vương hoặc đại phú ông nào trong thế gian có thể sánh bằng? Nghĩ đến đây, trong thế gian, còn có gì đáng để tranh chấp “*người đúng, ta sai; người sai, ta đúng*” cùng kẻ khác nữa hay không? Tranh hay, tranh dở, tranh tới, tranh lui, có gì đáng để tranh giành hay chăng? Vì thế, Phật pháp nói “*hãy buông xuống hết thảy*”. Không thể buông xuống được, học Phật sẽ chẳng thể nhập môn. Quý vị mong học Phật có thể nhập môn, niệm Phật có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn, mà chẳng buông xuống, sẽ không thể được! Không buông xuống, sẽ có chướng ngại! Làm thế nào để có thể đắc pháp? Buông xuống là buông pháp sanh diệt xuống, chẳng cần tranh đoạt đúng sai cùng kẻ khác, chúng ta hiểu rõ điều này (trên thực tế, vẫn chưa thấu hiểu). Hãy từ tỷ dụ này mà dần dần truy cầu từ nơi ấy!

Lại nhìn vào đề cương, hai hàng cuối cùng trong trang nói về Vô Sanh Pháp Nhẫn có ghi: “*Dự chương viên diệu, quán thành tức đắc*” (Phô bày sẵn pháp môn viên diệu, hễ quán thành công sẽ liền đắc [Vô Sanh Pháp Nhẫn]), [ý nói]: “*Dự chương*” (預彰) là trước hết nêu tỏ bộ kinh này giảng về pháp môn viên diệu, giảng về mười sáu pháp Quán. Nếu quán theo đúng pháp, đã thành tựu, sẽ đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vì thế, trong kinh vẫn có chép Thích Ca Mâu Ni Phật bảo: “*Ứng thời tức đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn*” (Ngay khi đó bèn đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn), hoàn toàn chẳng có nghĩa là phu nhân Vi Đề Hy ngay lập tức đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, mà có nghĩa là: Chiếu theo mười sáu phép Quán sẽ được nói trong phần sau để quán thành tựu, sẽ đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nêu lên trước hòng khơi gợi tín tâm cho bà ta. Hôm nay, tôi giảng đến chỗ này thì ngưng.

Tập 17

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn trang thứ sáu, bắt đầu từ hàng thứ hai đếm từ dưới lên. Trước hết, hãy niệm kinh văn một lượt.

(Kinh) Phật cáo Vi Đề Hy: “Nhữ thị phàm phu, tâm tướng luy liệt, vị đắc thiên nhãn, bất năng viễn quán. Chư Phật Như Lai, hữu dị phương tiện, linh như đắc kiến”. Thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như ngã kim giả, dĩ Phật lực cố, kiến bỉ quốc độ. Nhược Phật diệt hậu, chư chúng sanh đẳng, trước ác bất thiện, ngũ khổ sở bức, vân hà đương kiến A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới?”

(經)佛告韋提希：汝是凡夫，心想羸劣，未得天眼，不能遠觀。諸佛如來，有異方便，令汝得見。時韋提希白佛言：世尊，如我今者，以佛力故，見彼國土。若佛滅後，諸眾生等，濁惡不善，五苦所逼，云何當見阿彌陀佛極樂世界？

(Kinh: Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy: “Bà là phàm phu, tâm tướng yếu kém, chưa đắc thiên nhãn, chẳng thể thấy xa, chư Phật Như Lai có phương tiện lạ, khiến cho bà được thấy”. Khi ấy, Vi Đề Hy bạch cùng đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Như con nay do Phật lực trông thấy cõi nước ấy. Như sau khi đức Phật đã diệt độ, các hàng chúng sanh trước ác, chẳng lành, bị năm thứ khổ sở bức bách, làm thế nào để thấy thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật?”)

Hai đoạn ngắn này nhằm chánh thức bước vào phần kinh văn giảng về mười sáu phép Quán. Đoạn trước nói “tức đắc Vô Sanh Pháp Nhãn” nhằm kết thúc ba loại tịnh nghiệp vừa được nói trên đây. Ba loại tịnh nghiệp hết sức quan trọng; muốn tu mười sáu phép Quán phải có trọn đủ ba loại tịnh nghiệp ấy. Vì thế, sau khi đã nói xong ba loại tịnh nghiệp; tiếp đó, bèn giảng về mười sáu phép Quán.

Trước khi chánh thức giảng mười sáu phép Quán, “Phật cáo Vi Đề Hy”, nghĩa là trước hết, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy “nhữ thị phàm phu”, bà là chúng sanh phàm phu. “Tâm tướng luy liệt” [nghĩa là] tâm lý và tư tưởng rất yếu kém (“luy” (羸) là một hình dung từ, được dùng ở đây nhằm biểu thị một kẻ tâm nhãn chẳng thấy

rộng rãi. “Liệt” (劣) là không chỉ chẳng rộng, mà trong tâm còn có rất nhiều tạp niệm và vọng niệm. Tạp niệm và vọng niệm có thiện, ác v.v...), “vị đắc thiên nhãn” [nghĩa là] vẫn chưa chứng đắc thiên nhãn, “bất năng viễn quán”: Chẳng có cách nào để thấy rất xa!

Trong phần trước, phu nhân Vi Đề Hy thỉnh cầu đức Phật, mong quán Tây Phương Cực Lạc thế giới, đức Phật đáp ứng, bảo cho bà ta biết phương pháp. Ở đây, Ngài phải làm cho phu nhân Vi Đề Hy hiểu rõ: Người là phàm phu, tâm tưởng yếu ớt, kém cỏi, chưa đắc Thiên Nhãn (Thông), chẳng thể nhìn xa! Vậy thì làm như thế nào? “Chư Phật Như Lai, hữu dị phương tiện, linh như đắc kiến”, “chư Phật”: Không chỉ riêng Thích Ca Mâu Ni Phật, hoặc A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, mà là mười phương thế giới chư Phật đều có phương tiện lạ, khiến cho bà thấy được thế giới Cực Lạc.

Đối với ý nghĩa của mấy danh từ trong một đoạn ngắn này, lại cần phải nói thêm: “Phật cáo Vi Đề Hy: Như thị phàm phu” (Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy: “Bà là phàm phu”). Trên thực tế, phu nhân Vi Đề Hy chẳng phải là phàm nhân, vì sao đức Phật nói bà ta là phàm phu? Pháp môn Thập Lục Quán này đều thích hợp cho phàm phu tu trì. Nếu phu nhân Vi Đề Hy là bậc đại Bồ Tát tái lai, người tu hành chúng ta sẽ cảm thấy: Chỉ có bậc Bồ Tát thuộc địa vị cao mới có thể tu, chứ người bình phàm sẽ chẳng có cách nào. Do mối quan hệ này, đức Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy: “Như thị phàm phu”. Phu nhân Vi Đề Hy là phàm phu mà có thể tu thành công, tất cả phàm phu kể từ sau phu nhân Vi Đề Hy mãi cho đến hiện tại đều có thể chiếu theo đó, tu tập đúng như vậy, chỉ cần học đúng pháp, sẽ đều có thể thành công. Đây là nguyên nhân vì sao đức Phật [bảo phu nhân Vi Đề Hy] là phàm phu.

Lại nói đến chuyện “tâm tưởng luy liệt”. Hễ là phàm phu, tâm lượng đều rất hẹp hòi, kém cỏi, chẳng thể rất rộng lớn. Phàm phu chỉ thấy quả địa cầu chúng ta đang ở mà thôi; đối với những chuyện ngoài địa cầu, nhờ vào phát minh khoa học, có hỏa tiễn để có thể đổ bộ lên nguyệt cầu. Đó là chuyện gần đây nhất. Trước kia, kẻ bình phàm đối với các tinh tú trên bầu trời ngoài địa cầu ra, chỉ có thể nhìn, chẳng thể tới đó được. Mãi cho đến hiện tại, vẫn có những kẻ học Phật cho rằng chỉ có người trong thế gian mới đáng nương tựa. [Họ quan niệm] học Phật thì phải nắm chắc nhân gian, học Phật trong thế gian này mới là thực tế! Vãng sanh thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, trong cách nghĩ của họ [là chuyện mơ hồ]. Trên thực tế, họ chẳng tìm hiểu những gì

ở ngoài thế giới này, chẳng dấy lên tín tâm và nguyện lực. Vì thế, họ mới khuyên người ta học nhân gian Tịnh Độ, mong phát nguyện sanh về Nội Viện của Di Lạc Bồ Tát. Đừng nói là phạm phu, ngay cả hàng Tiểu Thừa bình phạm, chỉ thấy trong phạm vi thế giới này, tầm nhìn cũng chẳng rộng, huống là những kẻ phạm phu tầm thường! Vì thế, những gì bọn phạm phu tầm thường trông thấy hoặc suy nghĩ đều rất kém cỏi, không phải là rất rộng, chúng ta phải thấu hiểu điều này! Người khác đều là như vậy, còn chúng ta thì sao? Chúng ta cũng là phạm phu, tâm lý phạm phu đều là như vậy; bất quá chúng ta học Tịnh Độ Tông, [cho nên] mọi người có tín tâm và nguyện lực. Nhà Phật nói nhân quả rất quan trọng. Đối với tín tâm và nguyện lực của chúng ta, tuyệt đối chẳng phải là do trong một đời này được nghe pháp môn đặc biệt này rồi mới bắt đầu [dấy lên tín tâm và nguyện lực], mà nhất định là từ nhiều đời, nhiều kiếp trước trong quá khứ đã dần dần huân tập, nghe nói pháp môn này, gieo chủng tử [trong thức điền], nay [chủng tử ấy mới] dấy lên hiện hành. “*Thiên căn*” như thường nói [trong các kinh điển, chú giải] chính là thiện căn này! Một mặt, chúng ta hiểu rõ chính mình là phạm phu; mặt khác, phải thấu hiểu, tin tưởng Tịnh Độ Tông, phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, chẳng giống tâm lý chấp trước của những kẻ bình phạm. Chúng ta cũng cảm thấy rất vui mừng, an ủi; nếu chúng ta thật sự chiếu theo kinh Phật để tu tập như thế, nhất định là sẽ có thành tựu. Khi nói đến hai câu kinh văn này, chúng ta phải nên có sự nhận thức này!

“*Vị đắc thiên nhãn*” (Chưa đắc thiên nhãn, “*thiên nhãn*” [ở đây] chính là Thiên Nhãn Thông), “*bất năng viễn quán*” (chẳng thể thấy xa): Đắc Thiên Nhãn [Thông] sẽ có thể viễn quán, có thể thấy thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật. Ở đây, có một vấn đề cần phải giải thích đôi chút: Trong kinh Tiểu Di Đà, có tôn giả A Nậu Lô Đà đắc Thiên Nhãn tối thắng. Ngài đắc “*bán đầu thiên nhãn*”³¹, nhưng vẫn chẳng có cách nào trực tiếp thấy thế giới Cực Lạc, chỉ có thể thấy thế giới này và tình hình trên các cõi trời mà thôi! “*Thiên nhãn*” như kinh văn nhắc tới có thể thấy xa cỡ nào? Tổ sư chú giải: Thiên Nhãn Thông có cảnh giới bất đồng. Tiểu Thừa chứng quả A La Hán bèn có Thiên Nhãn Thông của A La Hán. Bồ Tát có Thiên Nhãn Thông của Bồ Tát.

³¹ Đây là một từ ngữ nhằm tôn xưng Thiên Nhãn Thông. Ngài A Nậu Lô Đà nhân căn đã hư, nhưng do đắc Thiên Nhãn Thông, cho nên có thể thấy thấu suốt tam thiên đại thiên thế giới không bị chướng ngại. Do chẳng cần nhãn căn mà Thiên Nhãn Thông vẫn khởi tác dụng, nên thường sánh ví như khắp cả đầu Ngài đều có mắt, có thể thấy những sự vật sau lưng, chẳng cần phải ngoảnh đầu lại.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Bồ Tát có phân thân Bồ Tát (tức phân chứng Bồ Tát), nói theo hàng Bồ Tát trong Biệt Giáo thì là đã chứng Sơ Địa. Sơ Địa Bồ Tát chứng một phần Pháp Thân, phá một phẩm vô minh rồi mới đắc Thiên Nhân. Viên Giáo Bồ Tát cũng có Phần Chứng Tứ, đã đắc Sơ Trụ thì mới có cảnh giới này, bắt đầu phá vô minh. Thiên Nhân Thông của Bồ Tát và Thiên Nhân Thông của Nhị Thừa khác nhau. Do đó, hàng đại Bồ Tát bắt đầu phá vô minh, đắc Thiên Nhân, bèn có thể nhìn xa, nhìn thấy các đại thiên thể giới ở ngoài thế giới Sa Bà. Câu “*vị đắc thiên nhân*” trong kinh văn có ý nói: Do chưa đắc Thiên Nhân của hàng đại Bồ Tát, cho nên “*chẳng thể thấy xa*”!

“*Chư Phật Như Lai, hữu dị phương tiện, linh nhữ đắc kiến*” (Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ khiến cho bà được trông thấy). Phạm phu chẳng thể thấy xa. Nếu muốn thấy thế giới Cực Lạc, đức Phật có “*dị phương tiện*”. Cái gọi là “*dị phương tiện*” (異方便) chính là những phương tiện đặc biệt khác lạ khiến cho kẻ bình phạm chẳng thể tưởng tượng nổi! Phương tiện là gì? “*Phương*” (方) là một loại công cụ, như ngôi thuyền, thuyền là một loại công cụ, ngôi thuyền có thể vượt sông, hết sức tiện lợi. Đức Phật có phương tiện lạ như thế nào? Dị phương tiện có hai loại:

1) Một loại là đức Phật nói ra mười sáu loại Quán pháp. Chiếu theo phép Quán do đức Phật đã nói, tu tập thành công, sẽ có thể trông thấy. Thấy bằng cách như thế nào? Hoàn toàn chẳng phải là đã tu mười sáu phép Quán, sẽ ngay lập tức có thể trông thấy thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật bằng nhục nhãn. Nhục nhãn vẫn chẳng được, phải dùng tâm nhãn. Nói cách khác, đã tu thành tựu mười sáu phép Quán, sẽ khai đại trí huệ, hiểu rõ toàn thể cái tâm. Khi tâm khai sáng, muốn thấy gì đều có thể trông thấy. Mắt trí huệ vừa mở, đừng nói là Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất cứ thế giới nào cũng đều có thể thấy. Đức Phật dùng phương tiện lạ này. Vì sao mười sáu phép Quán là “*dị phương tiện*”? Quán pháp được sử dụng trong mười sáu phép Quán cũng chẳng giống như trong các pháp môn thông thường. Như tông Thiên Thai tu pháp môn Chỉ Quán (thuần chánh dùng pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai để tu Chỉ Quán), dùng sức của chính mình để nhập Định, tu công phu định lực. Bộ kinh này được tổ sư tông Thiên Thai là Trí Giả đại sư dùng phương pháp và học lý Giáo Quán của tông Thiên Thai để chú giải; nhưng chú giải [kiểu đó] là dùng phương pháp của chính Ngài để chú giải. Cái được chú giải chính là kinh, người giảng kinh muốn thông hiểu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

[ý Phật], phải lấy kinh làm chánh yếu (tổ sư [chú giải kinh] hòng nói rõ ý nghĩa của kinh theo cách hiểu của Ngài). Bộ kinh này giảng về mười sáu phép Quán, [tức là] lấy mười sáu loại cảnh giới làm đối tượng. Cái tâm có thể quán gọi là Năng Quán. Đây là chỗ khác biệt so với các pháp môn thông thường. Không chỉ là Chỉ Quán, so sánh với các pháp môn thông thường khác như Duy Thức hoặc Thiên Tông, đều có những điểm bất đồng. Đây là một loại “*dị phương tiện*”.

2) Một loại dị phương tiện khác chính là đức Phật dùng sức thần thông của chính Ngài. Chúng ta là phàm phu, dùng nhục nhãn chẳng thấy được, phải tu quán thành công rồi mới có thể [trông thấy]. Đức Phật hoàn toàn dùng sức thần thông của chính Ngài, dẫu xa cách mấy cũng chiếu thấu suốt thế giới ấy, [khiến cho] chúng ta có thể trông thấy ở ngay trước mắt. Đây chính là như trong phần trước đã nói: Trước hết, đức Phật phóng quang, quang minh giống như đèn chiếu thăm dò vậy. Sau khi đã chiếu, bèn thu lại tất cả các thế giới tốt đẹp nhất trong mười phương, giống như phim đã được quay trong máy chiếu phim vậy. Không chỉ là phu nhân Vi Đề Hy, ngay cả những phàm phu khác cũng đều trông thấy. Nếu chúng ta dùng nhục nhãn, ở đây, chẳng thể thấy núi A Lý, dùng tâm tưởng bèn có thể tưởng tượng. Dùng nhục nhãn để thấy như thế nào? Chụp hình núi A Lý, nhưng lấy ảnh chụp để xem, sẽ có thể trông thấy. Do vậy, loại dị phương tiện thứ hai chính là đức Phật dùng sức thần thông, thu lại các hình trạng trong thế giới xa xôi, khiến cho bọn phàm phu chúng ta dùng nhục nhãn mà có thể trông thấy.

Có hai loại dị phương tiện ấy!

“*Linh nữ đắc kiến*” (Khiến cho bà được thấy). Chữ “*nhữ*” (汝) chỉ phu nhân Vi Đề Hy. Trong phần trước, phu nhân đã thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thu lại thế giới Cực Lạc. Đức Phật lại bảo bà ta: Chỉ cần tu Quán thành công, ngay lập tức có thể trông thấy. Nương vào hai thứ dị phương tiện của đức Phật, trong tương lai đều có thể trông thấy.

Phu nhân Vi Đề Hy sau khi nghe đức Phật dạy như vậy, liền đó, “*thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn:*”, [nghĩa là] vừa ngay khi đó, bà ta bèn thưa bẩm với đức Phật: “*Thế Tôn!*” tức là một hiệu trong mười hiệu của đức Phật. “*Như ngã kim giả*” (Như con nay), giống như con trong hiện thời. “*Dĩ Phật lực cố, kiến bỉ quốc độ*” (Do vì sức Phật, trông thấy cõi nước ấy). Do nương cậy sức thần thông của Phật, trông thấy quốc độ của thế giới Cực Lạc (quang minh từ kim đài trên đỉnh đầu Thích Ca Mâu Ni Phật hiện hiện thế giới Cực Lạc, nay bà ta đã trông thấy), thế nhưng,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*nhược Phật diệt hậu*”, [nghĩa là] giả sử sau khi đức Phật đã diệt độ, chẳng còn tại thế. “*Chư chúng sanh đẳng*” (Các hàng chúng sanh) chỉ rất nhiều hạng phàm phu chúng sanh. “*Trược ác bất thiện*” đều ở trong đời ác ngũ trược, chẳng có điều thiện nào. “*Ngũ khổ sở bức*” nghĩa là bị năm nỗi khổ to lớn bức bách. “*Vân hà đương kiến A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới?*” (Làm sao có thể thấy thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật?). Do trong tình huống ấy, đức Phật chẳng còn trụ trong thế gian này, họ làm sao có thể thấy thế giới của A Di Đà Phật cho được? Đây là phu nhân Vi Đề Hy loại trừ chính mình may mắn được nương vào Phật lực, đã thấy thế giới Cực Lạc, chứ chúng sanh trong tương lai thì làm như thế nào? Vì thế, có thể thấy phu nhân Vi Đề Hy là người học Đại Thừa, phát Bồ Tát tâm, chẳng chuyên vì chính mình, còn nghĩ đến chuyện sau khi đức Phật đã diệt độ, tất cả chúng sanh trong tương lai sẽ làm như thế nào? Do vậy, bà lại thưa hỏi đức Phật.

“*Phật diệt hậu*”, “*diệt*” là diệt độ (滅度). Thật ra, đức Phật đã thành Phật, có thể ở trên thế gian bao lâu liền ở bấy lâu, tự do tự tại trụ thế, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật hết sức từ bi. Ngài nghĩ: Nếu thường trụ vĩnh cửu trong thế gian này, đâm ra chẳng tốt đẹp bằng chuyện đức Phật trụ thế tám mươi năm! Đức Phật chỉ trụ thế tám mươi năm, biểu hiệu tuổi tác chẳng sai khác cho lắm so với chúng sanh bình phàm trong loài người (thọ mạng của loài người cũng thuộc về vạn pháp), là vô thường, [dùng chuyện này để] cảnh tỉnh con người. Kẻ chẳng tu đạo chẳng cần nói tới, họ cứ mơ mơ màng màng, nhưng đối với kẻ đã học Phật, [đức Phật trụ thế chỉ tám mươi năm] sẽ răn nhắc họ “*mạng người vô thường*”, ngay cả đức Phật cũng có thể trụ thế lâu dài trong thế gian! Đức Phật muốn cảnh tỉnh chúng sanh: Bất luận lứa tuổi nào, cũng đều phải dấy lên đạo tâm, coi liễu sanh tử là chuyện quan trọng nhất, phải ghim chuyện này trong tâm. Vì những lẽ đó, đức Phật trụ thế tám mươi năm bèn diệt độ.

Phu nhân Vi Đề Hy nói: Đức Phật cũng có lúc diệt độ, “*chư chúng sanh đẳng*” (các hàng chúng sanh), sau khi đức Phật đã nhập diệt, chẳng ở trong thế gian nữa, các chúng sanh phàm phu kể từ sau khi đức Phật diệt độ cho đến thời đại Mạt Pháp hiện tại đều được bao gồm trong ấy, những chúng sanh ấy “*trược ác bất thiện*”. Nói “*trược ác bất thiện*” thì Trược là Ngũ Trược, tức là Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược. Đến thời đại Ngũ Trược, chúng sanh bèn ác, các thứ nghiệp tử trong tâm đều biểu hiện ra. Sự

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trước ác bất thiện ấy từ thuở đức Phật trụ thế đã có, mãi cho đến hiện tại, càng về sau, những điều ác càng thêm nghiêm trọng, trong hiện thời, lại càng chẳng cần phải nói nữa! Người học Phật đối chiếu Ngũ Trược trong thế gian hiện thời với Ngũ Trược trong thời đại một phen, sẽ thấy sai khác một trời một vực! Trong tương lai, vẫn là chẳng giống như hiện thời, chúng ta phải nên cảnh giác điều này!

Danh từ “*trước ác bất thiện*” chúng ta đều đã biết, chúng ta học Phật phải liễu sanh tử. Nhất định là phải chuyển biến từ nội tâm của mỗi cá nhân! Hoàn cảnh thế gian chẳng tốt đẹp, đều là do tâm lý của chúng sanh tạo thành. Dùng Kiến Trược trong Ngũ Trược để nói, Kiến (見) là kiến giải; cái gọi là Kiến Trược đã có từ thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật mãi cho đến hiện thời.

Trong kiến giải của chúng sanh, chỉ nhìn thấy [những khuyết điểm của] người khác, chẳng xét lại chính mình. Chính mình có rất nhiều ác nghiệp, hành vi cũng thế, mà tâm lý cũng thế, những chuyện đã nghĩ, đã làm đều là tội ác, nhưng chính mình chẳng thấy, luôn cảm thấy chính mình tốt nhất. Những điều suy nghĩ trong tâm, thậm chí những chuyện biểu lộ ra ngoài, người khác thấy đúng là một thân đầy tội ác, nhưng chính kẻ đó vẫn nghĩ chính mình làm toàn chuyện tốt lành. Ngược lại, kẻ ấy thấy người khác bất hảo (trong cái nhìn của kẻ khác, đương nhiên là [kẻ ấy] bất hảo). Nếu người khác có chuyện gì tốt đẹp đôi chút, kẻ ấy cũng thấy chẳng có gì là đáng kể! Đó gọi là Kiến Trược. Trong xã hội hiện thời, Kiến Trược hết sức phổ biến. Hiện tượng rõ ràng nhất là ở chỗ nào đó, phát sanh chuyện giết người, phóng hỏa, hoặc phát sanh tai nạn, chết bao nhiêu là người, bao nhiêu kẻ bị thương, [mọi người] cảm thấy chết một người là chuyện vặt vãnh, bị chết càng nhiều càng thấy kích thích! Báo chí biểu dương đoàn thể từ thiện, thiện nhân, những chuyện người tốt việc tốt v.v... đại khái là chẳng có hứng thú để xem! Chuyện này cho thấy tâm lý kẻ bình phàm hướng theo tội ác, chẳng xem chuyện tốt đẹp, chẳng nhìn tới những điều tốt đẹp của người khác, chính mình đối với việc thiện cũng chẳng có hứng thú! Đây đều là Kiến Trược, chúng sanh phàm phu luôn có tâm lý như vậy. Hãy ngẫm xem, thế giới này có thể trở thành tốt đẹp hơn được chẳng? Chẳng thể nào tốt đẹp được! Do vậy, khi thầy chúng ta còn tại thế, đã dạy: “*Học Phật phải niệm Phật, niệm Phật phải sửa tâm*”. Tâm chẳng sửa, niệm Phật chẳng thể có cảm ứng, chẳng niệm đến mức đạt được nhất tâm bất loạn. Do vậy, sửa đổi cái tâm đặc biệt trọng yếu!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lại nói đến Phiền Nã Trược. Phiền nã: Bọn chúng sanh phàm phu chúng ta ở trong thế gian này, mắt thấy các thứ màu bèn tham cầu màu sắc, tai nghe âm thanh, lưỡi nếm hương vị, cho đến ý căn v.v... sáu căn đối ứng sáu trần, chỗ nào cũng đều tham cầu, tâm tham hại chết người! Trong văn hóa Trung Hoa thuở trước, bất luận là học thuyết của Khổng phu tử (tư tưởng Nho gia), tư tưởng Đạo gia, hay tư tưởng Mặc gia, đều dạy con người trừ khử tham dục. Lão Tử cũng nói: “*Khử tử chi kiêu khí dữ đa dục*” (Ông hãy trừ bỏ thói kiêu ngạo và đa dục), hãy trừ bỏ tham dục! “*Trùng phần trất dục*”, [có nghĩa] là dạy người khác chớ nên nóng giận, đừng nên có các thứ dục vọng. Thánh nhân, hiền giả thời cổ dạy người khác như thế. Vì sao? Thánh hiền thấy mọi người đều có tập khí ác; vì thế, cổ vũ, khích lệ họ hãy sửa chữa dần dần, áp chế nó, chớ nên biểu hiện ra. Hiện thời [tại Đài Loan và Hoa Lục] chẳng cần đến văn hóa Trung Hoa nữa. Giới giáo dục đã là như thế, kẻ bình phàm chẳng cần phải nói nữa. Hễ nói năng, sùng bái, toàn là độc cạn sức tiêu thụ, mọi người trọn hết sức phát triển dục vọng, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, hãy dốc hết sức mong cầu thỏa mãn. Đó là phong khí hiện thời. Đối với những lời dạy của thánh hiền thời cổ, đối với nền giáo dục do cổ nhân truyền trao, đối với chuyện dần dần sửa đổi dục đều cảm thấy quá khó khăn. Phong khí trong thời đại hiện tại càng là đổ thêm dầu vào lửa! Tập khí ác của con người đã nặng nề như vậy, lại còn được các học thuyết tà tri tà kiến đề xướng, cổ vũ, khích lệ, cho nên tạo thành thế giới đại loạn như trong hiện thời. Chẳng cần phải nói cặn kẽ về chuyện này!

Chúng ta nhìn vào phong khí xã hội trong và ngoài nước, [nhìn vào] hành vi thông thường của mọi người, chẳng phải là có thể thấy rõ ràng, rành rẽ hay sao? Nhìn vào hiện tượng và hành vi trước mắt, lại còn có các học thuyết tà tri tà kiến không ngừng cổ động tâm lý [tham dục] của đại chúng tiếp tục phát triển. Hãy ngẫm xem, thế giới này mai sau sẽ có điều gì tốt đẹp hay chẳng? Đời sau, nếu chẳng đọa lạc tam đồ, lại sanh vào nhân gian, hiện thời, gia đình trong nhân gian đã dần dần chẳng thể giữ nổi một bầu hòa khí. Chẳng có gia đình vợ chồng hài hòa nữa! Hằng ngày TV đề xướng vợ chồng tự độc lập, chẳng phải vì thế hệ sau, mà vì chính mình! Những đứa trẻ ở trong gia đình kiểu ấy, trong tương lai sẽ lãnh đủ; cho nên đời sau lại sanh vào nhân gian, biết kiếm ai làm cha mẹ? Đúng là một nan đề! Gặp đúng hạng cha mẹ [vị kỷ] như trong TV đề xướng, còn chưa sanh ra mà đã đau khổ, [cho tới] sau khi đã sanh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ra, con cái đưa nào lo phận đưa này! Hãy ngẫm xem, con cái trong gia đình kiêu đó sẽ đau khổ lắm!

Nói như vậy, chúng ta tu Tịnh Độ Tông, chớ nên nghe kẻ lơ mơ bên ngoài bảo: “Phải kiến lập Tịnh Độ trong nhân gian, chẳng cần phát nguyện đến Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Đó là vì kẻ đó chẳng hiểu rõ tình huống trong thế gian. Do vậy, nhất định là phải phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới này thật sự đúng như kinh Pháp Hoa đã dạy: “*Tam giới vô an, do như hỏa trạch*” (Ba cõi chẳng yên, giống như nhà lửa). Giống như một căn nhà lớn đang bốc cháy. Nếu chẳng thoát ra, dầu không bị lửa đốt chết, cũng bị ngộp khói mà chết! Thật sự là chẳng thể ở được! Kinh văn đã sớm nói “*trược ác bất thiện*”; ở trong ngũ trược ác thế, thập ác bất thiện, mười thứ ác nghiệp mỗi ngày đều biểu hiện ra, càng về sau càng trở nên xấu ác!

“*Ngũ khổ sở bức*” là bị năm nỗi khổ to lớn bức bách. Có mấy cách giải thích năm nỗi khổ, nhưng bất luận nói theo kiểu nào, vẫn đều là khổ! Có một cách nói như Trí Giả đại sư đã dạy: Ngũ đạo là thiên đạo, nhân đạo, súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo, và địa ngục đạo (A Tu La đạo gộp trong các đường trên), những nỗi đau khổ vì lưu chuyển trong năm đường được gọi là “ngũ khổ”. Đó là một cách nói. Lại nữa, theo như Thiện Đạo đại sư chú giải, sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly là năm nỗi khổ lớn. Lại có một cách nói khác là sanh, lão, bệnh, tử gộp thành một đại khổ, cộng thêm những nỗi khổ khác là Ái Biệt Ly (yêu thương phải chia lìa), oán Tăng Hội (oán ghét mà cứ phải gặp gỡ), Cầu Bất Đắc (cầu mong chẳng được), Ngũ Âm Xí Thịnh (năm Âm lừng lẫy), cộng thành ngũ khổ. Bất luận nói theo kiểu nào, năm nỗi khổ to lớn là một sự thật. Bất cứ chúng sanh phàm phu nào, quý vị có địa vị cao tới đâu đi nữa trong thế gian, dầu làm quan to đến mấy, dầu lắm tiền nhiều bạc tới đâu đi nữa, vẫn chẳng tránh khỏi năm nỗi khổ to lớn ấy. Sanh, lão, bệnh, tử chẳng cần phải nói, bất luận kẻ nào cũng đều có. Nỗi khổ Ái Biệt Ly có ai tránh khỏi? Đòi loạn không phải là chỉ trong hiện thời mới có, thời cổ cũng có. Chỉ cần có chiến tranh, sẽ có chết chóc vì loạn lạc. Thơ của đại thi nhân Bạch Cư Dị đời Đường có câu: “*Cốt nhục lưu ly đạo lộ trung.... Nhất dạ hương tâm ngũ xứ đồng*”. [Ý nói] anh em phân tán ở mỗi nơi khác nhau, đôi bên có bao giờ chẳng mong gặp mặt? Nhưng đâu có làm được! Nhìn vào hiện thời, tại Trung Hoa có, mà ngoại quốc cũng có [Ái Biệt Ly]. Lây Trung Hoa để nói, hiện thời đôi bờ đã tiếp xúc, chớ trước khi được phép tiếp xúc, đôi bờ ngăn cách: Người từ Đại Lục đến [Đài Loan] chẳng thể trở về, người từ Đài Loan sang Đại Lục đi lính cũng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chẳng thể trở về, cách biệt vài chục năm chẳng thể gặp gỡ, mong nhớ lẫn nhau. Sau khi gặp gỡ, người chẳng thể vĩnh viễn trẻ mãi, từ trẻ mong nhớ đến già. Tuổi già nghĩ tương con cháu, nghĩ nhớ đến chết mới thôi! Nỗi thống khổ ấy còn khổ hơn cái chết, ai tránh khỏi Ái Biệt Ly? Ngũ khổ bức bách, càng về sau càng dữ dội! Sau một cuộc chiến tranh, bao nhiêu người đã chết? Mỗi người chết, thân thích và gia đình của người ấy có bao nhiêu kẻ chịu đựng cảnh Ái Biệt Ly, sanh ly tử biệt! Nhưng hiện thời có những kẻ ăn no rửng mỡ, chẳng có chuyện gì làm, tận hết sức nghĩ cách mở rộng quyền lợi của chính mình, chẳng đoái hoài nỗi sống chết của dân chúng, mà cũng chẳng sợ khơi mào chiến tranh, vẫn tận hết sức tranh thủ chánh quyền và quyền lực cho chính mình! Những kẻ đó đều là hạng chúng sanh đặc biệt ác liệt trong thời ngũ trước ác thế. Chúng nó làm như thế, kết quả tạo thành cộng nghiệp cộng thọ, [nghĩa là] tạo thành ác nghiệp khiến mọi người phải cùng nhau hứng chịu. Ngũ khổ bức bách, tình huống chẳng tốt đẹp, tương lai càng về sau càng xấu!

“*Vân hà đương kiến A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới?*” (Làm thế nào để thấy thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật?): Đối với những tình huống giống như thế ấy, tâm lý của phàm phu chúng sanh có đủ mọi nỗi chướng ngại, lại thêm hoàn cảnh xấu hèn, làm thế nào để thấy thế giới Cực Lạc? Có thể nói là phụ nhân Vi Đề Hy đã vì chúng ta là những chúng sanh phàm phu trong thời đại Mạt Pháp “*thinh mạng*”, cầu thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra một phương pháp tốt đẹp, khiến cho chúng ta có thể thấy thế giới Cực Lạc, vãng sanh đến đó. Sau đây, Thích Ca Mâu Ni Phật đáp lời thỉnh cầu của phụ nhân Vi Đề Hy, nêu ra phương pháp. Trước khi giảng kinh văn, xin quý vị hãy xem trước đề cương bài giảng.

IV.2.2. Biện định phép Quán màu nhiệm

IV.2.2.1. Mười sáu phép Quán

Diệu Quán (妙觀) là mười sáu phép Quán, mỗi phép Quán đều là diệu quán, chia thành ba loại lớn:

1) Loại thứ nhất gồm sáu phép Quán, quán y báo và y quả của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Một là nhật quán (quán mặt trời), hai là thủy quán (quán nước), ba là địa quán (quán đất), bốn là thụ quán (quán cây), năm là trì quán (quán ao), sáu là tông quán (quán tổng quát y báo).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

loại này đều là quán quả nơi y báo (y quả) của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

2) Loại thứ hai gồm có bảy phép Quán, tức là quán chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bảy là hoa tòa quán (quán tòa hoa sen của Phật, Bồ Tát), tám là quán tượng Phật, Bồ Tát, chín là quán thân Phật, mười là quán Quán Âm, mười một là quán Thế Chí (quán Đại Thế Chí Bồ Tát), mười hai là phổ vãng sanh quán (quán trọn khắp những phàm nhân từ mười phương thế giới vãng sanh thế giới Cực Lạc), mười ba là nói về pháp quán gộp chung Phật, Bồ Tát để quán (quán sát nhất loạt Phật, Bồ Tát). Bảy loại này đều là quán Phật và chúng sanh trong thế giới Cực Lạc, đều là quán chánh báo.

3) Loại quán thứ ba gồm có ba phép Quán, tức là quán ba bậc chín phẩm. Mười bốn là thượng phẩm sanh quán, thượng phẩm chia thành ba loại thượng thượng, thượng trung, thượng hạ. Mười lăm là trung phẩm sanh quán, [gồm ba phẩm] trung thượng, trung trung, trung hạ. Mười sáu là hạ phẩm sanh quán, hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Ba phép Quán sau, khởi đầu từ mười bốn, mười lăm, mười sáu là [các phép Quán] về ba bậc chín phẩm.

Hiểu rõ ba loại lớn trong mười sáu phép Quán này, chúng ta biết: Từ y báo cho đến chánh báo, chánh thức tác quán đương nhiên là chẳng dễ dàng. Phải dùng phương pháp nhất định, trong phần sau tôi sẽ nói. Mà phép Quán thứ mười sáu, quán hạ phẩm vãng sanh chính là trì danh niệm Phật. Trì danh niệm Phật cũng thuộc trong mười sáu phép Quán, phẩm vị thấp nhất là chúng sanh tạo Ngũ Nghịch Thập Ác nếu trì niệm danh hiệu Phật, sẽ đều có thể vãng sanh. Do vậy, có thể biết chỗ lợi ích của việc trì danh niệm Phật: Chúng sanh ác nghiệp nặng nề đường ấy, chẳng có cách nào tác quán, chỉ cần được thiện tri thức dạy kẻ ấy trì danh niệm Phật, bèn có thể đới nghiệp vãng sanh. Sau khi đã hiểu rõ phép Quán và lý luận trước đó, quý vị sẽ biết pháp môn Niệm Phật cao đến mức độ nào? Bất cứ ai cũng đều có thể trì danh vãng sanh! Người thuộc hạ phẩm hạ sanh Ngũ Nghịch Thập Ác đã có thể trì danh vãng sanh, thì người ác nghiệp chưa đến mức độ ấy, trì danh niệm Phật càng chẳng có vấn đề gì! Vì thế, chiếu theo mấy hạng mục trong Thập Lục Quán Kinh, chúng ta cũng có thể thấu hiểu và đẩy lên tín tâm trì danh niệm Phật!

Trong trang cuối của biểu đồ đề cương bài giảng, có mấy hàng văn tự đặt trong ngoặc, xin hãy dùng bút đánh dấu, hãy nối chúng với hàng thứ nhất, song song với chữ Quán, vì chúng dùng để giải thích

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mười sáu phép Quán; không chỉ nhằm giải thích loại thứ ba là ba bậc chín phẩm, mà còn giảng rõ y báo và chánh báo trong phần trước. Xin hãy xem hàng văn tự đặt trong dấu ngoặc, “*viên dĩ Nhất Tâm Tam Quán, quán thập lục cảnh*” (Viên Giáo dùng Nhất Tâm Tam Quán để quán mười sáu cảnh). Trí Giả đại sư và [ngài Tứ Minh Tri Lễ trong bộ] Diệu Tông Sao đều dùng [giáo nghĩa] Viên Giáo để chú giải bộ kinh này. Viên Giáo dùng Nhất Tâm Tam Quán (tức là diệu quán đã nói trên đây) để quán mười sáu cảnh, lấy mười sáu phép Quán làm cảnh để quán. “*Cảnh thù lý đẳng*”, “*cảnh*” là các loại cảnh bất đồng, [“*cảnh thù lý đẳng*” nghĩa là] cảnh chẳng giống nhau, nhưng lý là bình đẳng. Lần sau, tôi sẽ bắt đầu giảng về nhật quán.

Tập 18

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin hãy mở kinh bốn, trang thứ bảy, bắt đầu từ hàng thứ ba, tôi niệm trước kinh văn một lượt.

(Kinh) Phật cáo Vi Đê Hy: “Nhữ cập chúng sanh, ưng đương chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tướng u Tây Phương. Vân hà tác tướng? Phàm tác tướng giả, nhất thiết chúng sanh, tự phi sanh manh, hữu mục chi đồ, giai kiến nhật một. Đương khởi tướng niệm, chánh tọa Tây hướng, để quán u nhật dục một chi xứ, linh tâm kiên trụ, chuyên tướng bất di. Kiến nhật dục một, trạng như huyền cổ. Ký kiến nhật dĩ, bệ mục khai mục, giai linh minh liễu, thị vi nhật tướng, danh viết Sơ Quán.

(經)佛告韋提希：汝及眾生，應當專心繫念一處，想於西方。云何作想？凡作想者，一切眾生，自非生盲，有目之徒，皆見日沒。當起想念，正坐西向，諦觀於日欲沒之處，令心堅住，專想不移。見日欲沒，狀如懸鼓。既見日已，閉目開目，皆令明了，是為日想，名曰初觀。

(Kinh: Đức Phật bảo bà Vi Đê Hy: “Bà và chúng sanh, hãy nên chuyên tâm một chỗ, tướng nơi Tây Phương. Tướng như thế nào? Phàm là quán tướng, hết thấy chúng sanh, nếu chẳng phải là kẻ mù từ thuở lọt

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

lòng, là người có mắt, đều thấy mặt trời lặn. Hãy nên tưởng niệm: Ngồi ngay ngắn hướng về phía Tây, quán chắc thật nơi mặt trời sắp lặn, khiến cho cái tâm giữ vững, chuyên tưởng chẳng đổi dời. Thấy mặt trời sắp lặn, hình dạng giống như cái trống treo. Đã thấy mặt trời rồi, nhắm mắt, mở mắt, thấy đều rõ ràng. Đó là phép quán tưởng mặt trời, gọi là phép Quán đầu tiên”).

IV.2.2.2. Phép Quán thứ nhất, Nhật Quán

Đoạn kinh văn vừa mới niệm chính là phép Quán thứ nhất trong mười sáu phép Quán: Quán mặt trời lặn. Vì sao mười sáu phép Quán trước hết bắt đầu từ đây? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy phu nhân Vi Đề Hy: Muốn thấy thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật, thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật ở phương Tây, phải thấy bằng cách nào? Nhục thân của phàm phu chẳng thể thấy được cõi ấy. Nhưng phải thấu hiểu: Tuy là phàm phu, phàm phu đều có bản tánh. Kinh Hoa Nghiêm đã nói bản tánh là Nhất Chân pháp giới, trong Nhất Chân pháp giới thứ gì cũng đều có. Vì bọn phàm phu chúng ta bị những ý niệm rối ren, tạp loạn, cái tâm vọng tưởng chướng ngại nó (Chân Như bản tánh). Sau khi đã bị chướng ngại, nói cách khác, sẽ chẳng thấy tất cả cảnh giới thật sự tốt đẹp. Muốn thấy, phải nên làm như thế nào? Phải nương theo Phật pháp, Phật pháp chỉ dạy bọn chúng sanh phàm phu như chúng ta sử dụng phương pháp, nương theo từng bước một để tu tập thì mới có thể trông thấy. Vì thế, giảng Thập Lục Quán Kinh nhằm mục tiêu [dạy chúng sanh] quán tưởng thế giới Cực Lạc. Quán thế giới Cực Lạc để nắm chắc vãng sanh. Do vậy, trước hết, nói đến phép Quán thứ nhất là nhật quán, trước hết là quán mặt trời lặn!

Bây giờ, chúng ta xem kinh văn. “*Phật cáo Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy: “*Nhữ cập chúng sanh*”, “*nhữ*” (汝) là bà, bà và chúng sanh phàm phu mong thấy thế giới Cực Lạc thì có cách nào? “*Ứng đương chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tưởng ư Tây Phương*” (Hãy nên chuyên tâm hệ niệm một chỗ, suy tưởng Tây Phương). Đoạn này nhằm dạy phu nhân Vi Đề Hy tổng nguyên tắc dụng công, “*ứng đương chuyên tâm*” (hãy nên chuyên tâm). Vì sao phải chuyên tâm? Bọn chúng sanh phàm phu chúng ta hãy tự ngẫm xem, tâm chúng ta chẳng thể chuyên. Suốt ngày từ sáng đến tối, tâm tư của chúng ta chẳng nghĩ chỗ này, bèn nghĩ sang chỗ nọ! Trong Bách Pháp Minh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Môn Luận có nói Tâm Sở nhiều ngàn ấy. Tâm chúng ta chẳng phải là Tâm Sở ở nơi đây thì sẽ là Tâm Sở ở nơi khác, rong ruổi khắp nơi! Chẳng an tĩnh một thời, một khắc nào! Thậm chí, ban đêm khi ngủ nghe, nằm mộng vẫn rong ruổi khắp nơi. Nếu là như vậy, làm sao có thể thấy thế giới Cực Lạc cho được? Chẳng thấy được! Chúng ta mong ở trong thế gian này để nghiên cứu học vấn, hoặc làm một chuyện gì đó, mà cái tâm loạn như thế, cũng chẳng thể thành công đâu nhé! Quý vị nghiên cứu bất cứ loại học vấn thế gian nào, mà đều chẳng thể chuyên tâm, tâm tán loạn dường ấy thì cũng chẳng thể làm được, huống hồ là xuất thế gian! Mong thấy thế giới Cực Lạc, chẳng chuyên tâm sẽ chẳng thể. Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu rõ cái tâm của chúng sanh phàm phu đều là như vậy, cho nên Ngài dạy: Nhất định là phải chuyên tâm! Chuyên tâm thì chuyên bằng cách nào? Chính là “*hệ niệm nhất xứ*”. “*Tâm*” của chúng ta chính là ý niệm, ý niệm của bọn chúng sanh phàm phu chúng ta giống như dòng nước chảy, liên tục chẳng ngừng dâng lên, dâng lên rồi hạ xuống, một mực liên tục. Những ý niệm ấy đều là tán loạn. Nếu quý vị muốn chuyên tâm, trước hết phải không chế ý niệm, ước thúc ý niệm. “*Hệ niệm*” là ước thúc ý niệm vốn rất rối loạn, ước thúc vào đâu? Ước thúc vào một chỗ, chẳng để nó chạy lung tung. “*Nhất xứ*” là gì? “*Tướng ư Tây Phương*”. Ước thúc ý niệm vào Tây Phương, khiến cho tâm định nơi một chỗ, tướng Tây Phương.

IV.2.2.2.1. Chỉ thẳng vào phương Tây

Xin quý vị mở đề cương bài giảng. Vì sao phải chẳng chỉ thẳng vào Tây Phương? Trong đề cương bài giảng, sau phần “*sơ nhật quán*” (phép quán thứ nhất, quán mặt trời) là “*trực chỉ Tây Phương*”. Chỉ thẳng vào Tây Phương, chủ yếu là vì thế giới Cực Lạc ở phía Tây của thế giới Sa Bà, thuộc về hướng Tây, [đồng thời] còn nhấn mạnh công phu định lực, chuyên tâm tu công phu định lực. Cách tu công phu định lực như thế nào? Nói tới cách chuyên tâm hệ niệm nhất xứ. Chẳng hạn như nói: Nói theo chỗ bản thân mình đang ở, xét theo bốn phương tám hướng và trên dưới (tức là mười phương), tư tưởng của bọn chúng sanh bình phàm chúng ta rong ruổi lung tung, rong nơi này, ruổi nơi kia, chẳng thể tập trung được. Chúng ta theo đúng lời dạy trong Phật pháp, đặt tâm chuẩn theo một phương hướng, những phương khác như Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, đều không màng tới, chuyên môn chuẩn theo phương Tây. Trong biểu đồ có nói “*trực chỉ Tây Phương*” thì sẽ “*tâm lià chín*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phương”, có nghĩa là tâm chúng ta chuyên môn chuẩn theo Tây Phương, lia khỏi chín phương khác. Đó là điều thứ nhất.

Chuyên chú nơi Tây Phương còn có một tác dụng nữa: Có thể tập trung tâm tư, ý niệm của chúng ta vào một chỗ, đó gọi là “*thâu duyên nhất xứ*” (gom hết các duyên về một chỗ). Duyên là gì? Duyên là phan duyên (攀緣, nắm níu). Tâm bọn phàm phu chúng ta chẳng phan duyên ở nơi đây, sẽ phan duyên ở nơi kia. Vì sao có sanh tử? Có sanh tử là kết quả của chuyện cái tâm chúng ta phan duyên khắp nơi. Duyên phan phan duyên chỗ nào sâu nhất, trong tương lai, khi hết tuổi thọ, sẽ chuyển sanh về nơi đó. Ví như một kẻ khi tham, sân, si, mạn, nghi nặng nhất, duyên của kẻ ấy ở trong địa ngục, đó là điều nhất định. Nhẹ hơn một chút, duyên của kẻ ấy ở trong súc sanh đạo, hoặc quỷ đạo v.v... toàn là kết quả do cái tâm phan duyên của chính mình. Nay phải dùng phương pháp nào để dụng công? [Phương pháp nào] có thể thâu hồi cái tâm phan duyên khắp nơi của chúng ta lại, chẳng để cho nó phan duyên khắp nơi trong thế gian. Tâm chúng ta rất loạn! [Tâm phàm phu] chẳng thể nào không phan duyên! Các tông như Thiên Tông, Duy Thức Tông, Thiên Thai Tông... dạy pháp môn thông thường, tức là phải trừ khử vọng niệm của chính mình, chẳng phan duyên khắp nơi, nhưng muốn giữ cho ý niệm chẳng phan duyên khắp nơi quá khó khăn! Cái khéo léo của pháp môn Tịnh Độ là quý vị chẳng cần phan duyên nơi nào khác, cứ phan duyên một nơi là được rồi. Dụng công như vậy khá dễ dàng, là pháp phương tiện hay nhất, mà cũng là diệu pháp khéo léo nhất. Vì thế, trong biểu đồ ấy đã ghi “*thâu duyên nhất xứ*”, [nghĩa là] thâu hồi tâm niệm phan duyên khắp nơi lại; nhưng do [tâm phàm phu] chẳng thể nào không phan duyên, vậy thì phan duyên một chỗ, sẽ gọi là “*thâu duyên nhất xứ*”. Thâu duyên nhất xứ như thế nào? Hết thấy đều phải quy về một. Thân chúng ta phải quy về một, tâm cũng phải quy về một. Khi chúng ta làm công đức hồi hướng, cũng phải quy về một. Trong hoàn cảnh sống, trong cảnh giới gặp gỡ của chúng ta, hãy còn có sự tương tục (nói “*tương tục*” (liên tục) nghĩa là tiền nhân hậu quả của vạn pháp, nhân quả liên tục nối tiếp), những pháp ấy cũng đều quy về một. Còn có quy y, chánh niệm v.v... không gì chẳng cần phải thâu hồi duyên về một chỗ. Đó chính là diệu pháp chuyên tâm. Nếu có thể làm đúng như vậy, sẽ có thể “*tướng thành tựu*”, tức là quán tưởng có thể thành tựu!

IV.2.2.2.2. Quán mặt trời lặn

“*Tưởng ư Tây Phương*” (Tưởng nơi Tây Phương); tiếp đó, [kinh vẫn nói] “*vân hà tác tướng?*”, [nghĩa là] quý vị phải tưởng như thế nào? Thực hiện công phu quán tưởng như thế nào? Đó là một câu hỏi. Tiếp đó, đức Phật tự hỏi, tự đáp, “*phàm tác tướng giả*”, [nghĩa là] hề muốn quán tưởng. Sau đó, Ngài nêu ra điều kiện. Điều kiện gì vậy? “*Nhất thiết chúng sanh*”, [nghĩa là] hết thảy chúng sanh đương nhiên đều có thể [quán tưởng]. “*Tự phi sanh manh*”, nói tới ngoại lệ. Gọi là “*sanh manh*” (生盲) tức là sanh ra đã chẳng nhìn thấy, vừa sanh ra đã là người mù. Vì sao kẻ sanh ra đã là người mù chẳng thể quán? Vì kẻ ấy chưa từng thấy mặt trời, đương nhiên là rất khó khăn. Trừ hạng người ấy ra, “*hữu mục chi đồ*” [nghĩa là] những kẻ có con mắt lành lặn, “*giai kiến nhật một*”, [nghĩa là] đều từng thấy cảnh tượng mặt trời lặn. Tổ sư chú giải như sau: Trừ kẻ mù từ thuở lọt lòng ra, [dẫu là kẻ] mai sau mắt chẳng thấy đường thì vẫn còn có thể [tu phép Quán này] được, [bởi lẽ], trước khi người ấy còn chưa mù, đã từng nhìn thấy mặt trời. Quý vị dạy người ấy phương pháp này, bảo kẻ ấy quán tưởng, do trong tâm kẻ ấy đã có ấn tượng về mặt trời, vẫn có thể [tác quán]. Chỉ cần người ấy đã từng thấy mặt trời lặn, sẽ đều có thể quán tưởng. Đã đều từng trông thấy mặt trời lặn; khi ấy, quý vị sẽ quán tưởng. “*Đương khởi tướng niệm*” (Hãy khởi lên sự tưởng niệm), khi quán mặt trời, hoàn toàn chẳng phải là dùng mắt để thấy, mà là tưởng, sanh khởi sự tưởng niệm. Vì sao tác quán mà nói đến Tưởng? Chữ Tưởng (想) này chính là dùng cái tâm (心) để nghĩ đến Tướng (相), khiến cho tâm tư, tâm niệm đặt nơi cảnh giới mặt trời lặn. Nói cách khác, lấy cảnh mặt trời lặn làm một thứ cảnh giới, [tức là] cảnh giới để quán. Năng Quán chính là ý niệm có thể suy tưởng. Do chúng ta đã đều từng trông thấy mặt trời lặn, cảnh giới đã có; khi ấy, có thể dấy khởi tâm lý suy tưởng, có thể quán và tưởng tượng, sẽ khởi lên sự suy niệm.

Quán tưởng chẳng dễ dàng! Mọi người đều biết pháp chúng ta tu là trì danh niệm Phật, là niệm Phật hiệu. Đã là niệm Phật hiệu, vì sao chúng ta còn phải nghiên cứu Quán Kinh? Quán Kinh nói về quán tưởng. Nếu chẳng nghiên cứu Quán Kinh, chúng ta chẳng biết vận dụng công phu quán tưởng như thế nào, [chẳng biết] trong ấy có những nỗi khó khăn [như thế nào]. Nếu chẳng biết Quán, chắc là có lẽ khi người ta nói: “Quán Tưởng Niệm Phật cũng rất hay! Chúng ta hãy tu Quán Tưởng Niệm Phật!” Do chúng ta chẳng thông hiểu tình huống thực tế, nghe

người ta khen hay bèn tu theo; đó là chuyện không hay mất rồi! Sau khi chúng ta đã hiểu rõ, biết trì danh niệm Phật thật sự là phương pháp tốt nhất, mau nhiệm nhất, mà cũng là phương pháp thuận tiện nhất. Đó là một tầng ý nghĩa. Còn tầng khác là gì? Tuy chúng ta không tu pháp môn quán tưởng, nhưng Quán Kinh giảng Lý thấu triệt nhất. Sau khi chúng ta đã hiểu rõ Lý, cũng sẽ hữu ích rất lớn cho việc trì danh niệm Phật. Vì thế, chúng ta nghiên cứu Quán Kinh, phải biết dụng ý này! Còn có một điều quan trọng nhất, cách quán tưởng trong Quán Kinh là có mục tiêu để có thể quán. Tôi vừa mới nói, giữ cho tâm tư chẳng phan duyên nơi khác, chỉ phan duyên một chỗ sẽ thuận tiện hơn! Quán tưởng như vậy vẫn còn là rất khó khăn, [thế mà] học tham Thiền, trì chú, hoặc tu những pháp môn bình phàm khác còn khó hơn pháp này. Để tâm lý của chúng ta có thể an định, xác định là chỉ có cách tu trì danh niệm Phật mới là ổn thỏa, thích đáng nhất! Hiểu rõ những điều này, tín tâm của chúng ta đối với pháp trì danh niệm Phật sẽ càng tăng tấn!

“*Chánh tọa Tây hướng*” (Ngồi ngay ngắn hướng về Tây): Trong khi chúng ta dấy lên sự tưởng niệm, chẳng tùy tiện như trì danh niệm Phật, mà phải Thiền tọa, hoặc tĩnh tọa. Tĩnh tọa là ngồi ngay ngắn, hướng thẳng về phía Tây. Sau khi đã ngồi ngay ngắn, “*đế quán u nhật dục một chi xứ*” (hãy quán chắc thật chỗ mặt trời sắp lặn), quý vị đế quán (quán tưởng rõ ràng, cặn kẽ) nơi mặt trời còn chưa lặn hẳn, tức là Tây Phương. Khi ấy, quý vị “*linh tâm kiên trụ*”, [nghĩa là] khiến cho cái tâm của quý vị kiên cố bất động trụ nơi cảnh đế quán. “*Chuyên tưởng bất di*” (Chuyên tưởng chẳng dời), dụng công tốt đẹp, tâm quý vị có thể “*kiến nhật dục một*” (thấy mặt trời sắp lặn), tức là thấy trạng huống của mặt trời đang lặn, “*trạng như huyền cổ*”, [nghĩa là] mặt trời sắp lặn có hình dạng giống như cái trống đang treo trong đại điện (trống ở đại điện rất to lại có hai mặt, hai đầu đều bịt kín), to như mặt trống vậy. Mặt trời treo ở hướng Tây giống như cái trống. Vì thế nói: Dụng công tốt đẹp, sẽ thấy mặt trời to như cái trống treo vậy!

Kế đó, xin quý vị xem biểu đồ, phần “*quán nhật một*” (quán mặt trời sắp lặn). Kinh văn nói rất đơn giản, xem lời chú giải của tổ sư, chúng ta cảm thấy làm theo phương pháp này rất khó khăn. Biểu đồ này nói về cách quán mặt trời lặn; vì sao quán mặt trời lặn? Hàng thứ nhất ghi: “*Chỉ phương hữu tại*” nghĩa là chỉ ra một phương hướng. Ví như đối với phương Tây, nếu hỏi hột nói là phương Tây, tâm tư cũng rất khó tập trung. Chỉ một nơi cố định là hướng Tây chỗ mặt trời lặn, tức là có phương hướng, có nơi chốn tồn tại, tâm dễ đặt nơi đó. Vẫn phải nhấn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ạnh “*chỉ phương hữu tại*” (chỉ ra phương hướng ở nơi đâu), vì đối với địa cầu của chúng ta, trong bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, phương vị mặt trời lặn cũng không luôn luôn chánh xác như vậy. Chánh xác nhất là trong hai khoảng thời gian, một là mùa Xuân, hai là mùa Thu. Do vậy, quý vị chuẩn bị dụng công, phải chọn sẵn địa điểm cố định khi mặt trời lặn. Như nói đến mùa Hạ hoặc mùa Đông, [phương vị mặt trời lặn] sẽ chẳng phải là đúng ngay phương Tây, còn trong hai mùa Xuân và Thu, mặt trời lặn đúng ngay ở phương Tây. Vì thế, tổ sư nói: Phải chọn chỗ mặt trời lặn trong mùa Xuân và mùa Thu, ấn định địa điểm chắc chắn. Trước hết, chọn cố định hướng Tây ở bên ngoài nhà xong, khi trở về, trong khi tĩnh tọa (chẳng thể ngồi trong núi non hay trong đồng hoang đâu nhé! Phải quay về tĩnh tọa trong căn nhà chính mình đang ở, hoặc ở trong đạo tràng, hoặc ở trong căn nhà mà bản thân quý vị chuyên môn dùng để tu trì), còn có rất nhiều phương pháp phải chú ý.

Quán mặt trời, một mục đích là chỉ ra phương hướng tồn tại, còn gì nữa? Vì sao phải quán mặt trời? Chúng ta biết chúng sanh phàm phu không dụng công thì thôi; khi dụng công đôi chút, sẽ cảm thấy tâm tư của chính mình rong ruổi lung tung, có rất nhiều hiện tượng tán loạn, tương hư vọng dấy lên. Nhờ vào [quán tượng] mặt trời để biết rõ chính mình có bao nhiêu nghiệp chướng. Nếu tổ sư chẳng chú giải đạo lý này, chúng ta chẳng biết! Có rất nhiều người tự học tĩnh tọa, tập tĩnh tọa mà không hiểu rõ học lý, cứ tĩnh tọa theo kiểu tu mù luyện đui, chuốc phải ma chướng mà chính mình vẫn không biết! Phải đặc biệt chú ý điều này! Vì thế, khi quán mặt trời, cũng là để cho chúng ta hiểu rõ chính mình có bao nhiêu nghiệp chướng và chướng ngại. Những chướng ngại ấy có nhẹ và nặng, càng dụng công, chính mình có thể kiểm nghiệm nhận biết. Đối với phân kinh văn ở đây, chúng tôi chiếu theo chú giải của tổ sư. Các vị tổ sư toàn là những bậc từng trải, khi các Ngài dụng công đã thấy những hiện tượng này. Vì thế mới chú giải điều này. Ghi chú trong biểu đồ dựa theo lời chú giải của Thiện Đạo đại sư trong Tịnh Độ Tông (Ngài là tổ sư của Tịnh Độ Tông).

Phía sau hàng chữ “*tri chướng khinh trọng*” (biết chướng nặng hay nhẹ) [trong biểu đồ] chính là nói về phương pháp dụng công: Thứ nhất là nói về “*tọa pháp*”. “*Tọa pháp*” là nói đến tĩnh tọa. Trước khi tĩnh tọa, phải chú ý: Chúng ta muốn dụng công tĩnh tọa thì nên thực hiện vào lúc nào? Khi quý vị vừa mới ăn thứ gì đó hoặc dùng cơm xong, đã ăn no thì chẳng thích hợp, hoặc khi đói quá thì cũng không thích hợp. Lúc chẳng đói quá, mà cũng chẳng phải là lúc ăn rất no, lúc thân thể, bao

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tử, và ruột bình thường chính là lúc tốt nhất để dụng công. Tĩnh tọa thì đương nhiên là ở trong nhà, quý vị ngồi ở đó, tốt nhất là phía trước và phía sau đừng có gió thổi (thân thể đừng nên để gió lùa). Hễ có gió thổi thì ngồi lâu, thân thể của chính mình bị tổn hại mà vẫn không biết; cần phải chú ý điều này! Đây là nói đến “*tĩnh tọa*”, chứ chúng ta trì danh niệm Phật, có ngồi hay không, chẳng sao cả! Quán thì phải tọa, tọa là “*tĩnh tọa*”.

Nói thông thường, “*tĩnh tọa*” là “*kết già phu tọa*” (結跏趺坐), có bán phu tọa (半跏坐) và toàn phu tọa (全跏坐). Trước hết, nói về cách toàn tọa (全坐, ngồi xếp bằng trọn vẹn). “*Toàn tọa*” có hai loại:

1) Một loại là trước hết đặt chân phải đè lên đùi trái, lại dùng chân trái đè lên đùi phải; sau đó, tay phải xếp chồng lên tay trái. Loại này được gọi là Hàng Ma Tọa (降魔坐). Thông thường, Thiên Tông dùng cách ngồi này.

2) Một cách ngồi khác nữa là Cát Tường Tọa (吉祥坐). Cát Tường Tọa ngược với Hàng Ma Tọa, trước hết đặt chân trái đè lên đùi phải, sau đó, chân phải đè lên đùi trái. Đó là Cát Tường Tọa, tay thì cũng chồng tay phải lên tay trái. Tuy có sự phân biệt ấy, nhưng tổ sư cũng nói: Quý vị xếp bên trái hay bên phải trước đều được, quý vị ngồi lâu đôi bên cũng được. Tùy tiện theo thói quen dùng một cách nào cũng đúng. Cách này gọi là Song Bàn (雙盤, khoanh cả hai chân lại), lại còn gọi là Toàn Già Phu Tọa.

Còn có Bán Tọa (半坐). Bán Tọa là quý vị chỉ xếp chồng một chân, [nghĩa là] một chân đặt ở dưới, xếp chồng chân kia lên trên là được. Bất luận chân trái hay chân phải [ở trên] đều được! Cách này gọi là Bán Tọa, hoặc Bán Già Tọa. Đây là nói theo lẽ thường. Chẳng thể Toàn Tọa thì Bán Tọa cũng được! Sau khi đã ngồi theo kiểu Bán Tọa lâu ngày đã quen, có thể dần dà luyện tập Toàn Tọa. Khi bắt đầu thì thời gian ngồi ngắn một chút; đã quen, ngồi lâu hơn cũng được. Bình thường phải luyện tập chuyện này dần dần! Nếu vừa khởi đầu, quý vị bèn quyết định ngồi rất lâu, thân thể và đùi cũng chịu không nổi! Phải luyện tập dần dần!

Trước hết, nói về cách ngồi là như thế đó. Có thể thấy là nếu quý vị dùng pháp môn quán tưởng, chẳng ngồi sẽ không được, thân thể chẳng tĩnh được, nhất định là phải ngồi an ổn ở một chỗ nào đó. Sau khi đã ngồi xuống, bất luận là quý vị ngồi Toàn Già cũng thế, mà ngồi Bán Già cũng thế, thân thể phải giữ sao cho ngay thẳng, đừng ngã về phía

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trước, cũng chẳng ngửa về phía sau, cũng chẳng thể có chỗ dựa lưng ở phía sau, [nếu không] sẽ bị tổn thương! Hãy rất tự nhiên giữ thẳng người. Sau khi đã ngồi ổn rồi thì sao? Nhắm mắt lại. Vì sao cần phải nhắm mắt? Vì quý vị đang tưởng. Nếu mở mắt ra, ánh sáng bên ngoài sẽ gây trở ngại cho cái tâm đang suy tưởng. Nhắm mắt lại để tưởng, quý vị càng dễ tập trung tâm niệm. Hơn nữa, miệng cũng ngậm lại, hơi thở ra vào nơi mũi cũng nhẹ nhàng hơn. Trong chú giải, tổ sư có nói: Những điều này đều là những điểm chánh yếu rất quan trọng. Những điều khác, chẳng hạn như phải điều tiết hơi thở như thế nào, xin các vị hãy tự xem chú giải của tổ sư, chẳng cần phải nói rất cặn kẽ!

Sau khi đã hiểu rõ cách ngồi, quý vị ngồi xuống, đương nhiên là ngoảnh mặt về phía Tây, hướng về phía Tây mà ngồi. Sau khi đã ngồi, lại còn chẳng thể quán ngay lập tức, mà phải có những chuẩn bị trước. Những sự chuẩn bị ấy được gọi là “*tán Tứ Đại*”. *Tán Tứ Đại* là gì? Thân thể của bọn chúng sanh phàm phu chúng ta do Tứ Đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong giả hợp. Chúng ta chấp trước thân thể do Tứ Đại giả hợp, tâm đặt nơi đó, nếu tưởng nơi khác cũng rất khó. Vì thế, nhất định là phải tán khai Tứ Đại trước. Tán như thế nào? Tổ sư dạy: Địa Đại nơi thân thể của chúng ta là gì? Chính là da dẻ, thịt, gân, xương v.v... nơi nhục thể, những thứ ấy đều là Địa Đại. Tâm chúng ta đem những thứ ấy nơi thân thể tán khai về hướng Tây. Một mực tán về Tây, đối với chỗ gần, tán chẳng hết, hãy một mực tán về phía trước. Một mực tán mãi cho đến khi chẳng còn mới thôi! Phương Tây rất xa, tận hết sức tán về phía trước, tán cho đến khi trống rỗng chẳng còn gì nữa. Đó là đã tán xong Địa Đại. Cũng giống như vậy, trong thân thể chúng ta có chất lỏng, đó là Thủy Đại. Thủy Đại là huyết dịch, mồ hôi, trong miệng có nước miếng v.v... Những thứ ấy đều là chất lỏng, tâm cũng tán những thứ ấy ra ngoài. Hướng về đâu để tán? Tán về phương Bắc, phương Bắc thuộc Thủy, [cho nên] tán về phương Bắc. Cũng có nghĩa là khởi đầu tán từ chỗ gần; tán chẳng hết, cứ một mực tán về trước. Một mực tán cho đến khi hết sạch mới thôi. Những thứ khác như Phong Đại, thân thể chúng ta có thể cử động, đi lại, đều là Phong; hô hấp chính là Phong. Phong tán như thế nào? Hướng về phương Đông để tán, một mực tán cho đến khi trống rỗng không mới thôi! Trong Địa, Thủy, Hỏa, Phong, còn có Hỏa Đại. Hỏa Đại là hơi ấm trong thân thể, phía Nam thuộc Hỏa. Hướng về phía Nam để tán, cũng là một mực tán, tán cho đến khi chẳng còn, hỏa khí hoàn toàn chẳng còn nữa. Tán hết mới thôi. Đó gọi là “*tán Tứ Đại*”. Tứ Đại đều đã tán xong, dường như là trống rỗng, chẳng có gì, hãy còn có quan niệm

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Không, tán khai [quan niệm Không] như thế nào? Dem Không dung hợp với toàn thể hư không trong bốn phương, cùng với bốn phương hư không hoàn toàn dung hợp thành một Thể. Như vậy thì toàn thể ý niệm Không của chính mình sẽ đều chẳng có; khi ấy, mới có thể khởi tâm quán tưởng. Cái tâm ấy mới là thuần túy, mới là thuần tưởng. Nếu Tứ Đại kể cả quan niệm Không chưa tán sạch hết, tưởng sẽ là tạp loạn tưởng, công phu chẳng vận dụng được. Vì thế, nhất định là phải sau khi đã tán xong hoàn toàn, tưởng mới có thể thuần nhất.

Chúng ta đã biết quán pháp, có tác dụng hay không? Hữu dụng! Khi trì danh niệm Phật, thiện tri thức thường nói: “*Buông xuống vạn duyên, thật thà niệm Phật*”. Buông xuống vạn duyên như thế nào? Chính cái thân thể của chúng ta là do Tứ Đại giả hợp, hãy buông thân thể xuống (buông xuống toàn thân), sau đấy dấy khởi Phật hiệu thì mới hữu dụng. Hễ dấy khởi bèn có thể đạt được cảm ứng.

Ở đây là nói về cách Quán: Có thể tán khai toàn bộ Tứ Đại và tướng Không; khi đó, quán mặt trời chỉ còn sót lại một cái tâm năng quán. Tâm năng quán chỉ có một, rất thuần túy. Khi ấy, vì bình thường chúng ta đều đã từng thấy mặt trời lặn, nay Tứ Đại đã tán khai, chẳng chấp trước những thứ ấy, tâm cũng chẳng nắm níu vào nơi đó. Lúc đó, tâm tưởng rất thuần, hễ dấy lên bèn tưởng mặt trời lặn, cảnh tượng mặt trời lặn có thể hiển hiện. Sự hiển hiện ấy là hiển hiện trong tâm, tuy nhắm mắt, nhưng cảnh tượng mặt trời có thể hiện ra trong tâm nhãn. Đó gọi là “*quán mặt trời*”.

Ở đây, chúng ta phải thấu hiểu một đạo lý, tức là sau khi đã tán Tứ Đại, nhắm mắt tưởng, mặt trời xuất hiện, đó là đạo lý gì vậy? Điều đó có nghĩa là: Mặt trời mà chúng ta thường thấy là một cảnh giới ở bên ngoài, trong tâm chúng ta hiển hiện mặt trời, tức là cái vốn có trong nội tâm của chúng ta, đó chính là như khi vừa mới bắt đầu, tôi đã nói là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, muốn gì bèn có nấy. Vì thế, người tu đạo hiểu rõ: Chỉ cần chẳng chấp trước giả pháp và các hiện tượng trong thế gian này, danh cũng thế, mà lợi cũng thế, hết thấy núi, sông, đại địa, chỉ cần chẳng chấp trước những thứ ấy, bảy báu trong bản tánh bèn hiển hiện. Thế giới Cực Lạc hiển hiện như thế đó! Tâm đã tĩnh, vừa tưởng, mặt trời bèn hiện ra. Khi nó xuất hiện, ta thấy [trong đồ biểu có ghi] “*chương tợng*” (tướng chương ngại), phải hiểu rõ [tướng mặt trời xuất hiện do quán tưởng ấy] có chương ngại, chương ngại gì vậy? Ngay trong lúc chúng ta nhắm mắt, vận dụng công phu quán tưởng, ánh sáng của mặt trời lộ ra, giống như một vàng mặt trời xuất hiện ở trong ấy.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Nếu thấy [mặt trời] rành rẽ, rõ ràng, chẳng có chút tỳ vết nào, đương nhiên là tốt đẹp. Nhưng Thiện Đạo đại sư bảo: Khi chính Ngài thật sự dụng công, vàng sáng vừa xuất hiện, có thể có mấy thứ chướng ngại. Những thứ chướng ngại ấy giống như mặt trời bị các tầng mây che khuất. Tầng mây che khuất mặt trời tức là mặt trời bị chướng ngại! Khi chúng ta tác quán, [cảnh tượng] mặt trời lặn vừa xuất hiện, trên vàng mặt trời lặn ấy, có thể có ba loại hiện tượng:

- Một loại là chướng ngại vật màu đen, che một nửa hoặc che một phần mặt trời.

- Hoặc là một loại chướng ngại vật màu vàng che khuất nó.

- Hoặc là một loại chướng ngại vật màu trắng che lấp nó.

Tổ sư bảo: Ngoài những thứ ấy ra, còn có những thứ khác (Ngài chỉ nói mấy thứ), những thứ ấy đều là “*chướng tướng*” (tướng chướng ngại). Nếu thấy có mặt trời, sau khi [cảnh tượng] mặt trời lặn đã xuất hiện trong tâm, ngay lập tức có mấy hiện tượng ấy che lấp một phần, hãy biết đó là chướng ngại của chính mình. Vì sao có các loại chướng ngại ấy? Bọn chúng sanh phàm phu chúng ta, ngoài những ác nghiệp đã trót tạo trong một đời này, từ vô thủy tới nay, trong đời đời kiếp kiếp, đã tạo rất nhiều nghiệp, đó đều là nghiệp chướng. Lúc đó, làm cách nào? Ngay lập tức “*sám hối*”. Khi ấy, phải thật sự sám hối. Nếu lúc ấy, chẳng sám hối diệt trừ, sẽ không thể vượt qua được cái ải tác quán ấy! Vì thế, nói đến chuyện Quán Tưởng Niệm Phật chẳng hề đơn giản đâu nhé! Tổ sư dạy: Hễ xuất hiện các vật chướng ngại như vậy, phải ngay lập tức sám hối. Phải đối trước Phật sám hối, một mực sám hối. Sau khi đã sám hối trừ diệt [những tướng chướng ngại] ấy, mới lại tiếp tục dụng công, lại quán mặt trời lặn.

Hễ có hiện tượng nghiệp chướng ấy, phải sám hối. Người căn khí tốt đẹp (người lợi căn), hễ sám hối bèn có thể diệt trừ ba loại hiện tượng ấy cùng một lúc. Người có trình độ kém hơn, chẳng thể hoàn toàn sám hối trừ hết ngay trong một lần được. Hoặc là trước hết trừ bỏ tướng đen, hoặc là sám trừ hai tướng, trừ khử dần dần. Nói tới “*trừ chướng*”, có tiệm trừ và đốn trừ, vì trình độ của mỗi người khác nhau. Những hiện tượng ấy phải do quán mặt trời thì chính mình mới có thể kiểm nghiệm được. Khi chẳng quán mặt trời, nghiệp chướng chẳng hiển lộ, chính mình sẽ chẳng biết. Do vậy, chúng ta căn cứ trên nguyên tắc này, [để suy ra]: Nếu trì danh niệm Phật chẳng được, hoặc là vẫn có thể niệm Phật, vốn là niệm từng câu cũng được lắm, nhưng niệm một hồi, phiền não dấy lên! Phải biết đó là nghiệp chướng dấy lên. Hễ nghiệp chướng dấy

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

lên, đương nhiên là phải sám hối! Phương pháp còn có thể dùng được, cho nên phải quán mặt trời!

Còn có một điều khác nữa cần phải chú ý. Tổ sư đại đức bảo chúng ta: Mặt trời do chúng ta quán trong hiện thời rất nhỏ! [Dạy chúng ta quán mặt trời] cũng bất quá là khiến cho chúng ta thấu hiểu có một ý nghĩa như thế mà thôi! Tây Phương thật sự chẳng cần đến mặt trời, Tây Phương là một bầu quang minh. Bất luận là chánh báo cũng thế, mà y báo cũng thế. Chánh báo là A Di Đà Phật, chẳng cần phải nói! A Di Đà Phật là vô lượng quang; những vị Đại Bồ Tát và chúng sanh trong thế giới Cực Lạc đều là toàn thân quang minh. Còn có y báo, cây cũng thế, hoa cũng thế, đất cũng thế, không chỗ nào chẳng phải là quang minh. Chúng ta có thể thấu hiểu, kinh nghiệm loại quang minh ấy ngay lập tức hay không? Chẳng hiểu được! Có thể nói là không có cách nào tưởng tượng được! Đã là không có cách nào tưởng tượng, chúng ta tưởng bằng cách nào? Trong phần kinh văn trước đó đã có nói: Do tâm lượng của chúng sanh phạm phụ hữu hạn, cho nên đức Phật dùng rất nhiều tỷ dụ. Ngài dùng mặt trời để dạy chúng ta quán mặt trời lặn, đó là tỷ dụ! Quang minh của mặt trời và quang minh từ chánh báo và y báo của Tây Phương có phần tương tự. Vì thế, khi chúng ta quán mặt trời, từ ánh sáng mặt trời có thể tưởng tượng “*y chánh quang minh*” (quang minh nơi y báo và chánh báo) trong Tây Phương.

Chiếu theo phương pháp như vậy để quán tưởng, quán thấy mặt trời xuất hiện. Vì thế, kinh văn chép: “*Ký kiến nhật dĩ*”, [nghĩa là] ngồi ở đó, đã thấy hình ảnh mặt trời, nhắm mắt, dụng tâm để tưởng, tưởng thấy mặt trời. Mặt trời ấy giống hệt như mặt trời bên ngoài, thậm chí còn lớn hơn, hình trạng giống như mặt cái trống treo trên đại điện, tròn xoe, to như vậy đó. Sau khi đã tưởng thấy, những thứ chướng ngại như đã nói trên đây đều chẳng có. Quý vị vốn nhắm mắt [mà tưởng mặt trời] xuất hiện, do dụng tâm tưởng ra. Tưởng đã thành công thì không chỉ là nhắm mắt thấy, mà mở banh mắt cũng trông thấy. Đó là quán thành công, quán mặt trời [thành công]. Điều này có nghĩa là: “*Bé mục, khai mục*”, [tức là] nhắm mắt cũng thế, mà mở banh mắt cũng thế, “*giai linh minh liễu*” (thấy đều rõ rệt), đều có thể thấy phân minh, rõ rệt, rành rẽ!

IV.2.2.2.3. Tham chấp tâm tướng

Sau khi đã quán thấy mặt trời, tổ sư dạy chúng ta phải chú ý (các vị xem biểu đồ), chớ nên tham chấp tâm tướng! Giả sử chúng ta quán

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thấy mặt trời, tâm sanh hoan hỷ, chấp trước mặt trời, thì lại chẳng được rồi! Do vậy, trong biểu đồ, ghi rõ “*tham chấp tâm tướng*”. Hễ tham chấp thì sao? Hễ tham chấp, “*tâm thủy động*” (nước tâm xao động). Sở dĩ chúng ta có thể tưởng thấy tướng mặt trời, là do trước đó đã vận dụng công phu nhiều ngàn ấy, tán khai Tứ Đại, rỗng không hết thủy căn, thân, cảnh giới, cái tướng “*tinh thuần là tướng*” xuất hiện. Vì sao bảo là “*cái tướng tinh thuần là tướng*”? Nói theo kiểu tỷ dụ, tâm tánh của chúng ta giống như nước. Nước tĩnh lặng, trong trạng thái tĩnh lặng tuyệt đối thì mới có thể chiếu soi. Hễ quý vị tham chấp, tâm thủy bèn chao động. Hễ chao động thì sao? “*Tịnh cảnh thất*”, tức là tướng mặt trời ngay lập tức ẩn mất, chẳng còn xuất hiện nữa. Khi cảnh giới đã mất, tiếp đó sẽ là gì? “*Động ám ngũ sắc*”, hoặc là ý niệm trong tâm lại dấy động, hoặc là hiện tượng tối tăm, mờ nhạt, màu sắc nâu, xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, các thứ màu đều xuất hiện. Đây là nghiệp chướng lại xuất hiện. Vì thế, nếu thấy tình hình ấy, ngay lập tức phải buông cái tâm tham chấp xuống. Khi có hiện tượng ấy xuất hiện, hãy ngay lập tức lặp lại từ đầu, vẫn là như trong phần trước đã nói, phải tán khai Tứ Đại, phải dấy khởi ý niệm thuần tướng, lại quán tướng trở lại. Đó gọi là “*hoàn tòng bổn tu*” (lại tu từ gốc).

Mọi người chúng ta học trì danh niệm Phật, có khi đang mãi miết niệm, [cảm thấy] thanh tịnh, vẫn tiếp tục niệm Phật hiệu, trong tâm bỗng động niệm: “*Đây là cảnh giới gì? Có lẽ [cảnh giới tâm thanh tịnh như thế này] là nhất tâm bất loạn đó chăng?*” Hễ vừa nghĩ như thế, tâm ngay lập tức bị loạn! Vì thế, trong khi chúng ta trì danh niệm Phật, đã thấu hiểu tầng ý nghĩa này, phải nên nhắc nhở chính mình cảnh giác: Bất luận chúng ta trì danh niệm Phật, trì thanh tịnh đến mức độ nào, chỉ quan tâm một mực trì mãi, một mực niệm mãi. Trong tâm chớ nên sanh tâm hoan hỷ, chớ nên hy vọng nhất tâm bất loạn, cũng chẳng cần nghĩ đó có phải là “*tịnh niệm tương kế*” hay không? Chớ nên xuất hiện những tâm ấy! Hễ những tâm niệm ấy vừa xuất hiện, Phật hiệu của chúng ta sẽ bị rối loạn rất nhanh. Đạo lý là như vậy đó!

Tiếp đó, “*thị vi nhật tướng, danh viết Sơ Quán*” (đây gọi là tướng mặt trời, là phép Quán thứ nhất). Trong phần trên, kể từ khi nói bắt đầu dụng công như thế nào, cho đến khi quán thành công, gọi là “*nhật tướng*”. Quý vị dùng phương pháp quán tướng để tưởng cho đến khi mặt trời xuất hiện, phép quán này gọi là “*Sơ Quán*”. Đây là phép Quán thứ nhất trong mười sáu phép Quán của Thập Lục Quán Kinh, cho nên gọi là

Sơ Quán. Hôm nay chúng tôi nói đến đây thì ngưng; lần sau sẽ nói về Thủy Tướng.

Tập 19

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin hãy mở kinh bản, trang thứ bảy, bắt đầu từ phần sau của dòng thứ ba. Trước hết, tôi đọc một đoạn kinh văn ngắn:

(Kinh) Thứ tác thủy tướng, kiến thủy trừng thanh, diệc linh minh liễu, vô phân tán ý. Kỳ kiến thủy dĩ, đương khởi băng tướng. Kiến băng ánh triệt, tác lưu ly tướng. Thủ tướng thành dĩ, kiến lưu ly địa, nội ngoại ánh triệt.

(經)次作水想。見水澄清，亦令明了，無分散意。既見水已，當起冰想。見冰映徹，作琉璃想。此想成已，見琉璃地，內外映徹。

(Kinh: Kế đó, hãy tưởng nước. Thấy nước trong lặng, cũng tưởng cho rõ ràng, ý chẳng phân tán. Đã thấy nước rồi, hãy nên tưởng là băng. Thấy băng trong suốt, hãy tưởng là lưu ly. Phép tưởng này đã thành, thấy đất lưu ly, trong ngoài trong suốt).

Đoạn kinh vừa mới niệm chính là phép Quán thứ hai trong mười sáu phép Quán, tức là quán tưởng nước. Trước đoạn này, phép Quán thứ nhất là quán mặt trời lặn. Trong lần trước, tôi đã nói xong, nhưng còn có hai ý nghĩa cần phải bổ sung đôi chút.

IV.2.2.2.4. Biện định chánh tà

Trong lời chú giải, tổ sư nhắc chúng ta phải hiểu rõ, khi chúng ta quán mặt trời lặn, phải từ trong tâm tưởng ra mặt trời (mặt trời sắp lặn). Nếu thấy mặt trời; đó là chánh xác. Nếu chẳng phải là mặt trời xuất hiện, chẳng phải là mặt trời lặn, mà xuất hiện hiện tượng khác. Đối với những hiện tượng khác ấy, hễ chẳng phải là mặt trời như chúng ta hy vọng quán thấy, bất cứ hiện tượng nào khác xuất hiện đều là chẳng chánh xác. Những thứ ấy thay đều là Tà Quán. Tà là bất chánh, tổ sư mong chúng ta phải hiểu rõ điều này! Nếu tâm ta và cảnh được quán chẳng tương ứng, hễ chẳng tương ứng thì sẽ là không chánh xác.

IV.2.2.2.5. ĐỪNG CHẬP LẤY CẢNH Ở NGOÀI TÂM

Còn có một điều nữa cần phải hiểu rõ. Chúng ta quán thấy mặt trời lặn, nhắm mắt cũng có thể trông thấy, mở mắt cũng có thể trông thấy. Đó là quán thành công. Phải biết: Mặt trời ấy chẳng ở bên ngoài, mà là do nội tâm của chính chúng ta hiển lộ. Vì sao? Nghiên cứu Duy Thức Học sẽ biết. Duy Thức Học nói “*vạn pháp duy thức*”: Vạn hữu trong vũ trụ, hết thấy các pháp đều từ trong Thức của chính chúng ta hiển hiện. Ví như chúng ta quán mặt trời lặn; trước hết, coi mặt trời như một đối tượng, nhờ vào đối tượng ấy để dẫn phát mặt trời vốn sẵn có trong nội tâm của chúng ta, dẫn phát ảnh tượng của cái tâm.

Nêu một tỷ dụ, ví như chụp hình trong nhiếp ảnh, bất luận chụp phong cảnh hay nhân vật. Chụp xong, ảnh được rửa ra, có giống núi, sông, nhân vật nơi đó hay không? Núi, sông, nhân vật trong ảnh chụp do đâu mà có? Do cuộn phim trong máy chụp hình hiển lộ. Hiểu rõ tỷ dụ này, chúng ta có thể biết đạo lý “*vạn pháp duy thức*”. Hiểu rõ đạo lý này, trong khi chúng ta dụng công, quán tưởng, đương nhiên là tâm phải rất tĩnh. Có công phu định lực thì mới có thể quán ra. Không chỉ là quán tưởng, mà trì danh niệm Phật, cũng như hết thấy các pháp môn khác đều phải “nhập định” thì mới có thành tựu! Có thể quán mặt trời thành công, chứng tỏ công phu định lực của người tu đã khá tốt đẹp. Có công phu định lực ấy, lấy trì danh niệm Phật để nói, nếu thật sự có định lực ấy, tới khi mạng chung, nhờ vào một câu Phật hiệu để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng có mấy may mắn gì! Vãng sanh là vãng sanh như thế nào? Chính là thức thứ tám của chúng ta vãng sanh, người bình phàm nói là “*linh hồn*” vãng sanh. Khi chúng ta có công phu định lực, lúc thọ mạng đã hết, chính thức thứ tám sẽ có thể làm chủ, [tâm thức] chẳng rong ruổi lung tung! Chẳng có công phu định lực ấy, thức thứ tám sẽ chẳng thể làm chủ. Đã chẳng có định lực, bèn có nghiệp lực. Từ những nghiệp thiện và ác do chúng ta đã gây tạo trong lúc thường ngày, sức mạnh của nghiệp sẽ dẫn dắt thức thứ tám, đàng sanh vào đường nào, sẽ sanh vào trong đường đó. Đây là hạng phàm phu tầm thường, chẳng có định lực. Người niệm Phật chúng ta có nguyện lực và định lực, khi ấy, sẽ bảo đảm là nhất định có thể vãng sanh. Đối với phép quán mặt trời đã nói trong buổi trước, cũng phải hiểu rõ điều này. Đã có công phu ấy, trong tương lai, nhất định là vãng sanh chẳng có vấn đề gì!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Mười sáu phép Quán ấy, tức là mười sáu phương pháp quán tưởng, mỗi phép Quán đều có một đối tượng, tức là cảnh giới để quán, dùng một thứ cảnh giới làm đối tượng để quán. Phép Quán thứ nhất là quán mặt trời, phép Quán thứ hai là thủy quán (quán tưởng nước), đều có thứ tự nhất định. Ví như trong phép Quán thứ nhất, tức quán mặt trời, mặt trời lặn ở phương Tây, thế giới Cực Lạc ở phía Tây. Đó là trước hết khiến cho chúng ta biết: Dùng công phu này là đã bao gồm nguyện lực của chính mình trong đó, phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, để tác quán, trước hết, phải định sẵn phương vị chắc chắn. Hơn nữa, mặt trời là một vàng quang minh, nhờ vào cảnh giới tương tự để quán, ngõ hầu người quán thấu hiểu Tây Phương Cực Lạc thế giới là một bầu đại quang minh, đại quang minh tạng, là một thế giới tràn ngập quang minh. Đó dụng ý của phép Quán thứ nhất, tức quán mặt trời.

IV.2.2.3. Phép Quán thứ hai, Thủy Quán

Thứ hai là quán nước, vì sao? Chúng ta biết: Nước phẳng lặng, chẳng có cao hay thấp. Chỉ cần nước lặng, nó sẽ bình ổn; dùng điều này để biểu hiện Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng giống thế giới này. Đối với thế giới này, quý vị ngẫm xem: Bất cứ nơi nào cũng đều có cao, thấp, có núi cao, sông ngòi, biển cả, cao thấp bất bình. Vì sao có cao thấp bất bình? Nói theo “*vạn pháp duy thức*”, là vì tâm của phàm phu bất bình đẳng. Vì sao tâm con người chẳng bình đẳng? Luôn cho là chính mình rất cao minh, người khác đều chẳng sánh bằng ta! Bất luận kẻ nào cũng đều có tâm lý ấy. Dầu là kẻ ăn mày có địa vị thấp nhất, giữa những kẻ ăn mày với nhau, vẫn có sự so sánh cao thấp, vẫn có phân biệt đại khát cái và tiểu khát cái! Vì thế, trong tâm lý của phàm phu luôn có cao thấp bất bình đẳng. Do tâm lý bất bình đẳng, phản ánh thành núi, sông, đại địa. Đối với những người nghiên cứu Duy Thức Học, họ biết núi, sông, và đại địa là Kiên Phần của thức thứ tám. Trên thực tế, chúng cũng là những giả tướng do tâm lý của chúng ta hiển lộ. Do tâm địa bất đồng, bất bình đẳng, cho nên mới hiển hiện thế giới bất bình đẳng, nhưng thế giới Cực Lạc chẳng giống [thế giới này của] chúng ta. Tâm của chúng sanh trong cõi ấy đều bình đẳng. Vì vậy, thế giới Cực Lạc chẳng có núi cao, biển cả. Đây là vì trong thế giới Cực Lạc, từ đức Phật cho đến các vị Đại Bồ Tát, tất cả mọi người đều nhất loạt bình đẳng. Vì tâm lý đều là bình đẳng, ai nấy đều tôn trọng lẫn nhau, trọn chẳng giống như trong thế

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giới này: “Người coi thường ta, ta khinh rẻ người!” Trọn chẳng phải là như vậy. Dùng nước để biểu thị sự bình đẳng trong thế giới Cực Lạc. Quý vị quán nước, nước hết sức bình đẳng. Ngoài ra, nước có màu như lưu ly. Trọn khắp đại địa trong thế giới Cực Lạc đều có màu như lưu ly. Nói “*màu như lưu ly*”, chúng ta cũng chẳng hiểu rõ, cho nên dùng nước để biểu thị, dùng nước làm tỷ dụ để chúng ta thấu hiểu. Vì thế, phép Quán thứ hai là Thủy Tướng. Dụng ý của Thủy Tướng là sau đó, nước sẽ biến thành băng, từ băng biến thành đất lưu ly, do tuân theo thứ tự này!

Trong kinh văn có nói “*thứ tác thủy tướng*” (kế đó là tướng nước), chữ Thứ (次) ở đây có nghĩa là nói tiếp theo pháp Quán mặt trời trong phần trước. Phép Quán mặt trời là phép Quán thứ nhất, phép này là phép Quán thứ hai. “*Thứ*” là tiếp theo. Đã quán mặt trời thành công, tiếp theo là Thủy Tướng. Vì sao gọi Thủy Quán là Thủy Tướng (水想)? Mười sáu phép Quán dùng gì để quán? Dùng cái tâm năng quán của chúng ta (cũng là cái tâm có thể tướng), đều là dùng tâm tướng của chính mình để “*tướng tướng*” (tướng ra hình tướng). Trong các pháp môn thông thường, chẳng chấp nhận “*tướng tướng*”. Nói “*tướng tướng*” thì Tướng chính là một đối tượng do tâm tướng ra, dùng đối tượng ấy để dẫn khởi một pháp trong tự tánh của chúng ta. Đây là một cách đặc biệt trong việc tu học của Tịnh Độ Tông. Các tông phái khác như Thiền Tông, Duy Thức Tông, hoặc Thiên Thai Tông v.v... tác quán là tác quán, không chỉ là chẳng thể tướng tướng, mà còn phải quét sạch tướng. Quét sạch tất cả các tướng, chẳng thể an lập bất cứ tướng nào! Nhưng pháp môn Niệm Phật trong Tịnh Độ Tông cố nhiên là “*có tướng*”, phải trì danh; pháp môn Quán Tướng là “*tướng tướng*”. Cảnh giới của mỗi phép Quán trong mười sáu phép Quán đều là dùng một cảnh giới làm đối tượng để tướng. Cách tướng ấy chính là cái tâm năng tướng nương vào một đối tượng để tướng ra một cảnh giới trong tâm. Trong câu này, Thủy Quán sở dĩ gọi là “*thủy tướng*” cũng là vì hàm nghĩa dùng cái tâm của chúng ta để tướng nước.

Sau từ ngữ “*thủy tướng*” là ba câu: “*Kiến thủy trừng thanh, diệc linh minh liễu, vô phân tán ý*” (Thấy nước trong lặng, cũng tướng cho rõ ràng, ý chẳng phân tán). Khi chúng ta tướng nước (thủy quán), thấy nước, dùng nước bên ngoài để dẫn khởi nước trong nội tâm của chúng ta. Thấy nước rất trong lặng, khiến cho nước trong tâm tướng của chính mình được tướng rất rành rẽ, nên bảo là “*minh liễu*” (明了). “*Vô phân tán ý*” là chúng ta chuyên tâm nhất trí để tướng, ý niệm đừng nên phân

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tán. Khi ý niệm chẳng phân tán, chuyên tâm tưởng, nước bèn xuất hiện, đã quán nước thành công. Vì sao suy tưởng thấy nước là tướng đã thành công? Tổ sư đã chú giải khiến cho chúng ta thấu hiểu: Trong bản tánh của chúng ta có đủ mọi thứ. Sau khi đã hiểu rõ đạo lý này, người học Phật chúng ta chẳng giống phàm phu trong thế gian! Phàm phu trong thế gian chẳng nhận biết những gì chính mình thật sự có, tự mình mê muội, chẳng hiểu rõ, cứ truy cầu những thứ giả trá bên ngoài! Bên ngoài có những thứ gì? Như tiền tài, địa vị (bao gồm địa vị chánh trị) v.v..., hết thấy các vật ngoài thân, đều là giả tướng do nhân duyên hòa hợp. Hễ nhân duyên chia rẽ, giả tướng thấy đều chẳng tồn tại. Phàm phu bình phàm chẳng hiểu rõ những thứ ấy là giả, vẫn tận lực tranh thủ từ bên ngoài, tranh đoạt cùng kẻ khác, thậm chí hy sinh mạng sống của chính mình chẳng tiếc nuối hòng tranh đoạt những thứ đó, oan uổng quá, đáng xót quá! Thấu hiểu Phật pháp, ắt sẽ chẳng cầu những thứ ấy, mà hướng vào trong nội tâm của chính mình để cầu. Nội tâm thứ gì cũng đều có. Chỉ cần hiểu rõ đạo lý ấy, noi theo đạo lý ấy để cầu, sẽ tướng gì bèn có vậy! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rành mạch [đạo lý ấy]. Sau khi đã hiểu rõ, lại nhìn vào mười sáu phép Quán, đối với bất luận phép Quán nào, chúng ta đều biết rõ nguyên tắc trọng yếu.

Kinh Lăng Nghiêm đã nói: Thế gian có đất, nước, gió, lửa. Đất là chất rắn. Cỏ cây, núi, sông đại địa đều là các thứ đại diện cho Địa. Thủy là nước trong đại dương và sông ngòi. Hỏa: Vật chất bốc cháy là Hỏa. Phong là không khí lưu động. Còn có hư không cũng là một loại. Đó là nói theo cảnh giới tự nhiên. Nói theo thân thể chúng sanh chúng ta, có năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Ngoài năm căn ra, còn có hiện tượng tâm lý, tức là Thức, chia thành tám thức. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Căn, Thức là Thất Đại. Vì sao bảy thứ ấy được gọi là Thất Đại? Đối với bảy thứ ấy, chẳng cần bàn tới Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, [vì] Không là vô lượng vô biên. Chúng ta biết Không (Không Đại là hư không) chẳng có ngăn mé, Địa, Thủy, Hỏa cũng là chẳng có ngăn mé. Căn thân và chủng tử từ các căn v.v... của chúng ta đều là trọn khắp pháp giới, không chỗ nào chẳng có Thất Đại. Nói cách khác, bảy loại ấy (bao gồm vật chất lẫn tinh thần) đều trọn khắp toàn thể pháp giới, nhưng toàn thể pháp giới lại ở chỗ nào? Toàn thể pháp giới ở ngay trong tâm chúng sanh, gọi là Nhất Chân pháp giới. Kẻ mê hoặc, điên đảo chẳng có cách nào vận dụng Thất Đại của chính mình. Thất Đại đều là những thứ ở trong tự tâm của chúng ta, cũng là những thứ mà bản thân chúng ta vốn sẵn có. Chúng sanh phàm phu mê hoặc, điên đảo, chẳng thể vận

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

dụng, nhưng người hiểu Phật pháp thì biết. Những thứ ấy đều ở trong tự tâm của chúng ta. Sau khi chúng ta đã giác ngộ, muốn ứng dụng như thế nào bèn ứng dụng như thế ấy! Văn học gia Tô Đông Pha đời Tống cũng học Phật, đã nói: “*Có một thứ ở giữa trời đất, lấy chẳng hết, dùng chẳng cạn kiệt*”. Quý vị lấy thế nào cũng chẳng hết, dùng thế nào cũng chẳng dùng cạn. Đó là do dựa theo Phật học để nói. Chúng ta hiểu rõ trong tâm của chính mình, hết thấy đều hoàn toàn hoàn mãn, trọn đủ, luôn luôn là “muốn ứng dụng như thế nào, bèn ứng dụng như thế ấy”. Do vậy, khi đã hiểu rõ nguyên tắc này, [sẽ biết] Thất Đại đã vốn sẵn có trong tâm chúng ta, khi chúng ta tưởng nước, chỉ cần chiếu theo phương pháp do Thích Ca Mâu Ni đã dạy để làm, vừa tưởng, bèn tưởng thấy nước. Đây chẳng phải là chuyện rất phù hợp khoa học ư?

IV.2.2.3.1. Cách quán nước

Câu “*kiến thủy trừng thanh*” (thấy nước trong lặng) dạy chúng ta một phương pháp để quán nước. Quý vị hãy xem biểu đồ được phát ra trong ngày hôm nay. Phần đầu là đề mục: “*Nhị, thủy quán*” (Phép quán thứ hai, quán nước). Phần tiếp đó là phương pháp để quán nước, “*kiến thủy trừng thanh*”. “*Trừng thanh*” (澄清) là nước vô cùng thanh khiết, chẳng có chút cát đá hoặc thứ gì [xen lẫn]! Loại nước ấy chúng ta cũng thường đã từng thấy. Trong thiên nhiên, chỗ có núi và nước tốt lành, hoặc ở nơi văn cảnh, khi đến đó du ngoạn, sẽ thấy nước hết sức tốt lành. Chúng tôi đã từng thấy có những chỗ nước tạo ra ấn tượng ấy. Hiện thời, ở trong nhà dựng công tác quán, hoàn toàn chẳng ra ngoài đồng hoang, đến bên bờ đại hồ, hoặc biển cả. Phép quán nước có ba đặc điểm quan trọng:

1) Điểm quan trọng thứ nhất là “*thủ tướng*” (取相, giữ lấy tướng). Trước hết, hiểu rõ cách tĩnh tọa, giống hệt như cách thực hiện trong phần quán mặt trời thuộc phần trước. Tiếp đó, lấy một cái chén lớn, đựng đầy nước trong, đặt trên mặt đất trong căn phòng yên tĩnh (khi tĩnh tọa, ở trong một căn nhà rất an tĩnh), theo đúng phương pháp để tĩnh tọa. Trên mặt, ở chính giữa hai lông mày, dính một cái chấm trắng to chừng bằng hạt đậu lên đó, ngồi trên giường (tọa cụ (坐具) cũng gọi là “*sàng*” (床, giường), tức là “*tọa điểm*” (座墊, đệm ngồi)), soi mặt mình vào trong cái bát đựng đầy nước ấy, mắt chỉ nhìn vào cái chấm trắng giữa hai mày. Đây là một phương pháp “*thủ tướng*”. Phương pháp này nhằm khiến

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cho người tác quán đối trước nước nhìn rất rõ ràng, rành mạch, “*diệc linh minh liễu, vô phân tán ý*” (cũng tưởng cho rõ ràng, ý chẳng phân tán), khiến cho cái tâm tập trung, chuyên chú ý niệm nơi chấm trắng.

2) Điểm quan trọng thứ hai [được nêu] trong biểu đồ: Quý vị đã ngồi như vậy, nước trong chén cũng đã sắp đặt ôn hòa, soi mặt vào nước để xem (chén nước vừa mới đặt xuống đó). Mặt khác, nhờ vào nước trong chén để “*quán tướng*” hòng phóng đại chén nước, tưởng tượng nó là hồ đầm hay ao nước lớn.

Dựa trên kinh nghiệm thông thường do nhìn thấy nước ở bên ngoài, nước trong hồ luôn có gió thổi, khiến cho nước xao động, gợn sóng. Khi bắt đầu quán tướng, trên mặt nước còn có sóng nhẹ nhẹ. Thong thả nhờ vào nước trong chén (chén đặt ở đó trong trạng thái bất động, nước cũng yên tĩnh), lại tưởng tượng nó giống nước trong cái hồ to ở bên ngoài, cũng dần dần ngưng lặng, chấm trắng giữa hai mày cũng hiển hiện. Phải biết: Hồ ở bên ngoài đã to ngàn ấy, ao nước to ngàn ấy, đương nhiên là khuôn mặt do chúng ta hiển hiện cũng biến thành to lớn. Nhưng diện mạo được hiển hiện, không chỉ là chấm trắng giữa hai mày. Chúng ta dùng gương hoặc dùng nước để soi, [sẽ thấy] trên mặt có mắt, tai, mũi, miệng v.v... Những thứ ấy chẳng cần phải quán, chớ nên phân duyên, hãy nhất tâm nhất ý chỉ nhìn vào chấm trắng giữa hai mày. Đây là dạy chúng ta một phương pháp quán tướng. Chỉ nắm lấy điểm ấy để quán tướng, nghĩ một chén nước là rất lớn, quán tướng tất cả những con sóng đều bình lặng. Đối trước nước bình lặng, chỉ nhìn vào chấm trắng giữa hai mày. Đó là rèn luyện, tức là huấn luyện công năng nhập định cho chính mình.

3) Khi quán, nếu chính mình cảm thấy đã quán rành rẽ, chấm trắng giữa hai mày cũng thấy rõ ràng, rành rẽ, có thể nghĩ chính mình quán tốt đẹp, nhưng đừng nghĩ tự mình đã quán thành công, vẫn phải kiểm tra, thí nghiệm. Do vậy, điều trọng yếu thứ ba trong biểu đồ là “*nghiệm cảnh*” (驗境), tức là phải thí nghiệm xem cảnh giới do chính mình quán đã đạt tới mức độ nào? Phải thí nghiệm như thế nào? Trong khi chúng ta quán, lúc bắt đầu quán, gần như là nước đã tĩnh lặng, ý niệm của chính mình cũng tập trung vào đó, quán cũng bất động. Khi thấy chấm trắng rõ ràng, rành rẽ, có thể cầm một hạt gạo (hạt gạo rất nhỏ) ném vào trong chén nước. Tuy hạt gạo rất nhỏ, hễ hạt gạo rơi xuống, chén nước vẫn gợn sóng một tí, [nếu như] nước trong tâm cũng cuộn sóng, chúng tỏ công phu vẫn chưa được. Nước vẫn lay động! Ném gạo

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

xong lại luyện, [luyện tới khi] ném gạo vào [chén nước, nước trong tâm vẫn] bất động. Lại đổi sang ném thứ to hơn gạo một chút, như hạt đậu (hạt đậu to gấp đôi, gấp ba hạt gạo). Ném hạt đậu vào, nước lại xao động, lại tập luyện cho đến khi ném hạt đậu vào, nước chẳng động. Lại dùng thứ lớn hơn nữa, như hồng táo, hắc táo³² v.v... [những thứ ấy] đều lớn hơn hạt đậu, ném vào, đương nhiên là nước lại xao động, lại gọn sóng. Huấn luyện đến cuối cùng, bất luận ném thứ gì vào đó (ném vào trong chén), bất luận nước như thế nào, nước trong tâm của quý vị vẫn chẳng có động tĩnh. Sau khi đã ném, [nước trong tâm] bất động, chứng tỏ công phu định lực, tức định lực quán nước đã khá lắm!

Vì sao phải thí nghiệm như vậy? Ném những thứ như hạt gạo, hạt đậu v.v... là để thí nghiệm cái tâm năng tưởng (tâm quán tưởng) của người dụng công nhập quán có còn phan duyên ngũ trần bên ngoài hay không? Chỉ cần nước bị dao động, chứng tỏ cái tâm năng tưởng vẫn rong ruổi lung tung. Khi vẫn chưa đạt tới định thì vẫn còn phan duyên ngũ dục lục trần khắp nơi! Phải mãi cho đến khi đạt tới bất động, mới chứng tỏ “tâm đã ngưng lặng”. Quán là Chỉ Quán, cái tâm khi ấy mới có thể ngưng lại, mới có thể đắc Định. Nói tới đây, chúng ta mới hiểu rõ: Trong Lục Tổ Đàn Kinh có chép, Lục Tổ đến một đạo tràng, là nơi giảng kinh, gặp hai người đang biện luận. Gió thổi lá phan ngoài cửa lay động, một người bảo là do gió thổi nên phan mới động; người kia bảo “bản thân lá phan đang động”. Lục Tổ bảo: “*Chẳng phải là gió động, mà cũng chẳng phải là phan động, mà là do cái tâm của chính nhân giả đang động*”. Thông thường, chúng ta chẳng hiểu rõ. Do học lý giải thích như thế,

³² Hồng táo (còn gọi là đại táo, tên tiếng Anh là Jujube), ta thường gọi là táo Tàu, trái nhỏ bằng đầu ngón tay, to nhất là bằng ngón chân cái, có hạt to cứng ở giữa, hình bầu dục. Khi chưa chín, thường có màu xanh nhạt, hoặc vàng nhạt. Khi chín, sẽ chuyển sang màu đỏ sậm hoặc nâu đỏ. Có thể dùng để ăn sống, hoặc phơi khô, tẩm đường làm mứt v.v... Đông Y thường dùng Hồng Táo để làm thuốc bổ vì họ tin là có tác dụng bổ khí, an thần, đặc biệt là dùng trong các bài thuốc chữa chứng tỳ vị hư thoát. Ngay cả cái nhân trong hạt táo cũng được dùng làm thuốc với danh xưng Táo Nhân.

Hắc táo (còn gọi là Đậu Thị, Nhuyễn Táo, Quân Thiên Tử, tên khoa học là Diospyros Lotus), là một loại trái thuộc họ Mận, trái có hình cầu, to cỡ chừng một hoặc hai mi li mét. Trái non màu vàng úa, lúc chín, ngả sang màu đen, bề ngoài có lớp phấn trắng như sáp. Quả chín vào tháng Mười hoặc tháng Mười Một. Loại cây này mọc nhiều tại Thiểm Tây, Hà Nam, Sơn Đông, Chiết Giang, Hồ Bắc, Giang Tây, Tứ Xuyên, Vân Nam... Trái chín thường đem phơi khô. Đông y dùng hắc táo để tiêu khát, trị phiền nhiệt, chữa bệnh phổi v.v...

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng ta mới biết được: Kẻ chẳng dụng công, trong tâm chẳng có thời khắc nào chẳng động. Tâm một mực động mà quý vị mong thế giới chẳng loạn, chẳng động, có được hay chẳng? Muốn thế giới chẳng loạn, chẳng động, nhất định là phải định cái tâm trước đã, phải là bất động trước đã! Chỉ cần chúng ta học Phật bèn có thể nhập Định. Tâm đã định, cảnh giới bèn xuất hiện, chẳng phải là cảnh giới chúng ta đang thấy như trong hiện thời. Trong lời chú giải kinh Hoa Nghiêm, [tổ sư] đã nêu thí dụ: “*Giang hà cạnh chú nhi bất lưu*” (Hoàng Hà và Trường Giang đua nhau tuôn rót, nhưng chẳng chảy xuôi), “*giang hà*” chỉ Trường Giang và Hoàng Hà, “*cạnh*” (競) là giống như đua tài vậy, “*chú*” (注) là chảy xuôi. Trong cái nhìn của phàm phu, nước Trường Giang và Hoàng Hà chảy mau đường ấy, luôn trong trạng thái chuyển động. Nhưng khi nhập định, người đang nhập Định thấy những con sông ấy chẳng lưu động, luôn ở trong trạng thái tuyệt đối tĩnh lặng. Còn có một câu nữa là nói đến gió. Chúng ta thấy gió cũng là động, nhưng khi nhập định bèn thấy gió lặng yên!

Đời Minh, Hám Sơn đại sư vì chứng minh cảnh giới này mà nhập Định (cổ nhân xem sách chẳng giống như người hiện thời, [người hiện thời] hễ đọc hiểu văn tự là được rồi. Cổ nhân nếu chẳng thể chứng minh cảnh giới trong sách, [sẽ không coi là đã hiểu sách], phải đích thân thể nghiệm trạng huống thực tại thì mới tính là đọc thông suốt). Ngài cảm thấy câu nói ấy khó hiểu, bèn nhập Định, đạt được công phu định lực. Lũ bình phàm chúng ta thấy gió thổi lá bay, lá bay là từ trên cao chấp chới rơi xuống, Ngài thấy chiếc lá lặng yên bất động! Bản thân Ngài đến nhà vệ sinh tiểu tiện, tiểu tiện là chảy xuống, nhưng Ngài chẳng thấy có hiện tượng lưu động. Như thế thì Ngài mới thật sự hiểu rõ cảnh giới được nói trong kinh. Vì thế, chỉ cần tâm và cảnh của bọn chúng sanh chúng ta xoay chuyển, hãy thâm hồi cái tâm thường xuyên rối loạn nháo nhào lại, nhập định cảnh, cảnh giới sẽ lập tức chuyển theo. Tâm và cảnh vừa chuyển biến, hoàn cảnh thiên nhiên bên ngoài cũng chuyển biến theo, hoàn toàn chẳng giống với thế giới chúng ta đang thấy trong hiện tại. Từ điểm này, có thể thấy quán nước, quán mặt trời, thật sự có thể dựa theo những phương pháp này để tập trung tâm niệm; khi đã đắc công phu định lực, cảnh giới sẽ lập tức hiển hiện.

Chúng ta hiểu rõ điều này, sẽ có tác dụng gì? Chúng ta chẳng cần tu mười sáu phép Quán, cũng chẳng cần phải quán mặt trời, cũng chẳng cần quán nước, nhưng [hiểu rõ Quán Kinh], sẽ có lợi cho chúng ta. Khi

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thầy chúng ta còn tại thế, vừa khởi đầu, Ngài bèn dạy chúng ta học trì danh niệm Phật, nhưng lão nhân gia giảng kinh cũng hoàn toàn chẳng phải là chỉ giảng một bộ Tiểu Bồn A Di Đà Kinh! Cả ba kinh đều giảng. Không chỉ là ba kinh đều giảng, mà còn là những loại kinh khác đều giảng. Ví như kinh Kim Cang, kinh Duy Ma, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, Đại Thừa Khởi Tín Luận, những bộ đại kinh, đại luận ấy thầy đều đã giảng. Bất luận giảng một bộ kinh nào, đều nhằm giúp chúng ta trì danh niệm Phật. Điều này chính là chỗ đặc biệt trong việc giảng kinh của đạo tràng Đài Trung. Ví như chúng tôi vừa mới nhắc đến thủy tượng, điều quan trọng trong khi tu thủy tượng là “*diệt linh minh liễu, vô phân tán ý*” (cũng tương cho rõ ràng, ý chẳng phân tán), tức là an định tâm ý, tức ý thức được an định. Chuyện tệ nhất là làm thế nào, ý thức (thức thứ sáu) của bọn chúng sanh phàm phu chúng ta cũng chẳng thể an định được! Trong khi chúng ta trì danh niệm Phật, niệm một hồi, ý niệm chạy lung tung, thức thứ sáu chạy khắp nơi, chẳng đến chỗ này, bèn tạt qua chỗ kia. Kiểu nào cũng chẳng thể tĩnh lặng được!

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, khi trì danh niệm Phật, giữ lấy một câu Phật hiệu, ngay lập tức là Chỉ Quán. “*Chỉ*” (止) là ngưng dứt hết thảy vọng niệm, giống như quán nước: Hết thảy những thứ khác đều chẳng giữ lấy, hết thảy vọng niệm đều ngưng dứt, tập trung tâm lực để quán cái chấm trắng giữa hai mày. Cũng vậy, chúng ta trì danh niệm Phật, ngưng dứt hết thảy vọng niệm, niệm mãi từng câu Phật hiệu sao cho rành rẽ, phân minh. Đó là Quán, nguyên tắc giống như nhau. Chúng ta hiểu phương pháp nhiều ngàn ấy là để tham khảo, không gì chẳng nhằm giúp chúng ta niệm câu Phật hiệu tốt đẹp. Chẳng hiểu rõ đạo lý này, thường là khi niệm Phật, niệm tới, niệm lui, ý niệm lạc đầu mất, mong đặc nhất tâm bất loạn hết sức khó khăn! Nhưng quý vị hiểu phương pháp và nguyên lý này, tập trung tâm niệm để niệm Phật. Niệm tới, niệm lui, khi đã có định lực, sẽ có thể cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Chẳng hiểu rõ đạo lý này, sẽ rất khó khăn!

Đối với mấy câu trên đây: “*Kiến thủy trìng thanh, diệt linh minh liễu, vô phân tán ý*”, quán nước thành công, trong tâm tưởng nước, nước đã xuất hiện; sau khi đã tưởng được, sẽ dễ dàng. “*Ký kiến thủy dĩ, đương khởi băng tượng*” [nghĩa là] đã trông thấy nước, đã tưởng được nước, hãy tiến thêm bước nữa, tưởng nước ngưng đọng thành băng (băng là từ nước ngưng đọng thành). Có thể quán tưởng nước thành băng hay chẳng? Đương nhiên là có thể. Nếu chẳng thế, đức Phật còn nói như vậy hay sao?

Vấn đề là điều kiện tiên quyết “phải tưởng cho ra nước đã”. Sau khi đã có thể tưởng nước, chứng minh Thất Đại (đất, nước, lửa, gió, không, căn, thức) trong tâm chúng ta đều có. Tưởng ra nước, chuyển nước thành băng, quý vị thích chuyển biến thế nào, sẽ chuyển biến như thế ấy! Nhất định là có thể chuyển biến, đại tiền đề là chúng ta có thể nhập định hay không. Có thể nhập định thì tâm niệm hoàn toàn tập trung, có thể phát triển sức mạnh kinh người! Có thể thuận theo ý nghĩ của quý vị, tưởng gì sẽ biến nấy. Do vậy, quý vị có thể biến ra nước, chứng tỏ định lực của quý vị đã có thành tựu. Lại dùng định lực để tưởng nước đóng thành băng, nhất định là sẽ có thể làm được!

“*Kiến băng ánh triệt, tác lưu ly tưởng*” (Thấy băng trong suốt, tưởng là lưu ly): Biến nước thành băng, băng là chất rắn, kiên cố. Thấy băng là một khối trong suốt, “*ánh triệt*” (映徹) là trong suốt. Thấy là một khối băng rành rành, từ mặt này có thể nhìn xuyên sang mặt kia. Khi ấy, có thể tưởng nó là lưu ly. Lưu ly (Vaidūrya, phệ lưu ly, tỳ lưu ly) ở Trung Hoa rất ít, ở Ấn Độ thì có. Vào thời cổ, các vị đại sư nói, nếu muốn tưởng tượng lưu ly, hãy nhìn lên bầu trời khi rất trong trẻo, chẳng có mây phủ (mây che thành tầng), cả bầu trời quang đãng, có màu xanh dương. Nếu màu xanh dương đậm hơn một chút nữa [so với màu trời khi ấy] sẽ giống như màu lưu ly. Từ hiện tượng băng trong suốt, tưởng tượng thành một khối lưu ly. Quán tưởng kiểu ấy, nói cách khác, từ băng lại quán thành một khối lưu ly, [tức là] tưởng lưu ly. “*Thử tưởng thành dĩ*” (Tưởng điều này thành công), từ băng tưởng thành lưu ly thì phép Quán ấy thành công! “*Kiến lưu ly địa*” nghĩa là cái được thấy chính là một cõi đại địa bằng lưu ly. “*Nội ngoại ánh triệt*” (Trong ngoài thấu suốt), nói “*ánh triệt*” chính là một vầng quang minh thanh tịnh. “*Lưu ly địa*” là sánh ví Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Tây Phương Cực Lạc thế giới là một bầu thanh tịnh quang minh. Vì chúng ta chẳng hiểu, cho nên trong phần trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng bảo phụ nhân Vi Đề Hy: Nếu mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trước hết là phải hiểu rõ hoàn cảnh. Hiểu rõ như thế nào? Tâm lượng của phàm phu quá hẹp nhỏ, cho nên trước hết phải lập đủ mọi thí dụ, dùng những thứ tương tự trong thế gian này khiến cho chúng ta hiểu rõ trước đã. Ví như từ một chén nước mà thấy nước trong một cái hồ to nhiều như thế đó. Lại từ nước trong một cái hồ lớn mà tưởng thành một khối băng. Lại từ băng tưởng thành một cuộc đất lưu ly. Lại từ cuộc đất lưu ly ấy, tưởng toàn thể thế giới Cực Lạc là một cuộc

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đất lưu ly, trong ngoài đều là một vàng đại địa quang minh thanh tịnh. Nhờ vào sự tưởng tượng để trước hết hiểu rõ hoàn cảnh mà ta muốn đến. Nếu không, đối với chỗ ta muốn đến, sẽ cảm thấy xa lạ, tới đó bằng cách nào? Trong tâm chẳng chuẩn bị sẵn, đột nhiên đến nơi đó ngay lập tức, sẽ chẳng thể thích ứng được. Vì thế, tâm lý phải có chuẩn bị trước, trước hết là phải mở rộng tâm lượng của chính mình.

Chúng ta ở trong thế giới Sa Bà, những gì trông thấy đều là vụn vặt, ngay cả bản thân cũng nhỏ nhoi, thấy đại địa cũng nhỏ, thấy được một mảnh đất cũng nhỏ khôn cùng. Mọi người vẫn ở trong ấy tranh đoạt chẳng ngớt, “các ngươi tranh, ta cũng tranh!” Tranh đến nổi vỡ đầu chảy máu, vẫn chẳng buông bỏ. Thật ra, nếu chúng ta so sánh với thế giới Cực Lạc, đem toàn thể đại địa đặt trong ao bảy báu, đặt trong cánh hoa sen, bất quá to bằng một cái bọt nước bé tí mà thôi! Bé đến đáng thương! Nhưng tâm lượng của chúng sanh phàm phu bé tí như thế, đức Phật dạy chúng ta hãy phóng to cái tâm lượng bé nhỏ, tận hết sức phóng to. Phóng to chính là Quán. Sau khi đã phóng to, tâm lý có thể thích ứng, cũng có công phu định lực, có nguyện lực. Trong tương lai, đến khi mạng chung, còn tuyệt đối có thể nắm chắc vãng sanh. Nếu chẳng như vậy, có cách nào để có thể vãng sanh cho được? A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, chúng ta vẫn chẳng nở ra đi! Ở đây, chúng ta còn có khá nhiều vàng, bạc, của cải, còn có quyền lực, dục vọng, chẳng thể vứt bỏ được, không buông xuống được. Chẳng thể buông xuống, sẽ chẳng thể vãng sanh, trách được ai cơ chứ? Hãy tự trách mình chẳng hề chuyển biến tâm lý phàm phu. Khi thọ mạng đã hết, chẳng vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ vào trong tam đồ. Ở trong thế giới này, mọi người chẳng mong sanh vào tam đồ, mong sanh vào thiên đường ư? Chẳng có chuyện đó đâu nhé! Cậy vào cái tâm của con người trong hiện thời mà có thể đến thiên đường ư? Đến nhân gian cũng rất khó khăn! Chỉ có nước vào trong tam đồ!

Chúng ta ắt phải hiểu rõ kinh văn, nhất định phải mở rộng tâm lượng. Lúc thường nhật, chớ nên suy tưởng giống như kẻ bình phàm. Họ tưởng như thế nào, cứ mặc họ tưởng như thế ấy, chúng ta chẳng cần phải có cách nghĩ giống hệt như họ. Phật pháp nói chuyện này là “trong cộng nghiệp bèn có bất cộng nghiệp”. Đối với cộng nghiệp, trong tương lai họ tạo thế giới [bại hoại] đến mức độ nào, biến toàn thể nhân gian thành tam đồ, chúng ta chẳng bị cộng nghiệp ảnh hưởng, chẳng bị liên lụy bởi nó, chúng ta có biệt nghiệp riêng, chúng ta phải nắm chắc vãng sanh. Phần kế tiếp sẽ nói về trạng huống thực tế, sự an lập của thế giới Cực Lạc v.v... Lần sau, chúng tôi sẽ nói.

Tập 20

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn, trang thứ bảy, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ phần sau của câu cuối cùng. Trước hết, tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Hạ hữu kim cang thất bảo kim tràng, kinh lưu ly địa. Kỳ tràng bát phương, bát lăng cụ túc, nhất nhất phương diện, bách bảo sở thành, nhất nhất bảo châu, hữu thiên quang minh. Nhất nhất quang minh, bát vạn tứ thiên sắc, ánh lưu ly địa, như ức thiên nhật, bất khả cụ kiến.

(經)下有金剛七寶金幢，擊琉璃地。其幢八方，八楞具足。一一方面，百寶所成。一一寶珠，有千光明。一一光明，八萬四千色，映琉璃地。如億千日，不可具見。

(Kinh: Phía dưới có tràng vàng bảy báu kim cang, nâng đỡ đất lưu ly. Tràng ấy có tám mặt, tám cạnh đầy đủ, mỗi mặt đều do trăm thứ báu hợp thành. Mỗi một bảo châu có ngàn quang minh. Mỗi một quang minh có tám vạn bốn ngàn sắc, tỏa sáng đất lưu ly, như ức ngàn mặt trời, chẳng thể thấy trọn).

Tạm thời hãy đọc tiêu đoạn này. Đoạn này tiếp theo phần Thủy Quán được nói trong lần trước. Thủy Quán là trước tiên tưởng một khối nước lớn, đương nhiên là nước hết sức trong lặng. Nước đã quán thành tựu, sau đấy mới quán tưởng nước đóng thành băng. Đã quán băng thành tựu, lại tiến thêm một bước nữa là quán tưởng băng biến thành đất lưu ly. Hôm nay, tôi nói tiếp về đất lưu ly.

“*Quán tưởng*”: Phần kinh văn ở đây cho biết [đức Phật] dạy phu nhân Vi Đề Hy hãy theo thứ tự quán tưởng hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc từng tầng một. Quán đã thành công, xác thực trông thấy thế giới Cực Lạc. Khi chúng ta học kinh, vì chúng ta tu pháp môn trì danh niệm Phật, đương nhiên là chẳng tác quán (tác quán hết sức khó khăn). Tuy chẳng tu pháp môn quán tưởng, nhưng [tìm hiểu] pháp môn này sẽ giúp ích rất lớn cho [sự tu học] của chúng ta. Khi chúng ta học kinh A Di Đà, cũng nói tới y báo trang nghiêm. Trong bộ kinh ấy, y báo trang nghiêm nói rất đơn giản, rất tóm tắt, nhưng ở nơi đây, kinh nói hết sức tỉ mỉ. Chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

biết càng nhiều, càng cặn kẽ, đối với việc trì danh niệm Phật, phát nguyện trong tương lai vãng sanh thế giới ấy, đối với hoàn cảnh bên đó, càng hiểu rõ càng tốt. Tuy chẳng vận dụng công phu quán tưởng, chúng ta hiểu rõ thì cũng hết sức hữu dụng. Những điều tốt đẹp trong thế giới Cực Lạc sẽ được nhắc tới ngay lập tức trong phần sau.

Trước khi bàn đến những điều đó, phải hiểu rõ một nguyên tắc quan trọng, mà cũng một lý trọng yếu. Lý ấy là: Bất luận bộ đại kinh nào trong Phật pháp, đều nói “*vạn pháp duy tâm*”. Nói “*vạn pháp duy tâm*” nghĩa là hết thảy các thế giới, các thứ trang nghiêm, đều do tâm tạo ra. Lũ bình phàm chúng ta chẳng dễ gì hiểu rõ cho lắm. Ví như trong thế giới Sa Bà này, những kẻ nói theo chủ nghĩa duy vật cho rằng địa cầu là một tinh cầu trong không gian, tồn tại khách quan trong tự nhiên, chẳng dính dáng gì đến cái tâm của chúng ta. Đó là cách nói theo chủ nghĩa duy vật, họ chẳng thấu hiểu. Văn hóa Trung Hoa chẳng nói theo kiểu đó. Văn hóa Trung Hoa nói “*tâm vật hợp nhất*”. Nho gia, Đạo gia, Mặc gia đều là “*tâm vật như một*”, văn hóa Trung Hoa là như vậy đó! Nói theo Phật pháp, sẽ là “*vạn pháp duy tâm*”, hoặc là “*vạn pháp duy thức*”. Nói theo vạn pháp duy thức hoặc duy tâm, núi, sông, đại địa như chúng ta đã thấy, đều là những hiện tượng hiển hiện từ cái tâm của chúng sanh. Như chúng ta trông thấy một quả núi hay một cái biển rộng, chúng đều là những tướng hiển hiện từ cái tâm của chúng ta. Thế nhưng kẻ bình phàm chẳng thừa nhận. Họ nghĩ những thứ ấy tồn tại khách quan, chẳng thừa nhận những hiện tượng ấy được hiển hiện từ nội tâm. Nếu quý vị hiểu rõ chân lý này, nhất định phải học tập văn hóa truyền thống, nhất là Phật pháp. Sau khi đã hiểu rõ chân lý, sẽ tự nhiên hiểu rõ chúng vốn là những thứ mà bản thân chúng ta sẵn có!

Nghiên cứu Duy Thức Học, mọi người đều biết: Duy Thức Học bảo tâm có bốn phần. Từ trong bốn phần, [bắt đầu là] Kiến Phần rồi từng bước hướng ra ngoài bèn có Tướng Phần [sau đây là Tự Chứng Phần và Chứng Tự Chứng Phần]. Tướng Phần là có tướng trạng. Chúng ta thấy núi, sông, đại địa, những thứ ấy đều là Tướng Phần trong thức thứ tám của chúng ta. Nhưng kẻ bình phàm do mê hoặc, điên đảo, nên chẳng hiểu rõ. Thật ra, toàn thể thế giới Sa Bà do tâm của tất cả chúng sanh tạo thành. Bất quá, tuy tạo ra thế giới Sa Bà, nhưng bọn phàm phu chúng ta chẳng tạo dựng theo kế hoạch, chẳng tạo dựng lý tưởng cho lắm. Chúng ta tạo ra thế giới dựa theo nghiệp lực của các nghiệp thiện ác đã gây tạo. Thế gian này do là nghiệp lực của mỗi cá nhân cùng hòa hợp tạo thành. Những người tạo nghiệp lực trong loài người bèn sanh trong nhân gian.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Do lòng người mà thấy núi, sông, đại địa. Những kẻ gây tạo nghiệp lực súc sanh đạo, bèn sanh vào súc sanh đạo, họ thấy núi, sông, đại địa chẳng giống như loài người. Tướng Phần trong thức thứ tám của họ chẳng giống loài người chúng ta. Hoàn cảnh y báo do toàn thể chúng sanh trong lục đạo đã tạo, mỗi đường đều khác nhau. Bồ Tát giới là do những vị tạo Bồ Tát pháp giới [mà hình thành]. Phật giới là [cảnh giới của những vị] tạo Phật pháp giới, đó là [hoàn cảnh y báo] cao nhất. Do vậy, chúng ta có thể biết: Những gì chúng ta trông thấy trong hiện thời đều do tâm tạo, vạn pháp duy thức, hoặc vạn pháp duy tâm.

Thế giới Cực Lạc thì sao? Thế giới Cực Lạc vẫn do cái tâm của chúng ta tạo thành, bất quá chẳng phải là do nghiệp lực tạo, mà là do nguyện lực tạo ra. Thế giới vốn là do A Di Đà Phật đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Đại nguyện của Ngài thành tựu, tạo thành thế giới Cực Lạc. Sau đây, nhiều vị Bồ Tát và những người vãng sanh thế giới Cực Lạc (phàm ai muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc mà chẳng phát nguyện, sẽ không được. Do nguyện lực thành công, bèn đến thế giới Cực Lạc). Đến thế giới Cực Lạc, cũng là do nguyện lực của mọi người cùng tạo thành, cho nên thành công! Thế giới chúng ta đang sống là do nghiệp lực của phàm phu cùng chung nhau tạo thành. Thế gian do nghiệp lực tạo thành này có khổ, có vui. Trong thế gian có tám khổ, ba khổ, đủ mọi nỗi khổ khác nhau. [Thế giới] tạo thành từ nguyện lực thuần túy là vui, nên gọi là Cực Lạc, chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui. Sau khi đã hiểu rõ nguyên lý trọng yếu này, tiếp tục nhìn, dần thấy các thứ trạng huống và hoàn cảnh tốt đẹp, chớ nên [cảm thấy] kinh ngạc, lạ lùng! Chỉ cần chúng ta có nguyện lực như vậy, tất nhiên là sẽ có hoàn cảnh tốt đẹp dường ấy! Chúng ta không hiểu rõ những điều tốt đẹp trong thế giới Cực Lạc, là do bị nghiệp lực của phàm phu chướng ngại. Không chỉ là chúng ta chẳng nhìn thấy, mà thậm chí ngay cả nghĩ tới cũng chẳng dám nghĩ. Giống như trong thế giới này, trong những khu vực lạc hậu, đói nghèo, ngay cả cơm cũng chẳng có mà ăn, áo cũng chẳng có để mặc, có người bảo cho họ biết tiêu chuẩn cuộc sống của chúng ta ở nơi đây tốt đẹp ngàn ấy, họ cũng chẳng dám tưởng tượng, vì họ chẳng đạt đến mức độ ấy, chẳng thể tưởng tượng được! Sau khi đã hiểu rõ đạo lý này, trong các phần sau, chúng ta sẽ thấy Cực Lạc tốt đẹp ngàn ấy, các thứ quang minh, các thứ báu, bao nhiêu là của báu trong cõi ấy, đơn giản là chúng ta đều chẳng thể tưởng tượng nổi! [Đối với những điều tốt đẹp ấy, do đã] hiểu rõ nguyện lực tốt đẹp dường ấy, chỉ cần chúng ta phát nguyện (nhất trí

với nguyện lực của đức Di Đà), tất nhiên là có thể trông thấy, trong tương lai có thể sanh về hoàn cảnh ấy.

Sau khi đã hiểu rõ đạo lý, chúng ta phát nguyện, nguyện của ta và nguyện của A Di Đà Phật nhất trí. Sau khi đã có nguyện, đối với phương pháp dụng công được nói trong kinh, điều quan trọng nhất là có thể tập trung cái tâm, chớ nên có tạp niệm, chuyên tâm nhất trí, vận dụng công phu quán tưởng. Trong công phu quán tưởng, trong phần trước đã nói cách quán mặt trời. Quán mặt trời thành công, nay là quán nước. Quán nước theo từng bước một, từ nước là chất lỏng, sau đó chuyển biến, từ nước đến băng, từ băng đến lưu ly, lưu ly là cả một vùng đại địa. Thế giới Cực Lạc là cả một vùng đất bằng lưu ly, mà lưu ly là trong ngoài thấu suốt. Nói “*nội ngoại ánh triệt*” (trong ngoài thấu suốt), nghĩa là từ trên mặt đất có thể thấy thấu suốt toàn thể đại địa. Toàn thể [cõi đất] trong ngoài thấu suốt, toàn thể đại địa trong thế giới Cực Lạc là lưu ly. [Thấy như vậy] tức là quán tưởng thành tựu.

Lưu ly đại địa to ngàn ấy, nó được đặt ở đâu? Trong đoạn kế tiếp có nói rõ, dùng thứ gì để nâng đỡ đại địa. “*Hạ hữu kim cang thất bảo kim tràng*” (Phía dưới có một tràng vàng kim cang bảy báu). Đối với toàn thể đất lưu ly trong thế giới Cực Lạc, phía dưới đất lưu ly có một cái tràng. Trên thực tế, cái tràng ấy là một cây cột to. Vì sao cây cột to được gọi là “tràng”? Vì cây cột to ấy hết sức kiên cố, lại thấy rõ ràng³³. Toàn thể cây cột ấy do bảy báu và kim cang hợp thành, kim sắc (có màu sắc như vàng ròng). Nó “*kinh lưu ly địa*” (nâng đỡ đất lưu ly). “*Kinh*” (擎) là nâng đỡ, chống đỡ. Kim cang là bất hoại, bất cứ vật chất nào cũng đều chẳng thể phá hoại kim cang, nó là vĩnh cửu kiên cố nhất. Hãy ngắm xem, trong thế gian này, thế giới Sa Bà chẳng vĩnh cửu, thành, trụ, hoại, không, tuần hoàn chẳng ngừng. Cõi kia là kim cang, kim cang là bất hoại. Cây cột kim tràng bằng bảy báu và kim cang chống đỡ đất lưu ly không có ngần mé. Đất trong thế giới Cực Lạc to lớn khôn cùng!

Cái tràng ấy có hình dạng gì? “*Kỳ tràng bát phương*” (Tràng ấy có tám mặt), “*bát phương*” là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam, bốn phương và bốn góc hợp thành tám phương. “*Bát lăng cụ túc*” (Tám cạnh đầy đủ), “*lăng*” (楞) là góc cạnh. Tràng ấy có tám mặt, tám cạnh đầy đủ (tràng có hình bát giác). “*Nhất*

³³ Tràng (Dhvaja) theo nghĩa nguyên thủy là một loại cờ hiệu, có hình tròn, được treo cao cho dễ thấy. Từ hình thức cờ hiệu, về sau, tràng biến thành những cột cao, khắc các ký hiệu, đặc biệt là các tràng khắc kinh chú mang ý nghĩa bảo vệ, cầu phước.

nhất phương diện”, mỗi mặt đều do “*bách bảo sở thành*”, [nghĩa là] mỗi mặt đều do rất nhiều thứ trang sức quý báu hợp thành. Một mặt trong tám mặt của tràng kim cang đều có trăm thứ báu trang hoàng. “*Bách bảo*” là trăm thứ báu, thật ra, không phải chỉ là một trăm thứ báu, mà là rất nhiều. Những thứ báu ấy do đâu mà có? Tổ sư chú giải, “*bách*” biểu thị số lượng nhiều như trần sa. Các thứ báu nhiều như trần sa (cát, bụi) do đâu mà có? Đều trọn đủ trong bản tánh của chúng sanh. Bản tánh trọn đủ, nói theo học lý của tông Thiên Thai sẽ là “*tánh cụ*”. Tánh là bản tánh, “*cụ*” (具) là đầy đủ. “*Tánh cụ*” là bản tánh trọn đủ, có ý nghĩa hoàn bị. Nói đến các thứ báu, kim cang cũng thế, bảy báu cũng thế, trăm thứ báu cũng thế, đều là bản tánh trọn đủ. Phạm phu bình phạm chẳng thấu hiểu “bản tánh trọn đủ”, cho nên chẳng chịu hướng nội cầu nơi tâm, chỉ hướng ra ngoài cầu tài, cầu danh. Kẻ bình phạm theo đuổi danh lợi, khi chưa truy cầu được, bèn nghĩ trọn mọi phương pháp tôn người, lợi mình, hứng chịu bao nhiêu nỗi khổ mới có thể đạt được. Sau khi đã truy cầu được, chớp mắt đã mất đi. Do vậy, danh lợi trong thế gian này đều là pháp hư giả, chẳng đáng tin cậy, thời thời khắc khắc đều chuyên biến, chính mình chẳng có cách nắm giữ nó. Chỉ có tự tâm vốn trọn đủ mới là thực tại, phải dùng phương pháp gì để khai phát những thứ châu báu chân thật ấy? Tổ sư chú giải đã giảng rất rõ ràng: Phải gieo các duyên. Hễ có duyên bèn có thể khai phát. Nội tâm giống như kho báu (tức cái nhân), phải có công cụ là chìa khóa (duyên) thì mới có thể mở toang kho báu được.

Duyên là gì? Ở đây nói đến Quán, tức quán tưởng, chớ nên có những tạp niệm khác, hãy tập trung tâm lực để quán tưởng. Trong tâm quý vị đã có rất nhiều cửa báu, muốn thứ gì có thể tưởng ra thứ nấy, nhất định là như vậy! Do vậy, những thứ báu được nói kể đó đều là do quán tưởng mà có. Quán tưởng mỗi mặt [của kim tràng] có trăm thứ báu. “*Nhất nhất bảo châu, hữu thiên quang minh*”: Trong mỗi thứ báu đều có bảo châu; mỗi viên bảo châu đều phóng quang minh. Có ngàn thứ quang minh; không chỉ là quang minh, mà còn có các thứ màu sắc. “*Nhất nhất quang minh, bát vạn tứ thiên sắc*”: Mỗi quang minh đều có tám vạn bốn ngàn thứ màu sắc. Chúng ta xem kinh A Di Đà, [sẽ thấy] hoa sen trong ao bảy báu, màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng. Có bốn màu, bốn thứ ánh sáng. Đó là nói rất vắn tắt. Nói thật ra, [sẽ là] trăm thứ báu có trăm ngàn loại quang minh, mỗi quang minh có tám vạn bốn ngàn màu. Những ánh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

sáng và màu sắc ấy “*ánh lưu ly địa*” (chói ngời đất lưu ly), tức là cây cột nâng đỡ thế giới Cực Lạc có tám mặt, mỗi mặt đều có chất báu. Trên mỗi báu có châu, từ châu lại tỏa ra ánh sáng, phát ra màu sắc. Những thứ quang minh và màu sắc đều chiếu rọi đất lưu ly trong thế giới Cực Lạc.

Bọn phàm phu chúng ta nhìn vào kính viễn, đơn giản là chẳng có cách nào tưởng tượng được! Thích Ca Mâu Ni Phật nêu tỷ dụ, chúng ta chưa hề thấy những thứ quang minh ấy, chỉ thấy ánh sáng mặt trời. Phải biết: Chúng ta đang sống trong một thế giới thuộc Thái Dương Hệ (trừ Thái Dương Hệ này ra, còn có rất nhiều Thái Dương Hệ. Tuy Thái Dương Hệ rất nhiều, chúng ta chỉ thấy một mặt trời). Đối với ánh sáng do mặt trời phát ra, chúng ta cũng chẳng thấy trọn hết. Không chỉ là chẳng thấy trọn hết quang minh, mà đối với màu sắc cũng chẳng thấy trọn hết. Mặt trời tỏa ra rất nhiều loại quang minh và màu sắc, bất quá nhục nhãn của chúng ta chỉ thấy một màu trắng. Thật ra, dùng công cụ để phản chiếu, trong ấy, các thứ màu sắc đều có, có các màu như màu tím, màu đỏ v.v... Lại còn có tử ngoại tuyến, hồng ngoại tuyến. Những quang sắc này nhục nhãn đều chẳng thể thấy được. Đối với quang minh và màu sắc do một mặt trời tỏa ra, chúng ta thấy được chỉ là một phần nhỏ bé của một phần nhỏ, hết sức nhỏ nhoi, hướng hồ quang minh trong thế giới Cực Lạc vẫn chẳng phải là do mặt trời tỏa ra, mà là do các bảo châu phóng ra. Quang minh phát ra, mỗi quang minh ấy có tám vạn bốn ngàn sắc. Tuy chẳng thấy, hãy suy tưởng trong tâm! Đó là điều cần thiết! Tuy hiện thời chưa thấy, trong tương lai, vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhất định sẽ thấy quang minh và màu sắc ấy; hiện thời, trong tâm hãy suy tưởng sẵn.

Thích Ca Mâu Ni Phật sánh ví các thứ quang minh và màu sắc ấy “*như ức thiên nhật*” (như ức ngàn vàng mặt trời). Nay chúng ta [chỉ có thể] thấy một mặt trời; ở đây là ức ngàn vàng. Ánh sáng mặt trời nhiều ngàn ấy, trong quang minh lại còn hiển lộ màu sắc, ta biết là hết sức nhiều. Vì thế, bảo là “*bất khả cụ kiến*” (chẳng thể thấy trọn). “*Cụ*” (具) là hoàn bị, hoàn toàn. Có thể thấy trọn hết hay không? Người đã đến thế giới Cực Lạc, do công phu đã đạt mức, hẳn thấy bèn có thể thấy trọn đủ. Phàm phu chẳng thể thấy trọn vẹn, vì tâm lượng của phàm phu hẹp hòi, nhỏ nhen, cho nên chẳng thể thấy trọn hết. Tuy chẳng thể thấy trọn hết, nhưng trong tâm nghĩ tới, có quang minh và màu sắc nhiều ngàn ấy. Như vậy thì sẽ có thể tưởng tượng thế giới ấy tốt đẹp dường nào! Chúng ta chẳng đến thế giới ấy, cứ ở trong thế giới này tranh tới, tranh lui cùng kẻ

khác! Hoàn cảnh ở nơi đây chẳng tốt đẹp, di dân sang ngoại quốc. Di dân sang Mỹ, hoặc sang quốc gia nào vẫn thế, vẫn ở trên quả địa cầu này, dẫu tốt đẹp cách mấy vẫn chẳng sánh bằng Cực Lạc, còn chẳng sánh bằng một loại quang minh ở trong ấy, huông hồ có tám vạn bốn ngàn quang sắc! Nghĩ đến chỗ này, chẳng phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn mong ở trong thế giới này, đơn giản chỉ là đem bản thân làm trò đùa, đối xử chẳng ra gì đối với chính mình!

Quán tưởng theo thứ tự, từng tầng một. Trong đoạn vừa mới giảng này, tức là từ câu “*hạ hữu kim cang thất bảo kim tràng*” cho đến câu “*như ức thiên nhật, bất khả cụ kiến*” nói rõ: Cây cột to kim tràng chống đỡ đất lưu ly. Cây cột ấy cũng là vô lượng vô biên. Sau khi đã quán tưởng xong, lại tiếp tục quán tưởng mặt đất lưu ly. Trước hết, tôi đọc tiểu đoạn tiếp theo một lượt:

(Kinh) Lưu ly địa thượng, dĩ hoàng kim thằng, tạp xỉ gián thác, dĩ thất bảo giới, phân minh.

(經)琉璃地上，以黃金繩，雜廁間錯，以七寶界，分齊分明。

(Kinh: Trên đất lưu ly, dùng dây vàng ròng, xen kẽ hòa lẫn, dùng bảy báu làm ranh giới, phân chia rõ ràng).

Đây là nói về các thứ trang nghiêm trên mặt đất trong thế giới Cực Lạc. Sau khi đã thấy phía dưới đại địa trong thế giới Cực Lạc, hãy chuyển tâm nhãn lên trên mặt đất. “*Lưu ly địa thượng, dĩ hoàng kim thằng*” (Trên đất lưu ly, dùng dây bằng vàng ròng). Toàn thể đại địa trong thế giới Cực Lạc có màu lưu ly, toàn là đất lưu ly bình ổn. Trên mặt đất lưu ly, dùng dây bằng vàng ròng để ngăn thành đường qua lại. Lưu ly là chĩnh thể, trên mặt đất có từng con đường một (đường trong thế gian này, trong quá khứ là bùn đất. Đường sá tối đa là dùng đá để lót. Đường sá hiện thời đúc bằng xi-măng, hoặc rải nhựa đường, cũng được lắm! Đường sá trong cõi kia làm bằng hoàng kim). Dùng vàng ròng làm thành từng con đường một, trạng huống giống như dùng dây ngăn thành từng khoảng. Vì thế, thoát trông giống như [được ngăn] bởi các sợi dây vậy. “*Tạp xỉ gián thác*” (雜廁間錯): Nói “*tạp xỉ gián thác*” [nghĩa là] không chỉ là vàng ròng, mà có khi là vàng ròng, có khi dùng ngọc màu trắng, hoặc là tử kim (vàng có sắc đỏ tím), hoặc bạc trắng, hoặc dùng các

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thứ báu... tô sư chú giải như vậy. Nói cách khác, đường sá do các thứ báu hợp thành, có ngang, có dọc, có ý nghĩa “ngang dọc đan chéo nhau, xen kẽ hòa lẫn”. Các thứ báu bất cứ màu nào cũng đều được phối hợp rất khéo, hết sức có trật tự. Toàn thể đường sá được quy hoạch giống như hoa thêu gấm dệt! “*Dĩ thất bảo giới*” (Dùng bảy báu làm ranh giới), lại dùng bảy báu để vạch thành giới tuyến. Giữa con đường này và con đường kia đều có giới tuyến. Các giới tuyến ấy dùng bảy báu để phân chia. “*Phận tề phân minh*”: Chữ “*phận tề*” (分齊) chỉ giới tuyến. Mỗi con đường đều có lề đường, lề đường do bảy báu hợp thành, phân định ranh giới rất rõ ràng. Chữ Phân (分) trong câu trước nên đọc giọng Khứ Thanh, tức là đọc như Phận (份). Chữ Phân (分) trong câu dưới đọc giọng bình thanh (không dấu). Tiêu đoạn này nêu ra các thứ trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, đường sá dùng vàng ròng và bảy báu v.v... hợp thành!

Tôi đọc trước đoạn kinh văn kế tiếp một lượt.

(Kinh) Nhất nhất bảo trung, hữu ngũ bách sắc quang. Kỳ quang như hoa, hựu tự tinh nguyệt, huyền xử hư không, thành quang minh đài. Lâu các thiên vạn, bách bảo hợp thành.

(經)一一寶中，有五百色光。其光如華，又似星月。

懸處虛空，成光明臺。樓閣千萬，百寶合成。

(Kinh: Trong mỗi thứ báu, có quang minh năm trăm màu. Quang minh ấy như hoa, lại như các ngôi sao, hoặc mặt trăng, treo lơ lửng trên không, tạo thành đài quang minh. Lâu gác ngàn vạn, do trăm thứ báu hợp thành).

Đoạn này nói quang minh từ mặt đất tỏa lên không trung. Quang minh lại từ trong không trung biến thành cảnh tượng lâu gác trang nghiêm. “*Nhất nhất bảo trung, hữu ngũ bách sắc quang*” (Trong mỗi thứ báu, có quang minh năm trăm màu), ý nói: Các thứ báu trên mặt đất, mỗi món báu đều có năm trăm thứ quang minh và màu sắc. Những quang minh và màu sắc ấy giống như gì? Nếu đức Phật chẳng tỷ dụ, chúng ta không thể hiểu rõ. Nhằm làm cho chúng ta hiểu rõ, đức Phật bảo: “*Kỳ quang như hoa*”, [ý nói] mỗi một loại báu phóng ra năm trăm màu, năm trăm quang minh. Mỗi thứ quang minh giống như hoa (chữ

Hoa (華) trong kinh điển [có ý nghĩa] giống như chữ Hoa (花, bông hoa). Chúng ta thấy [ánh sáng của] mặt trời trong thế gian này chỉ là ánh nắng mà thôi, chẳng thấy hình dạng; cõi kia đặc biệt, các thứ quang minh chiếu lên không trung, giống như từng đóa hoa xinh đẹp. Từ mặt đất ngó lên, trong mỗi quang minh, hiển hiện màu sắc, hoa nhiều ngàn ấy, ngay cả gọi tên còn chẳng xuể; vì thế nói “*kỳ quang như hoa*” (quang minh ấy như hoa). “*Hựu tự tinh nguyệt*” (Lại giống như các ngôi sao và mặt trăng), thoát nhìn giống như hoa do nó treo lơ lửng trên cao. Vì nó là quang minh, cho nên sáng ngời, lại có đủ mọi màu sắc, thoát nhìn giống như tinh tú hoặc mặt trăng trên bầu trời. Trong thế giới này, vào ban đêm, chúng ta chỉ thấy ánh trắng, ánh sáng của các ngôi sao rất nhỏ bé. Chúng ta chưa từng thấy quang minh từ các chất báu trong thế giới Cực Lạc, làm sao thông hiểu cho được? Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật đành phải dùng các thứ tỷ dụ, dùng các thứ tương tự trong thế gian để biểu hiện, hòng làm cho chúng ta hiểu rõ. Đó là biện pháp bất đắc dĩ, chỉ có thể dùng tinh tú và mặt trăng để sánh ví (thật ra, các quang minh ấy đẹp đẽ hơn ánh sáng của tinh tú và mặt trăng chẳng biết bao nhiêu lần), khiến cho chúng ta hiểu [những quang minh ấy] giống như ánh sáng của tinh tú và mặt trăng. Những quang minh ấy vừa giống như hoa, vừa giống như tinh tú, mặt trăng. Thông thường, chúng ta đã chẳng thấy, cũng chẳng thể tưởng tượng được. Làm thế nào để có thể thấy được, tưởng được? Phải chú ý: Ất cần phải nhập Định. Có công phu định lực thì mới có thể thấy được; bọn phàm phu chúng ta chẳng có công phu định lực, làm sao thấy được? Phàm phu chẳng có công phu định lực, bị nghiệp lực ước thúc. Xét theo một phương diện, nghiệp lực chính là tư tưởng của chúng ta bị trói buộc bởi tri kiến. Nhất là người hiện thời do chịu ảnh hưởng của giáo dục, lúc nào cũng đòi hỏi phải có chứng cứ. Hễ nói tới “chứng cứ” thì phải là chính mắt trông thấy mới chịu thừa nhận. Chẳng thấy, sẽ không thừa nhận, người nói kiểu đó rất nhiều. Thông thường, giới học thuật luôn là như vậy. Thật ra, điều đó biểu lộ tâm lượng nhỏ bé đến mức đáng thương, tầm nhìn cũng hạn hẹp, nông cạn đáng thương. Đó đều là do bị nghiệp lực hạn chế. Tâm phàm phu nhỏ nhoi như thế, chẳng nghiên cứu Phật học, chẳng nghiên cứu văn hóa truyền thống! Dẫu là các nhà đại tư tưởng đã từng nghiên cứu tất cả các học thuật trên khắp thế giới, tâm lượng vẫn là nhỏ bé đến mức đáng thương!

Làm thế nào để mở rộng tâm lượng của mỗi cá nhân? Ất cần phải hiểu rõ chính mình. Những gì chúng ta mắt thấy, tai nghe đều bị hạn chế

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

bởi Nhân Căn và Nhĩ Căn, thấy chẳng xa, nhìn chẳng rộng. Ví như đối với ánh sáng, chúng ta chỉ thấy được một loại tình huống. Nếu nhiều hơn, sẽ nhìn chẳng ra! Tai nghe âm thanh, cũng bị Nhĩ Căn hạn chế; nếu nghe nhiều âm thanh cũng nghe chẳng ra. Chẳng nghe được xa, mà âm thanh nhỏ nhất ở nơi gần cũng chẳng nghe được, chỉ nghe được đôi chút. Đó đều là vì bị các căn hạn chế. Năm căn như mắt, tai, thân v.v... đều do dựa trên nghiệp lực mà có. Nghiệp lực hạn chế bản thân chúng ta. Nếu nhập định, có công phu định lực, sẽ chẳng bị căn và nghiệp lực hạn chế. Vượt khỏi hạn chế, sẽ thấy được những thứ trước nay chưa hề thấy! Các vị thiện tri thức và cao tăng đại đức thời cổ thường từ trong Định mà thấy này nọ, kẻ bình phàm chẳng thể thấy được. Ví như nói Trí Giả đại sư của Thiên Thai Tông từ trong Định có thể thấy tình hình Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa cho các đệ tử tại Linh Sơn vào mấy ngàn năm trước. “*Trí Giả đại sư ở trong Định, thấy một hội Linh Sơn chưa tan*”. Nay mọi người đọc đến câu này sẽ chẳng tin tưởng. Hễ [đạt đến] cảnh giới có thể nhập Định giống như Trí Giả đại sư thì sẽ tin, vì quý vị cũng trông thấy. Từ trong Định, có thể thấy các thứ hoàn cảnh như hoa, chất báu, mặt trăng v.v... Trước mắt, công phu của chúng ta chưa đạt tới mức, hãy tận hết sức mở rộng tâm lượng. Từ lý luận, chúng ta nhận biết đây là tướng các hình tướng; càng tướng nhiều, tri kiến càng rộng, càng thấy thâm nhập. Khi đã có công phu, sẽ tự nhiên trông thấy. Đương nhiên là chúng ta chẳng tu pháp môn quán tướng, mà là tu trì danh niệm Phật; trì danh niệm Phật cũng giống như thế. Khi tu trì danh niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn, biểu hiện của nhất tâm bất loạn là “*đắc Niệm Phật Đại Định*”, cũng sẽ giống như thế, có thể thấy giống như vậy đó!

Tiếp đó, [kinh văn] nói những hoa ấy lại giống như quang minh và màu sắc của tinh tú và mặt trăng, “*huyền xử hư không*”, “*huyền*” (懸) là treo lơ lửng, [“*huyền xử hư không*” là] treo lơ lửng trong hư không. Càng đặc biệt hơn là “*thành quang minh đài*”, [nghĩa là] những quang sắc ấy chiếu rọi hư không, lơ lửng [trong không trung], trở thành đài quang minh. “*Lâu các nhất thiết*” (Hết thảy lâu gác), trên đài có lâu, có gác, tức là hình thành cái thường được gọi là “*không trung lâu các*” (lâu gác trong hư không). Kẻ bình phàm nói lâu gác trong không trung là chuyện hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì! Trong hư không, há có lâu gác? Chẳng có chỗ nào để an lập! Những quang sắc ấy ở trong hư không, trở thành từng đài quang minh một; trên mỗi đài, lại là tầng tầng lớp lớp

những ngôi lầu. “*Các*” (閣) là lầu không phải chỉ có một tầng³⁴, mà là lầu rất cao. Những lầu gác ấy số đến ngàn vạn ngôi (“*ngàn vạn*” hoàn toàn chẳng phải là một ngàn ngôi hay một vạn ngôi, mà nhằm biểu thị “vô số”). Ngàn vạn lầu gác đều do “*bách bảo hợp thành*” (trăm thứ báu hợp thành). Trong quang minh hiện lầu gác, lầu gác đều do các thứ báu kết hợp tạo thành.

Đoạn kinh văn này nói trong hư không có các đài và lầu gác do quang sắc thành tựu, các thứ báu trang nghiêm các lầu gác trong không trung. Hãy ngắm xem, trong thế gian này, nhìn vào không trung, sẽ thấy như thế nào? Chúng ta có thể thấy trong hư không có mấy áng mây là khá lắm rồi! Hiện thời, thường là còn chưa thấy bầu trời xanh biếc, há có thấy quang hoa (quang minh như hoa) rực rỡ, quang minh và màu sắc của trăm thứ báu ư? Những điều trên đây đều nói về sự trang nghiêm trên không trung trong thế giới Cực Lạc. Phần kinh văn tiếp theo lại nói:

(Kinh) U đài lưỡng biên, các hữu bách ức hoa tràng, vô lượng nhạc khí, dĩ vi trang nghiêm.

(經)於臺兩邊，各有百億華幢，無量樂器，以為莊嚴。

(Kinh: Ở hai bên đài, mỗi bên đều có trăm ức tràng hoa, vô lượng nhạc khí dùng để trang nghiêm).

Đoạn này nói về tràng phan rực rỡ và các thứ nhạc khí trang nghiêm. “*U đài lưỡng biên*”: Chữ “*đài*” (臺) chỉ các đài quang minh do ánh sáng tạo thành trên hư không. Ở hai bên của đài quang minh (hai bên trái và phải), “*các hữu bách ức hoa tràng*”, có các loại hoa dùng làm tràng. [Ở đây], chữ “*tràng*” (幢) chỉ tràng phan. Tràng phan trong đạo tràng của chúng ta chỉ là do nhân gian mô phỏng hình dáng ấy mà thôi. Tràng trong thế giới Cực Lạc vừa to, vừa rực rỡ, thế gian này làm sao chế được? Tương tự mà thôi! Có bao nhiêu tràng phan rực rỡ như vậy? Có đến trăm ức, hai bên đều có. Ngoài ra còn có “*vô lượng nhạc khí*”, “*nhạc*” (樂) là âm nhạc. Người học âm nhạc đều biết: Trong thế gian, có

³⁴ Nói “lầu một tầng” chính là nhà hai tầng, nhưng không kể tầng trệt.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhạc khí của Âu Tây như kèn Tuba³⁵, quốc nhạc Trung Hoa có các loại nhạc khí như đàn Cầm, Sênh, Tiêu v.v... Bất quá hữu hạn là mấy chục loại mà thôi, hữu hạn! Nhạc khí trong thế giới Cực Lạc tuyệt diệu lắm! Có đến vô lượng, tính đếm chẳng xuể! Mỗi loại nhạc khí có thể dùng để diễn tấu rất nhiều âm nhạc. Dùng đàn Cầm trong thế gian này để nói, đàn Cầm có thể tấu rất nhiều điệu, đàn Sắt³⁶ cũng thế, Vu cũng thế, mỗi loại nhạc khí đều có thể tấu rất nhiều thứ nhạc. Cõi kia có vô lượng nhạc khí, hãy ngẫm xem, chẳng như trong thế giới Sa Bà, mỗi loại nhạc khí chỉ có thể dùng để chơi mấy thể loại âm nhạc. Cõi kia có vô lượng nhạc khí, mỗi loại nhạc khí lại có thể diễn tấu vô lượng âm nhạc. Vô lượng nhạc khí diễn tấu vô lượng âm nhạc! Nay chúng ta vẫn chưa đạt đến hoàn cảnh ấy, chẳng có cách nào tiếp nhận tình huống này. Có thể là trước hết trong tâm hãy suy nghĩ, âm nhạc có bao nhiêu loại? Hơn nữa, đối với những loại âm nhạc ấy, âm nhạc thế gian này đều chẳng thể sánh bằng! Âm nhạc do chúng ta diễn tấu trong thế gian này chẳng ngoài bi, hoan,

³⁵ Nguyên văn là “đại lạt bát” (大喇叭), tức là kèn Tuba. Đây là một loại kèn đồng có kích thước lớn nhất và âm vực trầm nhất trong dàn kèn đồng của Âu Tây, thường dùng trong nhạc giao hưởng. Kèn này do hai nhạc công Wilhelm Friedrich Wieprecht và Johahn Moritz sáng chế vào thế kỷ 19. Kèn có hệ thống khóa đóng mở rất phức tạp, rất to lớn và công kênh, phải là người có luồng hơi mạnh mới thổi được.

³⁶ Sắt (瑟) có ngoại hình gần giống như đàn Cầm và đàn Tranh, nhưng Sắt có hai mươi lăm dây căng song song (trong khi Cầm chỉ có từ bảy đến mười lăm dây, và thân đàn Cầm có eo, trong khi đàn Tranh và đàn Sắt không có). Mỗi dây đều có trục đỡ (con sáo, nhận trụ) có thể di động để điều chỉnh âm thanh. Cũng như Cầm và đàn Tranh, khi tấu đàn Sắt được đặt nằm ngang. Theo cổ thư, Phục Hy chế ra đàn Sắt, và đàn Sắt thời cổ có đến năm mươi dây. Vào đầu thế kỷ 20, Trịnh Cảnh Văn lại cải tiến, chế ra đàn Sắt có đến một trăm dây, nhưng chẳng được phổ biến. Đàn Sắt ít khi tấu một mình mà thường hợp tấu với Cầm, hoặc Sênh. Thông thường, các nhà nghiên cứu cho rằng đàn Tranh chính là dạng nhỏ và đơn giản hơn của đàn Sắt.

Vu (箏) là một thứ nhạc khí thời cổ, cũng là một loại sênh, nên còn gọi là Đại Sinh (大笙). Đôi khi người ta gọi Sênh lớn là Vu, Sênh cỡ nhỏ là Hòa (和). Vu gồm nhiều ống trúc có gắn lưới gà bằng tre, cắm vào một quả bầu làm bầu cộng hưởng. Thời cổ, trong dàn nhạc thường dùng nhiều Vu để hòa âm. Do đó, có thành ngữ “*lạm vu sung số*” (ý nói người không có tài cán mà vẫn được trọng dụng) dựa theo một điển cố: Thời Tề Tuyên Vương, vua thích nghe thổi Vu, đôi khi dùng đến ba trăm nhạc công thổi Vu cùng một lúc. Có người không biết thổi Vu, lo lót để được dự vào hàng ngũ ấy để kiếm cơm. Khi Tuyên Vương chết, con là Mẫn Vương chỉ thích nghe thổi Vu đơn độc, cho nên anh chàng ấy sợ tội, phải bỏ trốn.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ly, hợp, chỉ nhằm giải tỏa tình cảm trong lòng mà thôi! Đối với âm nhạc trong thế giới Cực Lạc, mỗi loại âm nhạc đều là một loại pháp, nghe âm nhạc giống như nghe pháp, giống như xướng tán trong đạo tràng. Khi các loại tán tụng được xướng lên, người hiểu Phật pháp vừa nghe, [sẽ nhận thấy] giống như nghe Phật pháp, tâm được an tĩnh (so với loại nhạc giao hưởng của Âu Tây, rót ráo bất đồng). Trong cõi ấy, vô lượng nhạc khí diễn tấu vô lượng âm nhạc, giống như vô lượng Phật pháp [đồng thời được tuyên nói]. “*Dĩ vi trang nghiêm*” (Dùng để trang nghiêm), hãy ngắm xem sự trang nghiêm ấy là tình huống như thế nào!

Trong phép Thủy Quán trên đây, từ nước tướng băng, lưu ly đại địa, tràng kim cang ở dưới mặt đất, [các thứ trang nghiêm] trên mặt đất và trên hư không v.v... quán tưởng từng tầng một. Chiều theo phương pháp, các thứ tình huống đều có thể quán tưởng. Cuối cùng, [chánh kinh] còn một đoạn nữa vẫn chưa giảng xong, tôi chừa lại cho buổi giảng sau.

Tập 21

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin hãy mở kinh bản, trang thứ tám, bắt đầu từ hàng thứ năm. Tôi đọc trước một lượt.

(Kinh) *Bát chủng thanh phong, tùng quang minh xuất, cổ thử nhạc khí, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã chi âm. Thị vi thủy tướng, danh đệ nhị quán.*

(經)八種清風，從光明出，鼓此樂器，演說苦、空、無常、無我之音。是為水想，名第二觀。

(Kinh: Tám thứ gió mát, xuất phát từ quang minh, tấu những nhạc khí ấy, diễn nói các âm thanh Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Đó là thủy tướng, gọi là phép Quán thứ hai).

Phép Quán thứ hai nói theo tổng thể sẽ là Thủy Quán. Phép Thủy Quán thì trước hết là quán tưởng nước. Quán nước thành công, sẽ quán nước ngưng đọng thành băng. Lại quán tưởng băng trở thành lưu ly (“*lưu ly*” là nói toàn thể đại địa trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là đất lưu ly). Đã quán thành công phép Quán này, sẽ liên đới quán cả đại địa nơi thế giới Cực Lạc trong ấy. Từ khởi đầu của phép Quán này cho đến đoạn kinh văn vừa mới niệm, có mấy tầng lớp. Trước hết là từ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nước, quán thành đất lưu ly. Sau khi đã quán đất lưu ly thành công, bèn tiếp tục quán dưới mặt đất của toàn thể thế giới Cực Lạc có tràng kim cang bằng bảy báu (do tràng kim cang ấy chống đỡ toàn thể thế giới Cực Lạc). Kim tràng ấy có các thứ báu. Mỗi thứ báu lại có các thứ quang minh. Sau khi đã tưởng kim tràng ở dưới mặt đất xong, lại tưởng các thứ trang nghiêm trên mặt đất của thế giới Cực Lạc. Quý vị có thể phối hợp với y báo được nói trong kinh Tiểu A Di Đà để tưởng các thứ tốt đẹp trên mặt đất. Trong đoạn kế tiếp, [kinh văn chép] từ các thứ báu trên mặt đất tỏa ra quang minh. Các thứ màu sắc, các thứ quang minh chiếu lên không trung. Lại từ trong các quang minh ấy, hiện ra tầng tầng lầu gác trong không trung. Lầu gác vừa giống như hoa, vừa giống như tinh tú và mặt trăng trên bầu trời. Sau đấy, lại quán hai bên lầu gác có rất nhiều hoa tràng, rất nhiều nhạc khí. [Nói] “*rất nhiều nhạc khí*” nghĩa là có vô lượng nhạc khí! Trong thế gian của chúng ta, nhạc khí hữu hạn, chỉ có mấy loại. Trong thế giới Cực Lạc, nhạc khí trong không trung đều là vô lượng, chẳng thể đếm xuể! Lại còn đều là nhạc khí tự nhiên, [tức là] chẳng cần phải tốn sức người chế tạo. Từ đoạn kinh văn [chúng ta] vừa mới đọc tiếp theo phần nói về các nhạc khí, [chúng ta thấy] những món nhạc khí ấy phát ra các loại âm nhạc chẳng giống như âm nhạc trong thế giới này. Đối với âm nhạc trong thế giới của chúng ta, người hiểu âm nhạc có thể nghe ra một vài đạo lý; nhưng âm nhạc trong thế giới Cực Lạc diễn tấu âm thanh đều là diễn thuyết Phật pháp. Đây là chỗ đặc biệt. Tôi vừa mới nói các thứ trang nghiêm, thông thường, chúng ta chỉ cần có thời gian, bèn có thể dùng tư tưởng để tưởng “*tướng*”. Bất luận chúng ta có tu pháp môn quán tưởng hay không, lúc thông thường, chúng ta cứ tưởng tượng hoàn cảnh tốt đẹp ấy, giống như chính mình mong đến nơi đó. Trước hết, phải nhận biết hoàn cảnh, điều này sẽ đặc biệt có lợi!

IV.2.2.3.2. Bốn tướng của Khổ Đế

Nay xin quý vị hãy xem phần kinh văn dành cho buổi hôm nay. “*Bát chũng thanh phong*” (Tám loại gió mát), “*bát chũng*” là từ tám phương. Ví như trong thế gian của chúng ta có Đông, Tây, Nam, Bắc, lại còn có bốn góc, hợp thành tám bát phương. Gió từ mỗi phương đều có tên gọi riêng. Các vị nghiên cứu văn hóa Trung Hoa sẽ biết, chẳng hạn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

như trong sách Hoài Nam Tử³⁷ có nói gió từ Đông Bắc là gió gì, từ Đông Nam lại là gió gì. Bốn phương và bốn góc hợp thành tám thứ gió, mỗi loại đều có danh xưng riêng³⁸. Thế giới Cực Lạc hoàn cảnh tốt đẹp, nếu Thích Ca Mâu Ni Phật hoàn toàn chiếu theo thực tại để nói, thì nói thật ra, chúng ta chẳng hiểu! Ngài cũng chỉ có thể dùng những tình huống mà kẻ bình phàm trong thế gian này có thể liễu giải để nói, ngõ hầu chúng ta sẽ liễu giải. Đây là tám thứ gió mát, “*thanh phong*” (清風) là nói về gió trong Tịnh Độ hết sức thanh tịnh. Trong thế giới Sa Bà của chúng ta, trong tám loại gió khác nhau, có Cự Phong và Viêm Phong là những loại gió rất nóng bức, khác hẳn! Cõi kia đều là gió mát; có thể suy ra mà biết sự thù thắng này! “*Tùng quang minh xuất*” (Từ quang minh mà tỏa ra), tám thứ gió mát do đâu mà có? Điều này lại càng đặc biệt! Tám thứ gió mát ấy từ quang minh phát ra. Trong câu trước có nói: Hai bên đài [quang minh] có các thứ nhạc khí, những cái đài ấy do các thứ báu trên mặt đất tỏa sáng, chiếu lên không trung hiện ra. Quang minh ấy lại phát ra tám thứ gió mát. Từ tám thứ gió mát, “*cổ thử nhạc khí*” (tấu các nhạc khí ấy). “*Cổ*” (鼓) là thổi, đánh. Gió mát thổi qua, lay động vô lượng nhạc khí. Những thứ nhạc khí ấy là tự nhiên, chẳng như những thứ do loài người chúng ta làm ra (Trang Tử cũng từng nói, có thiên lại và địa lại³⁹. Thiên lại và địa lại là tự nhiên. [Các nhạc khí] tự nhiên [trong cõi

³⁷ Hoài Nam Tử (淮南子) là một bộ sách cổ, còn gọi là Hồng Liệt, hoặc Hoài Nam Hồng Liệt do Hoài Nam Vương Lưu An (chú của Hán Vũ Đế) và tân khách biên soạn vào thời Tây Hán. Sách được soạn xong vào năm 139 trước Công Nguyên, có tên gọi ban đầu là Hồng Liệt, ngụ ý to lớn, rục rờ. Nội dung sách gồm hai mươi một thiên, bao gồm các chủ đề về chính trị, triết học, thiên văn, địa lý, tự nhiên, dưỡng sinh, quân sự, dung hợp tư tưởng của chư tử thời Tiên Tần, nhưng lấy tư tưởng Đạo Gia làm chủ, biến đổi tư tưởng vô vi của Đạo gia thành lý luận chính trị, phát huy học thuyết “*thiên nhân cảm ứng*”. Sách này được coi là một loại tiểu bách khoa từ điển thời cổ, tạo ảnh hưởng mạnh mẽ đến trường phái Lý Học sau này, và được đưa vào Chánh Thống Đạo Tạng.

³⁸ Sách Hoài Nam Tử viết: “*Tám gió là gì? Phương Đông Bắc gọi là Viêm Phong, phương Đông là Điều Phong, phương Đông Nam là Cảnh Phong, phương Nam là Cự Phong, phương Tây là Lương Phong, phương Tây Bắc là Lệ Phong, phương Bắc là Hàn Phong*”. Lã Thị Xuân Thu và Thái Bình Ngũ Lãm chép tên gọi của gió từ tám phương hơi khác: Viêm Phong, Thao Phong, Huân Phong, Cự Phong, Thê Phong, Liêu Phong, Lệ Phong, Hàn Phong.

³⁹ Thiên lại, địa lại và nhân lại là những thuật ngữ do Trang Tử đặt ra trong thiên Tề Vật Luận sách Trang Tử. “*Thiên Lại*” để chỉ các âm thanh trong tự nhiên, như tiếng gió, tiếng chim, tiếng nước chảy, tiếng tuyết rơi, tiếng mưa rơi, tiếng lá rụng v.v...

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Cực Lạc] còn hay hơn thiên lại và địa lại). “*Diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã chi âm*”: Tám loại gió mát ấy lay động những món nhạc khí, chúng liền phát ra âm thanh, những âm thanh ấy có ý nghĩa gì? Có sự diễn nói. Diễn nói các pháp âm Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Kinh văn nói Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Mấy loại này là Phật pháp thuộc loại cơ bản nhất. Trên thực tế, sẽ là diễn nói vô cùng vô tận Phật pháp, giống như Ba Mươi Bảy Trợ Đạo Phẩm đã nói trong kinh A Di Đà đều được diễn tấu. Ở đây, chỉ nói bốn loại. Bốn loại này chỉ là tượng trưng mà thôi!

Xin các vị xem phần biểu đồ đã phát trong lần trước, tức biểu đồ thuộc trang thứ năm (tức trang biểu đồ nói về phép quán nước). Đoạn thứ hai trong biểu đồ ấy nói bốn tướng của Khổ Đế.

Khổ Đế là gì? Khổ Đế là một loại trong Tứ Đế. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Phật pháp, khởi đầu là giảng pháp môn Tứ Đế, một mục giảng đến cuối cùng, rất nhiều bộ kinh lớn vẫn nhằm giảng pháp môn Tứ Đế. Pháp môn Tứ Đế [có mức độ] cạn hay sâu chẳng giống nhau. Có trình độ nông cạn, có trình độ cao sâu. Điều thứ nhất trong Tứ Đế là Khổ Đế, mỗi Đế trong Tứ Đế đều có bốn loại cảnh giới. Cảnh giới là tướng. Khổ Đế có bốn thứ tướng, gọi là “*tứ hành tướng*”. Khổ Đế tứ hành tướng, hành tướng (行相) là gì? Ý nói: Bất luận là ai trong chúng ta cũng đều có thể dấy lên tư tưởng, đều có tác dụng tâm lý. Khi tâm niệm của chúng ta dấy lên, mắt thấy những vật bên ngoài, tai nghe các âm thanh bên ngoài, thậm chí nếm hương vị của những món này nọ, các thứ cảm giác do thân thể tiếp xúc, thấy đều có Tướng! Khi chúng ta tiếp xúc, cố nhiên cảm nhận tướng ấy. Khi chẳng tiếp xúc, lúc tư tưởng của chúng ta vừa dấy lên, trong tư tưởng bèn có các trạng huống, những trạng huống đó gọi là Tướng. “*Hành*” là hoạt động của tâm lý. Trong hoạt động tâm lý của mỗi người, sẽ có các thứ hình trạng [xuất hiện] trong tâm lý của người ấy giống như một tấm gương! Tâm chính là một tấm gương. Gương nhất định sẽ hiện bóng rất nhiều tướng! “*Hành tướng*” có nghĩa là trong tâm mỗi người chúng ta, nếu chẳng dấy lên tư tưởng thì thôi; hễ dấy niệm, niệm ấy bèn rơi vào các thứ tướng trạng. Vì thế, những kẻ bình phàm chẳng dụng công, tâm phan duyên cái này, phan duyên cái nọ, tưởng tượng cái này hoặc cái nọ khắp mọi nơi. Người dụng công thì sao?

“*Địa Lại*” là tiếng gió lùa qua những nơi hang rỗng phát ra âm thanh. “*Nhân Lại*” là các thứ nhạc khí do con người diễn tấu. Chữ Lại (籟) chỉ cái lưởi gà hoặc màng rung trong các loại nhạc khí thổi, về sau, thường dùng để chỉ chung các loại nhạc khí.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Chỉ tập trung hoạt động tâm lý vào một chỗ, chẳng để cho nó rong ruổi lung tung!

Khi nói tới Khổ Đế thì Khổ Đế có bốn loại hành tướng. Quý vị phải chuyên tưởng trạng huống của bốn tướng nơi Khổ Đế, tưởng những trạng huống ấy; sau đấy, cầu giác ngộ. Đó gọi là “*tứ hành tướng*”. Tứ hành tướng là bốn thứ cương lãnh; nếu nói suy rộng ra (nói cặn kẽ), sẽ chẳng thể nói hết được! Vì thế, bảo là “*quảng diễn bất khả cụ thuyết*”, [nghĩa là] nếu quý vị nói cặn kẽ, càng nói càng nhiều, nói cho đến mai sau, chẳng có cách nào nói hết. Đó gọi là “*bất khả cụ thuyết*” (chẳng thể nói trọn). Tuy bảo là “chẳng thể nói trọn”, nhưng đối với bốn điều dưới đây, cũng chính là bốn điều được nêu ra trong kinh văn, chúng ta liễu giải khái lược đôi chút, sẽ có ích rất lớn trong việc tu hành pháp môn Tịnh Độ.

Thứ nhất là nói đến Khổ. Hành tướng của Khổ rất nhiều. Ở đây, tôi dựa trên những gì đã nói trong kinh văn để chia thành ba loại:

1) Loại thứ nhất là Khổ Khổ. Nói Khổ Khổ chính là các thứ khổ não mà mọi người đều biết. Trong đầu ngoặc có thuyết minh đơn giản, ngắn gọn: “*Ở trong nghịch cảnh mà chẳng thể thoát ly*”. Nghịch cảnh là gì? Nghịch cảnh là những gì chẳng hợp với tâm lý của chúng ta. Chúng sanh phàm phu luôn mong hưởng lạc tốt lành, chẳng mong chịu khổ. Do vậy, nói: Phàm hết thấy những chuyện mà tâm lý chúng ta chẳng mong tiếp nhận, đều gọi là “*ngịch cảnh*” (“*ngịch cảnh*” là tương phản với tâm lý của chúng ta). Ví như chúng ta chẳng mong thấy điều gì, chẳng mong gặp kẻ nào, thế mà cứ một mực phải thấy. Đó gọi là nghịch cảnh. Mong ăn thức ăn ngon mà cứ phải ăn những món dở tệ, ăn những thứ thô tháp, đều là khổ cả! Những điều được gọi là “*ngịch cảnh*” rất nhiều, nói tách bạch ra, sẽ là rất nhiều. Đại khái, chúng bao gồm trong Bát Khổ, chẳng thể thoát khỏi những thứ ấy! Quý vị chẳng mong gặp phải nghịch cảnh, nói cách khác, cũng là chẳng mong hứng chịu những nỗi khổ ấy, thế nhưng, kẻ nào có thể tránh được? Sanh, lão, bệnh, tử, những thứ này đều là các nỗi khổ cơ bản lớn nhất. Sanh, tử, ai cũng chẳng thể tránh được! Lão: Một người về già sẽ có đủ mọi nỗi khổ. Quý vị thấy người già, thân thể rất khỏe, hết thấy cũng đều bình thường, nhưng cơ năng nơi thân thể đã thoái hóa. Đó là chuyện khiến cho những kẻ tuổi còn rất trẻ chẳng có cách nào hiểu rõ! Bệnh khổ thì mọi người đều biết. Có ai mong mỗi bị bệnh hay chẳng? Nhưng ai cũng chẳng tránh khỏi ngã bệnh. Đó đều là nghịch cảnh. Ái Biệt Ly, Oán Táng Hội v.v... không gì chẳng phải là nghịch cảnh, bất luận kẻ nào mong thoát lia cũng đều chẳng thể

thoát lìa được! Nói cách khác, chúng ta ở trong lục đạo của thế giới Sa Bà này. Trong thiện đạo, ngoài thiên đạo là nhân đạo, nhân đạo kẻ như cũng rất tốt, nhưng nhân đạo vẫn phải hứng chịu những nỗi đau khổ. Quý vị hãy nghĩ xem! So sánh những nỗi đau khổ [trong thế giới Sa Bà] với [những niềm vui trong] thế giới Cực Lạc, hai thứ [tâm lý] “*hân, yém*” (yêu thích, chán ghét) sẽ được tăng mạnh. Đó là điều thứ nhất, phải liễu giải Khổ Khổ.

2) Loại thứ nhì là Hoại Khổ. Hoại Khổ là gì? Cảnh vui trước mắt chẳng thể giữ được. Lạc cảnh và nghịch cảnh tương phản. Nghịch cảnh là cảnh giới chẳng mong thấy; hễ nó xảy đến, đương nhiên là khổ. Lạc cảnh là những điều suy nghĩ hoặc mong cầu trong tâm lý. Chẳng hạn như nói trong tâm lý của người bình phàm, [thường là] mong cầu có địa vị chánh trị rất cao, nhưng chưa chắc là ai cũng đều có thể cầu được. Mọi người đều mong phát tài, chưa chắc ai nấy đều có thể trở thành đại phú ông. Dầu phát tài có rất nhiều tiền, chẳng giữ được, chẳng biết khi nào sẽ bị kẻ khác cướp đoạt hoặc trộm mất, rất khó nói! Nói đến địa vị, từ xưa cho đến hiện thời, hiện nay là thời đại dân chủ, chức vụ tổng thống của một quốc gia phải tranh cử. Đã đắc cử, bất quá là mấy năm, hễ hết nhiệm kỳ là phải chuyển giao! Đại hoàng đế thời cổ chẳng cần bầu bán, nhưng hoàng đế cũng chẳng thoải mái đâu nhé! Thời thời khắc khắc sợ hãi, một mặt sợ ngoại nhân xâm lược, mặt khác lại lo có những kẻ trong nước tạo phản, địa vị của nhà vua sẽ chẳng ổn định. Do vậy, kinh Bát Đại Nhân Giác đã nói rõ ràng “*quốc độ mong manh*”. Đối với lãnh thổ của quốc gia, nước lớn cũng thế, nước nhỏ cũng thế, đều chẳng vĩnh cửu yên ổn, hết sức nguy hiểm, hết sức mong manh!

Các vị đọc lịch sử đã biết: Ngoại trừ, vua Nghiêu, vua Thuấn trong tâm rất thản nhiên, tìm một người hiền năng giao phó đất nước, trong tâm chẳng hề hoảng sợ. [Những ông vua khác] cho tới lúc độc chiếm thiên hạ, làm hoàng đế mà trong tâm vẫn chẳng an được, giết bao nhiêu người trong thiên hạ! Đoạt được thiên hạ, giao cho con cháu, chẳng được mấy đời, con cháu của kẻ đó lại bị người khác lật đổ, bị kẻ khác giết hại, mỗi triều đại đều là như vậy. Quý vị hãy nghĩ xem, có ý nghĩa gì chẳng? Khi làm hoàng đế, đoạt được thiên hạ, có vui sướng hay không? Đương nhiên là vui sướng chứ! Tất cả mọi người có ai dám chẳng nghe lệnh vua? Kẻ có tiền, tiền nhiều ngàn ấy, chính mình muốn sử dụng thế nào bèn dùng như thế ấy, có vui hay không? Đương nhiên là vui sướng. Nếu chẳng vui, có sao những kẻ bình phàm đều tâm tâm niệm niệm mong cầu những thứ ấy? Nhưng bất luận là như thế nào, từ tài sản

cá nhân của một người, cho đến quyền lực của kẻ làm một vị đại hoàng đế, đều chẳng có cách nào giữ mãi! Trong chớp mắt đã chuyển biến. Tám gương rõ rệt nhất mà mọi người đều biết chính là Tần Thủy Hoàng. Thủy Hoàng (始皇) [có nghĩa là] chính ông ta khởi đầu làm hoàng đế, bắt đầu từ ông ta là Nhất Thế, [những vị vua kế tiếp] sẽ là Nhị Thế, Tam Thế... mãi cho đến vạn thế, vạn thế vẫn cứ tiếp tục mãi! Nhưng ông ta vừa chết, Nhị Thế⁴⁰ cũng tiêu luôn, há có gì là vạn thế? Những chuyện này đều là cảnh giới vui sướng chẳng giữ được! Đó gọi là Hoại. Hoại Khổ cũng rất khó chịu đựng! Mọi người chúng ta đều là kẻ bình phàm, chẳng làm hoàng đế, quan to cũng chẳng làm. Sau khi đã làm quan to sẽ biết: Khi mất chức, trong tâm chẳng dễ gì thích ứng được. Thuở tại vị, ra khỏi cửa là có xe, muốn sai phái kẻ nào, bèn sai phái kẻ đó. Sau khi bị mất chức, giao quyền lại, thứ gì cũng đều chẳng có! Trở thành dân chúng bình phàm, hết thấy đều chẳng quen, đó là Hoại Khổ. Quý vị nói xem: Những thứ Hoại Khổ ấy có tránh được hay không? Chẳng tránh được đâu nhé! Bất luận kẻ nào cũng đều chẳng tránh được. Nếu có thể tránh né, đã chẳng phải là thế giới Sa Bà! Thế giới Sa Bà có hiện tượng này!

3) Loại thứ ba là Hành Khổ, “*Hành*” (行) là nỗi khổ gì vậy? Vạn hữu trong vũ trụ đổi dời biến hóa. Vạn hữu trong vũ trụ bao gồm hết thấy thời gian và không gian, hết thấy đều thiên lưu biến hóa (đổi dời biến hóa). Thiên (遷) là chẳng ở yên, từ chỗ này chuyển dời qua chỗ nọ. Lưu (流) là giống như dòng nước chảy, chẳng yên. “*Thiên lưu*” là biến hóa chẳng ngừng. Không Tử từng bảo: “*Thệ giả như tư phù, bất xả trú*

⁴⁰ Tần Nhị Thế tên thật là Doanh Hồ Hợi, là con thứ mười tám trong hai mươi mốt người con của Tần Thủy Hoàng. Từ bé, ông được cha yêu quý, giao cho hoạn quan Triệu Cao dạy dỗ. Khi Tần Thủy Hoàng ngã bệnh, đã hạ chiếu gọi thái tử Phù Tô về kinh chuẩn bị hậu sự. Thừa Tướng Lý Tư và Triệu Cao đã lập mưu triệt hạ Phù Tô và đưa Hồ Hợi lên làm vua, lấy hiệu là Tần Nhị Thế. Nhị Thế tin dùng Triệu Cao và dưới sự thao túng của gã này đã trở thành một ông vua bù nhìn. Nghe lời Triệu Cao, Nhị Thế giết hại các anh em, kể cả những quan chức của họ, dùng những biện pháp khốc liệt để cai trị, xây dựng những cung điện và lăng mộ lộng lẫy, to tát. Triệu Cao thao túng triều chính đến nỗi sai người dâng một con hươu, bảo đó ngựa quý. Nhị Thế không tin, hỏi các quan có phải là con hươu hay không. Các quan nơm nớp trả lời đó là con ngựa! Cuối cùng, Triệu Cao sai Diễm Nhạc giết chết Nhị Thế, để lập Doanh Tử Anh lên ngôi vua, nhưng chỉ bốn mươi sáu ngày sau, Lưu Bang tiến quân vào Hàm Dương, nhà Tần sụp đổ sau bốn mươi lăm năm tồn tại. Nhị Thế chỉ làm vua được ba năm!

da” (Cái đã qua giống như vậy đó, ngày đêm chẳng bỏ). Ngài thấy nước sông, nước chảy suốt ngày đêm chẳng phân biệt, lưu động chẳng ngừng. Ngài nghĩ đến “*thệ giả*” (cái đã qua đi), cái đã qua đi chính là vạn hữu trong vũ trụ đều giống như nước, luôn luôn lưu động chẳng ngừng. Thánh nhân nói như vậy. Các triết gia của Cổ Hy Lạp cũng đã nói: Quý vị rửa chân nơi một con sông, nhúng chân xuống sông để rửa, rửa xong, rút chân lên. Sau khi đã rút chân lên, nước vẫn đang chảy, lại thòng chân xuống, nước trước đó đã sớm chảy đi mất rồi, bây giờ lại rửa, nước lại từ thượng nguồn chảy xuống. Vì thế, “*trú túc cấp lưu, trừu túc phục nhập, dĩ phi tiền thủy*” (đút chân vào dòng nước chảy xiết, rút chân lên rồi lại nhúng chân vào, đã chẳng phải là nước trước đó). Có thể thấy là các triết gia Cổ Hy Lạp cũng nghĩ đến điều này. Phạm là người có suy nghĩ, chịu hướng đến phương diện tâm lý để học tập, sẽ đều phát hiện sự thật này. Quý vị hãy ngẫm xem, vạn hữu trong vũ trụ, kể cả đại địa, trong cái nhìn của phạm phu, dường như đại địa là thật sự đáng tin cậy nhất! Họ chẳng nghĩ đại địa giống hết như nước chảy, chẳng đáng tin cậy chút nào, trong chớp mắt đã sớm nẩy sanh biến hóa. Đại địa là như thế, đối với quốc gia và nhân sự trong thế gian, quốc dân trong một nước, một đại đoàn thể, một tiểu đoàn thể, hay một gia đình, nếu quý vị mong vĩnh viễn giữ mãi bất biến, chẳng có chuyện đó đâu nhé! Thời thời khắc khắc đều biến hóa. Sự biến hóa ấy thuận theo tâm lý cá nhân. Chỉ cần tâm lý vừa biến động, trạng huống trong hiện tại sẽ biến động. Kẻ chẳng vận dụng tâm tư, sẽ chẳng nhìn thấy được!

Đối với người vận dụng tâm tư, quý vị hãy nghĩ kỹ xem, có thời khắc nào chẳng đang biến động? Đã là biến động, nếu chúng ta mong nắm lấy, sẽ chẳng nắm được, cũng giống như nói quý vị duỗi tay ra để níu nước lại, giữ cho nó đừng chảy, có làm được hay không? Chẳng làm được! Ở trong thế gian này, mọi người cư xử rất tốt, chúng ta mong vĩnh viễn đoàn tụ cùng một chỗ, có được hay không? Chẳng thể nào! Không chỉ là bản thân, mà hoàn cảnh khách quan, hết thảy đều luôn biến hóa, giống hết như nước chảy! Đó là vạn hữu trong vũ trụ đời đời biến hóa. Loại [biến hóa] này chẳng thể nói là khổ, hay vui, nhưng quý vị sẽ cảm nhận nó là một nỗi khổ. Nếu nói theo phạm vi nhỏ hơn, đối với bản thân mỗi người chúng ta, quý vị hãy nghĩ xem: Đối với trạng huống sinh lý và tâm lý của chính mình, quý vị có thể tự mình khống chế hay chẳng? Chính mình chẳng thể khống chế được! Nếu quý vị có thể khống chế trạng huống sinh lý, sẽ chẳng bị ngã bệnh. Mỗi người đều có bệnh, có thể thấy là ai nấy cũng đều chẳng thể khống chế sinh lý, tâm lý lại càng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chẳng thể không chế được! Khi chúng ta niệm Phật, niệm tới, niệm lui, chẳng biết đã niệm tới đâu mất rồi! Điều này chứng tỏ cái tâm chúng ta tán loạn, chẳng thể không chế được! Chuyện này gọi là Hành Khổ.

Thứ hai là nói Không. Nên giải thích Không như thế nào? Hiện tượng là Không. Nói theo học lý trong Phật học, trong mắt bọn phàm phu chúng ta, trong thế giới này, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, núi, sông, đại địa, những hiện tượng ấy đều là rất thực tại, nhưng phải liễu giải, Phật pháp đã nói rất rõ ràng: Chúng do các duyên hòa hợp mà có. Bọn phàm phu chúng ta ngỡ những hiện tượng ấy là thật sự có, bất quá đều là do các thứ nhân duyên hòa hợp với nhau mới hiện ra giả tướng ấy. Thân thể và sanh mạng của mỗi người chúng ta vì sao mà có? Xét theo phương diện vật chất, sanh mạng do các thứ thuộc về sinh lý hòa hợp; xét theo phương diện tinh thần, có hiện tượng tâm lý. Tinh thần, vật chất v.v... hòa hợp với nhau, do các duyên hòa hợp mới có sanh mạng của chúng ta. Chẳng có những duyên ấy, hoặc là bất cứ một duyên nào trong các duyên ấy phát sanh biến hóa, sanh mạng liền biến hóa theo. Chẳng hạn như nói thân thể của người hiện thời mắc phải căn bệnh nào đó, bệnh gì vậy? Hoặc là do công năng miễn dịch bị mất đi, [vì thế] chẳng thể chống lại những tấn công bên ngoài. Hễ công năng miễn dịch mất đi, những duyên phận ấy chẳng thể phối hợp. Có vài duyên biến động, biến động [đến nỗi] khiến cho hiện tượng sanh mạng chẳng thể tiếp tục tồn tại. Những các loại tình huống bệnh tật khác cũng đều là do các thứ duyên phát sanh biến hóa. Do vậy, đối với các duyên hòa hợp, hãy chú trọng một chữ Hòa. Kết hợp rất hài hòa với nhau thì mới có thể duy trì tình huống hiện thời. Trong các duyên, nếu có bất cứ duyên nào bất hòa, sẽ ngay lập tức biến hóa, chẳng thể tồn tại. Sanh mạng một người là như vậy, mà một đoàn thể cũng là như vậy. Trong đoàn thể, hễ có một hai gã tiểu nhân xen vào, đoàn thể ấy cũng hỏng bét! Một quốc gia cũng là như vậy, quốc gia có kẻ tiểu nhân nắm quyền, trong chánh phủ có kẻ tiểu nhân chen chân vào, quốc gia ấy cũng hỏng bét! Vì sao hỏng bét? Duyên bất hòa. Các duyên chẳng thể hòa.

Dẫu các duyên hòa hợp, tạm thời bèn có, cũng là duy trì trong một thời kỳ ngắn ngủi, tạm bợ đó thôi, chẳng thể vĩnh cửu! Do vậy, ở đây nói: Giả tướng do các duyên hòa hợp mà có, giống như mộng, huyễn, bọt, bóng. Có những giả tướng ấy thì vẫn giống như nằm mộng vậy. Còn gì nữa? Như huyễn, “huyễn” là nhà ảo thuật thực hiện vài huyễn pháp biến hiện; thoát nhìn dường như là thật sự tồn tại. Trong chớp mắt, lại chẳng thấy nữa! Lại như bọt nước, bong bóng (bọt nước) nổi trên mặt nước, sẽ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tiêu mất rất nhanh. Như ảnh (hình bóng), hình bóng giả dối, càng giả hơn! Chúng ta thấy vạn sự vạn vật trong thế gian do các duyên hòa hợp mà có, bất quá đều như mộng, như huyễn, như bọt nước, như hình ảnh, những thứ ấy đều là giả tướng. Người chẳng thể giác ngộ luôn thấy chúng thật sự tồn tại, người tranh, ta đoạt. Càng tranh đoạt, càng tạo ác nghiệp, đáng sợ quá! Người có kiến giải, tức là người giác ngộ đôi chút, vừa thấy, bèn biết những thứ ấy là những thứ rỗng tuếch, cần gì mà phải tranh đoạt nữa? Quý vị hãy ngẫm xem, đó chính là Không Tướng. Nói tới Khổ Đế, ắt phải liễu giải Không Tướng. Chẳng liễu giải Không Tướng, học Phật sẽ chẳng có cách nào nhập môn!

Đối với Không, trong phần trước đã nói: “*Do các duyên hòa hợp mà có các giả tướng mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Đó là nói rõ, còn điều sau đó, tức “*thật vô chân thể, duyên biến phục không*” (thật sự chẳng có cái Thể chân thật, hễ duyên biến đổi, lại trở thành Không), chính là kết luận. Bởi lẽ, đều là hòa hợp, như mộng, như huyễn, như bọt nước, như ảnh, có nghĩa là phạm phu ngũ chúng thật sự tồn tại; thật ra, đúng là chẳng có thực thể. Chẳng có một cái Thể chân thật, đều là giả tướng hòa hợp mà thôi. Đối với đạo học vấn, hãy nên biết Thể, Tướng, Dụng; những gì chúng ta liễu giải, tiếp xúc đều là giả tướng. Chẳng có giả tướng nào là chân thể. Vì sao? “*Duyên biến phục không*”, nghĩa là nhân duyên vừa chuyển biến, lập tức là không. Ví như từ thời Lục Triều⁴¹ tới nay, hoàng đế toàn là kiến lập kinh đô của đế vương tại Nam Kinh. Tới đời Đường, thi nhân bèn thấy: “*Lục triều như mộng điểu không đề*” (Sáu triều như mộng, chim kêu sưng)⁴². Thời Lục Triều, Nam Kinh rất phồn hoa, triều đại nào cũng đều là thịnh vượng tốt bậc, nổi tiếng lắm! Kẻ làm hoàng đế bèn làm hoàng đế, kẻ làm quan to trong triều đình bèn làm quan to, thịnh vượng hơn bất cứ nơi nào! Kết quả thì sao? Người đời sau thấy bất quá

⁴¹ Lục Triều là sáu triều đại liên tiếp nhau gồm Đông Ngô (do Tôn Quyền sáng lập), Đông Tấn (do Mã Duệ khai sáng), Tống (do Lưu Dụ sáng lập), Tề (do Tiêu Đạo Thành sáng lập), Lương (do Tiêu Diễn sáng lập), Trần (do Trần Bá Tiên sáng lập). Sáu triều đại này đều đóng đô ở Kiến Khang (Nam Kinh). Nam Kinh còn có một tên gọi cổ là Kim Lăng.

⁴² Đây là một câu thơ trong bài thơ vịnh Đài Thành của Vi Trang đời Đường, có tên là Kim Lăng Đô. Đài Thành nằm bên hồ Huyền Vũ ở Nam Kinh, vốn là cung điện riêng của hoàng hậu nước Ngô. Trong niên hiệu Hàm Hòa, Tấn Thành Đế từng xây cung điện ở nơi đây. Bài thơ ấy chỉ có bốn câu như sau: “*Giang vũ phi phi giang thảo tề, lục triều như mộng điểu không đề, vô tình tới thị Đài Thành liễu, y cựu yên lung thập lý đề*” (tạm dịch: “Bên sông cỏ biếc đầm mưa phùn, sáu triều như mộng, tiếng chim sưng, Đài Thành liễu rủ vô tình nhất, đê dài khói phủ vẫn như xưa).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giống như một giấc mộng mà thôi! Còn sót lại gì? Còn lại chim đậu trên cành kêu hót vang vọng trong không trung, cũng là rỗng tuếch! Dùng sự thật này để suy nghiệm, quý vị đọc thơ ca thế gian cũng thế, mà đọc bất cứ sách gì cũng vậy, đâu đâu cũng đều nhìn theo kiểu phân tích “nhân duyên hòa hợp”, [sẽ thấy] mỗi chuyện đều chẳng có cái Thể chân thật. Sau khi chúng ta liễu giải đạo lý này, quý vị chẳng có khổ não. Khi làm quan to, lúc nắm quyền bèn chuẩn bị cho lúc mất quyền, đến khi ngã ngựa, trong tâm chẳng có đau khổ chi hết. Nếu chẳng chuẩn bị tâm lý, lúc thăng tấn rất sung sướng, khi ngã ngựa, sẽ là Hoại Khổ! Đó là vì chẳng hiểu đạo lý Không. Hết thấy mọi chuyện đều có thể nhìn theo kiểu như vậy. Có thể nhìn theo cách như vậy, người tu đạo chúng ta có thể chẳng bị ảnh hưởng bởi danh lợi thế gian, hoặc [bị ảnh hưởng bởi] những chuyện tạo nghiệp do phàm phu trong thế gian tranh chấp lẫn nhau. Chẳng bị ảnh hưởng, chúng ta mới có thể tu đạo tốt đẹp. Nếu không, chúng ta có tri thức và kiến giải bình phàm như mọi người. Họ đã khổ não, ta còn khổ não hơn họ nữa, tu đạo nổi gì? Vì thế, ắt là phải liễu giải đạo lý Không.

Thứ ba là Vô Thường. Vô Thường là chẳng vĩnh hằng. Vĩnh cửu tồn tại thì gọi là Thường, chẳng có chuyện ấy đâu nhé! Vì sao nói là vô thường? Toàn thể thế gian đều là Thành, Trụ, Hoại, Không. Thành (成) là trong quá khứ chẳng có thế giới này, các thứ nhân duyên dần dần thành tựu. Thành tựu đến khi rất tốt đẹp thì gọi là Trụ (住), tức là duy trì hiện trạng (tình trạng trong hiện thời). Hiện trạng ấy duy trì chẳng bao lâu, sau đó sẽ Hoại (壞). Khi hư hoại, bèn có các hiện tượng hư hoại xuất hiện. Khi hoại đến một lúc nào đó, sẽ là Không (空). Chuyện này chẳng cần phải nói cặn kẽ, quý vị đều biết cả rồi! Trong bốn đại kiếp ấy, trong mỗi đại kiếp đều có trung kiếp và tiểu kiếp, [mỗi kiếp] đều có thành, trụ, hoại, không, có các giai đoạn rành rẽ, rõ ràng. Bất cứ thời gian nào, bất cứ lúc nào, đều có “thành, trụ, hoại, không” tuần hoàn; đó gọi là “vô thường”. Nói theo phía con người, sẽ là sanh, trụ, dị, diệt. Thành, trụ, hoại, không, sanh, trụ, dị, diệt, các hiện tượng ấy đều là vô thường. Nếu quý vị chú trọng Thường, chỗ nào sẽ có? Các hiện tượng trong thế gian đều là như thế, ắt phải liễu giải điều này! Nếu chẳng liễu giải, sẽ chấp trước “có thường trong vô thường”, sẽ có phiền não! Trong hiện thời, có người nào trong bọn chúng ta chẳng chấp trước vô thường là thường? Đối với bất cứ thứ gì, cũng đều coi nó là thứ chính mình sẽ có thể giữ gìn vĩnh viễn, toàn là kẻ si nói mớ trong mộng vậy!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thứ tư là Vô Ngã. Vô Ngã là chẳng có ta, chẳng có cái Ngã của chính mình. “Ngã” chính là cái giả ngã mà phàm phu chấp trước, chẳng phải là một cái chân ngã nào khác. Chân ngã là Chân Như bản tánh, phải phân biệt rõ ràng điều này! Phàm phu chẳng nhận biết chính mình có Chân Như bản tánh, luôn chấp trước giả ngã. Phật pháp dạy kẻ phàm phu: Giả ngã là chẳng có (vô ngã). Vì sao chẳng có giả ngã? Vì sao nói là vô ngã? “*Quá vị*” (過未) là quá khứ và vị lai. Quá khứ là đối với đời trước của đời này, đời trước lại có đời trước nữa, bản thân chúng ta cũng chẳng thể nói rõ ràng. Vị lai là bất luận ai trong chúng ta cũng có lúc chết, sau khi đã chết thì sao? Hoàn toàn chẳng có chuyện kết thúc, chẳng phải là nói theo kiểu chủ nghĩa duy vật. Chủ nghĩa duy vật cho là con người chết rồi sẽ chẳng có gì nữa, chủ nghĩa ấy gây nên mê hoặc càng dữ dội hơn! Kẻ bình phàm đều biết: Con người sau khi đã chết, linh hồn vẫn tồn tại. Khi linh hồn lìa khỏi nhục thể đã tử vong, vẫn phải tới một nơi khác để chuyển thế, đó là vị lai. Vị lai hãy còn có vị lai. Có quá khứ, có vị lai, nay chúng ta đang ở trong loài người, trong quá khứ là thuộc đường nào? Chúng ta không biết; vị lai sẽ lại vào đường nào? Chúng ta cũng không biết! Phàm phu bất luận sống trong đường nào, cũng đều chẳng thoát khỏi lục đạo.

Chỗ bất hảo nhất trong lục đạo là địa ngục. Đỡ hơn địa ngục đôi chút là ngạ quỷ đạo. Lại tốt hơn ngạ quỷ đạo một chút là súc sanh đạo, sau đây là A Tu La đạo (trong nhân đạo cũng có A Tu La đạo! Kẻ dễ cáu bẳn nhất, hờ ra là tranh chấp, đấu đá với người khác, hạng người ấy chính là A Tu La đạo trong loài người. Trong loài súc sanh cũng có A Tu La đạo, trong cõi trời cũng có. Trong loài súc sanh, cũng có loài súc sanh dễ nổi sân, cũng có loài tánh khí sân hận, hung tợn rất mạnh mẽ. Những loài đó đều thuộc A Tu La đạo). Sau đây mới là nhân đạo, rồi đến thiên đạo. Luân hồi chẳng ra ngoài lục đạo. Trong lục đạo, hễ sanh vào đường nào trong lục đạo, thân lẫn tâm đều biến đổi. Trong nhân đạo, chúng ta có thân thể và tâm lý của con người. Từ đó suy ra, ở trong súc sanh đạo, biến thành chó, thân thể chó chẳng giống thân thể con người, tâm lý chó cũng chẳng giống tâm lý loài người! Có nghĩa là: Một chúng sanh trong quá khứ, vị lai, qua lại biến hóa, biến huyễn trong lục đạo. “*Biến huyễn*” là chính mình chẳng thể làm chủ, quý vị muốn tìm chân ngã ư? Nếu bảo là thật sự có ngã, chính mình sẽ chẳng phải biến huyễn, có được hay không? Ai bằng lòng biến huyễn như vậy? Nhưng chẳng thể được, không biến đổi không được! Điều này cho thấy: “Chẳng có ngã!” Đó là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nói theo quá khứ và vị lai, còn hiện tại thì sao? Thân thể chúng ta trong hiện tiền là thân Tứ Đại giả hợp. Tứ Đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Thân thể này của chúng ta có thịt, có xương, có nước, có hơi ấm, có hơi thở ra vào (hơi thở được gọi là Phong); do những thứ vật chất ấy giả hợp lại. Những thứ vật chất Địa, Thủy, Hỏa, Phong ấy, bất cứ vật chất nào biến động, [thân thể] sẽ mắc bệnh! Trị bệnh chẳng lành sẽ mất mạng, đây cũng là chẳng có ngã vậy! Nếu thật sự có ngã làm chủ trong ấy, sẽ chẳng thể có những hiện tượng ấy xuất hiện. Do có những hiện tượng giả hợp ấy, [tức là] chẳng do chính mình tự làm chủ, ngay trong hiện thời cũng chẳng tìm được ngã! Vì thế, bất luận là quá khứ, hiện tại, hay vị lai, chẳng tìm thấy chân ngã. Đó là vô ngã. Những thứ ấy đều là giả, là giả huyền, [thế mà] bất luận kẻ nào cũng đều coi nó là chân ngã!

Phàm phu bình phàm chẳng biết chân tướng sự thật, ngỡ khổ là lạc, tưởng không là chẳng không, ngỡ vô thường là thường, tưởng vô ngã là ngã. Vì thế, Phật pháp nói [Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã] để chúng ta liễu giải: Đó là Khổ, đó là Không, Vô Thường, Vô Ngã, ắt cần phải có nhận thức ấy thì mới có thể nhận biết khổ. Sau đây, chuyển khổ thành vui, biến Không thành chân thật, chuyển vô thường thành thường, chuyển vô ngã thành chân ngã. Nơi phàm phu là tứ điên đảo, Phật pháp biến cải tứ điên đảo thành tứ tịnh đức. Nơi phàm phu là tứ điên đảo, vừa được Phật pháp chuyển, liền trở thành tứ tịnh đức. Đối với chữ Không trong tứ tịnh đức, phàm phu là bất tịnh, vì sao ở đây gọi là Không? Sau khi trừ bỏ tứ điên đảo, chẳng còn bất tịnh, chẳng còn chấp trước thì gọi là Không. Tướng Không hiển lộ, biến thành chân thật.

Vì sao âm nhạc trong thế giới Cực Lạc diễn tấu bốn tịnh đức, diễn tấu pháp Tứ Đế? Do có tác dụng! Thế giới Cực Lạc diễn tấu những pháp ấy, nói theo thế giới Sa Bà, người tu pháp môn Quán Tưởng Niệm Phật trong thế giới Sa Bà có thể nghe thấy. Thật sự dụng công đắc Định, sẽ có thể nghe các pháp ấy. Khi nghe những pháp ấy, công phu sẽ tiến bộ nhanh hơn. Lại nói theo thế giới Cực Lạc, đã vãng sanh thế giới Cực Lạc, còn cần đến âm nhạc để làm gì? Nói theo cõi ấy, người đời nghiệp vãng sanh (là những kẻ chẳng đoạn Hoặc trong thế gian này, mang theo nghiệp để sanh về thế giới Cực Lạc) vẫn phải nghe pháp để cầu ngộ. Do vậy, trong thế giới Cực Lạc phải diễn vô lượng pháp môn. Trong vô lượng pháp môn, có pháp môn Tứ Đế; trong pháp môn Tứ Đế, có Khổ Đế.

IV.2.2.3.3. Phàm thánh duyên cảnh

Các vị xem biểu đồ: “*Phàm thánh duyên cảnh*”. “*Phàm*” (凡) là phàm phu. “*Thánh*” (聖) nếu nói rộng rãi, phàm quý vị học Phật pháp, tin sâu Phật pháp, chẳng nghi, chánh tri, chánh kiến, đều được xem là thánh. Lấy phàm phu để nói, đối với bốn tướng của Khổ Đế, họ đều chẳng chịu nổi! Ví như nói khi “*duyên khổ*”, [tức là] bị khổ, bất luận là Khổ Khổ, Hoại Khổ, hay Hành Khổ, nhất là Khổ Khổ, kẻ ấy liền oán hận. Hoại Khổ đương nhiên cũng là như vậy, oán hận giống hệt. Vì thế, khi bị khổ, liền dấy lên tâm lý oán hận. Họ liễu giải sự thật về Không, vốn chấp trước Không, nhưng khi sự thật thuộc về Không phát sanh, chịu không nổi, cảm thấy bị ai. Vì thế, có rất nhiều kẻ bị quan, thấy những sự thật thuộc về Không phát sanh, họ chịu không nổi ảnh hưởng, cảm thấy bị ai. Duyên vô thường thì sao? Hễ chuyện vô thường phát sanh, liền cảm thấy thất vọng. Đối với vô ngã, khi chuyện vô ngã xảy ra, tâm lý cảm thấy sợ hãi. Lúc bình thường, thấy hết thấy đều là ngã, hết thấy có ngã. Trong lúc bệnh nặng, hoặc lúc sắp chết, họ sợ hãi; đó là hiện tượng nơi mọi kẻ phàm phu. Người thật sự có đạo, chẳng giống như vậy. Người có đạo đã sớm biết vô ngã, chẳng sợ hãi gì, chết là chuyện đương nhiên, chính mình đã sớm chuẩn bị sẵn, có nơi để đến; vì vậy, chẳng sợ hãi. Thánh nhân là người đã ngộ giải thoát, là người học Phật thành công, là bậc có chánh tri chánh kiến, bất luận là khổ, là không, là vô thường, hay vô ngã, họ đều sớm liễu giải, tâm lý đã sớm chuẩn bị sẵn, đã sớm ngộ. Họ ngộ những lý ấy, [cho nên] có thể giải thoát.

Tám thứ gió mát đã nói trên đây, lay động, tấu các nhạc khí, diễn thuyết pháp âm. “*Thị vi thủy tướng, danh đệ nhị Quán*” (Đó gọi là tướng nước, là phép Quán thứ hai). Đây là lời kết luận. Trong phép Quán thứ hai, có thể quán y báo trang nghiêm, điều quan trọng nhất chính là pháp âm như vừa mới nói. Hôm nay tôi giảng đến chỗ này thì ngưng!

Tập 22

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin hãy mở kinh bốn, trang thứ tám, bắt đầu từ hàng thứ bảy. Trước hết, tôi đọc đoạn kinh văn này.

(Kinh) Thử tướng thành thời, nhất nhất quán chi, cực linh liễu liễu, bế mục khai mục, bất linh tán thất. Duy trừ thực thời, hằng ức

thử sự. Như thử tướng giả, danh vi thô kiến Cực Lạc quốc địa. Nhược đắc tam-muội, kiến bỉ quốc địa, liễu liễu phân minh, bất khả cụ thuyết. Thị vi địa tướng, danh đệ tam quán.

(經)此想成時，一一觀之，極令了了。閉目開目，不令散失。唯除食時，恒憶此事。如此想者，名為麤見極樂國地。若得三昧，見彼國地，了了分明，不可具說。是為地想，名第三觀。

(Kinh: Khi tướng này thành, quán từng điều một sao cho hết sức rõ ràng. Nhắm mắt, mở mắt, chẳng để tan mất. Chỉ trừ khi ăn, luôn nhớ chuyện này. Tướng như vậy gọi là thấy đất đai trong cõi Cực Lạc về phân thô. Nếu đắc tam-muội, sẽ thấy đất trong cõi ấy rành rẽ, phân minh, chẳng thể nói trọn. Đó là tướng đất, gọi là phép Quán thứ ba).

IV.2.2.4. Phép Quán thứ ba, Địa Quán

Tạm thời hãy đọc hai tiểu đoạn này. Mười sáu phép Quán giảng cho tới hôm nay, bắt đầu giảng về phép Quán thứ ba, tức là quán đại địa trong thế giới Cực Lạc. Lần trước, chỉ mới nói xong Thủy Quán. Quán Thủy Quán thành công, nói cách khác, là từ nước biến thành băng, từ băng lại biến thành lưu ly. Quán đất lưu ly thành công, quán đất trong toàn thể thế giới Cực Lạc cũng đã quán thành tựu. Hôm nay nói về địa quán, dựa trên những điều đã được quán trước đó, lại nói tiếp về hai tầng cảnh giới trong địa quán:

- Tầng thứ nhất là dùng những điều đã tưởng trong tâm, tưởng thấy lãnh thổ Cực Lạc.

- Tầng thứ hai là đắc tam-muội (đại định), hoàn toàn thấy toàn thể đại địa trong cõi Cực Lạc. Trọng điểm của phép Địa Quán được nói trong ngày hôm nay chính là nói về điều này!

Câu đầu tiên mở đầu đoạn kinh văn này là “*thử tướng thành thời*” (khi tướng này đã thành), thừa tiếp những điều đã nói trong đoạn trước. Trong đoạn trước đã nói do quán nước mà quán toàn thể đại địa bằng lưu ly, lại quán các thứ trang nghiêm trên mặt đất, cùng với hoa tràng, nhạc khí v.v... [*“thử tướng thành thời”*] là lúc quán tướng [những điều trang nghiêm ấy] đã thành tựu. Câu “*thử tướng thành thời*” có nghĩa là khi đã thành tựu phép quán tướng Thủy Quán. Sau đây, tiếp tục “*nhất nhất*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

quán chi” (quán từng điều một). “*Nhất nhất quán chi*” là đối với những thứ đã được quán ấy, tức là đại địa và hết thảy cảnh vật trên đại địa, [đều quán] “*cực linh liễu liễu*”, “*cực*” (極) là đạt tới tột cùng, đã đạt tới chỗ cùng cực. Chữ Liễu (了) trong “*linh liễu liễu*” có nghĩa là rõ ràng, thật sự hết sức triệt để, hết sức rõ rệt. Lại thêm vào một chữ Liễu nữa với dụng ý nhấn mạnh, [hàm nghĩa quán tưởng từng thứ trang nghiêm] rõ ràng nhất và triệt để nhất. Quán sát như vậy đến mức độ nào? “*Bé mục khai mục, bất linh tán thất*” (nhắm mắt, mở mắt, chẳng để cho tan mất): Nhắm mắt, cố nhiên là tưởng tình huống ấy, tưởng rành rẽ, phân minh. Mở banh mắt ra, vẫn là thấy rõ ràng, phân minh. Vì sao phải nhắm mắt, mở mắt? Chúng ta bình thường cũng có thể dụng công như vậy để thử xem, chúng ta đang tưởng thế giới Cực Lạc đó nghe! Chúng ta dựa theo cảnh giới y báo trang nghiêm được nói trong kinh A Di Đà: Cảnh tượng các thứ trang nghiêm trong ao bảy báu, bắt đầu nhắm mắt tưởng. Nhắm mắt lại sẽ dễ tưởng hơn, mà cũng tưởng rõ ràng hơn, nhưng mở mắt thì sao? Chúng ta trông thấy hoàn cảnh thực tại trong thế giới Sa Bà! Vì thế, thường là nhắm mắt bèn có thể tưởng thấy y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc; hễ mở mắt bèn chẳng tưởng được. Mở mắt sẽ đối diện hoàn cảnh hiện thực trong thế giới này, tình huống sẽ khác hẳn. Ở đây thì sao? Bất luận nhắm mắt hay mở mắt, đều có thể trông thấy. Hễ có thể thấy thì phép Quán này thành tựu. Nếu chẳng thành tựu, nhắm mắt tưởng, có thể tưởng ra hình dạng lớp lang rõ rệt. Vừa mở mắt, đầu tưởng mà chẳng thấy nữa. Do vậy, người ấy (người đã tu thành tựu phép Quán này) nhắm mắt hay mở mắt, đều là [thấy cảnh quán tưởng] rõ ràng, phân minh, chẳng để [cảnh tượng ấy] bị thất lạc (đừng để nó tan tác, thất lạc), tức là các thứ trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc thường ở trước mắt, có thể thường xuyên trông thấy!

“*Duy trừ thực thời*” (Chỉ trừ lúc ăn), chỉ trừ lúc ăn cơm ra. Ăn cơm thì đương nhiên là phải ăn này nọ, chẳng thể quán tưởng được! Lúc chẳng ăn thì sao? “*Hằng ức thử sự*” (Luôn nghĩ đến chuyện này), thường xuyên vĩnh viễn quán tưởng, “*ức*” (憶) là ghi nhớ. Ghi nhớ những điều đã nói trên đây, chẳng để mất đi. Chữ “*thử sự*” chỉ những thứ cảnh tượng trang nghiêm đã được quán tưởng thành tựu. Nói cách khác, trừ lúc ăn cơm ra, trong hết thảy những khi khác, luôn phải giữ sao cho những cảnh tượng trang nghiêm đã quán thành công đều trông thấy rõ ràng, chẳng bị mất đi. “*Như thử tướng giả*” (Tưởng như thế), luôn nhớ những chuyện đúng như vừa nói trên đây, bất luận nhắm mắt hay

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mở mắt, cảnh tượng nơi y báo đều ở trước mắt. Quý vị quán tưởng như vậy, gọi là gì? Gọi là “*thô kiến Cực Lạc quốc địa*” (thấy đất đai trong cõi Cực Lạc về phần thô), “*thô*” (麤) là khá thô thiên, chẳng phải là rất vi tế. Thấy đất trong cõi Cực Lạc về phần thô, đó là quán tưởng từng bước một, từ quán nước cho đến quán đất lưu ly, từng tầng một tầng đất trong cõi Cực Lạc. Tuy là thấy về phần thô, cũng là tuyệt diệu lắm!

Trong đoạn tiếp theo: “*Nhược đắc tam-muội, kiến bỉ quốc địa, liễu liễu phân minh, bất khả cụ thuyết*”. Tức là nếu đắc tam-muội, tiến hơn bước nữa là khi đã đắc tam-muội, “*kiến bỉ quốc độ*”, thật sự thấy cõi nước ấy. Chữ Bỉ (彼) chỉ thế giới Cực Lạc. Khi đắc tam-muội, thấy đất trong cõi Cực Lạc, thật sự trông thấy đại địa của cõi Cực Lạc, thấy rõ ràng, phân minh, chẳng thể nói trọn! Đoạn nói đến chuyện thấy đất đai trong cõi Cực Lạc về phần thô trên đây vẫn là thuận túy dựa vào sự quán tưởng trong tâm mà có (từ trong tâm tưởng mà quán tưởng ra). Khi ấy, thật sự đắc tam-muội, tam-muội là gì? Tam-muội (Samadhi) còn gọi là Tam-ma-đề, hoặc gọi là Tam-ma-địa, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Định. [Đắc] tam-muội là “*nhập Định*”. Trong bộ kinh này, trong phần trước, phu nhân Vi Đề Hy đã thỉnh cầu đức Phật hãy dạy cho bà: “Chánh Thọ là như thế nào?” Tam-muội còn gọi là Chánh Thọ (正受). Vì sao gọi là Chánh Thọ? Thật sự tiếp nhận pháp do quý vị đã quán, bèn gọi là Chánh Thọ, thường gọi là “*nhập đại định*”.

Đại định còn gọi là tam-muội. Do dựa theo các thứ pháp môn tu Định [sai khác] mà [tam-muội] có tên gọi sai khác, thật ra đều là đại định. Chẳng hạn như nói: Pháp môn Niệm Phật dựa theo phương pháp được dạy trong kinh Tiểu A Di Đà để tu trì danh niệm Phật, đắc nhất tâm bất loạn, cũng là “*đắc tam-muội*”. Tam-muội ấy được gọi là Trì Danh Niệm Phật tam-muội. Ở đây, tam-muội được nói trong Quán Kinh là gì? Là Quán Tưởng Niệm Phật tam-muội. Tam-muội là danh xưng chung được nói trong các bộ kinh Đại Thừa. Trong Tịnh Độ Tông, chúng được gọi chung là Niệm Phật tam-muội. Trong Niệm Phật tam-muội, lại chia thành Trì Danh Niệm Phật tam-muội, Quán Tưởng Niệm Phật tam-muội... Đắc tam-muội sẽ tuyệt diệu lắm. Cảnh giới trông thấy [trong tam-muội] và cảnh giới được trông thấy về phần thô [do quán tưởng] vừa nói trên đây hoàn toàn bất đồng. Đã đắc tam-muội, sẽ thấy đại địa trong thế giới Cực Lạc, thấy rõ ràng, rành rẽ. “*Rõ ràng, rành rẽ*” là thấy đại địa trong toàn thể thế giới Cực Lạc rõ ràng, rành rẽ, chẳng có chỗ nào không thấy. Cảnh tượng trang nghiêm đã nhiều như thế, hoàn cảnh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trang nghiêm trên đại địa lại tốt đẹp dường ấy, chẳng thể nói trọn. “*Chẳng thể nói trọn*” là chẳng có cách nào nói hoàn toàn! Dầu quý vị có thần thông to đến cỡ nào, tất cả những điểm tốt đẹp trong thế giới Cực Lạc đều nói chẳng tận, đó gọi là “*bất khả cụ thuyết*”.

Ở đây, cần nghiên cứu đôi chút. Vì sao khi đắc tam-muội, thấy đất đai trong cõi ấy rành rẽ, rõ ràng, mà chẳng thể nói trọn? Trước khi đắc tam-muội, tuy là thấy, chỉ là thấy cõi nước Cực Lạc về phần thô, hai điều này khác biệt ở chỗ nào? Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng giảng về sự khác biệt giữa “*đã đắc tam-muội*” và “*chưa đắc tam-muội*”. Đức Phật nêu tỷ dụ: Trong quá khứ, chính Ngài học bắn tên. Khi bắt đầu học, phải chuyên tâm nhất trí chú ý, tập trung tinh thần, tập trung sức chú ý, nhắm chuẩn xác mục tiêu để bắn. Sau khi đã luyện tập thành thạo, hễ chú ý, mỗi phát đều là bách phát bách trúng. Chỉ cần tùy tiện cầm lấy cung tên, vừa chú ý liền bắn trúng mục tiêu. Về sau, dần dần công phu tiến hơn một tầng nữa, dầu chẳng cần chú ý, chỉ cần bắn, không lúc nào chẳng trúng. Vốn là phải chú ý, vẫn phải dùng một chút sức, vẫn phải vận dụng công phu, về sau, trở thành tự nhiên, chẳng cần chú ý, tự nhiên bách phát bách trúng, mặc lòng có thể đạt tới công phu luyện tập thành thạo. Điều này có nghĩa là: Một đằng vẫn cần phải dụng công, một đằng là công phu chín muồi. Khi đã đạt tới chỗ chẳng cần dụng công, tức là khi đã đạt tới vô công dụng hạnh, bản thân quý vị chẳng chú ý, không sao hết, tùy ý cầm lấy cung tên, sẽ tự nhiên hễ bắn liền trúng, trúng ngay mục tiêu. Trong tiêu đoạn trước, thấy đất đai cõi Cực Lạc về phần thô, giống như bắn tên: Khi khởi đầu, phải tập trung tinh thần, trừ lúc ăn cơm ra, trong những thời điểm khác, đều phải tập trung tâm lực, thường quán tưởng chuyện này. Sau khi đã đắc tam-muội, chẳng cần dụng công như vậy, mà là tự nhiên, thật sự trông thấy, có điểm phân biệt này.

Lại nói đến các quốc độ trong thế giới Cực Lạc, chúng ta đều biết thế giới Cực Lạc có bốn quốc độ. Quốc độ được nói trong đoạn giảng về “*thấy đất đai Cực Lạc về phần thô*” chính là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đắc tam-muội, quốc độ được thấy trong thế giới Cực Lạc sẽ là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Những gì được thấy trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư tuy cũng hết sức trang nghiêm (ví như nói [từ] thế giới Sa Bà cho đến mười phương thế giới, bất cứ thế giới nào cũng đều chẳng sánh bằng), nhưng cõi Thật Báo Trang Nghiêm càng trang nghiêm hơn nữa. Vì sao gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ? “*Độ*” (quốc độ) là y báo. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm chính là y báo để Báo Thân Phật nương vào. Nói thông thường, hàng đại Bồ Tát có công phu có thể thấy thân Phật,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thân Phật do hàng đại Bồ Tát nhìn thấy cũng thế, mà thân Phật do chúng sanh bình phàm trông thấy cũng thế, đều gọi chung là Tha Thọ Dụng Thân. Tha Thọ Dụng Thân chính là Ứng Thân, do ứng theo lòng mong cầu của chúng sanh mà ứng hiện ra, nên gọi là Ứng Thân. Thông thường, phàm phu trông thấy Ứng Thân hết sức nhỏ. Chẳng hạn như nói tới [thân tướng của đức Phật mà chúng sanh] được thấy trong thế giới Sa Bà. Vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, [thân tướng của] Thích Ca Mâu Ni Phật mà các hàng đệ tử và người trong thế tục (tức là phàm phu) trông thấy đều là Ứng Thân. Ứng Thân ấy gọi là Liệt Ứng Thân (劣應身), Liệt (劣) là khá kém cõi. Còn có thân nào nữa? Thắng Ứng Thân. Thắng (勝) là thù thắng, vượt trội Liệt Ứng Thân. Bọn phàm phu tầm thường chúng ta chẳng thể thấy Ứng Thân thù thắng, hàng Bồ Tát bình phàm cũng chẳng thể thấy được! Nhất định là phải đạt tới Địa Thượng Bồ Tát thì mới có thể thấy Thắng Ứng Thân. Đối với Thắng Ứng Thân, nói theo ba thân của Phật, thì là Báo Thân Phật, mà cũng là Ứng Thân. Ứng Thân do Báo Thân phân thân xuất hiện để ứng hóa thì thuộc về Thắng Ứng Thân. [Đối với người đã] đắc tam-muội, quốc độ do [người ấy trông thấy] trong thế giới Cực Lạc sẽ là cõi nước nơi Thắng Ứng Thân của A Di Đà Phật cư trụ, và cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, [tức là cõi nước] được trang nghiêm bằng thật báo. Do có mối quan hệ này, ắt phải là đã đắc tam-muội, [thì mới] thật sự trông thấy đại địa, thấy rành mạch, rõ ràng. Tuy thấy rành mạch, rõ ràng, nhưng chẳng thể nói trọn hết được!

“*Thị vi địa tướng, danh đệ tam Quán*” (Đây gọi là tướng đất, gọi là phép Quán thứ ba). Có thể đắc tam-muội, thấy đại địa, tức cõi đất trong thế giới Cực Lạc như vậy thì gọi là Địa Tướng. Trong mười sáu phép Quán, [phép Quán này] được gọi là phép Quán thứ ba.

Trong hai tiểu đoạn trên đây, từ “*nhất nhất quán chi*” (quán từng điều một) cho đến “*thô kiến Cực Lạc quốc địa*” (thấy đất đai Cực Lạc về phần thô) chính là dần dần quán tướng thành tựu, gọi là Tiệm Tướng Quán. Tiểu đoạn từ “*nhược đắc tam-muội*” cho đến “*danh đệ tam Quán*” được gọi là Xứng Thật Quán. Xứng Thật (稱實) là hoàn toàn thật sự quán thấy thế giới Cực Lạc, chẳng phải là tưởng ra, mà là thật sự trông thấy. Lại còn thấy cõi Thật Báo Trang Nghiêm là nơi Thắng Ứng Thân của A Di Đà Phật ngự.

Trong đoạn kinh văn tiếp theo, đức Phật sẽ nói tới những lợi ích mà người tu học, hành trì pháp Quán ấy sẽ đạt được. Tôi đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Phật cáo A Nan, nữ trì Phật ngữ, vị vị lai thế nhất thiết đại chúng, dục thoát khổ giả, thuyết thị quán địa pháp. Nhược quán thị địa giả, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội, xả thân tha thế, tất sanh tịnh quốc, tâm đắc vô nghi.

(經)佛告阿難，汝持佛語，為未來世一切大眾，欲脫苦者，說是觀地法。若觀是地者，除八十億劫生死之罪。捨身他世，必生淨國，心得無疑。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan: “Ông trì lời Phật, vì hết thảy đại chúng trong đời vị lai, đối với những người muốn thoát khổ, hãy nói pháp quán đất này. Nếu quán cõi đất ấy, sẽ trừ được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Xả thân, sanh sang đời sau, ắt sanh về cõi tịnh, tâm chẳng nghi ngờ”).

Đoạn này nêu ra lợi ích của pháp quán đất. “*Phật cáo A Nan*”, chữ “*Phật*” chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan: “*Nữ trì Phật ngữ*”, “*nữ*” (汝) là ông, “*trì*” (持) là thọ trì. Ông thọ trì pháp ta đã giảng, căn cứ trên lời ta đã dạy để làm theo. “*Vị vị lai thế nhất thiết đại chúng*” (Vì hết thảy đại chúng trong đời vị lai), ông hãy vì tất cả chúng sanh trong đời vị lai, không chỉ là hiện tại. Trong hiện tại, ta là Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì phu nhân Vi Đề Hy giảng pháp này, trong tương lai thì sao? Đấy chính là đời vị lai! Đời vị lai lâu dài cỡ nào? Từ thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật mãi cho đến thời đại hiện tại, đều gọi là “*vị lai thế*”. Nói cách khác, [đức Phật] đã vì lũ chúng sanh chúng ta trong hiện thời mà nói bộ kinh này. Đức Phật bảo tôn giả A Nan, ông phải vì hết thảy đại chúng trong đời vị lai, “*nhất thiết đại chúng*” nghĩa là tất cả chúng sanh. “*Tất cả chúng sanh*” là nói tới những chúng sanh nào? “*Dục thoát khổ giả*” (Những người muốn thoát khổ). Những kẻ chẳng mong thoát khổ thì chẳng cần phải nói! Có nói cũng vô dụng, họ chẳng mong thoát khổ! Phàm là những người mong thoát khổ thì sao? Chính là hết thảy đại chúng mong thoát khổ trong đời vị lai. Ông hãy nên “*thuyết thị quán địa pháp*”, [nghĩa là] hãy nói cho họ biết phép Quán đại địa trong pháp môn quán thế giới Cực Lạc. Về sau, tôn giả A Nan ghi chép các pháp do đức Phật đã nói (tôn giả A Nan hoàn toàn ghi nhớ). Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Niết Bàn, Ngài bèn kết tập,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

dùng văn tự ghi chép thành kinh điển. Có kinh điển thì hết thầy đại chúng trong đời vị lai mới có thể liễu giải pháp này. Đây là pháp thuyết cho hết thầy đại chúng trong đời vị lai, chính là bộ Quán Kinh này!

Nay nói tới pháp quán đất; vì sao phải nói pháp quán đất? “*Người muốn thoát khổ*” [mong] thoát những nỗi khổ nào? Chúng ta ắt cần phải tăng cường nhận thức! Mỗi người chúng ta đều có cảm nhận, mức độ cảm nhận có cạn, có sâu, chẳng đồng đều, nhưng đều có đau khổ. Những nỗi thống khổ của chúng sanh trong Dục Giới, nhất là nhân gian có tám thứ đại khổ, chẳng cần phải nói cạn kẽ, mọi người đều biết cả rồi! Trong tám thứ khổ to lớn ấy, bất luận kẻ nào cũng đều chẳng tránh được sanh, lão, bệnh, tử, lại còn Ái Biệt Ly (愛別離) tức là người nhà chẳng thể đoàn tụ, Oán Tắng Hội (怨憎會) là những kẻ chẳng hợp nhau, cứ một mực oán gia tụ hội. Quý vị nói xem, có đau khổ hay là không?

Lại có Cầu Bất Đắc (求不得), [nghĩa là] những thứ quý vị mong cầu mà chẳng đạt được. Chúng sanh phạm phu tham cầu quá nhiều, bất cứ những gì quý vị mong cầu mà chẳng đạt được, chẳng thể thỏa mãn, đều là đau khổ, rất nhiều! Đó là nỗi khổ trong nhân gian. Lại nói đến cõi trời, trên trời có đủ mọi niềm vui thú, hưởng thụ rất tốt đẹp! Toàn thể thời gian [trên cõi trời] được tính toán như thế nào? Thời gian trên cõi trời dài hơn trong nhân gian của chúng ta khá nhiều. Thời gian một ngày trong nhân gian, đến cõi trời, bất quá chỉ bằng một cái khảy ngón tay ngắn ngủi, tạm bợ. Chúng ta ở trong nhân gian vài chục năm, bất quá cũng chỉ là thời gian một ngày hoặc nửa ngày trên trời mà thôi. Vì thế, thời gian trên cõi trời dài hơn nhân gian quá nhiều, nhưng thời gian trên cõi trời trong thế giới Sa Bà đem so với thời gian trong thế giới Cực Lạc sẽ chẳng thành tỷ lệ! Dầu chúng sanh làm rất nhiều sự nghiệp từ thiện, sanh lên Dục Giới Thiên, hưởng báo ứng tốt đẹp, có đủ mọi sự hưởng thụ vui sướng, chẳng được bao lâu đã hết (chết đi). Hưởng hết phước, sanh mạng cũng hết. Ở trên cõi trời, hưởng thụ một khoảng thời gian, nhưng so sánh với thế giới Cực Lạc, bất quá cũng là ngắn ngủi, tạm bợ như trong một cái khảy ngón tay, hãy ngẫm xem, có ích gì chẳng? Huống hồ mong sanh lên cõi trời vẫn chẳng dễ dàng cho lắm! Nếu mong cậy vào tâm lý của bọn phạm phu chúng ta trong hiện thời để sanh thiên, đừng nói là nằm mộng, đời sau mong giữ được thân người đã chẳng dễ dàng cho mấy! Hãy xem người trong xã hội hiện thời, xem xét những gì tâm họ suy tưởng và hành vi biểu hiện, họ làm sao có thể sanh thiên cho được? Làm sao có thể trở lại nhân gian cho được? Thích Ca Mâu Ni Phật

đã sớm dự liệu điều này! Họ chẳng thể sanh thiên, mà cũng chẳng thể giữ nổi thân người, sẽ sanh trong tam đồ. Hãy thừa dịp hiện thời còn chưa mất thân người, ngay lập tức phải giác ngộ! Nắm chắc thân người, vẫn còn chưa mất cơ hội. Đối với người hiểu Phật pháp, hiểu pháp môn Tịnh Độ, công đức lớn nhất là phải khuyên kẻ khác niệm Phật, khuyên người ta phát tâm vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chúng ta đừng nghe những kẻ bên ngoài nói: “Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới xa xôi ngàn ấy, chẳng thà kiến lập Tịnh Độ trong nhân gian thì tốt hơn”. Đó toàn là những lời lẽ dường như đúng, nhưng thật ra sai be bét! Kiến lập nhân gian Tịnh Độ bằng cách nào? Nhân gian uest độ! Đối với thế gian mà ngay cả cõi nước của con người [đúng nghĩa] còn chưa thể kiến lập được, còn mong [kiến tạo] nhân gian Tịnh Độ ư? Đúng là lời lẽ cuồng vọng! Vì thế, chúng ta đã hiểu pháp môn này, chẳng nói gì khác, nếu quý vị mong thật sự làm công đức, phải khuyên người khác phát nguyện cho nhiều, phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, ắt phải niệm Phật, phát nguyện, cầu sanh về đó.

Trong bộ kinh này, [đức Phật] đã vì chúng sanh trong đời vị lai nói pháp quán đất, đó là vì đại chúng mong thoát khổ trong đời vị lai [mà nói]. Nỗi khổ ấy chính là sanh tử đại khổ do luân hồi trong lục đạo. Nhìn vào trạng huống trước mắt của chúng sanh luân hồi trong lục đạo, [ta thấy] chẳng phải là luân hồi trong lục đạo, mà là luân hồi trong tam đồ, càng khổ sở hơn nữa! Do vậy, sau khi chúng ta đã liễu giải, sẽ biết đức Phật quá đổi từ bi, mong lưu truyền kinh này (pháp này) cho hậu thế, hòng khiến cho chúng ta liễu giải. Liễu giải pháp này thì mới biết có pháp nào để có thể thoát khổ. [Nếu Ngài] chẳng nói pháp này, quý vị thoát lìa bằng cách nào? Tới đâu để thoát? Không có chỗ nào để có thể thoát. Vì thế, đoạn này khiến cho chúng ta hiểu rõ một điểm quan trọng nhất: Chính mình phải cảnh giác, ắt là chính mình mong thoát khổ. Chính mình chẳng mong thoát khổ, dầu Thích Ca Mâu Ni Phật có giảng giải, cũng chẳng có cách nào cả!

Còn có những bản chú giải của tổ sư giúp chúng ta liễu giải đôi chút, liễu giải điều gì? Một mặt là liễu giải chính mình, mặt khác là liễu giải: Để khuyên lon kẻ khác, đồng thời cũng phải liễu giải “lai lịch” của kẻ khác. Có nghĩa là sao? Ví như chúng ta khuyên người khác: “Quý vị phải tin pháp môn Tịnh Độ nhé! Phải niệm Phật, phải cầu sanh thế giới Cực Lạc”. Chúng ta nói thì cứ nói, chứ đối phương có nghe mà cũng như chẳng nghe! Quý vị bảo họ hãy tin tưởng, họ chẳng thể tin tưởng, họ chỉ là âm ừ qua quít ngoài miệng! Tổ sư bảo hạng người ấy là kẻ vừa mới từ

tam đồ thoát ra, đời này mới được làm thân người, hãy còn rất nhiều nghiệp chướng trong quá khứ ngăn trở kẻ đó, chẳng thể dậy nổi tín tâm! Điều này có thể giúp cho chúng ta quán sát căn cơ! Chúng ta khuyên kẻ khác niệm Phật, thường là gặp tình hình ấy. Trong xã hội hiện thời, người như vậy rất nhiều. Thậm chí họ niệm Phật bề ngoài, họ niệm Phật là niệm cho quý vị thấy; trên thực tế, chẳng phải là như vậy! Trên thực tế, về căn bản, kẻ đó chẳng tin có thể giới Cực Lạc, hạng người ấy đáng ngại lắm! Họ giả vờ cậy vào niệm Phật để mong cầu chuyện khác, có thể nói là [những người như vậy] đều có chướng ngại, nghiệp chướng rất nặng. Đó là quán người khác. Lại còn kèm theo là quán tướng chính mình, liễu giải chính mình, có nghĩa là: Vừa nghe nói pháp môn Tịnh Độ có những điều tốt đẹp, hiểu rõ từng điều một trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhìn lại thế giới Sa Bà, bên kia vui sướng dường ấy, bên này khổ sở ngàn ấy. So sánh hai bên, phát khởi tín tâm quyết định, lại còn phát khởi cái tâm hết sức hoan hỷ. Đối với cái tâm hoan hỷ ấy, bất cứ điều gì tốt lành trong thế giới Sa Bà cũng chẳng có cách nào thay đổi cái tâm hoan hỷ ấy. Cũng có nghĩa là tôi đem toàn bộ một quốc gia tốt đẹp nhất trong thế giới Sa Bà tặng cho quý vị, cho quý vị làm đại tổng thống quốc gia ấy. Nhiệm kỳ làm đại tổng thống được mấy năm đã hết, chẳng cần! [Dầu cho] quý vị làm đại tổng thống suốt đời, chẳng cần phải bầu bán, giống như làm hoàng đế trong quá khứ vậy, để cho quý vị một mực làm mãi. Quý vị phải liễu giải những điều tốt đẹp trong thế giới Cực Lạc, liễu giải những điểm bất hảo trong thế giới Sa Bà: [Dầu] vĩnh viễn làm đại hoàng đế trong Sa Bà, một mực làm đến chết mới thôi; vẫn phải chết đó nghe! Do vậy, quý vị vẫn chẳng cần, bảo quý vị đừng vãng sanh thế giới, hãy làm đại hoàng đế, quý vị thà nguyện chẳng làm, vẫn mong vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị là người như vậy đó, có tín tâm và quyết tâm như vậy đó! Có thể biết: Chẳng phải là đời này quý vị mới bắt đầu học Phật, mà là từ nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ đã từng nghe Phật pháp, sớm có nhân duyên đối với pháp môn Tịnh Độ. Do vậy, hiện nay vừa mới nghe pháp môn Tịnh Độ bèn có tâm hoan hỷ, có quyết tâm như vậy. Đối với hai loại người như tổ sư đã chú giải, nếu chúng ta thuộc về loại này, sẽ cảm thấy rất an ủi, phải gìn giữ cái tâm ấy! Mặt khác, nếu làm công đức, quý vị khuyên nhiều người học pháp môn Tịnh Độ, đến khi hết tuổi thọ, sẽ chẳng có vấn đề, tuyệt đối có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Trong tiêu đoạn tiếp theo, có nói: “*Nhược quán thị địa giả, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội*” (Nếu ai quán đất ấy, sẽ trừ tội trong tám

mười ức kiếp sanh tử). Chúng ta biết chúng sanh sanh tử chẳng ngừng, vì chính mình đã tạo rất nhiều tội nghiệp, do bị tội nghiệp chướng ngại, khiến cho chúng ta sanh tử chẳng ngừng, sanh rồi chết, chết rồi sanh, vĩnh cửu ở trong lục đạo, xoay chuyển qua lại chẳng xong! Dùng công phu quán đất sẽ có thể giải trừ, giải trừ điều gì? Tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Đối với mỗi người chúng ta, tội nghiệp đã tạo trong một đời đã là vô lượng vô biên đáng sợ lắm, huống hồ một kiếp! Một kiếp dài ngàn ấy! Một kiếp vẫn chưa thấm vào đâu, tám mươi ức kiếp đấy nhé! Quý vị hãy ngẫm xem, thời gian ấy quá dài! Tội đã tạo trong tám mươi ức kiếp sanh tử, đã gây tạo cái tội sanh tử đó nghe! Nếu quý vị có thể tu pháp quán đất, sẽ có thể trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Có sao có thể trừ tội sanh tử đã tạo trong một khoảng thời gian dài như vậy? Do vì tu pháp quán đất. Hãy chú ý chuyện “*đắc tam-muội*” đã nói trong phần trước, đấy mới là thật sự thấy pháp quán đất. Nếu chúng ta thật sự trông thấy, tất nhiên là trừ tội. Vì sao? Thật sự thấy, [tức là đã] *đắc tam-muội*, sẽ thấy đại địa trong Cực Lạc, đó là vô lậu, tức là đại địa vô lậu trong thế giới Cực Lạc. Ở trong thế gian này, vì sao bọn chúng sanh chúng ta tạo tội nghiệp? Không gì chẳng ngoài ham muốn cầu danh, cầu lợi. Các thứ danh cũng thế, mà lợi cũng thế, đều là hữu lậu, chẳng rốt ráo, luôn sanh diệt, biến hóa trong mọi lúc. Vì những thứ danh lợi ấy mà tạo tội nghiệp ư? Tội nghiệp ấy cũng là hữu lậu. Khi chưa đạt được pháp vô lậu từ nơi pháp hữu lậu, mọi người chúng ta sẽ là từ đầu đến cuối luôn bị chướng ngại, khiến cho chúng ta chẳng thể liễu thoát. Chỉ cần chúng ta một mai thấy được pháp vô lậu, tội hữu lậu sẽ ngay lập tức bị pháp vô lậu xua đuổi, giống như gì? Giống như tại nội địa, vào mùa Đông ở phương Bắc, trời đổ một trận tuyết lớn, tuyết rơi ngưng đọng rất dày. Nhưng đến mùa Xuân, mặt trời vừa chiếu, tuyết đều bị tan mất. Đây là điều phải chú ý trong pháp quán đất. Quý vị đạt được tam-muội, trên thực tế đã quán thấy đất, không có trọng tội sanh tử lớn nhất nào chẳng bị tiêu trừ!

Ở đây, nói về pháp quán đất; thật sự *đắc pháp quán đất* thì phải *đắc tam-muội*, *đắc tam-muội* thì mới có thể đạt được. Chúng ta tu Trì Danh Niệm Phật, như trong phần trước đã nói, trì danh niệm Phật *đắc nhất tâm bất loạn* cũng giống như vậy. Thật sự Trì Danh Niệm Phật *đắc nhất tâm bất loạn*, có *Sự nhất tâm* và *Lý nhất tâm*, tuyệt lắm! [Trì danh niệm Phật có] công dụng giống như quán đất. Cho nên chúng ta xem phép quán đất đang nói ở đây, có thể dung hợp với những điều đã nói trong kinh Tiểu Di Đà, công đức hoàn toàn như nhau, phải liễu giải điều

này. Đoạn kế tiếp là nói; Sau khi tội đã tiêu trừ, “*xả thân tha thế, tất sanh tịnh quốc*” (bỏ thân, sanh sang đời khác, ắt sanh về cõi tịnh). Xả thân: Bất cứ chúng sanh nào cũng đều có lúc tử vong. Nói về chúng sanh thuộc nhân loại trong nhân gian, chúng sanh thuộc nhân loại có thân người, thân thể ấy chẳng tồn tại vĩnh cửu. Thọ mạng đã hết, thân thể con người sẽ chẳng thể giữ được, phải bỏ đi. Tới khi mạng chung, sau khi vứt bỏ thân thể này, sẽ chuyển thế. Điều này gọi là “*tha thế*” (他世, đời khác), tức là đời tiếp theo. Đời tiếp theo sẽ đi về đâu? Kẻ chẳng tin ngưỡng Phật pháp, tiền đồ mờ mịt, chẳng biết sẽ đi vào đường nào. Do vậy, tới khi mạng chung, người ấy đầy lòng sợ hãi, sẽ đi về đâu, theo đường nào? Người ấy chẳng biết. Người học Phật mà chẳng học Tịnh Độ Tông, học theo các pháp môn thông thường, chẳng chứng quả, tuy đọc kinh Phật rất nhiều, cũng biết giảng, nhưng chẳng có công phu! Cho đến lúc ấy, kẻ đó vẫn bị hãm trong nỗi kinh hoàng y hệt! Tổ sư đã dạy rõ ràng, khá nhiều kẻ thường cho là chính mình có học vấn, đã liễu giải Phật pháp, lại còn biết rất nhiều. Tới khi lâm chung, đều là chân cuồng, tay loạn, các vị tổ sư đã trông thấy [tình cảnh ấy] quá nhiều! Chỉ có người học Tịnh Độ Tông, do lúc thường ngày đã có tín tâm, có nguyện lực, có công phu tốt đẹp, chỉ cần niệm Phật tốt đẹp, khi xả thân, người ấy ắt sanh về cõi tịnh, sẽ chẳng đến nơi khác, chỉ có vãng sanh cõi nước thanh tịnh là Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Chữ Tất (必) trong “*tất sanh tịnh quốc*”, [hàm nghĩa] đó là chuyện tất nhiên, tất nhiên sanh về thế giới Cực Lạc. “*Tâm đắc vô nghi*” nghĩa là: Người ấy sanh về cõi tịnh, tâm có thể đạt được chẳng nghi ngờ. “*Vô nghi*” là chẳng có một tí hoài nghi nào, kiến lập tín tâm tuyệt đối. Theo kinh Đại A Di Đà, tức là kinh Vô Lượng Thọ đã nói, người học Tịnh Độ Tông, cũng là học niệm Phật, nhưng dẫu vừa học, vừa niệm, trong tâm còn hoài nghi: “Thật sự có thế giới Cực Lạc hay không? Bất luận là có hay không, ta cứ tạm thời niệm rồi mới nói sau”. Trong tâm bán tín bán nghi, cũng có hạng người như vậy đấy! Hạng người ấy có công phu niệm Phật tốt đẹp, quý vị nói xem người ấy có tin tưởng hay không? Cũng tin tưởng đôi chút, quý vị nói người ấy hoàn toàn tin tưởng ư? Người ấy vẫn ôm giữ thái độ hoài nghi, vẫn chẳng thể triệt để tin tưởng. Nếu người ấy lúc lâm chung, công phu tốt đẹp, nhân duyên cũng thế thì cũng có thể vãng sanh, vãng sanh nơi đâu? Vãng sanh vào Biên Địa của thế giới Cực Lạc, tức là vùng phụ cận của thế giới Cực Lạc. Chẳng thật sự đến thế giới Cực Lạc thì gọi là Biên Địa. Biên Địa cũng khá lắm,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trong kinh tỷ dụ [sinh vào] Biên Địa giống như vào trong bào thai, tức nhập thai. Nhập thai bao nhiêu năm cũng chẳng thể thoát ra, ở trong cái thai ấy. Cái thai ấy được gọi là “*thai cung*” (胎宮), đương nhiên là một nơi rất tốt đẹp! Hết sức hưởng thụ, còn tốt đẹp hơn hoàng cung trong nhân gian! Không chỉ là tốt đẹp hơn hoàng cung trong nhân gian, mà còn tốt hơn thiên cung của Thiên Đế trên cõi trời. Bất quá, phải tốn khá nhiều thời gian mới có thể thoát ra, lại thật sự chuyển sanh thế giới Cực Lạc, cùng các vị thượng thiện nhân câu hội một chỗ. Vì sao phải bỏ lỡ nhiều thời gian ngàn ấy? Vì trong tâm còn có chút nghi hoặc. Hễ có nghi hoặc, sẽ gây trở ngại. Chúng ta nói tu hành Tịnh Độ Tông phải có ba tư lương là Tín, Nguyện, Hạnh, chữ Tín trong Tín, Nguyện, Hạnh được coi trọng nhất. Chẳng tin, nguyện cũng chẳng thể phát ra được, Tín đương nhiên là rất quan trọng. Khi kẻ ấy “*tâm đắc vô nghi*” chính là Tín Thành Tụ (tín tâm đã thành tựu). Đoạn trên đây nhằm dạy người học Phật chúng ta liễu giải những chỗ tốt đẹp, mà cũng là lợi ích [của phép Quán này].

Sau đây, lại là một đoạn nữa:

(Kinh) Tác thị quán giả, danh vi Chánh Quán. Nhược tha quán giả, danh vi Tà Quán.

(經)作是觀者，名為正觀。若他觀者，名為邪觀。

(Kinh: Quán như thế gọi là Chánh Quán. Nếu quán khác đi thì gọi là Tà Quán).

Đoạn này nhằm làm cho chúng ta liễu giải “Quán chánh xác” là gì, “Quán chẳng chánh xác” là gì? Do vậy, tu Quán Tưởng Niệm Phật chẳng dễ dàng, ắt phải chiếu theo kinh văn để liễu giải tình huống đã được nói. Hễ có chút nào chẳng phù hợp thì chẳng được rồi. “*Tác thị quán giả*” (Quán như thế) là nói tới phần kinh văn trước đó. Trong phần trước, quán mặt trời, quán nước, quán tưởng từng tầng một. Khi quý vị quán tưởng, chiếu theo từng tầng một để quán, bèn đắc tam-muội. “*Danh vi Chánh Quán*” (Thì gọi là Chánh Quán), sự thật hoàn toàn nhất trí với những điều đã nói trong kinh văn thì gọi là Chánh Quán. “*Nhược tác tha quán, danh vi Tà Quán*” (Nếu quán khác đi thì gọi là Tà Quán). Nếu không giống như vậy, [tức là] quý vị quán pháp này mà thấy những điều khác, cảnh tượng trong ấy chẳng giống như kinh điển đã nói, thì gọi là Tà Quán. Tà Quán sẽ chẳng thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải liễu

giải chánh và tà, phải phân định rõ ràng! A! Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này thì ngưng!

Tập 23

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang thứ chín, bắt đầu từ hàng thứ ba. Tôi niệm trước kinh văn một lượt.

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy, địa tướng thành dĩ, thứ quán bảo thụ. Quán bảo thụ giả, nhất nhất quán chi, tác thất trùng hàng thụ tướng. Nhất nhất thụ, cao bát thiên do tuần. Kỳ chư bảo thụ, thất bảo hoa diệp, vô bất cụ túc.

(經)佛告阿難，及韋提希。地想成已，次觀寶樹。觀寶樹者，一一觀之，作七重行樹想。一一樹，高八千由旬。其諸寶樹，七寶華葉，無不具足。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan và bà Vi Đề Hy: “Tướng đất đã thành, kết đó là quán cây báu. Quán cây báu, quán từng điều một, tướng bảy hàng cây. Mỗi một cây cao tám ngàn do-tuần. Các cây báu ấy có hoa lá bằng bảy báu, không gì chẳng trọn đủ”).

IV.2.2.4. Phép Quán thứ tư, Thụ Quán

Hãy tạm niệm đến đoạn này thôi. Ba phép Quán trong phần trước là quán mặt trời, quán nước và quán đất, ba phép Quán ấy đều quán thành công, nay nói phép Quán thứ tư, quán cây cối trong thế giới Cực Lạc, gọi là Thụ Quán (樹觀). Kinh văn mở đầu bằng câu: “*Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy*”, trong phép Quán thứ ba (địa quán), khi giảng xong, đức Phật đã bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy, “*địa tướng thành dĩ*”, [nghĩa là] sau khi đã quán tướng đất thành công. “*Thứ quán bảo thụ*”: “*Thứ*” (次) là tiếp theo, sau khi đã quán đất, lại quán cây báu. Mấy câu này nhằm thừa tiếp ý nghĩa trong phần trên, là những lời chuyển tiếp từ phép quán đất sang quán cây. Mấy phép Quán đầu trong mười sáu phép Quán đều là quán y báo trong thế giới Cực Lạc.

Đạo tràng Đài Trung của chúng ta tu Trì Danh Niệm Phật, tuy chẳng tu Quán Tướng Niệm Phật, nhưng nghiên cứu Quán Kinh sẽ có lợi.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Trước khi chúng ta nghiên cứu bộ Quán Kinh này, mọi người đã nghiên cứu kinh A Di Đà. Trong kinh A Di Đà, có nói tới sự trang nghiêm nơi y báo: Bấy hàng cây báu, gió thổi qua cây diễn pháp. Cây cối được nói ở đây so với những gì đã nói trong kinh A Di Đà càng nói cặn kẽ hơn, khiến cho chúng ta liễu giải nhiều hơn.

Lại nghiên cứu ở một mức cao hơn, chúng ta còn chưa đến thế giới Cực Lạc, quán tưởng những cây ấy có tác dụng gì? Người đọc sách đều biết: “*Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường*”. Bình thường chúng ta chỉ đọc sách, nếu chẳng tham quan thực địa bên ngoài, chẳng có cách nào ấn chứng những chuyện đã nói trong sách. Vì thế, sau khi đọc sách, đi ra ngoài, tham quan cảnh vật cụ thể, thấy rõ ràng, rành rẽ, quay về xem lại những sự việc hoặc lý luận đã nói trong sách, hai đằng phối hợp lại thì sẽ hữu dụng. Xưa nay, các văn nhân hoặc triết gia đều chú trọng văn cảnh bên ngoài. Văn nhân đến thăm cảnh sắc thiên nhiên bên ngoài, quay về, sáng tác văn chương sẽ khác hẳn. Các vị đại âm nhạc gia đến thăm các nơi núi cao, sông lớn, nước chảy tự nhiên; sau khi thăm thú, quay về, sáng tác những khúc nhạc khác hẳn những khúc nhạc được viết trước khi du lãm danh sơn đại xuyên! Vì sao? Sau khi đã viếng thăm, bụng dạ sẽ khác hẳn những kẻ bình phàm!

Do vậy, nghiên cứu bộ kinh này, tuy chúng ta không tu Quán Tưởng Niệm Phật, nhưng sẽ có thể hữu ích cho việc trì danh niệm Phật, giúp chúng ta liễu giải y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc. Vì sao? Giả sử trong thường nhật, tâm tư chẳng nghĩ đến những ưu điểm trong thế giới Cực Lạc, tâm chúng ta đặt nơi thế giới Sa Bà, đến bất cứ đâu trong thế giới Sa Bà, trông thấy những hoàn cảnh y báo cũng thế, mà chánh báo chúng sanh cũng thế, đều là ô uế! Thấy những thứ ô uế ấy, trong tâm càng bị nhuốm bản thêm, trì danh niệm Phật sẽ chẳng dễ đắc nhất tâm bất loạn. Nếu muốn đắc nhất tâm bất loạn, phải đặt tâm nơi y báo trong thế giới Cực Lạc. Khi niệm Phật, tâm niệm thuận theo từng câu Phật hiệu là tốt nhất, dầu ngẫu nhiên tán loạn, cũng chẳng thể tán loạn trong sắc, thanh, vị, xúc, danh văn, lợi dưỡng của thế giới này, mà sẽ tán trong y báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Chuyện này vẫn giúp cho chúng ta niệm Phật, có ưu điểm này!

“*Quán bảo thụ giả, nhất nhất quán chi*” (Quán cây báu thì quán từng điều một). Từ đây trở đi, kinh văn sẽ chia thành từng tầng lớp để nói, giới thiệu từng tầng một, dạy chúng ta quán tưởng cây báu trong thế giới Cực Lạc như thế nào! Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nói, đơn giản là chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Ví như người hiện thời

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thường là đến các nước du ngoạn văn cảnh, những thứ quý báu trong các nước rất nhiều, nhưng nói về phía cây cối, trên khắp toàn cầu cũng chẳng tìm ra cây giống như [trong thế giới Cực Lạc] được! Trên núi cao của Đài Loan có thần mộc mấy ngàn năm, hết sức quý báu, nhưng đem so sánh với cây báu trong thế giới Cực Lạc, quá ư nhỏ nhoi!

“*Quán bảo thụ giả*” là quán cây báu trong thế giới Cực Lạc. “*Nhất nhất quán chi*”: Đối với mỗi cây, đều quán theo cách như thế. Cây rất nhiều, quý vị quán cây, mỗi mỗi đều quán như thế. “*Tác thất trùng hàng thụ tướng*” (Tướng bảy hàng cây): Tổ sư chú giải kinh A Di Đà đơn giản, ngắn gọn; ở đây, chú giải khá cặn kẽ. Ví như Thiện Đạo đại sư bảo: Nói tới “*bảy hàng*” trong “*bảy hàng cây*” chính là quan sát cây cối trong thế giới Cực Lạc. Trước hết quan sát gốc cây, thân cây, cành cây, nhánh cây, lá cây, lại quan sát hoa, lại quan sát quả. Đối với mỗi cây, chia thành bảy bộ phận ấy [để quan sát]. Vì thế, “*thất trùng*” (bảy hàng) chính là chia một cây thành bảy bộ phận để quán tướng. Mà trong bảy bộ phận ấy, gốc cây làm bằng hoàng kim, thân cây cũng là vàng, nhưng màu sắc khác nhau, [thân cây] màu vàng tía. Cành cây bằng bạc, nhánh cây lại dùng các chất báu khác tạo thành, chẳng hạn như mã não, san hô, chân châu v.v... Mỗi cây chia thành mấy phần, do nhiều thứ chất báu (bảy báu) dùng ấy hợp thành. Đó là “*thất trùng hàng thụ*”.

Thân cây cao cỡ nào? “*Nhất nhất thụ, cao bát thiên do-tuần*”: Mỗi cây cao đến tám ngàn do-tuần. Nói tới “*do-tuần*” (yojana), tại Ấn Độ, chẳng có cách tính toán đồng nhất. Do-tuần dùng để tính lộ trình xa hay gần, có khi nói tám mươi dặm là một do-tuần, hoặc nói bốn mươi dặm là một do-tuần, cũng có lúc nói ba mươi dặm⁴³ là một do-tuần. Nói chung, một do-tuần có ý nghĩa “rất xa”. Ở đây, dùng cách tính lộ trình để tính độ cao. Nếu dùng con số nhỏ nhất là ba mươi dặm làm đơn vị, gộp

⁴³ Một Lý (thường dịch là “dặm”) tại Trung Hoa thường tính như thế này: Một Lý (里) là ba trăm Bộ (步), một bộ là sáu Xích (尺). Tức là một Lý gồm một ngàn tám trăm Xích. Một Xích biến động từ 0.1675 mét từ đời Thương cho đến lớn nhất là 33cm vào đời Thanh. Do vậy, Lý biến động từ 301 mét cho đến 504 mét. Do kinh Phật dịch chủ yếu từ thời Hán đến Đường, một Lý tối đa là 400 mét hiện thời. Chữ Lý này khác với “*công lý*” (公里) tức một km (một cây số), cũng khác với hải lý (Nautical mile, 1.852 mét, 海里 hoặc 浬) và Anh Lý (Mile, 1.609,44 mét, thường ghi là 哩). Hiện thời, để tiện tính toán, Hoa Lục quy định một Lý (một dặm Tàu) là 500 mét.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vào [tám ngàn do-tuần sẽ là] tám ngàn lần ba mươi dặm (8.000x30 = 240.000 dặm). Mỗi cây cao đến tám ngàn do-tuần; hãy ngắm xem, những cây ấy cao cỡ nào! “*Kỳ chư bảo thụ*”: Cây cối do các vật báu hợp thành ấy, có “*thất bảo hoa diệp*” (hoa lá bằng bảy báu): Cây trổ hoa hoặc đâm lá đều bằng bảy báu. “*Vô bất cụ túc*” (Không gì chẳng trọn đủ), bất luận cây nào cũng đều trọn đủ các thứ báu. Đoạn kinh văn từ “*quán bảo thụ giả*” cho đến “*vô bất cụ túc*” nhằm nói về bản thể của cây, tức là hình trạng khái quát của những cây ấy.

Tiếp đó, [kinh văn] nói phân biệt: Cây có hoa, lá, có tình huống như thế nào. Trước khi nói đến những điều đó, chúng ta phải liễu giải một đạo lý. Khi giảng kinh A Di Đà, tôi đã nhắc đến đạo lý ấy. Chúng ta hãy nhớ lại đôi chút: Kinh A Di Đà nói y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc đều do A Di Đà Phật thành tựu “*như thị công đức trang nghiêm*” (công đức trang nghiêm như thế). Vì sao A Di Đà Phật thành tựu công đức trang nghiêm như thế? Trong quá khứ, khi còn chưa thành Phật, A Di Đà Phật đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Sau đấy, tu hành thành tựu, mới trang nghiêm tạo thành thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc do Ngài đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp tu thành, do công đức của Ngài mà thành tựu. Nếu nói theo Lý, Ngài thành tựu như thế nào? Ngài đã thành Phật, tự nhiên thành tựu y báo và chánh báo. Khi chúng ta giảng kinh hoặc xem kinh, phải phân biệt để thấy, phải phân biệt để nghiên cứu. Sau khi đã nghiên cứu, trong khi quan sát, lý giải, xem xét viên dung, [sẽ thấy] y báo và chánh báo chính là một Thể viên dung.

Trong quá khứ, khi giảng kinh, thầy chúng ta thường nói kinh A Di Đà là Tiểu Hoa Nghiêm Kinh. Lý được giảng trong kinh Hoa Nghiêm là “*Sự Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại*”. Nói Lý Sự vô ngại và Sự Sự vô ngại có nghĩa là chánh báo và y báo là một chỉnh thể (Entity), mà cũng là thân và cõi như nhau, thân là chánh báo, quốc độ là y báo, đã đạt tới cảnh giới viên dung nhất như, toàn thể là Nhất Chân pháp giới. Sau khi đã liễu giải đạo lý Nhất Chân pháp giới (thân và cõi nước như nhau), [sẽ biết] tự thể của cây cối như vừa mới nói là do đâu mà có? Chính là do A Di Đà Phật tu thành công, từ tâm tánh vô lậu của Ngài lưu lộ, kể cả đại địa cho đến những cây báu trên mặt đất, không gì chẳng phải là từ tâm pháp vô lậu của A Di Đà Phật lưu lộ. Do tâm Phật là vô lậu, cho nên cây cối cũng là vô lậu. Liễu giải lý này, quan sát cây cối sẽ giống như quan sát A Di Đà Phật. Tâm tưởng của chúng ta đặt vào những điều trên đây, sẽ là Quán Tưởng Niệm Phật. Từ quán cây bèn thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của A Di Đà Phật, [đó là] pháp vô lậu “*thân và cõi như nhau*”.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Quán tường tận pháp vô lậu của A Di Đà Phật, cái tâm vô lậu của chúng ta bèn được dẫn phát. Cái tâm bình phàm của chúng ta luôn là hữu lậu, luôn là sanh diệt, thấy đại địa, nhân vật, động vật trong thế gian này, làm cách nào cũng chẳng thể chuyển biến thành vô lậu. Thấy bất cứ thứ gì cũng liền chấp trước, tham luyến; nhưng pháp vô lậu chẳng phải là như vậy! Chúng ta quán cây báu vô lậu, toàn thể cảnh giới trong tâm rạng ngời. Hễ trong tâm rạng ngời, quay lại nhìn cảnh giới trong thế gian này, dầu dùng nhiều vật báu đến mấy để khuyên chúng ta đừng vãng sanh thế giới Cực Lạc mà hãy ở trong thế giới này, khuyên chúng ta cách nào đi nữa, chúng ta cũng không chịu! Nhất định là phải phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng có thứ gì trong thế giới này có thể sánh bằng thế giới Cực Lạc! Chúng ta phải liễu giải đạo lý này.

Phần kinh văn dưới đây nói về hoa và lá:

(Kinh) Nhất nhất hoa diệp, tác dị bảo sắc. Lưu ly sắc trung, xuất kim sắc quang. Pha lê sắc trung, xuất hồng sắc quang. Mã não sắc trung, xuất xa cừ quang. Xa cừ sắc trung, xuất lục chân châu quang. San hô, hổ phách, nhất thiết chúng bảo, dĩ vi ánh sức. Diệu chân châu võng, di phú thụ thượng. Nhất nhất thụ thượng, hữu thất trùng võng. Nhất nhất võng gian, hữu ngũ bách ức diệp hoa cung điện, như Phạm vương cung.

(經)一一華葉，作異寶色。琉璃色中，出金色光。玻璃色中，出紅色光。瑪瑙色中，出硨磲光。硨磲色中，出綠真珠光。珊瑚琥珀，一切眾寶，以為映飾。妙真珠網，彌覆樹上。一一樹上，有七重網。一一網間，有五百億妙華宮殿，如梵王宮。

(Kinh: Mỗi một hoa và lá có màu của các thứ báu khác nhau. Trong màu lưu ly, hiện quang minh sắc vàng. Trong màu pha lê, hiện quang minh sắc đỏ. Trong màu mã não, hiện quang minh màu xa cừ. Trong màu xa cừ, hiện quang minh màu lục chân châu. San hô, hổ phách, hết thấy các thứ báu dùng để trang hoàng chói ngời. Lưới bằng diệp chân châu phủ kín trên cây. Trên mỗi cây có bảy lớp lưới. Giữa mỗi lớp lưới, có năm trăm ức diệp hoa cung điện, như cung điện của Phạm Vương).

Đoạn này nói về tướng trang nghiêm nơi hoa và lá của cây. Mỗi cây có bao nhiêu hoa, bao nhiêu lá? “*Nhất nhất hoa diệp*” tức là trong mỗi đóa hoa, trong mỗi phiến lá. Hoa và lá đều là “*tác dị bảo sắc*”, “*dị bảo sắc*” là màu sắc của các thứ báu [khác nhau]. “*Dị bảo sắc*” là như thế nào? “*Lưu ly sắc trung, xuất kim sắc quang*” (Trong màu lưu ly, tỏa quang minh sắc vàng), lá có màu lưu ly, màu lưu ly phóng quang, từ trong màu lưu ly tỏa ra kim sắc quang (ánh sáng có màu như vàng ròng). “*Pha lê sắc trung, xuất hồng sắc quang*”: Từ trong màu pha lê, tỏa ra quang minh có màu đỏ. Pha lê (Sphāṭika) ở đây chẳng phải là thủy tinh⁴⁴ như chúng ta thấy nơi cửa sổ hiện thời. Theo chú giải của tổ sư, có loại pha lê giống như thủy tinh Ấn Độ, có các màu đỏ, trắng, hình thành tự nhiên, còn pha lê trong thế gian là do thợ làm ra. “*Mã não sắc trung, xuất xa cừ quang*”: Từ trong màu mã não, tỏa ra quang minh màu xa-cừ. Xa cừ (Musāragalva) là một thứ báu sắc trắng. “*Xa cừ sắc trung, xuất lục chân châu quang*”: Xa cừ màu trắng, từ trong màu trắng lại xuất hiện quang minh màu lục chân châu, rất đặc biệt, rất lạ lùng, hiếm có! “*San hô, hổ phách*” nghĩa là từ trong màu san hô tỏa ra quang minh màu hổ phách. “*Nhất thiết chúng bảo*” (Hết thảy các thứ báu): Tất cả các thứ báu. Trên đây chỉ nêu đơn giản vài thứ, nếu thật sự nói [chi tiết], sẽ là nói chẳng cùng tận ([do đó phải] thêm vào chữ Chúng). “*Dĩ vi ánh sức*”: “*Ánh*” (映) là những màu và quang minh ấy chiếu sáng rực. Dùng những ánh sáng và quang minh chói ngời ấy để trang nghiêm. “*Sức*” (飾) là trang nghiêm. Đối với màu sắc và quang minh do các thứ báu tỏa ra, quý vị hãy từ mấy thứ vừa nêu trên đây mà suy tưởng cảnh sắc sẽ như thế nào! Nhìn lại thế giới của chúng ta, những thứ khác chẳng cần nói tới, hãy nhìn vào ánh sáng đèn điện. Đối với màu sắc như thế, đèn thờ Phật dùng một cái chụp màu hồng phủ lên, sẽ có ánh sáng màu hồng mà thôi, nhưng từ màu hồng lại tỏa ra màu lục chân châu, [trong thế gian này] chẳng thể làm được. Từ trong màu trắng, nếu phát ra quang minh màu lục điểm hồng, lại chẳng làm được. So sánh giữa hai đấng, ánh sáng

⁴⁴ Thủy Tinh ở đây không phải là thủy tinh (glass) theo nghĩa thông thường, mà là các loại đá thạch anh (Quartz) kết tinh hoặc những khoáng chất oxide silicate trong suốt. Tùy theo các hàm lượng kim loại khác biệt, chẳng hạn như nhôm hoặc sắt lẫn vào, các loại khoáng thạch này sẽ có màu vàng, trắng, tím, đỏ, lam, màu khói nhạt, xanh biếc, xanh lục, hồng phấn v.v...

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trong thế giới này quá đơn điệu, chẳng đáng xem! Chúng ta trong khi tưởng, trong khi thấy, phải nên nhìn và tưởng theo cách đối chiếu.

Sau khi đã nói về ánh sáng và màu sắc của hoa lá, tiếp đó [kinh văn] bèn nói: “*Diệu chân châu vông, di phú thụ thượng*” (Lưới bằng diệu chân châu, phủ kín trên cây). Ngoài hoa và lá cây xinh xắn ngần ấy ra, còn có lưới chân châu. Tạm thời chẳng cần biết lưới to cỡ nào, lưới ấy toàn là do chân châu kết thành, lại thêm một chữ Diệu. Diệu (妙) là tốt đẹp cùng cực. Lưới ấy “*di phú thụ thượng*” (che phủ trên cây). Trong phần trước, khi nói về tự thể của cây, [đã có nói] cây cao đến tám ngàn do-tuần. Cây cao tám ngàn do-tuần ấy có bao nhiêu hoa lá, bao nhiêu cành nhánh? Lưới báu chân châu che phủ, “*di*” (彌) là trải khắp, “*phú*” (覆) là che đậy. Lưới chân châu bao trọn cây to lớn như vậy, tất cả hoa lá đều được bọc lại.

“*Nhất nhất thụ thượng, hữu thất trùng vông*” (Trên mỗi cây có bảy tầng lưới): Trên mỗi cây có lưới, không phải chỉ là một tầng lưới, mà là có bảy tầng. “*Nhất nhất vông gian, hữu ngũ bách ức diệu hoa cung điện*”: Giữa mỗi tầng lưới, có năm trăm ức diệu hoa cung điện, chuyện này lại càng kỳ diệu hơn! “*Diệu hoa cung điện*” là gì? Giống như chữ Diệu do đức Phật nói trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ví như nói hoa sen là hoa và quả đồng thời. Chữ Diệu biểu thị Phật pháp là pháp viên dung, màu nhiệm giống như “*hoa và quả đồng thời*”, chẳng có phân biệt trước hay sau. Diệu hoa ấy tuy chẳng phải là hoa sen, nhưng hoa và lá trên cây giống như hoa sen. “*Diệu hoa cung điện*” (Cung điện giống như diệu hoa), có bao nhiêu? Có năm trăm ức. Giữa mỗi tầng lưới, có năm trăm ức diệu hoa cung điện. Đẹp đến mức độ nào? Đức Phật sánh ví cung điện ấy “*như Phạm vương cung*”. “*Phạm vương*” là Đại Phạm Vương. Phía trên Dục Giới, trong Sơ Thiên Thiên thuộc Sắc Giới Thiên, có cung điện của Phạm Vương, tức là cung điện để Phạm Vương ngự. Trong ấy xinh đẹp tới mức độ nào? Có thể tưởng tượng là bất cứ hoàng cung trong nhân gian nào cũng đều chẳng thể sánh bằng cung Phạm Vương! Vô cùng xinh đẹp! Dầu là đem cung A Phòng của Tần Thủy Hoàng so sánh, sẽ [thấy cung A Phòng] giống như tổ kiến dưới đất, là một cái hang nhỏ bé dưới mặt đất, bản thủ, nhỏ hẹp ngần ấy! Nơi hoa và lá trong cây báu của thế giới Cực Lạc hiển hiện cung điện diệu hoa nhiều ngàn ấy, tốt đẹp như cung điện của Phạm Vương.

Đoạn trên đây nói tới hoa lá trên cây và lưới chân châu phủ trên hoa lá, giữa mỗi tầng lưới chân châu đều có năm trăm ức diệu hoa cung

điện, chia thành mấy bộ phận để quán tưởng. Đoạn dưới đây nói về nhân vật:

(Kinh) Chư thiên đồng tử, tự nhiên tại trung. Nhất nhất đồng tử, ngũ bách ức Thích Ca Tỳ Lăng Già ma-ni, dĩ vi anh lạc. Kỳ ma-ni quang, chiếu bách do-tuần, do như hòa hợp bách ức nhật nguyệt, bất khả cụ danh. Chúng bảo gián thác, sắc trung thượng giả.

(經)諸天童子，自然在中。一一童子，五百億釋迦毗楞伽摩尼，以為瓔珞。其摩尼光，照百由旬，猶如和合百億日月，不可具名。眾寶間錯，色中上者。

(Kinh: Chư thiên đồng tử tự nhiên ở trong ấy. Mỗi một đồng tử dùng năm trăm ức Thích Ca Tỳ Lăng Già ma-ni làm anh lạc. Quang minh của ma-ni chiếu sáng một trăm do-tuần, ví như hòa hợp trăm ức mặt trời, mặt trăng, chẳng thể kể xiết. Các báu xen lẫn, màu sắc tốt bậc trong các màu sắc).

Đoạn này nói đến chư thiên đồng tử, tức là nhân vật trong thế giới Cực Lạc. “Chư thiên đồng tử, tự nhiên tại trung” (Chư thiên đồng tử tự nhiên ở trong ấy), ở nơi đâu? Ở trong cung điện diêu hoa. Nói “tự nhiên tại trung” nghĩa là chẳng giống như trong nhân gian chúng ta, là [do cha mẹ] sanh ra (hễ có sanh ra thì là pháp sanh diệt), nó tự nhiên hiển hiện. Cung điện diêu hoa vừa hiển hiện, tự nhiên còn có chư thiên đồng tử ở trong ấy. “Nhất nhất đồng tử”, lại nói đến mỗi vị đồng tử. Đồng tử trang sức như thế nào? Có “năm trăm ức Thích Ca Tỳ Lăng Già ma-ni” (Śakrābhi-lagna-maṇiratna). Ma-ni (Maṇi) là một thứ bảo châu, gọi là “ma-ni châu” (摩尼珠). Thích Ca Tỳ Lăng Già có nghĩa là Năng Thắng (能勝), [ngụ ý] có thể vượt trội tất cả các báu, là một loại ma-ni bảo châu tốt nhất. Tốt ở chỗ nào? Chẳng có mấy may nhiễm ô nào! Quang minh báu hết sức thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần. Lại dịch sang một nghĩa tiếng Hán khác là Tăng Trưởng (增長). Phạm chỗ nào có món báu này, bất luận kẻ nào sau khi tiếp cận, sẽ tự nhiên tăng tấn oai đức. Thuở đầu [cổ đức] dịch kinh, do chiếu theo ý nghĩa [mặt chữ], nên Ma-ni châu lại được dịch nghĩa là Như Ý Châu (如意珠), [hàm nghĩa] đúng như ý muốn của con người, muốn gì có nấy, hoàn toàn thuận theo ý con người, nên gọi là Như Ý Châu. Những đồng tử ấy, mỗi đồng tử đều có năm trăm ức

ma-ni bảo châu, “*dĩ vi anh lạc*”, dùng [các thứ ma-ni bảo châu ấy] làm anh lạc trang sức để trang nghiêm thân họ. “*Kỳ ma-ni quang*” (Quang minh của các ma-ni ấy), ma-ni châu có thể phóng quang, chiếu sáng bao xa? “*Chiếu bách do-tuần*”, nó chiếu sáng một trăm do-tuần cao ngàn ấy, xa ngàn ấy! Trong thế giới này, bất quá là quang minh của một mặt trời, một mặt trăng, thế mà quang minh của các ma-ni ấy “*do như hòa hợp bách ức nhật nguyệt*”, giống như hòa hợp ánh sáng của một trăm ức mặt trời và một trăm ức mặt trăng. Ánh sáng mặt trời có ưu điểm của ánh sáng mặt trời, ánh trăng có ưu điểm của ánh trăng, hai bên chẳng thể hoàn toàn giống nhau. Nếu nhiều mặt trời, mặt trăng ngàn ấy hòa hợp với nhau, quý vị ngắm xem! “*Bất khả cụ danh*”: Chẳng có cách nào kể rõ danh xưng! Những quang minh từ ma-ni ấy nhiều như thế, giống như trăm ức mặt trời và mặt trăng hòa hợp. Ngoài những thứ ấy ra, “*chúng bảo gián thác*”: Từ trong các thứ báu xen trộn lẫn nhau (xen tạp), trong quang minh có nhiều chất báu như vậy, trong chất báu lại có các thứ màu sắc. Những thứ báu ấy đều là “*sắc trung thượng giả*”. Nói “*sắc trung thượng giả*” nghĩa là thứ tối thượng đẳng trong hết thảy các sắc, chẳng phải là màu sắc cấp thấp, mà cũng chẳng phải là sắc bậc trung. Lại xem kinh văn:

(Kinh) Thử chư bảo thụ, hàng hàng tương đương, điệp điệp tương thứ. Ư chúng điệp gian, sanh chư diệu hoa, hoa thượng tự nhiên hữu thất bảo quả. Nhất nhất thụ điệp, tung quảng chánh đẳng nhị thập ngũ do-tuần. Kỳ điệp thiên sắc, hữu bách chủng họa, như thiên anh lạc. Hữu chúng diệu hoa, tác Diêm Phù Đà kim sắc, như toàn hỏa luân, uyển chuyển điệp gian, dũng sanh chư quả, như Đế Thích bình.

(經)此諸寶樹，行行相當，葉葉相次。於眾葉間，生諸妙華，華上自然有七寶果。一一樹葉，縱廣正等二十五由旬。其葉干色，有百種畫，如天瓔珞。有眾妙華，作閻浮檀金色。如旋火輪，宛轉葉間。涌生諸果，如帝釋瓶。

(Kinh: Các cây báu ấy, từng hàng ngang nhau, các lá tương xứng. Giữa các lá, sanh ra các hoa đẹp, trên hoa tự nhiên có quả bằng bảy báu. Mỗi một lá cây, có kích thước chừng bằng hai mươi lăm do-tuần. Lá ấy có ngàn sắc, có trăm loại hình vẽ, giống như anh lạc cõi trời. Có

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

các thứ hoa kỳ diệu, có màu như vàng Diêm Phù Đàn, giống như vàng lửa xoay, xoay tròn giữa lá, trôi lên các quả giống như cái bình của Đế Thích).

“*Thử chư bảo thụ*”: Các cây do những thứ báu thành tựu ấy có rối loạn hay không? Chẳng phải vậy! Chẳng giống cây cối trong thế gian này, chỗ này một cây, chỗ kia một gốc, tản mạn, chẳng chỉnh tề. “*Hàng hàng tương đương*”: Từng hàng một, hàng cây này ngay ngắn với hàng cây kia. Không chỉ là [cây mọc] hàng này đối xứng với hàng kia, mà là trên mỗi cây “*diệp diệp tương thứ*”, [nghĩa là] mỗi chiếc lá cũng mọc hết sức có thứ tự, hết sức chỉnh tề, hãy ngắm xem! Ở trong nhiều thứ như thế mà có sự chỉnh tề, trên thế gian này chẳng thể tìm thấy được! “*U chúng diệp gian, sanh chư diệu hoa*”: Giữa các lá nhiều ngàn ấy, sanh ra diệu hoa. Vì sao nói là diệu hoa? “*Hoa thượng tự nhiên hữu thất bảo quả*” (Trên hoa tự nhiên có quả bằng bảy báu). Hoa bình phàm trong thế gian, hoàn toàn chẳng có hoa nào vừa nở liền kết quả. Phải là nở hoa trước, hoa rụng rồi sau đó mới kết quả. Lại còn là quả bằng bảy báu. Phần trên đã nói cây có độ cao ngàn ấy, nay nói lá cây to cỡ nào: “*Nhất nhất thụ diệp, tung quảng chánh đẳng nhị thập ngũ do-tuần*” (Mỗi lá cây chiều ngang, chiều dọc vừa đúng hai mươi lăm do-tuần), “*tung*” (縱) là bề dài, “*quảng*” (廣) là bề ngang. “*Tung quảng chánh đẳng*”, chiều ngang và chiều dọc đều là hai mươi lăm do-tuần, lá có diện tích to ngàn ấy. “*Kỳ diệp thiên sắc, hữu bách chủng họa, như thiên anh lạc*” [nghĩa là] những chiếc lá ấy có hơn một ngàn thứ màu sắc. Những màu sắc ấy lại hiển lộ hàng trăm nét vẽ, giống như tranh vẽ của người trong thế gian vậy, nhưng những nét vẽ ấy tự nhiên sanh ra. Lá là tranh; không chỉ là tranh, mà còn có màu sắc nhiều ngàn ấy. “*Như thiên anh lạc*”: Anh lạc trong nhân gian chẳng thể sánh bằng! Thiên anh lạc là anh lạc trên cõi trời, là một thứ báu. Các nét vẽ trên lá giống như thiên anh lạc. “*Hữu chúng diệu hoa, tác Diêm Phù Đàn kim sắc*”: Giữa các lá ấy, có nhiều loại hoa cực đẹp, hiển hiện màu như chất vàng Diêm Phù Đàn. Diêm Phù (Jāmbū) là tên gọi của một giống cây. Tại Ấn Độ, có một giống cây tên là Diêm Phù. Cách cây ấy không xa, có một con sông, người Ấn Độ gọi sông là Đàn. Do vậy, con sông ấy có tên là Diêm Phù Đàn (Jāmbūnada, sông Diêm Phù). Loại vàng ở trong sông ấy hết sức tốt, được gọi là “vàng Diêm Phù Đàn” (Jāmbūnada-suvarṇa). Màu sắc của vàng là “hồng hoàng sắc”, tức là màu vàng có ánh đỏ sậm. Những thứ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

diệu hoa ấy có màu sắc giống như vàng Diêm Phù Đà. “*Như toàn hỏa luân*” (Như vòng lửa xoay): Các màu sắc ấy chiếu rọi lẫn nhau, xoay tròn chiếu sáng ngời, giống như vòng lửa xoay. “*Uyển chuyển điệp gian*” (Xoay vùn trong lá), chỗ này chiếu sang chỗ kia, chiếu rọi lẫn nhau, di chuyển quanh khắp trong lá, giống như vòng lửa xoay, chuyển tới, chuyển lui. “*Dũng sanh chư quả, như Đế Thích bình*”: Những hoa ấy sanh ra rất nhiều quả, chẳng giống như trong thế gian là từ từ sanh ra, mà là “*dũng sanh*” (湧生), [tức là] giống như nước, ngay lập tức phun ra. Do chúng ta chẳng thể tưởng tượng quả ấy tốt đẹp ngàn nào, [đức Phật] bèn nói tỷ dụ: “*Như Đế Thích bình*” (Như cái bình của Đế Thích). “*Bình*” (瓶) là cái bình. Quả giống như cái bình đột ngột trời ra. “*Đế Thích*” chính là Thích Đề Hoàn Nhân (Śakro-devānām Indrah) được nói trong kinh A Di Đà. Thích Đề Hoàn Nhân có một cái bình báu; muốn gì, cái bình ấy bèn hiện ra thứ ấy, quá hay khéo! Quả trời ra, muốn có quả gì bèn có quả đó, giống như cái bình của Đế Thích, đúng theo ý của quý vị mà hiện ra. Tiếp theo đó, lại có một đoạn kinh văn khác nữa.

(Kinh) Hữu đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái. Thị bảo cái trung, ánh hiện tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết Phật sự, thập phương Phật quốc, diệc u trung hiện. Kiến thử thụ dĩ, diệc đương thứ đệ, nhất nhất quán chi. Quán kiến thụ hành chi điệp hoa quả, giai linh phân minh. Thị vi thụ tướng, danh đệ tứ Quán.

(經)有大光明，化成幢旛無量寶蓋。是寶蓋中，映現三千大千世界，一切佛事，十方佛國，亦於中現。見此樹已，亦當次第一一觀之。觀見樹莖枝葉華果，皆令分明。是為樹想，名第四觀。

(Kinh: Có đại quang minh hóa thành tràng phan, vô lượng lọng báu. Trong lọng báu ấy, hiện bóng tam thiên đại thiên thế giới, hết thầy Phật sự, mười phương cõi Phật, cũng hiện trong ấy. Đã thấy những cây ấy, cũng nên theo thứ tự quán từng điều một. Quán thấy thân, cành, lá, hoa, quả của cây sao cho đều rõ ràng. Đó là tướng cây, là phép Quán thứ tư).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Những cây báu do các thứ báu thành tựu ấy, “*hữu đại quang minh, hóa thành tràng phan vô lượng bảo cái*”. Những đại quang minh ấy đều từ những cây đó phóng ra, lại còn hóa thành tràng, phan, vô số lọng báu. Tại Ấn Độ, tràng phan là thứ trang sức để cúng dường Phật. Tràng (幢) hình tròn, Phan (旛) chẳng tròn; còn có vô lượng bảo cái (寶蓋, lọng báu). “*Thị bảo cái trung*”, ở trong những lọng báu ấy, “*ánh hiện tam thiên đại thiên thế giới*”: Những thứ bảo cái ấy có hình dáng giống như cái tán (傘, dù), phản chiếu tam thiên đại thiên thế giới. Vẫn không phải chỉ là như thế! “*Nhất thiết Phật sự, thập phương Phật quốc, diệc u trung hiện*”, [nghĩa là] hết thấy những Phật sự trong tam thiên đại thiên thế giới, các thứ thuyết pháp, các thứ pháp môn tu trì đều được phản chiếu trong ấy, các quốc độ trong mười phương thế giới cũng đều hiển hiện trong ấy. “*Kiến thử thụ dĩ*”, sau khi đã thấy những cây ấy, “*diệc đương thứ đệ nhất quán chi*” nghĩa là chiếu theo thứ tự vừa nói trên đây, một lần nữa, xem xét toàn thể hình dáng của cây. Sau đấy, quán sát lá cây, hoa v.v... nhất định là phải dựa theo thứ tự ấy để quán. “*Quán kiến thụ hành chi diệp hoa quả, giai linh phân minh*” (Quán thấy thân, cành, lá, hoa của cây sao cho phân minh). Cách quán theo thứ tự là như thế nào? Chính là quán tưởng thấy cây trong thế giới Cực Lạc, gốc cây, thân cây, cành cây, nhánh cây, lá cây, hoa, quả, từng tầng một, “*giai linh phân minh*” (sao cho đều phân minh), quán tưởng rành mạch, rõ ràng. Tổ sư dạy người tu Quán, bình thường bất luận đi, đứng, ngồi, nằm, hãy thường vận dụng ý niệm quán tưởng cây. Nhưng chúng ta tu trì danh niệm Phật, bình thường là niệm Phật. Khi chẳng niệm Phật, hãy ngẫm nghĩ những hàng cây ấy, sẽ giống như giúp cho chúng ta trì danh niệm Phật. Hễ quán tưởng như vậy, ý niệm của chúng ta sẽ chẳng thể rong ruổi tới những nơi chẳng tốt lành trong thế giới Sa Bà. Đó là một phương pháp dụng công. Hai câu kệ đó là lời kết: “*Thị vi thụ tướng, danh đệ tứ Quán*”, [nghĩa là] quán tưởng cây cối chính là phép Quán thứ tư. Lần sau, tôi sẽ nói tới phép Quán thứ năm.

Tập 24

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn trang thứ mười, xem bắt đầu từ phần sau của hàng thứ tư. Tôi đọc trước kinh văn một lượt.

(Kinh) Thứ đương tưởng thủy. Dục tưởng thủy giả, Cực Lạc quốc độ hữu bát trì thủy, nhất nhất trì thủy, thất bảo sở thành. Kỳ bảo nhu nhuyễn, tùng Như Ý Châu Vương sanh, phân vi thập tứ chi. Nhất nhất chi, tác thất bảo diệu sắc. Hoàng kim vi cừ, cừ hạ giai dĩ tạp sắc kim cang, dĩ vi để sa. Nhất nhất thủy trung, hữu lục thập ức thất bảo liên hoa. Nhất nhất liên hoa, đoàn viên chánh đẳng thập nhị do-tuần.

(經)次當想水。欲想水者，極樂國土，有八池水。一一池水，七寶所成。其寶柔軟，從如意珠王生，分為十四支。一一支，作七寶妙色。黃金為渠，渠下皆以雜色金剛，以為底沙。一一水中，有六十億七寶蓮華。一一蓮華，團圓正等十二由旬。

(Kinh: Kế đến, hãy nên tưởng nước. Muốn tưởng nước thì [hãy quán tưởng] trong quốc độ Cực Lạc có ao chứa nước tám công đức. Nước trong mỗi một ao do bảy báu hợp thành. Các thứ báu ấy mềm mại, sanh từ Như Ý Châu Vương, chia thành mười bốn nhánh. Mỗi nhánh có màu sắc bảy báu xinh đẹp. Vàng ròng để làm kênh, đáy kênh dùng kim cang đủ màu để làm cát trải đáy. Trong mỗi ao nước, có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu. Mỗi một hoa sen tròn trặn bằng đúng mười hai do-tuần).

IV.2.2.6. Phép Quán thứ năm, Trì Quán

Tạm thời niệm đến đoạn này thôi. Quán Kinh chủ yếu giảng về mười sáu phương pháp Quán; trong phần trước, chúng tôi đã nói bốn phép Quán. Hôm nay, bắt đầu nói về phép Quán thứ năm. Trong phần trước, có quán mặt trời lặn, quán nước, còn có quán đất, quán cây... Theo thứ tự ấy, từng phép Quán đã thành công, phép Quán hôm nay là “*thứ đương tưởng thủy*” (kế đến sẽ quán nước). Thủy ở đây và chữ Thủy trong Thủy Quán ở phần trước khác nhau! Thủy trong Thủy Quán là một pháp tiền phương tiện để quán đại địa trong thế giới Cực Lạc; trước hết là quán nước thành công, lại quán toàn thể đất đai trong thế giới Cực Lạc. Hôm nay, tôi nói phép Quán thứ năm chính là nói về nước trong ao bảy báu nơi thế giới Cực Lạc.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Đoạn kinh văn này khởi đầu bằng câu: “*Thứ đương tướng thủy*”, “*thứ*” (次) là tiếp theo phép Quán thứ tư đã nói trong phần trước. Quán thành phép Quán thứ tư, theo thứ tự, tiếp đó sẽ là “*tướng thủy*”. Vì sao Quán mà gọi là tướng? Chúng ta học Phật đều biết “*vạn pháp duy tâm*”, phạm phu làm chuyện gì cũng đều là dùng tư tưởng để nghĩ ra. Bất quá, tâm phạm phu là hữu lậu, những chuyện họ suy tưởng đều là pháp sanh diệt, chẳng rốt ráo. Dựa theo Phật pháp để tưởng, khai phát trí huệ quang minh vốn sẵn có trong tâm của chúng ta, tướng ấy là vô lậu. Cũng có nghĩa là cái tâm tưởng để phát huy công dụng của Phật pháp, có công năng có thể nhập định. Dùng phương pháp thù thắng, đặc biệt để tập trung tâm tư, sẽ có thể “*tướng gì bên có nấy*”. Nay tập trung tâm tư, tướng nước trong ao bảy báu nơi thế giới Cực Lạc; chỉ cần dựa theo phương pháp này, nhất định là sẽ có thể tưởng thành công.

Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị. Đạo tràng Đài Trung của chúng ta trong quá khứ luôn học trì danh niệm Phật với Tuyết công lão sư (thầy Lý Bình Nam), nay nói đến Quán chính là Quán Tướng Niệm Phật, tuy phương pháp bất đồng, nhưng nguyên lý vẫn nhất trí. Cũng có nghĩa là: Chúng ta trì danh niệm Phật là tập trung tâm tư, tập trung cái tâm tư có thể quán tưởng nơi danh hiệu Phật. Nay quán tưởng Trì Quán (quán ao), khi quán tưởng, hãy tập trung tâm tư nơi ao bảy báu. Do những điều này, đều có thể nhập Định, nguyên tắc và công năng là nhất trí. Do vậy, chúng ta biết phương pháp dụng công như thế nào, liễu giải đạo lý và phương pháp, sẽ là một sự giúp đỡ rất trọng yếu cho việc niệm Phật của chúng ta.

Câu kinh văn đầu tiên nhằm mào đầu: Phép Quán thứ tư trong phần trước đã hoàn thành, tiếp theo là “*tướng nước*” (quán nước thì vẫn phải dụng tâm để tưởng). Câu thứ hai khởi sự giới thiệu toàn thể ao bảy báu. “*Dục tướng thủy giả, Cực Lạc quốc độ, hữu bát trì thủy*” (Muốn tưởng nước thì trong cõi nước Cực Lạc có ao chứa nước tám công đức). Ba câu này nêu ra danh xưng tổng thể của ao bảy báu. Muốn quán nước thì quán nước ở chỗ nào? Quán nước trong thế giới Cực Lạc. Trong quốc độ của thế giới Cực Lạc có ao bảy báu. Ở đây nói “*hữu bát trì thủy*”, để chú giải chữ “*bát trì thủy*”:

1) Các vị tổ sư có vị luận theo tổng tướng (tổng báo trì): Phạm phu từ mười phương thế giới cùng với các vị Bồ Tát có địa vị rất cao, hễ sanh vào thế giới Cực Lạc đều coi như là Báo, tức tổng báo. Nói theo

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tổng báo, bất luận chúng sanh từ thế giới nào, hễ đã đến thế giới Cực Lạc đều sanh trong một cái ao toàn thể to lớn bằng bảy báu.

2) Ngoài ra là nói theo biệt tướng (biệt báo trì), tuy là cùng sanh vào thế giới Cực Lạc, nhưng người sanh về đó do công phu có sâu hay cạn, nên sẽ hiện ra ao bảy báu cũng chẳng giống nhau. Ao có lớn, hay nhỏ, hoa sen cũng có lớn hay nhỏ, mỗi thứ đều khác nhau.

Ở đây là nói đến tổng tướng của ao bảy báu, chữ “*bát*” trong “*bát trì thủy*” chỉ trong ao có nước tám công đức. Đó là nói theo tổng báo. Nếu nói theo biệt tướng, cũng có thể nói là có tám cái ao bằng bảy báu, nhóm theo từng cụm một, một cụm ở chỗ này có tám ao nước bảy báu, chỗ kia cũng có một cụm gồm tám cái ao nước bảy báu. Có vô số cụm [như vậy]. Các vị tổ sư chú giải dựa theo hai phương diện ấy để nói, cho nên có các cách giải thích khác nhau.

Vì sao đối với ao bảy báu lại nói theo tổng báo và biệt báo? Tổ sư chú giải kinh văn đã có chú thích: Chúng sanh trong thế giới này, nghe nói trong thế giới Cực Lạc có A Di Đà Phật, có thể tin sâu, sau đấy phát tâm niệm Phật, mong phát nguyện vãng sanh thế giới ấy. Sau khi đã phát cái tâm ấy, trong ao bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ nẩy một cành sen. Bất quá cành hoa sen ấy vẫn chưa nở. Tùy thuộc nguyện lực của người niệm Phật càng mạnh, công phu niệm Phật càng tốt đẹp, cành sen ấy ngày càng tươi tốt. Trong tương lai, tới khi lâm chung, A Di Đà Phật dẫn theo nhiều vị đại Bồ Tát tới đón tiếp, đóa sen Ngài cầm trên tay chính là đóa sen do chúng ta niệm Phật đã nẩy sanh trong ao bảy báu. Hoa sen, nói theo toàn thể ao sen, chính là tịnh nghiệp niệm Phật do người niệm Phật đã tu trong thường ngày. Do tịnh nghiệp thành tựu bền đạt được báo, tức là toàn thể tổng báo do sanh về thế giới Cực Lạc (hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu chính là tổng báo). Nói theo ý nghĩa này, quán ao sen bảy báu chính là quán chỗ chúng ta sẽ sanh về trong tương lai, [quán tưởng] chỗ thuộc về tổng báo. Vì thế, đối với người tu trì danh niệm Phật mà nói, phép Quán này hết sức thân thiết.

Khi giảng kinh Di Đà, “*bát công đức thủy*” đã được giảng rồi, danh từ này cũng rất quen thuộc. Ở đây, cần phải hiểu rõ: Bát công đức thủy có đủ tám công đức. Sanh về cõi ấy, bất luận là ai, đều cày vào nước tám công đức để trưởng dưỡng công đức. Năm căn tiếp xúc nước ấy, không chỉ là năm căn, mà đối tượng tiếp xúc của Ý Căn cũng được gộp trong nước tám công đức. Lục trần Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp đều được bao gồm trong ấy. Ví như nói nước rất thanh tịnh, rất thanh khiết, quý vị thấy màu sắc thanh tịnh, đó cũng là một thứ cảm giác

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tiếp xúc. Uống vào, nước lại hết sức ngon ngọt, có một loại hương vị; vì thế, có thể nói là bao gồm lục trần. Lục trần ấy chẳng phải là lục trần trong thế giới Sa Bà, lục trần trong cõi kia có thể khiến cho chúng sanh sau khi đã tiếp xúc đều có thể khai phát trí huệ, đắc pháp vô lậu. Vì thế, gọi là “*công đức thủy*”.

Tiếp đó là “*nhất nhất trì thủy, thất bảo sở thành*” (nước trong mỗi ao do bảy báu hợp thành), Tây Phương Cực Lạc thế giới có rất nhiều ao bảy báu. Nước trong mỗi ao bảy báu đều do bảy báu hợp thành. Trong [khi giảng] kinh Di Đà, tôi cũng đã nói về bảy báu. Bảy báu tạo thành những gì? Bốn phía bờ ao bảy báu đều do bảy báu hợp thành. Trong thế giới này, bờ biển thiên nhiên cũng thế, bờ các sông ngòi cũng thế, ngay cả các hồ bơi trong hiện thời cũng thế, bờ của chúng làm bằng gì? Dùng những thứ như đá hoặc bùn đất để làm thành. Hồ bơi trong hiện thời tiến bộ hơn, bất quá cũng là dùng vật liệu do sức người chế tạo như gạch men v.v... để làm, chẳng thể dùng các thứ báu để làm thành. Ao trong thế giới Cực Lạc do bảy báu hợp thành. Không chỉ là bảy báu hợp thành, phải chú ý câu tiếp đó: “*Kỳ bảo nhu nhuyễn*” (Báu ấy mềm mại), điều này lại càng đặc biệt! Chất báu trong thế gian này như vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh v.v... cho đến xa cừ, xích châu, trong thế gian này đều có, nhưng chẳng thể nào sánh bằng bảy báu trong thế giới Cực Lạc! Vì sao? Những vật phẩm làm bằng kim loại trong thế giới này đều cứng chắc. Bảy báu trong thế giới Cực Lạc mềm mại, hết sức nhu hòa, hết sức mềm mịn, đó là điều khác biệt. Vàng trong thế giới này, thậm chí kim cương cũng thế, tuy rất quý báu, nhưng chẳng cần thận, hễ đụng vào đầu, sẽ nguy hiểm. Đụng vào bất cứ bộ phận nào trên thân thể cũng sẽ bị thương. Nhưng các chất báu trong Cực Lạc mềm mịn, bất cứ bảo vật nào trong thế giới này cũng đều chẳng sánh bằng. Vì sao những thứ báu ấy mềm mại? “*Tùng Như Ý Châu Vương sanh*” (Sanh từ Như Ý Châu Vương): Những thứ báu ấy chẳng giống các báu vật trong thế gian này, có thứ sanh từ núi non, có thứ sanh từ nước, có khi sanh ra từ những con trai (“*trân châu*”, tức ngọc trai). Báu vật được nói ở đây từ Như Ý Châu sanh ra, lại còn là Như Ý Châu Vương. Từ Như Ý Châu Vương sanh ra sẽ khác biệt rất lớn. Như Ý Châu (Cintāmaṇi) là tiếng Hán, tiếng Phạn là Ma-ni Châu. Ma-ni bảo châu dịch sang tiếng Hán là Như Ý Châu, [hàm nghĩa] “đúng như ý nghĩ của chúng ta”. Chúng ta muốn gì, nó liền hiện đúng như ý nghĩ của chúng ta. Đó là Như Ý Châu Vương.

IV.2.2.6.1. Mười bốn nhánh

Từ Như Ý Châu Vương sanh ra gì? “*Phân vi thập tứ chi, nhất nhất chi, tác thất bảo diệu sắc*” (Chia thành mười bốn nhánh, mỗi nhánh đều có màu sắc bảy báu đẹp tuyệt vời). Những thứ thất bảo ấy đều từ Như Ý Châu Vương sanh ra. Nó sanh ra những thứ báu ấy, hợp thành bờ của ao bảy báu, rồi mới chia thành mười bốn chi (xin xem biểu đồ). Mười bốn chi trong ao bảy báu của thế giới Cực Lạc, so sánh với thế giới Sa Bà, chúng ta thuộc về nhân gian. Từ nhân gian trở lên có Dục Giới Thiên, từ nhân gian cho đến Dục Giới Thiên đều có mười bốn Căn. Bất cứ chúng sanh nào cũng đều có mười bốn Căn. Mười bốn Căn đối ứng với mười bốn chi. Mười bốn Căn là gì vậy? Nhãn căn, nhĩ căn, ty căn, thiệt căn, thân căn là năm căn. Đã thế, trong tâm lý của bọn phàm phu chúng ta còn có năm thứ cảm thụ (bao gồm sự cảm nhận nơi thân và tâm), tức là các cảm thụ như có ưu sầu, hoan hỷ, đau khổ... Lại còn có những thứ cảm thụ chẳng thể nói là ưu, hỷ, khổ, hay vui sướng được, thường là thân nhiên, đó chính là Xả. Tổng cộng có năm thứ cảm thụ. Năm căn cộng thêm năm thứ cảm thụ, trở thành mười điều. Ngoài ra, lại còn có nam căn, nữ căn, ý căn, mạng căn, gộp chung lại thành mười bốn Căn. Từ mười bốn Căn ấy, bất cứ phàm phu nào mắt thấy những cái tốt đẹp bên ngoài, tai nghe âm thanh tốt đẹp, đều có thể dẫn khởi cái tâm tham cầu của bọn phàm phu. Nói theo năm thứ cảm nhận, chúng cũng có thể dẫn khởi cái tâm tham cầu của chúng sanh. Còn như bốn căn nam, nữ, ý, mạng, lại càng chẳng cần phải nói nữa, đều dẫn khởi căn bản tạo nghiệp trong tâm. Nói toàn thể, phàm phu ở trong Dục Giới có mười bốn căn, đều là “rừng sâu, vực thẳm” tội nghiệp (nơi hồ lớn hoặc trong rừng rậm đều có chứa rất nhiều thú. Rừng sâu và vực thẳm là nơi các loại thú và cá chia theo từng loại sinh sống. Thú ở trong rừng, cá ở dưới vực; tội nghiệp phát xuất từ mười bốn Căn). Chúng ta tạo tội nghiệp quá ư là nhiều, vô cùng, vô tận. Vô cùng vô tận tội nghiệp do ai tạo? Chính là từ mười bốn Căn ấy tạo nên! Vì thế, trong kinh đức Phật đã dạy: Từ vô thủy kiếp đến nay, tội nghiệp do bọn chúng sanh phàm phu chúng ta đã tạo nếu có hình trạng, trọn cả hư không đều chẳng thể dung nạp được! Có thể biết là chúng ta đã tạo tội nghiệp sâu nặng dường ấy! Đây là tình hình tạo nghiệp của chúng sanh trong Dục Giới của thế giới Sa Bà!

Dục Giới có mười bốn Căn, Sắc Giới (ở phía trên Dục Giới) có bốn Thiên Thiên, có mười bốn thứ biến hóa. Nói cách khác, sanh về Sắc Giới Thiên, bất luận là Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, hay Tứ Thiên, đều có những sự biến hóa ấy. Trong Sơ Thiên Thiên có hai thứ biến hóa,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Nhị Thiên Thiên có ba thứ biến hóa, Tam Thiên Thiên có bốn thứ biến hóa, Tứ Thiên Thiên có năm thứ biến hóa. Biến hóa gì vậy? Nói theo Sơ Thiên Thiên, vì sao sanh vào Sơ Thiên Thiên? Hoàn cảnh trong Sơ Thiên Thiên hết sức tốt đẹp. Chúng ta biết “*vạn pháp duy tâm*”, có thể nhập định (công phu định lực thành tựu), đạt tới công phu thuộc Sơ Thiên Thiên, sẽ sanh vào Sơ Thiên Thiên, có thể có tác dụng biến hóa ấy. Vì vậy, toàn thể Sơ Thiên Thiên đều có thể biến hóa, đương nhiên là đối với Dục Giới ở dưới Sơ Thiên Thiên cũng có thể biến hóa. Vì thế, người thuộc vào Sơ Thiên Thiên có hai loại biến hóa: Một là biến trong Sơ Thiên Thiên, hai là biến hóa trong Dục Giới Thiên. Đã đạt tới Nhị Thiên Thiên, năng lực biến hóa lại càng lớn hơn. Vì ấy có thể biến hóa trong Nhị Thiên Thiên, cũng như trong Sơ Thiên Thiên và Dục Giới Thiên ở dưới, cho nên có ba thứ biến hóa. Càng tiến lên tầng cao hơn, biến hóa càng nhiều. Tam Thiên Thiên lại có nhiều hơn một loại nữa, tức là [có thêm sự biến hóa] thuộc Tam Thiên Thiên. Tứ Thiên Thiên lại nhiều hơn một thứ nữa, bao gồm [có sự biến hóa] thuộc Tứ Thiên Thiên. Gộp chung bốn thứ Thiên Thiên ấy, bèn có mười bốn thứ biến hóa. Nhưng mười bốn thứ biến hóa ấy, bất luận là Sơ Thiên cũng thế, cho đến Tứ Thiên cũng thế, những sự biến hóa ấy đều nhằm hưởng lạc. Tuy có công phu Thiên Định, nhưng chẳng giống như trong thế giới Cực Lạc. Đại định trong thế giới Cực Lạc là xuất thế gian; [đại định trong] Sắc Giới Thiên là thế gian Thiên. Tuy có công phu định lực, vẫn là một thứ hưởng lạc. Chẳng hưởng lạc thì biến hóa Dục Giới Thiên để làm gì cơ chứ?

Đối chiếu với mười bốn chi trong thế giới Cực Lạc: Mười bốn Căn trong Dục Giới là tạo nghiệp, là vực sâu, rừng rậm tội nghiệp. Mười bốn thứ biến hóa trong Sắc Giới là để hưởng lạc. Đã hưởng thụ xong, vì là pháp hữu lậu, vẫn phải sanh tử. Mười bốn chi trong thế giới Cực Lạc chẳng phải như vậy. Mười bốn chi trong thế giới Cực Lạc là nước ao có đủ tám công đức, nó là công đức, [có thể] thuyết pháp. Nước có tám thứ công đức; không chỉ là công đức, mà còn có tác dụng thuyết pháp. Vì thế, khác nhau rất lớn.

Chúng ta nghiên cứu kinh văn, từ trạng huống nơi ao bảy báu như kinh văn đã giảng, hãy thuận theo kinh văn để tưởng tượng hoàn cảnh trong ao bảy báu, nước ao do bảy báu hợp thành. Bảy báu sanh từ Như Ý Châu Vương, xuất sanh các thứ báu đều có quang minh. Các thứ báu tỏa quang minh, từ trên bờ ao chiếu rọi lẫn nhau đến mặt ao, quý vị ngẫm xem! Nước trong ao rục rỡ, sáng ngời, toàn thể đều trong suốt. Nước ao như vậy chính là nước báu. Nước báu ấy chia thành mười bốn “*chi*”,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*chi*” là chi lưu (支流, nhánh rẽ), hoặc chi phái. Mỗi chi đều có màu sắc tuyệt đẹp của bảy báu, bất cứ nhánh nước nào cũng đều có bảy báu phát ra diệu sắc!

“*Hoàng kim vi cừ*”, “*cừ*” là “*cừ đạo*” (渠道, con kênh). Dùng vàng ròng để làm ven bờ cho con kênh. Nguyên lai nói đến toàn thể một cái ao to, ao to lại chia thành các nhánh [kênh], ven bờ của các nhánh kênh ấy dùng vàng ròng để làm thành. “*Cừ hạ giai dĩ tạp sắc kim cang, dĩ vi để sa*” (Dưới đáy kênh đều dùng chất kim cang nhiều màu để làm cát trải đáy). Dưới mặt nước của mỗi con kênh, đều có kim cang nhiều màu để làm cát trải đáy. Điều này chính là như kinh Di Đà Tiểu Bản đã nói: “*Trì để thuận dĩ kim sa bố địa*” (Đáy ao thuận dùng cát vàng để trải đáy). Cát dưới đáy bằng kim cang nhiều màu. Vì sao gọi là kim cang? Kim cang (vajra) là tỷ dụ: Bất cứ vật chất nào cũng đều chẳng thể phá hủy kim cang, dùng điều này để tỷ dụ pháp vô lậu. Tất cả các pháp trong thế gian này đều là pháp sanh diệt, pháp hữu lậu. Ao bảy báu trong thế giới Cực Lạc là vô lậu, kể cả ao, bờ ao, đáy ao, bảy báu v.v... cùng với các thứ diệu sắc đều là vô lậu. Cát nơi đáy ao bảy báu bằng kim cang nhiều màu, vĩnh cửu tồn tại, chẳng giống như thế gian của chúng ta. Cổ nhân có nói một câu thành ngữ: “*Thương hải tang điền*” (Biển xanh, ruộng dâu), một vùng biển cả, sau bao nhiêu năm có thể biến thành ruộng trồng dâu. Ruộng dâu sau bao nhiêu năm có thể biến thành biển xanh. Đây là biến hóa bất định, chẳng đáng tin cậy! Ao bảy báu trong thế giới Cực Lạc chẳng giống như vậy, chẳng phải là “*biển xanh, ruộng dâu*” biến hóa vô thường. Nó là pháp vô lậu, vĩnh cửu chân thật bất biến. Vì thế, dùng kim cang nhiều màu để tỷ dụ. Đáy kênh dùng kim cang nhiều màu làm cát trải đáy. “*Nhất nhất thủy trung*” nghĩa là nước trong mỗi nhánh kênh có bao nhiêu hoa sen? “*Hữu lục thập ức thất bảo liên hoa*”, có tới sáu mươi ức [hoa sen bằng bảy báu]. “*Nhất nhất liên hoa*” (Mỗi một hoa sen), trong mỗi đóa hoa sen, “*đoàn viên chánh đẳng thập nhị do-tuần*”, tròn xoe, mỗi đóa sen tròn xoe, “*chánh đẳng*” (正等) là nói đến diện tích của hoa sen: Hoa to đến mười hai do-tuần. Để tính toán do-tuần tại Ấn Độ, có các cách nói [khác nhau]. Có khi nói là tám mươi dặm. Dẫu là bốn mươi dặm cũng quá tuyệt diệu! Nó to mười hai do-tuần (tức là bốn trăm tám mươi dặm), có diện tích to gần tới năm trăm dặm như vậy. Một đóa hoa sen đã to ngàn ấy, thế mà có tới sáu mươi ức đóa sen, hãy ngắm xem, con kênh ấy lớn cỡ nào? Mười bốn con kênh có tất cả bao nhiêu hoa sen?

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Đọc kinh văn tới đây, trong tâm quán tưởng chỗ này. Tuy chẳng chiếu theo kinh văn để thật sự tu tập công phu quán chiếu, nhưng chúng ta dùng sự suy tưởng thông thường để suy ngẫm, cũng rất tuyệt vời! Tâm cảnh của chúng ta sáng sủa, chúng ta phải liễu giải đạo lý này: Lòng dạ quý vị to hơn, biểu thị trí huệ to hơn. Tâm lượng có thể dung nạp bao nhiêu người, quý vị có thể có bao nhiêu trí tuệ của người khác. Vì thế, khi bụng dạ của quý vị rộng mở, trí huệ của quý vị sẽ tuyệt diệu lắm, toàn thể mọi chuyện đều liễu giải. Do vậy, chúng ta hãy tưởng tượng ao báu như vậy, không chỉ nói là toàn thể ao báu, mà còn thêm vào mười bốn con kênh thì càng tuyệt diệu!

Vì sao nói là mười bốn nhánh? Chẳng nhiều hơn mà cũng chẳng ít hơn? “*A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp*” (Từ khi A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã là mười kiếp). Trong thời gian mười kiếp dài lâu như thế, có bao nhiêu chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc? Dựa theo Đại Di Đà Kinh, tức là kinh Vô Lượng Thọ đã nói, có rất nhiều ức Bồ Tát (là hàng Bất Thoái Chuyển Bồ Tát) đã vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ngoài những chúng sanh phàm phu và hàng đại Bồ Tát từ thế giới Sa Bà vãng sanh cõi Cực Lạc ra, còn có những chúng sanh từ các cõi Phật khác vãng sanh cõi Cực Lạc. Ngoài ra còn có chúng sanh từ mười ba cõi Phật (cũng là có rất nhiều ức chúng sanh, là đại Bồ Tát hoặc phàm phu chúng sanh), cộng thêm thế giới của chúng ta, [cho nên] có các chúng sanh từ tất cả mười bốn cõi Phật đã vãng sanh thế giới Cực Lạc thế giới. Vì thế, ở đây nói là “có mười bốn chi”. Đối với những người sẽ vãng sanh trong tương lai, do mười phương thế giới đều có chúng sanh từ các cõi Phật vãng sanh cõi kia, cho nên có thể suy ra, trong tương lai, há chỉ có mười bốn chi! Càng về sau, sẽ càng nhiều. Chúng ta phải liễu giải ý nghĩa của mười bốn chi!

Đoạn trên đây, từ “*nhất nhất trì thủy*” cho đến “*đoàn viên chánh đảnh thập nhị do-tuần*” nói về tình hình đẹp đẽ nơi ao bảy báu để chúng ta quán tưởng [rồi nhận biết] “chẳng thể nào không cầu vãng sanh”. Trong thế gian này, chúng ta chẳng tìm thấy hoàn cảnh ấy. Thời cổ chẳng tìm thấy, hiện thời cũng chẳng tìm thấy, tương lai vẫn chẳng tìm thấy. Người hiện thời thường nói: “Hoàn cảnh nơi đây chẳng tốt, đông người quá, tìm một nơi rộng rãi, ít người để làm một kiêu dân!” Kiêu dân cũng không được đâu nhé! Trong tương lai, dân số trên địa cầu ngày càng đông, không gian sanh tồn ngày càng chật hẹp, vẫn trở thành chật hẹp [y như cũ]. Điều quan trọng nhất là thọ mạng loài người chỉ ngắn ngủi ngàn ấy, sống chẳng được bao nhiêu năm, đâu có thể sống tới tám

chín chục tuổi, thậm chí sống hơn trăm tuổi, [rớt cuộc] vẫn phải chết ngắc, có ích chi đâu? Ất cần phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị chỉ nghĩ đến việc gìn giữ trạng huống tốt đẹp như vậy, chẳng cầu sanh về nơi kia, đúng là ngu si đến cùng cực!

(Kinh) Kỳ ma-ni thủy, lưu chú hoa gian, tâm thụ thượng hạ.

(經) 其摩尼水，流注華間，尋樹上下。

(Kinh: Nước ma-ni ấy, chảy luôn quanh hoa, theo thân cây lên cao xuống thấp).

Ba câu này nói về nước trong ao bảy báu, tức như ý thủy! “Kỳ ma-ni thủy” là nước sanh từ Như Ý Bảo Châu, cũng là nước ma-ni, “lưu chú hoa gian” (chảy luôn quanh hoa), “lưu” (流) là chuyển động qua lại, “chú” (注) là tưới, rót, “hoa” là hoa sen. Tưới rót, chảy vòng quanh trong hoa. Chuyện này vẫn chưa đáng kể! “Tâm thụ thượng hạ”, cây không mọc ở trong ao, mà là ở trên đất liền. Trong thế giới này, chúng ta chẳng thấy chuyện này! Nước không chỉ là không ngừng chảy vòng quanh giữa các hoa sen trong ao, lại còn chảy tới đất liền trên bờ ao. Trên mặt đất có cây cối, nước bèn chảy rót theo thân cây lên cao, xuống thấp, chảy rót trên dưới nơi đó. Hãy nghĩ xem, trong thế giới của chúng ta có nước như vậy hay không? Nước trong thế giới này chỉ có thể chảy từ chỗ cao xuống chỗ thấp, chẳng hề chảy từ thấp lên cao. Nước ma-ni có thể chảy xuống, mà cũng có thể chảy ngược lên. Vì thế, nó có thể vòng theo thân cây mà lên cao xuống thấp. Trong cõi này, chúng ta chẳng thấy cảnh quan ấy! Tại Đông Kinh của Nhật Bản hoặc khu vui chơi Địch Tư Nại (Disneyland) của Mỹ, có lẽ có thể thấy nước từ dưới vọt lên trên, nhưng phải dùng điện lực do con người chế tạo để điều khiển, chẳng phải là tự nhiên có thể lưu động như vậy. Điều này cho thấy nước [trong cõi Cực Lạc] tốt đẹp ngàn ấy. Chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc hết sức tốt đẹp, trong tâm mong nước như thế nào, nước bèn có thể [thuận theo lòng muốn đúng] như thế ấy. Quý vị thấy dường như cây bên bờ ao đơn điệu, trong tâm vừa nghĩ, nước ngay lập tức chảy lên cây. Nước ấy là bảy báu, các thứ diệu sắc đều có; nước chảy lên cây, uồn lượn qua lại, tưới rót cao thấp, cây cối lại càng tuyệt diệu khôn sánh! Thật sự là thuận theo lòng muốn! Ba câu này đã nói rõ nước có thể thuận

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

theo lòng muốn. Trong tâm quý vị tưởng như thế nào, nước sẽ làm theo như thế ấy!

(Kinh) Kỳ thanh vi diệu, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, chư Ba La Mật. Phục hữu tán thán chư Phật tướng hảo giả. Như Ý Châu Vương, dũng xuất kim sắc, vi diệu quang minh. Kỳ quang hóa vi bách bảo sắc điểu, hòa minh ai nhĩ, thường tán niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

(經)其聲微妙，演說苦、空、無常、無我、諸波羅蜜。復有讚歎諸佛相好者。如意珠王，涌出金色，微妙光明。其光化為百寶色鳥，和鳴哀雅，常讚念佛、念法、念僧。

(Kinh: Tiếng ấy vi diệu, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật. Lại còn tán thán tướng hảo của chư Phật. Như Ý Châu Vương túa ra quang minh vi diệu kim sắc. Những quang minh ấy hóa thành chim có màu sắc của trăm thứ báu, tiếng hát du dương, trong trẻo, thanh nhã, thường ca ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đoạn này nói đến các thứ lợi ích nơi ao bảy báu. Không chỉ diệu sắc của các báu đẹp đẽ như vậy, mà còn đạt được lợi ích tốt đẹp hơn nữa. Lợi ích ấy đã được nói rõ trong đoạn này.

“Kỳ thanh vi diệu” (Tiếng ấy vi diệu): Âm thanh ấy do đâu mà có? Trong thế gian này, mọi người lên núi ngắm thác nước, cao sơn, lưu thủy, đó là âm nhạc tự nhiên, hết sức êm tai. Trong thế giới Cực Lạc, nước ma-ni từ Như Ý Bảo Châu chảy ra, chảy luôn quanh giữa các hoa sen, lại còn có thể chảy lên cao xuống thấp quanh thân cây. Lúc chuyển động còn có âm thanh êm dịu. Âm thanh ấy chẳng giống như âm thanh của thác nước trong thế gian này. Âm thanh ấy vi diệu! Âm thanh ấy vi diệu ở chỗ nào? Có thể thuyết pháp, thuyết những Phật pháp gì vậy? “Diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, chư Ba La Mật”, diễn thuyết các pháp Khổ, Không, Vô Thường, pháp Vô Ngã, còn có các Ba La Mật. “Ba La Mật” là Lục Độ, tức là sáu loại pháp Đại Thừa Ba La Mật gồm bố thí, trì giới v.v... “Phục hữu tán thán chư Phật tướng hảo giả”, lại còn tán thán ba mươi hai tướng của chư Phật, tám mươi thứ tùy hình hảo,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

âm thanh vi diệu, diễn thuyết những pháp ấy. Vẫn chưa hết, hãy còn có chuyện màu nhiệm hơn!

“*Như Ý Châu Vương, dưng xuất kim sắc, vi diệu quang minh*” (Như Ý Châu Vương tủa ra quang minh kim sắc vi diệu), ma-ni bảo châu “*dưng xuất*” (“*dưng*” (涌) là trào vọt ra) quang minh vi diệu kim sắc, quang minh có màu như chất vàng. Chúng ta chẳng thấy có [quang minh như vậy] trong thế giới này! “*Kỳ quang hóa vi bách bảo sắc diệu*”: Quang minh ấy biến hóa, biến hóa thành những con chim có màu sắc của trăm thứ báu. Những con chim có màu trăm báu ấy “*hòa minh ai nhã*”: Âm thanh của chúng phát ra, đã êm ả, lại còn ai nhã (哀雅, trong trẻo, thanh nhã), khiến cho người nghe biết đạo lý Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Nhã (雅) là rất thanh lịch.

“*Thường tán niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*”, khiến cho người nghe sau khi đã nghe âm thanh hài hòa, trong trẻo, thanh nhã của chúng (chúng nó đang tán thán). Vừa nghe tán thán bèn biết niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tức là niệm Tam Bảo.

IV.2.2.6.2. Tam Bảo

Niệm Tam Bảo có một tầng ý nghĩa mà chúng ta phải liễu giải. Ở trong thế giới Sa Bà, chúng ta không niệm Tam Bảo, không niệm Phật, sẽ chẳng thể vãng sanh. Sau khi đã vãng sanh tới cõi đó, vì sao vẫn phải niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng? Nói thật ra, chúng ta ở nơi đây niệm Phật, thật sự là mức độ rất nông cạn! Chẳng thể nói là chân chánh niệm Phật, [mà là] miễn cưỡng đè nén tâm lý phàm phu, có thể đời nghiệp vãng sanh thì là đã khá lắm rồi! Vì thế, đến thế giới Cực Lạc, nghe âm thanh của nước, quang minh và hóa diệu (chim do quang minh biến hóa ra), do chúng tán thán, “tán thán” nhằm dạy chúng ta niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, khi ấy, chúng ta mới thật sự biết niệm Phật. Biết niệm Phật, trong thế giới này, chúng ta chỉ có thể đời nghiệp vãng sanh, chẳng thể đoạn Hoặc! Sang bên đó, niệm Tam Bảo. Vừa niệm, ngay lập tức đoạn Hoặc, ý nghĩa trọng yếu ở ngay chỗ này! Vì sao vừa niệm liền đoạn Hoặc? Theo như tổ sư chú giải, nói tới Tam Bảo:

- Phật Bảo, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật là Phật Bảo.
- Pháp Bảo, những pháp do đức Phật đã giảng và Tam Tạng mười hai bộ kinh được ghi chép lại, chính là Pháp Bảo.
- Tăng Bảo là hòa hợp chúng, người xuất gia hợp thành đoàn thể hòa hợp cùng nhau tu đạo là Tăng Bảo.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Đây là nói hết sức thô thiển, đơn giản. Đó chính là Biệt Thể Tam Bảo (Tam Bảo được nói theo kiểu phân biệt). Tam Bảo nói theo lý thật sự, sẽ là Đồng Thể Tam Bảo, [nghĩa là] Tam Bảo đều ở trong một cái tâm của người niệm Phật. Trong tâm chúng ta đã có Phật Bảo, lại có Pháp Bảo, lại là Tăng Bảo. Nhưng đối với Đồng Thể Tam Bảo, trong thế gian này, khi chúng ta nói về chuyện quy y [Đồng Thể Tam Bảo], có mấy ai có thể lãnh hội, thật sự liễu giải? Chẳng cần nói đến Đồng Thể Tam Bảo, ngay cả Biệt Thể (biệt tướng) Tam Bảo mà còn chưa liễu giải! Thật sự liễu giải Biệt Tướng Tam Bảo, sẽ là như tổ sư Ấn Quang đã dạy, một chữ Kính. Đối với Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, chúng ta dấy lên cái tâm cung kính thì sẽ tuyệt diệu lắm, ngay lập tức được thọ dụng. Thử hỏi trong hiện thời, mấy ai có thể làm được chữ Kính? Chẳng làm được! Chẳng làm được tức là chẳng biết Tam Bảo! Biệt Thể Tam Bảo mà còn chẳng liễu giải, huống hồ Đồng Thể Tam Bảo! Đến thế giới Cực Lạc, vừa nghe tiếng chim, tiếng nước tán thán như vậy, tự nhiên liền thấu hiểu Đồng Thể Tam Bảo. Do vậy, trí huệ lập tức mở mang, ngay lập tức đoạn Hoặc. Những điều vừa nói trên đây đều là lợi ích đạt được do nghe pháp từ nước tám công đức và ao bảy báu.

Thi tổ khai sơn của Tịnh Độ Tông Trung Hoa là ngài Huệ Viễn. Tổ ở Lu Sơn kiến lập Tịnh Độ đạo tràng, chính mình hết sức dụng công. Ngài liên tục suốt mười một năm chuyên tưởng ao bảy báu, từng ba lượt tự thấy ao bảy báu. Những điều Ngài trông thấy giống hệt như trong kinh văn đã nói: Dòng nước ma-ni chảy rót vào giữa các hoa, có mười bốn nhánh kênh, âm thanh của nước và chim diễn thuyết các pháp Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Lần cuối cùng, Ngài thấy A Di Đà Phật thân to tròn khắp hư không, đến bảo Ngài: “*Ông nhân duyên đã viên mãn. Sau bảy ngày nữa, ông có thể sanh về quốc độ của ta*”. Chuyện này được chép rành rẽ trong truyện ký của Viễn công. Do vậy, chúng ta nghiên cứu phép quán tưởng này, lại còn có chuyện thật sự của Viễn công, bèn liễu giải: Chúng ta trì danh niệm Phật, lúc bình thường tâm tư hãy hướng tới những chuyện này, đừng nên hướng về những hiện tượng trong nhân gian, tự nhiên sẽ có thành tựu.

Niệm Tam Bảo có lợi ích gì? (Xin xem lại biểu đồ, phần Tam Bảo). Niệm Phật thì Phật là vô thượng đại sư, Ngài có thể trừ tà hướng về chánh, Chúng ta hễ niệm Phật thì tà tri tà kiến chẳng còn nữa, tâm đã chánh. Niệm Pháp, Pháp là vô thượng diệu dược, có thể đoạn phiền não. Bất cứ thuốc men gì trong thế gian hoàn toàn chẳng thể đoạn trừ phiền não của chúng ta. Chỉ có Phật pháp mới có thể khiến cho phiền não đoạn

trừ! Niệm Tăng, Tăng là vô thượng phước điền, có thể đạt được các thứ trang nghiêm. Đây là những điều tốt lành do niệm Tam Bảo.

(Kinh) Thị vi bát công đức thủy tướng, danh đệ ngũ Quán.

(經)是為八功德水想，名第五觀。

(Kinh: Đó là tướng nước tám công đức, gọi là phép Quán thứ năm).

Hai câu cuối cùng này chính là tổng kết. Cách tướng trên đây chính là tướng nước tám công đức, gọi là phép Quán thứ năm. Hôm nay, tôi nói đến chỗ này thì ngưng.

Tập 25

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn, trang mười một, bắt đầu từ dòng thứ tư. Trước hết, tôi niệm một đoạn kinh văn:

(Kinh) Chúng bảo quốc độ, nhất nhất giới thượng, hữu ngũ bách ức bảo lâu. Kỳ lâu các trung, hữu vô lượng chư thiên, tác thiên kỹ nhạc. Hựu hữu nhạc khí, huyền xử hư không, như thiên bảo tràng, bất cổ tự minh. Thử chúng âm trung, giai thuyết niệm Phật, niệm Pháp, niệm từ-kheo Tăng. Thử tướng thành dĩ, danh vi thô kiến Cực Lạc thế giới bảo thụ, bảo địa, bảo trì, thị vi Tổng Quán Tướng, danh đệ lục Quán. Nhược kiến thử giả, trừ vô lượng ức kiếp cực trọng ác nghiệp, mạng chung chi hậu, tất sanh bỉ quốc. Tác thị quán giả, danh vi Chánh Quán. Nhược tha quán giả, danh vi Tà Quán.

(經)眾寶國土，一一界上，有五百億寶樓。其樓閣中，有無量諸天，作天伎樂。又有樂器，懸處虛空，如天寶幢，不鼓自鳴。此眾音中，皆說念佛念法念比丘僧。此想成已，名為麤見極樂世界寶樹寶地寶池，是為總觀想，名第六觀。若見此者，除無量億劫極重惡業，命終之後，必生彼國。作是觀者，名為正觀。若他觀者，名為邪觀。

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

(Kinh: Trong cõi nước bằng các thứ báu, nơi mỗi khu vực có năm trăm ức lầu báu. Trong các lầu gác ấy, có vô lượng chư thiên trỗi kỹ nhạc trời. Lại có nhạc khí treo lơ lửng trên hư không, như tràng báu cõi trời, không đánh mà tự kêu. Trong các âm thanh ấy, đều nói niệm Phật, niệm Pháp, niệm từ-kheo Tăng. Tướng này đã thành thì gọi là “thấy cây báu, đất báu, ao báu về phần thô trong thế giới Cực Lạc”, là phép Tổng Quán Tướng, gọi là phép Quán thứ sáu. Nếu thấy điều này, sẽ trừ ác nghiệp cực nặng trong vô lượng ức kiếp. Sau khi mạng chung, ắt sanh về cõi ấy. Quán như vậy thì gọi là Chánh Quán. Nếu quán khác đi thì là Tà Quán).

IV.2.2.7. Phép Quán thứ sáu, Tổng Quán

Hôm nay, chiếu theo thứ tự, tôi nói về phép Quán thứ sáu trong mười sáu phép Quán. Phép Quán thứ sáu vẫn thuộc về [quán tướng] y báo trong thế giới Cực Lạc. Nói “y báo” (依報) là nói tới hoàn cảnh để chúng sanh dựa vào đó mà sanh tồn, như trong thế gian có đại địa nâng đỡ chúng ta. Đó là y báo. Đối với y báo trong thế giới Cực Lạc, trong các phần trước, bắt đầu bằng phép Quán thứ nhất là quán mặt trời lặn, phép Quán thứ hai là quán nước. Sau đây, nước lại biến thành băng, biến thành lưu ly, toàn thể đại địa trong thế giới Cực Lạc. Quán đại địa đã thành công, bèn quán cây cối trong thế giới Cực Lạc, lại quán ao bảy báu. Quán theo từng bước một, quán cho tới phần được nói trong ngày hôm nay là quán lầu báu trong thế giới Cực Lạc. Phép Quán này là Tổng Quán, quán từ đại địa cho đến ao bảy báu, đối với mỗi phương diện đều phân biệt để quán. Quán đã thành công, hôm nay tổng hợp lại, giống như trong nhà trường học một loại học vấn nào đó, khi giảng được một khoảng thời gian, bèn tổng hợp những điều đã nói trong phần trước để ôn tập. Hôm nay, nói đến phép Quán này, chính là ôn tập tổng hợp [những điều] đã liễu giải về y báo trong thế giới Cực Lạc kể từ khi bắt đầu tác quán cho tới hiện thời.

Ý nghĩa quan trọng nhất trong việc nghiên cứu Quán Kinh là khiến cho chúng ta liễu giải đạo lý trong pháp môn Tịnh Độ của đức Phật. Ngoài ra, nói theo phương diện tu trì: Dùng phương pháp và đạo lý này để giúp chúng ta trì danh niệm Phật, đó là quan niệm trọng yếu nhất. Đã là như vậy, đương nhiên là chúng ta chẳng cần dựa theo phương pháp trong kinh này để tác quán, nhưng lúc bình thường, cần phải chiếu theo

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trạng huống tốt đẹp đã nói trong kinh văn [đề suy tưởng], ý niệm thường đặt nơi thế giới Cực Lạc, như vậy thì sẽ có ích hết sức to lớn cho chúng ta, có thể khiến cho chúng ta trì danh niệm Phật rất dễ đắc nhất tâm bất loạn. Chúng ta phải liễu giải công dụng này. Một điểm nữa là y theo kinh văn đề tu Quán, sau khi quán mặt trời lặn [thành công], vì sao có thể thật sự thấy y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc? Đó là điều trọng yếu nhất trong Quán pháp. Khi tác quán, ắt phải sửa đổi tâm lý, tâm phải đặt nơi thế giới Cực Lạc, coi chính mình là người trong thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc là cố hương sẵn có, [chính mình đang] là người làm khách trong thế giới Sa Bà, [Sa Bà] chẳng phải là chỗ để cư ngụ lâu dài được! Dùng tâm lý ấy để dụng công sẽ tốt đẹp, tín tâm, nguyện lực và công phu trì danh nhất định sẽ tinh tấn cao hơn, chẳng bị thoái chuyển, mà công phu cũng dễ dàng đạt được. Nếu chẳng thay đổi tâm lý, cứ ngỡ thế giới Sa Bà là chân thật, sẽ chẳng thể lìa khỏi thế giới này. Như vậy thì một đóa hoa, một nhánh cỏ trong thế giới Sa Bà đều có thể trói buộc chúng ta, khiến cho chúng ta dây dưa ở nơi đây, làm cách nào cũng chẳng thể vãng sanh thế giới Cực Lạc! Vì vậy, chuyển biến tâm lý hết sức trọng yếu! Hễ tâm chuyển biến, đối với những thứ tốt đẹp đến mấy đi nữa trong thế gian này, [chẳng hạn như xét theo] phương diện tiếng tăm, dẫu làm một vị đại hoàng đế, chúng ta cũng chẳng ham. Về phương diện tiền tài, cho chúng ta vài cái ngân hàng, chúng ta cũng chẳng cần. Những thứ ấy đều là pháp sanh diệt, như kinh Kim Cang đã nói “*như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Mỗi thứ trong thế giới này đều giống như mộng, huyễn, bọt, bóng, chính mình chẳng thể nắm bắt tí nào. Dẫu nắm được, ngay lập tức tuột mất, trọn chẳng đáng tin cậy! Liễu giải sự thật này, chúng ta hãy nên coi nơi này là chôn tạm trú, chẳng phải là cố hương (sự thật là như thế, chẳng phải là như vậy thì cũng không được). Tâm phải đặt vững nơi thế giới Cực Lạc, nhất tâm niệm Phật trì danh. Hễ dấy khởi Phật hiệu, bèn có thể dấy khởi tín tâm và nguyện lực của chúng ta. Hết thấy đều hồi hướng thế giới Cực Lạc. Tâm lý ắt cần phải điều chỉnh như thế đó.

Chúng ta xem kinh văn: “*Chúng bảo quốc độ, nhất nhất giới thượng, hữu ngũ bách ức bảo lâu*” (Trong cõi nước bằng các thứ báu, nơi mỗi khu vực đều có năm trăm ức lâu báu). Ba câu này đã nêu ra điểm khái yếu trong phép Tổng Quán. “*Chúng bảo quốc độ*” là cõi nước được thành tựu bằng các thứ báu. Trong phép Quán trước đó, toàn thể cõi Cực Lạc do các thứ báu hợp thành. Toàn thể đại địa, trên mặt đất, hết thấy đều do các thứ báu hợp thành. Đối với nơi cư trụ và đường sá, mỗi

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giới hạn đều dùng hoàng kim làm giới tuyến. “*Nhất nhất giới thượng, hữu ngũ bách ức bảo lâu*”: Chỉ rõ trong giới hạn của mỗi khu (tức là trong phạm vi của một khu vực) có năm trăm ức lầu báu. Lầu cũng là do các thứ báu tạo thành, số đến năm trăm ức. “*Nhất nhất giới thượng, hữu ngũ bách ức bảo lâu*” chính là nói đến các lầu báu trong toàn thể thế giới Cực Lạc.

“*Kỳ lâu các trung, hữu vô lượng chư thiên, tác thiên kỹ nhạc. Hựu hữu nhạc khí, huyền xử hư không, như thiên bảo tràng, bất cổ tự minh*” (Trong các lầu gác ấy, có vô lượng chư thiên tấu các kỹ nhạc cõi trời. Lại có các nhạc khí treo lơ lửng trên hư không như tràng báu cõi trời, chẳng tấu mà tự kêu). Đó là âm nhạc trong thế giới Cực Lạc. Trước hết, nói đến âm nhạc trong lầu gác. Trong lầu gác của lầu báu, có vô lượng chư thiên đang “*tác thiên kỹ nhạc*” (tấu các kỹ nhạc). “*Kỹ*” (伎) là khéo léo, “*kỹ nhạc*” (伎樂) là âm nhạc hay khéo. Vì sao trong kinh chỉ nói tới âm nhạc, chẳng nói tới những nghệ thuật khác? Vì nghệ thuật âm nhạc có thể điều hòa tánh tình của con người hữu hiệu nhất, có công hiệu cải biến tâm lý của chúng ta đầy đủ nhất. Trong thế gian này, chúng ta xem những nghệ thuật khác, xem một bức tranh cũng thế, mà xem một bức thư pháp cũng thế, đều chẳng có tác dụng cảm động lòng người như âm nhạc. Âm nhạc lọt vào tai, trong tâm sẽ phát sanh sự biến hóa thuận theo âm nhạc. Âm nhạc trong thế giới Cực Lạc rất nhiều: Tiếng nước chảy cũng là âm nhạc, tiếng gió lùa cũng là âm nhạc. Ở đây, chư thiên tấu kỹ nhạc, tức là “*thiên kỹ nhạc*”, đúng là quá hay khéo! Nay loại âm nhạc mà chúng ta có thể nghe chính là những thứ do các nhà âm nhạc trong nhân gian dùng ca xướng hoặc tấu các nhạc khí mà thành. Vẫn phải là do một âm nhạc gia thật sự lỗi lạc diễn tấu tác phẩm âm nhạc hay nhất thì mới đáng để thưởng thức. Nếu chẳng phải là do một vị đại âm nhạc gia diễn tấu, lại còn chơi nhạc hiện thời, sẽ chẳng gọi là âm nhạc! Còn thiên nhạc thì sao? Dẫu là âm nhạc do một âm nhạc gia vĩ đại trong nhân gian diễn tấu cũng chẳng thể sánh bằng âm nhạc cõi trời. Ở đây, [kinh văn] nói trong lầu gác nơi thế giới Cực Lạc diễn tấu thiên nhạc, lại còn có bao nhiêu người diễn tấu loại âm nhạc cõi trời ấy? “*Hữu vô lượng chư thiên*”, [nói] “*chư thiên*” tức là không chỉ là một vị trời. Lấy ngay Dục Giới Thiên để nói thì có sáu tầng trời, [vậy thì] âm nhạc cõi trời được diễn tấu sẽ là bao nhiêu? Vô lượng! Chẳng thể tính rõ con số! Có chư thiên nhiều ngàn ấy tấu nhạc. Trong lầu gác, ngoại trừ những vị trời nhiều ngàn ấy đang tấu nhạc, “*hựu hữu nhạc khí*” (lại có nhạc khí).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Trong thế giới này (cõi Sa Bà), nhạc khí có đàn cầm, tiêu, đàn sắt, tỳ bà v.v... cũng chẳng quá mấy chục loại, số lượng lèo tèo! Nhạc khí trong thế giới Cực Lạc chẳng thể kể xiết! Những nhạc khí ấy “*huyền xứ hư không*” (treo lơ lửng trên hư không), quý vị xem đó: Trong thế giới này, chẳng hề có quang cảnh ấy, trong hư không có nhạc khí ư? Nếu có một cây tỳ bà lơ lửng trong hư không, kỳ quái thay! Khắp nơi trên hư không trong thế giới Cực Lạc đều là nhạc khí treo lơ lửng. “*Như thiên bảo tràng*”: Những nhạc khí ấy treo lơ lửng trong hư không, giống như tràng báu của cõi trời. Ngoài ra, ai khảy tấu những nhạc khí ấy? Trong thế giới [Sa Bà] này, chuông phải có người thỉnh, trống phải có người gõ, giông chuông, đánh trống; thế giới Cực Lạc thì “*bất cổ tự minh*” (chẳng tấu mà tự kêu), “*cổ*” (鼓) là khảy gỗ. “*Bất cổ*” (不鼓) là chẳng cần phải khảy, gõ, chẳng cần đến sức người, nhạc khí tự động tấu nhạc, [đó là ý nghĩa của chữ] “*tự minh*” (自鳴). Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng tình hình này, trong thế giới Sa Bà chẳng có [chuyện ấy].

Phải thấy rõ từng tầng lớp trong kinh văn: Chư thiên diễn tấu âm nhạc trong lầu gác; nhạc khí treo lơ lửng trong hư không ở ngoài lầu gác. Đây là hai tầng. Nhạc khí ở bên ngoài giống như tràng báu cõi trời, không gõ mà tự kêu, âm nhạc tự nhiên, đương nhiên là càng hay! Nhạc do chư thiên tấu trong lầu gác là thiên nhạc, thiên nhạc rất cuộc hay đẹp ở chỗ nào? Chúng tôi nêu một tỷ dụ. Âm thanh xướng tán trong đạo tràng được gọi là “*phạm âm*” (梵音). “*Phạm*” là thuộc về cõi trời. Thuở đó, âm nhạc hay nhất tại Ấn Độ là phạm âm trên cõi trời. Vì sao người Ấn Độ biết phạm âm trên cõi trời? Vì người học Phật và tu những tôn giáo khác tại Ấn Độ vào thuở đó đều có công phu khá sâu. Người có công phu sâu đích thân nghe âm nhạc cõi trời, ghi chép lại, diễn tấu, ca xướng trong nhân gian, gọi nó là “*phạm âm*”, [nghĩa là] âm thanh thanh tịnh. Chúng ta nghe các loại tán tụng trong đạo tràng, nghe xong bèn dấy khởi đạo tâm, trong tâm tự nhiên rất thanh tịnh. Do vậy, có thể suy ra để thấy: Thiên nhạc tuyệt đối chẳng giống như âm nhạc trong nhân gian, nó có thể “*tịnh hóa*” cái tâm của chúng ta, tức là trong tâm được cảm hóa thanh tịnh. Nhìn vào hai đoạn trên đây, trong tâm bèn suy nghĩ: Đây chỉ là một lầu gác trong ấy, trong mỗi “*giới*” (界, tức là trong một khu vực) có năm trăm ức lầu báu. Có bao nhiêu “*giới*”? Chẳng thể kể xiết! Trọn khắp thế giới Cực Lạc đều có lầu báu, âm nhạc cũng đều trọn khắp mọi nơi. Trong tâm chúng ta, phải có cách nghĩ như vậy. Lầu báu ở khắp mọi nơi trong toàn thể thế giới Cực Lạc, khắp mọi nơi đều là thiên nhạc và

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhạc khí tự nhiên diễn tấu. Diễn tấu những thứ âm nhạc ấy có lợi ích gì? Tiếp đó, [kinh văn] đã nói rõ:

“*Thử chúng âm trung, giai thuyết niệm Phật, niệm Pháp, niệm từ-kheo Tăng*” (Trong các âm thanh ấy, đều nói niệm Phật, niệm Pháp, niệm từ-kheo Tăng). Nghe những thứ âm nhạc ấy, hoàn toàn chẳng phải chỉ là cảm thấy êm tai mà thôi. Chúng ta nghe âm nhạc trong thế giới này, trong tâm chỉ cảm thấy rất đẹp, rất hay, nhưng âm nhạc trong thế giới Cực Lạc không chỉ là mỹ cảm, mà còn có thể tuyên dương pháp âm. Trong nhiều thứ âm nhạc như vậy, có ý nghĩa được bao hàm trong ấy, ý nghĩa gì vậy? Âm nhạc ấy có thể khiến cho người trong thế giới Cực Lạc sau khi nghe xong, tự nhiên phát khởi cái tâm niệm Tam Bảo, tự nhiên có ý niệm niệm Phật, niệm Pháp, niệm từ-kheo Tăng. Loại âm nhạc này thật sự tốt đẹp! Trong thế giới này, ngoài các thứ xướng tán trong đạo tràng ra, trong các thứ âm nhạc thường nghe ngoài đời, có loại nào có công dụng [phát khởi đạo tâm] như vậy? Âm nhạc [trong cõi Cực Lạc] dạy chúng ta niệm Tam Bảo. Trong phép Quán trước đó, chúng ta đã liễu giải Tam Bảo:

1) Niệm Phật, Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hễ niệm Phật, trong tâm hướng đến giác ngộ. Hễ giác ngộ, những tà tri tà kiến trong thế gian sẽ tự nhiên chẳng dậy khởi. Vì thế, trong cái tâm niệm Phật, sẽ dậy lên sự giác ngộ.

2) Niệm Pháp, Pháp là phương pháp tu trì, bao gồm các đạo lý và các thứ phương pháp. Liễu giải pháp, sẽ có thể đoạn trừ các thứ mê hoặc, điên đảo và phiền não. Ai nấy đều có vô cùng vô tận phiền não. Chẳng có Phật pháp, sẽ chẳng thể đoạn những phiền não ấy. Niệm Pháp có thể đoạn phiền não. Hễ đoạn phiền não, sẽ có thể minh tâm kiến tánh, tức là sẽ có thể thành Phật.

3) Niệm Tăng, “*Tăng*” là nói khi đức Phật chẳng còn tại thế, Tăng là người có thể truyền pháp cho người khác biết tới [Phật pháp] (hóa độ chúng sanh phải cậy vào Tăng Bảo). Niệm Tăng, cung kính Tăng là học pháp. Tăng lại đại diện cho phước điền. Gieo phước giống như gieo trồng trong ruộng. Niệm Tăng là gieo trồng nơi vô thượng phước điền, có thể đạt được các thứ phước báo. Đối với người niệm Phật, đạt được phước báo rất quan trọng! Rất nhiều người niệm Phật, niệm đến khi tương lai sắp vãng sanh bèn gặp đủ mọi nỗi chướng ngại, điều này chứng tỏ [người ấy] phước báo không đủ. Người có phước báo thường là có rất ít chướng ngại, tu trì rất thuận lợi, tới khi lâm chung, cũng chẳng

có các thứ chướng ngại. Đó là phước báo. Niệm Tăng sẽ có những thứ phước báo ấy.

Sau khi đã vãng sanh Cực Lạc, vẫn phải niệm Tăng, vẫn cần có phước báo. Vì sao? Ngoài việc chính mình tiếp tục tu cao hơn cho đến khi thành Phật ra, trong tương lai, sẽ độ chúng sanh. Để hóa độ chúng sanh, cũng cần phải có phước báo. Có đủ phước báo, nếu như chúng ta khuyên kẻ khác niệm Phật, quý vị vừa khuyên, người ta liền tin tưởng, chịu niệm Phật, chúng tỏ quý vị có phước báo, có thể độ chúng sanh. Chẳng đủ phước báo, khuyên người khác niệm Phật, người ta chẳng chịu niệm, chúng tỏ là [bản thân chúng ta] hành Bồ Tát đạo có chướng ngại, chẳng đủ phước báo! Vì vậy, đến thế giới Cực Lạc, vẫn phải tiếp tục tu phước báo. Lại nói theo một tầng ý nghĩa sâu hơn, đến thế giới Cực Lạc, Tam Bảo như chúng ta đang nói hiện thời chính là Biệt Thể Tam Bảo. Nói đến chỗ sâu nhất, sẽ là: Ngay trong một niệm của chúng sanh, đã trọn đủ Phật, Pháp, Tăng, bản tánh của chúng ta là Phật. Trong bản tánh có các pháp, tức là pháp để giác ngộ. Bản tánh chính là Tăng. Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo Nhất Thể, đều trọn đủ trong tâm tánh của chúng ta. Do vậy, niệm Tam Bảo trong thế giới Cực Lạc chẳng giống như niệm Tam Bảo trong thế gian này. Ở trong thế giới [Sa Bà] này, mà có thể cung kính niệm Biệt Thể Tam Bảo sẽ là rất khó, sẽ là bậc cao nhân, công phu tu trì rất lỗi lạc! Tạm thời chẳng nói đến Nhất Thể Tam Bảo, ở trong thế giới này mà nói Nhất Thể Tam Bảo thì sẽ chẳng thực hiện được. Chỉ có thể nói tới Biệt Thể Tam Bảo, trông thấy tượng Phật trong chánh điện của chùa miếu bèn coi như Phật thật sự, niệm Phật, lạy Phật. Thấy kinh điển, bèn cung kính tôn kính kinh (tôn kính Pháp). Thấy Tăng Bảo bèn cung kính kính trọng Tăng. Có thể gìn giữ chữ Kính này, chúng ta sẽ có thể khai trí huệ.

“Thử tướng thành dĩ, danh vi thô kiến Cực Lạc thế giới bảo thụ, bảo địa, bảo trì” (Tướng này đã thành, gọi là thấy cây báu, đất báu, ao báu trong thế giới Cực Lạc về phần thô). Câu nói tổng quát trong đoạn Tổng Quán này được dùng làm tiêu kết, tức là: Sau khi đã thành tựu phép quán tướng này, sẽ gọi là *“thô kiến Cực Lạc thế giới”*. Nói *“thô kiến”* (粗見), nghĩa là thấy khái lược, chẳng phải là thấy tường tận. Thấy tường tận thì do tâm lý và tâm nhãn của chúng sanh trong thế giới này quá nhỏ, tướng tượng nhiều như vậy, cận kề như vậy, đơn giản là chẳng thể dung nạp, chỉ có thể *“thô kiến”*, tức là thấy đại khái cây báu, đất báu, và ao báu trong thế giới Cực Lạc như đã nói trong phần trước. Trong

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phần trước, đã nói khá chi tiết, ở đây là Tổng Quán, tức là chỉ nắm lấy những điều quan trọng khái lược, nghĩa là: Thế giới Cực Lạc là một thế giới lưu ly, toàn thể đại địa là lưu ly. Điều trọng yếu nhất trên khối lưu ly ấy là cây báu. Kế đó là đất báu. Trên đất báu, vạch ra giới tuyến, và ao sen bảy báu. Hãy nắm chắc mấy điểm quan trọng này, suy nghĩ từng tầng một. Câu này bao gồm những hoàn cảnh đã được quán thành công trong phần trước: Ao báu, đất báu, cây báu đều đã được nói trong phần trước; ở đây là phần tiểu kết luận. Do trong phần trước đã quán, hề nhắc tới cây báu, trong tâm ngay lập tức nghĩ tới tình huống của cây báu như đã nói trong phần trước. [Đối với] đất báu, cũng là như vậy. Như trong phần trước đã nói tới ao báu, mười bốn con kênh, ao có nước tám công đức, đáy kênh có kim cang nhiều màu, nước chảy rót quanh hoa sen. Hề nhắc tới ao báu, sẽ tưởng đến toàn thể [những điều] liên quan đã được nói trong phần trước. Đó là một điểm quan trọng.

Lại nữa, chúng ta phải liễu giải: Xem kinh văn thì phải “*tùy văn nhập quán*”, [nghĩa là] thuận theo những đạo lý do kinh văn đã nói, tâm bèn suy tưởng, quán tưởng. Khi quán tưởng, tâm nhất định phải rộng mở! Cái tâm hiện thời của chúng ta quán kiểu nào cũng chẳng thể quán được, vấn đề ở chỗ nào? Do chẳng mở rộng tâm lượng. Nhất định là phải mở rộng tâm lượng. Tâm chẳng rộng mở, chúng ta ngỡ đại địa trong thế gian này to ngàn ấy, chẳng biết: Toàn thể địa cầu đặt trong ao sen của thế giới Cực Lạc, sẽ chẳng thấy đâu hết! Đối với từng cánh sen, chúng ta ngỡ diện tích của Đài Loan cũng khá lắm, thế mà đặt [Đài Loan] vào trong một cánh hoa sen nơi ao bảy báu, chỉ sợ vẫn là chẳng thấy chi cả! Cây cao bao nhiêu do-tuần, đối với một phiến lá trên cây, cây vào tâm lượng [hẹp hòi] của chúng ta [trong hiện tại], sẽ chẳng trông thấy ngần mé. Do vậy, nhất định là phải mở rộng tâm lượng.

Mở rộng cái tâm như thế nào? Tâm chúng ta chẳng mở rộng, vấn đề ở chỗ nào? Trong quá khứ, mỗi lần thầy chúng ta khai thị trong Phật Thất, nói đến cuối cùng, lão nhân gia đều bảo: “*Buông xuống vạn duyên, một câu Phật hiệu một mực trì mãi*”. Nhất loạt dặn dò mấy câu như thế đó! Bất luận chúng ta trì danh niệm Phật, hay nghiên cứu Quán Kinh, ý niệm của chúng ta phải đặt nơi thế giới Cực Lạc, cũng [có nghĩa là] phải buông xuống hết thảy mọi duyên trong thế giới này, phải buông xuống vạn duyên. Chẳng buông xuống vạn duyên, tâm sẽ bị các thứ nhân duyên trong thế giới này che lấp, chẳng có cách nào tiếp xúc và cảm ứng thế giới Cực Lạc. Vấn đề ở ngay chỗ này. Do vậy, điều quan trọng nhất là chúng ta nghiên cứu kinh này, nhất là khi trì danh, nhất định phải buông

xuống vạn duyên. Bất luận thế giới này tốt đẹp cỡ nào, cố nhiên là chẳng tham luyến nó. Đối với chuyện khổ sở nhất, chẳng tốt đẹp nhất trong thế giới này, chúng ta cũng chẳng cần đau khổ vì nó. Chúng ta vốn giống như khách qua đường trong thế giới này, chẳng phải là dân cư đã lâu, đau khổ vì những giả tướng sanh sanh diệt diệt ấy để làm gì? Hãy buông hết thảy xuống! Thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, hết thảy đều buông xuống! Mở mang tâm lượng như vậy. Hễ tâm rộng mở, trông thấy cây báu trong thế giới Cực Lạc cũng thế, đất báu cũng thế, ao báu cũng thế, chúng to ngàn nào, quý vị sẽ có thể thấy nó to ngàn ấy. Đó là điểm quan trọng nhất.

“*Thị vi Tổng Quán tướng, danh đệ lục Quán*” (Đó là phép quán tướng Tổng Quán, gọi là phép Quán thứ sáu). Những điều đã nói trên đây, từ cõi nước bằng các thứ báu cho đến thấy đại lược cây báu, đất báu, ao báu trong thế giới Cực Lạc, được gọi là phép quán tướng Tổng Quán, tức là đối với những điều quán tướng đã nói trong phần trước, đều gộp chung lại để quán tướng, mệnh danh là phép Quán thứ sáu. [Các phép Quán y báo] nói đến đây là hết. Đã quán tướng toàn thể y báo trong thế giới Cực Lạc xong, tiếp theo đây, sẽ nói về chánh báo trang nghiêm, [tức là] nói cách quán A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát như thế nào. Ở đây, dùng câu nói “*danh đệ lục Quán*” để tổng kết.

“*Nhược kiến thử giả, trừ vô lượng ức kiếp cực trọng ác nghiệp, mạng chung chi hậu, tất sanh bỉ quốc*” (Nếu thấy những điều này, sẽ trừ ác nghiệp cực nặng trong vô lượng ức kiếp, sau khi mạng chung, ắt sanh về cõi ấy). Đoạn này nói đến sự thành tựu trong quán tướng, trông thấy cây báu, đất báu, ao báu v.v... trong thế giới Cực Lạc, được nhiều lợi ích ngàn ấy. “*Nhược kiến thử giả*” (Nếu thấy những điều này), [nghĩa là] có thể quán thành công những điều đã nói trên đây, sẽ có thể thấy đại lược thế giới Cực Lạc. Tuy là thấy đại lược thế giới Cực Lạc, đã tuyệt diệu lắm rồi! Trông thấy đại lược tình hình của cây cối, đất đai, và ao nước trong thế giới Cực Lạc, sẽ đạt được lợi ích là có thể trừ ác nghiệp cực nặng. Chúng ta là chúng sanh phàm phu trong thế gian này, chẳng có ai không tạo ác nghiệp. Ác nghiệp có nặng và nhẹ. Ác nghiệp nặng nề, nói theo Ngũ Giới cũng thế, mà nói theo Bồ Tát Giới cũng thế, mọi người đều biết “giết, trộm, dâm” đều là ác nghiệp nặng nề. Nếu nói đến [ác nghiệp] cực trọng, trong phần trước của bộ kinh này đã nói: Giết cha là ác nghiệp cực trọng. Vào thời đại loạn lạc ở Trung Hoa thuở xưa, những đứa loạn thần tặc tử giết cha, giết vua cũng là tạo ác nghiệp cực trọng. Trong thế gian này, vì sao có lắm kẻ tạo ác nghiệp cực nặng dường ấy?

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Chủ yếu là do tâm tham quá nặng! Tham, sân, si, mạn, nghi: Tham là tâm tham, Si là ngu si, chẳng thấy rõ sự thật, Mạn là tự mình ngạo mạn, khinh thường kẻ khác, cứ nghĩ ý kiến của chính mình là đúng, người khác đều sai be bét. Tâm sân hận lại càng tệ hơn, lại còn có nghi hoặc (hoài nghi). Bất cứ chúng sanh nào cũng đều có những phiền não cực nặng ấy, hễ có cơ hội bèn tạo ác nghiệp. Chúng ta trông thấy những kẻ loạn thân tặc tử giết cha, giết vua trong lịch sử, đừng có thấy họ làm chuyện đó, còn chúng ta chẳng làm, bèn cảm thấy chính mình lỗi lạc lắm. [Thật ra, chúng ta không làm là vì] chẳng có cơ hội! Hễ có cơ hội, sẽ giết vua, giết cha giống hệt! Trong lịch sử, Đường Thái Tông là một vị hoàng đế tốt, do tranh đoạt ngôi vua mà giết chết anh mình⁴⁵, tạo thành trọng tội cực nặng! Trong lịch sử, cùng một gia tộc, anh em do tranh giành ngôi vị đế vương bèn thù hận, sát hại nhau rất nhiều! Có lớn hay nhỏ, lớn thì tạo đại tội nghiệp, nhỏ thì tạo tiểu tội nghiệp. Nói chung, trong thế gian này, chỉ cần là phạm phu, ai nấy đều có thể tạo ác nghiệp trọng đại.

Nếu có thể thấy đại lược thế giới Cực Lạc, sẽ có thể trừ được ác nghiệp cực trọng ấy. Không chỉ là diệt trừ, lại còn là diệt trừ ác nghiệp trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng ức kiếp tới nay, hãy nghĩ đi! Trong vài chục năm gần gũi, chúng ta đã tạo ác nghiệp khôn xiết, hưởng hồ là nhiều đời nhiều kiếp chồng chất! Ác nghiệp đã gây tạo, tích lũy trong vô lượng ức kiếp, hễ có thể thấy đại lược thế giới Cực Lạc, bèn có thể diệt trừ. Hãy ngẫm xem lợi ích ấy to cỡ nào? Hơn nữa, càng quan trọng hơn là “*mạng chung chi hậu, tất sanh bỉ quốc*” (sau khi mạng chung, ắt sanh về cõi ấy). Mỗi người chúng ta bất luận thọ mạng dài cỡ nào, nói theo thọ mạng của kẻ bình phàm, có người thọ bảy mươi mấy tuổi, có

⁴⁵ Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) có anh cả là thái tử Kiến Thành, và hai em trai là Lý Huyền Bá và Lý Nguyên Cát. Lý Thế Dân thể hiện bản lãnh quân sự từ nhỏ, từng cầm quân khi mới mười sáu tuổi, lập nhiều công trạng hiển hách. Dần dần, Lý Thế Dân lấn át uy quyền của Kiến Thành. Đường Cao Tổ (Lý Uyên) nghi ngờ, cắt giảm quyền lực của Lý Thế Dân. Đồng thời Kiến Thành và Nguyên Cát liên minh với nhau, chống lại và nhiều lần mưu toan sát hại Lý Thế Dân. Khi quyền lực bị cắt giảm, và trước âm mưu hãm hại của anh và em trai, Lý Thế Dân quyết định ra tay trước. Khi Lý Uyên gọi ba con trai vào cung để chất vấn, Lý Thế Dân đã đặt phục binh tại cửa Huyền Vũ của hoàng thành. Lý Kiến Thành bị Lý Thế Dân bắn chết, còn Lý Nguyên Cát bị Uất Trì Kính Đức giết chết. Sợ bị trả thù, sau đó, Lý Thế Dân còn cho người giết chết năm con trai của Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát, tức là giết cả mười đứa cháu trai. Trước tình hình đã rồi, Lý Uyên khôn khéo rút lui, lên làm Thái Thượng Hoàng, nhường ngôi cho Lý Thế Dân.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

người tám mươi mấy tuổi, cũng có người sống hơn trăm tuổi. Dẫu sống hơn trăm năm, vẫn có lúc kết thúc. Sau khi mạng chung, rốt cuộc những kẻ bình phàm ấy sẽ đến nơi đâu? Họ chẳng biết! Người học Phật mà chẳng học Tịnh Độ Tông, chẳng hoàn toàn đoạn Kiến Tư Hoặc, sẽ lập tức đến nơi đâu? Họ cũng chẳng nắm chắc. Ưu điểm của pháp môn Niệm Phật trong Tịnh Độ Tông là như thế này: Sau khi mạng chung, sẽ có chỗ quy túc, trở về nơi đâu? Về nhà, tức là trở về thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là nhà của chính mình. Do đó, sau khi mạng chung, “*tất sanh bỉ quốc*”, [nghĩa là] tất nhiên vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu chẳng có công phu ấy, dẫu muốn về nhà, sẽ có đủ mọi nỗi chướng ngại, chẳng quay về được, vẫn là chẳng được rồi! Ất phải quét sạch chướng ngại (kê cả ác nghiệp), hết thảy đều trừ khử sạch. Sau khi mạng chung, tất nhiên là nhất định có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Hễ sanh về thế giới Cực Lạc, đương nhiên là thoát khỏi lục đạo luân hồi trong thế gian. Càng đáng quý hơn nữa là sanh về cõi kia sẽ có thể thành Phật rất mau chóng! Ở trong thế giới này, chúng ta tu hành thành Phật khó khăn như thế đó! Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành thành Phật trong thế gian này, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, nhọc nhằn thay! Kẻ bình phàm có thể làm được hay không? Đến thế giới Cực Lạc sẽ có chuyện tốt đẹp như thế ấy! Đoạn này nói đến lợi ích sẽ đạt được [do tu phép Quán này].

“*Tác thị Quán giả, danh vi Chánh Quán. Nhược tác tha quán, danh vi Tà Quán*” (Quán như vậy thì gọi là Chánh Quán. Nếu quán khác đi, sẽ gọi là Tà Quán). Đoạn này phân định Quán có chánh và tà. Tà là gì? Hoàn toàn chiếu theo phương pháp ở đây để dựng công, để quán, thì gọi là Chánh Quán. Nếu sử dụng phương pháp chẳng đúng pháp, “*không đúng pháp*” là chẳng giống như kinh dạy, thì gọi là “*tha quán*”. Tha Quán (quán khác đi) chính là Tà Quán! Tà Quán sẽ hại người! Tà Quán không chỉ là chẳng thể trừ khử ác nghiệp cực nặng nhiều ngàn ấy, thậm chí còn tạo ác nghiệp. Tà và chánh hết sức trọng yếu, nói như thế nào? Tuy chúng ta trì danh niệm Phật, chẳng tu pháp Quán này, nhưng chúng ta chẳng thể không liễu giải. Nếu chúng ta chẳng liễu giải pháp Quán Tưởng Niệm Phật, hiện thời, khắp nơi người ta đều nói: “Quán như thế này, Quán như thế nọ, phương pháp rất nhiều”. Còn nói: “Có thể thành tựu rất nhanh, không tin thì hãy hành thử xem!” Họ có lắm cách nói, dẫn dụ học nhân học theo họ. Nhưng nếu bảo họ mở Quán Kinh ra xem, nêu câu hỏi yêu cầu họ giải thích, ngay cả văn tự trong kinh văn họ cũng chẳng thông! Hiện thời, hạng người như vậy đông lắm! Nếu chúng ta chưa từng xem kinh văn, chưa nghiên cứu, chẳng liễu giải, nghe lời lẽ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

dường như đúng nhưng thật ra sai be bét ấy, sẽ suy nghĩ: “Chính mình trì danh niệm Phật đã lâu như vậy, dường như chẳng đạt được cảnh giới chi hết, cũng chẳng có tiến bộ chi cả. Người ta đã nói [tu Quán] tốt đẹp dường ấy, thành tựu nhanh như vậy, hãy thử học xem sao”. Hễ học thử tức là đã mắc lừa mất rồi! Đã bước vào đường tà, đáng sợ lắm! Phải liễu giải điều này!

Sau khi chúng ta đã liễu giải phương pháp được dạy trong Quán Kinh, ngàn muôn phần đừng xem nhẹ cách tu Quán. Cố nhiên là chúng ta chẳng học theo Tà Quán do kẻ khác nói, [thế nhưng] chính mình dựa theo kinh này để tự tu, có được hay không? Cũng chẳng thể làm như vậy được! Chuyện này giống như chúng ta học bơi lội, mở sách dạy bơi ra xem, có bơi được hay không? Vô dụng! Thật sự học bơi thì vẫn phải được chỉ dạy tập luyện bơi lội từng bước một mới được! Chẳng được chỉ dạy, rèn luyện về bơi lội, nhảy ùm ngay xuống nước, chẳng thể nào không chết đuối! Cùng một đạo lý, nếu chúng ta học pháp môn quán tưởng mà chẳng có một vị thiện tri thức từng thật sự tu Quán, thật sự quán thành công chỉ dạy, ngàn muôn phần đừng tự mình tu mù luyện đui! Trước hết, phải liễu giải: Chớ nên tin theo tà thuyết của những kẻ bên ngoài⁴⁶. Kế đó, phải liễu giải: Tuy hiểu phương pháp, chớ nên tự học, chúng ta phải kiên trì học Trì Danh Niệm Phật. Nhưng thông hiểu phương pháp và đạo lý trong Quán Kinh, sẽ có ích, cũng có nghĩa là khi tâm niệm của chúng ta không niệm Phật, trong tâm hãy tưởng hoàn cảnh tốt đẹp trong thế giới Cực Lạc, chẳng có vấn đề gì! Quen thuộc với hoàn cảnh ấy, trong tương lai, khi mạng chung, hễ vãng sanh bèn “*tự lộ hoàn gia*” (就路還家, theo đường về nhà). Tổ sư nói như vậy, vãng sanh bèn hết sức thuận lợi!

Tập 26

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang mười một, bắt đầu từ hàng cuối cùng. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn:

⁴⁶ “Kẻ bên ngoài” ở đây là nói tới những kẻ chẳng học, chẳng hành pháp môn quán tưởng nói riêng, hoặc chẳng hành trì, chẳng thật sự tu chứng pháp môn Tịnh Độ nói chung, chỉ biết nói lý thuyết suông!

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Đế thính, đế thính, thiện tư niệm chí, ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết trừ khổ não pháp. Nhữ đẳng ức trì, quảng vị đại chúng, phân biệt giải thuyết”.

(經)佛告阿難，及韋提希：諦聽諦聽，善思念之，吾當為汝分別解說除苦惱法。汝等憶持，廣為大眾，分別解說。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy niệm. Ta sẽ vì các vị phân biệt, giải nói cách trừ khổ não. Các vị hãy nên ghi nhớ, gìn giữ, rộng vì đại chúng phân biệt, giải nói”).

IV.2.2.8. Phép Quán thứ bảy, Hoa Tọa Quán

Bộ kinh này có tất cả mười sáu phép Quán; trong phần trước đã nói sáu phép Quán. Phép Quán thứ sáu là Tổng Quán, quán chung y báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là toàn thể hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc, từ quán mặt trời lặn cho đến đại địa, ao báu, và cây cối v.v... trong thế giới Cực Lạc. Sau khi đều đã quán xong, cho đến [phép Quán] được nói trong lần trước chính là tổng hợp lại đề quán tướng lần nữa. Hôm nay, lại bắt đầu sang một giai đoạn mới, nói về chánh báo. “Chánh báo” (正報) là nói tới A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc. Quán chánh báo tinh vi, kín nhiệm hơn y báo đã nói trong những phần trước. Do vậy, đây là một giai đoạn khác. Xét theo phương diện dụng công trong phương pháp Quán thì càng phải chuyên tâm hơn!

Phép Quán thứ bảy là quán chánh báo, nhưng vẫn chưa nói đến thân tướng của đức Phật, mà trước hết là quán tọa vị để ngồi của đức Phật. Phép Quán này có tên là Hoa Tọa Quán. Phải quán theo thứ tự. Chẳng có thứ tự, sẽ không thể quán được. Trước hết là phải quán minh bạch hoa tòa (“hoa” là hoa sen), tức là tòa hoa sen của đức Phật, sau đấy mới quán thân Phật. Do vậy, phép Quán này được gọi là Hoa Tọa Quán (華座觀).

Trước hết, chúng ta xem đoạn kinh văn thứ nhất: “*Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo hai vị tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy, “*đế thính, đế thính*”, [nghĩa là] phải dụng tâm khéo

nghe, “*thiện tư niệm chi*”, [nghĩa là] nghe xong, còn phải khéo suy niệm. “*Thiện tư niệm*” là khéo nghiên cứu, suy nghĩ. Học Phật pháp là Văn, Tu, Tu. “*Đế thính, đế thính*” thuộc về phương diện Văn. “*Thiện tư niệm chi*” là Tu. Suy nghĩ, nghiên cứu đạo lý và phương pháp đã được nghe, cần phải dụng tâm suy xét. Sau khi suy xét, tu trì mới có thể đúng pháp. Chẳng có Văn và Tu, sẽ chẳng có cách nào Tu. Vì thế, ở đây nói là “*đế thính, đế thính, thiện tư niệm chi*” (lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy niệm). “*Ngô đương vị nhữ phân biệt giải thuyết*” (Ta sẽ vì người phân biệt, giải nói), “*ngô*” (吾, ta) là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, xưng hô chính mình, “*đương vị nhữ*”: Sẽ vì quý vị. “*Phân biệt giải thuyết*”: Giải nói từng tầng một! Giải nói những gì? “*Trừ khổ não pháp*” (Cách trừ khổ não). Trong phần trước, phu nhân Vi Đề Hy đã nói: Thế gian này quá khổ, muốn tìm một chỗ chẳng có khổ não. Do vậy, đức Phật phải phân biệt, giải nói pháp trừ khổ não. Nói cách khác, phương pháp này có thể diệt trừ khổ não. “*Nhữ đẳng ức trì*”, “*nhữ đẳng*” (汝等) là các vị, chỉ tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy, “*ức trì*” (憶持) nói gộp chung với “*đế thính, đế thính*” tức Văn và “*thiện tư niệm chi*” tức Tu trong phần trước thì Ưc Trì là Tu. Ba bộ phận Văn, Tu, Tu đều bao gồm trong ấy. Ưc Trì để làm gì? “*Quảng vị đại chúng, phân biệt giải thuyết*” (Rộng vì đại chúng, phân biệt giải nói): Dùng pháp trừ diệt khổ não do ta đã nói để học, trải qua sự tu học Văn Tu Tu, sau đây, sẽ độ chúng sanh rộng khắp, rộng vì đại chúng phân biệt giải nói.

Trong đoạn kinh văn này, có những danh từ chúng ta phải đặc biệt chú ý; nếu không, sẽ chẳng thể liễu giải thâm nhập ý nghĩa trong kinh. Ví như đã nói xong mấy phép Quán trong phần trước, tới đây bèn đặc biệt nói “*đế thính, đế thính*”, vì đây là một giai đoạn khác: Sẽ quán chánh báo. Quán chánh báo chẳng giống như y báo. Đương nhiên là y báo cũng chẳng dễ quán, nhưng so sánh giữa y báo và chánh báo, y báo thô thiển hơn một tí. Ví như so sánh giữa thế giới, núi, sông, đại địa và thân người, nghiên cứu núi, sông, đại địa sẽ dễ hơn nghiên cứu thân người. Rốt cuộc là núi, sông, đại địa thô thiển hơn! Nếu nghiên cứu thân người, nói theo phương diện sinh lý thì đã có nghiên cứu. Thân thể có các thứ bệnh trạng, bệnh do đâu mà có? Mãi cho đến hiện thời, rất nhiều loại bệnh tật vẫn chưa tìm ra nguyên nhân, có thể thấy là khó khăn [đến mức độ nào]. Đây vẫn là xét theo phương diện sinh lý. Nói theo phương diện tâm lý và tinh thần, con người có lúc vui sướng, có lúc buồn khổ. Nho gia nói “*hy, nộ, ai, lạc*” (mừng, giận, buồn, vui), những thứ tình tự

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tâm lý ấy, đừng nói là kẻ khác chẳng có cách nào nghiên cứu, ngay cả chính mình mong hiểu rõ, muốn không chế, đều rất khó! Có thể thấy là chánh báo khó hơn y báo rất nhiều! Do vậy, muốn thực hiện công phu tác quán, đã quán thành công y báo trong phần trước, cũng thấy hoàn cảnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp ngàn ấy, quan trọng nhất vẫn phải là quán chánh báo. Chánh báo vi tế hơn y báo, cho nên càng khó quán. Do vậy, trước hết, đức Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy: “*Đế thính, đế thính*”. Nói “*đế thính*” (諦聽) có nghĩa là bảo [hai vị ấy và những người sẽ tu pháp Quán này trong tương lai] phải hoàn toàn dốc hết tinh thần tập trung, phải nghe lời Phật dạy sao cho hoàn toàn rõ ràng, tâm tư chớ nên rong ruổi tán loạn. Nghe xong, còn phải khéo suy niệm. Sau khi nghe xong pháp này, hoàn toàn chẳng phải là nghe rồi bèn hiểu rõ ngay, trong tâm còn phải khéo suy xét: Vì sao đức Phật phải giảng pháp này? Rốt cuộc là tốt đẹp ở chỗ nào? Dụng công như thế nào? Luôn suy xét những điều ấy! Vì thế, khi sắp nói đến phép Quán chánh báo mới đặc biệt thêm vào từ này (“*đế thính*”) khiến cho họ chú ý nghe. Sau khi nghe xong, còn phải khéo suy xét.

Tiếp đó, nói: “*Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết trừ khổ não pháp*” (Ta sẽ vì các vị phân biệt, giải nói cách trừ khổ não). Đối với chữ “*khổ não*” (苦惱) trong câu “*trừ khổ não pháp*”, “*khổ*” (苦) là thống khổ, “*não*” (惱) là phiền não. Chúng sanh trong thế giới Sa Bà, bất luận là bất cứ chúng sanh nào cũng đều có khổ não. Khổ não có thể nói theo hai phương diện là y báo và chánh báo. Y báo là hoàn cảnh của chúng sanh, hoàn cảnh cũng tạo cho chúng ta đủ mọi nỗi khổ não. Ví như xét theo phương diện thời tiết thì có gió, mưa, lạnh, nóng, sớm, tối, âm v.v... sai khác quá lớn (buổi sáng và buổi tối rất lạnh, giữa trưa lại rất nóng), người trẻ tuổi chẳng cảm thấy, chứ năng lực thích ứng nơi thân thể người già khá kém, sẽ cảm nhận đủ mọi nỗi khổ não. Ở đây, chỉ nêu ra một phương diện mà thôi! Lại ví như động đất, bão lốc, thủy tai, hạn hán v.v... rất nhiều! Chẳng có chỗ nào không đem lại khổ não cho chúng ta. Đó là xét theo phương diện y báo.

Về phương diện chánh báo thì sao? Bản thân của bất cứ chúng sanh nào cũng đều có các thứ khổ não. Xét theo phương diện thân thể,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thân thể xét theo tánh chất tiên thiên⁴⁷ rất suy yếu, hoặc là thân thể thuộc về tánh hậu thiên chẳng khỏe, năng lực thích ứng rất kém cỏi, sẽ đều tạo thành những nỗi khổ não cho chúng ta. Lại nói đến sự cư xử giữa con người với nhau, mỗi người có ý kiến riêng, chẳng thể điều hòa. Chúng sanh phàm phu luôn có Ngã Chấp và Pháp Chấp, chấp trước hết sức dữ dội. Chấp trước càng dữ dội, khổ não càng nặng nề! Có chúng sanh phàm phu nào mà chẳng có Ngã Chấp và Pháp Chấp? Đừng tưởng chúng ta học Phật đã nhiều năm, sẽ chẳng có Ngã Chấp và Pháp Chấp, chẳng có chuyện ấy đâu nhé! Chỉ cần chẳng đoạn Hoặc, Ngã Chấp và Pháp Chấp thấy đều đầy ắp! Vì lẽ ấy, Tịnh Độ Tông là đời nghiệp vãng sanh. Nếu chẳng đời nghiệp vãng sanh, bọn phàm phu chúng ta mong đoạn phiền não trong thế gian này đúng là quá đổi khó khăn! Vì thế nói: Sự khổ não nơi chánh báo của chúng ta quá nhiều!

Chữ “*khổ não*” nói trong [đoạn] kinh văn [trên đây chính là sự khổ não nơi] chánh báo và y báo. Có phương pháp nào để giải trừ những nỗi khổ não ấy hay không? Có phương pháp! Phương pháp ấy là phương pháp trừ khổ não do Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ nói. Vậy thì hãy ngay lập tức tu quán chánh báo, hãy tu Quán. Nói cách khác, tu phép Quán này thành công, sẽ có thể trừ khổ não. Chúng ta hiểu phương pháp này, công dụng và sức mạnh của phép Trì Danh Niệm Phật sẽ lộ ra. Trong chúng ta, có rất nhiều người thường ngày trì danh niệm Phật, cảm thấy rất tốt, niệm rành rẽ, rõ ràng, trong tâm rất bình lặng. Một mai, hễ có chuyện gì phiền phức hoặc khổ não xảy đến, Phật hiệu bèn chẳng thể niệm nổi! Lúc tại thế, Tuyết công lão sư thường nói: “*Khi có phiền não, hãy dùng Phật hiệu để chèn ép*”, nhưng đôi khi chúng ta cảm thấy rất hổ thẹn, Phật hiệu chẳng thể giảm ép phiền não! Vì sao? Chúng ta chẳng hoàn toàn liễu giải ý nghĩa của Phật hiệu. Nếu đối với ý nghĩa, công đức và sức mạnh bao hàm trong Phật hiệu đều liễu giải, hễ Phật hiệu dấy lên, chúng ta sẽ có sức mạnh ngàn cân⁴⁸, ngay lập tức có thể đè nén phiền não, có công đức to như thế ấy!

⁴⁷ Ở đây, “tiên thiên” có nghĩa là điều kiện, tình trạng thân thể khi được cha mẹ vừa sanh ra. Còn “hậu thiên” là những điều kiện, tình huống nơi thân thể do quá trình nuôi dưỡng và tập luyện.

⁴⁸ Nguyên văn “*thiên quân chi lực*” (千鈞之力). Quân (鈞) là một đơn vị đo lường thời cổ. Mỗi Quân bằng ba mươi Cân. Một Cân dao động từ 500g đến 600g (tùy theo cách sử dụng tại Hoa Lục hay Đài Loan). Như vậy “thiên quân” là ba chục ngàn Cân, nhưng chúng tôi thuận theo cách nói phổ biến “sức mạnh ngàn cân” để chuyển ngữ câu này.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Khi còn tại thế, thầy chúng ta cũng từng nói một tỷ dụ. Ví như chúng ta đọc kinh sách của Nho gia. Nho gia thông thường là đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh. Sách Đại Học trong Tứ Thư mở đầu bằng câu: “*Đại học chi đạo, tại minh Minh Đức*” (Đạo học vấn to lớn là ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng). Dùng ngay bốn chữ “*đại học chi đạo*” để nói, một đứa học trò tiểu học đọc câu “*đại học chi đạo*” và một vị lão nho (một nhà Nho tuổi đã rất cao) đã đọc câu ấy nhiều năm, người ấy có công phu tu tập vài chục năm, đối với nghĩa lý của Nho học cũng liễu giải rất nhiều, lại còn dụng công nhiều năm, miệng người ấy đọc câu “*đại học chi đạo*”, và một đứa trẻ chừng mười mấy tuổi đọc câu “*đại học chi đạo*”, [trình độ liễu giải của] hai bên chẳng thể so sánh được! Đứa bé đọc câu “*đại học chi đạo*” là miệng đọc suông mà thôi, chẳng có sức mạnh chi hết! Vị lão nho hễ nói tới “*đại học chi đạo*”, trong tâm ngay lập tức phát sanh tác dụng nhất định. Hễ nói tới bốn chữ “*đại học chi đạo*”, toàn bộ ý nghĩa trong sách Đại Học liền hiện ra, dấy lên hiện hành trong tâm.

Suy nghiệm từ tỷ dụ này, [sẽ biết] sau khi chúng ta đã hiểu rõ phương pháp và đạo lý quán tưởng, sẽ giúp chúng ta liễu giải Trì Danh Niệm Phật, liễu giải một câu danh hiệu A Di Đà Phật. Khi đó, sự liễu giải danh hiệu A Di Đà Phật của chúng ta chẳng phải là nông cạn, hời hợt, đơn giản như thế. Dấy lên một câu Phật hiệu, [sẽ là như] tổ sư Ấn Quang đã dạy: “*Tất cả giáo lý của Tam Tạng mười hai bộ cùng với công phu tu trì hoàn toàn đều bao gồm trong một câu Phật hiệu*”. Nếu chúng ta thật sự có thể hiểu rõ đạo lý này, lại thêm công phu tu trì của chính mình trong lúc thường ngày đều quy vào một câu Phật hiệu, hãy ngẫm xem: Hễ dấy lên một câu Phật hiệu, sẽ có sức mạnh to lớn ngàn nào! Đừng nói là có thể đè nén phiền não, mà đoạn phiền não cũng cạy vào một câu Phật hiệu này! Chúng ta công phu không đủ, chẳng thể đoạn phiền não, nhưng đè nén phiền não sẽ chẳng có vấn đề gì. Cạy vào điều này để đối nghiệp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng trong thế giới Cực Lạc, vẫn là niệm câu Phật hiệu này. Tới khi đó, niệm Phật hiệu sẽ là thật sự đoạn phiền não. Do vậy, đây là cách trừ khổ não!

Nêu ra phương pháp này, công dụng quá lớn! Do vậy, [đức Phật] nói “*nhữ đẳng ức trì*”, [nghĩa là] sau khi quý vị đã nghe xong, hãy nên khéo suy nghĩ, khéo nghiên cứu, tư duy, sau đấy ức trì. “*Trì*” (持) là trong lúc chánh thức dụng công, “*Ức*” (憶) là khi chẳng dụng công, trong tâm vẫn phải nhớ nghĩ, suy tưởng, chớ nên lìa khỏi phương pháp

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

này, như vậy thì mới có thể thành tựu. Sau khi thành tựu, “*quảng vị đại chúng phân biệt, giải thuyết*” (rộng vì đại chúng phân biệt, giải nói): “*Vì đại chúng phân biệt, giải nói*” chẳng phải là nghe xong bèn nói với người khác. Cố nhiên là cũng có thể nói, nhưng tiếng nói sẽ chẳng đủ trọng lượng, ắt là chính mình phải ức trì, có công phu kha khá thì nói ra, người nghe mới có thể thật sự nghe ra ý nghĩa trong ấy. Thông thường, nếu chỉ nghe, chẳng dụng công, sẽ chẳng đủ sức mạnh; vì thế, nhất định là phải ức trì. Trong đoạn này, chúng ta phải liễu giải mấy tầng ý nghĩa này, phải ức trì pháp trừ khổ não!

Trong đoạn trên đây, Thích Ca Mâu Ni Phật nói với hai vị ấy, đó là chỗ phải chú ý. Đoạn kinh văn dưới đây cho biết: Khi đức Phật nói những lời này, hình tượng của Tây Phương Tam Thánh xuất hiện. Trước hết, tôi đọc kinh văn một lượt:

(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, Vô Lượng Thọ Phật, trụ lập không trung. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, thị nhị đại sĩ, thị lập tả hữu, quang minh xỉ thịnh, bất khả cụ kiến, bách thiên Diêm Phù Đà kim sắc, bất đắc vi tỷ.

(經)說是語時，無量壽佛，住立空中。觀世音，大勢至，是二大士，侍立左右。光明熾盛，不可具見。百千閻浮檀金色，不得為比。

(Kinh: Nói lời ấy xong, Vô Lượng Thọ Phật đứng trên không trung. Hai vị đại sĩ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hầu hai bên. Quang minh chói lợi, chẳng thể thấy trọn, màu sắc của trăm ngàn loại vàng Diêm Phù Đà đều chẳng thể sánh bằng).

Đoạn này tường thuật A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát (Tây Phương Tam Thánh) xuất hiện trong không trung. “*Thuyết thị ngữ thời*” tức là ngay sau lúc Thích Ca Mâu Ni Phật vừa nói xong lời ấy, “*Vô Lượng Thọ Phật*” là A Di Đà Phật, “*trụ lập không trung*”: Ngay lập tức hiện ra trong hư không. Ngoài ra, “*Quán Thế Âm, Đại Thế Chí*”, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, “*thị nhị đại sĩ*”, hai vị Pháp Thân đại sĩ ấy. Pháp Thân đại sĩ là bậc Đại Bồ Tát đã hiển lộ Pháp Thân. Hai vị ấy “*thị lập tả hữu*”, [nghĩa là] một vị [đứng hầu] bên trái, một vị ở bên phải, ở hai bên A Di Đà Phật. Ba vị thánh nhân ấy (cố nhiên, Phật là thánh nhân, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Chí Bồ Tát cũng là thánh nhân), các Ngài “*quang minh xí thịnh*” (quang minh chói lọi). Danh hiệu A Di Đà Phật có nghĩa là “*vô lượng quang, vô lượng thọ*”. Nói “*quang minh xí thịnh*” nghĩa là quang minh tận hết sức tỏa ra ngoài, càng tỏa ra ngoài càng rực rỡ, quang minh càng nhiều! “*Bất khả cụ kiến*” (Chẳng thể thấy trọn): Phạm phu bình phạm chẳng có cách nào thấy trọn vẹn. “*Cụ kiến*” (具見) là trông thấy hoàn toàn. Nhục nhãn của bọn phạm phu chúng ta chẳng thể thấy hoàn toàn được. Làm sao có thể thấy quang minh phát ra từ thân Phật và hai vị đại sĩ cho được? Bất quá, tuy là chẳng trông thấy, nhưng quang minh ấy chẳng giống như ánh sáng mặt trời trong thế giới này. Ánh nắng mặt trời chói rục, mắt chúng ta nhìn vào chẳng chịu nổi! Ví như khi trời nắng gắt, nếu nhục nhãn của chúng ta nhìn thẳng vào ánh nắng, sẽ chịu không nổi, bị nhức mắt không chịu nổi! Chúng ta có thể nhìn thử xem, khi tiết trời quang đãng, ánh nắng gay gắt, mắt chúng ta nhìn thẳng vào mặt trời, nhìn chẳng được mấy chốc, mắt đã chịu không nổi, xuất hiện mọi nỗi khổ sở vầng đầu hoa mắt!

Điều này cho thấy chúng ta chẳng thể chịu nổi, ánh sáng mặt trời quá mạnh mẽ, nhưng quang minh của Tây Phương Tam Thánh chẳng phải là như vậy! Quang minh ấy nhu hòa, mắt của bọn phạm phu chúng ta có thể nhìn được. Nếu không, sẽ chẳng thấy được. Phu nhân Vi Đề Hy đã thấy (do sức của Thích Ca Mâu Ni Phật, cảm động Tam Thánh từ thế giới Cực Lạc hiện đến, khiến cho phu nhân Vi Đề Hy trông thấy). Phu nhân Vi Đề Hy trông thấy quang minh, tuyệt đối chẳng [cảm thấy] chói gắt như ánh nắng. Ánh sáng mặt trời hữu hạn, ánh sáng mặt trời so với quang minh của A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, đơn giản là chẳng thể nào sánh bằng! Tuy chẳng thấy trọn vẹn quang minh nơi tượng Tam Thánh, nhưng khi nhìn vào, mắt chẳng bị kích thích, càng nhìn càng thấy ưa thích, càng nhìn trông mắt càng thoải mái. Đây là chỗ khác biệt rất lớn giữa quang minh của đức Phật và ánh sáng mặt trời.

Vì sao quang minh của đức Phật và hai vị đại sĩ chẳng giống ánh sáng mặt trời? Chúng ta biết ánh nắng do mặt trời phát ra, quang minh của Phật và quang minh của hai vị đại sĩ Quán Âm, Thế Chí từ đâu phát ra? Từ bản tánh phát ra; ánh nắng hoặc ánh đèn điện tuyệt đối chẳng thể sánh bằng tánh quang, những thứ ấy đều là vật chất. Vì sao bọn phạm phu chúng ta niệm Phật có thể cảm ứng? Tu quán tưởng cũng có thể cảm ứng ư? Niệm Phật cũng thế, mà tu quán tưởng cũng thế, tuyệt đối chẳng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phải là trong tâm tán loạn, rối nùi mà có thể niệm Phật tốt đẹp được. Trong tâm tán loạn mà mong quán tưởng tốt đẹp, chẳng thể nào có! Nhất định là phải chuyên tâm, tập trung ý niệm trong tâm, buông xuống hết thảy mọi chuyện trong thế gian, buông xuống vạn duyên! Vì sao phải buông xuống vạn duyên? Chẳng buông xuống vạn duyên, tâm chúng ta sẽ bị duyên lôi đến chỗ này, kéo sang chỗ nọ, chẳng có cách nào tĩnh lặng được, công phu vô dụng. Ất là phải buông xuống vạn duyên thì tâm mới có thể định được. Sau khi đã định, quang minh trong bản tánh của chúng ta mới có thể hiển lộ. Nếu phan duyên khắp nơi, tánh quang đã bị phan duyên vọng niệm từng tầng một che lấp, tánh quang chẳng thể thấu lộ! Vậy thì làm sao có thể cảm ứng Phật quang cho được? Ất là phải buông xuống vạn duyên. Sau khi buông xuống vạn duyên, quán tưởng cũng thế, mà trì danh niệm Phật cũng thế, tánh quang trong bản tánh mới thấu lộ. Khi ấy, mới cảm ứng Phật quang của A Di Đà Phật và đại sĩ quang trong thế giới Cực Lạc. Đây là cảm ứng đạo giao. Ở đây, phu nhân Vi Đề Hy tuy vẫn chưa có công phu cảm ứng Phật quang, nhưng do Phật lực khiến cho bà ta có thể trông thấy, đã là tuyệt diệu lắm rồi. Vì thế, bà ta trông thấy quang minh [của Phật và Bồ Tát]. Tuy thấy, vẫn chưa thể thấy trọn vẹn, chưa thấy hoàn toàn. Rốt cuộc, phu nhân Vi Đề Hy và tất cả bọn phàm phu chúng ta vẫn thấy hữu hạn. Vì sao? Vì chúng ta mở lòng quá hẹp, chẳng thấy xa rộng, chẳng thâm nhập ngàn ấy! Lý do chẳng thể thấy trọn vẹn là vì lẽ này!

“*Bách thiên Diêm Phù Đà kim sắc*”: Trong phần trước, tôi đã có nói về vàng Diêm Phù Đà. Tại Ấn Độ, có một con sông tên là Diêm Phù Đà, tức là sông Diêm Phù. Vàng trong con sông ấy tốt nhất. Loại vàng ấy có ánh đỏ, tức là màu của vàng rất đậm. Chúng ta thường thấy màu của vàng là màu hoàng kim, còn sắc vàng của loại vàng này gần như là đỏ, đặc biệt tốt, cho nên gọi là “*Diêm Phù Đà kim sắc*”. Màu vàng của Diêm Phù Đà không phải chỉ là một loại, mà là có tới trăm ngàn loại. “*Bất đắc vi tỷ*” (Chẳng thể sánh bằng): Chẳng thể dùng nhiều vàng như vậy để sánh ví quang minh của Tây Phương Tam Thánh! Vì sao chẳng có cách nào so sánh? Trong phần trước, tôi đã có nói: Quang minh của Tam Thánh là tánh quang, vàng Diêm Phù Đà là một thứ sắc pháp, là vật chất trong thế giới này. Cố nhiên, vàng quý báu; dầu quý báu, vẫn là vật chất. Do vậy, chẳng thể sánh ví được! Chẳng có cách nào sánh ví. Tuy chẳng có cách nào sánh ví, nhưng có thể dùng như một biện pháp hòng làm nổi bật ý nghĩa, khiến cho chúng ta liễu giải. Những kẻ bình phàm chúng ta cứ nghĩ màu sắc của vàng Diêm Phù Đà là đẹp nhất,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhưng màu sắc đẹp đẽ nhất vẫn chẳng thể sánh bằng quang minh của Tam Thánh. [Do vậy, mọi người nghe xong có thể tưởng tượng] quang minh của Tam Thánh tốt đẹp đến mức độ nào!

Đoạn kinh văn này nói về hình tượng Tam Thánh và quang minh do hình tượng Tam Thánh phát ra, bất cứ quang minh của chất báu nào trong thế gian cũng đều chẳng có cách nào sánh bằng. Đoạn này có ý nghĩa gì? Phải chú ý câu “*thuyết thị ngữ thời*” (khi nói lời ấy), [nghĩa là] ngay trong lúc Thích Ca Mâu Ni Phật nói với tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy những lời ấy, Tây Phương Tam Thánh lập tức hiển hiện tại không trung, điều này chứng tỏ: Bất cứ chúng sanh nào, chỉ cần có thể liễu giải Phật pháp, phát nguyện học pháp môn này, hễ công phu đạt đến nơi đến chốn, sẽ có thể cảm ứng, tới khi mạng chung, tuyệt đối có thể vãng sanh. [Tam Thánh hiện thân] nhằm chứng minh: Khi Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, Tây Phương Tam Thánh ngay lập tức hiển hiện để người học biết sự thật này. Vì thế, trong mấy vị tổ sư Tịnh Độ Tông vào thời cổ, có vị niệm một câu Phật hiệu, miệng bèn phóng quang, có vị niệm Phật bèn hiện ra tượng Phật. Vì sao có thể như vậy? Khi công phu đến nơi đến chốn, buông xuống vạn duyên, công phu sử dụng thuần thực, sẽ có những sự cảm ứng như thế ấy. Đương nhiên là trong khi chúng ta dụng công, tâm chớ nên mong cảm ứng. Nếu trong tâm quý vị mong tưởng cảm ứng, sẽ chẳng phải là nhất tâm niệm Phật, mà là nhị tâm, tam tâm, đâm ra chẳng đạt được nhất tâm! Khi niệm, chỉ quan tâm niệm. Khi tổ sư niệm Phật, [các Ngài] cũng chỉ quan tâm niệm, hoàn toàn chẳng nghĩ “niệm một câu Phật hiệu, miệng bèn phóng ra một tia sáng”. Trong tâm các Ngài chẳng nghĩ như vậy. Nếu nghĩ như vậy, đâm ra hồng bát, chẳng thể như vậy được! Vì thế, khi dụng công, phải thuần túy dụng công, buông xuống vạn duyên, nhất tâm trì danh, trì đến khi công phu đạt đến mức thì mới có thể cảm ứng. Tuy chẳng thấy Phật, nói theo đạo lý, chỉ cần Tín, Nguyện, Hạnh, có tín tâm, có nguyện tâm, dựa trên tín tâm và nguyện tâm để dậy khởi Phật hiệu, ba tư lương đều trọn đủ. Dầu lúc niệm Phật, chẳng thấy Phật quang, bản thân chúng ta đã ở ngay trong Phật quang. Hiểu lý, bèn có lợi ích này, chẳng cần quan tâm chính mình có thấy quang minh (Phật quang) hay không! Chỉ cần dấy lên một câu Phật hiệu, chúng ta đã ở ngay trong vô lượng quang của Phật. Vì thế, đoạn này là dùng sự thật để chứng minh, chiếu theo pháp để tu tập, bình thường sẽ cảm nhận Phật quang gia bị, tới khi mạng chung, nhờ vào Phật quang, sẽ có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Trước hết, tôi đọc kinh văn của đoạn tiếp theo một lượt:

(Kinh) Thời Vi Đề Hy, kiến Vô Lượng Thọ Phật dĩ, tiếp túc tác lễ, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã kim nhân Phật lực cố, đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập nhị Bồ Tát. Vị lai chúng sanh, đương vân hà quán Vô Lượng Thọ Phật, cập nhị Bồ Tát?”

**(經)時韋提希，見無量壽佛已，接足作禮。白佛言：
世尊，我今因佛力故，得見無量壽佛，及二菩薩。未來眾生，當云何觀無量壽佛，及二菩薩？**

(Kinh: Khi ấy, Vi Đề Hy thấy Vô Lượng Thọ Phật rồi bèn làm lễ sát chân đức Phật, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay do Phật lực được thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát. Chúng sanh trong vị lai sẽ nên quán Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát như thế nào?”)

Đoạn này khiến cho chúng ta biết căn cơ của phu nhân Vi Đề Hy (trong phần kinh văn trước đó đã có nói [điều này]) và quốc vương [Tần Bà Sa La] khác nhau. Quốc vương là căn cơ Tiểu Thừa, phu nhân Vi Đề Hy là căn cơ Đại Thừa. Vì sao nói bà ta là căn cơ Đại Thừa? Chính bà ta được thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị đại sĩ, đương nhiên là trong tâm hoan hỷ. Ngay trong lúc ấy, không chỉ là vì chính mình trông thấy bèn hoan hỷ, mà cũng mong những kẻ khác [cũng được hưởng niềm hoan hỷ ấy]. Không chỉ là trong khi ấy, mà còn nghĩ đến những chúng sanh trong đời vị lai mãi cho đến hiện tại. Nghĩ thay cho bao nhiêu chúng sanh trong thuở vị lai, đó là bậc Đại Thừa Bồ Tát, chẳng phải là căn cơ Tiểu Thừa. Vì thế, đoạn này chủ yếu nói: Sau khi bà ta đã thấy Phật, Bồ Tát, đã nghĩ ngay tới rất nhiều chúng sanh trong đời vị lai phải làm như thế nào thì mới có thể thấy Tây Phương Tam Thánh giống như bà ta.

“*Thời Vi Đề Hy*”: Khi ấy, phu nhân Vi Đề Hy, “*kiến Vô Lượng Thọ Phật dĩ*”: Phu nhân Vi Đề Hy đã thấy Vô Lượng Thọ Phật trong không trung. “*Dĩ*” (已) là sau khi đã thấy. Đương nhiên là hễ nói tới Vô Lượng Thọ, sẽ bao gồm hai vị đại sĩ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. “*Tiếp túc tác lễ*”: Đừng nghĩ Tam Thánh ở trên hư không, làm sao [bà Vi Đề Hy] lễ bái sát chân các Ngài cho được? “*Tiếp túc*” chẳng phải là hướng về Vô Lượng Thọ Phật làm lễ, mà là hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật làm lễ, lạy Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Tiếp túc*” (接足) là dùng tay nâng hai chân đức Phật. Nay chúng ta lễ Phật, lật ngửa bàn tay lên, biểu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thì dùng tay nâng chân Phật, gọi là “*tiếp túc*”. Như thế là “*tác lễ*”, tức lễ Phật. Lễ Phật xong, “*bach Phật ngôn*”, “*bach*” (白) là thưa trình, bẩm cáo, hướng về đức Phật thưa thốt. Chữ “*Phật*” ở đây chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Thế Tôn*” (Bhagavā): Thế Tôn là một trong các danh hiệu của đức Phật. “*Ngã kim nhân Phật lực cố*”: Nay con cậy vào Phật lực, “*đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập nhị Bồ Tát*”, có thể trông thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí; đó là sự may mắn to nhất của con. “*Vị lai chúng sanh*” thì sao? Điều này có nghĩa là: Trong tương lai, lúc đức Phật chẳng còn trụ trong thế gian, đông đảo chúng sanh trong vị lai “*đương vân hà quán Vô Lượng Thọ Phật cập nhị Bồ Tát?*” “*Vân hà*” (云何) là làm thế nào, “*quán*” là thấy, [nghĩa là] làm thế nào để có thể trông thấy, quán tưởng Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát? Nói lời này là do ý nghĩa: Vì chúng sanh trong đời vị lai, thỉnh cầu đức Phật hãy dùng phương pháp nào để dạy dỗ chúng sanh trong thuở vị lai. Khi đức Phật chẳng còn trụ thế, họ làm như thế nào để có thể quán thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị đại sĩ? Thỉnh cầu đức Phật hãy dạy một phương pháp.

Vì sao mong thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát? Phật và Bồ Tát đều có quang minh. Thấy quang minh có lợi ích gì? Thấy quang minh của Phật, Bồ Tát, sẽ dẫn khởi tánh quang của chính chúng ta. Nếu từng tia tánh quang của chính chúng ta thấu lộ, sẽ tuyệt diệu lắm. Trong tánh quang, muốn gì có nấy! Bọn phàm phu chúng ta trong thế gian này đáng thương quá! Suốt ngày truy cầu thứ này, thứ nọ bên ngoài, lại còn chưa chắc đã truy cầu được! Dầu truy cầu được, sau khi đã nắm trong tay, sẽ lại chuyển biến. Đây là pháp sanh diệt, sanh sanh diệt diệt, chẳng đáng tin cậy. Sau khi quang minh trong bản tánh hiển lộ, trong phần sau sẽ nói đến các thứ quý báu trong quang minh. Tòa hoa sen của đức Phật trong thế giới Cực Lạc có quang minh nhiều ngàn ấy, trong bản tánh của chúng ta cũng có y hệt! Vì thế, chỉ cần sau khi quang minh của chúng ta hiển hiện, những gì đáng nên có, sẽ có trọn hết. Lần sau, tôi sẽ nói tiếp, hôm nay chỉ có thể giảng đến đoạn này.

Tập 27

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang mười hai, bắt đầu từ dòng thứ năm. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Phật cáo Vi Đề Hy: “Dục quán bỉ Phật giả, đương khởi tướng niệm, ư thất bảo địa thượng, tác liên hoa tướng, linh kỳ liên hoa, nhất nhất diệp thượng, tác bách bảo sắc. Hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa. Mạch hữu bát vạn tứ thiên quang, liêu liêu phân minh, giai linh đặc kiến. Hoa diệp tiểu giả, tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần. Như thị liên hoa, cụ hữu bát vạn tứ thiên diệp”.

(經)佛告韋提希：欲觀彼佛者，當起想念，於七寶地上，作蓮華想。令其蓮華，一一葉上，作百寶色。有八萬四千脈，猶如天畫。脈有八萬四千光，了了分明，皆令得見。華葉小者，縱廣二百五十由旬。如是蓮華，具有八萬四千葉。

(Kinh: Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy: “Muốn quán đức Phật ấy, hãy nên khởi tướng niệm, trên đất bảy báu tướng một hoa sen, sao cho mỗi cánh hoa sen ấy có màu sắc của trăm thứ báu, có tám vạn bốn ngàn đường gân, giống như nét vẽ thiên nhiên. Mỗi đường gân có tám vạn bốn ngàn quang minh, [quán tướng sao cho] rành rẽ phân minh, thấy đều trông thấy. Cánh hoa nhỏ đã có bề ngang và bề dọc là hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa sen như vậy có đủ cả tám vạn bốn ngàn cánh”).

Đoạn này vẫn là Hoa Tòa Quán, “hoa tòa” là tòa hoa sen. Trong đoạn kinh văn trước đó, trước hết, đức Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy hãy lắng nghe. Vì sao? Bắt đầu từ chỗ này, [đức Phật] chánh thức giảng về cách quán tướng chánh báo. Những phần trước đó đều nói về y báo, thô thiển hơn một chút, nhưng quán tướng chánh báo vi tế hơn. Do vậy, phải “*đế thính, đế thính*” (lắng nghe, lắng nghe). Sau đó, A Di Đà Phật cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát đều xuất hiện trong không trung. Phu nhân Vi Đề Hy vừa thấy, hết sức hoan hỷ; sau đấy, nghĩ chính mình có thể trông thấy [cảnh tượng ấy] quá tốt đẹp. Do vậy, bà bèn vì chúng sanh trong đời vị lai thỉnh cầu, cũng là thỉnh cầu pháp này: Chúng sanh trong đời vị lai phải làm như thế nào thì mới có thể thấy A Di Đà Phật và hai vị đại sĩ? Đó chính là sự thỉnh pháp đã được nói trong lần trước. [Trong đoạn kinh văn] vừa mới niệm, đức Phật dạy phu nhân Vi Đề Hy: Muốn quán A Di Đà Phật, trước tiên, cần

phải quán tưởng theo phương pháp sau đây. Hôm nay, tôi nói tiếp [nội dung] của buổi giảng lần trước.

Dưới đây là một tiểu đoạn, hãy xem tiểu đoạn ấy. “*Phật cáo Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy, Ngài nói gì vậy? “*Dục quán bỉ Phật giả*”: Muốn quán tưởng Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, phải như thế nào thì mới có thể quán được? Tiếp đó, Ngài nói một đạo lý và cũng là một phương pháp quan trọng nhất, tức là “*đương khởi tướng niệm*”, [nghĩa là] người tác quán phải dấy lên sự tưởng niệm. Tưởng niệm thì mục tiêu quán tưởng sẽ đặt vững ở nơi đâu? “*Ư thất bảo địa thượng*” (Trên mặt đất bảy báu): Ngay trong thế giới Cực Lạc, quán tưởng y báo trong các phần trước đã thành công, bèn quán trên mặt đất bảy báu trong thế giới Cực Lạc, “*tác liên hoa tướng*”, [nghĩa là] trong tâm tưởng có hoa sen trên mặt đất. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất!

Kinh A Di Đà nói hoa sen sanh trong ao bảy báu. Hoa sen trong ao bảy báu là nói đối với người vãng sanh. Ví như chúng ta từ thế giới Sa Bà vãng sanh thế giới Cực Lạc, lại còn có những chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc từ những thế giới khác, đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu. Ở đây, [hoa sen] trên đất bảy báu là nói về [hoa sen của] đức Phật, còn có những đóa sen do các vị đại Bồ Tát sử dụng. Tòa sen để đức Phật ngồi hay đứng đều ở trên đất bảy báu. Đức Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy và hết thảy chúng sanh tu pháp môn này trong đời mai sau: Muốn quán thấy A Di Đà Phật, trước hết, phải quán hoa sen trên đất bảy báu. Bởi lẽ, quán tưởng chánh báo của đức Phật, Báo Thân của Phật vừa to, vừa tinh vi, hết sức vi tế, nếu ngay lập tức quán, sẽ chẳng thể [quán tưởng] rõ ràng. Do vậy, trước hết, hãy quán tòa hoa sen do đức Phật sử dụng.

Cách quán như thế nào? Dùng tưởng niệm: Tưởng hoa sen trên đất bảy báu. Do đó, chữ Tưởng (想) hết sức trọng yếu. Dựa theo cách giảng kinh Pháp Hoa của tông Thiên Thai, tâm tánh của lũ chúng sanh chúng ta bao la vạn tượng. Hết thảy các pháp đều được bao hàm trong tâm tánh, mà cũng là nói theo đạo lý thì cái tâm của chúng ta trọn đủ hết thảy. Đây là nguyên lý quan trọng nhất được giảng trong Phật pháp. Trong văn hóa Trung Hoa, Nho gia cũng nói như thế: “*Vạn vật giai bị ư ngã*” (Vạn vật đều trọn đủ nơi ta), “*vạn vật*” là muôn vật trong vũ trụ. Vạn sự vạn tượng đều ở trong tâm chúng ta, hoàn toàn trọn đủ. Vì thế, nói theo Nho học và Phật học, sẽ có chung một chân lý.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Sau khi đã hiểu chân lý, dựa theo phương pháp do đức Phật đã nêu dạy để dụng công, sẽ có thể trông thấy. Bộ kinh này giảng khá cặn kẽ. Chúng ta liễu giải bộ kinh này còn quan trọng hơn liễu giải kinh A Di Đà rất nhiều. Kinh văn của kinh A Di Đà đơn giản, nhưng chú giải của tổ sư đã chỉ ra: Đối với hoa sen trong ao bảy báu, người học Tịnh Độ Tông chúng ta, nếu phát tâm, có tín tâm, có nguyện tâm, khi bắt đầu niệm Phật, lúc đó, trong ao bảy báu sẽ nảy sanh một đóa hoa sen. Hoa sen ấy là do ai [tạo tác]? Sanh ra như thế nào? Nay chúng ta nhìn vào Quán Kinh, bèn biết: Đây chính là nói tới quán tưởng. Dụng công quán tưởng, sẽ tưởng ra được. Trì danh niệm Phật giống hệt như quán tưởng. Phát tâm trì danh niệm Phật, trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh, khi vừa niệm, do cái tâm “*có thể ỷ niệm*”, nơi ao bảy báu trong thế giới Cực Lạc bèn trở sanh một đóa hoa sen. Vì thế, đối với lời chú giải của tổ sư, [ta biết chuyện ấy đã được] kinh này nói rõ ràng. Do đức Phật nói như thế, cho nên tổ sư căn cứ vào đạo lý do đức Phật đã dạy [để chú giải như vậy], chẳng phải là chú giải tùy tiện! Vì sao vừa tưởng, bèn có thể tưởng ra? Vừa phát tâm niệm Phật, hoa sen trong ao bảy báu bèn nảy sanh, [nguyên nhân là do] cái tâm của chúng ta trọn đủ hết thấy.

Tâm chúng ta chẳng tưởng thế giới Cực Lạc, bèn tưởng thế giới Sa Bà và hết thấy mọi thứ trong nhân gian. Tưởng hết thấy mọi thứ trong nhân gian, tâm chúng ta sẽ ở trong nhân gian. Chúng ta biết nhân gian là như vậy. Nói theo Phật pháp, sanh trong thế gian này, hết thấy đều thống khổ. Thống khổ được tạo thành như thế nào? Chính là do thân tâm của chúng sanh tạo tác các tội nghiệp như giết, trộm, dâm, dối v.v... Tạo tác tội nghiệp thành công, trong tương lai, sẽ hứng chịu quả báo chiêu cảm từ tội nghiệp đã tạo trong thế gian này. Do tâm lý phạm phu, ở trong thế gian, đều chẳng thể tránh khỏi tạo nghiệp, thọ báo. Vì sao tạo nghiệp? Vì trong tâm mê hoặc, điên đảo; do vậy, khởi Hoặc, tạo nghiệp, chịu báo, tuần hoàn chẳng dứt, sanh tử không ngừng. Đây là cái nhân khiến cho bọn phạm phu chúng ta thọ báo trong thế gian này!

Nếu ý niệm của chúng ta chẳng đặt trong nhân gian, mà đặt nơi thế giới Cực Lạc, đặt trong ao hoa sen, nay nói đến quán tưởng chánh báo của Phật, quán tưởng hoa sen được sử dụng bởi đức Phật ở ngay trên đất bảy báu. Hoa ấy từ đâu mà có? Từ tịnh pháp (pháp thanh tịnh) trong tâm tưởng ra. Sau khi đã liễu giải lý này, [sẽ biết] hoa sen có bao nhiêu cánh, hoa quang (quang minh tỏa ra từ hoa sen) và các thứ báu được nói kể đó đều là do như vậy mà có. Chỉ cần dùng đúng phương pháp, sẽ có thể trông thấy. Sau khi đã liễu giải lý này, những điều kể đó đều dễ dàng.

Vì sao trong tâm chúng ta vừa tưởng, bèn có thể thấy hoa sen trong thế giới Cực Lạc? Trong tâm lý của chúng ta có cảnh giới như thế nào, sau đây mới có thể thấy, mới có thể cảm ứng cảnh giới như thế ấy. Trong tâm phàm phu chỉ có thế giới Sa Bà, ắt phải chuyển biến tâm lý phàm phu thì mới có thể trông thấy thế giới Cực Lạc. Vì vậy, khi dụng công quán tưởng, ắt phải buông xuống vạn duyên. “*Vạn duyên*” là nói tới ý niệm của chúng ta. Ý niệm của chúng ta chẳng có một giờ, một khắc nào không vương vấn thế giới Sa Bà và những sự việc trong nhân gian. Khi chúng ta dụng công, mong thấy thế giới Cực Lạc, đối với các thứ thị phi, danh lợi, hết thảy mọi thứ thảy đều phải buông xuống. Khi ấy, cái tâm của chính mình mới có thể giao thoa chiếu rọi và cảm ứng thế giới Cực Lạc. Hãy tiếp tục xem kinh văn.

Đức Phật bảo phàm phu nhân Vi Đề Hy, muốn tưởng hoa sen thì tưởng như thế nào? “*Linh kỳ liên hoa, nhất nhất diệp thượng, tác bách bảo sắc*” (Tưởng sao cho hoa sen ấy, mỗi cánh đều có màu sắc của trăm thứ báu). Khi tưởng, trước tiên, hãy tưởng một đóa hoa sen to trên đất bảy báu trong thế giới Cực Lạc, tức là trước hết tưởng ra hình dạng của một đóa sen to. Sau đây, quán tưởng từng cánh hoa sen. “*Diệp*” (葉) chính là cánh hoa sen. Trên mỗi cánh hoa, có màu sắc của trăm thứ báu. Bảo sắc có tới một trăm thứ, đủ các loại màu. Trong thế gian này, màu sắc chỉ có mấy loại. Màu cơ bản là xanh dương, vàng, đỏ, trắng, đen, năm thứ; sau đây, phối hợp lại. Thế mà trên cánh hoa sen có màu của trăm thứ báu. Lại còn “*hữu bát vạn tứ thiên mạch*” (tám vạn bốn ngàn đường gân). “*Mạch*” (脈) là đường gân. Lá cây cũng thế, mà cánh hoa cũng thế, có từng đường gân một, giống như mạch máu trong thân thể con người. Có bao nhiêu? Có tám vạn bốn ngàn, nhưng chúng cũng chẳng rối loạn, chẳng có thứ lớp như chúng ta thấy trong thế gian này. Chúng phối hợp hết sức khéo léo, phối hợp “*do như thiên họa*” (giống như nét vẽ thiên nhiên). “*Thiên họa*” (天畫) là nét vẽ được hình thành tự nhiên. Trong thế giới này, Quốc Họa của Trung Hoa cũng thế, mà hội họa của Âu Tây cũng thế, đều do sức người vẽ ra. Hội họa của con người đều là mô phỏng thiên nhiên. Hết thảy các nghệ thuật đều là như vậy. Nghệ thuật là mô phỏng thiên nhiên, hội họa cũng là mô phỏng thiên nhiên, âm nhạc cũng là mô phỏng âm nhạc của thiên nhiên. Do đó, [âm nhạc trong thiên nhiên] được gọi là “*thiên lai*” (天籟). Vì thế, âm thanh đẹp nhất là âm thanh tự nhiên. Trên mỗi cánh sen đều có tám vạn bốn ngàn đường mạch,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thoạt nhìn toàn thể, giống như một bức họa thiên nhiên, đẹp quá! Đây là nói mỗi cánh sen đều có tám vạn bốn ngàn đường mạch!

Mỗi một “*mạch hữu bát vạn tứ thiên quang*” (mạch có tám vạn bốn ngàn quang minh). Quý vị hãy ngẫm xem, từ mỗi đường mạch, lại tỏa ra quang minh nhiều ngàn ấy. Những quang minh ấy bao gồm màu sắc của các chất báu. Từ trên mỗi mạch, tỏa ra quang minh. Khi quán tưởng, phải “*liễu liễu phân minh, giai linh đắc kiến*” (sao cho đều thấy rành rẽ, rõ ràng). Trên mỗi cánh hoa có bảo sắc nhiều ngàn ấy, có các đường mạch nhiều ngàn ấy, đều thấy hết sức triệt để, hết sức rõ ràng. Đó là “*liễu liễu phân minh, giai linh đắc kiến*”. Những cánh hoa ấy to cỡ nào? Đương nhiên là có lớn, có nhỏ. Chẳng cần nói tới cánh hoa lớn, mà nói “*hoa điệp tiểu giả, tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần*” (cánh hoa nhỏ thì bề dài, bề ngang đều là hai trăm năm mươi do-tuần), “*tung*” (縱) là bề dài, “*quảng*” (廣) là bề rộng. Chiều dọc, chiều ngang đến hai trăm năm mươi do-tuần, to như thế đó, rộng như thế đó! “*Như thị liên hoa, cụ hữu bát vạn tứ thiên điệp*” (Hoa sen như vậy có tám vạn bốn ngàn cánh). Nói gộp cả hai câu này lại thì một đóa sen to ấy có bao nhiêu cánh hoa? Có tám vạn bốn ngàn cánh! Mỗi đóa hoa sen đều có tám vạn bốn ngàn cánh! Đoạn kinh kể từ “*linh kỳ liên hoa, nhất nhất điệp thượng*” (sao cho mỗi cánh hoa sen ấy) nói rõ hoa sen có bao nhiêu cánh, bao nhiêu đường mạch, bao nhiêu quang minh, cánh hoa to cỡ nào! Trước hết, phải quán tưởng phần này!

(Kinh) Nhất nhất điệp gian, hữu bách ức ma-ni châu vương, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất ma-ni châu, phóng thiên quang minh. Kỳ quang như cái, thất bảo hợp thành, biến phú địa thượng. Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo, dĩ vi kỳ đài. Thử liên hoa đài, bát vạn kim cang chân thúc ca bảo, phạm ma-ni bảo, diệu chân châu võng, dĩ vi hiệu sức.

(經)一一葉間，有百億摩尼珠王，以為映飾。一一摩尼珠，放千光明。其光如蓋，七寶合成，遍覆地上。釋迦毘楞伽寶，以為其臺。此蓮花臺，八萬金剛甄叔迦寶，梵摩尼寶，妙真珠網，以為校飾。

(Kinh: Giữa mỗi cánh, có trăm ức ma-ni bảo châu vương trang hoàng chói ngời. Mỗi một ma-ni châu tỏa ngàn quang minh. Quang minh ấy như cái lọng, do bảy báu hợp thành, che trọn khắp mặt đất. Báu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thích Ca Tỳ Lãng Già dùng để làm đài. Đài hoa sen ấy có tám vạn bốn ngàn chất báu Chân Thúc Ca, báu Phạm ma-ni, lưới kết bằng diệu châu để trang hoàng).

“*Nhất nhất diệp gian*”: Giữa mỗi cánh hoa, “*hữu bách ức ma-ni châu vương, dĩ vi ánh sức*” (có trăm ức ma-ni châu vương trang hoàng chói ngời): Giữa các cánh hoa, còn có các thứ trang hoàng. Có những thứ trang hoàng gì vậy? Có một trăm ức ma-ni châu vương. Ma-ni châu là Như Ý Châu, muốn gì bèn có vậy. “*Ma-ni châu vương*” chính là vua của các ma-ni châu. Có đến trăm ức viên châu như vậy, dùng chúng để làm “*ánh sức*”. “*Ánh sức*” (映飾) là dùng quang minh chiếu chói ngời giữa các cánh hoa. “*Nhất nhất ma-ni châu*” nghĩa là mỗi ma-ni châu đều “*phóng thiên quang minh*”, tỏa ra đến một ngàn tia quang minh, quang minh ấy lại đặc biệt lắm nghe! “*Kỳ quang như cái*” (Quang minh ấy như cái lọng): Trong thế gian này, dù được gọi là “*cái*” (蓋). Bất quá, “*dù*” dùng ở Ấn Độ chẳng giống như dù sử dụng ở Trung Hoa. [Dù của Ấn Độ] gồm nhiều tầng chồng lên nhau, rủ xuống. Tầng cao nhất được gọi là Cái (蓋). Quang minh tụ hợp lại giống như hình dạng của từng cái lọng một. Lại còn là do “*thất bảo hợp thành*”. Điều này lại càng đặc biệt, quang minh do bảy báu hòa hợp tạo thành, “*biến phú địa thượng*” (che phủ trọn khắp mặt đất): Các quang minh chiếu khắp mặt đất. Chiếu như thế nào? Quang minh giống như tàn lọng, che phủ toàn thể đại địa trong thế giới Cực Lạc. Nhìn như thế, khắp mọi nơi đều là hoa sen. Mỗi hoa sen có tám vạn bốn ngàn cánh. Giữa mỗi cánh, có ma-ni châu vương nhiều ngàn ấy. Mỗi viên ma-ni châu vương phóng ra quang minh nhiều ngàn ấy. Quang minh ấy chiếu sáng giống như tàn lọng, lại còn là do bảy báu hợp thành, toàn thể chiếu trọn khắp đại địa. Đây là nói về các thứ quang minh giữa những cánh hoa.

“*Thích Ca Tỳ Lãng Già bảo, dĩ vi kỳ đài*” (Dùng báu Thích Ca Tỳ Lãng Già làm đài hoa). Đây là nói về một đóa hoa sen to. Trước hết, hãy nhìn vào “*hoa diệp*” tức là cánh hoa. Lại nhìn vào “*hoa tâm*” ở chính giữa hoa. Ở đây, “*hoa tâm*” (花心) được gọi là “*hoa tòa*”. Đức Phật ngồi giữa hoa sen, [tức là ngồi trên] liên hoa đài. Liên hoa đài dùng vật gì để tạo thành? Báu Thích Ca Tỳ Lãng Già. Chất báu được gọi là Thích Ca Tỳ Lãng Già (Śakrābhi Langa-mani-ratna), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Năng Thắng (能勝), [hàm nghĩa] có thể trỗi vượt hết thảy các thứ báu.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Chất báu này tốt đẹp hơn hết thảy các thứ báu, do trỗi vượt các thứ báu, nên gọi là Năng Thắng Bảo. Dùng chất báu ấy “*dĩ vi kỳ đài*” (làm thành đài hoa). Trong thế gian này, chẳng phải là chúng ta cũng đã từng thấy hoa sen ư? Chính giữa hoa sen là nơi kết hạt sen, còn trong thế giới Cực Lạc, [chính giữa hoa sen] là liên hoa đài để đức Phật sử dụng, dùng các thứ báu kết thành.

Hoa đài cũng được trang hoàng, trang hoàng như thế nào? “*Thử liên hoa đài*”: Đài hoa sen ấy có “*bát vạn Kim Cang Chân Thúc Ca bảo, Phạm ma-ni bảo, diệu chân châu vông, dĩ vi hiệu sức*” (tám vạn báu Kim Cang Chân Thúc Ca, báu Phạm ma-ni, lưới kết bằng diệu chân châu để trang hoàng). Đài hoa sen ấy được trang hoàng bằng tám vạn báu Kim Cang Chân Thúc Ca. Chân Thúc Ca là gì? Tại Ấn Độ, có một loại cây tên là cây Chân Thúc Ca (Kinsukajālē). Cây nở hoa màu đỏ, tức là “*hồng sắc hoa*”. Hoa ấy hết sức xinh xắn, hết sức đẹp đẽ. Loại chất báu kim cang ấy có màu đỏ rực giống như màu hoa cây Chân Thúc Ca. Do vậy, chất báu này được gọi là “*Kim Cang Chân Thúc Ca bảo*”.

“*Phạm ma-ni bảo*”: “*Phạm*” (梵) là rất thanh tịnh. Ma-ni (摩尼) là một loại báu Như Ý, lại còn trong suốt. Báu Như Ý đã thanh tịnh, lại còn trong suốt, được gọi là “*Phạm ma-ni bảo*”. Còn có “*diệu chân châu vông*”, cái lưới ấy dùng diệu chân châu để kết thành, từng viên diệu chân châu được khâu lại thành một tấm lưới lớn. Hơn nữa, diệu chân châu là “*diệu chân châu*”. Dùng những thứ báu ấy và lưới diệu chân châu để “*hiệu sức*”. “*Hiệu sức*” (校飾) là trang hoàng. Dùng những thứ báu ấy và lưới báu để trang hoàng liên hoa đài. Có thể tưởng tượng để thấy đài hoa sen do đức Phật ngồi trang nghiêm ngàn nào! Trên đây là nói về những thứ báu và lưới trang sức trên hoa tòa.

(Kinh) U kỳ đài thượng, tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng. Nhất nhất bảo tràng, như bách thiên vạn ức Tu Di sơn. Tràng thượng bảo mạn, như Dạ Ma Thiên cung. Phục hữu ngũ bách ức vi diệu bảo châu, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất bảo châu, hữu bát vạn tứ thiên quang. Nhất nhất quang, tác

(經)於其臺上，自然而有四柱寶幢。一一寶幢，如百千萬億須彌山。幢上寶幔，如夜摩天宮。復有五百億微妙寶珠，以為映飾。一一寶珠，有八萬四千光。一一光，作

八萬四千異種金色。

(Kinh: Ở trên đài ấy, tự nhiên có bốn trụ tràng báu. Mỗi một tràng báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di. Màn báu trên tràng như cung trời Dạ Ma. Lại có năm trăm ức bảo châu vi diệu để trang hoàng chói ngời. Mỗi một bảo châu có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi một quang minh có tám vạn bốn ngàn loại sắc vàng khác nhau).

“U kỳ đài thượng, tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng”, [nghĩa là] ở trên đài hoa sen ấy, ngoại trừ lưới báu để trang sức, trên đài tự nhiên lại có tràng báu. “Tứ trụ” (四柱) là bốn cây tràng báu. Tràng to như cây cột vậy. “Nhất nhất bảo tràng”, [nghĩa là] mỗi một trụ bảo tràng, “*như bách thiên vạn ức Tu Di sơn*” (như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di), có thể suy ra mà biết tràng báu ấy to cỡ nào! Kể bình phàm thường bảo núi Tu Di là núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalayas). Thật ra, chẳng phải vậy! Phàm phu chẳng trông thấy núi Tu Di. Chẳng nhìn thấy, chẳng phải là nó không có. Không nói chi khác, lấy ngay cái bàn này để nói, mắt con kiến chẳng nhìn thấy. Chẳng thể dựa trên lập trường “con kiến chẳng nhìn thấy” bèn chẳng thừa nhận cái bàn. Mắt loài người chúng ta nhìn núi Tu Di cũng giống như con kiến nhìn cái bàn, chẳng trông thấy! Cảnh giới và tâm lý của chúng ta quá nhỏ; bởi lẽ, núi Tu Di thật sự chẳng nhỏ như núi Hỷ Mã Lạp Nhã. Trên đài hoa sen ấy, có bốn tràng báu, mỗi tràng báu to cỡ nào? Như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di. Một tòa núi Tu Di mà bọn phàm phu chúng ta còn chưa thấy, huống hồ nhiều đến trăm ngàn vạn ức núi Tu Di như vậy! Hãy ngắm xem, một tràng báu đã to như vậy, bốn tràng báu gộp lại sẽ to cỡ nào?

Hơn nữa, “tràng thượng bảo mạn” nghĩa là trên tràng báu có màn báu. “Mạn” (幔) là tấm màn vải dài thường treo nơi Phật đường. Trên tràng có màn báu. Màn báu “*như Dạ Ma Thiên cung*”, cung trời Dạ Ma (Yāma) là tầng trời thứ ba trong Dục Giới Thiên. [Dạ Ma] dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thiện Thời (善時). Vì sao gọi là Thiện Thời? Vì quang minh trong tầng trời thứ ba của Dục Giới hết sức tốt đẹp, quang minh chiếu soi chẳng có ngày đêm. Nhân gian chúng ta có ngày và đêm, Dạ Ma Thiên bất luận ngày hay đêm đều là một bầu quang minh. Màn báu treo trên tràng đẹp đẽ như cung trời Dạ Ma.

“Phục hữu ngũ bách ức vi diệu bảo châu, dĩ vi ánh sức” (Lại có năm trăm ức bảo châu vi diệu, trang hoàng chói ngời): Màn báu giống

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

như cung trời Dạ Ma, lại có bảo châu vi diệu nhiều đến năm trăm ức. Những bảo châu ấy hết sức vi diệu. Do tốt đẹp đến tột cùng, nên gọi là “vi diệu”. Có những bảo châu ấy để trang hoàng sáng rực, chiếu rọi lẫn nhau để trang hoàng. Vì sao chúng có thể chiếu rọi? Vì “nhất nhất bảo châu, hữu bát vạn tứ thiên quang” (mỗi một viên bảo châu có tám vạn bốn ngàn quang minh), nhưng “nhất nhất quang, tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc” (mỗi một quang minh có tám vạn bốn ngàn loại sắc vàng khác nhau). Hoàn toàn phải cậy vào sức tưởng tượng, vì chúng ta thấy màu của chất vàng là màu hoàng kim, nhưng kim sắc trong cõi ấy có đến tám vạn bốn ngàn loại khác nhau. “Dị chủng” (異種) là các chủng loại màu sắc khác nhau. Trong kim sắc, còn có tám vạn bốn ngàn loại kim sắc, trong thế gian này, chúng ta chẳng thể tưởng tượng nổi! Đoạn này nói về sự trang nghiêm nơi tràng báu: Trên tòa hoa sen, có bốn tràng báu. Trên tràng báu còn trang nghiêm nhiều ngàn ấy.

Bắt đầu từ câu “linh kỳ liên hoa, nhất nhất diệp thượng” (sao cho mỗi một cánh của hoa sen ấy) cho đến đây mới hết. Đoạn lớn [chánh kinh] này dạy: Trước hết, quán một đóa hoa sen, cánh hoa sen, quang minh của các viên châu giữa các cánh hoa. Lại nhìn vào đài hoa trong hoa sen, trên đài hoa có tràng báu. Cả đoạn kinh này trần thuật các thứ trang hoàng của đài hoa sen. Nếu phân tích cận kề trang hoàng này, [sẽ thấy tòa hoa sen của A Di Đà Phật] vừa cao to lại vừa rộng rãi. Đơn giản là tâm phàm phu chẳng thể quán nổi, nhưng căn cứ theo lời dạy của tổ sư trong phần trước: Chúng ta chẳng thấy là vì tâm lượng phàm phu hẹp nhỏ! Đừng nói là thấy trọn hết, thấy một cánh sen cũng chẳng thấy rõ ràng. Nhưng chỉ cần có thể dụng công, buông xuống vạn duyên, buông những giả pháp dụ dỗ, mê hoặc trong thế gian này xuống, nhập Định, có định lực, tâm lý bèn mở rộng. Tâm lượng hễ mở rộng, sẽ có thể thấy thế giới Cực Lạc rõ ràng, rành rẽ. Cảm thấy chẳng nhìn rõ lắm, chẳng thể nhìn thấy nhiều ngàn ấy, chúng ta hãy buông xuống vạn duyên để nhìn, để tưởng, sẽ tự nhiên có thể tiến nhập tình huống.

(Kinh) Nhất nhất kim sắc, biến kỳ bảo độ, xứ xứ biến hóa, các tác dị tướng, hoặc vi kim cang đài, hoặc tác chân châu võng, hoặc tác tạp hoa vân, u thập phương diện, tùy ý biến hiện, thi tác Phật sự. Thị vi hoa tòa tướng, danh đệ thất Quán.

(經)——金色，遍其寶土，處處變化，各作異相。或為金剛臺，或作真珠網，或作雜華雲，於十方面，隨意變現，施作佛事。是為華座想，名第七觀。

(Kinh: Mỗi một kim sắc trọn khắp cõi báu ấy, biến hóa khắp nơi, ở mỗi nơi đều hiện tướng lạ, hoặc là đài kim cang, hoặc biến thành lưới chân châu, hoặc hóa ra các loại hoa nhiều như mây, tùy ý biến hiện trong mười phương, thực hiện Phật sự. Đó là Hoa Tòa Tướng, gọi là phép Quán thứ bảy).

Chúng ta thấy đài hoa rõ ràng, đài hoa sen tốt đẹp dường ấy, có châu quang (quang minh phát ra từ các bảo châu) v.v... nhiều dường ấy, có tác dụng gì? Tiếp đó, [kinh văn] nói: “*Nhất nhất kim sắc, biến kỳ bảo độ*” (Mỗi một kim sắc trọn khắp cõi báu ấy), tức là tám vạn bốn ngàn loại kim sắc khác nhau, mỗi một thứ kim sắc chiếu trọn khắp toàn thể cõi báu thế giới Cực Lạc. Chiếu trong cõi báu “*xứ xứ biến hóa*”, [nghĩa là] ánh sáng kim sắc chiếu trọn khắp mặt đất, các nơi đều dậy lên sự biến hóa. Biến hóa những gì? “*Các tác dị tướng*” [nghĩa là] hóa thành đủ loại hình dạng khác nhau! Những hình dạng gì vậy? “*Hoặc vi kim cang đài*” [nghĩa là] dùng kim cang làm thành hoa đài. “*Hoặc tác chân châu vòng, hoặc tác tạp hoa vân*” [nghĩa là] hoặc biến thành lưới chân châu, hoặc từ các loại hoa kết thành áng mây. Những thứ ấy đều quán thành công.

“*Ư thập phương diện*”, “*thập phương*” là đối với thế giới Cực Lạc mà nói, tức là mười phương ở ngoài thế giới Cực Lạc. “*Tùy ý biến hiện, thi tác Phật sự*” (Tùy ý biến hiện, thực hiện Phật sự): Đã quán hoa đài thành công, có thể thấy mười phương thế giới, thấy rõ ràng Phật sự được thực hiện trong các loại thế giới. Trông thấy Phật sự, tuyệt diệu quá! Kinh Tiểu A Di Đà có nói: Chúng sanh trong thế giới Cực Lạc thường vào sáng sớm cúng dường chư Phật trong mười vạn ức cõi Phật ở các phương khác. Vì sao cúng dường Phật? Vì để học Phật pháp. Quán như vậy thành công, có thể trông thấy, tùy ý biến hiện Phật sự trong mười phương thế giới. Trông thấy Phật sự, sẽ có thể học tập phương pháp của Phật, đó là lợi ích sẽ đạt được. Trong đoạn kinh văn vừa nói này, điều chủ yếu là tu thành công, thấy hoa đài sẽ học các Phật pháp.

“*Thị vi Hoa Tòa Tướng, danh đệ thất Quán*” (Đây là Hoa Tòa Tướng, gọi là phép Quán thứ bảy): Tổng kết những điều đã nói trên đây là Hoa Tòa Quán, chính là phép Quán thứ bảy trong mười sáu phép

Quán. Những hoa tòa và sự biến hóa ấy do đâu mà có? Tiếp đó, [kinh văn] bèn nói:

(Kinh) Phật cáo A Nan: “Nhu thử diệp hoa, thị bốn Pháp Tạng tỳ-kheo nguyện lực sở thành”.

(經)佛告阿難，如此妙華，是本法藏比丘願力所成。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan: “Diệp hoa như thế, vốn là do nguyện lực của tỳ-kheo Pháp Tạng tạo thành”).

“Phật cáo A Nan”: Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan, “*nhu thử diệp hoa*”, hoa sen đẹp đẽ, tuyệt diệu ấy, “*thị bốn Pháp Tạng tỳ-kheo nguyện lực sở thành*” (vốn là do nguyện lực của tỳ-kheo Pháp Tạng tạo thành). Tỳ-kheo Pháp Tạng là [tiền thân của] A Di Đà Phật. Trong quá khứ, vào thời Thế Tự Tại Vương Phật, Ngài xuất gia làm tỳ-kheo, có danh hiệu là tỳ-kheo Pháp Tạng. Ngài đối trước Thế Tự Tại Vương Phật phát ra bốn mươi tám đại nguyện, trong số đó, có nguyện này. Sau đây, mới do nguyện lực mà thành Phật, cũng tạo thành thế giới Cực Lạc. Toàn thể thế giới Cực Lạc, khắp cả đại địa là hoa sen, là do nguyện lực của Ngài mà thành tựu. Đoạn lớn này nói về lai lịch của tòa hoa sen.

(Kinh) Nhược dục niệm bỉ Phật giả, đương tiên tác thử hoa tòa tướng. Tác thử tướng thời, bất đắc tạp quán, giai ưng nhất nhất quán chi, nhất nhất diệp, nhất nhất châu, nhất nhất quang, nhất nhất đài, nhất nhất tràng, giai linh phân minh, như w kính trung, tự kiến diện tượng. Thử tướng thành giả, diệt trừ ngũ vạn ức kiếp sanh tử chi tội, tất định đương sanh Cực Lạc thế giới.

(經)若欲念彼佛者，當先作此華座想。作此想時，不得雜觀，皆應一一觀之，一一葉，一一珠，一一光，一一臺，一一幢，皆令分明。如於鏡中，自見面像。此想成者，滅除五萬億劫生死之罪，必定當生極樂世界。

(Kinh: Nếu muốn niệm đức Phật ấy, hãy nên trước hết tưởng hoa tòa này. Khi tưởng điều này, chẳng được tạp quán, đều nên quán từng điều một, mỗi một cánh hoa, mỗi một viên châu, mỗi một quang minh,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mỗi một đài, mỗi một tràng, thấy đều rõ ràng, như từ trong gương tự thấy khuôn mặt. Tướng này đã thành, có thể diệt trừ tội trong năm vạn ức kiếp sanh tử, nhất định sẽ sanh về thế giới Cực Lạc).

Trên đây là những lời dạy của đức Phật dành cho tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy trong lúc ấy. Phu nhân Vi Đề Hy vì chúng sanh trong đời vị lai mà thỉnh pháp; kế đó, [đức Phật] dạy những lợi ích mà chúng sanh trong đời vị lai sẽ đạt được. “*Nhược dục niệm bỉ Phật giả*”, [phải chú ý] “*niệm bỉ Phật*” là quán tưởng. Nếu muốn quán tưởng A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, “*đương tiên tác thử Hoa Tòà Tướng*” [nghĩa là] trước hết, hãy nên quán tưởng hoa tòa. “*Tác thử tướng thời*”: Khi quán tưởng những điều này, “*bất đắc tạp quán*”, [nghĩa là] chẳng được quán tạp loạn, phải thuận theo thứ tự, có thứ tự. Chiếu theo thứ tự như thế nào? “*Giai ưng nhất nhất quán chi*”: Chiếu theo những điều đã nói trên đây để tác quán từng tầng một. Quán theo từng tầng một như thế nào? “*Nhất nhất diệp, nhất nhất châu*”, đối với mỗi cánh hoa, mỗi viên bảo châu, châu tỏa ra “*nhất nhất quang, nhất nhất đài, nhất nhất tràng, giai linh phân minh*” (mỗi quang minh, mỗi đài, mỗi tràng, đều quán sao cho phân minh). Quán theo thứ tự, nói cách khác, dựa theo thứ tự từ cánh hoa, bảo châu, quang minh, đài hoa, [cho đến] tràng báu để [quán tưởng sao cho] trông thấy rõ ràng, rành rẽ, phân minh, chớ nên rối loạn. Chẳng thể nói ta thấy quang minh trước, sau đấy thấy cánh hoa, chẳng được! Nhất định là trước hết phải thấy cánh hoa, sau đấy thấy châu, thấy quang minh, thấy đài, thấy tràng, thấy rõ ràng, rành rẽ!

“*Như u kính trung, tự kiến diện tượng*” (Như từ trong gương tự thấy khuôn mặt): Chiếu theo thứ tự để thấy, giống như cầm gương soi diện mạo của chính mình, trông thấy rõ ràng, rành rẽ. Thấy rõ ràng, rành rẽ như vậy, sau đấy mới “*thử tướng thành giả*” (tướng này đã thành), đã quán thành công phép Quán này, tức là quán tưởng hoa tòa [thành công], sẽ đạt được lợi ích khôn cùng! Tiếp đó, [đức Phật] bèn nói: “*Diệt trừ ngũ vạn ức kiếp sanh tử chi tội*” (Diệt trừ tội trong năm vạn ức kiếp sanh tử): Trong thế gian, sanh mạng của lũ chúng sanh chúng ta chẳng phải chỉ là đời hiện tại này, trước đời này có bao nhiêu đời? Từ vô thủy tới nay, chúng ta có nhiều kiếp sống, đời đời đều tạo tội nghiệp sanh tử, có bao nhiêu đời? Chính mình chẳng thể tính biết rõ ràng! Hễ quán tưởng thành công, sẽ có thể diệt trừ những tội nghiệp ấy, diệt trừ tội nghiệp trong năm vạn ức kiếp. Nói cách khác, sanh mạng của chúng ta sống sống chết chết, cộng lại có thể nhiều đến năm vạn ức kiếp. Tội nghiệp sanh tử

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trong nhiều đời to lớn ngàn ấy; hề quán tưởng thành công, sẽ có thể diệt trừ tội sanh tử nhiều ngàn ấy! Ngoài chuyện diệt tội nhiều như thế, còn có lợi ích lớn nhất khác nữa là “*tất định đương sanh Cực Lạc thế giới*” (nhất định sẽ sanh về thế giới Cực Lạc). Nghiệp chướng của chúng ta quá nặng. Nghiệp chướng quá nặng, quá nhiều, [cho nên] vãng sanh có vấn đề. Vì thế, ắt phải mong sao nghiệp chướng giảm nhẹ, khi mạng chung, chính mình mới có thể làm chủ. Công phu hơi kém một chút, có kẻ khác trợ niệm, sẽ tự mình đẩy khởi chánh niệm rất nhanh chóng, có thể vãng sanh. Công phu ấy lỗi lạc thay! Do vì quán tưởng thành tựu, chính mắt trông thấy đức Phật ngồi trên đài hoa sen trong thế giới Cực Lạc, tất nhiên là có thể sanh về thế giới Cực Lạc.

(Kinh) Tác thị quán giả, danh vi Chánh Quán. Nhược tha quán giả, danh vi Tà Quán.

(經)作是觀者，名為正觀。若他觀者，名為邪觀。

(Kinh: Tác quán như vậy gọi là Chánh Quán. Nếu quán khác đi thì gọi là Tà Quán).

“*Tác thị quán giả*” tức là tu tập phép Hoa Tòà Quán. Chiếu theo phương pháp đã nói trên đây để quán như vậy, “*danh vi Chánh Quán*” (gọi là Chánh Quán). Cái gọi là Quán Tưởng Niệm Phật chẳng dễ dàng đâu nhé! Mọi người chẳng có cách nào dùng phương pháp này để tác quán, bất quá liễu giải cũng tốt! Liễu giải có thể giúp chúng ta trì danh niệm Phật [dễ dàng hơn]. Liễu giải rất nhiều đạo lý thì gọi là Chánh Quán. “*Nhược tha quán giả*” (Nếu quán khác đi), “*tha quán*” là [quán tưởng] chẳng giống như kinh văn đã nói, chẳng biết phương pháp hoặc đạo lý được dạy trong Quán Kinh. Nhất là trong thời đại Mạt Pháp hiện thời, người ta có cách này, cách kia, rốt cuộc cách nào là tốt đẹp? Nếu chẳng tác quán như vậy, quán khác đi, “*danh vi Tà Quán*”, sẽ là Tà Quán. Chẳng đúng pháp thì là Tà Quán. Tà Quán thì chẳng được đâu nhé! Ngàn muôn phần chớ nên! Cuối cùng nói rõ, biện định Chánh là gì, Tà là gì? Điều này đối với Quán Tưởng Niệm Phật và Trì Danh Niệm Phật đều hết sức trọng yếu! Hôm nay, tôi giảng tới đến chỗ này!

Tập 28

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn, trang mười bốn, bắt đầu từ hàng thứ hai. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn một lượt.

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Kiến thử sự dĩ, thứ đương tưởng Phật. Sở dĩ giả hà? Chư Phật Như Lai, thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. Thị cố, như đẳng tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bất thập tùy hình hảo. Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật. Chư Phật Chánh Biến Tri hải, tùng tâm tướng sanh”.

(經)佛告阿難，及韋提希：見此事已，次當想佛。所以者何？諸佛如來，是法界身，入一切眾生心想中。是故汝等心想佛時，是心即是三十二相，八十隨形好。是心作佛，是心是佛。諸佛正遍知海，從心想生。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Đã thấy sự ấy xong, kể đó, hãy nên tưởng Phật, vì có sao vậy? Chư Phật Như Lai là pháp giới thân, vào trong tâm tướng của hết thấy chúng sanh. Vì thế, khi tâm các vị tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng”).

IV.2.2.9. Phép Quán thứ tám, Tam Thánh Tượng Quán (quán hình tượng Tam Thánh)

Hôm nay, tôi bắt đầu giảng đoạn này là phép Quán thứ tám trong Thập Lục Quán Kinh. Trong các phép Quán trước, từ phép Quán thứ bảy bèn bắt đầu quán chánh báo. Sáu phép Quán trước phép Quán thứ bảy là quán y báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là [quán tướng] hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc. Trước khi chánh thức quán chánh báo, trong phép Quán thứ bảy, quán tòa hoa sen để đức Phật ngồi (liên hoa đài), lần trước đã nói xong. Hôm nay, tôi nói đến phép Quán thứ tám, là phép quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong phép Quán này, chia thành ba đoạn lớn. Đoạn vừa mới đọc chính là đoạn lớn thứ nhất. Đoạn lớn thứ nhất nêu ra nguyên lý trọng yếu trong pháp môn Quán Tượng. Tu quán tượng, điều quan trọng nhất là phải hiểu rõ nguyên lý. Sau khi đã hiểu rõ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nguyên lý, tiếp theo đó, trong đoạn lớn thứ hai, sẽ từ sự thật, chiếu theo phương pháp được nêu ra trong kinh văn đề tu Quán. Đoạn [chánh kinh] vừa mới đọc tuy văn tự không nhiều, nhưng ý nghĩa được bao hàm trong ấy hết sức sâu rộng, cần phải dụng tâm tư nhiều hơn đôi chút để liễu giải lý luận trong ấy. Vì không chỉ là phép Quán thứ tám, phép Quán thứ chín, mà mãi cho đến [các phép Quán] sau đó, đều chẳng lìa khỏi lý này!

Trước khi chánh thức giảng giải, chúng ta phải liễu giải: Phật pháp bất luận tông nào, đều là do chính miệng Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên nói. Do đó, bất luận tông nào, cũng đều có một lý chung là “*van pháp duy tâm*”. Cũng có nghĩa là “hết thảy đều do tâm tạo”. Ví như nói bọn chúng sanh chúng ta vì sao sanh vào nhân gian? Vì tâm chúng ta hướng đến nhân gian, cho nên mới sanh làm người trong nhân gian. Hoàn cảnh trong nhân gian mà chúng ta được tiếp xúc bao gồm thiên nhiên, bao gồm hoàn cảnh nhân sự trong xã hội loài người, chẳng có chuyện gì không do cái tâm của chúng ta tạo ra. Đó là đạo lý phổ quát! Nói đến chỗ cao sâu nhất, vì sao chúng ta học Phật? Quý vị hỏi người theo tôn giáo khác: “Vì sao quý vị học tôn giáo này?” Họ chẳng thốt ra lời được! Tôi đã là nói “vì trong tương lai có thể sanh lên thiên quốc!” Đạo gia Trung Hoa học đạo để tận sức kéo dài sanh mạng, truy cầu trường sanh bất lão, trên thực tế, chẳng thể làm được! Con người luôn có lúc thọ mạng chấm hết. Dầu là kẻ tu tập, tu theo phương pháp của họ, sống tới mấy trăm năm, hoặc một ngàn năm, giống như Lữ Động Tân của Đạo gia, nhưng tới cuối cùng, sanh mạng vẫn có lúc chấm dứt. Tất cả hết thảy các tôn giáo khác, nói theo Phật pháp, đều chẳng hiểu “*tâm pháp*”. Nếu Phật tử hỏi: “*Vì sao chúng ta học Phật?*” Nói một câu triệt để, sẽ là “*chúng ta muốn thành Phật*”, bản thân chúng ta sẽ làm Phật. Những tôn giáo khác đều chẳng dám nói chuyện này! Trong những tôn giáo khác, nếu nói quý vị học tôn giáo ấy, trong tương lai sẽ làm giáo chủ, họ có dám nói hay không? Họ chẳng dám nói. Nhưng đối với Phật giáo, trong tương lai, chúng ta sẽ thành Phật! Nhờ vào đâu để thành Phật? Nhờ vào cái tâm của chúng ta để thành Phật! Vì thế, nói “*tâm pháp quan trọng nhất*”. Bất luận tông phái nào trong nhà Phật cũng đều phải nói tới lý này!

Nay xin quý vị xem kinh văn: “*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”: Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy. “*Kiến thử sự dĩ*” (Đã thấy chuyện này), chữ “*thử sự*” (此事) chỉ phép Quán thứ bảy trong phần trước, đối với tình huống tráng lệ nơi tòa hoa sen đức

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật ngự [đã quán thành công]. Sau khi đã quán phép Quán thứ bảy rõ ràng, tiếp đó, “*thứ đương tưởng Phật*” (kế đó, hãy nên tưởng Phật). Tòa hoa sen ấy chính là liên hoa đài để đức Phật ngồi. Quý vị quán thấy cái đài ấy, thấy rành mạch rõ ràng. Sau đó, tiến thêm bước nữa là tưởng Phật. Do vậy, hai câu này nhằm nối kết phần trước với phần sau, một mặt nhằm nhắc lại ý nghĩa trong phần trước đó, mặt khác là khơi mở phần sau.

IV.2.2.9.1 Pháp giới thân

“*Sở dĩ giả hà*” (Vì có sao vậy)? Vì sao là “*kế đó, hãy nên tưởng Phật*”? “*Chư Phật Như Lai*”: “*Chư Phật*” là hết thảy các vị Phật, bất luận là vị Phật nào. Như Lai (Tathāgata) là một trong các danh hiệu của Phật. Chư Phật Như Lai, “*thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung*” (là thân pháp giới, vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh). Vì sao tưởng Phật? Chúng ta thường nói “tưởng điều gì đó”, quý vị dựa vào gì để tưởng? Quý vị có thể tưởng được không? Phải đầy đủ những điều kiện nào thì mới có thể tưởng được? Do đó, “*chư Phật Như Lai thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung*” (Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh), hai câu này chỉ rõ: Chỉ sợ là chúng ta không tưởng. Chứ nếu chúng ta chịu tưởng, sẽ có thể tưởng được. Vì sao nếu chịu tưởng thì sẽ có thể tưởng được? Nguyên lý ở ngay trong hai câu này!

“*Pháp giới thân*” là gì? (Xin coi đề cương bài giảng). “*Pháp giới*” (法界) là nói tới cảnh giới giáo hóa của chư Phật, tức là nói tới chúng sanh giới. Chúng sanh giới là pháp giới, mà cũng là đối tượng giáo hóa của chư Phật. Trước hết, chúng ta liễu giải điều này, sau đây mới nói tới thân, tức là thân của chư Phật. [Cái thân ấy] có thể giáo hóa. Hóa cảnh trong phần trước là thứ được biến hóa ra; chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật, đó là nói theo phía chúng sanh. “*Thân*” [trong “*pháp giới thân*”] là nói tới chư Phật, là chủ thể có thể giáo hóa, là thân của chư Phật. Trước hết, đã hiểu rõ pháp giới và thân rồi, sau đây, sẽ lại giảng giải, sẽ càng dễ dàng liễu giải ý nghĩa. Pháp giới và thân, trong và ngoài phân biệt như thế. Chư Phật Như Lai là pháp giới thân (nói gộp lại). Nói gộp lại, sẽ là Năng, còn Sở là cảnh giới được biến thành, có thể hóa ra thân Phật, [gọi chung là] “*pháp giới thân*”. Hễ nói đến “*pháp giới*”, chúng ta chỉ biết có mười pháp giới. Trong mười pháp giới, Phật

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

pháp giới được coi là rất ráo nhất. Ngoài Phật pháp giới ra, chín pháp giới kia đều là đối tượng hóa độ của Phật, đều là cảnh giới được biến thành.

Vì sao đức Phật có thể giáo hóa, hóa độ phổ biến như vậy? Đừng nói chín pháp giới khác, [chỉ nói] trong lục đạo, [có thể hóa độ] chúng sanh thuộc về nhân đạo là đã tuyệt diệu lắm rồi. Nếu kể thêm thiên đạo, sẽ càng chẳng thể nói trọn được! Sở dĩ đức Phật có thể phổ độ chúng sanh (xin coi đề cương bài giảng), thứ nhất là “*tâm biến*” (心遍), [nghĩa là] tâm có thể trọn khắp. Quý vị hãy nói xem “tâm Phật ở nơi đâu?” Ở nơi chúng ta ở? Có ở nơi khác hay không? Ở Trung Hoa, hay ở ngoại quốc? Ở tại Trung Hoa, tại ngoại quốc, hay trong loài người chúng ta, hẳn thuộc về “nhân đạo” sẽ đều có Phật tâm. Ngoài loài người ra, súc sanh đạo có [Phật tâm] hay không? Quỷ đạo có [Phật tâm] hay không? Trong địa ngục đạo có Phật tâm hay không? Nếu quý vị suy đoán theo từng tầng một, [sẽ thấy] Phật tâm không đâu chẳng tồn tại, chỗ nào cũng đều là Phật tâm. Không chỉ là hữu tình chúng sanh ở trong Phật tâm, mà vô tình như trúc biếc, hoa vàng cũng đều là [Phật tâm]. Đúng như cổ nhân đã nói: “*Thúy trúc, hoàng hoa vô phi Bát Nhã*” (Trúc biếc, hoa vàng, không gì chẳng phải là Bát Nhã), “*Bát Nhã*” là Phật (là một loại thân Phật⁴⁹). Không chỗ nào chẳng phải là thân Phật, không chỗ nào chẳng phải là tâm Phật. Tâm Phật trọn khắp hết thảy mọi nơi, đó là “*tâm biến*” (心遍), tức là tâm trọn khắp. Tâm tồn tại nơi đâu, thân bèn tồn tại nơi đó. Ví như nói bọn chúng sanh phàm phu ta, tâm tưởng đến chỗ nào; tiếp đó, thân thể chúng ta nghe theo sự chỉ huy của cái tâm, thân thể bèn tới đó. Ví như nói: Vì sao thân thể mọi người tới nơi này? Chính là vì trong tâm chúng ta vừa nghĩ “ngay trong thời gian này, chúng ta đang nghiên cứu Quán Kinh”, thân thể bèn nghe theo sự dẫn dắt của cái tâm mà đến nơi đây. Đây là điều nông cạn dễ thấy nhất. Thân và tâm của phàm phu có mối quan hệ liên đới. Còn như đối với người đã thành Phật, bất luận là Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thế, mà A Di Đà Phật cũng thế, những vị Phật khác cũng thế, đều là tuyệt diệu. Do tâm trọn khắp hết thảy, thân cũng thuận theo tâm mà trọn khắp hết thảy. Đó là “*thân biến*” (身遍, thân trọn khắp).

⁴⁹ Nói “*Bát Nhã là một loại Phật thân*” tức là nói theo kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm nói Phật có mười thân, một thân trong ấy là Trí Thân, tức Bát Nhã.

Lại còn một ý nghĩa nữa: Vì sao có tâm và thân trọn khắp? Vì đã thành Phật, sẽ chẳng có hết thấy chướng ngại. Thân thể và tâm của bọn phàm phu chúng ta luôn có chướng ngại. Chẳng hạn như tâm lý của chúng ta có chướng ngại gì vậy? Những thứ chúng ta liễu giải chỉ thuộc về chuyện thế gian; đã thế, chuyện thế gian cũng liễu giải quá ít. Chuyện trước mắt có thấy rõ hay không vẫn là vấn đề! Những chuyện không nhìn thấy, hoặc chuyện bên ngoài quốc đều chẳng liễu giải. Ví như trong quá khứ, khi Y Lạp Khắc (Iraq) và Mỹ đánh nhau, chúng ta chỉ biết lúc tác chiến tử vong bao nhiêu người. Số người tử vong được đăng tải trong tin tức trên báo chí hoặc nhật trình rất hữu hạn, chẳng có bao nhiêu. Tin tức trên báo chí còn có thể hoàn toàn tin cậy hay không? Nếu chúng ta tin theo báo chí, [trong cuộc chiến ấy] chỉ bị chết có ngần ấy người thôi ư? Thật ra, đã chết bao nhiêu người, chúng ta có biết hay không? Chúng ta không biết! Cùng một thời gian, mà [những sự kiện phát sinh ở] chỗ xa xôi chúng ta đều chẳng biết, vẫn là phải tốn một thời gian dài! Chúng ta thuộc về thời hiện đại, [những gì xảy ra] trước hiện thời sẽ là lịch sử. Chuyện trong lịch sử chúng ta lại biết được bao nhiêu? Đương nhiên là có những sử gia biên chép lịch sử, [nhưng những gì được họ] ghi lại cũng chỉ là đôi chút, chẳng thể đều hoàn toàn biết trọn! Do vậy, chúng sanh liễu giải chuyện trong thế gian này quá ít. Vì sao? Đó là do chướng ngại. Những chuyện chúng ta biết, kể cả phương diện tâm lý lẫn phương diện thân thể, những điều chúng ta được tiếp xúc ít đến nỗi đáng thương, quá ít ỏi! Đó là vì chúng ta có quá nhiều chướng ngại, tâm lý chẳng thể rộng mở. Tâm lượng quá nhỏ, tri thức và năng lực kiến giải đều nhỏ tí ngần ấy. Do đó, ở bất cứ nơi đâu, cũng đều bị hạn chế, chúng ta chẳng có cách nào. Vì thế, học Phật thì phải học sao cho tâm linh của chính mình được mở rộng như vậy, hoàn toàn mở rộng tâm linh của chính mình, mở rộng đến tột cùng! Tất cả các chướng ngại đều chẳng có, đương nhiên là “vô ngại”. Đã là vô ngại, cho nên tâm cũng trọn khắp, thân thể cũng trọn khắp, trọn khắp hết thấy. Khi đã trọn khắp hết thấy, người ấy chẳng có gì không biết, bất cứ chuyện gì người ấy cũng đều biết. Nói theo phương diện năng lực, sẽ là “không gì chẳng thể!”

Nay chúng ta đã thấy công phu ấy, đức Phật đúng là phi phàm thay! Chúng ta có thể làm được hay không? Đương nhiên là làm được! Nếu chẳng làm được, chúng ta học Phật để làm gì? Chúng ta học Phật, tuyệt đối chẳng phải là chỉ để cầu bình an, cầu hết thấy thuận lợi, có thể thăng quan phát tài, con cháu đông đầy, chẳng phải là để cầu những điều ấy! Những điều đó là phụ thuộc. Người học Phật mà học tốt đẹp, ở trong

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhân gian, hết thấy đều rất thuận lợi, hết thấy đều rất bình an, nhưng mục đích không phải chỉ là những điều ấy. Mục đích cao nhất trong việc học Phật là mong thành Phật, giống chư Phật tâm trọn khắp, thân trọn khắp, vô ngại, đặc đại tự tại, hết thấy tự do tự tại, có thể tự chủ. Nay chúng ta có thể tự chủ hay không? Quốc gia dân chủ chú trọng tìm cầu dân chủ, cầu dân chủ loại nào? Chẳng hiểu Phật pháp mà mong cầu dân chủ thì đúng là phạm vi quá nhỏ. Một người mong cầu bất tử, có được hay không? Trong một quốc gia dân chủ, nói đến dân chủ, [thế mà] còn chẳng có ai dám nói ta mong bất tử, ta cầu tự do tự tại, cầu sao chính mình bất tử, cầu vĩnh cửu bất sanh bất diệt, người ấy có nằm mơ cũng chẳng tưởng được! Nhưng Phật pháp nói điều này: “Tâm có thể trọn khắp, thân có thể trọn khắp, vô ngại, tức là đã thành Phật”, thật sự tự do tự tại. Đây là nói tới pháp giới thân. Chư Phật đều chứng đắc pháp giới thân; chúng ta học Phật cũng là vì mong chứng đắc pháp giới thân. Biết ý nghĩa của pháp giới thân và nguyên lý quán tưởng Phật cũng giống như vậy. Chư Phật Như Lai là pháp giới thân. Pháp giới thân có trọn đủ ba loại ý nghĩa như đã nói trong phần trước.

“*Nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung*”, có nghĩa là khi chúng sanh phàm phu tướng Phật, pháp giới thân của Phật liền vào trong tâm tướng của chúng ta. Vì sao chúng ta vừa tưởng, Pháp Thân của Phật bèn có thể vào trong tâm của chúng ta? Trong phần trước, đề cương bài giảng có ghi: “*Phật là tâm trọn khắp, thân trọn khắp, vô ngại*”. “*Vô ngại*” có nghĩa là trí huệ của Phật vô ngại. Trong khi tâm chúng ta vừa tưởng, Phật đã là thân tâm vô ngại, đều là trọn khắp. Bất cứ chúng sanh nào, chẳng động niệm thì thôi, hễ động niệm, Phật liền biết ngay, Phật bèn vào trong tâm tướng của chúng ta. Vì sao chúng sanh vừa tưởng, Phật liền vào trong tâm của chúng ta? Chữ “*nhập*” (入) này, lũ bình phàm chúng ta thoạt nhìn có ai mà chẳng nhận biết? Nhưng trong kinh văn, hễ gặp chữ này, chúng ta phải đặc biệt nghiên cứu, vì nó liên quan đến chuyện nghiên cứu phép quán tâm này, rất quan trọng! Vì sao chúng ta vừa tưởng, Phật bèn vào trong tâm của chúng ta? Nói theo phía Phật, tâm Ngài trọn khắp, thân cũng là trọn khắp, trí huệ vô ngại. Do đó, tâm chúng ta vừa tưởng, Ngài liền biết. Hễ biết, tức là vào trong tâm của chúng ta. Nói theo phía chúng sanh, chúng sanh phàm phu đông như vậy, người mong học Phật, trong tâm phải nghĩ tới Phật thì mới có thể thấy Phật, Phật mới có thể vào trong tâm. Quán Kinh dạy về Quán Tưởng Niệm Phật, trong đạo tràng Đài Trung của chúng ta, mọi người học pháp

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

môn Niệm Phật theo lối Trì Danh Niệm Phật. Trì Danh Niệm Phật cũng giống như vậy, khi chúng ta dấy niệm, vừa dấy khởi Phật hiệu, Phật liền biết ngay. Điều này có nghĩa là: Tâm chúng sanh ắt phải “*tưởng*”, chẳng tưởng sẽ không có cách nào! Chẳng tưởng, Phật ở ngay trước mắt, chúng ta cũng chẳng nhận biết Phật. Vì thế, “*tưởng*” hết sức trọng yếu!

“*Tưởng*” thì cũng chẳng phải là lập tức có thể tưởng thành công. Ví như chúng ta trì danh niệm Phật, mong đắc nhất tâm bất loạn; thế nhưng, chúng ta trì danh niệm Phật, đã niệm rất nhiều năm, vẫn chẳng đạt được nhất tâm bất loạn, do nguyên nhân nào? Ở đây, đã nói rất rõ ràng, tổ sư chú giải hết sức rõ ràng: “*Hàng phục*”. Trì danh niệm Phật, cái tâm ắt phải hết sức thanh tịnh. Khi đó, mới có thể cảm nhận Phật vào trong tâm của chúng ta. Vì thế, chữ Nhập này, nói theo hai phía, [sẽ là] nếu bên chúng sanh “*cảm*”, tức cảm nhận, nơi Phật bèn “*ứng*”. Thông thường, chúng ta nói Quán Thế Âm Bồ Tát “*có cầu ắt ứng*”. Không chỉ là Quán Thế Âm Bồ Tát có cầu ắt ứng, mà bất luận vị Phật nào, cũng đều là “*có cầu ắt ứng*”. “*Có cầu ắt ứng*”: Nói theo phía Phật là Ứng, nhưng phải tùy thuộc bên phía chúng sanh có Cảm hay không! Như thế mới là “*cảm ứng*”. Chúng ta thường nói niệm Phật có cảm ứng hay không, cảm ứng nhất định là có. Phật nhất định ứng, nhưng người niệm Phật chúng ta có cảm hay không? Hễ cảm trọn đủ, nhất định là sẽ có ứng. Đó gọi là “*cảm ứng đạo giao*”! Có người niệm Phật có thể cảm nhận, có kẻ chẳng thể cảm nhận, vấn đề là do cái tâm của chúng ta có thanh tịnh hay không? Thanh tịnh là gì? Chẳng thanh tịnh là gì? Tuy miệng niệm Phật, tâm chẳng đặt nơi Phật hiệu, tâm dốc tận hết sức suy nghĩ chuyện trong nhân gian: Làm thế nào để cầu được của cải? Làm thế nào cầu danh (thanh danh)? Đã tới lúc ăn cơm, bèn nghĩ phải ăn cơm. Đã đến giờ ngủ, bèn nghĩ phải ngủ nghỉ. Nếu tâm lý của chúng ta chỉ xoay vần nơi những phương diện đó, những chuyện ấy sẽ khiến cho cái tâm của chúng ta chẳng thể thanh tịnh. Tâm chúng ta đặt nơi các giả pháp trong nhân gian. Nếu có thể thanh tịnh, chính là như tổ sư đã khai thị “*buông xuống vạn duyên*”. Tâm chúng ta phan duyên cái này, phan duyên cái nọ; ắt phải buông xuống vạn duyên trong thế gian, tâm mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, sẽ có thể cảm nhận Phật vào trong tâm chúng ta. Đó là cảm ứng.

Trên đây, lý “*vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh*” là như thế: Một đằng là chúng sanh cảm, một đằng là chư Phật ứng. Ứng (應) là Phật dùng thân Ngài để vào trong tâm chúng sanh. Phật có ba

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thân, chúng ta thấy Phật đều là thấy Ứng Thân Phật. Ở đây, tôi nhắc đến một tỷ dụ của cổ nhân: Vàng trắng trên bầu trời ví như Pháp Thân của Phật, là bản thể. Tương do đâu mà có? Tương từ bản thể mà có, chỉ có một vàng trắng trên bầu trời, Ứng Thân thì vô lượng vô biên, rất nhiều. Chúng ta ở trên địa cầu, Hoàng Hà, Trường Giang, bất cứ chỗ nào có nước, chỉ cần nước thanh tịnh, trăng liền hiện bóng. Nước thanh tịnh ví như cái tâm thanh tịnh của bọn chúng sanh chúng ta. Chỉ cần tâm chúng sanh thanh tịnh, sẽ giống như một bên nước thanh tịnh. Pháp Thân của Phật như vàng trắng có thể hiện bóng. Nếu nước chẳng thanh tịnh, trong ấy vừa có bùn, vừa có cát, lại có cỏ, tạp vật quá nhiều, có thể soi bóng trong ấy hay không? Chẳng thể soi bóng được! Vì thế, từ tỷ dụ này, chúng ta có thể liễu giải: Quán tưởng niệm Phật cũng thế, trì danh niệm Phật cũng thế, ắt là phải do chính mình dụng công. Phật là đấng đại từ đại bi, chẳng có vấn đề! Bất luận kẻ nào chỉ cần tâm tưởng Phật, niệm Phật, Phật sẽ ứng. Nếu tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chẳng thể trách Phật, chỉ trách cái tâm của chính mình chẳng thể cảm. Sở dĩ tâm chẳng thể cảm là vì tâm chúng ta chẳng thanh tịnh như nước, trong ấy có bùn, cát, khiến cho nó bị ô nhiễm, làm sao có thể chiếu soi được?

Tỷ dụ này vừa khéo khiến cho chúng ta liễu giải: Chúng ta niệm Phật, nếu mong cảm ứng đạo giao, nhất định là phải sửa đổi cái tâm. Vì lẽ đó, thuở tại thế, thầy chúng ta nói: *“Mọi người niệm Phật, nhất định là phải biến đổi tâm lý”*. Mức độ biến đổi tâm lý thấp nhất là đừng nên não hại chúng sanh. Làm thế nào để chẳng não hại chúng sanh? Đối với tài vật trong thế gian cũng thế, danh vị cũng thế, đều là hữu hạn. Chúng ta mong tranh giành tài vật, tranh chấp danh vị, chính mình đã có, kẻ khác chẳng có, xâm chiếm của người khác, làm như vậy chẳng phải là não hại chúng sanh ư? Còn tiến hơn bước nữa, cướp thứ gì của kẻ khác, trộm thứ gì của người ta, dùng mọi thứ phương pháp để hãm hại người khác, những điều này đều là não hại chúng sanh. Nếu chúng ta mong niệm Phật có thể cảm ứng, những chuyện này thầy đều chẳng cần nữa, chớ nên não hại bất cứ chúng sanh nào! Như vậy thì cái tâm của chúng ta mới có thể rộng rang được!

Sau khi đã liễu giải đạo lý này, sẽ biết *“vào trong tâm tưởng của hết thầy chúng sanh”*, chính là trong khi quán tưởng, trong tâm nhất định phải thanh tịnh. *“Thị cố nhữ đẳng tâm tưởng Phật thời”* (Vì vậy, khi tâm các vị tưởng Phật), đức Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy (bao gồm tất cả người học Phật về sau như chúng ta), trong khi tâm quý vị tưởng Phật, tức là khi quán tưởng. *“Thị tâm tức thị tam thập*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhị tướng, bát thập tùy hình hảo” [nghĩa là] trong khi tâm chú vị tướng Phật, cái tâm có thể tướng Phật của quý vị, [kinh văn gọi nó là] “*thị tâm*” (cái tâm ấy) chính là ba mươi hai tướng. Ba mươi hai tướng là Ứng Thân của Phật. Ứng Thân của Phật luôn có ba mươi hai tướng. Ngoài những tướng ấy ra, còn có tám mươi tùy hình hảo, kèm theo ba mươi tướng mà có các “*hảo*”. Thật sự có thể tướng Phật như vậy, tâm sẽ có thể chuyển biến, có thể trông thấy ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hình hảo.

Ở đây, chẳng cần nói chi tiết về “*ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo*”. Nói cặn kẽ, sẽ chẳng đủ thời gian. Mọi người trong đạo tràng Đài Trung đều biết ba mươi hai tướng. Nếu chẳng biết trọn vẹn, có thể tra cứu Phật Học Từ Điển sẽ biết. Kinh văn dạy tâm này chính là ba mươi hai tướng. Tâm quý vị vừa tướng, Ứng Thân của Phật bèn hiện ra, ý nghĩa là ở chỗ này. Ứng Thân của Phật xuất hiện như thế nào? Tâm đặt nơi tướng. Trong tâm quý vị tướng tướng ấy của Phật, tâm quý vị và ba mươi hai tướng của Phật sẽ hoàn toàn kết hợp lại. Ba mươi hai tướng của Phật bèn chuyển biến cảnh giới trong tâm quý vị, liền từ trong tâm xuất hiện. Đây cũng là nói với người học Phật: “Khi tướng Phật, nếu tướng Báo Thân của Phật, sẽ là tướng ba mươi hai tướng”. Chú giải của tổ sư có giải thích: Ba mươi hai tướng [được quán tướng] từ đỉnh đầu đức Phật. Trước hết, quán Vô Kiến Đảnh Tướng của Phật; sau đây, quán khuôn mặt đức Phật, rồi quán thân thể Phật, mãi cho đến quán chân Phật (dưới lòng bàn chân đức Phật). Đó là ba mươi hai tướng. Chẳng hạn như nhìn lông mày của đức Phật: Giữa hai lông mày có bạch hào. Đó là một trong ba mươi hai tướng. Bài kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di*” (Bạch hào cuộn tròn to như năm quả núi Tu Di). Đây là bạch hào nơi Báo Thân đức Phật; tướng bạch hào ấy quá to. Chúng ta quán tướng Ứng Thân của Phật chẳng to ngàn ấy, nhưng quý vị quán tướng bạch hào rất cụ thể, trong tâm tướng như vậy. Mắt thì sao? “*Cám mục trùng thanh tứ đại hải*” (Mắt biếc trong veo như bốn biển lớn), quan sát từng tướng một trong ba mươi hai tướng. Quan sát lòng bàn chân Phật có “*thiên bích luân tướng*” (千輻輪相, tướng bánh xe ngàn căm). Trong Phật Học Từ Điển có nói rành rẽ những điều này. Ngoài ba mươi hai tướng ra, còn có tám mươi tùy hình hảo, [tức là] ngoài các tướng ra, còn có các thứ hình tướng trang nghiêm tốt đẹp. Chỉ cần tâm quý vị vừa tướng, những tướng ấy bèn trôi lên, hiện ra trong tâm quý vị. Vì thế, nói: “*Thị tâm tức thị*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo” (Tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo). Điều này rất quan trọng!

Tâm chúng ta thời thời khắc khắc tướng ba mươi hai tướng của Phật, tâm chúng ta sẽ hoàn toàn nhất trí với ba mươi hai tướng nơi thân Phật, tâm chúng ta sẽ chẳng ở trong thế gian này. Tâm chúng ta đặt nơi thế gian, sẽ chịu khổ trong nhân gian. Nhân gian có đủ mọi nỗi khổ não, tâm chúng ta đặt nơi đây, sẽ cùng cảm nhận [các thứ khổ não giống như mọi người]. Tâm chẳng đặt nơi nhân gian, mà đặt nơi ba mươi hai tướng, chúng ta sẽ được thọ dụng giống hết như ba mươi hai tướng. Đây chính là đạo lý “*vạn pháp duy tâm*”. Ất phải liễu giải điều này, sau đây quán tưởng Phật mới có thể tiến bộ, mới có thể quán tốt đẹp.

Hai câu dưới đó: “*Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật*” (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật). Trong phần trước đã nói, khi tướng Phật, tâm của quý vị là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Hai câu này chỉ ra: Cái tâm của quý vị đang làm Phật. Không chỉ là tâm làm Phật, mà tâm quý vị còn là Phật! Vì thế, hôm nay, trước khi bắt đầu chánh thức giảng vào kinh văn, tôi đã nhắc nhở “*vạn pháp duy tâm*”. Các tông đều là “*hết thấy chỉ là do tâm tạo*”, Tịnh Độ Tông cũng là duy tâm tạo. Tông này khác với các tông thông thường ở chỗ nào? Ở đây, phải đặc biệt chú ý. Nếu ở chỗ này không chú ý, sẽ giảng [pháp môn] Tịnh Độ thành pháp môn thông thường!

Tam Luận Tông cũng thế, mà Duy Thức Tông cũng thế, Thiên Thai Tông cũng thế, các pháp môn thông thường đều nói tới tâm pháp. Cách nói chung [trong các tông] là “*chớ nên chấp trước tướng, phải liả khỏi tướng*”. Kinh Kim Cang dạy: “*Chẳng thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai. Nếu dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai, sẽ là hành tà đạo, chẳng phải là chánh pháp*”. Ở đây, chúng ta nói: “*Tâm này chính là ba mươi hai tướng*”, hoàn toàn tương phản với cách nói trong Kim Cang. Phải biết: Kinh Kim Cang và những pháp môn [thông thường] khác đều có cùng một nguyên tắc, đều là “*chớ nên chấp tướng*”. Hề chấp tướng, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Tịnh Độ Tông là pháp môn đặc biệt, đặc biệt ở chỗ nào? Chúng ta phải liễu giải. Những điều khác chẳng cần phải nói, lấy ngay cái tâm hiện thời của chúng ta để nói: Chúng ta có quá nhiều ý niệm, ý niệm chẳng ngoài tướng cái này, nghĩ cái kia, toàn là nghĩ tướng chuyện trong nhân gian. Muốn khiến cho ý niệm chẳng nghĩ tới những chuyện ấy có được hay không? Tuyệt đối là không được. Quý vị có thể thử xem, nếu giữ cho ý niệm chẳng nghĩ tới hết thấy mọi chuyện trong nhân gian, sẽ tuyệt đối là chẳng được. Nhưng chiếu theo

pháp môn thông thường, quý vị dầu không thể, cũng phải bài trừ ý niệm! Đó gọi là “*ly niệm*”, tức là lìa khỏi các ý niệm! Sau khi ly niệm, bản tánh của quý vị, tức Tự Tánh Phật mới có thể hiển hiện. Đó là điểm chung của các pháp môn thông thường.

Thích Ca Mâu Ni Phật quá từ bi, vì công phu này quá khó khăn. Đã là chẳng thể ly tướng, vậy thì bèn chấp tướng. Đã là chẳng thể, tức là chẳng thể lìa [các tướng], vậy thì chấp tướng. Chấp tướng nào vậy? Chấp vào ba mươi hai tướng của Phật, đó là diệu nghĩa mâu nhiệm nhất, đặc biệt nhất, là pháp đặc biệt nhất. Quý vị chấp vào ba mươi hai tướng. Trong tâm vừa tướng, ba mươi hai tướng sẽ xuất hiện. Ba mươi hai tướng xuất hiện, sẽ giống như tâm quý vị đang làm Phật. “*Tác*” (Làm) chính là tu. Quý vị tu pháp môn này, tưởng thấy Phật, [tức là thấy] ba mươi hai tướng của Phật. Trong tâm quý vị tưởng, trong tâm bèn xuất hiện [những tướng ấy]. Trong tâm quý vị tưởng, [các tướng ấy] xuất hiện trong tâm, [đó chính là] quý vị đang làm Phật, cái tâm ấy đang làm Phật. Làm Phật rất tự nhiên, rất thuần túy, sau đây mới hoằng nhiên đại ngộ: Vị Phật mà chúng ta trông thấy vốn là A Di Đà Phật, là Thích Ca Mâu Ni Phật, là chư Phật. Sau khi đã tưởng ba mươi hai tướng, tưởng thuần thực tự nhiên, ba mươi hai tướng là của chính mình, bản thân ta có ba mươi hai tướng. “*Thị tâm thị Phật*” (Tâm này là Phật): Không chỉ là tâm làm Phật, mà còn “*tâm này là Phật*”. Quý vị có thể liễu giải “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. Vừa tưởng, bèn tướng ra, so sánh với pháp môn thông thường phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể làm được. Quý vị tưởng như vậy bèn tướng ra, đặc biệt ngàn ấy, vì diệu ngàn ấy!

Lại nói đôi chút về câu “*thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật*” theo học lý. Vì sao trong ba kinh Tịnh Độ, Quán Kinh đặc biệt trọng yếu? Là do hai câu này đã nói triệt để nhất. Bất cứ lý luận trong kinh điển Đại Thừa nào cũng đều tương thông hai câu này. Ví như kinh Lăng Nghiêm chính là một bộ đại kinh khai huệ, giảng về bản tánh của chúng sanh, giảng về Như Lai Tạng “*phi nhân duyên, phi tự nhiên*”, [nghĩa là] bản tánh đã chẳng phải là pháp nhân duyên, mà cũng chẳng phải là tự nhiên mà có, rất khó hiểu! Dùng hai câu “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*” để nói, sẽ dễ hiểu! Tâm này làm Phật, [tức là] chẳng phải là tự nhiên. Nếu nói vị Phật ấy là tự nhiên, chúng ta sẽ chẳng cần phải học (tự nhiên Thích Ca), mọi người đều là Thích Ca Mâu Ni Phật, còn học làm chi nữa? Chẳng cần phải tu! Như vậy thì sẽ nầy sanh vấn đề to lớn! Chúng sanh trong thế gian tuy có Chân Như bản tánh, nhưng nhất định là phải tu! Chẳng tu, Phật ở chỗ nào? Chẳng có tác dụng chi hết! Chẳng thể thành

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật. Nếu chỉ chú trọng “chẳng phải là tự nhiên”, tức là phải tu, chúng ta hãy tu thành Phật! Nhưng do chẳng hiểu nguyên lý căn bản, chẳng hiểu tâm pháp, tức là chẳng hiểu “*tâm này là Phật*”, vậy thì lại chẳng được rồi! Kinh Lăng Nghiêm ví von “*chử sa thành phạn*” (nấu cát thành cơm). Nếu chẳng hiểu nguyên lý, khác nào nấu cát hoặc đá, đến năm nào, tháng nào thì mới có thể nấu nó thành cơm? Chẳng thể nấu được! Vì thế, “*tâm này là Phật*” chính là liễu giải cái tâm của chúng ta vốn sẵn là Phật, có Phật tánh. Chúng ta thấy hai câu ấy, “*tâm này làm Phật*” là nói đến bản tánh của chúng ta, chẳng phải là tự nhiên, ắt cần phải tu. “*Tâm này là Phật*”: Hiểu Phật chẳng phải là pháp nhân duyên. Chẳng phải là nhân duyên, [bởi lẽ] mỗi người chúng ta vốn có Phật tánh. Vì vậy, nếu nói theo học lý, hai câu này thông với hết thầy tâm pháp Đại Thừa.

“*Chư Phật Chánh Biến Tri hải, tùng tâm tướng sanh*” (Biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng), “*chư Phật*” là hết thầy các vị Phật. “*Chánh Biến Tri*” (Samyak-sambōdhi) là một trong mười hiệu của đức Phật. Bậc đã thành Phật, đối với bất cứ chuyện nào trong thế gian, tâm của hết thầy chúng sanh, Ngài đều biết. Vì thế, khi lũ chúng sanh chúng ta tưởng Phật, Phật bèn dùng Chánh Biến Tri, có thể biết trọn khắp trí huệ nơi tâm lý của chúng sanh. [Cái tâm ấy] từ trong tâm tướng của chúng ta, sanh từ trong tâm tướng. Nói “*Chánh Biến Tri hải*”, đối với chữ Hải, người ta thường liễu giải “biển không có ngăn mé”. Dùng Biển để hình dung Chánh Biến Tri của Phật, bất cứ điều gì cũng đều thấu biết trọn khắp. “*Tùng tâm tướng sanh*” (Sanh từ tâm tướng), nói “*sanh*” có nghĩa là từ trong tâm tướng của chúng sanh mà xuất hiện, hiển hiện. Đó gọi là “*sanh*”.

Nguyên lý được giảng trong đoạn lớn này chính là: Kể cả hết thầy chư Phật, “*vạn pháp duy tâm*”, nguyên lý là nhất trí. Chỗ bất đồng là phải đặc biệt liễu giải: Ở đây, nói tới ba mươi hai tướng, nói những tướng ấy sanh từ tâm tướng, nhằm dạy chúng ta “*tạ Phật tướng lai tu trì*” (nhờ vào Phật tướng để tu trì). Pháp môn này tuy được Thích Ca Mâu Ni Phật dạy trong thời đại Chánh Pháp, cho đến thời đại hiện thời là Mạt Pháp, nay chúng ta cảm thấy tu pháp môn quán tưởng này rất khó! Nếu tu pháp môn thông thường, nói đến “*ly tướng*” (chẳng chấp tướng) sẽ hết sức khó khăn! Chẳng phải là không thể, chẳng phải là không thực hiện được, nhưng thời gian [tu tập] rất dài, chẳng trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp sẽ chẳng thể! Pháp môn này của chúng ta có thể thực hiện ngay trong một đời. Do vậy, đây là pháp đặc biệt, đặt căn bản trên trụ tướng, học bằng cách chấp tướng, học nhanh nhất. Giống như các nhà đại nghệ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thuật, học âm nhạc cũng thế, học hội họa cũng thế, trước hết là phải có tướng để mô phỏng theo, sau đây mới [có thể học] nhanh chóng!

Trong đoạn kinh văn này, phải đặc biệt chú ý hai điều: Một là nguyên lý “*vạn pháp duy tâm*”, hai là “*nhờ vào Phật tướng để tu trì*”. Cô nhân nói “*hoàn thành ngay trong một đời*”. “*Hoàn thành trong một đời*” nên hiểu như thế nào? Trong một đời này, chúng ta có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có thể thành Phật ngay trong một đời. Đó là ý nghĩa chủ yếu. Hôm nay, tôi giảng đến chỗ này thì ngưng.

Tập 29

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn, trang mười bốn, bắt đầu từ hàng thứ năm. Tôi đọc trước một tiểu đoạn kinh văn:

(Kinh) Thị cố ưng đương nhất tâm hệ niệm, để quán bỉ Phật Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà.

(經)是故應當一心繫念，諦觀彼佛多陀阿伽度，阿羅訶，三藐三佛陀。

(Kinh: Do vậy, hãy nên nhất tâm hệ niệm, quán chắc thật đức Phật Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác ấy).

Tiếp tục nói về phép Quán Tướng Phật trong lần trước. Đây là phép Quán thứ tám, phép Quán này hết sức quan trọng. Lần trước, tôi đã nói: Nguyên lý Quán Tướng Niệm Phật được giảng hết sức thấu triệt trong kinh này (nguyên lý của Trì Danh Niệm Phật cũng giống như vậy). Nguyên lý này, trong lần trước đã nói là “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. Ý nghĩa được bao hàm trong hai câu này không chỉ là Tịnh Độ Tông, mà những ý nghĩa được nói trong các bộ kinh lớn của các tông khác đều chẳng vượt ra ngoài ý nghĩa của hai câu này.

“*Tâm này làm Phật*” là nói theo phương diện Tu Đức. Chúng ta đều biết chính mình có Chân Như bản tánh, bản tánh của chúng ta là Phật. Nhưng tuy có bản tánh Phật, nếu quý vị chẳng tu, sẽ chẳng phát xuất tác dụng. Giống như ánh sáng của vầng trăng trên bầu trời bị từng tầng mây che lấp, ánh trăng chẳng lộ ra được! Bản tánh của chúng ta

cũng giống như thế. Đó là tỷ dụ. Chúng ta nhất định phải tu, phải đoạn trừ từng tầng một tập khí ác nhiễm của chính mình từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, khiến cho vị Phật trong bản tánh của chúng ta hiển lộ. Chuyện này cần đến công phu tu trì. Chẳng có công phu tu trì ấy, sẽ chẳng được. Đó là “*thị tâm tác Phật*” (tâm này làm Phật). “*Thị tâm thị Phật*” (Tâm này là Phật) nghĩa là chúng ta ắt phải nhận biết chính mình vốn sẵn có Phật tánh. Nếu chẳng nhận biết Phật tánh sẵn có của chính mình, sẽ tu bằng cách nào? “*Thị tâm thị Phật*” là nói tới vị Phật chúng ta vốn sẵn có. “*Tu*”: Như trong phần trước đã nói, “*tác Phật*” là tu thành công sẽ thấy! Chúng ta vốn chính là vị Phật ấy. Hai câu này nói rất đơn giản, nhưng nguyên lý trong ấy đã bao gồm giáo lý của hết thảy các tông môn.

Chúng ta đã liễu giải lý luận trong lần trước; kể đó, đoạn kinh văn vừa mới đọc chính là nói phương pháp Quán như thế nào! Đối với phương pháp Quán, [những điều được] nói trong lần trước chính là tánh chất chung, tức là nói: Nếu muốn tướng bất cứ vị Phật nào, nguyên lý đều giống nhau. Hôm nay, chúng tôi sẽ bắt đầu chuyên nói về cách quán A Di Đà Phật. Từ đây trở đi là nói về phương pháp Quán ấy.

“*Thị cố ưng đương nhất tâm hệ niệm, để quán bỉ Phật*” (Vì thế, hãy nên nhất tâm hệ niệm, quán chắc thật vị Phật ấy). Đây là nói về người tu học pháp môn Quán Tướng. “*Ưng đương nhất tâm*”: Tâm tư của chúng ta hệ niệm chuyên nhất. Hãy quy các ý niệm về một niệm, chớ nên tạp loạn. Quy nơi một niệm, chuyên môn “*để quán bỉ Phật*”. Chữ “*bỉ Phật*” chỉ A Di Đà Phật. Vì sao chỉ cần quán A Di Đà Phật, chẳng cần quán mười phương ba đời chư Phật nhiều ngàn ấy? Điều này nhằm nói lên [ý nghĩa] “*phải nhất tâm hệ niệm*”. Khi chúng ta tu trì, bất luận là Quán Tướng Niệm Phật hay Trì Danh Niệm Phật, điều quan trọng nhất là phải làm cho cái tâm của chúng ta có thể định. Nếu tâm chẳng định, sẽ chẳng quán tướng thành công. Tâm nếu định, sẽ có thể quán tướng A Di Đà Phật thành công. Hơn nữa, so sánh cách nào đi nữa, thế giới Sa Bà đều chẳng sánh bằng thế giới Cực Lạc! Dầu làm đại hoàng đế trong thế gian này, làm hoàng đế suốt đời, của cải nhiều đến mấy đi nữa, quyền lực to cỡ nào đi nữa, hễ chết rồi, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Do vậy, nhất định phải tới thế giới Cực Lạc. Hễ đến nơi đó, toàn thể tình huống sẽ hoàn toàn khác hẳn nơi đây, sẽ hiểu rõ sanh tử, chẳng giống như lũ chúng ta đang ở trong lục đạo, sanh sanh diệt diệt chẳng ngừng, ném trái trợn hết nỗi đau khô sanh tử, ắt cần phải sanh về thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật là giáo chủ trong thế giới Cực

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lạc. Trong quá khứ, Ngài đã từng phát nguyện: Nếu có chúng sanh muốn sanh về Tây Phương, phát nguyện trì danh, cho đến nhất tâm quán tưởng, tới khi lâm chung, ắt được Phật đến tiếp dẫn. Vì mối quan hệ ấy, chúng ta nhất định phải “*đế quán bỉ Phật*”, tức là chuyên tâm quán Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật.

Tiếp đó, kinh văn ghi là “*Đa-đà-a-già-độ*” (Tathāgata) đây là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Như Lai. “*A-la-ha*” (Arhat) cũng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Ứng Cúng. “*Tam-miêu tam-Phật-đà*” (Samyak-sambōdhi) dịch sang tiếng Hán là Chánh Biến Tri. Ba danh từ Như Lai, Ứng Cúng, và Chánh Biến Tri đều là đức hiệu của Phật. Bất cứ chúng sanh nào sau khi đã thành Phật, đều có mười loại danh hiệu ấy. Ở đây, nêu ra ba danh hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, và Chánh Biến Tri. Nêu ra ba loại danh hiệu đều nhằm ý nghĩa “khởi tác dụng”. Có tác dụng gì vậy? Chính là quán tưởng. Bộ kinh này nói đến quán tưởng. Nương theo chú giải của tông Thiên Thai, nói tới Quán thì chính là diệu quán Nhất Tâm Tam Quán, tức là viên dung cả ba phép Quán Không, Giả, Trung, có thể quán thành công cùng một lúc.

Nói “*Không Quán*” chính là phạm phu chúng ta chẳng hiểu chân tướng, ngỡ hết thấy các hiện tượng trong thế gian đều là những thứ chân thật. Luôn nghĩ của cải, danh vọng, quyền lợi v.v... là thật sự tồn tại. Vì thế, trong xã hội, tranh đoạt cùng người khác, làm những chuyện thương thiên hại lý, khiến cho nhân cách đọa lạc. Hễ chuyển sang đời khác, chẳng thể giữ được thân người, đáng thương quá! Phép Quán thứ nhất trong Phật pháp nhằm dạy chúng ta thấy những điều ấy là Không, những thứ ấy đều là giả pháp, đều chẳng thật sự tồn tại.

Phép Quán thứ hai là Giả Quán, còn gọi là Tục Quán. Tuy hết thấy thế gian đều là rỗng không, nhưng ở trong thế gian, vẫn chẳng thể phá hoại các thứ trật tự trong thế gian. Chuyện chánh đáng trong thế gian như pháp luật quốc gia, luân thường đạo đức giữa con người với nhau, đều phải nên duy trì, bảo vệ. Vẫn phải tuân theo những trật tự thế tục trong thế gian ấy, đó gọi là Giả Quán.

Cuối cùng là Trung Quán, có nghĩa là: Bất luận là Không cũng thế, mà Giả cũng thế. Trung là chẳng lệch về một bên. Chẳng thiên Không mà cũng chẳng thiên Giả, đó là Trung Đạo.

Khi nói Nhất Tâm Tam Quán, ba thứ ấy được nói phân biệt. Nếu là kẻ bình phạm công phu nông cạn, chỉ có thể quán từng bước một theo thứ tự, bước đầu tiên là phải thấy rõ ràng các giả pháp trong thế gian này. Tiếp đó, lại [quán tưởng theo] từng bước một. Người có công phu tốt

đẹp (người có trình độ cao) có thể quán viên dung cùng một lúc. Đó gọi là Nhất Tâm Tam Quán. Kinh văn nêu ra ba danh hiệu, Như Lai biểu thị Trung Quán, tức Trung Đế, Ứng Cúng biểu thị Giả Quán, tức Tục Đế, Chánh Biến Tri biểu thị Không Quán, tức Chân Đế. Dùng ba danh hiệu ấy để làm ba đối tượng quán tưởng. Nói đến đối tượng là nói tới Đế, [Tam Quán] chính là Tam Đế. Người quán tưởng được gọi là Quán, đối tượng để quán gọi là Đế, nên gọi là Tam Đế. Vì thế, ba danh xưng ấy biểu thị ý nghĩa ấy. “Đế quán bỉ Phật”, chúng ta là người muốn tu Quán, quán A Di Đà Phật. Trong mười danh hiệu của A Di Đà Phật, nêu ra ba danh hiệu để làm đối tượng cho sự quán tưởng. Căn cứ trên ba danh hiệu ấy để quán thành tựu, Không, Giả, Trung Tam Quán có thể quán hoàn thành, ý nghĩa ở chỗ này.

Trong tiểu đoạn trên đây, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy người quán tưởng phải nhất tâm quán A Di Đà Phật, nguyên tắc là như vậy. Dưới đây, Ngài chánh thức giảng cách Quán, chia thành mấy phương diện để giảng, chúng tôi nói từng đoạn một.

Tôi đọc một đoạn kinh văn ngắn.

(Kinh) Tưởng bỉ Phật giả, tiên đương tưởng tượng, bệ mục, khai mục, kiến nhất bảo tượng, như Diêm Phù Đà kim sắc, tọa bỉ hoa thượng. Kiến tượng tọa dĩ, tâm nhân đắc khai, liễu liễu phân minh, kiến Cực Lạc quốc thất bảo trang nghiêm. Bảo địa, bảo trì, bảo thụ hàng liệt. Chư thiên bảo mạn, di phú kỳ thượng. Chúng bảo la võng, mãn hư không trung. Kiến như thử sự, cực linh minh liễu, như quán chưởng trung.

(經)想彼佛者，先當想像。閉目開目，見一寶像，如閻浮檀金色，坐彼華上。見像坐已，心眼得開，了了分明。見極樂國七寶莊嚴。寶地寶池，寶樹行列。諸天寶幔，彌覆其上，眾寶羅網，滿虛空中。見如此事，極令明了，如觀掌中。

(Kinh: Tưởng đức Phật ấy, trước hết nên tưởng hình tượng [của Ngài]. Nhắm mắt, mở mắt, thấy một tượng báu, như sắc vàng Diêm Phù Đà, ngồi trên hoa ấy. Thấy tượng ngồi ấy rồi, tâm nhân đã mở, rành rẽ, phân minh. Thấy nước Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, đất báu, ao báu,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cây báu xếp thành hàng. Màn báu của chư thiên che khắp trên đó. Các lưới mảnh báu, đầy ấp trong hư không. Thấy chuyện như vậy, sao cho tốt cùng rành rẽ, như thấy lòng bàn tay).

Đoạn này nhằm dạy người quán tưởng hãy chuyên môn quán tượng A Di Đà Phật. “*Tướng bỉ Phật giả*” (Tướng đức Phật ấy), Thích Ca Mâu Ni Phật dạy kẻ tu Quán chúng ta, lúc quán tượng A Di Đà Phật, “*tiên đương tưởng tượng*”, [nghĩa là] trước hết hãy tưởng một bức tượng của A Di Đà Phật. Chúng ta chưa hề thấy hình tượng [thật sự của] A Di Đà Phật, nhưng vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật (lúc giảng kinh này), phu nhân Vi Đề Hy và tôn giả A Nan đều đã thấy. A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát đều xuất hiện trong hư không, nhưng nay chúng ta chẳng thấy, chẳng có phước ấy! Chẳng thấy được! Nhưng chúng ta thường thấy tượng A Di Đà Phật thờ trong đạo tràng, chúng ta dùng phương pháp phương tiện ấy, khi quán tưởng, chiếu theo tượng A Di Đà Phật để tưởng tượng, trong tâm chiếu theo tượng ấy để tưởng.

Khi tưởng bèn nhắm mắt, nhắm mắt lại để tưởng, mở mắt, tức là mở banh mắt ra, bất luận “*bé mục, khai mục*” (nhắm mắt, mở mắt), trong sự tưởng tượng của quý vị đều có thể “*kiến nhất bảo tượng*” (thấy một tượng báu). “*Bảo*” (寶) là Phật Bảo, lại còn là tượng Phật trang nghiêm bằng bảy báu đang ở trong không trung. Tượng báu “*như Diêm Phù Đà kim sắc*” (như sắc vàng Diêm Phù Đà). Diêm Phù Đà có màu đỏ, loại vàng tốt nhất là vàng có sắc đỏ. “*Tọa bỉ hoa thượng*”: Ngồi ở trên đài hoa sen.

“*Kiến tượng tọa dĩ*” (Đã thấy tượng ngồi), thấy tượng Phật và tòa hoa sen, “*tâm nhãn đắc khai*” (tâm nhãn được mở mang), nói tới “*tâm nhãn đắc khai*”, tuyệt diệu lắm! Mắt [trí huệ] của chúng ta chưa mở, nhục nhãn thế tục của chúng ta chướng ngại tầng tầng. Mở [tâm nhãn] như thế nào? Do người ấy chẳng có chướng ngại, cho nên tâm nhãn mở mang. Khi tâm nhãn đã mở, “*liễu liễu phân minh*” (rành rẽ, rõ ràng) nghĩa là bèn thấy hết sức rõ ràng, hết sức thấu triệt.

“*Kiến Cực Lạc quốc thất bảo trang nghiêm*”: Ngoại trừ tượng Phật và hoa tòa của Phật ra, liên đới trông thấy toàn thể thế giới Cực Lạc là một thế giới trang nghiêm bằng bảy báu. “*Bảo địa, bảo trì*”: Hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc là đất báu lưu ly được trang hoàng bởi các thứ báu, ao sen bảy báu. “*Bảo thụ hàng liệt*”: Cây báu xếp thành hàng.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Chư thiên bảo mạn, di phú kỳ thượng*”: Ngoài ra, có các màn báu cõi trời, “*mạn*” (幔) là một loại màn để căng. Những thứ màn báu ấy “*di phú kỳ thượng*”, [nghĩa là] che phủ phía trên cây báu. Những ao báu và cây báu ấy dùng màn báu che phủ phía trên. “*Chúng bảo la võng, mãn hư không trung*”: Rất nhiều kỳ trân diệu bảo kết thành lưới mảnh, đầy áp hư không.

Trong phần trên đã nói về y báo, sao ở đây lại nhắc tới? Vì người tu quán tưởng, thấy A Di Đà Phật rành rẽ, phân minh, sẽ liên đới thấy đất báu, ao báu, lưới mảnh, cây cối v.v... trong cõi Cực Lạc. Nhưng những điều nói ở đây lại chẳng giống như phần trước. Những điều đã thấy trong phần trước nhỏ hơn, những điều được thấy ở đây thuận theo cái tâm của người quán tưởng đã mở rộng, khi tâm nhãn vừa khai, cảnh giới của chính mình lại được nâng cao. Hễ cảnh giới được nâng cao, sẽ thấy đất, cây báu v.v... lại càng cao lớn hơn trước.

“*Kiến như thử sự*” (Thấy những sự như vậy), chữ “*sự*” (事) chỉ đất báu, ao báu v.v... “*cực linh minh liễu*” (sao cho hết sức sáng tỏ), “*cực*” (極) có nghĩa là đạt tới tột bậc, đều thấy hết sức thấu triệt, thấu triệt đến mức độ nào? “*Như quán chưởng trung*” (Như xem trong lòng bàn tay). Thấy các vật báu như đất báu, ao báu, hàng cây v.v... đầy áp hư không nhiều đến cỡ nào? Chúng ta muốn thấy, cũng chẳng thấy rõ ràng cho lắm, nhưng chỉ cần tâm nhãn vừa khai, cảnh giới sẽ được nâng cao, thấy những chuyện ấy như thấy bàn tay của chính mình. Duỗi bàn tay của chính chúng ta ra xem, bàn tay quá nhỏ bé! Do vậy, điều này hiển thị: Hễ quán tưởng thành công, tâm lượng của chúng ta to cỡ nào? Thường nói là “*tâm bao thái hư*”, [nghĩa là] tâm lượng của chúng ta có thể bao trùm vũ trụ. Vũ trụ so sánh với thế giới Cực Lạc lại nhỏ bé đến nỗi chẳng đáng nói tới! Người ấy thấy những chuyện trong thế giới Cực Lạc như nhìn vào bàn tay của chính mình. [Điều này] hiển thị tâm lượng của chúng ta to cỡ nào? Ất phải vận dụng công phu đến mức độ ấy, tự nhiên sẽ phát hiện.

Từ đầu tới cuối, chúng ta phải nhớ kỹ một nguyên tắc, chính là “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, đạo lý “*vạn pháp duy tâm*”. Bản thân chúng ta chẳng có công đức ấy, làm sao chúng ta có thể quán ra được? Bản thân của chúng ta vốn là như thế đó, còn có tâm lượng to ngàn ấy, nhờ vào quán tưởng để nhập Định, mở mang tâm nhãn. Cho nên có công đức to dường ấy hiển lộ. Người chẳng liễu giải phương pháp này, suốt ngày từ sáng đến tối cứ ngỡ tâm lượng nhỏ hẹp trong thế

gian là tuyệt diệu lắm! Loài người chúng ta thấy những con kiến ở dưới đất đáng thương lắm! Bé tí như vậy đó! Sau khi vãng sanh thế giới Cực Lạc, quay đầu nhìn lại thế giới Sa Bà, sẽ phát giác chúng ta còn chẳng bằng con kiến nữa kia! Quá nhỏ bé! Sau khi nghĩ như thế, chúng ta nghiên cứu bộ kinh này, tu đạo này, tức là học pháp môn Niệm Phật, bất luận như thế nào, chúng ta được làm thân người, và cũng đã được nghe Phật pháp, ngàn vạn phần chớ nên buông bỏ! Trong thế gian, bất luận là thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, đều chẳng thể ảnh hưởng sự tu đạo của chúng ta, ắt là phải tu như vậy!

Đoạn trên đây là quán tượng Phật. Đoạn tiếp theo sẽ là quán Bồ Tát. Kinh văn [như sau]:

(Kinh) Kiến thử sự dĩ, phục đương cánh tác nhất đại liên hoa, tại Phật tả biên, như tiền liên hoa, đẳng vô hữu dị. Phục tác nhất đại liên hoa, tại Phật hữu biên. Tưởng nhất Quán Thế Âm Bồ Tát tượng, tọa tả hoa tòa, diệp tác kim sắc, như tiền vô dị. Tưởng nhất Đại Thế Chí Bồ Tát tượng, tọa hữu hoa tòa.

(經)見此事已，復當更作一大蓮華，在佛左邊，如前蓮華，等無有異。復作一大蓮華，在佛右邊。想一觀世音菩薩像，坐左華座，亦作金色，如前無異。想一大勢至菩薩像，坐右華座。

(Kinh: Đã thấy những sự ấy, lại nên tưởng một hoa sen to ở bên trái đức Phật giống như hoa sen trên đây, chẳng khác biệt. Lại tưởng một hoa sen to ở bên phải đức Phật. Tưởng một tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi trên hoa tòa bên trái, cũng là kim sắc giống như trước không khác. Tưởng một tượng Đại Thế Chí Bồ Tát ngồi trên hoa tòa bên phải).

“Kiến thử sự dĩ” nghĩa là đã thấy tượng A Di Đà Phật và các chuyện trong thế giới Cực Lạc. Sau khi đã thấy, “*phục đương cánh tác nhất đại liên hoa, tại Phật tả biên, như tiền liên hoa*”: Lại tưởng một đóa hoa sen to ở bên trái đức Phật, giống hệt như tòa hoa sen của đức Phật đã nói trong phần trước. “*Đẳng vô hữu dị*” nghĩa là hoàn toàn giống như tòa hoa sen đức Phật ngự, chẳng có chút nào khác biệt! “*Phục tác nhất đại liên hoa, tại Phật hữu biên*”: Ngoài ra, lại tưởng một đóa hoa sen to

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ở bên phải đức Phật. Hai đóa hoa sen ấy, một ở bên trái đức Phật, một ở bên phải đức Phật.

Ngự trên hoa sen là ai? “*Tướng nhất Quán Thế Âm Bồ Tát tượng*”: Quán tướng một tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Tọa tả hoa tòa, diệp tác kim sắc*”: Ngồi trên tòa hoa sen bên trái, trên thân cũng tỏa ra kim sắc, giống như tượng A Di Đà Phật đã nói trong phần trước, tức là sắc vàng Diêm Phù Đề, “*nư tiền vô dị*” nghĩa là giống hệt như Phật, chẳng có phân biệt! “*Tướng nhất Đại Thế Chí Bồ Tát tượng, tọa hữu hoa tòa*”: Ngoài ra, còn có một tượng Đại Thế Chí Bồ Tát giống như tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngồi trên hoa tòa bên phải. Đây là quán tướng hai vị Bồ Tát, mỗi vị ở một bên đức Phật, ngồi trên tòa hoa sen.

Hai đoạn này, một đoạn là [quán tướng] tượng Phật, đoạn kia là [quán tướng] tượng hai vị Bồ Tát, cũng tức là tượng Tây Phương Tam Thánh. Đã quán thành công, đều trông thấy.

(Kinh) Thử tướng thành thời, Phật, Bồ Tát tượng, giai phóng quang minh. Kỳ quang kim sắc, chiếu chư bảo thụ. Nhất nhất thụ hạ, diệp hữu tam liên hoa. Chư liên hoa thượng, các hữu nhất Phật nhị Bồ Tát tượng, biến mãn bỉ quốc.

(經)此想成時，佛菩薩像，皆放光明。其光金色，照諸寶樹。一一樹下，亦有三蓮華。諸蓮華上，各有一佛二菩薩像，遍滿彼國。

(Kinh: Khi tướng này đã thành, tượng Phật và Bồ Tát đều tỏa quang minh. Quang minh ấy sắc vàng chiếu các cây báu. Dưới mỗi gốc cây, cũng có ba đóa hoa sen. Trên các hoa sen, đều có tượng một đức Phật và hai vị Bồ Tát, trọn khắp cõi ấy).

Tượng Phật và Bồ Tát được nói trong đoạn này chẳng phải là tượng chúng ta thường thấy trong chùa miếu. Tượng Phật, tượng Bồ Tát ở đây đều phóng đại quang minh.

“*Thử tướng thành thời*”: Khi quán tướng tượng Tây Phương Tam Thánh đã thành tựu, “*Phật, Bồ Tát tượng, giai phóng quang minh*”: Tượng Phật và tượng Bồ Tát thấy đều phóng quang minh, phóng quang minh gì vậy? Đương nhiên là chẳng như ánh mặt trời trong thế gian này chỉ có một loại quang minh. “*Kỳ quang kim sắc*”: Quang minh ấy có màu của vàng Diêm Phù Đề, tức là màu sắc của loại vàng tốt nhất. Loại

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

quang minh kim sắc ấy “*chiếu chư bảo thụ*”, chiếu sáng rực các cây báu trong thế giới Cực Lạc. Mà “*nhất nhất thụ hạ*”, [tức là] dưới mỗi cội cây, “*diệc hữu tam liên hoa*”, đều có ba tòa hoa sen. “*Chư liên hoa thượng*”, trên mỗi tòa hoa sen, “*các hữu nhất Phật nhị Bồ Tát tượng*” (đều có tượng của một vị Phật và hai vị Bồ Tát), điều này khiến cho chúng ta liễu giải: Hai đoạn trên đây là nói về cùng một chuyện, phép quán tưởng đơn nhất đã thành tựu. Trong thế giới Cực Lạc, có bao nhiêu tượng Tam Thánh giống như vậy? Dưới mỗi cội cây, trên tòa hoa sen đều có tượng một đức Phật, hai vị Bồ Tát “*biến mãn bỉ quốc*” (đầy khắp cõi ấy), rất tuyệt vời! Trọn khắp toàn thể thế giới Cực Lạc.

Vì sao chúng ta vừa đến thế giới Cực Lạc bèn thành Phật nhanh chóng ngần ấy? Trong thế giới này, sau khi chúng ta đã đoạn Kiến Hoặc, chỉ cần phải đoạn Tư Hoặc, thoát khỏi lục đạo luân hồi, [thế mà] vẫn phải trải qua bảy lần sanh tử, khó khăn quá! Huống hồ thành Phật ư? Thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Hễ đến thế giới Cực Lạc, sẽ giống như thoát khỏi lục đạo, đó là một loại công đức cơ bản nhất. Sau khi đã thoát khỏi lục đạo, mục tiêu lớn nhất là thành Phật. Thành Phật chẳng cần lâu xa như vậy, có thể thành Phật ngay trong một đời! Vì sao có thể thành Phật trong một đời? Quý vị thấy đó, vì trọn khắp cõi ấy đều là tượng Tam Thánh, [chúng sanh trong cõi ấy] chẳng có lúc nào không ở cùng một chỗ với tượng Tây Phương Tam Thánh, rất tự nhiên, chúng ta sẽ tu thành cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Hằng ngày chúng ta học theo công đức của Phật, công đức của Bồ Tát, thời thời khắc khắc ở cùng một chỗ với Phật, Bồ Tát. Do vậy, mới nhanh chóng ngần ấy.

Còn phải liễu giải một điều trong đoạn này, đoạn này nói đến chuyện phóng quang minh. Vì sao phóng quang minh là trọng yếu? Phóng quang, chúng ta trông thấy quang minh của Phật, Bồ Tát, sẽ có thể liễu giải các giả tướng trong thế giới này. Chẳng hạn như nói: Đối với thế giới Sa Bà này, lấy ngay quả địa cầu này để nói, ban ngày có ánh sáng, ban đêm chẳng có ánh sáng. Ban ngày và ban đêm hợp thành một ngày gồm hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Ba mươi ngày hợp thành một tháng, mười hai tháng hợp thành một năm. Một người sống đến một trăm tuổi (tức là một trăm năm), một trăm năm ấy tính toán theo từng ngày. Đối với cách tính từng ngày một ấy, quý vị nghĩ xem: Theo khoa học hiện thời, mọi người đều biết quả địa cầu chuyển động. Nếu nó quay chậm một chút, thời gian sẽ bị kéo dài. Quay nhanh hơn một chút, thời gian sẽ bị rút ngắn. Trên quả địa cầu hiện thời, tốc độ [xoay chuyển] là như thế.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Ngoài địa cầu, trong không gian, trong Thái Dương Hệ còn có khá nhiều tinh cầu khác, như Hỏa Tinh, Mộc Tinh, Thủy Tinh v.v...

Trong những tinh cầu ấy, tốc độ xoay chuyển chẳng giống [địa cầu của chúng ta], có thể thấy: Chúng ta tính toán tuổi thọ, năm, tháng [trên địa cầu], những thứ ấy đều là giả tướng, nhờ vào ánh sáng mặt trời mà hiển hiện. Chúng ta chẳng biết chân diện mục ở chỗ nào? Chân diện mục chẳng có tối tăm, toàn là quang minh, bản tánh của chúng sanh luôn có quang minh. Đã là quang minh, sẽ chẳng có ban đêm, chẳng có tối tăm. Hỏi quý vị tuổi tác đã cao, “thọ” ở chỗ nào? Chẳng nói được! Thọ đã là chẳng bàn được, vậy thì sanh tử cũng chẳng có cách nào tính toán, chẳng có sanh tử! Quý vị hãy ngẫm xem, trong thế giới Cực Lạc, đức Phật phóng quang minh, Bồ Tát tỏa quang minh. Trong phần trước có nói cây cối cũng tỏa ánh sáng. Hễ chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, mỗi cá nhân đều phóng quang minh. Quang minh ấy do đâu mà có? Từ trong bản tánh mà ra, đều là quang minh vốn sẵn có. Đã thấy bản tánh, vậy thì còn có sanh tử giống như trong thế gian của chúng ta hay không? Chỉ có ngày càng nâng cao cảnh giới, khiến cho tâm tánh được hoàn toàn nêu tỏ triệt đê, sẽ thành Phật. Do vậy, phóng quang minh có ý nghĩa này.

Tiếp theo đây, [kinh văn sẽ] nói tới chuyện thuyết pháp, nghe pháp. Kinh văn [như sau]:

(Kinh) Thử tướng thành thời, hành giả đương văn thủy lưu quang minh, cập chư bảo thụ, phù, nhận, uyên ương, giai thuyết diệu pháp. Xuất Định, nhập Định, hằng văn diệu pháp. Hành giả sở văn, xuất Định chi thời, ức trì bất xả, linh dữ Tu-đa-la hợp. Nhược bất hợp giả, danh vi vọng tướng. Nhược dữ hợp giả, danh vi thô tướng kiến Cực Lạc thế giới. Thị vi Tượng Tướng, danh đệ bát Quán.

(經)此想成時，行者當聞水流光明，及諸寶樹，鳧鴈鴛鴦，皆說妙法。出定入定，恆聞妙法。行者所聞，出定之時，憶持不捨，令與修多羅合。若不合者，名為妄想。若與合者，名為麤想見極樂世界。是為像想，名第八觀。

(Kinh: Khi tướng này đã thành, hành giả sẽ nghe nước chảy, quang minh, và các cây báu, le, nhận, uyên ương đều nói diệu pháp. Xuất Định, nhập Định, thường nghe pháp mẫu. Đối với những gì hành

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giả đã nghe, khi xuất Định, nhớ giữ chẳng bỏ, phải phù hợp với Tu-đa-la. Nếu chẳng phù hợp, sẽ gọi là vọng tưởng. Nếu như phù hợp, sẽ gọi là “thấy thế giới Cực Lạc về phần thô”. Đây gọi là quán tưởng tượng Phật, gọi là phép Quán thứ tám).

Trong đoạn cuối cùng này, đức Phật dạy: Người quán tưởng không chỉ thấy tượng Phật, tượng Bồ Tát và quang minh, lại còn nghe Phật pháp. “Thử tưởng thành thời” nghĩa là khi quán tưởng tượng Tây Phương Tam Thánh đã thành công, cũng đã quán thành công tượng Phật, Bồ Tát thấy đều phóng quang minh. Khi ấy, “hành giả” tức người tu quán tưởng, “đương văn” nghĩa là ngay khi ấy, hành giả ngay lập tức có thể nghe “thủy lưu quang minh” tức là các dòng nước trong ao bảy báu tỏa ra quang minh. “Cập chư bảo thụ”, [nghĩa là] cùng với các loại cây báu, “phù nhận uyên ương”: “Phù” (鳧, le le) là một loài thủy điều sống ở ven nước, người ở nội địa (Trung Hoa Đại Lục) gọi nó là “thủy áp tử” (水鴨子, vịt nước). “Nhận” (鴈) chính là chim nhận bay trên trời. “Uyên ương” (鴛鴦) cũng là một loại chim nổi trên mặt nước. Kẻ bình phàm trông thấy những loại chim ấy, trong tâm cũng rất vui thích, ưa chuộng, tán thưởng. Trong thế giới Cực Lạc, những loài chim ấy rất nhiều. Không chỉ là rất nhiều, mà le le cũng thế, nhận cũng thế, uyên ương cũng thế, “giai thuyết diệu pháp” (đều nói diệu pháp). Le, nhận, uyên ương là hữu tình, còn có dòng nước, quang minh hiện ra, cho đến các hàng cây báu là vô tình, đều đang nói diệu pháp.

Diễn nói diệu pháp, trong kinh A Di Đà có nhắc đến ba mươi bảy trợ đạo phẩm. Tùy thuộc cảnh giới [của người nghe] đã học đến mức độ nào, mà diệu pháp có thể nói đến mức độ ấy. Tông Thiên Thai nói Tạng, Thông, Biệt, Viên, trình độ khác nhau! Ở đây, tuy chẳng nói chi tiết như vậy, nhưng nội dung cũng giống y hệt. Nói theo toàn thể, sẽ là dạy chúng ta giác ngộ. Sau khi tất cả các pháp đều giác ngộ (đều hiểu rõ), bèn chiếu theo cái hạnh chân thật để tu trì, bèn có thể thành Phật. Đó là diệu pháp.

Khi nghe diệu pháp, “xuất Định, nhập Định, hằng văn diệu pháp” (xuất Định, nhập Định, luôn nghe diệu pháp), khi quán tưởng, chẳng phải là trong tâm tán loạn mà có thể quán tưởng thành công. Nhất định là quán tưởng nhập tam-muội, nhập Định thì mới có thể thấy được. Ở trong Định, quán tưởng những chuyện ấy đều thành công, cũng nghe những diệu pháp ấy. Khi nhập Định, cố nhiên là nghe thấy. Sau khi xuất Định,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vẫn nghe thấy, cho nên “*xuất Định, nhập Định, hằng văn diệu pháp*”, một mực luôn nghe diệu pháp. Vì thế, chúng ta nói “trì danh niệm Phật đặc nhất tâm bất loạn”. Có đạt được nhất tâm bất loạn hay không, chính mình hãy nên tự biết! [Muốn khẳng định một] người thật sự đặc nhất tâm bất loạn, thật sự đoạn Hoặc, chúng ta chẳng thể nói được, ai trong chúng ta cũng đều chưa đoạn Hoặc, chỉ có thể nói là “*trương tự nhất tâm bất loạn*”, [vì] đã chế phục Hoặc.

Chúng ta trì danh niệm Phật có thể chế phục Hoặc, Phật hiệu bèn ở ngay trong đó. Khi quý vị niệm Phật, cố nhiên là niệm Phật. Lúc chẳng niệm Phật, tai vẫn nghe thấy có âm thanh Phật hiệu trong đó. Chỉ cần có lúc rảnh rỗi, Phật hiệu liền từ trong tâm dấy lên. Đó gọi là “*hằng văn diệu pháp*” (luôn nghe diệu pháp). Khi quý vị đặc nhất tâm bất loạn, tịnh niệm tiếp nối, niệm Phật hiệu sẽ là một mực tiếp nối. Điều này có thể khiến cho chúng ta liễu giải công phu trì danh niệm Phật của chính mình.

Hiện thời, lúc chúng ta trì danh niệm Phật, thông thường là công khóa sáng tối, khi niệm, vẫn cảm thấy [chính mình] niệm rất rõ ràng. Hễ khi nào có phiền não, hoặc chuyện vui thích đưa đến, liền quên bằng Phật hiệu. Nhất là khi phiền não dấy lên, cũng biết dùng Phật hiệu để giằn ép, nhưng chẳng thể giằn ép được! Phiền não vẫn có sức mạnh to ngàn ấy! Vì sao chẳng thể giằn ép được? Chính là do trong tâm chúng ta vẫn chẳng thấy thấu suốt chuyện hư giả trong thế gian. Đối với Tam Đế Tam Quán như đã nói trong phần trước, thô thiển nhất là Không Quán, chúng ta vẫn chẳng thể nhập môn được! Không Quán là thấy hết thấy chuyện trong thế gian là Không. Tôi vừa mới nói ngày đêm, thọ mạng của con người dài hay ngắn, những thứ ấy đều là giả. Thấy rõ ràng những điều ấy, những chuyện “ta, người”, những ý kiến trong thế gian do đâu mà có? Thấy đều là do tâm lý phàm phu, coi ý kiến của chính mình là đúng, nghĩ người khác trật lất. Mọi người đều nghĩ theo kiểu đó, vậy thì thiên hạ còn có thể thái bình hay chẳng? Do vậy, nhất định là phải thấy rõ ràng. Sau khi đã hiểu rõ đạo lý này, chớ nên chấp trước. Đã thấy thấu suốt thì khi đó, quý vị niệm Phật hiệu mới có thể giằn ép [phiền não] được! Nếu chẳng thấy rõ điều này, Phật hiệu cũng chẳng thể giằn ép [phiền não] được! Phải liễu giải đạo lý này, phải dần dần chuyển biến tâm lý. Đã biết hết thấy mọi chuyện trong thế gian đều là giả, chúng ta cần gì phải có kiến giải giống như những kẻ bình phàm? Khi ấy, phiền não sẽ giảm thiểu. Đôi khi, nó dấy lên, vừa dấy lên Phật hiệu bèn không chế được nó. Chúng ta dụng công, phải thường xuyên nhắc nhở chính mình như vậy.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Hành giả sở văn*” nghĩa là người quán tưởng (trong khi nhập Định), nghe những diệu pháp ấy, “*xuất Định chi thời*” là sau khi xuất Định, “*ức trì bất xả*” [nghĩa là], vẫn nhớ kỹ, một mực chấp trì, chớ nên buông bỏ. “*Linh dữ Tu Đa La hợp*” (Sao cho phù hợp Tu Đa La), Tu Đa La (Sūtra) là kinh. Trong Định, quý vị nghe diệu pháp, phải đối chiếu với kinh điển, có phù hợp với kinh văn hay không? Những gì quý vị thấy hoặc nghe trong Định, phải phù hợp với những điều đã dạy trong kinh văn. “*Nhuộc bất hợp giả, danh vi vọng tưởng*”: Chẳng phù hợp những gì kinh đã dạy, đó chính là vọng tưởng. Phải đặc biệt chú ý điều này! Nhất là hiện thời chính là thời đại Mật Pháp, có rất nhiều kẻ nói: “*Ta nhập Định, thấy rất nhiều tướng*”. Tôi gặp những kẻ ấy, bèn nói: “Trước nay, tôi chưa hề thấy tướng nào hết”. Kẻ đó thấy tướng, tôi bảo kẻ đó: “Quý vị phải đối chiếu với kinh điển, xem có phù hợp kinh văn hay không!” Phù hợp thì là hiện tượng tốt, chẳng phù hợp thì là vọng tưởng! Chẳng phải là hảo tướng! “*Nhuộc dữ hợp giả*” nghĩa là nếu hoàn toàn phù hợp những gì kinh văn đã dạy, “*danh vi thô tướng kiến Cực Lạc thế giới*” [nghĩa là] quán tưởng thô thiên, trông thấy thế giới Cực Lạc, vẫn là quán tưởng thấy tình hình đại lược (càng nói về sau, càng vi tế). “*Thị vi Tượng Tướng, danh đệ bát Quán*”, phép Quán tưởng tượng Phật, Bồ Tát này được gọi là Tượng Tướng, chính là phép Quán thứ tám.

Trong lần giảng trước, từ “*Phật cáo A Nan*” (đức Phật bảo A Nan) cho đến “*chư Phật Chánh Biến Tri hải tùng tâm tướng sanh*” (biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng) chính là đoạn lớn thứ nhất. Đoạn lớn thứ nhất giảng về nguyên lý. Hôm nay, tôi nói tới đoạn lớn thứ hai, chủ yếu là nói về phương pháp quán tưởng. Phần phương pháp [quán tưởng] có tất cả bốn tiểu đoạn. Sau đây, hãy còn có một đoạn lớn thứ ba. Tôi đọc trước kinh văn một lượt.

(Kinh) Tác thị quán giả, trừ vô lượng ức kiếp sanh tử chi tội, u hiện thân trung, đắc Niệm Phật tam-muội.

(經)作是觀者，除無量億劫生死之罪，於現身中，得念佛三昧。

(Kinh: Người tác quán như vậy, sẽ trừ tội trong vô lượng ức kiếp sanh tử, nơi thân hiện tại, đắc Niệm Phật tam-muội).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Đoạn này nói về lợi ích sẽ đạt được do tu quán tượng. “*Tác thị Quán giả*” nghĩa là hễ tu phép quán tượng tượng Phật này, quán thành tựu, sẽ “*trừ vô lượng ức kiếp sanh tử chi tội*”. Nói tới “*sanh tử chi tội*” thì bất cứ chúng sanh nào, trong một đời này, chúng ta tạo nghiệp đã quá u là nhiều. Xét theo sự biểu hiện thật sự, mỗi một chuyện cố nhiên là một phen sanh tử. Nói đến chỗ vi tế, hễ hiểu Duy Thức Học, quý vị sẽ biết: Mỗi lần dấy lên một ý niệm chính là một phen sanh tử. Vậy thì trong một đời, chúng ta có bao nhiêu niệm? Phàm là ý niệm “*tôn người, lợi mình*”, sẽ đều dẫn chúng ta đọa lạc trong sanh tử. Ý niệm dấy lên, sẽ bị đọa lạc, hưởng hồ còn biểu hiện thành sự thật? Hễ dấy lên ý niệm “*giết, trộm, dâm, dối*”, sẽ đều là tội ác. Trong tâm khởi lên sát tâm, còn chưa trở thành sự thật, đã đọa lạc trong sanh tử, hưởng hồ là những kẻ thật sự phạm tội giết người trong xã hội? Hãy ngẫm xem: Tội ấy lớn dường nào? Tội sanh tử như vậy trong một đời này đã là khôn xiết kể, hưởng hồ còn có vô lượng ức kiếp, kiếp số ấy há tính kể được chăng? Đối với tội sanh tử trong vô lượng kiếp tới nay, nếu tu thành tựu phép Quán Phật tượng, sẽ có thể đều diệt trừ hết sạch. Sau đây “*u hiện thân trung, đắc Niệm Phật tam-muội*” (nơi thân hiện tại, đắc Niệm Phật tam-muội). Kinh A Di Đà gọi Niệm Phật tam-muội là “*nhất tâm bất loạn*”. Nhất tâm bất loạn có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, đoạn Hoặc là đã chứng quả. Hôm nay, tôi giảng đến chỗ này thì ngưng.

Tập 30

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang mười lăm, xem từ dòng thứ hai đếm ngược lên. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn:

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Thử tướng thành dĩ, thứ đương cánh quán Vô Lượng Thọ Phật thân tướng quang minh. A Nan đương tri! Vô Lượng Thọ Phật, thân như bách thiên vạn ức Dạ Ma Thiên Diêm Phù Đà kim sắc. Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. My gian bạch hào, hữu toàn uyển chuyển, như ngũ Tu Di sơn. Phật nhãn như tứ đại hải thủy, thanh bạch phân minh.

(經)佛告阿難，及韋提希：此想成已，次當更觀無量壽佛身相光明。阿難當知！無量壽佛，身如百千萬億夜摩天閻浮檀金色。佛身高六十萬億那由他恆河沙由旬。眉間白毫，右旋宛轉，如五須彌山。佛眼如四大海水，青白分明。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Tướng này đã thành, kể đó, hãy nên quán thân tướng và quang minh của Vô Lượng Thọ Phật. A Nan hãy nên biết: Vô Lượng Thọ Phật có màu như vàng Diêm Phù Đà trong trăm ngàn vạn ức cõi trời Dạ Ma. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Tướng bạch hào giữa hai mày uyển chuyển xoay theo chiều phải như năm quả núi Tu Di. Mắt Phật như nước bốn biển cả, xanh trắng phân minh”).

IV.2.2.10. Phép Quán thứ chín, Phật Thân Quán

Phép Quán nay chúng ta đang đọc chính là phép Quán thứ chín. Phép Quán thứ chín chánh thức dạy chúng ta quán thân tướng và quang minh của A Di Đà Phật. Trước phép Quán này, [đức Phật] dạy quán hoa tòa, khởi sự quán chánh báo, chỉ là nói khái lược. Phép Quán nói hôm nay chính là chánh thức quán Phật. Thông thường, chúng ta niệm công khóa, niệm kệ Tán Phật, trong ấy có mấy câu kệ là do dựa vào phép Quán này mà soạn ra.

Trong hai câu kinh văn đầu tiên, “*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy. “*Thứ tướng thành dĩ*”, [nghĩa là] phép Quán thứ tám trước đó đã thành tựu. Khởi đầu phép Quán thứ chín, nói hai câu trên đây xong, bèn nói tới phần kinh văn kế tiếp. Phần kinh văn kế tiếp là “*thứ đương cánh quán Vô Lượng Thọ Phật thân tướng quang minh*”, “*thứ*” (次) là kế tiếp. Tiến thêm bước nữa là quán thân tướng và quang minh của A Di Đà Phật. Câu này nói khái lược, mỗi đoạn kế tiếp là nói tách ra [từng chi tiết một]: Thân tướng, quang minh của Phật, nói cận kề từng điều một. Trước hết là quán thân tướng của Phật.

Đoạn kinh văn “*A Nan đương tri! Vô Lượng Thọ Phật, thân như*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

bách thiên vạn ức Dạ Ma Thiên Diêm Phù Đà kim sắc. Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. My gian bạch hào, hữu toàn uyển chuyển, như ngũ Tu Di sơn. Phật nhãn như tứ đại hải thủy, thanh bạch phân minh” (A Nan hãy nên biết: Vô Lượng Thọ Phật có màu như vàng Diêm Phù Đà trong trăm ngàn vạn ức cõi trời Dạ Ma. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Tướng bạch hào giữa hai mày uyển chuyển xoay theo chiều phải, như năm quả núi Tu Di. Mắt Phật như nước bốn biển cả, xanh trắng phân minh) được chia thành hai tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất nói về thân sắc (màu sắc nơi thân) của Phật, tiểu đoạn thứ hai nói về thân lượng (vóc dáng, chiều cao thân thể) của Phật.

Trước hết, hãy xem tiểu đoạn thứ nhất. Đức Phật bảo tôn giả A Nan: “*A Nan đương tri*”, [nghĩa là] ông hãy nên biết, “*Vô Lượng Thọ Phật*” là A Di Đà Phật. Thân tướng của Ngài có màu sắc gì? “*Thân như bách thiên vạn ức*”, “*thân như*” là thân giống như, “*trăm ngàn vạn ức*”: Con số này rất lớn, khó thể nói trọn. Trăm ngàn vạn ức “*Dạ Ma Thiên*”, chúng ta biết trong tam giới có Dục Giới Thiên. Dục Giới Thiên có sáu tầng. Trong Lục Dục Thiên, Dạ Ma Thiên là tầng thứ ba, [Dạ Ma] dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thời Phân (時分), [hàm nghĩa] “biết là lúc nào”, còn dịch là Thiện Phân (善分), [nghĩa là] khéo biết thời gian, chiếu theo thời gian. Vì [chư thiên] trong Dục Giới Thiên hưởng thụ ngũ dục, nhưng trong tầng trời này, [chư thiên] biết lúc nào thì mới hưởng thụ ngũ dục; cho nên gọi là Dạ Ma Thiên. Nói tới Dạ Ma Thiên để làm gì? Chính là [muốn nói tới] “*Diêm Phù Đà kim sắc*” trong Dạ Ma Thiên. Trong nhân gian cũng có màu vàng Diêm Phù Đà, màu của các loại vàng thông thường chẳng thể sánh bằng màu của loại vàng thượng đẳng trong sông Diêm Phù Đà. Màu của chất vàng ấy là tối thượng đẳng. Đó là nói về màu của chất vàng Diêm Phù Đà trong nhân gian. Sắc vàng Diêm Phù Đà của nhân gian là thượng đẳng khi so với những loại vàng thông thường, nhưng nó chẳng thể sánh bằng sắc vàng Diêm Phù Đà trong Dạ Ma Thiên. Sắc vàng Diêm Phù Đà trong tầng trời thứ ba của Dục Giới (Dạ Ma Thiên) so với vàng Diêm Phù Đà trong nhân gian lại không biết tốt hơn bao nhiêu lần! Lại dùng sắc vàng Diêm Phù Đà của Dạ Ma Thiên để sánh ví kim sắc nơi thân A Di Đà Phật. Vì vậy, chúng ta thấy tượng Phật trong đạo tràng, thấy tượng A Di Đà Phật là kim sắc, nhưng chỉ là màu của chất vàng thông thường mà thôi! Để tưởng tượng kim sắc thật sự của A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ có

cách lấy màu của chất vàng trong Dạ Ma Thiên của Dục Giới để tỷ dụ. Chúng ta chưa từng trông thấy, chỉ biết là nó tốt đẹp hơn kim sắc trong nhân gian chẳng biết bao nhiêu vạn lần! Đây là một tiểu đoạn nói về thân sắc của Phật.

Tiểu đoạn thứ hai nói thân lượng của Phật to lớn cỡ nào. “*Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần*” (Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần). Thân chúng sanh phàm phu chỉ cao mấy thước, mọi người đều biết [điều này]. Phật cao bao nhiêu? “*Lục thập vạn ức na-do-tha*”, “*na-do-tha*” (Nayuta) dịch sang tiếng Hán là Ưc. Đây là một danh từ trong tiếng Ấn Độ. Vào thuở đó, đối với chữ Ưc trong câu “*bách thiên vạn ức*” có ba cách giải thích: Nhỏ nhất, mười vạn là một Ưc; cũng có cách giải thích khác, coi một trăm vạn là một Ưc. Nhiều nhất, một ngàn vạn là một Ưc. Bất luận xét theo loại nào, nói theo cách hiểu nhỏ nhất, tức mười vạn là một Ưc, quý vị tính thử độ cao sáu mươi vạn ức na-do-tha (ức), mọi người có thể tính toán thử xem! Lại còn kèm thêm “*do-tuần*”, trong phần trước đã nói về do-tuần: Chiếu theo hành trình của một người đi nói, hành trình mỗi ngày là bao nhiêu dặm đường, dùng điều đó để tính toán độ cao. Tính như vậy thì đơn giản là chẳng có cách nào tính toán độ cao nơi thân Phật. Huống chi trong kinh văn có con số tỷ dụ “*Hằng hà sa*” (cát sông Hằng). Nếu tính gộp cả “*Hằng hà sa*”, đơn giản là chẳng thể nào tính được, chẳng biết là bao nhiêu! Theo như Trí Giả đại sư chú giải, Ngài cho rằng: Ba chữ “*Hằng hà sa*” có thể là sai sót khi phiên dịch, chớ nên thêm vào. Nếu thêm vào ba chữ “*Hằng hà sa*”, đơn giản là chẳng có cách nào tính toán được! Nhưng chúng ta biết thì biết vậy, vẫn dựa theo kinh văn để nói như thế. Nói chung, thân Phật cao lớn, đâu là kẻ giỏi toán cách mấy, cũng chẳng có cách nào tính toán. Đây là nói thân Phật cao lớn đến mức độ nào!

Tiếp đó là nói về “*my gian bạch hào*”. Hãy xem tượng Phật trong đạo tràng: Giữa hai chân mày có một điểm trắng, gọi là “*bạch hào*” (白毫). Sợi bạch hào ấy dài, cuộn tròn lại. “*Hữu toàn uyển chuyển*” nghĩa là cuộn tròn theo chiều bên phải (cuộn theo chiều kim đồng hồ), cuộn lại bên lớn cỡ nào? “*Như ngũ Tu Di sơn*”: Lớn bằng năm quả núi Tu Di. Đây là nói tới tướng bạch hào trong ba mươi hai tướng của đức Phật. “*Phật nhãn như tứ đại hải thủy*” (Mắt Phật như nước bốn biển lớn), đây cũng là tỷ dụ. Chúng ta thấy một đại dương đã to khôn cùng, nhìn chẳng thấy bờ mé. Nước trong bốn biển gộp lại, quý vị thấy mắt Phật to cỡ nào!

Mắt Phật “*thanh bạch phân minh*”. Mắt người Hoa là đen trắng phân minh, chẳng giống các nước khác. Nhưng tròng mắt Phật là “*cám thanh sắc*” (紺青色, sắc xanh có ánh hồng), lại có thêm “*bạch sắc*”. Bài kệ Tán Phật có câu “*bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục trừng thanh tứ đại hải*” chính là phát xuất từ tiêu đoạn thứ hai trong kinh văn của kinh này. Thân Phật cao lớn, bạch hào giữa hai mày và mắt to dường ấy. Toàn bộ đoạn này đều nhằm trần thuật sự to lớn nơi thân Phật. Khi chúng ta quán tưởng, ắt cần phải quán tâm Phật to lớn dường ấy!

Đoạn tiếp theo chính là quán tưởng quang minh phát ra (phóng ra) từ thân Phật.

(Kinh) Thân chư mao khổng, diễn xuất quang minh, như Tu Di sơn. Bỉ Phật viên quang, như bách ức tam thiên đại thiên thế giới. U viên quang trung, hữu bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa Hóa Phật. Nhất nhất Hóa Phật, diệc hữu chúng đa vô số Hóa Bồ Tát, dĩ vi thị giả.

(經)身諸毛孔，演出光明，如須彌山。彼佛圓光，如百億三千大千世界。於圓光中，有百萬億那由他恆河沙化佛。一一化佛，亦有眾多無數化菩薩，以為侍者。

(Kinh: Các lỗ chân lông trên thân diễn xuất quang minh như núi Tu Di. Viên quang của đức Phật ấy như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới. Ở trong viên quang, có trăm vạn ức na-do-tha Hằng hà sa Hóa Phật. Mỗi vị Hóa Phật có đông đảo vô số Hóa Bồ Tát làm thị giả).

“*Thân chư mao khổng, diễn xuất quang minh*”: Nơi các lỗ chân lông khắp thân A Di Đà Phật, từ mỗi lỗ chân lông đều tỏa ra quang minh. Quang minh nơi mỗi lỗ chân lông “*như Tu Di sơn*”, to ngàn ấy! “*Bỉ Phật viên quang*” (Viên quang của đức Phật ấy), “*viên quang*” (圓光) là nói tới điều gì? Ví như chúng ta xem hình vẽ đức Phật, thường thấy phía sau đầu tượng Phật luôn có một vàng sáng tròn xoe. Quang minh ấy từ đâu tỏa ra? Từ nơi cổ. Quang minh ấy chính là “*hạng quang*” (頂光, quang minh phát ra từ cổ). Nói thông thường, “*hạng*” (頂) chính là cổ. [Hạng quang] là quang minh phát ra từ cổ. Vàng quang minh tròn ở phía sau tượng Phật được gọi là “*viên quang*”. Viên quang của A Di Đà Phật “*như bách ức tam thiên đại thiên thế giới*” (như trăm ức tam thiên đại

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thiên thể giới). Nay chúng ta thấy viên quang nơi tượng Phật chẳng lớn ngàn ấy. Trên thực tế, trong thế giới Cực Lạc, viên quang của A Di Đà Phật tới một trăm ức tam thiên đại thiên thể giới, phạm vi to ngàn ấy! “*U viên quang trung*” [nghĩa là] ở trong viên quang. “*Hữu bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa Hóa Phật*” (Có trăm vạn ức na-do-tha Hằng hà sa Hóa Phật), có Hóa Phật nhiều ngàn ấy. Con số này khó có thể tính toán được! “*Nhất nhất Hóa Phật*”, mỗi vị Phật hóa hiện ra, “*diệc hữu chúng đa vô số Hóa Bồ Tát*”, cũng có đông đảo vô số Bồ Tát được biến hóa ra, “*đĩ vi thị giả*”, để làm thị giả của Phật, [đứng hầu] hai bên đức Phật. Đây là nói từ trên thân Phật phóng ra quang minh, trong quang minh lại có Hóa Phật, mà cũng có Hóa Bồ Tát. Mọi người xướng bài kệ tán Phật, [trong ấy có câu] “*quang trung Hóa Phật vô số ức, Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*” cũng là dựa theo phần kinh văn này. Tiếp theo đây là quán tướng hảo của Phật.

(Kinh) Vô Lượng Thọ Phật, hữu bát vạn tứ thiên tướng, nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. Nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh. Nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả.

(經)無量壽佛，有八萬四千相。一一相中，各有八萬四千隨形好。一一好中，復有八萬四千光明。一一光明，遍照十方世界念佛眾生，攝取不捨。

(Kinh: Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng. Trong mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi một hảo, lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi một quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ).

“*Vô Lượng Thọ Phật, hữu bát vạn tứ thiên tướng*” (Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng), nói thông thường là “ba mươi hai tướng”. Vì sao ở đây nói là tám vạn bốn ngàn tướng? Ba mươi hai tướng là nói tới Ứng Thân Phật! Ở đây, chẳng phải là quán Ứng Thân Phật. Phép Quán thứ tám đã quán thành công, phép Quán thứ chín là quán Báo Thân Phật. Đã là quán Báo Thân Phật, số lượng tướng hảo của đức Phật sẽ nhiều. Do đó, nói là “có tám vạn bốn ngàn tướng”. Đã thế, “*nhất nhất*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo” (trong mỗi một tướng, có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo): “*Tướng*” là nói theo đại thể, tướng là khái lược. Trong mỗi một tướng khái lược, lại có những thứ “*hảo*” rất vi tế tùy thuộc tướng ấy mà hiện ra (“*hảo*” là tốt đẹp). “*Nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh*”: Trong mỗi tùy hình hảo, lại tỏa ra tám vạn bốn ngàn loại quang minh. “*Nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh*”: Mỗi một loại quang minh đều chiếu trọn khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới (mười phương thế giới đều có chúng sanh niệm Phật), “*niếp thủ bất xả*” (niếp thủ chẳng bỏ). Nhiếp thọ họ, đó cũng là Phật hộ niệm chúng sanh niệm Phật. Chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới đều được quang minh của Phật nhiếp thọ, khi sống thì được bình an, tự tại, đến lúc mạng chung, sẽ có thể vãng sanh.

Kinh văn nói về chuyện quán tưởng Phật thân. Từ màu sắc nơi thân, độ cao lớn của thân, quang minh phát ra từ thân và các thứ tướng hảo. Khi quán tưởng những điều này, phải dùng phương pháp gì để quán tưởng? Trong phép Quán thứ tám đã nói “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. Lý trong hai câu ấy tối cao vô thượng. Bất luận tông nào trong Phật pháp cũng đều chẳng thể vượt khỏi nguyên lý trong hai câu nói ấy. Do vậy, trong phép Quán thứ chín, quán thân tướng, quang tướng, tướng hảo v.v... của A Di Đà Phật, đều phải dựa trên nguyên lý này để quán tưởng thì mới có thể quán các thứ tướng hảo thành công. Nếu không, tâm lý phàm phu sẽ chẳng có cách nào quán tưởng được. Đó là một tầng [ý nghĩa].

Kế đến là tầng thứ hai như tôi vừa mới nói: Đức Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo, lại còn có tám vạn bốn ngàn quang minh. Vì sao luôn nói là “tám vạn bốn ngàn”? Đây là vì chúng sanh luôn có tám vạn bốn ngàn phiền não. Đức Phật hóa độ chúng sanh, đối ứng với tám vạn bốn ngàn trần lao của chúng sanh mà hiển lộ công đức. Nói theo phía chúng sanh, bèn có tám vạn bốn ngàn loại Phiền Não Chương, cho nên đức Phật bèn có tám vạn bốn ngàn tướng hảo quang minh để phá trừ những chương ngại ấy cho chúng sanh. Thật ra, quang minh và tướng hảo của Phật là vô số, chẳng có cách nào nói rõ số lượng được. Đây chỉ là vì chúng sanh có trần lao phiền não nhiều ngàn ấy mà nói, cho nên mới nói ra con số tám vạn bốn ngàn.

Còn một điều nữa, kinh văn nói “*biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả*” (chiếu trọn khắp chúng sanh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ). Nói theo sự chiếu soi nơi quang minh của Phật, Phật quang lẽ ra phải là chiếu soi bình đẳng bất cứ chúng sanh nào, nhưng kinh văn nói là “*chiếu trọn khắp chúng sanh niệm Phật*”. “*Nhiếp thủ*” (攝取) thì cũng là nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, há chẳng phải là Phật quang chẳng bình đẳng ư? Chẳng phải là Phật quang bất bình đẳng, mà là vì chúng sanh nào chịu niệm Phật, người ấy mới có thể cảm ứng quang minh của Phật gia bị. Không niệm Phật, giống như trong thế giới Sa Bà trông thấy ánh sáng mặt trời. Tuy ánh sáng mặt trời cũng chiếu khắp không gian trên đại địa, nhưng nếu chúng ta quay lưng với ánh sáng mặt trời, hoặc ẩn tránh trong chỗ tối tăm, vậy thì chẳng phải là ánh sáng mặt trời không chiếu tới chúng ta, mà là bản thân chúng ta chẳng nghênh đón ánh sáng mặt trời. “*Chúng sanh niệm Phật*” được nói trong kinh văn cũng giống như vậy. Chỉ cần chúng ta phát nguyện niệm Phật, biểu thị cái tâm của chúng ta hướng về A Di Đà Phật, sẽ có thể cảm nhận quang minh của A Di Đà Phật. Người không học Phật, thậm chí kẻ học Phật mà chẳng học Tịnh Độ Tông, do chẳng biết niệm Phật, cho nên người ấy chẳng thể cảm thụ quang minh. Vì lẽ đó, kinh văn mới nói là “*nhiếp thủ bất xả*” chúng sanh niệm Phật. Điều này vẫn tùy thuộc sự giác ngộ của chính chúng sanh. Chúng ta giác ngộ điều này, sẽ biết: Mỗi câu niệm Phật của chúng ta, quang minh trong tâm của chính mình và quang minh của A Di Đà Phật có thể chiếu rọi lẫn nhau, công đức ấy to lớn khôn cùng! Tâm quang của chúng ta và quang minh của A Di Đà Phật đôi bên chiếu rọi lẫn nhau, có vấn đề nào trong nhân gian chẳng thể giải quyết được? Quang minh chiếu cùng nhau, Phật quang vừa gia bị chúng ta, Phật quang và tâm quang đôi bên cảm ứng lẫn nhau, lập tức thấy thấu suốt giả tướng sanh tử, phá trừ chúng. Vì thế, đến khi lâm chung, chỉ cần biết niệm Phật, nhất định là sẽ có thể vãng sanh. Phải đặc biệt chú ý điều này!

Đoạn dưới đây nói: Quán thành công sẽ có thể thấy Phật.

(Kinh) Kỳ quang tướng hảo, cập dữ hóa Phật, bất khả cụ thuyết, dẫn đương ức tướng, linh tâm nhãn kiến. Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật. Dĩ kiến chư Phật cố, danh Niệm Phật tam-muội.

(經)其光相好，及與化佛，不可具說。但當憶想，令心眼見。見此事者，即見十方一切諸佛。以見諸佛故，名念佛三昧。

(Kinh: Quang minh, tướng hảo ấy và Hóa Phật chẳng thể nói trọn. Chỉ nên ức tưởng sao cho tâm nhãn trông thấy. Đã thấy chuyện ấy, liền thấy mười phương hết thấy chư Phật. Do trông thấy chư Phật, nên gọi là Niệm Phật tam-muội).

“Kỳ quang tướng hảo, cập dữ hóa Phật”: Quán thành tựu từng điều một trên đây, quang minh, tám vạn bốn ngàn tướng, tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo của A Di Đà Phật, cùng với Hóa Phật biến hóa trong quang minh. “*Bất khả cụ thuyết*”, “*cụ*” (具) là đầy đủ, “*cụ thuyết*” (具說) là nói trọn vẹn. “*Bất khả cụ thuyết*” nghĩa là quá nhiều, chẳng có cách nào nói trọn hết được! “*Đản đương ức tưởng*” [nghĩa là] chỉ có thể thời thời khắc khắc ức tưởng (nghĩ nhớ) trong tâm, “*linh tâm nhãn kiến*” (khiến cho tâm nhãn trông thấy): Dùng gì để thấy? Nhục nhãn của bọn phàm phu chúng ta có thể trông thấy hay chẳng? Nhục nhãn của phàm phu chỉ thấy rất hạn hẹp, nhưng tâm chẳng bị hạn chế, dùng tâm nhãn để thấy. Hễ tâm rộng mở, tất cả đều thấy rõ ràng! “*Kiến thử sự giả*” (Đã thấy những chuyện ấy): Quý vị dùng tâm nhãn thấy tướng hảo và quang minh của A Di Đà Phật nhiều ngàn ấy. Thấy A Di Đà Phật, “*tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật*”, [nghĩa là] quý vị có thể thấy tất cả chư Phật trong mười phương thế giới. “*Dĩ kiến chư Phật cố, danh Niệm Phật tam-muội*”, [ý nói] do vì trông thấy mười phương chư Phật, cho nên gọi là Niệm Phật tam-muội, đặc Niệm Phật Đại Định, đặc nhất tâm bất loạn. Đây là đoạn lớn thứ hai.

(Kinh) Tác thị quán giả, danh quán nhất thiết Phật thân. Dĩ quán Phật thân cố, diệc kiến Phật tâm. Phật tâm giả, đại từ bi thị. Dĩ vô duyên từ, nhiếp chư chúng sanh.

(經)作是觀者，名觀一切佛身。以觀佛身故，亦見佛心。佛心者，大慈悲是。以無緣慈，攝諸眾生。

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

(Kinh: Quán như thế gọi là “quán thân của hết thầy chư Phật”. Do quán thân Phật, cũng thấy Phật tâm. Phật tâm là đại từ bi, dùng vô duyên từ để nhiếp thọ các chúng sanh).

“*Tác thị quán giả*” [nghĩa là] tu những phép Quán đã nói trên đây, “*đanh quán nhất thiết Phật thân*” (gọi là “quán thân của hết thầy chư Phật”): Vì quý vị trước hết là bắt đầu bằng quán thân A Di Đà Phật. Quán thành công, trông thấy A Di Đà Phật chính là thấy mười phương thế giới hết thầy chư Phật. Vì thế, gọi là “*quán nhất thiết Phật thân*”. “*Dĩ quán Phật thân cố*”: Do quý vị quán thân Phật, thân Phật do đâu mà có? Thân Phật từ tâm Phật mà ra. Quý vị thấy thân Phật “*diệc kiến Phật tâm*”, nói cách khác, thấy thân tướng của Phật, sẽ thấy tâm Phật. Tâm Phật là gì? “*Phật tâm giả, đại từ bi thị*”: Tâm Phật là đại từ bi. Đại từ bi là gì? Là vô duyên đại từ bi. Đức Phật “*dĩ vô duyên từ, nhiếp chư chúng sanh*”, [nghĩa là] đức Phật dùng vô duyên đại từ để hóa độ, nhiếp thọ hết thầy chúng sanh. Đây là đoạn lớn thứ ba.

IV.2.2.10.1. Ba thứ từ bi

Đối với đại từ bi và vô duyên từ, ở đây, tôi chỉ giải thích đôi chút. Từ bi có:

1) Chúng sanh duyên từ bi: Hàng Bồ Tát bình phàm chưa đoạn phiền não. Ví như người học Phật chúng ta thọ Bồ Tát Giới, hành Bồ Tát đạo, chúng ta muốn hóa độ chúng sanh, nói chung là phải có duyên với chúng sanh thì mới độ được. Hữu duyên chúng sanh mới có thể độ, [chúng sanh] chẳng có duyên thì độ bằng cách nào?

2) Loại khác là pháp duyên từ bi: Hàng Bồ Tát đã đoạn phiền não, đương nhiên là bậc đại Bồ Tát. Các Ngài hóa độ chúng sanh, lòng từ bi mở rộng, sức từ bi to lớn.

3) Vô duyên từ là lòng từ bi của Phật. Vô duyên là gì? Tâm Phật là đại từ bi. Phật tâm đại từ bi chính là vô duyên đại từ, vô duyên đại bi. Vô duyên đại từ nghĩa là Phật và chúng sanh đồng thể. Đã là đồng thể, tâm Phật không đâu chẳng tồn tại. Nếu hỏi Phật trụ ở chỗ nào ư? Đức Phật hiện diện khắp nơi. Chỉ cần chúng sanh niệm Phật, tự nhiên Ngài nhiếp thọ hết thầy chúng sanh. Do vậy, người niệm Phật phải hiểu rõ: Chúng ta niệm một câu Phật hiệu, có thể dẫn khởi lòng vô duyên đại từ của Phật, được Phật tâm chiếu cố chúng ta. Hết thầy chư Phật đều là vô duyên đại từ.

Trong đoạn lớn thứ tư dưới đây, bắt đầu từ “*tác thử Quán giả*” (người tu phép Quán này) cho đến “*danh đệ cửu Quán*” (gọi là phép Quán thứ chín) sẽ nêu ra những lợi ích sẽ đạt được do tu phép Quán này.

(Kinh) Tác thử quán giả, xả thân tha thế, sanh chư Phật tiền, đắc Vô Sanh Nhân. Thị cố trí giả, ưng đương hệ tâm, để quán Vô Lượng Thọ Phật. Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, tùng nhất tướng hảo nhập. Dẫn quán my gian bạch hào, cực linh minh liễu. Kiến my gian bạch hào tướng giả, bát vạn tứ thiên tướng hảo, tự nhiên đương hiện. Kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật. Đắc kiến vô lượng chư Phật cố, chư Phật hiện tiền thọ ký. Thị vi biến quán nhất thiết sắc thân tướng, danh đệ cửu Quán.

(經) 作此觀者，捨身他世，生諸佛前，得無生忍。是故智者，應當繫心，諦觀無量壽佛。觀無量壽佛者，從一相好入。但觀眉間白毫，極令明了。見眉間白毫相者，八萬四千相好，自然當現。見無量壽佛者，即見十方無量諸佛。得見無量諸佛故，諸佛現前授記。是為遍觀一切色身相，名第九觀。

(Kinh: Người tu phép Quán này, bỏ thân sanh sang đời sau, sẽ sanh trước chư Phật, đắc Vô Sanh Nhân. Vì thế, người trí hãy nên buộc tâm quán chắc thật Vô Lượng Thọ Phật. Để quán Vô Lượng Thọ Phật, hãy quán từ một tướng hảo. Chỉ quán tướng bạch hào giữa hai mày sao cho hết sức rành rẽ. Đã thấy tướng bạch hào giữa hai mày thì tám vạn bốn ngàn tướng hảo sẽ tự nhiên hiện ra. Đã thấy Vô Lượng Thọ Phật, sẽ thấy mười phương vô lượng chư Phật. Do được thấy vô lượng chư Phật, chư Phật hiện tiền thọ ký. Đây gọi là quán trọn khắp hết thấy sắc thân tướng, gọi là phép Quán thứ chín).

IV.2.2.10.2. Vô Sanh Nhân

Đức Phật bảo tôn giả A Nan: “*Tác thử quán giả*”, đã quán thành công phép Quán trên đây, “*xả thân tha thế*” (bỏ thân, sanh sang đời khác). Bất luận người nào trong chúng ta sống đến bao nhiêu tuổi đi nữa,

sẽ luôn có lúc phải xả thân, thọ mạng luôn có lúc kết thúc, “*tha thế*” (他世) là đời thứ hai. Khi đó, người tu Quán sẽ chẳng đầu thai trong nhân gian nữa, mà cũng chẳng ở trong lục đạo. “*Sanh chư Phật tiền*”, [nghĩa là] sẽ nhất định có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì sao nói là “*sanh chư Phật tiền*”? Vì hễ vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ giống như thấy hết thấy chư Phật. Vì thế, nói là “*sanh chư Phật tiền*”. “*Đắc Vô Sanh Nhân*”: Đối với lý bất sanh, bất diệt, có thể hoàn toàn thông hiểu, an trụ trong lý bất sanh bất diệt, sẽ chẳng bị lay động. Chứng đắc đạo lý ấy thì gọi là Vô Sanh Nhân. Nói theo Viên Giáo Bồ Tát, Sơ Trụ có thể đắc [Vô Sanh Nhân]. Nói theo Biệt Giáo Bồ Tát, phải đạt tới Sơ Địa (Đẳng Địa Bồ Tát) thì mới có thể đắc. Nói theo Biệt Giáo Bồ Tát, bèn có hai cách nói: Có khi nói là đạt lên Sơ Địa sẽ có thể đắc; có khi nói phải là từ Thất Địa trở lên thì mới có thể đắc. Bất luận nói theo kiểu nào, hễ đắc Vô Sanh Pháp Nhân, công phu ấy cũng rất lỗi lạc, có thể thấy Pháp Thân của Phật. Đoạn này nói về lợi ích sẽ đạt được [do tu phép Quán này].

Tiếp đó, [kinh văn] chép: “*Thị cố trí giả*” (Vì thế, người có trí). Chữ “*trí giả*” chỉ người đã nhập Quán. Người tu phép Quán này, nếu chẳng phải là bậc có trí, sẽ chẳng chịu tác quán. “*Ung đương hệ tâm*” nghĩa là hãy nên tập trung cái tâm, đặt yên nơi sự quán tưởng. “*Hệ tâm*” (繫心) là chuyên tâm. Chuyên tâm “*để quán Vô Lượng Thọ Phật*”, [nghĩa là] nhất tâm quán A Di Đà Phật. “*Quán Vô Lượng Thọ Phật giả*”: Quán Vô Lượng Thọ Phật thì quán như thế nào? Trong phần trước, [kinh văn] đã nói thân Phật cao ngàn ấy, từ lỗ chân lông phóng ra quang minh nhiều ngàn ấy, tám vạn bốn ngàn tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo, tâm lý bọn phàm phu chúng ta chẳng có cách nào quán được! Vì thế, kể đó, [Đức Phật] dạy một phương pháp Quán: Để quán Vô Lượng Thọ Phật, “*tùng nhất tướng hảo nhập*”, [nghĩa là] đối với tám vạn bốn ngàn tướng và tám vạn bốn ngàn hảo, chẳng biết khởi sự thực hiện từ nơi đâu? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta một phương pháp: Hãy quán từ một tướng hảo. Từ tướng hảo nào để nhập? Đức Phật chọn lựa, “*đản quán my gian bạch hào, cực linh minh liễu*”: Quý vị chỉ quán tướng bạch hào giữa hai mày là được rồi, quán bạch hào rành rẽ, sao cho tốt bậc phân minh, thấy rõ ràng. Quán bạch hào thành công, “*kiến my gian bạch hào tướng giả*” nghĩa là thật sự thấy tướng bạch hào giữa hai mày. “*Bát vạn tứ thiên tướng hảo, tự nhiên đương hiện*”: Quán bạch hào thành công, tám vạn bốn ngàn tướng hảo kia sẽ tự nhiên hiện ra, nhất định là sẽ liên

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đời hiện ra. Quý vị thấy phương pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật cao minh như thế đó!

Do vậy, chúng ta học Phật, trong quá khứ, Tuyết sư ân công⁵⁰ lúc còn tại thế đã dạy: “*Đối với chuyện học rộng, nghiên cứu lý luận thì có thể học rộng, nhưng dụng công thì nhất định phải là thâm nhập một môn*”. Đạo tràng Đài Trung của chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, Quán Kinh dạy Quán Tưởng Niệm Phật, Tuyết công lão sư dạy chúng ta Trì Danh Niệm Phật. Đừng nghĩ “*Quán Tưởng Niệm Phật hay quá*”, “*Quán Tượng Niệm Phật hay quá*”, “*Thật Tướng Niệm Phật hay quá*”, còn Trì Danh Niệm Phật thì sao? Chỉ cần trì danh tốt đẹp, sẽ giống hệt như các môn niệm Phật khác. “*Phương tiện có nhiều môn, về nguồn chẳng hai đường*”. Quán thành công, Quán Tưởng Niệm Phật là quán một tướng [thành công], những tướng khác đều hiện. Trì danh mà trì thành công thì cũng có cùng đạo lý, cũng là hết thấy đều tự nhiên hiện ra. Chỉ cần đạt đến nhất tâm bất loạn, sẽ hoàn toàn giống hệt. Vì thế, cương lĩnh chủ yếu này hết sức quan trọng: Vận dụng công phu, nhất định phải là thâm nhập một môn, đừng bị bên ngoài nói pháp môn này hay, pháp môn kia hay [mà dao động]. Thấy người ta tham Thiền hay quá, bèn học tham Thiền. Thấy người ta niệm chú siêng năng, bèn học niệm chú. Chẳng phải là trì chú không hay, cũng chẳng phải là tham Thiền không hay, mà là chúng ta chọn lựa pháp môn phải phù hợp với căn cơ của chúng ta. Đã chọn lựa ổn thỏa, chúng ta bèn chuyên tu một môn ấy, sẽ có thành tựu. Nếu không, năm nay học pháp này, sang năm học pháp kia, chẳng thành được chuyện gì! Điều này hết sức trọng yếu!

Tám vạn bốn ngàn tướng hảo tự nhiên sẽ hiện, đây là nói về một đức Phật. Tám vạn bốn ngàn tướng hảo của A Di Đà Phật hiện ra, sẽ thấy toàn thể Vô Lượng Thọ Phật, thật sự trông thấy, tức là thấy Báo Thân của A Di Đà Phật, tuyệt diệu lắm! Ai có thể thấy Báo Thân Phật? Người thật sự chứng quả vị đại Bồ Tát thì mới có thể thấy Báo Thân Phật, phàm phu chẳng trông thấy. Có thể thấy Báo Thân Phật, chứng tỏ công phu quán tưởng của chính mình đã đạt tới địa vị đại Bồ Tát. Không chỉ là trông thấy một mình A Di Đà Phật, “*kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật*”: Sau khi đã thấy Vô Lượng Thọ Phật, cũng sẽ thấy mười phương thế giới vô lượng chư Phật. “*Đắc kiến vô lượng chư Phật cố, chư Phật hiện tiền thọ ký*”: Có thể trông thấy

⁵⁰ Cụ Lý Bình Nam có hiệu là Tuyết Sư, nên học trò thường gọi là “Tuyết sư” hoặc “Tuyết công lão sư”.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vô lượng chư Phật trong mười phương thế giới, ở trước vô lượng chư Phật, sẽ được thọ ký. Thọ ký gì vậy? Huyền ký quý vị tới khi nào sẽ có thành tựu như thế nào, đến lúc nào sẽ thành Phật, điều này tuyệt diệu thay! Chúng ta học Phật, học tới khi đức Phật thọ ký cho chúng ta, tuyệt diệu lắm! Vì thế, quán thành công, không chỉ là thấy A Di Đà Phật, mà còn thấy vô lượng chư Phật. Lại còn ở trước vô lượng chư Phật, lập tức được chư Phật thọ ký. “*Thị vi biến quán nhất thiết sắc thân tướng, danh đệ cửu quán*”. Đây là quán trọn khắp hết thấy sắc thân tướng của Phật, gọi là phép Quán thứ chín.

Chúng ta ở đạo tràng Đài Trung, vừa bắt đầu, bèn học Tịnh Độ Tông, lại còn học Trì Danh Niệm Phật. Đã là Trì Danh Niệm Phật, còn phải học Quán Tướng Niệm Phật của Quán Kinh để làm gì? Điều này có nghĩa là: Bất cứ pháp môn nào, cũng đều có Chánh, có Trợ. Chánh và Trợ phải song tu. Trì Danh Niệm Phật là công phu chánh yếu. Ngoài công phu chánh yếu ra, chúng ta còn phải có trợ công phu. Trợ công phu là gì? Phàm những gì có thể giúp cho công phu chánh yếu, đều gọi là trợ công phu. Vì sao chánh công phu cần có trợ công phu? Người đã dụng công đều biết: Khi chúng ta dấy khởi Phật hiệu, niệm A Di Đà Phật, lúc bình thường còn có thể niệm được, nhưng khi chính mình có chuyện vui sướng, hoặc có chuyện chướng vạ, hoặc lúc phiền não dấy lên, dấy khởi câu Phật hiệu, cảm thấy chẳng có sức mạnh gì, Phật hiệu chẳng đè ép [những vọng niệm, tình thức] được. Vì sao chẳng đè ép được? Vì chẳng có sức mạnh nào giúp đỡ! Sức mạnh giúp đỡ chính là liễu giải những đạo lý này, liễu giải A Di Đà Phật. Sau khi đã liễu giải lý, chúng ta ở trong đạo tràng, thấy tượng Phật, chúng ta tưởng tượng, nhờ vào tượng Phật ấy để quán tưởng Báo Thân Phật của A Di Đà Phật to dường ấy, quang minh nhiều ngàn ấy, toàn thể mười phương thế giới đều ở trong đại quang minh ấy. Lập cách suy tưởng như vậy, có phiền não gì mà chẳng thể khắc phục? Có vấn đề nào chẳng thể giải trừ? Không chỉ là phiền não bình thường, ngay cả khi đại vấn đề sanh tử xảy đến, quang minh của Phật vừa chiếu như thế, hết thấy các chướng ngại đối với việc vãng sanh đều bị trừ sạch. Vì thế, đây là một sự giúp đỡ, giúp cho chúng ta có thể dấy khởi Phật hiệu. Nếu chẳng liễu giải đạo lý này, khởi niệm Phật hiệu sẽ chẳng có sức mạnh, nhẹ tênh! Sau khi đã hiểu đạo lý này, Phật hiệu vừa dấy khởi, ngay lập tức có thể đè nén bất cứ phiền não nào! Trước khi chúng ta niệm Phật, đều phải xướng kệ Tán Phật, đối chiếu lời kệ với phép Quán thứ chín: “*A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân*”. Phần lớn [các ý nghĩa trong bài kệ ấy] đều

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

xuất phát từ phép Quán này. Đối chiếu với kinh văn này, thuận theo đó để quán tưởng, tuyệt đối chẳng phải là ba mươi hai tướng, mà là tướng của Báo Thân Phật xuất hiện trong tâm của chúng ta. Sau đây, mới tiếp tục trì danh niệm Phật, sức mạnh ấy to lớn ngàn nào! Đoạn dưới đây nhằm kết thúc phép Quán này.

(Kinh) Tác thị quán giả, danh vi Chánh Quán. Nhược tha quán giả, danh vi Tà Quán.

(經)作是觀者，名為正觀。若他觀者，名為邪觀。

(Kinh: Quán như vậy gọi là Chánh Quán. Nếu quán khác đi thì gọi là Tà Quán).

Cuối cùng là dặn dò. “*Tác thị quán giả*” nghĩa là nếu dựa theo phương pháp quán tưởng vừa nói trên đây, “*danh vi Chánh Quán*”, sẽ là quán tưởng chánh xác. “*Nhược tha quán giả*”: Nếu [tu tập] chẳng giống như phương pháp Quán đã nói trong phần trên đây, “*danh vi Tà Quán*”. Tà quán thì sẽ chẳng đạt được lợi ích. Chúng ta nhất định phải chú ý mấy câu ở phần sau này! Vì sao? Trong hiện thời, chánh và tà chẳng thể phân biệt rất nhiều. Cùng là học Phật, thậm chí là niệm Phật, chẳng thể chọn lựa một môn để từ pháp môn ấy mà tu tập, lại còn thêm vào các pháp khác, khiến cho cái tâm của chính mình bị tu đến nổi loạn tùng phèo. Chúng ta trì danh niệm Phật hòng cầu nhất tâm bất loạn, nếu thêm vào các pháp khác, làm sao có thể đắc nhất tâm bất loạn cho được? Vì thế, ở đây nói tới quán tưởng, quán như vậy là chánh. Chẳng đúng như vậy, sẽ là tà. Trì Danh Niệm Phật cũng là như vậy. Trong quá khứ, thầy chúng ta khai thị, thường bảo phải “*thật thà niệm Phật*”. Thật thà niệm Phật là thuần túy trì một câu danh hiệu, vận dụng công phu này. Đối với điểm phân biệt chánh và tà này, phải đặc biệt chú ý.

Chúng ta liễu giải một nguyên tắc là “*vạn pháp duy tâm*”. Tâm chúng ta đặt ở nơi nào? Chúng ta đạt được pháp gì? Kẻ chẳng học Phật, thậm chí kẻ chẳng học pháp môn Niệm Phật, tâm luôn rong ruổi. Chúng ta đặt vững cái tâm nơi Phật hiệu A Di Đà Phật, tâm chúng ta và quang minh của Phật kết hợp lại. Ví như nay chúng ta sắp ăn Tết, trong dịp Tết, mọi người đều mong cầu tốt lành, có phước, có huệ, quý vị có thể quán tưởng Phật, niệm Phật. Phật là hết thảy phước đức, hết thảy trí huệ viên mãn, tâm chúng ta đặt nơi Phật, chúng ta cũng là hết thảy phước huệ đều viên mãn, đạt được công đức giống hết như Phật! Hôm nay, tôi nói xong,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mọi người hãy buông cái giả xuống, đặt tâm nơi những điều này, hết thấy đều là phước đức, trí huệ viên mãn. Hôm nay, tôi nói đến đây thì ngưng.

Tập 31

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, hôm nay là buổi giảng đầu tiên sau Tết năm nay. Hiện thời, vẫn còn đang trong tháng Giêng; trước hết, hướng về các vị, năm cũ đã qua, xin chúc mừng các vị năm mới vui vẻ. Trong năm mới, quý vị sẽ phước đức và trí huệ ngày càng rộng mở, vạn sự như ý! Bây giờ, xin quý vị mở kinh bốn, trang mười bảy, bắt đầu từ hàng thứ sáu. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn:

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Kiến Vô Lượng Thọ Phật liễu liễu phân minh dĩ, thứ diệc ưng quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Thứ Bồ Tát thân trường bát thập vạn ức na-do-tha do-tuần, thân tử kim sắc. Đảnh hữu nhục kế, hạng hữu viên quang, diện các bách thiên do-tuần. Kỳ viên quang trung, hữu ngũ bách hóa Phật, như Thích Ca Mâu Ni”.

(經)佛告阿難，及韋提希：見無量壽佛了了分明已，次亦應觀觀世音菩薩。此菩薩身長八十萬億那由他由旬，身紫金色。頂有肉髻，頂有圓光，面各百千由旬。其圓光中，有五百化佛，如釋迦牟尼。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Đã thấy Vô Lượng Thọ Phật rành rẽ, phân minh rồi. Kế đó, cũng nên quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Vị Bồ Tát này thân cao tám mươi vạn ức na-do-tha do-tuần, thân màu vàng tía. Đỉnh đầu có nhục kế, cổ có viên quang, mỗi phía [rộng đến] trăm ngàn do-tuần. Trong viên quang ấy, có năm trăm hóa Phật như Thích Ca Mâu Ni Phật”).

IV.2.2.11. Phép Quán thứ mười, Quán Âm quán

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật lại gọi tắt là Thập Lục Quán Kinh, có mười sáu phương pháp Quán. Trong mười sáu phép Quán, chia thành ba bộ phận lớn:

1) Một, sáu phép Quán đầu tiên (từ phép Quán thứ nhất tới phép Quán thứ sáu) là quán các hoàn cảnh đẹp đẽ trong thế giới Cực Lạc, từ phép Quán mặt trời cho đến Tổng Quán, có tất cả sáu loại (thuộc về y báo).

2) Hai, khởi đầu từ phép Quán thứ bảy (từ phép Quán thứ bảy cho đến phép Quán thứ mười ba) nói về cách quán chánh báo trong thế giới Cực Lạc. [Quán tướng] chánh báo là quán A Di Đà Phật và hai vị đại Bồ Tát. Có tất cả bảy phép Quán.

3) Ba, quán ba bậc chín phẩm (từ phép Quán thứ mười bốn cho tới phép Quán thứ mười sáu).

Chúng tôi đã nói các phép Quán chánh báo thứ bảy, thứ tám, và thứ chín; hôm nay, bắt đầu cùng quý vị nghiên cứu phép Quán Bồ Tát. Bồ Tát ở Tây Phương, đạo tràng của chúng nay đang thờ tượng Tây Phương Tam Thánh: Chính giữa là A Di Đà Phật, hai bên, một vị là Quán Thế Âm Bồ Tát, vị kia là Đại Thế Chí Bồ Tát. Nay chúng ta nghiên cứu cách quán Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nhằm đúng dịp trước Tết, chúng tôi bắt đầu nói đến phép Quán này. Chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ Tát và thế gian này hết sức hữu duyên. Nay vừa khéo nói đến đoạn này, đây đúng là một dịp ngàn năm khó gặp gỡ đây nhé! Mọi người phải giữ tâm lý “[đây là một cơ duyên] rất khó, hiếm có” để học tập kinh văn của phép Quán này.

Trong quá khứ, chúng ta thường thấy các vị tổ sư khai thị: *“Phải thân cận thiện tri thức! Thân cận người có phước đức, sẽ có các thứ lợi ích”*. Nay chúng ta học cách quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Đã thế, vị Bồ Tát này có nhân duyên hết sức sâu dày đối với thế gian này, chúng ta nghiên cứu một chương kinh văn này, chủ yếu là nói đến chuyện quán tướng. Nếu chẳng quán tướng, chỉ niệm danh hiệu của Bồ Tát, hoặc trước hết liễu giải danh hiệu của Bồ Tát, đều giống như thân cận Quán Thế Âm Bồ Tát vậy! Hãy ngẫm xem, chúng ta thân cận một vị thiện tri thức bình phàm đã là rất khó có, huống hồ nay đang thân cận một vị đại Bồ Tát như vậy, càng khó có hơn nữa! Chúng ta có nhân duyên với vị Bồ Tát này, phước báo của chúng ta nhất định chẳng phải là tới đời này mới gieo trồng, mà tất nhiên là đã vun bồi từ nhiều đời, tới nay mới kết thành nhân duyên tốt đẹp này, [vì vậy] chúng ta mới có thể thân cận Quán Thế Âm Bồ Tát trong lúc này!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Bây giờ, hãy xem kinh văn: “*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”. “*Phật*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy. “*Kiến Vô Lượng Thọ Phật liễu liễu phân minh dĩ*” (Đã thấy Vô Lượng Thọ Phật rành rẽ, phân minh): Phép Quán trong phần trước là quán Vô Lượng Thọ Phật (cũng là A Di Đà Phật). Quý vị quán tưởng, đã thấy A Di Đà Phật. “*Liễu liễu phân minh*” tức là đối với các thứ trang nghiêm nơi thân A Di Đà Phật, toàn bộ đều thấy rõ ràng, rành mạch. “*Liễu*” (了) là rốt ráo nhất. “*Dĩ*” (已) là đã thấy. Sau khi đã thấy hoàn toàn xong, “*thứ*” (次) là tiếp đó. Tiếp theo đó là gì? “*Diệc ưng*” (亦應): Cũng phải nên. “*Quán*” (觀): Chữ Quán trên đây chỉ cách Quán do đức Phật đã dạy. Quán gì thế? Quán “*Quán Thế Âm Bồ Tát*”. Tiếp theo là quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Mấy câu này nhằm tiếp nối ý trong phần trước, dẫn khởi phần sau, tức là để kết thúc phép Quán trong phần trên, mở ra phần kế tiếp. Kết cấu trong đoạn này được nói như thế đó. Tiếp theo đó là chánh thức trình bày cách quán Quán Thế Âm Bồ Tát như thế nào.

Trước khi chánh thức trình bày cách quán Quán Thế Âm Bồ Tát như thế nào, chúng ta dựa theo chú giải của tổ sư, phải liễu giải vị Bồ Tát này chẳng tầm thường. Theo kinh Quán Âm Tam Muội đã dạy, trong đời quá khứ, Quán Thế Âm Bồ Tát đã thành Phật, có Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Sau khi Ngài đã thành Phật, nay lại trở vào thế gian, dùng thân phận Bồ Tát để giúp A Di Đà Phật hóa độ chúng sanh. Phật pháp gọi chuyện này là “*đới quả hành nhân*” (帶果行因, mang theo quả để [thị hiện] sự tu nhân).

“*Đới quả hành nhân*” là gì? Học Phật, nhất định phải chứng quả, chứng quả gì vậy? Chứng quả La Hán bèn thoát lục đạo luân hồi, nhưng đây vẫn chưa phải là rốt ráo! Rốt ráo là chứng Phật quả; thành Phật mới là chứng đại quả. “*Nhân*” là trước khi chứng quả, hành Bồ Tát đạo, làm đủ mọi công đức đều gọi là “*nhân*”. Quán Thế Âm Bồ Tát đã thành Phật trong đời quá khứ, tức là người đã chứng Phật quả, nay lại quay về hành Bồ Tát đạo. Đây là thuộc về địa vị tu nhân. Ngài mang theo Phật quả, thị hiện những chuyện thuộc địa vị tu nhân, đến hóa độ chúng sanh. Do vậy, chúng ta phải liễu giải điếm đặc thù của vị Bồ Tát này là “*đới quả hành nhân*”, Ngài có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Đây là tầng [ý nghĩa] thứ nhất, chúng ta ắt cần phải liễu giải.

Kê đó, khi chúng ta quán Quán Thế Âm Bồ Tát, bản thân chúng ta nhất định phải khuếch đại tâm lượng rất lớn; sau đây, mới xem kinh văn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

dạy về thân cao lớn của Quán Thế Âm Bồ Tát. Bọn người tâm thường như lũ chúng ta trong thế gian chẳng thể thấy thân cao lớn như vậy. Thân Ngài cao mấy chục vạn ức [do-tuần], ắt cần phải mở rộng tâm lượng thì mới có thể liễu giải.

“*Thử Bồ Tát thân trường bát thập vạn ức na-do-tha do-tuần*” (Thân vị Bồ Tát ấy cao tám mươi vạn ức na-do-tha do-tuần): Trước hết, nói về chiều cao nơi thân Bồ Tát. “*Do-tuần*” (Yojana) là tên gọi của đơn vị đo lường chiều dài ở Ấn Độ vào thời cổ. Một do-tuần là bao nhiêu? Nói theo lộ trình, có khi nói bốn mươi dặm là một do-tuần, có khi nói ba mươi dặm là một do-tuần. Bất luận ba mươi dặm hoặc bốn mươi dặm, dùng chiều dài ấy xếp theo chiều dọc để tính độ cao, đáng nể lắm! Ví như chúng ta thấy cao ốc mấy trăm tầng trong thế giới này, vẫn chưa đạt đến chiều cao ba mươi dặm! Trước chữ “*do-tuần*” là “*na-do-tha*” (chữ “他” đọc theo âm chữ “拖” (tha⁵¹)). “*Na-do-tha*” là tên gọi của một số đếm. Vào thuở đó, tại Ấn Độ, Na-do-tha là một Ức. Bất quá, thuở ấy, tại Ấn Độ, đối với chữ Ức có tới mấy cách nói. Có khi nói mười vạn là một Ức, có khi nói một trăm vạn là một Ức, còn có khi nói một ngàn vạn là một Ức. Có ba phương thức tính toán khác nhau. Chúng ta chọn con số nhỏ nhất, coi mười vạn là một Ức! Đối với lộ trình, chúng ta cũng chọn cách nói ngắn nhất, coi ba mươi dặm là một do-tuần. “*Na-do-tha do-tuần*” là mười vạn nhân với ba mươi dặm (10.000 x 30 = 300.000, ba trăm ngàn dặm), có độ cao ngàn ấy. Trước đó, lại thêm vào con số “*tám mươi vạn Ức*”. Tôi nghĩ quý vị chẳng cần tính con số “*tám mươi vạn Ức na-do-tha do-tuần*”, chỉ biết là cao quá cỡ! Nếu phải tính toán chi tiết cũng mất công lắm! Hãy ngẫm xem, thân Quán Thế Âm Bồ Tát cao dường ấy!

Bất quá, đối với chữ “*tám mươi*” trong câu “*tám mươi vạn Ức*”, có bản chú giải (tức bản chú giải của tông Thiên Thai) cho rằng: So sánh với chiều cao của thân A Di Đà Phật đã nói trong phần trước, ở đây, chẳng phải là “*tám mươi vạn Ức*”, mà phải nên là “*mười tám vạn Ức*”. So sánh với thân A Di Đà Phật đã nói trong phần trước⁵² [thì thân Quán

⁵¹ Chữ Tha (他) đọc theo âm Quan Thoại là Tā, trong khi chữ Tha (拖, còn đọc theo âm Hán Việt là Đà), âm Quan Thoại là Tuō. Trong khi đó âm tiếng phạn của Na-do-tha là Nayuta.

⁵² Sở dĩ có cách nói này vì trong chánh kinh (trong phép Quán thứ chín, nói thân A Di Đà Phật cao sáu mươi vạn Ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần). Tổ Thiên Thai cho rằng chữ “*Hằng hà sa*” là thừa, vì nếu nói Hằng hà sa thì thân Phật không biết cao

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thê Âm Bồ Tát] phải thấp hơn một chút. Bất quá, cũng có những bản chú giải khác chẳng chấp nhận cách nói này, vẫn chiếu [theo nguyên văn trong chánh kinh] để nói là “tám mươi vạn ức”. Chúng ta hiểu rõ có cách chú giải như vậy là được rồi, khi nghiên cứu kinh văn, vẫn đọc là “tám mươi vạn ức na-do-tha do-tuần”. Đây là nói về chiều cao nơi thân Bồ Tát.

Quán Thê Âm Bồ Tát không chỉ cao như thế, lại còn là “*thân tử kim sắc*”. Kim sắc đã tuyệt diệu lắm rồi (rất đáng quý), mà trong các loại kim sắc (màu sắc của chất vàng), tử kim sắc (màu vàng có ánh tía) lại càng đẹp đẽ hơn nữa. So với màu sắc của các loại vàng thông thường, sẽ càng đẹp hơn nữa, nên gọi là “*tử kim sắc*”. Sau khi đã nói độ cao nơi thân và thân có màu tử kim xong, bèn nhìn từ đỉnh đầu của Bồ Tát: “*Đảnh hữu nhục kế*” (Đỉnh đầu có nhục kế). Đức Phật có ba mươi hai tướng, đại Bồ Tát cũng có ba mươi hai tướng giống như vậy. “*Nhục kế*” (肉髻, Uṣṇīṣa) là một trong ba mươi hai tướng. Các vị thấy tượng Phật thờ trong đạo tràng, trên đỉnh đầu có một khối đo đỏ (giống như màu đỏ của mặt trời), đó chính là nhục kế trên đỉnh đầu đức Phật. Sau khi đã thấy nhục kế, lại xem tới cổ. “*Hạng hữu viên quang*” (Cổ có viên quang). Chữ Hạng (頂) chỉ phần cổ ở dưới đầu. Bốn phía của cổ có viên quang. Chúng ta thấy phía sau tượng Phật, Bồ Tát đều có những tia sáng tỏa ra. “*Viên quang*” là quang minh từ cổ chiếu ra. Quang minh chiếu ra từ cổ ấy như thế nào? “*Diện các bách thiên do-tuần*” (Mỗi phía rộng tới trăm ngàn do tuần): Quang minh từ cổ có bốn phía, mỗi phía đều rộng đến trăm ngàn do-tuần. “*Kỳ viên quang trung, hữu ngũ bách ức Hóa Phật, như Thích Ca Mâu Ni*” [nghĩa là] trong quang minh phát ra từ cổ ấy, còn có năm trăm vị hóa thân Phật giống như những vị ứng hóa Phật của Thích Ca Mâu Ni Phật vậy! Đây là nói từ nhục kế cho đến “*hạng quang*” (頂光, quang minh phát ra từ cổ), từ trong hạng quang hiển lộ Hóa Phật.

đến cỡ nào. Nếu chấp nhận là “sáu mươi vạn ức na-do-tha do-tuần” thì so với thân Quán Thê Âm Bồ Tát cao tám mươi vạn ức na-do-tha do-tuần ở đây, thân Phật lại thấp hơn! Vì thế, ngài Thiên Thai mới bảo phải là mười tám vạn ức. Nhưng nếu giữ nguyên như chánh kinh “thân A Di Đà Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần” thì thân Quán Thê Âm Bồ Tát cao tám mươi vạn ức na-do-tha do-tuần sẽ hoàn toàn hợp lý.

(Kinh) Nhất nhất Hóa Phật, hữu ngũ bách Hóa Bồ Tát, vô lượng chư thiên, dĩ vi thị giả.

(經)一一化佛，有五百化菩薩，無量諸天，以為侍者。

(Kinh: Mỗi một Hóa Phật có năm trăm Hóa Bồ Tát và vô lượng chư thiên làm thị giả).

Năm trăm vị Hóa Phật, “nhất nhất Hóa Phật, hữu ngũ bách Hóa Bồ Tát”, mỗi vị Hóa Phật lại có năm trăm vị Hóa Bồ Tát. Ngoài ra, mỗi vị Hóa Phật còn có “vô lượng chư thiên”, nhiều đến mức không kể xiết chư thiên. “Dĩ vi thị giả”: Làm thị giả của Hóa Phật. Đã nói về Hóa Phật và Hóa Bồ Tát xong; kế đó, lại nói tới những điều tốt đẹp nơi thân quang.

(Kinh) Cử thân quang trung, ngũ đạo chúng sanh, nhất thiết sắc tướng, giai u trung hiện.

(經)舉身光中，五道眾生，一切色相，皆於中現。

(Kinh: Trong vầng quang minh khắp thân, hết thấy các sắc tướng của chúng sanh trong năm đường đều hiện trong ấy).

“Cử thân quang trung” là ở trong các quang minh phát ra từ toàn thân Quán Thế Âm Bồ Tát, có “ngũ đạo chúng sanh”, tức là trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục (A Tu La đạo được tính gộp trong trời, người, súc sanh, và quỷ. Vì thế, “ngũ đạo” chính là lục đạo). “Nhất thiết sắc tướng” (Hết thấy các sắc tướng), đủ mọi trạng huống, “giai u trung hiện”, “trung” (中) là ở trong thân quang của Bồ Tát, có thể hiện ra trạng huống của tất cả chúng sanh trong năm đường. Vì sao từ quang minh nơi toàn thân Quán Thế Âm Bồ Tát có thể hiện ra hình tướng của chúng sanh trong năm đường? Chúng ta thường nói Quán Thế Âm Bồ Tát là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. Trong tâm Ngài, chẳng có thời khắc nào là không chiếu cố chúng sanh khổ nạn. Chúng sanh khổ nạn chẳng giới hạn trong tam đồ. Đương nhiên là tam đồ khổ sở nhất, nhân gian rất khổ, [ngay cả] chúng sanh trong thiên đạo cũng khổ. Do vậy, trong tâm Quán Thế Âm Bồ Tát luôn nghĩ tới các chúng sanh trong lục đạo. Vì thế, trong thân quang bèn hiển hiện [hình trạng của họ].

Chúng ta thường nói: “Nhờ ai đó chiếu cố khá nhiều”. Dùng gì để chiếu cố? Chính là quý vị có lòng nghĩ đến. Từ lý tánh nơi tâm của mỗi người chúng ta phát ra, trong tâm luôn có quang minh. Dùng quang minh của quý vị để gia bị, chiếu cố. Do vì trong tâm Quán Thế Âm Bồ Tát nghĩ tới chúng sanh, trong quang minh của Ngài tự nhiên hiển hiện lục đạo chúng sanh. Tâm Bồ Tát đã nghĩ tới chúng ta như vậy, chúng ta gặp phải bất cứ vấn đề gì, chẳng cần nghĩ chi khác, chúng ta vừa nghĩ Quán Thế Âm Bồ Tát có thể giúp chúng ta giải quyết chuyện ấy, đúng là sẽ có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn của kinh Pháp Hoa đã nói chuyện này rất cặn kẽ. Vì thế, hiểu rõ đạo lý này, chúng ta sẽ hiểu rõ [vì sao] kinh văn nói trong thân quang của Quán Thế Âm Bồ Tát có thể hiển lộ hết thấy sắc tướng của chúng sanh trong năm đường. Trong tâm Bồ Tát, thời thời khắc khắc đều có bọn chúng sanh chúng ta, thời thời khắc khắc Ngài đều muốn đến cứu chúng ta. Mà lũ bình phàm chúng ta thường nói: “Chúng ta cần Ngài cứu giúp nổi gì? Nay ta sống rất tốt đẹp, rất sung sướng mà!” Đây là vì lũ phàm phu chúng ta chẳng liễu giải chúng sanh là pháp thể gian sanh diệt; một nhánh hoa, một ngọn cỏ trong thiên nhiên nơi thế gian chẳng có thời khắc nào không đang sanh sanh diệt diệt!

Nói đến bọn chúng sanh chúng ta, lấy ngay nhân gian để nói: Mấy chục năm ngắn ngủi, dẫu sống đến một trăm năm, dẫu lâu hơn một tí, sống đến một trăm hai mươi tuổi, vẫn có lúc thọ mạng chấm dứt. Sau khi đã mạng chung, tương lai trong đời sau sẽ là như thế nào? Rốt cuộc sẽ vào trong đường nào? Chính mình chẳng thể nắm chắc! Dẫu trong đời này chẳng tạo ác nghiệp rất lớn, đời sau sanh trong nhân gian, nhân gian khổ sở quá đời! Chỉ cần lưu ý quan sát đôi chút, [sẽ thấy]: Từ xưa tới nay, nhìn vào lịch sử nhân loại, sẽ biết trong và ngoài nước đều là như vậy. Có chiến tranh, có đủ mọi mối ân oán cá nhân, có những chuyện dây dưa không rõ như thế ấy, đều là những nỗi khốn khổ mà mỗi chúng sanh gặp phải, lại còn chẳng thể giải quyết được! Do vậy, người học Phật, hễ giác ngộ đôi chút sẽ biết: Bất luận là nhân vật như thế nào trong thế gian này, dẫu là kẻ giàu có cách mấy, hoặc là kẻ có quyền lực chánh trị [to lớn] cách mấy đi nữa, trong tâm Bồ Tát, họ đều là những chúng sanh khổ não, Ngài luôn muốn đến cứu vớt chúng ta. Vì thế, chúng ta phải thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, ắt phải giác ngộ: Sống trong thế gian, có thể duy trì sự bình an là đã quá tốt đẹp rồi. Nếu mong được bình an vô sự, sẽ rất khó thể đạt được! Ở trong thế gian như vậy, nếu chẳng cầu phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, cứ tự mình học

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật, quả thật sẽ chẳng thể thực hiện được! Học Phật để cầu đời sau hưởng thụ phước báo trong cõi nhân thiên, đây là sai lầm! Ất phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thoát ly lục đạo trong thế gian thống khổ này!

Do vậy, chúng ta thật sự mong cầu Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, tức là hy vọng trong tương lai, khi thọ mạng chấm dứt, Ngài sẽ theo A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc. Đó là vị lai, còn trước mắt thì sao? Bồ Tát dùng quang minh của Ngài để chiếu cố chúng ta, khiến cho chúng ta ở trong thế gian đầy dẫy thiên tai nhân họa này, vẫn có thể bình an, chẳng gặp phải bất cứ tai nạn nào. Vì vậy, tâm chúng ta nghĩ tưởng Bồ Tát như vậy, nghĩ tưởng Bồ Tát sẽ giống như thân cận Bồ Tát. Thân cận Bồ Tát sẽ đạt được những điều tốt đẹp như thế đó! Ở đây, kinh văn đã dạy chuyện này rõ ràng ngàn ấy! Trong thân quang của Bồ Tát, có thể hiển lộ hết thấy sắc tướng của chúng sanh trong năm đường, nhất cử nhất động của chúng ta đều hiển hiện trong quang minh của Bồ Tát. Trong tâm chúng ta dấy lên ý niệm gì, Bồ Tát cũng đều biết. Ý niệm của chúng ta và ý niệm của Bồ Tát nhất trí, sẽ được cảm ứng. Chúng ta bình an trong thế gian này; trong tương lai, Ngài sẽ giúp đỡ, tiếp dẫn chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc. Lợi ích ấy tốt đẹp hơn bất cứ lợi ích nào khác. Chẳng biết là tốt đẹp hơn làm đại hoàng đế vào thời cổ hoặc làm tổng thống của một quốc gia lớn nhất trên thế giới trong hiện thời bao nhiêu lần!

(Kinh) Đảnh thượng Tỳ Lăng Già ma-ni bảo dĩ vi thiên quan. Kỳ thiên quan trung, hữu nhất lập Hóa Phật, cao nhị thập ngũ do-tuần.

(經) 頂上毗楞伽摩尼寶以為天冠。其天冠中，有一立化佛，高二十五由旬。

(Kinh: Trên đỉnh đầu có mũ trời bằng chất báu Tỳ Lăng Già ma-ni. Trong mũ trời ấy, có một vị Hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do-tuần).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Đảnh thượng Tỳ Lăng Già ma-ni bảo dĩ vi thiên quan*”: Đây là nói về đỉnh đầu của Quán Thế Âm Bồ Tát. Bồ Tát đội mào (quan, 冠)⁵³ vừa to, vừa đẹp. Chúng ta thoát nhìn, sẽ nhìn chẳng ra. Vì thế, nói tỷ dụ, nói là “*thiên quan*” [tức là mào báu] trong cõi trời. Trong nhân gian, chẳng tìm được cái mào nào đẹp đẽ như vậy, chỉ đành dùng mào trời để hình dung. Bởi lẽ, tâm lý của bọn phàm phu chúng ta, hễ nói đến điều gì tốt nhất, thường nói là “cõi trời tốt nhất”. Thật ra, cái mào do Quán Thế Âm Bồ Tát đội chẳng biết tốt đẹp hơn mào trời bao nhiêu lần! Vì sao tốt đẹp? Quý vị thấy trước đó đã nói: “*Tỳ Lăng Già ma-ni bảo*”. “*Tỳ Lăng Già*” là nói tắt, nói đầy đủ sẽ là Thích Ca Tỳ Lăng Già, là tên một loại bảo ngọc ở Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tội Thắng, [hàm ý] “loại bảo ngọc tốt nhất”. Dùng chữ Tỳ Lăng Già để hình dung chữ “*ma-ni bảo*” kể đó. “*Ma-ni*” (Maṇi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán là Như Ý, có nghĩa là “*thanh tịnh*”. Đã là thanh tịnh, lại còn như ý. Trong

⁵³ Theo ý nghĩa nguyên thủy, Quan là một trong các loại trang sức để che tóc hoặc bảo vệ đầu, che nắng, thường gọi chung là Đầu Y (頭衣). Nói cận kề, Quan bao gồm bốn loại là Quan, Miện (冕), Biện (弁) và Trách (幘). Trong đó, Miện là loại mào dành riêng cho đế vương hoặc các khanh đại phu, chỉ dùng trong các điển lễ lớn như tế Thiên Địa, quốc khánh, dâng cơ (lên ngôi) v.v... Miện thường có hình trụ, trên đỉnh là một tấm dầy nằm ngang, phía trước và sau đều có ngọc kết thành chuỗi, rủ xuống. Số tua quy định rất rõ rệt: Thiên tử mười hai tua, chư hầu chín tua, thượng đại phu bảy tua, hạ đại phu năm tua. Từ đời Hán trở đi, chỉ có hoàng đế được phép dùng Miện. Biện là thứ mào dùng trong nghi lễ, chỉ dành riêng cho nam giới, có tác dụng thay thế vai trò của Miện trong thời cổ. Biện thường có màu đỏ (dùng trong lễ cưới) hoặc đen nhạt (dùng trong các dịp lễ khác). Hình thức chủ yếu là không có cánh mào, chỉ tròn xoe. Về sau, Biện biến thể thành hình thức mũ quả dưa như người Mãn Thanh thường đội, trên chóp đỉnh gắn ngọc quý hay đá quý. Kẻ bình dân đội miện có chóp chỉ là một cục bông kết thành hình tròn, bọc vải. Trách là loại mũ dành cho nam giới, phổ biến cho mọi tầng lớp. Trách có nhiều loại, điểm khác biệt lớn nhất là Trách có dây buộc dưới cằm cho khỏi tuột. Từ đời Hán trở đi, Quan trở thành từ ngữ chuyên môn chỉ các loại mũ thường dùng cho giới quý tộc, còn các loại mào thông thường như Trách thường gọi chung là “*mào tử*” (帽子) hoặc “*đầu cân*” (頭巾). Đầu cân có thể bao gồm các loại khăn xếp quấn lên đầu, hoặc các hình thức mũ vải khác biệt. Từ đời Hán, đa số các loại Quan dành cho giới quý tộc là biến thể của Miện (như các loại mào dành cho hoàng hậu, phi tần như Phượng Quan), hoặc là cách điệu hóa, phức tạp hóa của Biện và Trách. Từ hình thức đơn giản ban đầu, đã trở thành nhiều tiểu loại phức tạp như ngọc quan chỉ che búi tóc (vai trò của ngọc quan mang tác dụng trang trí), hoặc che trọn cả đầu như trường quan hoặc tấn hiên quan.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tâm quý vị muốn gì, nó bèn có thể vừa ý quý vị. Báu ma-ni ấy còn là tối thắng trong các báu ma-ni, tức là “*Tỳ Lăng Già ma-ni bảo*”. Dùng báu ấy bện kết thành mào, gọi là “*thiên quan*”. Trên đỉnh đầu Quán Thế Âm Bồ Tát đội thiên quan ấy.

“*Kỳ thiên quan trung*”: Trong cái mào ấy, “*hữu nhất lập Hóa Phật*”: Có một vị Phật biến hóa đứng trong ấy. “*Cao nhị thập ngũ do-tuần*”: Tuy là một vị Phật biến hóa, chiều cao cũng tới hai mươi lăm do-tuần. [Cứ tính theo số lượng nhỏ nhất], một do-tuần là ba mươi dặm. Hai mươi lăm do-tuần có bao nhiêu dặm? Có tới bảy trăm năm mươi dặm. Điều này biểu thị Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị Cổ Phật đã thành Phật trong quá khứ, hiện tại Ngài là “*đời quả hành nhân*”. Do vậy, trong mào đội đầu của Ngài có một vị Hóa Phật. Vị Hóa Phật ấy biểu thị Phật quả, mang ý nghĩa “*đời quả hành nhân*”, Ngài cứu khổ cứu nạn. Sức cứu độ chúng sanh của Ngài giống như sức của Phật vậy.

(Kinh) Quán Thế Âm Bồ Tát, diện như Diêm Phù Đà kim sắc. My gian hào tướng, bị thất bảo sắc, lưu xuất bát vạn tứ thiên chủng quang minh. Nhất nhất quang minh, hữu vô lượng vô số bách thiên Hóa Phật. Nhất nhất Hóa Phật, vô số Hóa Bồ Tát dĩ vi thị giả, biến hiện tự tại, mãn thập phương thế giới.

(經)觀世音菩薩，面如閻浮檀金色。眉間毫相，備七寶色，流出八萬四千種光明。一一光明，有無量無數百千化佛。一一化佛，無數化菩薩以為侍者，變現自在，滿十方世界。

(Kinh: Quán Thế Âm Bồ Tát sắc mặt như vàng Diêm Phù Đà. Tướng bạch hào giữa hai mày có đủ màu bảy báu, tỏa ra tám vạn bốn ngàn thứ quang minh. Mỗi một quang minh có vô lượng vô số trăm ngàn Hóa Phật. Mỗi vị Hóa Phật có vô số Hóa Bồ Tát làm thị giả, biến hiện tự tại, đầy khắp mười phương thế giới).

Đoạn kinh văn này nói về sắc vàng nơi mặt Quán Thế Âm Bồ Tát. Còn có tướng bạch hào giữa hai mày, lại còn tỏa ra quang minh. Kinh văn chép: “*Quán Thế Âm Bồ Tát, diện như Diêm Phù Đà kim sắc*”: Sắc mặt của Quán Thế Âm Bồ Tát giống như màu sắc của loại vàng sanh từ sông Diêm Phù Đà. Sắc vàng ấy là sắc vàng đẹp nhất, giống như vàng

trong sông Diêm Phù Đà, là màu sắc của loại vàng tốt nhất. Chữ “*như*” ở đây biểu thị chẳng hoàn toàn giống như vậy. Nói cách khác, sắc mặt của Quán Thế Âm Bồ Tát còn đẹp hơn màu sắc của vàng Diêm Phù Đà, nhưng đẹp đến mức độ nào, chúng ta chẳng hiểu trọn! Chỉ có thể dùng màu sắc của vàng Diêm Phù Đà để sánh ví, hòng giúp chúng ta liễu giải mà thôi. Trên thực tế, còn đẹp hơn rất nhiều!

Lại xem tướng lông mày trên mặt Ngài: Giữa hai mày có “*hào tướng*”, tức bạch hào. Bài kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di*” (Bạch hào cuộn tròn theo chiều phải to như năm quả núi Tu Di). Tướng bạch hào là một trong ba mươi hai tướng, [thường gọi là] “*my gian hào tướng*” (Uṛṇākeśah, tướng bạch hào giữa hai mày). “*Bị thất bảo sắc*”: Màu của bảy báu rất nhiều. “*Bị*” (備) là hoàn bị, hoàn toàn trọn đủ màu sắc đẹp đẽ của bảy báu. Từ tướng bạch hào có trọn đủ màu sắc bảy báu, từ trong các màu ấy “*lưu xuất bát vạn tứ thiên chủng quang minh*” (lưu xuất tám vạn bốn ngàn thứ quang minh). Điều này rất khó liễu giải, vì trong sự suy tướng của bọn chúng sanh phàm phu, quang minh là một loại ánh sáng, ví như ánh đèn chiếu sáng, chỉ phát ra quang minh màu trắng, nhưng ở đây có đủ loại quang minh. Trong quang minh, có đủ loại màu sắc. Chữ “*minh*” (明) ở đây có nghĩa là “có thể thấy rõ ràng, thấu suốt”, nhưng cũng chẳng phải là nói [quang minh chỉ có] một loại màu trắng. Trong ấy, có các thứ màu sắc. Vì thế, ở đây nói là “*có tám vạn bốn ngàn loại quang minh*”. Điều này phải cấy vào tâm chúng ta dần dần quán tưởng, tưởng tướng bạch hào giữa hai mày của Bồ Tát phóng ra quang minh nhiều ngàn ấy, tốt đẹp lắm! Trong thế giới Sa Bà, thấy cảnh sắc như thế đó! Nếu chúng ta dụng tâm quán cận kẽ tám vạn bốn ngàn thứ quang minh ấy, [sẽ thấy] cảnh sắc ấy đúng là quá đẹp đẽ, quá tốt lành. Kẻ bình phàm sẽ chẳng tin tưởng, há có chuyện như vậy ư? Đây là vì tâm lý của bọn phàm phu chúng ta có chướng ngại, bọn phàm phu mắt thịt chẳng thấy rõ ràng cảnh trí tốt đẹp dường ấy.

Tôi nêu một thí dụ hiện thực. Chúng ta nhìn thấy ánh sáng mặt trời, cảm thấy nó bình thường, chẳng có gì lạ lùng. Đây là vì chúng ta bị hạn chế bởi các thứ chướng ngại nơi nhục nhãn. Nếu chiếu [ánh nắng qua] một cái lăng kính có ba cạnh (prism), [sẽ thấy] trong ánh sáng mặt trời có các thứ màu sắc khác nhau như tím, đỏ, cam, vàng v.v... Nhưng nhục nhãn của phàm phu căn bản là chẳng trông thấy rõ ràng, ắt phải nhờ vào dụng cụ khoa học mới thấy rõ ràng. Nhưng ở đây, [dẫu] quý vị sử dụng công cụ cũng chẳng thể thấy nhiều ngàn ấy được! Ắt phải mở

rộng tâm linh của chính mình, mở rộng tâm linh như thế nào? Tức là cái tâm đừng bị chướng ngại bởi Phiền Não Chướng thế tục trong nhân gian. Nói chung, chúng ta luôn cảm thấy những chuyện thuộc về nhân gian quá nhỏ nhặt, chẳng đáng nhắc tới, nhưng kẻ bình phàm sẽ nghĩ những vấn đề ấy to tát khôn cùng! Giải quyết như thế nào? Quý vị chẳng quan tâm tới chúng, chẳng coi chúng là chuyện [đáng kể]. Hễ tâm lý của quý vị mở rộng, cách nghĩ và toàn thể cảnh giới của quý vị sẽ sáng ngời. Quý vị chuyên môn tưởng quang minh này, sẽ đạt được thọ dụng to tát.

“*Nhất nhất quang minh, hữu vô lượng vô số bách thiên Hóa Phật*” (Mỗi quang minh có vô lượng vô số trăm ngàn Hóa Phật), trên đây là nói về tám vạn bốn ngàn loại quang minh. Trong mỗi loại quang minh, không chỉ có các thứ màu sắc, cảnh trí hết sức đẹp đẽ. Đặc biệt hơn nữa là trong mỗi loại quang minh có vô lượng vô số trăm ngàn Hóa Phật ở trong quang minh. “*Nhất nhất Hóa Phật*”, tức là mỗi vị Hóa Phật, lại có “*vô số Hóa Bồ Tát dĩ vi thị giả*” (vô số Hóa Bồ Tát làm thị giả). Đức Phật có thị giả, ai làm thị giả của Phật? Chính là Bồ Tát. Có bao nhiêu vị Bồ Tát? Lại có vô số Hóa Bồ Tát làm thị giả của mỗi vị Hóa Phật. Quán tưởng từng tầng một như vậy, hãy ngẫm xem! Trong thế gian chúng ta tìm được nơi nào có quang minh như vậy? Đầy đều là do Quán Thế Âm Bồ Tát hiển lộ từ tướng bạch hào giữa hai mày. Ngoài tướng bạch hào ra, còn có thân quang (身光, quang minh phát ra từ thân thể). Nhìn toàn thể sẽ thấy là bao nhiêu? Những vị Hóa Phật ấy có vô số Hóa Bồ Tát để làm thị giả của Hóa Phật. Những vị Hóa Bồ Tát ấy “*biến hiện tự tại, mãn thập phương thế giới*” (biến hiện tự tại, đầy khắp mười phương thế giới). “*Biến*” (變) là biến hóa, “*hiện*” (現) là hiện ra các thứ năng lực. Muốn biến hiện gì, bèn có thể biến hiện nấy. “*Tự tại*” (自在) là tự do tự tại, muốn biến như thế nào đều có thể [biến như thế ấy]. Lũ bình phàm chúng ta chẳng thể làm được chuyện này!

Lũ bình phàm chúng ta chẳng thể làm được là vì hiện thời chúng ta vẫn chưa đạt đến trình độ như Quán Thế Âm Bồ Tát; nhưng lũ phàm nhân chúng ta cũng có tác dụng nhỏ nhỏ, tác dụng nhỏ nhoi nào vậy? Ví như những kẻ học khoa học trong thế gian, có thể biến đổi thế giới vật chất, hoặc biến đổi và thay đổi hiện tượng trong thế giới vật lý và thế giới vật chất. Các văn học gia có thể viết những tác phẩm thi văn hay khéo, những họa sĩ có thể vẽ những bức tranh đẹp nhất. Các nhà âm nhạc có thể sáng tác những khúc nhạc cảm động tâm linh con người. Những người ấy cũng chẳng phải là kẻ bình phàm, cũng là từ trong tâm linh của

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

họ phát khởi [những cảm hứng thăng hoa], cho nên mới có những sáng tác ấy. Nếu một kẻ suốt ngày từ sáng đến tối suy tưởng danh lợi trong thế gian, những thứ ấy sẽ khiến trí huệ bị tắc lấp, chẳng có một mảy tủa sáng nào! Vì vậy, những nhà phát minh trong thế gian thường là cao minh hơn những kẻ bình phàm đôi chút. Từ chỗ này có thể suy ra: Nếu chúng ta muốn phát huy đại tác dụng, ắt phải đoạn trừ phiền não trong thế gian (chuyển biến phiền não). Đoạn phiền não thì mới có thể chứng quả. Chứng quả thì mới có thể đạt đến tự tại. Các nhà khoa học gia và nghệ thuật gia trong thế gian so với kẻ bình phàm thì đã đoạn được một số phiền não. Vì họ chuyên tâm nhất trí, cho nên có thể biểu hiện đôi chút. Nhờ vào thí dụ này để suy tưởng, [sẽ nhận ra]: Nếu bọn phàm phu chúng ta có thể chuyển biến phiền não và tri kiến thành lý tánh; từ lý tánh lưu lộ, sẽ chứng quả vị giống như Bồ Tát, biến hiện tự tại, muốn gì có nấy, điều gì cũng có thể làm được!

Vô số Hóa Bồ Tát làm thị giả của Hóa Phật, có thể biến hiện tự tại. “*Mãn thập phương thế giới*” (Đầy khắp mười phương thế giới). Phạm vi của mười phương thế giới quá lớn, thế giới Sa Bà là một tiểu đơn vị trong mười phương thế giới. Chúng ta học theo tâm lượng [của Bồ Tát] để dần dần tưởng như vậy. Khi tưởng, sẽ tự nhiên biến hiện tự tại, cảm ứng [Bồ Tát]. Sau khi cảm ứng, trong phần trước đã nói là “*phải thân cận thiện tri thức, thân cận đại Bồ Tát*”. Có thể thân cận bậc đại Bồ Tát như vậy, trong thế gian, chúng ta đã có phước, lại có trí huệ. Đặt mình trong phước huệ, sẽ bất tri bất giác đạt được sức mạnh và sự thọ dụng chẳng thể nghĩ bàn. Nghiên cứu bộ kinh văn này, nếu có thể tưởng như vậy, sẽ đạt được lợi ích cũng là chẳng thể nghĩ bàn! Hôm nay, tôi nói đến tướng bạch hào thì ngưng; trong phần sau còn có những tướng khác nữa, tôi sẽ tiếp tục trình bày trong lần tới.

Tập 32

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang mười tám, bắt đầu từ hàng thứ tư. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Tý như hồng liên hoa sắc, hữu bát thập ức vi diệu quang minh, dĩ vi anh lạc. Kỳ anh lạc trung, phổ hiện nhất thiết chư trang nghiêm sự. Thủ chương tác ngũ bách ức tạp liên hoa sắc. Thủ thập chỉ đoạn, nhất nhất chỉ đoạn, hữu bát vạn tứ thiên hạ, do như ẩn văn.

Nhất nhất hoạch, hữu bát vạn tứ thiên sắc. Nhất nhất sắc, hữu bát vạn tứ thiên quang. Kỳ quang nhu nhuyễn, phổ chiếu nhất thiết. Dĩ thữ bảo thủ, tiếp dẫn chúng sanh. Cử túc thời, túc hạ hữu thiên bích luân tướng, tự nhiên hóa thành ngũ bách ức quang minh đài. Hạ túc thời, hữu kim cang ma-ni hoa, bố tán nhất thiết, mạc bất di mãn.

(經) 譬如紅蓮華色，有八十億微妙光明，以為瓔珞。其瓔珞中，普現一切諸莊嚴事。手掌作五百億雜蓮華色。手十指端，一一指端，有八萬四千畫，猶如印文。一一畫，有八萬四千色。一一色，有八萬四千光，其光柔軟，普照一切。以此寶手，接引眾生。舉足時，足下有千輻輪相，自然化成五百億光明臺。下足時，有金剛摩尼華，布散一切，莫不彌滿。

(Kinh: Tay như sắc hoa sen đỏ, có tám mươi ức quang minh vi diệu để làm anh lạc. Trong các anh lạc ấy, hiện khắp hết thấy các sự trang nghiêm. Lòng bàn tay có màu sắc của năm trăm ức loại hoa sen khác nhau. Mười đầu ngón tay, mỗi đầu ngón tay đều có tám vạn bốn ngàn nét vẽ giống như nét khắc trên quả ấn. Mỗi một nét vẽ có tám vạn bốn ngàn sắc. Mỗi một sắc có tám vạn bốn ngàn quang minh. Quang minh ấy mềm mại, chiếu khắp hết thấy. Ngài dùng tay báu ấy tiếp dẫn chúng sanh. Khi Ngài giở chân, dưới lòng bàn chân có tướng bánh xe ngàn cãm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức đài quang minh. Lúc hạ chân, có hoa kim cang ma-ni rải khắp hết thấy, không đâu chẳng trọn khắp).

Nay Thập Lục Quán Kinh dạy về phép Quán thứ mười. Trước phép Quán này là quán A Di Đà Phật. Sau khi quán A Di Đà Phật, tiếp đó bèn nói tới [phương pháp] quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Lần trước, tôi đã nói: Quán Thế Âm Bồ Tát và chúng sanh trong thế gian này có duyên phận đặc biệt. Vì thế, khi nói đến phép Quán này, mọi người sẽ đạt được lợi ích và phước báo cũng đặc biệt tốt đẹp.

Phép Quán này trong lần trước đã nói một nửa. Trong lần trước, tôi đã nói thân Quán Thế Âm Bồ Tát cao bao nhiêu, màu sắc nơi thân thể Ngài, nhục kế trên đỉnh đầu Bồ Tát, quang minh nơi cổ, quang minh nơi thân, mào đội trên đầu, và tướng bạch hào giữa hai mày. Hôm nay, bắt

đầu nói tới cánh tay, tức là câu “*thủ như hồng liên hoa sắc*” (tay như sắc hoa sen đỏ) vừa mới đọc. Trong phần trước đã nói: Trong tướng bạch hào có quang minh, trong quang minh có Hóa Phật, Hóa Bồ Tát v.v... Hơn nữa, những vị Hóa Phật, Hóa Bồ Tát ấy biến hiện tự tại, đầy ấp mười phương thế giới. Vì sao đầy ấp mười phương thế giới? Ở đây, phải đặc biệt chú ý: Chúng sanh trong mười phương thế giới, chỉ cần biết đến Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ đều được Bồ Tát tiếp dẫn, cứu độ. Nay nói tới tướng trạng nơi cánh tay của Ngài, cánh tay Bồ Tát có màu như hoa sen đỏ. Trước hết, nói hai tay Bồ Tát có màu gì? Màu ấy giống như màu sắc của hoa sen đỏ trong hoa sen bốn màu, đặc biệt đẹp đẽ! Từ màu hoa sen, lại phát ra “*hữu bát thập ức vi diệu quang minh*” (có tám mươi ức quang minh vi diệu). Trong kinh Tiểu Bản A Di Đà có nói hoa sen bốn màu, hoa đỏ tỏa ra quang minh đỏ... [nghĩa là] mỗi loại màu đều có thể phát ra một thứ quang minh [tương ứng]. Đây là nói rất sơ lược, còn ở đây là nói cận kề. Tay Bồ Tát như sắc hoa sen đỏ, từ sắc hoa sen đỏ, tỏa ra tám mươi ức quang minh vi diệu. Kẻ bình phàm thấy quang minh chỉ là quang minh, nhưng [quang minh] ở đây hết sức chẳng thể nghĩ bàn. Từ trong màu sắc tỏa ra quang minh, lại từ quang minh mà “*dĩ vi anh lạc*” (dùng làm anh lạc). Tại Ấn Độ, “*anh lạc*” (瓔珞) là vật trang sức đeo trên thân của giới quý tộc Ấn Độ (bất luận là đàn ông hay đàn bà). Những vật trang sức quý trọng đều kết bện bằng bảo ngọc, còn anh lạc ở đây là do quang minh ngưng tụ mà thành.

“*Kỳ anh lạc trung, phổ hiện nhất thiết chư trang nghiêm sự*” (Trong anh lạc ấy, hiện khắp hết thảy các sự trang nghiêm). Lại từ trong những món anh lạc ấy, “*phổ hiện*” (普現) nghĩa là trong mỗi chuỗi anh lạc đều biến hiện rất nhiều sự xếp đặt trang nghiêm. Chẳng hạn như trong đạo tràng, các thứ sắp đặt, bố trí đẹp đẽ sẽ được gọi là “*trang nghiêm sự*” (莊嚴事). Những sự trang nghiêm ấy hiện ra từ màu sắc, quang minh và anh lạc nơi tay Quán Thế Âm Bồ Tát. Tổ sư chú giải: Những thứ bày biện, thờ phụng trang nghiêm nơi bất cứ đạo tràng nào trong thế gian cũng đều chẳng thể sánh bằng sự trang nghiêm này. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có những thứ trang nghiêm hết sức thù thắng, đặc biệt này. Chúng ta có thể nương theo những gì kinh văn đã trần thuật để tưởng tượng y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc. Các thứ biến hóa, hết thảy những chuyện thù thắng, đặc biệt vi diệu có thể biến hiện từ quang minh nơi tay và các chuỗi anh lạc của Bồ Tát. Đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn!

“*Thủ chương tác ngũ bách ức tạp liên hoa sắc*” (Bàn tay có màu sắc của năm trăm ức hoa sen khác loại). Khi quán tưởng, sẽ thuận theo cánh tay để quán tưởng bàn tay của Bồ Tát. Chúng ta thấy bàn tay của chính mình vừa nhỏ vừa đơn điệu, ngoại trừ các đường vân và chỉ tay, chẳng có gì cả! Thế mà bàn tay của Quán Thế Âm Bồ Tát có màu sắc của các loại hoa sen. Do có các loại màu sắc [khác nhau], nên gọi là “*tạp*” (雜). Có tới năm trăm ức màu hoa sen ngàn ấy, có thể suy ra sự trang nghiêm ấy đạt đến mức độ nào! “*Thủ thập chỉ đoan*”: Từ bàn tay xem tiếp xuống nữa, có mười ngón tay. Chót cùng của ngón tay là “*chỉ đoan*” (指端, đầu ngón tay). Có mười đầu ngón tay. “*Nhất nhất chỉ đoan, hữu bát vạn tứ thiên họa*”: Mỗi đầu ngón tay có tới tám vạn bốn ngàn nét vẽ (đường vân), những nét vẽ ấy biểu thị cảnh sắc đẹp nhất. Những nét vẽ ấy có hình dạng như thế nào? Nêu tỷ dụ, “*do như ấn văn*” (giống như nét khắc trên quả ấn). Trong kinh Phật, chữ Ấn (印) bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Chữ Ấn ở đây là “*ấn chương*” (印章, con dấu, ấn tín). Chúng ta sử dụng con dấu, đại đa số là hình vuông, cũng có khi là hình tròn, hoặc hình dạng khác. Tại Ấn Độ, vào thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật có ấn thì nó có hình dạng gì? Trong kinh văn, cũng như trong chú giải của tổ sư cũng chẳng nói rõ rệt. Giải thích đại lược thì cái ấn ấy chẳng phải là thuần túy khắc chữ như những quả ấn của chúng ta trong hiện thời⁵⁴. Trên quả ấn của Trung Hoa có [những chữ khắc] theo lối Triện, Khải Thư, Lệ Thư, nói chung đều là khắc chữ. Vào thuở đó, tại Ấn Độ, ngoài khắc chữ ra, còn có những hình ảnh. Chẳng hạn như khắc con nai, tức hình ảnh con nai, giống như một bức vẽ, đương nhiên là biểu thị một thứ đẹp đẽ. Ấn chương có ý nghĩa thực dụng. Ngoài chuyện thực dụng ra, tỷ dụ những hình ảnh động vật và nét chữ [trên mặt quả ấn] như những nét vẽ. Tám vạn bốn ngàn nét vẽ giống như “*ấn văn*” (印文, các nét khắc trên quả ấn). “*Văn*” không chỉ là văn tự, mà còn biểu thị những động vật và các hình tượng được khắc. “*Nhất nhất họa, hữu bát vạn tứ thiên sắc*” (Mỗi nét vẽ có tám vạn bốn ngàn màu): Từ mỗi nét vẽ, tỏa ra màu sắc nhiều ngàn ấy. “*Nhất nhất sắc, hữu bát vạn tứ thiên*

⁵⁴ Từ lão cư sĩ nói theo cách sử dụng ấn tại Trung Hoa vào thời cổ, chứ ngay các loại ấn của cá nhân hiện thời tại Trung Hoa cũng có nhiều loại hình tròn. Hơn nữa, trong hiện thời, đa số các ấn (con dấu), nhất là của các cơ quan chính phủ tại Hoa Kỳ đều khắc quốc huy, ấn của các trường đại học thường khắc logo biểu trưng cho từng đại học v.v...

quang”: Từ mỗi loại màu, lại tỏa ra tám vạn bốn ngàn “*quang huy*” (光輝), nghĩa là quang minh do các màu sắc phát ra. Có thể thấy là những màu sắc ấy cũng chẳng phải là màu sắc bình phàm. Chúng ta thấy các màu sắc trên thế gian này, chưa chắc là đã có thể phát ra quang minh. Đương nhiên là cũng có những thứ có thể phát quang, nhưng chẳng hoàn toàn. Thế mà ở đây, bất cứ màu sắc nào cũng đều có thể tỏa ra tám vạn bốn ngàn quang minh!

Những quang minh phát ra, “*kỳ quang nhu nhuyễn, phổ chiếu nhất thiết*” (quang minh ấy mềm mại, chiếu khắp hết thảy). Quang minh trong thế gian, khi có độ sáng rất yếu, sẽ chẳng thấy rõ. Nếu tia sáng rất mạnh thì lại nhức mắt. Ví như trong quá khứ, lúc chưa có đèn điện, chỉ dùng đèn hơi đốt (đèn thắp bằng gas), tuy sáng, nhưng đọc sách dưới ánh đèn một lúc lâu, mắt sẽ bị mỏi xôn. Hiện thời, ánh nắng mặt trời hoặc ánh đèn quá mạnh, cũng chẳng tốt cho mắt chúng ta. Thế nhưng, quang minh của Bồ Tát vừa nhu hòa lại vừa dễ chịu, chẳng gây tổn thương cho mắt. Ánh sáng nhu nhuyễn dường ấy có thể chiếu khắp hết thảy, bất cứ nơi đâu cũng đều có thể chiếu thấu, không chỗ nào chẳng chiếu. Vì thế, nói là “*phổ chiếu nhất thiết*” (chiếu khắp hết thảy).

Nói đến đây, chúng ta hãy thuận theo kinh văn để quán tưởng. Đó gọi là “*tùy văn nhập quán*”, [tức là] thuận theo những sự thật đã nói trong kinh văn để quán tưởng. Kinh văn nói: Từ cánh tay của Bồ Tát có thể phát ra quang minh vi diệu nhiều ngàn ấy. Trong quang minh có anh lạc. Anh lạc cũng có thể biến hóa ra đủ mọi sự trang nghiêm. Bàn tay có màu sắc nhiều ngàn ấy, mà đầu ngón tay lại phát xuất các thứ hình vẽ. Những hình vẽ ấy vừa có màu sắc, vừa có quang minh, có thể chiếu khắp hết thảy. Thông thường, chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ Tát ngàn mắt, ngàn tay. Nếu coi tay của Bồ Tát bình phàm giống như tay của chúng ta, [vậy thì] một ngàn cánh tay cũng chẳng thể phát xuất sức mạnh to lớn được. Từ kinh văn ở chỗ này, chúng ta biết: Nơi tay Quán Thế Âm Bồ Tát, từ cánh tay cho đến đầu ngón tay đều có thể hiện ra quang sắc. Có thể suy tưởng để thấy một cánh tay của Quán Thế Âm Bồ Tát phát ra oai lực to lớn ngàn nào! Ví như khi đại địa chấn động, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng cần tiếp xúc, chỉ cần dùng ngón tay khê chỉ đại địa, sẽ có thể khiến cho đại địa an ổn, có thể thấy sức lực ấy quá lớn! Chỉ tưởng tượng tay của Bồ Tát, có thể biết công đức và oai lực to tát của Ngài mà chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Tuy chẳng thể tưởng tượng, sau khi quý

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vị đã biết, đạt được lợi ích cũng là chẳng thể tưởng tượng. Vì sao? Hãy xem phần kinh văn tiếp theo.

“*Dĩ thủ bảo thủ, tiếp dẫn chúng sanh*” (Dùng tay báu ấy, tiếp dẫn chúng sanh). Tay Quán Thế Âm Bồ Tát là tay báu, có ai trong thế gian có thể sánh bằng? Quán Thế Âm Bồ Tát dùng tay báu ấy giúp A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh trong thế gian. Sau khi đã biết điều này, chúng ta bèn có tín tâm. Có rất nhiều người niệm Phật hỏi: “Khi lâm chung, chúng ta sẽ đến thế giới Cực Lạc bằng cách nào?” Kinh văn cũng thường dạy: Khi lâm chung, A Di Đà Phật dẫn Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, và còn có rất nhiều vị Bồ Tát đến tiếp dẫn. Chẳng nghiên cứu kinh văn, sẽ không biết tiếp dẫn bằng cách nào? Chỉ dựa vào cánh tay và ngón tay của Quán Thế Âm Bồ Tát mà đã có sức mạnh to tát ngàn ấy, quang minh vô lượng vô biên chiếu trọn khắp hết thủy, chúng ta mong cầu vãng sanh sẽ là chuyện dễ dàng thực hiện! Nhưng trong lúc thường ngày, tâm chúng ta ắt cần phải có sự nhận thức như vậy, đến khi đó, tâm lý mới có thể an nhiên, mới có thể có tín tâm, mới có thể cảm ứng cùng Phật, Bồ Tát.

“*Cử túc thời, túc hạ hữu thiên bích luân tướng*” (Khi giở chân, dưới lòng bàn chân có tướng bánh xe ngàn cãm). Bồ Tát ngoại trừ có cánh tay thù thắng dường ấy; khi đi, nhấc chân lên, dưới lòng bàn chân có tướng bánh xe ngàn cãm. “*Bích luân*”: “*Luân*” (輪) là bánh xe, phía ngoài tròn xoe, chính giữa có trục. Khoảng giữa từ phía ngoài cho đến trục, có từng cây cãm tõe ra. Những cây cãm ấy gọi là “*bích*” (輻), nối liền trục với vành ngoài. “*Ngàn cãm*” biểu thị số lượng nhiều. Dưới chân Bồ Tát có tướng bánh xe ngàn cãm, bậc đã thành Phật có tướng bánh xe ngàn cãm. Bất cứ vị Phật nào cũng đều có ba mươi hai tướng, tướng bánh xe ngàn cãm là một trong ba mươi hai tướng. Quán Thế Âm Đại Bồ Tát cũng có ba mươi hai tướng! Tướng bánh xe ngàn cãm ấy “*tự nhiên hóa thành ngũ bách ức quang minh đài*”, [nghĩa là] từ luân tướng ấy, tự nhiên biến hóa thành đài quang minh, có bao nhiêu đài? Tổng cộng có năm trăm ức đài quang minh. Hãy ngẫm xem! Dưới mỗi bàn chân của Bồ Tát có tướng bánh xe ngàn cãm, có thể hóa thành năm trăm ức đài quang minh.

Lại nói đến “*hạ túc thời*” (lúc đặt chân xuống). Trong phần trên là nói đến chuyện giở chân. Bồ Tát chẳng giở chân lên, chẳng thấy tướng bánh xe ngàn cãm. Hễ Ngài giở chân lên, tướng bánh xe ngàn cãm hiện ra, và cũng hiện ra đài quang minh. “*Hạ túc*” (下足) là đặt chân xuống.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Khi Ngài đặt chân xuống, “*hữu kim cang ma-ni hoa*”, kim cang là bát hoại, ma-ni là báu Như Ý tốt nhất. Dùng chất báu ấy để hình dung hoa; kim cang ma-ni hoa, trong thế gian chẳng tìm được thứ này. Hoa ấy “*bố tán nhất thiết*” (rải khắp hết thảy), “*bố*” (布, vải) là từng sợi dọc, từng sợi ngang (ngang dọc) dệt thành, [cho nên “*bố*”] có ý nghĩa “*phổ biến*”. “*Tán*” (散) là rải khắp nơi. Chúng ta nói Bồ Thí, cũng là lấy ý nghĩa của sợi dọc và sợi ngang, tức là [ý nghĩa] “*phổ biến*”. Hoa kim cang ma-ni được rải trọn khắp hết thảy. “*Mạc bát di mãn*” (Không đâu chẳng trọn khắp): Chẳng có chỗ nào không trọn khắp. “*Di*” (彌) có nghĩa là “*hết sức phổ biến*”, rắc rải trọn khắp hết thảy các loại hoa kim cang ma-ni. Hãy ngắm xem! Bồ Tát đặt chân xuống bèn có hoa tán rải nhiều ngàn ấy!

Phép Quán này từ [quán tưởng] toàn thân Bồ Tát cho đến đây coi như là một đoạn lớn. Sau khi các vị đã xem xong, hãy dựa theo thứ tự từ chiều cao của thân thể, thân quang, đỉnh đầu cho tới dưới chân Quán Thế Âm Bồ Tát để quán tưởng. Chắc là trong tâm lý của bọn phàm phu chúng ta sẽ hỏi: Trong kinh nói Bồ Tát có quang minh nhiều ngàn ấy, thân thể cao lớn dường ấy, có sao chúng ta đều chẳng trông thấy? Muốn thấy, ắt cần phải chuyên biến phàm tình tục kiến của phàm phu. Cái tâm phàm phu của chúng ta bị thời gian và không gian chướng ngại, [cho nên trở thành] vật vãnh, nhỏ nhen!

Mắt chúng ta chỉ có thể thấy địa cầu to ngàn ấy, bèn ngỡ là địa cầu to lớn khôn cùng! Thật ra, [đem] quả địa cầu này đến chỗ Bồ Tát, ngay cả một vi trần còn chưa bằng! Nay chúng ta đối với chuyện gì cũng đều cảm thấy ghê gớm lắm, chẳng thể giải quyết được! Chính là vì tâm tư của chúng ta vướng vào những chuyện nhỏ nhặt, chẳng đáng nhắc tới trong thế gian, khiến cho tâm lý bị chướng ngại, chẳng thể tiếp xúc những sự trang nghiêm của Bồ Tát. Vì vậy, chẳng thể thân cận công đức trang nghiêm của Bồ Tát. Chúng ta phải mở rộng tâm tư, đừng nên so đo những chuyện thế tục trong thế gian. Chúng ta chẳng so đo chuyện trong thế gian, phải nhắc nhở chính mình: Hễ so đo, sẽ gây trở ngại cho chính mình, tổn hại công sức tu trì của chính mình! Khi cảnh tỉnh chính mình như vậy, tâm lượng sẽ tự nhiên mở rộng, chẳng có bất cứ chuyện gì trong thế gian đáng cho chúng ta phân tâm, đáng cho chúng ta bận lòng! Suy nghĩ như vậy, chỗ nào cũng đều có thể luôn luôn cảm ứng, tiếp xúc công đức trang nghiêm của Bồ Tát.

Chúng ta biết: Trong phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn đã có nói, Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, chúng ta ở trong quang

minh của Ngài, tự nhiên hết thấy bình an vô sự. Chúng ta phải nên liễu giải điều tốt đẹp này!

(Kinh) Kỳ dư thân tướng, chúng hảo cụ túc, như Phật vô dị.

(經)其餘身相，眾好具足，如佛無異。

(Kinh: Những thân tướng, các thứ hảo khác đều trọn đủ, như Phật chẳng khác).

“Kỳ dư thân tướng, chúng hảo cụ túc” (Những thân tướng, các thứ hảo đều trọn đủ). Sau khi đã nói xong thân tướng như trên, những điều khác chẳng đề cập, tức là những [điều thù thắng khác] nơi thân tướng và các thứ hảo của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nói thông thường, đức Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tùy hình hảo. “Hảo” chính là dựa trên tướng để phát triển thành những thứ hình tướng tốt đẹp. “Chúng hảo cụ túc” nghĩa là các thứ tùy hình hảo đều trọn đủ, hoàn toàn đầy đủ. “Như Phật vô dị”: Chẳng khác A Di Đà Phật. Đã hoàn toàn giống như A Di Đà Phật, [thế nhưng] lại còn có chỗ bất đồng nào vậy? Dưới đây, [chánh kinh] bèn nói đến chỗ ngoại lệ.

(Kinh) Duy đỉnh thượng nhục kế, cập vô kiến đỉnh tướng, bất cập Thế Tôn.

(經)唯頂上肉髻，及無見頂相，不及世尊。

(Kinh: Chỉ trừ nhục kế và tướng Vô Kiến Đỉnh chẳng bằng đức Thế Tôn).

“Duy đỉnh thượng nhục kế, cập Vô Kiến Đỉnh tướng”: Chỉ có nhục kế và tướng Vô Kiến Đỉnh trên đỉnh đầu Bồ Tát [là chẳng bằng Phật]. Nhục kế là một trong ba mươi hai tướng ở trên đỉnh đầu đức Phật. Trên đỉnh đầu Quán Thế Âm Bồ Tát cũng giống như vậy, có một khối thịt vun lên, tròn trịa, đỏ tươi, gọi là “nhục kế” (肉髻). Vì sao gọi là nhục kế? Kế (髻) là tóc được bới cao lên [thành búi], thường gọi là “phát kế” (髮髻, búi tóc). Ở đây là “nhục kế”, có hình trạng vun cao lên, giống như búi tóc. Nhục kế là một trong ba mươi hai tướng. Lại từ nhục kế nhìn lên, người bình phàm muốn trông thấy nhục kế của đức Phật hoặc nhục kế của Bồ Tát, càng nhìn ngược lên trên, muốn trông thấy đỉnh, có thấy hay chẳng? Chẳng nhìn thấy, quá cao! Do chẳng thấy đỉnh, nên gọi là Vô

Kiến Đảnh Tướng (無見頂相). Tướng Vô Kiến Đảnh chính là một thứ tùy hình hảo phát xuất từ nhục kế. Từ tướng Vô Kiến Đảnh hiện ra một thứ hảo, cho nên tướng Vô Kiến Đảnh cũng là một thứ hảo. “*Bát cập Thế Tôn*”: Chỉ có hai thứ là nhục kế và tướng Vô Kiến Đảnh chẳng sánh bằng đức Thế Tôn, còn thua kém đức Phật đôi chút.

(Kinh) Thị vi quán Quán Thế Âm Bồ Tát chân thật sắc thân tướng, danh đệ thập Quán.

(經)是為觀觀世音菩薩真實色身相，名第十觀。

(Kinh: Đó là quán tướng tướng sắc thân chân thật của Quán Thế Âm Bồ Tát, gọi là phép Quán thứ mười).

Quán rõ ràng những điều đã nói trong kinh văn, và cũng phân biệt: Chỉ có nhục kế và tướng Vô Kiến Đảnh trên đỉnh đầu là chẳng sánh bằng đức Phật. Những tướng khác đều y hệt. “*Thị vi quán Quán Thế Âm Bồ Tát chân thật sắc thân tướng*”: Phép Quán này là quán Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng chẳng phải là quán những tướng thông thường nơi Bồ Tát mà thôi, mà là quán tướng sắc thân chân thật của Ngài. Thật sự trông thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, “*danh đệ thập Quán*”: Chính là phép quán thứ mười trong Thập Lục Quán Kinh. Từ “*kỳ dư thân tướng*” cho tới “*danh đệ thập Quán*” là một đoạn lớn.

Đoạn dưới đây sẽ cho biết: Tu tập phép Quán này, sẽ có thể đạt được lợi ích như thế nào?

(Kinh) Phật cáo A Nan: “Nhược dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả, đương tác thị quán. Tác thị quán giả, bất ngộ chư họa, tịnh trừ nghiệp chướng, trừ vô số kiếp sanh tử chi tội”.

(經)佛告阿難：若欲觀觀世音菩薩者，當作是觀。作是觀者，不遇諸禍，淨除業障，除無數劫生死之罪。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: “Nếu ai muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát, hãy nên quán như vậy. Người hành phép Quán này chẳng gặp các tai họa, trừ sạch nghiệp chướng, trừ tội trong vô số kiếp sanh tử”).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“Phật cáo A Nan”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan. “*Nhược dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả*” (Nếu ai muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát), “*nhược*” (若) là nếu như, “*dục*” (欲) là mong muốn. Nếu muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Giả*” (者) là nói tới người ấy (người muốn quán Bồ Tát). Người ấy “*đương tác thị quán*” (hãy nên quán như thế): Hãy nên quán tưởng những điều đã nói trên đây theo từng tầng một, quán những điều tốt đẹp nơi thân tướng và các thứ hảo của Ngài. “*Tác thị quán giả*”: Nếu có thể quán như vậy, “*bất ngộ chư họa*” (chẳng gặp các tai họa). “*Chư*” (諸) là hết thảy, “*họa*” (禍) là tai nạn. [“*Bất ngộ chư họa*” là] chẳng gặp gỡ hết thảy các tai nạn. Không chỉ là như thế, lại còn “*tịnh trừ nghiệp chướng*” (trừ sạch nghiệp chướng): Bất cứ người nào trong bọn chúng ta đều có nghiệp chướng. Chẳng có nghiệp chướng, sẽ không sanh vào nhân gian. Chúng ta thường nói nhân gian khổ sở ngàn ấy! [Người có thể] nhận biết nhân gian khổ sở thì rất lỗi lạc, [bởi lẽ], hãy còn biết có khổ! Có những kẻ chẳng biết [nhân gian] có những nỗi khổ, cứ tưởng nhân gian rất tốt đẹp, mê hoặc càng dữ dội hơn nữa! Do vậy, người tu đạo đều biết nhân gian rất khổ. Khổ do đâu mà có? Do có rất nhiều nghiệp chướng mà sanh vào nơi đây để chịu khổ. Đến [thọ sanh trong thế giới này để] chịu khổ mà lại tạo nghiệp, tạo đủ mọi nghiệp quá nhiều! Nhưng nếu thường quán phép Quán này, không chỉ là chẳng gặp phải các thứ tai nạn, lại còn có thể trừ sạch sanh sát cả nghiệp chướng. Ngoài ra, còn “*trừ vô số kiếp sanh tử chi tội*” (trừ tội trong vô số kiếp sanh tử). Sanh sanh tử tử trong lục đạo, chẳng có tội thì làm sao có sanh tử? Có sanh tử là có tội; tạo tội sanh tử to lớn ấy. Chẳng phải là một đời này mới tạo, trước đời này lại còn có đời trước, trước đời trước lại có đời trước đó nữa, truy ngược đến đời trước sẽ là vô số kiếp. Những tội sanh tử đã tạo từ vô số kiếp tới nay đều có thể tiêu trừ.

Ở đây, kinh văn nói rất tóm tắt, đơn giản, chúng ta thêm vào đôi chút sự tưởng tượng của chính mình, hãy nhìn vào thế gian trong hiện thời. Mọi người đừng nghĩ chúng ta sống tốt đẹp lắm, hết thảy đều rất bình an! Thật ra, quán sát sự thật kỹ càng, [sẽ nhận thấy] chớ nên có cách nghĩ như vậy! Mọi người đều biết: Theo tin tức đăng tải trên báo chí hằng ngày, luôn có chẳng ít người bị chết ngang xương! Còn nhớ khi lão ân sư còn tại thế, lúc giảng kinh, Ngài đã từng bảo: “*Tôi chẳng cần phải xem báo chí mà biết chuyện ngày mai. Ngày mai sẽ chẳng thiếu chuyện sát nhân, cướp đoạt, cũng như có đủ thứ tai nạn*”. Lão nhân gia nói quả thật chẳng sai! Chúng ta chỉ cần mỗi ngày xem TV, đọc báo chí,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thật sự là mỗi ngày trên báo chí trong xã hội đều có [đăng tải] những chuyện ấy. Hễ chúng ta nghĩ đến những chuyện, [sẽ nhận ra] hiện thời tai nạn còn nhiều hơn lúc thầy giảng kinh trong quá khứ. Đi du lịch ngoại quốc, du lịch vòng quanh thế giới, đó là chuyện vui thú! Tai nạn máy bay trên không trung, tai nạn xe lửa nơi đất liền, tàu bè trên biển nẩy sanh đại tai nạn v.v... Những chuyện này chẳng liên quan đến chúng ta ư?

Trừ những chuyện ấy ra, lại nói tới nghiệp chướng. Nghiệp chướng là cộng nghiệp, tức là chẳng đi chơi bên ngoài, nhưng vì có bệnh mà phải đi bác sĩ. Đi bác sĩ thì phải tiêm thuốc, hoặc mổ xẻ, mất máu. Trên thế giới hiện thời đang lan truyền căn bệnh AIDS. Bệnh AIDS vốn là chuyện tội ác, là một thứ virus gây bệnh phát xuất từ tà dâm. Nhưng hiện thời, ngay cả kẻ chẳng phạm tội tà dâm, do gặp phải kim chích không được xử lý cẩn thận, hoặc qua đường truyền nhiễm có liên quan đến huyết dịch, cũng sẽ bị lây nhiễm loại virus gây bệnh ấy. Tội nghiệp ấy được gọi là “*cộng nghiệp*”. Quý vị hãy ngẫm xem, cộng nghiệp của người thế gian trong hiện thời, khắp nơi đều là [như vậy]. Chúng ta sanh tồn trong hoàn cảnh này, bất cứ lúc nào cũng đều bị tội nghiệp uy hiếp. Chịu đựng nỗi khổ ấy chỉ là một chuyện trong [vô số tội nghiệp] ấy. Nếu nói tới sự ô nhiễm nơi không khí và nước, cho đến ăn nhầm những thứ ngũ cốc bị nhiễm thuốc sát trùng, hằng ngày tích lũy những tàn dư độc hại trong thân thể của chính mình, tới khi nào sẽ mắc bệnh? Chúng ta có biết hay không? Những điều ấy đều là tai họa và nghiệp chướng.

Nếu chúng ta thường quán Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được từ quang của Quán Thế Âm Bồ Tát gia bị, sẽ chẳng gặp phải các tai nạn, mà nghiệp chướng cũng chẳng dính đến chúng ta. Vì sao quán tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ có công đức to lớn như vậy? Nói tới Quán, ắt phải nhập đại định rất sâu, từ trong Định mới trông thấy. Bọn phàm phu chúng ta tâm ý hời hợt, thô tháp, chẳng thấy những tướng hảo của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu có thể thấy tướng hảo thù thắng của Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ có thể thấy bản tánh của chính mình hiển lộ. Do vậy, có thể trừ tai nạn, nguyên lý ở chỗ này!

(Kinh) Như thử Bồ Tát, dẫn văn kỳ danh, hoạch vô lượng phước, hà hưởng đế quán.

(經)如此菩薩，但聞其名，獲無量福，何況諦觀。

(Kinh: Bậc Bồ Tát như vậy, chỉ nghe danh hiệu Ngài, sẽ đạt được

vô lượng phước, hướng hồ là quán chắc thật).

“*Như thử Bồ Tát, đản văn kỳ danh, hoạch vô lượng phước*”: Đối với bậc Bồ Tát như vậy, chúng ta chỉ cần nghe danh hiệu của Ngài, sẽ có thể đạt được vô lượng phước. Mọi người đều nghe danh hiệu Quán Thế Âm (Avalokitesvara). “*Hà hướng đế quán*” (Hướng hồ quán chắc thật): Nói “*đế quán*” (諦觀) nghĩa là dựa theo những điều kinh văn đã giảng, đối với mỗi một tướng, mỗi thứ hảo, những chuyện biến hóa từ quang minh, đều thấy rõ ràng, rành rẽ, thì gọi là “*đế quán*”. Chỉ nghe danh hiệu Ngài mà có thể đạt được vô lượng phước, hướng hồ “*đế quán*”? Nói cách khác, nếu có thể đế quán, sẽ đạt được phước càng nhiều!

(Kinh) Nhược hữu dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả, tiên quán đảnh thượng nhục kế, thứ quán thiên quan, kỳ dư chúng tướng, diệc thứ đệ quán chi, tất linh minh liễu, như quán chưởng trung. Tác thị quán giả, danh vi Chánh Quán. Nhược tha quán giả, danh vi Tà Quán.

(經)若有欲觀觀世音菩薩者，先觀頂上肉髻，次觀天冠。其餘眾相，亦次第觀之。悉令明了，如觀掌中。作是觀者，名為正觀。若他觀者，名為邪觀。

(Kinh: Nếu có những người muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát, trước hết, hãy quán nhục kế trên đỉnh đầu, kế đó, quán mào trời. Đối với những tướng khác, cũng nên theo thứ tự mà quán, sao cho đều rành rẽ, như nhìn vào bàn tay. Tác quán như vậy thì là Chánh Quán. Nếu quán khác đi, sẽ là Tà Quán).

Đoạn này nêu lên cương lĩnh trọng yếu trong phép Quán. “*Nhược hữu dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả*”, [nghĩa là] nếu có người muốn dùng phương pháp quán tướng để quán Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Tiên quán đảnh thượng nhục kế, thứ quán thiên quan*”: Trước hết là quán nhục kế trên đỉnh đầu Quán Thế Âm Bồ Tát; sau đó, quán mào của Bồ Tát (gọi là “*thiên quan*”). “*Kỳ dư chúng tướng, diệc thứ đệ quán chi*”: Sau khi đã hành hai loại quán ấy, đối với các tướng khác, cũng dựa theo thứ tự đã nói trong kinh văn để quán theo từng tầng một. “*Tất linh minh liễu, như quán chưởng trung*” (Thấy đều rành rẽ, như nhìn vào bàn tay),

đều có thể thấy rõ ràng. “Liễu” (了) là sáng tỏ mười phần triệt để. “*Như quán chưởng trung*”: Đối với các thứ tướng hảo của Quán Thế Âm Bồ Tát, đều có thể thấy rõ như nhìn vào bàn tay của chính mình. Phải liễu giải thứ tự được nói ở đây; tức là như trong phần trên, kinh văn đã nói: Nhục kế trên đỉnh đầu, mào, cổ, cánh tay, bàn tay, đầu ngón tay, cho đến tướng bánh xe ngàn cãm dưới bàn chân, theo thứ tự từ trên cao xuống thấp. Đối với mỗi thứ, đều thấy rõ ràng, rành rẽ; trong tâm sáng tỏ. “*Tác thị quán giả*”: Dựa theo thứ tự ấy để quán, “*danh vi Chánh Quán*”. Đây là quán rất chánh xác. “*Nhược tha quán giả, danh vi Tà Quán*”: Nếu chẳng tuân theo cách Quán ấy, quán theo cách khác, sẽ là chẳng chánh xác, gọi là Tà Quán.

Tại đạo tràng Đài Trung, chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ. Tuy trong các phương pháp Niệm Phật cũng có Quán Tưởng Niệm Phật, nhưng chúng ta học Trì Danh Niệm Phật với thầy, nay học tập quán tưởng, có thể chẳng cần dụng công như vậy, nhưng do hiểu biết ý nghĩa quán tưởng, sẽ đạt được lợi ích hết sức quan trọng. Trong tâm chúng ta, chỉ cần tưởng các thứ công đức trang nghiêm của Quán Thế Âm Bồ Tát. Do Ngài đến giúp A Di Đà Phật hóa độ chúng sanh, bất cứ lúc nào [chúng ta] cũng ở trong vàng đại quang minh của Bồ Tát, nội tâm chẳng có thời khắc nào không yên ổn. Đó là sự bảo đảm về mặt tâm lý. Kế đó, căn cứ theo lời dạy trong kinh văn: Chỉ cần chúng ta nghe danh hiệu Bồ Tát, chẳng quán tưởng, đã đạt được vô lượng phước. Đây là sự thật, lời đức Phật dạy chẳng hề hư giả tí nào, [lời đức Phật dạy] là như thật ngữ. Chắc là cũng có kẻ hỏi: “Vô lượng phước ở chỗ nào?” Chẳng cần hỏi phước ở chỗ nào, lũ chúng ta thường là đang hưởng phước mà chẳng biết! Chúng ta còn đang đi học thì cứ đi học, đã đi làm thì cứ đi làm, buổi tối có thể đến đây nghe kinh này. Nghe kinh xong có thể xem kinh, tự mình nghiên cứu, đó chẳng phải là phước báo thì là gì vậy? Chúng ta thấy những kẻ chẳng học Phật, chẳng có tiền, bèn đau khổ, hễ có tiền bèn tạo nghiệp. Tạo nghiệp gì vậy? Các vị xem tin tức, [sẽ biết] hiện thời có một loại giải trí là “*xiên cá*”, tức là trong ao thả rất nhiều cá, người xiên cá dùng móc sắt đâm tới, đâm lui trong ao cá. Chẳng bắt được cá, mà toàn thân con cá bị xiên chảy máu đầm đìa. Đối đãi tàn khốc với loài động vật sống dưới nước dường ấy, đúng là thê thảm, vô nhân đạo! Đã tạo tội nghiệp ấy, trong tương lai, sẽ kinh khủng lắm. Do vậy, chúng sanh trong hiện thời, kẻ bần cùng đương nhiên là đau khổ. Kẻ có tiền càng tạo tội nghiệp lớn hơn nữa, có phước gì để có thể hưởng? Chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

có thể ở nơi đây học pháp xuất thế này, học kinh văn này, bất cứ phước nào trong thế gian cũng đều chẳng sánh bằng phước của chúng ta. Huống hồ, đối với hết thầy thiên tai, nhân họa, xác thực là chúng ta sẽ chẳng gặp phải. Đây mới là phước báo lớn nhất. Hôm nay, chúng tôi nói đến chỗ này thì ngưng.

Tập 33

Thưa các giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn, trang mười chín, bắt đầu từ hàng thứ sáu. Tôi niệm trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Thứ quán Đại Thế Chí Bồ Tát. Thứ Bồ Tát thân lượng đại tiểu, diệt như Quán Thế Âm. Viên quang diện các bách nhị thập ngũ do-tuần, chiếu nhị bách ngũ thập do-tuần. Cử thân quang minh, chiếu thập phương quốc, tác tử kim sắc. Hữu duyên chúng sanh, giai tất đắc kiến.

(經)次觀大勢至菩薩。此菩薩身量大小，亦如觀世音。圓光面各百二十五由旬，照二百五十由旬。舉身光明，照十方國，作紫金色。有緣眾生，皆悉得見。

(Kinh: Kế đó, quán Đại Thế Chí Bồ Tát. Vị Bồ Tát này thân lượng lớn nhỏ cũng giống như Quán Thế Âm. Viên quang mỗi phía đều là một trăm hai mươi lăm do-tuần, chiếu xa hai trăm năm mươi do-tuần. Quang minh nơi toàn thân chiếu mười phương cõi nước thành màu tử kim. Hữu duyên chúng sanh thấy đều trông thấy).

IV.2.2.12 Phép Quán thứ mười một, Thế Chí Quán

Đây là phép Quán thứ mười một trong Thập Lục Quán Kinh. Phép quán tưởng trong phần trước là quán tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát. Học Tịnh Độ Tông, thờ tượng Phật là tượng Tây Phương Tam Thánh: Chính giữa là A Di Đà Phật; hai bên, một bên là Quán Thế Âm Bồ Tát, bên kia là Đại Thế Chí Bồ Tát. Phép Quán được nghiên cứu trong ngày hôm nay là quán Đại Thế Chí Bồ Tát. Vì vậy, kinh văn vừa mở đầu bèn nói: “*Thứ quán Đại Thế Chí Bồ Tát*”, “*thứ*” (次) là phần tiếp theo sau của phép

quán Quán Thế Âm Bồ Tát trong phần trước. Sau khi đã xem phần kinh văn [giảng về] Quán Thế Âm Bồ Tát, sau khi đã vận dụng công phu ấy, kế tiếp là mong quán tưởng Đại Thế Chí Bồ Tát. Đề quán tưởng Đại Thế Chí Bồ Tát, bèn quán tưởng giống như quán tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát trong phần trước. Trước hết là quán thân lượng của Bồ Tát. Do vậy, kế đó bèn nói: “*Thử Bồ Tát thân lượng đại tiểu, diệc như Quán Thế Âm*”, [nghĩa là xét tới] chiều cao nơi thân Đại Thế Chí Bồ Tát và các phương diện khác, thân lượng lớn nhỏ giống hệt như Quán Thế Âm Bồ Tát.

Có chỗ nào khác biệt hay không? Có chỗ hơi khác. Tiếp đó, kinh văn bèn nói: “*Viên quang*” (圓光) là quang minh phát ra từ cổ. “*Diện các bách nhị thập ngũ do-tuần, chiếu nhị bách ngũ thập do-tuần*”: Đây là chỗ khác với Quán Thế Âm Bồ Tát trong phần trước. Viên quang của Quán Thế Âm Bồ Tát là “*diện các bách thiên do-tuần*”, [tức là] mỗi phía đều chiếu đến trăm ngàn do-tuần, còn viên quang của Đại Thế Chí Bồ Tát, nói theo bốn phía, mỗi phía bèn rộng một trăm hai mươi lăm do-tuần. Đó là chỗ chẳng giống Quán Thế Âm Bồ Tát. Quang minh to ngàn ấy, chiếu bao xa? “*Chiếu nhị bách ngũ thập do-tuần*”: Có năng lực chiếu xa gấp bội. Quang minh của Ngài rộng một trăm hai mươi lăm do-tuần, chiếu ra xa, bèn xa gấp đôi, tức là hai trăm năm mươi do-tuần. Nói gộp hai điều ấy lại, sẽ có chỗ hơi khác viên quang của Quán Thế Âm Bồ Tát. “*Cử thân quang minh, chiếu thập phương quốc, tác tử kim sắc*” (Quang minh nơi toàn thân chiếu mười phương cõi thành màu tử kim). “*Cử thân*” (舉身) là toàn thân. Quang minh nơi toàn thân có thể chiếu đến các quốc độ trong mười phương thế giới, “*chiếu thập phương quốc*”. “*Tác tử kim sắc*”: Chiếu thấu mười phương quốc độ, [khiến các cõi ấy] đều trở thành màu tử kim. Quang minh ấy hễ chiếu đến một cõi Phật nào, cõi Phật ấy đều biến thành màu tử kim, cho nên bảo là “*tác tử kim sắc*”.

Ở đây, chúng ta phải nên nghiên cứu đôi chút. Vị Đại Thế Chí Bồ Tát này và Quán Thế Âm Bồ Tát có địa vị bằng nhau. Vì sao viên quang của Quán Thế Âm Bồ Tát là trăm ngàn do-tuần, mà viên quang của Đại Thế Chí Bồ Tát mỗi phía là một trăm hai mươi lăm do-tuần, lớn nhỏ khác nhau? Các vị tổ sư thời cổ chú giải: Đây là hình tướng thị hiện để hóa độ chúng sanh của Bồ Tát (quang minh cũng là hình tượng) chẳng hoàn toàn giống nhau. Vì sao Ngài hiện ra hình tượng nhỏ hơn đôi chút? Ngài hóa độ chúng sanh có chỗ khác biệt, chẳng thể hoàn toàn nhất trí. Chẳng thể vì vậy mà nói: Do viên quang khác nhau, địa vị của hai vị Bồ Tát chẳng bình đẳng. Chẳng phải vậy! Mỗi vị có phương hướng hóa độ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng sanh [riêng biệt], cho nên biểu lộ thành hiện tượng khác biệt, nhưng địa vị chẳng hề khác biệt!

Quang minh nơi toàn thân Đại Thế Chí Bồ Tát chiếu khắp các cõi nước trong mười phương. Thế giới Sa Bà cũng thuộc trong phạm vi chiếu soi bởi quang minh của Đại Thế Chí Bồ Tát, chúng ta có thấy tử kim sắc hay không? “*Hữu duyên chúng sanh, giai tất đắc kiến*”: Phạm là chúng sanh có duyên với vị Bồ Tát này, đều có thể trông thấy. Tổ sư chú giải: Nói “*hữu duyên*” thì ai là hữu duyên? Ai chẳng có duyên? Ai nấy đều hữu duyên! Đại Thế Chí Bồ Tát tu hành trong một thời gian dài cho đến hiện tại, đều đã kết duyên với bọn chúng sanh chúng ta. Chúng ta đều đã từng nghe danh hiệu Đại Thế Chí Bồ Tát, hoặc thấy tượng Đại Thế Chí Bồ Tát, thậm chí là trông thấy thân ứng hóa của Đại Thế Chí Bồ Tát. Đấy đều là “*hữu duyên*”. “*Duyên*” là nói đối với chúng sanh: Chúng ta có một phần duyên chúng tỏ chúng ta có thiện căn. Vì vậy, chúng ta đều có duyên cùng vị Bồ Tát này. Chúng sanh đều có thiện căn, bất quá duyên có sâu hay cạn sai khác, chỉ phân biệt thiện căn chín muồi hay chưa mà thôi! Nói theo thời đại này, chẳng thể nói: “Người học Phật, người học Tịnh Độ Tông sẽ có duyên với Đại Thế Chí Bồ Tát. Kẻ chẳng học Phật, chẳng học Tịnh Độ Tông bèn chẳng có duyên với Đại Thế Chí Bồ Tát”. Chúng ta chẳng biết rõ! Nếu nhìn sự thật với tầm nhìn xa, sẽ [thấy ai nấy] đều là có duyên, bất quá thiện căn của họ đã chín muồi hay chưa? Kẻ chẳng học Phật thiện căn còn chưa chín muồi, so với họ, coi như là thiện căn của chúng ta đã chín muồi, [cho nên] có thể thấy Đại Thế Chí Bồ Tát.

Chúng ta đều có duyên với Đại Thế Chí Bồ Tát, chúng ta đều có thể thấy Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong đạo tràng, chúng ta thấy tượng Tam Thánh. Kinh văn nói “*tử kim sắc*”, trên thực tế, chúng ta chẳng thấy tử kim sắc. Kinh văn dạy về quán tưởng, chúng ta trì danh niệm Phật, đương nhiên là chẳng sử dụng công phu quán tưởng. Tuy chẳng dùng công phu quán tưởng, nhưng rất nhiều vị thiện tri thức đều dạy chúng ta phải “*tùy văn nhập quán*”. Chữ Quán ở đây chẳng phải là Quán trong “*chuyên môn quán tưởng*”, mà có nghĩa là: Chúng ta học kinh văn, đối với những ý nghĩa đã nói trong kinh văn, hãy vận dụng cái tâm, vận dụng sức tưởng tượng để tưởng quang minh của Bồ Tát [khiến cho những nơi được chiếu đến] đều là màu tử kim, thì coi như là đã trông thấy. Thường ngày, ngoại trừ công phu chánh yếu là trì danh niệm Phật ra, chúng ta còn dùng rất nhiều trợ công phu, “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Ngoài ra, đối với những đạo lý được dạy trong

kinh văn, [những đạo lý ấy] quy hướng trì danh niệm Phật, sẽ trợ giúp cho việc trì danh niệm Phật. Vì sao? Chúng ta tưởng hình tượng của Tam Thánh: Các thứ trang nghiêm của A Di Đà Phật, các thứ trang nghiêm nơi quang minh của Quán Thế Âm Bồ Tát, tử kim sắc của Đại Thế Chí Bồ Tát, lúc tâm chúng ta không niệm Phật, hãy tưởng những điều ấy, khiến cho cái tâm (ý niệm) được gom về đó, sẽ là cảnh giới gì? Trong mười pháp giới, cao nhất là Phật pháp giới, kế đó là đại Bồ Tát. Hai vị Bồ Tát này đều đã đạt tới địa vị Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng sai khác với địa vị Phật cho mấy. Chúng ta tâm niệm niệm, ngoài trì danh niệm Phật ra, tâm hoàn toàn đặt vào những điều này, tưởng thân tướng trang nghiêm của Bồ Tát. Tu trì như vậy thì cảnh giới của chúng ta có thể đạt đến mức độ nào? Tự nhiên sẽ là “*tịnh niệm nói tiếp*”. Chúng ta tụng niệm công khóa sáng tối có thời gian nhất định, nhưng thời gian [tụng niệm] chẳng thể rất dài. Tham gia Phật Thất thì cũng chỉ là khi đã Phật Thất mới niệm Phật. Ngoài công khóa sáng tối ra, lúc chẳng đã Phật Thất, những thời gian khác thì làm như thế nào? Nếu như chúng ta thời thời khắc khắc tâm niệm niệm, hề có thời gian, tâm niệm bèn đặt ngay nơi đây, sẽ là “*tịnh niệm tiếp nói*”.

Chúng ta thật sự là như vậy, khi không niệm Phật, hề có lúc rảnh rỗi, trong tâm bèn nghĩ đến tử kim sắc của bậc đại Bồ Tát. Thường nói là “*người học Phật phải thân cận thiện tri thức*”; hiện thời, thân cận thiện tri thức chẳng dễ dàng, ai là bậc thiện tri thức? Nếu tâm niệm đặt trong quang minh của đại Bồ Tát, vị thiện tri thức nào có thể sánh bằng hai vị đại Bồ Tát này? Vạn pháp duy tâm! Chỉ cần tâm lý đặt ở nơi đây, tâm lý chúng ta và cảnh giới ấy sẽ nhất trí. Vì thế, sẽ là “*giai tất đắc kiến*” (thầy đều được thấy). Sau khi thầy đều được thấy, sẽ có những lợi ích gì?

(Kinh) Đản kiến thử Bồ Tát nhất mao khổng quang, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật tịnh diệu quang minh. Thị cố hiệu thử Bồ Tát danh Vô Biên Quang.

(經)但見此菩薩一毛孔光，即見十方無量諸佛淨妙光明。是故號此菩薩名無邊光。

(Kinh: Chỉ thấy quang minh nơi một lỗ chân lông của vị Bồ Tát này, bèn thấy quang minh tịnh diệu của mười phương vô lượng chư Phật. Vì thế, vị Bồ Tát này có hiệu là Vô Biên Quang).

“Đản kiến thử Bồ Tát nhất mao không quang, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật tịnh diệu quang minh” (Chỉ thấy quang minh nơi một lỗ chân lông của vị Bồ Tát này, bèn thấy quang minh tịnh diệu của mười phương vô lượng chư Phật). “Đản kiến” (但見) là chỉ cần trông thấy. Đối với quang minh nơi toàn thân Đại Thế Chí Bồ Tát (quang minh nơi toàn thân Ngài có thể chiếu thấu suốt các cõi nước trong mười phương), tuy chúng ta chẳng thể thấy hoàn toàn, nhưng nói theo mức độ ít nhất, ít đến cỡ nào? Ít nhất là quang minh nơi một lỗ chân lông. Một lỗ chân lông hết sức nhỏ nhiệm. Chỉ cần chúng ta có thể thấy một tia sáng phát ra từ một lỗ chân lông là đã tuyệt diệu lắm rồi! Chúng ta có thể nhờ vào quang minh từ một lỗ chân lông, trông thấy quang minh tịnh diệu của vô lượng vô số chư Phật trong mười phương thế giới. Lợi ích ấy đơn giản là chẳng có cách nào tính đếm được, lợi ích quá to lớn! Vì sao thấy quang minh nơi một lỗ chân lông của Đại Thế Chí Bồ Tát bèn có thể thấy quang minh tịnh diệu của vô lượng chư Phật trong mười phương? Chúng ta xem trước hai chữ “tịnh diệu”. Nói “tịnh” (淨) nghĩa là các thứ Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng che lấp bản tánh thấy đều bị trừ sạch, đã thanh tịnh. “Diệu” (妙) là nói tới bản tánh, là Tánh Đức. “Tịnh” là nói về Tu Đức. Bọn phàm phu chúng ta có quá nhiều phiền não, bất tịnh, nương theo Phật pháp để tu từng bước một, đoạn trừ hết sạch tất cả Hoặc (phiền não). Đó là Tu Đức. Sau khi đã tịnh, “diệu” bèn tỏ lộ. “Diệu” là cái vốn sẵn có, cho nên gọi là Tánh Đức. Nói gọi lại, hai chữ “tịnh diệu” là do chư Phật đều đã trải qua bao nhiêu kiếp số tu thành tựu, hoàn toàn hiển lộ Tánh Đức vốn sẵn có. Quang minh ấy chính là quang minh của Phật, nên gọi là “tịnh diệu quang minh”. Quang minh ấy chính là một loại tác dụng, tác dụng của nó phát xuất từ nơi đâu? Từ trong bản tánh mà ra. Chúng ta phải liễu giải: Chư Phật thành Phật đều từ trong bản tánh mà phát ra quang minh tịnh diệu.

Vừa mới hỏi: “Vì sao thấy quang minh nơi một lỗ chân lông của Đại Thế Chí Bồ Tát, bèn có thể thấy quang minh tịnh diệu của mười phương vô lượng chư Phật?” Thật ra, quang minh là từ bản tánh (bản thể) phát ra tác dụng. Bản thể là Pháp Thân, Pháp Thân không đâu chẳng tồn tại. Đó là một nguyên nhân. Lại nói, Pháp Thân của chư Phật có khác nhau hay không? Pháp Thân của chư Phật hoàn toàn như nhau! Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dạy: “Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân). Nói “mười phương” tức là mười phương thế giới, “ba đời” là nói tới

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

quá khứ Phật (đã thành Phật trong quá khứ), hiện tại Phật (Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật), vị lai Phật (Di Lạc Bồ Tát). Nói càng rộng rãi hơn, hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai. Bất luận đến khi nào trong tương lai, rốt cuộc, sẽ đều thành Phật. Tất cả chúng sanh phàm phu đều là vị lai Phật. Đã là như vậy, sẽ có cùng chung một Pháp Thân. Pháp Thân vốn sẵn có là “cùng chung”, nhưng nay chúng ta chẳng thấy Pháp Thân của chính mình; vì sao? Do bị tri kiến phàm phu (phiền não) của chính mình chướng ngại; do vậy, chẳng trông thấy. Nay nhờ vào một tia ánh sáng của Đại Thế Chí Bồ Tát, lúc chúng ta dụng công, tâm đặt nơi quang minh của Đại Thế Chí Bồ Tát, nương vào quang minh của Ngài, khiến cho quang minh nơi bản tánh của chúng ta phát lộ. Hễ phát lộ, sẽ thấy quang minh của mười phương vô lượng chư Phật. Nguyên lý là như thế đó.

Đã nhờ vào quang minh nơi một lỗ chân lông của Bồ Tát, trông thấy quang minh của chư Phật nhiều ngàn ấy, tự nhiên cũng thấy quang minh của A Di Đà Phật. Chúng ta đều ở trong quang minh của Phật, thời khắc nào cũng đều thấy quang minh. Hết thấy các khổ não trong thế gian này, hết thấy những chuyện chẳng vừa ý, sẽ tồn tại ở nơi đâu? Tự nhiên hóa thành chẳng còn nữa! Tâm chúng ta ở ngay trong một bầu quang minh ấy, ai có thể đạt được sự thọ dụng ấy? Vì thế, khi chúng ta học Tịnh Độ Tông, hãy nên suy nghiệm kỹ càng chỗ này. Mỗi khi dấy khởi một câu danh hiệu, câu danh hiệu ấy đều có thể tổng trì tất cả quang minh, tất cả cảnh giới, chúng ta niệm Phật như vậy, sẽ có sức mạnh to cỡ nào? Có phiền não nào mà chẳng thể đè nén cho được?

“*Thị cố hiệu thứ Bồ Tát danh Vô Biên Quang*” (Do vậy, Bồ Tát này có hiệu là Vô Biên Quang). Thông thường, chúng ta chỉ biết danh hiệu của vị Bồ Tát này là Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahāsthāmaprāpta). Nhưng trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy: Do vị Bồ Tát này có quang minh như vậy, có thể khiến cho chúng sanh trông thấy quang minh bèn phát sanh tác dụng to lớn như thế. Vì lẽ ấy, vị Bồ Tát này còn có danh hiệu là Vô Biên Quang Bồ Tát. Vô Biên là vô lượng vô biên. “*Vô biên*” nghĩa là quang minh chẳng có ngần mé, chẳng có giới hạn; có thể tưởng tượng quang minh ấy chiếu rất xa rộng! Ngoài danh hiệu Vô Biên Quang ra, một danh hiệu khác mà chúng ta quen thuộc là Đại Thế Chí Bồ Tát. Vì sao có tên là Đại Thế Chí Bồ Tát? Dưới đây bèn giải thích:

(Kinh) Dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết, linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực. Thị cố hiệu thử Bồ Tát danh Đại Thế Chí.

(經)以智慧光，普照一切，令離三途，得無上力。是故號此菩薩名大勢至。

(Kinh: Do dùng quang minh trí huệ chiếu trọn khắp hết thảy, khiến lìa tam đồ, đạt được vô thượng lực. Do vậy, vị Bồ Tát này được gọi là Đại Thế Chí).

“Dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết” (Dùng ánh sáng trí huệ chiếu khắp hết thảy): Nói theo ý nghĩa của danh hiệu Đại Thế Chí, vị Bồ Tát này dùng trí huệ quang của Ngài. Trí huệ quang là gì? “Trí huệ quang” là từ bản thể (Pháp Thân) phát ra tác dụng, phát ra quang minh, cho nên có quang minh đại trí huệ. Quang minh ấy chiếu khắp hết thảy, cũng là chiếu khắp mười phương thế giới, chẳng có chỗ nào không chiếu tới. Quang minh trí huệ ấy chiếu khắp hết thảy, có công đức gì? Có tác dụng gì? “Linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực” (Khiến lìa tam đồ, đắc vô thượng lực). Phạm là chỗ nào quang minh chiếu tới, những chúng sanh trông thấy quang minh đều được lìa khỏi tam đồ. Tam đồ là chỗ khổ nhất trong lục đạo. Mọi người đều biết: Khổ nhất là địa ngục, đỡ khổ hơn địa ngục đôi chút là ngạ quỷ đạo!

Lại nhẹ hơn chút nữa là súc sanh đạo. Chúng sanh trong tam đồ (súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục) đều hết sức thống khổ. Đã thế, hễ đọa trong tam đồ, tới khi nào mới thoát ra? Lâu xa chẳng có kỳ hạn! Dầu thọ mạng trong súc sanh đạo rất ngắn, súc sanh nuôi trong nhà, dã thú trong chốn núi sâu rừng thẳm, các loài động vật dưới nước, dường như sanh mạng chẳng dài, nhưng sau khi đã chết, có thể giải thoát hay không? Không nhất định! Rất nhiều súc sanh, sau khi đời này đã chết đi, lại chuyển sanh vẫn ở trong loài súc sanh. Mọi người nghiên cứu kinh điển đều biết: Tại Ấn Độ, vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, có câu chuyện “đã trải qua thời gian bảy đức Phật [xuất thế] mà vẫn chẳng thoát khỏi thân kiến”. Kiến có thọ mạng chẳng dài, nhưng kiến chết rồi, vẫn sanh làm kiến. Bảy vị Phật đã xuất hiện trong thế gian, mà những con kiến ấy vẫn chưa thoát ly [thân kiến]. Có thể suy ra để biết: Hễ đọa lạc tam đồ, sẽ đau khổ như thế đó! Khi nào sẽ có thể thoát ra? Chúng sanh chịu khổ trong tam đồ, được quang minh của Bồ Tát vừa chiếu đến, sẽ có thể thoát khỏi khổ báo trong tam đồ!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Nay chúng ta đang ở trong nhân đạo, nhưng chúng ta nhìn vào chúng sanh trong loài người. Trong hiện thời, chúng sanh thuộc loài người đang gây tạo tội nghiệp: Sát hại động vật, con người tàn sát lẫn nhau, tạo đủ mọi nghiệp, bất cứ chuyện gì cũng đều đủ để đọa nhập tam đồ! Trong xã hội, kẻ bình phạm tranh danh đoạt lợi với người khác, vì những thứ hư giả như tài, sắc, danh, lợi. Họ chẳng hiểu rõ, cứ ngỡ những thứ ấy rất quý báu, chỗ nào cũng đều tranh đoạt với kẻ khác. Hễ tranh đoạt, bèn tổn hại người khác. Tổn hại người khác đến cùng tột, sẽ sát hại chúng sanh (bao gồm động vật và nhân loại). Ví như trong hiện thời, những kẻ có tiền, hễ rảnh rỗi bèn đến chỗ câu cá để xiên cá. Họ chẳng câu cá, mà là xiên cá. Đây toàn là tội nghiệp đọa nhập tam đồ, lại còn coi đó là một thú vui giải trí. Hiện thời, nhìn bề ngoài, mọi người kinh tế đều khấm khá, cơm, áo, ăn ở đều rất tốt đẹp. Kẻ học đạo biết dụng công, sẽ có thể biến của cải thành sự nghiệp công đức. Kẻ chẳng học Phật, cậy vào tiền tài để tạo tội nghiệp, não hại chúng sanh. Sau khi đã tạo tội nghiệp, sẽ đọa lạc tam đồ. Nghĩ đến đây, chúng sanh thuộc loài người trong nhân gian hết sức nguy hiểm! Chẳng có ngày nào không tạo ác nghiệp tam đồ. Do sự suy tưởng như vậy, chúng ta đến đạo tràng ngắm tượng Tam Thánh, từ kinh văn biết vị Bồ Tát này có quang minh như vậy. Chúng ta vừa được quang minh chiếu đến, tâm lý lập tức chuyển biến, được quang minh gia bị, biết nhân gian hiểm ác đường ấy, chúng ta sẽ không chịu, chẳng bằng lòng [tiếp tục tái sanh trong lục đạo], mà cũng chẳng dám tạo ác nghiệp, lìa khỏi tam đồ, chẳng có phần nơi tam đồ!

Chúng ta học Phật, học hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát đạo là từ bi, từ bi là “*bạt khổ, dũ lạc*”, “*bạt khổ*” (拔苦) là dẹp trừ những nỗi đau khổ của chúng sanh. Giống như nơi thân chúng sanh có độc, phải trừ khử độc khí. Đối với hết thảy những nỗi đau khổ của chúng sanh, Bồ Tát có thể thay họ dẹp trừ, khiến cho họ lìa tam đồ. Nỗi đau khổ trong tam đồ sâu đậm nhất. Quang minh của Bồ Tát có thể khiến cho chúng sanh lìa khỏi khổ báo tam đồ. “*Dũ lạc*” (與樂) là làm cho chúng sanh được vui sướng, được niềm sung sướng gì vậy? “*Đắc vô thượng lực*”. Vô thượng lực là Phật lực, “*lực*” là sức mạnh trí huệ. Đã thành Phật, Phật được gọi là Vô Thượng Sư, chí cao vô thượng, chẳng có ai cao hơn Phật. Vì thế, Phật được gọi là Vô Thượng. “*Vô thượng lực*” là trí lực của Phật. Có thể đạt được Phật lực thì sẽ tốt đẹp lắm! Vui sướng đến mức độ nào?

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật có mười loại trí lực, vô thượng lực. Nói cách khác, sẽ là có mười lực, bất cứ vị Phật nào cũng đều có mười loại sức mạnh to lớn. Chẳng có thời gian để nói trọn vẹn mười loại sức mạnh to lớn, tôi chỉ giới thiệu mấy loại dễ hiểu hòng mọi người biết niềm vui này. Tuyệt đối chẳng phải là vui sướng theo cách hiểu thông thường của người đời. Kẻ bình phàm thường nghĩ tới những điều vui sướng trong thế gian. Trên thực tế, [trong thế gian] chẳng có chuyện gì đáng coi là vui! Khi chúng sanh phàm phu hưởng lạc, chính là lúc tạo nghiệp, làm sao có thể gọi là “lạc” cho được? Lạc thật sự là đắc vô thượng lực; đó là đại lạc, là lạc rốt ráo. Lạc nếu tách ra để nói, nay tôi giới thiệu mấy loại để giúp chúng ta cầu đạo. Hiện thời, có rất nhiều người học Phật, quý vị hỏi họ: “Vì sao học Phật? Vì sao học pháp môn Niệm Phật của Tịnh Độ Tông?” Họ chẳng đáp được. Chỉ có học Phật thì mới có thể đạt được lạc thật sự. Chỉ có học pháp môn Niệm Phật của Tịnh Độ Tông thì mới có thể nhanh chóng đạt được niềm vui này!

Trong mười loại lực của Phật, loại thứ nhất là trí huệ lực, ai trong chúng ta cũng đều chẳng thể làm được. Ví như chúng ta thấy các thứ sự vật trong thế gian, chẳng hỏi đến thì thôi; hễ hỏi đến, mỗi sự kiện đều có đạo lý tồn tại của riêng nó. Những chuyện đã làm giữa người và người với nhau cũng đều có đạo lý riêng. Có những sự vật phù hợp đạo lý, có những sự vật chẳng hợp đạo lý; chúng ta chẳng nhìn ra điều này! Chúng ta thấy trong thiên nhiên, gió thổi, mưa rơi, hoặc địa cầu chấn động, chúng ta có hiểu ý nghĩa là gì hay không? Là đạo lý gì? Dẫu là các nhà khoa học, cũng chưa chắc đã tìm ra câu trả lời, nhưng đức Phật biết. Đức Phật biết hết thấy các hiện tượng phát sanh là do đạo lý nào, những gì chẳng hợp lý sau đó sẽ phát sanh hậu quả [như thế nào], đức Phật đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Ai trong chúng ta có thể thấy được? Không chỉ là chẳng thấy, mà cũng chẳng liễu giải. Đức Phật nói pháp xuất thế gian, Khổng phu tử nói pháp thế gian. Trong hiện thời, ai có thể vừa nghe lời đức Phật dạy bèn có thể lãnh ngộ? Ai vừa nghe lời Khổng phu tử dạy bèn có thể tin tưởng? Hiện thời, có thể nói là “chẳng có ai cả!” Trải qua bao nhiêu phen nghiên cứu, vẫn chẳng thể nghiên cứu rõ ràng, tự mình ngộ càng khó khăn hơn nữa! Do vậy, chúng ta đừng tưởng chính mình rất cao minh, chúng ta đều là phàm phu. Trong cõi đời, những bậc đại học vấn đọc rất nhiều sách vở thế gian, nhưng so sánh trí huệ của họ với đức Phật, [trí huệ của] đức Phật giống như toàn thể đại địa, những gì mà bậc đại học vấn trong thế gian biết được bất quá còn chưa bằng một vi trần! Thua xa!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lại nói tới một loại trí lực [khác nữa] của đức Phật. Đức Phật có thể biết hết thấy chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai đã tạo nghiệp gì, sẽ hứng chịu quả báo gì? Ai biết những điều ấy? Đừng nói là chúng ta chẳng biết hết thấy chúng sanh, mà đối với chính mình, chúng ta cũng chẳng biết chính mình đã từng làm những chuyện gì! Làm sao biết nỗi trạng huống trong hiện tại? Vị lai như thế nào? Trong tương lai, khi thọ mạng kết thúc, đời sau sẽ ở trong hoàn cảnh như thế nào? Ai lại có thể biết được? Dầu học vấn tốt đẹp đến mấy đi nữa, ngay cả chuyện này cũng đều không biết, còn coi là học vấn tốt đẹp nỗi gì? Chớ nên mạo nhận! Đức Phật biết hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới từ vô cùng vô tận trong quá khứ cho tới nay đã tạo những nghiệp gì, nay tạo nghiệp gì, vị lai sẽ tạo nghiệp gì, do tạo nghiệp nào sẽ đắc quả báo nào, đức Phật đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Ai trong chúng ta có thể có loại trí lực ấy? Đức Phật có trí lực; vì vậy, Ngài thấy chúng sanh khổ não bèn sanh lòng đại từ bi, thấy hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới đều đang khởi Hoặc, tạo nghiệp, thọ báo (Hoặc, Nghiệp, Khổ luân hồi), đức Phật mong vì chúng sanh giải quyết khổ não, luôn luôn hóa độ chúng sanh. Đại Thế Chí Bồ Tát đã đạt tới địa vị Đẳng Giác, giống như Phật, Ngài thời thời khắc khắc dùng quang minh gia bị chúng sanh. Chỉ cần chúng sanh trong tâm tưởng Bồ Tát, tiếp nhận quang minh của Bồ Tát gia bị, trí huệ của chúng ta sẽ dần dần mở mang. Trước hết, chúng ta tin tưởng sâu sa Thánh Ngôn Lượng, tức là tin sâu nhân quả, như vậy thì sẽ có thể đạt được một phần trí lực. Do vậy, chúng ta học Phật, điều quan trọng nhất chính là: Ất phải tin sâu nhân quả! Kẻ chẳng tin nhân quả, dầu niệm nguyện như Tam Tạng mười hai bộ kinh, vẫn chẳng được!

Lại có một loại trí huệ lực của Phật nữa, chính là đức Phật biết các thứ công phu Thiên Định. Chúng ta đã nghe nói tới Thiên Định (tam-muội). Hiện thời rất nhiều người học Thiên, nói tới công phu Thiên Định. Thiên Định là gì? Thiên Định có Thiên Định thế gian, có Thiên Định xuất thế gian. Có rất nhiều loại Thiên Định thế gian, có những hiện tượng gì? Phải vận dụng công phu như thế nào? Thiên Định xuất thế gian cũng có đủ mọi tình huống, hiện thời ai biết? Đức Phật đều biết! Vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, tại Ấn Độ, có rất nhiều ngoại đạo, công phu rất giỏi, công phu Thiên Định thế gian rất sâu, công phu rất sâu. Thích Ca Mâu Ni Phật vừa nhìn bèn biết là Thiên Định loại nào? Trong hiện tại, ai trong chúng ta có thể phân định rõ ràng Thiên Định thuộc loại nào? Nếu chẳng phân định rành rẽ, hãy thật thà niệm một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Đặc nhất tâm bất loạn chính là đại Thiên Định, là Thiên

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Định xuất thế gian. Thiền Định bằng cách niệm một câu Phật hiệu, chẳng nhất định phải là khoanh chân tĩnh tọa, đó là công phu cơ bản. Tĩnh tọa thì chưa chắc đã tĩnh tọa được, nhưng niệm Phật thì có thể niệm bất cứ lúc nào, không lúc nào, không chỗ nào chẳng thể niệm. Niệm đến mức nhất tâm bất loạn chính là Thiền Định. Chuyện này hết sức dễ dàng, lại còn hết sức ôn hòa, thích đáng. Học các loại Thiền Định khác, nếu học không nên thân, nông cạn nhất sẽ là thân thể bị tổn hại (do dụng công chẳng đúng pháp, thân thể bị tổn hại). Nếu như thân thể điều dưỡng tốt đẹp, đạt được cảnh giới nhỏ nhỏ, cứ ngỡ là ghê gớm lắm rồi! Đã đắc đạo rồi! Thật ra, nói theo Thiền Định thế gian, công phu vẫn là rất thô thiển! Cứ ngỡ đã đắc đạo, chẳng cầu tiến bộ, tâm ngạo mạn tăng trưởng, toàn thể trái nghịch đạo, sẽ bị họa hại lớn nhất. Tô sư thường nói: “*Vị đắc vị đắc*” (未得謂得, chưa đắc mà bảo là đã đắc), nghĩa là: Chưa đạt được chân pháp, mà cứ tưởng đã đạt được chân pháp, chuốc lấy tội lỗi to lớn! Vì thế, bọn phàm phu bình phàm như chúng ta nếu mong học Thiền, chẳng thật sự gặp thiện tri thức chỉ dạy, cứ chính mình tu mù luyện đui, mười phần nguy hiểm! Nay chúng ta chẳng gặp Phật, nhưng lời dạy của đức Phật hãy còn. Chúng ta tin tưởng lời dạy của Thích Ca Mâu Ni và A Di Đà Phật, tin tưởng quang minh của Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát đang gia bị, hãy sốt sắng niệm Phật! Chỉ cần chịu niệm Phật, thậm chí chẳng hiểu Thiền Định chi hết, vẫn chẳng sao cả, cũng sẽ đạt được Thiền Định cao nhất!

Đức Phật hãy còn có rất nhiều sức mạnh khác. Chẳng hạn như đức Phật biết tri kiến và năng lực lý giải của hết thầy chúng sanh. Nay bảo chúng ta hãy nói kiến giải của người nào đó, trong tâm người ấy nghĩ gì, chúng ta có biết hay không? Tuyệt đối là chẳng biết! Ngay cả ý niệm của chính mình mà bản thân chúng ta còn chẳng nhận ra, huống hồ là của người khác? Do Phật lực, Ngài sẽ biết kiến giải của hết thầy chúng sanh. Chúng sanh có thể lý giải tới mức độ nào, đức Phật đều biết. Biết điều này thì có tác dụng gì? Khi đức Phật hóa độ chúng sanh, có thể dựa theo mức độ lý giải của chúng sanh để ban cho họ pháp nào (rất phù hợp với trình độ của chúng sanh). Đó là sức mạnh to lớn tuyệt diệu! Những sức mạnh ấy, Đại Thế Chí Bồ Tát đều đã trọn đủ. Ngài có thể vận dụng ánh sáng trí huệ của chính mình để ban cho chúng sanh hữu duyên, khiến cho họ đạt được tác dụng của sức mạnh ấy. Đạt được tác dụng ấy, có thể suy ra mà biết niềm vui ấy. Có niềm sung sướng nào trong thế gian có thể sánh bằng? Do vậy, “*linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực*” (khiến cho

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

lìa tam đồ, đắc vô thượng lực) chính là “*bạt khổ dữ lạc*” (đẹp khổ, ban vui). Vì Đại Thế Chí Bồ Tát có sức “*bạt khổ dữ lạc*” mạnh mẽ; “*thị cố hiệu thứ Bồ Tát danh Đại Thế Chí*” (vì thế, vị Bồ Tát này được gọi là Đại Thế Chí), “*Thế*” (勢) là đại thế lực, “*Chí*” (至) là đã đạt tới chỗ cùng cực. Đây là nguồn gốc của danh hiệu Ngài.

Đoạn kinh văn này chính là đoạn lớn thứ nhất trong pháp môn quán tưởng thuộc phép Quán thứ mười một. Đoạn lớn thứ nhất gồm có ba tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là từ “*thứ quán Đại Thế Chí*” (kể tiếp, quán Đại Thế Chí) cho đến “*hữu duyên chúng sanh giai tất đắc kiến*” (chúng sanh hữu duyên thấy đều được thấy), đây là nói tóm tắt. Tiểu đoạn thứ hai là từ “*đản kiến thứ Bồ Tát nhất mao khổng quang*” (chỉ thấy quang minh nơi một lông chân lông của vị Bồ Tát ấy) cho đến “*danh Vô Biên Quang*” (gọi là Vô Biên Quang), nêu ra một danh hiệu khác của Bồ Tát. Tiểu đoạn thứ ba là từ “*dĩ trí huệ quang*” (dùng ánh sáng trí huệ) cho đến “*danh Đại Thế Chí*” (gọi là Đại Thế Chí). Ba tiểu đoạn ấy hợp thành một đại đoạn. Hôm nay, tôi nói tới đây thì ngưng!

Tập 34

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang mười chín, xem hàng cuối cùng, bắt đầu từ hai câu cuối cùng. Tôi niệm trước một đoạn kinh văn:

(Kinh) Thứ Bồ Tát thiên quan, hữu ngũ bách bảo hoa. Nhất nhất bảo hoa, hữu ngũ bách bảo đài. Nhất nhất đài trung, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ quảng trường chi tướng, giai w trung hiện.

(經)此菩薩天冠，有五百寶華。一一寶華，有五百寶臺。一一臺中，十方諸佛淨妙國土廣長之相，皆於中現。

(Kinh: Mào trời của vị Bồ Tát này có năm trăm bảo hoa. Mỗi một bảo hoa có năm trăm bảo đài. Trong mỗi đài, thấy đều hiện tướng cõi nước tịnh diệu rộng lớn của mười phương chư Phật).

Hôm nay, [chúng ta] bắt đầu từ chỗ này, tiếp tục phép Quán thứ mười một đã giảng trong lần trước. Phép Quán này là quán tưởng Đại Thế Chí Bồ Tát. Trước phép Quán này là quán Quán Thế Âm Bồ Tát.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Hai vị Bồ Tát này được quán nối tiếp ngay sau khi quán A Di Đà Phật. Chúng ta biết: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, các vị đại Bồ Tát rất đông! Những vị đạt đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể kể xiết; hai vị này là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Vì sao đặc biệt là sau khi [quán tưởng] A Di Đà Phật, lại nói tới hai vị Bồ Tát này? Hai vị Bồ Tát này [hầu cận] hai bên A Di Đà Phật, giúp A Di Đà Phật hồng hóa, thường xuyên theo A Di Đà Phật. Ngoài ra, sau khi thời đại hồng hóa của A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới [viên mãn], vị kế tục chính là Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ thành Phật ở nơi đó. Sau khi pháp vận của Quán Thế Âm Bồ Tát kết thúc, sẽ là Đại Thế Chí Bồ Tát kế tục thành Phật trong cõi ấy. Do mối quan hệ này, cho nên trong Quán Kinh, sau khi quán A Di Đà Phật, kế tiếp sẽ là quán Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát.

Trong lần trước, tôi đã nói về cội nguồn của danh hiệu Đại Thế Chí Bồ Tát. Vì sao Ngài có hiệu là Đại Thế Chí và Vô Biên Quang? Phải chú ý đặc điểm trong danh hiệu Vô Biên Quang Bồ Tát: Chỉ cần tưởng thấy Bồ Tát, có thể thấy quang minh nơi một lỗ chân lông của Bồ Tát, sẽ có thể thấy quang minh tịnh diệu của mười phương vô lượng chư Phật. Hãy ngẫm xem! Chỉ cần được hưởng một tí quang minh của Bồ Tát, đã là tuyệt diệu khôn sánh! Lại nữa, vì sao Ngài có hiệu là Đại Thế Chí? Vì vị Bồ Tát này toàn thân đều là trí huệ quang. Chỉ cần được trí huệ quang của Đại Thế Chí Bồ Tát chiếu tới, sẽ có thể lìa khỏi tam đồ, đạt được vô thượng lực, tức là sức mạnh to lớn của Phật, chính là trí huệ lực. Vì sao quang minh của Đại Thế Chí Bồ Tát có công đức to tát dường ấy? Quang minh của Ngài từ tánh quang hiển thị ra, giống như quang minh của chư Phật trong mười phương thế giới. Do vì có sức mạnh to lớn ngàn ấy, nên gọi là Vô Biên Quang, là Đại Thế Chí.

Nếu chúng ta có thể thấy quang minh nơi một lỗ chân lông của Bồ Tát, đây cũng chẳng phải là do nguyên nhân nào khác! Chúng ta buông tâm lý phàm phu xuống, buông tri kiến phàm phu xuống, khai phát quang minh nơi tâm tánh của chính mình, hai bên vừa cảm ứng, quang minh chiếu rọi lẫn nhau, bèn do quang minh nơi một lỗ chân lông mà có thể thấy quang minh của mười phương vô lượng chư Phật. Nguyên lý là như Hoa Nghiêm đã nói: “Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”. Quang minh từ Pháp Thân hiển lộ, chỉ cần chúng ta thấy quang minh của Bồ Tát, chứng tỏ quang minh từ bản tánh của chúng ta khai phát. Nếu không, làm sao có thể thấy quang minh của vô lượng chư

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật trong mười phương? Sau khi đã hiểu rõ ràng lý này, quán tưởng Bồ Tát sẽ khác biệt rất lớn.

Hôm nay, bắt đầu giảng đoạn này là đoạn lớn thứ hai, chánh thức quán tưởng Đại Thế Chí Bồ Tát, giống như quán tưởng A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát trong phần trước, nhất định là trước hết phải mở rộng tâm lượng. Tuy chúng ta chẳng dùng công phu Quán Tưởng Niệm Phật, mà là Trì Danh Niệm Phật, nhưng có một điều lợi [hiểu biết về lý luận và đường lối Quán Tưởng Niệm Phật] sẽ mở rộng tâm lượng của chúng ta. Sau khi đã mở rộng, những ý niệm (tâm niệm) dấy lên đều là thân cận Phật, Bồ Tát, luôn ở trong hoàn cảnh vô cùng vô tận của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bởi lẽ, tâm lý của lũ phàm phu bình phàm chẳng thể thực hiện được. Chúng ta hằng ngày luôn nghĩ đến những chuyện vụn vặt trong nhân gian. Càng nghĩ, càng khiến cho tâm lý của chính mình thu hẹp. Thu hẹp đến nỗi không thể tưởng tượng [nó nhỏ nhen đến cỡ nào!] [Do vậy], niệm Phật rất khó khăn! Ất phải gạt những chuyện vụn vặt (chuyện hư vọng) trong thế gian sang một bên, đừng ghim những chuyện ấy trong lòng, cái tâm của chúng ta sẽ tự nhiên rộng mở to lớn hơn. Chúng ta lại quán tưởng mào đội đầu và quang minh nơi các bộ phận trên thân thể Bồ Tát, sẽ [cảm thấy] khác hẳn, sẽ quán tưởng rõ ràng, rành rẽ.

“*Thử Bồ Tát thiên quan*” (Mào trời của vị Bồ Tát này): “*Thiên quan*” là một cách tỷ dụ, nhằm nói tới cái mào Bồ Tát đang đội. Do chẳng có thứ mào nào trong nhân gian của chúng ta có thể sánh bằng, bèn mượn “mào trời” để nói. Mào trời đúng là quá tốt đẹp! Vượt trời hết thấy mọi thứ trong nhân gian, chúng ta chẳng có loại mào ấy. Đầu Bồ Tát đội mào trời, “*hữu ngũ bách bảo hoa, nhất nhất bảo hoa, hữu ngũ bách bảo đài*”: Trên mào trời có năm trăm hoa báu, mỗi một hoa báu có năm trăm đài báu. Đó là nói theo từng tầng một. “*Nhất nhất đài trung*”, [nghĩa là] trong mỗi bảo đài, có “*thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ quảng trường chi tướng, giai ư trung hiện*” (tướng cõi nước tịnh diệu rộng lớn của mười phương chư Phật đều hiện trong ấy), hãy ngắm xem! Có năm trăm hoa báu, trong mỗi hoa báu có năm trăm cái đài. Trên mỗi đài, có thể hiện ra tướng cõi nước tịnh diệu rộng lớn của chư Phật trong mười phương thế giới. “*Tịnh diệu quốc độ*”: Quốc độ tịnh diệu trong cảnh giới Phật, chẳng phải là quốc độ như bọn phàm phu chúng ta trông thấy. “*Quảng trường chi tướng*”, “*quảng*” (廣) là bề rộng, “*trường*” (長) là bề dài. Bất luận là nói theo chiều ngang cũng thế, mà nói theo chiều

đọc cũng thế, đều là rộng lớn khôn cùng! Hình tướng của những quốc độ ấy “*giai u trung hiện*”, đều hiển lộ trong đài báu. Trong cái mao đội đầu ấy, hiện ra tướng cõi Phật nhiều dường ấy, tâm lượng phàm phu của chúng ta nhỏ bé ngàn ấy, làm sao có thể trông thấy cho được? Nhất định là phải mở rộng tâm lượng. Vì sao mở rộng tâm lượng thì sẽ có thể trông thấy? Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, cũng có thể suy nghiệm. Một người trong tâm có quá nhiều chuyện phiền não, cảnh giới tâm linh từ đầu đến cuối là bế tắc. Nếu buông xuống những phàm tình tục kiến, chẳng để cho chúng nó che lấp tâm linh, cảnh giới của chúng ta lập tức mở rộng, phô bày. Đọc sách cũng thế, mà nhìn nhận sự việc cũng thế, thứ gì là thật hay giả, hết thấy đều phân biệt rành mạch. Chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát, phải ngưng dứt vọng tâm của chính mình, dùng ý niệm rất thanh tịnh để quán tưởng Đại Thế Chí Bồ Tát, [khởi đầu] từ mao trời, nhìn theo từng tầng một, [hiệu quả] sẽ là khác hẳn. Tiếp theo đây, [Đức Phật] lại nói về nhục kế trên đỉnh đầu của Bồ Tát.

(Kinh) Dẫn thượng nhục kế, như Bát-đầu-ma hoa. U nhục kế thượng, hữu nhất bảo bình, tịnh chư quang minh, phổ hiện Phật sự. Dư chư thân tướng, như Quán Thế Âm, đẳng vô hữu dị.

(經)頂上肉髻，如鉢頭摩華。於肉髻上，有一寶瓶，盛諸光明，普現佛事。餘諸身相，如觀世音，等無有異。

(Kinh: Nhục kế trên đỉnh đầu như hoa Bát Đầu Ma, trên nhục kế có một bình báu, đựng các quang minh, hiện khắp các Phật sự. Những thân tướng khác giống như Quán Thế Âm chẳng khác).

“*Dẫn thượng nhục kế, như Bát-đầu-ma hoa*”: Trên đỉnh đầu của Đại Thế Chí Bồ Tát có một nhục kế, giống như hoa Bát-đầu-ma. Bát-đầu-ma (Padma) là tiếng Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán là “*hồng sắc liên hoa*” (hoa sen màu đỏ). Nhục kế trên đỉnh đầu Bồ Tát có màu sắc như [màu sắc của] một đóa hoa sen màu đỏ. “*U nhục kế thượng, hữu nhất bảo bình*”: Trên nhục kế có một cái bình báu. Cái bình ấy chẳng phải là một cái bình tầm thường, mà là bình báu. Vì sao nói là “*bình báu*”? Cái bình báu ấy chẳng đựng thứ gì khác, “*tịnh chư quang minh*”, “*tịnh*” (盛) là đựng thứ gì đó. Trong ấy, chứa đựng thứ gì vậy? Quang minh. Trong bình báu đựng quang minh “*phổ hiện Phật sự*”. Quang minh ấy chẳng phải là quang minh tầm thường; trong quang minh ấy, có thể hiện

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ra trọn khắp rất nhiều Phật sự. Chữ “*Phật sự*” bao la vạn tượng, kể cả Phật pháp, tức là hết thảy mọi sự trong nhà Phật. “*Dur chur thân tướng*”: Những thân tướng khác, ngoại trừ bình báu, các thứ thân tướng của Đại Thế Chí Bồ Tát, “*như Quán Thế Âm, đấng vô hữu dị*”, [nghĩa là] đều giống như thân tướng Quán Thế Âm Bồ Tát [như kinh văn đã nói] trong đoạn trước, chẳng hề bất đồng.

Vì sao hai vị [Bồ Tát] có chỗ bất đồng? Trên đỉnh đầu Quán Thế Âm Bồ Tát, có một bức tượng Phật (Hóa Phật). Tổ sư chú giải: Trên đỉnh đầu [Quán Thế Âm Bồ Tát] có một bức tượng Phật, biểu thị: Trong quá khứ, Quán Thế Âm Bồ Tát đã thành Phật; nay Ngài lại trở về giúp A Di Đà Phật giáo hóa. Dùng thân phận Bồ Tát để giúp đức Phật giáo hóa, gọi là “*đổi quả hành nhân*” (mang theo Phật quả vốn có để trong hiện tại biểu thị hình tướng trong địa vị Bồ Tát). Vì thế, trên đỉnh đầu Ngài có một bức tượng Phật. Trên đỉnh đầu của Đại Thế Chí Bồ Tát có một cái bình báu nhằm biểu thị ý nghĩa gì? Tổ sư cũng chú giải: Bình báu biểu thị vị Bồ Tát này đã chứng đắc tam đức Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát. Bình báu biểu thị Pháp Thân đức. Bình báu đựng các quang minh; quang minh chiếu khắp nơi, ban cho người [được chiếu] trí huệ. Vì thế, quang minh biểu thị Bát Nhã đức (đại trí huệ). Phàm những chuyện chẳng rõ ràng, mơ hồ, đều là do chẳng có trí huệ. Thấy hết thảy mọi chuyện rõ ràng, rành rẽ, chính là có trí huệ. Chúng ta chẳng thể liễu sanh tử, tức là đối với hết thảy mọi sự trong quá khứ, hiện tại, tương lai, đều chẳng thấy rõ ràng. Đó là chẳng có trí huệ, là ngu si. Nếu chúng ta hiển lộ quang minh, sẽ là Bát Nhã đức. Có Bát Nhã đức thì chính là quang minh. Do vậy, quang minh chính là Bát Nhã trí huệ đức. Bình báu có thể hiện trọn khắp các Phật sự. Phật là giác ngộ, giác ngộ thì sẽ có thể giải thoát. Một cái bình báu [trên đỉnh đầu] nhằm biểu thị sự tu tập và chứng đắc nội tại của Bồ Tát: Chứng đắc ba đức ấy (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát), biểu thị ý nghĩa này.

Bình báu vừa được nhắc đến trên đây chính là chỗ bất đồng so với Quán Thế Âm Bồ Tát. Những điều khác đều giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng khác gì. Vì thế, kinh văn chẳng cần phải nhắc lại từng chuyện một. Khi quán tưởng Đại Thế Chí Bồ Tát, sẽ giống như quán Quán Thế Âm Bồ Tát: Diện mạo như thế nào? Cánh tay như thế nào? Đều hoàn toàn giống như nhau, chẳng nói cặn kẽ. Tới đây là một tiểu đoạn trong đoạn lớn thứ hai. Dưới đây lại là một ý nghĩa khác nữa.

(Kinh) Thử Bồ Tát hành thời, thập phương thế giới, nhất thiết chấn động. Đương địa động xứ, hữu ngũ bách ức bảo hoa. Nhất nhất bảo hoa, trang nghiêm cao hiển, như Cực Lạc thế giới.

(經)此菩薩行時，十方世界，一切震動。當地動處，有五百億寶華。一一寶華，莊嚴高顯，如極樂世界。

(Kinh: Khi vị Bồ Tát này đi, mười phương thế giới, hết thấy chấn động. Trong khi đất chấn động, có năm trăm ức hoa báu, mỗi một hoa báu trang nghiêm, cao vời, rạng rỡ, như thế giới Cực Lạc).

“Thử Bồ Tát hành thời” (Khi vị Bồ Tát này đi), khi Đại Thế Chí Bồ Tát bước đi, “thập phương thế giới”, những thế giới ở ngoài thế giới Cực Lạc, “nhất thiết chấn động”: Trong mười phương thế giới, hết thấy đều bị chấn động. Sự chấn động này chẳng phải là động đất như trong sự suy tưởng bình phàm của chúng ta. Động đất trong thế gian gây tổn thương cho loài người. “Đương địa động xứ”: Mười phương thế giới đều chấn động. Những nơi chấn động trên đại địa, “hữu ngũ bách ức bảo hoa” (có năm trăm ức hoa báu), xuất hiện hoa báu. Hễ chấn động, bèn có hoa xuất hiện, lại còn là hoa báu. Có bao nhiêu hoa báu? Có năm trăm ức. Đây chẳng phải là nói toàn thể, mà bất cứ chỗ nào cũng đều là như vậy! Có nghĩa là chúng sanh ở bất cứ chỗ nào, khi cảm nhận được sự chấn động, sẽ có năm trăm ức hoa báu xuất hiện. Mười phương thế giới sẽ có bao nhiêu? Chẳng thể tính rõ số. “Nhất nhất bảo hoa”, mỗi một đóa hoa báu đều “trang nghiêm cao hiển”, [nghĩa là] đã vừa trang nghiêm, lại còn cao vời, rõ rệt. Phàm nhân chúng ta cũng chẳng thể trông thấy hoặc tưởng tượng chuyện này. Do vậy, [đức Phật] nói tỷ dụ: “Như Cực Lạc thế giới”, nghĩa là trang nghiêm, cao vời, rõ rệt như hoa báu trong thế giới Cực Lạc. Mười phương thế giới hiện ra hoa báu hoàn toàn giống như [hoa báu] trong thế giới Cực Lạc.

Vì sao hễ Đại Thế Chí Bồ Tát bước đi, mười phương thế giới hết thấy đều chấn động? Đây là nói quang minh trí huệ của Bồ Tát có thể thuận theo bước đi của Ngài mà có thể chiếu thấu suốt mười phương thế giới. Vì sao mười phương thế giới được chiếu soi đều chấn động? Chúng ta học Phật, ắt phải hiểu nguyên lý cao nhất, tức là phải thấu hiểu tâm pháp: Chúng sanh trong mười phương thế giới, ai nấy đều có ý niệm của riêng mình. Đại Thế Chí Bồ Tát chẳng giống như vậy. Ý niệm của Đại Thế Chí Bồ Tát có thể bao hàm chúng sanh trong mười phương thế giới.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới đều chẳng rời khỏi một niệm của Đại Thế Chí Bồ Tát. Một niệm của Ngài là toàn thể tâm tánh. Chúng ta chẳng có thời khắc nào không ở trong tâm niệm của Đại Thế Chí Bồ Tát. Do vậy, chẳng liễu giải lý, sẽ nghĩ Đại Thế Chí Bồ Tát và ta có quan hệ gì? Quán Thế Âm Bồ Tát và ta có quan hệ gì? Ngỡ là chẳng có mối quan hệ nào! Hoàn toàn chẳng phải là Bồ Tát vứt bỏ chúng ta, mà là do bản thân chúng ta chẳng tiếp nhận trí huệ quang của Bồ Tát. Chỉ cần chúng ta cảm nhận đạo lý này, sẽ mọi lúc, mọi nơi, đều ở trong quang minh của Bồ Tát. Trong phần trước đã nói đến Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát tầm thanh cứu khổ; hễ có tai nạn, thống khổ gì, Quán Thế Âm Bồ Tát ngay lập tức cứu vớt. Vì sao Quán Thế Âm Bồ Tát có thể cứu vớt? Vì chúng ta ở ngay trong tâm niệm của Ngài. Quán Thế Âm Bồ Tát có thể tầm thanh cứu khổ, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng có thể tầm thanh cứu khổ giống như vậy. “*Tầm thanh cứu khổ*” vẫn là [nói đến] những chuyện mà bọn phàm phu chúng ta có thể nghĩ tới. Lợi ích thật sự ở chỗ nào? Chúng ta luôn ở trong tâm niệm của Bồ Tát. Hễ chúng ta cảm nhận quang minh của Bồ Tát gia bị, sẽ có thể dùng quang minh của Bồ Tát để trừ sạch Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng trong tâm. Sau khi đã trừ hết chướng ngại, mới có thể cùng Bồ Tát trông thấy lẫn nhau. Thấy Pháp Thân của Bồ Tát, nói theo Lý là như vậy đó. “*Chấn động*” nghĩa là quang minh trí huệ nơi Pháp Thân của Bồ Tát khiến cho chúng sanh trong mười phương thế giới đều có thể đạt được lợi ích.

(Kinh) Thử Bồ Tát tọa thời, thất bảo quốc độ, nhất thời động dao. Tùng hạ phương Kim Quang Phật sát, nãi chí thượng phương Quang Minh Vương Phật sát, vô lượng trần số.

(經)此菩薩坐時，七寶國土，一時動搖。從下方金光佛刹，乃至上方光明王佛刹，於其中間，無量塵數。

(Kinh: Khi vị Bồ Tát này ngồi, cõi nước bảy báu, cùng lúc dao động. Từ cõi Kim Quang Phật ở phương dưới cho đến cõi Quang Minh Vương Phật ở phương trên, vô lượng trần số cõi trong khoảng ấy).

Đoạn trên là nói về sự đi lại của Bồ Tát, đoạn này nói lúc Bồ Tát ngồi, chẳng di động. “*Thử Bồ Tát tọa thời*” (Khi vị Bồ Tát này ngồi): Khi Đại Thế Chí Bồ Tát ngồi, sẽ ngồi ở nơi đâu? “*Thất bảo quốc độ*” (Cõi nước bảy báu): Ngài ngồi trong thế giới Cực Lạc, ngồi trong đó, “*nhất thời dao động*”, cũng cảm thấy thế giới Cực Lạc dao động. Dao

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

động có phạm vi to cỡ nào? “*Tùng hạ phương Kim Quang Phật sát*”: Từ cõi của Kim Quang Phật là cõi thấp nhất ở phương dưới, “*nãi chí thượng phương Quang Minh Vương Phật sát*”, cho đến nơi cao nhất ở phương trên là cõi của Quang Minh Vương Phật.

“*Phật sát*” (佛刹) là quốc độ của Phật. “*U kỳ trung gian, vô lượng trần số*”: Trong khoảng giữa từ phương dưới cho đến phương trên, có vô lượng cõi Phật số nhiều như vi trần đều cảm nhận sự dao động. Sự chấn động trong phần trước khiến cho năm trăm ức hoa báu xuất hiện, ở đây, dao động lại xuất hiện chuyện khác.

(Kinh) Phân thân Vô Lượng Thọ Phật, phân thân Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, giai tất vân tập Cực Lạc quốc độ, tắc tái không trung, tọa liên hoa tòa, diễn thuyết diệu pháp, độ khổ chúng sanh.

**(經)分身無量壽佛，分身觀世音，大勢至，皆悉雲集
極樂國土。毘塞空中，坐蓮華座，演說妙法，度苦眾生。**

(Kinh: Phân thân của Vô Lượng Thọ Phật, phân thân của Quán Thế Âm và Đại Thế Chí thấy đều nhóm họp đông đảo như mây về cõi Cực Lạc, đầy nghẹt trên hư không, ngồi trên tòa hoa sen, diễn nói diệu pháp, độ chúng sanh khổ não).

Trong khoảng giữa từ phương dưới cho đến phương trên, có rất nhiều cõi Phật. Mỗi cõi Phật bao gồm bao nhiêu quốc gia? Bao nhiêu quốc độ? Đơn giản là chẳng thể nói rõ được, vô lượng vô số! Nói như vậy, chẳng nghiên cứu kinh Phật, quả thật, chẳng biết tình huống bên ngoài thế giới sẽ là tình huống như thế nào! Dầu là một nhà khoa học vĩ đại đến mấy trong hiện thời đi nữa, nghiên cứu thiên văn, nghiên cứu kiểu nào cũng chẳng nghiên cứu đến tầng bậc này. Tâm lượng người ấy nhỏ nhoi như thế ấy, huống hồ kẻ chẳng nghiên cứu thiên văn, tâm lý chỉ hạn cuộc trong những chuyện nhỏ nhất thường trông thấy hàng ngày, đơn giản là càng chẳng có cách nào đàm luận! Các quốc độ nhiều ngàn ấy, những quốc độ nhiều như vậy do đâu mà có? Bọn phàm phu chúng ta làm sao có thể ghi nhớ cho được? Làm sao có thể quan sát rõ ràng cho được? Chớ nên bỏ cuộc! Trong phần trước đã nói: Nếu quý vị có thể thấy quang minh nơi một lỗ chân lông [của Đại Thế Chí Bồ Tát], sẽ có thể trông thấy [những quốc độ ấy]. Điều này có nghĩa là chúng ta chỉ cần thấu lộ tâm linh (linh minh giác tri) và quang minh từ nơi bản tánh của

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chính mình đôi chút, sẽ có thể hoàn toàn trông thấy. Chẳng thể thấy thì chỉ trách bản thân chúng ta thiếu dụng công. Thật sự dụng công chính là buông xuống vạn duyên. Niệm Phật phải buông xuống vạn duyên; [ngay cả] học những môn học khác cũng đều là như vậy, phải buông xuống! Trước khi buông xuống, phải thấy thấu suốt, nhờ vào đâu để buông xuống? Phải thấy thấu suốt! Kẻ bình phàm tưởng địa cầu to lớn khôn cùng! Các quốc gia lớn nhỏ trên địa cầu, thậm chí Đài Loan là một nơi bé tẹo như thế, mọi người đều là “*ngươi tranh, ta đoạt*”, khiến cho thiên hạ chẳng thể thái bình. Tri kiến phàm phu nhỏ nhoi đến đáng thương! Nếu tâm lượng của chính mình rộng mở một chút, sẽ có thể thấy “thông qua quang minh nơi một lỗ chân lông để nhìn thế giới”, nhìn lại, dẫu cho quý vị làm tổng thống, quý vị cũng chẳng muốn làm! Đối với “đạo” do nhà Phật đã nói, bất cứ học vấn, bất cứ tôn giáo nào trên toàn thế giới, cũng đều chẳng có cách nào luận định bằng vai phải lứa cho được!

Cõi Phật nhiều ngàn ấy! Chỉ cần quang minh nơi tâm tánh của chúng ta hiển hiện, [các cõi ấy] sẽ đều ở trong tâm ta, kinh Phật gọi điều này là “*tâm pháp*”. Đối với vạn duyên hư vọng trong thế gian, chúng ta đều buông xuống, quán tưởng “*phân thân Vô Lượng Thọ Phật*”, Vô Lượng Thọ Phật là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật phân ra rất nhiều thân Ứng Hóa, lại còn có “*phân thân Quán Thế Âm, Đại Thế Chí*”, tức là phân thân của Quán Thế Âm Bồ Tát và phân thân của Đại Thế Chí Bồ Tát. Đó là Tây Phương Tam Thánh. Thân Ứng Hóa của Tây Phương Tam Thánh nhiều khôn xiết! “*Giai tất vân tập Cực Lạc quốc độ*” (Thầy đều như mây nhóm về cõi nước Cực Lạc). “*Vân*” là [cách nói tỷ dụ] nhằm hình dung “đông nhiều”. Quý vị tính thử mây trong không trung mà xem, có biết rõ con số hay chẳng? Quá ư là nhiều! Vân tập (雲集, như mây nhóm về) trong cõi nước Cực Lạc. Cõi nước Cực Lạc rộng lớn vô cùng! Trong phần trước, quán tưởng y báo, một gốc cây, một phiến lá to cỡ nào? Các vị hãy tự mình hồi tưởng, hướng chỉ toàn thể thế giới Cực Lạc rộng lớn như vậy đó! Cõi nước rộng lớn ngàn ấy, phân thân của Tây Phương Tam Thánh đều vân tập trong quốc độ Cực Lạc. Tiếp đó là từ ngữ hình dung, “*tái tắc không trung*”, “*tắc tái*” (罍塞) là tràn ngập; khắp mọi nơi đều tràn đầy trong không trung. Toàn thể không trung của thế giới Cực Lạc đều tràn ngập phân thân của Phật, Bồ Tát. Các Ngài “*tọa liên hoa tòa*”, tức là ngồi trên tòa hoa sen. “*Diễn thuyết diệu pháp, độ khổ chúng sanh*”: “*Diệu pháp*” là dạy kẻ khác thành Phật. Vì sao nói là “*độ khổ chúng sanh*”? Trong thế giới Cực Lạc “*vô hữu chúng khổ, đản*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thọ chư lạc” (chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những điều vui). Vì sao ở đây nói là “*độ khổ chúng sanh*” (độ chúng sanh khổ não)? Chia thành hai điểm để nói:

1) Một là hóa độ chúng sanh khổ não. “*Khổ*” ở đây chẳng phải là nói tới nỗi khổ của bọn chúng sanh phàm phu trong thế giới Sa Bà. Thế giới Cực Lạc thật ra chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các điều vui. Chữ *Khổ* trong câu “*vô hữu chúng khổ*” là nói tới các nỗi khổ trong thế giới Sa Bà. Trong thế giới Cực Lạc, thật ra chẳng có các nỗi khổ, chỉ có các niềm vui, nhưng xét theo Lạc để nói thì như Thiện Đạo đại sư đã dạy rất rõ ràng: “*Trong thế giới Cực Lạc, lạc cũng có thứ bậc*”. Chẳng hạn như nói đến trời người, thế giới Cực Lạc có hai đường nhân và thiên. So sánh với nhân thiên trong thế giới Sa Bà, chúng sanh trong thế giới Sa Bà làm sao có thể sánh bằng hai đường nhân thiên trong thế giới Cực Lạc? Nhân thiên trong thế giới Cực Lạc thuần túy là lạc. Nhưng so sánh giữa nhân thiên của thế giới Cực Lạc và La Hán, Bồ Tát, thì La Hán là bậc đã chứng quả, đó là lạc. So sánh với nhân thiên chưa chứng quả, nhân thiên chính là khổ. Lại hướng lên cao hơn, Bồ Tát cũng có thứ bậc. Kể từ Đẳng Địa trở đi cho đến Đẳng Giác, so sánh từng tầng một, địa vị cao thấy chúng sanh thuộc địa vị thấp là “*khổ chúng sanh*”. Đó là một cách giải thích.

2) Một cách nói khác sẽ là: Phân thân Phật, Bồ Tát của Tây Phương Tam Thánh nhiều ngàn ấy ngồi trên tòa hoa sen, diễn thuyết diệu pháp, độ chúng sanh khổ não trong mười phương thế giới ở ngoài thế giới Cực Lạc. Nếu chúng ta hỏi “vì sao có thể ngồi trên tòa hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mà có thể độ chúng sanh khổ não trong mười phương thế giới” ư? Trong phần trước, đã có nói: Chỉ cần chúng ta có thể quán thấy quang minh nơi một lỗ chân lông của Đại Thế Chí Bồ Tát, sẽ thấy quang minh tịnh diệu của mười phương vô lượng chư Phật. Mười phương thế giới đều có thể trông thấy, huống hồ thế giới Cực Lạc lại càng có thể trông thấy. Do vậy, chúng sanh có thể cảm nhận sự giáo hóa của Phật, Bồ Tát. Đó là “*độ khổ chúng sanh*”.

Trong tiểu đoạn này, chủ yếu là quán tưởng hai sự kiện của [Đại Thế Chí] Bồ Tát: Một là quán tưởng lúc Bồ Tát đi, hai là [quán tưởng] khi Bồ Tát ngồi. Tiếp đó, bèn nói:

(Kinh) Tác thử quán giả, danh vi quán kiến Đại Thế Chí Bồ Tát. Thị vi quán Đại Thế Chí sắc thân tướng. Quán thử Bồ Tát giả, danh đệ thập nhất Quán.

(經)作此觀者，名為觀見大勢至菩薩。是為觀大勢至色身相。觀此菩薩者，名第十一觀。

(Kinh: Hành phép Quán này được gọi là quán thấy Đại Thế Chí Bồ Tát. Đây là quán tướng tướng sắc thân của Đại Thế Chí. Quán vị Bồ Tát này được gọi là phép Quán thứ mười một).

Kinh văn đến đây, đoạn văn này kết thúc đoạn lớn thứ hai. “*Tác thử Quán giả, danh vi quán kiến Đại Thế Chí Bồ Tát*”: Tu tập phép Quán này được gọi là “quán thấy Đại Thế Chí Bồ Tát”. “*Thị vi quán Đại Thế Chí sắc thân tướng*” (Đây là quán tướng sắc thân của Đại Thế Chí Bồ Tát). Trên thực tế, [nói tới] “*tướng sắc thân*” chính là nói tới Pháp Thân. [“*Quán sắc thân tướng*” chính là] quán tướng Pháp Thân của Đại Thế Chí Bồ Tát. Vì thế trong bộ Diệu Tông Sao, Thiên Thai đại sư [chú giải câu này là] “*thấy Pháp Thân của Bồ Tát*”, tức là [trông thấy] tướng sắc thân. “*Quán thử Bồ Tát giả, danh đệ thập nhất Quán*”: Có thể quán Pháp Thân của Bồ Tát thành công thì gọi là phép Quán thứ mười một. Dưới đây, [kinh văn] nói tới công đức và lợi ích sẽ đạt được từ phép Quán này.

(Kinh) Trừ vô số kiếp A-tăng-kỳ sanh tử chi tội. Tác thị Quán giả, bất xử bào thai, thường du chư Phật tịnh diệu quốc độ. Thử Quán thành dĩ, danh vi cụ túc quán Quán Thế Âm, Đại Thế Chí.

(經)除無數劫阿僧祇生死之罪。作是觀者，不處胞胎，常遊諸佛淨妙國土。此觀成已，名為具足觀觀世音大勢至。

(Kinh: Trừ tội trong vô số kiếp A-tăng-kỳ sanh tử. Người hành phép Quán này chẳng ở trong bào thai, thường dạo chơi trong cõi nước tịnh diệu của chư Phật. Phép Quán này đã thành, bèn gọi là quán trọn vẹn Quán Thế Âm và Đại Thế Chí).

Chúng ta phải liễu giải lợi ích trong đoạn này. Trong nhân gian, chúng ta nói: “*Tạo lợi ích cho người khác*”. Tặng cho người ta tiền tài, hoặc cho người ta được hưởng những điều lợi ích, kể ra cũng được lắm, nhưng lợi ích thật sự ắt phải là liễu sanh tử. Nếu chẳng giải quyết sanh tử,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

sẽ chẳng có lợi ích thật sự chi cả! Chúng ta sanh tử chẳng ngừng trong nhân gian, có lợi ích gì đáng bàn? Tuy mong liễu sanh tử, vì sao chẳng thể liễu sanh tử? Vì chúng sanh phàm phu đời đời kiếp kiếp chẳng hiểu đạo lý, tạo tội nghiệp quá nhiều! Thậm chí ngay cả vấn đề sanh tử cũng chẳng hiểu, làm sao bàn đến chuyện liễu sanh tử cho được? Ở đây, [kinh văn] dạy: Hành phép Quán này có thể “trừ vô số kiếp A-tăng-kỳ sanh tử chi tội”. A-tăng-kỳ là thời gian dài nhất. Do có tội nghiệp sanh tử gây chướng ngại, khiến cho chúng ta chẳng thể liễu sanh tử, trước sau qua lại sanh tử chẳng ngừng trong lục đạo. Muốn đoạn sanh tử, ắt phải diệt trừ tội nghiệp. Có thể trừ tội nghiệp sanh tử trong vô số kiếp A-tăng-kỳ, bất cứ lợi ích nào trong thế gian [cũng đều] chẳng thể sánh bằng lợi ích ấy!

Tiếp theo đó, đức Phật nói: “*Tác thị quán giả, bất xử bào thai*” (Người hành phép Quán này chẳng ở trong bào thai). Có chúng sanh nào trong thế giới Sa Bà chẳng ở trong bào thai? Sanh vào nhân gian, đều từ bào thai sanh ra, khôn lớn, chết già, lại chuyển sang đời sau, vẫn ở trong bào thai. Nếu chẳng muốn ở trong bào thai, mong liễu sanh tử, hãy vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tới thế giới Cực Lạc, sẽ là liên hoa hóa sanh, chẳng phải là ở trong bào thai của người hay động vật. “*Thường du chư Phật tịnh diệu quốc độ*” (Thường dạo chơi trong các cõi nước tịnh diệu của chư Phật), “*thường*” (常) là vĩnh hằng. Luôn luôn có thể ngao du trong cõi nước tịnh diệu của chư Phật. Cõi nước tịnh diệu là gì? Tịnh (淨) là trừ khử sạch sành sanh tất cả Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Diệu là bản tánh trọn đủ. Do vậy, tổ sư chú giải “*tịnh diệu quốc độ*” chính là pháp giới, là Phật pháp giới! Thường dạo chơi trong pháp giới của chư Phật, chúng ta thường đặt tâm niệm nơi đó, kể cả y báo trang nghiêm trong phần trước. Lại còn [đặt tâm niệm] nơi các thứ trang nghiêm của Phật, Bồ Tát, tâm tâm niệm niệm đều đặt nơi đây, từng bước một nâng cao cảnh giới, sẽ dần dần thoát ly sanh tử khổ não trong nhân gian. “*Thử Quán thành dĩ*”, [nghĩa là] sau khi đã thành tựu phép Quán này, “*đanh vi cụ túc quán Quán Thế Âm, Đại Thế Chí*” (gọi là quán trọn vẹn Quán Thế Âm và Đại Thế Chí). Vì sao là quán trọn vẹn Quán Thế Âm và Đại Thế Chí? Trong phần trước, có nói tới cách quán Quán Thế Âm Bồ Tát, có rất nhiều chỗ tương đồng với chỗ này. Những điều được nói ở đây cũng bao gồm cách quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Hai vị Bồ Tát ngoại trừ trên đỉnh đầu có tượng Phật hay bình báu sai khác, những tướng khác đều hoàn toàn tương đồng. Hãy xem hai vị đối chiếu nhau [để quán tưởng cận kề]. Đến đây là xong, đã quán trọn vẹn. Quán tưởng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

hai vị Bồ Tát đến đây đã trọn đủ, đã nói xong xuôi!

Đến đây, phép quán tưởng Tây Phương Tam Thánh đã nói xong. Mọi người hãy thường quán tưởng hình tướng Tây Phương Tam Thánh, thường tưởng Tây Phương Tam Thánh. Có kẻ niệm Phật hỏi: “Thấy Phật bằng cách nào?” Chỉ cần ý niệm thời thời khắc khắc đặt nơi Phật, Bồ Tát, đến khi lâm chung, sẽ tự nhiên cảm ứng Phật, Bồ Tát đến nghênh tiếp. Liều giải những đạo lý này, sẽ có những lợi ích ấy. Hôm nay, chúng tôi nói đến chỗ này thì ngưng.

Tập 35

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang hai mươi một, bắt đầu từ hàng thứ hai. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn:

(Kinh) Kiến thử sự thời, đương khởi tự tâm, sanh u Tây Phương Cực Lạc thế giới, u liên hoa trung, kết già phu tọa, tác liên hoa hợp tưởng, tác liên hoa khai tưởng.

(經)見此事時，當起自心，生於西方極樂世界，於蓮華中，結跏趺坐。作蓮華合想，作蓮華開想。

(Kinh: Khi thấy những điều này, hãy nên khởi tự tâm sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen, ngồi kiết già. Tưởng hoa sen khép lại, tưởng hoa sen nở ra).

IV.2.2.13. Phép Quán thứ mười hai, Phổ Vãng Sanh Quán

Một bộ Thập Lục Quán Kinh này có mười sáu phương pháp quán tưởng. Trong đoạn trước là nói về phép Quán thứ mười một; đoạn này là phép Quán thứ mười hai, gọi là Phổ Quán, tức là quán trọn khắp. Trong những phần trước, đã quán tưởng y báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là các thứ tốt đẹp nơi hoàn cảnh. Kế đó là quán tưởng chánh báo, tức là [quán tưởng] A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát. Y báo và chánh báo đã đều quán tưởng, các phương pháp đều đã nêu ra. Hôm nay, bắt đầu tổng quy kết những điều đã quán trong phần trước, gọi là Phổ Quán. Vì sao gọi là Phổ Quán? Nguyên lai, những điều được quán trong phần trước đều sử dụng quán tưởng, tức là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

vận dụng công phu quán tưởng. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy người tu học trong thế giới này sử dụng công phu quán tưởng, còn phép Quán này dạy học nhân chúng ta hãy tưởng tượng hết thấy nhân duyên vãng sanh của chính mình đều đã chín muồi. Chính mình có loại công phu ấy, trực tiếp đến thế giới Cực Lạc. Đoạn này nhằm dạy về chuyện này.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc là pháp môn đặc biệt dành cho người học Phật mong đạt thành tựu nhanh chóng nhất, có thể thành tựu ngay trong một đời! Muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải liễu giải một đạo lý: Bọn chúng sanh chúng ta đến bất cứ hoàn cảnh nào là do ai khiến cho chúng ta đến đó? Do bản thân chúng ta, đều là do chính chúng ta tạo nghiệp (trọn đủ rất nhiều điều kiện); sau đây, mới đi đến hoàn cảnh ấy. Chẳng hạn như nay chúng ta là chúng sanh trong nhân đạo, sanh trong nhân gian, hoàn cảnh nhân gian hiện thời chẳng tốt đẹp. Bất luận là tại Trung Hoa, hay ngoại quốc, thời cổ cũng thế, bất cứ triều đại nào, hễ làm người đều có rất nhiều nỗi đau khổ. Nhất là trong hiện thời, thời đại dân chủ tốt đẹp hơn thời đại quân chủ trong quá khứ, nhưng mỗi nước trên thế giới đều rối ren dường ấy! Vì sao rối loạn như thế? Đây là do cộng nghiệp. Tất cả chúng sanh hễ sanh vào nhân gian (chúng sanh trong nhân đạo), tâm lý mọi người tạo thành hoàn cảnh này. Hoàn cảnh nhân gian loạn như thế, mọi người đau khổ, ai tạo ra những nỗi đau khổ đó? Do bản thân của mỗi người tạo nghiệp. Chúng ta sanh vào nhân gian, ở trong nhân gian, hứng chịu tám nỗi khổ to lớn. Đó là do có cộng nghiệp và biệt nghiệp; sau đây, mới vào trong hoàn cảnh này để thọ báo. Chúng ta ắt cần phải hiểu rõ điều này. Chúng ta cảm thấy chỗ này chẳng tốt đẹp, chẳng tốt đẹp thì phải thay đổi hoàn cảnh. Hoàn cảnh tốt nhất chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Muốn tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, ắt phải đầy đủ các điều kiện. Đó cũng là tạo nghiệp, nhưng chẳng phải là tạo nghiệp sanh tử, chúng ta cần tạo nghiệp thanh tịnh. Niệm Phật là tịnh nghiệp, chúng ta phải tạo tịnh nghiệp. Trì Danh Niệm Phật là nghiệp thanh tịnh. Ngoại trừ Trì Danh Niệm Phật là công phu chánh thức, chúng ta phải liễu giải hoàn cảnh. Vì thế, Quán Kinh đã giới thiệu rất tỉ mỉ từng điều một về hoàn cảnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới và Phật, Bồ Tát ở trong ấy, khiến cho tâm lý của chúng ta hướng tới y báo trang nghiêm và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc. Chúng ta hãy đặt tâm nơi đó. Tâm hướng đến ở nơi đâu, chúng ta sẽ đi về đó. Nghiên cứu tâm lý học, sẽ biết đạo lý này; điều này phù hợp tâm lý học nhất. Do vậy, tâm lý của chúng ta chuyển biến, hướng đến thế

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giới Cực Lạc. Hễ tâm lý chuyên biến, kinh văn đã dạy: “*Thời thời khắc khắc đều là người trong thế giới Cực Lạc*”. Vì thế, những điều được nói trong đoạn này hết sức hữu ích đối với người niệm Phật chúng ta!

“*Kiến thử sự thời*” (Khi thấy chuyện này), ý nói: Quán tướng Tây Phương Tam Thánh, đều đã thấy A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát, cũng như đã thấy y báo trong thế giới Cực Lạc, lúc đó, “*đương khởi tự tâm*”. Người học Phật chúng ta, trong tâm phải khởi lên ý niệm, “*sanh u Tây Phương Cực Lạc thế giới*” (sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới). Trong tâm quán tưởng như thế này: Quán tưởng nay ta không chỉ là ở trong nhân gian này thấy các thứ chánh báo và y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, mà hiện thời còn tổng quy kết toàn thể, chính mình đích thân sanh về thế giới Cực Lạc. Phải chú ý mấy chữ ấy trong kinh văn! Hãy chú trọng chữ Tâm trong “*tự tâm*”. [“*Đương khởi*” là hãy nên] dấy lên cái tâm, “*sanh*” là vãng sanh. Từ nơi đây đi về Tây Phương, có thế giới Cực Lạc. Hãy thuận theo tâm lý ấy để tưởng như vậy. Tâm pháp tuyệt diệu lắm! Tâm pháp chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ cần động tâm, có thể nói là nhanh chóng nhất. Thế gian nói đến vận tốc ánh sáng, chẳng có tốc độ nào nhanh bằng vận tốc ánh sáng. Ánh sáng còn nhanh hơn âm thanh. Hễ nghiên cứu khoa học, sẽ biết: Khi sét đánh, trước hết thấy điện quang (ánh chớp chói lòa), một lúc sau mới nghe tiếng sấm vang rền từ xa. Có thể thấy là vận tốc ánh sáng mau chóng. Vận tốc của ánh sáng tuy mau chóng, vẫn chẳng bằng cái tâm của chúng ta. Khi cái tâm của chúng sanh dấy khởi, bất luận xa bao nhiêu, sẽ ngay lập tức đến nơi, [tâm niệm] có mức độ nhanh chóng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, tự tâm tưởng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc có ao bảy báu, “*u liên hoa trung*” (ở trong hoa sen), trong nhân gian là vào thai mẹ, còn đến thế giới Cực Lạc là vào trong hoa sen, dùng hoa sen làm bào thai. Hoa sen hết sức thanh tịnh. Ở trên tòa hoa sen, “*kết già phu tọa*”, [nghĩa là] tĩnh tọa trên tòa hoa sen, có [hai cách ngồi là] “*song bàn*” (雙盤, ngồi kiết già) và “*đơn bàn*” (單盤, ngồi bán già), ngồi xếp bằng. Khi hoa sen vừa đến ao bảy báu bèn khép lại, “*tác liên hoa hợp tướng*” (tướng hoa sen khép lại). Khi hoa sen khép lại, nó lại rất nhanh chóng xòe ra, “*tác liên hoa khai tướng*” (tướng hoa sen nở ra). Căn cứ trên mấy câu kinh văn này, tâm lý của chúng ta chiếu theo thứ tự vãng sanh, suy tưởng từng tầng một: Hoa sen khép lại, sau đấy, hoa sen mới nở ra. Khi hoa sen nở, lại có những cảnh trí xuất hiện. Hãy nắm vững thứ tự này để tưởng. Tưởng

chính mình đã tới ao bảy báu trong thế giới Cực Lạc, ngồi trong hoa sen, hoa sen khép lại; sau đấy, hoa sen lại nở xòe.

(Kinh) Liên hoa khai thời, hữu ngũ bách sắc quang, lai chiếu thân tướng. Nhân mục khai tướng, kiến Phật, Bồ Tát mãn hư không trung. Thủy, điểu, thụ lâm, cập dữ chư Phật, sở xuất âm thanh, giai diễn diệu pháp, dữ thập nhị bộ kinh hợp.

(經)蓮華開時，有五百色光，來照身想。眼目開想，見佛菩薩滿虛空中。水鳥樹林，及與諸佛，所出音聲，皆演妙法，與十二部經合。

(Kinh: Khi hoa sen nở, tướng có năm trăm luồng quang minh có các màu sắc chiếu đến thân. Tướng khi mở mắt, sẽ thấy Phật, Bồ Tát đầy ắp trong hư không. Những âm thanh do nước, chim, rừng cây và chư Phật phát ra đều diễn diệu pháp, phù hợp với mười hai bộ kinh).

“Liên hoa khai thời, hữu ngũ bách sắc quang, lai chiếu thân tướng”, [nghĩa là] khi hoa sen nở, quang minh báu trong thế giới Cực Lạc chẳng giống như ánh sáng trong thế gian này nhạt nhẽo, chẳng có gì lạ lùng! Quang minh trong cõi Cực Lạc có năm trăm màu. Quang minh có màu sắc rực rỡ chiếu đến người quán tưởng chúng ta. Quang minh chiếu đến có tác dụng gì? “*Nhân mục khai tướng*”: Tướng quang minh vừa chiếu tới, nhắm mắt lại, giống như trong nhân gian, thai nhi vừa sanh ra, sẽ nhắm mắt, sau một lúc, nó bèn mở mắt. Tướng hóa sanh trong hoa sen cũng giống như vậy. Được quang minh báu chiếu tới, quang minh báu có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Quang minh biểu thị trí huệ, vừa chiếu tới chúng ta, mắt liền mở ra. Sau khi mở mắt, “*kiến Phật, Bồ Tát mãn hư không trung*” (thấy Phật, Bồ Tát đầy ắp trong hư không). Chẳng mở mắt thì thôi, hễ mở mắt bèn thấy Phật, Bồ Tát quá ư là nhiều! Đầy ắp trong hư không nơi thế giới Cực Lạc. Trong thế giới này, chúng ta có thể trông thấy [chuyện ấy] hay chẳng? Chúng ta trông thấy tượng Phật, tượng Bồ Tát, thì cũng chẳng phải là có thể dễ dàng trông thấy, cũng phải đến đạo tràng thì mới nhìn thấy. Đến thế giới Cực Lạc, sẽ thấy Phật và Bồ Tát trọn khắp hư không. Đã đến thế giới Cực Lạc, hoa sen vừa nở, quang minh vừa chiếu, vừa mở mắt ra, sẽ thấy Phật, Bồ Tát đều trọn khắp hư không. Thấy Phật và Bồ Tát nhiều ngàn ấy thì sao?

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Trong đoạn kinh văn kể tiếp: “*Thủy, điều, thụ lâm, cập dĩ chư Phật, sở xuất âm thanh, giai diễn diệu pháp, dĩ thập nhị bộ kinh hợp*” (Những âm thanh do nước, chim, rừng cây phát ra đều diễn diệu pháp phù hợp với mười hai bộ kinh). Trọn khắp thế giới Cực Lạc có ao bầy bấu, rừng cây, các thứ chim như bạch hạc, công, kết v.v... và chư Phật. Nước, chim, cây cối, chư Phật trọn chẳng giống như trong thế gian chúng ta. Chúng ta sống trong thành thị lâu ngày, hãy nên ra ngoại thành ngắm phong cảnh. Ngắm rừng cây, nước từ trên núi chảy xuống, chỉ nhìn mà thôi, sẽ có tác dụng gì? Trông thấy cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, cũng cảm thấy rất vui sướng, nhưng có đạt được lợi ích gì chăng? Chẳng có! Nhưng trong thế giới Cực Lạc, nước có âm thanh, chim có âm thanh, rừng cây có âm thanh do gió nhẹ lùa qua, còn có âm thanh do chư Phật phát ra. Những âm thanh ấy đều diễn diệu pháp, tức là đều nói ra pháp tốt nhất, mẫu nhiệm nhất. Những diệu pháp chính là những pháp do đức Phật dạy bảo, khiến cho chúng ta giác ngộ. Phạm phu là kẻ chẳng giác ngộ. Tất cả mọi người trong nhân gian đều có những nỗi thống khổ, bất luận là kẻ bần cùng hay người giàu có, [kẻ cả] kẻ làm đại tổng thống của nước Mỹ cũng thế, đều có những nỗi đau khổ! Những nỗi thống khổ ấy là do chính mình chẳng giác ngộ mà có. Hễ giác ngộ, những nỗi thống khổ ấy bèn biến mất chẳng còn nữa! Trong thế gian này, chúng ta tới nơi đâu để nghe âm thanh giác ngộ? Ngoài việc nghiên cứu kinh văn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói ra, quý vị đi đường hay lên núi, đến những chỗ đó, có nghe âm thanh giác ngộ hay chăng? Chẳng nghe thấy! Trong thế giới Cực Lạc, nước, chim, rừng cây, cho đến những âm thanh do chư Phật đã phát ra, đều khiến cho chúng ta giác ngộ, “*diễn xuất diệu pháp*”. Trong thế giới Cực Lạc, bất luận y báo hay chánh báo đều diễn diệu pháp. “*Dĩ thập nhị bộ kinh hợp*” (Xứng hợp với mười hai bộ kinh). “*Mười hai bộ kinh*” chính là những đạo lý do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Diệu pháp ấy phải ứng hợp mười hai bộ kinh. Nếu không phù hợp, sẽ chẳng đáng tin cậy! Đối với mười hai bộ kinh, xin xem đề cương bài giảng.

IV.2.2.13.1. Mười hai bộ kinh

Pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng gồm có mười hai bộ môn (Dvādaśāṅga Buddhavacana):

1) **Khế Kinh** (契經, Sūtra): Hết thấy các kinh văn đều gọi là Khế Kinh. Vì sao gọi là Khế? Khế (契) là phù hợp, tương xứng, khế cơ, khế lý. “Cơ” (機) biểu thị thính chúng, căn cơ. Pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói hết sức phù hợp [căn cơ của] thính chúng. Thính chúng nghe xong liền hoan hỷ tiếp nhận, tức là nghe hiểu. Ngoài việc khế cơ ra, còn phải khế lý, Lý là chân lý. Những pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng đều là chân lý. Vì thế, kinh văn của các kinh Phật đều được gọi là Khế Kinh, [ngụ ý] đã phù hợp căn cơ của người nghe kinh, lại còn phù hợp chân lý.

2) **Ứng Tụng** (應頌, Geya): Mỗi câu trong những bài tụng được in sau kinh văn gồm có năm chữ, hay bốn chữ, hoặc bảy chữ, chỉnh tề, cú pháp nhất trí, bèn được gọi là Tụng (頌). Phần Trùng Tụng sau kinh văn, như trong kinh Hoa Nghiêm hoặc kinh Pháp Hoa, mỗi đoạn kinh văn được nói xong còn Tụng Kệ (頌偈), [tức là] dùng phương pháp Tụng để nhắc lại ý nghĩa đã giảng trong phần trước một lượt, chọn lựa thể tài thi ca. Thơ Trung Hoa phải gieo vần, những bài Tụng trong kinh văn chẳng gieo vần. Số chữ trong mỗi câu giống nhau, đều bằng chẵn chẵn, nên gọi là Tụng⁵⁵. Do nhắc lại ý nghĩa trong kinh văn một lượt nên gọi là Trùng Tụng (重頌). Đây là [thể loại] Ứng Tụng.

3) **Phúng Tụng** (諷誦, Gāthā): Những lời lẽ tán thán Tam Bảo, dùng những câu rất chỉnh tề để tán thán Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo.

Ngoài ba loại trên đây (Khế Kinh, Ứng Tụng, và Phúng Tụng) đều là những thể tài trong kinh văn. Chín loại sau đây đều [phân định dựa trên] những chuyện được nói trong kinh văn, dựa theo từng chuyện để kiến lập danh xưng.

4) **Nhân Duyên** (因緣, Nidāna): Nêu rõ duyên khởi của kinh văn. Đức Phật nói bất cứ bộ kinh nào cũng đều có nhân duyên. Thí dụ nhân duyên của Thập Lục Quán Kinh đã được nói trong những phần trước.

⁵⁵ Chữ Tụng (頌) trong Ứng Tụng mang ý nghĩa ca tụng, ca ngợi, tán thán, thơ ca tán dương. Trong khi đó chữ Tụng (誦) trong Phúng Tụng có nghĩa là ngâm, đọc. Đối với việc đọc tụng, còn có hai cách nói phân biệt: Đọc thuộc lòng, không cần kinh bản là Tụng. Nhìn vào kinh văn để đọc ra thì gọi là Phúng (諷). Đôi khi chữ Tụng (誦) dùng với ý nghĩa xưng tụng, giống như chữ Tụng (頌).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Trong Tạng Kinh còn có rất nhiều kinh thuộc về Bốn Duyên Bộ⁵⁶ chuyên nói về nhân duyên, đều thuộc về thể loại này.

5) **Bốn Sự** (本事, Itivṛttaka): Các đệ tử của đức Phật suốt một đời này làm đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật. Có thể làm đệ tử đức Phật chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Trong đời trước của mỗi vị ấy đều có rất nhiều sự tích. “*Bốn Sự*” là nói tới những chuyện thuộc về đời trước của các Ngài.

6) **Bốn Sanh** (本生, Jātaka): Những chuyện về sự tu hành của chính đức Phật trong đời trước.

7) **Vị Tăng Hữu** (未曾有, Adbhutadharma): Nói tới những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, tức là những chuyện mà bọn chúng sanh chúng ta có suy tưởng cũng chẳng thể suy tưởng được, có nói cũng chẳng thể nói lên lời! Những chuyện chúng ta chưa từng thấy, chưa từng kinh nghiệm rất nhiều. Thậm chí chuyện chẳng tưởng tượng tới cũng quá ư là nhiều. Vì sao? Cái tâm của phàm phu hết sức hữu hạn, vì tâm lý của phàm phu suy tưởng chẳng ngoài đời người ngắn ngủi mấy chục năm. Phạm vi không gian hoạt động của chúng ta nhỏ bé như thế, bị thời gian rất ngắn ngủi, không gian rất nhỏ hẹp trói buộc, khiến cho chúng ta chẳng thấy, chẳng thể tưởng một thế giới rộng rãi to lớn hơn. Chuyện này đừng trách móc ai khác, hãy trách móc chính mình! Phàm phu tầm thường đều là như vậy. Đức Phật nói ra những chuyện chẳng thể nghĩ bàn mà bọn phàm phu chúng ta chẳng thể tưởng tượng được. [Những chuyện ấy] được gọi là Vị Tăng Hữu (chưa từng có).

8) **Thí Dụ** (譬喻, Avadāna): Mượn chuyện Giáp để nói chuyện Ất, lấy sự kiện này để sánh ví sự kiện khác. Vì sao? Những pháp do đức Phật đã nói, nói theo chân lý, chúng ta đều chẳng hiểu. Đức Phật có rất nhiều phương pháp, [chúng sanh] chẳng hiểu Lý, [đức Phật] bèn nói thí dụ. Ngài nói ra các thứ thí dụ, [khiến cho thính chúng] vừa nghe bèn hiểu rõ. Chẳng hạn như đức Phật dạy chúng ta học Phật thì phải hiểu rõ Phật tánh mà chính mình vốn sẵn có, tức bản tánh. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy: “*Chẳng hiểu rõ bản tánh giống như nấu cát*

⁵⁶ “Bộ” ở đây có nghĩa là một tiêu loại trong Đại Tạng Kinh. Để hệ thống hóa các kinh nhằm thuận tiện nghiên cứu, học tập, chư Tổ đã xếp những bản dịch khác nhau của cùng một kinh, những kinh có ý nghĩa tương tự, hoặc cùng thuộc một hệ thống giáo nghĩa thành từng bộ, chẳng hạn A Hàm Bộ, Bát Nhã Bộ, Hoa Nghiêm Bộ, Pháp Hoa Bộ, Bảo Tích Bộ, Đại Tập Bộ, Mật Bộ...

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

[*mà mong nấu*] thành cơm”. Kẻ “chẳng hiểu rõ bản tánh” là kẻ chẳng hiểu rõ cái ta chân chánh của chính mình, mê hoặc chân ngã, chẳng thể thọ dụng, theo đuổi những thứ hư giả. Những thứ hư giả là gì? Kẻ mong làm quan to trong thế gian, cứ ngỡ quyền cao chức cả thật sự tồn tại. Kẻ mong phát tài cứ ngỡ tiền tài là thứ thật sự tồn tại. Nêu ra hai điều ấy, những thứ khác cũng đều là như vậy. Kẻ chẳng liễu giải chân ngã, đều coi những thứ ấy là của chính mình, là sở hữu của mình, giống như coi cát, đá là gạo để nấu thành cơm, tới khi nào mới có thể nấu thành cơm? Chẳng thể nấu thành công! Đức Phật dùng thí dụ này để [chỉ rõ] người học Phật ắt phải hiểu rõ tâm tánh của chính mình. Sau khi đã hiểu rõ tâm tánh, sẽ đạt được chân ngã, đáng tin cậy hơn bất cứ thứ gì trong thế gian. Hết thấy mọi thứ trong thế gian đều chẳng đáng tin cậy, đều là những thứ hư giả, có ai hiểu lý này? Đức Phật nói thí dụ rất đơn giản: Nếu chẳng hiểu cái ta thật sự của chính mình, chẳng liễu giải tâm tánh, cứ coi những thứ giả là thật, sẽ là giống như “*nấu cát thành cơm*”, vĩnh viễn chẳng thể thành công! Những điều giống như vậy đều là nói Thí Dụ. Nói Thí Dụ hòng khiến cho người ta nghe xong sẽ hiểu rõ chân lý.

9) ***Luận Nghị*** (論議, Upadesa), Luận là biện luận, Nghị là nghị luận. Trong kinh văn, thường có đệ tử đức Phật nêu ra câu hỏi, đức Phật giải đáp. Khi ý nghĩa còn chưa được giải đáp rõ ràng, đệ tử lại nêu câu hỏi. Cách dùng lý luận để phân biệt cho rõ ràng thêm như vậy thì gọi là Luận Nghị.

10) ***Tự Thuyết*** (自說, Udāna): Đức Phật thuyết pháp, thông thường là đều có hàng đại Bồ Tát hoặc các vị đệ tử khái thỉnh. Tự Thuyết là không có ai khái thỉnh, đức Phật tự động nói ra. Chẳng hạn như kinh A Di Đà chẳng có ai khái thỉnh. Từ đầu đến cuối, đức Phật đều dạy ngài Xá Lợi Phất hãy lắng nghe, ngài Xá Lợi Phất hoàn toàn chẳng nêu câu hỏi nào! Toàn là do Thích Ca Mâu Ni Phật chủ động nói ra. Loại này gọi là Vô Vấn Tự Thuyết.

11) ***Phương Quảng*** (方廣, Vaipulya): Phương là ngay thẳng, Quảng biểu thị sự rộng lớn. Kinh Hoa Nghiêm có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Dùng danh từ Phương Quảng để biểu thị hết thấy các kinh điển Đại Thừa: Những điều được nói trong kinh văn đều nhằm dạy người ta đạo thành Phật. Kinh thuộc loại đại pháp được gọi là Phương Quảng.

12) ***Thọ Ký*** (授記, Vyākaraṇa): Đức Phật thọ ký cho các vị đệ tử, [nghĩa là] đức Phật huyền ký vị đệ tử nào đó trong tương lai sẽ chứng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

quả vào lúc nào, khi nào sẽ thành Phật, đó là Thọ Ký. Chỉ có đức Phật thấy rõ chuyện này cho nên Ngài nói ra, bọn phàm phu chúng ta ai có thể làm được? Do đại trí huệ, đức Phật thấy hết thấy đều rõ ràng, rành rẽ, đối với tất cả chúng sanh, quá khứ, vị lai, hiện tại, đức Phật vừa nhìn bèn hiểu rõ. Đó gọi là Thọ Ký.

Trên đây là mười hai bộ trong sự thuyết pháp của đức Phật. Chúng ta thường nói “*Tam Tạng mười hai bộ*” là chỉ mười hai bộ môn này. Khi tu quán tưởng Phổ Quán, quán tưởng thế giới Cực Lạc, thấy các thứ hoàn cảnh: Hữu tình chúng sanh, rừng cây là vô tình, tức y báo, còn có chư Phật thuộc về chánh báo, liền nói các pháp đều phù hợp với mười hai bộ kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Điều này đặc biệt quan trọng! Vì sao đặc biệt quan trọng? Nay chúng ta thấy Phật pháp rất hưng thịnh, khắp nơi đều có rất nhiều người học Phật, người diễn giảng cũng rất nhiều. Phàm những chỗ diễn giảng có phải đều là chánh pháp hay không? Chúng ta chẳng thể nói như vậy được! Nếu cất vấn: “Lời lẽ ấy chẳng phải là báng pháp ư?” Trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy rất rõ ràng, đừng nói là kẻ bình phàm, ngay cả đối với người đã dụng công đến mức độ ấy, trông thấy [những gì trong thế giới Cực Lạc], vẫn phải đối chiếu với mười hai bộ kinh, vẫn phải là phù hợp kinh điển thì mới tin tưởng. Chẳng phù hợp, chẳng thể tin tưởng! Huống hồ chúng ta ở trong thế gian này? Chúng ta ở trong thế giới Sa Bà, nhất định phải hiểu nguyên tắc này, bất luận nghe diễn giảng ở chỗ nào, nghe giảng kinh, chính mình phải biết [những điều đã diễn giảng] có khế cơ khế lý hay chẳng? Có phù hợp kinh Phật hay không? Nếu trái nghịch kinh Phật, dẫu là Phật tái lai [giảng nói], chúng ta cũng chẳng tin tưởng. Vì lẽ này, bậc thiện tri thức vào thời cổ đã bảo: “*Ly kinh nhất tự, tiện vi ma thuyết*” (Lià kinh một chữ, bèn là ma nói). “Ly” (離) là trái nghịch. Hễ có một chữ mâu thuẫn với kinh, sẽ chẳng phải là kinh Phật, mà là do ma nói. Chớ nên nghe pháp do ma nói. Kinh văn ở đây nói: Dụng công đã đạt đến mức độ đó, vẫn phải xét xem có phù hợp với mười hai bộ kinh hay không? Chúng ta trì danh niệm Phật, vì sao vẫn phải học kinh? Học kinh là mong thấy nhiều, biết rộng, gặp những chuyện như bên ngoài đã nói, chính chúng ta có năng lực phân biệt, biện định.

(Kinh) Nhược xuất Định chi thời, ức trì bất thất. Kiến thử sự dĩ, danh kiến Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới. Thị vi Phổ Quán Vương, danh đệ thập nhị Quán.

(經)若出定之時，憶持不失。見此事已，名見無量壽佛極樂世界。是為普觀想，名第十二觀。

(Kinh: Nếu lúc xuất Định, hãy nghĩ nhớ, gìn giữ chẳng để mất. Đã thấy chuyện này thì gọi là thấy thế giới Cực Lạc và Vô Lượng Thọ Phật. Đây là Phổ Quán Tưởng, gọi phép Quán thứ mười hai).

Trong lúc đang thấy y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hơn nữa, y báo và chánh báo đều diễn thuyết diệu pháp, đồng thời phù hợp mười hai bộ kinh. Đây là lúc nào? Lúc đang nhập Định (khi quán tưởng nhập Định) bèn trông thấy. “*Nhược xuất Định chi thời, ức trì bất thất*”, [nghĩa là] sau khi xuất Định, phải “*ức trì*” những điều đã thấy trong Định, [tức là] vẫn nhớ nghĩ những gì đã thấy trong Định, tiếp tục gìn giữ, chớ để mất đi. Bất luận ở trong Định, hoặc chẳng ở trong Định, tâm luôn đặt nơi y báo và chánh báo trong thế giới Cực Lạc. Trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương có nói: “*Tịnh niệm tương kế*” (Tịnh niệm tiếp nối). [Xuất Định bèn ức trì những gì đã thấy trong Định] chính là “*tịnh niệm tương kế*”. Có thể giữ được tịnh niệm tương kế, chúng ta sẽ chẳng phải là chúng sanh khổ não trong thế gian này. “*Kiến thử sự dĩ, danh kiến Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc thế giới*”: Thấy những sự ấy, gọi là thật sự thấy Vô Lượng Thọ Phật, tức chánh báo, và thế giới Cực Lạc, tức y báo. Chánh báo lẫn y báo đều trông thấy. “*Thị vi Phổ Quán Tưởng, danh đệ thập nhị Quán*”: Hai câu này là tổng kết. Phổ Quán Tưởng là quán gộp chung những điều đã quán tưởng thành công trong phần trước (toàn thể). Chính mình sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với hết thấy hoàn cảnh, tất cả Phật, Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thấy rõ ràng, rành rẽ, thì được gọi là Phổ Quán Tưởng, chính là phép Quán thứ mười hai trong Thập Lục Quán Kinh.

Đối với phép Quán này, các vị tổ sư thời cổ nói: Nếu chẳng hành các phép Quán trước, chuyên quán tưởng phép Quán này thì cũng hết sức tốt. Chúng ta học Trì Danh Niệm Phật, công khóa tụng niệm đều là trì danh. Lúc thông thường, chúng ta nghĩ đến hoàn cảnh tốt đẹp trong thế giới Cực Lạc, suy tưởng Phật, Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc. Thường tưởng như thế, tịnh nghiệp của chúng ta sẽ dần dần chín muồi. Khi tịnh nghiệp đã chín muồi, đến lúc thọ mạng chấm dứt, sẽ như nước chảy mãi thành giòng, tự nhiên “*theo đường về nhà*”. Hết thấy đều hết

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

sức quen thuộc, đến khi thọ mạng chấm dứt, nói vãng sanh bèn vãng sanh, tuyệt đối nắm chắc!

Tu bất cứ pháp nào cũng đều là chánh trợ song tu. Pháp môn Niệm Phật cũng là như vậy. Trì Danh Niệm Phật là chánh công phu, nhưng còn có những trợ công phu khác nữa. Thường nói: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*”, chớ làm hết thảy chuyện ác, đối với chuyện tốt phải phụng hành. Khi chúng ta không trì danh niệm Phật, tâm chiếu theo kinh văn để quán tưởng. Chúng ta tưởng hết thảy mọi sự trong thế giới Cực Lạc, tâm chúng ta đã đặt nơi đó, há có tâm tư nào khác để tạo nghiệp trong thế gian này, để tranh danh đoạt lợi với cùng kẻ khác? Tranh danh đoạt lợi với người khác, sẽ chẳng thể nào không tạo nghiệp. Hễ tạo nghiệp, sẽ chẳng thể vãng sanh. Do vậy, tâm thường quán tưởng chính là trợ pháp tốt nhất. Thật sự thường quán tưởng như vậy, sẽ chẳng có cơ hội tạo nghiệp.

Dưới đây là nói về sự cảm ứng. Quán tưởng thành tựu sẽ đạt được cảm ứng gì?

(Kinh) Vô Lượng Thọ Phật, hóa thân vô số, dữ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí, thường lai chí thử hành nhân chi sở.

(經)無量壽佛，化身無數，與觀世音，及大勢至，常來至此行人之所。

(Kinh: Vô Lượng Thọ Phật, hóa thân vô số, cùng với Quán Thế Âm, và Đại Thế Chí thường đến chỗ của hành nhân ấy).

Thường xuyên quán tưởng như vậy, “*Vô Lượng Thọ Phật, hóa thân vô số*”, Vô Lượng Thọ Phật trong thế giới Cực Lạc. Vô Lượng Thọ Phật là A Di Đà Phật, Ngài có vô số thân ứng hóa. “*Dữ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí*”, còn có [hóa thân của] Quán Thế Âm Bồ Tát, vô số [hóa thân của] Đại Thế Chí Bồ Tát, “*thường lai chí thử hành nhân chi sở*”, thường đến chỗ người tu hành phép quán tưởng này. Không chỉ là đến, mà còn thường đến. Đây là đạt được cảm ứng.

Vì sao có sự cảm ứng ấy? Chuyên tâm quán tưởng, ý niệm chẳng đặt nơi giả tướng trong nhân gian, chẳng tham cầu quyền thế, địa vị, tiền tài trong thế gian. Nếu nghĩ đến những món danh lợi ấy, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy cõi trời đất mênh mông nơi tâm linh. Chúng ta chẳng nghĩ tới danh lợi, tâm cảnh bèn rộng mở, có thể thấy bản tánh của

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chính mình, tức là “lý tánh” như người ta thường nói, chẳng xử sự theo cảm tình, lý tánh bèn từ bản tánh tỏ lộ. Chúng ta vận dụng tâm tư để thường tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, ánh sáng lý tánh (bản tánh) chói ngời của chúng ta bèn khai phát. Kinh dạy: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật (chúng ta đều là vị lai Phật), Pháp Thân của ba đời Phật hoàn toàn như nhau. Pháp Thân của Thích Ca Mâu Ni Phật và Pháp Thân của A Di Đà Phật cũng như Pháp Thân của chúng ta là vị lai Phật hoàn toàn nhất trí. Pháp Thân chính là bản thể. Bản thể đã là đồng nhất, hễ chúng ta quán tưởng, bản thể sẽ phóng quang; lẽ nào chẳng thể không cảm ứng Phật, Bồ Tát cho được? Tự nhiên Phật, Bồ Tát sẽ tới. Giả sử đâu óc chúng ta luôn suy tưởng quyền lực, dục vọng, làm thế nào để thỏa mãn quyền lực, dục vọng của chính mình, đóng chặt cánh cửa lớn nơi tâm linh của chính mình, những gì trông thấy đều là thế gian khổ não, lúc nào mới có thể thoát ly lực đạo? Vãng sanh cũng đừng mong mỗi nữa! Chúng ta phải tịnh niệm tiếp nối. Trì Danh Niệm Phật là chánh công phu. Chẳng Trì Danh Niệm Phật, bèn quán tưởng thế giới Cực Lạc, tâm tư chẳng nghĩ chi khác. Hễ nghĩ tưởng điều này, khi suy tưởng đã có công phu, công phu đã đắc lực, mở mắt hay nhắm mắt đều có thể thấy Phật, Bồ Tát.

Quán Kinh nói Nhất Tâm Tam Quán, hiểu rõ chính mình có Phật tánh, tức là Chân Như bản tánh. Nếu Chân Như bản tánh thấu lộ đôi chút tin tức, trí huệ của chúng ta sẽ to lớn khôn ngần, sẽ thấy được những cảnh giới tốt đẹp nhất, màu nhiệm nhất mà kẻ khác chẳng trông thấy. Phật, Bồ Tát có thể đến, mà chính mình cũng có thể đi, đều là do bản tánh có thể hiển lộ, cho nên mới có sự cảm ứng tốt đẹp như thế. Hôm nay, tôi nói đến chỗ này thì ngưng.

Tập 36

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang hai mươi một, bắt đầu từ hàng thứ ba từ dưới đếm lên. Tôi niệm trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: “Nhược dục chí tâm sanh Tây Phương giả, tiên đương quán w nhất trượng lục tượng, tại trì thủy thượng”.

(經)佛告阿難，及韋提希：若欲至心生西方者，先當觀於一丈六像，在池水上。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan và bà Vi Đề Hy: “Nếu là người chỉ tâm muốn sanh về Tây Phương, hãy nên quán tượng cao một trượng sáu ở trên mặt nước trong ao).

IV.2.2.14. Phép Quán thứ mười ba, Tạp Minh Phật Bồ Tát Quán

Hôm nay, nói tới phép Quán thứ mười ba. Trước phép Quán này, đối với y báo trong cõi Tây Phương, tức các thứ trang nghiêm nơi hoàn cảnh, và chánh báo (A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát) đều đã được nói trong những phần kinh văn trước đó. Trong phép Quán thứ mười ba, trước hết, đức Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy hãy quán một bức tượng A Di Đà Phật cao một trượng sáu. Vì sao? Chúng ta là những kẻ chưa chứng quả vị, lập tức quán Báo Thân Phật cao lớn dường ấy, có thể nói là chúng ta chẳng thể dụng công được! Ở đây, lại dùng pháp phương tiện, quán nhỏ hơn một chút, tức là [quán tưởng] tượng cao một trượng sáu. Phép Quán này hết sức quan trọng đối với người niệm Phật chúng ta. Vì sao? Bọn phàm nhân chúng ta mỗi ngày trông thấy các thứ trạng huống, tai nghe đủ mọi âm thanh, những gì sáu căn tiếp xúc đều là các giả tướng phiền não trong thế gian. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng v.v... chẳng có chuyện gì không gây ô nhiễm cho tâm lý của chúng ta. Ô nhiễm tâm lý là từng tâng sanh tử dầy hơn, chẳng thể thoát ly sanh tử luân hồi! Chánh công phu của chúng ta là trì danh niệm Phật. Ngoài niệm Phật ra, hãy chuyển biến tâm lý, chúng ta hãy nghĩ tới tượng Phật, nhất là đến đạo tràng để ngắm tượng Tây Phương Tam Thánh đang được thờ. Chỉ cần ngắm tượng Tam Thánh, sẽ gieo một chủng tử trong ruộng thức thứ tám. Điều này tốt hơn những phiền não do mắt thấy, tai nghe [từ cảnh giới] bên ngoài đem lại. Tuy công phu chánh yếu của chúng ta chẳng phải là tu pháp môn quán tưởng, nhưng đối với chuyện biến đổi tâm lý, giúp ích cho việc trì danh niệm Phật, sẽ hữu ích rất lớn!

Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật giảng xong phép Quán thứ mười hai; tiếp đó, “*Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy*”, [nghĩa là] đức Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy: “*Nhược dục chí tâm sanh Tây Phương giả, tiên đương quán u nhất trượng lục tượng, tại trì thủy*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thượng” (Nếu là người chí tâm muốn sanh về Tây Phương, trước hết, hãy nên quán một bức tượng cao một trượng sáu ở trên mặt nước ao). Đây là đoạn lớn thứ nhất.

“*Nhược dục chí tâm sanh Tây Phương giả*” (Nếu là người muốn chí tâm sanh về Tây Phương), “*chí tâm*”: Người học Phật phát ra cái tâm chí thành khẩn thiết, nhất định là khi thọ mạng chấm dứt, sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người chí tâm muốn sanh về Tây Phương, nhất định là trước hết phải quán một bức tượng Phật cao một trượng sáu, chẳng khác chiều cao nơi thân Thích Ca Mâu Ni Phật (Ứng Thân Phật) cho mấy, do vậy, tâm lượng và nhục nhãn của phàm phu rất dễ quán thấy. Trong phần kinh văn trước đó, đức Phật chẳng cần nói [cặn kẽ], chỉ riêng một tướng Vô Kiến Đánh (nhục kế) của Bồ Tát là đã tuyệt diệu lắm rồi! Hãy xem tượng Phật trên đỉnh đầu Quán Thế Âm Bồ Tát và bình báu [trên đỉnh đầu] của Đại Thế Chí Bồ Tát cao cỡ nào? Đức Phật càng tuyệt diệu hơn nữa! Ba mươi hai tướng của đức Phật, mỗi tướng đều tuyệt diệu cả! Bài kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di*” (Tướng bạch hào cuộn tròn như năm quả núi Tu Di), năm quả núi Tu Di đấy nhé! Có kẻ nói núi Tu Di chính là núi Hỷ Mã Lạp Nhã trên địa cầu; thật ra, chẳng phải vậy! Bọn phàm phu chúng ta chẳng trông thấy núi Tu Di thật sự, vì nó quá to! Một sợi bạch hào cuộn lại còn to bằng năm quả núi Tu Di. Đừng nói là núi Tu Di hay núi Hỷ Mã Lạp Nhã, dầu là Ngọc Sơn ở Đài Loan, chúng ta đến Ngọc Sơn, nếu không có ai dẫn đường, chỉ sợ sẽ lạc lối trong ấy, chẳng ra được! Vì thế, quán tưởng thân cao lớn, tâm lý của bọn phàm phu chúng ta chẳng quán được. Vì sao chẳng quán được mà vẫn phải giảng? Căn khí bất đồng! Có những người căn khí của họ có thể quán tưởng được, chứ căn khí bình phàm thì vô dụng! Nhưng chẳng cần biết có thể dụng công hay không, bộ kinh này chủ yếu giảng về Phật lý. Tuy chẳng thể dụng công, nhưng hiểu lý rất quan trọng! Chẳng có công phu tác quán, nhưng phải liễu giải: Thân Phật thật sự to lớn dường ấy, nhưng khi chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [thân thể] của chúng ta cũng to dường ấy, khiến cho chúng ta liễu giải thân Phật và bản tánh của chúng ta, đây mới là tự ngã thật sự! Hãy ngẫm xem, đối với chuyện trong thế gian, chúng ta còn phải tranh giành, mong cầu để làm gì nữa? Hiểu được những lý này, chỉ càng tăng thêm ý nguyện cầu sanh Tây Phương. Ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh nhất định sẽ tăng thêm. Vì vậy, trước hết là phải nêu ra lý. Phép Quán này vừa khéo phù hợp tâm lý của những kẻ bình phàm, hết sức thực dụng. Thân [Phật, Bồ Tát] cao lớn, do tâm lượng của chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhỏ noi, chẳng có cách nào quán được, phép Quán này cũng chẳng phải là chánh thức dụng công quán, mà là ngắm tượng Phật. Tâm tư của chúng ta hướng đến tượng ấy để tưởng, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn!

“*Tiên đương quán u nhất tượng lục tượng, tại trì thủy thượng*”: Trước hết, hãy nên quán một bức tượng cao một trượng sáu trên mặt ao. “*Trì thủy*” (池水) là nói tới ao bảy báu trong thế giới Cực Lạc, trong ấy, có nước tám công đức. Hễ nói đến ao nước, hãy tưởng những điều đã nói trong phần trước: Ao nước có hoa sen, hoa sen tỏa ra ánh sáng. Trong ánh sáng lại có tượng Phật. Từ tượng cao một trượng sáu cho đến nước trong ao, hãy quán tưởng toàn thể. Cảnh giới trước mắt chúng ta sẽ lập tức chuyển biến. Chẳng tưởng như vậy, cứ nhìn vào hoàn cảnh chung quanh, [ở trong] đạo tràng còn đờ, những người đến đạo tràng toàn là người tu đạo, chứ ở ngoài đường phố, sẽ gặp phải những hạng người như thế nào? Nếu xui xẻo, gặp phải kẻ xấu xa, những tai nạn đột ngột bất cứ lúc nào cũng có. Hoặc là chúng ta hữu ý hay vô tình ngó kẻ khác một cái, họ tưởng chúng ta gây bất lợi cho họ, ngay lập tức làm hại chúng ta. Đó là chuyện thường có! Hoàn cảnh trong thế gian này thật sự hết sức tệ ác. Lại như đường cao tốc hiện thời, vừa rộng rãi vừa nhanh chóng, nay đã trở thành những con đường có tốc độ thấp, tốc độ chậm rãi! Vì sao? Chúng sanh càng về sau, nghiệp báo càng tệ hơn! Đến thế giới Cực Lạc, há có tình huống ấy? Đường sá trong thế giới Cực Lạc rất rộng, chúng sanh đông đảo dường ấy, đôi bên chẳng trở ngại lẫn nhau. Suy tưởng như vậy, tâm chúng ta nghĩ tưởng hoàn cảnh ấy, trước mắt, chúng ta chẳng phải là người trong thế giới Sa Bà. Tâm chúng sanh đặt ở nơi đâu, sẽ là người ở nơi đó. Hễ hiểu tâm pháp sẽ biết ngay! Người niệm Phật chúng ta dấy khởi Phật hiệu, sẽ giúp chúng ta tưởng tượng hoàn cảnh tốt đẹp có tượng Phật trong ao bảy báu, tâm chúng ta sẽ chẳng giống những kẻ bình phàm! Nghiên cứu kinh văn đến đây, bất cứ lúc nào cũng suy nghiệm, cũng vận dụng như vậy, điều này sẽ hữu ích cho việc niệm Phật của chúng ta.

Dưới đây là một đoạn lớn nữa. Phép Quán này chia thành hai đoạn lớn. Đoạn trên đây đã nói xong, bắt đầu nói tới đoạn tiếp theo:

(Kinh) Như tiên sở thuyết Vô Lượng Thọ Phật, thân lượng vô biên, phi thị phàm phu tâm lực sở cập. Nhiên bỉ Như Lai túc nguyện lực cố, hữu ức tưởng giả, tất đắc thành tựu. Dẫn tưởng Phật tượng, đắc vô lượng phước, huống phục quán Phật cụ túc thân tướng!

(經)如先所說無量壽佛，身量無邊，非是凡夫心力所及。然彼如來宿願力故，有憶想者，必得成就。但想佛像，得無量福，況復觀佛具足身相。

(Kinh: Vô Lượng Thọ Phật như đã nói trên đây, thân lượng vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể tưởng nổi. Nhưng đức Như Lai ấy do nguyện lực từ xưa, hễ có ai tưởng nhớ Ngài, ắt được thành tựu. Chỉ tưởng tượng Phật, đã đạt được phước vô lượng, huống hồ còn quán trọn đủ thân tướng của đức Phật).

Đây là một tiểu đoạn trong đoạn lớn thứ hai. Trong tiểu đoạn này, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy (cũng là nói với người học Phật chúng ta): “*Như tiên sở thuyết Vô Lượng Thọ Phật, thân lượng vô biên*”: Như trong phần dạy về phép Quán đã nói trong phần trước, thân lượng Vô Lượng Thọ Phật là vô biên, “*phi thị phàm phu tâm lực sở cập*”: Tâm lực của phàm phu (những người chưa chứng quả vị đều là phàm phu) chẳng thể thấu đạt! Tâm lực là gì? Người đã chứng quả, tâm tư mở rộng, vô biên trạng huống đều có thể trông thấy. Tâm phàm phu chúng ta bị ràng buộc là vì trong tâm toàn là chuyện phiền não trong thế gian, phân biệt những thứ của ta hay của người khác, danh dự, địa vị, tiền tài, những nổi thị phi giữa con người với nhau, trong tâm chứa đầy đầy những chuyện ấy! Trong tâm toàn suy nghĩ những chuyện ấy, há còn có tâm lượng để nghĩ tới chuyện khác nữa ư? Tâm càng tưởng những chuyện ấy, cái tâm càng hẹp nhỏ, thế giới tâm linh thật sự rộng lớn bị che lấp. Tâm lý phàm phu luôn luôn là như vậy; do vậy, tâm lực phàm phu chẳng đủ sức [quán tưởng thân lượng thật sự và sự trang nghiêm nơi thân Phật, Bồ Tát]. [Thật ra], chẳng phải là tâm lực của phàm phu không đủ sức, mà nói cách khác, chính là do tâm lực phàm phu quá hữu hạn! Chẳng trông thấy thân lượng vô biên của đức Phật.

Tuy cái tâm phàm phu hữu hạn như thế, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật dạy: “*Nhiên bỉ Như Lai túc nguyện lực cố, hữu ức tướng giả, tất đắc thành tựu*” (Nhưng do đức Như Lai ấy có nguyện lực từ xưa, hễ có người nhớ tưởng, ắt sẽ được thành tựu). “*Bỉ Như Lai*” là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. “*Túc nguyện lực cố*”: Trong quá khứ, A Di Đà Phật phát tâm học Phật, thành Phật. Trong quá khứ, khi còn thuộc “*nhân địa*”, còn là tỳ-kheo Pháp Tạng (tu hành phát

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nguyện, còn chưa thành Phật, thì gọi là “*nhân địa*”, đã thành Phật là “*quả địa*”), đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nên gọi là “*túc nguyện*” (宿願). tức là nguyện lực trong quá khứ. Trong bốn mươi tám đại nguyện, có lời nguyện: Trong tương lai, sau khi Ngài đã thành Phật, hễ có chúng sanh “*hữu ức tướng giả, tất đắc thành tựu*” (hễ có ai nhớ tướng, ắt sẽ được thành tựu), hết sức từ bi! Những công phu khác chẳng dùng được, chỉ cần nghĩ đến A Di Đà Phật thì cũng có thể thành tựu. Đã có đại nguyện, lại còn có sức mạnh to lớn, tức túc nguyện lực; về sau, tỷ-kheo Pháp Tạng thành Phật, chính là A Di Đà Phật trong hiện tại. Do có mối quan hệ với nguyện lực trong quá khứ, hễ có ai ức tướng A Di Đà Phật, tất nhiên là có thể thành tựu.

“*Đản tượng Phật tượng, đắc vô lượng phước, hướng phục quán Phật cụ túc thân tướng*” (Chỉ tượng tượng Phật, đã đạt được vô lượng phước, hướng hồ còn quán trọn đủ thân tướng của Phật): Chỉ cần người học Phật nghĩ tới tượng Phật, ngắm tượng Phật trong đạo tràng, hoặc nếu không ngắm tượng Phật trong đạo tràng, lúc thông thường, trong tâm nhớ tưởng tượng Phật cao một trượng sáu trong ao bảy báu, sẽ được vô lượng phước. Đó là chuyện xác thực. Phật là bậc phước huệ song tôn (Lưỡng Túc Tôn), phước báo viên mãn, trí huệ cũng viên mãn. Vì thế, bọn phàm phu chúng ta chỉ cần đặt tâm niệm nơi tượng Phật, sẽ đạt được vô lượng phước báo. “*Hướng phục quán Phật cụ túc thân tướng*”: Hướng hồ lại có thể dụng công quán tưởng thân tướng đầy đủ viên mãn của đức Phật (những điều đã nói trong phần trước đều nhằm nói tới những điều ấy), công đức tuyệt diệu lắm! Có thể quán tưởng trọn đủ thân tướng, công đức càng to hơn nữa. Nay nói: Chỉ cần ức tướng Phật, sẽ có thể đạt được vô lượng phước. Chúng ta còn phải liễu giải, “*tượng*” [trong đoạn kinh văn này] chỉ là “*ức tướng*” (nghĩ nhớ), đương nhiên chẳng phải là quán trọn đủ. Quán thì phải chí tâm. Dùng cái tâm chí thành khẩn thiết để quán một bức tượng Phật cao một trượng sáu, sẽ giống hệt như quán tượng cao lớn thù thắng đã nói trong phần trước. Vì sao là như nhau? Do sức túc nguyện của A Di Đà Phật. Chẳng hoàn toàn là do sức của chính mình (hoàn toàn là sức của chính mình, đương nhiên là sẽ có cao thấp), còn phải thêm vào nguyện lực từ quá khứ của A Di Đà Phật gia bị lũ phàm phu chúng ta. Chúng ta chỉ cần dùng tâm chí thành để tưởng, sẽ đạt được công đức y hệt.

(Kinh) A Di Đà Phật, thần thông như ý, u thập phương quốc, biến hiện tự tại, hoặc hiện đại thân, mãn hư không trung, hoặc hiện tiểu thân, trượng lục bát xích. Sở hiện chi hình, giai chân kim sắc, viên quang Hóa Phật, cập bảo liên hoa, như thượng sở thuyết.

(經)阿彌陀佛，神通如意，於十方國，變現自在。或現大身，滿虛空中。或現小身，丈六八尺。所現之形，皆真金色。圓光化佛，及寶蓮華，如上所說。

(Kinh: A Di Đà Phật thần thông như ý, biến hiện tự tại trong mười phương cõi nước, hoặc hiện thân lớn đầy ấp hư không, hoặc hiện thân nhỏ, cao một trượng sáu hay tám thước. Hình tướng do Ngài hiện ra đều có màu sắc vàng ròng, viên quang, Hóa Phật [xuất hiện trong viên quang và thân quang] cùng với hoa sen báu đều như đã nói trong phần trước).

Tiểu đoạn này nói về cách quán tưởng các thứ thân do A Di Đà Phật tự tại biến hóa. Trước hết, phải liễu giải một quan niệm trọng yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ sợ mọi người sẽ dấy tâm phân biệt, dấy lên cái tâm phân biệt gì vậy? [Đối với cách] quán Tam Thánh trong phần trước, thân [của Phật và Bồ Tát] đều cao lớn thù thắng, còn phép Quán này là tượng cao một trượng sáu, sợ rằng [chúng sanh] sẽ so đo, dùng tâm lý phàm phu để so sánh, [cứ nghĩ] tượng cao trượng sáu quá kém! Công đức do quán tượng nhỏ sẽ thua kém [công đức của những cách Quán trước đó], hoặc nghĩ thân cao trượng sáu là giả, chẳng chân thật. Những điều phân biệt như vậy đều chẳng đúng. Chiếu theo Phật lý để nói, kinh văn trong phần trước đã có dạy: “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, hai câu này đặc biệt quan trọng.

Chúng ta quán Phật thì điều quan trọng nhất là phải liễu giải tâm pháp, “*vạn pháp duy tâm*”. Nếu tâm lượng của chúng ta đủ sức, có thể quán thân cao lớn thì cũng có thể phỏng theo. Quán vị Phật biến hóa (thân Phật cao một trượng sáu), chúng ta vẫn là phỏng theo đó, nhờ vào tượng Phật cao một trượng sáu để mô phỏng mà quán thành công thì [công đức quán tưởng] vẫn giống hệt như nhau. Hơn nữa, thân Phật có thể lớn hay nhỏ, do [đức Phật có] năng lực thần thông tự do tự tại, liễu giải đạo lý này, đối với tượng cao một trượng sáu hoặc tượng càng nhỏ hơn nữa, xét theo Lý, sẽ là hoàn toàn như nhau! Do vậy, Thích Ca Mâu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Ni Phật mong bọn học nhân chúng ta chớ nên dấy tâm phân biệt. Chẳng dấy tâm phân biệt, công đức mới là như nhau!

“A Di Đà Phật, thần thông như ý, u thập phương quốc, biến hiện tự tại” (A Di Đà Phật thần thông như ý, trong mười phương cõi nước, biến hiện tự tại). A Di Đà Phật có thể biến hóa, hiện hiện tự do tự tại trong mười phương quốc độ ngoài thế giới Cực Lạc. Biến hiện như thế nào? *“Hoặc hiện đại thân, mãn hư không trung. Hoặc hiện tiểu thân, trượng lục, bát xích”*: Hoặc hiện ra thân lớn đầy ấp hư không, hoặc hiện thân nhỏ hơn một trượng sáu, chỉ có tám thước. Đây là chỉ rõ: A Di Đà Phật có thể biến hiện tự tại trong mười phương quốc độ, hoặc nhỏ, hoặc lớn, có thể biến hóa thuận theo ý muốn của Ngài. Vì sao đức Phật có thể biến hiện tự tại trong mười phương cõi nước? Là do thần thông như ý. Thần thông: Có sáu loại thần thông. Các đại ngoại đạo ở Ấn Độ chỉ có năm loại thần thông, chẳng có môn thần thông cuối cùng là Lưu Tận Thông. Lưu Tận Thông là trừ sạch sành sanh tất cả phiền não và hết thầy chướng ngại. Nói cách khác, có những chướng ngại vật gây chướng ngại bản tánh, che lấp bản tánh [là vị] phạm nhân chúng ta hằng ngày trong tâm suy nghĩ toàn là những chuyện loạn tung phèo, toàn là chướng ngại và phiền não. Hễ đoạn trừ những chướng ngại và phiền não ấy, trừ sạch sành sanh, bản tánh sẽ tỏa sáng rạng ngời. A Di Đà Phật có hiệu là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang. Trừ khử tất cả chướng ngại, chẳng còn nữa, thì gọi là Lưu Tận Thông. Ngoại đạo Ấn Độ chẳng có [môn thần thông này].

Chúng ta học chánh pháp, tức Phật pháp thuần túy. Hiện thời, ở bên ngoài, ngoại đạo rất nhiều! Ngoại đạo bảo họ có thần thông, biết chuyện quá khứ của quý vị. Kẻ bình phạm vừa thấy lũ chúng nó nói chuyện quá khứ rất đúng, tin tưởng chúng nó. Chúng nó lần thêm một bước, bảo: “Mạng của quý vị chẳng tốt. Trong quá khứ đã tạo rất nhiều nghiệp, nay phải chuyển nghiệp. Chuyển như thế nào? Ta có cách, muốn chuyển thì phải bỏ tiền ra!” Nếu gặp phải hạng người như vậy, phải ngay lập tức tránh xa, chớ tin tưởng lũ đó. Hạng người ấy có thần thông hay không, rất đáng ngờ! Dẫu có thần thông đi nữa, họ có Lưu Tận Thông hay chẳng? Tin theo những trò vờ vĩnh của họ để làm gì cơ chứ? Chúng ta tin vào thần thông của đức Phật, đặc Lưu Tận, trừ sạch phiền não, quang minh trí huệ mở rộng thêm một tầng. Điều này đáng tin cậy nhất! Phải liễu giải kèm thêm một tầng này, đừng bị mê hoặc bởi những kẻ bên ngoài!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Ở đây, [kinh văn] nói tới thần thông như ý của đức Phật. Đức Phật có sáu món thần thông, “*nhu ý*” chính là Thần Túc Thông. Nói rộng ra, Như Ý có hai phương diện:

1) Nói theo phía chúng sanh, có thể đúng theo ý của chúng sanh. Chúng sanh mong gì, đức Phật bèn có thể thỏa ý chúng sanh. Tâm chúng sanh nghĩ đến Phật, Phật bèn hiển hiện. Thuận theo tâm lý, năng lực và trình độ học tập của chúng sanh, để thỏa ý họ. Chẳng hạn như trong phần trước đã nói cách quán tưởng thân cao lớn, thù thắng, họ chẳng làm được (chẳng quán tưởng được). Ở đây, bèn nói chúng sanh chí tâm, tưởng sanh về Tây Phương. Đây chính là tâm lý của chúng sanh, đức Phật liền thỏa ý chúng sanh, hiển hiện cho chúng sanh trông thấy.

2) Nói theo phía đức Phật, có thể thỏa ý của chính đức Phật. Đức Phật có ngũ nhãn, lục thông. Do có ngũ nhãn, nên thấy rành rẽ chúng sanh trong mười phương cõi nước. Trạng huống như thế nào, Ngài đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Do có sáu thứ thần thông, bất cứ chúng sanh nào trong mười phương quốc độ, tâm vừa nghĩ, đức Phật biết ngay.

Do có hai phương diện Như Ý ấy, cho nên đức Phật mới có thể biến hiện tự tại trong mười phương quốc độ!

Hiện thời, trong thời đại này, có rất nhiều tà thuyết, tà ma ngoại đạo rất lợi hại. Tôi vừa mới nói đến Ngũ Nhãn, chẳng ngại một lần nữa giới thiệu cùng quý vị đôi chút về Ngũ Nhãn. Sau khi đã giới thiệu, sẽ có lợi ích gì? Hễ thấy bên ngoài có kẻ nào nói tới chuyện này, chúng ta đã sớm biết, chẳng cần tin tưởng chuyện ấy, có gì đáng quý đâu nhỉ? Bản thân chúng ta tu tập, tu đến một mức độ nào đó, tự nhiên sẽ trọn đủ Ngũ Nhãn. Chưa tu đến mức độ ấy, dẫu tin tưởng người khác cũng vô ích!

1) Nhục nhãn: Mỗi người chúng ta đều có con mắt thịt, chẳng có gì kỳ lạ hết!

2) Thiên nhãn: Người tu hành thiên đạo thành công, sanh vào Sắc Giới Thiên, sẽ có Thiên Nhãn Thông. Ở trong nhân gian, [nếu] công phu tu Định thành tựu, cũng có thể đắc Thiên Nhãn Thông.

3) Huệ nhãn: Hàng Nhị Thừa (La Hán và Bích Chi Phật) có huệ nhãn. Mắt họ thấy khác với chúng ta. Chúng ta thấy núi, sông, đại địa, ngân hàng, đại tổng thống, hết thấy mọi chuyện đều thật sự tồn tại. Khi chúng đắc La Hán và Bích Chi Phật, sẽ thấy đại tổng thống và kẻ ăn mày như nhau, tiền trong ngân hàng, giấy nát vụn ngoài đồng và rác rưởi là bình đẳng. Huệ nhãn thấy hết thấy đều là những thứ hư giả, chẳng đáng để hâm mộ.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

4) Pháp nhãn: Đại Bồ Tát có pháp nhãn, có thể thấy đạo lý trong muôn pháp của thế gian, thấy hết thấy mọi chuyện rành mạch, pháp do đâu mà có, hình thành như thế nào, trong tương lai sẽ đạt được kết quả gì. Vừa nhìn bèn biết rành mạch. Đó là pháp nhãn.

5) Phật nhãn: Hoàn toàn trọn đủ bốn loại mắt trước. Lại còn thấy thấu triệt, viên mãn nhất. Lúc thầy tại thế, thường nói: “*Sau khi đã thành Phật, bao nhiêu hạt mưa, bao nhiêu giọt mưa ở ngoài tam thiên đại thiên thế giới, đức Phật đều thấy rõ ràng, rành rẽ*”.

Đó là Ngũ Nhãn của Phật. Sau khi đã hiểu rõ Ngũ Nhãn của Phật rồi, nhìn lại những kẻ bên ngoài đó, họ nói những mắt gì? Dầu nói hay ho cách mấy, chỉ cần quý vị lấy tiền ra, họ muốn quý vị đưa tiền cho họ là xong. Những kẻ đó nhục nhãn còn chưa nên thân, chúng ta là những kẻ đọc sách bình phàm, nhục nhãn đều thấy rõ ràng, rành rẽ, đặc biệt là đối với những điều đã nói ở đây, chúng ta có thể nhận biết pháp nào là thuần túy, pháp nào là giả, phải phân biệt rõ ràng!

Đức Phật có thần thông như ý, cho nên có thể biến hiện tự tại. Chúng ta học Phật chẳng phải là vì thần thông tự tại mới học Phật, điều quan trọng nhất là nhằm liễu sanh tử thành Phật. Hễ lậu tận, sẽ chẳng có sanh tử, vấn đề sanh tử bèn được giải quyết. Tiến hơn bước nữa là thành Phật, nay chúng ta niệm Phật, đạt đến nhất tâm bất loạn là được rồi. Chẳng đặc nhất tâm bất loạn, đối nghiệp vãng sanh cũng được, nhất định có thể đạt được Lưu Tận. Hơn nữa, hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có thần thông. Nếu chẳng có thần thông, sáng sớm trở dậy làm sao có thể đến cúng dường Phật trong mười vạn ức cõi Phật ở ngoài [cõi Cực Lạc]? Chẳng có thần thông, làm được hay chẳng? Vì thế, chúng ta liễu giải những chuyện này, nghe người trong thế gian nói đến thần thông, chúng ta chẳng cần tin vào những điều ấy. Hãy khéo thật thà niệm Phật là đáng tin cậy nhất.

Nói về sự biến hiện tự tại đã xong; kế đó, còn có những lời dặn dò hết sức trọng yếu: “*Sở hiện chi hình, giai chân kim sắc*” (Hình tướng được hiện đều là màu vàng ròng). Bất luận là đức Phật hiện thân lớn trọn khắp hư không, hoặc hiện thân nhỏ cao một trượng sáu, hoặc tám thước cũng thế, hình trạng thân thể được hiện ra đều là “*chân kim sắc*”, tức là màu của vàng ròng. Điều này giúp cho chúng ta phân biệt, nếu kinh văn chẳng nói như thế, chúng ta thấy tượng Phật sẽ phân biệt bằng cách nào? Trước kia, cũng có người hỏi thầy: “*Khi vãng sanh, Phật hiện đến, chúng con làm như thế nào để biết là Phật thật sự đến?*” Thầy trả lời: “*Bốn nguyện trong pháp môn Niệm Phật chẳng giống các pháp môn khác.*”

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Những pháp môn khác là ly tướng, chẳng thể chấp tướng. Pháp môn Niệm Phật là phải chấp tướng, mong thấy Phật tướng, thấy Phật tướng là tốt đẹp. Nhưng thấy Phật tướng vẫn phải thâm nhập phân biệt có phải là chân kim sắc hay không? Nhưng trong sát-na vãng sanh, chẳng rảnh rang để phân biệt, chỉ cần trông thấy Phật tướng, nhất định là đã cảm ứng Phật hiện đến”. Nhưng trong lúc dụng công quán tưởng thường nhật, khi quán tưởng, sẽ chẳng tránh khỏi trường hợp dụng tâm sai lầm, chẳng quán thấy đức Phật thật. Vì thế, ở đây, kinh Phật bèn dặn dò: Phạm những hình tướng [do đức Phật] hiện ra, đều là chân kim sắc. Quý vị thấy là màu vàng ròng, sẽ là chẳng giả, nhất định là chân Phật. Sau khi đã biết, hãy nắm vững điểm trọng yếu này: Thân Phật bất luận lớn hay nhỏ, đều là “chân kim sắc” (màu vàng ròng). “Viên quang Hóa Phật, cập bảo liên hoa, như thượng sở thuyết”: Những tướng khác như viên quang, Hóa Phật, cùng với hoa sen báu đều như trên đã nói, [tức là] đúng như trong phép Quán trước đã nói, chẳng cần phải nhắc lại. Trên đây chính là một đoạn trung bình thứ nhất trong đoạn lớn thứ hai, thuần túy quán tưởng Phật. Phần kinh văn dưới đây nói tới hai vị Bồ Tát:

(Kinh) Quán Thế Âm Bồ Tát, cập Đại Thế Chí, v nhất thiết xứ, thân đồng chúng sanh. Dẫn quán thủ tướng, tri thị Quán Thế Âm, tri thị Đại Thế Chí. Thử nhị Bồ Tát, trợ A Di Đà Phật phổ hóa nhất thiết. Thị vi Tạp Tướng Quán, danh đệ thập tam Quán.

(經)觀世音菩薩，及大勢至，於一切處，身同眾生。

但觀首相，知是觀世音，知是大勢至。此二菩薩，助阿彌陀佛普化一切。是為雜想觀，名第十三觀。

(Kinh: Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát ở hết thảy các nơi, thân giống như chúng sanh. Chỉ quán tướng đầu, bèn biết là Quán Thế Âm, hay là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ Tát này giúp A Di Đà Phật giáo hóa trọn khắp hết thảy. Đây là Tạp Tướng Quán, gọi là phép Quán thứ mười ba).

“Quán Thế Âm Bồ Tát, cập Đại Thế Chí, v nhất thiết xứ, thân đồng chúng sanh” (Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát ở hết thảy mọi nơi, thân giống như chúng sanh): Ở hai bên đức Phật, một vị là Quán Thế Âm Bồ Tát, vị kia là Đại Thế Chí Bồ Tát. Hai vị Bồ Tát ấy ở hết thảy mọi nơi, hai Ngài là bậc đại Bồ Tát đã đạt tới địa vị Nhất Sanh Bồ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Xứ Đẳng Giác, tuyệt diệu thay! Thân các Ngài cũng thù thắng, cao lớn, nhưng ở đây nói “*ư nhất thiết xứ*”, nghĩa là đến mọi nơi, các Ngài đều làm như thế này: Thân của hai Ngài giống như chúng sanh. Các Ngài hiển hiện thân tướng có vóc dáng giống hệt như chúng sanh bình phàm. Vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, thông thường, người ta cao tám thước, đức Phật cao hơn một chút, tức là một trượng sáu. Hai vị Bồ Tát này thân cao chẳng khác chúng sanh bình phàm cho mấy, tức là cao tám thước. Vì sao? Đây cũng là khiến cho chúng sanh dễ thấy rõ ràng, dễ quán tưởng. Vì thế, [các Ngài] hiển hiện thân giống như chúng sanh bình phàm. Hai vị Bồ Tát này có nhân duyên hết sức sâu dày với A Di Đà Phật. Vì thế, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng thế, mà A Di Đà Phật đến các thế giới phương khác để biến hóa cũng thế, hai vị Bồ Tát này đều vĩnh viễn cùng theo Phật đến hóa độ chúng sanh. Chúng sanh niệm Phật trong thế giới Sa Bà đến khi thọ mạng chấm dứt, sắp vãng sanh, đương nhiên sẽ thấy rất nhiều vị Bồ Tát, chủ yếu nhất là Tây Phương Tam Thánh tay cầm hoa sen đến tiếp dẫn. Do đó, trong kinh văn, sau khi nói về phép quán tưởng Phật, tiếp đó, bèn dạy về hai vị đại Bồ Tát này. Trong hết thảy mọi nơi, các Ngài đều giống như chúng sanh, như vậy thì sẽ dễ quán!

Bậc đại Bồ Tát đã đạt tới địa vị này, biểu hiện hình tướng tương đồng, giống hệt nhau. Khi chúng ta quán tưởng, phân biệt như thế nào? “*Đản quán thủ tướng, tri thị Quán Thế Âm, tri thị Đại Thế Chí*” (Chi quán tướng đầu, sẽ biết là Quán Thế Âm hay là Đại Thế Chí Bồ Tát): Khi chúng ta quán tưởng, hai vị Bồ Tát đều có ba mươi hai tướng, điểm khác biệt là: Trên đỉnh đầu Quán Thế Âm Bồ Tát là một bức tượng Phật. Trên đỉnh đầu Đại Thế Chí Bồ Tát có một bình báu. Xem tướng đầu sẽ phân biệt được. “*Thử nhị Bồ Tát, trợ A Di Đà Phật phổ hóa nhất thiết*”: Hai vị Bồ Tát này giúp A Di Đà Phật hóa độ trọn khắp hết thảy chúng sanh. “*Thị vi Táp Tướng Quán, danh đệ thập tam Quán*”: Phép Quán này được gọi là Táp Tướng vì quán tưởng Phật cùng với hai vị Bồ Tát, chẳng phải là thuần túy quán tưởng Phật, mà cũng chẳng phải là thuần túy quán tưởng Bồ Tát. Do gộp chung lại để quán, nên gọi là Táp Tướng Quán, gọi là phép Quán thứ mười ba.

Phép Quán thứ mười bốn bắt đầu giảng về phương pháp vãng sanh trong ba bậc chín phẩm, hết sức trọng yếu. Hôm nay tôi giảng đến chỗ này thì ngưng.

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản trang thứ hai mươi hai, bắt đầu từ hàng thứ sáu. Tôi niệm trước một đoạn ngắn trong kinh văn.

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Thượng phẩm thượng sanh giả, nhược hữu chúng sanh, nguyện sanh bỉ quốc giả, phát tam chủng tâm, tức tiện vãng sanh. Hà đẳng vi tam? Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Cụ tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc. Phục hữu tam chủng chúng sanh, đương đắc vãng sanh. Hà đẳng vi tam? Nhất giả từ tâm bất sát, cụ chư giới hạnh. Nhị giả đọc tụng Đại Thừa Phương Đẳng kinh điển. Tam giả tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Cụ thử công đức, nhất nhât nãi chí thất nhât, tức đắc vãng sanh”.

(經)佛告阿難，及韋提希：上品上生者，若有眾生，願生彼國者，發三種心，即便往生。何等為三？一者至誠心，二者深心，三者迴向發願心。具三心者，必生彼國。復有三種眾生，當得往生。何等為三？一者慈心不殺，具諸戒行。二者讀誦大乘方等經典。三者修行六念，迴向發願，願生彼國。具此功德，一日乃至七日，即得往生。

(Kinh: Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Thượng Phẩm Thượng Sanh là nếu có những chúng sanh nguyện sanh về cõi đó, phát ba thứ tâm liền được vãng sanh. Những gì là ba? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Có đủ ba tâm ấy, ắt sanh về cõi kia. Lại có ba loại chúng sanh, sẽ được vãng sanh. Những gì là ba? Một là từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh. Hai là đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ba là tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi kia. Trọn đủ công đức này, từ một ngày cho đến bảy ngày, liền được vãng sanh”).

IV.2.2.15. Thượng Phẩm Thượng Sanh Quán

Quán Kinh có mười sáu phép Quán, trong phần trước đã nói mười ba phép Quán, đoạn kinh văn vừa mới niệm chính là phép Quán thứ mười bốn. Từ chỗ này trở đi, hết sức quan trọng. Vì sao? Chúng ta thường nói “A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám nguyện, có chín phẩm tiếp dẫn chúng sanh về thế giới Cực Lạc”. Người học Tịnh Độ Tông trình độ khác nhau, sanh về thế giới Cực Lạc sẽ có phẩm vị cao hay thấp khác nhau. Chia đại khái, sẽ có chín loại phẩm vị. Hôm nay, bắt đầu nói về phẩm vị. Các thứ phép Quán đã nói trong phần trước là quán y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, các thứ hoàn cảnh tốt đẹp, cùng với đáng giáo chủ của thế giới Cực Lạc là A Di Đà Phật. Bên cạnh A Di Đà Phật là Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, phương pháp quán như thế nào đều đã nói. Nếu quán thành công, thấy đều mong cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì sao? Trong kinh A Di Đà đã nói rất rõ ràng: Thích Ca Mâu Ni Phật từ phạm phu cho đến thành Phật, trải qua thời gian lâu dài mới tu tập thành công. Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong thế giới Sa Bà tu thành công, lại ở trong thế giới Sa Bà hóa độ chúng sanh, đều hết sức khó khăn. Vì các thứ hoàn cảnh trong thế gian này (nhân tố khách quan) chẳng có thời khắc nào chẳng kéo người tu đạo chúng ta trở lại thế gian, trở ngại chúng ta tu đạo, khiến cho chúng ta chẳng thể thành tựu. Chúng ta muốn thành Phật, liễu sanh tử trong thế giới Sa Bà, chỉ nhằm giải quyết vấn đề sanh tử thì đã phải trải qua thời gian lâu cỡ nào mới có thể làm xong? Do vậy, mong mỗi một phương pháp hết sức mau chóng, chúng ta có thể hoàn thành ngay trong một đời này. Bất luận quý vị là một kẻ thông minh cỡ nào, trí huệ đến mức độ nào, đều mong cầu thay đổi hoàn cảnh. Ở trong một hoàn cảnh chẳng mau chóng như vậy (hoàn cảnh trong thế giới Sa Bà), nhất định phải đổi sang thế giới Cực Lạc. Vì thế, các phép Quán đã nói trước đó cho đến phép Quán thứ mười bốn đều nhằm bảo chúng ta phát tâm vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Xin xem kinh văn: “*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo vị đại đệ tử là tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy (hai vị này đều là bậc đương cơ của bộ kinh này). Bảo họ những gì? Phẩm vị cao nhất trong chín phẩm là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Trước hết, nêu ra danh xưng của phẩm vị. “*Thượng Phẩm Thượng Sanh giả*”: Người có thể Thượng Phẩm Thượng Sanh thì phải làm như thế nào mới hòng đạt được? “*Phẩm*” (品) là phẩm vị (品位), nói thông thường sẽ là “*giai vị*” (階位, tầng cấp, địa vị). Nói chung, chia thành ba bậc thượng,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trung, hạ. Trong bậc thượng, lại chia thành ba [bậc chi tiết hơn] là thượng thượng, thượng trung, thượng hạ. Bậc trung lại chia thành trung thượng, trung trung, trung hạ. Bậc hạ lại chia thành hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Gộp chung lại thành ba bậc chín phẩm. Có chín địa vị, mỗi địa vị cần phải trọn đủ những điều kiện khác nhau. Ở đây, bắt đầu nói về những điều kiện phải hội đủ của Thượng Phẩm Thượng Sanh.

Người niệm Phật chúng ta đều quan tâm hai chuyện:

1) Thông thường, niệm Phật nhằm mục đích đến khi tuổi thọ chấm dứt, sẽ an tường vãng sanh, chẳng như những kẻ bình phàm trong tâm hết sức hoảng sợ, chẳng biết đi về đâu! Người niệm Phật chúng ta đến khi hết tuổi thọ, chính là lúc phải sanh tâm hoan hỷ. Từ nhiều đời nhiều kiếp tới nay, xa xôi không nói, lấy ngay đời này để nói [mà thôi], chúng ta hứng chịu bao nhiêu nỗi khổ sở trong nhân gian, bao gồm phương diện thân thể và tâm lý tinh thần, nếu tính toán thì chính mình cũng chẳng tính rõ được. Nay sắp thoát ly thế gian đau khổ để về thế giới Cực Lạc, phải phát tâm hoan hỷ. Đây chính là điều chúng ta thường mong cầu.

2) Sau khi đã vãng sanh thế giới Cực Lạc, rốt cuộc chúng ta sẽ thuộc vào địa vị nào? Ất phải hiểu rõ chuyện này trước hết.

Trong bộ kinh này, những điều chúng ta quan tâm sẽ đều được giải thích. Thứ nhất là phải như thế nào thì mới có thể vãng sanh? Thứ hai là hiểu rõ điều kiện vãng sanh. Trong tương lai, phẩm vị của chính mình trong thế giới Cực Lạc là gì? Chính mình cũng sẽ biết.

IV.2.2.15.1. Chí thành tâm

“*Nhược hữu chúng sanh, nguyện sanh bỉ quốc giả*” (Nếu có chúng sanh, nguyện sanh về cõi ấy): Chúng sanh học Phật nếu như phát nguyện mong vãng sanh cõi ấy, chữ “*bỉ quốc*” chỉ cõi nước của Tây Phương Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật. “*Nguyện sanh bỉ quốc giả*” chính là người mong vãng sanh thế giới Cực Lạc. “*Phát tam chủng tâm, tức tiện vãng sanh*” (Phát ba thứ tâm liền được vãng sanh): Nếu phát ba thứ tâm thì khi thọ mạng chấm dứt, nhất định là có thể vãng sanh. “*Hà đẳng vi tam*”: Ba thứ tâm ấy là gì? “*Nhất giả chí thành tâm*” (Một là chí thành tâm), xin xem biểu đồ của bài giảng. Chí thành là gì? Chữ “*Thành*” (誠) rất trọng yếu. Học vấn của Nho gia cũng nói đến Thành. Thành đến cùng cực là “*chí thành*” (至誠). “*Minh Minh Đức*” (明明德,

làm sáng tỏ cái đức sáng) như sách Đại Học của Nho gia đã nói chính là “lòng thành đến mức tột cùng”. Minh Đức là sự khai phát [cái tâm chí thành]. Chí thành tâm là chân thật tâm; tổ sư chú giải như thế đó.

Bọn chúng sanh chúng ta đều có chân tâm, chân tâm là gì? Chúng ta có tư tưởng, có ý thức, đó có phải là chân tâm hay không? Thật ra, chẳng đúng! Cái tâm hiện thời của chúng ta tán loạn, chính mình chẳng thể làm chủ, nó là cái tâm hư vọng. Nói theo Duy Thức, đó là cái tâm hư vọng phân biệt. Bất cứ chuyện gì trong thế gian cũng đều do thức thứ sáu tức ý thức phân biệt. So sánh phân biệt là cao, là thấp, là tốt, là xấu, là người, là ta v.v... Những điều ấy đều là hư vọng. Trong chân tâm chẳng có tình hình ấy. Chân tâm là một bầu đại quang minh tạng. Vì thế, kinh A Di Đà đã giải thích ba chữ A Di Đà chính là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. “*Vô lượng quang*” hàm ý một bầu quang minh. Hãy nghiên cứu từ chữ này, một bầu quang minh biểu thị trí huệ, thấy rõ ràng, rành rẽ, những chuyện giả đều ở trong tầm mắt người ấy, vừa nhìn bèn thấy thấu suốt. Giả chẳng còn tồn tại, còn lấy đâu ra sanh tử? Sanh tử đều là giả tướng. Sở dĩ hiện thời chúng ta có sanh tử, là vì quang minh trí huệ từ chân tâm chẳng phát ra. Những gì chúng ta suy nghĩ và trông thấy đều là hư vọng, phân biệt, chẳng có quang minh thấu lộ từ bản tánh. Ở đây, nói tới chân thật và chí thành tâm, khiến cho chúng liễu giải bất cứ chuyện nào trong thế gian, cũng đều là giả pháp, là hư vọng. Kẻ bình phàm chẳng hiểu những điều ấy là hư vọng, ngỡ chúng là những thứ chân thật. Bản tánh bị những thứ hư giả che lấp, đòi đòi kiếp kiếp xoay chuyển trong những thứ hư giả chết rồi sống, sống rồi chết. Hết thấy đều là giả, chớ nên chấp trước, phải buông xuống. Phải thấy thấu suốt, buông xuống! Có như vậy thì tâm chí thành mới có thể phát xuất. Do vậy, đừng coi nhẹ hai chữ “*chí thành*”. Tổ sư chú giải “chí thành tâm” là chân thật tâm, tức chân tâm Chân Như bản tánh của chúng ta. Phải phát cái tâm chân thật ấy. Trong biểu đồ bài giảng, phía sau chữ Chí Thành Tâm là lời giải thích để khiến cho người dụng công biết cách phát khởi chí thành tâm như thế nào.

1) ***Biện chân ngụy*** (Biện định chân và ngụy): Đối với hành vi trong cuộc sống hằng ngày, chính mình hãy phân biệt những gì là thật, những gì là giả? Hành vi thường ngày của chúng ta được biểu hiện bằng ba phần: Một là động tác nơi thân thể. Hễ thân thể hành động bèn có nghiệp. Nghiệp là nhân. Mỗi hành động của chúng ta đều gieo cái nhân cho vị lai, sẽ kết thành quả trong tương lai. Biểu hiện nơi thân thể được gọi là “*thân nghiệp*”. Hai là mỗi người chúng ta đều phải nói năng. Hễ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nói năng bèn dùng miệng, tức là “*khẩu nghiệp*”. Ba là thân nghiệp và khẩu nghiệp bị ai chỉ huy? Bị tư tưởng chỉ huy, bị ý thức chỉ huy. Đó là “*ý nghiệp*”. Ba nghiệp thân, miệng, ý, mỗi người chúng ta có ai hằng ngày đầu óc không nghĩ tới chuyện này, chuyện nọ? Đầu óc dấy lên tư tưởng là ý. Tư tưởng chỉ huy thân, chỉ huy miệng, [do đó], phải tu ba nghiệp. Người chẳng tu đạo ăn nói tùy tiện, hành vi nơi thân thể cũng chẳng thể không chế, đầu óc mang ý niệm phạm tội (tội ác), trong tương lai sẽ bị hậu quả gì, cũng chẳng màng suy xét! Người tu đạo chúng ta phải liễu giải: Nghiệp là nhân, gieo nhân sẽ kết quả. Vì vậy, ba nghiệp của chúng ta đều phải tu. Hãy tu thiện nghiệp, đừng tạo ác nghiệp.

Chúng ta phải liễu giải thiện nghiệp. Kẻ bình phàm nói “người nào đó làm chuyện tốt”. Chuyện tốt được lắm, nhưng phải hiểu phương pháp. Chẳng hiểu phương pháp và đạo lý làm việc thiện, tốt thì cũng tốt đấy, nhưng công đức chẳng to cho lắm! Xin xem biểu đồ trong bài giảng: “*Tam nghiệp tu thiện, thanh tịnh tâm tác*”, [nghĩa là] thiện sự phải làm bằng cái tâm thanh tịnh. Miệng nói năng, các thứ biểu hiện qua hành vi nơi thân thể, những chuyện đầu óc suy nghĩ, đều phải phát khởi từ cái tâm thanh tịnh, thuần túy từ bản tánh của chính mình phát khởi, chẳng có mảy may tạp niệm nào! Tạp niệm là gì? “*Giáp tạp ác tánh, danh tạp độc chi thiện*”, [nghĩa là] trong khi ba nghiệp đang tu thiện, nêu trong ấy bị xen lẫn những chuyện ác, sẽ gọi là “*tạp độc chi thiện*” (điều thiện xen lẫn chất độc). Kẻ chẳng hiểu đạo lý, thoạt nhìn [sẽ tưởng] là đang làm lành, nhưng điều thiện ấy chẳng thuần túy, chẳng làm bằng cái tâm thanh tịnh, có xen lẫn độc tố trong ấy. Giống như ăn thứ chi đó, bất cứ thực phẩm nào, nếu bỏ thuốc độc vào đó, thoạt nhìn dường như là có thể ăn được, nhưng ăn vào sẽ bị hại. Xen tạp những gì sẽ là ác tánh? Kẻ chẳng tu đạo sẽ không biết, người tu đạo ắt cần phải dụng công. Thật sự nỗ lực nơi đạo thì mới có thể suy nghiệm, lãnh hội được. Ví như chúng ta giúp đỡ kẻ khác, bất luận bằng tiền tài hay sức lực, hoặc dùng mối quan hệ quen biết... các thứ điều kiện để chiếu cố kẻ khác, trong khi giúp đỡ, trong tâm cũng chớ nên mang ý nghĩ: Trong tương lai, ta sẽ đạt được những điều tốt đẹp nào, hoặc mong cầu người được giúp đỡ trong tương lai sẽ đền đáp. Giống như nhân sĩ hoặc các nhân vật nổi tiếng trong xã hội thường là “nay ta làm chuyện từ thiện, trong tương lai, danh cũng vậy, mà lợi cũng vậy, có thể thu được sự đền đáp rất nhiều!” Hễ có tâm lý ấy, nói theo Phật pháp, sẽ là “*hữu lậu thiện*”. Chẳng thể nói là không phải thiện, nhưng là hữu lậu thiện, chẳng rốt ráo! Chẳng mang cái tâm

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mong được đền đáp, vẫn có quả báo. Làm việc thiện trong tương lai [dẫu chẳng mong cầu] vẫn có đền đáp. Đó là “*vô lậu*”, vô lậu là rốt ráo!

Thiện nghiệp hữu lậu và vô lậu khác nhau ở chỗ nào? Thiện nghiệp hữu lậu thì trong tương lai sẽ đạt được báo ứng tốt đẹp, hưởng hết báo ứng, nó sẽ chẳng còn nữa; nhưng báo ứng vô lậu sẽ là công đức vĩnh viễn tồn tại. Có lợi ích gì? Giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Người niệm Phật chẳng phải là cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc ư? [Những thiện nghiệp vô lậu] giúp chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc. Có rất nhiều người sợ lúc lâm chung bị chướng ngại, nếu dùng cái tâm thanh tịnh để làm việc thiện mà chẳng xen tạp những điều mong cầu, trong tương lai, sẽ chẳng có bất cứ chướng ngại nào. Những điều ấy giúp cho chúng ta tu đạo. Chúng ta phát tâm chí thành, điều quan trọng nhất là phải tu đạo, giúp chúng ta thành tựu tịnh nghiệp thanh tịnh. Xen tạp ác tánh, có tâm lý đầu tư, làm việc thiện phô bày cho người khác thấy, trong tương lai, thu hồi một vốn vạn lợi. Không được rồi! Đây là đã xen tạp ác tánh vào đó, có độc tố tồn tại, tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Đây chẳng phải là chân thật tâm, mà cũng chẳng phải là chí thành tâm, ắt phải phân biệt chuyện này rõ ràng! Người khác không biết, người tu đạo chúng ta phải thật sự dụng công tu đạo. Nếu mong liễu sanh tử, thật sự nắm vững vãng sanh, chúng ta phải dụng công ở nơi đây. Căn cứ để phân biệt chân và ngụy là hai điều này. Sau đây, khi chúng ta tự mình dụng công, ba nghiệp sẽ biểu hiện rất thuần túy. Điều này giúp cho chúng ta niệm Phật [hữu hiệu].

2) ***Minh lưỡng lợi*** (Hiểu rõ hai điều lợi), tức là tự lợi và lợi tha. Đầu tiên là nói tới chuyện ác, phải “*ché xả tự tha chư ác*” (ché ngự, buông bỏ những điều ác nơi bản thân và người khác). Trước hết, bản thân chúng ta phải thấy: Chúng ta sống trong thế gian, đừng tưởng thế gian này khá lắm. Thế gian này không nơi nào chẳng là hoàn cảnh dẫn khởi kẻ khác phạm tội, hết sức xấu ác! Phải tự mình phản tỉnh. Nếu chúng ta chẳng có tâm lý phạm tội, hoàn cảnh bên ngoài như thế nào đi nữa, cũng chẳng ảnh hưởng chúng ta! Vì thế, tâm lý, hoàn cảnh bên ngoài có thể dẫn dụ chúng ta phạm tội, chính là vì trong nội tâm chúng ta đã có ý niệm phạm tội. Suy nghĩ như vậy, bản thân chúng ta phải cảnh giác: Bất luận bên ngoài chẳng tốt đẹp như thế nào đi nữa, hãy khởi đầu từ chính mình, chính mình phải không ché, ngăn dứt (ché ngự được), phải liả bỏ hết thảy những chuyện tội ác. Những chuyện tội ác chẳng thể nói trọn hết! Phải cấy vào công phu của chính mình, thời thời khắc khắc thể nghiệm.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thế nghiệm như thế nào? Tăng Tử của Nho gia truyền dạy bộ sách Đại Học. Sách Đại Học có nói “*minh Minh Đức*” (làm sáng tỏ cái đức sáng). Minh Minh Đức là gì? Phải “*cách vật trí tri*”! Cách vật trí tri (格物致知) là gì? Chính là quan sát ý niệm của chính mình. Ngay trong khi bản thân chúng ta dấy khởi ý niệm, hãy luôn liễu giải ý niệm là gì? Hễ chúng ta dấy lên ý niệm, không gì là chẳng nghĩ cho chính mình, nghĩ phải làm chuyện gì đó, nghĩ đến các mối quan hệ giữa người khác và ta. Thông thường, kẻ chẳng hiểu đạo và cũng chẳng chịu tu đạo, hễ dấy lên ý niệm, không gì chẳng nhằm “tồn người, lợi mình”, thâm tóm quyền lực và của cải của người khác về tay mình, càng nhiều càng hay, toàn là những ý niệm ấy. Người tu đạo chúng ta, đối với đạo Đại Học do Tăng Tử đã truyền, “*cách vật*” là thời thời khắc khắc suy xét, gạn lọc ý niệm ấy. Lâu ngày chầy tháng, công phu thành thực, chẳng khởi niệm thì thôi, hễ khởi niệm bèn là thanh tịnh, lợi ích người khác, chẳng tính toán vì chính mình. Như vậy thì mới có thể rạng ngời Minh Đức mà chính mình sẵn có. Nho gia vận dụng công phu này!

Ở đây, Phật pháp nói “*ché xả tự tha chư ác*”, nghĩa là khi chúng ta dấy lên bất cứ ý niệm nào, phải quán sát niệm ấy có phải là tồn người lợi mình hay không? Nếu chẳng phải là tồn người lợi mình, trong thế gian, hết thấy các thứ hình trạng và màu sắc đẹp đẽ, âm thanh dễ nghe, những âm thanh ồn ào nhức tai, những thứ thân thể tiếp xúc dầu tốt hay xấu, hết thấy mọi thứ đều ở trong ý niệm của chúng ta. Nếu chúng ta khởi niệm đều vướng mắc nơi những sự vật ấy, hãy ngẫm xem, đạo của chúng ta sẽ đi về đâu? Làm sao chúng ta minh tâm kiến tánh cho được? Trong tương lai, đến khi mạng chung, ý niệm của chúng ta vẫn cứ xoay vần trong đó, chẳng mong vãng sanh thế giới Cực Lạc cho được! Đây là đại chướng ngại. Vì vậy, niệm Phật chẳng đơn giản đâu nhé! Phải chánh trợ song tu: Chánh công phu là trì danh, tức là một câu A Di Đà Phật. Trợ công phu là khi chẳng niệm Phật, chẳng có thời khắc nào không nhắc nhở chính mình: Phạm phu chúng ta dấy lên ý niệm, đều là ý niệm tội ác. Chúng ta chớ nên tự tránh né, nếu chính mình tu đạo thì phải chí thành khẩn thiết liễu giải tâm niệm của chính mình, không chế ba nghiệp thân, khẩu, ý. Tiến hơn nữa trừ bỏ ý thức tội ác, trừ khử hết thấy những chuyện tội ác. Nói năng thì chớ nên thốt lời ác. Hiện thời, các vị biết những lời lẽ bên ngoài đều là tội ác, đều nhằm dẫn dụ chúng ta hướng đến sanh tử, đọa lạc tam đồ! Những chuyện đã làm đều là chuyện đọa lạc. Bản thân chúng ta đừng nên như thế, hãy thời thời khắc khắc kiểm điểm

chính mình, vứt bỏ hết thảy các chuyện tội ác. Đó gọi là “*chế kỷ chi ác*” (chế ngự tội ác của chính mình).

Lại nói đến “*tha*” (người khác). “*Tha*” chẳng phải là nói đến kẻ bình phạm, mà là nói tới những vị đã chứng quả vị đại Bồ Tát, như Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc Đại Thế Chí Bồ Tát trong phần trước. Các Ngài đều đã trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến trình độ ấy. Trong quá khứ, các Ngài đều trừ bỏ hết thảy ác nghiệp. Chẳng trừ bỏ hết thảy ác nghiệp, sẽ chẳng có địa vị như trong hiện thời. Do vậy, phải nghĩ những vị đại Bồ Tát đã có thể làm được, đều là trừ bỏ ác nghiệp rồi mới thành tựu. Chúng ta phải “*kiến hiền tư tề*” (thấy người hiền, mong được bằng như vậy). Trong sách Mạnh Tử, có chép câu nói của Nhan Uyên: “*Thuần hà nhân dã? Dư hà nhân dã? Hữu vi giả, diệc nhược thị*” (Vua Thuần là người như thế nào? Ta là người như thế nào? Hễ gắng sức thì cũng giống như Ngài vậy). Vua Thuần là thánh nhân, nhưng Ngài cũng từ con người mà trở thành thánh nhân. Chúng ta cũng là người, cũng có thể trở thành thánh nhân. Trở thành thánh nhân như thế nào? Điều kiện hàng đầu để giống như thánh nhân là đoạn trừ hết thảy tội ác. Điều này gọi là “*chế xả tự tha chư ác*”, nghĩa là vứt bỏ, không chế các điều ác của chính mình, chẳng làm nữa. Ngoài ra, còn nghĩ đến những người đã thành tựu, hòng tăng thêm tín tâm cho chính mình.

Điều thứ hai là “*cân tu tự tha phạm thánh đẳng thiện*” (siêng tu những điều thiện của ta, người, phạm, thánh v.v...): Siêng năng, khẩn thiết tu thiện nghiệp. Tu những thiện nghiệp nào? Các điều thiện của phạm, thánh v.v... “*Phạm thiện*” là thiện nghiệp nhân thiên trong thế gian; “*thánh thiện*” là thiện nghiệp xuất thế gian, đều chẳng ngoài những biểu hiện nơi thân, khẩu, ý. Nói cụ thể hơn, trong tâm suy nghĩ, miệng nói năng, những người tu đạo chúng ta ở cùng với nhau, chớ nên nói chuyện thị phi trong thế gian, hoặc những chuyện rối ren bát nháo tại Quốc Hội! Nói những điều ấy, có ý nghĩa gì chẳng? Chỉ ảnh hưởng đến tâm lý của chúng ta. Chúng ta nói những lời đó, họ cũng chẳng thể nghe lọt tai. Trong cái nhìn của họ: “Bọn người tu đạo nghèo khó các người đáng kể chi đâu?” Bọn họ chẳng nghe lời chúng ta, nhưng tối thiểu là chúng ta đừng bị họ ảnh hưởng! Chúng ta suy nghĩ, nói năng, bàn luận đạo nghiệp, bàn bạc những thứ tốt đẹp trong thế giới Cực Lạc, hoặc sự trang nghiêm của Phật, Bồ Tát. Trong thường nhật, tư tưởng thường đặt ở nơi ấy. Đồng tu gặp mặt nhau, đàm luận những chuyện này, tán thán A Di Đà Phật, chư đại Bồ Tát, ao sen bảy báu trong thế giới Cực Lạc, quang minh thuyết pháp, chim, cây diên pháp v.v... ca ngợi những

chuyện ấy. Đó là thiện, là xuất thế gian thiện. Tâm chúng ta đặt ngay nơi đó, chẳng cần đợi đến khi hết tuổi thọ, mà ngay trong lúc này, chúng ta dứt tuyệt cái duyên đối với những tội ác thế gian. Những nỗi thống khổ, thiên tai nhân họa trong thế gian sẽ chẳng có duyên phận với chúng ta. Chúng ta biết “nhân, duyên, quả”, có nhân, có quả, giữa đó còn có duyên. Nếu cắt đứt duyên, giống như dây dẫn điện, có giòng điện, có nguồn điện, nhưng chẳng có duyên, ánh sáng sẽ chẳng phát ra được. Trên thế gian, chúng ta từ nhiều đời nhiều kiếp tới nay đã tạo bao nhiêu tội nghiệp! Mỗi một tội nghiệp đều khiến cho chúng ta một phen sanh tử, đến hứng chịu tai nạn trong lục đạo. Chúng ta hãy nên cắt đứt cái duyên ấy.

Mọi người không nói gì thì thôi, hễ nói năng, bèn tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, duyên với thế giới Sa Bà sẽ bị cắt đứt. Bình thường, hãy nên siêng tu như vậy, siêng tu những thiện nghiệp của thánh, phạm v.v... Đến thời, sẽ như nước chảy thành giòng. Bình thường, tâm chúng ta [đã tập luyện] thành thực như vậy, tới khi thọ mạng chấm dứt, há chẳng phải là nhẹ nhàng quen lối theo đường về nhà ư? Có gì chướng ngại đâu nhi! Siêng tu những điều thiện phạm, thánh của ta và người v.v... một mặt là chính mình tu trì, mặt khác là nhìn xem bậc đại Bồ Tát tu thiện như thế nào: Trong lúc tu nhân địa, trước khi chứng quả, [các Ngài] đã làm các thứ công đức [như thế nào], chúng ta học theo những tấm gương đó. Đối với các điều thiện dù phạm hay thánh, đều phải tu tập rất siêng năng, sốt sắng!

Trừ điều này ra, “*kiến tam nghiệp thiện tất tán thán, ác bất tùy hỷ*” (thấy điều thiện nơi ba nghiệp, ắt tán thán. Đối với điều ác, chẳng tùy hỷ). Trong thế gian, còn có chẳng ít chúng sanh là người tốt. Ba nghiệp thân, khẩu, ý của họ đều thiện. Chúng ta trông thấy, càng phải thêm tán thán, cổ vũ, khích lệ, [do vậy], người khác cũng sẽ bắt chước làm theo, sẽ có lợi cho xã hội. Nói ngược lại, những kẻ ác trong xã hội cũng rất nhiều. Người tu đạo chúng ta chẳng cần hễ trông thấy bèn chửi bới hoặc căm ghét họ. Phật pháp luôn ôm lòng từ bi, thấy kẻ ác [bèn biết] nguyên nhân là do họ chẳng được giáo dục, tập khí ác quá sâu, bị ảnh hưởng bởi toàn thể hoàn cảnh. Vì thế, họ mới tạo ác nghiệp, tương lai chịu ác báo. Đối với họ, phải có lòng thương xót, nhưng mức độ thấp nhất là chẳng chỉ trích, trách móc, mà cũng chẳng tùy hỷ. [Nếu thấy] kẻ nào đó có biện pháp gây án rất cao minh, rất lợi hại, trong chốc lát bèn mưu mô chiếm đoạt lợi ích to lớn, [liên tán thán]: “Thông minh quá xá! Kẻ ấy tài ba lắm!” Quý vị tán thán như vậy, giống như cổ vũ, khích lệ kẻ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ấy dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để làm chuyện mưu đoạt, tổn người lợi mình! Chúng ta không chỉ chẳng tán thán, chỉ ôm lòng thương xót. Người tu đạo chúng ta phải nên có thái độ này. Chúng ta liễu giải những chuyện này, sẽ có thể dần dần khơi gợi cái tâm chí thành của chính mình, tức là khơi mở cái tâm chân thật của chính mình.

IV.2.2.15.2. Thâm tâm

Thứ hai là thâm tâm. Thâm tâm là gì? Tổ sư chú giải thâm tâm là tín tâm, dấy khởi tín tâm của chính mình. Tín tâm quan trọng, học Phật bất luận học theo tông nào, ngay như Thiền Tông nhấn mạnh sự hoài nghi, hoài nghi cũng là một phương pháp. Vì sao hoài nghi? Nếu chẳng có tín tâm mong thành Phật, chịu đựng vất vả tham Thiền để làm gì? Do vậy, bất cứ tông nào cũng đều phải có tín tâm! Kinh Phật có dạy: “*Tín là nguồn đạo, mẹ công đức*”. Hết thầy đạo đức đều sanh từ lòng tin. Vì thế, tín tâm rất trọng yếu. Do đó, phải phát lên ba thứ tín tâm, trong phần trước, chính là loại thứ nhất, tức chí thành tâm, nay nói tới loại thứ hai là thâm tâm (tín tâm).

Căn cứ theo chú giải của tổ sư, tín tâm có mấy điều như sau:

- Một, quyết tín chính mình bị tội ác quẩn trói, [nghĩa là] phải tuyệt đối tin tự thân chúng ta bị trói buộc bởi tội ác, chẳng được tự do. Đây là điều phải nhận thức trước hết về tín tâm.

- Hai, quyết tín luân hồi từ bao kiếp lâu xa, chẳng thể thoát ly. Phải tuyệt đối tin tưởng chúng ta từ nhiều kiếp xa xôi đến nay, sanh sanh tử tử luân hồi trong lục đạo, chẳng thể xuất ly!

- Ba, quyết tín Di Đà đại nguyện nhiếp thọ đại chúng vãng sanh: Phải quyết định tin tưởng bốn mươi tám đại nguyện do A Di Đà Phật đã phát (mỗi nguyện đều là đại nguyện). Do có những nguyện ấy tiếp dẫn chúng sanh, [cho nên chắc chắn sẽ] vãng sanh thế giới Cực Lạc.

- Bốn, quyết tín Thích Tôn thuyết giáo chẳng hư dối: Tuyệt đối tin tưởng đáng giáo chủ của thế giới Sa Bà là Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp tuyệt đối chẳng hư vọng chút nào, hoàn toàn là những lời lẽ chân thật.

- Năm, quyết tín nổi khổ tâm chứng tín của mười phương chư Phật: Chẳng hạn như trong kinh A Di Đà có nói sáu phương Phật (tức là mười phương chư Phật) hiện tướng lưỡi rộng dài tán thán pháp môn Tịnh Độ, khuyên mọi người phải tu học pháp môn này. Chúng ta phải tin tưởng mười phương chư Phật đều buốt lòng dạy dỗ cho chúng ta thành tựu.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

- Sáu, quyết tín những điều Phật dạy nên hành, nên bỏ; tùy thuận lời dạy của đức Phật: Phải đặc biệt chú ý chuyện này! Tín tâm là gì? Tín tâm là tùy thuận lời dạy của đức Phật, làm theo những điều đức Phật bảo nên hành và nên bỏ. Đức Phật dạy chúng ta sanh về đâu, chúng ta bèn tới đó. Ngài dạy chúng ta làm chuyện gì, chúng ta bèn nghe theo. Hết thấy tùy thuận sự giáo hóa của đức Phật, chớ nên hoài nghi là có đáng tin cậy hay không? [Đừng nên có những hoài nghi như]: “Thích Ca Mâu Ni Phật nói Tây Phương Cực Lạc thế giới xa xôi như vậy, chúng ta có thể đến đó hay không? A Di Đà Phật phát nguyện có hiệu quả hay không?” Chớ nên ôm lòng hoài nghi! Đức Phật dạy chúng ta tu như vậy, chúng ta bèn tu theo đúng như thế đó. Ngài dạy chúng ta hãy từ thế giới Sa Bà đến thế giới Cực Lạc, chúng ta liền nghe theo, chắc chắn chẳng sai! Nếu trong tâm có tí ti hoài nghi, sẽ chẳng có sức mạnh. Có tín tâm như vậy, sẽ có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn!

- Bảy, quyết tín trí huệ của Bồ Tát chẳng sánh bằng Phật, [Bồ Tát] thuyết pháp còn chẳng liễu nghĩa: Chỉ có bậc đã thành Phật khai Đại Viên Kính Trí, trí huệ mới viên mãn. Chưa đạt đến địa vị thành Phật, đều là bậc đại Bồ Tát thuyết pháp, hãy còn những chỗ chẳng liễu nghĩa. Điều này có nghĩa là chỉ có nghe đức Phật thuyết pháp [thì pháp ấy mới là liễu nghĩa]. Kinh A Di Đà, Quán Kinh, kinh Vô Lượng Thọ, ba kinh Tịnh Độ đều do đức Phật nói. Hiện thời, có rất nhiều người coi những cách nói khác là do chính miệng đức Phật nói ra, là liễu nghĩa nhất, rốt ráo nhất. Chúng ta tin tưởng điều này (điều thứ bảy), sẽ chẳng nghe theo những lời lẽ phản đối của kẻ khác.

- Tám, quyết tín Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn đều là các giáo pháp chẳng tương ứng, chẳng hiểu rõ lý vãng sanh: Đối với pháp môn vãng sanh của Tịnh Độ Tông, mọi người đã nghiên cứu kinh A Di Đà đều biết, ngài Xá Lợi Phất trí huệ dường ấy, nhưng đối với bộ kinh đó, Ngài chẳng nêu ra câu hỏi, Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát tham gia pháp hội ấy, cũng chẳng nêu lên một câu hỏi nào! Chỉ có Phật và Phật mới hiểu rõ đạo lý rốt ráo nhất. Ngay cả Bồ Tát, Duyên Giác, và Thanh Văn vẫn đều chưa hiểu lý vãng sanh đến mức rốt ráo nhất. Hiện thời, chúng ta thường nghe những kẻ bình phàm nói: “Các người học Tịnh Độ Tông chẳng hay bằng pháp môn ta đang học”. Quý vị chớ nên nghe theo lời lẽ ấy!

- Chín, quyết tín những gì khác với kiến giải của Phật đều là ma ngữ, hãy nên xa lánh: Bất luận kẻ đó có địa vị gì, có địa vị học thuật cao cả trong thế gian, nghiên cứu Phật pháp Tam Tạng mười hai bộ đều đọc

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thông suốt, nhưng nếu ăn nói mâu thuẫn với ba kinh Tịnh Độ (kiến giải của Phật), tức là có kiến giải khác với kiến giải của Phật, đó đều là ma ngữ (lời lẽ của ma), hãy nên tránh cho xa! Không chỉ là chẳng nghe theo, mà còn phải lánh xa! Chúng ta biết trong hoàn cảnh hiện thời, kẻ phản đối Niệm Phật rất nhiều. Bọn họ đều tự nhận là những người có học vấn rất rộng. Quý vị hãy xem những lời chú giải của tổ sư [được nhắc đến ở đây thì sẽ biết ngay]!

- Mười, quyết tín những kẻ dẫn kinh để chứng minh “không vãng sanh” là những kẻ chỉ biết Thông, chẳng biết Biệt: Điều này càng quan trọng hơn nữa! Có những kẻ chẳng phát biểu ý kiến của chính mình, họ trích dẫn kinh điển làm căn cứ để giả thiết: Thích Ca Mâu Ni Phật nói “chẳng cần vãng sanh. Chẳng cần vãng sanh thế giới Cực Lạc, mà thành Phật ngay trong thế giới này”. Đây là chỉ biết Thông, chẳng biết Biệt! “Chẳng vãng sanh” là pháp môn theo đường lối thông thường. Thích Ca Mâu Ni Phật đối với pháp môn theo đường lối thông thường, bèn nói theo lẽ thông thường. Pháp môn bình thường là để nói với những người thuộc căn cơ [thông thường] ấy. Pháp môn Niệm Phật là pháp môn đặc biệt; pháp môn đặc biệt khác với pháp môn thông thường ở chỗ nào? Pháp môn thông thường cũng nói đến chuyện thành Phật, cũng nói tới chuyện liễu sanh tử, bước đầu tiên là liễu sanh tử, bước thứ hai là thành Phật, chúng ta cũng thế. Vấn đề là thời gian để họ liễu sanh tử và thành Phật phải rất lâu xa! Để liễu sanh tử, phải bảy lượt sanh tử trong nhân gian hoặc trên cõi trời; để thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp! Còn pháp môn đặc biệt thì có thể hoàn thành ngay trong một đời. Chiếu theo phương pháp này để niệm Phật vài chục năm, sẽ có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hễ vãng sanh, sẽ liễu sanh tử, có thể thành Phật rất nhanh chóng. Đây là pháp môn đặc biệt. Những kinh thông thường sẽ dạy về pháp môn thông thường. Những kẻ dẫn kinh để thốt lời phản đối tức là chỉ biết pháp môn thông thường, chẳng biết tới pháp môn đặc biệt. Chúng ta cũng phải liễu giải điều này.

Hôm nay, tôi giảng đến chỗ này thì ngưng, những điều khác sẽ nói trong lần sau.

Tập 38

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang thứ hai mươi hai, bắt đầu từ hàng thứ sáu. Tôi niệm trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Thượng Phẩm Thượng Sanh giả, nhược hữu chúng sanh, nguyện sanh bỉ quốc giả, phát tam chủng tâm, tức tiện vãng sanh. Hà đẳng vi tam? Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Cụ tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc”.

(經)佛告阿難，及韋提希：上品上生者，若有眾生，願生彼國者，發三種心，即便往生。何等為三？一者至誠心，二者深心，三者迴向發願心。具三心者，必生彼國。

(Kinh: Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Thượng Phẩm Thượng Sanh là nếu có chúng sanh, nguyện sanh về cõi ấy, phát ba thứ tâm, liền được vãng sanh. Những gì là ba? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Có đủ ba tâm ấy, tất sanh về cõi kia”).

Lần trước, tôi đã khởi sự giảng đoạn kinh văn này. Hôm nay, tôi nhắc lại phần đầu một lần nữa. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy: Nếu muốn đạt Thượng Phẩm Thượng Sanh, tiếp đó, Ngài bắt đầu nói về những điều kiện của Thượng Phẩm Thượng Sanh. Nếu có chúng sanh muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, mà phát ba loại tâm, sẽ tuyệt đối có thể vãng sanh. Ba thứ tâm ấy là gì vậy?

1) Thứ nhất là chí thành tâm, tức là cái tâm chân thật nhất, phát xuất từ bản tánh.

2) Thứ hai là thâm tâm. Những gì đã nói trong lần trước chỉ là “tiêu văn” (消文, giải thích ý nghĩa theo mặt văn tự). Trong biểu đồ bài giảng, tôi đã nêu tổng cộng mười điều. Chúng ta tu pháp môn Trì Danh Niệm Phật, đối với mười điều thâm tâm ấy, còn phải nói cao hơn một bước nữa. Hôm nay, chúng tôi chọn ra mấy điểm trọng yếu để lại nghiên cứu đôi chút.

Thâm tâm là nói tới tín tâm. Chúng ta tu pháp môn Niệm Phật của Tịnh Độ Tông, quan trọng nhất là ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh. Tín tâm được kiến lập như thế nào? Tín tâm thông thường vẫn chưa đủ, phải tin rất sâu. Tin rất sâu là như thế nào? Ví như trong điều thứ nhất, mỗi cá nhân tuyệt đối phải tin tưởng bản thân chúng ta bị đủ mọi thứ quán trói, giống như bị từng sợi dây trói chặt, chẳng được tự do. Đây là một loại tỷ dụ. Kẻ chẳng liễu giải đạo lý sẽ nghĩ: “Có gì trói buộc chúng ta đâu?”

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Chúng ta muốn nghĩ gì, muốn làm gì đều tự do tự tại”. Thật ra, họ chẳng liễu giải: Kinh Phật nói, đối với những tội ác do chúng ta đã tạo từ vô thủy kiếp tới nay, nếu chúng có thể tương, tận khắp hư không sẽ chẳng thể dung nạp; chúng tỏ chúng ta đã tạo tội ác quá u là nhiều! Kẻ bình phàm đều chẳng liễu giải, nếu quý vị nói họ có rất nhiều tội ác, họ cãi lại ngay lập tức: “Tôi có tội ác gì chớ? Tôi làm chuyện xấu gì chớ?” Người tu đạo mới liễu giải, chính mình phải phản tỉnh, dấy lên ý niệm là tội ác. Đối với những thứ đẹp đẽ bên ngoài, âm thanh dễ nghe, hương vị ngon lành, hễ tâm tư của chúng ta dấy lên ý niệm, tức là đã phan duyên nơi đó. Những điều ấy đều là chuyện tạo nghiệp, kẻ bình phàm chẳng thể giác ngộ!

Chúng ta học pháp môn Niệm Phật phải biết: Kẻ bình phàm chẳng thể ngay lập tức sám hối trừ sạch tội ác được! Chẳng sai! Sám hối có thể trừ khử [tội nghiệp], nhưng phải hỏi: “Chúng ta có công phu ấy hay chẳng? Có năng lực để sám hối như vậy hay không?” Kinh dạy: “*Tội tùng tâm khởi, tương tâm sám*” (Tội từ tâm khởi, dùng tâm sám). Phải sám hối bằng chân tâm thì mới có thể [sám trừ nghiệp chướng], nhưng có mấy ai trong chúng ta có thể dấy khởi chân tâm của chính mình? Kẻ bình phàm chẳng liễu giải, vì sao ắt phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới? [Họ cứ nghĩ] ở trong nhân gian có thể thành Phật, có thể xuất ly lục đạo luân hồi, chẳng biết chính mình có bao nhiêu tội, cũng chẳng biết chính mình có năng lực trừ sạch tội hay không? Do vậy, người học Phật chúng ta phải thời thời khắc khắc phản tỉnh công phu của chính mình, rất hiện thực! Khi chúng ta gặp phiền não đưa tới, Phật hiệu chẳng đề nén được, có thể suy ra để thấy công phu của chính mình đạt đến mức độ nào! Dùng Phật hiệu mà chẳng đề nén phiền não được, chúng ta còn có thể giải trừ tội ác từ vô thủy kiếp tới nay hay không? Liễu giải điều này, chúng ta ắt phải mong cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải đối nghiệp vãng sanh. Trong hiện thời, có những kẻ nói “chẳng cần đời nghiệp vãng sanh”, hoặc “căn bản là chẳng cầu vãng sanh, cứ ở ngay trong thế giới Sa Bà mà thành tựu”. Đường lối của họ ra sao? Chúng ta không biết, nhưng chúng ta hiểu rõ chính mình tuyệt đối chẳng đủ sức, phải giác ngộ tầng ý nghĩa này!

Còn nữa, điều thứ chín dạy chúng ta phải tin tưởng tuyệt đối: “Những gì khác với kiến giải của Phật đều là ma ngữ”. Hễ những kiến giải nào chẳng giống kiến giải của Phật, sẽ đều là ma ngữ, hãy nên tránh xa. Chúng ta học Phật, đức Phật chẳng ở trong thế gian, chúng ta cậy vào đâu? Cậy vào kinh Phật. Nếu có kẻ nói: “Chẳng cần nghe theo lời dạy

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trong kinh Phật, lời ta nói còn cao minh hơn kinh Phật! Kinh Phật do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói từ hơn hai ngàn năm trước, hiện tại là thời đại khoa học, chúng ta phải ăn nói phù hợp khoa học, nói theo kiểu hiện đại thì mới hữu dụng”. Kẻ nói những lời này, cũng có lẽ học vấn hết sức rộng, của cải và địa vị chánh trị cũng rất cao. Bất luận người ấy có thân phận hoặc địa vị gì, chỉ cần kẻ ấy thốt lời bài xích, báng bổ kinh Phật, [những gì kẻ đó nói đâu nghe có vẻ hợp lý đến đâu đi nữa] đều là ma ngữ, đều là những lời lẽ do ma thốt ra, chúng ta chẳng cần nghe theo. Tổ sư cũng nói: “*Ly kinh nhất cú, tiện thị ma thuyết*” (Lìa kinh một câu, chính là ma thuyết). Chúng ta thời thời khắc khắc phải ghi nhớ, chỉ cần bất cứ câu nào chẳng phù hợp kinh văn, sẽ là ma thuyết!

Lại xem điều thứ mười. Nếu có những kẻ cũng dẫn kinh Phật để nói: “Quý vị nói pháp môn Tịnh Độ, phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng trong khá nhiều kinh điển, trọn chẳng nói ‘phải vãng sanh Tây Phương’, mà luôn nói ‘phải minh tâm kiến tánh’. Khai phát tự tánh là có thể đoạn phiền não, thành Phật”. Tuy những kinh đã dẫn cũng toàn là do đức Phật đã nói, nhưng tổ sư nói hay lắm: “Chẳng sai! Kinh đã trích dẫn cũng là do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật nói một bộ kinh ấy [nhằm thích hợp với căn khí của một loại đối tượng nào đó mà thôi]. Quý vị chẳng thể căn cứ trên bộ kinh ấy để phê bình, bài bác, phản đối kinh Tịnh Độ Tông”. Rất nhiều kinh giảng về pháp môn thông thường, người dẫn kinh chỉ biết đến pháp môn thông thường! Kinh điển Tịnh Độ Tông là do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy về pháp môn đặc biệt, nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp, chỉ có pháp môn đặc biệt là thành tựu nhanh chóng nhất. Vì thế, chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, hoàn toàn chẳng phải là tất cả các kinh đều nên xem, ắt phải được tổ sư chỉ điểm [những kinh điển nào nên xem hòng phù hợp với căn khí của chính mình]. Pháp môn đặc biệt là một pháp môn đặc thù, chẳng giống các pháp môn thông thường. Chỉ biết là pháp môn bình thường mà không biết tới pháp môn đặc biệt, dẫn đọc trọn khắp các kinh điển Đại Thừa, vẫn chẳng hiểu pháp môn đặc biệt. Trong kinh Di Đà, vị đại đệ tử là Xá Lợi Phất trí huệ cỡ nào, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trí huệ cỡ nào, nhưng các vị đại Bồ Tát và đại đệ tử trong suốt bộ kinh ấy chỉ lắng nghe, thậm chí chẳng nêu một câu hỏi nào (chẳng có cách nào hỏi). Có thể suy ra để biết, pháp môn này chỉ có Phật mới biết, là cảnh giới cao nhất của Phật, những kẻ học Phật bình phàm làm sao biết được?

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Sau khi chúng ta liễu giải những điều này, người khác càng xúi giục chúng ta đừng tin lời tổ sư, chúng ta càng phải tăng tấn tín tâm của chính mình. Đây mới là “*tin sâu chẳng nghi*”.

IV.2.2.15.3. Hồi hướng phát nguyện tâm

Chúng ta đã biết hai loại tâm trước đó, loại thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm: Thệ nguyện nhất định phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hồi hướng phát nguyện như thế nào? Có ba điều. Kinh Phật nói đến hồi hướng và phát nguyện rất nhiều. Các pháp môn bất đồng, phải liễu giải ở đây là sự hồi hướng phát nguyện được nói trong Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh của Tịnh Độ Tông, chúng ta phải đặc biệt chú ý (xin xem biểu đồ trong đề cương bài giảng).

1) “*Quá hiện tam nghiệp sở tu thế, xuất thế thiện căn*” (Thiện căn thế gian và xuất thế gian đã tu nơi ba nghiệp trong quá khứ và hiện tại): “*Quá*” (過) là quá khứ, nhưng chẳng phải là quá khứ của một đời hiện tại này, mà là đời trước của đời trước. Trước đời trước lại có đời trước nữa, đó là “*quá khứ*”. “*Hiện*” (現) là hiện tại, tức là một đời này. “*Quá hiện*” là thời gian lâu xa từ nhiều đời trong quá khứ cho tới nay, cho đến đời hiện tại này. “*Tam nghiệp*”: Nghiệp (業) là tạo tác, những chuyện do kẻ bình phàm đã làm được gọi là “*sự nghiệp*” (事業). Chúng ta nói ba nghiệp là dùng thân thể để biểu hiện, để làm ra các chuyện thì gọi là “*thân nghiệp*”, dùng miệng để nói năng, kể cả viết chữ, soạn văn chương, đều gọi là “*khẩu nghiệp*” (những sự nghiệp được tạo bởi miệng). Ngoài thân và khẩu ra, quan trọng nhất là tư tưởng, tức ý nghiệp. Các thiện căn đã tu, các thiện nghiệp đã tạo nơi ba phần thân, khẩu, ý từ đời quá khứ cho đến đời hiện tại. Có thiện nghiệp thì mới gieo thiện căn. “*Thế*” (世) là thế gian, “*xuất thế*” (出世) là xuất thế gian, tức vượt ngoài thế gian, có tầng cấp càng cao hơn. Chúng ta học Phật thì phải học pháp xuất thế gian, vì trong thế gian đều là chẳng tự do, có sanh tử. Hễ xuất thế gian thì vấn đề sanh tử đã được giải quyết. Trong đời quá khứ và đời hiện tại, xét theo thiện nghiệp do chúng ta đã tạo nơi thân, khẩu, ý, [sẽ thấy] thiện nghiệp có khi tương ứng với thiện nghiệp thế gian, có khi tương ứng với thiện nghiệp xuất thế gian. Đó là những thiện căn đã gieo trồng.

Điều thiện thế gian thì thí dụ như là Ngũ Luân được nói trong văn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

hóa Trung Hoa: Làm con cái phải trọn hết hiếu đạo đối với cha mẹ, chính mình trong tương lai, khi khôn lớn, sẽ làm cha mẹ của kẻ khác, có lòng Từ đối với thế hệ kế tiếp, duy trì Ngũ Luân. Thuộc về địa vị nào, bèn gìn giữ bốn phận thuộc địa vị ấy, trọn hết bốn phận. Đó là thế gian thiện. Xuất thế gian thiện là ngoài những điều thiện thế gian ra, chúng ta nhất định phải cầu đạt được giác ngộ, lìa khỏi thế gian, mong sao có thể thành tựu thánh nhân. Đó là xuất thế gian thiện. Xuất thế gian thiện hết sức trọng yếu! Thế gian thiện đều chẳng rốt ráo. Tu pháp xuất thế gian, nay chúng ta học Tịnh Độ Tông, tu pháp môn Niệm Phật, một mặt là chính mình niệm Phật, [mặt khác] là cũng khuyên kẻ khác niệm Phật. Trợ công phu là tin nhân quả, làm việc thiện. Đối với nhân quả, ắt phải nói đến nhân quả ba đời, thời thời khắc khắc giữ [ý niệm] “*nhân quả ba đời*” trong tâm, chính mình tin tưởng sâu xa, làm chuyện gì cũng chớ nên trái nghịch nhân quả ba đời. Chúng ta trò chuyện với người khác, hãy dạy người ta cũng phải tin sâu nhân quả ba đời. Điều này sẽ giúp cho chúng ta tu xuất thế gian thiện.

Thiện căn thế gian và xuất thế gian là gì? Đối với chữ Căn (根), chúng ta đã học rất nhiều điều thiện thế gian và xuất thế gian, do những điều thiện ấy, dần dần vun bồi căn lành ấy. “*Căn*” có ý nghĩa giống như một cái cây, sanh trưởng rất vững chắc nơi đất, sâu dày đến nỗi chẳng thể nhổ được. Đây là một ý nghĩa. Hơn nữa, Căn không chỉ có thể bén rễ vững vàng rất chắc chắn, mà còn có thể sanh trưởng. Đã có căn, lại tiếp tục tạo thiện nghiệp. Chúng ta cũng có thể dùng văn hóa Trung Hoa để xem xét điều này. Trong thiên Hồng Phạm của sách Thượng Thư có nói tới Ngũ Phước, trong đó có “*du hảo đức*”. “*Du hảo đức*” (攸好德) là [ra chuộng] thiện căn. Một người gặp được thiện sự hoặc chuyện công đức liền yêu thích thực hiện. Vì sao yêu thích thực hiện? Vì có Căn. Hễ có Căn, sẽ thời thời khắc khắc phát ra ngoài. “*Căn*” ấy hoàn toàn chẳng phải là ngẫu nhiên, mà là do từ nhiều đời tới nay đã tu thiện nghiệp, sau đấy mới sanh ra cái Căn này. Nói theo ý nghĩa thì một mặt là cái nhân có thể sanh ra quả, mặt khác cũng là cái quả đã được sanh. Vì thế, trong văn hóa Trung Hoa, “*du hảo đức*” được thiên Hồng Phạm coi là một phước trong ngũ phước. Nếu chẳng từ thiện căn để liễu giải, “*du hảo đức*” là tạo thiện nghiệp, chính là nhân. Vì sao nó là một phước trong ngũ phước? “*Phước*” là phước báo (quả), vì sao có thể là quả? Chẳng giải quyết nghi vấn này, đối với văn hóa Trung Hoa, sẽ chẳng thể nói thông suốt được, chẳng hiểu rõ! Bởi lẽ, thiện căn xét theo một mặt thì là nhân, xét theo

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mặt khác, nó lại là quả. Căn chẳng phải là rất nông cạn, mỏng manh (làm một ít thiện nghiệp trước mắt sẽ đạt được quả), mà là Căn đã gieo trồng từ nhiều đời đến nay. Trong nền văn hóa chân chánh của Trung Hoa, các bậc đại nho đều tin sâu nhân quả ba đời. Vì thế, khi trả lời thư tín, Ấn Quang đại sư thường nhắc tới Ngũ Phước và Lục Cát trong sách Thượng Thư. Đây chính là học thuyết “nhân quả ba đời” của Nho gia.

Thiện căn là thiện nghiệp thế gian và xuất thế gian do chúng ta đã tu tập, vun bồi nơi thân, khẩu, ý trong nhiều đời nhiều kiếp và trong một đời này mà thành. Có thiện căn, nhất định là có thiện báo và phước báo, nhưng chúng ta phải hồi hướng. Có thiện căn, chớ cầu hưởng phước báo như ngay lập tức thăng quan, phát tài, hoặc sự nghiệp thuận buồm xuôi gió. Chúng ta hãy hồi hướng thiện căn để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng cầu hưởng các thứ phước báo trong nhân gian, mà cũng chẳng cầu hưởng phước báo trời, người. Sau khi đã hưởng hết phước, sẽ lại chuyển thế, sẽ thọ khổ báo. Chúng ta hãy ngẫm xem: Trong thế gian này, có nhiều kẻ hưởng phước mà chẳng giác ngộ, tiếp đó, sẽ phải chịu khổ báo, thế mà chính họ chẳng biết. Vì thế, người học Phật chúng ta phải liễu giải, hãy hồi hướng thiện căn, phát nguyện. Chúng ta mong cho lúc thọ mạng chấm dứt, sẽ sanh về thế giới Cực Lạc. Hễ sanh về thế giới Cực Lạc, đủ mọi nỗi thống khổ đã hứng chịu từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay trong thế gian sẽ được hoàn toàn giải quyết. Chúng ta chẳng cần nghĩ tới những nỗi khổ trong đời quá khứ, [chỉ cần] hồi tưởng những nỗi đau khổ phải chịu của một kiếp người trong đời này, sẽ cảm thấy đúng là chẳng có dũng khí để đời sau sanh làm người lần nữa! Huống hồ, muốn đời sau vẫn làm người cũng chẳng dễ dàng đâu nhé! Do ác nghiệp đã tạo nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý của chúng sanh trong nhân gian hiện thời, chẳng bảo đảm đời sau vẫn được làm thân người! Rất có thể là sẽ vào trong tam đồ. Vào trong tam đồ, lại càng đáng sợ hơn nữa! Suy nghĩ như vậy, chúng ta phải phát nguyện kiên định, đem thiện căn hồi hướng phát nguyện về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hễ có nguyện hồi hướng ấy, trước mắt sẽ là hết thấy đều bình an, khi thọ mạng chấm dứt, vãng sanh chẳng bị chướng ngại. Đây là phước báo lớn nhất!

2) “*Tùy hỷ tha nhất thiết tam nghiệp thế, xuất thế thiện căn*” (Tùy hỷ hết thấy thiện căn ba đời thế gian và xuất thế gian của người khác): Chúng ta thấy thân, khẩu, ý của người khác tạo thiện nghiệp. Những thiện nghiệp ấy có những điều phù hợp với thiện nghiệp thế gian. Ví như chúng ta thấy một vị hiền tử, bèn phát tâm hoan hỷ, giúp cho người ấy thành tựu hiếu đạo. Chúng ta thấy người nào thích giúp đỡ bạn bè, chúng

ta có năng lực tùy hỷ, phát tâm hoan hỷ, cũng như có mấy phần năng lực bèn [dốc hết mấy phần năng lực ấy] giúp cho người ấy hoàn thành. Đó là [thiện nghiệp] thế gian. Thiện nghiệp xuất thế gian: Chúng ta thấy người phát tâm học Phật, phát tâm niệm Phật, bèn phát tâm hoan hỷ, nghĩ đủ mọi phương pháp giúp đỡ người ấy thành tựu thiện nghiệp xuất thế gian. Đó là hết thấy thiện căn thế gian và xuất thế gian mà người khác đang tu tập, ba nghiệp thân, khẩu, ý của người khác đều đang tu, chúng ta tùy hỷ (vui theo họ). Tùy hỷ có công đức tùy hỷ. Chúng ta dùng công đức tùy hỷ để hồi hướng, hồi hướng phát nguyện; cấy vào công đức tùy hỷ, trong tương lai cũng có thể giúp cho chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc.

3) “*Sanh bi quốc dĩ, hồi nhập Sa Bà, độ hóa chúng sanh*” (Đã sanh về cõi ấy, trở lại Sa Bà hóa độ chúng sanh): Trong tương lai, sau khi chúng ta đã sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ trở lại Sa Bà hóa độ chúng sanh. Nay bèn phát nguyện này. Đợi đến trong tương lai, khi thọ mạng đã chấm dứt, sau khi sanh về thế giới Cực Lạc, hoàn toàn chẳng phải là một mực hưởng thụ bên đó. Hoàn cảnh [trong cõi Cực Lạc] tuy tốt đẹp, nhưng chẳng cần hưởng thụ tại đó, ta phải quay về. Đến thế giới Cực Lạc giống như cầu học bên đó. Đã cầu được học vấn xuất thế gian tốt đẹp, sức lực của chính mình đã đầy đủ, lại quay về thế giới Sa Bà (tức là thế giới này) để hóa độ chúng sanh. Vì sao trong mười phương thế giới chỉ chọn trở lại thế giới Sa Bà? Một người chẳng thể quên nguồn cội. Đời này, chúng ta do cha mẹ sanh ra; trước đời này cũng là do cha mẹ sanh ra, đời đời kiếp kiếp đều do cha mẹ sanh ra. Trong đời này, chúng ta thấy cha mẹ qua đời, trong tâm đau khổ khôn sánh, chẳng trọn hết hiếu đạo. Đời quá khứ có bao nhiêu cha mẹ? Mỗi đời mỗi kiếp đều có cha mẹ, đương nhiên là chẳng nhất định ở trong nhân gian; trong quá khứ, chúng ta cũng đã từng ở trong các đường khác. Cha mẹ trong các đường đều có, mà cha mẹ đời quá khứ nay đều đang ở trong lục đạo. Ngoại trừ cha mẹ, còn có quyến thuộc, bằng hữu, còn có con cái, anh em đều ở trong Sa Bà, hoặc trong lục đạo. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc chẳng dễ dàng gì, đến hoàn cảnh tốt đẹp nhất, trong tâm vẫn vương vấn có nhiều thân nhân ngàn ấy còn đang ở trong thế giới Sa Bà, có nhiều ngàn ấy chúng sanh hứng chịu căn bản khổ não ở nơi đây. Do vậy, chúng ta nhất định phải phát nguyện trở lại thế gian này để hóa độ họ.

Đã tới thế giới Cực Lạc, quay về [Sa Bà] dễ dàng, hiệu quả hóa độ chúng sanh to lớn. Nay tuy chúng ta học pháp môn Niệm Phật, chính mình cũng có tín tâm, nhưng chúng ta khuyên người ta niệm Phật, cũng chẳng thể trọn khắp. [Nếu như] thân thích và bạn bè hữu duyên, chúng ta

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

khuyên họ, họ sẽ tin tưởng. Còn những người chẳng có duyên với chúng ta, thậm chí họ nghĩ chính họ học vấn rất giỏi, hoặc là địa vị rất cao, chúng ta khuyên họ niệm Phật, sẽ chẳng thể khuyên họ nổi! Những người ấy trong đời quá khứ có lẽ cũng có mối quan hệ thân thích rất mật thiết với chúng ta, nhưng hiện thời, chúng ta chẳng biết thân phận của họ trong đời quá khứ, họ cũng chẳng biết thân phận trong đời quá khứ của chúng ta, sức lực mà chúng ta có thể vận dụng [để hóa độ họ] quá nhỏ! Sau khi chúng ta đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quay trở về, bằng lời lẽ, bằng biểu hiện nơi thân, miệng, ý, người ta vừa nghe bèn có thể tin tưởng, sức hóa độ chúng sanh to lớn khôn cùng! Tổ sư Ấn Quang đương nhiên là bậc tái lai, lão nhân gia chẳng cần giảng kinh, thuyết pháp, ở yên một chỗ, trong thuở ấy, quan to bất luận thuộc địa vị cao cỡ nào, vừa gặp Ngài bèn nghiêm túc dấy lòng tôn kính, bội phục đến mức nạm vóc sát đất. Khi đó, những bậc đại học vấn rất đông, gặp Ngài cũng đều cung kính khôn cùng! Do vậy, chúng ta phải phát nguyện, nay chúng ta sức lực rất nhỏ, một là phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hai là phát nguyện sẽ trở về hóa độ cha mẹ, quyến thuộc, anh em, bằng hữu nhiều đời nhiều kiếp trong thế gian này. Đây là thật sự chẳng quên nguồn cội, thật sự trọn hết lòng hiếu!

Đối với “tam tâm”, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng có ba tâm. Tổ sư chú giải: Ba tâm trong luận ấy và ba tâm trong kinh này phù hợp. Ba tâm trong Đại Thừa Khởi Tín Luận là:

1) Trực tâm: Ở đây nói là chí thành tâm. Chí thành tâm và trực tâm nhất trí. Trực tâm là trực tiếp niệm vào Chân Như. Ở đây chúng ta nói “chí thành tâm” thì cũng là cầu nơi tự tánh, phát tâm chân thật, cho nên là như nhau.

2) Thâm tâm: Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng nói là thâm tâm. Thâm tâm là đối với pháp tự tánh Chân Như, càng tin càng sâu, trọn chẳng bị dao động bởi tà tri tà kiến.

3) Từ bi tâm, còn gọi là đại bi tâm. Đại bi là đồng thể đại bi, [tức là] coi tất cả chúng sanh khổ não trong thế gian đều như chính mình. Đây vẫn là nói theo phương tiện. Nói tới chân lý thật sự, Chân Như bản tánh của chúng sanh và bản tánh của chúng ta là một Thể (đồng thể). Phát cái tâm đồng thể đại bi, nay chúng ta tuy vẫn chưa chứng đạo, nhưng chúng ta cũng biết hướng đến đạo để cầu, đã nhận biết phương hướng. Còn có những điều không biết, chúng ta phải phát đại bi tâm, phải làm thế nào để khiến cho họ liễu giải Phật pháp tốt đẹp ngàn ấy. Không chỉ là khiến cho họ liễu giải Phật pháp, mà còn phải làm cho họ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

liều giải pháp đặc biệt, tức là trong mấy chục năm ngắn ngủi của cuộc đời này, có thể lập tức giải quyết vấn đề sanh tử trong nhiều đời nhiều kiếp. Đây là đại bi tâm. Hồi hướng phát nguyện tâm và đại bi tâm là hoàn toàn nhất trí, chúng ta phát nguyện: “Tôi nhất định phải sanh về thế giới Cực Lạc, nhất định phải trở về hóa độ, dẹp trừ, cứu vớt nỗi đau khổ của chúng sanh”. Đây là đại bi tâm.

Ba tâm này tách ra để nói thì có ba loại. Tổ sư chú giải: Khi chúng ta tu tập, tu trong một niệm, viên dung ba tâm thành một niệm; trong khi khởi tâm động niệm, niệm nào cũng đều là ba loại tâm ấy. Một niệm viên tu, thời thời khắc khắc, tâm tâm niệm niệm đều có ba loại tâm ấy được bao gồm trong đó, cái nhân vãng sanh bèn được đầy đủ. Tu “ba tâm trong một niệm” như thế, chúng ta thường nói ba tư lương Tín, Nguyện, Hạnh. Chí thành tâm là chuyên nói theo bản tánh, còn thâm tâm là nói tới Tín, hồi hướng phát nguyện tâm là nói tới Nguyện, vậy thì Hạnh ở chỗ nào? Tổ sư Tịnh Độ Tông là Thiện Đạo đại sư đã nói trong Tứ Thiếp Sớ như sau: “*Hạnh được bao gồm trong thâm tâm và phát nguyện tâm*”. Ngài chú giải rất từ bi, nêu ra phương pháp để dụng công. Khi hành, bèn có Chánh Hạnh và Tạp Hạnh (“tạp” là không thuần túy); tổ sư đã chia thành hai loại ấy.

Chánh Hạnh là nhất tâm chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Ngoài Chánh Hạnh, bèn có những hạnh khác để giúp đỡ, bao gồm lễ Phật (tức lạy Phật), đọc tụng Tịnh Độ Tam Kinh và các kinh điển Đại Thừa khác. Thường ngày, nếu có thời gian, hãy chuyên môn quán tưởng hoàn cảnh tốt đẹp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức y báo và chánh báo, như ao bảy báu, trong ao có bao nhiêu hoa sen, bao nhiêu quang, sắc, quang minh v.v... các thứ hoàn cảnh tốt đẹp. Lại còn chánh báo trang nghiêm: Phật, Bồ Tát, chư thượng thiện nhân. Chúng ta hãy rảnh rỗi, khi có thời gian, tư tưởng hãy đặt nơi những điều đó, trong tâm tưởng cảnh giới ấy, sẽ kết duyên với thế giới Cực Lạc. Ví như chúng ta ở trong nhân gian mong đến một chỗ nào đó, trước hết, đầu óc nghĩ tới nơi đó; sau đây, thân thể hành động thì mới đến đó được. Nếu trước đó, tâm tư chẳng nghĩ tới, làm sao có thể đến đó cho được? Cùng một đạo lý như vậy, trong tâm chúng ta thường nghĩ tới hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc, tương lai sẽ đến nơi ấy. Vì thế, chánh công phu là niệm Phật hiệu, trợ công phu là tâm tư của chúng ta nghĩ tới hoàn cảnh ấy. Tưởng hoàn cảnh ấy thì có lẽ cũng chưa tưởng hoàn toàn. Hễ có thời gian, bèn đọc tụng ba kinh Tịnh Độ, hồng khởi lên sự nhận thức rất rõ rệt, quen thuộc với hoàn cảnh. Chánh công phu và trợ công phu đều gọi là Chánh Hạnh.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Tạp Hạnh là ngoài Chánh Hạnh và Trợ Hạnh ra, chúng ta làm đủ thứ các việc thiện trên thế gian, do thân, khẩu, ý biểu hiện ra: Nói một câu tốt lành dẫn khởi người ta đi theo con đường tốt, chúng ta khuyên kẻ khác niệm Phật, hoặc khi [thấy] người khác sắp lâm chung bèn đến trợ niệm. Kẻ lúc thường ngày chẳng học Phật, khi sắp chết, cảm thấy hoảng sợ, nếu chúng ta có cơ hội, sẽ khuyên cáo người ấy. Dẫn người ấy lúc thường nhật chẳng hề tiếp xúc Phật pháp, chẳng biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới, lúc bình thường, người ấy chẳng quan tâm, tới khi sắp chết, trong tâm dấy lên nỗi sợ hãi. Khi ấy, nếu chúng ta có cơ hội, phải bảo cho người ấy biết về thế giới Cực Lạc, chỉ bảo phương pháp cho người ấy. Lúc đó, người đó không thể chẳng tin tưởng, nói không chừng, thiện căn của người ấy phát hiện, sẽ lập tức có thể vãng sanh. Công đức ấy là điều thiện xuất thế gian, là thiện nghiệp tuyệt diệu. Những thiện nghiệp ấy rất nhiều, chỉ cần có lợi cho người ta, đối với những điều lợi lạc chẳng kèm theo tác dụng phụ, hãy tận hết sức giúp đỡ người ta. Đó đều là thiện nghiệp. Tổ sư phân loại những thiện nghiệp ấy là Tạp Hạnh. Tuy là tạp hạnh, chúng cũng tuyệt diệu lắm, cũng có thể giúp chúng ta vãng sanh, giúp chúng ta tiêu trừ các thứ chướng ngại. Chẳng có chướng ngại, sẽ nắm chắc vãng sanh.

Ở đây là nói tới Thượng Phẩm Thượng Sanh, sau đó là Thượng Phẩm Trung Sanh, Thượng Phẩm Hạ Sanh, mãi cho đến cuối cùng, tổng cộng là chín phẩm. Chín phẩm vãng sanh đều phải dựa vào điều này: Hiểu pháp môn Niệm Phật. Pháp môn Niệm Phật chỉ cần nhất tâm chuyên niệm Phật hiệu, những điều khác đều là phụ trợ. Chẳng có trợ hạnh, sẽ không được! Ví như vận động viên trên sân vận động, trong khi chạy đua, được người khác cổ vũ, tinh thần bèn hăng hái. Nếu người khác chẳng cổ vũ, hiệu quả chẳng thể tốt đẹp ngàn ấy. Thậm chí nghe người khác thở dài, người ấy sẽ nhụt chí. Vì thế, chúng ta học pháp môn Niệm Phật, ngoại trừ công phu chánh yếu là trì danh niệm Phật, hãy thường đọc tụng ba kinh Tịnh Độ, lễ Phật, lại thường trao đổi ý kiến với các đồng tu, cùng nhau tu trì. Điều này sẽ khích lệ, cổ vũ chúng ta rất lớn. Đó là điều tất yếu đối với chuyện vãng sanh của chúng ta. Ngoài nhất tâm xưng danh ra, cũng cần phải thường hành những điều khác. Viên dung ba tâm ấy trong một niệm, khi niệm Phật, tâm tâm niệm niệm nơi Phật hiệu. Lúc chẳng niệm Phật, ba tâm ấy luôn tồn tại trong ý niệm của chúng ta, lẽ nào chúng ta chẳng đạt được nhất tâm bất loạn? Lẽ đâu chẳng vãng sanh? Đây là lòng từ bi của tổ sư. Các Ngài chú giải như vậy, đã vạch ra một con đường rất rõ ràng cho chúng ta. Chúng ta chẳng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ngiên cứu kinh, không căn cứ trên chú giải của tổ sư để làm theo, mà nghe theo những kẻ khác! Kẻ khác dẫu nói hay ho cách mấy, mà nếu chẳng tu pháp môn đặc biệt này, sẽ đều là còn cách biệt một tầng, đều là kẻ lơ mơ ngoài rìa. Chúng ta nghe lời của những kẻ lơ mơ ngoài rìa để làm gì? Chúng ta phải nghe những lời dạy của tổ sư Tịnh Độ Tông. Nghe lời dạy của tổ sư, nghe theo kinh Phật thì mới là ổn thỏa nhất.

Hãy xem phần kinh văn kể đó: “*Hà đẳng vi tam? Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Cụ tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc*” (Những gì là ba? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Trọn đủ ba tâm, ắt sanh về cõi ấy). Thích Ca Mâu Ni Phật nói những lời thực tại, “*tất sanh bỉ quốc*” là tất nhiên sanh về cõi ấy, nhất định có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Hôm nay, tôi nói đến chỗ này.

Tập 39

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang hai mươi hai, bắt đầu từ hàng thứ tám. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Phục hữu tam chủng chúng sanh, đương đắc vãng sanh. Hà đẳng vi tam? Nhất giả từ tâm bất sát, cụ chư giới hạnh. Nhị giả đọc tụng Đại Thừa Phương Đẳng kinh điển. Tam giả tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Cụ thử công đức, nhất nhật nãi chí thất nhật, tức đắc vãng sanh.

(經)復有三種眾生，當得往生。何等為三？一者慈心不殺，具諸戒行。二者讀誦大乘方等經典。三者修行六念，迴向發願，願生彼國。具此功德，一日乃至七日，即得往生。

(Kinh: Lại có ba loại chúng sanh sẽ được vãng sanh. Những gì là ba? Một là từ tâm chẳng giết, đầy đủ các giới hạnh. Hai là đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ba là tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Trọn đủ công đức ấy, từ một ngày cho đến bảy ngày bèn được vãng sanh).

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phép Quán này nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh, bắt đầu nói đến người muốn học đạo, trước hết phải phát ba thứ tâm: Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Dựa theo chú giải của tổ sư, ba tâm này được tu trì trong cùng một niệm. Nói cách khác, học nhân phải liễu giải:

- Chí thành tâm là cái tâm chân thật phát xuất từ bản tánh.
- Thâm tâm là đầy đủ hết thảy các thiện pháp.
- Hồi hướng phát nguyện tâm là phát đại bi tâm.

Sau khi đã liễu giải ba loại tâm ấy, bèn tu ngay trong một niệm. Tu như thế nào? Bình thường, chúng ta không khởi niệm thì thôi; hễ khởi niệm, mỗi niệm trong ý niệm sẽ hợp với ba tâm. Nếu ý niệm trái nghịch ba tâm, chẳng thể coi là tu ba loại tâm ấy! Có thể viên dung ba loại tâm trong một niệm, tu tập tốt đẹp thì sẽ có thể chứng quả, vãng sanh nhất định chẳng có vấn đề. Vì thế, trong lần trước, tôi đã nói, có đủ ba tâm ấy, ắt sanh về cõi kia. Trong kinh văn, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói rõ ràng, rành mạch. Thông thường, chúng ta nói chánh công phu là Trì Danh Niệm Phật, nhưng vẫn phải có trợ công phu. Trợ công phu thường được nói là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*” đều từ trong tâm của chính mình phát ra, nơi tâm niệm của chúng ta thời thời khắc khắc gìn giữ ba loại tâm ấy, trợ công phu sẽ hết sức tốt đẹp. Có trợ công phu tốt đẹp như vậy, lại còn trì danh niệm Phật, sẽ có thể ở trong thiên tai nhân họa hiện thời, chỗ nào cũng đều gặp dữ hóa lành. Khi thọ mạng chấm dứt, sẽ chẳng có chướng ngại, tuyệt đối có thể nắm chắc vãng sanh. Trong kinh Phật, đức Phật đã dạy rõ ràng như thế.

Xin hãy xem phần kinh văn hôm nay: “*Phục hữu tam chủng chúng sanh, đương đắc vãng sanh*” (Lại có ba loại chúng sanh sẽ được vãng sanh). Ba loại tâm đã nói trong phần trước chính là ba loại tâm mà người tu hành cũng như mỗi cá nhân cần phải phát, còn ở đây là ba loại chúng sanh tu ba loại pháp. Nói phân biệt, nếu một người chẳng thể đồng thời tu nhiều như vậy, chỉ cần đầy đủ bất cứ loại nào trong ba loại ấy cũng được, ba loại chúng sanh ấy cũng có thể vãng sanh. “*Hà đẳng vi tam?*” (Những gì là ba?), [ý nói] ba loại chúng sanh ấy tu như thế nào? Dưới đây, sẽ trình bày từng điều một.

“*Nhất giả, từ tâm bất sát, cụ chư giới hạnh*” (Một là từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh). Hai câu này đều nói về giới (“*từ tâm bất sát*” chính là giới sát sanh). “*Từ tâm bất sát*” hết sức quan trọng, đặc biệt nêu ra; sau đây, câu thứ hai mới nói “*thọ trì các giới*”. “*Bất sát*” là chẳng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

sát sanh. Phạm là sanh mạng của loài hữu tình (chỉ động vật), [bao gồm] nhân loại và những súc sanh ở ngoài loài người. Trong “*súc sanh*” có gia súc và những động vật hoang dã, những động vật sống trên không, dưới nước và trong rừng rậm. Kinh Phật có nói, nương theo duyên phận và trạng huống xuất sanh khác nhau:

- Có loài sanh bằng thai, như loài người. Các đại động vật bậc cao có rất nhiều loài sanh bằng thai.

- Noãn sanh (sanh bằng trứng) như gà, vịt, ngỗng v.v... Còn có rất nhiều loại động vật hoang dã khác sanh bằng trứng.

- Thấp sanh là nhờ vào hơi nước để sanh trưởng thì gọi là thấp sanh.

- Còn có hóa sanh⁵⁷.

Thai, noãn, thấp, hóa đều là chúng sanh hữu tình. Đối tượng chẳng giết bao gồm nhiều loại ngàn ấy, đương nhiên là trong các đối tượng ấy, những chúng sanh cùng thuộc loài người [như chúng ta] là trọng yếu nhất. Trước hết, phải biết đối tượng của bất sát: Phạm là chúng sanh có tình thức, có sanh mạng, đều phải kiêng giết, chẳng thể sát hại! “*Sát*” là khiến cho sanh mạng bị đoạn dứt, chẳng thể tiếp tục sống sót. Trên đây là nói về đối tượng của chuyện bất sát.

Lại nói đến người tạo sát nghiệp. Chúng ta là những người thọ giới, hành Bồ Tát đạo, chẳng sát hại, phải liễu giải phương thức giết chóc. Tổ sư chú giải:

- Có khi là dùng khẩu sát. Chẳng hạn như một kẻ có quyền định đoạt sự sống chết của kẻ khác, chỉ cần hạ lệnh, tự nhiên sẽ có kẻ tuân lệnh làm chuyện giết chóc. Kẻ bị giết do ai, do người hạ lệnh dùng miệng để giết.

- Thứ hai là thân sát, [tức là] tự mình động thủ, sử dụng công cụ hoặc là dùng tay sát hại đối phương.

- Thứ ba là tâm sát, phải chú ý điều này! Chúng ta chẳng xúi giục người khác giết (khẩu sát), cũng không sát hại sanh mạng của chúng sanh (thân sát), nhưng tạo sát nghiệp chẳng phải là đột nhiên không có mảy may ý thức nào, ngay lập tức giết chết người ta, mà là trong tâm đã sớm lập mưu (vạch ra kế hoạch), đấy là “tâm sát”. Dùng đủ mọi tâm tư

⁵⁷ “Hóa sanh” là sanh thẳng vào chỗ sẽ sanh về, không trải qua các giai đoạn trung ấm, hoài thai, sanh trưởng. Chẳng hạn như chư thiên sanh bằng hóa sanh, người đọa địa ngục, hoặc sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là hóa sanh. Khi bỏ thân này bèn sanh ngay trong những cõi ấy, không cần trải qua giai đoạn chuyển tiếp.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

để gài bẫy giết một ai đó. Sau đây, làm thế nào để tránh bị pháp luật xử phạt. Đó đều là “tâm sát”. Càng nói vi tế hơn chút nữa, phạm là thấy những kẻ bất hảo trong xã hội, chúng ta chẳng vừa ý với họ. Tâm nghĩ kẻ này bại hoại đến tột cùng, nên sớm chết quách cho xong! Khởi tâm động niệm muốn cho kẻ ấy chết sớm hơn, hoặc là thấy người ta bị kẻ khác giết chết, trong tâm rất vui thích. Thậm chí hy vọng loại người xấu xa ấy sẽ ngay lập tức bị người khác giết chết. Đây đều là đã phạm giới “tâm sát”.

Giới là một môn học vấn rất thâm áo, nhất định là chính mình phải thời thời khắc khắc thể nghiệm. Người xấu dẫu xấu xa cách mấy, cũng chẳng cần chúng ta khởi sát tâm, tự nhiên có pháp luật của quốc gia trừng trị họ. Pháp luật của quốc gia chẳng trừng trị họ được, tự nhiên sẽ có nhân quả báo ứng trừng trị họ, họ chẳng thể trốn thoát! Chúng ta là người hành Bồ Tát đạo, nếu dấy lên sát tâm, sẽ là phạm giới. Tổ sư chú giải: Có ba loại sát như vậy, bất luận là thân, khẩu, hay tâm, đều phạm vào sát giới. “*Từ tâm bất sát*” là khéo không chế chính mình trong ba phương diện này. Hơn nữa, tâm sát là đáng ngại nhất! Chúng ta thấy trong xã hội hiện thời, kẻ bất mãn quá ư là nhiều. Thậm chí lỡ gặp phải hai bên đánh lộn, hoặc xem phim ảnh, khi hai bên thiện ác giao tranh, trong tâm luôn mong mỗi một bên [sẽ thắng], thống khoái ngay lập tức giết chết bên kia! Những kẻ bình phạm đều rất dễ dấy lên cái tâm ấy. Vì thế, luôn luôn phải không chế cái tâm ấy, chớ nên phạm giới!

Trên đây, đặc biệt nói về chuyện “*từ tâm bất sát*”. Vì sao nhất định phải nói tới từ tâm? Từ (慈): Chẳng hạn như trong văn hóa Trung Hoa, cha mẹ đối xử với con cái luôn bằng tấm lòng Từ. Bất luận con thơ tệ hại như thế nào, [cha mẹ] rất sợ con bị thương tổn. Hễ thân thể con có chỗ nào chẳng ổn, bèn quan tâm, yêu thương. Bất luận đứa con thuộc lứa tuổi nào, thậm chí con đã khôn lớn, già nua, chỉ cần cha mẹ còn sống, con đã sáu, bảy chục tuổi, cha mẹ chín mươi mấy tuổi, vẫn thấy con cái mình là những đứa bé. Tuy con cháu người ấy đã có cháu chắt, nhưng cha mẹ vẫn quan tâm con cái y hệt, đó là “từ tâm”. Từ tâm chẳng có hạn chế, chẳng bị hạn chế bởi thời gian. Đây là nói về Bồ Tát đạo. Trong tâm lý của đại Bồ Tát, thấy hết thấy chúng sanh đều như con thơ của chính mình, đó là từ tâm. Đây là giải thích dựa theo mặt văn tự.

Nhìn theo nhân quả lục đạo luân hồi trong ba đời, trong đời quá khứ, chúng ta có bao nhiêu cha mẹ? Đời quá khứ có bao nhiêu quyến thuộc? Bao nhiêu con cái? Qua qua lại lại trong lục đạo, chuyên tới,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chuyển lui, trong bất cứ đường nào cũng đều có người nhà, quyến thuộc trong quá khứ. Súc sanh đạo, quỷ đạo, địa ngục, thiên đạo đều có. Nói theo loài người, đời quá khứ cùng nhau là người nhà hoặc quyến thuộc; đời này đôi bên chẳng nhận biết nhau. Đời quá khứ, bất luận là thân thích, người nhà, thân thuộc, hay bạn bè cũng vậy, đều có hảo duyên phận hoặc ác duyên phận. Hảo duyên phận thì tuy đôi bên chẳng nhận biết nhau, nhưng vừa gặp mặt bèn có hảo cảm đối với người ấy. Vô duyên vô cớ mà có hảo cảm tức là có hảo duyên phận trong đời quá khứ. Hoặc là trọn chẳng nhận biết nhau, nhưng vừa gặp mặt bèn chẳng có hảo cảm, cũng có thể nói là trong đời quá khứ, ta cùng người ấy đã có nhân duyên, chính là duyên phận chẳng tốt, nay lại gặp gỡ! Nói chung, nhục nhân của bọn phàm phu chúng ta chẳng thấy rõ ràng. Tuy chẳng thấy rõ ràng, nhưng dựa trên nhân quả luân hồi đã dạy trong kinh Phật để xét, suy nghĩ theo lý, [sẽ biết] chúng sanh thuộc loài người cũng thế, mà chúng sanh thuộc các đường khác cũng thế, đều là có mối quan hệ chặt chẽ với chúng ta: Chẳng phải là cùng một gia tộc thì cũng là thân thích, hoặc bằng hữu. Nay chúng ta thấy họ vô tri, vô thức, sức lực chẳng bằng chúng ta [phải dấy lên lòng Từ]. “*Từ*” nghĩa là ban cho người khác các thứ vui sướng. Chúng ta mong ban vui cho họ còn chẳng xuể, huống hồ còn muốn sát hại họ, quá thiếu từ tâm!

Do vậy, từ tâm bất sát, phát huy từ tâm, thấy hết thấy chúng sanh đều là quyến thuộc, con cái, thân thích, bạn bè của chính mình trong quá khứ. Khi phát ra cái tâm ấy, đó chính là lòng Nhân như Nho gia đã nói, tức là cái tâm bất nhẫn. Chúng ta thấy chúng sanh đang khổ, tâm chẳng hề tàn nhẫn, đó là “*từ tâm bất sát*”. Nếu hỏi: Quý vị thấy kẻ ác mà chẳng giết kẻ đó, nói theo pháp thế gian sẽ là như thế nào? Tôi vừa mới nói, những kẻ ác xét theo pháp thế gian sẽ có pháp luật của quốc gia xét xử, quản chế họ, có nhân quả không chế họ. Nếu chúng ta thấy kẻ xấu bèn dấy lên sát tâm, có thể sát hại kẻ xấu hay không là một vấn đề. Trước hết, chính mình đã đánh mất từ tâm. Chẳng có từ tâm thì người bị hại chính là bản thân chúng ta. Do vậy, điều này đặc biệt trọng yếu đối với người tu đạo.

Chúng ta học Trì Danh Niệm Phật. Trì Danh Niệm Phật thì đương nhiên là thông thường phải niệm tốt đẹp, nhưng quan trọng nhất là khi lâm chung, có thể xác thực nắm chắc vãng sanh. Xác thực có thể nắm chắc vãng sanh, sẽ chẳng có chướng ngại. Vì sao có chướng ngại? Tạo sát nghiệp là chướng ngại lớn nhất. Không chỉ là chẳng thể vãng sanh, nếu sát nghiệp dấy lên hiện hành, tội nặng thì sẽ đọa địa ngục. Giết chóc

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng sanh thuộc về nhân loại chẳng thể không đọa địa ngục! Có mức độ nghiêm trọng như vậy đó! “*Từ tâm bất sát*” nghĩa là đức Phật dạy người tu học phải dưỡng thành lòng Từ, kiêng giết hết thảy chúng sanh. Chúng sanh thuộc về loài người càng chẳng thể giết! Văn hóa Trung Hoa gọi điều này là “*tâm an lý đắc*”. Chỉ cần thời thời khắc khắc vun bồi lòng Từ của chính mình, đối đãi hết thảy chúng sanh, cảm thấy phải nên chiếu cố họ, phải nên giúp đỡ họ, lẽ nào nhẫn tâm sát hại họ? Không chỉ là chẳng đành lòng sát hại, mà trông thấy kẻ khác giết chóc chúng sanh, chúng ta còn mong mỗi có cách nào cứu vớt. Đây là vun bồi lòng Từ. Từ tâm phát xuất từ chân lý, lâu ngày chày tháng, sẽ đạt đến tâm an lý đắc. Một người tâm an lý đắc, lúc bình thường chẳng có hết thảy những nỗi kinh hoàng. Ở trong xã hội này, bất luận làm chuyện gì, qua lại cùng bất luận kẻ nào, trong tâm chúng ta luôn là “tâm an lý đắc”. Tới khi lâm chung, chẳng có bất cứ chướng ngại nào! Thường nhật làm một người tâm an lý đắc; tới khi lâm chung, sẽ tâm an lý đắc trì một câu Phật hiệu vãng sanh. Vì thế, từ tâm bất sát có tác dụng to lớn ngàn ấy.

“*Cụ chư giới hạnh*”, “*cụ*” (具) là đầy đủ, “*chư*” (諸) là các thứ. Giới có tại gia giới và xuất gia giới. Bất luận tại gia hay xuất gia, lại còn có Bồ Tát Giới. Chia tỉ mỉ ra, sẽ có rất nhiều thứ. Ở đây, trước hết phải chú ý: Cơ bản nhất chính là phải giữ Ngũ Giới. Bất luận tại gia hay xuất gia, Ngũ Giới là cơ bản nhất. Đương nhiên Ngũ Giới của hàng tại gia và chúng xuất gia có chỗ khác biệt. Như giới dâm, hàng xuất gia là thuần túy dứt tuyệt, tại gia theo chế độ vợ chồng, chẳng được phép tà dâm. Bốn giới trước trong Ngũ Giới, tức giới giết, giới trộm, giới tà dâm (tại gia), và giới nói dối đều thuộc về “tánh giới”. Tánh giới nghiêm trọng nhất. Giới thứ năm [tức giới không] uống rượu thuộc loại giá giới⁵⁸. Trong các giới này, chúng ta phải đặc biệt chú ý giới sát, trong phần trên đã nói [về giới này].

Kế tiếp là “*đạo giới*” (盜戒, giới không trộm cắp). Không chỉ trộm cắp vật của người khác là phạm giới trộm cắp, mà hề dấy lên cái tâm trộm cắp, người khác chẳng bằng lòng cho chúng ta thứ gì đó, chúng ta nghĩ thứ đó chẳng đáng giá, tiện tay lấy dùng, thì đã phạm giới trộm cắp.

⁵⁸ Giá giới (遮戒): “Giá” có nghĩa là ngăn chặn. Do giới này dễ dẫn khởi đến việc phạm các giới khác, chẳng hạn như uống rượu say sưa, dễ nổi nóng, mất kiểm soát, dễ đánh lộn, lỡ tay thương tổn người khác. Hoặc vì uống rượu thì phải có môi nhấm, dễ nghĩ đủ mọi cách sát hại sanh vật sao cho ăn thật ngon, nhậu thật đã v.v... Tánh giới là giới thuộc về tánh, nghĩa là dù có thọ giới hay không, hề phạm phải đều có tội.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Chẳng được người ta cho phép, chẳng được chủ nhân và người sở hữu vật đó cho phép, cứ tự động lấy dùng, đó là đã phạm giới trộm cắp. Chúng ta cũng thường dễ phạm giới này. Kẻ tại gia không được phép tà dâm, người đã thọ Ngũ Giới đều biết, chẳng cần phải nói.

Chúng ta cũng hết sức dễ phạm giới vọng ngữ. Lời lẽ chẳng đúng sự thật, hoặc lừa gạt người khác, đều là vọng ngữ. Trong vọng ngữ, lại chia rất nhiều loại:

- Ác khẩu (惡口) là lời lẽ chửi bới người khác, hoặc trong lời lẽ có ý châm chích, khiến cho người nghe trong tâm cảm thấy chịu không nổi, đều thuộc loại này.

- Lưỡng thiệt (兩舌) là kích động thị phi giữa hai bên.

- Còn có ý ngữ (綺語), tức là lời lẽ êm tai, chuyên môn dẫn dụ lòng người, khiến cho người ta đi theo con đường xấu xa, và lời lẽ lung lạc lòng người của kẻ xấu, đều là chẳng tốt.

Lại còn có tiểu vọng ngữ và đại vọng ngữ. Đối với tiểu vọng ngữ, chúng ta cũng hết sức khó giữ. Trong xã hội hằng ngày, chúng ta nói năng với người khác, làm lung, hãy nghĩ tới “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*” như Nho gia đã nói, hề trái nghịch Tín thì là vọng ngữ. Giới điều vọng ngữ này, nếu nói cặn kẽ, cũng hết sức nhiều. Nói “*nhiều*” là như thế nào? Vì bất cứ lúc nào, chúng ta đều có cơ hội phạm những tội vọng ngữ ấy. Vì thế, mọi người ắt phải liễu giải tình hình phạm giới, luôn luôn ôn tập thì mới có thể liễu giải chính mình có phạm giới hay không, và cũng mới có thể khéo dụng công trong ấy.

Đại vọng ngữ là gì? Chẳng phải là tiểu vọng ngữ tầm thường. Đại vọng ngữ là nói theo phía người học Phật. Người học Phật học Phật lý, cũng học rất khá, tổ sư thường nói “*chưa đắc mà bảo là đã đắc*”, đắc gì vậy? Đắc pháp gì? “*Chưa chứng đã bảo là chứng*”, chẳng chứng đắc quả vị mà quý vị nói là chứng quả. Đó là đại vọng ngữ. “Chưa đắc” là gì? Đắc gì vậy? Chẳng hạn như kinh Phật nói tới thần thông, có Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Túc Mạng Thông, Tha Tâm Thông v.v... Nếu chúng ta khoe với người khác chúng ta đã đắc một loại thần thông nào đó, trên thực tế, thứ gì ta cũng chẳng thông, nhưng cứ nói với người khác ta đã đắc một loại thần thông chi đó. Đây là đại vọng ngữ, chưa đắc thần thông mà nói là đã đắc thần thông! Vì sao chưa đắc mà nói là đã đắc? Không gì chẳng nhằm mong người khác tôn kính quý vị, nghĩ quý vị là một người lỗi lạc, nhưng quý vị đã phạm giới vọng ngữ! Đối với chúng quả, Tiểu Thừa chúng Sơ Quả ắt phải đoạn Thân Kiến, chớ nên

chấp trước thân thể. Thử hỏi trong hiện thời, có ai trong chúng ta chẳng có Thân Kiến? Chỉ cần có Thân Kiến tồn tại, chẳng hạn như nói để thành La Hán, Sơ Quả phải đoạn Kiến Hoặc. Số lượng Kiến Hoặc có bao nhiêu phẩm? Đầu tiên là phải đoạn Thân Kiến, người hiểu học lý đều biết: Nếu có kẻ nào nói họ đã chứng Sơ Quả, Nhị Quả, Tứ Quả La Hán, cho đến nói là Bồ Tát tái lai, chẳng được rồi! Thấy đều là đại vọng ngữ! Phạm đại vọng ngữ là phạm giới luật nghiêm trọng, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này! Bất luận là thần thông cũng thế, mà chứng quả cũng thế; chỉ cần dụng công, công phu đã đạt mức, thần thông sẽ tự nhiên phát hiện. Hễ có công phu định lực, tự nhiên có thần thông. Chẳng có công phu định lực, há có thần thông ư? Người ta có thần thông cũng chẳng nói! Người đã chứng quả vị cũng chẳng đi khắp nơi khoe “ta đã chứng quả chi đó”, chẳng thể nói chuyện này! Huống hồ chính mình căn bản là chẳng đắc chi hết, chẳng hề chứng, cứ khoe ra thì chẳng phải là đã phạm tội đại vọng ngữ ư?

Những giới khác rất nhiều, chúng tôi chẳng nói cặn kẽ. Giữ gìn “*từ tâm chẳng giết, trọn đủ các giới hạnh*”, trọn đủ giới này, giữ rất khá, hễ làm được điều này, những chúng sanh đã làm được thì vãng sanh sẽ chẳng có vấn đề gì!

“*Nhị giả độc tụng Đại Thừa Phương Đẳng kinh điển*” (Hai là đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng): Có thể đọc tụng những kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Kinh điển Phương Đẳng có rất nhiều, trong đó, có tánh chất tiêu biểu nhất là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Nghiên cứu kinh điển Đại Thừa, hoặc thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, tâm lý sẽ phát sanh sự chuyển biến theo kinh điển. Vạn pháp duy tâm, tâm lý chuyển thành tốt đẹp hay xấu xa, duyên rất có quan hệ. Chúng ta thường tiếp xúc người, sự việc, các thứ hoàn cảnh xấu ác, tâm lý sẽ bị ô nhiễm. Thường xuyên tiếp xúc nhân duyên tốt đẹp, tâm lý sẽ chuyển biến tốt đẹp. Cổ nhân cũng nói: “*Dữ ác nhân giao như nhập bảo ngư chi tứ, cửu chi bất vấn kỳ xú*” (Chơi với kẻ ác giống như vào trong tiệm cá muối, ở lâu, sẽ chẳng ngửi thấy mùi tanh hôi nữa). Vốn là người tốt, thoát đầu tiếp xúc với kẻ ác, cảm thấy họ chẳng phải là loại người giống như chúng ta, nhưng thường qua lại với họ, tai mắt dần dần nhiễm, lâu ngày chầy tháng, nơi hành vi, ngôn ngữ, cách nghĩ, sẽ nhất trí với họ, chẳng cảm thấy có gì không tốt, sẽ học theo họ. Ngược lại, giao du với thiện nhân, vừa khởi đầu, bèn cảm thấy

quá tốt đẹp, giống như vào trong một căn phòng có trồng chi lan⁵⁹, hương thơm thanh khiết dường ấy! Mới vào bèn cảm thấy một bầu hương thơm thanh khiết, nhưng lâu ngày sẽ chẳng ngửi thấy mùi hương ấy nữa, lâu sau sẽ chẳng cảm thấy nữa, chính mình và mùi hương đã dung hợp với nhau, nó có tác dụng cảm nhiễm! Từ chỗ này, có thể suy ra: Chúng ta thường xuyên đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, Tam Tụ Kinh cũng có nói: “*Khẩu nhi tụng, tâm nhi duy*”, [ý nói] miệng đọc, tâm đặt ngay nơi sách. Kinh Phật cũng nói “*tùy văn nhập quán*”, nghĩa là thuận theo kinh văn, trong tâm dựa trên ý nghĩa được nói trong kinh văn để suy tưởng ý nghĩa đã dạy trong ấy, tâm sẽ chuyển biến thuận theo kinh văn, tâm chúng ta chẳng biến đổi tốt lành theo kinh văn ư? Bởi lẽ, pháp do đức Phật đã nói chính là pháp khéo cơ. Đối với từ tâm, trong phần trước đã nói là “*từ tâm bất sát*”. Đối với loại chúng sanh thứ nhất, phương diện tâm lý này rất dễ dẫn phát. Có thể gìn giữ từ tâm, sẽ dễ dàng thành tựu.

Loại chúng sanh thứ hai rất thích xem sách (duyệt đọc). Chớ nên đọc những sách vở vô ích của thế gian, hãy đọc kinh điển Đại Thừa. Tâm và ý nghĩa của kinh dung hợp nhất trí, hưởng hồ nói đến chỗ thật sự: Đối với mỗi một bộ kinh Đại Thừa, nếu nói đến phần Thê trong năm tầng huyền nghĩa, do [bất cứ bộ kinh Đại Thừa nào cũng] dùng Thật Tướng để làm Thê, những nghĩa lý đã nói trong kinh chính là bản tánh của chúng ta. Đọc tụng kinh điển Đại Thừa nhằm làm sáng tỏ bản tánh của chúng ta. Loại chúng sanh thứ hai này đọc tụng kinh điển Đại Thừa cũng sẽ được vãng sanh, giúp chúng ta niệm Phật ắt được vãng sanh.

Thứ ba, “*tam giả tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (ba là tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Đối với cái gọi là “*lục niệm*”, ba niệm trước là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Niệm Phật. Tịnh Độ Tông tu pháp môn Niệm Phật, đặc biệt là nói đến chuyện niệm A Di Đà Phật. Niệm Pháp là nói đến pháp môn Niệm Phật trong Tịnh Độ. Chúng ta dựa vào các kinh điển Đại Thừa, bất luận tự mình xem cũng thế, mà giảng cho kẻ khác nghe cũng thế, ắt phải chiếu theo lời dạy của tổ sư Ấn Quang: “*Ngàn kinh vạn luận, chón chón chỉ quy*”, [nghĩa là] bất luận giảng kinh

⁵⁹ Chi và Lan là hai loại thảo mộc có mùi thơm thanh nhã. Lan (蘭) là địa lan, thường được tôn xưng là “*vuông giả chi hoa*”, do màu sắc thanh khiết, nhã nhặn, hương thơm, nhẹ nhàng. Chi (芝) là một loại cỏ thơm.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

kiểu nào, đều phải hướng dẫn về Tịnh Độ Tông. Tuy ba kinh một luận của Tịnh Độ là cơ bản, về sau, mở rộng thành năm kinh Tịnh Độ; thật ra, chiếu theo lời tổ sư Ấn Quang đã dạy, hành Bồ Tát đạo, tuyên dương Tịnh Độ Tông, bất luận giảng một bộ kinh nào, cũng đều phải chỉ quy Tịnh Độ Tông. Niệm Tăng: Hết thầy những người chánh thức xuất gia có Tăng tướng, đã thọ Cụ Túc Giới thì là Tăng. Tăng là “*hòa hợp*”. Đây là Biệt Tướng Tam Bảo, nói phân biệt. Còn có Nhất Thể Tam Bảo, Nhất Thể Tam Bảo là:

- Phật: Trong tự tánh của chúng ta có Phật.
- Pháp: Thể được nói trong hết thầy các kinh điển Đại Thừa là bản tánh. Trong bản tánh có pháp, có vô lượng, vô tận pháp môn.
- Tăng: Tăng trong tự tánh. Gìn giữ giới chính là tự tánh Tăng.

Vì sao kinh A Di Đà nói “*giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*” (thầy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng)? “*Tự nhiên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*”, khi đã đạt tới cảnh giới ấy, cảnh giới cao sâu là niệm Tự Tánh Tam Bảo. Ba niệm đầu trong lục niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Chúng ta nghiên cứu kinh văn, nghiên cứu đến lúc thật sự dụng công, nhất định phải phân biệt, biện định rõ ràng: [Xét theo] Lý, sẽ có Biệt Tướng Tam Bảo, Nhất Thể Tam Bảo, và Tự Tánh Tam Bảo; nhưng chẳng thể nói “ta đã hiểu Tự Tánh Tam Bảo, ta niệm Phật là niệm Tự Tánh Phật, Tự Tánh Di Đà”. Thấy người xuất gia, bèn nói: “Trong tự tánh, ta là người xuất gia”. Chẳng thể nói như vậy! Thật sự học Tịnh Độ Tông, thiện tri thức thường nói như thế này: “*Phải thật thà niệm Phật*”. Thật thà niệm Phật là gì? Thật thà niệm Phật là nói với người có học vấn, đã nghiên cứu Duy Thức Tông, Tam Luận Tông, Hoa Nghiêm, Thiên Thai, hiểu pháp môn rất nhiều, đều biết tới Tự Tánh Tam Bảo. Chúng ta niệm Phật cũng hiểu, bèn niệm theo [Tự Tánh Tam Bảo] đúng như vậy! Chẳng có thành tựu đâu nhé! Niệm như vậy chẳng được! Từ vô thủy tới nay, tập khí của chúng ta quá sâu, khi nào thì mới có thể niệm cho ra tự tánh Tam Bảo? Niệm không được! [Vậy thì] ắt phải thật thà niệm Phật, niệm một câu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy toàn tâm toàn ý niệm Ngài, cầu cho khi chúng ta lâm chung, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay trong hết thầy mọi lúc, bất cứ lúc nào, chúng ta đều niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Đó là thật thà niệm Phật. Khi niệm, chẳng có cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm (sở niệm Phật). Niệm đến khi Năng và Sở hòa thành một khối, công phu sẽ hiện hành.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Đây là “*thật thà niệm Phật*”. Thật thà niệm Phật thì mới có thể niệm Phật vô phân biệt. Nếu dùng học lý của tông Duy Thức để niệm Phật, niệm cho ra bản tánh của chính mình, công phu ấy cũng chẳng thể dùng được chút nào! Tổ sư Tịnh Độ Tông bảo niệm Phật thì phải thật thà niệm Phật, niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật.

Ba niệm đầu trong sáu niệm chính là Phật, Pháp, Tăng, niệm thứ tư là niệm Giới. Trong phần trước, đã nói Giới là Cụ Túc Giới, phải gìn giữ giới! Giới rất trọng yếu. Chính mình gặp phải cảnh giới, có dấy lên cái tâm giết chóc hay chăng? Có dấy lên cái tâm trộm cắp hay không? Ngay lập tức nhắc nhở phải giữ giới! Nghĩ đến Giới bất cứ lúc nào thì sẽ hữu dụng.

Thứ năm là niệm Xả, Xả trong “tù, bi, hỷ, xả”. Vì sao chúng ta phải niệm Xả? Hành Bồ Tát đạo là điều khó bỏ có thể bỏ. Quyền lực và danh lợi trong thế gian, người ta mong muốn danh, chúng ta chẳng tranh danh với người khác, nhường cho người ta thì giống như Xả vậy! Người ta tranh quyền, chúng ta cũng chẳng tranh giành với họ. Đó là Xả, tức là vứt bỏ. Phàm những gì người ta muốn tranh, chúng ta đều chẳng tranh cùng họ, xả vật ngoài thân. Đó là ngoại xả. Bậc đại Bồ Tát thật sự còn có nội xả, người thọ Bồ Tát Giới đều biết: Đốt cánh tay cúng Phật chính là nội xả. Lương Vũ Đế xả thân vài lượt, buông bỏ địa vị và thân phận vua một nước, trong chùa miếu làm nô lệ thay cho người khác. Đó là xả thân. Còn có những vị đại Bồ Tát vào thời cổ xả thân cho hổ đói ăn. Đây đều là nội xả. Nhưng tôi phải nhắc nhở mọi người chuyện này: Những khí quan nào đó trên thân thể có cần bỏ hay không? Đây là vấn đề thuộc về công phu. Công phu chưa đến mức, có mấy ai trong bọn phàm phu chúng sanh ta chứng quả? Chưa chứng quả, chưa đạt đến địa vị đại Bồ Tát, chẳng thể nói như vậy! Đã đạt tới địa vị đại Bồ Tát, có thể móc mắt ra để thí xả, ngay lập tức, mắt có thể mọc lại, ngay lập tức lại khôi phục, [các vị đại Bồ Tát] có công phu ấy. Phàm phu chẳng có công phu ấy, móc mắt ra, sẽ chẳng có con mắt thứ hai, làm thế nào hóa độ chúng sanh cho được? Hơn nữa, cầu vãng sanh là điều quan trọng nhất. Khi vãng sanh, đem con mắt móc ra, thân bị đau đớn, [do đánh mất chánh niệm] chẳng thể vãng sanh! Phải đặc biệt chú ý điều này, hãy tự lượng năng lực của chính mình. Đây là nói về Xả.

Thứ sáu là niệm Thiên. Nói nông cạn, [niệm thiên] là niệm Sắc Giới Thiên; vượt lên trên Dục Giới, niệm Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên. Nói đến tốt cùng, sẽ là Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Đệ Nhất Nghĩa là gì? Chúng từ Thập Địa Bồ Tát trở lên, sắp thành Phật, bản tánh của chính

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mình hoàn toàn khai phát. Đây là Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Phải niệm những điều này. Nói cách khác, chúng ta thời thời khắc khắc phải niệm bản tánh của chính mình.

Đối với sáu niệm, thầy đều phải hồi hướng phát nguyện. Bất luận là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, thầy đều hồi hướng, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Có ba hạng người “*cụ thử công đức*” (trọn đủ công đức này): Một là từ tâm chẳng giết, đầy đủ các giới hạnh, hai là đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, ba là tu hành sáu niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. “*Nhất nhật nãi chí thất nhật, tức đắc vãng sanh*” (Từ một ngày cho đến bảy ngày, liền được vãng sanh): Từ một ngày cho đến bảy ngày chính là nguyên tắc, nói theo lúc vãng sanh. Có người trong một ngày bèn có thể vãng sanh, có người cần phải bảy ngày. Trước khi vãng sanh, suốt một đời đều làm như thế, sẽ có thể vãng sanh. “*Tức đắc vãng sanh*”: Trọn đủ bất cứ một loại nào trong ba loại ấy, sẽ đều có thể vãng sanh. Hôm nay, tôi giảng tới đây thì ngưng.

Tập 40

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang hai mươi ba, tôi đọc trước một đoạn kinh văn:

(Kinh) Sanh bỉ quốc thời, thử nhân tinh tấn dũng mãnh cố, A Di Đà Như Lai, dữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số Hóa Phật, bách thiên tỷ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, thất bảo cung điện. Quán Thế Âm Bồ Tát, chấp kim cương đài, dữ Đại Thế Chí Bồ Tát, chí hành giả tiên. A Di Đà Phật, phóng đại quang minh, chiếu hành giả thân, dữ chư Bồ Tát, thọ thủ nghênh tiếp. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dữ vô số Bồ Tát, tán thán hành giả, khuyến tấn kỳ tâm.

(經)生彼國時，此人精進勇猛故，阿彌陀如來，與觀世音，大勢至，無數化佛，百千比丘，聲聞大眾，無量諸天，七寶宮殿。觀世音菩薩，執金剛臺，與大勢至菩薩，至行者前。阿彌陀佛，放大光明，照行者身。與諸菩薩，

授手迎接。觀世音、大勢至，與無數菩薩，讚歎行者，勸進其心。

(Kinh: Khi sanh về cõi ấy, do người ấy tinh tấn, dũng mãnh, A Di Đà Như Lai và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số Hóa Phật, trăm ngàn tỷ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, cung điện bảy báu. Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài kim cương, cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát tới trước hành giả. A Di Đà Phật phóng đại quang minh, chiếu thân hành giả, cùng với các vị Bồ Tát xòe tay đón tiếp. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, và vô số Bồ Tát tán thán hành giả, khuyến tấn tâm người ấy).

Phép Quán này vẫn là tiếp tục của phép Quán thứ mười bốn. Bắt đầu từ phép Quán này, [đức Phật] nói về tình huống vãng sanh trong chín phẩm. Chúng ta tu Tịnh Độ Tông, trong một đời này, niệm Phật trong một thời gian dài, hy vọng trong một đời này, sau khi sanh mạng kết thúc, có thể rất thuận lợi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Ở trong thế gian này, muốn thành Phật, tu Phật pháp, mà tu những pháp môn thông thường khác, muốn thành tựu sẽ hết sức khó khăn. Đừng nói là thành Phật, muốn lìa khỏi lục đạo luân hồi cũng đã hết sức khó khăn. Nhất là trong hiện thời, chúng ta nhìn vào hoàn cảnh trên toàn thế giới, bất cứ nơi đâu cũng đều khiến cho người ta khó thể chịu đựng! Thiên nhiên bị ô nhiễm rất nhiều, chúng sanh thuộc nhân loại đều tranh tới, tranh lui, người trong thế gian mà! Tranh những gì? Bất luận trong nước hay ngoài nước, quý vị xem báo chí, tin tức, khắp nơi đều tràn đầy bạo lực. Bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, cũng đều có thể phát sanh những chuyện như bạo động tập thể, đặt bom, nhiễu loạn xã hội! Quý vị hãy ngẫm xem: Hoàn cảnh sống như thế đó! Người tu đạo chúng ta hãy suy nghĩ, [sẽ thấy rõ] hoàn cảnh ấy hết sức xấu xa, hèn tẻ. Mong thành tựu đạo nghiệp hoặc thành Phật trong hoàn cảnh ấy, há dễ dàng ư? Phải tới khi nào thì mới có thể thành tựu? Do vậy, ắt phải mong cầu sanh vào hoàn cảnh thanh tịnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hễ đến hoàn cảnh thanh tịnh ấy, tự nhiên tất cả mọi người đều thanh tịnh, nhất định là sẽ có thể thành tựu rất nhanh. Cũng giống như vậy, mong cầu vãng sanh, phẩm vị sẽ cao, có chín bậc vãng sanh. Phẩm vị càng cao, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời gian thành Phật càng nhanh chóng. Vì thế, chín phẩm vãng sanh được nói ở đây, đối với chuyện trì danh niệm Phật,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng ta phải liễu giải sau khi vãng sanh, sẽ đạt được phẩm vị gì. Đoạn kinh văn này hết sức trọng yếu!

Đức Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy, người mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải phát ba loại tâm: Thứ nhất là chí thành tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Viên dung ba loại tâm ấy trong một niệm, bất cứ niệm nào cũng bao gồm ba loại tâm này. Nói cách khác, chúng ta trong lúc bình thường, khi khởi tâm động niệm, một niệm sẽ bao gồm ba loại tâm ấy. Ba loại tâm ấy hết sức trực tiếp, từ bản tánh phát xuất. Lại dùng những tâm ấy để hồi hướng thế giới Cực Lạc, mong sanh về thế giới Cực Lạc. Do vậy, tu tập ba loại tâm ấy đến mức tốt đẹp, có thể đoạn Hoặc, tức là đoạn Kiến Tư Hoặc, đoạn Trần Sa Hoặc. Căn cứ theo lời dạy của tổ sư tông Thiên Thai, đoạn Kiến Tư Hoặc và đoạn Trần Sa Hoặc, chính là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Trong ấy, dựa theo sự đoạn Hoặc, cũng chia thành phẩm vị. Chẳng hạn như nói: Do Hoặc của Sơ Địa và Hoặc của Nhị Địa bất đồng, cho nên trong thượng phẩm, lại chia thành ba phẩm. Nếu chẳng đoạn Hoặc, có thể đè nén Kiến Tư Hoặc và Trần Sa Hoặc, chẳng để phiền não dậy lên, khởi hiện hành, đều có thể khuất phục chúng, sau khi vãng sanh, phẩm vị sẽ đạt được thuộc về ba phẩm trung, tức trung thượng, trung trung, và trung hạ. Nếu chẳng thể chế ngự Hoặc, tức là thuần túy đời nghiệp vãng sanh, phục Hoặc (chế ngự Hoặc) cũng là đời nghiệp. Nếu hoàn toàn chẳng thể chế phục, tức là mang theo nghiệp càng nặng nề hơn, sẽ thuộc vào ba phẩm hạ, tức hạ thượng, hạ trung, và hạ hạ. Do vậy, tu ba loại tâm được nói ở đây sẽ thông suốt với những phần sau. Tùy thuộc công phu chúng ta tu tập cạn hay sâu, một mực nói xuyên suốt cho đến những phần sau.

Kế tiếp ngay sau ba tâm ấy, [kinh văn bèn nói] có ba hạng người, tức là từ tâm chẳng giết, đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, tu hành lục niệm hồi hướng phát nguyện. Trong phần trước, tôi đã từng nói, cùng tu hành ba loại ấy, tu tốt đẹp, cũng là chiếu theo trình độ như thế nào mà chia thành các phẩm vị thượng, trung, hạ. Đó là những điều đã nói trong hai lần trước, chúng ta hãy nhớ lại đôi chút, sẽ càng dễ hiểu rõ những điều sắp được nói tiếp theo đây.

Nay chúng ta xem câu “*sanh bỉ quốc thời*” (khi sanh về cõi ấy). Trong phần trước, đã nói ba loại tâm, lại nói đến ba loại chúng sanh, tu ba loại phương pháp, sau khi đã tu tốt đẹp, lúc thọ mạng đã hết bèn vãng sanh. Chữ “*bỉ quốc*” chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới. Khi sanh về cõi ấy, ngay khi sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi sắp lìa khỏi, nhưng vẫn chưa rời đi, “*thử nhân tinh tấn, dừng mãnh cố*”, [ý nói]

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

sanh mạng đã chấm dứt, đến lúc then chốt khẩn yếu ấy, người đó có thể tinh tấn dũng mãnh, tuyệt vời thay! Lại còn ngay trong lúc sắp tắt hơi, nhưng chưa [thật sự] ngừng thở, bền tinh tấn, dũng mãnh, mạnh mẽ hơn công phu lúc bình thường chẳng biết bao nhiêu lần. Vì sao? Khi chúng ta dụng công niệm Phật trong lúc thường ngày, luôn cảm thấy ngày tháng còn dài, hiện thời ta niệm Phật, tâm có rào chạy loạn xạ vẫn chẳng sao, chứ lúc then chốt sanh tử, sẽ nguy hiểm lắm! Lúc đó, có một điều kiện tiên quyết, ngàn vạn phần chẳng thể có bất cứ chướng ngại nào. Nói “bất cứ chướng ngại” là nói đến thân quyến trong nhà khóc lóc, rên rỉ, chẳng nở xa lìa, nhiều loạn người ấy. Hơn nữa là chính mình lâm vào trạng thái hôn mê. Người đó lúc ấy chẳng có chướng ngại, tâm sáng suốt, có thể tinh tấn, dũng mãnh. Nói “*tinh tấn, dũng mãnh*” tức là [nói tới] ba loại tâm trong phần trước, lại còn có “*từ tâm, chẳng giết, đủ các giới hạnh, đọc kinh điển Phương Đẳng*”, cùng với sáu niệm, hiện thời đều có thể nhớ lại, hiện thời [những điều ấy] đều ở ngay trong ý niệm, chẳng nghĩ gì khác, nhất tâm đều dung nhập vào pháp, nhất tâm mong cầu sẽ được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất cứ chỗ nào [ngoài Cực Lạc ra] cũng đều chẳng đến. Đó gọi là “*tinh tấn, dũng mãnh*”. “*Tinh tấn dũng mãnh cố*” như vậy, chữ “*cố*” (故) nói theo cách hành văn, sẽ là “có điều kiện”. [“*Tinh tấn dũng mãnh cố*” nghĩa là] do vì người ấy trọn đủ những điều kiện tinh tấn, dũng mãnh ấy.

Tiếp đó là kết luận, “*A Di Đà Như Lai, đữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí*”, còn có “*vô số Hóa Phật*”. Bài kệ Tán Phật có câu “*quang trung hóa Phật vô số ức*” (trong quang minh có vô số ức Hóa Phật) là nói đến những vị Hóa Phật này, còn có “*bách thiên tỷ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên*” (trăm ngàn tỷ-kheo, đại chúng Thanh Văn, vô lượng chư thiên) đều đến, mang theo “*thất bảo cung điện*” (cung điện bảy báu) đến để làm gì? Chúng ta thường nói Tây Phương Phật đến tiếp dẫn, Ngài đến tiếp dẫn. Chúng ta thường lo ngại Tây Phương Cực Lạc thế giới xa xôi đường ấy, ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, người sắp chết sức lực mòn mỏi, quá yếu ớt, làm sao có thể đến nơi xa xôi ngàn ấy? Vì thế, Phật và chư đại Bồ Tát mang theo cung điện bảy báu tới tiếp đón chúng ta, chẳng cần nhọc công chúng ta tự đi, các Ngài đến đón!

Người trì danh niệm Phật chúng ta phải đặc biệt chú ý: Như thế nào thì mới có thể tinh tấn, dũng mãnh trong khi lâm chung, chẳng hôn trầm, không tán loạn, trong tâm sáng suốt, tinh táo, chẳng bị chướng ngại? Mỗi người tu pháp môn Niệm Phật đều hy vọng khi sanh mạng

chấm dứt, sẽ đều có thể có hiện tượng tốt lành ấy. Nhưng hiện tượng tốt đẹp ấy chẳng phải là ngẫu nhiên mà có, cần phải cậy vào sự dụng công trong thường nhật. Chúng ta biết: Phàm hết thảy mọi chuyện có chướng ngại, đều do từ trong tâm chúng ta dấy lên, trong tâm chúng ta khởi chướng ngại, không gì chẳng do “thường coi vạn pháp trong thế gian là thật sự tồn tại”. Vào thời cổ, kẻ làm đại hoàng đế, coi tất cả đất đai, nhân dân, và tài sản trong quốc gia là của chính mình, [thấy những thứ ấy] thật sự tồn tại, chẳng thể đả phá tí ti nào! Những kẻ thấp hơn cũng giống như vậy, kẻ có tài sản cũng thế, ngoài ra, những kẻ có quyền lực kha khá cũng thế, đều coi [tài sản, quyền lực] là thật sự tồn tại, cũng chẳng thấy thấu suốt tí nào. Do chẳng thấy thấu suốt, cho nên chẳng thể buông bỏ được. Chúng ta niệm Phật thường là ý niệm rong ruổi lung tung, chẳng ruổi đến chỗ này, bèn rong sang chỗ nọ. Những nơi tâm niệm rong ruổi chính là những điều niệm niệm chẳng quên trong cái tâm của chính mình. Không gì ra ngoài tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ mà thôi! Niệm Phật kiêu đó làm sao mà chẳng tán loạn cho được? Do vậy, khi sắp mạng chung, để công phu có thể tinh tấn, dững mãi như vậy, phải luyện tập trong lúc thường ngày. Trong việc niệm Phật thường ngày, cố nhiên phải niệm cho rành rẽ, rõ ràng. Lúc chẳng niệm Phật thì tu ba tâm. Bình thường, luôn thời thời khắc khắc ước thúc ba tâm trong một niệm. Chẳng khởi niệm thì thôi, hễ khởi niệm, sẽ là ba tâm, sẽ là tịnh niệm tiếp nối. Bất cứ người nào trong bọn chúng ta, có ai chẳng dấy niệm? Tu ba tâm, niệm niệm đều là ba tâm. Vì thế, đến khi lâm chung, chẳng có bất cứ chướng ngại nào! Đến lúc đó, chỉ có một nguyện, dững mãi, tinh tấn. Nương vào nguyện lực ấy, có thể cảm ứng Phật, Bồ Tát đến tiếp dẫn. Điều này hoàn toàn cậy vào lúc bình thường có thể thấy thấu suốt và có thể buông xuống vạn pháp trong thế gian. Dụng công trong lúc bình thường đều có thể hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, đến khi lâm chung, mới có thể nước chảy thành giòng, tự nhiên có thể cảm ứng Phật, Bồ Tát đến tiếp dẫn.

Một người có thể tinh tấn, dững mãi, cho nên cảm ứng A Di Đà Phật, cùng với Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát, còn có chư thiên, mang theo cung điện bảy báu đến nơi đây. “*Quán Thế Âm Bồ Tát, chấp kim cang đài*”, [nghĩa là] Quán Thế Âm Bồ Tát tay cầm tòa hoa sen bằng chất kim cang, “*dữ Đại Thế Chí Bồ Tát, chí hành giả tiền*”, cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát đến trước người ấy. Nói “*hành giả*” có nghĩa là gì? Người ấy trong lúc bình thường có thể dụng công, tới lúc ấy, sẽ có năng lực tinh tấn, dững mãi, nên gọi là “*hành giả*”, hết sức thật sự

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

dụng công. Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài kim cang đến trước hành giả, bảo hành giả ngồi lên đài kim cang. Sau đây, ngay khi ấy “*A Di Đà Phật, phóng đại quang minh, chiếu hành giả thân*”: Bản thân A Di Đà Phật là vô lượng quang. Ngài phóng đại quang minh, chiếu tới thân hành giả, chiếu sáng toàn thân người vãng sanh, lại “*dữ chư Bồ Tát*”, tức là các vị đại Bồ Tát theo A Di Đà Phật cùng đến, kể cả vô số Hóa Phật, hết thấy các vị đại Bồ Tát “*thọ thủ nghêh tiếp*”: Đồng thời vươn tay ra đón tiếp người vãng sanh. “*Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dữ vô số Bồ Tát*”: Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát là hai vị đại Bồ Tát ở hai bên đức Phật, đồng thời, các vị đại Bồ Tát chẳng biết rõ số lượng, cùng lúc “*tán thán hành giả, khuyến tấn kỳ tâm*” (khen ngợi hành giả, khuyến tấn tâm người ấy). “*Khuyến*” (勸) bao gồm tán thán, “*tấn*” (進) là tăng tấn. “*Kỳ tâm*” là nguyện tâm của người ấy. Khiến cho người tâm của người ấy càng tăng tấn. Tâm nguyện càng mạnh, càng kiên định, càng hay! Khuyến tấn cái tâm ấy. Đoạn này nói cặn kẽ hơn kinh Tiểu A Di Đà. Kinh A Di Đà nói: “*Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền*” (Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện trước mặt người ấy), [chỉ nói] A Di Đà Phật và các vị thánh chúng hiện ra trước mặt người ấy. Quý vị thấy kinh văn ở đây giảng cặn kẽ dường ấy. Sau khi chúng ta liễu giải kinh văn, trong tương lai, khi vãng sanh, lúc thấy Tây Phương Tam Thánh và Hóa Phật v.v... hiện đến, chúng ta đã sớm biết, tâm bèn an tĩnh, rất tự nhiên vãng sanh.

Ở đây, có những danh từ thuộc về phương diện học lý cần phải giải thích đôi chút. Đoạn lớn này từ “*sanh bỉ quốc thời*” (khi sanh về cõi ấy) cho đến “*khuyến tấn kỳ tâm*” (khuyến khích, tăng tấn cái tâm của người ấy) khác với những điều đã nói trong phần trước. Phần trước là từ “*nhược hữu chúng sanh, nguyện sanh bỉ quốc giả*” (nếu có chúng sanh, nguyện sanh về cõi ấy) cho đến “*nhất nhật nãi chí thất nhật, tức đắc vãng sanh*” (từ một ngày cho đến bảy ngày bèn được vãng sanh), đoạn ấy nói về cái nhân vãng sanh, [nghĩa là] quý vị dựa vào gì để có thể vãng sanh? Tức là phải gieo nhân gì? Đoạn vừa mới nói ở đây (tức đoạn kể từ “*sanh bỉ quốc thời*”) là nói về duyên. Duyên gì vậy? Trong khi vãng sanh, cảm ứng Phật, Bồ Tát, và vô lượng chư thiên đến tiếp dẫn. Duyên ấy tuyệt diệu, vừa khởi đầu, tôi đã thừa cùng chư vị: Chẳng có duyên này, chúng ta làm sao có thể đến chỗ xa xôi ngàn ấy? Hễ xem đoạn này sẽ biết, trong tâm chúng ta chẳng cần hoài nghi. Tự nhiên sẽ có duyên

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thù thắng như vậy, sẽ có thể đến đó rất nhanh chóng. Trong nhiều duyên thù thắng như vậy, có “*bách thiên tỳ-kheo, Thanh Văn đại chúng*”, mọi người vừa nhìn vào liền biết đây đều là những người tu Tiểu Thừa. Có sao hàng Tiểu Thừa có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc? Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Đại Thừa cơ mà! Tổ sư chú giải, đây là vì họ vốn tu pháp môn Tiểu Thừa. Tu đến sau này, hồi Tiểu hướng Đại, đổi sang tu pháp môn Đại Thừa. Tuy hồi Tiểu hướng Đại, nhưng vốn là tu Tiểu Thừa, công phu tu trì đã có, cơ sở tốt đẹp. Do vậy, sau khi vãng sanh thế giới Cực Lạc, trước hết là đoạn Kiến Tư Hoặc, trước hết là chứng quả La Hán. Đó là “*Thanh Văn đại chúng*”, là những người hồi Tiểu hướng Đại vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tổ sư đặc biệt chú giải điều này!

Phản kinh văn tiếp theo là:

(Kinh) Hành giả kiến dĩ, hoan hỷ dũng dục, tự kiến kỳ thân, thừa kim cang đài, tùy tùng Phật hậu, như đàn chỉ khoảnh, vãng sanh bỉ quốc.

(經)行者見已，歡喜踴躍。自見其身，乘金剛臺，隨從佛後，如彈指頃，往生彼國。

(Kinh: Hành giả thấy rồi, hoan hỷ, hớn hở, tự thấy thân mình ngồi đài kim cang theo sau đức Phật, như trong khoảnh khắc ngón tay, sanh về cõi kia).

Do nhân duyên trong phần trước đã đầy đủ, hành giả trông thấy Phật, Bồ Tát, đại chúng đông đảo ngàn ấy đều đến. “*Hành giả kiến dĩ*”, [nghĩa là] sau khi đã thấy Phật, Bồ Tát, bèn “*hoan hỷ, dũng dục*” (hoan hỷ, hớn hở): Trong tâm nảy sanh hoan hỷ, hoan hỷ đến mức độ nào? Đến mức có thể hăng hái nhảy nhót. Người sắp vãng sanh, sắp tắt hơi, làm sao có thể nhảy lên được? Chẳng thể nào! Đây là nói theo tâm lý, sự cảm nhận trong tâm tình! “*Dũng dục*” (踴躍) là từ ngữ để hình dung tâm lý hoan hỷ ấy!

“*Tự kiến kỳ thân, thừa kim cang đài*”: Tự mình thấy thân thể của chính mình ngồi lên đài Kim Cang, kim cang làm đài hoa sen. Sau khi đã ngự lên đài hoa sen, “*tùy tùng Phật hậu*”, [nghĩa là] liền theo sau A Di Đà Phật, vừa lên đài, A Di Đà Phật ở phía trước, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát, hành giả theo sau. Theo sau phải mất bao lâu mới có thể đến nơi? “*Như đàn chỉ khoảnh, vãng sanh bỉ quốc*” (Như trong khoảnh khắc

ngón tay, sanh về cõi đó), “*đàn chi*” (彈指) là khảy ngón tay một chút, thời gian ngắn ngủi như thế đó! Chưa đến một giây, chúng ta dấy lên ý niệm, một cái khảy ngón tay, trong thời gian hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, bèn sanh về cõi ấy. Chúng ta thường nói, từ thế giới này, phải trải qua mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới cõi Phật (một tam thiên đại thiên thế giới đã chẳng biết rõ số, huống hồ mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới), qua nhiều thế giới ngàn ấy, sau đó mới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Trong một cái khảy ngón tay mau chóng như vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính là do A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài kim cang đến tiếp dẫn. Chúng ta cảm tưởng: “Có chuyện ấy ư?” Hiện thời, khoa học tiến bộ, mọi người đều biết: Một người ngồi trên hỏa tiễn, hoặc phi thuyền, hễ bắn hỏa tiễn lên, xuyên qua khí quyển, đến mặt trăng, hoặc đến bất cứ tinh cầu nào, cũng đều rất xa, tuy chẳng xa như thế giới Cực Lạc. Đúng là “*thầy đồng hạng xoàng gặp đại phù thủy*”, nói theo phía phàm phu chúng ta, cũng là chuyện khó có thể, đáng quý. Chúng ta tự mình đi, khi nào sẽ đến nơi? Đừng nói tới vũ trụ, nếu từ Đài Trung đến Đài Bắc, cũng chẳng phải là trong một thời gian ngắn bèn có thể đến được. Phàm phu chúng ta có thể vào vũ trụ là do có phương tiện giao thông tốt đẹp, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là do Phật, Bồ Tát dùng kim cang đài [tiếp dẫn], tuyệt diệu thay! Vì thế, trong khoảng khảy ngón tay bèn có thể đạt tới!

Kẻ tu pháp môn thông thường, tuy công phu bình thường tốt đẹp, tới lúc thọ mạng chấm dứt, chính mình rất khó làm chủ. Khi ấy, người đó chẳng đủ sức, do tu pháp môn khác biệt, chớ nên chấp trước hết thầy các tướng. Tới lúc ấy, người đó cũng rất khó khăn, khó tránh khỏi tay chân cuồng quýt. Ấn Quang đại sư cũng nói như thế ấy: “*Rất nhiều kẻ bình thường công phu rất tốt đẹp, đến khi lâm chung, đều là tay cuồng chân loạn*”. Kinh văn lúc bình thường đều nói rất hay, đến khi đó, lại chẳng được. Vì sao? Hoàn toàn là pháp môn tự lực, hoàn toàn cậy vào sức của chính mình, chẳng đủ sức! Tu pháp môn Niệm Phật là pháp môn Nhị Lực, tới khi lâm chung, cậy vào công phu bình thường tu tập của người ấy, lại còn do nguyện lực, cảm ứng duyên như vậy đến tiếp dẫn. Người bình phàm khi sắp tắt hơi sẽ đau khổ dường ấy. Quý vị thấy người vãng sanh “*hoan hỷ dững dưng, tự kiến kỳ thân, thừa kim cang đài*” (hoan hỷ, hớn hở, tự thấy thân mình ngồi đài kim cang), giống như lúc bình thường bước lên công cụ giao thông. Đã thế, đài kim cang

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chẳng giống những thứ xe cộ hoặc phi cơ thô thiên, kém cõi như chúng ta thường thấy. Đối với đài kim cang ấy, [người vãng sanh] tự thấy chính mình về căn bản là chẳng có những chuyện như tử vong, tắt hơi, hết sức hoan hỷ, có thể tự lên đài, “*thừa thượng kim cang đài*”, quý vị thấy thoát ly tiêu sái ngàn ấy! Đó là do có hai lực (tự lực và Phật lực), có sức của Phật, Bồ Tát, A Di Đà Phật phóng đại quang minh. Phóng đại quang minh để làm gì? Nhằm gia bị cho người ấy, khiến cho sức lực của người ấy tăng trưởng, nguyện lực tăng trưởng, mới có thể tự thấy thân mình ngồi đài kim cang. Chúng ta tu đến mức độ ấy sẽ là khá lắm, lúc bình thường phải phối hợp ba loại tâm với trì danh niệm Phật. Tới lúc vãng sanh, nhất định là sẽ có thể đạt được hiện tượng tốt đẹp. Đoạn này nói về chuyện vãng sanh. Đoạn [chánh kinh] kế tiếp nói về lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh.

(Kinh) Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật sắc thân, chúng tướng cụ túc. Kiến chư Bồ Tát, sắc tướng cụ túc, quang minh, bảo lâm, diễn thuyết diệu pháp. Văn dĩ, tức ngộ Vô Sanh Pháp Nhân, kinh tu du gian, lịch sự chư Phật, biên thập phương giới, u chư Phật tiền, thứ đệ thọ ký, hoàn chí bốn quốc, đắc vô lượng bách thiên đà-la-ni môn.

(經)生彼國已，見佛色身，眾相具足。見諸菩薩，色相具足。光明寶林，演說妙法。聞已，即悟無生法忍。經須臾間，歷事諸佛，遍十方界，於諸佛前，次第受記。還至本國，得無量百千陀羅尼門。

(Kinh: Đã sanh về cõi ấy, thấy sắc thân của Phật, các tướng trọn đủ. Thấy các Bồ Tát sắc tướng trọn đủ. Quang minh, rừng báu diễn thuyết pháp màu. Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhân. Trải qua khoảnh khắc, phụng sự khắp chư Phật, trọn khắp mười phương thế giới, ở trước chư Phật lần lượt được thọ ký. Trở về nước mình, đắc vô lượng trăm ngàn môn đà-la-ni).

Đây là nói về lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh thế giới Cực Lạc. “*Sanh bỉ quốc dĩ*” nghĩa là sau khi người vãng sanh đã sanh về thế giới Cực Lạc. “*Kiến Phật sắc thân*”, thấy thân tướng trang nghiêm của A Di Đà Phật, tuyệt diệu thay! Trong thế giới Sa Bà, đương nhiên cũng có chuyện cảm ứng thấy A Di Đà Phật, nhưng chẳng phải là A Di Đà

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật trong thế giới Cực Lạc. Sau khi đã tới thế giới Cực Lạc, thấy sắc thân của A Di Đà Phật “*chúng tướng cụ túc*” (các tướng trọn đủ). Những tướng đã nói trong phép Quán A Di Đà Phật thuộc phần trước đều hoàn toàn trọn đủ. Đừng nói là [trong thế giới Sa Bà] chúng ta chẳng thấy A Di Đà Phật, đâu thấy, cũng chẳng thấy rõ ràng! A Di Đà Phật duỗi một cánh tay ra; đừng nói là một cánh tay, đâu Ngài nhắc một đầu ngón tay, chúng ta thấy ngón tay to lớn ấy sẽ sợ chết khiếp! Đó là gì vậy? Chúng ta chẳng hiểu rõ. Tâm lý và tầm nhìn của phàm phu nhỏ hẹp đến nỗi đáng thương! Do vậy, ở trong thế giới này, thật sự là chẳng nhìn thấy A Di Đà Phật hoàn toàn. Ất là phải sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải đạt đến cảnh giới ấy, sau khi vãng sanh, cảnh giới trong bụng dạ của chúng ta mới mở rộng, [những gì thấy, nghe, hiểu biết] sẽ là khôn cùng! Cảnh giới được nâng cao. Khi ấy, sẽ trông thấy rõ ràng toàn bộ nhiều thứ hảo tướng nơi sắc thân Phật. Chính mình chưa đạt tới cảnh giới ấy, làm sao [có thể] thấy cho được? Điều này có thể chứng tỏ: Tình hình sau khi vãng sanh chẳng phải là bọn chúng sanh phàm phu có thể tưởng tượng được! Cho đến khi đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân thể cũng cao lớn. Tâm lý, những gì mắt thấy, hết thấy đều hoàn toàn khác hẳn!

Ngoài việc thấy trọn đủ các tướng nơi sắc thân Phật ra, còn thấy các vị đại Bồ Tát. “*Kiến chư Bồ Tát, sắc tướng cụ túc*” (Thấy các Bồ Tát, sắc tướng trọn đủ): Đối với sắc tướng của những vị Bồ Tát ấy và sự trang nghiêm trọn đủ nơi toàn thân các Ngài, cũng đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Ở đây, chúng ta phải chú ý: “*Thừa kim cang đài*” [như đã nói trong] phần trước chính là ngòai trên đài hoa sen. Sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ vào trong búp sen. Sau khi đã tới thế giới Cực Lạc, hoa sen sẽ khép lại. Qua một thời gian sau, hoa sen lại nở. Vì thế, nói là “*hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*” (hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh), chúng ta thường niệm điều này. Nhưng kinh văn ở đây nói, sau khi ngòai đài kim cang, theo sau đức Phật, trong khoảng khảy ngón tay, sẽ tới thế giới Cực Lạc. Vừa đến đó, bèn thấy sắc thân Phật và sắc tướng của chư vị Bồ Tát, chẳng nói “*hoa khép lại, hoa xòe ra*”. Tuy kinh văn chẳng nói, nhưng phải thấu hiểu ý nghĩa ở ngoài kinh văn. Người Thượng Phẩm Thượng Sanh lỗi lạc thay! Cũng có nghĩa là hoa sen chẳng cần khép lại, xòe ra, chẳng có quá trình hoa sen khép lại, xòe ra, vừa đến nơi ấy, sẽ lập tức thấy Phật, ngay lập tức ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Do vậy, trong chín phẩm vãng sanh, vãng sanh trong Thượng Phẩm Thượng Sanh chẳng cần đến quá

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

trình hoa sen khép lại, xòe ra, mà là lập tức thấy Phật. Hễ thấy Phật, bèn nghe pháp.

“*Quang minh, bảo lâm, diễn thuyết diệu pháp*”: Hoàn cảnh ấy quá tốt đẹp, Phật, Bồ Tát thấy đều phóng quang minh. Mỗi bông hoa, mỗi cây cỏ, nước, rừng cây, không chỗ nào chẳng tỏa quang minh. Quang minh có thể thuyết pháp. “*Bảo lâm*” chính là rừng cây có bảy tầng cây báu, cũng có thể thuyết pháp. Bất luận quang minh hay rừng báu, đều đang diễn thuyết diệu pháp. Trong thế giới Sa Bà, chẳng nghe thấy diệu pháp ấy. Phật pháp mà chúng ta được nghe trong thế giới Sa Bà cũng như Phật pháp mà tâm lý phàm phu có thể liễu giải, [so với] diệu pháp được nghe khi đã đến thế giới Cực Lạc, có mức độ khác biệt rất lớn. Chẳng hạn như: Tuy chúng ta tu Duy Thức, biết Bách Pháp Minh Môn Luận. Trăm pháp thì mọi người đều kể tên được, cũng biết ý nghĩa của trăm pháp, bao gồm tám tâm vương, năm mươi một tâm sở, có bao nhiêu thiện pháp, lại còn có vô vi pháp, đó là trăm pháp. Nhưng phần kinh văn trong các đoạn sau có nói: Sau khi thấy Phật, Bồ Tát, những vị đại Bồ Tát mới giảng cho người vãng sanh nghe Bách Pháp Minh Môn, phải chú ý! Bách Pháp Minh Môn do hàng đại Bồ Tát giảng và Bách Pháp Minh Môn do người ấy được nghe trong lúc đó, trọn chẳng phải là Bách Pháp Minh Môn như chúng ta đã nghe và lý giải trong thế giới này. Bách Pháp Minh Môn như chúng ta đã nói [trong thế giới này] chỉ là biết danh từ mà thôi, có mấy ai thật sự hiểu được ý nghĩa bao hàm trong ấy? Chẳng thể nghiệm được. Vì sao? Tâm lý của phàm phu có chướng ngại, khiến cho năng lực thể nghiệm bị chướng ngại, chẳng tin thế giới Cực Lạc tốt đẹp như kinh văn đã nói. Nói với người khác, họ cũng chẳng tin tưởng. Vì sao chẳng tin? Trong tâm họ có một tầng chướng ngại! Chướng ngại ấy phát xuất từ thành kiến nơi tâm lý của phàm phu trong thế gian. Tiếp nhận những tri thức và thành kiến ấy, khiến cho tâm lý bị chướng lấp. Do loại thành kiến ấy, chỉ biết tranh danh đoạt lợi cùng kẻ khác, cùng người khác cướp đoạt, giành giật nơi phương diện vật chất, chẳng thể mở rộng tâm linh của chính mình. Vì thế, đối với những thứ thật sự tốt đẹp, người ấy chẳng nhìn thấy, người khác nói gì, người ấy cũng chẳng tin tưởng. Do vậy, ắt phải vận dụng công phu như kinh văn đã dạy trong phần trước, buông bỏ những thành kiến bình phàm của người thế gian. Sau khi đã buông bỏ, tâm linh của chúng ta mở rộng mới thấu hiểu: Học nhân học Phật ở đây là tin tưởng pháp môn. Thật sự tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, cảnh giới sẽ tiến hơn cảnh giới hiện tại một bước, sẽ khác hẳn. Do đó, người ấy lý giải Bách Pháp Minh Môn và

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng ta lý giải sẽ khác biệt rất lớn. Vì thế, đối với “*diễn thuyết diệu pháp*”, chúng ta chỉ là nói suông mà thôi! Chúng ta chẳng thể tượng tượng nổi [những pháp ấy] “*diệu*” đến mức độ nào! Phải chờ tới sau khi chúng ta đã đến thế giới Cực Lạc thì mới thể nghiệm được. Nay chúng ta phải có cách nghĩ như thế này: So với những gì chúng ta đã biết, [những gì sẽ được thấy nghe trong cõi Cực Lạc] sẽ vượt trội không biết bao nhiêu lần!

“*Văn dĩ, tức ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn*”, nghĩa là: Sau khi nghe quang minh và rùng bấu diễn thuyết diệu pháp, sẽ lập tức ngộ được Vô Sanh Pháp Nhãn. Trong phần trước, đã có nói về Vô Sanh Pháp Nhãn. Tâm người ấy hiểu pháp Vô Sanh. Trên thế gian, ai trong chúng ta cũng đều chẳng hiểu pháp Vô Sanh, ngay cả pháp sanh diệt cũng không hiểu, ngộ pháp sanh diệt thật sự tồn tại. Vì thế, chúng ta chẳng nhìn thấu, chẳng buông xuống được. Ngay cả pháp sanh diệt mà cũng chẳng hiểu, vậy thì pháp vô sanh cao hơn một tầng làm sao hiểu được? Cảnh giới này là từng tầng một. Pháp vô sanh là hết thảy các pháp đều vô sanh, chẳng phải là pháp sanh diệt. Pháp nào cũng vốn đều như nhau. Người ấy đã an trụ trong ý niệm ấy, an ổn trụ trong pháp Vô Sanh, sẽ là Nhãn, [tức là] chẳng bị những pháp khác ảnh hưởng, nhiễu loạn mảy may. Đây là một thứ công phu Định rất sâu. Đối với Vô Sanh Pháp Nhãn, phải đạt đến trình độ nào thì mới có thể đắc Vô Sanh Pháp Nhãn? Tổ sư chú giải cũng chẳng nhất trí. Theo như Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai đã dạy: Nói theo Biệt Giáo, sẽ là Sơ Địa; nói theo Viên Giáo, sẽ là Sơ Trụ thì mới chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Nói theo một cách khác, Vô Sanh Pháp Nhãn xét theo Viên Giáo thì từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác đều là Vô Sanh Pháp Nhãn, trình độ khác nhau. Nói chung, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn đều là khá lắm. Đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, “*kinh tu du gian, lịch sự chư Phật, biến thập phương giới*”, [nghĩa là] trong thời gian hết sức ngắn ngủi, có thể “*lịch sự*” (phụng sự trọn khắp) mười phương chư Phật. “*Lịch sự*” (歷事) là hầu hạ, cúng dường từng vị một. Mười phương thế giới có bao nhiêu cõi nước? Mỗi cõi Phật có một vị Phật, người ấy đều lần lượt phụng sự, đến chỗ từng vị Phật trong mười phương thế giới để hầu hạ, lễ bái, cúng dường v.v...

“*U chư Phật tiền, thứ đệ thọ ký*”: Ở trong mười phương thế giới, đối trước chư Phật, khi lễ Phật, cúng dường Phật, các vị Phật ấy chẳng tùy tiện nhận sự cúng dường của quý vị. Sau khi đã tiếp nhận, các vị Phật ấy còn từng vị đều thọ ký cho quý vị. “*Thọ ký*” (授記) có nghĩa là

cho biết khi nào quý vị sẽ có thể thành Phật, tuyệt diệu thay! “*Hoàn chí bốn quốc*” (Trở về cõi mình), chữ “*bốn quốc*” chẳng phải là nói về thế giới Sa Bà, mà là nói tới thế giới Cực Lạc. Người ấy đã vãng sanh Tây Phương, là người trong thế giới Cực Lạc. Trong thời gian rất nhanh như vậy, trở về cõi của chính mình, tức thế giới Cực Lạc, “*đắc vô lượng bách thiên đà-la-ni môn*”: Sau khi trở lại thế giới Cực Lạc, vì người ấy đối trước trọn khắp chư Phật trong mười phương thế giới, đã được thọ ký, đương nhiên là Phật sẽ dạy cho người ấy rất nhiều pháp môn. Ở trước mỗi vị Phật, học một pháp, trọn khắp các đức Phật trong mười phương thế giới sẽ có bao nhiêu pháp? Vì lẽ đó, sau khi trở lại thế giới Cực Lạc, đạt được vô lượng trăm ngàn đà-la-ni môn. Vô lượng là chẳng biết rõ số lượng, “*môn*” là pháp môn. Đà-la-ni là gì? Đà-la-ni là tổng trì. Tổng trì những gì? Tổng trì vô lượng vô biên đạo lý, vô lượng nghĩa lý hoàn toàn được bao hàm trong ấy. Điều này hết sức quan trọng.

Chúng ta thường nói “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Phật pháp có vô lượng pháp môn. Học Phật pháp trong thế gian, thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”. Nói theo thực tế, sẽ là vô lượng pháp môn. Người học Phật chúng ta phải nên có chí nguyện, lập vững thế nguyện mong học. Pháp môn học càng nhiều càng hay, nhưng năng lực của chúng ta hữu hạn, học pháp này qua một thời gian bèn quên mất. Học pháp khác, một thời gian sau lại quên mất, năng lực ghi nhớ của chúng ta hữu hạn! Cổ nhân nói: “Người đọc sách có hai điều kiện trọng yếu:

1) Một là ngộ tánh tốt, [tức là] vừa đọc sách, hoặc nghe người khác giảng. Giảng một ý nghĩa, người ấy bèn lập tức lãnh ngộ rất nhiều ý nghĩa. Trong Không môn, Nhan Hồi có thể “*nghe một, biết mười*”. Đó là ngộ tánh tốt đẹp.

2) Hai là trí nhớ tốt. Chính mình đọc sách hoặc nghe đạo lý, có thể ghi nhớ, chẳng quên mất. Hôm nay nhớ một điều, ngày mai nhớ điều khác, lâu ngày chầy tháng, nhớ được nhiều sẽ hữu dụng”.

Nhưng trong chúng ta, người có trí nhớ tốt cũng chẳng nhiều! Phần lớn là chóng quên! Đà-la-ni môn là tổng trì. Sau khi đã học hết thảy các pháp, có thể vĩnh viễn ghi nhớ, lúc nào cũng dùng được. Thông thường, chúng ta đọc rất nhiều sách, đến khi muốn sử dụng, chẳng biết dùng như thế nào, nghĩ kiểu nào cũng chẳng thể nhớ ra. Đã đắc đà-la-ni, hết thảy các pháp môn đều ghi nhớ, lại còn có thể sử dụng bất cứ lúc nào. Vì thế, vô lượng pháp môn đều có thể tổng trì, sẽ có thể thành Phật rất nhanh. Điều này dựa vào đâu? Nhờ vào sau khi đắc Vô Sanh Pháp Nhãn,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cúng mười phương Phật, đắc đà-la-ni môn. Tuy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể đắc đà-la-ni môn; trong thế gian này, chúng ta cũng có thể luyện tập, luyện tập ngộ tánh tốt đẹp, trí nhớ tốt đẹp, tốt đẹp dường nào! Chỉ cần đơn thuần, tức là đơn thuần hóa tư tưởng của chúng ta. Thông thường, chớ nên có ý nghĩ phức tạp, chớ nên có nhiều vọng niệm, tâm tâm niệm niệm đặt nơi đạo. Tuy sống trên đời, thông thường chúng ta đều phải làm lung, nhưng thời thời khắc khắc đều có tâm cầu đạo, tư tưởng của chúng ta sẽ đơn thuần hóa. Hễ tư tưởng đơn thuần, ngộ tánh lẫn trí nhớ đều là năng lực sẵn có của chúng ta, năng lực tự nhiên phát hiện.

(Kinh) Thị danh Thượng Phẩm Thượng Sanh giả.

(經)是名上品上生者。

(Kinh: Đây gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh).

Câu “*thị danh Thượng Phẩm Thượng Sanh giả*” là tổng kết. Đoạn kinh văn trong phép Quán thứ mười bốn này [nói về] Thượng Phẩm Thượng Sanh, đã nói xong. Trong đoạn kế tiếp, sẽ nói về Thượng Phẩm Trung Sanh.

Tập 41

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang hai mươi ba, bắt đầu từ hàng thứ hai từ dưới đếm lên. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn:

(Kinh) Thượng Phẩm Trung Sanh giả, bất tất thọ trì, độc tụng Phương Đẳng kinh điển, thiện giải nghĩa thú, u Đệ Nhất Nghĩa, tâm bất kinh động, tâm tín nhân quả, bất bán Đại Thừa. Dĩ thử công đức, hồi hướng nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc.

(經)上品中生者，不必受持讀誦方等經典。善解義趣，於第一義，心不驚動，深信因果，不謗大乘。以此功德，迴向願求生極樂國。

(Kinh: Thượng Phẩm Trung Sanh là chẳng cần thọ trì, độc tụng kinh điển Phương Đẳng, khéo hiểu nghĩa thú. Đối với Đệ Nhất Nghĩa,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tâm chẳng kinh động, tin sâu nhân quả, chẳng báng Đại Thừa. Dùng công đức này để hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc).

Nay tôi vẫn tiếp tục nói tình hình trong chín phẩm vãng sanh. Đối với chín phẩm vãng sanh, trong lần trước đã nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh. Thượng Phẩm Thượng Sanh đạt được lợi ích là sau khi đã vãng sanh thế giới Cực Lạc, chẳng cần phải trải qua [giai đoạn] hoa sen khép lại. Cũng có nghĩa là vừa đến thế giới Cực Lạc, ngay lập tức trông thấy A Di Đà Phật và các vị thượng thiện nhân, ngay lập tức có thể nghe nói diệu pháp, ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn, cuối cùng, đạt được trăm ngàn đà-la-ni môn. Nói tới đà-la-ni môn, nếu nói cạn kẽ, sẽ có bốn loại lớn, ở đây, chẳng thể nói chi tiết. Hãy đặc biệt chú trọng [ý nghĩa chánh yếu của đà-la-ni] là “đối với nghĩa lý của diệu pháp, hễ nghe xong sẽ tổng trì, chẳng quên mất”.

Hôm nay, tôi nói về Thượng Phẩm Trung Sanh. “*Thượng Phẩm Trung Sanh giả, bất tất thọ trì, độc tụng Phương Đẳng kinh điển*” (Thượng Phẩm Trung Sanh thì chẳng cần phải thọ trì, độc tụng kinh điển Phương Đẳng). Thượng Phẩm Thượng Sanh phải đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, còn Thượng Phẩm Trung Sanh không cần thọ trì đọc tụng Phương Đẳng kinh điển. “*Bất tất*” (不必) là chẳng cần phải giống như trong phần trước đã nói, [đối với Thượng Phẩm Thượng Sanh] tất cả các kinh điển Phương Đẳng đều đọc tụng, học tập rộng rãi. Vì căn khí của học nhân bất đồng, có người thích đọc tụng, có người chẳng ham thích đọc tụng, chẳng hoàn toàn giống như nhau. Tuy là chẳng cần thọ trì, đọc tụng rộng rãi, nhưng cũng phải chọn lựa một phần để đọc tụng. “*Chẳng cần thọ trì, độc tụng*” hoàn toàn chẳng phải là không đọc tụng! Nếu hoàn toàn chẳng đọc tụng thì câu kinh văn kế tiếp sẽ chẳng có cách nào nói [cho thông suốt] được! Câu kế đó chính là: “*Thiện giải nghĩa thú*” (Khéo hiểu nghĩa thú). Nếu hoàn toàn chẳng thọ trì, đọc tụng kinh điển Phương Đẳng, sẽ chẳng có cách nào lý giải Đệ Nhất Nghĩa Đế. Do vậy, ở đây nói “*chẳng cần thọ trì, độc tụng*” có nghĩa là chỉ đọc tụng một phần, chẳng phải là đọc tụng toàn bộ như trong phần trước. Học nhân gặp được kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, tuy chẳng thọ trì, đọc tụng toàn bộ trọn khắp, nhưng chỉ cần học một phần, thậm chí học một hai câu kinh văn mà có thể khéo hiểu nghĩa thú, tức là có thể lãnh ngộ nghĩa lý trong kinh, [tức là lãnh ngộ] mục đích sẽ hướng đến, chỗ quy

kết của tông chỉ từ những giáo huấn của kinh. Người ấy lãnh ngộ những gì?

“*U Đệ Nhất Nghĩa, tâm bất kinh động*” [nghĩa là] người ấy nghe nói về Đệ Nhất Nghĩa, trong tâm chẳng kinh hoảng. Đệ Nhất Nghĩa là gì? Cái gọi là Đệ Nhất Nghĩa chính là điều được giảng trong các kinh điển Đại Thừa, mà cũng chính là điều các kinh điển Đại Thừa mong chúng ta hiểu rõ: “*Bản thân mỗi người chúng ta đều trọn đủ Chân Như bản tánh*”. Trong đạo tràng của chúng ta, các vị đều đã nghe nói tới Chân Như bản tánh, nhưng chúng ta chẳng thể nói tất cả những ai học Phật vừa khởi đầu học bèn hiểu Chân Như bản tánh, rất khó nói! Rất nhiều người đã học Phật vài chục năm, quý vị hỏi họ: “Chân Như bản tánh là gì?” Họ chẳng liễu giải! Chẳng liễu giải thì vẫn chẳng sao cả! Thật sự nói đến Chân Như bản tánh, họ bèn kinh hoảng, chấn động, cảm thấy sợ hãi. Vì sao? Thật sự nghe chân lý, chẳng thể tiếp nhận được! Thông thường, chúng ta sanh tử luân chuyển trong lục đạo, cái được tin tưởng nhất, khẳng định nhất chính là giả pháp. Giả pháp sanh sanh diệt diệt, [thế mà] cứ ngỡ pháp sanh diệt là thực tại. Ví như nói đến núi, sông, đại địa trong thiên nhiên, kẻ bình phàm đều nghĩ chúng thật sự tồn tại, chẳng giả. Trong xã hội, chúng ta thấy hết thảy mọi người và hết thảy mọi chuyện do mọi người làm, những chuyện được đại chúng truyền bá, đều coi chúng là chân thật. Thật ra, những thứ ấy đều là pháp sanh diệt, đều là giả hữu, chẳng chân thật. Nhưng bất cứ phàm phu nào cũng đều coi nó là chân thật. Do coi giả là thật, coi chúng nó thật sự là thật, họ sẽ chẳng tin tưởng, chẳng thấy rõ [chúng nó là giả pháp]. Vì sao? Vì trí huệ chân thật của họ đã bị những thứ giả dối che lấp. Do vậy, nếu nghe nghĩa lý Đệ Nhất Nghĩa chân thật, tâm họ chẳng chịu nổi, rất khủng hoảng. Kẻ học Phật tương ứng với Thượng Phẩm Trung Sanh tuy chẳng đọc tụng toàn bộ kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, dầu chỉ nghe một hai câu kinh văn, do có thể lãnh ngộ nghĩa lý Đệ Nhất Nghĩa, trong tâm chẳng sợ hãi, dao động, tuyệt vời thay!

Nghe nghĩa lý Đệ Nhất Nghĩa, tâm lý kẻ bình phàm sẽ bị kinh động. Chúng tôi nêu một tỷ dụ để nói: Bất luận ai cũng biết, một người hề có sanh bèn có tử. Các tôn giáo thông thường (ngoại đạo) biết có thiên đường, có địa ngục, có súc sanh v.v... Những thứ ấy đều là “sanh tử, lục đạo”, các tôn giáo thông thường đều biết; nhưng sanh lên thiên đường có phải là “*nhất lao vĩnh dật*” (vất vả một lần, an nhàn mãi mãi) hay không? Có thể vĩnh viễn giải quyết vấn đề hay không? Chẳng phải vậy! Muốn thật sự giải quyết vấn đề sanh tử, chẳng phải cứ nói suông là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

được đầu nhé, nhất định phải hiểu rõ mỗi người chúng ta đều có chân ngã, tức là Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh chẳng có giả tướng sanh tử. Nói “có sanh, có tử” thì sanh là sanh như thế nào? Bất luận nhân loại hay những động vật khác cũng thế, đều do linh hồn của chính mình cộng thêm duyên phận với cha mẹ, nhân duyên hòa hợp thì mới có hiện tượng sanh mạng. Tới lúc thọ mạng chấm dứt, khi sắp chết, nhục thể có được từ cha mẹ sẽ dần dần lão hóa, sanh bệnh, chẳng ổn nữa, linh hồn, thần thức lại phải thay đổi hoàn cảnh. Kẻ bình phàm gọi chuyện này là “tử”. Phải giải quyết loại sanh tử ấy như thế nào? Chẳng hiểu tâm tánh của chính mình, từ đầu đến cuối chẳng thể giải quyết. Sanh vào địa ngục hoặc làm súc sanh, đương nhiên là chẳng thể giải quyết. Sanh lên thiên đường, vẫn chẳng thể giải quyết! Bởi lẽ, sanh lên thiên đường thì vẫn có thọ mạng. Tuy thọ mạng dài hơn loài người chúng ta rất nhiều, nhưng vẫn có lúc kết thúc, những con đường ấy (địa ngục, súc sanh, thiên đường v.v...) đều là pháp sanh diệt.

Muốn giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi, ắt phải ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô Sanh (無生) là chẳng có sanh, chẳng có diệt, hoàn toàn hiểu rõ bản tánh, thấy bản tánh của chính mình, nói xác thực là chẳng có sanh tử. Nếu chúng ta chẳng từng bước lãnh ngộ lý trong kinh Phật, đột nhiên nói tới “chẳng có sanh tử”, có những kẻ nghe nói “chẳng có sanh tử” bèn cuồng vọng, chuyện gì cũng đều dám làm, các thứ ác nghiệp đều tạo. Vì thế, có những kẻ nghe Đệ Nhất Nghĩa Đế chân chánh, tâm lý bèn phát cuồng. Đây là chỗ rất khó! Do vậy, trong kinh Kim Cang, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy: Một người nếu chẳng có phước báo, chẳng có trí huệ, nếu ta nói hoàn toàn cho kẻ ấy biết về đạo lý Đệ Nhất Nghĩa Đế trong kinh Kim Cang, sau khi người ấy nghe xong, tâm lý nhất định sẽ phát cuồng, tức cuồng loạn. Vì thế, nói tới Đệ Nhất Nghĩa Đế trong kinh điển Đại Thừa, há dễ dàng ư? Khéo hiểu nghĩa thú, vừa nghe một hai câu kinh văn, như bốn câu kệ trong kinh Kim Cang, do nghe bốn câu kệ mà có thể lãnh ngộ chân lý, trong tâm chẳng kinh hoảng, không có các thứ loạn động. Vì thế, tâm chẳng kinh động. Nếu chúng ta nghe đại pháp, liễu giải đạo lý, trong tâm chẳng kinh động, tuyệt vời thay! Có thể liễu giải phước báo và trí huệ của chính mình thì cũng chẳng phải là kẻ bình phàm. Chúng ta nghiên cứu kinh, nghiên cứu nghĩa lý, có thể dùng kinh văn và những nghĩa lý do đức Phật đã dạy để phản tỉnh, ấn chứng chính mình.

Nếu các vị hỏi: “Có thấy kẻ nào đọc tụng kinh điển Đại Thừa rồi cuồng loạn hay không?” Chúng tôi chẳng chú ý. Hiện thời, có những người xem kinh, biết kinh điển nói tới Đệ Nhất Nghĩa Đế, có Chân Như bản tánh, có vô thượng diệu pháp, họ thật sự chẳng hiểu. Sau đây cũng chẳng tin nhân quả, hết thấy đều buông lung, làm đủ mọi tội nghiệp. Thậm chí kinh văn trong kinh Phật cũng dám sửa đổi, cũng đi khắp nơi giảng giải [để cổ vũ cho kiểu sửa đổi ấy], không được rồi! Đây là cuồng loạn. Nói “*cuồng loạn*” hoàn toàn chẳng phải là phát điên, chứ bói kẻ khác ngoài đường, mà chẳng tin nhân quả chính là cuồng loạn. Nay chúng ta phải hỏi: Kẻ xem kinh Phật ngỡ chính mình đã hiểu; trên thực tế, kẻ đó chẳng tin nhân quả. Có bao nhiêu kẻ giống như vậy?

Có thể khéo hiểu nghĩa thú, tâm cũng chẳng kinh động. Do vậy, “*thâm tín nhân quả, bất báng Đại Thừa*” (tin sâu nhân quả, chẳng báng Đại Thừa): Đối với đạo lý nhân quả, hết sức tin tưởng, tin tưởng hết sức sâu đậm. Bất luận kẻ nào dùng đủ mọi lời lẽ để phá hoại nhân quả, đều vẫn tin tưởng nhân quả như cũ. Chẳng hạn như tại Trung Hoa trong quá khứ, Trình Tử và Châu Tử của Tống Nho bài xích “*nhân quả ba đời*” của nhà Phật. Về sau, Trung Hoa có bao nhiêu người đọc sách tin tưởng bọn họ. Nếu chúng ta liễu giải rất sâu đạo lý trong kinh Phật, tuy bọn họ (Trình, Châu) là những kẻ có quyền uy trong học thuật như vậy, gần như từ đời Tống, Minh cho đến hiện tại, trong suốt mấy trăm năm, họ trở thành thần tượng trong học thuật Trung Hoa, nhưng chúng ta đã hiểu đạo lý này, vẫn chẳng tin lời bọn họ như cũ, chúng ta cứ tin tưởng nhân quả của Phật pháp. Nếu nói tới người hiện thời, trình độ còn thua cả Trình, Châu. Tư tưởng học thuật của người hiện thời chẳng bằng một phần vạn Trình, Châu, nhưng ngược lại, họ bài xích nhân quả còn dữ dội hơn Trình, Châu! Do đó, người hiện thời chẳng tin nhân quả quá nhiều! Những kẻ ấy có địa vị trong học thuật, trong pháp thế gian đường ấy, cũng có địa vị quyền chức, nhưng nếu chúng ta thật sự hiểu Đệ Nhất Nghĩa Đế, sẽ nhận biết đó là giả pháp thoát sanh, thoát diệt, hết thấy đều là giả, tin tưởng những điều đó để làm gì? Ngay cả tư tưởng của chính mình mà họ còn chẳng thể khống chế được, những lời lẽ họ thốt ra đều là lời lẽ nhằm tuyên truyền hủy báng nhân quả, chúng ta còn có thể tin tưởng, còn có thể nghe theo ư? Chúng ta cũng sẽ chẳng nghe lời bọn họ. Đó gọi là “*thâm tín nhân quả*”.

Chẳng bị ảnh hưởng bởi những lời lẽ chẳng hợp nhân quả của bất cứ thần tượng, hoặc kẻ có địa vị, có quyền lực nào, quý vị tin nhân quả rất sâu. Chúng ta “*đối pháp, chẳng đối người*”. Nói ngược lại, người nào

đó chẳng có bất cứ địa vị gì, cũng chẳng có tiền, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng nếu người ấy nói phù hợp nhân quả, chúng ta bèn coi người ấy là thiện tri thức, chúng ta tin tưởng. Những lời người ấy nói hoàn toàn nhất trí với kinh điển, chúng ta ta tán thành. Đây là “*thâm tín nhân quả*”.

“*Bất báng Đại Thừa*”, “*báng*” (謗) là hủy báng. Hủy báng là gì? Kinh điển Đại Thừa dạy chúng ta liễu sanh tử như thế nào, thành Phật như thế nào, đối với những đạo lý ấy, ắt phải tin sâu nhân quả thì mới không hủy báng. Vì sao hủy báng? Vì chẳng thể tin tưởng đạo lý trong kinh điển Đại Thừa, lại còn nghi ngờ đạo lý được nói trong kinh điển Đại Thừa; đây gọi là “*hủy báng Đại Thừa Phật pháp*”. Đã tin sâu nhân quả, đối với nhân quả đạo lý, tin sâu, kiên định chẳng nghi ngờ. Đối với đạo lý đã nói trong kinh điển Đại Thừa cũng tin tưởng sâu xa, chẳng nghi ngờ, chẳng dám hủy báng Đại Thừa Phật pháp.

“*Dĩ thử công đức*” (Dùng công đức ấy): Do đã tin sâu nhân quả, không báng Đại Thừa, đây là có công đức. Lại dùng công đức ấy để “*hồi hướng nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc*” (hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc), đem công đức ấy để hồi hướng. Công đức ấy không nhằm cầu các thứ phước báo trong thế gian (chớ nên mong các thứ đèn đáp, đùng cầu hưởng phước), do công đức này mà hy vọng: Nguyện khi ta lâm chung, sẽ có thể sanh về thế giới Cực Lạc, đó là “*Cực Lạc quốc*”.

Vì sao nhất định mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc? Vì chúng ta muốn liễu sanh tử trong thế gian này, tức là giải quyết vấn đề sanh tử, muốn tiến thêm một bước thành Phật, hãy ngẫm xem: Trong một thời gian ngắn, chúng ta có thể làm được ư? Trong xã hội này, hằng ngày chúng ta có thể thấy: Chẳng phải là cãi cọ tại quốc hội, thì cũng thấy người ta chửi bới ngoài phố, nhiều loạn trật tự. Trong xã hội, lại còn có chuyện con giết mẹ, vợ giết chồng, hoặc con ép chết cha, những chuyện ấy thường thấy trong báo. Còn nữa, chẳng phải là tai nạn giao thông, thì là tai nạn hàng không, các thứ tai nạn rất nhiều! Hiện thời, toàn cầu đều quan tâm đến vấn đề “tầng khí ozone trong khí quyển bị phá hoại”, càng đáng sợ hơn! Trên địa cầu, có nhiều người như vậy, “ngươi tranh, ta đoạt”, đến khi đó, ai nấy đều chẳng chạy thoát! Tầng khí ozone bị phá hoại, những quang tuyến tử ngoại (ultra violet ray) có hại chiếu tới thân thể con người sẽ gây ra bệnh tật, chẳng có cách chữa trị. Lại nói đến chuyện mọi người trên thế gian đều cổ vũ chuyện cởi mở. Hết thấy đều phóng túng, khiến cho ai nấy tự bị nguy hiểm, đến khách sạn sử dụng các loại dụng cụ đều cảm thấy lo âu, khiếp hãi. Vì sao? Thoạt đầu, bệnh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

AIDS là bệnh truyền nhiễm do quan hệ tình dục chẳng chánh đáng, nay đã biến thành căn bệnh có thể lan truyền bằng rất nhiều cách. Chỉ cần nghĩ tới chuyện này, chúng ta muốn liễu sanh tử, thành Phật trong thế gian này, khi nào thì mới có thể làm được? Chẳng phải là Phật pháp không thể thành tựu! Pháp do đức Phật đã nói nhất định là có thể thành tựu, nhưng đối với hoàn cảnh trong hiện tại của chúng ta, sẽ chờ chẳng kịp! Nếu chúng ta mong giải quyết vấn đề trong lúc còn sống, trong hoàn cảnh kém ác này, muốn có thể thành tựu đạo nghiệp, thì phải thay đổi hoàn cảnh, đổi đến chỗ nào? Đổi sang thế giới Cực Lạc! Thế giới Cực Lạc tốt đẹp như thế nào? Trong các phần trước, đã nói về các điều tốt lành ấy. Chúng ta dụng công, căn cứ theo lời Phật dạy, một dạ thành khẩn mong cầu, tất nhiên là có thể đến nơi đó.

Do vậy, dựa trên đạo lý này, chúng ta hồi hướng công đức, do hoàn cảnh [trong thế giới Sa Bà] chẳng thích hợp, ắt phải đến thế giới Cực Lạc. Tới thế giới Cực Lạc, sanh tử liền lập tức được giải quyết, mà cũng thành Phật rất nhanh chóng!

Đoạn trên đây nói về nguyên nhân vãng sanh thế giới Cực Lạc, cũng là nói: Cây vào những điều kiện gì để có thể Thượng Phẩm Trung Sanh? Có thể hiểu Đệ Nhất Nghĩa, tin sâu nhân quả, chẳng báng Đại Thừa, hồi hướng tất cả công đức. Đây chính là một đại tiền đề để có thể vãng sanh. Phần kinh văn dưới đây nói về [tình hình] khi vãng sanh, sẽ gặp gỡ những duyên tốt đẹp, vừa có nhân, vừa có duyên! Chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc cũng phải cây vào nhân duyên.

(Kinh) Hành thử hạnh giả, mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, dữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng, quyến thuộc vi nhiều, trì tử kim đài, chí hành giả tiên, tán ngôn: “Pháp tử! Nhữ hành Đại Thừa, giải Đệ Nhất Nghĩa. Thị cố, ngã kim lai nghêh tiếp nhữ”. Dữ thiên Hóa Phật, nhất thời thọ thủ.

(經)行此行者，命欲終時，阿彌陀佛，與觀世音、大勢至，無量大眾，眷屬圍繞，持紫金臺，至行者前。讚言：法子，汝行大乘，解第一義，是故我今來迎接汝。與千化佛，一時授手。

(Kinh: Người hành hạnh ấy, khi sắp mạng chung, A Di Đà Phật, cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng, quyến thuộc vây

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

quanh, cầm đài tử kim, tới trước hành giả, khen rằng: “Pháp tử! Con hành Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa. Do vậy, ta nay đến đón tiếp con”, cùng với một ngàn vị Hóa Phật đồng thời xòe tay).

Đây là đoạn thứ hai, nói tới lúc vãng sanh, sẽ có duyên thù thắng gặp gỡ Phật, Bồ Tát. “*Hành thử hạnh giả*” là người tu hành pháp ấy, “*mạng dục chung thời*”, khi thọ mạng sắp kết thúc. Kẻ bình phàm đến lúc lâm chung đáng sợ lắm, đứng là tay cuống chân loạn, trong tâm kinh hoảng. Thông thường, nếu quý vị hỏi: Trong thế gian, những kẻ có tiền, có địa vị, có học vấn, chuyện gì cũng chẳng phải quan tâm, muốn gì có nấy, thậm chí kẻ làm đại hoàng đế vào thời cổ, ông ta muốn gì mà chẳng có, nhưng đến khi lâm chung, bất luận quý vị là đại hoàng đế cũng thế, làm bất cứ chuyện gì cũng thế, lúc đó, trong lòng kinh sợ, rốt cục sẽ phải đi về đâu? Sanh mạng ngay lập tức đi tong! Nhưng người tu hành, hành những hạnh này, đến lúc mạng chung, sẽ thấy cảm ứng. Lúc bình thường có công phu, khi ấy, A Di Đà Phật, tức giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*dữ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí*”, [tức là] cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát (có ai không biết Quán Thế Âm Bồ Tát? Ngài có duyên phận hết sức sâu đậm với chúng ta), Đại Thế Chí Bồ Tát: Hai vị đại Bồ Tát này ở hai bên A Di Đà Phật, gọi chung là Tây Phương Tam Thánh. Ngoài A Di Đà Phật và hai vị đại Bồ Tát ra, còn có “*vô lượng đại chúng, quyền thuộc vi nhiều*” (vô lượng đại chúng, quyền thuộc vây quanh). “*Vô lượng*” là chẳng biết rõ số. Đại chúng chẳng biết rõ số lượng và quyền thuộc vây quanh Ngài. “*Quyền thuộc*” ở đây chẳng phải là quyền thuộc theo kiểu gia đình trong nhân gian chúng ta, mà là những học nhân cùng học với các vị đại Bồ Tát thì gọi là “*quyền thuộc*”.

“*Trì tử kim đài*”: Trong tay cầm đài hoa sen có màu tử kim. Tây Phương Cực Lạc thế giới có ao sen bảy báu, trong mỗi ao sen đều có hoa sen. Phật, Bồ Tát hiện đến, tay cầm đài hoa sen màu tím. “*Chỉ hành giả tiền*” là đến trước mặt người tu hành. “*Tán ngôn*” là ca ngợi, tán thán rằng: “*Pháp tử*”. Phật là Pháp Vương. Chỉ cần thành Phật, sẽ đều gọi là Pháp Vương. Đức Phật giảng diệu pháp; do vậy, Phật được gọi là Pháp Vương. Nhưng học pháp thì phải lập chí nguyện, phải hoằng dương Phật pháp, đó là hành vi của Bồ Tát. Hễ là Bồ Tát, sẽ đều là con của đấng Pháp Vương, cho nên gọi là Pháp Tử. Tu pháp môn này là Đại Thừa Phật pháp. Chẳng phải là Đại Thừa Phật pháp, sẽ chẳng thể vãng sanh. Gọi là Đại Thừa Phật pháp thì chính mình muốn thành Phật để liễu sanh tử, cũng mong giúp mọi người đều thành Phật, liễu sanh tử. Đó là đại

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

pháp, Bồ Tát mới có thể làm như vậy. Người Tiêu Thừa chỉ quan tâm tới chính mình, chẳng được rồi! Vì thế, người như vậy mới có thể gọi là Pháp Tử. A Di Đà Phật gọi người ấy là Pháp Tử, cách gọi này hết sức thân thiết. A Di Đà Phật bảo: “*Nhữ hành Đại Thừa, giải Đệ Nhất Nghĩa*”, [nghĩa là] con ơi! Con đã hành Đại Thừa, cũng liễu đạo lý Đệ Nhất Nghĩa. “*Thị cố ngã kim lai nghênh tiếp nhữ*”: Cho nên, ta nay đích thân đến đón tiếp con. Sau khi nói xong, “*dữ thiên Hóa Phật, nhất thời thọ thủ*”: A Di Đà Phật và một ngàn vị Phật do biến hóa ra, “*nhất thời*” là đồng thời, “*thọ thủ*” (授手) là vươn tay ra, tỏ ý hoan nghênh.

Ở đây, hơi khác với Thượng Phẩm Thượng Sanh. Thượng Phẩm Thượng Sanh là cầm kim cương đài, Hóa Phật là vô số Hóa Phật. Ở đây là tử kim đài, một ngàn Hóa Phật, kém hơn loại trên đôi chút. Nguyên nhân thua kém đã được nói rõ trong đoạn trước. Dưới đây là nói về tình huống vắng sanh.

(Kinh) Hành giả tự kiến tọa tử kim đài, hợp chưởng xoa thủ, tán thán chư Phật. Như nhất niệm khoảnh, tức sanh bỉ quốc thất bảo trì trung. Thủ tử kim đài, như đại bảo hoa, kinh tức tức khai.

(經)行者自見坐紫金臺，合掌叉手，讚歎諸佛。如一念頃，即生彼國七寶池中。此紫金臺，如大寶華，經宿則開。

(Kinh: Hành giả tự thấy mình ngồi trên đài hoa tử kim, chắp tay trước ngực, tán thán chư Phật. Như trong một niệm, liền sanh về ao bảy báu trong cõi ấy. Đài tử kim ấy, như đóa hoa báu lớn, qua một đêm sẽ nở).

Đoạn này nói về trạng huống khi vắng sanh. “*Hành giả tự kiến tọa tử kim đài*”: Lúc ấy, người tu hành thấy chính mình ngồi trên đài tử kim, đồng thời “*hiệp chưởng xoa thủ*” (chắp tay trước ngực), đó là lễ tiết trong nhà Phật, lại còn “*tán thán chư Phật*”, đối với chư Phật đều ca ngợi. “*Như nhất niệm khoảnh*” (Như trong khoảng một niệm), thời gian rất ngắn! Chúng ta khởi một niệm, [thời gian ấy] rất ngắn ngủi, tạm bợ. Ngay trong khoảnh khắc ngắn ngủi, tạm bợ ấy, “*tức sanh bỉ quốc thất bảo trì trung*”, ngay lập tức sanh về ao sen bảy báu trong thế giới Cực Lạc. Chúng ta hãy ngắm xem: Thông thường, chúng ta biết thế giới Cực

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, xa xôi ngàn ấy! Có lẽ, kẻ bình phàm sẽ hỏi: “Xa như vậy, chúng ta đến đó bằng cách nào?” Những đạo lý đã nói trong phần trước rất trọng yếu. Nếu liễu giải Đệ Nhất Nghĩa, [sẽ biết] bản tánh của chúng ta bao trùm tất cả hư không pháp giới, hư không pháp giới đều ở trong bản tánh của chúng ta. Liễu giải đạo lý ấy, sẽ có thể sanh trong ao sen bảy báu. Chẳng hiểu đạo lý ấy, sẽ rất khó lãnh ngộ. Vì thế, hiểu lý là chuyện hết sức quan trọng!

Sanh trong ao bảy báu, “*thử tử kim đài, như đại bảo hoa*”, đóa hoa báu lớn ấy to lớn khôn xiết! Một cánh của hoa ấy đặt trong thế giới này sẽ là mệnh môn, bát ngát. Đài tử kim ấy giống như một đóa hoa báu lớn. “*Kinh túc tắc khai*”: Qua một đêm bèn nở, toàn thể đóa hoa báu to ấy nở tung ra. Trước khi nở, hành giả ở trong hoa. Sau khi hoa nở, bèn thoát ra. Đây là chỗ khác với Thượng Phẩm Thượng Sanh. Thượng Phẩm Thượng Sanh thì hoa sen chẳng hề khép lại, ngay sau khi vừa đến nơi, lập tức thấy Phật. Thượng Phẩm Trung Sanh là sau khi đến nơi, hoa khép lại, nhưng thời gian [hoa khép lại] rất ngắn, qua một đêm bèn nở. Đó là chỗ hơi khác biệt!

Người niệm Phật phát nguyện vãng sanh phải chú ý: Thông thường, trước khi tham gia một cuộc điển lễ, hoặc trước khi lãnh thưởng, đều phải tập dượt trước. Không tập dượt trước, đến lúc đó, chẳng biết làm như thế nào! Đối với đại sự sanh tử của chúng ta, tới lúc sắp vãng sanh, trước hết phải chú trọng liễu giải toàn thể trạng huống. Sau khi đã liễu giải, hết thấy đều rất quen thuộc, tới khi thọ mạng chấm dứt, sắp vãng sanh, chính mình đã sớm biết, thấy Phật, thấy đại Bồ Tát, thấy hoa sen to, đã sớm rất thân thuộc. Những điều ấy đều phải là đã thường thấy thì mới liễu giải sự thật. Đoạn dưới đây nói đến những lợi ích sau khi đã vãng sanh.

(Kinh) Hành giả thân tác tử ma kim sắc, túc hạ diệt hữu thất bảo liên hoa. Phật cập Bồ Tát, câu thời phóng quang, chiếu hành giả thân. Mục tức khai minh, nhân tiền túc tập, phổ văn chúng thanh, thuận thuyết thậm thâm Đệ Nhất Nghĩa Đế. Túc hạ kim đài, lễ Phật hiệp chưởng, tán thán Thế Tôn. Kinh v thất nhật, ứng thời tức v A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc bất thoái chuyển. Ứng thời tức năng phi hành biến chí thập phương, lịch sự chư Phật. Ư chư Phật sở, tu chư tam-muội, kinh nhất tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhẫn, hiện tiền thọ ký.

(經)行者身作紫磨金色，足下亦有七寶蓮華。佛及菩薩，俱時放光，照行者身。目即開明，因前宿習，普聞眾聲，純說甚深第一義諦。即下金臺，禮佛合掌，讚歎世尊。經於七日，應時即於阿耨多羅三藐三菩提，得不退轉。應時即能飛行遍至十方，歷事諸佛。於諸佛所，修諸三昧。經一小劫，得無生忍，現前受記。

(Kinh: Thân hành giả có màu như chất vàng tử kim đã được giới mài, dưới chân cũng có hoa sen bảy báu. Phật và Bồ Tát, đồng thời phóng quang chiếu vào thân hành giả, mắt liền mở sáng. Do sự tu tập từ trước, sẽ nghe khắp các âm thanh, thuần nói về Đệ Nhất Nghĩa Đế rất sâu. Liền bước xuống đài vàng, lễ Phật, chấp tay, tán thán đức Thế Tôn. Trải qua bảy ngày, lập tức đắc Bất Thoái Chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ngay khi ấy, có thể phi hành đến khắp mười phương, lần lượt thừa sự chư Phật. Ở nơi chư Phật, tu các tam-muội. Trải qua một tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, hiện tiền thọ ký).

“Hành giả thân tác tử ma kim sắc”: Người vãng sanh khi hoa sen vừa nở, ra khỏi hoa, toàn thân đều như màu vàng tía được giới mài. “Túc hạ diệp hữu thất bảo liên hoa”: Giở chân lên, dưới chân sẽ có hoa sen bảy báu nâng đỡ. “Phật cập Bồ Tát, câu thời phóng quang, chiếu hành giả thân”: A Di Đà Phật cùng với hết thầy các vị đại Bồ Tát, đồng thời đều phóng đại quang minh chiếu sáng ngời thân người vãng sanh. “Mục tức khai minh”: Người vãng sanh vừa được quang minh chiếu đến, ngay lập tức mắt bèn mở sáng. Mắt chúng ta cách một tầng giấy sẽ chẳng nhìn xuyên thấu. Hễ vãng sanh thế giới Cực Lạc, vừa được quang minh của Phật, Bồ Tát chiếu tới, ngay lập tức sáng mắt. Sau khi được mở sáng, “nhân tiền túc tập”, [nghĩa là] do những điều đã học tập trước kia, “phổ văn chúng thanh”, hết thầy các âm thanh đều có thể nghe thấy, “thuần thuyết thậm thâm Đệ Nhất Nghĩa Đế” (thuần nói Đệ Nhất Nghĩa Đế rất sâu). Trước khi vãng sanh, trong thế giới Sa Bà, người ấy cũng đã liễu giải Đệ Nhất Nghĩa Đế, lúc này, nghe hết thầy các âm thanh đều là nói Đệ Nhất Nghĩa Đế rất sâu, càng sâu hơn một tầng nữa, Đệ Nhất Nghĩa Đế ở một cấp độ cao hơn, người ấy đều được nghe.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Tức hạ kim đài*”, sau khi người vãng sanh nghe Đệ Nhất Nghĩa Đê, ngay lập tức, bước xuống đài sen kim sắc, từ đài liên hoa bước xuống, “*lễ Phật hiệp chuông*”, lay Phật, chấp tay. “*Tán thán Thế Tôn*” chính là tán thán A Di Đà Phật. “*Kinh u thất nhật*”: Trải qua bảy ngày, “*ứng thời tức u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc Bất Thoái Chuyển*” (ngay khi đó, được Bất Thoái Chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Đẳng, Chánh Giác chí cao, vô thượng, tức là Phật. Nói đơn giản nhất, sẽ là “*thành Phật*”. Trải qua thời gian bảy ngày, sẽ đắc Bất Thoái Chuyển đối với chuyện thành Phật, sẽ chẳng có cơ hội bị thoái chuyển. Cũng có nghĩa là trải qua bảy ngày, đối với chuyện thành Phật, chỉ có tiến chứ không lùi.

“*Kinh u thất nhật*” (Trải qua bảy ngày), “*bảy ngày*” ở đây là nói tới bảy ngày trong thế gian này, hay là bảy ngày trong thế giới Cực Lạc? Thiên Đạo đại sư đặc biệt chỉ ra, “*bảy ngày*” ở đây là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói theo thế gian của chúng ta (“*bảy ngày*” trong thế gian so với vô lượng thời gian trong thế giới Cực Lạc bất quá hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, gần như trong một niệm vậy). Có thể suy ra: Sau khi vãng sanh, đạt Bất Thoái Chuyển rất nhanh chóng.

Bất Thoái Chuyển là gì? Chúng ta nghiên cứu kinh A Di Đà đã biết: Có Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, ba loại cảnh giới. Bất Thoái Chuyển bao gồm cả ba loại ấy. Tâm tâm niệm niệm đặt nơi Phật, hễ dấy niệm sẽ hòa hợp cùng Phật. Nếu nói tường tận, dựa theo cách nói của tông Thiên Thai, phải tốn rất nhiều thời gian, chúng tôi sẽ chẳng nói chi tiết. Phải biết: Hễ đắc Bất Thoái Chuyển, bất luận loại Bất Thoái Chuyển nào cũng đều tuyệt diệu. Nói ngược lại, hễ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ tuyệt đối chẳng bị thoái chuyển, thành Phật rất mau chóng.

“*Ứng thời tức năng phi hành biến chí thập phương, lịch sự chư Phật*” (Ngay khi đó, liền có thể bay đến trọn khắp mười phương, lần lượt phụng sự chư Phật), khi ấy bèn có thể phi hành, chẳng có Thần Túc Thông sẽ chẳng được! Người có Thần Túc thì mới có thể phi hành tự tại. Trong thế gian này, bậc La Hán cũng có thể phi hành, nhưng La Hán phi hành có chừng hạn, còn phi hành ở đây là đến trọn khắp mười phương, trong thời gian rất ngắn có thể đến chỗ của chư Phật trong mười phương thế giới. “*Lịch sự chư Phật*”, nghĩa là lần lượt tới viếng từng vị, hướng về chư Phật thỉnh pháp. “*U chư Phật sở, tu chư tam-muội*”: Ở chỗ chư

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật trong mười phương thế giới, tu học các thứ Phật pháp, tu tam-muội, tức là tu đại định.

Ở đây có thể biết, có thể phi hành đến chỗ của mười phương thế giới chư Phật, tu các tam-muội ở đó. Vì sao có thể làm như vậy? Vì sau bảy ngày, sẽ đắc Bất Thoái Chuyển. Nétu nói theo địa vị Biệt Giáo trong Thiên Thai Tông, Bất Thoái Chuyển là đã đạt tới địa vị Thập Hồi Hương. Thập Hồi Hương tuy còn thuộc địa vị Tam Hiền, nhưng hễ đạt tới địa vị Tam Hiền, tu mãi Thập Hồi Hương sẽ đăng địa (chứng Sơ Địa), thuộc vào địa vị ấy, có thể suy ra mà biết! Vốn là vẫn chưa chứng quả, sau khi vãng sanh, ngay lập tức đạt tới địa vị bất thoái Bồ Đề, có thể đạt tới địa vị ấy. Ở chỗ chư Phật tu tam-muội, “*Kinh nhất tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, hiện tiền thọ ký*”: Trải qua thời gian một tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Pháp Nhân, tâm có thể an trụ trong Vô Sanh Pháp Nhân, trọn chẳng có nhân tố nào có thể dao động cái tâm đã an trụ của người ấy.

Nay chúng ta thường nói tới “tu đạo”, nhưng chẳng cảm thấy gì. Hễ khi có chuyện, khảo nghiệm chính mình, sẽ biết đã đạt tới trình độ nào. Ngay trong khi đang niệm Nam-mô A Di Đà Phật, một viên kim cương to rơi trước mắt, tối thiểu quý vị cũng nhìn xem nó là thứ gì, chẳng được rồi! Kim cương cũng là pháp sanh diệt. Hoặc là nói bình thường tu hành, chuyện gì cũng chẳng màng, dầu sao đó là pháp sanh diệt, nhưng người ta muốn quý vị làm Bộ Trưởng, trong tâm quý vị liền dao động, đi làm Bộ Trưởng ngay. Bất cứ lúc nào chúng ta gặp pháp sanh diệt, chính mình sẽ chẳng thể khống chế. Muốn an trụ trong pháp Vô Sanh, há dễ dàng ư? Chúng ta phải liễu giải trình độ của chính mình, bất cứ lúc nào cũng ép chính mình phải làm như thế. Bất luận cảnh giới nào, thuận cảnh hay nghịch cảnh cũng thế, đều phải gắng sức huấn luyện sao cho tâm lý của chính mình bất động, mà cũng dần dần có thể học Vô Sanh Pháp Nhân. Nếu gặp những thuận cảnh hay nghịch cảnh nhỏ nhặt, mà đã rất dễ bị ảnh hưởng thì sẽ rất khó đạt đến cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhân. Trải qua một tiểu kiếp, sẽ đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Hễ đắc Vô Sanh Pháp Nhân, ngay trong hiện tại, đức Phật thọ ký cho quý vị, kể cả chuyện trong tương lai sẽ thành Phật như thế nào v.v... đều nói rành rẽ, rõ ràng!

(Kinh) Thị danh Thượng Phẩm Trung Sanh giả.

(經)是名上品中生者。

(Kinh: Đây gọi là Thượng Phẩm Trung Sanh).

Nhân và duyên vãng sanh trên đây, cùng với [tình huống] khi vãng sanh và những lợi ích sẽ đạt được khi vãng sanh, đã nói rõ từng điều. Có thành tựu như vậy bèn gọi là Thượng Phẩm Trung Sanh.

Trong đạo tràng, các vị đã học kinh A Di Đà, lại nghe bộ kinh này, đều là kinh điển Đại Thừa, nghe Đệ Nhất Nghĩa Đế, lại còn là pháp đặc biệt, tuyệt diệu thay! Chiếu theo như vậy để tu, lại còn tin sâu nhân quả, trong tương lai, Thượng Phẩm Trung Sanh há còn có vấn đề ư? Chúng ta phải tuyệt đối tin tưởng, tu theo đúng như vậy, nhất định là chẳng có vấn đề gì! Hôm nay tôi nói đến chỗ này!

Tập 42

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn trang hai mươi bốn, hàng cuối cùng, bắt đầu từ ba chữ cuối. Tôi đọc trước kinh văn một lượt:

(Kinh) Thượng Phẩm Hạ Sanh giả, diệc tín nhân quả, bất báng Đại Thừa, dẫn phát vô thượng đạo tâm, dĩ thử công đức, hồi hướng nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc.

(經)上品下生者，亦信因果，不謗大乘。但發無上道心，以此功德，迴向願求生極樂國。

(Kinh: Người Thượng Phẩm Hạ Sanh cũng tin nhân quả, chẳng báng Đại Thừa, chỉ phát vô thượng đạo tâm. Dùng công đức ấy hồi hướng nguyện cầu sanh về nước Cực Lạc).

Đoạn này vẫn thuộc phép Quán thứ mười bốn, nói về cái nhân vãng sanh trong Thượng Phẩm và lợi ích sau khi vãng sanh. Thượng Phẩm trong phép Quán này có Thượng Sanh, Trung Sanh, và Hạ Sanh. Trong phần trước, Thượng Phẩm Thượng Sanh và Thượng Phẩm Trung Sanh đều đã nói rồi; hôm nay, tôi bắt đầu nói về Thượng Phẩm Hạ Sanh.

“*Thượng Phẩm Hạ Sanh giả*”: Trước hết, nêu ra phẩm vị vãng sanh. Tiếp đó, “*diệc tín nhân quả, bất báng Đại Thừa*” (cũng tin nhân quả, chẳng báng Đại Thừa). Đối với Thượng Phẩm Thượng Sanh, phàm là muốn nguyện sanh về cõi ấy (Cực Lạc), phải phát ba loại tâm, [tức là] chí thành tâm, thâm tâm, và hồi hướng phát nguyện tâm, ắt cần phải có

những điều kiện ấy. Lại còn có ba loại chúng sanh: 1) Từ tâm chẳng giết, đầy đủ các giới hạnh. 2) Đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. 3) Tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện. Đó là những điều kiện cần phải trọn đủ của Thượng Phẩm Thượng Sanh. Khi đã đạt tới Thượng Phẩm Trung Sanh, chẳng cần thọ trì, đọc tụng kinh điển Phương Đẳng. [Dầu] chẳng cần thọ trì, nhưng phải khéo hiểu nghĩa thú, đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm chẳng kinh động. Thượng Phẩm Trung Sanh đặc biệt là phải khéo hiểu nghĩa thú. Đối với Đệ Nhất Nghĩa Đệ, còn phải hoàn toàn có thể liễu giải. Đệ Nhất Nghĩa Đệ đã được nói rồi, rất thâm áo. Sau khi đã đối chiếu với hai phẩm trước, hãy xem tới Thượng Phẩm Hạ Sanh.

“*Diệc tín nhân quả, bất báng Đại Thừa*”: Người Thượng Phẩm Hạ Sanh đối với nhân quả “*diệc tín*” (cũng tin). Chữ “*cũng*” này bao gồm rất nhiều ý nghĩa. Trong những phần trước, đều nói là “*tin sâu nhân quả*”. Đối với đạo lý nhân quả, phải tuyệt đối tin sâu. “*Diệc tín nhân quả*” là không nhất định, có khi là tin sâu nhân quả, có khi là mức độ tin tưởng khá cạn. Lòng tin có gián đoạn, tin rồi lại lui sụt, lui sụt rồi lại tin. Thêm vào chữ “*cũng*”, [tức là] cũng tin nhân quả. Từ ý nghĩa này có thấu hiểu: Ngũ khí “*tin tưởng nhân quả*” chẳng khẳng định như “*tin sâu nhân quả*” trong phần trước. Chúng ta phải hiểu điều này. “*Bất báng Đại Thừa*”: Ở đây, cũng chẳng hề nói phải thọ trì, đọc tụng kinh điển Phương Đẳng, nhưng ắt cần phải chẳng hủy báng pháp Đại Thừa. Đối với pháp Đại Thừa do đức Phật đã giảng, nếu hủy báng thì chẳng được rồi! Điều này đặc biệt quan trọng. So sánh hai câu này với phần trước, kém hơn phần trước, nhưng trong phần tiếp đó, [kinh văn chép] “*đản phát vô thượng đạo tâm*” (chỉ phát vô thượng đạo tâm). Người học Thượng Phẩm Hạ Sanh, người phát Bồ Đề tâm phải phát vô thượng đạo tâm. Nói cách khác, “*vô thượng đạo tâm*” trong phẩm này là đặc biệt. Người thuộc Thượng Phẩm Trung Sanh trong phần trước khéo hiểu nghĩa thú, đối với Đệ Nhất Nghĩa Đệ, tâm chẳng kinh động. Phải đặc biệt chú ý điều này. Thượng Phẩm Hạ Sanh đặc biệt chú trọng “*phát vô thượng đạo tâm*”.

Vì sao “*diệc tín nhân quả*” chẳng bằng “*thâm tín nhân quả*” trong phần trước? Học Phật thì phải tin nhân quả. Vì sao tin nhân quả quan trọng? Lấy ngay chuyện khổ lạc trong thế gian để nói, hiện thời chịu khổ quả, tất nhiên là vốn có cái nhân. Chẳng có nhân, há có quả? Do hành vi trong hiện thời, trong tương lai, tất nhiên cũng kết quả, ắt phải tin tưởng điều này! Thật sự tin sâu nhân quả khổ lạc thế gian, chúng ta làm bất cứ việc gì cũng chẳng dám tùy tiện, rất sợ phải gánh chịu trách

nhiệm nhân quả. Như vậy thì tuyệt đối chẳng thể, mà cũng chẳng dám tạo những hành vi tội ác. Những kẻ bình phạm trong xã hội dám tạo những tội nghiệp giết, trộm v.v... là do nguyên nhân nào? Nói theo Phật pháp, chính là do chẳng tin nhân quả, chẳng hiểu rõ nhân quả. So với bất cứ loại học vấn nào trong thế gian, học vấn nhân quả luôn cao minh hơn. Thật sự hiểu rõ nhân, duyên, quả, tự nhiên sẽ thông đạt: Một người trong đời trước là gì? Hiện thời là gì? Tương lai sẽ lại như thế nào? Tất nhiên sẽ liễu giải. Nếu liễu giải rành rẽ, rõ ràng, khi ấy, hành vi của chính mình còn dám tùy tiện ư? Chửi người khác cũng thế, mà tranh danh đoạt lợi cũng thế, tuyệt đối chẳng dám. Đây là nói theo nhân quả khổ lạc trong thế gian!

Đối với nhân quả khổ lạc trong thế gian, khổ nhất là nỗi khổ sanh tử to lớn. Bất cứ kẻ nào chẳng học Phật cũng đều không liễu giải. Đọc trọn hết sách vở thế gian, [đọc trọn khắp] hết thầy các học thuyết khoa học và triết học, nhưng nếu chẳng hiểu Phật pháp, vẫn chẳng liễu giải nỗi khổ sanh tử! Liễu giải nỗi khổ sanh tử tức là phải liễu giải nhân quả ba đời. Một người bất luận trong đời này có địa vị cao thế nào đi nữa, các phương diện đều tốt đẹp, nhưng trong nháy mắt, sanh mạng đã kết thúc, sẽ đến nơi đâu? Mờ mịt vô tri! Nếu hiểu Phật pháp, sẽ biết chuyện này quá nghiêm trọng, vấn đề sanh tử quá to tát! Biết vấn đề sanh tử, đối với ý niệm của chính mình trong hiện thời: Ý niệm của chúng ta thường là qua lại với kẻ khác, hoặc làm bất cứ chuyện gì, mắt thấy các loại màu sắc, tai nghe các thứ âm thanh, tiếp xúc với hoàn cảnh bên ngoài, kẻ bình phạm hễ gặp thứ tốt đẹp sẽ tham luyến, chấp trước, tham cầu. Gặp thứ chẳng tốt đẹp, bèn ghét bỏ, bài trừ! Người hiểu nỗi khổ sanh tử, bất luận thấy bất cứ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều là khiến cho người ta có lòng tham. Hễ thấy những thứ tốt đẹp, trong tâm tự nhắc nhở chính mình: Thời thời khắc khắc có nhân quả của “nỗi khổ sanh tử” (đại khổ) bày ra trong tâm, ý niệm lập tức chuyển biến. Hễ ý niệm vừa chuyển biến, tài sản dẫu nhiều đến mấy, dẫu quyền lực, danh vị nhiều đến mấy đi nữa v.v... đều chẳng dám tham cầu, biết “hễ tham cầu, sẽ đọa lạc”. Không chỉ là chẳng thể giải quyết vấn đề sanh tử, mà còn cứ nhất định tranh đoạt với người khác, ắt cần phải đánh bại kẻ khác, [cứ nghĩ] do tài năng của chính mình cho nên mới có thể có [danh vọng, quyền lực, tài sản v.v...], đó là tạo nghiệp! Giống như Thái Lan hiện thời phát sanh bạo loạn, là do nguyên nhân gì? Vẫn chẳng phải là do mấy người có địa vị tranh quyền đoạt lợi với nhau, lợi dụng bọn thường dân tạo thành cục diện [rối ren], há có lẽ nào chẳng dẫn đến kết quả chết người ư? Đã chết

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

không ít người rồi! Vì mở rộng quyền lợi của chính mình mà sách động quần chúng nhiều ngàn ấy cùng tạo nghiệp với họ! Không chỉ là Thái Lan có tình hình giống như vậy, trên thế giới có rất nhiều quốc gia giống như vậy. Từ xưa tới nay, đều là tình hình như vậy. Nếu liễu giải nỗi khổ sanh tử, họ có dám hay không? Dầu giành được địa vị to lớn, tốt đẹp, dầu giữ chức vị ấy suốt cả một đời, lại sẽ như thế nào? Sau khi đã chết, chẳng thể nào không đọa lạc! Dùng thủ đoạn hại chết bao nhiêu người mà! Khi lại chuyển thế, chẳng vào tam đồ, sẽ tới nơi đâu? Vì thế, nếu người học Phật đã hiểu nỗi khổ sanh tử, có dám tạo nghiệp hay chăng? Tuyệt đối chẳng dám tạo nghiệp! Tin sâu nỗi khổ sanh tử, đặc biệt quan trọng!

Ngoài việc liễu giải nhân quả về sự khổ vui trong thế giới Sa Bà ra, còn phải liễu giải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là Quả, quả do sanh về thế giới Cực Lạc tuyệt diệu thay! Kinh Tiểu A Di Đà đã nói: “*Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*” (Chúng sanh trong cõi ấy, chẳng có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc). Như thế nào sẽ đạt được quả Cực Lạc? Đương nhiên là phải có nhân, phải tu nhân. Nếu hiểu rõ nhân quả Tịnh Độ, dầu thế nào đi nữa, chúng ta chẳng bị thoái chuyển. Bất luận như thế nào, trong một đời này, chúng ta ắt phải thành tựu tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Tín nhân quả*” bao gồm hai loại lớn:

1) Tín tưởng nhân quả khổ lạc sanh tử trong thế giới này.

2) Tín tưởng nhân quả của chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới .

“*Bất báng Đại Thừa*”: Đức Phật giảng kinh điển Đại Thừa. Nay chúng ta đang nghiên cứu Quán Kinh chính là kinh điển Đại Thừa. Ba kinh Tịnh Độ đều là kinh điển Đại Thừa. Vì sao hủy báng? Hủy báng là do đối với kinh có chỗ hoài nghi, có chỗ chẳng thể tin tưởng, cho nên mới hủy báng. Từ điều này, chúng ta có thể nghĩ đến người hiện thời thường đứng trên lập trường học thuật để phê bình: “Bộ kinh này có đáng tin cậy hay không? Đạo lý được giảng trong bộ kinh kia có đúng hay không?” Dùng tác phong phê phán để phê bình kinh điển. Học thuyết thế gian thường là phê phán: “Học thuyết này hay, hoặc học thuyết kia không hay, đáng nên hoài nghi!” Nhưng đối với Phật pháp, nhất là đối với kinh điển Đại Thừa, ngàn muôn phần chớ nên như vậy! Nếu chúng ta mong liễu sanh tử, mong thành Phật, chớ nên học theo những học thuyết bình phàm trong thế gian, hoặc [bất chước tác phong hoài nghi, phê phán của] hàng học giả trong thế gian! Học giả thế gian

ngay cả sanh tử cũng chẳng liễu giải, họ biết chỗ nào? “*Bát báng Đại Thừa*” là chớ nên tùy tiện hoài nghi Đại Thừa. Chúng ta nghiên cứu kinh, đương nhiên là kinh văn rất thâm áo, trong ấy, bao hàm rất nhiều ý nghĩa, chúng ta chẳng thể vừa xem liền lập tức hiểu ngay. Xem không hiểu, chẳng sao cả! Xem không hiểu thì bản thân chúng ta nghiên cứu từ từ. Hơn nữa, ý nghĩa trong Phật pháp cũng hoàn toàn chẳng phải là do thuần túy nghiên cứu bèn có thể nghiên cứu sáng tỏ được! Khi nghiên cứu chẳng sáng tỏ, chẳng thể vượt qua nổi mắc mưu, chính mình phải dốc công phu, vận dụng công phu, có định lực kha khá, có công phu tu trì kha khá, rồi lại nghiên cứu nghĩa lý, sẽ vượt qua được mắc mưu ấy. Nếu chẳng biết dốc công dốc sức bằng sự tu trì của chính mình, bằng sự vận dụng công phu, hoàn toàn chẳng nói đến chuyện dụng công, chỉ nghiên cứu đạo lý suông, sẽ giống như những học giả bình phàm, sẽ nghiên cứu chẳng ra, chẳng thể nghiên cứu đạo lý rất sâu!

Vào đời Minh, Hám Sơn đại sư, khi chú giải một bộ luận của cổ nhân, chú giải không được, đối với đạo lý có nghi vấn, thế nhưng Ngài chẳng hủy báng, mà bèn nhập Định. Khi ở trong Định, đã chuyển cảnh giới, trong Định bèn suy nghiệm đạo lý do cổ nhân đã nói, hoàn toàn thấu hiểu! Chúng ta trau dồi học vấn, nhất là nghiên cứu kinh Phật, đương nhiên là phải xem xét, phải nghiên cứu. Khi nghiên cứu đến chỗ sâu xa nhất, chẳng thể chuyên được, chính mình phải hạ công phu, vận dụng công phu tu trì thì ý nghĩa mới sáng tỏ. Ngàn muôn phần đừng giống như những kẻ thuộc giới học thuật trong hiện thời: Hễ gặp phần nào không hiểu, bèn hoài nghi kinh văn chẳng đúng, sửa đổi kinh văn! Làm như vậy chính là tạo tội nghiệp to lớn!

“*Đản phát vô thượng đạo tâm*”, tức là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, phát tâm thành Phật. Chúng ta hành Bồ Tát đạo theo cách nào? Nếu các vị xem kinh điển Đại Thừa, [để biết] cách hành Bồ Tát pháp như thế nào, sẽ liễu giải. Nếu không, vì sao trước đó phải thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng? Ất phải hiểu kinh điển, chính mình đã sáng tỏ, lại bảo cho người khác biết, đó là hành vi của Bồ Tát. “Cầu pháp Bồ Tát” là cầu gì? Thượng cầu hạ hóa: Nói theo phía trên là cầu Phật, cầu đại pháp thành Phật, trên là cầu Phật đạo (đạo để thành Phật). Nói xuống dưới là đối với kẻ bình phàm bèn hạ hóa chúng sanh, tức là giáo hóa các chúng sanh bình phàm. Khi thượng cầu Phật đạo, chính mình chẳng hiểu lý, Phật đạo sâu dường ấy, rộng rãi ngàn ấy. Hóa độ chúng sanh, chúng sanh trong thế gian có rất nhiều phẩm loại. Người học các thứ học thuyết thế gian đều có; người chẳng học hành, đối với tâm lý của

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

họ, ai nấy đều có tâm lý riêng, quá ư là nhiều. Quý vị muốn hóa độ họ, mà chẳng hiểu tâm lý của họ, giáo hóa họ bằng cách nào? Quý vị chẳng hiểu tâm lý của họ, chẳng hiểu họ biết những thứ gì, giáo hóa bọn chúng bằng cách nào đây? Vì thế, hành Bồ Tát đạo, thượng cầu hạ hóa rất khó! “*Phát vô thượng đạo tâm*” là phát cái tâm mong thành Phật, cầu Phật đạo, mong hóa độ chúng sanh.

Tổ sư dạy rõ ràng: Nếu công phu của chúng ta chẳng đủ, học vẫn hiểu biết chẳng đủ, hãy làm như thế nào? Tổ sư bảo “*phát tâm*”. Nói “*phát tâm*” thì đây là một pháp môn đặc biệt, chẳng phải là pháp môn thông thường. Đối với pháp môn thông thường, quý vị phát vô thượng đạo tâm, sẽ chiếu theo đó để làm: Trên là cầu thâm nhập kinh tạng, nghiên cứu kinh Phật; dưới là hóa độ chúng sanh, ắt phải đem Phật pháp bảo ban những kẻ bình phàm. Chẳng làm như vậy, sẽ chẳng phù hợp Bồ Tát đạo, liễu sanh tử hoặc thành Phật sẽ khó khăn. Nhưng pháp môn Tịnh Độ rất đặc biệt, quý vị phát vô thượng đạo tâm, nay chưa làm được, thậm chí chữ trong kinh vẫn ta cũng không nhận biết, chẳng sao cả! Chỉ cần nhất tâm bằng lòng cầu vãng sanh, sau khi đã sanh về thế giới Cực Lạc, hết thảy trí huệ đều đầy đủ, đều thành tựu, ngay lập tức trở vào Sa Bà. Tuy hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc tốt đẹp ngàn ấy, nhưng chẳng vĩnh viễn ở trong đó để hưởng thụ. Nay tuy vẫn chưa đi (chưa vãng sanh), trong tâm chúng ta nghĩ tưởng: “Ta sang bên đó nhằm thành tựu đạo nghiệp của chính mình”. Chính mình thành tựu trọn đủ các thứ năng lực trí huệ, bèn ngay lập tức trở về thế giới Sa Bà hòng hóa độ chúng sanh. Phát ra nguyện ấy thì cũng là phát vô thượng đạo tâm. Bất luận kẻ nào cũng đều có thể làm được chuyện này, đều có thể trở thành Đại Thừa Bồ Tát. Đây là cách đặc biệt để phát vô thượng đạo tâm do tổ sư chỉ dạy. Trước khi chúng ta có năng lực để vãng sanh, đương nhiên là phải thượng cầu hạ hóa, chẳng có đầy đủ năng lực này mà vẫn có thể [phát vô thượng đạo tâm].

“*Dĩ thử công đức, hồi hướng nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc*” (Dùng công đức này, hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc). Đem những công đức trên đây, [tức là] tin tưởng nhân quả, chẳng báng Đại Thừa, đặc biệt là công đức phát vô thượng đạo tâm, dùng công đức ấy để hồi hướng, phát nguyện cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Những điều trên đây đã chỉ rõ điều kiện và nguyên nhân của Thượng Phẩm Hạ Sanh. “*Hồi hướng*” thì phải biết dụng công, hồi hướng là gì? Hoàn toàn chẳng phải là hồi hướng trong công khóa sáng tối mà thôi, chẳng phải là hồi hướng trong khi tụng niệm công khóa. Thông thường làm bất cứ thiện sự

nào, sẽ đều là công đức, đều phải hồi hướng, thành tựu trong tương lai là có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất cứ lúc nào chúng ta cũng đều hồi hướng. Hơn nữa, trong tâm phát khởi vô thượng đạo tâm, nếu có năng lực, lúc nào, chỗ nào cũng đều có tâm làm như vậy. Nếu chẳng có năng lực, lúc nào cũng giữ tâm lòng “*thừa nguyện tái lai*”. Hễ làm công đức nào, cũng đều là vừa mong cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, đồng thời cũng bằng lòng thừa nguyện tái lai. Đây là hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc, thời thời khắc khắc hồi hướng nơi đó, thời thời khắc khắc nguyện cầu.

Đoạn kinh văn tiếp theo có kết cấu và sắp xếp giống như trong đoạn trên, nói rõ các thứ duyên thù thắng khi vãng sanh, sẽ gặp gỡ, thấy Phật. Đoạn trên là nói về nhân, đoạn này nói về duyên.

(Kinh) Hành giả mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, cập Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dữ chư Bồ Tát, trì kim liên hoa, hóa tác ngũ bách Phật, lai nghênh thử nhân. Ngũ bách Hóa Phật, nhất thời thọ thủ, tán ngôn: “Pháp tử! Nhữ kim thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ngã lai nghênh nhữ”.

(經)行者命欲終時，阿彌陀佛，及觀世音、大勢至，與諸菩薩，持金蓮華，化作五百佛，來迎此人。五百化佛，一時授手。讚言：法子，汝今清淨，發無上道心，我來迎汝。

(Kinh: Khi hành giả sắp mạng chung, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, cùng với các vị Bồ Tát, cầm hoa sen vàng, hóa thành năm trăm vị Phật đến đón người ấy. Năm trăm vị Hóa Phật cùng lúc xòe tay, khen rằng: “Pháp tử! Con nay thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ta đến đón con”).

“*Hành giả*” (行者) là nói tới người tu hành, tin tưởng nhân quả, phát vô thượng đạo tâm trong phần trên. “*Mạng dục chung thời*”: Khi thọ mạng sắp chấm dứt, Tây Phương Tam Thánh, tức A Di Đà Phật dẫn hai vị đại Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí (ở hai bên đức Phật), còn có “*dữ chư Bồ Tát*”, [nghĩa là] còn rất nhiều vị Bồ Tát khác. “*Trì kim liên hoa*”: Tay cầm hoa sen kim sắc. Trong phần trên là đài tử kim, hoa sen bảy báu, có chỗ khác biệt. “*Hóa tác ngũ bách Phật*”: Ngoài ra

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

lại còn hóa ra năm trăm vị Phật, “*lai nghênh thử nhân*” (tới đón người ấy), đến đón tiếp hành giả. “*Ngũ bách Hóa Phật, nhất thời thọ thử*”: Năm trăm vị Hóa Phật đồng thời vươn tay nghênh đón người ấy. Thượng Phẩm Trung Sanh thì có một ngàn vị Hóa Phật, Thượng Phẩm Thượng Sanh là vô số Hóa Phật, con số khác nhau. Hoa sen thì sao? Thượng Phẩm Thượng Sanh là đài kim cang, Thượng Phẩm Trung Sanh là đài tử kim, ở đây là đài sen vàng, phải phân biệt rõ ràng chuyện này! Vì sao có sự bất đồng? Do cái nhân bất đồng, cho nên duyên cũng bất đồng!

Khi năm trăm vị Hóa Phật đồng thời duỗi tay, kể cả A Di Đà Phật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát v.v... [đều làm như thế], “*tán ngôn*”: Khen ngợi. “*Pháp tử*”: Phàm là những vị Bồ Tát hành pháp Đại Thừa đều gọi là Pháp Tử. “*Nhữ kim thanh tịnh*”, ý nói khi hành giả sắp mạng chung, sẽ thanh tịnh. “*Thanh tịnh*” là gì? Hiện thời, kẻ chẳng học Phật trong thế gian, ngay cả kẻ ăn mày cũng thế, mà kẻ làm đại tổng thống cũng thế, những bậc đại học giả được trao giải Nặc Bối Nhĩ (Nobel) cũng thế, thường cảm thấy chính mình vẫn là khá lắm. Hễ tới khi thọ mạng chấm dứt, kẻ địa vị càng cao, học vấn càng nhiều, càng đau khổ! Kẻ ăn mày cảm thấy chẳng sao cả! Dầu sao làm ăn mày rất khổ sở chết thì chết, trong tâm chẳng có gì đau khổ! Nhưng kẻ làm đại tổng thống, hoặc làm đại hoàng đế vào thời cổ, hoặc những bậc đại học vấn trong hiện thời, bình thường cao cao tại thượng, ai cũng chẳng thể sánh bằng, đối diện cái chết, trong tâm hoảng sợ, so với bất cứ ai cũng đều đau khổ hơn, trọn chẳng thanh tịnh, trong tâm đau khổ, bàng hoàng vô chủ, không biết làm thế nào! Trong tâm có thanh tịnh hay không? Đây đều là do đủ mọi thiện nghiệp và ác nghiệp đã tạo từ vô thủy tới nay cùng lúc phát lộ, nội tâm hỗn loạn khôn cùng, tuyệt đối chẳng thanh tịnh!

Nhưng “*hành giả*” bình thường tu hành, đến khi thọ mạng chấm dứt, đến thế giới Sa Bà giống như đi xa, du lịch, ngắm cảnh, nay sẽ trở về thế giới Cực Lạc, giống như đến chỗ nào đó ngắm cảnh xong, sẽ chuẩn bị về nhà, trong tâm hết sức vui sướng. Do cái tâm ấy, hết thảy chuyện lo buồn, khổ não, hoặc vui sướng trong thế gian đều buông xuống, nhất tâm bất loạn chuẩn bị vãng sanh thế giới Cực Lạc, các thứ phiền não đều hóa thành chẳng còn nữa. Đó là “*thanh tịnh*”. Nếu không, làm sao nói đến “*thanh tịnh*” cho được? Khi ấy, đức Phật và các vị đại Bồ Tát, còn có Hóa Phật, đồng thời xòe tay tán thán người ấy: “*Nhữ kim thanh tịnh*”, quý vị thanh tịnh.

Vì sao thanh tịnh? Thanh tịnh trong khi ấy chính là một hiện tượng tốt lành, tức là thụy tướng vãng sanh. Thụy tướng ấy do đâu mà có?

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Vì “*phát vô thượng đạo tâm*”. Thông thường, đã phát vô thượng đạo tâm, tức là tin tưởng sâu xa thế giới Cực Lạc, tin sâu pháp môn Tịnh Độ, tin sâu sanh tử là nỗi khổ to lớn trong thế gian. Vì vậy, mong liễu sanh tử, mong mỗi sanh về thế giới Cực Lạc. Đồng thời, cũng chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là Đại Thừa. Chính mình tin tưởng, phát nguyện, tu hành, cũng khuyên người khác tin tưởng, phát nguyện, tu trì. Đây là “*phát vô thượng đạo tâm*”. Bình thường đã phát vô thượng đạo tâm, cho đến khi thọ mạng chấm dứt, tâm của quý vị thanh tịnh. Do mối quan hệ này, “*ngã lai nghênh nhữ*” (ta đến đón người): Tâm thanh tịnh, Phật đến đón quý vị. Quý vị mới thấy: Tâm chẳng thanh tịnh, Phật, Bồ Tát có đến, quý vị cũng không thấy, bị chướng ngại. Bị ai chướng ngại? Bị loạn tâm của chính mình chướng ngại. Vì thế, đối với tầng ý nghĩa này, chúng ta phải đặc biệt chú trọng, chú ý.

Bình thường, thời thời khắc khắc tưởng, niệm niệm đều tưởng, ý niệm ấy dấy lên có sẽ ảnh hưởng tới lúc ta vãng sanh trong tương lai hay không? Có sẽ khiến cho chúng ta loạn tâm, phiền não hay không? Phàm những gì đủ để ảnh hưởng, gây chướng ngại cho sự vãng sanh của chúng ta trong tương lai, khiến cho tâm chúng ta không thanh tịnh, hãy ngay lập tức tiêu trừ ý niệm ấy. Đó là niệm Phật. Trì danh niệm Phật, một câu danh hiệu bao hàm quá nhiều ý nghĩa. Đối với những ý nghĩa ấy, ắt đều phải liễu giải. Sau đó, dấy lên một câu A Di Đà Phật. Một câu A Di Đà Phật là pháp môn tổng trì, tổng trì những gì? Bao hàm tất cả đạo lý của Phật pháp trong ấy. Niệm một câu Phật hiệu, tất cả ý nghĩa của tâm pháp đều được bao hàm trong ấy. Niệm một câu Phật hiệu có sức mạnh to lớn chẳng thể nghĩ bàn! Bình thường niệm như vậy, luyện tập như vậy, tới khi thọ mạng chấm dứt, tâm lý thanh tịnh, chỉ có nhất tâm bất loạn trì câu Phật hiệu thì mới có thể cảm ứng Phật và Bồ Tát đến đón tiếp.

Dưới đây là nói đến sự vãng sanh, có nhân, có duyên, sẽ đạt được kết quả vãng sanh.

(Kinh) Kiến thử sự thời, tức tự kiến thân tọa kim liên hoa. Tọa dĩ, hoa hợp, tùy Thế Tôn hậu, tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung.

(經)見此事時，即自見身坐金蓮華。坐已華合，隨世尊後，即得往生七寶池中。

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

(**Kinh:** Khi thấy chuyện ấy, liền thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng. Ngồi xong, hoa khép lại, theo sau đức Thế Tôn, liền được sanh vào trong ao bảy báu).

“*Kiến thử sự thời*” (Khi thấy chuyện ấy). Chữ “*thử sự*” là nói [những chuyện như] A Di Đà Phật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, chư Bồ Tát, còn có Hóa Phật khen ngợi v.v... như trong phần trên, người vãng sanh đều trông thấy rõ ràng. Lúc đó, nhìn thấy rõ ràng. “*Tức tự kiến thân tọa kim liên hoa*”: Tức khắc thấy thân thể của chính mình ngồi trên hoa sen vàng. “*Tọa dĩ hoa hợp*”: Sau khi ngồi xong, hoa sen vàng bèn khép lại, bao lấy thân thể. “*Tùy Thế Tôn hậu*”: Chữ Thế Tôn chỉ A Di Đà Phật, [người vãng sanh] theo sau A Di Đà Phật. “*Tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung*” (Liền được sanh vào trong ao bảy báu): Có đến hai chữ Tức, một là “*tức tự kiến thân tọa kim liên hoa*” (liền thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng); chữ kia là “*tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung*”. “*Tức*” (即) là lập tức, ngay trong một niệm. Thông thường, nếu chúng ta hỏi: “Thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, xa xôi ngàn ấy, [làm sao có thể đến đó cho được]?” Nhưng kinh văn đã nói rất rõ ràng, “*tức khắc*”. Trong tương lai, khi thọ mạng của chúng ta chấm dứt, sau khi trông thấy Tây Phương Tam Thánh và Hóa Phật, sẽ ngay lập tức thông dong, tự tại, ngồi trên hoa sen. Hoa sen khép lại, trong một niệm liền sanh về ao sen bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc, mau chóng như thế đó!

Phật pháp bất luận là tông nào, đều phải hiểu rõ tâm pháp. Cái gọi là “*tâm pháp*” chính là gì? Ất phải hiểu rõ tâm của mỗi chúng sanh, tức Chân Như bản tánh vô cùng vô tận, không đâu chẳng tồn tại, lớn đến mức chẳng có ngăn mé, tuyệt đối phải liễu giải đạo lý này. Sau khi đã liễu giải đạo lý này, tâm phải thanh tịnh. Khi thọ mạng chấm dứt, các phiền não khác chẳng dậy lên, loạn tâm chẳng có, cái tâm thanh tịnh vừa phát, sẽ cảm ứng Phật, Bồ Tát tới đón tiếp. Vãng sanh chính là cái tâm của chính mình (bản tánh của chính mình) khai triển, phát hiện. Hễ bản tánh phát hiện, sẽ liền được vãng sanh. Tuy thế giới Cực Lạc xa xôi ngàn ấy, chỉ cần khi bản tánh khai phát, phát hiện, dầu xa cách mấy, cũng giống như trước mắt. Chẳng hiểu rõ tâm pháp thì làm thế nào cũng chẳng hiểu đạo lý này.

Thượng Phẩm Thượng Sanh hoa sen chẳng khép lại. Ở đây là “*hoa hợp*” (hoa khép lại). Dưới đây là những lợi ích (những điều tốt đẹp) sẽ đạt được sau khi vãng sanh. Kinh văn [như sau]:

(Kinh) Nhất nhật nhất dạ, liên hoa nãi khai. Thất nhật chi trung, nãi đắc kiến Phật. Tuy kiến Phật thân, u chúng tướng hảo, tâm bất minh liễu. Ư tam thất nhật hậu, nãi liễu liễu kiến. Văn chúng âm thanh, giai diễn diệu pháp. Du lịch thập phương, cúng dường chư Phật. Ư chư Phật tiền, văn thậm thâm pháp. Kinh tam tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa.

(經)一日一夜，蓮華乃開。七日之中，乃得見佛。雖見佛身，於眾相好，心不明了。於三七日後，乃了了見。聞眾音聲，皆演妙法。遊歷十方，供養諸佛。於諸佛前，聞甚深法。經三小劫，得百法明門，住歡喜地。

(Kinh: Qua một ngày một đêm, hoa sen mới nở. Trong vòng bảy ngày, bèn được thấy Phật. Tuy thấy thân Phật, đối với các tướng hảo, tâm chẳng hiểu rõ. Sau hai mươi một ngày, mới thấy rành rẽ. Nghe các âm thanh đều diễn diệu pháp. Dạo khắp mười phương, cúng dường chư Phật. Đối trước chư Phật, nghe pháp rất sâu. Qua ba tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa).

Đoạn này nói rõ lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh. Sanh vào trong ao sen bảy báu, hoa sen bèn khép lại, trải qua thời gian “*một ngày một đêm, hoa sen mới nở*”. Đối với Thượng Phẩm Trung Sanh trong đoạn trước là qua một đêm mới nở, “*kinh túc*” (經宿) là nói thời gian trong một đêm, thời gian [hoa sen khép lại] ngắn hơn một nửa! Thượng Phẩm Thượng Sanh thì hoa sen chẳng khép lại, thời gian nhanh hơn. Do vậy, chẳng nói khi nào hoa sen nở. Hoa sen [trong Thượng Phẩm Thượng Sanh] vốn đã nở. Ở đây nói “*một ngày một đêm*”, hoa sen bèn nở. “*Thất nhật chi trung, nãi đắc kiến Phật*” (Trong vòng bảy ngày, bèn được thấy Phật). Nguyên lai là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, đó là Ứng Hóa Phật đến tiếp đón. Trong vòng bảy ngày, thấy chánh báo trang nghiêm của A Di Đà Phật. Trong phần trước, [trong phép Quán dạy về] quán thân Phật, đã có nói: Phật thân cao lớn dường ấy, mắt biếc trong veo bốn biển cả, có nhiều tướng hảo đẹp đẽ. “*Tuy kiến Phật thân*” (Tuy

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thấy thân Phật), nhưng “*ư chúng tướng hảo*” (đối với các tướng hảo), nói thông thường là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Thật ra, chỉ cần ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hình hảo, tướng hảo đã tuyệt diệu lắm rồi! Cũng chẳng thể biết rõ số! Trong bảy ngày, có thể thấy thân Phật bất cứ lúc nào, trông thấy toàn thể thân tướng. Đối với các thứ tướng, các thứ hảo ấy, “*tâm bất minh liễu*” [nghĩa là] chưa thể thấy hoàn toàn phân minh. Vì sao? Khi mới vừa thấy, tâm lý còn hoàn toàn chưa mở rộng, chẳng kham hiểu rõ được!

“*Ư tam thất nhật hậu, nãi liễu liễu kiến*”: Sau hai mươi một ngày, mới thấy triệt để rõ ràng, rành rẽ, phân minh; đối với các tướng và các hảo của đức Phật, đã hoàn toàn thấy rõ ràng. Khi ấy, “*văn chúng âm thanh*” (nghe các âm thanh). Quang minh, màu sắc, và âm thanh do Phật, Bồ Tát phóng ra, đủ mọi thứ chánh báo và y báo đều phát ra âm thanh. “*Giai diễn diệu pháp*”: Những âm thanh ấy đều diễn nói Phật pháp vi diệu rất sâu. Sau khi vừa nghe diệu pháp, toàn thân bèn tự tại. “*Du lịch thập phương, cúng dường chư Phật*”: Có thể đến chơi, đến viếng thăm các thế giới của mười phương chư Phật, chuyện này cũng chẳng giống phàm phu bình phàm đi chơi.

“*Cúng dường chư Phật*”: Mỗi thế giới trong mười phương thế giới đều có Phật, đều cúng dường chư Phật. “*Ư chư Phật tiền, văn thậm thâm pháp*”: Ở trước mỗi đức Phật, các Ngài chẳng tiếp nhận sự cúng dường suông! Bậc chánh nhân quân tử trong thế gian này, khi quý vị tặng họ lễ vật, còn biết biểu đáp lại, báo đáp quý vị chút gì đó. Quý vị cúng dường Phật, bất luận quý vị cúng dường thứ gì, thứ nhẹ nhất, ít ỏi nhất cũng thế, mà thứ quý trọng nhất cũng thế, chỉ cần quý vị thành tâm cung kính cúng dường, Phật liền cho quý vị nghe Phật pháp rất sâu. Do vậy, ở trước chư Phật, đều có thể học diệu pháp.

“*Kinh tam tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa*”: Thượng Phẩm Trung Sanh trong phần trước là trải qua một tiểu kiếp, sẽ đắc Vô Sanh Nhân. Ở đây là trải qua ba tiểu kiếp, thời gian dài cỡ nào? Chư vị có thể tự xem. Nếu không hiểu, có thể tra Phật Học Từ Điển. Trải qua ba tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn. Bách pháp minh môn là một trăm pháp trích từ Du Già Sư Địa Luận. Nói cách khác, một trăm pháp chính là hơn sáu trăm pháp trong Du Già Sư Địa Luận. Sáu trăm pháp trong Du Già Sư Địa Luận tượng trưng cho muôn pháp. Mỗi pháp trong Phật pháp, mở rộng ra, sẽ bao hàm vô cùng, vô tận pháp; gộp lại bèn đơn giản. Quy nạp vạn pháp thành một trăm pháp. Một trăm pháp ấy hết sức đơn giản, quan trọng, nhưng nội dung bao hàm vạn tượng. Thông thường,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng ta học Bách Pháp Minh Môn chỉ hiểu danh từ có nghĩa là gì mà thôi! Thật ra, thâm nhập bất cứ pháp nào trong bách pháp, thật sự lãnh ngộ sẽ là tuyệt diệu. Nay chúng ta chẳng lãnh ngộ, nói thì nói vậy, thấy thì thấy vậy, chẳng hề lãnh ngộ, biết danh xưng mà thôi!

Nhưng ở đây, nghe các âm thanh diễn nói diệu pháp, lại còn ở trước chư Phật trong mười phương thế giới nghe pháp rất sâu, lại còn phải trải qua ba tiểu kiếp, mới đắc bách pháp minh môn. “*Minh môn*” (明門) là gì? Hiểu rõ, thông đạt pháp môn ấy, bất cứ pháp nào trong bách pháp cũng đều có thể thông thấu con đường thành Phật, đều có thể thành Phật. Chữ Minh tuyệt diệu lắm, Phật là tam minh lục thông. Chúng ta thường nói “*đã minh bạch*”, minh bạch ở chỗ nào? Thật sự minh bạch sẽ lập tức buông xuống hết thảy, lập tức thấy thấu suốt. [Hiện thời], chúng ta chẳng minh bạch đâu nhé! Sau khi đã minh bạch, sẽ như nhà Thiền đã nói: “*Đại địa trầm luân, hư không phân toái*” (Đại địa chìm đắm, hư không nát vụn). Trong quan niệm, hư không chẳng còn tồn tại. Trong quan niệm, đại địa cũng chẳng tồn tại. Hiện thời, có rất nhiều kẻ đầu cơ đất đai, mua một miếng đất thì thâm vào đâu? Toàn thể đại địa cầu và hư không đều nát vụn, chẳng tồn tại! Một miếng đất nhỏ nhoi ấy còn đáng nói ư? Đây là chẳng thấy thấu suốt. Thật sự thấy thấu suốt, sẽ lập tức có thể buông xuống!

Sau khi đắc bách pháp minh môn, “*trụ Hoan Hỷ Địa*”: Phá trừ Phiền Não Chướng. Đã phá phiền não, bèn có thể đạt lên Sơ Địa, tức là Hoan Hỷ Địa.

(Kinh) Thị danh Thượng Phẩm Hạ Sanh giả. Thị danh thượng bối sanh tướng, danh đệ thập tứ quán.

(經)是名上品下生者。是名上輩生想，名第十四觀。

(Kinh: Đây gọi là Thượng Phẩm Hạ Sanh, là phép quán tướng về vãng sanh trong bậc Thượng, gọi là phép Quán thứ mười bốn).

Nói xong nhân, duyên, quả và lợi ích vãng sanh, bèn dẫn dò một câu “*thị danh Thượng Phẩm Hạ Sanh giả*”. Tới đây, Thượng Phẩm Thượng Sanh, Thượng Phẩm Trung Sanh, và Thượng Phẩm Hạ Sanh đều đã nói xong, lại kết luận: “*Thị danh thượng bối sanh tướng, danh đệ thập tứ Quán*”: Đây là Thượng Phẩm Vãng Sanh Quán, gọi là phép Quán thứ mười bốn.

Tập 43

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn trang hai mươi lăm, bắt đầu từ dòng cuối cùng. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn:

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Trung Phẩm Thượng Sanh giả, nhược hữu chúng sanh, thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Giới Trai, tu hành chư giới, bất tạo Ngũ Nghịch, vô chúng quá hoạn. Dĩ thử thiện căn, hồi hướng nguyện cầu sanh ở Tây Phương Cực Lạc thế giới”.

(經)佛告阿難，及韋提希：中品上生者，若有眾生，受持五戒，持八戒齋，修行諸戒，不造五逆，無眾過患。以此善根，迴向願求生於西方極樂世界。

(Kinh: Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Trung Phẩm Thượng Sanh là nếu có chúng sanh thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Quan Trai Giới, tu hành các giới, chẳng tạo Ngũ Nghịch, chẳng có các lỗi làm, sai trái. Dùng thiện căn ấy hồi hướng nguyện cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”).

IV.2.2.16. Phép Quán thứ mười lăm, Trung Phẩm Sanh Quán

Quán Kinh có tất cả mười sáu phép Quán. Nay chúng ta bắt đầu nghiên cứu phép Quán thứ mười lăm. Mười ba phép Quán trước nói về phương pháp Quán và công phu tu Quán. Bắt đầu từ phép Quán thứ mười bốn, chẳng phải là vận dụng công phu để quán, mà là nói về ba bậc chín phẩm vãng sanh, phải phát chí thành tâm, thâm tâm, và hồi hướng phát nguyện tâm, hồi hướng những công đức đã đạt được. Hồi hướng rất quan trọng! Bình thường, chúng ta làm bất luận công đức nào, nhiều cũng thế, ít cũng thế, đều phải hồi hướng cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Do vậy, từ phép Quán thứ mười bốn bắt đầu giảng về sự hồi hướng phát nguyện, hết sức trọng yếu!

Phép Quán thứ mười bốn là Thượng Phẩm Thượng Sanh, Thượng Phẩm Trung Sanh, và Thượng Phẩm Hạ Sanh. Hôm nay, bắt đầu nói về Trung Phẩm vãng sanh. Trung Phẩm lại chia thành Trung Phẩm Thượng Sanh, Trung Phẩm Trung Sanh, và Trung Phẩm Hạ Sanh. Phép Quán thứ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mười sáu là nói về Hạ Phẩm, cũng chia thành ba phẩm giống như vậy. Đối với người trì danh niệm Phật chúng ta, chín phẩm vãng sanh hết sức trọng yếu! Bình thường, chúng ta phải vận dụng công phu như thế nào, làm bất cứ việc lành nào cũng đều phải hồi hướng công đức. Kể bình phàm thường xem nhẹ, cứ nghĩ làm một tí chuyện, há có công đức gì? Nhưng phải ghi nhớ: Dầu công đức nhỏ tới mấy đi nữa, thậm chí việc thiện bị người ta coi là vật vãnh, chẳng đáng nói tới, quý vị đều hồi hướng; tích lũy lại, sẽ thành công đức to lớn, đến khi đó, sẽ nắm chắc vãng sanh! Lại nói từ Thượng Phẩm Thượng Sanh cho đến Hạ Phẩm Hạ Sanh có những tình huống gì? Bình thường tu như thế nào? Phẩm vị vãng sanh có nhân quả tương ứng như thế nào? Sau khi chúng ta liễu giải, sẽ biết dụng công như thế nào. Vì vậy, chuyện này hết sức trọng yếu đối với chúng ta.

Mở đầu phép Quán thứ mười lăm, “*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy, “*Trung Phẩm Thượng Sanh giả*”, kém hơn Thượng Phẩm một bậc. Trung Phẩm Thượng Sanh phải đầy đủ những cái nhân vãng sanh nào, đấy cũng là điều kiện để vãng sanh. “*Nhược hữu chúng sanh*” (Nếu có chúng sanh), nói tới những chúng sanh tu hành, “*thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Giới Trai, tu hành chư giới*” (thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Quan Trai Giới, tu hành các giới), có thể thọ giới. Sau khi thọ giới, lại trì giới. Thọ và Trì khác nhau. Sau khi chúng ta thọ giới, trì như thế nào? Đã thọ rồi, sẽ một mực trì mãi, thọ trì cơ bản là Ngũ Giới. Thêm nữa, trì tám giới, tức Bát Quan Trai Giới, sau đấy, tu hành các giới. Các giới có giới tại gia và giới xuất gia. Giới xuất gia lại có giới Sa-di, giới Sa-di-ni, giới Tỳ-kheo, giới Tỳ-kheo-ni, đều thuộc về “*chư giới*”. Còn phải “*bất tạo Ngũ Nghịch, vô chúng quá hoạn*” (chẳng tạo Ngũ Nghịch, không có lầm lỗi, sai trái), ắt phải là như vậy!

Ngũ Giới thì mọi người chúng ta đều biết. Ngũ Giới của hàng tại gia:

1) Thứ nhất là không sát sanh. Đối với bất cứ chúng sanh nào, không chỉ là chẳng thể sát sanh chúng sanh thuộc nhân loại, mà súc sanh động vật hễ có sanh mạng, có tình thức, đều chẳng thể sát hại.

2) Thứ hai, chẳng trộm cắp, phạm vi bao quát rất nhiều. Có tội vi tế, có tội nghiêm trọng. Phạm là những gì chẳng nên lấy, hoặc chẳng được sự đồng ý, mà chúng ta tùy tiện, sẽ đều là trộm cắp.

3) Thứ ba, chẳng dâm. Đối với xuất gia là không dâm, còn tại gia là không tà dâm. Người tại gia thọ Ngũ Giới, chẳng xuất gia, đương

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhiên là có gia đình. Vợ chồng trong gia đình là hành vi chánh đáng, cuộc sống vợ chồng được giới luật nhà Phật cho phép. Ngoài vợ chồng ra, chẳng tà dâm. Hễ tà dâm thì là phạm giới.

4) Thứ tư, chẳng nói dối. Nói cặn kẽ, chúng ta chẳng vọng ngữ chẳng dễ dàng cho lắm! Ất phải khéo giữ. Hằng ngày chính mình cảnh giác, luôn luôn phản tỉnh: “Ta thốt ra câu nói này có phải là đã phạm vọng ngữ hay không?” Thường xuyên kiểm điểm chính mình nơi phương diện này. Đại vọng ngữ lớn nhất trong giới vọng ngữ: Người học Phật chẳng có công phu, cứ nói chính mình có công phu. Chẳng chứng quả, nói [chính mình] đã chứng quả. Chẳng đạt đến cảnh giới, nói chính mình đã đạt được cảnh giới. Đây là đại vọng ngữ. Tội lỗi do phạm đại vọng ngữ rất nặng. Còn như nói những lời không hợp sự thật trong thế gian cũng là vọng ngữ. Quấy động thị phi giữa người này với người kia cũng là vọng ngữ, bất quá chẳng nghiêm trọng như đại vọng ngữ.

5) Điều cuối cùng là uống rượu. Uống rượu dường như chẳng có hại gì đối với chúng sanh, nhưng kẻ ham uống rượu sẽ thường là chẳng thể không chế chính mình. Sau khi uống rượu, thường là sẽ làm những chuyện giết, trộm, dâm, cho nên phạm tội. Chẳng tuân thủ bốn giới trước, đều có thể phạm tội. Vì thế, uống rượu cũng là một giới trong Ngũ Giới.

Ngũ Giới là cơ bản, người tại gia trước tiên là thọ Ngũ Giới. Sau đây, nếu phát tâm, bèn thọ Bồ Tát Giới. Đương nhiên là mong trì giới nhiều hơn, nhưng phải thọ Ngũ Giới trọn vẹn rồi mới có thể thọ Bồ Tát Giới.

“*Trì Bát Giới Trai*” chính là [thọ trì] Bát Quan Trai Giới, khác với Ngũ Giới. Chẳng thọ Ngũ Giới thì thôi; nếu đã thọ, phải trì giới suốt đời, chẳng thể phạm. Bát Quan Trai Giới là thọ mỗi ngày. Hôm nay đã thọ là thọ cho đến ngày mai, lấy một ngày làm kỳ hạn trì giới. Trì Bát Quan Trai Giới có công đức của Bát Quan Trai Giới. Do vậy, trong kinh nói, phạm là người tương ứng với Trung Phẩm Thượng Sanh thì phải thọ trì Ngũ Giới, lại còn trì thêm Bát Quan Trai Giới, và tu trì các giới nhiều hơn nữa. Ngoại trừ trì giới, còn phải là chẳng tạo Ngũ Nghịch (xin xem biểu đồ). Ngũ Nghịch là:

IV.2.2.16.1. Ngũ Nghịch

“*Nghịch*” (逆) là trái phạm đạo lý thông thường. Kẻ bình thường, có ai chẳng tôn kính cha mẹ của chính mình? Bất cứ ai cũng đều biết

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phải tôn kính hàng xuất gia đã chứng quả La Hán. Đối với Phật, lại càng chẳng cần phải nói nữa! Thế nhưng, Ngũ Nghịch hoàn toàn tương phản.

1) Thứ nhất là “*sát phụ*”, tức giết chết cha ruột của chính mình. Đây là đại nghịch.

2) Thứ hai, giết mẹ, lại càng không được!

3) Thứ ba, giết A La Hán. A La Hán là bậc đã chứng quả. Người tu Tiểu Thừa chứng Sơ Quả vẫn chưa được; sau đây, còn phải trải qua bảy phen sanh tử trên cõi trời hoặc trong nhân gian, trải qua Nhị Quả, Tam Quả, đến cuối cùng, chứng Tứ Quả, chứng đắc quả vị, thoát tam giới. Nói theo Tiểu Thừa, A La Hán là một vị thánh nhân. Quý vị giết chết Ngài, cũng là chuyện đại nghịch bất đạo.

4) Thứ tư, làm thân Phật chảy máu. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, có kẻ ác từ trên núi đẩy một tảng đá to xuống, dự liệu khi đức Phật đi qua, sẽ đè chết Ngài, nhưng bậc đã thành Phật há bị tảng đá đè chết? Gặp phải hộ pháp Bồ Tát từ giữa không trung dùng kim cang xữ đập một phát, tảng đá liền vỡ nát, nhưng có một miếng đá nhỏ văng trúng chân Phật, khiến cho chân đức Phật chảy máu. Đó là “*xuất Phật thân huyết*”. Hiện thời, đức Phật chẳng còn tại thế, nhưng có tượng Phật, có tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, tượng Phật A Di Đà Phật, các loại tượng của mười phương tam thế chư Phật. Nếu như trong tâm chẳng vừa ý đối với Phật, có tâm lý chống đối Phật giáo, muốn phá hoại Phật pháp, bèn hủy bỏ tượng Phật, có tâm lý phá hoại, sẽ coi như là “*làm thân Phật chảy máu*”, thuộc loại đại nghịch trong Ngũ Nghịch.

5) Thứ năm là “*phá hòa hợp Tăng*”. Trong đạo tràng, đại chúng cùng ở một chỗ, gọi là Hòa Hợp Chúng. Mọi người ở cùng một chỗ vì tu đạo, vì hoằng dương Phật pháp, chí đồng đạo hợp cùng nhau tu trì. Nếu phá hoại đoàn thể ấy thì cũng là đại nghịch. Thông thường, “*Tăng*” chỉ người xuất gia, nhưng nếu hàng tại gia cư sĩ có đạo tràng, cùng nhau tụ lại một chỗ để tu trì, đó cũng là “*hòa hợp Tăng*”. Phá hoại đạo tràng ấy cũng là đại nghịch!

Phạm năm loại đại nghịch ấy, tội lỗi to hơn bất cứ tội lỗi nào khác!

Người Trung Phẩm Thượng Sanh trừ tu giới ra, còn phải chẳng tạo tội Ngũ Nghịch. Đây là một điều tốt. Trừ tội nghiệp Ngũ Nghịch trọng đại ra, “*vô chúng quá hoạn*”, tức là chẳng có các thứ “*quá hoạn*”.

“*Quá*” (過) là lầm lỗi, vô tâm; “*hoạn*” (患) là chuyện chẳng tốt lành. Những lỗi lầm, sai trái đối với người khác cũng như đối với chính mình

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đều chẳng có kết quả tốt đẹp. Chẳng có những lỗi lầm, sai trái ấy, ắt sẽ là người hội đủ các điều kiện của Trung Phẩm Thượng Sanh.

Phật pháp có Đại Thừa và Tiểu Thừa. Giới cũng có giới Bồ Tát Đại Thừa và giới Tiểu Thừa. Ở đây là nói về giới Tiểu Thừa. Chẳng thể tạo tội Ngũ Nghịch! Phải có thiện căn thì mới có thể thọ giới và trì giới. Có thể thọ trì những giới ấy, đủ để chứng tỏ học nhân ấy có thiện căn. “*Dĩ thử thiện căn*” chính là dùng thiện căn ấy để “*hồi hướng nguyện cầu sanh ở Tây Phương Cực Lạc thế giới*”, “*hồi*” (回) là xoay công đức do chính mình đã tu hành, “*hướng*” (向) là hướng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mong mỗi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta tu trì, mục đích trọng yếu nhất là mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Chúng ta nghiên cứu kinh văn, mỗi khi gặp chữ *Nguyện*, đều phải đặc biệt chú trọng, nhất định phải tự hỏi chính mình: Vì sao phải phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc? Hãy ngẫm xem, trong thế giới này, vào thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngũ Nghịch rất ít. Ở Trung Hoa, vào thời đó, kẻ giết cha, giết mẹ cũng không nhiều, hết sức ít ỏi; nhưng hiện thời, các vị xem báo, coi tin tức trên TV, chẳng phải là ở đây con cái giết cha, thì ở kia là con cái giết mẹ, chồng giết vợ, vợ giết chồng! Phát sanh thảm kịch nơi thiên luân kinh thường, có còn coi là nhân gian nữa hay chăng?

Chúng ta học Phật, biết Phật pháp, phải nên tôn kính tượng Phật. Kẻ ở bên ngoài chẳng học Phật mà phá hoại Phật pháp rất nhiều. Sau năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), sau khi cuộc vận động Ngũ Tứ bắt đầu, tại nội địa, vào thời đó, trước hết là phá hoại Phật pháp, phá hoại văn hóa Trung Hoa, hủy báng Khổng phu tử, hủy báng Thích Ca Mâu Ni Phật, triệt hạ chùa miếu, sửa thành trường học, tạo nghiệp chẳng biết nặng nề đến cỡ nào? Do vậy, sau này, toàn bộ Đại Lục chuốc lấy tai nạn to lớn như vậy. Khi nào thì mới có thể khôi phục? Thời gian còn rất xa xôi! Chúng ta nhìn vào thời đại hiện tại này, chúng ta mong phát tâm học Phật trong thế gian này, hoàn cảnh nơi đâu cũng lôi kéo khiến cho chúng ta thoái chuyển. Học Phật trong thế gian này quá khó khăn, ắt phải mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phải phát nguyện, cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Vì thành tựu trong thế gian này rất khó, ắt phải nhờ vào pháp môn Tịnh Độ để sanh về thế giới Cực Lạc.

Các pháp môn khác tuy cũng do Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra, cũng nhất định là có thể thành tựu. Nhưng xét theo hoàn cảnh trong thời

đại hiện tại, chẳng cho phép quý vị dùng thời gian dài như vậy để tu tập! Chúng ta mong sẽ thành tựu ngay trong một đời này, phải đặc biệt chú ý điểm này! Ất phải nghe lời đức Phật khuyên bảo, thời thời khắc khắc trì giới, trì giới là chuyện tốt đẹp. Lại còn bất cứ chuyện gì tốt đẹp cũng đều hồi hướng phát nguyện vãng sanh, thường hồi hướng như vậy, đến khi thọ mạng chấm dứt, khi vãng sanh, sẽ chẳng có mảy may chướng ngại nào! Đoạn này nói về cái nhân vãng sanh.

Đoạn dưới đây nói về cái duyên vãng sanh, nhân duyên thành tựu thì mới có thể vãng sanh.

(Kinh) Lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, dữ chư tỳ-kheo, quyền thuộc vi nhiều, phóng kim sắc quang, chí kỳ nhân số, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, tán thán xuất gia, đặc ly chúng khổ.

(經)臨命終時，阿彌陀佛，與諸比丘，眷屬圍繞，放金色光，至其所。演說苦、空、無常、無我。讚歎出家，得離眾苦。

(Kinh: Khi lâm chung, A Di Đà Phật và các vị tỳ-kheo, quyền thuộc vây quanh, phóng quang minh sắc vàng, tới chỗ người ấy, diễn nói Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, tán thán xuất gia, được lìa các nỗi khổ).

Đoạn này nói người tu hành khi còn sống đã trì giới, phát nguyện, đến “lâm mạng chung thời” (khi lâm chung), gặp duyên tốt đẹp. Bất luận người học Phật hoặc không học Phật, đều có lúc thọ mạng chấm dứt. Người chẳng tu hành, đến khi mạng chung, trong tâm hết sức sợ hãi, rốt cuộc sẽ phải đi về đâu? Rất đau khổ! Nhưng người học Phật mà học những pháp môn khác, nếu lúc lâm chung công phu chẳng đủ, trong tâm cũng rất khủng hoảng. Người học Tịnh Độ Tông đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật là đáng giáo chủ của thế giới Cực Lạc, là nơi ta thường phát nguyện sanh về. Khi đó, Ngài sẽ đến, không chỉ là một mình Ngài đến [tiếp dẫn].

“Dữ chư tỳ-kheo”, còn có rất nhiều người xuất gia. “Quyền thuộc vi nhiều”, chữ “quyền thuộc” (眷屬) chỉ những người cùng theo đức Phật đến, vây quanh bốn phía đức Phật. “Phóng kim sắc quang” (Phóng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

quang minh sắc vàng): Đức Phật và các vị tỳ-kheo, quyền thuộc, đều phóng quang minh có màu vàng ròng. Trên thế gian này, chúng ta chỉ thấy ánh sáng mặt trời rất đơn giản, chỉ là ánh sáng màu trắng, còn quang minh ở đây là kim sắc quang. “*Chí kỳ nhân sở*” (Đến chỗ người ấy), chữ “*kỳ nhân*” (其人) chỉ học nhân [Tịnh Độ] khi lâm chung. [A Di Đà Phật và các vị tỳ-kheo, quyền thuộc đại chúng] đến trước người ấy để đón tiếp. Chúng ta thường hỏi: “Người niệm Phật khi lâm chung, sẽ đến thế giới Cực Lạc như thế nào?” Chẳng cần suy xét, lo âu chuyện này! Tới lúc đó, Phật sẽ tự nhiên đến nghênh tiếp.

Ở đây, điều phải chú ý là Thượng Phẩm Thượng Sanh, Thượng Phẩm Trung Sanh, và Thượng Phẩm Hạ Sanh, khi lâm chung, A Di Đà Phật dẫn theo rất nhiều vị đại Bồ Tát, rất nhiều Hóa Phật, đương nhiên là do phẩm vị bất đồng mà số mục [đại chúng theo Phật] cũng chẳng giống nhau, nhưng đều có hàng đại Bồ Tát và Hóa Phật hiện đến. Trong Trung Phẩm, không chỉ là chẳng có Hóa Phật, mà cũng chẳng có đại Bồ Tát. Những vị theo đến đều là tỳ-kheo, tức tăng chúng xuất gia. Vì giới đã trì là giới Tiểu Thừa. Vì sao tỳ-kheo là Tiểu Thừa? Nếu tỳ-kheo chỉ thọ tỳ-kheo giới, chẳng thọ thêm Đại Thừa Bồ Tát Giới, sẽ là tu Tiểu Thừa. “*Quyền thuộc*” là hàng đệ tử Phật, theo A Di Đà Phật đến [tiếp dẫn], vì sao hàng đại Bồ Tát không đến? Tổ sư chú giải rất rõ ràng: Vì người tu lúc thường ngày tu pháp Tiểu Thừa, tới lúc đó, sẽ cảm ứng, sẽ xuất hiện tướng tỳ-kheo đến hoan nghênh. Nhân quả tương xứng! Thật ra, trong thế giới Cực Lạc chẳng có Tiểu Thừa, mà toàn là Đại Thừa Bồ Tát. Vì sao quyền thuộc đến tiếp dẫn Trung Phẩm vãng sanh hiện tướng tỳ-kheo (tướng Tiểu Thừa)? Phải nói điểm này rõ ràng! Chẳng nói rõ ràng, sẽ có nghi vấn. Tịnh Độ Tông là Đại Thừa Phật pháp, người học Tiểu Thừa chẳng biết có thế giới ở phương khác, làm sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc cho được? Lại còn xa xôi ngàn ấy! [Những người] được gọi là Tiểu Thừa ở đây có hai loại tình huống:

1) Một là những người vốn tu Đại Thừa Phật pháp, tu về sau này, cảm thấy Đại Thừa Phật pháp khó khăn bèn ngã lòng, lui về tu pháp Tiểu Thừa.

2) Hai là vốn tu Tiểu Thừa. Về sau, hồi Tiểu hướng Đại, phát đại tâm.

Vốn tu pháp Tiểu Thừa, về sau tu pháp Tịnh Độ, sau đó, lại hồi Tiểu hướng Đại, thuộc vào tình huống ấy. Vì thế, khi vãng sanh hồi Tiểu hướng, tới khi lâm chung, cảm ứng Phật hiện đến, nhưng do bình thời tu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

tập pháp Tiêu Thừa, đến khi lâm chung phát đại tâm. Do vậy, cảm ứng các vị tỳ-kheo đến đón tiếp người ấy.

A Di Đà Phật dẫn hàng quyền thuộc tỳ-kheo đến trước người ấy, vì người ấy “*diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã*”, [nói] các pháp ấy. Chúng ta học Phật đã nhiều năm, chẳng biết khổ! Nếu thật sự liễu giải Khổ Đế, từ Khổ nhập môn, học Phật sẽ có thể thành tựu. Rất nhiều người học Phật nhiều năm mà chẳng biết khổ. Hễ gặp chuyện vừa lòng bèn quên bẵng Phật pháp. Khi gặp phải nghịch cảnh, hứng chịu thống khổ, bèn oán giận: “Học Phật đã lâu ngàn ấy sao vẫn gặp phải chuyện chẳng tốt đẹp?” Kẻ ấy không biết con người sanh vào thế gian, thế gian là khổ, có chút ít thuận cảnh là do may mắn, còn chịu khổ là chuyện đáng phải như vậy! Mọi người hãy suy nghĩ đôi chút, Phật pháp nói tới ba khổ và tám khổ. Sanh, lão, bệnh, tử thì ai nấy đều biết, chứ nói đến Ái Biệt Ly và Oán Tắng Hội, từ xưa tới nay, thời đại quân chủ cũng thế, mà thời đại dân chủ cũng thế, đều có chiến tranh, đều có các sự kiện bạo lực to hoặc nhỏ giữa loài người với nhau, kèm thêm những thứ thiên tai và các thứ tai nạn. Hễ một cuộc chiến nổ ra, vì tai nạn, vì thiên tai v.v... bao nhiêu người đã chết? Một người chết đi, liên lụy thân quyến của người ấy, bao nhiêu người bị thương vì người ấy? Đây là Ái Biệt Ly (yêu thương mà phải chia lìa). Trừ cái chết ra, cô nhân nói: “*Sanh ly tử biệt*”. Tử là một nỗi đau khổ. Người chẳng chết, [hưởng nỗi vui] thiên luân trong gia đình, cha con, anh em có thể cùng tụ hội một chỗ, chẳng phải là tốt đẹp lắm ư? Chẳng thể tụ tập cùng một chỗ, mọi người phân tán ở mỗi nơi, Phật pháp nói điều này từ xưa tới nay là một nỗi đau khổ chẳng thể tránh được trong thế gian! Gặp những chuyện thống khổ này bèn oán hận. Oán hận ai? Sanh vào thế gian này, còn có những nỗi oán khổ ấy. Sau khi đã liễu giải những nỗi khổ ấy, đã hiểu rõ chân tướng thế gian, chẳng tu đạo sẽ không được, phải tu đạo. Người không tu đạo, dầu là đại hoàng đế vẫn rất khổ. Hiện thời, đại tổng thống cũng có những nỗi khổ của riêng mình, ai có thể tránh khỏi?

Kẻ bình phàm tu các giới, tuy đã tu, cũng liễu giải đạo lý này, tới khi sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật đến nghênh tiếp người ấy, đức Phật còn phải vì người ấy nói về Khổ, khiến cho người ấy hiểu rõ mọi người trên thế gian đều phải chịu khổ, đều chẳng thể tránh được, [người lâm chung ấy] bèn ngay lập tức theo Phật đến thế giới Cực Lạc. Hiện thời, có rất nhiều người cứ nghĩ hoàn cảnh rất tốt đẹp, hết thấy đều hài lòng như ý, trọn chẳng biết hết thấy mọi sự bất luận là tốt hoặc

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

xấu đều là chuyện thống khổ. Người ấy khi lâm chung, đức Phật còn phải nói [về Khổ] cho người ấy nghe.

Ngoài ra, còn phải liễu giải Không. Những kẻ bình phàm như chúng ta thấy những thứ cụ thể trong thế gian hết sức hiện thực. Thấy một quả núi là một quả núi. Hôm nay thấy là một quả núi, ngày mai vẫn thấy là một quả núi. Người ngoại quốc cũng thấy đó là một quả núi. Mọi người ngỡ nó thật sự tồn tại, nhưng nói theo Phật pháp, thứ ấy rỗng không! Không chỉ là Phật pháp, trong kinh điển của Nho gia Trung Hoa cũng nói: “*Kim phù sơn, nhất quyển thạch chi đa*”, nghĩa là phân tích một quả núi, dẫu cao đến mấy đi nữa thì cũng do nhiều nắm đất [hợp lại]. Bốc một nắm đất lên, bất quá là chút tí, từ chút tí đất ấy tích tụ mãi, sau đấy, mới trở thành hiện tượng này. Mọi người biết ở Đài Bắc có núi rác, rác rưởi của thành phố hàng ngày đổ xuống đó. Lâu ngày chầy tháng, trở thành núi cao. Quý vị nói xem, đó có phải là thật sự tồn tại hay không? Từ rác rưởi tích lũy thành. Núi là như thế, toàn thể đại địa, hết thảy các động vật trên đại địa cũng là như thế. Các thứ sự nghiệp anh hùng sáng tạo trong nhân gian, anh hùng này nọ lỗi lạc lắm! Đều là rỗng tuếch! Bất cứ chuyện gì trong thế gian này đều do nhân duyên hòa hợp, đều là do bao nhiêu điều kiện hợp lại mới hiện ra giả tướng ấy. Nếu chẳng có những điều kiện đó hợp lại, giả tướng sẽ chẳng có! Người học Phật chúng ta hãy ngẫm xem, đối với bất cứ sự vật cụ thể hay chuyện trừu tượng nào, không gì chẳng phải là nhân duyên. Hễ nhân duyên ly tán, còn có thể duy trì tồn tại hay chẳng? Nhân duyên hợp lại với nhau, sẽ tạm thời hiện ra một giả tướng mà thôi. Lấy quốc gia để nói, có quốc gia nào trên thế giới tồn tại vĩnh viễn? Chẳng có chuyện ấy đâu nhé! Vì thế, kinh Phật dạy: “*Quốc độ nguy thúy*” (Cõi nước mong manh). Đại quốc gia cũng thế, tiểu quốc gia cũng thế, đều rất yếu ớt! Từ Đệ Nhị Thế Chiến cho tới gần đây, Liên Xô một mực hùng mạnh. Nhất là trong thời kỳ đối đầu với nước Mỹ, có ai chẳng thừa nhận Liên Xô là một đại quốc? Thế mà đến nay, thời gian chưa đầy một năm, nói tan rã bèn tan rã. Hiện thời, đã biến thành rất nhiều quốc gia nhỏ. Nếu chẳng phải là trống không, lẽ ra nó phải tồn tại vĩnh cửu! Hễ nhân duyên biến động, giả tướng sẽ không tồn tại. Do vậy, phải liễu giải chữ Không. Nếu liễu giải chân tướng của vạn sự vạn vật, sẽ chẳng bị phiền não bởi những chuyện hư giả. Chúng ta luôn bị chuyện hư giả gây phiền não. Sau khi đã hiểu đạo lý Khổ và Không, chúng ta há còn có những chuyện phiền não ấy? Đạo lý Không cũng hết sức quan trọng; vì thế, lúc đó, A Di Đà Phật sẽ đối trước người vãng sanh diễn nói đạo lý về Không.

Lại còn liễu giải đạo lý Vô Thường. “*Thường*” (常) là vĩnh hằng. Vạn pháp trong thế gian, có chuyện nào tồn tại vĩnh hằng? Đều là vô thường. Vừa chớp mắt, sự tình đã biến đổi. Bình thường, chúng ta thấy thế gian hằng ngày dường như bất biến, đây là vì chúng ta chẳng thật sự dụng công quan sát. Nếu vận dụng tâm tư để quan sát, [sẽ thấy bất cứ] thứ gì cũng đều đang biến động! Toàn thể địa cầu đang chuyển động trong hư không, rốt cuộc sẽ chuyển tới đâu? Ai biết! Địa cầu và mặt trời cùng một nhóm. Chúng ta chỉ biết các tinh cầu trong Thái Dương Hệ, nhưng nhóm tinh cầu ấy ở trong hư không chẳng có mục tiêu, rốt cuộc sẽ chuyển tới chỗ nào. Ai biết? [Trong số những] người nghiên cứu thiên văn học, ai có thể nghiên cứu được? Chúng ta tỷ dụ hư không như biển cả, nhóm tinh cầu trong Thái Dương Hệ, địa cầu là một ngôi sao trong nhóm ấy, chỉ là một tiểu đơn vị bình bồng trong biển cả, chẳng có mấy mục tiêu nào, trôi giạt, chẳng có chỗ cố định. Ở trên địa cầu, chúng ta giống như có một nơi để trụ, có một vật kiến trúc; tính toán lâu dài ở đây, tính toán để làm gì? Toàn thể địa cầu, về căn bản, chẳng có lâu dài, giống như một đám mây nổi trong không trung, bình bồng khắp nơi, chẳng có gốc rễ. Hãy ngắm xem chuyện ấy có phải là thường hay không? Toàn là vô thường. Rất nhiều người không biết, ngỡ thế gian là vĩnh hằng, vẫn mong trụ mãi trong thế gian này. Quý vị khuyên họ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ chẳng tin. Chẳng thấy thế giới Cực Lạc, ngỡ thế gian này tồn tại vĩnh hằng. Đó là tri kiến điên đảo. Chúng sanh do tri kiến điên đảo, chẳng liễu giải đạo lý này!

A Di Đà Phật đối trước người vãng sanh giảng giải, ngô hầu người ấy sẽ triệt để liễu giải đạo lý này. Tuy người ấy đã chẳng giống kẻ bình phàm, đã biết Khổ, biết Không, nhưng lúc ấy, đức Phật vẫn phải diễn nói đạo lý Vô Thường một lần nữa cho người ấy.

“*Vô Ngã*”: Chúng ta phải biết đối với “cái ngã chân chánh”, kinh chú giải là Thật Tướng, là chân tâm, cũng là Chân Như bản tánh của chúng ta. Chân Như bản tánh chính là cái Ngã thật sự! Có kẻ bình phàm nào thật sự biết Chân Như bản tánh? Quý vị giảng Chân Như bản tánh cho họ, họ hỏi Chân Như bản tánh ở chỗ nào? Họ thắc mắc, họ không biết. Giảng cho họ nghe, họ cũng chẳng hiểu được, mà kẻ bình phàm như chúng ta cũng chẳng nói nổi. Ất là phải chính mình đã khai ngộ. Sau khi đã ngộ, còn phải chứng. Chẳng trải qua trình tự ấy, chúng ta đều chẳng liễu giải cái Ngã thật sự. Có chân ngã mà chẳng liễu giải, kẻ bình phàm đều chẳng biết. Kẻ bình phàm biết giả ngã, luôn nghĩ cái thân thể

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giả tạm, có thể nói năng, có thể tư duy chính là Ngã. Cái Ngã ấy nói theo Phật pháp sẽ là Vô, chẳng phải là chân ngã!

Chúng ta hãy ngẫm xem, chính mình hãy phân tích, [sẽ thấy] tư tưởng của chúng ta là một thứ rất trừu tượng. Nói theo Duy Thức của Phật pháp, tâm lý chủ yếu có tám thức, tức là tám thức. Ngoài ra, còn có năm mươi một cái tâm tương ứng với tám thức tâm (tức tâm sở). Rốt cuộc, tâm nào là chân ngã, thuộc về chính mình? Cái nào có thể đại diện cho chính mình? Ngay cả thức thứ tám, tức A Lại Da Thức, cũng chẳng thể đại diện cho chân ngã. Chân ngã thì lẽ ra chẳng nên sống vài chục năm rồi sanh mạng chấm hết. Hễ sanh mạng kết thúc, sẽ chuyển đến đường nào? Lại sửa đầu thay mặt, sanh trong nhân đạo, sẽ mang diện mạo con người. Vào súc sanh đạo, sẽ là diện mạo súc sanh. Nếu thức thứ tám đại diện chân ngã, đáng lẽ chẳng nên như thế đó! Vì thế, nói đến những cái tâm ấy, chúng đều chẳng phải là “chân ngã”.

Còn như thân thể, lại càng không cần phải nói nữa. Từ sau khi chúng ta nhập thai, ở trong thân thể mẹ, hấp thụ Tứ Đại “đất, nước, gió, lửa”, dần dần tụ tập, biến thành một đứa bé, tăng trưởng đến một mức độ nhất định, sẽ được sanh ra. Sau khi được sanh ra, mỗi ngày phải ăn, phải uống, phải hít thở không khí. Thiếu những chuyện ấy, sẽ chẳng thể duy trì thân thể. Những thứ từ bên ngoài hấp thụ vào, sau khi hấp thụ vào, lại còn phải bài tiết ra: Ngoài đại tiện và tiểu tiện, thân thể còn phải chảy mồ hôi v.v... Những thứ ấy đều là những sự bài tiết ra ngoài. Thân thể chúng ta luôn hấp thụ vật chất nơi ngoại cảnh, lại còn phải luôn bài tiết ra ngoài, thay cũ, đổi mới, cái nào là ta? Chén nước này, trước khi uống cạn, có quan hệ gì với thân thể của chúng ta? Sau khi đã uống, nó biến thành một bộ phận của thân thể, thuận theo sự tiểu tiện lại bị loại khỏi thân. Thân thể ấy có phải là Ngã hay không? Kẻ bình phàm đều coi thân thể này là ta. Phật pháp nói [quan niệm coi thân thể là ta chính là] Thân Kiến, Ngã Chấp. Chấp trước mãnh liệt nhất; càng chấp trước, càng chẳng thể thoát ly sanh tử. Do vậy, đức Phật dạy “vô ngã”.

Nếu nói đến chân lý, chúng ta chẳng liễu giải hiện tượng, chấp trước cái thân thể hư giả và vọng tâm (chỉ tám thức và các tâm sở) là ta. Nếu chúng ta phân tích nó, sẽ chẳng có một vật nào là chân ngã. Do vậy, gọi là “vô ngã”. Ất phải thừa nhận vô ngã! Khi chẳng chấp trước giả ngã, mới có thể minh tâm kiến tánh, mới có thể hiển thị chân ngã. Vì thế, trong lúc ấy, A Di Đà Phật phải diễn nói đạo lý vô ngã đối với người vãng sanh.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Sau khi đã nói Khô, Không, Vô Thường, Vô Ngã xong. Tiếp đó, liền “*tán thán xuất gia*”, [tức là] tán thán người vãng sanh xuất gia. Trong chuyện “*tu hành chư giới*” ở phần trước, còn có giới xuất gia, tức các giới sa-di, giới sa-di-ni, giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni, những giới ấy đều là giới xuất gia. Còn có hàng tại gia cũng được kể gộp trong ấy. Người tại gia trì Bát Quan Trai Giới một ngày. Bát Quan Trai Giới chính là giới xuất gia. Trong Ngũ Giới có giới “chẳng tà dâm”, nhưng “dâm” trong Bát Quan Trai Giới sẽ chẳng phải là “không tà dâm”. Tuy là tại gia, hễ trì Bát Quan Trai Giới thì là xuất gia, vợ chồng chẳng thể ở chung phòng! Trong ngày hôm ấy, sống cuộc đời xuất gia. Người tại gia trì Bát Quan Trai Giới, quan trọng nhất là phải liễu giải: Cái gọi là “gia” chính là “nhà” trong quan niệm của mỗi người. Mọi người đều có “nhà”. Trong quan niệm, tuy là người tại gia, có gia đình, nhưng tâm phải xuất gia, tâm phải thời thời khắc khắc thoát lìa lục đạo. Muốn thoát lìa lục đạo mà không xuất gia thì làm sao được? “*Gia*” là một loại thiên luân, tức là mối quan hệ giữa người cùng một nhà, có đủ mọi chuyện ràng buộc. Tuy mang tâm lý tại gia, trong tâm chẳng bị những thứ ấy ràng buộc, cũng coi như là xuất gia. Vì thế, [đức Phật] tán thán xuất gia. Công phu tu hành tốt đẹp, bất luận tại gia hay xuất gia, chỉ cần tâm chẳng bị vướng mắc bởi gia đình, sẽ là xuất gia. Do vậy, A Di Đà Phật tán thán: Có thể xuất gia, bèn “*đắc ly chúng khổ*” (được lìa các khổ). “*Chúng khổ*” chính là tám khổ được nói trong Phật pháp. Quan trọng nhất trong tám nỗi khổ chính là sanh tử đại khổ. Hễ vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ vĩnh viễn lìa khỏi sanh tử đại khổ trong thế gian, hết thấy các nỗi khổ to lớn đều tránh khỏi.

Đoạn này nói về duyên, trong phần sau, sẽ chánh thức nói về sự vãng sanh.

Tập 44

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn trang hai mươi sáu, bắt đầu từ dòng thứ ba ở cuối trang. Tôi đọc trước kinh văn một lượt.

(Kinh) Hành giả kiến dĩ, tâm đại hoan hỷ, tự kiến kỹ thân, tọa liên hoa đài, trường quy, hiệp chuông, vị Phật tác lễ. Vị cử đầu khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới, liên hoa tâm khai.

(經)行者見已，心大歡喜。自見己身，坐蓮華臺，長跪合掌，為佛作禮。未舉頭頃，即得往生極樂世界，蓮華尋開。

(Kinh: Hành giả đã thấy rồi, tâm đại hoan hỷ, tự thấy thân mình ngồi trên đài hoa sen, quỳ thẳng, chấp tay, kính lễ đức Phật. Trong khi chưa ngẩng đầu lên, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc, hoa sen mới nở).

Trong phần kinh văn dạy về Trung Phẩm Thượng Sanh, trước hết, nói về cái nhân vãng sanh, kể đến, nói về cái duyên vãng sanh, đã giảng trong lần trước. Hôm nay, trong đoạn này, chính là nói tới tình hình vãng sanh. Chúng ta nhớ lại đôi chút về nhân duyên vãng sanh: Cái nhân của Trung Phẩm Thượng Sanh chủ yếu là có thể thọ trì Ngũ Giới và các giới, lấy trì giới làm chủ yếu. Đồng thời, chẳng tạo Ngũ Nghịch, chẳng có những lỗi lầm, sai trái khác. Như vậy thì đương nhiên là có thiện căn. Dem những thiện căn ấy luôn luôn hồi hướng, dùng những thiện căn ấy để hồi hướng phát nguyện: Trong tương lai, khi thọ mạng chấm dứt, sẽ có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Đây là nguyên nhân chủ yếu. Do cái nhân tốt đẹp, tu trì hết sức tốt đẹp, cho nên tới khi lâm chung, A Di Đà Phật và các vị tỳ-kheo liền đến nghênh tiếp người ấy. Đó là nói về duyên. Phải đặc biệt chú ý: Đây là do tu pháp Tiểu Thừa. Chúng ta thường nói “*Tiểu Thừa chẳng thể vãng sanh*”. Pháp môn Tịnh Độ là Đại Thừa Phật pháp, vì sao Tiểu Thừa có thể vãng sanh? Tình huống này là do người ấy vốn học Đại Thừa, về sau, do vì gặp rất nhiều chướng ngại, ngã lòng, lại tu Tiểu Thừa. Một tình huống khác nữa, vốn là tu Tiểu Thừa, về sau, hồi Tiểu hướng Đại. Hai loại tình huống này, đến cuối cùng, khi sắp mạng chung, đều là hồi Tiểu hướng Đại, cho nên có thể vãng sanh. Nếu thuần túy tu Tiểu Thừa, đến cuối cùng chẳng phát tâm Đại Thừa, sẽ chẳng thể vãng sanh. Hãy ghi nhớ mấy điểm quan trọng này! Hôm nay, chúng ta xem tình hình vãng sanh được nói trong đoạn này.

“*Hành giả kiến dĩ, tâm đại hoan hỷ*”: Chữ “*hành giả*” chỉ người tu hành hồi hướng, phát nguyện mong vãng sanh, suốt một đời luôn hy vọng có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta biết pháp môn Tịnh Độ khác pháp môn bình thường ở chỗ nào? Chủ yếu nhất là lúc thường nhật phải có hai chữ trong tâm:

1) Một là Yếm (厭), tức là nhàm lìa, chán ngán thế giới Sa Bà. Hãy ngẫm xem, trong cuộc sống thường nhật nơi thế giới Sa Bà, chúng ta hứng chịu đủ mọi nỗi phiền não, đau khổ, gần như cảm giác đã chai lì! Nếu chúng ta vốn chẳng phải là như vậy, hoàn cảnh đang sống là thanh tịnh, đột nhiên đến sống trong hoàn cảnh này, đơn giản là chỉ một ngày cũng chẳng thể chờ đợi được! Trong thế gian này, hoàn cảnh tự nhiên, hoàn cảnh nhân loại xã hội, nhất là tâm lý của những kẻ bình phàm, chính là tâm lý xấu hèn của phàm phu chúng sanh, đâu đâu chúng ta cũng đều cảm nhận nỗi đau khổ ấy. Vì thế, phải nhàm lìa. Trong thế gian, sanh tử là trọng yếu nhất. Sanh vào nhân gian, trong lúc còn sống, tuy đau khổ, có người vẫn mong mỗi sống lâu hơn một chút. Thậm chí hy vọng đời kế tiếp lại sanh làm người trong nhân gian. Đây là mê hoặc, điên đảo. Suốt một đời này đã chịu đựng thống khổ, đời kế tiếp lại hứng chịu đau khổ. Đối với xã hội này, nếu quý vị biết nhân quả, hiện thời chẳng tốt đẹp, trong tương lai sẽ càng tệ hơn hiện thời. Đó là chuyện nhất định! Nếu lại trải qua bao nhiêu năm, tái sanh vào nhân gian, chỉ sợ ngay cả pháp môn Tịnh Độ thuần túy cũng rất khó được nghe, mong liễu sanh tử càng khó hơn nữa! Huống hồ đời này chẳng thể vãng sanh, đời sau có thể sanh trong nhân gian hay không, sẽ là một vấn đề rất lớn! Suy nghĩ những vấn đề này, ắt sẽ chán ghét thế gian này!

2) Kế đó là Hân (欣), tức vui thích, mong mỏi. Vui thích những gì? Vừa nghe hoàn cảnh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp như vậy, Phật, đại Bồ Tát, đều là chư thượng thiện nhân, tụ hội một chỗ, trọn chẳng giống như trong thế gian, chúng sanh phàm phu đấu đá lẫn nhau, chẳng hợp ý kiến, hãm hại lẫn nhau! Trong thế giới Cực Lạc, chẳng có hiện tượng ấy. Hễ có cái tâm ấy, sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì thế, hễ nghĩ đến hoàn cảnh và nhân sự nơi đó, đúng là quá tốt đẹp. Có mối quan hệ này, chúng ta nhất tâm hy vọng, khẩn cầu, vui thích. Nắm chắc chữ Hân này, Hân là hoan hỷ.

Bình thường, chúng ta một là Yếm, hai là Hân. Hai chữ Hân và Yếm chính là pháp môn Hân Yếm, hợp lại thành Nguyện. Nguyện lực hết sức trọng yếu. Bình thường, do phát nguyện như vậy, chán nhàm và vui thích như vậy, “*hành giả kiến dĩ*”, [nghĩa là] hành giả trông thấy A Di Đà Phật và các vị tỳ-kheo, quyến thuộc vây quanh, đến tán thán người ấy, tiếp đón người ấy. Sau khi trông thấy, “*tâm đại hoan hỷ*”. Bình thường, chúng ta phát nguyện, chán nhàm, vui ưa, nhưng vẫn chưa đạt được mục đích; khi ấy, hành giả trông thấy Phật đến, ngay lập tức có

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thê vãng sanh, chẳng phải là sự hoan hỷ tầm thường, mà là đại hoan hỷ! “*Tự kiến kỳ thân, tọa liên hoa đài*” (Tự thấy thân mình ngồi trên đài hoa sen). Kẻ bình phàm đến khi lâm chung, trong tâm khủng hoảng như thế ấy, rốt cuộc sẽ đi về đâu? Người ấy có biết hay chẳng? Trong thế gian, làm đại hoàng đế, hoặc làm tổng thống của một quốc gia lớn nhất trên toàn thế giới, quyền uy hơn bất cứ người nào, đến khi thọ mạng chấm dứt, sẽ là thống khổ? Hay là vui sướng? Hành giả, tức người vãng sanh, trong lúc ấy, tâm sanh đại hoan hỷ, “*tự kiến kỳ thân*”, [tức là] thấy thân thể của chính mình, “*tọa liên hoa đài*”, ngự trên đài hoa sen. Đài hoa sen do đức Phật đem tới. “*Trường quy, hiệp chưởng*”: Hương về đức Phật hành lễ, quỳ thẳng, chấp tay. “*Vị Phật tác lễ*”: Lễ Phật.

“*Vị cử đầu khoảnh*”: Khi lễ Phật, khi đã lạy xuống, trước khi còn chưa ngẩng đầu lên, “*tức đắc vãng sanh thế giới Cực Lạc*”. Ngay trong khi còn đang cúi đầu, chưa ngẩng lên, đã vãng sanh thế giới Cực Lạc. Trước kia, khi chúng ta nghiên cứu kinh A Di Đà, kinh văn chép: “*Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ*”, [nghĩa là] từ thế giới Sa Bà đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải đi qua mười vạn ức cõi Phật xa xôi ngàn ấy! Nhưng khi vãng sanh, sẽ dễ dàng như thế đó, lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao mau chóng ngàn ấy? Chúng ta phải nghiên cứu đôi chút.

Trong bộ Di Đà Yếu Giải, tổ sư Ngẫu Ích đã chú giải rất minh bạch. Chúng ta học pháp môn Tịnh Độ, quan trọng nhất là ba chữ “*Tín, Nguyện, Hạnh*”, tức ba tư lương. Yếu tố của Tín là tín Sự, tín Lý:

1) Tín Sự là tin ngoài mười vạn ức cõi Phật, đích xác là có thế giới Cực Lạc. Trọn chẳng như kẻ bình phàm đã nói: “*Địa cầu thật sự tồn tại. Ngoài địa cầu sẽ chẳng thật sự tồn tại*”. Đấy thuần túy là tri kiến phàm phu. Có tri kiến ấy, bất luận là học vấn to đến đâu đi nữa, đều là tri kiến phàm phu, chẳng liễu giải mà! Chúng ta tin Sự, tin lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật: Ngoài mười vạn ức cõi Phật, xác thực là có thế giới Cực Lạc.

2) Kế đó là “*tín Lý*”. Lý là “*mỗi cá nhân chúng ta, cho đến mỗi chúng sanh, đều có Chân Như bản tánh*”. Bản tánh to cỡ nào? Bản tánh chứa đựng hết thảy. Ở ngoài mười vạn ức cõi Phật kể từ thế giới Sa Bà, có thế giới Cực Lạc, còn có vô cùng vô tận thế giới, đều ở trong bản tánh của chúng ta. Chúng ta phải tin tưởng lý này.

Đã hiểu rõ Lý này, phối hợp Lý với Sự. Khi chúng ta lâm chung, sẽ là cái tâm vãng sanh. “*Tự thấy thân mình*” chính là tâm lý trông thấy thân thể của chính mình. Người khác thấy người nào đó [khi vãng sanh],

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thân chẳng động đây, giống như đã chết! Chẳng động đây là do người khác thấy vậy, cảnh giới bất đồng. Người vãng sanh đến lúc vãng sanh, cảnh giới chẳng giống kẻ bình phàm. Lúc đó, người ấy nhất tâm bất loạn, hoan hỷ, ở trong Định, ngồi trên đài hoa sen. Kẻ khác thấy dường như người ấy đã tắt hơi, giống như đã chết, nhưng người vãng sanh há có chuyện ấy! Tắt hơi là gì? Hơi thở trong thế gian là giả tướng, hít vào thở ra là giả tướng. Nói đến chỗ chân thật, đều là những thứ phập phều, chẳng chân thật. Hội quy vào đại định, khi nhập Diệt Tận Định, hơi thở mỏng manh gần như chẳng nhìn thấy! Vì thế, khi người ấy ở trong Định, tự thấy thân thể của chính mình ngồi trên đài hoa sen, ngay cả lễ Phật, còn chưa lễ xong, đã đến thế giới Cực Lạc. Đây là đại cảnh giới Lý Sự viên dung hiển hiện, cho nên mới có thể vãng sanh. Người thường tâm lý loạn cào cào, làm sao có thể vãng sanh cho được?

Bình thường, phải luyện tập tâm lý ấy. Luyện tập trong lúc bình thường như thế nào? Bình thường, chúng ta ở trong thế gian, đâu cảnh giới tốt đẹp cũng thế, mà cảnh giới chẳng tốt đẹp cũng thế, đều coi nó là pháp sanh diệt đang sanh sanh diệt diệt, chẳng cần quan tâm tới nó. Cảnh giới tốt, mời quý vị làm đại tổng thống, tâm quý vị chẳng dao động. Cảnh giới chẳng tốt, thậm chí quý vị thứ gì cũng đều chẳng có, hết thảy các nỗi thống khổ đều xảy đến, quý vị cũng chẳng coi là có chuyện gì, đều chịu đựng được! Nếu bình thường luôn luyện tập như vậy, tâm mới có thể định. Đến khi lâm chung, mới có công phu ấy, mới có thể nước chảy thành giòng!

Khi ấy, sanh về thế giới Cực Lạc, ngồi trên đài hoa sen. Hễ đến nơi, “*liên hoa tâm khai*”, hoa sen vốn là khép lại, sanh về thế giới Cực Lạc, hoa sen nở ngay lập tức. Vì sao hoa nở mau ngàn ấy? Tổ sư chú giải: Thọ trì giới luật, tu hành các giới rất nghiêm, tốt đẹp lắm! Cho nên sau khi vãng sanh, hoa sen sẽ nở rất nhanh. Trên đây là nói về tình huống khi vãng sanh; tình huống sau khi vãng sanh sẽ là như thế nào?

(Kinh) Đương hoa phu thời, văn chúng âm thanh, tán thán Tứ Đế. Ứng thời, tức đắc A La Hán đạo, tam minh, lục thông, cụ bát giải thoát.

(經)當華敷時，聞眾音聲，讚歎四諦。應時即得阿羅漢道，三明六通，具八解脫。

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

(**Kinh:** Ngay khi hoa nở, nghe các âm thanh tán thán Tứ Đế. Ngay lập tức liền đắc đạo A La Hán, tam minh, lục thông, đủ tám món giải thoát).

Đoạn này là nói về các lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh. Sau khi hoa sen vừa nở, “đương hoa phu thời”, “phu” (敷) là nở, [“đương hoa phu thời” nghĩa là] trong khi hoa sen nở, người vãng sanh “văn chúng âm thanh”, nghe các loại âm thanh nói những lời gì? “Tán thán Tứ Đế”. Những âm thanh ấy đều đang tán thán pháp Tứ Đế. Nói pháp Tứ Đế, dựa theo tông Thiên Thai, căn cứ theo bốn giáo để phân tích, bèn có Tạng, Thông, Biệt, Viên cảnh giới đều khác nhau. Tạng, Thông, Biệt, Viên đều tu pháp Tứ Đế. Kinh văn trong phần trước có nói đến chuyện hồi tiêu hướng đại, nhưng công phu trong thường nhật là công phu Tiểu Thừa. Vì vậy, pháp Tứ Đế ứng hợp với pháp môn Tiểu Thừa do người ấy đã tu trong thế giới Sa Bà trước khi vãng sanh, nhân quả tương xứng. Ở đây là tán thán Tứ Đế của Nhị Thừa.

Pháp Tứ Đế của Nhị Thừa, nói thuận tụy theo Tiểu Thừa, sẽ là tu Sanh Diệt Tứ Đế. Bích Chi Phật thuộc Trung Thừa, sẽ là Vô Sanh Tứ Đế. Nói theo bốn giáo, cảnh giới Sanh Diệt Tứ Đế và Vô Sanh Tứ Đế cũng không coi là cao. Dầu không cao, nhưng chúng ta bình thường phát nguyện tu pháp môn Đại Thừa, ắt cần phải thật sự liễu sanh tử vãng sanh. Ất phải vun quén nền móng Sanh Diệt Tứ Đế thì mới có thể nương cậy. Sanh Diệt Tứ Đế là gì? Khổ, Tập, Diệt, Đạo, danh từ của Tứ Đế [trong bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên đều là như nhau].

Khổ Đế có ba khổ, tám khổ v.v... Tập là gì? Khổ do đâu mà có? Từ Tập mà có. Nay chúng ta hứng chịu đủ mọi nỗi khổ, chớ nên oán trời hờn người! Đều là do trong quá khứ chính mình đã tạo đủ mọi tội nghiệp, mới chuốc lấy đủ mọi khổ quả! Khổ là quả, Tập là nhân. Đây là hai thứ chân lý trong thế gian. Nếu quý vị nhầm chán thế gian này chẳng tốt đẹp, có sanh và tử là chẳng tốt đẹp! Có chỗ tốt là bất sanh, bất diệt, thành tựu thánh nhân, thành tựu Phật. Đó là gì? Diệt là chuyển cái nhân đau khổ và cái quả đau khổ sanh sanh diệt diệt trong thế gian, mọi thứ đều diệt sạch, sẽ đắc cảnh giới đại an lạc. Đây là quả. Làm thế nào để đạt đến cái quả ấy? Đạo, tức tu đạo, ắt phải tu đạo. Đây là cái nhân xuất thế gian. Diệt và Đạo là nhân và quả xuất thế gian. Đây là Tứ Đế. Vô Sanh Tứ Đế, chúng ta thật sự chẳng hiểu, chẳng cần phải nói tới. Trên thế gian, hễ chúng ta bị một chút khổ, bèn cảm thấy rất khổ. Vô Sanh Tứ Đế là bất cứ nỗi khổ

nào giáng xuống thân đều chẳng thấy khổ, chẳng có gì là khổ! Hiện thời, ai có được công phu ấy? Chuyện này vẫn là cảnh giới của bậc Trung Thừa Bích Chi Phật.

Trước mắt, chúng ta chú trọng Sanh Diệt Tứ Đế. Diệt và Đạo là pháp xuất thế gian. Chúng ta đều biết tu pháp xuất thế gian. Muốn tu pháp xuất thế gian, ắt phải thật sự liễu giải pháp thế gian. Nếu chẳng liễu giải pháp thế gian, chẳng có cách nào tu pháp xuất thế gian. Chúng ta có thừa nhận Khổ trong pháp thế gian hay không? Chúng ta phải giác ngộ Khổ. Toàn thể Phật pháp nói tóm lại là phải giác ngộ. Chúng ta đối với Khổ chẳng chịu giác ngộ, cũng chẳng biết phải giác ngộ. Bao nhiêu kẻ coi khổ là lạc. Trên thế gian, cậy vào một tí thông minh vặt vãnh, tận lực làm chuyện tôn người, lợi mình, dùng đủ mọi phương pháp hạ thấp người khác, nâng cao mình lên. Dùng đủ mọi phương pháp để đoạt lấy tiền bạc và quyền lực của người khác, cứ ngỡ chính mình là có trí huệ, rất thông minh. Kẻ đó chẳng biết trong chớp mắt, tiếp theo đó sẽ là đại khổ báo xảy đến, kẻ ấy đâu có hiểu! Chẳng giác ngộ tí nào! Coi khổ là lạc. Do vậy, đây là pháp sanh diệt.

Đối với Khổ Đế của pháp Sanh Diệt, ắt phải giác ngộ. Phải giác ngộ như thế nào? Bất luận kẻ nào tiền tài nhiều đến mấy, địa vị cao tới mấy đi nữa, nói theo toàn thể, chẳng qua là trong một cái khay ngón tay ngán ngủi, tạm bợ sẽ tiêu mất, vạn pháp đều là như thế đó. Ở bên sông, Không phu tử trông thấy nước chảy, bèn cảm thán: “*Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ*” (Qua đi như thế đó, ngày đêm chẳng ngừng). “*Thệ giả*” (逝者) là nói tới vạn vật trong thiên địa vũ trụ (kể cả nhân sinh), giống như nước. Có thể khiến cho dòng sông ngừng chảy ư? Chẳng làm được! Bất cứ chuyện gì trong thế gian cũng đều như giòng nước chảy chẳng ngừng. Đây là một tướng. Bao nhiêu người liều mạng tranh đoạt, hễ chưa tới tay, bèn nghĩ trọn hết các phương pháp để tranh đoạt. Sau khi đã đoạt được, chẳng có một khắc thời gian nào có thể nắm chặt, nó sẽ ngay lập tức biến mất. Đó là khổ hay lạc? Chẳng hiểu đạo lý này, tức là chẳng hiểu rõ Khổ Đế. Kẻ chẳng hiểu rõ Khổ Đế, quý vị dạy kẻ ấy tu đạo, dầu rất thông thuộc Tam Tạng mười hai bộ, nhưng nếu chẳng liễu giải Khổ Đế, thấy đều là vô dụng. Thậm chí biến Phật pháp thành pháp thế gian, trộm cắp, buôn bán Phật pháp. Vì vậy, trước hết, phải liễu giải Khổ và Tập trong Sanh Diệt Tứ Đế. Khổ do đâu mà có? Từ các ác nghiệp do chính mình đã tạo mà chiêu cảm. Tất cả phàm phu đều chẳng hiểu cho dù học Phật. Chúng ta đừng nghĩ: Học pháp Đại Thừa, sẽ chẳng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cần phải nói tới [Tứ Đế]! Không nói tới, sẽ không được đâu nhé! Ất phải thông thiết đồ công đốc sức [hòng liễu giải Tứ Đế] thì mới có thể thật thà niệm Phật. Đối với Khổ và Tập trong pháp thế gian mà chẳng thể thật sự nhận thức, thật sự thấy thấu suốt, chúng ta sẽ chẳng thể thật thà niệm Phật. Hiện thời, chẳng thể thật thà niệm Phật, tương lai sẽ chẳng thể vãng sanh, nhân quả tương xứng mà! Vì vậy, những loại Tứ Đế khác chẳng cần phải nói, vì chúng ta thật thà niệm Phật. Hãy đồ công đốc sức ở ngay Sanh Diệt Tứ Đế!

Kinh văn chép: “*Văn chúng âm thanh, tán thán Tứ Đế*” (Nghe các âm thanh, khen ngợi Tứ Đế), “*tán thán*” (讚歎) là nói tới người vãng sanh, khi chưa vãng sanh, [người ấy] đã tu tập Sanh Diệt Tứ Đế rất khá. Hoàn toàn chiếu theo những điều đã nói trên đây để tu tập, đã thấy thấu suốt pháp thế gian, và cũng buông xuống. Sau đây, nhất tâm tu đạo, tu pháp môn Tịnh Độ, phát nguyện cầu sanh, công phu mới thực tiến, tới lúc đó, mới có thể vãng sanh. Khi hoa nở thấy Phật, có nhiều thứ âm thanh là để tán thán sự thành tựu của người ấy. Tán thán khi ấy chẳng nhằm khuyên người ấy tu Tứ Đế. Người ấy đã tu [Tứ Đế] từ lâu, tu đạt được kết quả tốt đẹp như vậy. Do đó, thốt lời tán thán.

“*Ứng thời tức đắc A La Hán đạo*”: “*Ứng thời*” (應時) là ngay trong lúc ấy. Khi nghe các âm thanh tán thán Tứ Đế, sẽ ngay lập tức rất nhanh chóng đắc đạo A La Hán. “*A La Hán đạo*” là chứng quả thứ tư, tức quả A La Hán. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là pháp môn Đại Thừa, [vì sao] người ấy chứng quả La Hán? Tuy là pháp môn Đại Thừa, nhưng vốn tu tập hạnh Tiểu Thừa, cho nên trước hết sẽ đắc đạo A La Hán. A La Hán đạo là Vô Sanh, tức là diệt trừ sự sanh diệt của hết thảy các pháp, đạt được Vô Sanh thật sự. Pháp này còn gọi là Vô Trước, [nghĩa là] đối với hết thảy các giả pháp, đều không chấp trước. Thật sự đạt được A La Hán đạo! A La Hán đạo là giai đoạn ắt phải trải qua để liễu sanh tử. Chúng ta tu pháp Đại Thừa hòng liễu sanh tử; để liễu sanh tử, vẫn phải đoạn Kiến Tư Hoặc. Chứng đắc A La Hán đạo bèn đoạn hết sạch toàn thể Kiến Tư Hoặc. Đối với pháp môn Đại Thừa, để liễu sanh tử, ắt cũng phải trải qua giai đoạn này, người ấy đã đắc A La Hán đạo!

Đắc A La Hán đạo, sẽ đắc “*tam minh, lục thông*”. Xin hãy xem biểu đồ bài giảng.

IV.2.2.16.2. Tam Minh

1) Túc Mạng Minh (宿命明): Biết quá khứ gọi là Túc Mạng. Chúng ta biết tình hình trong một đời này mà thôi. Trước đời này là “*tiền sanh*” (đời trước), trước tiền sanh còn có tiền sanh nữa, chúng ta chẳng biết. Đắc Túc Mạng Minh sẽ có thể hiểu rõ tình huống của sanh mạng trong đời quá khứ.

2) Thiên Nhãn Minh (天眼明): Đối với chuyện vị lai, mắt người ấy thấy rất rõ ràng. Thấy rất rõ ràng hoàn cảnh và sanh mạng trong vị lai sẽ là như thế nào, đều có thể liễu giải.

3) Lộ Tận Minh (漏盡明): “*Lộ*” (漏) chỉ hữu lậu pháp, “*tận*” (盡) là chấm dứt. Lộ Tận là pháp hữu lậu chẳng còn. Lộ Tận Minh cũng là đắc pháp vô lậu, ý nói về những chuyện trong hiện tiền. Đối với chuyện trong hiện thời chúng ta chẳng thấy rõ. Những sự việc đang xảy ra tại trong nước và ngoài nước đều là chuyện trên địa cầu. Chuyện ở ngoài địa cầu, chúng ta càng chẳng liễu giải. Chuyện trên địa cầu chúng ta liễu giải bao nhiêu? Chẳng biết! Vì sao không biết? Chúng ta đều dùng cái tâm hữu lậu để nhìn, nhìn kiểu nào cũng chẳng thấy rõ. Dẫu TV phát ra tin tức, báo chí cũng đăng tải mọi chuyện, chúng ta trông thấy mà chẳng hiểu rõ, chẳng nắm được chân tướng sự thật, trong ấy bao gồm rất nhiều vấn đề: Do thành kiến chủ quan của chính mình; đối với sự thật khách quan, còn có những lời nói của kẻ khác chẳng hợp sự thật. Khá nhiều vấn đề chúng ta đều chẳng liễu giải, ắt phải đạt được vô lậu, sau khi vô lậu thì mới triệt để hiểu rõ. Nói cách khác, tất cả phiền não đều đoạn sạch sành sanh thì mới đắc vô lậu, gọi là Lộ Tận Minh. Sau khi đắc vô lậu, chuyện thế gian đều thấy rõ ràng. Thấy rõ ràng chuyện thế gian thì sẽ dễ thực hiện. Thấy bất cứ chuyện gì cũng đều chẳng có phiền não, thật sự chẳng có phiền não!

Lục thông: Túc Mạng, Thiên Nhãn, Lộ Tận là ba thứ thần thông. Lại còn Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông và Thần Túc Thông. Thần Túc Thông là đối với trên hư không, dưới nước và mặt đất, đều phi hành tự tại. Muốn tới nơi nào, bèn có thể vận dụng thần thông, lập tức đến nơi. Kẻ bình phàm chúng ta muốn đến nước Mỹ, phải ngồi máy bay. Có Thần Túc Thông sẽ chẳng cần ngồi máy bay, ngay lập tức đến nơi. Tha Tâm Thông là trong tâm người khác dấy lên tâm niệm gì, người ấy đều biết. Thiên Nhĩ Thông là âm thanh ở rất xa đều nghe rõ ràng! Những thần thông này gọi chung là Lục Thông.

Minh và Thông trong “*tam minh, lục thông*” có gì khác nhau? Trước khi đắc tam minh, có thể đắc lục thông. “*Thông*” (通) là thông đạt,

“*minh*” (明) là hiểu rõ triệt để. Lấy Túc Mạng Minh và Túc Mạng Thông để nói, sẽ khác nhau. Túc Mạng Thông là biết đời nào trong quá khứ thuộc về đường nào, còn [người đắc] Túc Mạng Minh không chỉ liễu giải điều này, mà người ấy còn liễu giải đã tạo những nghiệp nào, các thứ tình huống đều liễu giải toàn bộ. Minh so với Thông càng liễu giải nhiều hơn, phạm vi càng rộng hơn. Thiên Nhân Minh và Thiên Nhân Thông, Lộ Tận Minh và Lộ Tận Thông cũng là như vậy. So với Thông, Minh càng mở rộng hơn!

Đắc Minh, đắc Thông đương nhiên là rất tốt, nhưng chúng ta tu đạo chẳng cần chú trọng điều này, niệm Phật là được rồi. Niệm Phật đến thế giới Cực Lạc, tự nhiên đắc tam minh, lục thông. Nếu chẳng chú trọng niệm Phật, mà mong cầu thần thông, cầu Minh, những chuyện ấy sẽ chẳng thể làm được. Vì sao? Cái tâm mong cầu Thông và chuyện tu đạo chẳng tương hợp, vì Thông do từ đại định, từ công phu định lực mà đắc. Chẳng có công phu định lực, lấy đâu ra Thông? Giống như soi bóng trong nước, nước ắt phải “định” thì mới có thể phát sanh tác dụng chiếu. Nếu nước chẳng định, lay động, chiếu kiêu nào cũng chẳng hiện bóng! Nếu cái tâm của bọn chúng sanh chúng ta chẳng định, chỉ mong cầu Thông, cái tâm cầu Thông rồi nui, cứ ngỡ [chính mình] cao hơn kẻ khác một bậc, ngỡ mình vượt trội người khác, mong biểu hiện giữa mọi người, chính mình có thần thông. Hễ có động cơ ấy, sẽ cách xa tu đạo, tu Định, chẳng biết đã trái nghịch bao nhiêu, bao xa! Chúng ta phải liễu giải điều này, hãy nhất tâm tu đạo, hãy khéo thật thà niệm Phật. Hễ công phu đã đạt, sẽ tự nhiên có [Thông và Minh].

“*Cụ bát giải thoát*”: Bát giải thoát còn gọi là “*bát bối xả*”. “*Bối*” (背) là trái nghịch, “*xả*” (捨) là vứt bỏ. Vì phạm gì? Vứt bỏ điều gì? Đối với các giả pháp sanh diệt trong thế gian, bao gồm những vọng tâm trong nội tâm chúng ta, đều phải tương phản, trừ bỏ. Đó là “*ngịch trần, hợp giác*”. Đối với các thứ tình huống trong trần gian, đều phải tương phản, chẳng hòa hợp với chúng, phải hòa hợp cùng giác và Phật pháp, nên gọi là “*bát bối xả*”. Bát bối xả là công phu tu trì nơi nhân địa, tu đến mức thành công bèn gọi là “*bát giải thoát*”. Có tám điều nào vậy? (*xin xem biểu đồ bài giảng*).

IV.2.2.16.2. Bát giải thoát

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

1) Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc: Khi tu pháp này, phải phá sắc tướng (sắc pháp). Đối với người tu đạo, phá trừ Thân Kiến hết sức trọng yếu! Bất luận kẻ nào cũng đều coi thân thể là ngã, coi nó như chính mình, coi thân thể của chính mình quý báu hơn bất cứ điều gì, thân thể này tốt đẹp hơn bất cứ điều gì. Chẳng được rồi! Không thể thoát ly sanh tử. Dùng công phu này, trước hết là phải đối với nội hữu, quán sát chính mình, quán tướng sắc thân của chính mình. Đừng nghĩ là trẻ tuổi, từ da dẻ bề ngoài, đầu tóc đen mun, da dẻ tươi nhuận, hết thấy đều rất đẹp đẽ, nhưng chẳng lâu dài, tới khi tuổi già sẽ biết: “Nhớ lại từ lúc tuổi trẻ cho đến hiện thời, dường như mới ngày hôm qua!” Chẳng cảm thấy thời gian đã trôi qua bao nhiêu, màu sắc nơi thân thể của chính mình đẹp đẽ dường ấy, chẳng gìn giữ được. Già cả vẫn chưa thấm vào đâu, sau khi già nua lại còn phải chết! Sau khi đã chết, chẳng được mấy hôm, thân thể đã hư nát. Chẳng lâu sau, biến thành một đống xương trắng. Cổ nhân có Bạch Cốt Quán: Tuy thân thể hiện thời có thể hoạt động, chính mình thấy là một đống xương trắng toát. Hành phép quán tướng này, sẽ chẳng chấp trước thân thể, chẳng coi nó như bảo bối. Tiến hơn nữa, thấy thân thể của người khác cũng chẳng tham luyến. Thấy thân thể của người khác cũng là giả tướng. Vì thế, để quán ngoại sắc, trước hết phải quán nội sắc, sau đây mới quán ngoại sắc. Ất phải vận dụng công phu như vậy!

2) Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc: Trong phần trước là nội hữu sắc tướng, dùng Bạch Cốt Quán. Quán đến một mức độ [nhất định], xương trắng tỏa sáng, có quang minh tám màu. Lại sợ [hành nhân] sẽ chấp trước quang minh; vì thế, học đạo chẳng dễ dàng. Về sau, cũng phải bỏ sạch điều này. Hết thấy đều chẳng có thì gọi là “*nội vô sắc tướng*”. Quán tướng chính mình thứ gì cũng đều chẳng có, sau đây mới quán ngoại sắc. Sau khi đã quán nội vô sắc tới mức độ sạch sành sanh, [nhận thấy] chúng sanh vẫn chẳng thể liễu sanh tử. Điều nặng nhất của chúng sanh là tham ái, [hay nói cách khác là do có] cái tâm tham cầu. Tuy thân thể đã chẳng có, nhưng vọng tâm hãy còn. Hễ có vọng tâm tồn tại, đối với ngoại cảnh vẫn tham cầu. Vì thế, vẫn phải quán ngoại sắc. Lại tiếp tục quán ngoại sắc, quán mãi cho đến khi ngoại sắc chẳng còn mới thôi. Vì thế, điều này là nội vô sắc tướng quán ngoại sắc. Trong giai đoạn này, khi quán ngoại sắc, phải đoạn trừ cái tâm tham cầu và phiền não. Sau khi hoàn thành giai đoạn này, sẽ tiến nhập giai đoạn thứ ba.

3) Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ: Tịnh giải thoát (淨解脫) là gì? Trong phần trước là “*nội quán sắc*”, tức là quán nội thân của

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chính mình. Quán chính mình là một đồng xương trắng. Xương trắng dần dần tỏa ra ánh sáng. Quang minh thì vẫn chưa phải là tốt, dần dần chuyển biến thành thanh tịnh quang. Quán toàn bộ tám thứ bạch quang trở thành thanh tịnh. Khi ấy, thân thể sẽ chẳng bị ràng buộc tí nào, tâm lý được giải thoát, thân tâm hoàn toàn đạt đến tự tại, thân thể an ổn, tâm lý an lạc, đó là “*thân tác chứng*” (thân làm chứng). “*Chứng*” là bản thân hoàn toàn chứng đắc cảnh giới quán tưởng. “*Cụ túc trụ*” (具足住) là cảnh giới được quán đã hoàn toàn đầy đủ!

Ba công phu trên đây đã đạt được rồi, sẽ ở trong giới nào? Ở trong Sắc Giới Thiên, nhập công phu Thiên Định. Tiến hơn bước nữa là Không Vô Biên Xứ. Từ Sắc Giới Thiên, lại tiến nhập công phu Thiên Định càng sâu hơn. Sắc Giới Thiên còn có hình sắc, lên cao hơn một tầng nữa là Vô Sắc Giới Thiên. Tầng thứ nhất trong [Vô Sắc Giới Thiên] là Không Vô Biên Xứ, rỗng rang chẳng có ngăn mé, gọi là Không Vô Biên Xứ Định. Nhập đại định này, hết thấy bờ mé đều chẳng có, Định sâu hơn Sắc Giới Thiên. Tiến thêm một tầng nữa, bỏ qua Không Vô Biên Xứ Định, lại nhập Thức Vô Biên Xứ Định. Sau khi nhập Thức Vô Biên Xứ Định, lại tiến thêm bước nữa là đạt tới Vô Sở Hữu Xứ Định, là tầng Không Thiên thứ ba. Cuối cùng, đạt đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định, là cao nhất, cũng là tầng Không Thiên thứ tư. Từ Không Vô Biên Xứ Định cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định chính là bốn loại Thiên Định lớn trong Vô Sắc Giới.

Điều cuối cùng, Diệt Thọ Tướng Định thân tác chứng cụ trụ. Người tu Tiểu Thừa đã vượt khỏi tam giới, chứng quả thứ ba, gọi là quả Bất Hoàn, trụ trong Bất Hoàn Thiên. Vì muốn tạm thời nghỉ ngơi, bèn nhập Diệt Tận Định, gọi là Diệt Thọ Tướng. Thọ (受) là nhận. Bất cứ chuyện gì trong thế gian chúng ta đều tiếp nhận. Hễ tiếp nhận bèn có tướng, [tức là] trong tâm có tư tưởng. Những thứ ấy đều là chuyện phiền não, trong tâm bị tạp loạn. Hễ trong tâm tạp loạn, sẽ là chuyện hết sức khổ sở. Bậc thánh nhân từ Tam Quả trở lên chán ghét những thứ ấy, cho nên Diệt, tức là khiến cho nó ngưng dứt, chẳng để cho nó dấy lên tác dụng. Nhập Định ấy gọi là Diệt Tận Định. Sau khi nhập Diệt Tận Định, kẻ bình phàm chúng ta có hô hấp, người ấy (người nhập Diệt Tận Định) cũng có hô hấp. Khi người ấy nhập đại định, phàm nhân chúng ta gần như chẳng nhìn thấy người ấy có hô hấp, vì tế đến mức tốt cùng vi tế, trong tâm an tĩnh định trong ấy. Đó là một loại cảnh giới hương thụ nhất. Đây là môn giải thoát thứ tám.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Diệt Thọ Tướng Định khác với Vô Tướng Định của ngoại đạo. Tu Vô Tướng Định thành công, sẽ sanh lên Vô Tướng Thiên, [ngoại đạo] ngỡ là rất ráo nhất, [tướng là] đã chứng quả rất ráo. Thật ra, hãy còn quá sớm! Thánh nhân Tam Quả biết điều này chẳng phải là rất ráo, nghỉ ngơi ở nơi đó mà thôi. Hai đẳng khác nhau!

Bát giải thoát là do tu Bát Bối Xả mà đắc Thiên Định, đến cuối cùng, thành công đắc bát giải thoát. Phải biết: Bát giải thoát chẳng phải là tu thành trong thế giới Sa Bà trước khi vãng sanh, mà là sau khi vãng sanh. Nghe các âm thanh tán thán Tứ Đế, sau đây, đắc đạo A La Hán, đắc tam minh, lục thông. Sau đây, đắc bát giải thoát. Sau khi chúng ta liễu giải phần kinh văn này, điều quan trọng nhất là cầu vãng sanh. Sau khi vãng sanh, đừng nói là bát giải thoát, chúng ta có thể đạt được cảnh giới đại Bồ Tát rất nhanh! Hiện thời, chúng ta không cần học [tam minh, lục thông, bát giải thoát]. Chẳng phải là [những điều ấy] không tốt, mà là do danh từ khó hiểu, công phu tu tập khó khăn lắm! Vì vậy, chúng ta cầu vãng sanh là điều quan trọng nhất. Kế đó là một câu:

(Kinh) Thị danh Trung Phẩm Thượng Sanh giả.

(經)是名中品上生者。

(Kinh: Đó gọi là Trung Phẩm Thượng Sanh).

Phần trên đã nói rành mạch, cuối cùng là lời kết luận, đó gọi là người vãng sanh Trung Phẩm Thượng Sanh.

Tập 45

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn trang thứ hai mươi sáu, bắt đầu từ hàng thứ bảy, tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Trung Phẩm Trung Sanh giả: Nhược hữu chúng sanh, nhược nhất nhật nhất dạ trì Bát Giới Trai, nhược nhất nhật nhất dạ trì Sa-di giới, nhược nhất nhật nhất dạ trì Cụ Túc Giới, oai nghi vô khuyết. Dĩ thử công đức, hồi hướng nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc, giới hương huân tu.

(經)中品中生者：若有眾生，若一日一夜持八戒齋，若一日一夜持沙彌戒，若一日一夜持具足戒，威儀無缺。以此功德，迴向願求生極樂國。戒香熏修。

(Kinh: Trung Phẩm Trung Sanh là nếu có chúng sanh, hoặc một ngày một đêm trì Bát Quan Trai Giới, hoặc một ngày một đêm trì Sa Di Giới, hoặc một ngày một đêm trì Cụ Túc Giới, chẳng khuyết oai nghi. Dùng công đức này hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc, giới hương huân tu).

Lần trước đã nói về Trung Phẩm Thượng Sanh, lần này nói về Trung Phẩm Trung Sanh. Bát luận nói đến phẩm nào, đều phải đặc biệt chú ý cái nhân để vãng sanh. Thượng Phẩm Thượng Sanh có cái nhân của Thượng Phẩm Thượng Sanh, cho đến Trung Phẩm Thượng Sanh có cái nhân của Trung Phẩm Thượng Sanh. Đã có cái nhân ấy, sau đây, gặp duyên gì thì mới có thể thành tựu vãng sanh khéo phù hợp với kết quả của phẩm ấy, tức là nhân quả tương xứng. Câu đầu tiên trong phần kinh văn vừa mới niệm, “*Trung Phẩm Trung Sanh giả*” nêu bày danh xưng của phẩm này. Kế đó, đoạn kinh văn bắt đầu từ câu thứ hai cho đến “*giới hương huân tu*” nói về cái nhân của Trung Phẩm Trung Sanh.

Trung Phẩm Trung Sanh phải đầy đủ những điều kiện nào? Tiếp đó, dựa theo kinh văn đề nói về cái nhân vãng sanh. “*Nhược hữu chúng sanh, nhược nhất nhật nhất dạ trì Bát Giới Trai*”: Nếu có những chúng sanh tu hành có thể thọ trì Bát Quan Trai Giới một ngày một đêm. Bát Giới Trai chính là Bát Quan Trai Giới. Trong phần trước đã có giải thích: Thọ trì Bát Quan Trai Giới là thọ từng lần một, kỳ hạn thọ trì là một ngày một đêm. Ví như sáng sớm hôm nay thọ, trì đến sáng sớm ngày mai bèn coi là viên mãn. Nếu muốn thọ nữa, phải thọ giới lần nữa. Thọ trì trong một ngày một đêm như vậy, công đức hết sức to lớn! Vì thọ trì thuần túy là giới xuất gia. Người tại gia thọ Bát Quan Trai Giới, trong ngày hôm ấy, từ sáng sớm cho đến tối, thấy đều dựa theo giới điều để làm đúng như vậy. Chẳng hạn như người tại gia thọ Ngũ Giới cũng thế, mà thọ Bồ Tát giới cũng thế, lấy Ngũ Giới làm cơ bản. Trong Ngũ Giới, đối với người tại gia, “*không dâm*” là cấm tà dâm, nhưng thọ Bát Quan Trai Giới bèn tuyệt đối cấm dâm (kể cả quan hệ vợ chồng bình thường). Do vậy, thọ Bát Quan Trai Giới một ngày một đêm sẽ giống như suốt cả ngày hôm ấy, thuần túy trì giới luật của hàng xuất gia tu hành.

“*Nhược nhất nhật nhất dạ trì Sa Di Giới*”: Cũng là một ngày một đêm trì giới Sa Di. Giới Sa Di là giới xuất gia. Thọ giới Sa Di là còn chưa thọ giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo là Cụ Túc Giới. Xuất gia thì trước hết là thọ giới Sa Di, giới điều khá ít. Có tất cả mười điều, phải gìn giữ mười điều giới luật, gọi là Sa Di Giới. Kinh văn nói “*Sa Di Giới*” chính là [giới luật] thọ trì bởi nam chúng xuất gia; nữ chúng xuất gia thọ Sa Di Ni Giới. Ở đây nói “*Sa Di Giới*” tức là đã bao gồm Sa Di Ni Giới. Mười điều giới [của giới Sa Di] là tám giới [trong Bát Quan Trai Giới] kể thêm hai điều nữa thành mười giới. Thêm vào hai điều nào? Điều thứ nhất, Sa Di xuất gia thì trong tay chẳng thể có tiền bạc, của cải. Tổ sư đã dựa theo kinh văn mà chú giải: Nói tới “*vàng bạc*” trong câu “*không giữ vàng, bạc*” chính là nói tới tiền tài, có nghĩa là: Xuất gia làm Sa Di, sau khi đã thọ giới Sa Di, theo học với vị thầy xuất gia, hết thấy [mọi thứ cần dùng] trong cuộc sống đều dựa vào vị thầy thế độ chăm sóc, toàn tâm theo học với Ngài, chính mình chẳng cần giữ tiền bạc, tài vật. Đó là điều thứ nhất. Lại còn phải trì ngọ. “*Trì ngọ*” là mỗi ngày sau khi giữa trưa, sẽ chẳng thể ăn thứ gì nữa. “*Trì ngọ giới*” là quá giữa trưa sẽ chẳng ăn. Trong giới tỳ-kheo cũng là như thế. Đã xuất gia làm Sa Di, thọ Sa Di Giới sẽ trì giới “*quá giữa trưa không ăn!*” Hai điều này cộng với tám giới trong phần trước, sẽ thành mười giới Sa Di.

“*Nhược nhất nhật nhất dạ trì Cụ Túc Giới, oai nghi vô khuyết*” (Nếu một ngày một đêm trì Cụ Túc Giới, chẳng khuyết oai nghi): Cụ Túc Giới là sau khi đã thọ giới Sa Di, qua một thời gian, trì giới rất khá, sẽ thọ giới tỳ-kheo. Nam chúng là giới tỳ-kheo, đối với nữ chúng là tỳ-kheo-ni giới. Nói Cụ Túc nghĩa là tất cả các giới điều đều đầy đủ, cho nên gọi là Cụ Túc Giới. Dùng giới tỳ-kheo để nói, giới điều có hai trăm năm mươi điều. Giới tỳ-kheo-ni nhiều hơn, nói thông thường là ba trăm bốn mươi tám điều. Có bản chú giải nói là năm trăm điều. Năm trăm điều là nói theo số chung (tính tròn); nếu liệt kê từng điều, bất quá là ba trăm bốn mươi tám điều mà thôi. Tăng chúng xuất gia ngoài Cụ Túc Giới ra, còn phải oai nghi chẳng khuyết. Oai nghi còn vi tế hơn giới điều. “*Oai*” (威) là oai đức, “*nghi*” (儀) là nghi biểu (dáng vẻ biểu hiện đúng mực, hợp lễ, có thể làm gương mẫu cho người khác). Tăng chúng xuất gia sau khi thọ Cụ Túc Giới, còn phải dưỡng thành oai đức, đối với phương diện nghi biểu, chỗ nào cũng đều làm khuôn mẫu cho chúng sanh, chớ nên khiếm khuyết, gọi là “*oai nghi vô khuyết*”. Oai nghi bao gồm bốn oai nghi, ba ngàn oai nghi, hoặc tám vạn oai nghi, danh xưng

chẳng ít! Ba ngàn oai nghi hoàn toàn chẳng phải là ba ngàn điều. Trong pháp số, có người kê ra ba ngàn điều, nhưng có vị tổ sư chẳng chủ trương tính toán như vậy! Ngài cho rằng “ba ngàn” là nói tổng quát nhằm hình dung số nhiều mà thôi! Tám vạn oai nghi là gọi tắt của “*bát vạn tứ thiên oai nghi*”. Tám vạn bốn ngàn oai nghi cũng nhằm hình dung oai nghi phải chú ý hết sức nhiều mà thôi! Nho gia trong văn hóa Trung Hoa cũng nói đến lễ, sách Trung Dung có câu: “*Lễ nghi tam bách, oai nghi tam thiên*” (Lễ nghi ba trăm, oai nghi ba ngàn). Có nghĩa là: Người tu đạo ngoài việc tuân thủ những giới luật cơ bản ra, ngôn ngữ, hành vi xét theo phương diện vi tế đều phải khéo chú ý. Nói thông thường, bốn oai nghi là gì? Là bốn thứ hành vi được biểu hiện ra. Bất luận người nào khi có hành động thì là Hành, có Trụ tức khi đứng ở chỗ nào đó, hoặc là giữ cho thân thể ở một nơi chón nhất định chẳng có hành động. Đó là Trụ. Lại còn có Tọa, tức là khi ngồi, ngồi ở nơi nào cũng đều ngồi đúng quy củ. Lại còn có Ngọa là khi ngủ nghỉ. Nói thông thường là “*hành, trụ, tọa, ngọa*”, đi bèn có oai nghi của đi, đứng bèn có oai nghi của đứng, ngồi bèn có oai nghi của ngồi, ngủ nghỉ có oai nghi trong ngủ nghỉ, cho nên gọi là “*bốn thứ oai nghi*”.

Nói đến bốn oai nghi, không chỉ người đã thọ Cụ Túc Giới phải chú trọng, mà người tại gia bình phàm tu đạo cũng đều phải chú trọng. Tôi vừa mới nói Nho gia cũng nói “*ba ngàn oai nghi*”. Điều này, ngoài việc gìn giữ oai đức nghi biểu của người tu đạo ra, còn giữ cho sắc thân của người tu đạo khỏe mạnh, rất quan trọng! Nói đến chuyện ngồi, các bác sĩ hiện thời cũng thường nói vì sao xương sống người già thường mọc gai, chèn ép dây thần kinh, gây ra đau nhức. Đây là vì suốt một thời gian dài chẳng chú ý, tư thế ngồi không đúng. Lúc trẻ, chẳng cảm thấy gì; tới lúc già cả, bệnh tật lộ ra. Nói đến oai nghi thì thời cổ chẳng có ghé dựa, hiện thời có ghé dựa. Chớ nên ngồi ngựa ra, ngồi xa khỏi lưng ghé, lưng dựa vào đằng sau, phần giữa lưng bị lơ lửng, gây nên tổn hại rất lớn đối với cột sống. Đó là một loại [oai nghi] mà thôi. Khi đi, lại còn phải chú ý. Ví như người đi đường phải chú ý, hễ vấp ngã một cái là thôi rồi! Người cao tuổi hễ vấp ngã sẽ bị gãy xương. Bình thường, dưỡng thành [thói quen] đi, đứng, nằm, ngồi tốt đẹp. Ngủ nghỉ cũng có tư thế ngủ nghỉ. Cổ nhân đối với bất luận oai nghi như Phật pháp đã dạy, hoặc oai nghi như Nho gia đã nói, chiếu theo tư thế ấy để ngủ, sẽ có thể bảo trì sự vận hành bình thường của hệ thống tiêu hóa nội tạng. Vừa phù hợp oai nghi, lại còn phù hợp phép vệ sinh về mặt sinh lý. Dưỡng thành thói quen tốt, biểu hiện sẽ tự nhiên hết sức hữu ích cho việc tu đạo. Do vậy, ở

đây đặc biệt nói là “*oai nghi vô khuyết*”. Chú ý oai nghi hết sức tốt đẹp, chẳng có bất cứ khiếm khuyết gì. Ngoài giới ra, phải thường chú ý chính mình cho nhiều. Những điều được nói trong đoạn này đều là giới luật oai nghi, đối với mỗi điều giới luật, đều nói “*nhược nhất nhật, nhất dạ*” (hoặc một ngày một đêm). Một ngày một đêm chính là kinh văn nói đến thời gian ngắn nhất. Trên thực tế, trì Sa Di Giới hoặc Cụ Túc Giới, há chỉ là một ngày một đêm ư? Kinh văn có ý nói đến tầm quan trọng của việc trì giới, dầu trì một ngày một đêm, công đức cũng rất to, huống hồ là [trì trong] một thời gian lâu dài? Hãy hiểu rõ ý nghĩa này!

“*Dĩ thử công đức, hồi hướng nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc*” (Dùng công đức này, hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc). Trì giới nhân mạnh oai nghi, công đức đạt được sẽ dùng vào đâu? Hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng dùng vào việc khác, mà nhằm phát nguyện, cầu cho khi thọ mạng chấm dứt, có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Đây cũng là một cái nhân chủ yếu để vãng sanh Tây Phương. Cái nhân của việc vãng sanh trong Trung Phẩm Trung Sanh là trì giới. Trì giới chia thành nhiều loại như vậy, bất luận loại nào, tại gia trì Bát Quan Trai Giới cũng thế, xuất gia trì Sa Di Giới, hoặc Cụ Túc Giới cũng thế, hễ trì tốt đẹp, trì thanh tịnh, thì như trong câu kế tiếp đã nói: “*Giới hương huân tu*”. Trì giới thanh tịnh, đó là công đức. Công đức ấy được sánh ví như thế nào? Dùng hương để tỷ dụ. Hương có công năng huân tu, huân tập. Dùng hương để huân tập, tâm lý cá nhân tự nhiên ngày càng thêm tiến bộ trên đường đạo. Ở đây phải chú ý, cái gọi là “*giới hương*” chính là tỷ dụ. Trong các kinh khác cũng có nói rõ: Vật chất để làm hương trong thế gian rất nhiều, như đàn hương hoặc các thứ hương liệu khác cũng thế, đều là [tỏa hương] hữu hạn. Chỉ có giới hương là chẳng có hạn chế, nó phổ biến. Giới hương tỏa ra có thể trọn khắp thế gian, chẳng giống bất cứ loại hương nào trong thế gian.

Vì sao giới hương có thể phổ biến khắp thế gian, chẳng giống các loại hương trong thế gian? Phải từ kinh văn để liễu giải chuyện này. Phật pháp thường nói “tám vạn bốn ngàn pháp môn”, [hàm ý] pháp môn rất nhiều! Phật pháp có khai, có hợp. “*Khai*” (開) là mở rộng ra từng điều một. Càng mở rộng càng triển khai càng nhiều. “*Hợp*” (合) là gộp lại, đơn giản hóa, tức là nói gộp lại. Tám vạn bốn ngàn pháp môn nói gộp lại, sẽ là ba thứ: Giới Định Huệ Tam Vô Lậu Học. Tam Vô Lậu Học gồm trọn tám vạn bốn ngàn pháp môn. Đứng đầu trong Tam Vô Lậu Học là Giới Học, tức trì giới. Trong kinh Lăng Nghiêm và các bộ đại kinh khác

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đều nói: Học Phật phải trì giới. Do Giới sanh Định, tức là do trì giới sẽ phát sanh công phu định lực. Do Định khai Huệ, tức là sau khi đã công phu định lực thì trí huệ mới có thể mở mang. Chẳng có công phu định lực, lấy đâu ra trí huệ? Một người trong tâm rối tung beng, chẳng có Định, lấy đâu ra trí huệ? Ba thứ học vấn Giới Định Huệ khác với học vấn thông thường trong thế gian. Bất cứ loại học vấn nào trong thế gian cũng đều là hữu lậu, chẳng rốt ráo, nhưng ba thứ học vấn này là học vấn rốt ráo, đều nhằm dạy chúng ta tu hành thành Phật. Chúng là học vấn vô lậu. Học vấn vô lậu bao gồm tám vạn bốn ngàn pháp môn, mà trong ba loại này, điều đứng thứ nhất chính là Giới Học. Trung Phẩm Trung Sanh nói đến chuyện trì giới, giới là gì? Hết thấy những chuyện chẳng hợp lý đều chớ nên làm. Chuyện tốt, việc thiện (việc đáng nên làm) thì phải làm. Có thể tu lâu dài như vậy, tự tánh của chúng sanh, tức quang minh từ công đức trong bản tánh, sẽ phát ra. Phạm phu trong thế giới Sa Bà thấy sắc, nghe tiếng, thanh, hương, vị, xúc, ngũ trần đều là pháp sanh diệt, chẳng giống như năm trần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Năm trần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới từ bản tánh hiển hiện. “Hương” là hương trần. Giới hương liên quan đến việc thọ giới, chúng ta hiển hiện hương sẵn có từ trong tâm tánh. Vì thế, hương ấy vượt trội bất cứ loại hương nào trong thế gian. Nó có thể phổ biến các nơi, nghe trọn khắp hết thấy các giới hương. Hương ấy do trì giới mà có. Vì thế, nói đến chuyện “huân tu”: Do chúng ta giữ giới trong một thời gian dài, sẽ có thể phát huy hương này. Dùng loại hương ấy để huân tập chính mình, thì gọi là “huân tu” (熏修).

Do huân tu các thứ giới lâu ngày, cái nhân để vãng sanh liền đầy đủ. Lại xem đoạn kinh văn thứ hai dưới đây:

(Kinh) Như thử hành giả, mạng dục chung thời, kiến A Di Đà Phật, dữ chư quyến thuộc, phóng kim sắc quang, trì thất bảo liên hoa, chí hành giả tiền. Hành giả tự vẫn không trung hữu thanh, tán ngôn: “Thiện nam tử! Như nhữ thiện nhân, tùy thuận tam thế chư Phật giáo cố, ngã lai nghênh nhữ”.

(經)如此行者，命欲終時，見阿彌陀佛，與諸眷屬，放金色光，持七寶蓮華，至行者前。行者自聞空中有聲，讚言：善男子！如汝善人，隨順三世諸佛教故，我來迎

汝。

(*Kinh*: Hành giả như thế, khi mạng sắp hết, thấy A Di Đà Phật và các quyền thuộc, phóng quang minh sắc vàng, cầm hoa sen bảy báu, đến trước hành giả. Hành giả tự nghe trong hư không có tiếng khen rằng: “Thiện nam tử! Như ông là thiện nhân, tùy thuận lời dạy của chư Phật trong ba đời, ta đến đón ông”).

Đoạn này nói khi vãng sanh, [hành giả] sẽ thấy Phật và quyền thuộc đến nghênh tiếp. Đó là cái duyên vãng sanh. “*Như thử hành giả*”: Chỉ người tu hành thọ trì các thứ giới đã được nói trong phần kinh văn trước đó. “*Mạng dục chung thời*”: Thọ mạng của ai cũng đều chẳng thể tồn tại vĩnh cửu, đều có lúc nhất định mạng chung. Khi sanh mạng sắp kết thúc, “*kiến A Di Đà Phật, dĩ chư quyền thuộc*”, thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới giáo chủ A Di Đà Phật. Ngoài đức Phật ra, còn có các quyền thuộc theo đức Phật cùng đến. “*Phóng kim sắc quang*”: Thấy đều phóng quang minh có màu vàng ròng. Quang minh vừa chiếu, hành giả khi lâm chung, trông thấy quang minh. Khi vãng sanh, nhất định sẽ chiếu rành rẽ, đồng thời A Di Đà Phật và các quyền thuộc hiện đến, “*trì thất bảo liên hoa*”: Trong tay cầm hoa sen, hoa sen ấy làm bằng bảy báu. “*Chỉ hành giả tiền*”: Đến trước người tu hành sắp mạng chung.

“*Hành giả tự vẫn không trung hữu thanh*”: Người tu hành sắp vãng sanh, khi ấy, sẽ nghe trên hư không có âm thanh. Trong hư không có âm thanh gì? “*Tán ngôn*” (Khen rằng): Âm thanh ấy là một thứ tán thán, tán thán ai? Kế đó, [kinh văn] chép: “*Thiện nam tử*”, trước hết khen ngợi người vãng sanh, gọi người ấy là “*thiện nam tử*”. Trong kinh văn chỉ nói “*thiện nam tử*”, đương nhiên là thiện nữ nhân thuộc nữ chúng tu trì niệm Phật cũng bao gồm trong ấy. “*Như nữ thiện nhân*”: Bạc thiện nhân giống như quý vị. Nói “*thiện nhân*”, tức là người ấy bình thường hoặc là thọ trì một ngày một đêm Bát Quan Trai Giới, hoặc là một ngày một đêm trì Sa Di Giới, Cụ Túc Giới v.v... những chuyện ấy đều là “*thiện nhân*”. Hễ nói đến giới, sẽ nhiều ngàn ấy. Nói đơn giản, sẽ là hai câu: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*”. “*Chư ác mạc tác*” là ngăn dứt ác, chớ nên tạo ác nghiệp. “*Chúng thiện phụng hành*” là làm những việc lành. Vì vậy, những người tuân giữ những giới trên đây đều được gọi là “*thiện nhân*”. “*Tùy thuận tam thế chư Phật giáo cổ*” (Do tùy thuận lời dạy của chư Phật trong ba đời): Có thể vâng theo, chiếu theo lời Phật dạy thì là “*tùy thuận*”. “*Tam thế*” là nói tới quá khứ,

hiện tại, và vị lai. Do lời dạy của chư Phật trong ba đời, rất nhiều chúng sanh trong vị lai sẽ thành Phật, quá khứ Phật giáo hóa chúng sanh cũng là giáo hóa như thế, hiện tại Phật cũng dạy như thế. Trong tương lai rất nhiều chúng sanh thành Phật, họ giáo hóa chúng sanh cũng vẫn như vậy. Người tu hành hoàn toàn tùy thuận sự giáo hóa của tam thế chư Phật, do có duyên ấy, “*ngã lai nghênh nhữ*”: Cho nên, ta đến nghênh tiếp ông!

Trong đoạn này, có hai điều mà chúng ta cần phải chú ý đôi chút:

1) Một là “*hành giả tự vẫn không trung hữu thanh*”: Âm thanh ấy là lời tán thán [được nêu] trong phần sau. “*Tự vẫn không trung hữu thanh*” là trong khi ấy, người tu trì đích thân nghe thấy trong hư không có âm thanh tán thán. Cũng có lẽ là người khác vẫn chưa nghe thấy, mà cũng có thể là người khác cũng nghe, chẳng nhất định! Ở đây, kinh văn ghi là “*tự vẫn*” (tự mình nghe), [hàm nghĩa] chính người vãng sanh nghe thấy. Trong danh từ Phật học, “*tự vẫn*” là “*biệt nghiệp*”, cá biệt, đặc biệt, đơn độc. Đây là do công đức tu trì tinh tấn thường nhật, chỉ có bản thân người ấy được nghe, nghiệp của người ấy là tịnh nghiệp. Do tu trì tịnh nghiệp Tịnh Độ Tông thành thực, cho nên chính mình nghe thấy trong hư không có âm thanh ấy. Người khác chẳng đạt đến cảnh giới ấy, lại cũng chẳng phải là lúc mạng chung, cho nên chẳng nghe thấy. Đây là hiểu theo mặt văn tự trong kinh văn. Nhưng trên sự thật, chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục [sẽ thấy]: Vào thời cổ, tại Trung Hoa, có rất nhiều vị cao tăng đại đức và rất nhiều vị tại gia cư sĩ khi vãng sanh, ngoại trừ người ấy đích thân nghe âm thanh, những người khác đang hiện diện cũng đều có thể nghe thấy. Có thể nghe chuyện thuộc về người khác, cảnh giới của những người ấy cũng rất tuyệt diệu! Nếu người ấy tâm lý chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng nhìn thấy, chẳng nghe thấy. Vì thế, vào thời cổ, rất nhiều người khi vãng sanh, chính mình nghe, người khác chẳng nghe, có trường hợp như vậy, mà cũng có trường hợp: Chính người ấy nghe, người khác cũng nghe. Điều này chỉ rõ: Chỉ cần tu trì đúng pháp như vậy, đến khi thọ mạng chấm dứt, nhất định là sẽ có sự cảm ứng ấy, hoặc là nghe thấy trong hư không có âm thanh, hoặc là thấy trong hư không có Phật có Bồ Tát đến nghênh tiếp. Ở đây là nói về duyên. Trước duyên phải có nhân. Bản thân chúng ta trong lúc bình thời, ắt phải nắm vững cái nhân vãng sanh, chiếu theo cái nhân ấy để nỗ lực tu trì, tới khi mạng chung thì mới có sự cảm ứng như vậy.

2) Điều thứ hai chúng ta cần phải chú ý là “*tùy thuận tam thế chư Phật giáo cổ*”. Tùy thuận sự dạy bảo của ai? Tùy thuận sự dạy bảo của chư Phật trong ba đời. Sự giáo hóa ấy là nói tới sự tương ứng giữa kinh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

văn trong phần trước và phần sau, tức là thọ trì các thứ giới. Giới đều do đức Phật chế định, mà cũng là pháp do đức Phật đã dạy. Bất luận quá khứ chư Phật, hiện tại Phật, hay vị lai chư Phật, hễ các Ngài muốn hóa độ chúng sanh, đều dạy chúng sanh phải trì giới. Bất luận vị Phật nào cũng đều là như thế. Điều quan trọng nhất của người học Phật chúng ta là tùy thuận. Dựa vào đâu để tùy thuận? Chính là tin tưởng, tin Phật, tin lời dạy của Phật, tin Phật pháp, tin tưởng Tam Vô Lậu Học như đức Phật đã dạy. Tam Vô Lậu Học là do đức Phật dạy. Tin tưởng Tam Vô Lậu Học, chiếu theo lời đức Phật đã dạy để làm, sẽ nhất định có thể đắc đạo, nhất định là có thể liễu sanh tử thành Phật. Ất phải có lòng tin ấy. Có thể tin như vậy, tự nhiên là chúng ta sẽ tùy thuận. Do vậy, đối với người học Phật chúng ta, quan trọng nhất là chính mình có thể hạ quyết tâm, mong giải quyết vấn đề sanh tử. Phải liễu sanh tử. Nếu chẳng quan tâm đến chuyện liễu sanh tử, chúng ta học Phật để làm gì? Gạt đại vấn đề sanh tử sang một bên, tức là chẳng nắm được vấn đề căn bản! Mục tiêu cuối cùng là thành Phật. Một đặng là liễu sanh tử, một đặng là thành Phật. Nếu chẳng chú trọng hai vấn đề căn bản quan trọng ấy, học Phật kiểu nào đây? Nắm chắc hai vấn đề ấy, tin tưởng chỉ có phương pháp do đức Phật đã dạy là sẽ có thể đạt tới mục tiêu ấy. Chúng ta triệt để tin Phật, tự nhiên là hết thấy đều tùy thuận sự giáo hóa của Phật. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta làm đúng như thế ấy, nhất định là sẽ có thể đạt được lợi ích. Nếu chẳng làm như vậy, ngoài mặt là học Phật, nhưng việc làm trái nghịch Phật pháp, vô dụng! Vì thế, “*tùy thuận*” bao hàm sự tín ngưỡng rất sâu đối với Phật pháp. Đã có sự tín ngưỡng như vậy, tự nhiên là hết thấy sẽ thuận theo Phật pháp để tu trì. Do vậy, người tu hành khi lâm chung cảm ứng Phật đến nghênh tiếp. Có nhân, có duyên, nhân và duyên đều chín muồi. Dưới đây là đoạn thứ ba:

(Kinh) Hành giả tự kiến tọa liên hoa thượng, liên hoa tức hợp, sanh ở Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(經)行者自見坐蓮華上，蓮華即合，生於西方極樂世界。

(Kinh: Hành giả tự thấy ngồi trên hoa sen, hoa sen bèn khép lại, sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới).

Trong đoạn trước, người vãng sanh nghe trong hư không có tiếng tán thán. Sau khi nghe xong, đức Phật nói: “*Ta đến nghênh tiếp ông*”. Đoạn này nói người vãng sanh tự mình thấy chính mình ngồi trên hoa sen bảy báu. “*Hành giả tự kiến tọa liên hoa thượng*” (Hành giả tự thấy ngồi trên hoa sen), hoa sen bảy báu là do đức Phật cảm đến. Ngồi trên hoa sen, “*liên hoa tức hợp*”, hoa sen ngay lập tức khép lại. Đã khép lại, bèn “*sanh ư Tây Phương Cực Lạc thế giới*”, do đức Phật dẫn dắt đóa sen đã khép lại ấy, ngay lập tức, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đoạn này chứng thực tình huống vãng sanh. Đối với mấy câu này, chúng ta hãy ngẫm xem: Kẻ bình phàm khi thọ mạng chấm dứt, khi chết sẽ đau khổ lắm! Vị hành giả này rất tự nhiên, chính mình bước lên hoa sen, ngồi trên hoa sen, hoa sen khép lại bèn sanh vào thế giới Cực Lạc. Do những nhân duyên trên đây đã đầy đủ, người khác thấy [hành giả] dường như đã mạng chung, nhưng chính người ấy thì hết sức tự nhiên lập tức sanh vào thế giới Cực Lạc. Đoạn dưới đây nói về những lợi ích sẽ đạt được khi sanh về thế giới Cực Lạc. Tôi đọc trước kinh văn:

(Kinh) Tại bảo trì trung, kinh ư thất nhật, liên hoa nữi phu. Hoa ký phu dĩ, khai mục, hiệp chưởng, tán thán Thế Tôn, văn pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn, kinh bán kiếp dĩ, thành A La Hán.

(經)在寶池中，經於七日，蓮華乃敷。華既敷已，開目合掌，讚歎世尊。聞法歡喜，得須陀洹。經半劫已，成阿羅漢。

(Kinh: Ở trong ao bảy báu, trải qua bảy ngày, hoa sen mới nở. Hoa đã nở rồi, mở mắt, chấp tay, tán thán Thế Tôn. Nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Trải qua nửa kiếp, thành A La Hán).

“*Tại bảo trì trung, kinh ư thất nhật, liên hoa nữi phu*” (Ở trong ao báu, trải qua bảy ngày, hoa sen mới nở). Sanh về ao sen bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; ở đó, trải qua bảy ngày, hoa sen sẽ nở. “*Hoa ký phu dĩ, khai mục, hiệp chưởng*” (Hoa đã nở, mở mắt, chấp tay): Sau khi hoa sen đã nở, người vãng sanh mở mắt, đồng thời chấp tay. “*Tán thán Thế Tôn, văn pháp hoan hỷ*”: Ở đây, chữ Thế Tôn chỉ A Di Đà Phật. [Hành nhân] liền tán thán A Di Đà Phật, đồng thời, khi tán thán A Di Đà Phật bèn nghe pháp. Trong kinh A Di Đà cũng có nói các thứ pháp, phần trước của Quán Kinh cũng nói đến chuyện nghe các loại

pháp. Ở trong thế giới Cực Lạc, nghe những pháp mầu nhiệm ấy; sau đó, tâm sanh đại hoan hỷ. Ở trong thế gian này, chúng ta nghe Phật pháp cũng phát tâm hoan hỷ, nhưng cái tâm hoan hỷ ấy vẫn chưa đạt đến mức độ thật sự hoan hỷ! Thật sự vãng sanh thế giới Cực Lạc, ở trong thế giới Cực Lạc, sau khi nghe diệu pháp, sự hoan hỷ ấy chẳng phải là sự hoan hỷ của kẻ bình phàm có thể sánh bằng! Vì sao chẳng bằng? Chúng ta đạt được sự hoan hỷ thì sau một chặp hoan hỷ, vẫn là phàm phu! Gặp phải kẻ khác vô có chửi bới chúng ta, trong tâm chúng ta vẫn bực bội. Nếu tu dưỡng chẳng tốt đẹp, người ta chửi chúng ta, chúng ta liền chửi lại kẻ đó! Hơi có đôi chút tu dưỡng, có thể cảnh giác, nhắc nhở chính mình: “Ta là kẻ tu đạo, ta là người niệm Phật, phải nhường!” Nhường là nhường nhịn bề ngoài, chứ trong tâm vẫn khó chịu, đây là phàm phu! Đã sanh về thế giới Cực Lạc, nghe pháp hoan hỷ, vừa hoan hỷ bèn “*đắc Tu Đà Hoàn*”, chứng Sơ Quả, tức Tiểu Thừa Sơ Quả, đoạn Kiến Hoặc. Một lượt đoạn trừ Kiến Hoặc thì mới chứng Sơ Quả. Hãy ngẫm xem, sự hoan hỷ ấy chẳng giống với sự hoan hỷ của chúng ta!

Tu Đà Hoàn (Srotāpanna) là phiên âm tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán: Tu (Sro) là “*vô lậu*” (vô lậu tương phản với hữu lậu. Bất cứ pháp nào trong thế gian cũng đều là pháp hữu lậu). Đà Hoàn (Tāpanna) là “*tu tập*”. Tu Đà Hoàn là tu tập vô lậu. Vị trí của từ ngữ trong tiếng ngoại quốc và tiếng Hán thường là trước sau khác biệt. Ý nghĩa theo tiếng Hán là “*tu tập sự vô lậu*”, [tức là] học Vô Lậu Học. Tu Đà Hoàn là chứng Sơ Quả, tức là tu pháp vô lậu. Đó là giải thích danh từ.

Nói đến ý nghĩa, Tu Đà Hoàn là Nhập Lưu hoặc Dự Lưu. Nhập Lưu là gì? Nhập (入) là gia nhập, gia nhập [hàng ngũ] thánh nhân, [dự vào] dòng thánh đạo. Nghịch lưu: Nghịch (逆) là tương phản, trái nghịch. Lưu (流) là dòng sanh tử. Khi chứng đắc Tiểu Thừa Sơ Quả, đã dự vào dòng thánh nhân, [đã gia nhập] thánh đạo, dần dần thoát ly sanh tử lưu chuyển, gọi là “*ngịch sanh tử lưu*” (ngược dòng sanh tử). Do có những ý nghĩa ấy, nên gọi là Tu Đà Hoàn. Trong thế giới Sa Bà, nhất là trong thời đại hiện tại, người tu đạo chúng ta thấy các hiện tượng trong thế gian, chẳng có chỗ nào không khiến cho chúng ta thoái chuyển tín tâm. Tới khi nào mới có thể đạt đến Tu Đà Hoàn? Xa xôi lắm! Người ấy sau khi vãng sanh, vừa nghe pháp bèn đắc Sơ Quả.

Sau khi đắc Sơ Quả, “*kinh bán kiếp dĩ, thành A La Hán*”: Trải qua thời gian nửa kiếp, chứng đắc A La Hán. Điều này lại khác với Trung Phẩm Thượng Sanh. Trung Phẩm Thượng Sanh là hoa sen nở

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

ngay, còn Trung Phẩm Trung Sanh là trải qua bảy ngày, hoa sen mới nở. Trung Phẩm Thượng Sanh vừa nghe pháp Tứ Đê, ngay lập tức đắc A La Hán đạo. Trung Phẩm Trung Sanh trải qua nửa kiếp mới chứng A La Hán, tức quả thứ tư của Tiểu Thừa.

Trong thế giới Cực Lạc toàn là Đại Thừa Bồ Tát, vì sao gọi là A La Hán? Vì người ấy trong đời trước đã tu giới luật Tiểu Thừa, cho nên, trước hết người ấy thành A La Hán. Hoàn toàn chẳng phải là chúng ta học pháp Đại Thừa, sẽ chẳng cần thành A La Hán! A La Hán là vì đoạn Kiến Hoặc, đoạn Tư Hoặc. Đoạn sạch Tư Hoặc thì là A La Hán. Chúng ta học Đại Thừa Phật pháp, mà nếu chẳng đoạn Tư Hoặc thì cũng không được! Bất quá học pháp Đại Thừa, trong thế gian này, chúng ta chẳng đoạn sạch Tư Hoặc, sẽ lại tiếp tục trở vào sanh tử, so với việc hành Bồ Tát đạo hơi khác. Người ấy trong thế giới Cực Lạc, trước hết là đoạn sạch Tư Hoặc, trên thực tế, người ấy đã hồi Tiểu hướng Đại, đã là Đại Thừa Bồ Tát. Bất quá, [xét theo] công phu tu hành, trước hết là đoạn Kiến Tư Hoặc, sẽ thành A La Hán.

(Kinh) Thị danh Trung Phẩm Trung Sanh giả.

(經)是名中品中生者。

(Kinh: Đó gọi là Trung Phẩm Trung Sanh).

Đây là kết luận cuối cùng, những điều trên đây nói về chuyện vãng sanh và lợi ích đạt được sau khi vãng sanh, được gọi là phẩm vị Trung Phẩm Trung Sanh. Lần sau tôi sẽ nói về Hạ Phẩm.

Tập 46

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang hai mươi bảy, bắt đầu từ hàng thứ tư. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Trung Phẩm Hạ Sanh giả, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hiếu dưỡng phụ mẫu, hành thế nhân từ.

(經)中品下生者：若有善男子、善女人，孝養父母，行世仁慈。

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

(Kinh: Trung Phẩm Hạ Sanh là nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hiếu dưỡng cha mẹ, làm những chuyện nhân từ trong thế gian).

Nay chúng ta tiếp tục nghiên cứu ba bậc chín phẩm vãng sanh. Trong những phần trước, Thượng Phẩm Thượng Sanh, Thượng Phẩm Trung Sanh, và Thượng Phẩm Hạ Sanh đều đã nói rồi. Kế đó là Trung Phẩm Thượng Sanh và Trung Phẩm Trung Sanh cũng đã nói trong lần trước. Hôm nay, tôi nói về Trung Phẩm Hạ Sanh.

Mỗi phẩm vãng sanh đều phải hội đủ nhân tố vãng sanh, [nhân tố] cũng là điều kiện. Trong đoạn kinh văn vừa mới niệm, “*hiếu dưỡng phụ mẫu, hành thế nhân từ*” chính là nhân tố chủ yếu để vãng sanh trong [phẩm vị] Trung Phẩm Hạ Sanh. Nói theo kết cấu văn tự của kinh văn, câu đầu tiên nêu bày danh xưng của Trung Phẩm Hạ Sanh, “*Trung Phẩm Hạ Sanh giả*”. Kế đó, câu thứ hai bắt đầu giải thích phẩm này, đoạn văn từ “*nhược hữu thiện nam tử*” cho đến “*hành thế nhân từ*” là giải thích nhân tố vãng sanh.

“*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” là tiếng để gọi người học Phật. “*Hiếu dưỡng phụ mẫu*”, “*hiếu*” (孝) là hiếu thuận với cha mẹ, “*dưỡng*” (養): Khi cha mẹ còn sống, cơm, áo, ăn ở, các thứ cần dùng về mặt vật chất, đều phải cung phụng cho cha mẹ. Còn đối với phương diện tâm lý, chuyện gì cũng đều phải thuận theo tâm ý của cha mẹ. Những chuyện ấy đều là “*hiếu dưỡng*”. Nói ra thì dường như chúng ta đều có thể làm được, nhưng đây chính là một phẩm đức căn bản nhất để làm người và tu đạo. Nói cách khác, chẳng làm tròn hiếu đạo, tức là làm người còn chưa hoàn toàn, chẳng đủ tư cách làm người, nói gì đến chuyện tu đạo chi nữa?

Đối với văn hóa Trung Hoa, đọc lịch sử, hoặc đọc kinh điển của Nho gia, sẽ biết: Thánh nhân và hiền nhân thời cổ đều là đại hiếu tử. Lịch sử ghi chép hai mươi bốn tấm gương hiếu hạnh. Vua Đại Thuấn là đại hiếu tử. Trong gia đình, cha, mẹ, và em trai đều đối xử tệ bạc với ông ta. Ông ta chẳng quan tâm người nhà đối xử với mình như thế nào, chính mình cứ trọn hết hiếu đạo. Sau đó, các đệ tử của Khổng Tử, những bậc đại hiền trong cửa Khổng, nổi tiếng nhất trong số đó là [các vị] Tử Lộ, Mẫn Tử Khiên, Tăng Tử, đều là những bậc đại hiếu tử hết sức nổi tiếng. Vì thế, các Ngài đều có thành tựu nơi đạo, hết sức có thành tựu!

Hiếu dưỡng phụ mẫu, bất luận là nói theo pháp thế gian của Trung Hoa (ngoại quốc cũng nói như thế), hay pháp xuất thế gian trong kinh Phật cũng đều là nói như thế. Ở trong đạo tràng của chúng ta, người thọ

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Bồ Tát giới rất nhiều. Trong giới Ưu Bà Tắc, nói theo kinh Phạm Võng, người tuân thủ giới chính là hiếu tử. Hễ phạm giới, chẳng phải là hiếu tử. Kẻ phạm giới sát sanh, giới trộm cắp v.v... đều chẳng phải là hiếu tử. Đương nhiên là ý nghĩa được nói trong kinh Phạm Võng rất sâu, chẳng phải là hiếu tử như người phàm thường nói. Sau khi đã hiểu Phật pháp, hiếu tử nói theo Phật pháp không chỉ là phải nên tận hiếu đối với cha mẹ trong một đời này, mà chúng sanh trong quá khứ đều là cha mẹ của chúng ta. Mở rộng ra, hiếu đạo có phạm vi hết sức rộng rãi. Ở đây, nói tới hiếu dưỡng phụ mẫu là nói về lòng hiếu thông thường. Vừa mở đầu, bèn nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, những người ấy đối với đạo (pháp xuất thế gian) cũng chẳng hiếu cho lắm! Quý vị bảo họ học Phật như thế nào, họ chẳng liễu giải! Nhưng họ có thể hiếu dưỡng phụ mẫu, rất tuyệt diệu!

Vì sao hiếu dưỡng phụ mẫu có thể trở thành nguyên nhân vãng sanh? Hiếu xuất phát từ bản tánh của mỗi người chúng ta. Một đại hiếu tử sẽ trọn hết hiếu đạo của chính mình, tấm lòng hiếu thảo ấy há có cần phải học hay chẳng? Chẳng cần phải học, mà là từ trong nội tâm bản tánh của người ấy tự động phát ra. Quý vị thấy lịch sử thời cổ có ghi chép: Có hiếu tử ở trên núi thấy cọp sắp ăn thịt cha hoặc mẹ, kẻ ấy liền dùng mảnh đá đánh cọp. Kết quả là cọp phải bỏ chạy. Đó là đạo lý gì vậy? Cậy vào sức của chính kẻ ấy, có thể đánh đuổi cọp hay chẳng? Khi bản tánh vừa phát ra, kẻ ấy có thể cảm hóa dã thú, nó sẽ tự nhiên tháo lui. Vì thế, nói đến chỗ rốt ráo, Hiếu xuất phát từ bản tánh. Có thể hiếu dưỡng phụ mẫu, làm một người con có hiếu, chính là một vị đại thiện nhân trong thế gian. Đó là cơ bản để tu đạo, cơ sở ở chỗ này! Chưa hề nói kẻ bất hiếu có thể thành Phật! Chẳng thể nào! Nhất định phải là hiếu tử. Do vậy, đối với nguyên nhân thứ nhất để vãng sanh, bèn liệt kê “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”.

Cái nhân thứ hai để vãng sanh là “*hành thế nhân từ*”, “*hành*” (行) là thực hành. Thực hành gì vậy? Thực hành chuyện nhân từ trên thế gian. “*Nhân*” (仁) là đối với người khác đặc biệt có tâm đồng cảm. Người khác gặp bất cứ chuyện gì đau khổ, đều luôn nghĩ cách giúp họ giải quyết. “*Từ*” (慈) chính là từ bi như nhà Phật đã nói. Đối với người khác có lòng từ bi, cũng là khiến cho người ta đạt được những điều tốt đẹp, khiến cho tâm người ta vui sướng. Nhà Phật nói hai chữ “*từ bi*”, Từ ban vui, Bi (悲) là dẹp trừ đau khổ cho người khác. “*Nhân từ*” là nói gộp chung văn hóa Trung Hoa và nhà Phật. Trong thế gian, hễ là những gì

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đem lại những điều tốt đẹp cho người khác, thấy người ta có đủ mọi vấn đề rắc rối hoặc chuyện đau khổ, đều mong nghĩ cách giúp họ giải quyết, thời thời khắc khắc mong giúp đỡ người khác. Những điều ấy đều là “*nhân từ*”.

Tổ sư chú giải: Người có thể nhân từ, tự mình có thể nhìn ra. Thấy người khác cũng thế, mà thấy chính mình cũng thế, đều thấy được. Thấy từ chỗ nào? Trước hết, ắt phải vun bồi chính mình sao cho tánh cách rất nhu hòa, tức là “*ôn hòa làm người*” như Nho gia đã nói. Chớ nên thấy bất cứ chuyện gì, cũng chẳng động lòng mảy may! “*Tánh tình nhu hòa*” là gì? Thấy bất cứ ai, cũng chẳng quản là ai, có phải là người nhà của chính mình hoặc thân nhân của chính mình hay không? Hay là người xa lạ? Chẳng cần quan tâm đến những mối quan hệ ấy, chỉ cần trông thấy người khác gặp phải các nỗi bất hạnh, trong tâm liền nảy sanh mối đồng cảm. Hễ có năng lực bèn nghĩ cách giúp người ấy giải quyết. Chẳng có năng lực thì cũng vận dụng đủ mọi sức lực để xem có thể giúp đỡ hay không. Có thể đàm phán bèn thay họ đàm phán, có thể lợi dụng quan hệ quen biết bèn tìm đến những kẻ liên hệ, giúp người ấy giải quyết khó khăn. Thậm chí, khi chẳng thể vận dụng một tí biện pháp nào, bèn giúp đỡ người ta bằng cách niệm Phật, cầu Phật, Bồ Tát hộ niệm người ấy, giúp người ấy chuyển biến nghiệp báo. Những điều này đều có thể làm được, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, cũng đều phải làm như vậy. Bất luận là ai, đều nhất loạt bình đẳng. Chúng ta đều phải dùng tâm lý ấy để đối đãi người khác, luôn luôn dưỡng thành tâm lý nhu hòa, đồng cảm, thương xót. Không chỉ là đối với người như thế, đối với những động vật khác cũng là như vậy. Đối với bất cứ động vật nào, đại động vật hay tiểu động vật, chúng ta thấy những động vật ấy chẳng có tri thức gì. Trong quá khứ, chúng nó đã từng làm người, thậm chí đã từng ngự trên cõi trời; về sau, do mê hoặc tạo nghiệp, bị đọa lạc trong súc sanh đạo, bất hạnh thay! Thế mà loài người chúng ta lại gây thêm đau khổ cho chúng, gia hại chúng! Giống như hiện thời, tại những chỗ giải trí ở các nơi, đều có cái trò xiên cá! Sao cứ phải làm như vậy? Chính mình có thời gian rảnh rồi, tản bộ ngoài thiên nhiên cũng tốt, cần gì phải xiên cá? Tạo lập sự hỷ lạc của chính mình trên nỗi đau khổ sanh tử của động vật, hết sức tàn nhẫn! Chuyện này quá trái nghịch lòng nhân từ. Đương nhiên là bản thân chúng ta chẳng thể làm những chuyện ấy, thấy người khác làm, hãy nghĩ cách khuyên lơn người ta. Đặc biệt gợi cảm lòng thương xót động vật. Thậm chí chúng ta niệm Phật, hồi hướng cho chúng. Đây đều là để dưỡng thành tâm lý nhân từ cho chính mình. Nhân từ cũng không nhất

định là cần dùng rất nhiều tài vật. Đương nhiên là có tiền thì chúng ta mới có thể làm được. Người tu đạo chúng ta chẳng có tiền, hãy trọn hết tấm lòng thì cũng có thể thực hành lòng nhân từ. Bản thân chúng ta phải thường luyện tập điều này, dưỡng thành tấm lòng thương xót, gởi gắm nỗi đồng tình vô hạn đối với động vật của chính mình. Đó là Nhân Từ!

Trung Phẩm Hạ Sanh rất đơn giản, một là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, hai là “*hành thế nhân từ*”, dựa vào hai điều kiện ấy. Nghĩa là người ấy là một thiện nam tử hoặc một thiện nữ nhân bình phàm, chẳng có những điều kiện khác, nhưng người ấy tuyệt vời lắm! Dưới đây là nói về duyên:

(Kinh) Thử nhân mạng dục chung thời, ngộ thiện tri thức, vị kỳ quảng thuyết A Di Đà Phật quốc độ lạc sự, diệc thuyết Pháp Tạng tỳ-kheo tứ thập bát nguyện.

(經)此人命欲終時，遇善知識，為其廣說阿彌陀佛國土樂事，亦說法藏比丘四十八願。

(Kinh: Người ấy khi sắp mạng chung, gặp thiện tri thức, vì người ấy rộng nói những chuyện vui sướng trong cõi nước của A Di Đà Phật, cũng nói bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng).

Thiện nhân bình phàm ấy có thể hiếu dưỡng phụ mẫu, làm những chuyện nhân từ, bình thường đều làm như thế. Nhà Phật nói đến nhân quả, nhân quả chẳng sai sót mảy may! Quý vị thấy trước đó đã có nhân, “*thử nhân mạng dục chung thời*”, [nghĩa là] khi người ấy thọ mạng sắp hết. Kinh văn dạy: “*Ngộ thiện tri thức*” (Gặp thiện tri thức), chuyện này chẳng dễ dàng! Một kẻ bình phàm mà gặp được thiện tri thức chẳng dễ đâu nhé! Người bình phàm, bất luận là học hành trong nhà trường cũng thế, hoặc làm việc trong xã hội cũng thế, mong gặp thiện tri thức đều chẳng dễ dàng! Chẳng cần nói tới các nơi khác trên thế giới, cứ nói ngay tại Trung Hoa. Hiện thời, ở Đài Loan, người học Phật rất nhiều, nhưng so sánh, [sẽ thấy] người chẳng tiếp xúc Phật pháp vẫn đông hơn người học Phật, chứng tỏ: Người chẳng gặp gỡ thiện tri thức rất nhiều! Lúc bình thường, rất khó gặp gỡ thiện tri thức. Tới khi lâm chung, lại càng khó khăn hơn! Khi ấy, người đó gặp thiện tri thức.

Trong trường hợp ấy, đương nhiên vị thiện tri thức chẳng phải là thiện tri thức bình phàm, mà là người học Phật, hiểu biết Phật pháp. Lại còn chẳng phải là học Phật pháp bình phàm. Nếu gặp kẻ học pháp môn

bình phàm, họ sẽ bảo quý vị: “Quý vị sắp mạng chung, hãy ngay lập tức nhập Định để học công phu định lực”. Người sắp chết há còn có thể có công phu định lực nổi ư? Há có thể làm được ư? Pháp môn thông thường đương nhiên là không được rồi! Thông thường, người tu hành đã lâu, chẳng đoạn Hoặc, đến khi mạng chung đều khó làm (giữ vững tinh thần để nhập định), huống hồ người chẳng học Phật! Đến khi lâm chung, gặp kẻ học pháp môn bình thường, sẽ chẳng có tác dụng to lớn. Vì đâu biết Phật pháp nhiều đến mấy, công phu tốt đẹp cỡ nào đi nữa, đối với người sắp chết, quý vị bảo người ấy dụng công, người ấy cũng chẳng có cách nào cả, chẳng dùng sức được! [Nếu như] vị thiện tri thức ấy là thiện tri thức Tịnh Độ Tông, hiểu pháp môn Tịnh Độ, rất khó có! Nếu chẳng gặp thiện tri thức bên Tịnh Độ Tông, há người ấy (vị thiện tri thức ấy) có thể vì người sắp mạng chung giảng “*A Di Đà Phật quốc độ lạc sự*” (những chuyện vui sướng trong cõi nước của A Di Đà Phật) hay chẳng? Chẳng thể nào! Từ phần kinh văn kế tiếp, có thể xác định vị ấy là thiện tri thức thuộc Tịnh Độ Tông.

Bất luận pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, đều nói tới “*nhân, duyên, quả*”. Trước đã có nhân, nay mới có duyên. Có thể nói “gặp thiện duyên chẳng dễ dàng”! Vị thiện tri thức ấy liền “*vị kỳ (thiện nam tử, thiện nữ nhân) quảng thuyết A Di Đà Phật quốc độ lạc sự*”, [nghĩa là] sẽ vì người sắp mạng chung nói về các thứ vui sướng trong cõi nước Tây Phương Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật. Vừa mở đầu, kinh A Di Đà bèn nói: “*Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*”, [nghĩa là] chẳng có hết thảy các nỗi đau khổ, đều thuần túy là lạc sự. Vị thiện tri thức ấy giảng từng điều vui sướng cho người [sắp chết] ấy, khiến cho người ấy phát tâm hoan hỷ. Đương nhiên là nói [những điều ấy] cũng chẳng dễ dàng đâu nhé! Tuy kinh văn nói là “*quảng thuyết*” (rộng nói), nhưng đã là thiện tri thức, đương nhiên là sẽ thấy căn khí của người ấy (người sắp mạng chung) rất rõ ràng, [cho nên, sẽ chọn lựa những điều thích đáng để nói khiến cho] người ấy đều có thể nghe lọt tai từng câu một. Vì thế, có thể nêu bày các sự vui sướng trong cõi nước [Cực Lạc]. Chẳng phải là thiện tri thức, mà là kẻ bình phàm giảng giải, sẽ rất khó khăn. Đó là điều thứ nhất.

Kinh văn dạy như thế, chúng ta đều phải hành Bồ Tát đạo. Hễ gặp người sanh bệnh, khi người ấy lâm chung, chúng ta hãy tận hết sức nắm vững cơ duyên. Nhất là khi người ấy sắp mạng chung, hãy khuyên người ấy học Phật, niệm Phật. Đó là lúc tốt nhất, đừng bỏ lỡ! Đối với người thọ mạng sắp chấm dứt, đương nhiên là khó gặp gỡ, chúng ta là người hành

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Bồ Tát đạo, cũng phải nắm vững cơ duyên này. Đó là hành vi của bậc Bồ Tát. Thành tựu một người vãng sanh, công đức to lớn ngàn ấy! Thành tựu một người vãng sanh giống như thành tựu một chúng sanh thành Phật rất nhanh chóng! Chuyện này so với bất cứ điều thiện nào trong thế gian cũng đều to hơn! Do mối quan hệ này, chúng ta phải nghiên cứu kỹ càng những chuyện vui sướng trong cõi nước của A Di Đà Phật. Ba kinh Tịnh Độ đều nói về những chuyện vui sướng trong thế giới Cực Lạc; lúc bình thường, chúng ta đều phải rất thông thuộc [những chuyện vui sướng ấy], đều có thể ghi nhớ, để khi gặp người sắp mạng chung, chúng ta sẽ có cơ hội nói với họ. Nếu lúc bình thường, người ấy là một người có thiện căn, quý vị vừa nói với người ấy, người ấy hoàn toàn nghe lọt tai, quý vị sẽ kết duyên khôn sánh cùng người ấy, thành tựu người ấy, giúp cho người ấy vãng sanh. Vì vậy, lúc thường nhật, chúng ta phải nghiên cứu kinh điển Tịnh Độ Tông cho nhiều.

Kể đó là “*diệc thuyết Pháp Tạng tỳ-kheo tứ thập bát nguyện*” (cũng nói bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng). Tỳ-kheo Pháp Tạng là A Di Đà Phật. Từ thuở lâu xa trước, khi Ngài phát tâm học Phật, có một vị Phật tên là Thế Tụ Tại Vương Phật. Tỳ-kheo Pháp Tạng vốn là vương tử của một quốc gia, có thể kế thừa ngôi vua, nhưng Ngài không cần, Ngài phát tâm xuất gia. Lại còn đối trước Thế Tụ Tại Vương Phật, phát ra bốn mươi tám đại nguyện, lỗi lạc bậc nhất! Trong kinh Vô Lượng Thọ, đã nói rành mạch về [nhân duyên ấy và bốn mươi tám nguyện]. Về sau, sau khi Ngài đã thành Phật (mỗi nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều viên mãn; sau đây mới thành Phật), tạo thành Tây Phương Cực Lạc thế giới như trong hiện thời. Vì thế, chúng ta muốn hiểu rõ bốn mươi tám nguyện thì xem kinh Vô Lượng Thọ là tốt nhất. Chẳng xem kinh Vô Lượng Thọ, chẳng nhớ được nhiều như vậy, thì có mấy điều sau đây chúng ta phải ghi nhớ. Vì sao?

Gặp người sắp vãng sanh, nếu người ấy còn có thể nghe rõ ràng, hãy khuyên người ấy, đó là tốt nhất. Nếu gặp kẻ bình phàm, thường có qua lại với chúng ta, đều là duyên phận. Trong xã hội, bất luận chúng ta nói chuyện với ai, cũng đều là có duyên phận. Gặp những duyên phận ấy, chúng ta xem thời cơ có thích đáng hay không, để khuyên người ấy học Phật, khuyên người ấy niệm Phật. Đó là hành vi của bậc đại Bồ Tát. Dưới đây, tôi sẽ nêu mấy điều để mọi người tham khảo.

Điều thứ nhất trong bốn mươi tám nguyện. Tỳ-kheo Pháp Tạng nói: “*Trong tương lai, khi ta thành Phật, trong cõi Phật của ta chẳng có ba ác đạo*”. Ba ác đạo là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Bất cứ thế giới nào

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

cũng đều có ba ác đạo, thế giới nào cũng đều có lục đạo luân hồi. Nhất là trong thế giới Sa Bà, tức nhân gian của chúng ta. Trong xã hội hiện tại, tâm lý của kẻ bình phàm (tội nghiệp ác nhất, nặng nề nhất). Quý vị đừng thấy họ hiện thời dường như có địa vị rất cao, ăn nói rất khéo [mà lắm], tội ác trong tâm của họ (tội nghiệp) cũng rất nặng. Vì thế, khi thọ mạng chấm dứt, chẳng vào trong tam đồ, sẽ đi về đâu? Quý vị thấy ngôn ngữ, hành vi, những lời lẽ, những chuyện họ đã làm chẳng hợp với đạo làm người. Làm người chẳng trọn vẹn; trong tương lai, chẳng vào trong tam đồ, sẽ tới chỗ nào? Hiện thời, giết cha, giết mẹ, cướp đoạt, bắt cóc đòi tiền chuộc, còn chưa đem tiền tới đã giết phăng người ta! Quý vị hãy nghĩ xem: Hạng người ấy xấu ác đến mức độ nào! Vì vậy, thế gian này càng về sau, lòng người càng xấu hèn, hiểm ác! Do đó, tam ác đạo quá phổ biến! Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện “*thế giới Cực Lạc chẳng có ba ác đạo*”. Đây là đại nguyện thứ nhất, đã thành tựu. Vì thế, quý vị thấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp ngàn nào! Căn bản là chẳng có ba ác đạo.

Điều thứ ba trong bốn mươi tám nguyện (nguyện thứ ba): “*Trong tương lai, trong cõi nước của tôi, tất cả nhân dân trong cõi tôi (bao gồm hàng đại Bồ Tát, tất cả những kẻ vãng sanh bình phàm đều được tính gộp trong ấy), thân thể đều là thân kim sắc (nhất loạt phát ra màu sắc của vàng ròng)*”. Tuyệt diệu thay! Vì sao đều phát ra màu vàng ròng? Màu vàng ròng biểu thị sự quý báu. Bản thân là của báu, bất luận học đến mức độ nào, chỉ cần đến thế giới Cực Lạc, nhân dân sống trong thế giới Cực Lạc đều là thân thể kim sắc. Nhìn lại thế gian của chúng ta, người phương Đông là da vàng, tại Âu Mỹ là da trắng. Dân bản địa của Mỹ còn có da đen, da xám, da đỏ. Do màu sắc khác nhau, giống người da trắng của Âu Tây cảm thấy chính mình ưu việt, ngỡ người da trắng Âu Tây là chủng tốt nhất. Mãi cho đến hiện thời, nước Mỹ vẫn có xung đột chủng tộc giữa dân da trắng và dân da đen. Người trong thế giới Sa Bà là như vậy, màu sắc, khu vực, lòng người mỗi mỗi đều khác biệt, biểu hiện thành các sắc thái bất đồng! Vì thế, đến thế giới Cực Lạc, hễ đến đó đều là kim sắc. Đây là điều thứ ba. Nguyện này của Ngài đều viên mãn [mọi người vãng sanh đều là thân kim sắc] y hết!

Lại nói, đối với thế gian, có rất nhiều chuyện và tình huống chúng ta chẳng liễu giải, chúng ta muốn lo liệu mọi việc tốt đẹp cũng rất khó. Chẳng hiểu rõ chân tướng, làm sao quý vị có thể hoàn thành sự việc cho được? Vấn đề lớn nhất chính là vấn đề sanh tử. Chẳng thể giải quyết vấn đề sanh tử là vì chúng ta chẳng thấy rõ ràng! Chuyện quá khứ chẳng hiểu

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

rõ, chuyện vị lai cũng chẳng hiểu rõ, thầy đều không biết. Vì sao không biết? Vì trong tâm của chúng ta chẳng có quang minh. Nếu trong tâm chúng ta toàn là quang minh, sẽ thấy bất cứ chuyện gì cũng đều chẳng có chướng ngại, sẽ thấy rõ ràng, rành rẽ, há có vấn đề sanh tử gì ư? Sở dĩ mười phương thế giới có sanh tử là vì trong tâm chúng sanh có mặt hắc ám. Có mặt quang minh và mặt hắc ám, chẳng phải thuần túy là hắc ám. Thuần túy hắc ám, sẽ chẳng thể làm người, mà sanh vào địa ngục. Vì thế, chúng ta làm người bèn có một chút quang minh, nhưng có rất nhiều thứ hắc ám. Mọi chuyện chỉ có thể thấy một chút, phần lớn là chẳng hiểu rõ. Hiện thời, có rất nhiều nhà đại học vấn, hễ nói đến nhân quả ba đời, họ liền phản đối. Kẻ phản đối nhân quả ba đời, dầu học vấn cao tới đâu đi nữa, chúng ta chiếu theo Phật pháp để xét, [sẽ thấy] trong tâm kẻ ấy là một khối lộn xộn, căn bản là đen ngòm, chẳng hiểu rõ, trong tâm chẳng tỏa ra quang minh, chẳng thấy rõ ràng. Vì thế, khi tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười hai là: *“Trong cõi nước của ta, trong tương lai, tất cả nhân dân (nhân dân từ mười phương thế giới sanh vào cõi nước ta), thầy đều là vô lượng quang minh. Không chỉ là trên thân tỏa sáng, mà còn là quang minh chẳng có hạn lượng”*. Tỏa ra quang minh chẳng có hạn lượng, có chuyện gì chẳng thấy rõ ràng? Vì thế, hễ sanh vào thế giới Cực Lạc, lập tức thoát ly lục đạo là do nhờ vào điều này. Hễ vãng sanh thế giới Cực Lạc, bản thân sẽ là toàn thân tỏa sáng; huông hồ hoàn cảnh trong thế giới Cực Lạc, cây cối cũng thế, mà hoa sen cũng thế, nước cũng thế, không chỗ nào chẳng tỏa sáng, quyết định là chẳng có tí ti tối tăm nào! Đại nguyện ấy cũng đã hoàn thành. Vì thế, A Di Đà theo nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Quang, tuyệt vời thay! Không chỉ là bản thân đức Phật là vô lượng quang, mà tất cả mọi người trong thế giới Cực Lạc cũng đều là quang minh chẳng có hạn lượng. Đại nguyện tuyệt diệu ấy cũng đã hoàn thành.

Trong nguyện thứ mười ba *“thọ mạng vô lượng”*. Người trong cõi nước của Ngài muốn sống đến bao lâu liền sống đến bấy lâu, thọ mạng chẳng có hạn lượng. Thế gian này là sanh, lão, bệnh, tử, khổ sở như thế đó! Nếu nói tới thọ mạng, một người rất thọ, giới lắm là sống tới một trăm năm! Một trăm năm là đã ghê gớm lắm rồi, nhưng một trăm năm vẫn là rất ngắn! Đem so với thế giới Cực Lạc, làm sao sánh bằng cho được? Thế giới Cực Lạc là vô lượng thọ. Vì thế, ba chữ A Di Đà được dịch sang tiếng Hán thành Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, tất cả nhân dân cũng là vô lượng thọ.

Nguyện thứ mười sáu trong bốn mươi tám nguyện là trong thế giới của Ngài, chẳng nghe thấy danh xưng của các hết thấy các tội ác. Trong thế gian, hễ nói đến “*giết, trộm, dâm, dối*”, những tội ác ấy rất nhiều. Không chỉ là nghe nói những danh xưng ấy, há có ngày nào chẳng có những chuyện ấy? Trong thế giới Sa Bà, chúng ta thấy những chuyện ấy, nghe danh xưng của các chuyện ấy. Trong thế giới Cực Lạc thì chẳng có, ngay cả danh xưng cũng đều chẳng nghe nhắc tới. Chẳng nghe thấy, sẽ có quan hệ gì? Người học Phật chúng ta phải hiểu tâm pháp: Tâm chúng ta thời thời khắc khắc bị ảnh hưởng từ bên ngoài, năng lực học tập và năng lực bắt chước của cái tâm chúng ta mạnh mẽ nhất. Hễ bên ngoài có chuyện gì tốt đẹp, tâm chúng ta sẽ giống như máy chụp hình, chụp lấy hình ảnh ấy. Thấy những chuyện giết, trộm, dâm, dối bên ngoài, “máy chụp hình” của chúng ta cũng chụp lấy, chụp xong sẽ biến thành hình ảnh của chính mình! Quý vị thấy: Chúng ta ở trong thế gian này, mỗi ngày thấy, mỗi ngày nghe, [những chuyện đó] đều quy vào tâm lý của chính mình. Chúng ta học đạo, một mặt xem kinh, mặt khác là trong tâm tiếp nhận những chuyện ấy, chúng sẽ triệt tiêu lẫn nhau. Vì thế, tu đạo trong thế gian này khó khăn dường ấy. Đã tới thế giới Cực Lạc, ngay cả danh xưng [của những chuyện xấu ác ấy] cũng đều chẳng có, chẳng nghe thấy. Đây là một đại nguyện rất tuyệt diệu. Cũng là do hoàn cảnh trong thế giới ấy đặc biệt tốt đẹp. Ở trong loại hoàn cảnh ấy, đương nhiên là thành Phật sẽ hết sức mau chóng.

Không thể nói quá nhiều. Cuối cùng, tôi lại nói một điều để tăng cường tín tâm của mọi người. Nguyện thứ ba mươi ba trong bốn mươi tám nguyện, tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát nguyện như thế này: Nếu về sau, Ngài thành Phật, chúng sanh trong mười phương thế giới đều được vô lượng quang của Ngài gia bị. Sau khi đã được quang minh của Ngài gia bị, những chúng sanh ấy đều là thân tâm nhu nhuyễn, từ thân đến tâm đều nhu hòa. “*Nhuyễn*” (軟) là một người thân và tâm đều nhu hòa, đối với người, đối với sự, đều hết sức hòa hoãn (hòa bình), trọn chẳng phát sanh tranh chấp với kẻ khác. Tranh chấp với người khác, chẳng chịu lép vế; thậm chí nổi cáu, tranh đấu cùng kẻ khác. Tuyệt đối sẽ chẳng có những chuyện ấy! Vì thế, nếu đã được Phật quang gia bị, từ thân thể cho đến tâm lý đều nhu hòa. Chúng ta chí tâm niệm một câu Phật hiệu, bèn được Phật quang gia bị nơi thân. Chúng ta có thể tin tưởng: Người niệm Phật càng niệm Phật nhiều, tâm càng nhu hòa, càng từ thiện, đối đãi hết thấy chúng sanh bằng tâm bi mẫn, nhất định là tâm từ bi. Tâm nhu

nhuyễn sanh khởi tâm từ bi, điều này rất tuyệt diệu! Dùng cái tâm ấy để học đạo, niệm Phật, sẽ nhanh chóng nhất. Điều này đương nhiên cũng là viên mãn!

Có rất nhiều chuyện chứng tỏ những nguyện ấy của đức Phật là xác thực, chẳng hư dối. Có rất nhiều vị đang hiện diện đều đã từng trợ niệm cho người khác, từng thấy rất nhiều thụy tướng. Một thụy tướng trong ấy là sau khi vãng sanh, thân thể tuy đã lạnh, nhưng vẫn mềm mại, chẳng giống kẻ học Phật thông thường sau khi đã chết, thân thể bèn cứng đờ! Toàn thân mềm mại là do được Phật quang gia bị. Thiện tri thức nói với người ấy những chuyện vui sướng trong quốc độ ấy. Bốn mươi tám nguyện chính là duyên, nhân và duyên đều thành thực. Đoạn thứ ba...

(Kinh) Văn thử sự dĩ, tầm tức mạng chung. Thí như tráng sĩ, khuất thân tỳ khoảnh, tức sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(經)聞此事已，尋即命終。譬如壯士，屈伸臂頃，即生西方極樂世界。

(Kinh: Đã nghe chuyện ấy rồi, ngay khi đó liền mạng chung. Ví như trong khoảng tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới).

“*Văn thử sự dĩ*” (Đã nghe chuyện này), người lâm chung sau khi nghe những chuyện trên đây, “*tầm tức mạng chung*” [nghĩa là] rất nhanh chóng bèn mạng chung. Mạng chung thì như thế nào? “*Thí như*” (譬如) là tỷ dụ, mạng chung bèn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới nhanh chóng như thế nào? Giống như “*tráng sĩ khuất thân tỳ khoảnh*”, “*khuất*” (屈) là co lại, “*thân*” (伸) là duỗi ra. Người bình phàm chúng ta thường là dường như co duỗi [cánh tay] rất chậm, “*tráng sĩ*” (壯士) là người đã luyện qua công phu quốc thuật⁶⁰. Quý vị còn chưa nhìn thấy rõ, [tráng sĩ] vừa duỗi tay ra, đã co tay lại ngay, rất nhanh chóng! Mau hơn người bình thường rất nhiều. Ở đây, kinh hình dung [sự vãng sanh nhanh chóng] giống như tráng sĩ, tức người có công phu, co duỗi cánh tay hết sức nhanh chóng. Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, mong manh ngàn ấy, “*tức sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới*”, lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

⁶⁰ Quốc Thuật là từ ngữ chỉ chung các loại võ thuật cổ truyền của Trung Hoa.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Trong đoạn kinh văn này, có hai điểm ý nghĩa, tuy chẳng nói rõ, nhưng tổ sư đã chú giải: Người ấy do gặp thiện tri thức khai thị, lại vì thường nhật, người ấy chỉ là một thiện nhân mà thôi, chẳng hiểu Phật pháp. Vừa nghe nói tới những chuyện vui sướng trong thế giới Cực Lạc và bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng, ngay lập tức “*phát tâm hồi hướng*”. Trong những phần trước đều có hồi hướng, [ở đây], người ấy hồi hướng. Sau khi đã phát tâm, hồi hướng, liền vãng sanh. Khi vãng sanh, sẽ cảm ứng “*A Di Đà Phật lai tiếp dẫn*” (A Di Đà Phật đến tiếp dẫn), vì trong bốn mươi tám nguyện, có một nguyện là Di Đà Phật nhất định sẽ đến tiếp dẫn vãng sanh. Căn cứ vào [sự kiện] Trung Phẩm Thượng Sanh, Trung Phẩm Trung Sanh, và Trung Phẩm Hạ Sanh đều có Phật đến tiếp dẫn, tổ sư đã chú giải điều này. Chúng tôi phải nói bổ sung rõ ràng!

Dưới đây là những lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh:

(Kinh) Kinh thất nhật dĩ, ngộ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí, văn pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn, quá nhất tiểu kiếp, thành A La Hán.

(經)經七日已，遇觀世音，及大勢至。聞法歡喜，得須陀洹。過一小劫，成阿羅漢。

(Kinh: Qua bảy ngày, gặp Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Sau một tiểu kiếp, thành A La Hán).

Đoạn này nói đến những chuyện sau khi đã vãng sanh thế giới Cực Lạc. “*Kinh thất nhật dĩ*”, sau bảy ngày, “*ngộ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí*”, gặp hai vị đại Bồ Tát ở Tây Phương. Một vị là Quán Thế Âm Bồ Tát, vị kia là Đại Thế Chí Bồ Tát. Sau khi gặp gỡ hai vị đại Bồ Tát ấy, “*văn pháp hoan hỷ*” (nghe pháp hoan hỷ), đương nhiên là nghe hai vị đại Bồ Tát thuyết pháp. Người vãng sanh được nghe diệu pháp, đương nhiên là càng thêm hoan hỷ. Sự hoan hỷ ấy đương nhiên chẳng phải là sự hoan hỷ của chúng sanh trong thế giới Sa Bà, tuyệt vời lắm! Hễ hoan hỷ, sẽ ngay lập tức chứng quả. Vì thế, người ấy nghe pháp hoan hỷ, bèn “*đắc Tu Đà Hoàn*”, tức là đắc Tiểu Thừa Sơ Quả. Sau khi đã chứng Sơ Quả, “*quá nhất tiểu kiếp*” (sau một tiểu kiếp), tiếp tục tu học, trải qua một kiếp lâu xa như vậy, sau đây “*thành A La Hán*”, [tức là] chứng quả thứ tư trong Tiểu Thừa, trở thành A La Hán. Thời gian trong

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

phẩm này lâu hơn Trung Phẩm Trung Sanh. Trung Phẩm Trung Sanh trải qua nửa tiểu kiếp, người vãng sanh trong phẩm này mất một tiểu kiếp để thành tựu A La Hán.

Ở đây, chúng ta phải chú ý: Thiện nam tử, thiện nữ nhân bình phàm hiếu dưỡng phụ mẫu, thực hành hạnh nhân từ thế gian, chỉ là thiện nhân bình phàm, chưa học Phật pháp, chưa học pháp Tiểu Thừa, có sao đến thế giới Cực Lạc bèn chứng Sơ Quả trước, sau đây chứng A La Hán? Tổ sư chú giải: Phải biết “hiếu dưỡng phụ mẫu, hành hạnh nhân từ thế gian” chính là căn bản của việc tu đạo. Nói theo chuyên học Phật, bất luận quý vị học Đại Thừa Phật pháp hay Tiểu Thừa Phật pháp, đều phải làm như thế. Chẳng phải là hiếu tử, chẳng phải là bậc nhân từ, sẽ chẳng có cách nào học đạo! Do đã hội đủ căn bản tốt đẹp, đến Tây Phương, vừa nghe Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát thuyết pháp, ngay lập tức chứng Sơ Quả. Lại còn sau một tiểu kiếp, sẽ chứng quả A La Hán. Điều này chỉ rõ: Công phu phụ trợ của người niệm Phật chúng ta hết sức quan trọng. Niệm Phật là chánh công phu, nhưng hiếu dưỡng phụ mẫu, hành hạnh nhân từ trong thế gian là trợ công phu. Chẳng có điều này, sẽ khó khăn hơn. Vì thế, nhất định phải làm điều này.

(Kinh) Thị danh Trung Phẩm Hạ Sanh giả.

(經)是名中品下生者。

(Kinh: Đó gọi là Trung Phẩm Hạ Sanh).

Đây là kết luận, tức kết luận của phần Trung Phẩm Hạ Sanh.

(Kinh) Thị danh Trung Bối sanh tưởng, danh đệ thập ngũ Quán.

(經)是名中輩生想，名第十五觀。

(Kinh: Gọi là phép quán tưởng về sự vãng sanh trong bậc Trung, gọi là phép Quán thứ mười lăm).

Trên Trung Phẩm Hạ Sanh là Trung Phẩm Thượng Sanh và Trung Phẩm Trung Sanh. Ba phẩm ấy gộp lại, gọi là “trung bối sanh tưởng”, gọi là phép Quán thứ mười lăm. Lần sau, chúng tôi sẽ nói đến phép Quán thứ mười sáu.

Tập 47

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang thứ hai mươi bảy, bắt đầu từ dòng cuối cùng. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Hạ Phẩm Thượng Sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác chúng ác nghiệp, tuy bất phỉ báng Phương Đẳng kinh điển, như thử ngu nhân, đa tạo ác pháp, vô hữu tâm quý. Mạng dục chung thời, ngộ thiện tri thức, vị thuyết Đại Thừa thập nhị bộ kinh thủ đề danh tự. Dĩ văn như thị chư kinh danh cổ, trừ khước thiên kiếp cực trọng ác nghiệp. Trí giả phục giáo hiệp chưởng xoa thủ, xưng “Nam-mô A Di Đà Phật”. Xưng Phật danh cổ, trừ ngũ thập ức kiếp sanh tử chi tội”.

(經)佛告阿難，及韋提希：下品上生者，或有眾生，作眾惡業。雖不誹謗方等經典，如此愚人，多造惡法，無有慚愧。命欲終時，遇善知識，為說大乘十二部經首題名字。以聞如是諸經名故，除卻千劫極重惡業。智者復教合掌叉手，稱南無阿彌陀佛。稱佛名故，除五十億劫生死之罪。

(Kinh: Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Hạ Phẩm Thượng Sanh là nếu có chúng sanh tạo các ác nghiệp. Tuy chẳng phỉ báng kinh điển Phương Đẳng, kẻ ngu như thế tạo nhiều ác pháp, chẳng hề hổ thẹn! Khi mạng sắp hết, gặp thiện tri thức, vì người ấy nói danh xưng tựa đề của mười hai bộ loại trong kinh Đại Thừa. Do nghe tên của các kinh, trừ được ác nghiệp hết sức nặng nề trong ngàn kiếp. Người trí lại dạy hãy chắp tay trước ngực, xưng “Nam-mô A Di Đà Phật”. Do xưng danh nên tiêu trừ tội sanh tử trong năm mươi ức kiếp”).

IV.2.2.17. Phép Quán thứ mười sáu vãng sanh Hạ Phẩm

Hôm nay, chúng ta bắt đầu xem phần kinh văn nói về Hạ Phẩm. Trong Hạ Phẩm, có Thượng, Trung, Hạ, tức ba phẩm vãng sanh thuộc bậc Hạ, chẳng giống Thượng Phẩm và Trung Phẩm trong phần trước ở

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chỗ nào? Thượng Phẩm và Trung Phẩm trong phần trước đều là những người làm lành, làm rất nhiều chuyện tốt lành. Còn người vãng sanh trong ba phẩm thuộc bậc Hạ chẳng làm việc thiện; trái lại, còn làm rất nhiều ác nghiệp. Đã làm ác nghiệp, vì sao lại có thể vãng sanh? Do vậy, chúng ta nghiên cứu kinh, nghiên cứu đến chỗ này, tất yếu phải hiểu rõ: Trong ba phần Thượng, Trung, Hạ của Hạ Phẩm, dựa theo ác nghiệp nhẹ hay nặng để phân loại. Ác nghiệp nhẹ hơn sẽ là Hạ Phẩm Thượng Sanh, ác nghiệp nặng hơn sẽ là Hạ Phẩm Trung Sanh, ác nghiệp nặng nhất sẽ là Hạ Phẩm Hạ Sanh, phân loại như thế. Đã thế, do nhân tố gì sẽ cảm ứng thiện duyên gì mà có thể nhập diệt vãng sanh? Liều giải rành rẽ những điều này, sẽ rất hữu ích cho công phu tu trì thường nhật của chúng ta. Trong các phần trước, đã nói về nhân duyên của bậc Thượng và bậc Trung, hôm nay nói về bậc Hạ. Sau khi đã nói xong ba phẩm thuộc bậc Hạ, đối với chín phẩm vãng sanh, chúng ta đều có thể liễu giải đại khái. Chúng ta phải biết lúc thường nhật hãy nên trì danh như thế nào? Tu công phu phụ trợ như thế nào? Phải hiểu rõ ràng, bình thường tu tập như thế, đến lúc [lâm chung] trong tương lai, nhất định sẽ có thành tựu!

Nay xin quý vị hãy xem kinh văn: “*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”, đức Phật bảo hai vị là tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy, bảo họ “*Hạ Phẩm Thượng Sanh giả*”, tức là người có thể đạt được Hạ Phẩm Thượng Sanh. Trước hết, nêu ra danh xưng của phẩm vị vãng sanh. Kế đó, đại đoạn thứ hai nhằm giải thích, giải thích như thế nào thì sẽ có thể đạt được Hạ Phẩm Thượng Sanh. Phần này cũng giống như trong các phần trước, trước hết, nói rõ nguyên nhân vãng sanh, phải hội đủ các điều kiện: “*Hoặc hữu chúng sanh, tác chúng ác nghiệp*”, [nghĩa là] có những chúng sanh tạo tác ác nghiệp như thế đó. “*Ác nghiệp*” là những sự nghiệp có tội ác. Gây tạo ác nghiệp không chỉ là một loại, mà có rất nhiều chủng loại, nên nói là “*chúng ác nghiệp*”. Kẻ ấy tạo rất nhiều ác nghiệp. Chúng ta biết ác nghiệp là giết, trộm, dâm, dối v.v... Người học Phật nói [những ác nghiệp ấy] là “*phạm giới luật*”. Người không học Phật, căn bản là chưa hề thọ giới, chẳng nói đến chuyện “*phạm giới*” được! Nhưng tạo những điều ác ấy thì chính là tạo ác nghiệp. Bất luận là giết chúng sanh thuộc loài người, hay giết các động vật khác, đều coi là sát nghiệp. Sát nghiệp là một ác nghiệp rất lớn. Trộm cắp ư? Trộm cắp đương nhiên cũng là ác nghiệp rất lớn. Phạm đối với những ác nghiệp đã nói trong giới luật, hễ phạm phải, sẽ đều là “*tạo chúng ác nghiệp*”. Những chúng sanh như vậy, làm các thứ ác nghiệp ấy, chủ yếu nhất là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

giết, trộm, dâm, dối, những chuyện tổn hại người khác và tổn hại chúng sanh.

“*Tuy bất phi báng Phương Đẳng kinh điển*” (Tuy chẳng phi báng kinh điển Phương Đẳng). “*Kinh điển*” là nói tới kinh điển nhà Phật. Kinh điển Phương Đẳng là danh xưng chung của kinh điển Đại Thừa. Kinh điển Phương Đẳng được nói ở đây chính là kinh điển Đại Thừa. Đối với kinh điển Đại Thừa, có những kẻ chẳng biết, bèn buông lời phi báng. Nói “*phi báng*” nghĩa là gì? Nói kinh này chẳng đúng, hoặc là đặt ra những lời đồn đại ảnh hưởng tín tâm của người học tập, đó là phi báng. Những kẻ ác ấy chẳng phi báng kinh điển Phương Đẳng. Phải biết: Tội phi báng kinh điển Phương Đẳng hết sức to lớn! Hãy ngẫm xem, chúng sanh trong thế gian sanh sanh tử tử trong lục đạo, chẳng lìa khỏi. Vì sao? Vì chẳng có trí huệ! Nếu muốn thoát ly lục đạo luân hồi, phải nương cậy Phật pháp, nương nhờ Phật pháp dạy họ tu hành như thế nào thì mới có thể lìa khỏi! Phật pháp như vậy mà quý vị phi báng, sẽ trở ngại bao nhiêu chúng sanh học tập kinh điển, cũng chính là đã trở ngại bao nhiêu người thoát ly lục đạo luân hồi. Quý vị hãy ngẫm xem, tội lỗi ấy lớn đến mức độ nào? Quá to tát! Vì thế, phạm tội phi báng kinh điển Phương Đẳng chính là tội ác to lớn cùng cực! Những chúng sanh ấy tuy tạo rất nhiều ác nghiệp, nhưng họ chẳng phi báng kinh điển Phương Đẳng. Cũng có lẽ họ chẳng hiểu Phật pháp, trí huệ và giáo dục đều chưa đạt đến trình độ ấy, họ chẳng biết, không thể do đâu mà dấy lên phi báng. Vì thế, họ chẳng phi báng.

Tuy kẻ ấy chẳng phi báng kinh điển Phương Đẳng, nhưng tiếp đó, [kinh văn] chép: “*Như thử ngu nhân*” (Kẻ ngu như thế). Người ấy vẫn bị coi là kẻ ngu, tức là kẻ ngu si, chẳng hiểu đạo lý. Có sao nói người ấy là kẻ ngu si? Vì như trên đã nói, người ấy đã tạo rất nhiều ác nghiệp. Vì thế, người ấy là kẻ ngu. Hạng người ngu như vậy “*đa tạo ác pháp*”, [nghĩa là] tạo tác rất nhiều chuyện tội ác, tức ác pháp. Ác pháp và ác nghiệp như nhau, chỉ thay đổi một tí là thay đổi một chữ, nhưng ý nghĩa như nhau, [đều có nghĩa là] tạo rất nhiều ác nghiệp. Kẻ bình phạm sau khi tạo ác nghiệp, trong tâm vẫn có đôi chút áy náy, cảm thấy xấu hổ đối với chúng sanh bị hại. Kẻ bình phạm là như vậy, nhưng kẻ ấy (kẻ ác trong Hạ Phẩm Thượng Sanh) thì sao? “*Vô hữu tâm quý*” (Chẳng hổ thẹn). Tạo rất nhiều ác pháp, vẫn chẳng có tâm lý hổ thẹn. Hai chữ Tâm và Quý có chút sai khác. Tâm (慚) là gì? Khi tạo những ác nghiệp ấy, không có ai biết, chính người ấy ở trong nhà của chính mình lập kế hoạch

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chuẩn bị tạo ác nghiệp, chẳng ai biết. Đã tạo ác nghiệp thành công, cũng chẳng có bất cứ ai biết! Văn hóa Trung Hoa cũng nói, “*nếu ở trong ốc lậu*”, “*ốc lậu*” (屋漏) là gì? Ốc lậu là chỗ sâu kín nhất trong căn nhà mình đang ở. Một kẻ đang ở chỗ tối tăm ấy, ngay cả người trong nhà cũng chẳng biết. Chỗ “*ốc lậu*” ấy là gì? Là chỗ để thờ phụng thần minh, tổ tiên. Chỗ tối tăm thờ phụng thần minh, tổ tiên ấy, chẳng có bất cứ kẻ nào biết tới, nhưng có thần thánh, thần minh biết. Kẻ ấy làm ác nghiệp ở chỗ ấy, cũng chẳng có tâm lý hổ thẹn đối với thần minh, đó là “*vô tâm*”! Quý (愧) thì sao? Đã tạo ác nghiệp, người khác biết kẻ đó làm chuyện xấu, công khai tạo ác nghiệp, cướp đoạt đồ vật của người khác, giết hại chúng sanh, người ta đều biết cả! Bất luận là đối với kẻ bị hại, hay trông thấy người khác, đối với những người ấy, kẻ [làm ác] đó chẳng có tâm lý hổ thẹn, chẳng có mảy may xấu hổ! Nói gộp lại thì sao? Bất luận là có người biết hay không ai biết, nói chung là hổ thẹn, nhưng người ấy khi tạo những ác nghiệp đó, chẳng có tâm hổ thẹn, quý vị nghĩ xem: Kẻ ấy hết sức ngu xuẩn, mà cũng hết sức xấu hèn!

Kẻ đó “*mạng dục chung thời, ngộ thiện tri thức, vị thuyết Đại Thừa thập nhị bộ kinh thủ đề danh tự*” (khi mạng sắp chấm dứt, gặp thiện tri thức, vì người ấy nói danh xưng của tựa đề mười hai bộ loại trong kinh Đại Thừa). Đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Kẻ ngu si như vậy, tạo ác pháp nhiều ngàn ấy, tới khi “*mạng dục chung thời*”, tức là khi thọ mạng sắp chấm dứt, gặp thiện tri thức, lúc bình thường chẳng được gặp, vào lúc sắp chết bèn gặp gỡ thiện tri thức. Quý vị thấy chuyện này mâu nhiệm quá! Gặp thiện tri thức, vị thiện tri thức ấy bèn nói cho người ấy, nói gì vậy? Nói “*Đại Thừa kinh điển*”, “*thập nhị bộ kinh*” nghĩa là kinh điển được phân loại thành mười hai loại lớn. Nêu ra “*thủ đề danh xưng*” của những kinh ấy, “*thủ đề*” (首題) là danh xưng của những kinh ấy. Ví như nói nay chúng ta nghiên cứu bộ Quán Kinh này, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là danh xưng của tựa đề kinh. Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng là “*thủ đề danh xưng*”. Nói cho người sắp mạng chung biết danh xưng của những kinh điển Đại Thừa ấy (tên gọi của mỗi bộ kinh điển), nói cho người ấy nghe. Chúng ta biết bất cứ chúng sanh nào từ vô thủy kiếp tới nay, mỗi đời đều tạo rất nhiều nghiệp. Những nghiệp đã tạo ấy có khi là ác nghiệp, có khi là thiện nghiệp, thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều có. Chúng ta đừng ngỡ kẻ nào đó suốt một đời tạo ác nghiệp quá nhiều, chẳng có một thiện sự nào cả! Chúng ta chẳng thường nói như

vậy hay sao? Nhưng thường là kẻ ấy hết tuổi thọ, chết an lành, được qua đời an lành. Cũng có kẻ suốt đời luôn tạo thiện nghiệp, làm đủ mọi chuyện tốt, về sau thì sao? Chẳng được chết an lành! Do vậy, trong tâm chúng ta cảm thấy: Chẳng nên nói nhân quả là “*thiện có báo ứng tốt đẹp, ác sẽ có báo ứng chẳng tốt lành*” đó ư? Đây là vì chúng ta chỉ nhìn mấy chục năm ngắn ngủi trong đời này của người ấy, bỏ sót những đời trước của đời này. Vì thế, người học Phật nhất định phải nói tới nhân quả ba đời. Hễ nói nhân quả ba đời, sẽ hiểu rõ. Người ấy bất luận là suốt một đời này tạo các ác nghiệp, nhưng nói chung là trong quá khứ, người ấy đã làm những chuyện tốt đẹp; đó chính là thiện nghiệp! Mỗi lần then chốt trong khi sanh tử, thiện nghiệp và ác nghiệp đều dấy lên hiện hành. Do vậy, kẻ ngu ấy bình thường chẳng tạo thiện nghiệp, chuyên tạo ác nghiệp, chỉ tới khi thọ mạng sắp chấm dứt, gặp gỡ thiện tri thức. Từ điểm này, chúng ta có thể liễu giải: Trong đời quá khứ, kẻ ấy đã tạo thiện nghiệp, chứng tỏ kẻ ấy có thiện căn. Do tạo thiện nghiệp nên mới có thiện căn; vì thế, lúc đó, người khác thấy kẻ ấy là ác nhân, nhưng nhờ vào thiện nghiệp trong quá khứ (thiện căn hiện thời đã chín muồi), gặp thiện tri thức, điều này đáng quý lắm! Chúng ta phải liễu giải điều này.

Thông thường, chúng ta cũng nói: Người niệm Phật ngoài công phu chánh yếu ra, tức là ngoài chuyện Trì Danh Niệm Phật, còn có công phu phụ trợ. Công phu phụ trợ chính là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”, chớ tạo các ác nghiệp, đối với thiện nghiệp thì tận hết năng lực, năng lực có bao nhiêu bèn làm thiện nghiệp bấy nhiêu! Làm thiện nghiệp chẳng cần hỏi khi nào sẽ có thể đạt được lợi ích. Đã tạo thành thiện nghiệp, công đức nhất định tồn tại. Những thiện nghiệp đã làm trong đời quá khứ sẽ đều dấy lên hiện hành. Những thiện nghiệp chúng ta đã tạo trong đời này đương nhiên là càng có sức mạnh. Vì thế, cần phải tạo nhiều thiện nghiệp. Tới khi lâm chung, sẽ giảm thiểu rất nhiều nghiệp chướng, có thể giúp cho chúng ta khi lâm chung có thể [giữ vững] chánh niệm, có thể nhất tâm bất loạn vãng sanh. Hạng người ác như vậy nhờ vào thiện căn ấy, sẽ đều gặp thiện tri thức. Huống hồ chúng ta thường ngày niệm Phật, lại tận hết sức làm lành! Đến khi lâm chung, còn có vấn đề chi nữa? Vị thiện tri thức ấy liền vì người lâm chung nói mười hai bộ loại của kinh Đại Thừa. Khi ấy, chẳng có cách nào nói về nội dung của kinh được, bèn nêu ra danh xưng của kinh.

“*Dĩ văn như thị chư kinh danh cổ, trừ khước thiên kiếp cực trọng ác nghiệp*” (Do nghe tên gọi của các kinh như thế, trừ được ác nghiệp cực nặng trong ngàn kiếp). Sau khi người lâm chung ấy được nghe danh

tự của các kinh ấy, “trừ khước” (除卻) là tiêu trừ. Tiêu trừ bao nhiêu ác nghiệp đã tạo? Ngàn kiếp! Trong thời gian một kiếp, có bao nhiêu lần sanh tử? Người thế gian chúng ta đều sống tới một trăm tuổi, một trăm năm ấy đem so với một kiếp, sẽ thấy nó chiếm một tỷ lệ thời gian quá ngắn ngủi, tạm bợ! Huống hồ, ở đây nói là một ngàn kiếp! Trong một ngàn kiếp, sanh sanh, tử tử, có bao nhiêu lần sanh tử? Trong những lần sanh tử ấy, những ác nghiệp cực nặng đã tạo trong đời đời kiếp kiếp (“cực trọng” (極重) là ác nghiệp nặng nhất), sau khi được nghe danh xưng của kinh điển Đại Thừa, các đại ác nghiệp đã gây tạo trong một ngàn kiếp đều bị tiêu trừ. Quý vị xem đó, sức mạnh ấy to lớn dường nào! Vì sao nghe danh xưng của kinh có thể diệt trừ tội ác to lớn (ác nghiệp) nhiều ngàn ấy? Tổ sư chú giải, vì mỗi bộ kinh (ở đây, phải chú ý) đều là kinh Đại Thừa. Trong mười hai bộ loại của kinh Đại Thừa, bất cứ bộ kinh điển Đại Thừa nào cũng đều dạy về diệu lý Thật Tướng. Thật Tướng là Chân Như bản tánh. Mỗi bộ kinh Đại Thừa đều nhằm dạy chúng sanh hiểu rõ chính mình có Thật Tướng, cũng tức là đều có Chân Như bản tánh. Trong kinh toàn giảng đạo lý vi diệu này. Danh xưng của một bộ kinh biểu thị nội dung của bộ kinh ấy, mà cũng nhằm biểu hiện bản tánh của chúng sanh.

Đã có tác dụng trọng yếu như vậy, cho nên, hễ nhắc tới tên kinh, sẽ có công đức và sức mạnh tiêu trừ tội ác. Từ chỗ này, chúng ta có thể biết: Nghe hoặc thấy danh xưng của kinh Phật có công đức to như thế, huống hồ chúng ta đọc tụng, thọ trì, nghiên cứu, sẽ càng tuyệt vời hơn! Nói ngược lại, có những kẻ phỉ báng kinh điển Đại Thừa, tội lỗi cũng khôn cùng! Vì thế, chúng ta thấy ở đây: Liễu giải kinh có tác dụng to tát ngàn ấy! Trong những vị đang hiện diện, có vị tuổi hãy còn trẻ, có vị tuổi tuy hơi cao, nhưng ngày tháng vẫn còn dài, nay chúng ta đã nghe rất nhiều danh xưng của các kinh. Không chỉ là nghe rất nhiều danh xưng, mà còn nghiên cứu nội dung của rất nhiều kinh, lại còn chiếu theo nội dung của kinh để tu trì, bản thân chúng ta cảm nhận: Đó chẳng phải là do thiện căn trong hiện tại, mà là thiện căn đã gieo từ nhiều đời nhiều kiếp cho tới nay, [cho nên] hiện thời chúng ta mới có thể như vậy. Bình thường, kẻ tạo ác nghiệp chẳng được nghe những gì kinh đã giảng, tới khi lâm chung mới nghe, thế mà hiện thời chúng ta đã nghe, quý vị hãy ngẫm xem: Có thể thấy là phước báo và thiện căn của chúng ta to hơn kẻ ấy, nếu trong tương lai có thể thành tựu vãng sanh, chắc chắn là chẳng thuộc vào Hạ Phẩm. Mọi người có thể tin tưởng chuyện này, kinh văn đã

nói rành rẽ, rõ rệt. Còn chưa đến lúc vãng sanh, trong lúc bình thời mà mọi người đều đã nghe danh xưng của các kinh nhiều ngàn ấy, và cũng chiếu theo lời kinh dạy để tu tập, trong tương lai, sau khi vãng sanh, mức độ thấp nhất sẽ từ Trung Phẩm trở lên.

Tiếp đó, kinh dạy: “*Trí giả phục giáo hiệp chưởng xoa thủ, xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cố, trừ ngũ thập ức kiếp sanh tử chi tội*” (Người trí lại dạy [người sắp mạng chung] chắp tay trước ngực, xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, trừ tội sanh tử trong năm mươi ức kiếp). “*Trí giả*” ở đây là nói tới vị thiện tri thức trong phần trước. Thiện tri thức đương nhiên là nói người có trí huệ. Vì thế, gọi người ấy là “*trí giả*”. Trước đó, người ấy đã nói danh xưng tựa đề của mười hai bộ loại kinh điển, kể đó, dạy kẻ ngu (“*kẻ ngu*” ở đây chính là người sắp mạng chung) hãy chắp tay trước ngực. Chắp tay trước ngực chính là lễ tiết tại Ấn Độ thuở đó, là một loại lễ. Trong quá khứ, Trung Hoa cũng nói đến chuyện “*củng thủ*” (拱手). “*Củng thủ*” là dùng bàn tay này ôm lấy nắm đấm của bàn tay kia, hoặc vòng hai tay lại, gọi là “*củng thủ*”. Về sau, cách này cũng dần dần chuyển biến. “*Hiệp chưởng xoa thủ*” của Ấn Độ có giống như cách “*củng thủ*” của Trung Hoa hay không? Đã chẳng có cách nào khảo cứu! Hiện thời, thông thường chúng ta “*hiệp chưởng*” (合掌, còn gọi là “*hiệp thập*” (合十) tức là chụm mười ngón tay lại). Hiệp chưởng có ý nghĩa là chắp hai bàn tay lại, đặt trước ngực. Đặt nơi ngực nhằm biểu thị cái tâm chí thành, khẩn thiết, biểu thị cái tâm chuyên chú, chân thành tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật. Người trí dạy kẻ đó chắp tay trước ngực. Sau khi kẻ ấy đã chắp tay trước ngực (sau khi đã học lễ tiết ấy), người trí bèn dạy kẻ ấy “*xưng*” (稱), tức là trì danh, “*xưng*” là xưng hô sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Nam-mô có nghĩa là quy y. A Di Đà là Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang, trong kinh A Di Đà cũng có nói. Dạy kẻ ấy niệm sáu chữ đó, “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Khi lâm chung, kẻ ấy đương nhiên sẽ xưng niệm!

Do xưng danh hiệu Phật, sau khi xưng danh hiệu Phật, vì duyên cơ ấy, quý vị hãy xem kế tiếp: Trừ tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử đây nhé! “*Năm mươi ức kiếp*”: Trong các con số tại Ấn Độ, có mấy cách nói, có khi coi mười vạn là một ức, có chỗ coi một trăm vạn là một ức, còn có con số càng to hơn nữa. Ở đây, Thiên Đạo đại sư nói theo con số nhỏ nhất, coi mười vạn là một ức để nói. Năm mươi ức kiếp là năm trăm vạn kiếp, tạo tội sanh tử trong năm trăm vạn kiếp cho đến nay, tội nghiệp

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

to lớn, do vì niệm danh hiệu Phật (“*xưng Phật danh*” chính là niệm danh hiệu Phật), thấy đều bị tiêu diệt, diệt trừ, quý vị thấy công đức trì danh to cỡ nào!

Vì sao có sức mạnh to lớn như vậy? Trong phần trước, [đã có nói] do nghe danh xưng của kinh có thể tiêu tội trong một ngàn kiếp. Niệm danh hiệu Phật, tức là niệm danh hiệu A Di Đà Phật, sức mạnh còn to hơn nữa! Có thể trừ đại tội sanh tử trong năm trăm vạn kiếp. Một mặt là vì A Di Đà Phật trong quá khứ đã phát bốn mươi tám đại nguyện. Trong quá khứ, Ngài đã phát nguyện: Chúng sanh niệm danh hiệu Ngài, sẽ có thể tiêu trừ tội nghiệp. Về sau, nhiều đời nhiều kiếp tu hành thành Phật, thành A Di Đà Phật, và cũng tạo nên Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mặt khác, phải biết: Danh xưng của Phật là do đã trải qua bao nhiêu thời gian tu trì mà có, do tu tập bao nhiêu công đức! Chúng ta niệm danh xưng của đức Phật, tổ sư bảo “*danh dĩ triệu đức*” (dùng danh hiệu để cảm vời đức). Ví như chúng ta gọi một người nào đó, hễ gọi tên họ của người đó, người đó bèn lập tức đáp ứng. Chúng ta niệm danh xưng của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật liền cảm ứng. Danh có thể chiêu vời đức. Chúng ta vừa niệm [danh hiệu Phật] bèn có thể cảm ứng với Phật, có tác dụng này. Do mối quan hệ này, niệm một tiếng Phật hiệu, có thể tiêu không ít tội nghiệp. Khi người ấy lâm chung, có thể nói là trong lúc then chốt của chuyện sanh tử, có thể nói là [người lâm chung ấy] thật sự niệm Phật. Do thật sự niệm một câu Phật hiệu, có thể tiêu trừ tội nghiệp sanh tử nhiều ngàn ấy. Vì thế, chúng ta biết: Nay chúng ta chỉ cần chí thành khẩn thiết niệm một câu Phật hiệu, sẽ có thể tiêu trừ bao nhiêu tội nghiệp, chúng ta có biết hay không? Tuy chúng ta không biết, nhưng ở đây, kinh văn đã nói minh bạch, có biết hay không? Chúng ta chí thành, khẩn thiết niệm một câu Phật hiệu, bao nhiêu tội nghiệp sanh tử từ quá khứ vô thủy cho tới nay đều bị tiêu trừ trong từng câu niệm Phật. Do vậy, bất luận là như thế nào, cứ tận hết sức niệm như thế, tận hết sức tạo nhiều thiện nghiệp, niệm Phật cho nhiều thì sự vãng sanh trong mai sau sẽ có thể nắm chắc!

Đoạn dưới đây nói về sanh duyên khi vãng sanh:

(Kinh) Nhĩ thời bỉ Phật, tức khiển Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí, chí hành giả tiền. Tán ngôn: “Thiện nam tử, dĩ nhữ xưng Phật danh cố, chư tội tiêu diệt, ngã lai nghêh nhữ”.

(經)爾時彼佛，即遣化佛，化觀世音，化大勢至，至行者前。讚言，善男子，以汝稱佛名故，諸罪消滅，我來迎汝。

(Kinh: Lúc ấy, đức Phật đó liền sai Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí tới trước hành giả, khen rằng: “Này thiện nam tử! Do ông xưng danh hiệu Phật, các tội tiêu diệt, ta đến đón ông”).

Đoạn này nói về cái duyên vãng sanh, cảm ứng Phật đến đón tiếp kẻ ấy. “*Nhĩ thời bỉ Phật*”, “*nhĩ thời*” (爾時) là khi ấy, “*bỉ Phật*” (彼佛) là A Di Đà Phật. Kẻ tạo tội nghiệp sắp mạng chung, do nghe danh xưng của kinh, lại còn niệm Phật, nên ngay trong lúc đó, A Di Đà Phật sẽ biết. Bản thân A Di Đà Phật chẳng đến, Ngài “*tức khiến Hóa Phật*”, “*khiển*” (遣) là sai phái, ngay lập tức liền sai ứng Hóa Phật (tức là Hóa Thân Phật, thân do A Di Đà Phật biến hóa ra). Ngoài ra, còn có “*Hóa Quán Thế Âm*” Bồ Tát, “*Hóa Đại Thế Chí*” Bồ Tát, Tây Phương Tam Thánh đều là Hóa Thân hiện đến, “*chỉ hành giả tiền*”. Tuy bình thường chẳng hề niệm Phật, mà cũng chẳng nghe danh hiệu của kinh, nhưng trong khi ấy, lại nghe danh xưng của kinh và lại đang niệm Phật. Tuy thời gian niệm rất ngắn, người ấy niệm một câu Phật hiệu thì đã khá lắm rồi, được coi là “*hành giả*”. Ba vị Hóa Thân của Tam Thánh tới trước mặt hành giả, “*tán ngôn*” (讚言) nghĩa là khen ngợi rằng: “*Thiện nam tử*”. Trước kia, kẻ ấy là ác nhân, là ngu nhân, vì đã tiêu trừ tội nghiệp cực ác, tức tội sanh tử, cho nên gọi kẻ ấy là thiện nam tử, “*dĩ nhữ xưng Phật danh cố*”, “*dĩ*” (以) là vì, [“*dĩ nhữ xưng Phật danh cố*” có nghĩa là] vì duyên có ông niệm danh xưng của đức Phật, “*chư tội tiêu diệt*”, các đại tội nghiệp đều tiêu diệt, cho nên “*ngã lai nghênh nhữ*”: Ta đặc biệt đến đón ông.

Kinh văn đã nói rất rõ ràng, trong các phần trước, từ Trung Phẩm trở lên, đức Phật đều đích thân đến nghênh tiếp, Hạ Phẩm là Hóa Thân Phật đến nghênh tiếp, nhưng nhất định là đều có thể vãng sanh. Trong những kẻ niệm Phật, có người cứ nghĩ “*ngoài mười vạn ức cõi Phật*”, xa xôi dường ấy, muốn vãng sanh thì đến đó bằng cách nào? Nhìn vào chỗ này, chúng ta chẳng còn có nỗi niềm nghi ngại ấy nữa, chẳng hoài nghi, đến khi thọ mạng chấm dứt, chúng ta chịu niệm Phật, chỉ cần liên tục trì danh, trong tâm bất loạn, nhất định sẽ có thể cảm ứng Phật đến nghênh

tiếp. Còn như kinh nói “*các tội tiêu diệt*”, điều ấy chẳng sai, tiêu diệt bao nhiêu tội? Tội trong ngàn kiếp, năm mươi ức kiếp, nhưng chúng ta sanh tử [từ vô thủy] tới nay, há chỉ là năm mươi ức kiếp! Ngoài năm mươi ức kiếp ra, còn luân hồi trong lục đạo bao lâu? Ác nghiệp đã tạo trong mỗi đời là bao nhiêu? Do vậy, trong quá khứ, đức Phật thường bảo: “*Nếu những tội nghiệp do chúng sanh đã tạo mà có hình tướng, [toàn thể] hư không cũng chẳng thể dung nạp*”. Tội là vô hình vô tướng, nếu nó có hình tướng, toàn thể thái hư đều chẳng thể dung nạp được! Từ tỷ dụ này, có thể thấy chúng ta từ vô thủy kiếp tới nay. “*Vô thủy kiếp*” là chẳng thể nói rõ, đến tốt cùng là có bao nhiêu kiếp, chúng ta chẳng biết rõ. Từ nhiều kiếp tới nay, chúng ta đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Ở đây, chúng ta nghiên cứu bèn biết: Dầu công đức niệm Phật có sức mạnh to lớn, có thể tiêu trừ tội nghiệp, nhưng tội nghiệp chưa tiêu vẫn nhiều hơn. Dầu tội nghiệp còn nhiều, vẫn chẳng sao cả, chỉ cần cảm ứng Phật đến nghênh tiếp. Hễ nghênh tiếp, chúng ta bèn có thể đời nghiệp vãng sanh. Tội nghiệp còn chưa tiêu trừ có thể mang theo, mang đến thế giới Cực Lạc, chúng sẽ tự nhiên tiêu mất.

Dưới đây là đoạn thứ ba:

(Kinh) Tác thị ngữ dĩ, hành giả tức kiến Hóa Phật quang minh, biến mãn kỳ thất. Kiến dĩ hoan hỷ, tức tiện mạng chung. Thừa bảo liên hoa, tùy Hóa Phật hậu, sanh bảo trì trung.

(經)作是語已，行者即見化佛光明，遍滿其室。見已歡喜，即便命終。乘寶蓮華，隨化佛後，生寶池中。

(Kinh: Nói lời ấy xong, hành giả liền thấy quang minh của Hóa Phật trọn khắp cả phòng. Thấy rồi hoan hỷ, liền mạng chung, ngồi hoa sen báu, theo sau Hóa Phật sanh trong ao báu).

Đoạn này nói về tình huống vãng sanh. “*Tác thị ngữ dĩ*” (Nói lời ấy xong), Hóa Phật, Hóa Bồ Tát nói xong lời ấy, “*hành giả tức kiến Hóa Phật quang minh*”, rất nhanh chóng, hành giả lập tức thấy quang minh của Hóa Phật, tức là quang minh của Hóa Thân Phật lập tức tỏa ra. [Hóa Phật] vốn có quang minh, nhưng hành giả chẳng thấy, khi ấy bèn thấy. Thấy quang minh của Hóa Phật “*biến mãn kỳ thất*”, tức là toàn thể căn phòng đều sáng rực. Trong quá khứ, Vãng Sanh Truyện có chép: Khi nhiều người đến trợ niệm, không chỉ riêng người vãng sanh trông thấy,

mà người trợ niệm cũng thấy quang minh. Kinh đã dạy rành rẽ, hành giả thấy quang minh đầy phòng. “*Kiến dĩ hoan hỷ*”: Sau khi trông thấy, bèn phát tâm hoan hỷ, “*tức tiên mạng chung*”, ngay lập tức, thọ mạng bèn chấm dứt. Sau khi mạng chung, “*thừa bảo liên hoa*” (ngự trên hoa sen báu): Người khác thấy thân người ấy (người mạng chung) bất động, coi như đã qua đời, nhưng thần thức của người ấy (người ta thường gọi là “*linh hồn*”) ngồi lên hoa sen báu do Hóa Phật đem tới. Sau khi đã ngự lên hoa sen, “*tùy Hóa Phật hậu*”, [nghĩa là] theo sau Hóa Phật, “*sanh bảo trì trung*” (sinh trong ao báu), sanh về ao sen bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vãng sanh mau chóng như thế đó! Sau khi vãng sanh thì như thế nào?

(Kinh) Kinh thất thất nhật, liên hoa nữ phu. Đương hoa phu thời, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, cập Đại Thế Chí Bồ Tát, phóng đại quang minh, trụ kỳ nhân tiền, vị thuyết thậm thâm thập nhị bộ kinh. Văn dĩ tín giải, phát vô thượng đạo tâm. Kinh thập tiểu kiếp, cụ Bách Pháp Minh Môn, đắc nhập Sơ Địa.

(經)經七七日，蓮華乃敷。當華敷時，大悲觀世音菩薩，及大勢至菩薩，放大光明，住其人前，為說甚深十二部經。聞已信解，發無上道心。經十小劫，具百法明門，得入初地。

(Kinh: Trải qua bốn mươi chín ngày, hoa sen mới nở. Khi hoa nở, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát phóng đại quang minh, ở trước người ấy, vì người ấy nói mười hai bộ kinh rất sâu. Nghe xong, tin hiểu, phát vô thượng đạo tâm, qua mười tiểu kiếp, đầy đủ Bách Pháp Minh Môn, được nhập Sơ Địa).

Đoạn này nói đến lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh. Đoạn trước nói [hành giả] ngự trên hoa sen báu. Vừa ngự trên hoa sen báu, hoa sen bèn khép lại. Vì sao biết là hoa sen khép lại? Đoạn kinh văn này nói “*hoa sen bèn nở*”, nếu trước đó chẳng khép lại, làm sao nở ra cho được? Đồi chiếu kinh văn trước và sau, sẽ biết trong phần trước, hoa sen đã khép lại. Sau khi đã vãng sanh trong ao bảy báu, “*kinh thất thất nhật*”, tức là trải qua bảy lần bảy bốn mươi chín ngày. Trong bốn mươi chín ngày đó, người ấy ở trong hoa sen. Hoa sen bao phủ [người ấy], sau bốn

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mười chín ngày, “liên hoa nữ phu”, [tức là] hoa sen nở ra. “Đương hoa phu thời”, ngay sau khi hoa sen vừa nở, “Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát”, Quán Thế Âm Bồ Tát là bậc đại từ đại bi, bi tâm hết sức sâu nặng, “cập Đại Thế Chí Bồ Tát”, Đại Thế Chí Bồ Tát biểu thị trí huệ. Hai vị Bồ Tát ấy đồng thời “phóng đại quang minh”, chẳng phải là quang minh bình phàm. Một vầng quang minh phóng ra, “trụ kỳ nhân tiên”, “trụ” (住) là dừng lại. Quang minh từ hai vị Bồ Tát phát ra, dừng ở trước hoa sen của người vãng sanh, “vị thuyết thâm thâm thập nhị bộ kinh”, đồng thời phóng đại quang minh, đồng thời thuyết pháp cho người vãng sanh. Nói những pháp gì? Nói mười hai bộ kinh rất sâu. “Thâm thâm”: Chẳng phải là nói nông cạn, mà là nói sâu xa, nói trọn hết những nội dung rất thâm áo và ý nghĩa tinh vi nhất trong kinh. Người vãng sanh ấy vừa nghe hai vị đại Bồ Tát giảng kinh rất thâm áo, “văn dĩ tín giải” (nghe xong tin hiểu), sau khi nghe xong, bèn phát tín tâm, và cũng liễu giải ý nghĩa của kinh. Sau khi đã tín giải, bèn “phát vô thượng đạo tâm”, phát tâm Đại Thừa, nhất định sẽ thành Phật. Sau khi đã phát vô thượng đạo tâm, sẽ vãng theo đó để tu trì, tiếp tục nghe pháp, “kinh thập tiểu kiếp”, trải qua thời gian mười tiểu kiếp, “cụ Bách Pháp Minh Môn”. Trong tông Duy Thức, có một bộ luận là Bách Pháp Minh Môn Luận, giảng về danh xưng và nội dung của một trăm pháp. Vì sao gọi là Minh Môn? Đối với một trăm pháp ấy, nếu học thông suốt bất cứ một pháp nào, sẽ đều từ đó có thể thông hiểu, giác ngộ, có thể minh tâm kiến tánh. “Minh môn” (明門) có nghĩa là mỗi pháp đều là cửa lớn cho học nhân tiến vào con đường thành Phật. “Cụ” (具) là đều hiểu rõ hoàn toàn, trải qua thời gian mười tiểu kiếp, hiểu rõ toàn bộ Bách Pháp Minh Môn, sau đây “đắc nhập Sơ Địa”, tiến lên Sơ Địa. Trước khi “đăng địa” (chứng vào địa vị Sơ Địa), có ba mươi địa vị của bậc hiền nhân, gọi là Tam Hiền Vị. Tu viên mãn ba mươi địa vị hiền nhân thì mới có thể chứng lên Sơ Địa.

Người bình phàm tu Tam Hiền vị phải trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp mới đạt lên Sơ Địa. Hạ Phẩm Thượng Sanh chỉ cần sau khi vãng sanh, trải qua mười tiểu kiếp, sẽ hiểu Bách Pháp Minh Môn, sẽ nhập Sơ Địa. Đối chiếu với các phần trước, [sẽ thấy]: Người Trung Phẩm Hạ Sanh sau bảy ngày hoa sen nở, để thành A La Hán phải trải qua một tiểu kiếp. Hạ Phẩm Thượng Sanh là bảy lần bảy bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở, trải qua mười tiểu kiếp, dự vào Sơ Địa, tốn thời gian lâu hơn phẩm trước. Tuy thấy là lâu, nhưng trải qua mười tiểu kiếp bèn lên Sơ Địa vẫn là hết sức nhanh chóng [so với tu tập trong các thế giới khác].

(Kinh) Thị danh Hạ Phẩm Thượng Sanh giả.

(經)是名下品上生者。

(Kinh: Đó gọi là Hạ Phẩm Thượng Sanh).

Đoạn kinh văn này nhằm kết luận, hôm nay, tôi giảng đến đây thì ngưng.

Tập 48

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bản, trang hai mươi tám, hàng cuối cùng. Tôi đọc trước một đoạn ngắn:

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Hạ Phẩm Trung Sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới, cập Cụ Túc Giới. Như thử ngu nhân, thâm Tăng-kỳ vật, đạo hiện tiền Tăng vật, bất tịnh thuyết pháp, vô hữu tâm quý, dĩ chư ác nghiệp nhi tự trang nghiêm. Như thử tội nhân, dĩ ác nghiệp cố, ưng đọa địa ngục. Mạng dục chung thời, địa ngục chúng hỏa, nhất thời câu chí. Ngộ thiện tri thức, dĩ đại từ bi, tức vị tán thuyết A Di Đà Phật thập lực oai đức, quảng tán bĩ Phật quang minh thân lực. Diệc tán Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Thử nhân văn dĩ, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Địa ngục mãnh hỏa, hóa vi thanh lương phong”.

(經)佛告阿難，及韋提希：下品中生者，或有眾生，毀犯五戒、八戒，及具足戒。如此愚人，偷僧祇物，盜現前僧物，不淨說法，無有慚愧，以諸惡業而自莊嚴。如此罪人，以惡業故，應墮地獄。命欲終時，地獄眾火，一時俱至。遇善知識，以大慈悲，即為讚說阿彌陀佛十力威德，廣讚彼佛光明神力。亦讚戒、定、慧、解脫、解脫知見。此人聞已，除八十億劫生死之罪。地獄猛火，化為清涼風。

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

(**Kinh:** Đức Phật bảo ngài A Nan và bà Vi Đề Hy: “Hạ Phẩm Trung Sanh là nếu có chúng sanh, hủy phạm năm giới, tám giới, và Cụ Túc Giới. Kẻ ngu như thế, trộm vật của Tăng-kỳ, ăn trộm vật của hiện tiền Tăng, bất tịnh thuyết pháp, chẳng hề hổ thẹn. Dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Tội nhân như thế, do vì ác nghiệp, đáng đọa địa ngục. Khi mạng sắp hết, các thứ lửa trong địa ngục cùng lúc ủa tới. Gặp thiện tri thức, vì lòng đại từ bi, liền vì người ấy khen ngợi, giảng nói oai đức nơi mười lực của A Di Đà Phật, ca ngợi rộng rãi quang minh và thần lực của đức Phật ấy, cũng ca ngợi Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Người ấy nghe xong, trừ tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát lành”).

Đối với ba bậc chín phẩm vãng sanh, nay nói đến Hạ Bối Trung Phẩm. Nói xong phẩm này, hãy còn một phẩm cuối cùng nữa, [nói xong phẩm ấy] thì toàn bộ phần chánh văn của Thập Lục Quán Kinh đã được nói xong. Hạ Phẩm Trung Sanh và Hạ Phẩm Thượng Sanh giống nhau, cũng là chúng sanh tạo ác nghiệp. Theo lý, chúng sanh tạo ác nghiệp chẳng thể vãng sanh, nhưng trong đời quá khứ, người ấy có thiện căn. Đối với bất cứ chúng sanh nào, quý vị đừng thấy người ấy suốt một đời này chẳng làm chuyện gì tốt đẹp, nhưng trong đời quá khứ, cũng có lẽ người ấy đã làm chẳng ít thiện sự! Đó là thiện căn. Vì có thiện căn, đến khi lâm chung, sẽ gặp thiện tri thức, giống như Hạ Phẩm Thượng Sanh trong lần trước. Trong phẩm vị [được thảo luận] hôm nay, người tạo ác nghiệp có hai loại: Một loại là người tại gia học Phật, loại kia là người xuất gia học Phật.

“*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy, “*Hạ Phẩm Trung Sanh giả*”: Trước hết nêu ra danh xưng của phẩm vị vãng sanh. “*Hoặc hữu chúng sanh*”, đức Phật chẳng chỉ rõ đích xác là một người nào đó, [mà nói] hoặc là có một hạng chúng sanh như vậy. “*Hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới*”, “*hủy*” (毀) là phá hủy giới, “*phạm*” (犯) là phạm giới, hủy phạm những gì giới? Ngũ Giới và Bát Giới, người tại gia học Phật thường thọ Ngũ Giới. Bát Giới là Bát Quan Trai Giới. Đây là hai loại giới mà tại gia cư sĩ dễ hủy phạm. Ở đây là nói tới hai hạng người hủy phạm các giới ấy, “*cập Cụ Túc Giới*”, chính là nói tới người xuất gia. Người xuất gia đã thọ Cụ Túc Giới của tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo-ni mà lại hủy phạm. Câu “*hoặc hữu*

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng sanh” chỉ hai loại chúng sanh ấy, trước hết, [kinh văn] chỉ ra hạng chúng sanh nào thuộc loại Hạ Phẩm Trung Sanh.

Người hủy giới đương nhiên chẳng có trí huệ. Vì thế nói: “*Như thử ngu nhân*”, loại người ngu si ấy chẳng hiểu nhân quả. Kẻ ngu si phạm giới tạo các tội nghiệp, có những tội nghiệp nào? Có rất nhiều, có khi đến mấy thứ. Kể đó, nêu ra mấy loại khá nghiêm trọng:

Một là phạm vào tội trộm cắp, “*thâu Tăng-kỳ vật*”, Tăng là tăng chúng, Tăng-kỳ là chúng xuất gia hòa hợp trong một đạo tràng (các vị thường trụ). Trộm cắp vật phẩm của tăng chúng thường trụ trong đạo tràng, đương nhiên là tội lỗi rất lớn.

Lại còn “*đạo hiện tiền Tăng vật*” (trộm vật của hiện tiền Tăng). Điều này có gì khác với “*Tăng-kỳ vật*”? “*Tăng-kỳ vật*” là [những vật dụng] sử dụng chung cho toàn thể đạo tràng, tức những tài vật mà chúng thường trụ cùng sử dụng chung. Chẳng hạn như phòng xá để sử dụng chung trong đạo tràng, còn có những tài sản khác như các thiết bị lắp đặt trong chùa miếu v.v... Chúng đều là những vật dụng để mười phương tăng chúng cùng sử dụng trong đạo tràng. Trộm cắp những thứ ấy, đương nhiên là phạm tội to lớn. “*Đạo hiện tiền Tăng vật*” là đôi với một vị tăng chúng xuất gia nào đó, trộm cắp tài vật thuộc quyền tư hữu cá nhân của vị ấy. Bất luận là trộm cắp vật phẩm sử dụng chung của chúng thường trụ, hay vật phẩm thuộc quyền tư hữu cá nhân, đều phạm vào tội trộm cắp.

Còn có những kẻ học Phật có thể thuyết pháp, thuyết pháp thì phải nên thuyết pháp rất thanh tịnh. Thanh tịnh thuyết pháp là gì? Dựa theo kinh văn (chiếu theo ý nghĩa của Phật) để nói, khiến cho người ta đạt được những điều tốt đẹp. “*Bất tịnh thuyết pháp*” chẳng phải là như vậy, mong mỗi nói ra pháp ấy, bản thân sẽ được tiếng tăm tốt đẹp và lợi ích. Nói cách khác, vì cầu danh cầu lợi mà nói pháp, sẽ gọi là “*bất tịnh thuyết pháp*”, có toan tính mong mỗi khác. Bất tịnh thuyết pháp giống như báng pháp, hủy hoại Phật pháp, cho nên cũng phạm tội. Ngoài những chuyện ấy ra, còn có những chuyện khác nữa, chẳng cần phải nói cặn kẽ.

Hễ là trộm cắp, bất tịnh thuyết pháp, phạm đủ mọi tội nghiệp khác “*vô hữu tâm quý*”, bản thân kẻ ấy chẳng có tâm hổ thẹn. Nói “*chẳng có tâm hổ thẹn*”, thì “*vô tâm*” là làm chuyện xấu, tuy chẳng có ai thấy, chính kẻ đó tạo tội, trong tâm sẽ cảm thấy có đôi chút áy náy. Thông thường, người làm chuyện bất hảo, trong tâm luôn cảm thấy áy náy, nhưng kẻ ấy (kẻ ác phạm giới đang nói ở đây) chẳng có tâm lý ấy, cho

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nên gọi là “vô tà”. “Vô quý” là đã làm ra tội nghiệp, người khác đã biết, tạo tội ngay trước mặt mọi người, bản thân kẻ ấy cũng chẳng cảm thấy áy náy, thậm chí hết. Đó là “vô hữu tà quý”.

“*Dĩ chư ác nghiệp nhi tự trang nghiêm*”, kẻ ngu si như vậy tạo những tội nghiệp ấy, vẫn chẳng cảm thấy hổ thẹn, “dĩ” (以) là dùng, giống như cầm lấy những ác nghiệp (lấy rất nhiều ác nghiệp, những ác nghiệp ấy do chính mình tạo thành). Do chính bản thân kẻ đó gây tạo các ác nghiệp để tự trang nghiêm. “*Trang nghiêm*” (莊嚴) nghĩa là trang sức. Một người thật sự tu đạo thì phải trang nghiêm, trang nghiêm như thế nào? Phước đức trang nghiêm, làm đủ mọi công đức tốt đẹp và chuyện từ thiện, dùng công đức để trang nghiêm; nhưng kẻ ngu ở đây lại trái ngược, kẻ ấy tạo đủ mọi tội ác để trang nghiêm. Người khác hễ nói đến kẻ ấy, chỉ biết kẻ ấy là một gã thân đầy tội nghiệp. Đó là sự trang nghiêm của kẻ ấy.

“*Như thử tội nhân*”, tội nhân như vậy, “*dĩ ác nghiệp cố*”, vì kẻ ấy có nhiều ác nghiệp ngàn ấy, “*ung đọa địa ngục*”, đáng phải đọa nhập địa ngục. Đây là nói về cái nhân gây tạo ác nghiệp; hễ có nhân, tất nhiên là có quả. Trong phần trước đã nói người ấy hủy giới, tức là hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới và Cụ Túc Giới, [phạm những tội] nghiêm trọng như trộm cắp, bất tịnh thuyết pháp, nhất là bất tịnh thuyết pháp hết sức ác! Chuyện ấy giống như phá hoại Phật pháp. Do tạo các thứ tội nghiệp ấy, sau khi thọ mạng chấm dứt, đáng phải đọa lạc trong địa ngục. Chiếu theo ác nghiệp của hạng người ấy, đáng phải nên đọa địa ngục!

“*Mạng dục chung thời*”: Khi thọ mạng của kẻ ấy sắp chấm dứt. “*Địa ngục chúng hỏa, nhất thời câu chí*” (Các thứ lửa trong địa ngục cùng lúc ủa tới), địa ngục là một trong tam đồ. Đọa lạc bất cứ địa ngục nào, theo thường lệ, đều có một vàng lửa đến thiêu đốt. Chữ “*chúng hỏa*” biểu thị lửa rất mãnh liệt. Các thứ lửa cùng lúc ủa tới, đồng thời hiện ra, nguy hiểm lắm thay! Khi ấy, tùy thuộc thiện căn trong quá khứ của người ấy, nếu thiện căn phát hiện, đang trong lúc ngàn cân treo sợi tóc, “*ngộ thiện tri thức*”, gặp thiện tri thức. Thiện tri thức “*dĩ đại từ bi*”, phát tâm đại từ bi, “*tức vị tán thuyết A Di Đà Phật thập lực oai đức, quảng tán bỉ Phật quang minh thân lực*”: “*Tán*” (讚) là tán thán, “*thuyết*” (說) là nói rõ. Ngay lập tức vì kẻ sắp đọa địa ngục nói rõ A Di Đà Phật (giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới) có mười thứ oai đức mạnh mẽ (xin xem biểu đồ bài giảng).

IV.2.2.17.1. Thập Lực của Phật

“Thập lực của Phật”: Bạc đã thành Phật có mười thứ đại oai lực.

1) Thứ nhất, tri giác xứ phi xứ: Đừng hiểu “xứ” (處) là nơi chốn, mà phải hiểu là “đạo lý”. Sức mạnh thứ nhất của đức Phật là biết trong vạn sự vạn vật, vật nào có đạo lý, [điều đó được gọi là] “giác xứ” (覺處), sự việc nào chẳng có đạo lý, [điều đó gọi là] “phi xứ” (非處). “Giác xứ” là chuyện có đạo lý, chuyện chẳng có đạo lý là “phi xứ”, đức Phật đều hết sức liễu giải. Kẻ bình phàm như chúng ta thoát nhìn dường như cũng biết những chuyện nào có đạo lý, những chuyện nào chẳng có đạo lý; nói thật ra, chúng ta hoàn toàn không biết! Nếu thật sự biết, trong toàn thể thế gian từ xưa tới nay sẽ chẳng có tranh chấp đúng sai rồi ren giữa con người với nhau. Từ xưa tới nay, loài người tranh đoạt lẫn nhau, [là vì cứ ngỡ] những điều tranh đoạt đều có đạo lý. Nếu thật sự hiểu đạo lý, có ai mà chẳng chung sống với nhau được? Nói chung, chúng sanh phàm phu chẳng có ai thật sự hiểu đạo lý, chẳng phân định rõ ràng! Còn đức Phật thì hoàn toàn hiểu biết. Thập Lực của đức Phật hoàn toàn nói theo phương diện trí huệ. Nói thông thường, mười lực của đức Phật chính là mười thứ trí huệ.

2) Thứ hai, tri tam thế nghiệp báo: “Tam thế nghiệp báo” chỉ hết thảy chúng sanh, tức là lục đạo (thiên, nhân, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ v.v...). Đòi với nhân quả ba đời của tất cả các loại chúng sanh, trong quá khứ, hiện tại, vị lai, đã tạo những nghiệp gì? Tương lai sẽ phải hứng chịu quả báo như thế nào? Đức Phật đều thấy rõ ràng, minh bạch; đó là trí huệ của Phật. Có ai trong chúng ta biết được? Không chỉ là chính mình chẳng biết, trong kinh, đức Phật đã dạy rõ ràng thế mà vẫn chẳng chịu tin tưởng. Chẳng chịu tin tưởng là do trí huệ của chính mình chưa đạt đến, học Phật chẳng thể nào không hiểu rõ nhân quả ba đời. Chẳng tin nhân quả ba đời, sẽ chẳng có cách nào học Phật. Học Phật thì quan trọng nhất là phải tin tưởng nhân quả ba đời thì mới chẳng phạm giới, mới chẳng tạo ác nghiệp. Sau đây mới có thể từng bước học Phật rất tốt đẹp. Từ xưa tới nay, người học Phật rất nhiều, có phải là ai nấy đều thành tựu hay không? Chẳng thể nói như vậy được! Vấn đề là ai chịu tin tưởng nhân quả, ai có thể tin sâu nhân quả, người ấy sẽ có thể thành tựu. Chẳng thể tin sâu nhân quả, sẽ chẳng thể thành tựu; then chốt ở ngay tại chỗ này! Phật là bậc đã thành tựu, đối với hết thảy nhân quả ba đời của chúng sanh, Ngài đều hiểu rành rẽ.

3) Thứ ba, tri chư Thiên giải thoát tam-muội: “*Thiên*” là Thiên Định. Người tu hành tu loại công phu Thiên Định nào? Đạt được loại Thiên Định nào? Đức Phật đều biết. “*Giải thoát*” là tám món giải thoát (trong phần trước đã có nói rồi), người khác không biết, Phật biết. Tam-muội là đại định, nhập công phu Thiên Định. Ví như chúng ta niệm Phật, niệm Phật đến mức đặc nhất tâm bất loạn, gọi là Niệm Phật tam-muội. Rất nhiều người niệm Phật đã nhiều năm, chính mình có đặc nhất tâm bất loạn hay không? Chính mình chẳng biết có đặc nhất tâm bất loạn hay không? Đức Phật biết. Đức Phật đối với các Thiên giải thoát tam-muội có thể biết rõ ràng, rành mạch. Trí lực ấy chính là loại lực thứ ba của đức Phật.

4) Thứ tư, tri chư căn thắng liệt: “*Căn*” (根) là căn tánh. Vì sao nói là “*biết căn tánh*”? Biết người ấy có thiện căn hay không? Là thiện căn như thế nào? Nếu chẳng có thiện căn, những kẻ bình phàm chúng ta thường nói là “*liệt căn tánh*” (劣根性, căn tánh kém cỏi), kẻ đó rất bất hảo, sanh ra đã thích tạo ác nghiệp. Đó là “*liệt căn tánh*”. Căn tánh của mỗi người là thắng hay liệt? Là tốt hay chẳng tốt? Đức Phật đều biết; vì căn tánh có thắng và liệt, trong tương lai, trình độ học Phật của người ấy sẽ là chứng đại quả hay chứng tiểu quả? Đức Phật thấy đều biết.

5) Thứ năm, tri nhất thiết chúng sanh chủng chủng tri giải (biết các thứ tri giải của hết thảy chúng sanh): Nói đến “*tri giải*” (知解) thì bất cứ chúng sanh nào đối với mọi chuyện trong thế gian biết được bao nhiêu? Có thể liễu giải bao nhiêu? Mỗi người có năng lực khác biệt. Trong bất cứ xã hội nào, năng lực lý giải của mỗi người đối đạo lý của các sự vật chẳng giống nhau. Năng lực lý giải của mỗi cá nhân đến mức độ nào, đức Phật đều biết. “*Hết thảy chúng sanh*” không chỉ là chúng sanh thuộc nhân loại, mà các chúng sanh thuộc súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ, thiên đạo v.v... đều được bao gồm trong ấy. Tâm lý và năng lực lý giải của họ đến mức độ nào, đức Phật thấy đều biết.

6) Thứ sáu, tri chủng chủng giới: “*Giới*” (界) là cảnh giới. Kẻ ấy tu đạo đến trình độ nào? Phạm phu có cảnh giới của phạm phu, người học Tiểu Thừa chứng đắc quả vị gì? Người học Đại Thừa chứng đắc quả vị gì? Ai có cảnh giới này! Thông thường, kẻ chẳng phải là người học Phật, đọc sách vở thế gian, đối với phương diện làm người cũng có tu dưỡng, kẻ ấy có cảnh giới như thế nào, bọn chúng sanh phạm phu chúng ta khó lòng biết được, nhưng đức Phật hoàn toàn biết.

7) Thứ bảy, tri nhất thiết chí sở đạo: “*Chí*” (至) là đạt tới. “*Chí sở đạo*” (至所道): Tu đạo đã đạt tới mức độ nào? Dùng chuyện chứng quả để nói, người ấy đã chứng đắc quả vị gì? Ví như nói đến loài người chúng ta, một vị chánh nhân quân tử bình phàm, Nho gia nói “gìn giữ nhân luân” (Ngũ Luân), có thể nương theo Ngũ Luân để hành trì, suốt một đời người ấy là con người đúng nghĩa, có thể tuân giữ thường đạo Ngũ Luân. Trong đời sau, người ấy vẫn có thể làm người, sanh trong loài người. Nếu tu Thập Thiện Nghiệp, sau khi thọ mạng kết thúc, người ấy có thể thăng thiên. Đức Phật vừa nhìn bèn hiểu rõ ngay. Bọn chúng sanh phàm phu chúng ta chẳng biết! Dẫu học Phật nhiều năm, hiểu đôi chút Phật pháp, đừng tưởng “người niệm Phật trong tương lai đều có thể vãng sanh. Phàm là người học các pháp môn khác đều có thể chứng quả, chúng ta vẫn chẳng có sức trí huệ ấy”. Chẳng thể nói như thế, trong ấy còn có đủ mọi nhân tố khác nhau tồn tại. Cùng học một pháp môn như nhau, kẻ học không tốt đẹp cũng rất nhiều, ngay cả bản thân chúng ta còn chẳng biết, huống hồ biết đến người khác! Đức Phật biết, biết hết thấy “*chí sở đạo*”. Biết rành rẽ, rõ ràng!

8) Thứ tám, tri Thiên Nhân vô ngại: Thiên Nhân là Thiên Nhân Thông. Thiên Nhân của đức Phật chẳng giống Thiên Nhân của kẻ khác. Thiên Nhân của Phật có trí lực vô ngại, có thể thấy hết thấy các tình huống sanh tử của chúng sanh, cũng như thiện nghiệp và ác nghiệp, có chướng ngại, không chướng ngại v.v... Đức Phật đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Kẻ bình phàm như chúng ta chẳng có năng lực ấy.

9) Thứ chín, tri Túc Mạng vô ngại: Đức Phật biết túc mạng của hết thấy chúng sanh. Túc mạng là đời quá khứ. Đời quá khứ còn có quá khứ của đời quá khứ. Phàm nhân chúng ta chỉ biết đời này, nhưng trong đời này, cũng chỉ nhớ chuyện trước mắt. Năm tháng xa xôi, có những chuyện cũng quên bẵng, huống hồ đời trước? Chẳng không biết! Đó là Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, còn bị mê khi cách âm, chuyện kiếp trước cũng chẳng biết. Nhưng đức Phật biết, do Túc Mạng Thông mà biết hết thấy chuyện trong từng đời trước: Đời nào ở trong đường nào, làm chuyện gì, đức Phật hoàn toàn biết.

10) Thứ mười, tri vĩnh đoạn tập khí: Bọn chúng sanh chúng ta đều có Hoặc. Khởi Hoặc tạo nghiệp, mê hoặc, điên đảo là “Hoặc”. Nếu tu hành, phải đoạn Hoặc. Sau khi đã đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, hãy còn có tập khí (tập khí còn sót lại). Đức Phật đối với hết thấy chúng sanh “có phải là đã đoạn Hoặc hay không? Có phải đoạn tập khí hay không?” đức

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Phật hoàn toàn biết. Vĩnh viễn đoạn tập khí thì sẽ thành công. Đối với chuyện chúng sanh đoạn Hoặc như thế nào, đoạn những tập khí còn sót lại như thế nào, đức Phật liễu giải toàn bộ.

Đây là mười thứ trí huệ lực của A Di Đà Phật. Đã có mười thứ trí huệ lực ấy bèn có oai đức lực. Thiện tri thức nói cho người sắp đọa địa ngục biết mười loại trí lực ấy, lại còn “*quảng tán bỉ Phật quang minh thần lực*”, [nghĩa là] lại còn tán thán rộng đức Phật ấy, [tức tán thán] A Di Đà Phật (A Di Đà Phật là vô lượng quang), tán thán vô lượng quang minh của A Di Đà Phật. Quang minh có thể hiển lộ năng lực thần kỳ chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao phải tán thán năng lực thần kỳ ấy? Vì người ấy đã thấy các thứ lửa trong địa ngục đều ủa tới, chẳng phải là năng lực bình phàm có thể cứu vãn được! Vì thế, phải nói A Di Đà Phật có mười loại lực to lớn, lại còn nói thần lực của quang minh cho tội nhân nghe, ngõ hầu trước hết làm cho tâm lý của người ấy bình ổn.

“*Diệt tán Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến*”, tiếp đó, tán thán Giới. “*Giới*” (戒) chỉ Phật giới, Phật giới thanh tịnh nhất. Vì có những giới ấy, không chỉ là ba nghiệp thân, khẩu, ý của đức Phật chẳng có tội nghiệp, mà hết thảy các tội lỗi đều chẳng có. Lại tán thán định lực của Phật. “*Định*” là nói trong tâm đức Phật chẳng có một vọng niệm nào! Dấy lên ý niệm đều là ý niệm thanh tịnh, chẳng có lúc nào không ở trong Định. Lại nói Huệ, nói đến trí huệ của Phật. Trí huệ của Phật viên mãn nhất, quang minh nhất. Lũ bình phàm chúng ta nói đến chuyện khai trí huệ, nhưng phàm phu mê hoặc, điên đảo, trí huệ ở chỗ nào? Học Phật khai trí huệ, mở ra một tia ánh sáng, tuyệt vời thay! Trông thấy bản tánh! Khai một chút trí huệ bèn có thể được hưởng thụ to lớn, sẽ chẳng luân hồi trong lục đạo. Thế mà trí huệ của Phật toàn thể là viên mãn rốt ráo. Lại nói đến “*giải thoát*”. Thân tâm (thân thể và tâm lý) của Phật hết thảy đều chẳng có vướng mắc, còn bọn phàm phu chúng ta giống như bị dây thừng trói chặt, chẳng được tự do. Kẻ bình phàm chẳng biết. [cứ biện bác]: “Quý vị tự hoạt động mà! Có sao chẳng thể tự do?” Thật ra, bọn phàm phu chúng ta rất đáng thương! Há có tự do gì đâu? Điều quan trọng nhất là sanh tử chẳng được tự do, ngoài ra, đối với công việc, cuộc sống của chúng ta trong nhân gian này, quý vị sống trong hoàn cảnh nào? Chúng ta có tự do gì? Ra khỏi nước còn hoàn thành đủ thứ thủ tục, còn phải có đủ thứ điều kiện, chỗ nào có thể đến, chỗ nào bị hạn chế chẳng thể đến, đều là chẳng tự do. Đức Phật thì hết thảy đều tự do, chẳng có gì trói buộc! Lại còn có Giải Thoát Tri Kiến, [nghĩa là] đối

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

với chính mình đã hoàn toàn giải thoát, liễu giải toàn bộ, hết thảy được đại tự tại, hoàn toàn liễu giải. Đó là Giải Thoát Tri Kiến. Năm thứ ấy được gọi bằng danh từ Phật học là Ngũ Phần Pháp Thân (năm phần). Năm thứ ấy đều là Pháp Thân của Phật. Pháp Thân của Phật nói tách ra sẽ có năm ý nghĩa, tức năm phần Pháp Thân. Vị thiện tri thức ấy lại còn tán thán năm phần Pháp Thân của A Di Đà Phật, cũng đều nói cho người sắp đọa địa ngục biết.

“Thử nhân văn dĩ”: Sau khi người sắp đọa địa ngục nghe vị thiện tri thức ấy nói về thập lực oai đức, thần lực của quang minh cùng với năm phần Pháp Thân của A Di Đà Phật như trên đây, *“trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”*, *“trừ”* (除) là diệt trừ, diệt trừ tội sanh tử của người ấy từ tám mươi ức kiếp cho tới nay. Một kỳ sanh mạng của đời người chúng ta là vài chục năm, dài nhất là sống tới một trăm tuổi! Thời gian một trăm năm ngắn ngủi ngàn ấy! Từng đời tích lũy lại, thời gian tới tám mươi ức kiếp, sanh mạng trong quá trình dài lâu như vậy đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Tội nghiệp sanh tử đầy nhé! Trong khi ấy, nghe thiện tri thức giảng về oai đức, thần lực v.v... của đức Phật, người ấy lập tức diệt trừ những tội nghiệp đó. *“Địa ngục mãnh hỏa”* vốn là các thứ lửa trong địa ngục, các thứ lửa mạnh mẽ cùng lúc kéo đến, khi ấy, sẽ *“hóa vi thanh lương phong”*, lửa dữ biến thành một luồng gió mát lạnh. Vì sao có thể chuyển biến to lớn như thế? Công đức của đức Phật có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn!

Xem Quán Kinh tới đây, hãy ngẫm xem! Công khóa sớm tối chúng ta niệm A Di Đà Phật. Thông thường, hễ có thời gian rảnh rỗi, trong tâm bèn nghĩ đến A Di Đà Phật, niệm Phật, nhớ Phật. Niệm một câu Phật hiệu chính là *“nghe đạo”*. Chúng ta dùng cái tâm chí thành để niệm một câu Phật hiệu, có thể tiêu trừ tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp y hệt, có sức mạnh to lớn ngàn ấy! Do vậy, chúng ta gắng hết sức niệm Phật cho nhiều, niệm một câu Phật hiệu bèn có công đức của một câu Phật hiệu. Có lẽ, quý vị sẽ hỏi: *“Chúng ta niệm Phật nhiều ngàn ấy, vì sao còn có khá nhiều chướng ngại?”* Trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm đã nói rành rẽ: Từ vô thủy kiếp tới nay, bọn chúng ta luôn tạo nghiệp. Nếu tội nghiệp có hình tướng, tận cùng hư không đều chẳng có cách nào dung nạp. Có thể thấy là chúng ta tạo tội nghiệp quá ư là nhiều. So sánh giữa tám mươi ức kiếp và *“từ vô thủy kiếp”*, vẫn chẳng thấm vào đâu! Vì thế, chúng ta niệm một câu Phật hiệu, mặc dầu có thể tiêu khá nhiều tội nghiệp, chúng ta còn có nhiều tội

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nghiệp chẳng tiêu hơn nữa. Do mối quan hệ này, chúng ta phải dấy lên tín tâm, dấy lên nguyện lực, tận lực niệm như vậy, niệm tự nhiên. Do niệm Phật, tự nhiên là tội nghiệp tiêu trừ, giảm khinh mỗi ngày. Nếu chẳng tiêu trừ được, chúng ta vẫn có thể đời nghiệp vãng sanh, sẽ chẳng có vấn đề gì! Thoạt nhìn, mọi người đều có thiện căn, như người ngu trong kinh này khi lâm chung mới gặp gỡ thiện tri thức, còn mọi người chúng ta hiện thời đang lúc tuổi trẻ, ngày tháng còn dài, nay đã có cơ hội tiếp xúc Phật pháp, học pháp môn Tịnh Độ. Thiện căn ấy chẳng phải là tiểu thiện căn, mà đại thiện căn rất to. Có thiện căn to tát ngàn ấy, nếu một mực tinh tấn tu tập, trong tương lai, vãng sanh nhất định là chẳng có vấn đề gì! Trên đây là nói về nguyên nhân vãng sanh, phần kinh văn tiếp theo đây sẽ nói về cái duyên vãng sanh.

(Kinh) Xuy chur thiên hoa, hoa thượng giai hữu Hóa Phật, Bồ Tát, nghênh tiếp thử nhân.

(經)吹諸天華。華上皆有化佛菩薩，迎接此人。

(Kinh: Thổi các hoa trời, trên hoa đều có Hóa Phật, Bồ Tát, nghênh tiếp người này).

“Xuy chur thiên hoa”: Nói tới gió trong mát được biến hóa ra [như đã nói trong đoạn trước] thổi hoa trời từ cõi trời rơi xuống. “Hoa thượng giai hữu Hóa Phật, Bồ Tát”: Trên mỗi hoa, đều có biến hóa Phật và biến hóa Bồ Tát, “Phật” chỉ A Di Đà Phật, “Bồ Tát” là Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát và còn có rất nhiều vị Bồ Tát nữa, đều là thân biến hóa. Những vị Hóa Phật, Hóa Bồ Tát ấy đến “nghênh tiếp thử nhân”, đều đến nghênh tiếp người sắp đọa địa ngục ấy. Người ấy không chỉ đọa địa ngục, mà còn có những vị Hóa Phật đến nghênh tiếp người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dưới đây là đoạn thứ ba, nói về sự chánh thức vãng sanh.

(Kinh) Như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung liên hoa chi nội.

(經)如一念頃，即得往生七寶池中蓮華之內。

(Kinh: Như trong khoảng một niệm liền được vãng sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu).

Đoạn này nói thời gian vãng sanh hết sức mau chóng. “*Như nhất niệm khoảnh*”, dường như trong khoảng một niệm. Thời gian đây một niệm nhanh ngần ấy, chúng ta đây lên một niệm, thậm chí chính mình còn chưa cảm thấy, gần như vừa niệm ấy vừa xuất hiện [đã vãng sanh xong], nhanh chóng như vậy đó! Trong khoảng một niệm, “*tức đắc vãng sanh*”, người ấy có thể vãng sanh. Sanh về nơi đó thì sao? “*Thất bảo trì trung liên hoa chi nội*” (Trong hoa sen nơi ao bảy báu): Vãng sanh trong ao bảy báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong ao bảy báu có rất nhiều hoa sen, [người ấy] sanh trong hoa sen. Kinh văn rất văn tất, hề sanh vào trong hoa sen, hoa sen liền bao phủ người ấy.

(Kinh) Kinh u lục kiếp, liên hoa nữ phu. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dĩ phạm âm thanh, an ủi bỉ nhân, vị thuyết Đại Thừa thậm thâm kinh điển. Văn thử pháp dĩ, ứng thời tức phát vô thượng đạo tâm.

(經)經於六劫，蓮華乃敷。觀世音、大勢至，以梵音聲，安慰彼人，為說大乘甚深經典。聞此法已，應時即發無上道心。

(Kinh: Trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng Phạm âm an ủi người đó, vì người đó nói kinh điển Đại Thừa rất sâu. Nghe pháp ấy rồi, ngay lập tức phát vô thượng đạo tâm).

“*Kinh u lục kiếp*”: Người vãng sanh ấy trải qua thời gian sáu kiếp dài ngần ấy, “*liên hoa nữ phu*”, hoa sen bèn nở. Khi hoa sen nở, người ấy chẳng thấy Phật, mà thấy “*Quán Thế Âm, Đại Thế Chí*” Bồ Tát. Hai vị đại Bồ Tát ấy “*dĩ phạm âm thanh*”, “*phạm âm thanh*” là âm thanh thanh tịnh của Phạm Thiên trong thế gian này. Nói đến âm nhạc, âm nhạc trong nhân gian đâu hay đến đâu đi nữa, vẫn chẳng thể sánh bằng phạm âm. Đó là thanh tịnh, thanh tịnh nhất, đẹp đẽ nhất! Hai vị đại Bồ Tát dùng âm thanh đẹp đẽ giống như phạm âm thanh để “*an ủi bỉ nhân*”. Không chỉ là an ủi kẻ đó, lại còn “*vị thuyết Đại Thừa thậm thâm kinh điển*”, vì người ấy giảng kinh điển Đại Thừa rất sâu. “*Văn thử pháp dĩ*”, người ấy nghe đạo lý trong kinh điển Đại Thừa rất sâu, “*ứng thời*”, ngay lập tức, vào đúng lúc ấy “*tức phát vô thượng đạo tâm*”, phát vô thượng đạo tâm chính cái tâm nhất định mong cầu thành Phật, phát tâm thành Phật.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Hạ Phẩm Trung Sanh và Hạ Phẩm Thượng Sanh còn có chỗ khác biệt, quý vị có thể đối chiếu để thấy: Hạ Phẩm Thượng Sanh là sau khi vãng sanh bốn mươi chín ngày, hoa sen mới nở, tức là trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen bèn nở. Hạ Phẩm Trung Sanh phải trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở. Thời gian lâu hơn bốn mươi chín ngày. Lại nữa, Hạ Phẩm Thượng Sanh phải sau mười tiểu kiếp mới trọn đủ Bách Pháp Minh Môn, nhưng Hạ Phẩm Trung Sanh chẳng trọn đủ Bách Pháp Minh Môn, chỉ nói “nghe pháp xong, phát vô thượng đạo tâm”. Trong phẩm trên, [kinh văn có nói] sau bốn mươi chín ngày, sau khi hoa sen nở, nghe hai vị Bồ Tát thuyết pháp, [hành giả] liền phát vô thượng đạo tâm. Ở đây, là trải qua sáu kiếp mới phát vô thượng đạo tâm, đây là chỗ khác biệt đôi chút. Phải biết: Thời gian sáu kiếp tuy dài, nhưng ở trong hoa sen còn hơn ở trong hoàng cung của nhân gian rất nhiều. Đừng nói là hoàng cung chẳng sánh bằng hoa sen, ngay cả thiên cung trên cõi trời cũng chẳng sánh bằng hoa sen. Do vậy, tuy hoa sen sáu kiếp mới nở, nhưng ở trong ấy, hết sức hưởng thụ, hết sức sung sướng. Chúng ta phải liễu giải điều này.

(Kinh) Thị danh Hạ Phẩm Trung Sanh giả.

(經)是名下品中生者。

(Kinh: Đó gọi là Hạ Phẩm Trung Sanh).

Sau khi đã nói nhân duyên vãng sanh và lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh như trên đây, bèn dùng câu trên đây để kết luận. Đó là Hạ Phẩm Trung Sanh. Hôm nay tôi nói đến chỗ này.

Tập 49

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu, xin mở kinh bốn, bắt đầu từ hàng thứ hai ở cuối trang hai mươi chín. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

(Kinh) Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy: “Hạ Phẩm Hạ Sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác bất thiện nghiệp, Ngũ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện. Như thử ngu nhân, dĩ ác nghiệp cố, ung đọa ác đạo, kinh lịch đa kiếp, thọ khổ vô cùng. Như thử ngu nhân, lâm mạng chung thời, ngộ thiện tri thức, chủng chủng an ủy, vị thuyết diệu pháp,

giáo linh niệm Phật. Bĩ nhân khổ bức, bất hoàng niệm Phật. Thiện hữu cáo ngôn: - Nhữ nhược bất năng niệm bĩ Phật giả, ưng xưng Vô Lượng Thọ Phật. Như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cố, ư niệm niệm trung, trừ bất thập ức kiếp sanh tử chi tội”.

(經) 佛告阿難，及韋提希：下品下生者，或有眾生，作不善業，五逆十惡，具諸不善。如此愚人，以惡業故，應墮惡道，經歷多劫，受苦無窮。如此愚人，臨命終時，遇善知識，種種安慰，為說妙法，教令念佛。彼人苦逼，不遑念佛。善友告言：汝若不能念彼佛者，應稱無量壽佛。如是至心，令聲不絕，具足十念，稱南無阿彌陀佛。稱佛名故，於念念中，除八十億劫生死之罪。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan và bà Vi Đề Hy: “Hạ Phẩm Hạ Sanh là nếu có chúng sanh, tạo nghiệp chẳng lành, Ngũ Nghịch, Thập Ác, đủ các điều bất thiện. Kẻ ngu như thế, do vì ác nghiệp, đáng đọa ác đạo trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Kẻ ngu như thế, khi lâm chung, gặp thiện tri thức an ủi mọi lẽ, nói diệu pháp cho người ấy, truyền bảo niệm Phật. Người đó bị sự khổ bức bách, chẳng rảnh rang để niệm Phật. Bạn lành bảo rằng: ‘Nếu người không thể niệm đức Phật ấy, hãy nên xưng danh Vô Lượng Thọ Phật’. Chí tâm như thế, khiến cho tiếng niệm chẳng dứt, trọn đủ mười niệm, xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm, trừ tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp”).

Hôm nay, nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh. Sau khi nói xong phần Hạ Phẩm Hạ Sanh, mười sáu phép Quán trong Quán Kinh coi như đã giảng xong. Ở đây, phải đặc biệt chú ý: Thông thường, chúng ta học Tiểu Bản Di Đà Kinh, tức Phật Thuyết A Di Đà Kinh, bộ kinh ấy chuyên dạy về Trì Danh Niệm Phật, mà phần trước của Thập Lục Quán Kinh chủ yếu là nói về Quán Tưởng Niệm Phật. Quán Tưởng Niệm Phật phải có trí huệ rất cao, năng lực lý giải rất mạnh, lại còn phải hội đủ các điều kiện thì mới có thể dùng công phu ấy. Còn như kẻ bình phàm, rất khó sử dụng Quán Tưởng Niệm Phật. Vì lẽ này, sau khi Thập Lục Quán Kinh nói

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

xong phép Quán thứ mười ba, chẳng nói về cách Quán Tướng Niệm Phật nữa, bắt đầu từ phép Quán thứ mười bốn, mười lăm và mười sáu, bèn giảng giải phương pháp vãng sanh trong ba bậc chín phẩm. Ba bậc chín phẩm là bậc Thượng có ba phẩm, tức Thượng Phẩm, Trung Phẩm, và Hạ Phẩm. Bậc Trung cũng chia thành ba phẩm Thượng, Trung, Hạ, cho đến phép Quán thứ mười sáu nói về ba phẩm thuộc bậc Hạ. Trong các phần trước đã nói về Hạ Phẩm Thượng Sanh và Hạ Phẩm Trung Sanh; hôm nay, tôi sẽ nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh.

Chúng tôi vừa mới đọc kinh văn, mọi người cũng đã thấy: Người Hạ Phẩm Hạ Sanh là chúng sanh tạo ác nghiệp hết sức nhiều, nhưng khi mạng chung, gặp thiện tri thức, kết quả là người ấy có thể vãng sanh. Đúng là chuyện phi phạm! Sau khi chúng ta liễu giải sự thật này, hãy đặc biệt nghĩ: Chúng ta tu pháp môn Trì Danh Niệm Phật, chỉ cần dựa theo phương pháp đề tu trì, trong một đời này, tuyệt đối có thể thành tựu vãng sanh. Một mai, thành tựu vãng sanh, vấn đề to lớn là luân hồi trong lục đạo từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay đã được giải quyết hoàn toàn. Vì vậy, có thể thấy pháp môn này quá trọng yếu! Trong kinh cũng có nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Chúng ta đã được làm thân người, cũng được nghe Phật pháp, đặc biệt là nghe pháp môn Trì Danh Niệm Phật có thể thành tựu ngay trong đời này. Hãy ngẫm xem! Nhân duyên đó chẳng phải là ngẫu nhiên, ắt cũng là do từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay gieo thiện căn thì mới có thể nghe pháp môn thuần túy tốt đẹp này. Sau khi liễu giải tầm quan trọng của pháp môn này, chúng ta ở trong nhân gian, hãy ngẫm xem, bất luận gặp phải bất cứ vấn đề khó khăn nào, đều cảm thấy chẳng khăn yếu, chẳng có liên quan gì! Vấn đề dẫu khó khăn cách mấy, vẫn chẳng thể sánh bằng vấn đề sanh tử. Vấn đề sanh tử đã được giải quyết, há còn có những vấn đề to lớn nào khác nữa ư? Do vậy, trong hàng ngày, chúng ta gặp gỡ, bất luận trong phương diện công tác, hoặc phương diện sự vụ bình thường, khi tiếp xúc, qua lại cùng người khác, chuyện đặc ý hay chuyện trái ý, đều chẳng thể tốt đẹp bằng pháp môn Niệm Phật. Sau khi chúng ta học pháp môn này, ngàn muôn phần đừng bị ảnh hưởng bởi chuyện tốt xấu trong thế gian. Thuận cảnh trong thế gian cố nhiên chẳng ảnh hưởng chúng ta tu pháp môn này. Đối với nghịch cảnh, dẫu là hoàn cảnh chẳng tốt đến mấy đi nữa, cũng chẳng bị ảnh hưởng. Đối với điều này, khi chúng ta nghiên cứu Hạ Phẩm Hạ Sanh, phải đặc biệt có nhận thức này!

Hãy xem kinh văn: “*Phật cáo A Nan, cập Vi Đề Hy*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan và phu nhân Vi Đề Hy. Hai vị này là bậc

đương cơ của Thập Lục Quán Kinh. “*Hạ Phẩm Hạ Sanh giả*”, trước hết nêu ra danh xưng của phẩm này. “*Hoặc hữu chúng sanh, tác bất thiện nghiệp*” (Nếu có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện): Người Hạ Phẩm Hạ Sanh là hạng người nào? Loại chúng sanh này tạo nghiệp bất thiện, tức là chúng sanh tạo ác nghiệp. Nếu tu pháp môn bình thường, kẻ ấy chẳng có nhân cách của một người bình phạm, chẳng đáng gọi là “một người kiện toàn”. Kẻ gây tạo nghiệp bất thiện tức là tạo ác nghiệp, tạo những ác nghiệp gì? Gây lộn hoặc chửi bới người khác, trộm cắp, cướp đoạt, đều là những ác nghiệp. “*Ngũ Nghịch, Thập Ác*”, Ngũ Nghịch là năm thứ đại nghịch bất đạo. Chẳng cần nói chi tiết về Ngũ Nghịch, chỉ nói những chuyện chúng ta dễ hiểu: Giết cha hay mẹ của chính mình. Đây là chuyện đại nghịch bất đạo. Hoặc giết người đã chứng quả vị La Hán, đây cũng là đại nghịch. Lại còn có kẻ làm thân Phật chảy máu. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, có chúng sanh ác độc từ trên núi đẩy một tảng đá lớn xuống, mong sẽ đè chết Phật. Bậc đã thành Phật có còn gặp phải tai nạn ấy hay chẳng? Bị hộ pháp Vi Đà Bồ Tát ở trong hư không dùng chày kim cương ngăn đỡ, chỉ rớt một miếng đá nhỏ văng trúng chân đức Phật, chảy máu. Đó là “*xuất Phật thân huyết*”, cũng là một tội ác lớn. Nay Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng tại thế (không trụ trong thế gian này), giả sử có chúng sanh hủy hoại Phật pháp, hủy hoại tượng Phật, trong tâm ôm giữ ý niệm tội ác, đều là phạm tội to lớn giống hệt, đều là đại nghịch bất đạo. Phạm tội to lớn ấy, đáng sợ thay! Có nhân, ắt có quả! Chẳng thể nào không đọa địa ngục. Đọa địa ngục gì vậy? Địa ngục có rất nhiều loại, loại khổ nhất gọi là A Tỳ địa ngục. Phạm tội Ngũ Nghịch, tất nhiên đọa vào A Tỳ địa ngục. Thập Ác là mười loại ác nghiệp, thân tạo giết, trộm, dâm, miệng tạo bốn thứ ác nghiệp như vọng ngữ v.v... Ý có ba thứ ác nghiệp là tham, sân, si. “*Cụ chư bất thiện*” (Trọn đủ các điều bất thiện), “*cụ*” (具) là nói gộp chung, tất cả tội ác đều tạo (“*cụ*” là hoàn toàn). Mọi thứ đại tội nghiệp thuộc về Ngũ Nghịch Thập Ác đều tạo, còn có những tội nghiệp nhỏ hơn cũng đều tạo, thì gọi là “*cụ chư bất thiện*”.

“*Như thử ngu nhân*”, “*như thử*” (如此) là giống như vậy, kẻ không điều ác nào chẳng làm như thế, đương nhiên là kẻ ngu. Người có trí huệ có dám tạo ác nghiệp hay chẳng? “*Di ác nghiệp cố*”, vì tạo ác nghiệp nhiều ngàn ấy, do nhân duyên ấy, “*ưng đọa ác đạo*”, đáng phải nên đọa lạc trong ác đạo. Ác đạo nặng nhất chính là địa ngục đạo. “*Kinh lịch đa kiếp, thọ khổ vô cùng*” (Trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng), hễ đọa địa ngục thì kinh khủng lắm! Thọ mạng trong địa ngục dài nhất,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thọ mạng trong nhân gian ngắn ngủi. Ngắn ngủi vài chục năm, hoặc một trăm năm, qua đi rất nhanh. Trên cõi trời, thọ mạng trong Dục Giới Thiên dài hơn nhân gian, Sắc Giới Thiên dài hơn nữa, nhưng hễ đọa địa ngục, thọ mạng sẽ là khôn sánh! Ở trong ấy, thọ mạng dài ngàn ấy để làm gì? Chẳng phải là để hưởng thụ, mà là để chịu khổ. Địa ngục rất khổ, trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện có nói đủ mọi tình huống khổ sở trong cõi địa ngục, quá đáng sợ! Vì thế, hễ tạo đại tội Ngũ Nghịch, tất nhiên phải đọa trong địa ngục. Hễ đọa vào địa ngục, sẽ “*kinh lịch đa kiếp*” (trải qua nhiều kiếp). Thọ mạng của chúng ta trong nhân gian là vài chục năm, chốc lát sẽ qua đi, đọa vào địa ngục sẽ là “*nhiều kiếp*”, có thể thấy lâu dài cỡ nào! Trong địa ngục, kinh văn hình dung: “*Thọ khổ vô cùng*”, nghĩa là đau khổ không chịu nổi. Chịu không nổi sẽ chết, nhưng sau khi đã chết, gió nóng trong địa ngục vừa thổi qua, sẽ sống lại, giống như hình pháp của quốc gia vào thời cổ, dùng hình phạt để trừng trị tội nhân. Để lấy khẩu cung, dùng trượng đánh cho đến hôn mê; sau đó, dùng nước xối lên để kẻ ấy tỉnh lại. Trong địa ngục, hứng chịu mọi nỗi khổ, bị đủ mọi dụng cụ hành hình giáng xuống thân. Chịu không nổi bèn chết, đã chết rồi sống lại. Chịu tội như vậy, trải qua nhiều kiếp, mới có thể thoát ra. Sau khi thoát ra, hoàn toàn chẳng phải là ngay lập tức sanh vào cõi trời hoặc nhân gian. Trọn chẳng được tiện nghi như vậy! Từ địa ngục thoát ra, do hãy còn có tội báo chưa giải quyết xong, chẳng sanh vào quý đạo, sẽ sanh trong súc sanh đạo, vẫn là thọ báo trong tam đồ. Sau khi đã thọ báo xong, mới sanh vào nhân gian, hoặc sanh vào những đường khác. Hãy ngẫm xem, hễ đọa vào địa ngục, khi nào mới có thể thoát ly hoàn cảnh đau khổ ấy? Nghĩ đến đây, đáng sợ quá!

Chúng ta thấy trong kinh văn có nói: Kẻ ngu tạo ác nghiệp nhiều như thế, nhất định là sẽ đọa địa ngục, sẽ trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Nhưng chúng ta hãy ngẫm xem: Hiện thời, tất cả mọi người chúng ta đều học đạo, cũng chẳng thể tạo những ác nghiệp ấy, nhưng chúng ta thấy chúng sanh trong thời đại này, bất luận chỗ nào trong nước hay ngoài nước, đều có hạng chúng sanh tội ác ấy. Xét theo phương diện báo chí và truyền thông tại Đài Loan, chuyện giết cha, giết mẹ rất nhiều! Tuy chúng ta chẳng tạo ác nghiệp, nhưng các vị phải liễu giải: Phật pháp là tâm pháp. Khi đã hiểu tâm pháp, sẽ biết những chuyện ấy hết sức nguy hiểm. Duy Thức Học đã nói rõ ràng: Những việc chúng ta mắt thấy, tai nghe, dường như chuyện đó chẳng dính dáng đến ta. Lấy ngay chuyện “giết cha, giết mẹ” để nói, vốn là kẻ khác tạo ác nghiệp, chúng ta do xem TV hay đọc báo chí mà thấy biết chuyện đó. Sự thật ấy sẽ từ Nhĩ Thức

hoặc Nhân Thức truyền tới thức thứ tám, tàng trữ trong thức thứ tám, trở thành một chủng tử trong thức thứ tám. Chủng tử ác nghiệp ấy trong tương lai, khi gặp bao nhiêu duyên phận, nhân duyên hội đủ (chủng tử là nhân), nó sẽ từ thức thứ tám đẩy lên hiện hành, sẽ biến thành [ác nghiệp] của chính mình.

Người học giáo dục sẽ biết, vốn là mô phỏng, mô phỏng thì trước hết phải hấp thụ từ kẻ khác, ấn tượng in vào trong ý thức của chính mình, sau đấy, lại từ tâm lý của chính mình biểu hiện. Đây là mô phỏng người ta. Sau khi đã mô phỏng cho đến khi biểu hiện thành hành vi của chính mình, chẳng phải là chính mình thì là ai vậy? Vì thế, đừng nghĩ “nay chúng ta đang học Phật, nay chúng ta chẳng tạo tác những chuyện ấy”. Nếu chúng ta chẳng học pháp môn Niệm Phật cầu đời nghiệp vãng sanh thế giới Cực Lạc, học Phật ở trong thế gian này, chúng ta tiến tới một bước đã bị hoàn cảnh ác nghiệp đầy dẫy kéo tuột về sau, lùi lại mấy bước! Chúng ta thời thời khắc khắc tiếp xúc hoàn cảnh xấu hèn và chúng sanh tạo ác nghiệp ở bên ngoài. Chúng ta chẳng có tâm lý học theo, nhưng tự nhiên giống như một cái máy chụp hình, tự nhiên chụp [hoàn cảnh bên ngoài] đưa vào trong tâm. Sau khi đã “chụp hình” rồi, trong tương lai, nhân duyên hội đủ, chính mình sẽ biểu diễn, đáng sợ ngàn ấy! Chúng ta học Phật, cố nhiên phải khuyên bảo người khác học Phật, quan trọng nhất là chính mình phải luôn đề cao cảnh giác. Trong hiện thời, chẳng học pháp môn Niệm Phật, chẳng học Trì Danh Niệm Phật, chẳng cầu đời nghiệp vãng sanh ngay trong đời này, hễ chuyển thế sanh sang đời sau, tình huống xấu hèn đến mức độ nào, bản thân chúng ta chẳng dám tưởng tượng!

“Nhu thử ngu nhân, lâm mạng chung thời, ngộ thiện tri thức”: Kẻ ngu si ấy, tạo lắm ác nghiệp ngàn ấy, đến khi thọ mạng chấm dứt, tức là sắp chết, nào ngờ gặp thiện tri thức. Vị thiện tri thức ấy thông hiểu Phật pháp, *“chủng chủng an ủi, vị thuyết diệu pháp”*, [nghĩa là] vị thiện tri thức ấy dùng đủ mọi phương pháp để an ủi kẻ ngu (mọi người học Bồ Tát đạo, thông hiểu Phật pháp, khuyên người khác học Phật, đều là thiện tri thức). Vị thiện tri thức ấy chẳng vì kẻ ngu ấy đã tạo đủ mọi ác nghiệp trước đó mà chán ghét kẻ ấy. Tới lúc đó, thấy kẻ ấy sắp chết, bèn phát tâm từ bi, dùng đủ mọi phương pháp để an ủi kẻ đó. Trước hết, khiến cho cái tâm người ấy an định, vì kẻ ấy nói diệu pháp, tới khi một người sắp chết thì bất cứ đạo lý nào trong thế gian, bất cứ loại học vấn thế gian nào dẫu hay ho cách mấy đi nữa, cũng đều vô dụng. Dẫu là một nhà đại học vấn trên thế giới đi nữa, tới khi ấy, cũng đều vô dụng. Dẫu có tiền

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

bạc thì đến khi ấy cũng chẳng mua được [mạng sống], cũng chẳng có cách nào! Chỉ có Phật pháp, Phật pháp là diệu pháp. Sau khi đã vì người ấy nói diệu pháp, “*sắc linh niệm Phật*” [nghĩa là thiện tri thức] dạy người ấy hãy ngay lập tức niệm Phật. Quý vị hãy xem phần văn tự ở đây, phải hiểu diệu pháp, dựa trên diệu pháp để niệm Phật. Hiểu đạo lý niệm Phật chính là mức độ rất cao!

“*Thử nhân khổ bức, bất hoàng niệm Phật*”: Kẻ ngu tạo ác nghiệp ấy, bị đau khổ bức bách, nỗi khổ ngày càng dồn đến gần, chẳng kịp niệm Phật. “*Bất hoàng*” (不遑) là chẳng có lúc rảnh rang, xảy đến chẳng kịp trở tay! Nói cách khác, cũng chẳng có cách nào niệm Phật. Chẳng kịp niệm Phật thì khi ấy phải làm sao? Đã hiểu đạo lý, nhưng niệm Phật chẳng kịp. Quý vị có thể suy ra mà biết! Do vậy, nghiên cứu kinh văn thì phải “*tùy văn nhập Quán*”. Đối với tình huống đã nói trong kinh văn, kẻ tạo ác nghiệp khi lâm chung hứng chịu đau khổ, đâu có thiện tri thức chỉ dạy, nhưng chẳng niệm Phật được, nơi cửa ải sanh tử ấy, có thể nói là khổ sở rất khó tưởng tượng được!

“*Thiện hữu cáo ngôn: Nhữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả, ưng xưng Vô Lượng Thọ Phật*”. “*Thiện hữu*” (善友) là thiện tri thức bảo kẻ ngu: “Nếu người không thể niệm đức Phật ấy, nếu người chẳng thể hiểu đạo lý như đã nói trên đây để niệm Phật, hãy nên xưng Vô Lượng Thọ Phật”. Xưng (稱) là xưng danh. Coi như là trong tâm chẳng thể định, chẳng có cách nào niệm Phật như vậy. Hễ miệng còn có thể động, chẳng quản trong tâm loạn đến cỡ nào, đau khổ như thế nào, nay người chỉ cần nghe lời ta, miệng người gắng gượng phát ra tiếng niệm Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là A Di Đà Phật (dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Thọ Phật, tiếng Ấn Độ là A Di Đà Phật). “*Ưng xưng*” (Hãy nên xưng niệm): “*Xưng*” (稱) là dùng miệng phát ra âm thanh, [thốt ra] âm thanh từng chữ một, niệm chẳng ngừng, dạy người ấy cách thức như vậy. Tuy trong tâm chẳng niệm được, trước hết, hãy dùng miệng để phát ra âm thanh hồng niệm như vậy. “*Như thử chí tâm, linh thanh bất tuyệt*”: Chí tâm như vậy, dùng âm thanh dẫn phát tâm lý người ấy (cái tâm vốn loạn), từ miệng gắng gượng phát ra âm thanh từng chữ, dẫn dắt tâm lý đang khổ sở của người ấy, nhất tâm cầu cứu, cầu A Di Đà Phật tới cứu kẻ ấy, khiến cho âm thanh xưng niệm Phật chẳng dứt, chớ nên đoạn dứt, âm thanh vẫn một mực gìn giữ mãi. “*Cụ túc thập niệm, xưng Nam-mô A Di Đà Phật*” (Đầy đủ mười niệm, xưng Nam-mô A Di Đà Phật), mười niệm là gì? Mười niệm là mười hơi. Một hơi có bao nhiêu câu niệm Phật,

niệm mười hơi gọi là “*thập niệm*”. Mười hơi ấy đều là kêu gọi. “*Xưng*” là hô hoán. Một kẻ đang đau khổ, tuyệt vọng sẽ phát ra tiếng hô hoán, hô hoán Nam-mô A Di Đà Phật. Tiếp tục niệm chẳng ngừng, niệm suốt mười hơi!

“*Xưng Phật danh cố, ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội*”, do nguyên nhân xưng danh Phật, khi niệm mỗi câu Phật hiệu, sẽ trừ diệt tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Thời gian tám mươi ức kiếp rất dài! Thời gian một kiếp dài cỡ nào? Từ một tấc đến mười, đến trăm, đến ngàn, lại tăng đến tám mươi ức, hãy ngẫm xem, thời gian ấy dài cỡ nào? Nói theo chúng sanh trong nhân đạo, cổ nhân bảo: “*Nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (Người sống đến bảy mươi tuổi xưa nay hiếm). Dẫu tuổi thọ đến một trăm tuổi, [tức là] sống đến một trăm năm, mười đời mới là một ngàn năm, một trăm đời mới là một vạn năm, một vạn năm đem so với một kiếp, nhỏ bé đến nỗi đáng thương! Kẻ ấy đời đời kiếp kiếp tạo ác nghiệp, tội nghiệp sanh tử đã tạo tích lũy trong tám mươi ức kiếp dài lâu như vậy, do niệm một câu Phật hiệu, khiến cho những tội nghiệp sanh tử đã tạo lập tức trừ diệt. Hãy ngẫm xem, danh hiệu A Di Đà Phật chẳng nghĩ bàn như thế đó!

Đoạn này nói về cái nhân vãng sanh của chúng sanh ấy (nguyên nhân vãng sanh), chúng ta phải đặc biệt chú ý: Vì sao chúng sanh ác nghiệp như vậy có thể vãng sanh? Điều quan trọng nhất là: Khi kẻ ấy lâm chung, có thể gặp thiện tri thức. Chẳng gặp thiện tri thức, nhất định sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ! Vì sao có thể gặp thiện tri thức? Bất cứ chúng sanh nào chẳng cần biết đời này đã tạo tội ác như thế nào, trong đời trước, ít nhiều thì cũng đã làm những việc thiện, gieo các thiện căn. Thiện căn lớn nhất, quan trọng nhất chính là nghe Phật pháp. Trong phần trước, tôi đã nói: Trong hiện thời, chúng ta ở trong thế gian này, thấy nghe những tội Ngũ Nghịch sát hại cha mẹ, những ân tượng ấy gieo vào ruộng tám thức, biến thành chủng tử của chính mình. Đây là một phương diện chẳng tốt lành. Nói ngược lại, những phương diện tốt lành khác như nghe Phật pháp, thậm chí chỉ nghe một câu danh hiệu Phật, cũng in vào ruộng tám thức, biến thành chủng tử của chính mình. Chủng tử ấy chính là thiện căn. Kẻ ngu ấy trong đời quá khứ tất nhiên là đã nghe Phật pháp, nhất là nghe danh hiệu A Di Đà Phật. Vì thế, trong khi sanh tử then chốt này, sẽ gặp gỡ thiện tri thức. Nếu chẳng có may mắn nhân duyên với Phật pháp, sẽ chẳng thể gặp gỡ. Nói theo phương diện này, chúng ta hành Bồ Tát đạo, hãy truyền bá Phật hiệu và Phật pháp cho

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

nhieu, bất luận kẻ khác tin tưởng hay không, đều khiến cho kẻ khác gieo trồng thiện căn, sẽ đều là công đức vô lượng.

Còn một tầng ý nghĩa nữa chúng ta phải chú ý: Đừng nghĩ [do thấy] chúng sanh ác nghiệp như vậy, lâm chung gặp gỡ thiện tri thức bèn có thể vãng sanh, [bèn tưởng rằng kẻ ác nào lúc lâm chung cũng có cơ hội vãng sanh như vậy], kẻ bình phạm chẳng thể chắc ăn như thế đâu nhé! Nói theo người bình phạm, tỷ lệ ấy đã ít ỏi lại càng ít ỏi hơn! Hãy xem những kẻ tạo ác trong hiện thời, khi lâm chung đều có thể gặp thiện tri thức hay không? Đều có thể vãng sanh hay không? Nếu đúng là như vậy, mọi người cứ tạo ác nghiệp thoải mái, dẫu sao đến khi lâm chung, sẽ có thiện tri thức tới nhắc nhở, cơ hội ấy quá ít! Chúng ta niệm Phật đã nhiều năm, vẫn chẳng dám tạo ác nghiệp, mà tận tâm tận lực tạo thiện nghiệp, vẫn e ngại trong tương lai, đến lúc lâm chung, chẳng có ai giúp chúng ta trợ niệm, sợ hãi chính mình không thể chánh niệm phân minh, hưởng hồ kẻ tạo ác nghiệp! Có thể nào dự đoán sẵn sẽ có thiện tri thức đến [giúp đỡ]? Chẳng thể đoán quyết điều đó được! Bản thân chúng ta nhất định phải khéo cảnh giác. Tổ sư khai thị: Thường ngày, hãy đừng làm các điều ác, vãng làm các điều lành. Đó chính là trợ công phu, phải đặc biệt chú trọng. Chánh công phu là niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật, như vậy thì mới ổn thỏa.

Dưới đây là đoạn thứ hai:

(Kinh) Mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa, do như nhật luân, trụ kỳ nhân tiền.

(經)命終之時，見金蓮華，猶如日輪，住其人前。

(Kinh: Khi mạng chung, thấy hoa sen vàng như vàng mặt trời, ở trước người ấy).

“Mạng chung chi thời”: Khi kẻ ngu ấy mạng chung, còn chưa tắt thở, “kiến kim liên hoa”, trông thấy hoa sen vàng, tức hoa sen kim sắc. “Do như nhật luân”, rực rỡ như vàng thái dương to lớn, “trụ kỳ nhân tiền” (ở trước người ấy), dừng ngay trước mặt người sắp vãng sanh. Đoạn thứ hai này nói về duyên, đoạn thứ nhất trong phần trên là nhân. [Do cái nhân ấy] cảm ứng cái duyên này, cảm ứng hoa sen kim sắc đến tiếp dẫn người ấy.

Dưới đây là đoạn thứ ba:

(Kinh) Như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới.

(經)如一念頃，即得往生極樂世界。

(Kinh: Như trong khoảng một niệm, liền được sanh về thế giới Cực Lạc).

Đây là đoạn thứ ba, hai đoạn trước nói về nhân và duyên đầy đủ, đoạn thứ ba nói về sự chánh thức vãng sanh, vãng sanh nhanh chóng, nhanh chóng cỡ nào? “*Như nhất niệm khoảnh*” (Như trong khoảng một niệm), chúng ta dấy lên một niệm nhanh lắm! Khi một người sơ ý, sẽ dấy lên vài niệm mà vẫn chưa biết. Thời gian vừa mới dấy lên một niệm ngắn ngủi nhất, nhưng trong khoảng thời gian ngắn ngủi, tạm bợ ấy, chữ “*khoảnh*” (頃) chỉ thời gian. Trong thời gian ngắn ngủi như một niệm, “*tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*”, bèn sanh về thế giới Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi Phật xa xôi ngàn ấy, vãng sanh thế giới Cực Lạc! Đó là sự chánh thức vãng sanh.

Đọc kinh văn đến đây, nghiên cứu bộ kinh này, [sẽ thấy] vãng sanh chẳng có vấn đề gì, vãng sanh tốt đẹp lắm! Vãng sanh rất thuận lợi! Nếu dùng kinh khác để đối chiếu, [sẽ thấy] hãy còn có một vấn đề, tổ sư có chú giải. Lấy ngay ba kinh Tịnh Độ để nói, trong đó có kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà Phật khi làm tỳ-kheo Pháp Tạng, đã đối trước Thế Tụ Tại Vương Phật, phát ra bốn mươi tám đại nguyện. Trong ấy, Ngài có nói chúng sanh từ mười phương thế giới muốn sanh về thế giới Cực Lạc, chỉ cần niệm danh hiệu A Di Đà Phật, đức Phật sẽ đều nghênh tiếp người ấy sanh về thế giới Cực Lạc. Nhưng có một điều: Chúng sanh tạo tội Ngũ Nghịch chẳng được bao gồm trong ấy! Nói cách khác, trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ, hễ là chúng sanh tạo tội Ngũ Nghịch, sẽ không thể vãng sanh. Trong bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật này, tức Thập Lục Quán Kinh, lại nói chúng sanh tạo tội Ngũ Nghịch cũng có thể vãng sanh. Đây chẳng phải là một vấn đề ư?

Tổ sư giải thích: Trong bốn mươi tám nguyện, nói “chúng sanh Ngũ Nghịch không thể vãng sanh” nhằm ý nghĩa cảnh cáo, nhằm dạy chúng sanh chớ nên tạo ác nghiệp, nhằm đề phòng chuyện chưa xảy ra. Phạm là đối với những chúng sanh chưa tạo ác nghiệp, răn nhắc họ chớ nên tạo tội nghiệp ấy! Đây là dự phòng trước, có tác dụng ngăn ngừa. Quán Kinh nói tới kẻ đã tạo tội Ngũ Nghịch, tức là đã trót tạo, đức Phật từ bi, A Di Đà Phật từ bi như thế đó! Thấy chúng sanh khổ sở như vậy,

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chỉ cần họ xưng hô danh hiệu Phật, Ngài vẫn đến tiếp dẫn. Đây là đạo lý gì? Nói tỷ dụ! Giống như cha mẹ dạy con thơ chớ nên làm chuyện xấu, chớ nên chạy lung tung bên ngoài. “Nếu con làm chuyện xấu, sẽ chẳng cho con về nhà!” Đó là cảnh cáo trước. Lỡ như con thơ làm chuyện xấu, khi nó chẳng dám về nhà, cha mẹ sẽ lo âu: Đứa con thơ này đi đâu rồi? Tuy nó làm chuyện xấu, lại mong sao trông thấy nó ngay lập tức! Hy vọng nó sẽ gắng hết sức mau quay về nhà. Đó là tâm lý của cha mẹ. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thế, mà A Di Đà Phật cũng thế, bất cứ vị Phật đối với chúng sanh cũng đều có tâm lý giống như cha mẹ đối với con cái. Trước là cảnh cáo để ngăn ngừa con phạm lỗi, dạy con đừng nên làm chuyện xấu. Nếu làm chuyện xấu, vẫn là con cái của chính mình, vẫn nghĩ cách giúp nó sửa lỗi, hướng thiện, quay đầu là bờ. Dựa vào điều này để suy nghĩ, chúng ta có thể thấy đức Phật rất từ bi!

Nhưng chúng ta phải chú ý: Tuy đức Phật từ bi dường ấy, chúng ta vẫn phải bảo những kẻ bình phàm, ngàn muôn phần chớ nên tạo ác nghiệp, đừng ôm giữ tâm lý cầu may, cứ nghĩ chúng ta tạo ác nghiệp thì Phật giống như cha mẹ luôn quan tâm chúng ta, trong tương lai, tất nhiên là vẫn có thể chiếu cố chúng ta. Tuy nói chẳng sai, kẻ ấy khi lâm chung gặp gỡ thiện tri thức [nhắc nhở, nên xưng danh vãng sanh], nhưng nếu chẳng gặp thiện tri thức thì sao? Gặp thiện tri thức, chính mình còn phải nghe lọt tai nữa. Nếu nghiệp chướng quá sâu, chẳng gặp thiện tri thức, hoặc gặp thiện tri thức mà vẫn chẳng nghe theo, vẫn là không được rồi! Sẽ giống như đứa trẻ đã làm chuyện xấu, tuy cha mẹ ở nhà vẫn mong con trở về, nó một mực lạc lối, chẳng quay về, vẫn là chẳng có cách nào cả! Do vậy, tuy Phật chẳng bỏ bất cứ chúng sanh ác nghiệp nào, nhưng tạo một loại ác nghiệp, sẽ là một loại chướng ngại. Có những chướng ngại ấy, đối với chuyện vãng sanh sẽ đều là những vấn đề rắc rối. Do vậy, chính mình chẳng tạo ác nghiệp vẫn tốt hơn. Chẳng tạo ác nghiệp, vãng sanh mới chẳng bị chướng ngại. Chúng ta nhất định phải đặc biệt chú ý điều này!

(Kinh) U liên hoa trung, mãn thập nhị đại kiếp, liên hoa phương khai, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dĩ đại bi âm thanh, vị kỳ quảng thuyết chư pháp Thật Tướng, trừ diệt tội pháp, vãng dĩ hoan hỷ, ứng thời tức phát Bồ Đề chi tâm.

(經)於蓮華中，滿十二大劫，蓮華方開。觀世音、大勢至，以大悲音聲，為其廣說諸法實相，除滅罪法。聞已歡喜，應時即發菩提之心。

(Kinh: Ở trong hoa sen, mãn mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở. Quán Thế Âm và Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi vì người ấy rộng nói Thật Tướng của các pháp và pháp trừ diệt tội. Nghe xong hoan hỷ, ngay lập tức phát Bồ Đề tâm).

Đây là đoạn thứ tư, đoạn này nói về điều tốt lành, lợi ích sẽ đạt được sau khi vãng sanh. Sau khi vãng sanh, người ấy ở trong hoa sen, “*u liên hoa trung*”, hễ vãng sanh bèn sanh trong hoa sen. Hoa sen khép lại, ở ngay trong hoa sen ấy, “*mãn thập nhị đại kiếp*” (mãn mười hai đại kiếp), dài hơn người Hạ Phẩm Trung Sanh. Người Hạ Phẩm Trung Sanh trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở, thời gian [đề hoa sen nở của Hạ Phẩm Hạ Sanh] dài gấp đôi, mười hai đại kiếp! “*Liên hoa phương khai*” (Hoa sen mới nở): Sau khi hoa sen nở, trông thấy hai vị đại Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát. Hai vị Bồ Tát ấy “*dĩ đại bi âm thanh, vị kỳ quảng thuyết chư pháp Thật Tướng*” (dùng âm thanh đại bi để rộng nói Thật Tướng của các pháp), “*dĩ*” (以) là dùng. Dùng âm thanh đại bi, vì người ấy nói phổ biến, rộng rãi Thật Tướng của các pháp, dạy người ấy minh tâm kiến tánh. Thật Tướng là bản tánh. Nói Thật Tướng của các pháp khiến cho người ấy thật sự hiểu rõ tâm pháp. “*Trừ diệt tội pháp*”, nghe Thật Tướng của các pháp chính là pháp trừ diệt tội, là có thể tiêu diệt tất cả tội nghiệp. Sau khi người ấy nghe xong, “*văn dĩ hoan hỷ*” [nghĩa là] nghe Thật Tướng của các pháp là pháp trừ diệt tội, người ấy phát tâm hoan hỷ, “*ứng thời tức phát Bồ Đề chi tâm*”, “*ứng thời*” (應時) là lập tức, sau khi đã nghe, khi sanh lòng hoan hỷ, bèn phát tâm, phát tâm gì? Phát tâm Bồ Đề, giác ngộ, tức là đại tâm thành Phật, bèn phát đại tâm ấy.

Dưới đây là một câu tiêu kết:

(Kinh) Thị danh Hạ Phẩm Hạ Sanh giả.

(經)是名下品下生者。

(Kinh: Đó gọi là Hạ Phẩm Hạ Sanh).

Câu này kết luận phần Hạ Phẩm Hạ Sanh.

Kể đó là hai câu nữa.

(Kinh) Thị danh Hạ Bối sanh tướng, danh đệ thập lục Quán.

(經)是名下輩生想, 名第十六觀。

(Kinh: Đó gọi là tướng sanh trong bậc Hạ, gọi là phép Quán thứ mười sáu).

Hai câu sau này: Đó gọi là bậc Hạ. Ba bậc có chín phẩm. Ba bậc là bậc Thượng, bậc Trung, bậc Hạ. “*Hạ Bối Sanh tướng*” là Hạ Phẩm Thượng Sanh, Hạ Phẩm Trung Sanh, và Hạ Phẩm Hạ Sanh. Ba phẩm này gộp lại gọi là phép Quán thứ mười sáu.

Nói đến đây, chúng ta phải liễu giải Trì Danh Niệm Phật đôi chút. Chúng ta thường nghe thiện tri thức nói: “*Pháp môn Niệm Phật thích hợp khắp ba căn*”. “*Thích hợp khắp ba căn*” là nói tới loại niệm Phật nào? Nói thông thường, niệm Phật có bốn loại phương pháp: Trì Danh Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật tức quán tượng Phật, Quán Tướng Niệm Phật chính là các môn quán tướng trong phần trước của Thập Lục Quán Kinh, và Thật Tướng Niệm Phật. Thật Tướng Niệm Phật chẳng cần nói tới. Đó là cảnh giới niệm Phật cao nhất, chúng ta chẳng thể làm được. Quán Tượng Niệm Phật cũng chẳng đơn giản. Quán Tướng Niệm Phật chính là như trong phần trước chúng tôi đã nói về nhật quán, thủy quán, cho đến quán Tây Phương Tam Thánh, đều chẳng dễ dàng. Nó có trình tự nhất định, tuyệt đối chẳng phải là chúng sanh trong hiện thời [mà hồng tu tập]. Mọi người trong xã hội bận bịu dường ấy, ai có chuyện nầy. Lại còn hoàn cảnh xã hội xấu hèn như thế, chúng ta tu [pháp quán tướng ấy] sao được? Chẳng làm được! Lại chẳng có thiện tri thức thật sự chỉ dạy, bản thân chúng ta chẳng có cách nào vận dụng công phu. Chính mình tu mù luyện đui, hể tu, tất nhiên là hỏng bét rồi. Vì thế, chúng ta chẳng tu Quán Tướng Niệm Phật được, mọi người cũng chẳng cần phải làm theo. Điều quan trọng nhất là Trì Danh Niệm Phật. Không chỉ là kinh Tiểu Bản A Di Đà Phật chuyên giảng [pháp môn này], kinh này nói đến cuối cùng cũng là Trì Danh Niệm Phật. Chúng ta nghiên cứu kinh Phật giống như thường thức thơ ca trong thế gian. Thơ có những ý vượt ngoài ngôn từ. Cách quán tướng nói trong phần trước của bộ Thập Lục

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Quán Kinh này khá lắm, tốt lắm! Chúng ta chẳng làm được! Nói đến cuối cùng, chỉ có Trì Danh Niệm Phật. Người căn khí thượng đẳng không hành quán tướng, mà trì danh niệm Phật, người ấy trí huệ cao, công phu càng mau chóng. Chúng ta là những kẻ trí huệ chẳng đến nơi, trì danh niệm Phật có thành tựu giống hệt. Người thuộc ba loại căn khí Thượng, Trung, Hạ, thích hợp khắp ba căn, trì danh niệm Phật bất luận thượng, trung, hạ căn đều có thể thành tựu. “*Thích hợp khắp ba căn*” chuyên môn nói về Trì Danh Niệm Phật. Chúng ta liễu giải điều này: Tổ sư và thiện tri thức đều dạy chúng ta thật thà niệm Phật. Thật thà niệm Phật là một câu [Phật hiệu], Trì Danh Niệm Phật, bất luận người ta nói pháp môn khác hay ho cỡ nào, chúng ta chẳng bỏ một câu Phật hiệu, cứ thật thà một mực niệm miết, nhất định sẽ thành tựu. Hôm nay, tôi giảng đến chỗ này bèn ngưng.

Tập 50

Thưa các vị giáo sư, các vị đại đức, các vị đồng tu!

Giảng đã hơn một năm, hôm nay có thể giảng viên mãn bộ kinh này, Thời gian giảng dài như thế đó! Hôm nay, trước khi bắt đầu giảng, tôi sẽ nhắc lại đôi chút kinh văn trong các phần trước, rồi mới giảng phần kinh văn của ngày hôm nay. Bộ kinh này là một kinh rất trọng yếu trong ba kinh Tịnh Độ. Kinh văn vừa khởi đầu, có nói phu nhân Vi Đề Hy và quốc vương gặp chuyện thái tử đại nghịch bất đạo muốn sát hại cha mẹ. Sau đây, [nỗi bi thương của phu nhân] dẫn khởi Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp cho bà. Phu nhân Vi Đề Hy liền thưa: Chúng con ở trong thế gian này rất khổ não, con cái do chính mình nuôi dạy xấu hèn như thế đó! Nghĩ ra, tâm lý của phàm nhân chẳng đều chẳng có gì là tốt đẹp. Vì thế, bà ta thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho một chỗ thanh tịnh nhất, chẳng thấy hoàn cảnh xấu hèn như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật liền nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi đức Phật nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phu nhân Vi Đề Hy thỉnh cầu: “Làm như thế nào thì mới có thể đến đó?” Đức Phật dạy bà ta: Trước hết, phải chuẩn bị tâm lý thanh tịnh, bằng cách tu ba thứ tịnh nghiệp để làm chánh nhân vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tiếp đó, đức Phật dạy phương pháp Quán Tướng Niệm Phật, gồm có tất cả mười sáu phép Quán. Vì thế, bộ kinh này còn gọi là Thập Lục Quán Kinh.

Phần trước của Thập Lục Quán Kinh nói về phép Quán Tướng Niệm Phật, dùng công phu nhập Định, có thể trong khi quán tướng trông

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

thấy hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, trong tương lai có thể vãng sanh. Kẻ bình phàm chẳng thể tu phép Quán ấy được; vì thế, sau khi nói xong phép Quán thứ mười ba, ba phép Quán kế đó là các phép Quán thứ mười bốn, thứ mười lăm và thứ mười sáu bèn dùng phương pháp khác. Dùng phương pháp gì vậy? Chính là phương pháp ba bậc chín phẩm vãng sanh. Ba bậc chín phẩm là:

- Bậc Thượng có ba phẩm, tức là người thuộc căn khí thượng đẳng, làm các thứ công đức. Dùng công đức ấy hồi hướng phát nguyện hồng được vãng sanh.

- Bậc Trung cũng có ba phẩm, cũng làm rất nhiều chuyện công đức, cũng hồi hướng phát nguyện vãng sanh.

- Cho đến ba phẩm trong bậc Hạ. Kẻ thuộc bậc Hạ làm rất nhiều chuyện ác, tạo rất nhiều ác nghiệp, làm chuyện xấu rất nhiều, nhất là Hạ Phẩm Hạ Sanh, đại tội Ngũ Nghịch Thập Ác cũng đều tạo.

Do vậy, ba phép Quán thứ mười bốn, mười lăm, và mười sáu đều là niệm Phật vãng sanh. Hai bậc Thượng và Trung là hồi hướng, bậc Hạ thuần túy là trì danh niệm Phật vãng sanh. Chúng ta liễu giải tình hình trong phần trước như thế.

Cách quán tưởng trong phần trước cũng hay lắm, cho đến phép Niệm Phật cuối cùng cũng hay, đều nói về chuyện vãng sanh. Ở Đài Trung, chúng ta học pháp môn Tịnh Độ với ân sư Tuyệt công, đây là pháp môn đặc biệt. Pháp môn thông thường thì Thiền Tông tham Thiền, Mật Tông trì chú, Thiên Thai Tông tu Chỉ Quán, Duy Thức Tông tu Duy Thức Quán v.v... đều là các pháp môn thông thường. Trong pháp môn thông thường, nhất định phải đoạn sạch sành sanh Kiến Tư Hoặc thì mới có thể thoát ly lục đạo luân hồi. Nếu có một tí Kiến Tư Hoặc còn chưa đoạn sạch, sẽ chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ Tông đặc biệt, quý vị có thể niệm Phật, niệm đến mức nhất tâm bất loạn, cũng đoạn trừ Kiến Tư Hoặc, đương nhiên là càng tốt hơn! Chẳng niệm đến mức nhất tâm bất loạn, chẳng đoạn Kiến Tư Hoặc cũng được, đó là đời nghiệp vãng sanh. Trong một đời này, chúng ta đã tạo chẳng ít chuyện xấu; dẫu đời này chúng ta chẳng làm chuyện xấu nào, nhưng đời trước cũng đã từng tạo rất nhiều ác nghiệp. Chỉ cần có ác nghiệp tồn tại, chẳng đoạn sạch Hoặc, sẽ chẳng thể liễu sanh tử. Nhưng trong pháp môn Niệm Phật, chẳng đoạn sạch [Hoặc] chẳng sao cả. Thậm chí chẳng đoạn một phẩm Hoặc nào cũng chẳng sao, đời nghiệp vãng sanh, cậy vào Phật hiệu A Di Đà Phật để mang nghiệp

sang thế giới Cực Lạc. Hễ đến nơi đó, tất nhiên là sẽ có thể đoạn. Đây là pháp môn đặc biệt. Chúng ta hãy nhớ lại những ý nghĩa chánh yếu của bộ kinh này đã nói trong phần trước; sau đây, xem phần kinh văn hôm nay. Tôi đọc trước một đoạn kinh văn.

IV.2.3. Kết luận về lợi ích thù thắng

(Kinh) Thuyết thị ngữ thời, Vi Đề Hy, dữ ngũ bách thị nữ, văn Phật sở thuyết, ứng thời tức kiến Cực Lạc thế giới quảng trường chi tướng, đắc kiến Phật thân, cập nhị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, thán vị tăng hữu, hoát nhiên đại ngộ, đắc Vô Sanh Nhân. Ngũ bách thị nữ, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, nguyện sanh bỉ quốc. Thế Tôn tất ký, giai đương vãng sanh, sanh bỉ quốc dĩ, hoạch đắc Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, vô lượng chư thiên, phát vô thượng đạo tâm.

(經)說是語時，韋提希，與五百侍女，聞佛所說，應時即見極樂世界廣長之相。得見佛身，及二菩薩。心生歡喜，歎未曾有。豁然大悟，逮無生忍。五百侍女，發阿耨多羅三藐三菩提心，願生彼國。世尊悉記，皆當往生。生彼國已，獲得諸佛現前三昧。無量諸天，發無上道心。

(Kinh: Nói lời ấy xong, Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ, nghe lời Phật dạy, ngay lập tức thấy tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc, được thấy thân Phật và hai vị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, khen ngợi là chưa từng có, hoát nhiên đại ngộ, đạt đến Vô Sanh Nhân. Năm trăm thị nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện sanh về cõi ấy. Đức Thế Tôn thọ ký họ đều được vãng sanh. Đã sanh về cõi ấy, đạt được Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Vô lượng chư thiên phát vô thượng đạo tâm).

Thông thường, kinh Phật được chia thành ba phần lớn: Phần thứ nhất là Tự Phần, phần thứ hai là Chánh Tông Phần, phần giữa này là quan trọng nhất. Chánh Tông Phần của Thập Lục Quán Kinh có ba phần: Trước hết, nói về ba thứ tịnh nghiệp, tức là điều kiện ắt phải có đủ để vãng sanh. Phần thứ hai tiếp theo là mười sáu phép Quán, tổng cộng

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

mười sáu phép Quán. Cuối cùng nói đến lợi ích và những điều tốt đẹp đạt được từ mười sáu phép Quán. Đoạn vừa mới niệm chính là phần thứ ba của Chánh Tông Phần, nói đến lợi ích sẽ đạt được do nghiên cứu bộ kinh này và vận dụng công phu.

“*Thuyết thị ngữ thời*”: Khi Thích Ca Mâu Ni Phật nói những lời này, nói những lời gì? Chính là ba thứ tịnh nghiệp cùng với mười sáu phép Quán. Khi giảng xong mười sáu phép Quán, “*Vi Đề Hy dữ ngũ bách thị nữ*” (bà Vi Đề Hy và năm trăm nàng hầu), Vi Đề Hy là phu nhân của quốc vương. Tuy gặp cảnh ngộ đưa con hại bà, nhưng còn có năm trăm thị nữ tùy tùng cùng nghe đức Phật giảng giải phương pháp và đạo lý. “*Văn Phật sở thuyết*”: Sau khi họ nghe đức Phật giảng sự lý, “*ứng thời tức kiến thế giới Cực Lạc quảng trường chi tướng*”, “*ứng thời*” (應時) là ngay lập tức, lúc ấy, phu nhân Vi Đề Hy cùng với năm trăm thị nữ chính mắt trông thấy tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc. Tướng ấy rộng như thế nào? Lớn như thế nào? Từ kinh văn ở phía trước, chúng ta có thể tưởng tượng từng gốc cây, từng phiến lá trong thế giới Cực Lạc. Hãy ngắm xem: Một phiến lá trong thế giới Cực Lạc còn to hơn quả địa cầu, huống hồ một cái cây sẽ to cỡ nào? Hoa sen trong ao bảy báu, mỗi cánh hoa to cỡ nào? Vì thế, do nghiên cứu kinh văn trong phần trước, chúng ta đã biết, tâm chúng ta dựa theo kinh văn để suy tưởng, [ắt sẽ nhận ra]: Thế giới Cực Lạc quá to! Toàn thể quả địa cầu bỏ trong một cánh của một đóa sen nhỏ trong thế giới Cực Lạc vẫn chẳng thấy đâu cả! Thế giới này quá nhỏ bé! Phu nhân Vi Đề Hy cùng với năm trăm thị nữ trông thấy tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc. Đây là hoàn cảnh y báo. “*Đắc kiến Phật thân*”: Trông thấy A Di Đà Phật. Trong phần trước, phu nhân Vi Đề Hy cũng thấy A Di Đà Phật, nhưng đây là nhờ sức của Thích Ca Mâu Ni Phật, cây vào sức của đức Phật khiến cho phu nhân Vi Đề Hy trông thấy. Khi ấy, sau khi phu nhân Vi Đề Hy nghe đức Phật giảng xong mười sáu phép Quán, bà ta vừa nghe vừa dụng công. Đây là bậc trí huệ thượng đẳng. Do đó, vừa nghe xong, công phu cũng đạt được, tự mình trông thấy đại thân (Báo Thân) của A Di Đà Phật, “*cập nhị Bồ Tát*”, còn có hai vị Bồ Tát, tức Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát, “*tâm sanh hoan hỷ*”, “*thán vị tăng hữu*” [nghĩa là] cảm thán “chưa hề thấy hoàn cảnh tốt đẹp ngàn ấy!” Cho đến lúc ấy, chưa hề thấy A Di Đà Phật và hai vị Bồ Tát như vậy. Ngay khi đó, “*hoát nhiên đại ngộ*”, tâm hoàn toàn lãnh ngộ Lý, thật sự đại triệt đại ngộ. “*Đãi Vô Sanh Nhẫn*” là

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

đạt được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trong phần trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo bà ta hãy khéo nghe, khéo học, học thành công bèn có thể đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Quả nhiên, nghe xong mười sáu phép Quán, bà ta đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đoạn này nói: Phu nhân Vi Đề Hy đã đắc Vô Sanh Nhẫn.

Trong đoạn kinh văn này, chúng ta phải chú ý: Phu nhân Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ có thể thấy thế giới Cực Lạc, thấy A Di Đà Phật cùng với hai vị đại Bồ Tát là vì đạo lý nào vậy? Vì sao bọn phàm nhân chúng ta chẳng thấy? Lũ phàm phu tầm thường chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối trong tâm suy nghĩ chẳng ngoài những chuyện ta và người trong thế gian, hoặc là [so đo] kẻ này có lỗi với ta, hoặc chuyện thị phi giữa ta và người khác, hoặc tham cầu vật dụng trong thế gian, tiền tài, quyền lực, địa vị v.v... Tư tưởng trong tâm kẻ bình phàm chẳng suy tưởng ra ngoài những chuyện ấy. Nói theo Phật pháp, những chuyện ấy đều là pháp sanh diệt. Đại hoàng đế thời cổ hoặc đại tổng thống trong hiện thời, có quyền lực và vị trí rất cao. Lúc chưa đạt được thì mong đạt được. Sau khi đã đạt được, lại sợ mất mát, sợ bị người khác đoạt mất. [Suy nghĩ] chẳng ngoài những chuyện ấy. Tư tưởng và tâm lý của mỗi người dùng hết vào những thứ ấy, làm cách nào cũng chẳng trông thấy cảnh giới rất tốt đẹp nào khác! Bởi lẽ, phu nhân Vi Đề Hy bị những nỗi khổ kích ấy, con ruột của chính mình toan sát hại mình, bị khổ kích lớn nhất, cũng nghĩ đến hết thấy mọi chuyện trong thế gian đều là giả, đều chẳng đáng tin cậy! Vì thế, bà ta có thể tập trung tinh thần, có thể có định lực để chuyên tâm nhất trí nghe đức Phật giảng pháp. Kết quả là sau khi nghe xong, bà ta có thể chính mắt thấy thế giới Cực Lạc. Do vậy, chúng ta cũng có thể biết: Một người mong thành tựu trong tu đạo, tư tưởng nhất định phải đơn thuần hóa, chớ nên quá phức tạp, mong thứ này, muốn thứ kia, tham luyến đủ thứ lợi ích trong thế gian! Danh và lợi đều chẳng cần nữa! Càng tham luyến danh lợi thế gian, càng chẳng có cách nào trông thấy cảnh giới thanh tịnh, cảnh giới tốt đẹp. Đây là một nguyên nhân. Người tu đạo nhất định phải tận hết sức trừ bỏ, đào thải những tư tưởng phức tạp, phải chuyên tâm! Trước khi giảng mười sáu phép Quán, trước hết, đức Phật dạy ba thứ tịnh nghiệp, phải thanh tịnh!

“Hoát nhiên đại ngộ, đắc Vô Sanh Nhẫn”: Cái tâm của bọn phàm nhân chúng ta chẳng rộng rãi, tâm toàn là bế tắc. Vì sao bế tắc? Toàn là bị tư tưởng phức tạp trong thế gian khiến cho tâm linh bế tắc. Bà ta vừa nghe đức Phật giảng pháp, tâm linh rộng mở, rộng rãi, ngộ gì? Ngộ tâm tánh mà chính mình vốn có, ngộ hết thấy các pháp trong thế

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

gian thoát sanh thoát diệt. Sau khi đã sanh liền diệt, thiên nhiên cũng thế, mà nhân gian cũng thế, hết thấy mọi chuyện đều là sanh sanh diệt diệt vô thường. Có sanh, tất nhiên có diệt. Đây là đạo lý nhất định. Đắc Vô Sanh Nhân, sẽ biết hết thấy các pháp trong thế gian đều là pháp sanh diệt, đều là giả. Vô Sanh Pháp là bất sanh, bất diệt. Tuy chúng ta ở trong thế gian sanh diệt, nếu thấy rõ ràng, có thể trực tiếp liễu giải, chứng cảnh giới Vô Sanh (bất sanh, bất diệt), sẽ có thể giải thoát sanh tử luân hồi, thoát ly lục đạo luân hồi. Đó gọi là Vô Sanh Pháp Nhân.

Kể đó, “*ngũ bách thị nữ*” (năm trăm nàng hầu) bèn “*phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm*”. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là tiếng Phạn, là danh xưng trong tiếng Cổ Ấn Độ, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng chính là Phật. [“*Phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm*”] chính là phát tâm thành Phật. “*Nguyện sanh bỉ quốc*”, sau khi đã phát tâm thành Phật, ở ngay trong thế gian này tu thành Phật là được rồi! Chúng ta tu trong thế gian này quá khó khăn! Ất phải phát nguyện sanh về cõi kia (tức thế giới Cực Lạc). Đến thế giới Cực Lạc để tu hành, [sẽ thành tựu] hết sức mau chóng. Do vậy, phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. “*Thế Tôn tất ký, giai đương vãng sanh*”: Thích Ca Mâu Ni Phật bèn thọ ký cho năm trăm thị nữ, thọ ký mỗi người trong bọn họ sẽ đều vãng sanh. Trong tương lai, khi thọ mạng đã hết, sẽ đều có thể sanh về thế giới Cực Lạc. “*Sanh bỉ quốc dĩ*”: Sau khi đã sanh vào thế giới Cực Lạc, “*hoạch đắc Chư Phật Hiện Tiền tam-muội*”, đều có thể ở trước chư Phật, chủ yếu là ở trước Thích Ca Mâu Ni Phật, ngay lập tức chứng đắc tam-muội (tức đại định). “*Vô lượng chư thiên, phát vô thượng đạo tâm*”: Ngoài năm trăm thị nữ phát tâm thành Phật ra, còn có vô lượng chư thiên. Vô lượng chư thiên đến đây như thế nào? Khi Thích Ca Mâu Ni Phật đến vương cung để thuyết pháp cho phu nhân Vi Đề Hy, còn có vô lượng chư thiên theo đến nghe pháp. Nghe đến lúc ấy, trông thấy phu nhân Vi Đề Hy đích thân nhìn thấy thế giới Cực Lạc, cũng như đắc Vô Sanh Nhân. Lại thấy năm trăm thị nữ đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mong sanh về thế giới Cực Lạc. Vì thế, vô lượng chư thiên (“*vô lượng*” là số lượng quá nhiều, chẳng biết rõ số) đồng thời đều phát vô thượng đạo tâm, cũng là cái tâm thành Phật. Đoạn này nói về sự lợi ích đạt được do học bộ kinh này.

IV.3. Lưu Thông Phần

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Ba phần lớn của Chánh Tông Phần đã nói xong, phần kế đó chính là Lưu Thông Phần của bộ kinh này. Phía trước là Tự Phần, chính giữa là Chánh Tông Phần, phần sau là Lưu Thông Phần. Lưu Thông Phần: “*Lưu*” (流) là giống như nước chảy thành dòng; Thông (通) là thông đạt. Đây là nói tỷ dụ. Đức Phật giảng pháp, không chỉ là khiến cho người ngay trong thuở đó đạt được những điều tốt đẹp, mà còn khiến cho mọi người ở các nơi trong đời sau đều đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Do vậy, phải truyền bá Phật pháp, điều ấy được gọi là “*lưu thông*”. Dưới đây sẽ nói về phần Lưu Thông Phần, Phần (分) là bộ phận, bộ phận lưu thông này!

Lưu Thông Phần của bộ kinh này khá đặc biệt một chút, gồm hai bộ phận: Một bộ phận do Thích Ca Mâu Ni Phật nói trong vương cung; bộ phận kia là sau khi đã giảng trong vương cung xong, đức Phật trở về núi Linh Thứu, cũng là Linh Sơn. Sau khi đã về tới Linh Sơn, tôn giả A Nan là người đã theo Thích Ca Mâu Ni Phật đến vương cung, bèn nhắc lại pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong vương cung một lượt. Do vậy, phần thứ hai của Lưu Thông Phần được nói tại Linh Sơn.

Trước hết, nói đến Lưu Thông Phần tại hoàng cung:

(Kinh) Nhĩ thời A Nan, tức tùng tọa khởi, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh? Thử pháp chi yếu, đương vân hà thọ trì?” Phật cáo A Nan: “Thử kinh danh Quán Cực Lạc Quốc Độ, Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát. Diệc danh Tịnh Trụ Nghiệp Chương, Sanh Chư Phật Tiền. Nhữ đương thọ trì, vô linh vong thất”.

(經)爾時阿難，即從座起，白佛言：世尊，當何名此經？此法之要，當云何受持？佛告阿難：此經名觀極樂國土，無量壽佛，觀世音菩薩，大勢至菩薩。亦名淨除業障，生諸佛前。汝當受持，無令忘失。

(Kinh: Lúc bấy giờ, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch với Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này là gì? Hãy nên thọ trì chỗ trọng yếu trong pháp này như thế nào?” Đức Phật bảo A Nan: “Kinh này gọi là Quán Cực Lạc Quốc Độ, Vô Lượng Thọ Phật, Quán

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát. Cũng gọi là Tịnh Trừ Nghiệp Chướng, Sanh Chư Phật Tiên. Ông hãy nên thọ trì, đừng để quên mất”).

“*Nhĩ thời*”, ngay sau lúc vừa nói trên đây, “*A Nan tức tùng tòa khởi*”: Tôn giả A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, “*bạch Phật ngôn*”, thưa bẩm cùng Phật, hỏi Phật. “*Thế Tôn*”: Thế Tôn là một hiệu của Thích Ca Mâu Ni Phật.

“*Đương hà danh thử kinh?*” Tôn giả A Nan hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, bộ kinh này phải đặt tên là gì? Ngoài ra, còn hỏi “*thử pháp chi yếu*” tức mười sáu phương pháp Quán, “*đương vân hà thọ trì?*” hãy nên học tập như thế nào? “*Phật cáo A Nan*”, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả A Nan: “*Thử kinh danh Quán Cực Lạc Quốc Độ, Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát*”, danh xưng này khá dài, dựa theo ý nghĩa được giảng trong kinh. Trước hết là quán cõi nước Cực Lạc, vì mười sáu phép Quán khởi đầu bằng quán hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế nói là “*quán tưởng Cực Lạc quốc độ*”. Kế đó, quán Tây Phương Tam Thánh, tức Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát. Đây là danh xưng do Thích Ca Mâu Ni Phật đặt cho bộ kinh này. Ngoài danh xưng ấy ra, “*diệt danh Tịnh Trừ Nghiệp Chướng, Sanh Chư Phật Tiên*”, lại còn có thể gọi là Tịnh Trừ Nghiệp Chướng, Sanh Chư Phật Tiên. Vì muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc để thấy Tây Phương Tam Thánh, ắt phải diệt trừ rất nhiều tội nghiệp và chướng ngại của chính mình. Bộ kinh này trừ nghiệp chướng, dùng các thứ tịnh nghiệp do chính mình đã tu để diệt trừ rất nhiều tội nghiệp chướng ngại của chính mình. Nếu là như vậy thì sẽ có thể sanh trước chư Phật. Đây là danh xưng thứ hai.

“*Nhữ đương thọ trì, vô linh vong thất*” (Ông hãy nên thọ trì, chớ để quên mất). Trả lời câu hỏi “*thọ trì như thế nào*” của tôn giả A Nan. Quý vị chớ nên quên bẵng, hãy chiếu theo phương pháp đã được nghe để học. “*Thọ*” (受) là tiếp nhận, “*trì*” (持) là chớ nên quên bẵng, phải một mực tu tập. Đây là lời đáp cho câu hỏi thứ hai.

Dưới đây là lợi ích do thọ trì.

(Kinh) Hành thử tam muội giả, hiện thân đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập nhị đại sĩ. Nhược thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, dẫn văn Phật danh, nhị Bồ Tát danh, trừ vô lượng kiếp sanh tử chi tội, hà hưởng ức niệm! Nhược niệm Phật giả, đương trì thử nhân, tác thị

nhân trung Phân Đà Lợi hoa, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, vị kỳ thắng hữu, đương tọa đạo tràng, sanh chư Phật gia.

(經)行此三昧者，現身得見無量壽佛，及二大士。若善男子，及善女人，但聞佛名，二菩薩名，除無量劫生死之罪，何況憶念。若念佛者，當知此人，則是人中分陀利華。觀世音菩薩，大勢至菩薩，為其勝友。當坐道場，生諸佛家。

(Kinh: Người hành tam-muội này, nơi thân hiện tại được thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị đại sĩ. Nếu thiện nam tử và thiện nữ nhân chỉ nghe danh hiệu Phật và danh hiệu hai vị Bồ Tát, sẽ trừ tội sanh tử trong vô lượng kiếp, hưởng hồ ức niệm! Nếu là người niệm Phật, hãy nên biết người ấy là hoa sen trắng trong loài người. Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát là bạn thù thắng của người ấy, sẽ ngồi đạo tràng, sanh trong nhà chư Phật).

Đoạn này nói đến những điều tốt đẹp do tu tam-muội. Tu phương pháp Quán Tưởng Niệm Phật, đương nhiên là đắc tam-muội. “Hành thử tam-muội giả”, chiếu theo như thế để tu hành, “hiện thân đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập nhị đại sĩ”, nơi thân hiện tại có thể trông thấy A Di Đà Phật, và đại Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí trong thế giới Cực Lạc. Có lợi ích như vậy đó! Trông thấy đức Phật và hai vị đại Bồ Tát lại có lợi ích gì? Nay chúng ta niệm Phật, rất khó bảo đảm chẳng thoái chuyển. Niệm tới, niệm lui, hễ gặp chuyện chẳng vừa ý, chuyện chẳng thoải mái, trong tâm liền biến chuyển, ngã lòng. Niệm Phật đã lâu như thế, có sao vẫn gặp những chuyện chẳng vừa ý ấy? Chẳng đủ tín tâm, chẳng đủ nguyện lực. Thật sự thấy A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, tuyệt diệu thay! Tín tâm sẽ tuyệt đối chẳng lui sụt! Bất quá, ở đây, chúng ta mừng rỡ, may mắn là có tổ sư Ấn Quang (tổ Ấn Quang là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai). Chúng ta gián tiếp, chẳng trực tiếp gặp tổ sư Ấn Quang. Thầy chúng ta đã trực tiếp gặp gỡ tổ sư Ấn Quang, là đệ tử của tổ sư Ấn Quang. Chúng ta có tín tâm kiên cố đối với pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật, đây là chỗ đáng mừng rỡ, may mắn của chúng ta. Hành Niệm Phật tam-muội, nơi thân hiện tại có thể thấy Phật, Bồ Tát. Công phu tốt đẹp sẽ ngay lập tức trông thấy.

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

“*Nhược thiện nam tử, cập thiện nữ nhân*”, bất luận nam chúng hoặc nữ chúng, “*đản văn Phật danh, nhị Bồ Tát danh*”, chỉ cần nghe danh hiệu A Di Đà Phật và danh hiệu của hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, “*trừ vô lượng kiếp sanh tử chi tội*”, có thể diệt trừ tội sanh tử trong vô lượng kiếp. Thời gian vô lượng kiếp quá dài, chúng ta suốt một đời dốc sức làm chuyện tội ác, mỗi tội ác là một phen sanh tử. Đời đời kiếp kiếp tạo tác, tích lũy, tạo tội nghiệp trong thời gian vô lượng kiếp dài lâu như vậy, quý vị chỉ cần nghe danh hiệu Phật và danh hiệu của hai vị Bồ Tát, sẽ có thể diệt trừ tội nghiệp. “*Hà huống ức niệm*” (Huống chi ức niệm). Chúng ta ức Phật, niệm Phật, kể cả Quán Tượng Niệm Phật trong phân trước cùng với Trì Danh Niệm Phật, sẽ có công hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Ở đây, chúng ta phải liễu giải “*ức niệm*”! Mười ba phép Quán đầu tiên trong mười sáu phép Quán đều phải dựa theo phương pháp nhất định, còn phải có thiện tri thức chỉ dạy thì mới có thể vận dụng công phu. Chúng ta là hạng người căn khí bậc trung, sống trong thời đại công thương nghiệp hiện thời, mọi người công việc bận bịu, há có thời gian nhiều ngàn ấy để ngồi một chỗ nhập Định quán tưởng? Đó là chuyện chẳng thể làm được! Hễ có đôi chút sai sót, sẽ chẳng thể quán được, mà còn bị hại, chúng ta chẳng có cách nào. Không chỉ là hiện thời chẳng làm được, mà ngay trong thuở ấy cũng rất khó khăn. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật nói ba phép Quán thứ mười bốn, mười lăm, và mười sáu nhằm dạy mọi người tu Trì Danh Niệm Phật. Hơn nữa, kể vãng sanh trong phép Quán thứ mười sáu là kẻ tạo ác nghiệp, đều là lúc lâm chung, gập gờ thiện tri thức chỉ dạy người ấy pháp môn Niệm Phật, tức Trì Danh Niệm Phật. Mỗi một câu niệm Phật diệt trừ bao nhiêu là tội! Từ chỗ này, có thể thấy Trì Danh Niệm Phật, tức trì một câu danh hiệu A Di Đà Phật, đích xác là có sức công hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta liễu giải tầng ý nghĩa này. Bất luận chúng ta là căn khí như thế nào (giả sử chúng ta là căn khí thượng đẳng đi nữa! Thật ra, chẳng phải vậy). Giả thiết chúng ta là căn khí thượng đẳng, nếu tu theo những [pháp quán tưởng] trên đây, vẫn phải hao công tốn sức mới tu tập tốt đẹp được. Nếu chúng ta chẳng tu phương pháp ấy, chỉ có trì danh niệm Phật, sẽ thông dong cỡ nào! Học nhanh chóng hơn! Người căn khí hạ đẳng có thể tu tập tốt đẹp, người căn khí thượng đẳng tu hành càng tốt hơn, mau lẹ hơn! Chúng ta nghiên cứu mười sáu phép Quán cho đến hiện thời đã có thể lãnh ngộ đạo lý này. Vì thế, cuối cùng, tổ sư bảo: Bản ý của Thích Ca Mâu Ni Phật là dạy chúng ta thật thà học Trì Danh

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

Niệm Phật. Niệm danh hiệu A Di Đà Phật đáng tin cậy nhất, mà hiệu quả cũng tốt nhất.

“*Nhược niệm Phật gia*”, nếu là người chịu niệm Phật, “*đương tri thử nhân, tác thị nhân trung Phân Đà Lợi hoa*”: Một người chịu niệm Phật, lại còn có thể thật thà trì danh niệm Phật, hãy nên biết người ấy là hoa Phân Đà Lợi trong loài người! Phân Đà Lợi Hoa (Pundarika pushpa) là từ ngữ Ấn Độ, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Bạch Sắc Liên Hoa. Hoa sen có các thứ màu sắc, hoa sen trắng là loại hoa sen đẹp nhất, dùng chuyện này để hình dung người ấy. Mỗi người chúng ta học Phật cũng chẳng dễ dàng. Hãy ngắm xem, người trên toàn thế giới đông đảo ngàn ấy, người học Phật chẳng thấm vào đâu! Trong những người học Phật, người có thể học Niệm Phật lại chẳng thấm vào đâu! Thật sự có thể hiểu ưu điểm của pháp Niệm Phật, chịu thật thà niệm Phật, đức Phật nói người ấy là hoa Phân Đà Lợi trong loài người, là người tối thượng đứng trong loài người, là người có thiện căn nhất. Người thông minh nhất mới bằng lòng niệm Phật, đạt được lợi ích cũng là lớn nhất. Vì sao lớn nhất? Học pháp môn bình thường, chứng quả La Hán (Tiểu Thừa), phải trải qua bảy phen sanh tử trong cõi trời và nhân gian mới có thể thành tựu, mới có thể thoát ly lục đạo luân hồi. Thành một vị Phật, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đó là thời gian chẳng biết rõ số! Học pháp môn Niệm Phật, có thể đời nghiệp vãng sanh trong một đời này. Hễ vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ có thể thành Phật rất nhanh, mau chóng như thế đó! Ưu điểm cũng đặc biệt. Nếu có thể như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật nói [người ấy] chính là hoa Phân Đà Lợi trong loài người, khó có nhất!

Sau khi đã sanh vào thế giới Cực Lạc, “*Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát*” hai vị đại Bồ Tát ấy “*vị kỳ thắng hữu*” [nghĩa là] làm bạn bè của người vãng sanh. Thắng hữu lỗi lạc thay! Trong thế gian này, chúng ta mong có được một vị chánh nhân quân tử làm bạn bè cũng rất khó có. Hiện thời, tìm một vị chánh nhân quân tử làm bằng hữu, chẳng dễ gì tìm được! Huống hồ gặp gỡ hai vị đại Bồ Tát ấy. Hai vị đại Bồ Tát ấy đều là Đẳng Giác Bồ Tát, giống như đã thành Phật, cùng các Ngài làm bạn bè, thù thắng dường ấy! “*Đương tọa đạo tràng*” (Sẽ ngồi đạo tràng), trong tương lai, nhất định là có thể thành Phật. Tuy còn chưa thành Phật, nhưng hễ sanh vào thế giới Cực Lạc, sẽ giống như “*sanh chư Phật gia*”, [nghĩa là] đã sanh vào nhà của Phật. Đây là đại lợi ích khôn sánh!

Đoạn thứ ba, đức Phật bảo A Nan thọ trì như thế nào:

(Kinh) Phật cáo A Nan, nữ hảo trì thị ngữ. Trì thị ngữ giả, tức thị trì Vô Lượng Thọ Phật danh.

(經)佛告阿難，汝好持是語。持是語者，即是持無量壽佛名。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: “Ông hãy khéo trì lời này! Trì lời này chính là trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật”).

“*Phật cáo A Nan, nữ hảo trì thị ngữ*”, đức Phật bảo tôn giả A Nan, ông hãy khéo trì. “*Trì*” là chấp trì, như một người tay cầm thứ gì đó chẳng buông! Đã được nghe phương pháp như vậy, đối với lời Phật dạy, quý vị hãy khéo gìn giữ, chớ nên buông bỏ. “*Trì thị ngữ giả*”, làm theo đúng như ngôn ngữ và pháp trên đây, “*tức thị trì Vô Lượng Thọ Phật danh*”, sẽ giống như chấp trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật (A Di Đà Phật).

Lại giải thích hai câu này đôi chút, vì sao “*trì thị ngữ giả*” chính là trì danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật? Những lời giảng dạy trong phần trước nhằm dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật. Niệm Phật [trong phần trước] bao gồm quán tưởng, hồi hướng, phát nguyện vãng sanh, cùng với pháp Trì Danh cuối cùng, đều là nói về phương pháp. Chúng ta đã hiểu phương pháp trong phần trước. Trong ấy, quan trọng nhất là lý luận và đạo lý. Đạo lý “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*” cao vô cùng! Hoàn toàn nói theo tâm pháp. Đã hiểu đạo lý, hiểu rõ sự thật, đối với một câu danh hiệu A Di Đà Phật, hễ chúng ta thọ trì, toàn bộ đạo lý đều được bao gồm trong ấy. Nếu không, chúng ta nghiên cứu kinh để làm gì? Trì Danh Niệm Phật là được rồi! Nghiên cứu để hiểu chuyện; sau khi đã hiểu đạo lý, hễ một câu Phật hiệu dấy lên, phân lượng sẽ khác hẳn! Sức công hiệu to lớn khôn cùng! Ví như chúng ta có phiền não, mà chẳng hiểu đạo lý, chúng ta niệm Phật, phiền não đưa tới, Phật hiệu chẳng thể chèn ép được! Đã hiểu đạo lý, hiểu Phật hiệu có sức mạnh to lớn dường ấy (sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn). Vừa dấy lên Phật hiệu, phiền não dẫu nhiều đến mấy đều lập tức bị giã xuống. Hiểu đạo lý trong kinh sẽ có lợi ích to tát ngàn ấy! Vì thế, sau khi chúng ta đã hiểu những lời này, sẽ biết “*trì thị ngữ giả, tức thị trì Vô Lượng Thọ Phật danh*”, chúng ta trì một câu danh hiệu, tất cả đạo lý đều được bao gồm trong ấy. Ý nghĩa là như vậy. Đức Phật bảo tôn giả A Nan trì những lời ấy, cũng nhằm dạy

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

chúng ta là những kẻ học bộ kinh này phải chấp trì, thông hiểu lý ấy như vậy.

Trong đoạn kinh văn dưới đây, các vị đệ tử Phật nghe lời ấy rồi, đều phát tâm hoan hỷ.

(Kinh) Phật thuyết thử ngữ thời, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan, cập Vi Đề Hy đẳng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ.

(經)佛說此語時，尊者目犍連，尊者阿難，及韋提希等，聞佛所說，皆大歡喜。

(Kinh: Khi đức Phật nói lời ấy, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan và Vi Đề Hy v.v... nghe lời đức Phật dạy đều đại hoan hỷ).

Trong Tự Phần ở đằng trước, [kinh văn] đã nói: Khi phu nhân Vi Đề Hy bị con trai giam kín, hai vị tôn giả ấy theo Phật đến thuyết pháp cho họ (tức phu nhân và các thị nữ), cho nên khi nói tới Lưu Thông Phần, cũng nhắc tới hai vị ấy. “Phật thuyết thử ngữ thời”, khi Thích Ca Mâu Ni Phật nói những lời ấy, “tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan, cập Vi Đề Hy đẳng”: Hai vị tôn giả Mục Kiền Liên và A Nan cùng với phu nhân Vi Đề Hy, chữ “đẳng” (等) bao gồm những người khác. “Văn Phật sở thuyết”, nghe pháp do đức Phật đã nói “giai đại hoan hỷ”, ai nấy đều phát tâm đại hoan hỷ.

Đoạn trên đây là lưu thông trong vương cung, trong đoạn sau đây:

(Kinh) Nhĩ thời Thế Tôn, túc bộ hư không, hoàn Kỳ Xà Quạt sơn. Nhĩ thời A Nan, quảng vị đại chúng, thuyết như thượng sự. Vô lượng chư thiên, long, quý, dạ-xoa, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, lễ Phật nhi thoái.

(經)爾時世尊，足步虛空，還耆闍崛山。爾時阿難，廣為大眾，說如上事。無量諸天、龍、鬼、夜叉，聞佛所說，皆大歡喜，禮佛而退。

(Kinh: Khi ấy, đức Thế Tôn liền bước lên hư không, trở về núi Kỳ Xà Quạt. Lúc đó, ngài A Nan rộng vì đại chúng nói chuyện trên đây. Vô lượng chư thiên, rồng, quý, dạ-xoa nghe lời Phật dạy đều đại hoan hỷ, lễ Phật lui ra).

Đây là phần lưu thông tại núi Kỳ Xà Quạt, là đoạn cuối cùng. Trong Tự Phần ở đằng trước, có nói đức Phật từ núi Kỳ Xà Quạt biến mất, xuất hiện trong vương cung. Ngài đến như thế, chẳng có mảy may hình tích, nay trở về núi Kỳ Xà Quạt. “*Nhĩ thời Thế Tôn, túc bộ hư không*”, “*túc*” (足) là chân, [đức Phật] bước lên hư không mà đi. Chúng ta đi thì nhất định phải đi trên mặt đất, đức Phật có thần thông. Lúc ấy, Ngài từ hư không trung trở về. “*Hoàn Kỳ Xà Quạt sơn*”, núi Kỳ Xà Quạt là núi Linh Thú, trở lại đạo tràng trên núi. “*Nhĩ thời A Nan, quang vị đại chúng*”, lúc ấy, tôn giả A Nan bèn vì các đệ tử Phật ở Linh Sơn, đem mười sáu phép Quán do đức Phật đã giảng trong vương cung, “*thuyết như thượng sự*”, thuật lại toàn thể những chuyện trên đây. Tôn giả A Nan lỗi lạc thay! Nói một mực từ đầu đến cuối. Sau khi Ngài đã nói xong, “*vô lượng chư thiên, long, quý, dạ-xoa*”, vô lượng chư thiên, long, quý, dạ-xoa v.v... ở trên núi Kỳ Xà Quạt, “*văn Phật sở thuyết*”, vì sao [kinh chép] là nghe lời đức Phật nói? Những điều tôn giả A Nan đã nói, đều là lời Phật dạy. Đại chúng ở núi Kỳ Xà Quạt [nghe ngài A Nan trùng tuyên] cũng giống như nghe chính đức Phật nói, nên là “*văn Phật sở thuyết*”. “*Giai đại hoan hỷ*”, mọi người lại đều hết sức hoan hỷ. Sau đây, “*lễ Phật nhi khứ*”, mọi người đều tuân theo lễ tiết lạy Phật. Sau khi lạy xong, giải tán. Sau khi đã lui về, mọi người đều chiếu theo pháp môn này để học.

Chúng ta học bộ kinh này cũng phải phát tâm hoan hỷ; vì sao phát tâm hoan hỷ? Tôi nghĩ các vị đều có cùng cảm tưởng: Chúng ta có được pháp này, giả sử có người đến khuyên quý vị: “Chớ nên học pháp này, ta để cho người làm đại hoàng đế, hoặc là cho người làm đại tổng thống suốt đời, chẳng cần đến pháp môn này”. Ta thà nguyện học pháp môn này, chẳng muốn làm đại tổng thống. Vì sao? Đại tổng thống cũng thế, mà làm hoàng đế cũng thế, tới khi thọ mạng chấm dứt, đáng phải chết như thế nào liền chết ngắc như thế ấy! Đời mỗi người chúng ta chẳng thể giải quyết vấn đề sanh tử! Có được pháp môn này, đối với vấn đề chẳng thể giải quyết từ vô thủy kiếp đến nay, sẽ có thể giải quyết trong trong thời gian thọ mạng ngắn ngủi này, loại danh lợi kia há có thể sánh bằng ư? Do vậy, chúng ta được gặp gỡ pháp khó gặp như vậy, lẽ nào chẳng phát tâm hoan hỷ? Vì thế, mọi người chúng ta đều phải phát tâm hoan hỷ, một câu danh hiệu A Di Đà Phật ngàn muôn phần đừng buông bỏ, vẫn cứ một mực niệm xuyên suốt! Bộ kinh này giảng đến đây là viên mãn!

Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Giảng Ký

**Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh
Giảng Ký hết**

“Hoan nghênh ấn tống – công đức vô lượng”